

**A DI ĐÀ KINH SỚ SAO
DIỄN NGHĨA
QUYỂN III**

**Liên Trì đại sư chùa Vân Khê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa**

阿彌陀經疏鈔演義

卷三

明古杭雲棲寺沙門株宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Quyển III

阿彌陀經疏鈔演義

卷三

明古杭雲棲寺沙門株宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán

Thời gian: Tháng 12 năm 1984

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Tập 61

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi một.

(Sớ) Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh vân: “Bồ Tát liễu tri chư Phật, cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhân, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc Tịnh Phật độ trung”.

(疏) 如來不思議境界經云：菩薩了知諸佛，及一切法，皆唯心量，得隨順忍，或入初地，捨身速生妙喜世界，極樂淨佛土中。

(*Sớ*: Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh chép: “Bồ Tát biết rõ chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng, đặc Tùy Thuận Nhân, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân sẽ mau chóng sanh vào thế giới Diệu Hỷ, cõi Phật thanh tịnh Cực Lạc”).

Ở chỗ này, đại sư trích dẫn kinh để chứng minh: “Bồ Tát liễu tri chư Phật, cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng” (Bồ Tát biết rõ chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng). Câu này được sách Diễn Nghĩa chú giải [trong phần sau]. “*Thật sự liễu tri*”, thông thường chúng ta nói có hai loại: Một là giải ngộ, hai là chứng ngộ; liễu tri thuộc về chứng ngộ, cảnh giới này do người ấy đích thân chứng đắc. Cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên là cảnh giới Hiện Lượng, chứ không phải Tỷ Lượng¹. Kinh điển Đại Thừa thù thắng hơn kinh Tiểu Thừa rất nhiều, trong kinh điển Tiểu Thừa có những Sự và Lý đức Phật không bàn đến, cho nên người Tiểu Thừa không hiểu. Trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật chỉ nói thức thứ sáu, còn thức thứ bảy và thức thứ tám thì chỉ trong Đại Thừa Phật pháp, đức Phật mới thường nói đến. Chúng ta đọc tụng kinh điển Đại Thừa hiểu rõ những đạo lý ấy, chúng ta cũng tin tưởng. Khi chúng ta còn chưa chứng đắc cảnh giới ấy thì gọi là “*giải ngộ*”, tức là chúng ta lý giải. Giải ngộ cũng có ích rất lớn, vì sao? Những điều ấy là phương hướng dẫn dắt chúng ta tu hành. Thanh Lương đại sư chia kinh Hoa Nghiêm thành bốn khoa: Tín, Giải, Hành, Chứng. Dù thấy trong kinh Hoa Nghiêm, “ngộ” trong phần Giải thuộc về giải ngộ, cho đến phẩm Nhập Pháp Giới, nay chúng ta gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, thì mới là chứng ngộ, chẳng phải là giải ngộ. Do điều này có thể biết: Giải cũng chẳng dễ dàng! Liễu giải rồi tu hành sẽ thuận tiện rất lớn.

(Diễn) Liễu tri Phật pháp giai duy tâm lượng giả, ngộ nhất thiết pháp.

(演)了知佛法皆唯心量者，悟一切法。

(Diễn: “Liễu tri Phật pháp đều chỉ là tâm lượng”: Ngộ hết thấy pháp).

¹ Hiện Lượng: Sự nhận biết các pháp bằng cái tâm chân thật, tức là cảm thọ, thông hiểu các pháp bằng chân tâm, chứ không qua thức. Hiện Lượng là cảnh giới đích thân chứng đắc, chứ không phải là sự nhận biết các pháp bằng vọng tâm.

Tỷ Lượng: Cảm thọ, nhận biết các pháp do so sánh, suy luận.

“Ngộ” là giải ngộ.

(Diễn) Giai tự tâm hiện lượng dã.

(演) 皆自心現量也。

(Diễn: Đều là tự tâm hiện lượng).

Đều là tâm lượng của chính mình.

(Diễn) Đắc Tùy Thuận Nhẫn giả.

(演) 得隨順忍者。

(Diễn: Đắc Tùy Thuận Nhẫn là...)

Tốt đẹp ở chỗ này! Chúng ta ở trong hết thấy các pháp, tức là nói tới hết thấy Phật và pháp, chữ Phật tượng trưng cho mười pháp giới, tức hữu tình thế giới, dùng một chữ Phật làm đại diện, còn “*pháp*” là y báo, tức hoàn cảnh vật chất. Nay chúng ta gọi [y báo] là thực vật, động vật và các hiện tượng tự nhiên v.v... Tùy Thuận Nhẫn là đối với hết thấy hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa người và người) và hoàn cảnh vật chất đều có thể tùy thuận, ở trong ấy chẳng khởi phân biệt, chấp trước, cũng chẳng khởi vọng tưởng thì tu hành mới hòng đắc lực, mới có thể vận dụng công phu. Nếu trong hết thấy các pháp chẳng thể Tùy Thuận Nhẫn, sẽ gặp nhiều chướng ngại ngăn trở cái tâm thanh tịnh của quý vị. Vì thế, Tùy Thuận Nhẫn hết sức trọng yếu. Điều kiện tiên quyết của Tùy Thuận Nhẫn là quý vị phải liễu tri vạn pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đạo lý là như vậy đó! Tận hư không trọn pháp giới đều là chính mình. Trừ chính mình ra, không có một pháp nào, pháp nào cũng đều là “*tự tâm sở hiện, tự tâm sở biến*”.

Kinh Đại Thừa thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm*”, nhất định phải hiểu đạo lý này. Có như vậy thì mới có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Cùng niệm Phật như nhau, cùng đắc nhất tâm như nhau, vậy thì Lý nhất tâm và Sự nhất tâm khác nhau ở chỗ nào? Ở ngay chỗ này! Một đẳng hiệu sâu xa Lý này, một đẳng là nghi hoặc Lý này, hoặc là về căn bản chẳng thể tiếp nhận. Dẫu người ấy niệm đến mức nhất tâm, chỉ gọi là Sự nhất tâm. Sự nhất tâm là khuất phục phiền não, rất khó! Lý

nhất tâm bèn chuyển biên phiền não, tự nhiên [phiền não] không còn nữa, bèn đắc tự tại!

(Diễn) Duy tâm diệu lý, tùy thuận nhẫn khả.

(演) 唯心妙理，隨順忍可。

(Diễn: Tùy thuận, chấp nhận diệu lý duy tâm).

Chỗ mâu nhiệm của tâm, bản thể của hết thấy vạn pháp là Lý, [thường gọi là] Lý Thể. Lý Thể chính là tâm, tâm là bản thể của hết thấy các pháp. “Tùy thuận nhẫn khả”: “*Nhẫn khả*” có nghĩa là đồng ý, thừa nhận, lời Phật đã nói chúng con thừa nhận, chúng con tin tưởng, chúng con chẳng hoài nghi, đó gọi là “*nhẫn khả*”. “*Nhẫn khả*” (忍可) và “*nhận khả*” (認可) có cùng ý nghĩa.

(Diễn) Thử Tam Hiền vị.

(演) 此三賢位。

(Diễn: Đối với điều này, các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền).

Các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo chẳng chúng nhập!

(Diễn) Tỷ Quán tương ứng, hoặc nhập Sơ Địa, tức Hiện Quán tương ứng hỷ.

(演) 比觀相應，或入初地，則現觀相應矣。

(Diễn: Tương ứng với Tỷ Quán. Nếu nhập Sơ Địa sẽ tương ứng với Hiện Quán).

Địa vị Tam Hiền thuộc về Tỷ Lượng Tương Ứng. Đức Phật nói chân tướng sự thật, bản thân họ chưa chứng đắc, bèn dùng lý trí để suy đoán: Đạo lý ấy có thể thừa nhận được, cho nên [sự giải ngộ của họ] thuộc về Tỷ Lượng. “*Tỷ Quán tương ứng*” chính là quán sát bằng Tỷ Lượng. Hiện thời, các vị đồng tu cũng dùng phương thức này, nhưng hiện thời chúng ta còn chưa đạt đến địa vị Tam Hiền. Đạt đến địa vị Tam Hiền vẫn là cảnh giới Tỷ Lượng. “*Nhập Sơ Địa*” sẽ khác hẳn, Sơ Địa là cảnh giới Hiện Lượng, “*tức Hiện Quán tương ứng*” (tương ứng với cảnh giới quán sát bằng Hiện Lượng), nghĩa là vị ấy đã hoàn toàn nhập cảnh

giới [Hiện Lượng] này, hoàn toàn chứng thực, khi ấy chính mình thật sự thụ dụng. Phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới Hiện Lượng của Sơ Địa, tương ứng với Hiện Quán.

Trong lời Sớ có câu “*xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc tịnh Phật độ trung*”, đó là nói về Sơ Địa, do Tùy Thuận Nhân mà nhập Sơ Địa; điều này cũng ban cho chúng ta một khái thị rất lớn: Chúng ta muốn nhập Sơ Địa, nhất định phải tu Tùy Thuận Nhân! Nói cách khác, chúng ta muốn niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì phải tu Tùy Thuận Nhân. Trong Tùy Thuận Nhân, trí huệ và Thiên Định tràn trề. Nhân là Thiên Định, Tùy Thuận là trí huệ. Không có trí huệ, sẽ chẳng có cách nào tùy thuận! Danh từ Tùy Thuận Nhân có nghĩa là Định Huệ Song Tu, như vậy thì mới chứng đắc Sơ Địa, là Lý nhất tâm bất loạn. “*Xả thân tức sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc tịnh Phật độ trung*” là nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bậc Sơ Địa trong thế giới này vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cho nên gọi là “*Diệu Hỷ thế giới*”.

Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chẳng phải là cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư, chẳng khác gì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, có cùng một cảnh giới. Tiếp theo đó là dẫn chứng...

(Sớ) Cổ Long Thọ dĩ Sơ Địa vãng sanh, Ma Sai Mạt dĩ đắc Nhân vãng sanh. Chí như Văn Thù Phổ Hiền đẳng chư đại Bồ Tát, phát nguyện vãng sanh, mặc khả thắng số, huống sơ tâm hồ?

(疏) 故龍樹以初地往生，摩差末以得忍往生，至如文殊普賢等諸大菩薩，發願往生，莫可勝數，況初心乎。

(Sớ: Vì thế, ngài Long Thọ do Sơ Địa mà vãng sanh, ngài Ma Sai Mạt do đắc Nhân mà vãng sanh, cho đến các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... còn phát nguyện vãng sanh chẳng thể kể xiết, huống là hàng sơ tâm ư?)

Đây là nêu lên những tấm gương nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta. Long Thọ Bồ Tát (Nāgārjuna) đã chứng đắc Sơ Địa, Ma Sai Mạt Bồ Tát đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Sơ Địa có thể tạm gọi là Vô Sanh Pháp Nhân, chứ nói nghiêm ngặt thì Thất Địa Bồ Tát mới chứng Vô Sanh Pháp Nhân. Ở đây, xét theo cấu trúc của kinh văn, phải hiểu [ngài

Ma Sai Mạt] là Thất Địa. Sau Sơ Địa và Thất Địa [nêu danh tính của bậc Bồ Tát] Đẳng Giác, mỗi tầng một cao hơn, những vị ấy ai nấy đều phát nguyện vãng sanh. Chúng ta là Sơ Phát Tâm, có sao chẳng cầu vãng sanh? Nói rườm lời như thế, quan trọng là câu này: Huống là kẻ Sơ Phát Tâm ư?

(Diễn) Long Thọ Sơ Địa vãng sanh giả.

(演) 龍樹初地往生者。

(Diễn: Ngài Long Thọ thuộc địa vị Sơ Địa vãng sanh).
Đây cũng là lời dự ký của đức Thế Tôn.

(Diễn) Phật vân: “Nam Thiên Trúc quốc trung, đại danh đức tỳ-kheo, quyết hiệu vi Long Thọ, năng phá hữu vô tông, thế gian trung hiển ngã, vô thượng Đại Thừa pháp, đắc Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh An Lạc sát”.

(演) 佛云：南天竺國中，大名德比丘，厥號為龍樹，能破有無宗，世間中顯我，無上大乘法，得初歡喜地，往生安樂刹。

(Diễn: Đức Phật nói: “Trong cõi Nam Thiên Trúc có bậc tỳ-kheo danh lẫn đức cao vời, danh hiệu là Long Thọ, có thể phá các tông Hữu và Vô, hiển thị pháp Đại Thừa vô thượng của ta trong thế gian, đắc Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh cõi An Lạc).

“An Lạc sát” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là lời dự ký (tiên đoán, thọ ký trước) của Thích Ca Mâu Ni Phật trong khi Ngài giảng kinh vào thuở ấy. Ngài Long Thọ xuất hiện sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ sáu trăm năm, cũng là một vị đại sư lỗi lạc thuở đó, Đại Thừa Phật pháp nhờ Ngài mà được hưng khởi. Vị này là người thông minh tuyệt đỉnh trong thế gian, chẳng những thông đạt kinh sách của hết thầy ngoại đạo trong thế gian, mà kinh sách nhà Phật trong thế gian Ngài cũng đã đọc hết. Pháp thế gian và Phật pháp không gì chẳng thông đạt. Do vậy, chính Ngài khởi tâm ngạo nghễ, ngã mạn, nghĩ mình là bậc nhất trong thế giới này, không có ai hơn được, tâm ngạo mạn dấy lên. Vị Bồ Tát này chuyển thế tái lai, bị mê khi cách âm, tuy mê không nặng lắm, nhưng vẫn là mê! Tập khí từ vô thủy kiếp đến nay chẳng dễ gì đoạn sạch.

Khi ấy, Đại Long Bồ Tát thấy ngài Long Thọ ngạo mạn đường ấy, hết sức thương xót, đến hóa độ, dẫn Ngài xuống thăm long cung. Kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát lấy ra từ long cung, thuở ấy [kinh Hoa Nghiêm] chưa lưu thông trong thế gian. Đại Long Bồ Tát bảo Ngài: “Còn có rất nhiều thứ ông chưa từng xem qua”. Ngài nghe xong, đương nhiên chẳng phục. “Ông không phục thì tôi dẫn ông đi xem”. Long Thọ Bồ Tát thấy cung rồng tàng trữ kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể không cúi đầu. Thấy Đại Bồ Hoa Nghiêm Kinh, đừng nói đến nội dung, trước hết hãy nói về sự phong phú của tạng kinh, kinh này có “*mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần số kệ*”. Nay chúng ta gọi mỗi một đại thiên thế giới là “tam thiên đại thiên thế giới”, giống như Ngân Hà Hệ (Milky Way, Galaxy) do các nhà Thiên Văn Học hiện tại đã nói. Đem tất cả tinh cầu trong Ngân Hà Hệ nghiền thành vi trần, mỗi một vi trần tính như một bài kệ², [một bài kệ] gồm bốn câu! Không phải là một Ngân Hà Hệ, mà là mười Ngân Hà Hệ. Phân lượng của bộ kinh này lớn ngàn ấy. Do vậy, khuôn Đại Bồ Hoa Nghiêm Kinh về chỗ chúng ta, toàn thể địa cầu không có cách gì chứa đựng được! Có một tứ thiên hạ vi trần số phẩm, Long Thọ Bồ Tát vừa nhìn, ngơ ngẩn! Do vậy, mới năm vóc gieo sát đất bội phục Đại Thừa Phật pháp.

Chắc chắn Ngài chẳng thể thọ trì Đại Bồ Hoa Nghiêm được! Lại xem Trung Bồ, Ngài có thể thọ trì Trung Bồ, nhưng chúng sanh trong Diêm Phù Đề chẳng thể thọ trì, số lượng quá nhiều. Do vậy, lại xem đến Hạ Bồ, Hạ Bồ giống như cương yếu của kinh Hoa Nghiêm, có tổng cộng mười vạn kệ, bốn mươi phẩm. Ngài nói bản này sử dụng được, có thể mang về Diêm Phù Đề. Mang về bằng cách nào? Bồ Tát thật phi phàm. Ngài xem bộ kinh này từ đầu đến cuối xong liền có thể đọc thuộc, tức là mang kinh ra khỏi [long cung] bằng cách đọc thuộc lòng. Vì thế, hiện thời có rất nhiều người chẳng thừa nhận kinh Hoa Nghiêm là do đức Phật nói, mà nghĩ là do Long Thọ Bồ Tát tạo ra. Thật ra, kinh này do Long Thọ Bồ Tát mang từ cung rồng về nhân gian. Hiện thời, kinh này truyền sang Trung Quốc chỉ được một nửa, chúng ta bảo là lược bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm được truyền sang Trung Quốc và phiên dịch vào đời Đông Tấn³, gồm ba vạn sáu ngàn bài tụng.

² Kệ ở đây là cách tính độ lớn của một tác phẩm văn học vào thời cổ ở Ấn Độ. Cứ bốn câu (không cần biết dài ngắn, có vần hay không vần) thì gọi là một “kệ”, chứ không phải là kệ tụng như ta thường thấy trong kinh điển.

³ Bản này thường được gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm do ngài Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra – Giác Hiền – 359-429) dịch. Ngài Phật Đà Bạt Đà La họ Thích Ca,

Vào đời Đường, ngài Thật Xoa Nan Đà (Śikṣānanda) đến Trung Quốc, mang theo kinh Hoa Nghiêm, lại dịch thành bản mới, gồm bốn vạn năm ngàn bài tụng, phân lượng tăng thêm chín ngàn bài tụng so với bản dịch trước. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm tuy chưa hoàn chỉnh, nhưng có thể thấy được ý tưởng chính. Đến niên hiệu Trinh Nguyên (785-805), quốc vương xứ Ô Đô (Odra) tấn công Trung Quốc, trong lễ vật có phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, đây là bản hoàn chỉnh của phẩm này, tổng cộng bốn mươi quyển. Trong bộ Hoa Nghiêm tám mươi quyển, phẩm Nhập Pháp Giới chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, nhưng chỉ gồm hai mươi một quyển. Vì thế, bản Tứ Thập Hoa Nghiêm gần như gấp đôi [phẩm Nhập Pháp Giới]. Bởi lẽ đó, bản Hoa Nghiêm Kinh bằng tiếng Hán chỉ là một nửa của nguyên bản [bằng Phạn văn]. Trừ bản tiếng Hán, Phạn bản [của kinh Hoa Nghiêm] đã không còn tồn tại trong thế gian này. Nghe nói Phạn bản của Tứ Thập Hoa Nghiêm vẫn còn, chứ Phạn bản của Bát Thập Hoa Nghiêm đã không còn nữa. Vì thế, bản dịch tiếng Hán của kinh Hoa Nghiêm là một bộ kinh điển hết sức quý báu.

Long Thọ Bồ Tát là tổ chung của tám tông. Tám tông phái Đại Thừa của Phật giáo Trung Quốc đều công nhận Long Thọ Bồ Tát là tổ sư đời thứ nhất⁴. Tám tông phái đều lưu xuất từ Ngài. Vì thế, có thể gọi Ngài là Sơ Tổ của Đại Thừa Phật pháp. Tại Trung Quốc, Ngài là một người hết sức bất phàm, Sơ Địa Bồ Tát! Đức Phật dự ký sáu trăm năm sau sẽ có một vị Bồ Tát xuất hiện trong thế gian, Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

là hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương (chú đức Phật). Xuất gia năm mười bảy tuổi, có trí nhớ siêu phàm. Ngài từng sang nước Kế Tân học pháp, rồi theo học Thiền với pháp sư Phật Đại Tiên. Về sau, nhận lời thỉnh của sư Trí Nghiêm vào Trung Hoa, đến Trường An vào năm Hoằng Thi thứ tám (406). Do không thuận thảo với ngài La Thập, Ngài cùng bốn mươi đệ tử dời sang Lô Sơn. Trong thời gian ở Lô Sơn, Ngài dịch bộ Đạt Ma Đa La Thiên Kinh. Năm Nghĩa Hy thứ tám (412) đời Tấn An Đế nhà Đông Tấn, Ngài sang Kinh Châu, rồi đến Kiến Khang (Nam Kinh ngày nay), trụ tích tại Đạo Tràng Tự, cùng với các vị như Pháp Hiển dịch Ma Ha Tăng Kỳ Luật và Đại Bát Nê Hoàn Kinh, rồi dịch kinh Hoa Nghiêm vào khoảng năm 420. Bản dịch này thường được gọi là Cựu Hoa Nghiêm hay Tân Kinh, còn bản Bát Thập Hoa Nghiêm thường được gọi Tân Hoa Nghiêm hay Đường Kinh.

⁴ Trung Quốc chỉ có mười tông phái, trong đó hai tông phái là Tiểu Thừa (Câu Xá và Thành Thật), do vậy ngài Long Thọ là sơ tổ của toàn thể các tông phái Đại Thừa Phật pháp.

(Diễn) *Ma Sai Mạt đắc Nhân vãng sanh giả, Bồ Tát Sanh Địa Kinh vân: “Thời Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhân, ngũ bách thanh tín sĩ nữ giai đắc Bất Thoái Chuyển địa, thọ chung câu sanh Vô Lượng Thọ Phật quốc”. Dĩ thượng chứng Tam Hiền, Sơ Địa vãng sanh dã.*

(演) 摩差未得忍往生者，菩薩生地經云：時摩差未得不起法忍，五百清信士女皆得不退轉地，壽終俱生無量壽佛國。已上證三賢初地往生也。

(Diễn: “*Ma Sai Mạt đắc Nhân vãng sanh*”: *Bồ Tát Sanh Địa Kinh*⁵ chép: “*Khi ấy, Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhân, năm trăm thanh tín sĩ và thanh tín nữ đều đắc địa vị Bất Thoái Chuyển, khi hết tuổi thọ đều sanh vào cõi Vô Lượng Thọ Phật*”. Những điều trên đây chứng tỏ các vị *Bồ Tát* thuộc *Tam Hiền* và *Sơ Địa* đều vãng sanh).

Trong phần trên đã nói về *Tam Hiền*, đây là “*liễu tri chư Phật cập nhất thiết pháp, giai duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhân*”.

(Diễn) *Chí như Văn Thù Phổ Hiền đấng, tác Đẳng Giác Bồ Tát, diệc dục vãng sanh, như Hoa Nghiêm kệ trung thuyết.*

(演) 至如文殊普賢等，則等覺菩薩，亦欲往生，如華嚴偈中說。

(Diễn: *Còn như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... là Đẳng Giác Bồ Tát, cũng muốn vãng sanh, như trong bài kệ của kinh Hoa Nghiêm đã có nói).*

⁵ *Bồ Tát Sanh Địa Kinh* do cư sĩ Chi Khiêm người xứ Nhục Chi dịch vào thời Đông Ngô, được đánh số 533, xếp vào tập 14 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Trong kinh ấy, đức Phật ngự tại tinh xá của dòng Thích Ca tại nước Ca Duy La Vệ, ngài Ma Sai Mạt (còn ghi là Sa Ma Kiệt) là một vị trưởng giả trong dòng họ Thích Ca, đến dâng lễ thưa hỏi Bồ Tát nên hành hạnh nào sẽ mau thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc lâm chung chẳng sanh vào chỗ có tám nạn. Đức Phật dạy hành Bồ Tát hạnh phải lấy Nhân Nhục làm gốc, và giảng rõ Nhân Nhục gồm có bốn loại, cũng như hành bốn sự sẽ nhanh chóng thành Phật.

Bài kệ phát nguyện vãng sanh của các Ngài, chúng ta có thể đọc trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện⁶ của kinh Hoa Nghiêm. Đại sư trích dẫn những đoạn kinh văn này nhằm khuyến khích chúng ta: Chúng ta là kẻ sơ phát tâm, mục tiêu nhất định phải gắn chắc nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, quả thật chẳng dễ gì thành tựu, nhưng tu pháp môn thế giới Tây Phương, đích xác là không gì hơn niệm Phật. Phương pháp Niệm Phật này đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Thẳng chóng nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, viên đốn nhất, đơn giản, dễ dàng nhất*”, chắc chắn chẳng trở ngại công việc. Quý vị muốn niệm Phật hiệu tốt đẹp thì phải tuân thủ hai điều kiện:

1) Điều kiện thứ nhất là đừng gián đoạn. Quý vị vừa nghe nói “chẳng gián đoạn” bèn hoảng sợ. Nếu tôi làm việc, trong khi làm việc chẳng thể niệm Phật, nhất định phải bị gián đoạn. Đây chẳng phải là gián đoạn, mà là nói công khóa sáng tối của quý vị đừng gián đoạn. Quý vị tự xét hoàn cảnh của chính mình, đừng miễn cưỡng, đừng ham cao, chuộng xa. Mỗi ngày ấn định công khóa cho nhiều, tự chúc lấy phiền! Người công việc bận bịu, khóa sáng khóa tối niệm mười tiếng Phật hiệu, dùng phương pháp Thập Niệm. Chẳng gián đoạn là vì tôi mỗi ngày sáng tối đều mười niệm, suốt cả đời chẳng gián đoạn một ngày nào, đó gọi là “chẳng gián đoạn”, quý vị phải hiểu ý nghĩa này! Đừng coi thường cách Thập Niệm này, nó sẽ dưỡng thành thói quen niệm Phật cho quý vị. Bình thường là tán niệm: Không có chuyện gì bèn niệm, có chuyện thì không cần phải niệm, quý vị làm việc thì cứ làm. Do vậy, học Phật đừng học một cách cứng nhắc, phải hiểu đạo lý này!

Nếu là người thanh nhàn một chút, bèn ước định niệm Phật hiệu nhiều một chút, hoặc là một trăm câu, xâu chuỗi một trăm lẻ tám hạt, quý vị niệm một chuỗi, hoặc là niệm ba trăm câu, năm trăm câu, một ngàn câu, tùy mình ấn định. Đến mai sau, tuổi đã cao, đã nghỉ hưu không có chuyện gì, khi ấy hãy ấn định niệm một vạn tiếng, hai vạn tiếng sẽ có thể được, vì sao? Chẳng cần phải làm chuyện gì! Hiện tại tuổi trẻ, còn có công việc, gia đình, con cái. Nếu quý vị mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, chuyện gì quý vị cũng chẳng làm, cả nhà quý vị chẳng cần ăn cơm, đâu có thể nào như vậy được! Quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Chúng ta niệm Phật phải tăng thêm dần dần, chẳng thể ấn định hôm nay niệm một vạn câu, niệm đến nỗi thở cũng không nổi, mà công chuyện cũng

⁶ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm ở đây chính là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Bài kệ phát nguyện của Văn Thù Bồ Tát được chép trong quyển ba mươi chín và bốn mươi.

không có cách gì làm được! Ngày mai lại xin Bồ Tát cho nghỉ, con niệm năm ngàn câu, hôm sau nữa niệm ba ngàn câu. Đó là thoái chuyển, không thể chấp nhận được! Thà chỉ mười niệm, quý vị niệm mấy năm trở thành thói quen, dần dần tăng thêm, đó là tướng tinh tấn, chẳng bị thoái chuyển. Thà bắt đầu niệm ít, càng ít càng hay, phải dụng công như thế.

2) Điều kiện thứ hai là chẳng xen tạp. Điều này hết sức quan trọng. Không chỉ hết thầy các tạp sự thế gian chẳng được xen lẫn vào, mà hết thầy Phật pháp xuất thế gian cũng đừng xen tạp vào đó. Do vậy, người niệm Phật phải đọc kinh; thật ra, đọc kinh cũng là niệm Phật, ức Phật, niệm Phật. Quý vị đọc kinh là nghĩ đến Phật, toàn bộ kinh văn từ đầu đến cuối đều nói về Phật, giảng những lý luận, phương pháp, cảnh giới, nghĩ đến Phật, đọc kinh cũng là niệm Phật. Chúng ta đọc kinh nào? Trừ những kinh Tịnh Độ ra, tốt nhất là đừng niệm [những kinh khác], mà cũng đừng nghe. Vì sao? Chẳng xen tạp, điều này rất quan trọng! Có không ít người, kinh gì cũng xem, đi khắp nơi nghe. Tôi thưa cùng quý vị: “Không thể học theo cách đó được!” Người thật sự có thể đến các nơi tham học thì người ta nghe là nghe vậy, một câu A Di Đà Phật chẳng bị ảnh hưởng, như vậy là đúng, như vậy thì được! Nếu chúng ta nghe họ nói mà bị ảnh hưởng, nghe xong cảm thấy pháp khác cũng khá lắm, cũng muốn học thử xem, hồng bát rồi! Không chỉ công phu niệm Phật của quý vị bị xen tạp những thứ ấy vào, mà nhất tâm cũng chẳng đạt được. Không chỉ chẳng đắc nhất tâm, mà công phu thành phiền cũng khó thành. Vì thế, bảo là chớ nên!

Khi nào bản thân chúng ta như như bất động thì được, thứ gì cũng đều có thể xem, thứ gì cũng đều có thể nghe, chẳng bị trở ngại. Chưa đạt đến công phu ấy thì không nên! Thật sự đạt đến “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*” như kinh Kim Cang đã dạy, khi ấy, bất luận ai giảng kinh cũng đều nên đi nghe, vì sao? Làm ảnh hưởng chúng. Bởi lẽ, giảng đường đông người thì trang nghiêm! Người ngoài thấy giảng đường đông người như vậy, họ cũng ngồi xuống nghe thử, tạo ảnh hưởng đến người khác. Nếu vị pháp sư giảng kinh trong giảng đường này chỉ có dăm ba người nghe, người bên ngoài đến nơi đây thấy vậy họ cũng chẳng muốn đến nghe. Khi chúng ta còn chưa đủ tư cách làm ảnh hưởng chúng thì phải tránh né cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu chính mình. Vì thế, trước hết phải cầu nhất tâm bất loạn, trước hết cầu công phu thành phiền, đặt vững cơ sở vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều này

khẩn yếu hơn bất cứ điều gì khác. Ở chỗ này, Bồ Tát khuyến khích chúng ta.

(Sớ) Vĩnh Minh vị dục thác chất liên đài, vĩnh ly thai tạng, sanh Cực Lạc đẳng chư Phật quốc độ du hý thần thông giả, giai năng liễu đạt tự tâm, vô bất hóa vãng.

(疏) 永明謂欲託質蓮臺，永離胎藏，生極樂等諸佛國土遊戲神通者，皆能了達自心，無不化往。

(Sớ: Ngài Vĩnh Minh nói: “Người muốn gởi thân nơi đài sen, vĩnh viễn rời khỏi thai tạng, sanh về các cõi Phật giống như cõi Cực Lạc, du hý thần thông, thấy đều có thể liễu đạt tự tâm, không cõi nào mà chẳng hóa thân đến đó”).

Mấy câu này dẫn lời khai thị của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Ngài là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông, nói mấy câu này đơn giản, dễ hiểu. “Dục”: Chúng ta có ham muốn, hy vọng được “thác chất liên đài”, tức là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hóa sanh trong hoa sen. Vì thế, gọi là “liên đài”. “Vĩnh ly thai tạng”: Thai tạng là thai sanh (sanh trong bào thai) như trong thế gian của chúng ta, thai sanh khổ lắm! Thế giới Tây Phương là hóa sanh, không có nỗi khổ thai ngục. “Sanh Cực Lạc đẳng chư Phật quốc độ”: [Sanh vào] các cõi Phật giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Du hý thần thông”: Câu này hình dung cuộc sống tự tại của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thường mong mỗi cuộc sống Chân Thiện Mỹ, trên thực tế, trong thế giới này chỉ có danh từ Chân Thiện Mỹ, trọn chẳng có Chân Thiện Mỹ thật sự; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật là cuộc sống Chân Thiện Mỹ Huệ. Quý vị mong đạt được dục vọng ấy, giống như họ, thì phải biết “liễu đạt tự tâm”. Câu này tương ứng với câu “Bồ Tát liễu tri chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng” trong phần trước.

Kinh Hoa Nghiêm có một bài kệ: “Nhuộc nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo” (Nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật, nên quán tánh pháp giới, hết thấy do tâm tạo). Bài kệ này có cùng một ý nghĩa với những điều đang được nói ở đây. “Nên quán tánh của pháp giới” thì “tánh” là thể tánh, Triết Học gọi tánh ấy là “bản thể”, [tánh] chính là bản thể của hết thấy

pháp. “*Tạo*” có nghĩa là hiện hay biến. “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, đó gọi là “*nhất thiết duy tâm tạo*”. Đây là cảnh giới Hiện Lượng của chư Phật Như Lai. Thường đọc tụng bài kệ này, niệm cho thật thuần thực, quan niệm về cảnh giới của chính mình sẽ bất tri bất giác chuyển biến, nó có tác dụng ấy, tức là biến đổi nhân sinh quan và vũ trụ quan của chúng ta.

Thật sự hiểu rõ thông đạt hết thảy các pháp đều do tự tâm biến hiện ra, há có lẽ nào chẳng thể đến cõi nước của chư Phật trong mười phương ư? Không đâu chẳng hóa thân đến được. Chuyện này chẳng khó! Cõi nước của chư Phật do chính mình biến hiện, chẳng phải do người khác. Chúng ta hiện thời chẳng thể đến được là vì không biết [những cõi nước ấy] do chính mình biến hiện, ngỡ chúng chẳng liên can gì đến mình, đến nơi đó quá ư khó khăn! Nếu hiểu những cõi ấy do chính mình biến hiện, sẽ rất dễ dàng!

(Diễn) Liễu đạt tự tâm vô bất hóa vãng giả, Luận vân: “*Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh nhập Chánh Định cố*”.

(演)了達自心無不化往者，論云：若觀彼佛真如法身，常勤修習，畢竟得生入正定故。

(Diễn: “*Hiểu rõ thông đạt tự tâm thì không một cõi nào chẳng hóa thân đến được*”. Luận viết: “*Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng tu tập, sẽ rốt ráo được vãng sanh, nhập Chánh Định*”).

Nếu như chúng ta quán, “*quán*” là quán chiếu, quán sát, “*bỉ Phật Chân Như Pháp Thân*” (Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy), chẳng phải là quán Báo Thân, chẳng phải là quán Ứng Hóa Thân, mà bảo chúng ta hãy quán Pháp Thân của Phật, vì sao? Pháp Thân và bản thân chúng ta có cùng một Thể. So với Báo Thân và Ứng Hóa Thân càng dễ hiểu hơn, lại càng có cảm giác thân thiết hơn. Quý vị quán sát từ bản thể, chẳng phải là từ những tướng được biến hiện, tướng được hiện có sai biệt, bản thể không có sai biệt, Pháp Thân là bản thể. “*Thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh*” (Thường siêng tu tập, rốt ráo được vãng sanh): Tu tập là tu cách quán sát này, giống như trong cách quán tướng hảo quang minh của Phật trong Thập Lục Quán Kinh (Quán Vô Lượng Thọ

Phật Kinh), làm như vậy nhất định sẽ được vãng sanh. Quán lâu ngày cũng đắc Định, “*nhập Chánh Định*” giống như “*nhập Chánh Định Tu*” đã nói trong phần trước.

(Sớ) Thiên Như vị: “*Nhữ nhược ngộ tâm, tắc Tịnh Độ vãng sanh, vạn ngu bất năng vãn hỹ*”.

(疏) 天如謂：汝若悟心，則淨土往生，萬牛不能挽矣。

(Sớ: Ngài Thiên Như nói: “*Nếu người ngộ tâm sẽ vãng sanh Tịnh Độ, một vạn con trâu chẳng thể kéo lại được*”).

Thiên Như đại sư⁷ là bậc đại triết đại ngộ trong Thiên Tông rồi quay đầu chuyên tu Tịnh Độ. Mấy câu nói này của Ngài hết sức hay, có thể tạo tín nguyện kiên định nhất cho người cầu sanh Tịnh Độ chúng ta. Trừ phi quý vị mê mất tự tánh thì mới chẳng chịu vãng sanh, mới hoài nghi pháp môn Tịnh Độ. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, “*nhữ nhược ngộ tâm*” (nếu người ngộ tâm), nếu cái tâm của quý vị thật sự giác chứ không mê, lòng tín nguyện cầu sanh Tịnh Độ của quý vị bất cứ sức mạnh nào cũng chẳng thể kinh chống được. “*Vạn ngu bất năng vãn*” (Một vạn con trâu cũng chẳng thể kéo lại được): Trước kia đều nhờ trâu kéo xe, cái xe ấy do bao nhiêu con trâu kéo? Một vạn con trâu kéo mà chẳng nhúc nhích, nêu rõ tín nguyện của chúng ta kiên cố, quyết định chẳng bị dao động. Nếu quý vị mê, chẳng biết đến sự tốt đẹp của Tịnh Độ, chẳng biết pháp môn này thù thắng, chẳng biết tới công đức lợi ích này. Nếu quý vị ngộ, sẽ biết pháp môn này thù thắng, biết công đức lợi ích của nó. Nói cách khác, so sánh vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có bất cứ pháp môn nào có thể sánh bằng pháp môn này! Thật đấy! Kinh dạy: “*Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp*”. Đó là thật, pháp môn bình đẳng, mỗi một pháp môn đều có thể thành vô thượng đạo, nhưng tu học

⁷ Thiên Như (1280-1350), húy Duy Tắc, hiệu Thiên Như, họ ngoài đời là Đàm, sống vào đời Nguyên. Ngài là người làng Bình Lý, huyện Liên Hoa, tỉnh Giang Tây, là đệ tử đắc pháp của thiền sư Trung Phong Minh Bôn. Sư còn để lại các tác phẩm như Sư Tử Lâm Biệt Lục, Thiên Như Tập, Cao Tăng Trích Yếu. Tác phẩm quan trọng nhất của Ngài là bộ Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải, dung hội những ý kiến chú sớ từ chín tác phẩm của các vị cổ đức thời Đường - Tống. Giao Quang đại sư đã ca ngợi: “*Từ cuối đời Nguyên đến nay đã hơn hai trăm năm, những người giảng giải và nghe kinh Lăng Nghiêm chỉ biết bộ Hội Giải, chẳng coi trọng các bộ [chú giải] khác*”.

có dễ dàng, có khó khăn, pháp môn này dễ dàng! Có pháp ôn hòa, thích đáng, có pháp chẳng ôn hòa, thích đáng, là vì nó chẳng thể trông cậy được! Chẳng thể trông cậy là như thế nào? Ma chướng rất nhiều, phân định khá khó khăn; đây cũng chẳng phải là điều mà phàm nhân chúng ta có thể khắc phục được!

Trải qua các đời, bao nhiêu vị trong Tông môn, Giáo Hạ trừ những người chưa ngộ, chứ ngộ rồi không một ai chẳng quay đầu chuyên tu Tịnh Độ. Phải biết chuyện này là đại sự! Chuyện này thành tựu thì không có chuyện thế gian và xuất thế gian nào mà chẳng thể thành tựu! Nếu chẳng thể thành tựu chuyện này, tất cả các nguyện vọng trong thế gian đều chẳng thể đạt được một thứ nào. Người thế gian coi trọng nhất là ân cha mẹ, ân cha mẹ khó báo đền! Niệm niệm mong báo ân, nhưng trì trệ niệm Phật, uổng phí thời gian, kết quả là chính mình vẫn phải luân hồi trong lục đạo, làm sao có thể báo đáp cha mẹ? Quý vị phải tạm thời gạt cảm tình qua một bên, biết rằng chỉ có cầu sanh Tịnh Độ thì mới có thể báo ân cha mẹ. Nếu quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những cha mẹ trong một đời này, mà cha mẹ, gia đình, quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp dù đang ở trong đường nào, mang hình dạng nào, quý vị đều thấy rõ ràng, sẽ có biện pháp giúp đỡ họ. Vì sao? Phật môn thường nói: “*Phật độ người hữu duyên*”, những người ấy có duyên với quý vị! Có duyên thì họ sẽ chịu nghe lời quý vị. Không có duyên, quý vị nói họ chẳng chịu nghe, chẳng tin tưởng, đó là không có duyên. Quý vị nói, họ tin tưởng, họ ưa thích nghe, y giáo phụng hành, đó là duyên sâu. Duyên sâu sẽ dễ độ. Vì thế, “*Phật độ kẻ hữu duyên*” là chuyện như vậy đó. Trong đời quá khứ, người ấy là quyến thuộc của quý vị, là cha mẹ hoặc là con cái của quý vị, có mối quan hệ thân mật như thế, hễ gặp gỡ sẽ rất dễ tiếp nhận. Vì thế, nhằm độ người nhà, quyến thuộc, cũng phải cầu sanh về thế giới Tây Phương.

(Sớ) Nhiên tắc sơ tâm Bồ Tát, tuy viết liễu minh, khứ Phật thượng viên, chánh nhĩ cầu sanh bất khả hậu dã.

(疏) 然則初心菩薩，雖曰了明，去佛尚遠，正爾求生不可後也。

(Sớ: Nhưng sơ tâm Bồ Tát tuy nói là “hiểu rõ”, nhưng cách Phật quá xa, đúng là nên cầu vãng sanh, đừng để tụt hậu).

Đây là đại sư rất miệng dẫn dò chúng ta. “Sơ Tâm Bồ Tát” chẳng đơn giản! Nói đến các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, nay chúng ta gọi là Sơ Tâm Bồ Tát, quả thật là đã đề cao chính mình quá. Tuy hiểu rõ, tức là giải ngộ, thật sự vẫn còn cách Phật quá xa. Các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền chưa phải là chúng ngộ, dầu đã chúng ngộ thì theo kinh Hoa Nghiêm còn có bốn mươi một đẳng cấp. Sơ Trụ là chúng ngộ, chúng ngộ rồi còn có bốn mươi một đẳng cấp. Vì thế, quả thật cách Phật quá xa! Chúng ta làm thế nào để thân cận Phật? Chỉ có vãng sanh Tịnh Độ, đây là thân cận Như Lai. Chúng ta phải nắm vững con đường tắt duy nhất để thân cận Phật này, quyết định chẳng để tụt hậu.

(Diễn) Nhữ nhược ngộ tâm vạn nguу mạc vãn giả, ngộ tâm chi sĩ, tri Tịnh Độ duy tâm, sanh Tịnh Độ giả, phi sanh Tịnh Độ, sanh tự kỷ tâm trung dã.

(演) 汝若悟心萬牛莫挽者，悟心之士，知淨土唯心，生淨土者，非生淨土，生自己心中也。

(Diễn: “Nếu ông ngộ tâm, một vạn con trâu chẳng kéo lại”: Bạc ngộ tâm biết Tịnh Độ duy tâm, sanh về Tịnh Độ mà chẳng sanh Tịnh Độ, sanh trong tâm của chính mình).

Đọc xong đoạn này, mọi người đừng nên suy đoán. Nếu quý vị suy đoán, sẽ tự chuốc phiền. Khởi vọng tưởng “đây là sanh trong tâm của chính mình, chẳng hề sanh về Tây Phương Tịnh Độ”, chẳng phải là rắc rối hay sao? Nhưng quý vị chẳng hiểu tâm của chính mình ở đâu, cứ nghĩ “tâm” là cái tâm đang suốt ngày từ sáng đến tối suy tưởng loạn xạ, làm lẫn quá đỗi! Muốn hiểu cái tâm này, quý vị phải đọc kinh Lăng Nghiêm, ba quyển đầu của kinh Lăng Nghiêm đều giảng về tâm, chúng ta không biết! Chúng ta đâu có hiểu đạo lý này! Tận hư không, khắp pháp giới là tâm của chính mình! Hiểu điều này cũng được, mà không hiểu cũng xong, không sao hết, chỉ cần chăm chỉ niệm một câu Phật hiệu là được rồi!

(Diễn) Tuy viết liễu minh khứ Phật thượng viễn giả, cổ vân: “Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm”.

(演) 雖曰了明去佛尚遠者，古云：頓悟雖同佛，多生習氣深。

(Diễn: “Tuy nói đã hiểu rõ, nhưng còn cách Phật rất xa”. Cổ nhân nói: “Đốn ngộ tuy giống như Phật, nhưng tập khí nhiều đời sâu đậm”).

“Ngộ” ở đây là giải ngộ. Ngộ rồi, kiến giải chẳng khác gì kiến giải của Phật, nhưng tập khí khác nhau! Tâm Phật thanh tịnh, còn người ấy tuy đã ngộ, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, vì sao? Kẻ ấy có phiền não, tập khí nhiều đời sâu đậm.

(Diễn) Phong đình ba thượng dũng.

(演) 風停波尚涌。

(Diễn: Gió đã lặng, sóng vẫn trào).

Tuy không còn gió, nhưng sóng vẫn chưa ngừng. Đây là tỷ dụ, sánh ví sóng với tự tâm: Tâm vẫn chưa tĩnh. Kiến giải đã chính xác rồi, giống như không còn tà kiến, cuồng phong đã dứt bật, nhưng tâm vẫn chưa tĩnh được!

(Diễn) Lý hiện, niệm do xâm.

(演) 理現念猶侵。

(Diễn: Lý đã rõ, nhưng niệm vẫn còn dấy).

“Lý hiện” là đã hiểu lý rồi, “niệm do xâm”: Vọng niệm vẫn còn, chưa thể đoạn, chẳng thể đạt đến chứng ngộ, chỉ là giải ngộ. Chứng ngộ là gì? Tâm thanh tịnh, đặc Lý nhất tâm bất loạn; chứ Sự nhất tâm bất loạn thì tập khí còn chưa đoạn. Lý nhất tâm bất loạn, tập khí mới đoạn.

(Diễn) Hựu vân: “Thức băng thị thủy, do lại thang khí dĩ tiêu dung”.

(演) 又云: 識冰是水, 猶賴湯氣以消鎔。

(Diễn: Lại nói: “Tảng băng Thức là nước, vẫn phải nhờ hơi nước nóng để tan chảy).

Đây cũng là tỷ dụ. Chữ “thức” chỉ thức thứ tám. Thức thứ tám là tâm, khi chúng ta ngộ thì nó được gọi là bản tánh, khi mê thì gọi là thức thứ tám. Thức thứ tám là bản tánh, do mê hay ngộ mà danh xưng khác nhau. “Thức băng thị thủy”: Nước ví như Chân Như bản tánh, băng là

nước, không sai! Thế nhưng vẫn phải nhờ “*thang khí dĩ tiêu dung*”, thang (湯) là nước sôi, nước sôi rưới lên băng, băng liền tan chảy thành nước.

(Diễn) Ngộ vọng tức chân, thượng y Phật huệ nhi huân luyện dã.

(演) 悟妄即真，尚依佛慧而熏煉也。

(Diễn: Ngộ vọng chính là chân, vẫn phải nương vào Phật huệ để hun đúc).

Thưa quý vị, ngộ rồi thì vọng là chân, chân là vọng. Chân - vọng chẳng hai! Khi mê bèn có chân và vọng, chân và vọng là hai. Khi ngộ thì chân - vọng chẳng hai! Vì sao? Thế là tương đồng. Khi mê, băng và nước khác nhau, băng là băng, nước là nước. Ngộ rồi, mới biết băng và nước là một, không hai, Tương là hai, nhưng Thế chẳng hai, Thế là một. Ngộ rồi, vẫn cần phải huân tu Phật pháp, như vậy thì mới có thể thành tựu.

Một đoạn lớn này nhằm khuyên các đồng tu Sơ Phát Tâm học Phật chúng ta nhất định phải thân cận Như Lai. Nói cách khác, nhất định phải thân cận một vị thầy tốt, chớ nên tách rời; nhưng hiện thời, Phật chẳng còn tại thế, đại sư khuyên chúng ta sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới tìm A Di Đà Phật. Ngài là vị Phật trong hiện tại, chưa diệt độ, đến kiếm Ngài, thân cận Ngài. Đây là một trong những nhân duyên khiến lão nhân gia giảng bộ kinh này, soạn bản chú giải này. Tôi thường khuyến khích các đồng tu: Hiện thời, chúng ta còn chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải thân cận một vị thiện tri thức hay một vị thầy tốt đẹp, thời thời khắc khắc bám chắc vị ấy, chớ nên tách lìa, thì mới có thể về thế giới Tây Phương. Vị thầy ấy là ai? Chẳng phải là tôi, theo tôi là hồng bút! Vị thầy ấy là Liên Trì đại sư, chắc chắn là Ngài tốt đẹp lắm. Tôi cũng theo Ngài, Ngài ở nơi đâu? Ở ngay trong bộ Sớ Sao này. Hằng ngày đọc tụng Sớ Sao Diễn Nghĩa là hằng ngày thân cận thầy.

Cũng có nhiều đồng tu nói: “Tôi đọc cũng không hiểu!” Không hiểu cũng chẳng sao cả! Đọc lâu ngày sẽ hiểu, giống như chúng ta nghe một vị thầy giảng kinh, thoát đầu nghe không hiểu, giọng địa phương của thầy rất nặng, chẳng dễ gì phân biệt được. Nghe tới mấy năm sau bèn nghe hiểu. Vì thế, đừng sợ khó, phải đọc tụng cho nhiều!

(Huyền Nghĩa) Lục, tận nhiếp lợi độn chư căn tất giai độ thoát giả.

(玄義) 六、盡攝利鈍諸根悉皆度脫者。

(Huyền Nghĩa: Sáu là nhiếp hết lợi căn và độn căn, thảy đều độ thoát).

Đây là nhân duyên thứ sáu. Căn tánh của hết thảy chúng sanh khác nhau, Phật pháp quy nạp [các căn tánh] thành hai loại lớn: Lợi căn và độn căn. Người rất thông minh, vừa tiếp xúc Phật pháp liền giác ngộ, đó là lợi căn. Nghe một biết mười, lợi căn đấy; nghe một chỉ biết một, độn căn! Pháp môn này lợi căn cũng được, độn căn cũng được, bất luận người có căn tánh như thế nào đều có thể học tập, đều có thể thành tựu. Còn như thành tựu cao hay thấp, thừa cùng quý vị, không nhất định người độn căn thành tựu thấp, người lợi căn thành tựu cao, chưa chắc!

Nếu quý vị dựa trên lợi căn và độn căn để luận định thành tựu cao hay thấp thì quý vị lầm lẫn quá lớn rồi! Vì sao? Thường là lợi căn chẳng bằng độn căn! Người lợi căn vừa tiếp xúc kinh điển, vừa nghe bèn thông đạt, hiểu rõ triệt để, nhưng tập khí phiền não quá nặng, dầu được vãng sanh, phẩm vị không cao! Kẻ độn căn, quý vị nói với họ, nói như thế nào họ cũng chẳng hiểu, nghe cũng chẳng lọt tai, bảo họ thật thà niệm Phật, được! Ngoan ngoan suốt ngày từ sáng đến tối thật thà niệm Phật. Kết quả người ấy Thượng Phẩm Thượng Sanh, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đâm ra người ấy thành công cao. Đủ thấy: Chẳng thể dùng lợi căn hay độn căn để phán định phẩm vị cao hay thấp.

Người lợi căn thì phải có sự cảnh giác kha khá! Vì thế, nhiều kẻ thông minh, trí huệ lại chẳng bằng những bà cụ già, các bà ấy thật sự thành tựu! Điều gì họ cũng chẳng cần biết, điều gì cũng chẳng cần hiểu, phàm những lý luận phải dùng đến đầu óc, phải suy xét, họ nhất loạt không màng tới. Bảo họ thật thà niệm Phật thì: “Được! Tôi thật thà niệm Phật!” Tâm họ không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, thật thà niệm một câu Phật hiệu, từng tiếng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, họ bèn thành công. Phẩm vị quyết định chẳng thấp hơn người khác.

(Huyền Nghĩa) Chư dư pháp môn, cao chi tắc hạ cơ tuyệt phận, ty chi tắc bất bị thượng căn.

(玄義) 諸餘法門，高之則下機絕分，卑之則不被上根。

(Huyền Nghĩa: Các pháp môn khác, cao thì kẻ căn cơ thấp chẳng có phần, nếu thấp thì chẳng phù hợp hạng thượng căn).

“Chư dư pháp môn” là nói hết thầy các pháp môn trừ pháp môn này ra, kinh thường nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn” hay “vô lượng pháp môn”, hoặc là quá cao, người căn tánh trung hạ chẳng có phần! Nếu quá thấp thì người căn cơ trung thượng chẳng muốn học. Chẳng thể nhiếp trọn [hết thầy các căn cơ] được!

(Huyền Nghĩa) Thị dĩ Hoa Tạng như minh, huỳnh quang tăng kết.

(玄義) 是以華藏如盲，螢光增結。

(Huyền Nghĩa: Do vậy, đối với Hoa Tạng [hàng Nhị Thừa và Thập Tín Bồ Tát trở xuống] như lò, [trí huệ của họ như] ánh lửa đom đóm, [đối với đại pháp Nhất Thừa, do không thể thông hiểu nên] càng tăng thêm phiền não).

Đoạn này nêu tỷ dụ. Chữ “*Hoa Tạng*” chỉ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm được giảng trong mười bốn ngày khi đức Phật thị hiện thành Phật. Nếu nhìn theo hình tướng để nói, trước hết, đức Phật giảng pháp Tứ Đế cho năm vị tỳ-kheo⁸ tại Lộc Dã Uyển (Mrgá-dāva). Kinh Hoa Nghiêm do Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, nhập Định, nói trong Định. Phàm phu nhục nhãn chúng ta chẳng thấy, chẳng nghe. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội cây, đâu biết Ngài

⁸ Năm vị tỳ-kheo (Pañca Bhiksavah) là năm vị hoàng tử hoặc trưởng giả thuộc dòng họ Thích Ca, tuân lệnh vua Tịnh Phạn, theo Thái Tử Tất Đạt Đa cùng đi tu, cùng hành khổ hạnh. Khi thấy, thái tử nhận sữa cúng dường của cô gái chăn bò, họ nghĩ Thái Tử đã thoái chuyển nên rời bỏ Ngài, lánh sang Lộc Dã Uyển. Sau khi thành đạo, ngài nhập Định dưới cội Bồ Đề để giảng kinh Hoa Nghiêm xong, đức Phật sang Lộc Dã Uyển, hóa độ họ, khiến họ trở thành năm vị đệ tử đầu tiên của đức Phật. Tăng đoàn được thành lập từ đấy. Tên của năm vị ấy là Kiều Trần Như (Ajñāta Kaundinya, Liễu Bồn Tê), A Thuyết Thị (Aśvajit, Mã Thắng), Bạt Lê Ca (Bharika, Tiểu Hiền), Ma Ha Nam (Mahānāman, Đại Danh) và Thập Lực Ca Diếp (Daśabala-Kāśyapa, Khởi Khí).

thuyết pháp trong Định? Người căn tánh trung hạ như đui, như điếc, chẳng nghe, mà cũng chẳng thấy. Lão nhân gia ở trong Định thuyết pháp là nói với những ai? Nói với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng. Bốn mươi một địa vị chẳng phải là chỉ có bốn mươi một người, mà là không biết bao nhiêu người! Bốn mươi một tầng cấp, tức là Sơ Trụ Bồ Tát, Nhị Trụ Bồ Tát và Tam Trụ Bồ Tát, mãi cho đến Đẳng Giác Bồ Tát. [Số lượng các] Bồ Tát thuộc mỗi địa vị đều là vô lượng vô biên, đức Phật vì những người ấy thuyết pháp. Bởi lẽ đó, Thanh Văn, Duyên Giác đều chẳng có phần, đều chẳng thấy được. Đây là đức Phật giảng Phật pháp thượng thừa, giảng Hoa Nghiêm, hàng căn tánh trung hạ chẳng có phần.

“*Huỳnh quang tắng kết*”: Ánh lửa đom đóm chẳng thể so với ánh mặt trời. Chẳng những họ (phàm phu, Nhị Thừa, quyền tiểu Bồ Tát) không thể tiếp nhận, mà còn hủy báng, họ đâu có thấy! Giống như trong hiện thời có nhiều kẻ hoài nghi Đại Thừa, đề xuất “Đại Thừa chẳng phải do Phật nói”. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Chẳng riêng gì đức Phật không dối gạt con người, mà Bồ Tát đã đạt đến Sơ Địa, chúng ta hạ thấp địa vị xuống một chút thì các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, thậm chí người công phu thành phiền có dối gạt người khác hay chẳng? Chắc chắn chẳng dối gạt người khác! [Ngăn cấm] dối gạt người là đại giới, là căn bản giới của Phật. Kẻ phá căn bản giới, chiếu theo Giới Kinh để kết tội thì quả báo là trong địa ngục. Chúng ta tin tưởng những vị [Bồ Tát] ấy chắc chắn chẳng phá căn bản giới. Vì thế, đối với những lời họ nói, lưu truyền lại, nhất định phải tin tưởng, nhất định chớ nên hoài nghi.

Hướng chỉ kinh Đại Thừa sau khi chúng ta đọc qua, những chỗ tạo cảm kích, phát khởi [tâm nguyện] hết sức nhiều, quả thật là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng ngày nay chúng ta chỉ có thể thấy một chút ngoài da, chứ đối với những nghĩa uyên áo trong ấy thì cần phải có công phu, thật đấy, tâm địa một phần thanh tịnh, quý vị sẽ thấy một phần áo diệm, mười phần thanh tịnh sẽ có thể thấy mười phần áo diệm. Tâm thanh tịnh của chính mình chưa hiện tiền thì quý vị nên làm sao? Khiêm tốn, chân thành, cung kính. Dùng cái tâm cung kính để đọc, cũng sẽ có chỗ khai phát (khơi gợi, phát khởi), cũng có ngộ xứ. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, lại chẳng cung kính, quý vị chẳng có cách gì đọc kinh ấy!

(Huỳnh Nghĩa) Duy thử nhất pháp, thượng hạ kiêm thu.

(玄義) 唯此一法, 上下兼收。

(Huyền Nghĩa: Chỉ có mình pháp này, gồm thâm thượng căn lẫn hạ căn).

Đây là nói về pháp môn trong Tiểu Bản A Di Đà Kinh. Thượng căn là những vị Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ căn là hạng người giống như ngài Châu Lợi Bàn Đà Già. Tôi nghĩ mỗi một người chúng ta đều [có trí nhớ] mạnh hơn Ngài, Ngài niệm hai chữ “*điều chừ*”⁹ đọc chữ trước, quên khuấy chữ sau. Nhắc Ngài chữ sau, lại quên khuấy chữ trước! Tôi nghĩ quý vị vẫn chưa đến nổi ngốc nghếch như thế! Ngài có thể thành công, một bài kệ Ngài học hơn ba tháng mới đọc được, cũng là rất ít có! Thật sự là hàng hạ căn.

(Huyền Nghĩa) Khả vị vạn bệnh dĩ u A Già, thiên khí thành u cự dã, khởi bất Từ môn quảng đại, phổ độ vô di?

(玄義) 可謂萬病愈於阿伽，千器成於巨冶，豈不慈門廣大，普度無遺。

(Huyền Nghĩa: Có thể nói là thuốc A Già Đà chữa lành muôn bệnh, là lò lớn luyện thành ngàn món đồ, há chẳng phải là Từ môn rộng lớn, phổ độ chẳng sót u?)

Mấy câu này có ý nghĩa rất rõ ràng, chẳng khó hiểu; nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu. Từ những câu nói này, chúng ta có thể thấu hiểu vì sao mười phương chư Phật đều tán thán và hộ niệm bộ kinh này, đạo lý là ở chỗ này: Phật môn phổ độ chúng sanh rộng lớn, rộng lớn ở chỗ nào? Dùng gì để phổ độ? Dùng pháp môn này! Không chỉ mình Thích Ca Mâu Ni Phật dùng pháp môn này, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật, không vị Phật nào chẳng dùng pháp môn này. Nêu chúng ta hỏi: Vì sao đức Phật lại nói các pháp môn khác nhiều ngàn ấy? Tôi vừa mới nói rồi đó! Chính là vì đức Phật nói pháp môn này, có một loại chúng sanh chẳng tin tưởng, chẳng chịu tiếp nhận, họ nghĩ thành Phật đâu có đơn giản như thế, đâu có dễ dàng dường ấy! Được rồi! Nếu người nghĩ là chẳng dễ dàng, chẳng đơn giản, đức Phật nói cho người một pháp

⁹ Điều (苕) là hoa lau. Hoa lau kết lại làm chổi để phẩy dọn bụi bặm giống như chổi lông gà hiện thời thì gọi là “điều chừ” (苕帚). Chữ Điều thường đọc thành Thiều. Mạt nhân đoán lão cư sĩ Nguyễn Hữu Kha lấy biệt hiệu Thiều Chừ với ý nghĩa này, cụ tự khiêm hư ví mình như cây chổi để phẩy bụi tâm thường, kém cõi.

môn không đơn giản, không dễ dàng cho người học. Nếu người thật sự chịu tin tưởng, học Phật dễ dàng, đơn giản dường ấy thì người là thượng căn. Bậc thượng căn lợi trí thật sự vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, sốt sắng thực hiện, sẽ thành công. Chẳng tin tưởng, hoài nghi thì sẽ ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Phật độ kẻ hữu duyên, kẻ đó vô duyên! Vô duyên thì Phật phải kết duyên với kẻ ấy, dùng các thứ phương pháp khác nhau để kết duyên với hẳn.

Độ kẻ hữu duyên thì dùng phương pháp nào? Dùng pháp môn này. Ta dùng các pháp môn khác để kết duyên với kẻ ấy. Quý vị vẫn ở trong lục đạo, còn chưa thành tựu, đến đời nào kiếp nào nhân duyên chín muồi, sẽ từ đâu mà đắc độ? Nói thành thật, chẳng khách sáo thì vẫn là do pháp môn này mà đắc độ! Chỉ có thật sự vãng sanh thì mới là đắc độ. Chưa vãng sanh là chưa đắc độ! Chúng ta thấy trong Thiên Tông có nhiều công án, sau khi đại triệt đại ngộ, quả thật có thần thông, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể trốn khỏi luân hồi hay chẳng? Trốn chẳng khỏi! Có thể trốn khỏi là những người sau khi đại triệt đại ngộ bèn quay về niệm Phật, liền vượt thoát! Nếu chúng ta có thể hiểu rõ chân tướng sự thật này, sẽ chẳng động tâm đối với bất cứ một pháp môn nào!

Chúng ta muốn đọc, muốn nghiên cứu, phải lấy kinh Di Đà làm trung tâm, có thể nghiên cứu thêm những kinh luận liên quan tới pháp môn này nhằm giúp cho chúng ta lý giải, giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Tín tâm thật sự kiến lập thì niệm Phật mới nắm chắc, mới có thể nghiên cứu lan man sang các pháp môn khác. Tín tâm của chúng ta chưa kiên cố, vẫn còn dao động, tốt nhất đừng dính dáng tới những pháp môn khác. Những sách như Tịnh Độ Thập Yếu, Liên Trì Đại Sư Toàn tập, Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập chúng ta có thể đọc, vì sao? Chỗ nào cũng

đều chỉ về Tịnh Độ, đi theo một phương hướng, một mục tiêu. Thích hiểu nhiều hơn một chút thì phải đi theo phương hướng này. Nếu chẳng muốn học nhiều thứ thì ta vẫn là càng đơn giản càng hay, Tây Phương Công Cứ kèm thêm Di Đà Kinh Sớ Sao là đủ rồi! Nếu vẫn chưa buông xuống được, Tịnh Độ Thập Yếu, Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập, Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, những thứ này đều được. Nhiều hơn nữa thì không được! Chắc chắn là xen tạp, chẳng hay ho gì! Vì thế, những thứ khác đừng nên dính dáng tới, chuyên tu pháp môn này. Thật sự chuyên tu, giống như cổ nhân, ba năm sẽ có hiệu quả. Nếu quý vị thật sự tu tập không gián đoạn, chẳng xen tạp, ba năm nhất định sẽ có tin tức. Nếu quý vị gián đoạn, xen tạp thì không có cách gì hết! Lập chí nguyện, chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ. Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 62

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi ba:

(Sớ) Như manh giả, Như Lai ở Thệ Đa lâm trung, diễn Đại Hoa Nghiêm, bỉ thời thượng đức Thanh Văn, Thân Tử Mục Liên đẳng, như manh như lung.

(疏) 如盲者，如來於逝多林中，演大華嚴，彼時上德聲聞，身子目連等，如盲如聵。

(Sớ: “Như mù”: Trong rừng Thệ Đa, đức Như Lai diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm, lúc ấy, bậc thượng đức Thanh Văn như Thân Tử, Mục Liên v.v... như lò, như điếc).

Đây là lời giải thích câu “*Hoa Tạng như manh*” trong phần nhân duyên thứ sáu. “*Thệ Đa lâm*” (Jetavana) chính là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên. Đoạn này nằm trong hội thứ chín của kinh Hoa Nghiêm¹⁰, nói rõ

¹⁰ Kinh Hoa Nghiêm gồm bảy xứ chín hội, tức là được thuyết pháp ở bảy nơi và chia thành chín pháp hội:

1. Hội thứ nhất tại Bồ Đề Đạo Tràng ở phía Tây thành Vương Xá. Pháp hội này do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.

kinh Đại Thừa chẳng khế hợp tiêu cơ (căn cơ Tiểu Thừa), tức là người căn khí nhỏ nhoi không nhận biết giá trị, hiển thị pháp môn Niệm Phật “*thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn và độn căn*”.

(Sớ) Đỗ thị tuyệt thính, nãi chí tích hành Bồ Tát, do vân bặc tai¹¹, minh cao chi tức đạo đại cơ tiểu cố.

(疏) 杜視絕聽，乃至積行菩薩，猶云曝顯，明高之則道大機小故。

(Sớ: “Lập thấy, dứt nghe”: Thậm chí hàng Bồ Tát tu hành đã lâu vẫn còn mê đầu sứt trán, cho thấy đạo thì cao rộng mà căn cơ thì nhỏ nhoi vậy).

Hai câu này nhằm nói rõ ý nghĩa ấy. “*Tích hành*”, “*hành*” là tu hành. Nói cách khác, vị Bồ Tát ấy là Bồ Tát tu hành trong nhiều kiếp, chẳng phải là Sơ Phát Tâm. Thế nhưng Ngài vẫn chẳng thể nghe pháp Nhất Thừa là pháp chân thật trong Phật pháp “*duy hữu Nhất Thừa pháp,*

2. Hội thứ hai tại điện Phổ Quang Minh bên bờ sông Ni Liên Thiên, do Văn Thù Bồ Tát chủ trì.

3. Hội thứ ba tại điện Diệu Thắng trên cõi trời Đao Lợi, do Pháp Huệ Bồ Tát chủ trì.

4. Hội thứ tư tại điện Bảo Trang Nghiêm trên cõi trời Dạ Ma do Công Đức Lâm Bồ Tát chủ trì.

5. Hội thứ năm tại điện Nhất Thiết Diệu Trang Nghiêm trên trời Đâu Suất, do Kim Cang Tràng Bồ Tát chủ trì.

6. Hội thứ sáu tại điện Ma Ni Bảo Tạng trên cung trời Tha Hóa Tự Tại do Kim Cang Tạng Bồ Tát chủ trì.

7. Hội thứ bảy trở về điện Phổ Quang Minh, do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.

8. Hội thứ tám cũng ở điện Phổ Quang Minh, cũng do Phổ Hiền Bồ Tát chủ trì.

9. Hội thứ chín ở rừng Thệ Đa, hội này do chính Thích Ca Mâu Ni Phật chủ trì.

Nói “*chủ trì*” có nghĩa là trong pháp hội ấy, một vị Bồ Tát thượng thủ sẽ trần thuật cảnh giới, sở chứng của các pháp môn thuộc những địa vị ấy, chứ trong cả chín hội, đức Tỳ Lô Giá Na Phật luôn hiện diện, dùng thần lực vân tập chư Bồ Tát diễn nói cảnh giới giải thoát.

¹¹ “*Bặc tai*” có nghĩa là thử thách khó khăn không thể vượt qua được, khiến người bị thử thách thất bại ê chề. Thành ngữ này bắt nguồn từ một câu chú thích trong sách Giao Châu Ký của Lưu Hân: “*Hữu đê phòng Long Môn, thủy thâm bách tâm, đại ngư dăng thử môn hóa thành long, bất đắc quá, bặc tai điểm ngạch, huyết lưu thử thủy hằng như đan trì*” (Có cái đê ngăn nước ở Long Môn, nước sâu đến một trăm tâm, cá to nhảy vượt được cửa này sẽ hóa thành rồng, chẳng vượt qua được sẽ vỡ mặt, thủng đầu, máu thấm vào nước khiến nơi đó thường [đỏ chót] như cái ao son).

vô nhị diệc vô tam” (chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng không ba). Đạo lớn, mà căn tánh nhỏ, căn tánh Tiểu Thừa mà! “*Tích hành Bồ Tát*” chính là Tạng Giáo Bồ Tát, họ cũng chẳng thấy, chẳng nghe!

“*Tăng kết*”: “*Kết*” (結) là chướng ngại, mà cũng là phiền não. Chẳng những không thể trừ chướng, mà ngược lại còn tăng thêm. Đương nhiên cũng là do pháp chẳng khế hợp căn cơ, nên mới có những thứ chướng ngại sanh ra. Đức Phật quả thật hết sức từ bi, đức Phật có pháp nào để nói hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa đã nói không ít lần: “*Phật vô hữu pháp khả thuyết*” (Đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói). Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật không có pháp nhất định nào để nói). Chúng ta phải hiểu rõ điều này! Rốt cuộc đức Phật thuyết pháp nhằm lẽ gì? Ứng theo bệnh tình mà cho thuốc, Ngài không có một phương cách nhất định nào! Chúng sanh bị bệnh gì, Ngài bèn trao cho họ phương pháp đó, phương pháp đó nhằm trị lành chứng bệnh ấy. Quý vị lành bệnh rồi, thuốc cũng chẳng còn, pháp cũng chẳng còn, chúng ta phải hiểu rõ nguyên lý nguyên tắc này.

Do vậy, chúng ta tu học Phật pháp phải chú ý, Phật pháp từ đầu đến cuối chỉ là phá chấp trước mà thôi! Phá chấp: Chấp trước là bệnh; phá chấp trước chính là thuốc. Chấp trước không còn, đương nhiên phương pháp phá chấp trước cũng chẳng dùng tới, cũng chẳng còn nữa! Nhưng hiện thời, nói thật ra, đối với chúng ta, đây là một thứ bệnh tình rất nghiêm trọng, phàm phu không có cách nào chẳng chấp trước. Chúng ta rất muốn không chấp trước, nhưng không có cách nào tách rời [chấp trước], nên gọi là phàm phu. Dạy phàm phu làm như thế nào? Khéo chọn cách cố chấp! Đây là phương tiện thiện xảo nhằm răn dạy kẻ sơ học. Nếu nâng lên một mức cao hơn thì thiện cũng đừng cố chấp, như vậy thì mới có thể đột phá. Phá gì vậy? Phá vô minh, chứng Pháp Thân. Kinh đã nêu lên những trường hợp như thế.

Nói cách khác, những thứ bệnh tình ấy, đối với chúng ta đang thuộc địa vị phàm phu thì bệnh gì cũng đều có cả! Làm như thế nào để trừ khử những bệnh ấy? Chuyện này đích xác chẳng phải là chuyện dễ, ắt cần phải đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải thân cận Như Lai, chẳng thể tách rời Như Lai. Mỗi ngày đọc kinh là nghe Phật thuyết pháp. Luôn luôn là một loại kinh, hằng ngày niệm cùng một thứ, còn có ý niệm nào nữa? Hằng ngày cùng một thứ là điều khẩn yếu, là điều quan trọng nhất. Bởi lẽ, Phật pháp khác với các sách vở thế gian, quý vị đọc sách vở thế gian một lượt, chẳng muốn đọc lần thứ hai. Vì sao? Đã hiểu hết ý nghĩa rồi. Đọc xong chẳng còn hứng thú nữa. Phật pháp chẳng giống như vậy.

Phật pháp là tu hành, Phật pháp là Tam Học Giới - Định - Huệ cùng hoàn thành một lượt!

Nội dung của giáo học Phật pháp là ba khoa: Giới - Định - Huệ. Kinh điển chia thành Tam Tạng: Kinh, Luật, Luận. Kinh chủ yếu nói về Định Học, Luật là nói về Giới Học, Luận là nói về Huệ Học. Giới - Định - Huệ là ba đại cương lãnh của toàn bộ Phật pháp. Đọc kinh và niệm Phật đều là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ trong cùng một lúc. Khi đọc kinh, tâm chúng ta không có một vọng niệm, không có một ác niệm nào, đây là “*chư ác mạc tác*” (đừng làm các điều ác). Kinh điển do Chân Như bốn tánh của Như Lai lưu lộ thành ngôn ngữ, văn tự, thật sự là điều tốt lành nhất trong những điều tốt lành, Nho gia nói “*chỉ u chí thiện*” (đạt đến điều tốt lành tốt bậc), kinh điển là “*chí thiện*”. Do vậy, chúng ta đọc kinh là “*chúng thiện phụng hành*” (vâng làm các điều lành). Quý vị thấy đó: Ý nghĩa của Giới viên mãn. Giới Luật là “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành”. Quý vị hãy suy nghĩ: Một câu Nam-mô A Di Đà Phật cũng là chẳng khởi ác niệm, câu A Di Đà Phật này được chư Phật tán thán, càng là điều lành nhất trong các điều lành, là tinh hoa của chí thiện. Niệm một câu Phật hiệu, mười phương chư Phật không vị Phật nào chẳng hoan hỷ, hưởng chi Phật hiệu điển bày ý nghĩa “*quy y Vô Lượng Giác*”, ý nghĩa này quá hay! Quý vị niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, giới luật viên mãn, chẳng sót một điều nào! Bình thường quý vị trì giới chẳng dễ gì trì viên mãn, đâu biết một câu A Di Đà Phật chính là các giới luật Đại Tiểu Thừa, thế gian, xuất thế gian thấy đều cùng tu, chẳng sót một điều nào. Khi niệm kinh phải nhất tâm niệm, chuyên tâm niệm. Kinh thường nói “*nhất tâm xưng danh*”, nhất tâm là Định. Chuyên tâm đọc kinh, chuyên tâm là Định. Niệm một bộ kinh từ đầu đến cuối rõ ràng, từng chữ phân minh, đó là Huệ.

Đạo tràng này của chúng ta dành nhiều thời gian giảng kinh, có nhiều đạo tràng chẳng giảng kinh, nhưng mỗi tháng hoặc mỗi tuần, hoặc hai tuần làm pháp hội một lần, mọi người họp nhau niệm kinh; như Hoa Nghiêm Liên Xã, mỗi nửa tháng có một lần mở pháp hội tụng kinh Hoa Nghiêm, công đức vô lượng, có pháp sư hướng dẫn mọi người niệm. Đây là tu học Tam Học được hoàn thành cùng một lúc. Do vậy, khi tôi ra nước ngoài, hy vọng đạo tràng này của chúng ta mỗi tuần tối thiểu có một lần niệm kinh, niệm A Di Đà Kinh Sớ Sao. Nếu chư vị có thể niệm Sớ Sao từ đầu đến cuối mấy lượt, sau đây nghe giảng sẽ thấy khác hẳn: Nói đến phần đầu, quý vị bèn nghĩ đến phần sau, nói đến phần sau thì

trước sau đều có thể kết nối, dễ dàng khai ngộ, có được điều tốt lành như thế ấy. Vì thế, công đức niệm kinh là vô lượng.

Chúng ta nên dưỡng thành thói quen, nếu hằng ngày niệm kinh, chính là hằng ngày thân cận Phật, Bồ Tát. Chuyên tâm niệm, chẳng cần suy nghĩ, chẳng nghĩ kinh có ý nghĩa gì. Vì sao? Nhất tâm niệm! Quý vị suy nghĩ thì sẽ là nhị tâm, tam tâm, chẳng nên! Nhất tâm niệm sẽ khai ngộ, ý nghĩa [của kinh văn] đột nhiên xuất hiện, chứ không do quý vị suy nghĩ, đó là ngộ! Chỉ cần quý vị thường xuyên niệm, sẽ thường có ngộ xứ, đọc lần nào cũng có ngộ xứ. Vì thế, đọc kinh này chẳng chán. Nhất tâm niệm, niệm kinh và niệm Phật là tu Định. Khi đọc kinh, từng chữ phân minh là tu Huệ. Huệ là hiểu rõ hết thảy, nhưng không có phân biệt, chấp trước. Thứ gì cũng hiểu rõ, lìa phân biệt, chấp trước, đó là trí huệ thật sự, là Căn Bản Trí. Niệm Phật cũng giống như vậy, cổ đức bảo chúng ta: “*Sáu chữ hồng danh, từng chữ phân minh, niệm rõ ràng, nghe rõ ràng*”, phải dùng phương pháp ấy. Đây là Tam Học huân tu cùng một lúc, phương pháp này thật sự mâu nhiệm đến tột bậc.

Tôi thừa cùng các vị đồng tu, bản thân tôi dành nhiều thời gian để đọc kinh, mỗi ngày tối thiểu đọc kinh bốn tiếng đồng hồ. Hiện thời những kinh tôi đọc đều rất chuyên, tức là đọc kinh Hoa Nghiêm, Di Đà Kinh Sớ Sao. Năm ngoái ở Mỹ quốc, tôi đọc Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký, đây là chú giải của ngài Hiền Thủ dành cho bộ Lục Thập Hoa Nghiêm. Chúng ta tự mình tu hành nếu muốn thật sự có thành tựu, nhất định phải tuân thủ hai nguyên tắc sau đây: Một là chẳng gián đoạn, hai là không xen tạp, nhất định phải chuyên!

(Sớ) Tăng kết giả.

(疏) 增結者。

(Sớ: “Tăng kết” là...)

Kẻ ấy chẳng khéo tu học, tăng trưởng phiền não.

(Sớ) Tịnh Danh Kinh vân.

(疏) 淨名經云。

(Sớ: Kinh Tịnh Danh chép...)

Trong kinh Duy Ma Cật có một công án.

(Sớ) Hữu nhị tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, phát lộ cầu sám, Ưu Ba Ly vị y Luật định tội, nghi tâm bất thích.

(疏) 有二比丘犯根本戒，發露求懺，優波離為依律定罪，疑心不釋。

(Sớ: Có hai tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, bày tỏ, sám hối, tôn giả Ưu Ba Ly y theo Giới Luật kết tội họ, tâm họ nghi hoặc không cởi gỡ được).

Có hai vị tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới. Căn Bản Giới là bốn điều “giết, trộm, dâm, dối”. Sau khi phá giới bèn cầu sám hối. Tôn giả Ưu Ba Ly (Upāli) là vị trì giới bậc nhất trong mười đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ đối trước Ngài cầu sám hối. “*Phát lộ*” có nghĩa là phơi bày, đem tất cả những tội lỗi chính mình đã phạm thấy đều nói hết ra, nói hết chẳng giấu diếm mảy may nào! Đó gọi là “*phát lộ sám hối*”. Tôn giả Ưu Ba Ly chiếu theo giới luật do đức Phật chế định để kết tội họ, phán định tội nghiệp nặng hay nhẹ. Hai tỳ-kheo ấy thấy ngài Ưu Ba Ly định tội họ, trong tâm nghi hoặc, không có cách nào tiêu trừ nỗi ngờ vực ấy được. Khi đó, họ gặp cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakīrti, Tịnh Danh). Ngài Ưu Ba Ly học Tiểu Thừa, tôn giả Duy Ma là Đại Thừa Bồ Tát, quan niệm của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Trong Tiểu Thừa, tội ấy chẳng được phép sám hối.

(Sớ) Tịnh Danh ngôn: “Nhữ vô dĩ thường pháp nhiễu loạn kỳ tâm, trọng tăng thử nhị tỳ-kheo tội”.

(疏) 淨名言：汝毋以常法擾亂其心，重增此二比丘罪。

(Sớ: Ngài Tịnh Danh nói: “Ông đừng lấy thường pháp nhiễu loạn tâm họ, khiến cho tội của hai vị tỳ-kheo này nặng thêm”).

Thấy tình hình ấy, tôn giả Duy Ma quở trách tôn giả Ưu Ba Ly. Ngài nói: “Ông đừng nên dùng giới luật bình thường (giới luật Tiểu Thừa) để định tội họ, đâm ra khiến họ càng nặng tội thêm. Họ đã hoài nghi, như vậy là ông đã đánh mất lòng từ bi, nhiễu loạn tâm họ, tăng

thêm tội cho họ”. Đây là trọng tăng (tăng nặng thêm), tăng kết (tăng thêm phiền não) đấy!

(Diễn) Thường pháp tức thị y Luật định tội. Vô nhiều loạn kỳ tâm giả, vị đương trực đàm tội tánh bản không, bất tại nội ngoại trung gian đẳng dã.

(演) 常法即是依律定罪。毋擾亂其心者，謂當直談罪性本空，不在內外中間等也。

(Diễn: “Thường pháp” là căn cứ theo Luật để định tội, “đừng nhiều loạn tâm họ” ý nói: Hãy nên nói thẳng tội tánh vốn không, chẳng ở trong, ngoài, chằng giữa v.v...)

Như vậy thì mới thật sự tăng trưởng tín tâm cho họ. Quý vị phải hiểu: Nếu chúng ta thường cảm thấy bản thân ta nghiệp chướng rất nặng, tội nghiệp rất nặng, trong tâm thường có ý niệm ấy, đối với sự tu học của chính mình sẽ có chướng ngại không chi lớn bằng. Tội ấy có thật hay chẳng? Thật sự có! Chẳng giả! Quý vị chưa ra khỏi tam giới [thì tội ấy] sẽ là thật sự có. Vì sao cư sĩ Duy Ma Cật chẳng dùng giới luật Tiểu Thừa để kết tội, mà lại bảo quý vị hãy dùng cách quán tưởng của Đại Thừa để diệt tội? Giúp cho quý vị vượt thoát tam giới, đả phá những mối nghi ngờ lo âu trong lòng quý vị. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “*Tội tùng tâm khởi tương tâm sám*” (tội từ tâm khởi, đem tâm sám). Tội từ đâu mà có? Do tâm đã mê rồi nên mới vọng động, tội nghiệp từ mê ấy mà ra! Sanh từ tâm! Chúng ta thấy như trong kinh Bát Nhã, kinh Lăng Nghiêm đã nói, tâm ở tại chỗ nào? Tìm tâm trọn chẳng thể được! Tâm đã không có, còn có tội ở nơi đâu? Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Nói cách khác, hễ quý vị có tâm là có tội, vô tâm bèn vô tội. Đó là pháp Đại Thừa, trưởng giả Duy Ma quở trách tôn giả Ưu Ba Ly là vì chỗ này!

Bởi lẽ, tôn giả Ưu Ba Ly hữu tâm, hàng Tiểu Thừa dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng lìa tâm ý thức; bởi vậy, nhất định phải chiếu theo Luật Tạng để kết tội. Hàng Đại Thừa lìa tâm ý thức, tìm tâm trọn chẳng thể được! Tìm tội, tội ở nơi đâu? Như vậy thì mới có thể vượt thoát. Có tư tưởng này thì trong một đời này niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương, quý vị mới chắc chắn nắm chắc. Thường có tội chướng vây bủa trong tâm của chính mình tức là tự tạo chướng ngại, tự chuốc phiền

phức, làm sao quý vị đạt cái tâm thanh tịnh cho được? Tâm tịnh, cõi nước tịnh. Quý vị chưa đạt được cái tâm thanh tịnh mà!

Vì thế, cách trưởng giả Duy Ma răn dạy người học cao minh lắm! Phá hết thầy nghi chướng, trong một đời này viên chứng Bồ Đề, thẳng thừng, thỏa đáng nói “*tội tánh bốn không*”, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, giống hệt như trong kinh Lăng Nghiêm tìm tâm bảy chỗ trọn chẳng thể được! Đây là người thật sự giác ngộ! Đối với người mê thì không được, kẻ mê sẽ thấy có trong, ngoài, trung gian, khó lắm! Vì thế, Phật pháp chỗ nào cũng đều nhằm dạy con người phá mê khai ngộ. Sau khi khai ngộ mới có thể thật sự đạt được tự tại. Đoạn kế tiếp có liên quan mật thiết với đoạn này, đây là điều mà Vĩnh Gia đại sư đã nói trong Chứng Đạo Ca.

(Sớ) Vĩnh Gia nghĩ chi huỳnh quang, vị bất năng khai kỳ mê ám, nhi phản tăng ích chi dã.

(疏) 永嘉擬之螢光，謂不能開其迷暗，而反增益之也。

(Sớ: Ngài Vĩnh Gia phê là “ánh sáng đom đóm”, ý nói: [Trí huệ Tiểu Thừa] chẳng thể soi tan sự mê ám, mà ngược lại còn làm tăng thêm).

Đây là dạy học chẳng khế cơ, chẳng đúng pháp. Không chỉ chẳng thể khiến cho người khác phá mê khai ngộ, mà trái lại còn khiến họ mê càng sâu hơn. Khuyết điểm ở chỗ này!

(Diễn) Nghĩ chi huỳnh quang giả, Chứng Đạo Ca vân: “Hữu nhị tỳ-kheo phạm dâm sát, Ba Ly huỳnh quang tăng tội kết, Duy Ma đại sĩ đốn trừ nghi, do như hách nhật tiêu sương tuyết”, thị dã.

(演) 擬之螢光者，證道歌云：有二比丘犯淫殺，波離螢光增罪結，維摩大士頓除疑，猶如赫日消霜雪是也。

(Diễn: “Phê là ánh sáng đom đóm”: Trong bài Chứng Đạo Ca có đoạn: “Có hai tỳ-kheo phạm tội dâm và giết hại, [trí huệ của ngài] Ưu Ba Ly như ánh sáng đom đóm khiến họ tăng thêm phiền não. Duy Ma Bồ Tát trừ ngay nỗi nghi hoặc của họ, ví như mặt trời rực rỡ, sương tuyết tiêu tan” chính là ý này).

Đây là chuyện được nói trong kinh Duy Ma Cật: Có hai tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới. Tôn giả Ưu Ba Ly chiêu theo giới luật phán tội, khiến họ mê càng sâu. Một câu nói của Duy Ma đại sĩ khiến họ phá được khỏi mê ấy. Chúng Đạo Ca dẫn dụng công án này. Ngàn vạn phần chúng ta chớ nên hiểu lầm ý nghĩa của đoạn công án này [rồi cho rằng]: “Tìm tâm chẳng thể được, tìm tội cũng chẳng thể được, không sao hết! Ta tạo cả đống tội nghiệp, không sao hết!” Quý vị tạo nhiều tội nghiệp nhất định vào địa ngục, đừng nói “không sao hết!” Vì sao kinh nói như thế? Kinh nói như thế, nhưng quý vị chẳng làm được! Nếu quý vị thật sự trong mười hai thời “tìm tâm chẳng thể được”, vậy thì được! Chỗ nào quý vị vẫn là “dụng tâm” (sử dụng cái tâm ý thức, phân biệt, chấp trước) thì sẽ có thể tìm được, chẳng phải là không thể tìm được! Quý vị khởi tâm động niệm: “Tôi chẳng sợ chuyện này, tạo thêm một ít tội nghiệp chẳng sao hết”. Đó chính là tâm. Có tâm là có tội, vô tâm mới không có tội nghiệp! Suốt ngày từ sáng đến tối luôn có tâm, khi nào mới đạt được vô tâm? Chuyện này chẳng dễ dàng!

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, có Ngã, có Nhân, kinh Kim Cang nói “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”, bốn tướng đầy đủ, vẫn phải kiếm tôn giả Ưu Ba Ly định tội. Duy Ma đại sĩ thấy vậy cũng cảm thấy ngài Ưu Ba Ly định tội không sai! Khi nào quý vị đã phá bốn tướng, không có “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng”, tôn giả Ưu Ba Ly sẽ chẳng thể định tội quý vị được! Chẳng biết phải làm sao đối với quý vị! Chúng tôi đặc biệt nói lời này ở đây, hy vọng quý vị phải khéo nghe, phải lưu ý nhiều hơn: Chỉ cần quý vị có bốn tướng thì quý vị làm lành sẽ được thiện báo, làm ác ắt mắc ác báo. Sau khi lìa khỏi bốn tướng thì mới là thiện ác hai đàng đều phá sạch, mới thật sự đạt đến “tâm và cảnh đều Không”, đây là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta phải niệm Phật đến Lý nhất tâm thì mới là cảnh giới này. Nói cách khác, từ Sự nhất tâm trở xuống đều có kết tội, vì quý vị chưa lìa khỏi tâm ý thức, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này!

Do vậy, phải tuân thủ giới luật! Không chỉ phải tuân thủ, mà còn phải giữ cho thanh tịnh. Ở đây trích dẫn đoạn kinh văn này có dụng ý rất sâu, chúng ta tuân thủ giới luật hoàn toàn chẳng chấp chết cứng vào giới điều. Vì sao phải giữ giới luật? Giúp chúng ta đạt được cái tâm thanh tịnh. Giới có nghĩa là thanh lương, giúp cho chúng ta tâm địa thanh lương, giúp chúng ta đắc nhất tâm bất loạn. Sau khi đạt được nhất tâm bất loạn, phải biết đột phá, đột phá rồi thì mới có thể chúng đắc Lý nhất

tâm bất loạn. Nếu chấp trước giới luật, công phu tối đa chỉ có thể là Sự nhất tâm, chẳng thể đạt Lý nhất tâm, đó là chướng ngại. Vì thế, đạt đến cảnh giới này phải đột phá, giống như cư sĩ Duy Ma đã nói: Phải đột phá cửa ải này rồi mới có thể chứng đắc Pháp Thân, mới có thể phá vô minh, thấy bốn tánh.

Vì thế, quan niệm của Đại Thừa và Tiểu Thừa không giống nhau. Pháp Đại Thừa quả thật cao hơn pháp Tiểu Thừa rất nhiều. Trong Giới Kinh (Luật Tạng), kinh Tiểu Thừa kết tội theo Sự, chẳng bàn đến tâm, giống như pháp luật trong thế gian, luận theo sự việc để kết tội, luận theo lỗi lầm để kết tội. Giới luật Đại Thừa chẳng quan tâm đến sự mà luận định tâm. Vì thế, giới Đại Thừa khó giữ, giới Tiểu Thừa dễ tuân thủ. Ví như giới sát sanh, trong tâm tôi căm hận tội bậc, tôi muốn giết anh, nhưng hoàn toàn chẳng giết, đối với Tiểu Thừa chẳng phải là phạm tội, tôn giả Ưu Ba Ly chẳng thể định tội. Vì sao? Không có hành động! Nhưng đối với Đại Thừa Bồ Tát giới, quý vị bị kết tội. Giới Đại Thừa răn dè nơi tâm địa, giới Tiểu Thừa răn nơi sự tướng. Trong kinh Phạm Võng có phẩm Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Giới. Đại Thừa luận tâm, không luận sự, kết tội nơi khởi tâm động niệm.

Điều này nhằm nói rõ “giáo chẳng phù hợp căn cơ, như hai tỷ-kheo bị ngài Ưu Ba Ly kết tội”. Vì sao họ hoài nghi? Chúng ta xem đoạn văn này liền hiểu ngay: Họ là căn tánh Đại Thừa, chẳng phải căn tánh Tiểu Thừa. Nếu là căn tánh Tiểu Thừa, họ chẳng hoài nghi, ta phạm tội này, đúng là phải kết tội như vậy. Họ cam tâm tình nguyện chịu [xử phạt]. Người căn tánh Đại Thừa, tuy bị phán tội, trong tâm họ không phục. Do vậy, họ mới có nghi hoặc. Gặp trưởng giả Duy Ma [phân xử] phù hợp căn tánh. Đối với người căn tánh Đại Thừa, nhất định phải dùng pháp Đại Thừa để độ họ; đối với người căn tánh Tiểu Thừa nhất định phải dùng pháp Tiểu Thừa để độ họ. Đoạn này nhằm nói rõ đạo lý này.

(Sớ) Minh ty chi tắc cơ thâm giáo thiển cố.

(疏) 明卑之則機深教淺故。

(Sớ: Chỉ rõ điều kém cõi là [ở chỗ] căn cơ sâu mà giáo pháp nông cạn vậy).

“Minh” là nói rõ, “ty” là “ty hạ” (卑下: kém hèn), “cơ thâm” như vừa mới nói, tức là hai tỷ-kheo căn tánh Đại Thừa. Tôn giả Ưu Ba Ly

theo luật định tội họ, đây là tiêu giáo. Căn cơ Đại Thừa chẳng hợp với tiêu giáo.

(Sớ) Tha nhược bất tịnh thác thi lô câu, sở tức bất lợi trùng nhân, bỉ thử vi môn, diệc phục các dị, nhi thiên tâm tiểu đại, thế bất kiêm nghi.

(疏) 他若不淨錯施爐鞴，數息不利家人，彼此為門，亦復各異，而淺深小大，勢不兼宜。

(Sớ: Ngoài ra, giống như làm lẫn đem Bất Tịnh Quán dạy người kéo bê thối lò, pháp Sổ Tức Quán chẳng tạo lợi ích cho người trồng mộ, pháp môn được lập ra cho mỗi bên mỗi khác là do [căn tánh] cạn, sâu, nhỏ, lớn [khác biệt]. Vì tình thế ấy, [những pháp môn ngoài Tịnh Độ] không thể nào thích hợp mọi căn cơ).

Những pháp môn khác cũng phải thích ứng khít khao với căn tánh thì mới có hiệu quả. Nếu căn tánh khác nhau, căn cơ chẳng phù hợp giáo pháp thì sẽ chẳng đạt được lợi ích. Người học Phật rất nhiều, có người học mấy chục năm, học suốt một đời chẳng đạt được gì, nguyên nhân là ở chỗ nào? Phật pháp họ được tiếp xúc chẳng khế hợp với căn cơ của chính họ, chẳng thích hợp! Vì thế, họ chẳng thành tựu gì! Chọn lựa như thế nào? Giống như bị bệnh vậy! Đã bị bệnh thì phải uống thuốc, thuốc rất nhiều, thử thuốc này, thử thuốc kia, thử cả mấy chục năm vẫn chẳng đúng bệnh. Bệnh tình của chính mình chẳng hề chuyển biến tốt đẹp hơn, đậm ra mỗi ngày một nặng hơn, phiền quá! Vì thế, ắt cần phải khế cơ. Đúng như khi ta bị bệnh, thuốc phải phù hợp căn bệnh thì mới có thể trị lành bệnh được!

(Diễn) Bất Tịnh Sổ Tức giả, Xá Lợi Phát giáo đệ tử.

(演) 不淨數息者，舍利弗教弟子。

(Diễn: “Bất Tịnh, Sổ Tức”: Ngài Xá Lợi Phát dạy đệ tử).

Tôn giả Xá Lợi Phát dạy hai đồ đệ phương pháp tu hành, Ngài dạy một người tu Bất Tịnh Quán, dạy người kia tu Sổ Tức Quán. Trong An Sĩ Toàn Thư có viết về cách tu Bất Tịnh Quán rất cặn kẽ, có chín thứ Bất

Tịnh Quán¹². Sổ Tức là đếm hơi thở, tức là đếm hơi thở hít vào, hoặc đếm hơi thở ra, chẳng cần phải đếm cả hai loại, chỉ đếm một loại, có thể nhiếp tâm, đặc Định, mà cũng đoạn hết thảy vọng niệm. Khi đả tọa (tịnh tọa), quý vị chú ý hơi thở, ghi nhớ phân minh, từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, rõ ràng, rành rẽ, quý vị sẽ chẳng suy nghĩ loạn xạ, dùng phương pháp này tâm có thể đặc Định.

(Diễn) Cửu chi, giai bất thành.

(演) 久之，皆不成。

(Diễn:) Đã lâu ngày, họ đều tu chẳng thành).

Hai người đều chẳng thành công, nói cách khác, đều chẳng đặc Định. Trong tâm vẫn còn rất nhiều vọng tưởng.

(Diễn) Tâm dục phản đạo.

(演) 心欲返道。

(Diễn:) Lòng muốn bỏ đạo).

“Phản đạo” là ngã lòng, tu lâu lắc ngằn ấy mà chẳng thành công, chẳng muốn tu nữa!

(Diễn) Vãng kiến Thế Tôn.

(演) 往見世尊。

(Diễn:) Đến gặp đức Thế Tôn).

¹² Chín thứ Bất Tịnh Quán: Bất Tịnh Quán nhằm đối trị sự tham ái đối với Ngũ Dục trong thế gian, gồm:

1. Quán xác chết phình trương.
2. Quán xác chết xanh bầm.
3. Quán xác chết hư hoại.
4. Quán xác chết ứa máu, chảy mủ.
5. Quán xác chết rữa nát, tuôn máu mủ, giòi bọ lúc nhúc nơi cửu khiếu.
6. Quán giòi bọ đục khoét xác chết.
7. Quán xác chết tan lìa.
8. Quán xác chết rữa hết thịt, chỉ còn xương trắng.
9. Quán xác chết bị thiêu hết không còn gì.

Đây là nói đến gặp Phật, xin Phật cho phép thôi tu: Con có tu cũng chẳng thành. Chắc là do tội nghiệp quá nặng, chẳng có phần tu đạo, tính trở về nhà, không tu nữa, không hành nữa, thoái chuyển rồi!

(Diễn) Thế Tôn vấn nhị nhân tại gia hà nghiệp?

(演) 世尊問二人在家何業?

(Diễn): Đức Thế Tôn hỏi hai người lúc chưa đi tu làm nghề gì?)

Đức Thế Tôn hỏi: - Lúc tại gia, các ông làm nghề gì?

(Diễn) Tu Số Tức giả viết: Thủ phần mộ.

(演) 修數息者曰：守墳墓。

(Diễn): Người tu Số Tức thưa: “Con canh giữ mồ mã”).

Người tu Số Tức Quán nói lúc còn tại gia, ông ta canh giữ mồ mã cho người khác.

(Diễn) Tu Bất Tịnh giả viết: Dũ kim khí.

(演) 修不淨者曰：冶金器。

(Diễn): Người tu Bất Tịnh Quán thưa: “Con là thợ kim hoàn”).

Người tu Bất Tịnh Quán nói khi ông ta tại gia làm thợ kim hoàn, khám châu báu, nung vàng, luyện vàng, làm những thứ đó.

(Diễn) Thế Tôn nãi lệnh nhị nhân dịch quán tu chi.

(演) 世尊乃令二人易觀修之。

(Diễn): Đức Thế Tôn bèn bảo hai người đổi pháp Quán để tu tập).

Đức Phật nghe nói xong, bảo: Hai người hãy trao đổi, người coi mộ tu Bất Tịnh Quán, người thợ bạc tu Số Tức Quán. Hai người trao đổi pháp tu, tu chẳng bao lâu bèn thành công. Vì sao? Người coi mộ tu Bất Tịnh Quán là vì hằng ngày thấy người chết, dễ quán thành. Người thợ bạc ắt phải kéo ống bễ, phải rất chú tâm, thích hợp cách Số Tức. Dạy ông ta tu phép Bất Tịnh, ông ta chẳng có khái niệm gì hết. Vì thế, pháp

môn nào thích hợp với hạng người ấy, thích hợp với căn tánh của người ấy, sẽ dễ tu thành công!

(Diễn) Bất cử giai chứng đạo quả.

(演) 不久皆證道果。

(Diễn: Không lâu sau, cả hai đều chứng đạo quả).

Đều thành tựu! Nếu pháp chẳng đúng với căn cơ, thưa quý vị, vẫn gọi là “tu mù, luyện đui” y như cũ! Vì thế, mọi người phải hiểu: Ta tu pháp môn này thích hợp, chưa chắc nó cũng thích hợp với người khác. Người khác tu pháp môn kia rất tốt đẹp, chưa chắc đã thích hợp với ta! Giống như chúng ta mắc bệnh không giống nhau, người ta uống loại thuốc kia, uống vào liền hết bệnh, ta cũng uống thuốc của người ấy, ta mắc bệnh không giống người ấy, uống thuốc ấy vào bệnh tăng nặng hơn, nhưng người ấy uống thuốc đó, bệnh liền lành! Đạo lý này ai nấy đều hiểu! Tu hành cũng giống như vậy; pháp môn chẳng đúng với căn cơ thì đều là “tu mù, luyện đui”. Chọn lựa pháp môn hết sức quan trọng, đây là một vấn đề lớn! Hai người ấy may mắn, sanh nhằm thời Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy dạy họ chẳng phù hợp, họ có thể hỏi đức Phật. Nay chúng ta hỏi ai? Tôi lại thưa với quý vị: Hỏi ai cũng đều chẳng đáng tin cậy, chuyện này phiền lắm! Đây là do chúng ta thiếu phước báo. Vô lượng pháp môn, tu pháp môn nào mới nên? Phải nên tuân thủ pháp môn này; đây là con đường thẳng tắt, ổn thỏa, thích đáng nhất do đức Phật đã truyền lại.

(Sớ) Duy thử Niệm Phật pháp môn, tam bối cửu phẩm, tất giai độ thoát.

(疏) 惟此念佛法門，三輩九品，悉皆度脫。

(Sớ: Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, ba bậc, chín phẩm đều được độ thoát).

Phần trên đã nói nhiều lời như thế chỉ vì một câu này. Pháp môn này như thế nào? Bất luận căn tánh nào cũng đều thích hợp! Thượng trung hạ căn đều thích hợp, chẳng như các pháp môn khác chỉ hợp với một loại bệnh nào đó mà thôi! Dùng thuốc ấy để trị bệnh khác chẳng được! Pháp này ví như thuốc A Già Đà, là vạn linh đan, bất luận quý vị

bị bệnh gì, dùng thuốc này tuyệt đối chẳng bị rắc rối, chỉ có lợi, chứ không có hại! Đang nhằm thời kỳ Mật Pháp, chúng ta phước báo cạn mỏng, chẳng gặp thiện tri thức, tu pháp môn này chắc chắn tốt lành. Có nhiều người chiêu theo pháp môn này tu tập mà chẳng thành công là do mắc lỗi gián đoạn, xen tạp. Nếu chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, không ai chẳng thành công. Vì thế, phải nhớ thật kỹ câu này!

“*Duy thứ*” (chỉ có): Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, “*tam bối*” (ba bậc) là ba thứ căn cơ thượng, trung, hạ, chữ “*cửu phẩm*” cũng chỉ các căn cơ khác nhau. Trong thượng bối có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ; trong hạ bối có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ, tổng cộng chín phẩm. “*Tất giai độ thoát*” (thầy đều độ thoát): Không có một ai chẳng thành tựu. Vì thế, nay chúng ta chọn lựa pháp môn này, chuyên tu pháp môn này, chuyên hoằng dương pháp môn này. Nói cách khác, chuyên hoằng dương pháp môn này thì những người có cùng căn tánh với chúng tôi, có tín tâm gần giống chúng tôi, tôi có thể đạt được lợi ích, quý vị cũng đều đạt được lợi ích. Những người tín giải khác biệt, họ tu các pháp môn khác, chúng ta chỉ có cách tán thán họ. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, mỗi vị thiện tri thức tu một loại pháp môn, Thiện Tài đồng tử đều nhất loạt tán thán. Chẳng riêng mình Thiện Tài đồng tử tán thán, mà chư thiện tri thức cũng đều tự mình khiêm hư, khen ngợi lẫn nhau.

Ở đây, chúng tôi phải nhắc nhở các vị đồng tu, đức Phật chẳng trụ thế, chúng ta có thể tuân thủ Tứ Y Pháp trong di giáo của đức Phật thì sẽ chẳng khác gì đức Phật tại thế. Điều thứ nhất là “*y pháp, bất y nhân*”; đặc biệt là trong thế gian hiện thời, trong giai đoạn hiện tại, “*ma mạnh, pháp yếu*”, ma nhiều, Phật ít chính là giai đoạn này! Trong kinh Lăng Nghiêm có nói: Trong thời đại hiện tại, “*tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, chúng ta làm cách nào để phân biệt? Do vậy, ắt cần phải nhớ Tứ Y Pháp của Phật. “*Y pháp, bất y nhân*”, bất luận ai nói gì, đúng cũng được, mà trật cũng được, chúng ta không quan tâm đến, chính mình sẽ chẳng bị tổn hại. Pháp là gì? Kinh điển. Kinh điển phải lấy Đại Tạng Kinh làm tiêu chuẩn. Kinh điển này trong Đại Tạng Kinh có hay chẳng? Nếu trong Đại Tạng Kinh không có, kinh ấy không đáng tin, chúng ta đừng nên tin theo, ngay cả chú giải cũng đều là như thế!

Trước kia, Đại Tạng Kinh được biên tập hết sức cẩn thận. Hiện thời, chúng ta đừng xem Đại Tạng Kinh được biên tập theo lối mới, vì sao? Chẳng đủ tiêu chuẩn! Trước kia, Đại Tạng Kinh do hoàng đế ban bố. Chưa được hoàng đế ban chiếu chấp thuận, kinh ấy chẳng được phép

lưu thông. Vì sao? Sợ hại người! Nói cách khác, quốc gia lập ra một cơ sở kiểm nghiệm, phải phù hợp tiêu chuẩn mới có thể lưu thông. Chẳng hợp tiêu chuẩn, chẳng được phép lưu thông. Trước kia, kinh điển phiên dịch ra được bao nhiêu người ấn chứng không sai lầm, hoàng đế mới ban bố. Các đại đức chú giải kinh, chú sớ đều phải trình lên chính quyền, chính quyền bèn mời rất nhiều cao tăng đại đức thẩm tra, [chứng nhận chú sớ] không bị sai lầm rồi mới trình lên hoàng đế. Hoàng đế phê chuẩn rồi mới được “*nhập tạng*” (đưa vào Đại Tạng Kinh), [tức là] chép vào Đại Tạng Kinh. Chẳng giống như hiện thời, chúng ta có tiền mở thư cục, tác phẩm nào của quý vị rất hay, tôi bèn đem sách của quý vị ghép vào Đại Tạng Kinh, chẳng có tiêu chuẩn! Vì lẽ này, đối với những bản sách trong hiện thời, càng là bản xưa càng quý báu, vì sao? Tiêu chuẩn càng cao!

Thứ hai là “*y nghĩa, bất y ngữ*”, ngôn ngữ, văn tự có sai khác đôi chút chẳng sao, đừng chấp chết cứng nơi văn tự. Chẳng hạn như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, chúng ta rốt cuộc nên dựa theo bản nào? Không sao cả! Chỉ cần ý nghĩa giống nhau là được rồi, văn tự sai khác đôi chút không sao hết, quan trọng là ý nghĩa. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta trích dẫn kinh, hay đọc chú giải, hoặc nghe giảng, quan trọng nhất là phải hiểu được ý nghĩa trong ấy. Hiểu rõ ý nghĩa thì trong tương lai quý vị nói với người khác, quý vị thích nói như thế nào bèn nói như thế ấy, đừng học theo ngôn ngữ, học ngôn ngữ là học chết cứng! Hiểu được ý nghĩa bèn sống động, nương theo nghĩa, chẳng nương theo ngôn ngữ, như vậy thì mới có thể tránh được rất nhiều tranh chấp!

Thứ ba là “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*”. Nói đơn giản, những gì có thể giúp cho quý vị thoát lìa luân hồi, liễu sanh tử, thoát tam giới trong một đời này thì là “*liễu nghĩa*”. Nếu kinh điển nào không có cách gì giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi trong một đời này, kinh điển ấy gọi là “*bất liễu nghĩa*”. Pháp môn cũng như vậy, [pháp môn nào] chẳng thể vượt thoát tam giới thì pháp môn ấy chẳng phải là pháp môn liễu nghĩa, có thể vượt thoát tam giới sanh tử luân hồi thì gọi là pháp môn liễu nghĩa. Nay chúng ta thấy trong tất cả các pháp môn, pháp môn này có thể làm cho chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vậy thì pháp môn này là pháp môn liễu nghĩa, kinh này là kinh điển liễu nghĩa.

Thứ tư, “*y trí, bất y thức*”. Trí là trí huệ, lý trí. Thức là cảm tình, người học Phật phải dựa trên lý trí, đừng nương theo cảm tình. Nương theo cảm tình sẽ thuộc vào sanh tử, luân hồi! Nương theo Lý Trí mới có

thể vượt thoát. Vì thế, thời thời khắc khắc đãi người tiếp vật phải có lý tánh, đừng trọng cảm tình. Đức Phật dạy chúng ta bốn nguyên tắc này. Có thể tuân thủ bốn nguyên tắc này, sẽ chẳng khác gì thân cận Phật!

Kinh điển, nhất là những kinh điển lưu truyền từ xưa đến nay, đối với những lý luận, phương pháp, cảnh giới được nói trong các kinh điển chúng ta phải nên tin sâu chẳng nghi, phải y giáo tu hành. ***Hiện thời, có rất nhiều người phê bình kinh điển, hủy báng kinh điển, thậm chí còn muốn sửa đổi kinh điển. Những kẻ ấy đều là yêu ma, quỷ quái, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, đừng bị bọn chúng lừa gạt!*** Nếu bọn chúng nói chúng nó là vị Phật nào đó tái lai, Phật tái lai cũng chẳng thể sửa kinh, vì sao? Phật Phật đạo đồng! Nếu pháp do đức Phật này nói, đức Phật kia bảo là không đúng thì kẻ [nêu ra thuyết] đó nhất định là yêu ma quỷ quái, vì sao? Kiên giải của chư Phật hoàn toàn tương đồng! Quý vị đã thành Phật thì [sẽ nói] kinh điển chẳng sai chút nào, [người nói] hoàn toàn giống với lời Phật nói thì người ấy mới là Phật. Lại xem đoạn tiếp theo, đại sư lại vì chúng ta mà chẳng ngại phiền giảng rõ câu “*tam giới cửu phạm, tất giai độ thoát*”.

(Sớ) Triệt thượng, tắc tam tâm viên phát, trực nhập Vô Sanh, triệt hạ, tắc thập niệm thành công, diệp sanh bỉ quốc. Sở vị: “Bất ly nhất pháp, xảo bị chư căn”.

(疏) 徹上，則三心圓發，直入無生，徹下，則十念成功，亦生彼國。所謂不離一法，巧被諸根。

(Sớ: Thông trên thì phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh, thấu dưới thì mười niệm thành công cũng sanh về cõi kia. Đây gọi là: “Chẳng lìa một pháp, khéo phù hợp các căn”).

Đây là giải thích câu “*tam căn phổ bị, lợi độn tề thâm*”. Tam tâm viên phát là gì? Quý vị hãy mở sách Diễn Nghĩa, ở đây chúng ta phải đặc biệt chú ý, vì sao? Có môi quan hệ khiến ta có thể vãng sanh trong một đời này hay không? Không chỉ quan hệ về vãng sanh, mà còn quan hệ đến phẩm vị vãng sanh cao hay thấp, hy vọng mọi người trong cuộc sống thường ngày đều vận dụng ba thứ tâm này, tức là [ba tâm] như đức Phật đã nói trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

(Diễn) Tam tâm, tức Quán Kinh sớ vân: Nhất giả, chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm.

(演)三心，即觀經所云：一者至誠心，二者深心，三者回向發願心。

(Diễn: Tam tâm là như Quán Kinh đã nói: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm).

“Tam tâm” là nhất tâm, tức là Bồ Đề tâm, là Phật tâm. Phật là tâm gì vậy? Phật là những tâm này! Cái tâm của chúng ta khác với tâm Phật, cho nên chúng ta chưa thể thành Phật. Nếu tâm chúng ta giống như Phật thì sẽ thành Phật, thành Phật chẳng phải là thân thành Phật, mà là tâm thành Phật, quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Thứ nhất là “chí thành”, thành đến mức cùng cực, “thành” là thật, chẳng có tí ti hư giả nào. Tâm ấy gọi là “chân tâm”, đối với hết thầy người, đối với hết thầy vật đều phải dùng tâm chân thành, nhất định chẳng lừa dối người khác. Cũng có những vị cho rằng: “Nếu tôi dùng chân tâm, thành tâm, tôi làm gì cũng chẳng suông sẻ!” Có người nói: “Tôi buôn bán, nếu tôi chẳng gạt người ta, làm sao kiếm tiền được?” Thật ra những quan niệm ấy đều sai lầm. Nếu nói gạt người sẽ kiếm được tiền thì kẻ gạt người rất nhiều, có sao họ mạt rệp như thế? Đủ thấy những món tiền họ kiếm được chẳng do lừa gạt mà có! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Cửa cái do tu Tài Bố Thí trong đời quá khứ đưa tới, trong mạng quý vị có! Tâm quý vị chân thành thì nay quý vị buôn bán kiếm được tiền nhiều ngàn ấy. Quý vị sử dụng hết mọi thủ đoạn lừa gạt thì nay quý vị vẫn kiếm được đúng ngàn ấy, chẳng tăng, chẳng giảm, sao lại khổ sở lừa gạt người khác? Chẳng cần thiết! Cổ nhân nói: “*Quân tử vui vẻ làm quân tử, tiểu nhân oan uổng làm tiểu nhân*”. Trong mạng của quý vị đã có sẵn, một miếng ăn, một hớp uống không gì chẳng phải đã định sẵn, chẳng dính dáng gì với dụng tâm. Quý vị dùng chân tâm, ngày nay quý vị có được nhiều ngàn ấy; quý vị dùng giả tâm, quý vị vẫn được nhiều ngàn ấy, chẳng liên can! Nhưng quý vị dùng chân tâm thì có thể thành Phật, dùng giả tâm phải đọa tam đồ. Đó là oan uổng! Vì thế, đãi người, tiếp vật phải dùng lòng chân thành, đừng nên hư ngụy. Đó là cơ sở và căn bản để “học Phật, thành Phật”. Đây là bản thể của Bồ Đề tâm, bản thể là chí thành.

Hai tâm kế tiếp là ứng dụng. Thâm tâm là Tự Thụ Dụng tâm, để chính mình thụ dụng, đối với chính mình. Chân thành chí thành tâm đối với chính mình khởi tác dụng thì gọi là “*thâm tâm*”. Vì vậy, thâm tâm là thanh tịnh tâm. Con người thích nhất là tâm thanh tịnh, đó là niềm vui tối cao! Người thâm tâm thanh tịnh là người sung sướng nhất. Thâm tâm là thanh tịnh tâm, chuộng thiện ưa đức là thâm tâm, Tự Thụ Dụng đây! Đối đãi người khác như thế nào? Chí thành đối đãi người khác là hồi hướng phát nguyện tâm. Trí huệ, năng lực, thân thể, tài sản của chúng ta đều công hiến cho xã hội, mưu cầu phước lợi cho đại chúng, đó là hồi hướng phát nguyện tâm. Chẳng vì chính mình mà vì hết thảy chúng sanh, đó là hồi hướng, hồi tự hướng tha. Hồi tự hướng tha thì có phải là công đức của chính mình chẳng còn nữa hay chẳng? Chẳng phải! Trong kinh Địa Tạng nói: Nếu chính mình tu hành mà chẳng hồi hướng thì lợi ích chỉ được một đời, tối đa là ba đời. Nếu hồi hướng, đúng là trăm kiếp ngàn đời hưởng thụ phước báo bất tận!

Hồi hướng giống như thắp đèn: Dùng một ngọn đèn của ta thắp sáng hết thảy các ngọn đèn. Hết thảy các ngọn đèn đều được thắp lên, đèn của ta vẫn cháy, trọn chẳng bị tắt. Trọn chẳng phải là ta san sẻ lửa đèn cho người khác, đèn của ta liền tắt. Không có! Chỉ càng thêm sáng sủa, vì sao? Ví như một căn nhà, ta thắp một ngọn đèn chiếu sáng, nhưng mấy ngàn ngọn đèn, mấy vạn ngọn đèn thảy đều thắp lên, càng sáng rực hơn! Khuếch đại công đức do chính mình đã tu, khuếch đại đến vô lượng vô biên tận hư không khắp pháp giới, làm sao bị tổn thất cho được? Chẳng bị tổn thất! Đức Phật dạy chúng ta phát bốn hồng thệ nguyện đều là hồi hướng. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát cũng là hồi hướng. Hai nguyện trước trong ba nguyện cuối cùng là “*biệt hồi hướng*”, một nguyện sau cùng là tổng hồi hướng, “*phổ giai hồi hướng*”. Lại thưa cùng quý vị, nếu chẳng hồi hướng, quý vị sẽ chẳng phá được Nhân Ngã Chấp, niệm niệm vì chính mình. Nếu quý vị chịu hồi hướng, sẽ bất tri bất giác phá Ngã Chấp trong ấy, phá Ngã Chấp sẽ chứng địa vị Tứ Quả La Hán. Nếu quý vị niệm Phật bèn có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị chẳng phá Ngã Chấp, đối nghiệp vãng sanh bèn sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn mang thân phận trời người, điều này có quan hệ rất lớn đối với phẩm vị. Có thể niệm niệm đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, sẽ vô ý phá được Ngã Chấp; đã vô ngã rồi, chúng ta niệm Phật mới có thể đắc nhất tâm bất loạn, như vậy thì mới có thể sanh

vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, hay cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị được nâng cao lên rất nhiều!

Quý vị phải ghi nhớ: Tam tâm là nhất tâm, một tâm (chí thành tâm) là Thê, hai tâm kia (thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm) là Dụng. Một Thê, hai Dụng. Một cái là Tự Thụ Dụng, một cái là Tha Thụ Dụng. Vì thế, tam tâm là nhất tâm, Thê và Dụng của nhất tâm là nói theo ba phương diện. Lại giảng thế nào là “*viên phát*”?

(Diễn) Viên giả, viên đốn, vô thứ đệ cố.

(演) 圓者圓頓, 無次第故。

(Diễn): Viên là viên đốn, không theo thứ tự).

Viên có ý nghĩa như thế này: Chẳng có giai cấp, chẳng có thứ tự trước sau. Hễ phát thì cả ba tâm đồng thời đều phát, chứ không phải là trước hết ta phát chí thành tâm, rồi phát thâm tâm, sau đây mới phát ra cái tâm phát nguyện hồi hướng. Chẳng phải vậy, mà là đồng thời. Đồng thời thì là Viên, thì là Đốn!

(Diễn) Hựu viên dung, vô bỉ thử cố.

(演) 又圓融, 無彼此故。

(Diễn): Lại là viên dung, không có đây, kia).

Viên có ý nghĩa như thế này: Ý nghĩa viên dung, chẳng có đây hay kia.

(Diễn) Hựu viên mãn, vô khuyết thiếu cố.

(演) 又圓滿, 無缺少故。

(Diễn): Lại có nghĩa là viên mãn, không thiếu sót).

Đây là ý nghĩa khác của chữ Viên, Viên bao gồm rất nhiều ý nghĩa: Viên mãn, chẳng có thiếu sót!

(Diễn) Thử thị viên nhân.

(演) 此是圓人。

(Diễn): Đây là người căn tánh viên đốn).

Thưa quý vị, người thật sự phát những tâm ấy là người căn tánh viên đốn trong năm giáo. Do vậy, để xét xem căn tánh của con người là căn tánh Đại Thừa hay căn tánh Tiểu Thừa, căn tánh Biệt Giáo, căn tánh Thông Giáo, hay căn tánh Viên Giáo thì xét từ chỗ nào? Xét từ phát tâm. Xét sự phát tâm thì quý vị tiếp xúc, quan sát, chuyện trò mấy câu liền biết ngay, biết người ấy dùng cái tâm gì, thuộc hạng nào trong Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nói cách khác, nên dùng giáo pháp nào thì mới khế hợp căn cơ của người ấy. Căn tánh viên đốn nhạy bén nhất là bậc thượng thượng căn. Chỉ có phát trọn vẹn ba tâm thì mới có thể tiếp nhận Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cũng như kinh Phạm Võng. Những kinh ấy đều là pháp Nhất Thừa, người ấy vui thích tiếp nhận, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thật sự đã phát ba tâm ấy.

(Diễn) Tựu viên dung tam pháp nhi phát tâm dã.

(演) 就圓融三法而發心也。

(Diễn: Bèn viên dung ba pháp mà phát tâm).

Đó gọi là người căn tánh viên đốn, hoặc còn gọi là chủng tánh viên đốn.

(Diễn) Đương tri phát thử tam tâm thị nhân.

(演) 當知發此三心是因。

(Diễn: Hãy nên biết: Phát ba tâm này là nhân).

Có nhân lại còn có duyên, đương nhiên có quả báo.

(Diễn) Thị vị sanh Tịnh Độ thời sự.

(演) 是未生淨土時事。

(Diễn: Đó là chuyện trước khi sanh về Tịnh Độ).

Đây là bảo chúng ta: Phát trọn vẹn ba tâm là [nhằm nói về] chúng ta trong hiện tại, hiện thời chúng ta vẫn chưa sanh về Tịnh Độ, [còn đang] cầu sanh Tịnh Độ, vẫn chưa sanh về Tịnh Độ. Quý vị đã phát trọn vẹn ba tâm, niệm một câu A Di Đà Phật, sẽ gọi là Lý niệm, nhất tâm bất loạn mà quý vị đắc chính là Lý nhất tâm bất loạn, chẳng phải là Sự nhất

tâm. Người đã phát trọn vẹn ba tâm rất dễ khai ngộ, vì sao? Người ấy ít chướng ngại. Vì sao ít chướng ngại? Chẳng có nghi lự gì! Phàm là kẻ lẩn chướng ngại, nghi thân, nghi quý, lẩn nổi hoài nghi, lo lắng quá nhiều, đó là chướng ngại. Người đã phát trọn vẹn ba tâm, lo lắng gì cũng chẳng có, nghi hoặc gì cũng không có. Do vậy, đối với hết thầy kinh giáo, người ấy dễ dàng khai ngộ. Những thứ ấy đều phải do chính mình cầu, người khác chẳng giúp đỡ được. Nói theo cách bây giờ, đây chính là thiết lập một nhân sinh quan và vũ trụ quan mới mẻ.

Đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, hết thầy chẳng hoài nghi, hết thầy không vướng mắc, tâm quý vị sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tiếp xúc hết thầy các pháp, tâm khai ý giải, tự nhiên có thể lý giải, đây chính là trí huệ Bát Nhã trong bốn tánh khởi tác dụng. Thiên gia thường nói “*lìa tâm ý thức*”, ba tâm bèn hiển lộ. Tâm là vọng tưởng, Ý là chấp trước, Thức là phân biệt. Nói cách khác, trong hết thầy các pháp chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng khởi vọng tưởng, người ấy tự tại lắm! Đó là người căn tánh viên đốn thật sự. Câu “*vị sanh Tịnh Độ thời sự*” (chuyện thuộc lúc chưa sanh về Tịnh Độ) chính là nói về chúng ta trong hiện thời.

(Diễn) Thị Viên Thập Tín vị trung sự.

(演) 是圓十信位中事。

(Diễn: Là chuyện thuộc về địa vị Thập Tín trong Viên Giáo).

[Đây là] chuyện thuộc về địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Tuy thuộc Thập Tín, nhưng chỗ thù thắng của địa vị Thập Tín trong Viên Giáo là Thập Tín trong Viên Giáo bằng với địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo; nhưng so ra, căn tánh phải nhạy bén hơn hàng Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo rất nhiều.

Tam Hiền Bồ Tát trong Biệt Giáo vẫn có nhiều chướng ngại, Thập Tín trong Viên Giáo ít chướng ngại. Vì vậy, người căn tánh viên đốn đáng quý nhất, khó có nhất.

(Diễn) Trục nhập Vô Sanh thị quả.

(演) 直入無生是果。

(Diễn: Chứng nhập thẳng vào Vô Sanh là quả).

Trục nhập Vô Sanh là quả báo.

(Diễn) Thị dĩ sanh Tịnh Độ thời sự, thị chứng Viên Sơ Trụ thời sự.

(演) 是已生淨土時事，是證圓初住時事。

(Diễn: Đó là chuyện khi đã sanh vào Tịnh Độ, là chuyện khi đã chứng Sơ Trụ trong Viên Giáo).

Thật là phi phạm! Sơ Trụ trong Viên Giáo là gì? Là Lý nhất tâm bất loạn, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta nói là Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở thấy Phật. Trong bài kệ Hồi Hương ta thường niệm có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*” là nói về người thuộc quả vị này. Nếu quý vị hỏi: Lý nhất tâm là gì? Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, đều dùng chí thành tâm, thâm tâm, hồi hương phát nguyện tâm thì đó là Lý nhất tâm. Ất phải trong hết thấy cảnh duyên thuận và nghịch, cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), rèn luyện trong hết hoàn cảnh vật chất và nhân sự, luyện gì vậy? Luyện chân thành! Người khác đối xử tốt đẹp với ta, ta dùng tâm chân thành đối với người ấy. Người khác chơi xấu ta, ta vẫn phải dùng cái tâm chân thành để đối đãi kẻ ấy, nhất quyết chẳng có hai tâm! Ta đối với Phật, Bồ Tát bằng cái tâm chân thành, đối với kẻ oan gia đối đầu vẫn dùng tâm lòng chân thành, nhất tâm, chẳng nhị tâm, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị dùng cái tâm này, bất luận trong cảnh giới nào, tâm quý vị luôn thanh tịnh, từ bi, hồi hương phát nguyện tâm là tâm đại từ đại bi.

Quý vị chẳng chịu dùng cái tâm này thì nói cách khác, quý vị chẳng tu Lý nhất tâm, còn có cách gì nữa đây? Đây là chuyện của chính mình, Phật, Bồ Tát chắc chắn chẳng giúp được! Có thể chuyển cảnh giới hay không là do trong một niệm của quý vị. Trong thế gian này, quý vị vẫn còn phân biệt nhân ngã, thị phi thì chẳng những không có phần nơi Viên Giáo, mà Biệt Giáo và Thông Giáo cũng chẳng có phần, chắc chắn thuộc vào Tạng Giáo, tức là tầng thấp nhất trong Tạng - Thông - Biệt - Viên. Chỉ có người thuộc Tạng Giáo mới phân chia nhân ngã, thị phi,

mới có những chấp trước nghiêm trọng như vậy. Người thuộc Thông Giáo đã biến đổi lớn lao, chẳng còn chấp trước nữa.

(Diễn) Tam tâm viên phát trực nhập Vô Sanh giả, vị dẫn năng tam tâm viên phát giả, sanh Tịnh Độ thời tức trực nhập Vô Sanh dã.

(演) 三心圓發直入無生者，謂但能三心圓發者，生淨土時即直入無生也。

(Diễn): “Phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh” ý nói: Chỉ cần phát trọn vẹn ba tâm thì lúc sanh vào Tịnh Độ liền lập tức chứng nhập Vô Sanh).

Câu này nói hết sức rõ ràng, chỉ cần quý vị dùng ba tâm (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), từ nay trở đi, ta đối với người bằng lòng chân thành, kẻ khác luôn đối gạt ta, được thôi! Tiêu nghiệp chướng cho chính mình! Chẳng những chớ nên trách móc kẻ ấy, mà ngược lại còn dập đầu cảm tạ hẳn. Vì sao? Tiêu trừ nghiệp chướng từ vô thủy kiếp đến nay. Người ta chửi chúng ta một câu là tiêu trừ nghiệp chướng, nếu quý vị chửi lại người ta một câu, quý vị không chỉ chẳng tiếp nhận người ta thay mình tiêu trừ nghiệp chướng, mà chính mình còn muốn tạo nghiệp, tăng thêm tội! Vì thế, đối với người hiểu biết: Chịu thiệt thòi là chiêm tiện nghi. Kẻ chẳng chịu thua thiệt là kẻ chẳng biết tiếp nhận cách tiêu nghiệp chướng. Vì thế, quý vị đọc kinh Phật phải mở mang trí huệ, nhất định phải giác ngộ.

Trực nhập Vô Sanh là trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, quý vị chẳng vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chẳng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Người sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm có ai chẳng biết trước lúc mất? Có ai chẳng sanh tử tự tại? Ngay cả bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng đều biết trước lúc mất, lúc lâm chung như nhập Thiền Định, hưởng hồ bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh trong cõi Thật Báo! Vì thế, quý vị nhất định phải khéo dụng tâm, phải dùng chân tâm, chớ nên hư tình giả ý, [nếu hư tình giả ý] kẻ chịu thiệt thòi là chính mình, chắc chắn chẳng phải là người khác! Hôm nay chúng tôi giảng kinh văn đến chỗ này!

Tập 63

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi tư:

(Sớ) Duy thử Niệm Phật pháp môn, tam bối cửu phẩm, tất giai độ thoát, triệt thượng, tắc tam tâm viên phát, trực nhập Vô Sanh; triệt hạ, tắc thập niệm thành công, diệt sanh bỉ quốc.

(疏) 惟此念佛法門，三輩九品，悉皆度脫。徹上，則三心圓發，直入無生；徹下，則十念成功，亦生彼國。

(Sớ: Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, ba bậc chín phẩm đều được độ thoát. Thông trên thì phát trọn ba tâm, vào thẳng Vô Sanh; thấu dưới thì mười niệm thành công, cũng sanh về cõi ấy).

Kinh A Di Đà không dài, cổ nhân ca ngợi bản chú giải của Liên Trì đại sư là “*bác đại tinh thâm*” (mênh mông, tinh vi, sâu thẳm). Cơ hội giảng Sớ Sao một lượt hết sức khó có, chúng ta phải nên quý tiếc dịp này. Lần này, khóa giảng của chúng tôi bị gián đoạn tám tháng, đột nhiên đọc kinh văn này, quả thật cũng chẳng biết nói điều gì. Xin quý vị mở quyển kinh, chúng ta ôn lại phần Duyên Khởi đã giảng trước kia. Trước khi giảng kinh, Liên Trì đại sư đã nói rõ đạo lý của bộ kinh này, đạo lý ấy được chia thành mười đoạn. Đoạn thứ nhất là Giáo Khởi Sở Nhân, [tức là] vì nguyên nhân nào mà [đức Phật] nói pháp môn này? Vì sao chúng ta phải niệm Phật? Trong điều này, trước hết là tổng thuyết (nói tổng quát), “*tiên minh tổng giả (tổng nhân duyên), vị Như Lai duy vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện u thế*” (trước hết, nói nhân duyên chung, nghĩa là Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời). Rốt cuộc đức Phật vì đại sự gì vậy? Chúng ta phải hiểu rõ điều này!

Chuyện lớn nhất của đời người trong thế gian là đại sự sanh tử. Nhiều đồng tu cũng có thể nói [như vậy], tuy biết nói, nhưng thường quên khuấy đại sự này. Vì sao? Nếu quý vị chẳng quên khuấy, có sao quý vị khởi vọng tưởng? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, dù thấy đã quên khuấy đại sự này. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói “*khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật*”. Đó là lý do vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giảng sanh trong thế gian này, vì sao Ngài muốn giảng Phật pháp cho chúng ta. Đức Phật “*khai thị*”, “*khai*” (開) là khơi mở, “*thị*” (示) là chỉ bày. Gợi mở, chỉ bày điều gì? Phật tri, Phật kiến. Mỗi cá

nhân chúng ta vốn sẵn có Phật tri, Phật kiến. Kinh Đại Thừa nói “*hết thảy các chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Quý vị vốn là Phật, vì sao ngày nay biến thành nông nổi này? Do quý vị mê mất Phật tri Phật kiến của chính mình. Đức Phật làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, giúp cho chúng khơi mở, chỉ bày Phật tri Phật kiến mà chúng ta sẵn có, nhưng chúng ta phải biết học. Vì thế, hai chữ “*ngộ nhập*” là chuyện của chính mình, đức Phật khơi mở, chỉ bày, còn bản thân chúng ta phải giác ngộ. Sau khi giác ngộ, chính mình phải nhập cảnh giới ấy, “*nhập*” (入) là phải chứng đắc, như vậy thì mới chẳng cô phụ ý nghĩa xuất hiện trong thế gian này của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tiếp theo đó là “*biệt thuyết*”, nhân duyên riêng biệt gồm mười điều. “*Nhất, đại bi mãn niệm Mật Pháp, vị tác tân lương cố*” (Thứ nhất, do lòng đại bi nghĩ thương đời Mật Pháp, làm cầu bến [cho chúng sanh]). Chúng ta đặc biệt chú ý từ ngữ “*mãn niệm Mật Pháp*”. “*Mãn*” (憫) là xót thương; [“*mãn niệm Mật Pháp*” là] xót thương chúng sanh đời Mật Pháp, nay chúng ta đang sống trong thời Mật Pháp. Cõi đời loạn lạc, thế giới hiện thời nguy cơ trùng trùng, chẳng tìm được chỗ nào để an thân lập mạng, loạn đến tột cùng! Nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ lòng người. Lòng người rối loạn, đánh mất chuẩn tắc, [tức là] chẳng có một nguyên tắc, tiêu chuẩn nào, không được rồi! Đây là một điềm dự báo hết sức bất lợi, chúng ta phải giác ngộ. Điềm dự báo là cả thế giới nhất định sẽ xảy ra tai nạn to lớn; nay chúng ta may mắn gặp gỡ Phật pháp, nếu có thể tin hiểu, y giáo phụng hành, trong khoảng thời gian ngắn ngủi trước khi đại kiếp nạn xảy tới, chúng ta còn có đủ thời gian để chuẩn bị hòng có thể tránh khỏi tai nạn này, có đủ thời gian hòng thoát khỏi! Điều cốt yếu là chúng ta có tin hay không, tức là chính mình có thiện căn, phước đức hay chẳng. Đã gặp nhân duyên này, [đức Phật] bảo rõ ràng với chúng ta: Trong thời Mật Pháp, trừ pháp môn Niệm Phật ra, không có pháp nào khác cứu được! Tu học bất cứ pháp môn nào khác đều chẳng thể thành công!

Lần này, từ Hương Cảng, tôi đem về cuốn băng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất của lão pháp sư Đàm Hư, quý vị hãy nghe lời giảng diễn của vị lão pháp sư này, Ngài là tổ sư của tông Thiên Thai trong thời cận đại, Ngài cũng nói rõ ràng, minh bạch: Trong cả một đời Ngài, thấy người niệm Phật biết trước lúc mất, có người đứng mà mất, có người ngò qua đời, không bệnh tật mà mất, ra đi vô cùng tự tại, Ngài thấy cả hơn hai mươi người [ra đi như thế]. Chính Ngài ngồi viên tịch năm chín

mười mấy tuổi, cũng chẳng có bệnh tật gì! Đây đều là những chuyện chứng thực rõ ràng. Ngài học giáo nghĩa Thiên Thai, Thiên Thai thì phải nên tu Chỉ Quán, nhưng Ngài chẳng tu Thiên, chẳng tu Chỉ Quán, mà niệm Phật, Ngài còn đặc biệt nói rõ: Trong thời đại này, tu Thiên, học Mật, hay học gì đi nữa, đều chẳng thể thành tựu! Ngài khai thị chém đinh chặt sắt như thế, khuyên chúng ta hãy niệm Phật. Vì thế, nhân duyên thứ nhất là tâm đại bi, đại từ đại bi, nghĩ thương lũ chúng sanh chúng ta trong hiện tại, làm cầu bần cho chúng ta.

“*Nhị, đặc u vô lượng pháp môn, xuất thắng phương tiện cố*” (Hai là vì đặc biệt nêu ra phương tiện thù thắng trong vô lượng pháp môn). “*Thắng*” (勝) là thù thắng. Pháp môn này thù thắng nhất trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vì sao biết pháp môn này thù thắng nhất? Phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm nói về tu hành, nói tới hai ngàn pháp môn, nhưng Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử chọn lựa pháp môn Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị nghĩ xem: Nếu chẳng là pháp thù thắng nhất, lẽ nào Văn Thù, Phổ Hiền chọn lựa pháp môn này? Vì thế, kinh Hoa Nghiêm có thể chứng minh cho chúng ta.

“*Tam, khích dương sanh tử phàm phu, linh khởi hân yếm cố*” (Ba là vì khích động, cổ vũ phàm phu sanh tử khiến họ khởi lòng ưa [Cực Lạc] chán [Sa Bà]). Chúng ta nay là phàm phu sanh tử, thấu hiểu sâu xa nỗi khổ trong đời người, nhất là sống trong thời đại này, nhìn vào thế gian rồi ngấm lại bản thân, thế gian này chẳng có một chuyện gì đáng cho chúng ta lưu luyến. Nói thật ra, chẳng có cách nào vượt thoát, đi không được! Có thể đi thì có ai chẳng muốn ra đi? Đi không được! Đức Phật bảo chúng ta thật sự có thể ra đi, chỉ cần quý vị chịu tin tưởng, chỉ cần quý vị thật sự mong muốn, chiếu theo lý luận và phương pháp trong bộ kinh này thì sẽ có thể vượt thoát! Thế nhưng, tu học phải chuyên, đừng gián đoạn, đừng xen tạp, chúng ta nhất định thành công trong một đời này!

“*Tứ, hóa đạo Nhị Thừa chấp Không, bất tu Tịnh Độ cố*” (Bốn là nhằm giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa chấp Không, chẳng tu Tịnh Độ): Công đức của bộ kinh này rất lớn, không những là dạy phàm phu, dạy trời người, mà còn dạy Thanh Văn, Duyên Giác, tức là những bậc thánh giả trong Tiểu Thừa như A La Hán và Bích Chi Phật, khuyên lớn, khích lệ họ hồi Tiểu hướng Đại, vì sao? Chẳng tu Tịnh Độ sẽ chẳng thể viên mãn Bồ Đề, kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng như thế. Nhất là trong đạo tràng của chúng ta, tham chiếu kinh Di Đà lẫn kinh Hoa Nghiêm thì Sự và Lý này càng vô cùng rõ ràng.

“Ngũ, miến tấn Sơ Tâm Bồ Tát, thân cận Như Lai cố” (Năm là vì khuyến khích hàng Sơ Tâm Bồ Tát thân cận Như Lai). “Miến” (勉) là “miến lệ” (勉勵: khuyến khích, cổ vũ), “tấn” (進) là khuyên lơn, sách tấn. Sách tấn chúng ta, khuyên chúng ta là hạng Sơ Tâm Bồ Tát; bao nhiêu đồng tu thọ Bồ Tát Giới đều là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Nếu Sơ Phát Tâm Bồ Tát chẳng thân cận đức Phật, sẽ bị thoái chuyển, đi sai đường! Trong các thiện tri thức, Như Lai là vị thiện tri thức tốt lành nhất, là chân thật nhất, chẳng cầu Phật thì cầu ai đây? Nếu vị Phật ấy rất xa, có cầu cũng chẳng cầu được thì chẳng biết làm sao, không có cách nào hết! Nay bảo cho quý vị biết: Vị Phật [A Di Đà] này hễ cầu liền cầu được, chẳng xa, chắc chắn có thể cầu được! [Vị thế, Thích Ca Mâu Ni Phật] dạy chúng ta phải thân cận thiện tri thức, phải thân cận A Di Đà Phật.

“Lục, tận nhiếp lợi độn căn, tất giai độ thoát cố” (Sáu là vì nhiếp trọn lợi căn và độn căn, khiến họ đều được độ thoát). Bất luận căn tánh của quý vị là lợi căn hay độn căn, lợi căn là người thông minh, độn căn là kẻ ngu đần. Người căn tánh nhạy bén nhất, hay người căn tánh ngu ngốc nhất đều có thể vãng sanh. Nay chúng tôi giảng đến đoạn này, phía sau còn có bốn đoạn nữa, đến lúc ấy sẽ giảng tiếp. Đã biết những nguyên do trong phần trước, hôm nay chúng tôi có thể tiếp tục giảng từ đoạn này.

“Duy thử Niệm Phật pháp môn” (Chỉ có pháp môn Niệm Phật này), “duy” (惟) là duy nhất, chỉ có một mình pháp môn này, “tam bối cửu phẩm, tất giai độ thoát” (ba bậc, chín phẩm, thấy đều độ thoát). Câu này là nói tổng quát. “Tam bối” là nói về căn tánh của người ấy, căn tánh bậc thượng, căn tánh bậc trung, và căn tánh bậc hạ, đó là “tam bối”. “Cửu phẩm” là phân chia tỉ mỉ hơn, căn tánh bậc thượng có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ; căn tánh bậc trung có trung thượng, trung trung, trung hạ; căn tánh bậc hạ có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Chín phẩm này vẫn là nói đại lược, bao gồm toàn bộ căn tánh của tất cả chúng sanh trong đó.

Tiếp đó, đoạn kinh văn này lại nêu sự thật cụ thể. “Triệt thượng” là nói đến căn tánh cao nhất, hạng người nào vậy? “Tam tâm viên phát, trực nhập Vô Sanh” (phát trọn ba tâm, nhập thẳng vào Vô Sanh), đó là người tối thượng thượng căn. Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy Lục Tổ đại sư tiếp dẫn chúng sanh, học trò của Ngài đều là bậc thượng thượng thừa, họ thuộc loại này, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Người như vậy, luận về địa vị trong Phật giáo, dùng Viên Giáo của Hoa Nghiêm để nói,

thì phải là từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên. Nếu nói theo Biệt Giáo phải là Sơ Địa Bồ Tát trở lên, chẳng phải là phàm phu, phải cao hơn A La Hán và Bích Chi Phật rất nhiều. Lời nói này có căn cứ gì hay không? Kinh Hoa Nghiêm là căn cứ! Trong kinh Hoa Nghiêm, đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đối tượng là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng. Đây là chúng mình, thật đấy, chẳng giả một chút nào! Từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Đẳng Giác Bồ Tát không một ai chẳng phát tâm cầu sanh về Tịnh Độ. Do điều này có thể thấy sự thù thắng của pháp môn này.

Ở đây, [lời Sớ] nêu ra mấy danh từ, “*tam tâm viên phát*”: Tam tâm là Bồ Đề tâm. Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, tam tâm là trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm, đó gọi là “*tam tâm*”. Chúng ta đã phát tam tâm, nhưng chưa viên mãn, [tức là] chưa phát trọn đủ. Chẳng hạn như phải từ bi đối với người khác, nhưng phát [tâm từ bi] rồi, phát được mấy phút, thấy ai đó chẳng vừa mắt, ngay lập tức tâm từ bi chẳng còn nữa! Đủ thấy cái tâm từ bi ấy chẳng viên mãn! Tâm từ bi đã chẳng viên mãn thì thâm tâm và trực tâm chẳng cần phải nói tới nữa! Thâm tâm là tâm thanh tịnh, trực tâm là tâm bình đẳng. Tâm Phật bình đẳng, thanh tịnh, từ bi, tâm Bồ Tát là Lục Độ, tâm Thanh Văn là Tứ Đế, tâm Duyên Giác là Thập Nhị Nhân Duyên. Nay chúng ta muốn thành Phật, phải tu tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh, tâm từ bi. Đó là Phật đạo. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói [tam tâm] là chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm, có ý nghĩa giống với Khởi Tín Luận. Đã phát ba tâm này, nhưng còn chưa sanh vào Tịnh Độ!

“*Trực nhập Vô Sanh*”: Đây là đã sanh vào Tịnh Độ, trực nhập Vô Sanh chính là sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh. Thử hỏi: Chúng ta có thể làm được hay không? Thưa quý vị, thật sự có thể làm được! Chẳng giả tí nào! Nếu công phu này là Lý nhất tâm bất loạn thì sẽ có thể làm được. Nếu chưa làm được, phải trách chính mình, tự mình phải chịu trách nhiệm. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, trong cảnh giới tu cái tâm bình đẳng, oán thân bình đẳng, tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chẳng chấp tướng. Tâm bình đẳng là Quán Huệ, là trí huệ. Tâm thanh tịnh là Thiên Định; ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm. Lại còn tu tâm đại từ, đại bi, lợi ích trọn khắp hết thảy các chúng sanh, bỏ mình vì người, đó gọi là “*tam tâm*”.

Tách lìa chúng sanh thì tu cái gì? Ta thấy ưa thích người này, chán ghét người kia, thường thân cận kẻ ưa thích, tránh xa kẻ chán ghét thì

còn tu cái gì nữa? Đó là tu cái tâm luân hồi trong lục đạo, vẫn là gây tạo lục đạo luân hồi! Phải nên tu bằng cách nào? Người thân ái và kẻ oán gia đối đầu đều phải đối xử bình đẳng, chẳng có hai thứ cảnh giới [yêu và ghét] hiện diện, thử hỏi quý vị cách tu như thế nào? Quý vị phải biết tu hành là tu ở chỗ nào? Tu nơi thân của hết thảy các chúng sanh. Hết thảy các chúng sanh là Tăng Thượng Duyên giúp chúng ta tu hành. Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm có tỷ dụ sánh ví Phật như quả và hạt trên cây, ví hoa như Bồ Tát, hoa quả do đâu mà có? Do rễ mà có! Rễ là gì? Rễ là hết thảy chúng sanh. Vì thế, đức Phật nói phải dùng nước đại từ bi tưới bón chúng sanh. Tưới bón chúng sanh là thừa sự, cúng dường Như Lai. Nếu quý vị chẳng tu nơi chúng sanh, mà muốn tu Phật, tu Bồ Tát, chắc chắn chẳng thể thành tựu. Nói cách khác, ta muốn khai hoa kết quả mà không cần rễ, hoa quả sẽ do đâu mà có? Cũng có! Cắm trong bình hoa, hai ngày bèn úa tàn, chẳng còn tươi nữa!

Quý vị tu Lục Độ vạn hạnh, tu nơi đâu? Tu nơi thân chúng sanh, tu cái tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, tâm thanh tịnh tu từ nơi hết thảy chúng sanh. Tách lìa hết thảy cảnh giới, “tâm ta thanh tịnh lắm”, đó là giả, thanh tịnh kiêu đó có ích gì đâu? Tiếp xúc hoàn cảnh phức tạp, tâm vẫn thanh tịnh, đó mới là thanh tịnh thật sự, tu hành thật sự! Giúp đỡ chúng sanh là giúp đỡ chính mình, thành tựu chúng sanh là thành tựu chính mình, thành tựu sự “thanh tịnh, bình đẳng, từ bi” của chính mình, đó là Phật pháp. Chúng ta thật sự tu theo cách như vậy, trong một đời này, chắc chắn có thể Thượng Phẩm Thượng Sanh, có thể tu đắc Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. “*Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, lòng từ bi ấy từ bi vô điều kiện, vì sao? Sanh từ cái tâm thanh tịnh. Quý vị phải nhớ: Chỉ cần quý vị có phân biệt, chấp trước, có ưa ghét, cái tâm ấy là tâm sanh tử, là tâm luân hồi. Dùng cái tâm như vậy để niệm Phật thì có được hay chăng? Cũng được! Nếu quý vị niệm đến mức công phu thành phiền, sẽ đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì vậy, Tịnh Độ quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

Nhưng đến thế giới Tây Phương, chúng ta phải từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư vượt lên cõi Phương Tiện Hữu Dư, rồi lại vượt lên cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong kinh nói phải trải qua bao nhiêu đại kiếp mới có thể thành công. Nếu quý vị biết tu, bèn tu ngay trong thế giới này, trong một đời có thể viên mãn, có thể vượt thoát. Do duyên có nào? Thật ra, chúng tôi nghĩ chuyện này cũng chẳng khó hiểu! Tây Phương Cực Lạc thế giới là thuận cảnh, chẳng có nghịch duyên. Vì thế, quý vị tu

hành tiến bộ rất chậm; còn nơi đây gió to sóng lớn, thuận cảnh lẫn nghịch cảnh đều to lớn, biến đổi quá mạnh. Kinh dạy: Chúng ta tu hành ở nơi đây một ngày bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc. Chỗ tốt đẹp của thế giới Cực Lạc là không có duyên thoái thất, còn ở nơi đây, chúng ta tiến rất nhanh mà lui sụt cũng rất lẹ. Hễ tiến thì trong một đời có thể đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Hễ thoái bèn vào trong địa ngục A Tỳ. Ở bên đó là giông thuyền khi nước lặng, tiến từ từ, chỉ có tiến lên, chẳng bị tụt lùi; do vậy, sang bên đó sẽ ổn thỏa, thích đáng. Quý vị phải biết đạo lý này, biết sự thật này. Chúng ta sống trong thế giới Sa Bà chẳng phải là không tốt đẹp, mà là rất tốt, cảnh giới trước mắt quá tốt đẹp, có thể giúp cho chúng ta thành tựu quá lớn trong một thời gian cực ngắn, không thể tìm điều này ở nơi nào khác được! Vì thế, quý vị phải biết lợi dụng hoàn cảnh. Biết lợi dụng hoàn cảnh thì chẳng những chính mình đạt thành tựu thù thắng trong tu hành, mà còn thành tựu nhanh chóng hơn nữa!

Kinh nói đến Lý nhất tâm bất loạn, nếu chúng sanh trong thế giới Sa Bà chẳng làm được, đức Phật sẽ chẳng nói, vì nói ra điều này chẳng có ý nghĩa gì hết! Đức Phật nói ra là vì mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được. Vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Quý vị có thật sự chịu tu hành hay không? Vì thế, nói tới “tu hành”, nói bao nhiêu lượt, mỗi lượt đều có những đồng tu mới đến đây, nên chẳng thể không nói những lời này, hết sức quan trọng! “Tu” là sửa đổi cho đúng, “hành” là hành vi; hành vi của chúng ta có làm lỗi, phải sửa đổi những lỗi làm ấy cho đúng, đó là tu hành. Chúng ta thường có quan niệm sai lầm, cách nghĩ sai lầm khiến chúng ta bị đọa lạc, khiến chúng ta đi trật đường lối. Tư tưởng, kiến giải như thế nào mới là chính xác? Hãy nhớ, chỉ cần tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng, từ bi; hễ tư tưởng và kiến giải tương ứng với ba điều ấy thì là chính xác. Nếu tư tưởng và kiến giải chẳng bình đẳng, chẳng thanh tịnh, chẳng từ bi, đấy là sai lầm!

Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, “thấy sắc” là thấy cảnh giới bên ngoài, “nghe tiếng” là nghe người khác nói, chúng ta có thể tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi hay chẳng? Nếu có thể tương ứng thì những tiếng và sắc ấy đều là Phật pháp. Nếu chúng chẳng tương ứng, chúng phá hoại cái tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh, tâm từ bi của chúng ta, quý vị phải lập tức giác ngộ, đó là ma thuyết pháp, ma đang gây chướng ngại, ma đang phá hoại, phá hoại ai? Phá hoại chính mình, chẳng liên can đến ai khác! Quý vị phải hiểu: Chướng đạo là tự mình chướng ngại chính mình. Nếu quý vị có năng lực phản tỉnh, có

năng lực quán sát, yêu ma quỷ quái nào cũng chẳng thể làm gì quý vị được! Quý vị phải có trí huệ. “*Triệt thượng*” (thông trên) thì những nhân vật bậc nhất sẽ trực tiếp nhập Vô Sanh Pháp Nhân, hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, đó là bậc thượng thượng thừa.

“*Triệt hạ*” (thấu dưới) là kẻ ngu si nhất, “*thập niệm thành công, diệt sanh bỉ quốc*” (mười niệm thành công, cũng sanh về cõi ấy). Kẻ ngu si nhất, cả đời không điều ác nào chẳng làm, một niệm hồi đầu cũng có thể vãng sanh, loại vãng sanh này là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đối với “*thập niệm*”, từ xưa đến nay có hai cách giải thích:

- Một cách giải thích là dùng tâm chí thành, chí thành đến cùng cực, cứ niệm một câu Phật hiệu thì tính là một niệm, niệm mười câu Phật hiệu sẽ gọi là “*thập niệm*”.

- Một cách giải thích khác là cứ hết một hơi tính là một niệm, bất kể Phật hiệu nhiều hay ít. Ví như chúng ta niệm bốn chữ A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hết một hơi thì gọi là một niệm, niệm mười hơi. Thông thường, tu pháp môn Thập Niệm thì quá nửa coi hết một hơi là một niệm.

Lại còn có Lâm Chung Thập Niệm, trường hợp nổi tiếng nhất trong Vãng Sanh Truyện là ông Trương Thiện Hòa đời Đường. Ông này suốt đời giết trâu, sát nghiệp vô cùng nặng. Khi lâm chung, thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, lòng sanh sợ hãi, lớn tiếng cầu cứu. Khéo sao, có một vị pháp sư đi qua cửa nhà ông ta, nghe ông ta kêu cứu mạng trong nhà, bèn hỏi ông ta vì lẽ nào? Ông ta thưa: “Cả đồng người đầu trâu đến đòi mạng”. Pháp sư bèn thắp một nắm hương đưa cho ông ta, bảo: “Hãy nhanh chóng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”, ông ta bèn lớn tiếng niệm A Di Đà Phật. Niệm mười tiếng, ông ta nói: “Người đầu trâu không còn nữa, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi!” Ông ta bèn theo A Di Đà Phật ra đi. Đó là người suốt đời chưa hề nghe Phật pháp, khi lâm chung gặp pháp sư dạy ông ta niệm một câu Phật hiệu, khi ấy là lúc liên quan khấn thiết đến tánh mạng nên niệm rất khấn thiết. Bình thường chúng ta chẳng thể niệm theo cách này được, ông ta dốc hết tánh mạng, chẳng niệm sẽ ngay lập tức bị lũ người đầu trâu kéo đi báo thù, trong tâm ông ta hết sức khấn thiết, chuyên tâm nhất trí chẳng có vọng niệm. Vì thế, mười niệm bèn thành công.

Cổ nhân có người suốt đời dùng cách Thập Niệm để tu hành, tụng niệm khóa tối khóa sáng, chẳng gián đoạn ngày nào, cũng có thể thành tựu, nhưng quý vị phải nhớ một sự thật: Học Phật phải dùng chân tâm,

phải dùng thành tâm. Nếu dùng cái tâm cầu may, chụp giựt thời cơ lươn lẹo để học Phật, chắc chắn chẳng thành công! Có một số người nầy sanh hiểu lầm, nghe nói lâm chung mười niệm vẫn được, bèn nghĩ chẳng quan trọng lắm, hiện thời làm chuyện ác nhiều một chút cũng chẳng sao, đến khi lâm chung vẫn còn kịp mà! Nói theo lý luận thì cũng xuôi tai, đến khi lâm chung vẫn kịp! Nhưng quý vị hãy nghĩ xem: Quý vị có bảo đảm là khi lâm chung đầu óc tỉnh táo hay chẳng? Còn có thể nhớ niệm Phật hay không? Không sao cả! Lâm chung có người giúp tôi trợ niệm, tôi chẳng nhớ sẽ có người nhắc nhở tôi! Quý vị có đảm bảo chẳng bị tai nạn xe cộ hay không? Chẳng nầy sanh tai nạn bất ngờ hay chẳng? Đến khi ấy, tìm người cũng tìm chẳng ra, làm cách nào đây? Vì thế, chớ nên cầu may! Phải thật thà nghiêm túc tu học, người giống như ông Trương Thiện Hòa tuy đời này chẳng học Phật, nhưng nghe pháp sư vừa nói liền tin ngay, thật sự phát nguyện, thật sự niệm, chuyên tâm như vậy, thiện căn ấy phải do tu nhiều đời nhiều kiếp mà có. Hiện thời, trong bệnh viện, người bệnh sắp chết rất đông, quý vị bảo họ niệm Phật, họ có làm theo hay chẳng? Họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng nghe lọt tai!

Lúc tôi xuất gia tại chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, trong chùa Lâm Tế có hội niệm Phật. Thuở ấy, ông phó hội trưởng hội niệm Phật là cư sĩ Lâm Đạo Khải, khi ông ta vãng sanh, một mực hò ò. Ông ta bị ung thư, đau khổ khó kham, đồng tu trợ niệm cho ông ta, ông ta cự tuyệt, nghe tiếng niệm Phật bèn chán ghét. Chúng tôi thấy tình hình ấy mới giác ngộ: Lúc lâm chung vốn chẳng phải là chuyện đơn giản! Phàm là người có thể thật sự vãng sanh, khi lâm chung nhất định tỉnh táo, sáng suốt. Nếu bệnh đến nỗi bất tỉnh nhân sự, ngay cả người trong nhà cũng chẳng nhận biết một ai thì không có cách nào hết, trợ niệm cũng chẳng đảm bảo! Vì thế, bình thời phải tu phước, phải làm lành, nhưng đừng nên hưởng phước, phước báo dành cho lúc lâm chung, chính mình tỉnh táo, sáng suốt, đó là đại phước báo. Người Trung Quốc nói Ngũ Phước, phước cuối cùng là “*khảo chung mạng*” tức là chết tốt lành, chết trong tỉnh táo, sáng suốt. Phàm là người khi chết tỉnh táo, sáng suốt, dầu chẳng học Phật cũng chẳng đọa ác đạo. Quý vị hãy nghĩ xem: Có người đầu óc tỉnh táo, sáng suốt nào muốn làm súc sanh hay muốn làm ngựa quý? Chẳng thể nào! Phàm là kẻ sắp đọa súc sanh, sắp biến thành ngựa quý đều là hò ò đi vào đó. Vì thế, lúc lâm chung chớ nên hò ò! Hò ò quá nguy hiểm! Chết tốt lành là đại phước báo; khi luân hồi chắc chắn sanh vào chỗ tốt đẹp. Người học Phật công đức lớn, nếu lâm chung niệm Phật, chắc chắn vãng sanh.

Lần này, tôi sang Hương Cảng giảng kinh, có đồng tu nêu câu hỏi: Trong Vãng Sanh Truyện có chép nhiều người niệm Phật ba năm bèn vãng sanh, có phải là do niệm xong ba năm, thọ mạng vừa đúng lúc chấm dứt hay không? Tôi bảo người ấy: Chẳng phải vậy! Thọ mạng của người [niệm Phật] ấy vẫn còn rất dài; đương nhiên cũng có trường hợp tuổi thọ chỉ còn vừa đúng ba năm, nhưng cũng có người tuổi thọ rất dài. Đã rất dài vì sao lại ra đi? Người ấy đã thành công rồi! Sau khi thành công, sống trong thế giới Cực Lạc là cung điện bảy báu, đường đi lót bằng vàng ròng, hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, người ấy không ra đi mà còn lưu luyến căn nhà rách nát trong thế giới ta tại này hay sao? Chẳng muốn! Ra đi cho sớm! Có năng lực thì ai chẳng muốn đi cho sớm? Ai chịu ở lại nơi này thêm một ngày? Vì thế, tuyệt đối chẳng phải là do người ấy thọ mạng đã hết, mà do người ấy muốn đi sớm. Chỉ trừ trường hợp người ấy có duyên phận độ chúng sanh, vì giúp đỡ chúng sanh bèn trụ thêm mấy năm nữa, tuy có năng lực mà chẳng ra đi. Nếu không có duyên phận ấy, đương nhiên sẽ ra đi sớm, càng sớm càng tốt. Vì thế, ta thấy trong Vãng Sanh Truyện có nhiều người niệm Phật sau ba năm bèn ra đi. Đối với chuyện này, có những kẻ sơ học tâm mong vãng sanh nhưng chẳng nỡ rời bỏ thế giới này, chuyện này quả thật khó khăn đôi bề! Nghe nói sót sáng tu học ba năm sẽ đi được, kẻ ấy chẳng dám học nữa. Học pháp này không xong rồi! Ba năm sẽ chết! Thật ra, quý vị chưa thấy! Nếu quý vị thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, cách nghĩ, cách nhìn của quý vị sẽ thay đổi do đã thấy rõ cảnh giới ấy. Người thành tựu sanh tử tự tại, muốn ra đi trước [khi thọ mạng chấm dứt] bèn có thể ra đi, muốn ở thêm mấy năm cũng được; khi ấy, đích xác là thuận theo nguyện vọng, tùy lòng mong muốn của chính mình. Người niệm Phật có thể làm được như vậy, chứ học những pháp khác sẽ chẳng dễ gì [làm được chuyện này].

(Sớ) Sở vị: Bất ly nhất pháp, xảo bị chư căn, hào kiệt vô hạ ức chi tu, dung ngu hữu ngưỡng phan chi ích, cái vô cơ bất thâm, hữu tình giai nhiếp giả dã.

(疏) 所謂不離一法，巧被諸根，豪傑無下抑之羞，庸愚有仰攀之益，蓋無機不收，有情皆攝者也。

(Sớ: Đó gọi là chẳng lìa một pháp mà khéo phù hợp khắp các căn, bậc hào kiệt chẳng thẹn vì bị dìm xuống thấp, kẻ tâm thường ngu muội

cũng được lợi ích vói lên cao; bởi lẽ, pháp này không căn cơ nào chẳng thấu gồm, các hữu tình đều được nhiếp thọ).

“*Nhất pháp*” là phương pháp niệm A Di Đà Phật, tức phương pháp chấp trì danh hiệu. Phương pháp này thiện xảo tốt bậc. Chữ “*căn*” chỉ căn tánh, tức là “*tam bối cứu phẩm*” như đã nói trong phần trên. “*Hào kiệt*” là thượng thượng phẩm, “*dung ngu*” (tâm thường, ngu độn) là hạ hạ phẩm. Người thượng phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài cũng cầu sanh Tịnh Độ, trọn chẳng hồ thẹn vì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu có cái tâm [hồ thẹn] như thế thì tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Kẻ hạ hạ căn tâm thường, ngu muội quả thật cũng được lợi ích vói lên cao. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thấu*” (thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thấu lợi căn lẫn độn căn).

Chỗ thù thắng nhất trong pháp môn này là hết thảy hữu tình chúng sanh chỉ cần tin tưởng, chỉ cần chịu phát nguyện, không một ai chẳng thể sanh về Tịnh Độ. Đây là đại pháp chân thật bình đẳng trong Phật pháp.

(Sớ) A Già Đà giả, Tây Vực dược danh, năng dĩ nhất dược tổng trị chư tật.

(疏) 阿伽陀者，西域藥名，能以一藥總治諸疾。

(Sớ: A Già Đà là tên một loại thuốc ở Tây Vực, có thể dùng một loại thuốc để trị chung các thứ bệnh).

Giống như vạn linh đan, loại thuốc này bệnh gì cũng đều trị được. Những thứ thuốc khác chỉ trị được căn bệnh tương ứng, chẳng đúng bệnh [mà uống vào] sẽ hại người. Chỉ mình loại thuốc này chẳng sao hết, bất kể bệnh gì, quý vị dùng nó chỉ có lợi, chẳng có hại. Thuốc A Già Đà (Agada) ví như pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) Dụ dẫn trì Phật danh.

(疏) 喻但持佛名。

(Sớ: Ví như chỉ trì danh hiệu Phật).

Chỉ cần niệm A Di Đà Phật.

(Sớ) Ngũ dục tam độc, vô lượng phiền não, nãi chí thiên thừa ngoại đạo, nhất thiết kiến bệnh, tất đoạn trừ cố.

(疏) 五欲三毒，無量煩惱，乃至偏乘外道，一切見病，悉斷除故。

(Sớ: Ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não, cho đến những thừa lệch lạc, ngoại đạo, hết thấy các kiến giải sai lầm đều đoạn trừ).

Mấy câu này cũng hết sức quan trọng. “Ngũ dục” là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Trong kinh, đức Phật gọi chúng là “địa ngục ngũ điều căn” (năm cội gốc của địa ngục). Nếu quý vị tham đắm ngũ dục quá mức, rất phiền! Đây là nghiệp nhân của ba ác đạo. Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta rất khó rời khỏi ngũ dục, chẳng thể không cần đến chúng, nhưng trong tâm phải nhạt bớt một chút, đừng nên ghim chúng trong lòng. Ghim những chuyện này trong lòng sẽ chẳng lìa khỏi tam đồ. Người học Phật đối với nhu cầu ngũ dục hãy tùy duyên, tùy phận, chẳng cưỡng cầu, chẳng nắm níu, sống cho qua ngày là đủ rồi. Hãy nên ghim một câu Phật hiệu trong lòng, nói cách khác, thay đổi những nắm níu ngũ dục lục trần hằng ngày trong tâm chúng ta, đổi chúng thành A Di Đà Phật, như vậy thì mới được, niệm niệm đều là A Di Đà Phật. Trong ngũ dục, ta dấy lên tâm tham, bèn A Di Đà Phật, nhanh chóng thay đổi nó. Trong nghịch duyên khởi lên tâm sân hận, hãy nhanh chóng đổi thành A Di Đà Phật, tuyệt đối chẳng để cho tham, sân, si tăng trưởng. Ý niệm tham, sân, si thứ nhất vừa khởi lên, đừng cho ý niệm thứ hai tiếp nối, ý niệm thứ hai sẽ là A Di Đà Phật, thưa quý vị, đó gọi là niệm Phật, đó gọi là thật sự tu hành!

Cổ đức thường nói: “*Bát phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm). “Niệm” là ý niệm, những ý niệm tham, sân, si, mạn dấy lên, đừng sợ! Vì sao? Tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, làm sao nó chẳng dấy lên được? Đương nhiên sẽ dấy lên! Khi dấy lên, quý vị liền nhận biết, ngay lập tức nhận ra, chẳng cho nó tiếp tục phát triển, lập tức chuyển nó thành Phật hiệu, cũng chẳng cần phải đoạn nó, chẳng cần quan tâm đến nó, lập tức khởi lên Phật hiệu, dùng Phật hiệu thay thế nó. Quý vị có thể niệm Phật như vậy thì gọi là “công phu”, niệm Phật sẽ đắc lực. Niệm Phật đắc lực thì mới có thể niệm đến mức công phu thành phiền, mới có thể niệm đến nhất tâm bất loạn. Suốt ngày từ sáng đến tối cầm xâu chuỗi, niệm một vạn tiếng, hai vạn tiếng, mà tham, sân, si, mạn vẫn dấy lên y như cũ, vô ích. Cổ nhân bảo phương cách

niệm Phật ấy là “*rách toạc cuống họng cũng uống công*”, chẳng thể vãng sanh! Vì sao? Tuy quý vị niệm Phật hiệu nhiều, mà chẳng đắc lực, chẳng chế phục phiền não, phiền não là tham, sân, si, mạn, không chế phục được! Vì thế, phải biết niệm! “*Tam độc*” là tham, sân, si, ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “*Vô lượng phiền não*” là nói về pháp thế gian, [chúng là] căn bản của sanh tử luân hồi trong lục đạo. Quý vị có thể chế ngự chúng thì sẽ vượt thoát lục đạo.

Không chỉ có thể vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát Nhị Thừa. Chữ “*thiên thừa*” (偏乘: thừa lệch lạc) chỉ Thanh Văn và Duyên Giác, tức Tiểu Thừa giáo, so với Bồ Tát mà nói thì họ là thiên lệch. “*Ngoại đạo*”: Có ngoại đạo trong Phật môn và ngoại đạo ở ngoài Phật pháp. Ngoại đạo ở ngoài Phật môn quý vị dễ biết, chứ ngoại đạo trong Phật môn quý vị chẳng dễ nhận biết! Thấy họ thuộc nhà Phật, nhưng thật ra là ngoại đạo. Phân biệt như thế nào? Phạm những gì chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi của chính mình đều là ngoại đạo, dẫu học Phật vẫn là ngoại đạo, đó gọi là “*môn nội ngoại*”, tức là ngoại đạo trong Phật môn. Hết thấy đều có thể tương ứng với ba tâm thì là Phật đạo. Quý vị nhớ nguyên tắc này, sẽ chẳng đọa vào ngoại đạo, chẳng đọa lạc trong “*môn nội ngoại*”. Chính mình biến thành ngoại đạo, mà chính mình chẳng hiểu, vẫn chửi người khác là ngoại đạo, vẫn nói người khác chẳng đúng pháp, thật ra là tự mình làm lẫn! Những chỗ này chớ nên không biết, chớ nên không phân biệt. Vì chúng ta chẳng có nhiều thời gian, tháng ngày còn lại chẳng là bao! Quý vị nhìn vào tình hình thế sự, nhìn vào lòng người trong thế giới này, đại nạn sẽ xảy tới, thật sự chẳng tầm thường! Do vậy, phải nhanh chóng nắm lấy tuổi thọ hữu hạn, đừng phí uổng thời gian, phải nghiêm túc học tập.

Phật pháp gọi là Nội Học, tu học Phật pháp là tu học Giác - Chánh - Tịnh. Sở cầu của Phật pháp là Vô Thượng Bồ Đề, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phải luôn nhớ điều này! Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu Giác - Chánh - Tịnh, tức là cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm còn phải phát tâm đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì vậy? Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác trong Viên Giáo, các Ngài sang đó để làm gì? Đến cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhằm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Niệm một câu A Di Đà Phật là Giác - Chánh - Tịnh. Câu A Di Đà Phật này là tâm bình đẳng, ta coi hết thấy mọi người đều là A Di Đà Phật, coi hết thấy sự đều là A Di Đà Phật, bình đẳng! Một câu A Di Đà Phật là tâm thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là đại từ đại bi. Vì thế, niệm một câu Phật hiệu, phát trọn vẹn ba tâm! Máy ai biết công đức của câu Phật hiệu này? Máy ai biết niệm? Hằng ngày niệm như ca hát, đó chẳng phải là biết niệm. Biết niệm thì nhất định sẽ tương ứng với công đức trong tự tánh.

“*Nhất thiết kiến bệnh*” (Hết thấy các sai lầm về mặt kiến giải): “*Kiến*” (見) là kiến giải; nói thật thà thì chỉ cần có kiến giải bèn là sai lầm. Chỉ cần có tư tưởng thì đều gọi là vọng tưởng. Trong tâm thanh tịnh chẳng có tư tưởng, mà cũng chẳng có kiến giải, Lục Tổ đại sư nói: “*Bôn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Đây chính là bản tánh, là chân tâm của chúng ta. Biến hết thấy tư tưởng và kiến giải thành A Di Đà Phật thì là đúng, tư tưởng và kiến giải của quý vị đều chính xác. Người khác chửi quý vị ngu, chửi quý vị ngốc nghếch, chửi quý vị thiếu hiểu biết, quý vị đều “*A Di Đà Phật*”. Niệm một câu A Di Đà Phật đến cuối cùng vãng sanh Tây Phương, còn những kẻ vừa hiểu biết vừa chẳng ngu ngốc lại luân hồi trong lục đạo, rốt cuộc ai chiếm tiện nghi? Quyết chẳng bị lời ngon tiếng ngọt bên ngoài lay động cái tâm, [nếu động tâm] là hỏng mất rồi! Cảnh giới gì cũng chẳng động tâm, đó gọi là “*tám gió thổi chẳng động*”.

Tám gió thổi chẳng động là công phu vừa mới đắc lực, chứ không nói là “cảnh giới trọn chẳng dấy lên”. Phàm là gió cảnh giới vừa thổi, quý vị bị động ngay. Nói cách khác, quý vị trọn chẳng có mảy may công phu nào, uổng công niệm Phật hiệu. Người ta chửi quý vị mấy câu, quý vị liền nổi đóa, uổng công niệm Phật hiệu rồi! Khen ngợi quý vị mấy câu, rất hoan hỷ, niệm Phật hiệu vô ích! Mỗi ngày niệm mười vạn tiếng cũng là niệm uổng công, cũng là uổng phí! Phải niệm sao cho khi người ta khen ngợi mình bèn A Di Đà Phật; khi mình bị hủy báng cũng A Di Đà Phật. Một lòng đãi người, một vẻ mặt tươi cười tiếp vật; đó là niệm Phật thật sự đắc lực, thật sự có công phu.

(Sớ) *Cự dã giả.*

(疏) 巨冶者。

(Sớ: Lò luyện to là...)

“Dã” là “dã lô” (冶爐), giống như lò luyện thép vậy.

(Sớ) Nhất dã chi trung, đào chú vạn vật, các thành kỳ khí.

(疏) 一冶之中，陶鑄萬物，各成其器。

(Sớ: Trong một cái lò luyện, nung đúc vạn vật khiến mỗi món đồ đều thành hình).

Giống như lò luyện thép, thép được luyện thành có thể chế thành các món đồ khác nhau. Đây cũng là tỷ dụ niệm Phật, một câu A Di Đà Phật có tác dụng chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên.

(Sớ) Dụ dẫn trì Phật danh, tùy bỉ căn hạnh, cứu phẩm vãng sanh, giai bất thoái cố.

(疏) 喻但持佛名，隨彼根行，九品往生，皆不退故。

(Sớ: Ví như chỉ trì danh hiệu Phật, tùy theo căn cơ, công hạnh của từng người mà chín phẩm vãng sanh đều là bất thoái).

Công phu niệm Phật sâu hay cạn chẳng do niệm Phật nhiều hay ít. Mỗi ngày tôi niệm Phật mười vạn tiếng, người khác niệm chín vạn tiếng, tôi cao hơn kẻ ấy, đâu phải vậy! Tôi niệm mười vạn tiếng mà chẳng chế ngự phiền não, vô ích! Người ta mỗi ngày chỉ niệm mười tiếng mà mười tiếng niệm ấy tâm bình khí hòa, niệm đến mức chế phục ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não, thiên thừa (Nhị Thừa), ngoại đạo và hết thảy các kiến giải sai lầm, thì công phu mười niệm ấy cao hơn và có ích hơn mười vạn tiếng! Công phu sâu hay cạn phải nhìn từ chỗ này, chứ không phải do nhiều hay ít, phải nhìn xem Phật hiệu có đặc lực hay không, có thể chế phục phiền não hay không, có thể đoạn phiền não hay không!

Nếu người ta niệm đoạn được phiền não thì công phu lại cao hơn chế phục phiền não. Nếu niệm đến mức kiến tánh thì công phu lại cao hơn đoạn phiền não. Niệm đến kiến tánh là Lý nhất tâm, niệm đến đoạn phiền não là Sự nhất tâm, niệm đến mức chế phục phiền não là công phu thành phỉến. Chẳng thể chế phục phiền não sẽ chẳng thể vãng sanh. Có thể chế phục phiền não sẽ có thể đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Quý vị nhất định phải chú ý điều này, ngàn vạn phần đừng coi thường! “Tùy bỉ căn hạnh”, “căn” là căn khí, “hạnh” là

thành tựu, thành quả tu hành. Quả báo là “*cửu phẩm vãng sanh*”, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc quý vị niệm câu Phật hiệu này có đắc lực hay không!

Nho gia nói “*nhân giả vô địch*”, [nghĩa là] một người nhân từ thì trong tâm không có oán gia đối đầu, đó là pháp thế gian. Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, lẽ đâu thấy có kẻ chẳng thuận mắt? Chúng ta cảm thấy người khác chẳng vừa mắt mình, thật ra là do cái tâm của chính mình giở trò, do tự mình tạo thành. Lục Tổ đại sư thường răn dạy người khác: Người tu hành nhất định phải nội tỉnh, phải phản tỉnh. Sở dĩ Ngài có thể thành công là vì Ngài chẳng thấy lỗi của người khác, chỉ thấy lỗi của chính mình, nên có thể thành Phật, thành Tổ.

Tại Trung Quốc, vì sao vua Đại Thuần¹³ có thể trở thành bậc đại thánh nhân? Ngài chỉ thấy lỗi mình, chẳng thấy lỗi người khác. Quý vị đọc lịch sử sẽ thấy cha Ngài, mẹ kế của Ngài, cả em trai do mẹ kế sanh ra, cả nhà ngược đãi Ngài, luôn nghĩ cách hại chết Ngài. Trong hoàn cảnh ấy, bất cứ ai cũng chẳng có cách nào chịu đựng được, vì sao vua Thuần có thể chịu đựng? Ngài thường nghĩ, Ngài chẳng cảm thấy ba người kia không đúng, chỉ cảm thấy chính mình chưa xử sự đúng, vì sao chẳng thể khiến người khác vui lòng? Vì sao chẳng thể khiến người khác bằng lòng? Ngài chuyên nghĩ về mình, quên bẵng người khác. Ngài nghĩ cha, mẹ kế, em trai đều là người tốt, còn chính mình luôn sai trái. Vì thế, đến cuối cùng, cả nhà đã bị Ngài cảm hóa.

¹³ Vua Thuần có tên là Trọng Hoa, do sanh ở Diêu Khư nên có họ là Diêu, người xứ Ký Châu, là con ông Cổ Tẩu (Cổ Tẩu là hậu duệ đời thứ tám của Hoàng Đế, mắt mù lòa, tính tình hung bạo). Tuy là con cháu trực hệ của Đế Chuyên Húc (cháu nội của Hoàng Đế), nhưng đến đời Cổ Tẩu gia cảnh đã sa sút. Vua Thuần mồ côi mẹ từ nhỏ, cha lấy vợ kế, sanh thêm một trai là Trọng. Vua Thuần còn nhỏ đã phải làm lụng vất vả để duy trì cuộc sống cho gia đình, nhưng bị cha, dì ghẻ và em trai căm ghét, tìm đủ mọi cách hãm hại. Năm ông Thuần ba mươi tuổi, vua Nghiêu nghe tiếng bèn vời vào hỏi chuyện, rồi gả hai người con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh cho ông Thuần. Về sau, ông Thuần được vua Nghiêu nhường ngôi, đóng đô ở Bồ Bản (nay là huyện Vĩnh Tế, tỉnh Hà Bắc), đặt quốc hiệu là Hữu Ngu, trở thành thủ lãnh của bốn bộ lạc người Hán tại Trung Nguyên thuở ấy (Sử thường gọi ông ta là Cộng Chủ là vì lẽ này). Cũng do quốc hiệu là Hữu Ngu nên Sử thường gọi Đế Thuần là Hữu Ngu Thị Đế Thuần. Vua Thuần đã chia Trung Nguyên thành mười hai châu là Tinh, Ký, U, Doanh, Duyện, Thanh, Từ, Kinh, Dương, Dự, Lương, và Ung. Ông được xếp vào Ngũ Đế (Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Dục, Nghiêu, Thuần), và cùng với Tam Hoàng (Phục Hy, Thần Nông, Hiên Viên) và vua Nghiêu được coi là những bậc thánh vương của Cổ Trung Hoa.

Thuở ấy, hoàng đế Nghiêu vương nghe chuyện này, vờ Ngài đến gặp. Người [ngang ngược] như vậy đều bị cảm hóa, nếu [ông Thuấn] làm hoàng đế, há chẳng thể cảm hóa cả nước ư? Do vậy, vua gả hai người con gái cho ông Thuấn, nhường ngôi hoàng đế cho. Công phu ấy là công phu tu hành của Bồ Tát. Lục Tổ nói: “*Chân chánh tu đạo nhân, bất kiến tha nhân quá*” (người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác). Vì sao chẳng thấy? Vì người ấy nội tỉnh, sự nội tỉnh ấy tuyệt diệu lắm! Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật của chính mình, thành tựu cái tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm bình đẳng của chính mình. Vì thế, những điều này làm Tăng Thượng Duyên lẫn nhau. Nếu trong nhà vua Thuấn không có ba người ấy, Ngài chẳng thể trở thành thánh nhân. Vì sao Ngài có thể trở thành thánh nhân? Ba người ấy giúp đỡ Ngài.

Chúng ta đọc phẩm Đề Bà Đạt Đa trong kinh Pháp Hoa, Đề Bà Đạt Đa là người ác, chẳng phải là người tốt! Kinh nói Đề Bà Đạt Đa là oán gia đối đầu của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải trong một đời, mà là đời đời kiếp kiếp; nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức cảm kích ông ta. Nếu chẳng do Đề Bà Đạt Đa, Ngài chẳng thể thành Phật. Vì có oán gia đối đầu như thế, Phật giống như Đại Thuấn, luôn luôn có thể nội tỉnh, thành tựu đạo tâm và đạo nghiệp của chính mình. Do vậy, Đề Bà Đạt Đa giúp Thích Ca Mâu Ni Phật sớm thành Phật, đây cũng là vô lượng công đức. Đề Bà Đạt Đa đọa địa ngục vì đã hại Phật, làm thân Phật chảy máu, ôm lòng toan mưu hại Thích Ca Mâu Ni Phật, tội nghiệp ấy đáng đọa địa ngục. Đức Phật phái vị [đệ tử] thần thông bậc nhất là Mục Kiền Liên vào địa ngục tìm kiếm ông ta. Sau khi [ngài Mục Liên] trở về, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi: “Ông ta ở trong địa ngục như thế nào?” [Ngài Mục Liên thưa]: “Sung sướng khôn sánh, giống như ở thiên cung!” Ông ta giúp Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật; tuy ở trong địa ngục A Tỳ, nhưng chốn địa ngục ấy đặc biệt, sự hưởng thụ giống như trên thiên cung, phước báo quá lớn! Mỗi thứ đều có quả báo, ác có ác báo, phước có phước báo. Trong địa ngục A Tỳ còn có phước báo, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị thật sự thông đạt đạo lý này, trong thuận cảnh hay nghịch cảnh sẽ tự nhiên tâm bình khí hòa, công phu mới đi theo đúng đường lối, mới có thể đạt được lợi ích!

(Sớ) Quảng đại giả, Châu Dịch Càn viết đại sanh, Khôn viết quảng sanh, kim vô sở bất độ, dụ như thiên phú địa tải, tịnh dục kiêm dung, chí Từ vô trạch, danh Phổ Môn dã.

(疏) 廣大者，周易乾曰大生，坤曰廣生。今無所不度，喻如天覆地載，並育兼容，至慈無擇，名普門也。

(Sớ: “Quảng đại”: Sách Châu Dịch gọi Càn là đại sanh, gọi Khôn là quảng sanh¹⁴. Nay không gì chẳng độ, ví như trời che đất chở, cùng nuôi dưỡng và bao dung, lòng Từ tốt bậc không phân biệt, nên gọi là Phổ Môn).

Kinh Hoa Nghiêm có nói đến Thập Phổ¹⁵. Phổ Môn rộng lớn, sánh ví một câu A Di Đà Phật, không gì chẳng bao gồm, không gì chẳng chứa đựng, chắc chắn chẳng có chọn lựa. Đây là như cổ đức đã bảo chúng ta: “Vạn tu, vạn nhân khứ” (vạn người tu, vạn người đến). Câu này là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Sở dĩ, có tu mà chẳng thể vãng sanh là vì tu chẳng đúng pháp. Nếu hợp lý, hợp pháp thì chẳng có một ai tu học mà không vãng sanh, ngay cả lâm chung mười niệm cũng vãng sanh! Vì thế, pháp môn này được gọi là Phổ Môn, pháp môn này rộng lớn khôn sánh. Từ hơn hai ngàn pháp môn trong kinh Hoa Nghiêm, đặc biệt chọn lấy pháp môn này là vì pháp môn này rộng lớn, là vì pháp môn này triệt để, là vì pháp môn này đơn giản, là vì pháp môn này dễ dàng, là vì pháp môn đáng tin cậy, ôn hòa, thích đáng. Do đó, Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài và bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng thầy đều kiên quyết chọn lựa pháp môn này. Nếu quý vị hiểu rõ chuyện này, chính mình tin tưởng pháp môn này, cái tâm niệm Phật chắc chắn không bị dao động, thì người ta nói Thiền cũng được, Mật cũng được, một đời thành Phật cũng được, ngay lập tức thành Phật cũng được, [chúng ta]

¹⁴ Câu này trích lược ý đoạn sau đây trong phần Hệ Từ của kinh Dịch: “Phù, Càn kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thị dĩ đại sanh yên. Phù Khôn, kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịch, thị dĩ quảng sanh yên”. Khổng Dĩnh Đạt chú giải: “Càn là thuần Dương, có đức tánh phổ quát trọn khắp, không thiên vị nên là chuyên nhất. Nếu khi chẳng phát động thì nó tĩnh và chuyên nhất, nên nói ‘kỳ tĩnh dã chuyên’. Nếu nó vận chuyển thì bốn mùa chẳng sai, nóng lạnh không sai, đúng mực, nên nói ‘kỳ động dã trực’. Do nó động và tĩnh như thế nên có thể sanh trưởng to lớn (đại sanh). Khôn là Âm, mềm mại, bề tàng thâm liễm, nên nói ‘kỳ tĩnh dã hấp’ (Hấp có nghĩa là thâm liễm), hễ động thì sanh trưởng vạn vật nên nói ‘kỳ động dã tịch’. Do như vậy nên Khôn có thể sanh trưởng rộng rãi vạn vật (quảng sanh)”.

¹⁵ Thập Phổ (gọi đủ là Thập Phổ Môn) là mười pháp môn viên mãn rộng khắp có công năng giúp hành giả thâm nhập Thật Tướng gồm từ bi phổ, hồng thế phổ, tu hành phổ, đoạn hoặc phổ, nhập pháp môn phổ, thần thông phổ, phương tiện phổ, thuyết pháp phổ, thành tựu chúng sanh phổ và cúng dường chư Phật phổ.

như như bất động, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, tuyệt đối chẳng lay động.

Những sách vở do người hiện thời viết, tri kiến chẳng chánh đáng, đọc những thứ đó, tâm địa bị ô nhiễm. Có thời gian để đọc những thứ đó, vì sao chẳng xem Di Đà Kinh Sớ Sao? Vì sao chẳng niệm danh hiệu A Di Đà Phật? Hiện nay tôi chỉ đọc hai cuốn sách là Di Đà Kinh Sớ Sao và kinh Hoa Nghiêm, những kinh khác tôi đều chẳng xem, vì sao vậy? Đối với tôi, những kinh sách ấy không cần thiết, tôi chẳng lãng phí thời gian. Khi chẳng đọc sách bèn niệm Phật, còn khi đọc sách thì đọc hai cuốn ấy. Bản thân tôi chắc chắn thành công, chắc chắn vãng sanh, tôi nắm rất vững, đặc tực tại. Quý vị đồng tu chịu tin, chịu hành, ai nấy đều có thể thành công, hy vọng mọi người ai nấy đều nỗ lực. Hôm nay đã hết thời

gian, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 64

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám mươi lăm:

(Huyền Nghĩa) Thất, hộ trì đa chướng hành nhân bất tao đọa lạc giả.

(玄義) 七、護持多障行人不遭墮落者。

(Huyền Nghĩa: Bảy là vì hộ trì hành nhân nhiều chướng ngại khiến cho người ấy chẳng bị đọa lạc).

Đây là nhân duyên thứ bảy khiến Liên Trì đại sư chú giải bộ kinh này. Vì sao phải chú giải bộ kinh này? Vì sao phải giảng bộ kinh này? Nói cách khác, vì sao phải tu học pháp môn Di Đà? Điều thứ bảy là nói “*hộ trì đa chướng hành nhân*”, “*hành nhân*” là người tu hành. Chúng ta thấy đề mục này liền lập tức suy nghĩ: Hiện thời, chúng ta thật sự có quá nhiều chướng ngại. Lắm chướng ngại, dễ bị đọa lạc, tu hành chẳng dễ gì thành tựu. Chướng ngại càng ít càng hay, dễ thành tựu; pháp môn này có ích rất lớn đối với người nhiều chướng ngại.

(Huyền Nghĩa) Mạt thế tu hành, đa chư chướng nạn, nhất khuy chánh kiến, tức hãm quần tà.

(玄義) 末世修行，多諸障難，一虧正見，即陷群邪。

(Huyền Nghĩa: Tu hành trong đời Mạt có nhiều chướng nạn, hễ thiếu chánh kiến bèn bị vây hãm trong các thứ tà kiến).

Hiện tượng này đặc biệt rõ ràng trong hiện thời, có thể nói phát tâm tu hành đều là thiện hạnh, đều là hảo tâm, nhưng chính mình thường đọa trong tà đạo, mà chính mình trọn chẳng hay biết. Nếu biết chính mình đi vào đường tà, đương nhiên kẻ ấy cũng quay lại. “*Nhất khuy chánh kiến*”: Chánh kiến vừa thiếu hụt đôi chút bèn biến thành tà tri tà kiến. Hiện thời, thiếu sót chánh kiến quá nhiều, đương nhiên do rất nhiều nhân tố: Thứ nhất là ít người thật sự hoằng dương chánh pháp, đó là ngoại duyên. Ngoại duyên quá ít! Những thứ chúng ta tiếp xúc, gặp gỡ,

đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Thời kỳ Mật Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Tà sư quá nhiều, đó là ngoại duyên không tốt. Trừ ngoại duyên ra, bản thân chúng ta cũng chẳng tốt lành gì! Ưa chuộng kỳ quái, ham lạ chuộng quái! Theo đúng quy củ giảng kinh cho quý vị, [quý vị bèn chê] không có gì hiếm hoi, lạ lùng! Biến [việc giảng kinh] thành trò ảo thuật, hiển lộ một chút thần thông, [nâng thân] rời khỏi mặt đất ba thước, tuyệt diệu quá! Chính mình ưa thích thần thông, ham kỳ chuộng lạ! Do vậy, yêu ma quỷ quái liền biến hiện các thứ thần thông để dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Nội duyên lẫn ngoại duyên đều bất hảo, nội duyên là không có chánh tri chánh kiến. Quý vị nhất định phải hiểu rõ: Phật pháp là sự giáo dục của đức Phật. Đã là giáo dục, nhất định phải theo quy củ dạy học, chẳng thể hằng ngày biến hiện trò ảo thuật, diễn trò xiếc cho chúng ta xem, không có kiểu cách ấy! Đúng quy củ lên lớp dạy học! Yêu ma quỷ quái mới làm ảo thuật, dùng trò xiếc để dụ dỗ, mê hoặc quý vị, chẳng lên lớp nghiêm túc. Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Sau khi hiểu rõ, chánh kiến của chúng ta mới được dấy lên. Tri kiến của chính mình đã chánh đáng thì bất luận lũ yêu ma quỷ quái bên ngoài biến hóa những trò ảo thuật gì, quý vị chẳng bị chúng nó dụ dỗ, mê hoặc!

Ở Los Angeles, tôi đã từng gặp không ít các đồng tu học Phật rất kiên thành, từng có một vị Thượng Sư Mật Tông đến đó mở đỉnh đầu (khai đảnh) cho họ, cắm cọng cỏ vào đó¹⁶. Những đồng tu học Phật như

¹⁶ Đây là một phép tu của Mật Tông có tên gọi là Ph’owa (thuật ngữ Tây Tạng dịch từ tiếng Phạn Samkrānti, thường được gọi là Sáu Phép Yoga của đại hành giả Naropa, tức là những pháp tu thường được coi là do đại thành tựu sư Tilopa của Ấn Độ truyền lại) nhằm chuyển hóa thần thức khi lâm chung. Phép tu này đòi hỏi hành giả phải tập luyện bằng những cách quán tưởng nhằm hướng dẫn thần thức quen với diễn biến của sự chết, để có thể điều khiển thần thức trong lúc lâm chung. Họ tin rằng khi đạt đến thành tựu nhất định, dưới sự hướng dẫn của một vị A-xà-lê, sẽ mở được một huyệt ở đỉnh đầu, và để dễ quán niệm, người ta cắm vào đó một cọng cỏ Kusha (Cát Tường Thảo). Khi lâm chung, thần thức sẽ theo huyệt ấy thoát ra khỏi thân xác. Tuy thế, khi truyền sang các nước khác, nhất là tại Mỹ và các nước phương Tây, có những Thượng Sư ham lợi, đã giở trò làm lễ mở đỉnh đầu cho bất cứ ai đóng đủ lệ phí, cắm vào đó một cọng cỏ, bảo họ đã có thể liễu sanh thoát tử, chẳng hề truyền dạy giáo nghĩa và cách hành trì của phép tu Ph’owa! Có những người như Liên Sanh Hoạt Phật (tên thật là Lư Thắng Ngạn) của Chân Phật Tông (một tà phái đội danh Mật Tông Tây Tạng ở Đài Loan, pha trộn lung tung Mật Tông và các tín ngưỡng dân gian lẫn Đạo Giáo, có rất nhiều tín đồ người Hoa tại hai tiểu bang California và Washington) đi đâu cũng khoe vết thủng trên đỉnh đầu để chứng tỏ mình là Hoạt Phật (Phật sống) thứ thiệt đã khai đảnh!

ong võ tở kéo đến, đến cắm cọng cỏ [vào đỉnh đầu] vẫn phải nộp lệ phí, thân mỗi người hai mươi Mỹ kim. Đã thế, vị Thượng Sư bảo họ: “Đỉnh đầu đã mở, tương lai chắc chắn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Tôi đến Los Angeles, các đồng tu đem chuyện này kể với tôi, tôi nói: “Nếu có pháp môn ấy trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, mà đức Phật chẳng truyền lại, Phật chẳng từ bi! Cớ sao chúng ta phải khổ sở niệm Phật nhiều năm như thế, cắm cọng cỏ vào đỉnh đầu là sang Tây Phương được rồi, đơn giản ngàn đó! Pháp này chưa hề được truyền rộng khắp trong thiên hạ, đức Phật chẳng từ bi! Cắm cọng cỏ [vào một huyết trên đỉnh đầu] bèn có thể vãng sanh, tôi chẳng tin tưởng!”

Sau đó, tôi đến Nữ Ước, ở Nữ Ước có một vị pháp sư tuổi còn rất trẻ, lại còn có một tỳ-kheo-ni rất trẻ, đại khái chưa đến ba mươi tuổi, chúng tôi nhắc đến chuyện ở Los Angeles, bọn họ nói: “Chuyện này rất đơn giản, chúng tôi đều có thể cắm”. Tôi hỏi: “Chuyện này là như thế nào?” Bọn họ đã học châm cứu, họ nói: “Trên thân người có các huyết đạo. Huyết đạo trên đỉnh đầu lớn nhất, chỉ cần tìm đúng huyết đạo thì sẽ có thể cắm được, cũng chẳng cần phải tác pháp¹⁷, cũng chẳng cần phải niệm chú”. Tôi nói: “Công phu của các vị còn cao hơn công phu của vị Thượng Sư đó!” Đủ thấy tánh con người ưa chuộng kỳ quái, tà sư bên ngoài dùng cách mầu mè để lừa gạt. Hẳn cắm cọng cỏ kiếm được không ít tiền mang về; quý vị chẳng thể vãng sanh, hẳn đâu có chịu trách nhiệm! Do vậy, hề thiếu tri kiến bèn bị lừa, bị người khác gạt gẫm. Tôi thấy quá nhiều người bị gạt, bị lừa. Quý vị giảng chánh pháp, bảo họ bỏ ra một ít tiền để làm công đức họ chẳng làm, tiếc tiền! Lừa gạt họ, họ ngoan ngoãn mắc lừa, hết sức ngu si! Tri kiến chẳng chánh, “hãm nhập quần tà” (bị vây hãm trong các thứ tà kiến). “*Quần tà*” là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, bị kẻ khác gạt gẫm!

(Huyền Nghĩa) Bỉ Phật nguyện lực oai thần gia bị hành nhân, đại quang minh trung, bất tạo ma sự, năng vị hộ niệm, trực chí đạo tràng.

(玄義) 彼佛願力威神加被行人，大光明中，不遭魔

¹⁷ “*Tác pháp*” là một thuật ngữ thường dùng trong Mật Tông với ý nghĩa cử hành các nghi lễ như sái tịnh đàn tràng, hộ thân, triệu thỉnh Bản Tôn, gia trì, quán đỉnh, tiêu tai, cung tống Bản Tôn v.v...

事，能為護念，直至道場。

(*Huyền Nghĩa: Nguyên lực và oai thần của đức Phật ấy gia bị hành nhân, trong đại quang minh chẳng gặp ma sự, được hộ niệm mãi cho đến khi ngồi đạo tràng*).

Pháp môn này trước hết là kiến lập tín tâm thanh tịnh. Cổ đức từng nói: Nếu chính Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân đến bảo quý vị: “Ta có một pháp môn còn dễ dàng, còn ôn hòa, còn thích đáng, còn nhanh chóng [hơn pháp môn Tịnh Độ], ta sẽ truyền dạy cho người”. Chúng ta cũng phải nên có thái độ kiên định chẳng thay đổi đối với Thích Ca Mâu Ni Phật, thưa: “Bạch Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật! Con đã tiếp nhận pháp môn niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ này. Dẫu Phật có pháp môn nào khác con cũng chẳng học, con chỉ học pháp môn này là đủ rồi!” Như vậy thì mới có thể thành công, tín tâm của quý vị mới thật sự kiên cố, trong ba món tư lương Tín - Nguyên - Hạnh quý vị mới có Tín. Nếu đức Phật nói có một pháp môn nào khác: “Hay quá! Con lại học theo Ngài”, dù thấy là về căn bản, quý vị chẳng có tín tâm!

Tín là điều thứ nhất, không có Tín đương nhiên sẽ chẳng có Nguyên, mà Hạnh cũng khỏi cần bàn tới nữa! Vãng sanh Tịnh Độ là do ba điều kiện này, thiếu một điều cũng không được. Vì thế, điều thứ nhất là phải kiến lập tín tâm. Tín tâm thanh tịnh là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Tín tâm của chúng ta chẳng thanh tịnh, thần lực của Phật có muốn gia trì cũng chẳng được! Chính quý vị có chướng ngại. Quý vị có lắm chướng ngại mà! Tín tâm thanh tịnh, chướng ngại bèn bị trừ khử, có thể được gia trì bởi thần lực của Phật. Chúng ta thường nói là “A Di Đà Phật bảo hộ, Quán Thế Âm Bồ Tát bảo hộ quý vị”, yêu ma quỷ quái chẳng thể đến tìm quý vị, mà tìm người khác. Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng!

Vì thế, Phật, Bồ Tát thật sự hộ niệm, đặc biệt là trong phần Lưu Thông của bộ kinh này, tức phần nói về chư Phật trong sáu phương có nói “*nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh*”, tức là bộ kinh này được mười phương ba đời hết thảy chư Phật hộ niệm. Chúng ta chiếu theo bộ kinh này mà tu hành, đương nhiên cũng là người được mười phương ba đời hết thảy chư Phật hộ niệm, hộ niệm đến khi nào? “*Trực chỉ đạo tràng*” (mãi cho đến khi ngồi nơi đạo tràng), đạo tràng ấy chính là đạo tràng Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định bảo hộ quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Huyền Nghĩa) Cổ tri trạch đồ tỵ quái, bảo kính độn yêu.

(玄義) 故知澤圖辟怪，寶鏡遁妖。

(Huyền Nghĩa: Cho nên biết quý quái tránh né hình vẽ con Bạch Trạch, yêu tinh trốn lánh gương báu).

Ở đây nêu lên hai công án.

(Huyền Nghĩa) Chánh niệm phân minh, vô năng nhiều giả.

(玄義) 正念分明，無能燒者。

(Huyền Nghĩa: Chánh niệm phân minh, chẳng thể nhiều loạn).

“Nhiều” (燒) là nhiều loạn. Đối với người niệm Phật, quan trọng nhất là “chánh niệm phân minh”. Chánh niệm là gì? Trong phần sau của kinh này sẽ nói đến Sự Trì và Lý Trì. Các đồng tu sau khi nghe pháp môn này, thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, giống như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn*” (Biển khổ không ngần mé, quay đầu là bờ). “*Lạc bang hữu lộ*” (cõi Cực Lạc có nẻo), “*Lạc bang*” là Tây Phương Tịnh Độ, “*năng nguyện tức sanh*” (phát nguyện bèn vãng sanh), quý vị phát nguyện bèn vãng sanh, đúng là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Quý vị thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện, từ hôm nay trở đi, trong tâm giữ kỹ một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, thời thời khắc khắc khởi lên. Câu Phật hiệu ấy từng chữ phân minh, câu trước câu sau liên tục chẳng gián đoạn, suốt ngày từ sáng đến tối là một niệm này, A Di Đà Phật, không có niệm thứ hai. Đó gọi là “chánh niệm phân minh”. Nếu trong khi niệm Phật mà vẫn còn nghĩ đến chuyện khác, vẫn khởi vọng tưởng, tuy là chánh niệm, nhưng trong chánh niệm xen tạp vọng niệm thì chánh niệm cũng chẳng phân minh. Đủ thấy đạt được chánh niệm phân minh là công phu thật sự!

Chánh niệm phân minh, ý nghĩ tà vạy chẳng xen vào được, đây là “*đại quang minh trung, trực chỉ đạo tràng*” (ở trong đại quang minh mãi cho tới khi ngồi đạo tràng). Không có bất cứ kẻ nào mà hồng nhiều loạn quý vị được! Niệm như vậy, chúng ta thấy trong Vãng Sanh Truyện từ xưa đến nay, bao nhiêu người có thể niệm trong vòng ba năm bèn thành công, biết trước lúc mất, khi mất, có tướng lành vô cùng tốt đẹp, bảo người nhà, quyến thuộc: Lúc nào ta sẽ ra đi. Đến khi ấy thật sự ra đi, đó

là tướng lành đẹp đẽ nhất. Tôi lại nói với quý vị, chết rồi thiêu được rất nhiều xá-lợi, tuy là tướng lành, nhưng chẳng phải là tướng lành tốt nhất. Xá-lợi giả rất nhiều! Chúng ta đừng bị lừa gạt bởi những thứ ấy! Ở Hương Cảng, tôi đã gặp người đem thiêu có xá-lợi, đem xá-lợi đến, quẹt một que diêm đốt thử, “xá-lợi” cháy mất tiêu, chẳng còn nữa! Dùng búa gõ nhẹ một cái, xá-lợi vỡ nát. Thứ đó chẳng thật! Sức mạnh của ma rất lớn, biến hiện những thứ đó để gạt người. Vì thế, quý vị thấy những thứ phóng quang, hiện ra này nọ, chẳng đáng coi là lạ! Chỉ có trước lúc lâm chung, bảo với người nhà, quyến thuộc, bạn bè, ngày hôm nào tôi ra đi, đến khi ấy thật sự ra đi, cũng chẳng đổ bệnh. Đó là tướng lành thật sự!

Ở Hương Cảng có một vị lão cư sĩ tám mươi mấy tuổi, cụ thường đọc Đại Tạng Kinh, cụ đã vãng sanh rồi. Cụ mượn Đại Tạng Kinh từ Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán về nhà xem, lần mượn kinh cuối cùng, cụ nói với pháp sư Sướng Hoài sau một tháng nữa, định rõ ngày giờ, [pháp sư hãy] sai người đến nhà cụ lấy Đại Tạng Kinh về, cụ nói cụ sắp đi rồi! Pháp sư Sướng Hoài nghe nói ngạc nhiên, chẳng lẽ cụ sắp vãng sanh? Nhìn chẳng giống, rất hoài nghi, hay là cụ dọn nhà? Rốt cuộc là chuyện như thế nào? Thời gian đúng là còn một tháng nữa, đến khi ấy sẽ sai người đến xem thử. Đến đúng ngày lão nhân gia đã ước định, Đồ Thư Quán sai người đến nhà cụ lấy Đại Tạng Kinh, khi đến nơi, cụ đang ngồi xem kinh, thấy người từ Đồ Thư Quán đến, bảo: “Anh đến làm gì?” “Chẳng phải là cụ bảo cháu hôm nay đến lấy Đại Tạng Kinh đó sao?” “Đúng! Phải rồi! Nhưng tôi không bảo anh đến lúc này”. Người trẻ tuổi ấy đương nhiên chẳng tranh cãi với cụ già: “Thôi! Hai hôm nữa cháu lại đến”. Lúc trở lại, người nhà nói: “Lão cư sĩ đã vãng sanh rồi!” Anh ta hỏi: “Vãng sanh khi nào?” “Sau khi anh đi khỏi hai tiếng”. “Vãng sanh như thế nào?” “Vãng sanh trong khi xem kinh. Đang xem kinh thì cụ vãng sanh”. Pháp sư Sướng Hoài nghe chuyện này, nhanh nhẩu quay đầu niệm A Di Đà Phật, Sư nói chuyện này là thật đấy, chẳng giả đâu. Một tháng trước đó, cụ đã nói với người trong Đồ Thư Quán, cụ cũng chẳng ngã bệnh, hết thấy đều rất bình thường, đây là tướng lành thật sự.

Trong cuốn Niệm Phật Luận, pháp sư Đàm Hư giảng khai thị, Ngài có nêu ra một người là pháp sư Tu Vô. Vị pháp sư này cũng chưa từng đi học, chẳng có kiến thức gì, tuy đã xuất gia rất lâu, nhưng giáo lý cũng chẳng thông, mọi người cũng coi thường Sư, Sư cũng niệm một câu A Di Đà Phật. Pháp sư Đàm Hư lập chùa Cực Lạc tại Trường Xuân, pháp sư Định Tây làm Đương Gia chùa ấy, Ngài (pháp sư Đàm Hư) làm Trụ Trì. Đạo tràng ấy dựng xong, bèn [tổ chức] truyền giới một lần,

thỉnh lão pháp sư Đê Nhân làm Đắc Giới Hòa Thượng¹⁸. Sư Tu Vô đến chùa ấy kiểm lão pháp sư Đàm Hư, lão pháp sư Đàm Hư bảo pháp sư Định Tây tiếp đãi Sư, hỏi: “Thầy đến làm gì?” Sư thưa: “Con nghe nói ở đây truyền giới, con muốn giúp đỡ”. “Thầy có thể làm việc gì?” Sư thưa: “Con phát tâm chăm sóc bệnh nhân”. [Thời gian cử hành pháp hội] truyền giới ở Đại Lục là năm mươi ba ngày, người bị trúng gió cảm mạo chẳng ít, Sư phát tâm tới chăm sóc người bệnh. Pháp sư Định Tây nói: “Tốt lắm! Tôi cũng hết sức hoan nghênh”, giữ Sư lại, mời Sư chăm sóc người bệnh. Lễ truyền giới còn chưa bắt đầu, Sư lại đến tìm lão hòa thượng, thưa: “Bạch lão hòa thượng! Con phải ra đi!” Pháp sư Định Tây rất bực bội, quở: “Ông là người xuất gia mà chẳng có cái tâm dài lâu! Ông phát tâm đến đây giúp đỡ, ông muốn đi thì cũng phải đợi kỳ hạn truyền giới xong mới đi được!” Sư thưa lão pháp sư: “Chẳng phải là con sang nơi khác, mà là về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Hai vị pháp sư nghe xong, sững sờ: “Ông về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Khi nào sẽ đi?” Sư thưa: “Trong vòng mười hôm nữa!” “Đây là đại sự, chúng ta phải phái người trợ niệm cho ông ta, giúp ông ta chuẩn bị. Trong vòng mười ngày sẽ có đủ thời gian để lo liệu”. Hôm sau, Sư lại tới kiểm lão hòa thượng, thưa: “Không được rồi! Ngày mai con sẽ ra đi”. Pháp sư Định Tây vội vàng kê giường cho Sư tại một gian nhà ở phía sau chùa, tìm mấy người chăm sóc Sư. Đến ngày hôm sau, Sư ngồi xếp bằng trên giường, có mấy người trợ niệm giúp Sư. Niệm chưa đầy mười lăm phút, Sư viên tịch. Pháp sư Đê Nhân hết sức tán thán Sư: “Vị này chẳng hiểu kinh giáo, chẳng có thân phận, địa vị, mọi người đều coi thường Sư. Thành tựu này của Sư, nói thật thà thì các đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp, hàng Phương Trượng của các ngôi chùa báu tại các danh sơn đều chẳng bằng Ngài”. Ngài về Tây Phương làm Phật, đấy mới là tướng lành chân chánh.

Lão nhân gia nêu lên ba người, một người là xuất gia, một người là nam cư sĩ tại gia, một người là nữ cư sĩ tại gia, đều ra đi tự tại ngàn ấy. Ngài nêu lên vị nam cư sĩ có học vấn một chút, bình thường cũng

¹⁸ Đắc Giới Hòa Thượng còn gọi là Đàn Đầu Hòa Thượng hay Truyền Giới Hòa Thượng là một trong Tam Sư chánh yếu (Đàn Đầu, Yết Ma, Giáo Thọ) của giới đàn. Vị này thường là bậc thanh tu thạc đức, giới hạnh tinh nghiêm, được mười phương sơn môn ngưỡng mộ, và đóng vai trò ban giới (thí giới) cho các giới tử trong giới đàn. Theo Tứ Phần Luật, vị tỷ-kheo làm Truyền Giới Hòa Thượng phải có đủ năm phẩm đức: kiên trì tịnh giới, đủ mười tuổi hạ, thông hiểu Luật Tạng, thông đạt thiên tư, và có trí huệ.

giảng kinh thuyết pháp ở bên ngoài. Vị nữ cư sĩ làm nội trợ trong gia đình, chuyện gì cũng không biết, cũng là niệm một câu A Di Đà Phật, cuộc sống trong nhà hết sức khốn khổ, chồng làm thuê, ngày nào không làm việc, ngày đó chẳng có cơm ăn. Bà ta niệm Phật thành công, đó mới là tướng lành thật sự.

Chúng ta niệm Phật cầu điều gì? Cầu ra đi giống như thế! Những trường hợp như thế rất nhiều! Đừng bị bệnh, phải vào nằm bệnh viện, khi ấy cũng chẳng đảm bảo sẽ kiếm được người trợ niệm! Phải nên đừng bị bệnh, hoan hỷ sung sướng ra đi, đấy mới là niệm Phật thật sự thành công!

(Sớ) Đa chư chương nạn giả.

(疏) 多諸障難者。

(Sớ: “Lắm thứ chương nạn” là...)

Đây là giải thích [đoạn Huyền Nghĩa] trong phần trước, đời Mật Pháp tu hành có lắm thứ chương nạn.

(Sớ) Hành nhân u Thiên Quán trung, kích phát Âm Ma.

(疏) 行人於禪觀中，擊發陰魔。

(Sớ: Trong Thiên Quán, hành nhân đã kích động Âm Ma biến hiện).

“Kích” là kích động, “phát” là hiện ra. Kích động các loài ma, ma liền hiện ra. Quá nửa là nói về tu Thiên, Thiên và Mật đều rất dễ bị ma dựa. Ma trong Thiên có thể nói phần nhiều là Nội Ma, tức Ngũ Âm Ma, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói năm mươi thứ Âm Ma, quá nửa là biến hiện trong cảnh giới Thiên Định. Đối với Mật, phần nhiều là ma do chiêu vờ từ bên ngoài. Vì sao? Quá nửa Mật chú là danh hiệu của quỷ thần. Trì Mật chú là giao tiếp với quỷ thần, nếu quý vị xử lý không khéo, họ đều biến thành chương ngại! Thiên ma, yêu ma, quỷ quái đông lắm. Ma bên ngoài đông lắm! Tham Thiên thì ma cảnh bên trong nhiều lắm. Kinh Bát Đại Nhân Giác nói có bốn loại ma: Ngũ Âm Ma, Phiền Não Ma, Tử Ma, và Thiên Ma. Mật có quan hệ mật thiết với Thiên Ma. Thiên Quán phần nhiều dính tới Ngũ Âm Ma, còn phàm phu thì gặp Phiền Não Ma và Sanh Tử Ma.

(Sớ) Như Lăng Nghiêm khai ngũ thập chủng.

(疏) 如楞嚴開五十種。

(Sớ: Như kinh Lăng Nghiêm nêu ra năm mươi thứ Ma).

Đây là dẫn kinh Lăng Nghiêm để nói. Cảnh giới ma hiện tiền, thường là loài ma lớn, thật sự có thần thông to, nó hiện ra cảnh giới tựa tựa cảnh giới của Phật. Về căn bản, chúng ta không có năng lực phân biệt rốt cuộc là Phật hay ma. Dầu quý vị niệm kinh Lăng Nghiêm nhuỷ nhừ, khi cảnh giới ấy hiện tiền, chưa chắc đã có thể nhận biết rõ ràng, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này!

Thiền Quán: Thiền có thể gian Thiền, xuất thế gian Thiền, và xuất thế gian thượng thượng Thiền; Quán có Tích Không Quán, Thê Không Quán, Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán. Thông thường, người tham Thiền đắc Tứ Thiền Bát Định thì nhiều, đó là Thiền Định thế gian. Đắc loại Thiền Định này, họ sẽ sanh về đâu? Sanh lên Tứ Thiền Thiên. Tứ Thiền Thiên không ra khỏi tam giới! Dầu sanh vào Đệ Tứ Thiền, công phu rất cao, cổ đức bảo chúng ta: Vẫn chẳng bằng Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa. Vì sao? Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn chẳng đọa vào tam ác đạo, nhưng người trong Tứ Thiền Thiên và Tứ Không Thiên khi hết tuổi thọ, Định mất đi, thường đọa địa ngục.

Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn có năng lực gì? Các Ngài đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới; vì thế, chẳng đọa tam đồ, tri kiến chánh đáng, tri kiến chẳng tà. Người đắc Tứ Thiền Bát Định chỉ chế phục phiền não, chưa đoạn phiền não, một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn, chỉ là “phục trụ” (chế ngự, khuất phục phiền não), ở trong Định, do Định lực chế ngự phiền não, cho nên họ có thể sanh vào cảnh giới cao dường ấy, nhưng sau khi Định lực mất đi, Kiến Tư phiền não lập tức hiện tiền. Đó gọi là “trèo cao, ngã đau”, chúng ta phải hiểu rõ, phải giác ngộ.

Ma cảnh hiện tiền, kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta một phương pháp: Chính mình phải thật sự giữ vững chánh niệm phân minh, đừng sợ hãi, ma cảnh hiện tiền ta chẳng bị lay động. Kinh dạy chúng ta như thế này...

(Sớ) Giai vân bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà.

(疏)皆云不作聖心，名善境界，若作聖解，即受群邪

•

(Sớ: Điều nói: “*Tâm chẳng nghĩ [chính mình] đã đắc thánh cảnh thì gọi là cảnh giới tốt đẹp. Nếu nghĩ là mình đã chứng thánh quả, liền vướng vào các thứ tà kiến.*”).

Hai câu này chúng ta phải nhớ kỹ trong lòng. Vì sao? Quý vị mới chẳng gặp nạn! Cảnh giới hiện tiền thì như thế nào? Như như bất động. Quý vị hãy nhớ hai câu kinh Kim Cang: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Khi cảnh giới hiện tiền, chẳng sanh lòng hoan hỷ, thấy mà như chẳng thấy, cảnh giới ấy sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Vừa thấy liền động tâm, quý vị bị lừa rồi; ngay lập tức bị cảnh giới xoay chuyển! Trong quá trình chúng ta tu hành, đâu thấy tướng hảo cũng đừng chấp trước, cũng chẳng cần phải nói với ai. Khi thật sự dụng công, sẽ có cảm ứng, có [trường hợp là] cảm ứng thật sự, mà cũng có trường hợp ma đến thử thách, tức là ma đến nhiễu loạn. Ma biến hiện thành một vị Phật ở trước mặt quý vị, quý vị thấy Phật, tâm bị ma lôi đi. Quý vị tu tập thì phải tu nhất tâm bất loạn, hễ ma hiện tiền, tâm hoan hỷ thì tâm bị loạn mất rồi, ma đến phá hoại nhất tâm, đoạn mất công phu của quý vị. Nếu quý vị thấy cảnh giới ấy, thấy mà như chẳng thấy, trong lòng bất động, vĩnh viễn bảo vệ được mình, đó là chánh niệm phân minh, chắc chắn chẳng có ý niệm ham chuộng quái lạ nào!

Vừa nghe nói cấm cọng cỏ [xuyên qua đỉnh đầu đảm bảo sanh về Cực Lạc], liền vội ùa đến, hạng người niệm Phật ấy làm sao niệm thành công cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Ở nơi kia nói pháp sư giảng kinh phóng quang tại đó, họ bèn vội hòa nhau kéo đến, ở nơi đây nói [pháp sư thuyết pháp] lìa khỏi [mặt đất] ba thước, họ lại chạy đến. Tâm luôn bị cảnh giới xoay chuyển, đến năm nào mới có thể đắc nhất tâm bất loạn? Đây là chuyện chẳng thể nào có được! Thật sự có công phu, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, nhất định chẳng bị xoay chuyển bởi bất cứ cảnh giới nào, chỉ có khi sắp mất mới nói ra, cáo từ mọi người: “*Hôm ấy tôi sẽ ra đi*”. Chẳng phải là trong tình cảnh đó thì bất cứ cảnh giới nào cũng chẳng nói ra! Sơ Tổ Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư khi còn tại thế đã ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước nay chưa hề kể với ai, đến lúc sắp vãng sanh mới tuyên bố với mọi người thấy Tây Phương Tam Thánh, thanh tịnh hải hội đại chúng đến nghênh

tiếp Ngài. Ngài bảo đại chúng: “Trong quá khứ, tôi đã từng thấy cảnh giới này ba lần. Lần này tôi sắp theo A Di Đà Phật ra đi”. Đó là cổ đức chánh niệm phân minh. Vì thế, hai câu kinh trên đây của kinh Lăng Nghiêm rất quan trọng, phải thường gìn giữ cái tâm thanh tịnh của chính mình.

(Sớ) Cổ tri chánh kiến sảo khuy, tà ma toại xí.

(疏) 故知正見稍虧，邪魔遂熾。

(Sớ: Cho nên biết: Chánh kiến hơi thiếu, tà ma liền lừng lẫy).

Do người học Phật chánh kiến suy giảm, thiếu khuyết, nên yêu ma, quỷ quái bèn lừng lẫy trong thế gian.

(Sớ) Vô ích cánh tổn.

(疏) 無益更損。

(Sớ: Đã vô ích lại càng thêm tổn hại).

Đối với chúng ta trọn chẳng có mấy may lợi ích gì, chỉ tăng thêm tổn hại.

(Sớ) Cầu thăng phản trầm.

(疏) 求升反沈。

(Sớ: Cầu thăng lên, đâm ra bị chìm xuống).

Chúng ta vốn mong thành Phật mau một tí, kết quả bị đọa lạc. Con người hiện thời cái tâm mong thành tựu nhanh chóng quá tha thiết, lại còn ưa cầu may: Tốt nhất là khỏi phải chịu khổ sở gì hết, ngay cả một câu A Di Đà Phật cũng chẳng muốn niệm, mà cứ mong đến lúc ấy sẽ vãng sanh, trong thế gian đâu có chuyện tiện nghi dường ấy?

(Sớ) Diêu thử thiển căn bố đạo bất học.

(疏) 繇此淺根怖道不學。

(Sớ: Do lẽ này, kẻ căn cơ nông cạn sợ hãi chẳng học đạo).

Nói chung là sợ phải chịu khổ! Nói chung là chẳng nghiêm túc học đàng hoàng. Vì sao hiện thời Mật Tông thịnh hành đường ấy? Mọi người luôn áp ủ tâm lý cầu may. Học các tông thuộc Hiền Giáo của Trung Quốc phải trì giới, ăn chay, chẳng thể sát sanh, học Mật Tông khoẻ ru! Mật Tông có thể ăn thịt, chẳng bó buộc quý vị ăn chay, cũng chẳng ràng buộc nghiêm ngặt, mọi người như ong vỡ tổ ùa theo. Đã thế, lại còn đề xướng những thuyết rất êm tai, “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân này). Thành Phật như thế nào? Mỗi ngày ăn thịt cá no kên cũng thành Phật, đâu có lẽ ấy! Ở Los Angeles, tôi gặp cư sĩ Hạ Kinh Sơn, sau khi ông ta đến Mỹ bèn học Mật với các lạt-ma pháp vương Tây Tạng hay Nê Bạc Nhĩ (Nepal). Tôi giảng pháp môn Tịnh Độ ở Los Angeles, ông ta cũng đến nghe, nghe xong cũng hoan hỷ. Có người hỏi ông ta: “Nghe cảm thấy như thế nào?” “A! Tôi cũng phải niệm Phật”. Có người hỏi ông ta: “Ông còn học Mật hay chẳng?” “Tạm thời vẫn chưa buông bỏ Mật! Để xem [Mật] có linh hay không?” Ông ta vẫn chưa buông xuống được. Năm nay, ở Los Angeles, tôi lại gặp ông ta, ông ta nêu ra một câu hỏi, vì gần đây có ba người vãng sanh là thầy Lý ở Đài Trung, pháp sư Quảng Khâm, và Sử cư sĩ ở Los Angeles, tướng lành vãng sanh đều rất tốt, chẳng bị bệnh khổ, hết sức an tường. Cho nên ông ta hỏi: “Vì sao các lạt-ma hay Hoạt Phật trong Mật Tông lúc chết đều đau khổ đường ấy? Đều bị bệnh ung thư, khổ chẳng thể kham, hình dáng cũng chẳng tốt đẹp!” Ông ta hỏi tôi: “Vì lẽ nào vậy? Đường như nhìn từ những điều này thì Mật Tông chẳng bằng niệm Phật!” Chúng tôi cũng chẳng thể mịch lòng Mật Tông, ông ta hỏi như thế, tôi chỉ đành đáp: “Nói chung là những vị đại đức trong Mật Tông phước báo quá lớn, hưởng hết phước rồi, còn những vị trong Hiền Tông cả đời đều chẳng hưởng phước, suốt đời tu khổ hạnh”. Tôi chỉ có thể trả lời ông ta như vậy, ông ta nghe xong cũng cười xòa!

Phàm những ai tin vào tôn giáo đều thừa nhận có đời sau, trong đời này chết rất tốt đẹp, đời sau nhất định sống rất tốt đẹp. Đời này chết chẳng tốt lành, đại khái là đầu thai vào đời sau làm sao có thể tốt đẹp được! Con người vì sao đầu thai trong đường súc sanh, biến thành ngựa quý, hay đọa địa ngục? Ai muốn đi vào đó? Quý vị phải biết: Vào trong ba ác đạo đều là vì hồ đồ mà vào, người lúc chết tỉnh táo, sáng suốt, chắc chắn người ấy chẳng đọa trong ba đường ác. Phàm ai khi chết mê hoặc, điên đảo, bất tỉnh nhân sự, sẽ không thể đảm bảo, quá nửa là đọa trong ba ác đạo. Vì thế, con người nhất định phải tu phước. Người Trung Quốc nói tới Ngũ Phước, phước cuối cùng trong Ngũ Phước cũng là điều quan

trọng nhất: Mong được chết tốt lành. Chết tốt lành là khi mất tinh táo, sáng suốt, khi chết chẳng mê hoặc, quả báo trong đời sau sẽ thù thắng, chẳng đọa trong ba ác đạo. Vì thế, những điều này đều là chuyện trước mắt, mà cũng là những chứng cứ sống động trước mắt, chúng ta phải tự biết nhìn ra. Nhìn nhiều, tâm quý vị sẽ minh bạch, trong hết thấy các pháp môn sẽ tự nhiên biết lấy hay bỏ như thế nào, biết phải nên tu pháp môn nào, phải nên tu theo cách nào. Người ta có thành tựu như thế đó, chúng ta cũng có thể làm được. Ai nấy đều có thể làm được!

(Sớ) Kim niệm Phật giả, dĩ Phật đại nguyện nhiếp thọ, đại lực không trì, oai mạng cảm can, thần bất khả trắc, tuy hữu ma sự, hành tương tự tiêu.

(疏) 今念佛者，以佛大願攝受，大力匡持，威莫敢干，神不可測，雖有魔事，行將自消。

(Sớ: Nay kẻ niệm Phật do được đại nguyện của Phật nhiếp thọ, được đại lực gìn giữ, oai thần chẳng ai dám quấy phá, chẳng thể suy lường được, tuy có ma sự nhưng rồi nó sẽ tự tiêu diệt).

Dẫu có những ma sự, người niệm Phật được oai đức và thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì, hết thấy ma gặp phải quý vị đều lùi tránh, chẳng dám xâm phạm, chẳng dám nhiễu loạn quý vị. Tự mình đã chánh tâm, chánh niệm phân minh, bên ngoài có oai thần của Tam Bảo gia trì, cho nên người ấy chẳng gặp ma sự. Nếu quý vị thật sự dụng công, thật sự tu học đúng pháp, chỉ cần nửa năm sẽ có cảm giác, có thể nhận biết Tam Bảo thời thời khắc khắc bảo vệ, gìn giữ quý vị.

(Sớ) Hựu kinh vân: Niệm Phật chi nhân, hữu tứ thập lý quang minh chúc thân, ma bất năng phạm.

(疏) 又經云：念佛之人，有四十里光明燭身，魔不能犯。

(Sớ: Lại nữa, kinh dạy: “Thân người niệm Phật có quang minh soi sáng bốn mươi dặm, ma chẳng thể xâm phạm”).

Trong kinh, đức Phật dạy: Người thật sự niệm Phật, đi, đứng, nằm, ngồi, trong mười hai thời, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn sẽ có

sức mạnh lớn dường ấy. Vì thế, nay chúng ta nói: Phát tâm từ bi muốn cứu độ hết thảy chúng sanh thì cứu như thế nào? Chúng ta giảng kinh thuyết pháp có cứu được hay chẳng? Thưa quý vị, chẳng cứu được! Người thật sự niệm Phật thì cứu được. Quang minh của người ấy chiếu xa bốn mươi dặm, trong vòng bốn mươi dặm mà chẳng thể xâm phạm. Chúng sanh ở trong bốn mươi dặm ấy cũng được hưởng lây; một người có phước, cả nhà người ấy đều có phước, mọi người đều được hưởng lây, thật đấy, chẳng giả đâu! Hòn đảo Đài Loan của chúng ta không lớn, có được dăm ba người tu hành chân chánh, hòn đảo này sẽ chẳng gặp kiếp nạn. Dăm ba người tìm ở đâu ra? Hy vọng người khác tu hành, ta được hưởng lây, mỗi người đều nghĩ như vậy thì kết quả chẳng có ai tu hành, chúng ta vẫn phải gặp nạn! Chính mình phải thật sự phát tâm. Thật sự phát tâm thì nơi đây chẳng gặp tai nạn.

Phát tâm là niệm niệm vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Ta niệm một câu A Di Đà Phật này vì hết thảy chúng sanh mà niệm, ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vì hết thảy chúng sanh mà vãng sanh. Vì sao phải vãng sanh? Vì chính mình hiện thời không có năng lực hóa độ chúng sanh. Năng lực lần học vấn đều chẳng đủ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cầu học để vun bồi cho chính mình được trọn đủ; sau khi học thành tài sẽ thả chiếc bè Từ trở lại hóa độ chúng sanh. Dù thấy niệm Phật câu sanh Tịnh Độ là vì chúng sanh, chứ không vì chính mình. Vì chúng sanh, chúng ta phải sốt sắng niệm, vì chính mình thì giải đãi cũng không sao, chuyện cá nhân mà! Ta vì chúng sanh, ta không niệm, chúng sanh phải chịu khổ nạn thêm một ngày, ta sốt sắng niệm thì chúng sanh được hưởng phước báo sớm thêm một ngày. Đó là sức mạnh không gì lớn hơn, thúc đẩy chúng ta nghiêm túc niệm Phật, nghiêm túc cầu sanh Tịnh Độ. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ có thể buông xuống vạn duyên, dấy lên chánh niệm. Một câu A Di Đà Phật là chánh niệm, là chánh tri chánh kiến, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta không chỉ buông xuống hết thảy các pháp thế gian, mà Phật pháp cũng phải buông xuống. Hết thảy kinh luận, hết thảy pháp môn đều buông xuống! Vì sao phải buông xuống? Chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể niệm tốt đẹp câu Phật hiệu! Chẳng buông xuống, câu Phật hiệu này sẽ xen tạp rất nhiều thứ tạp nham!

Hôm qua, tôi gặp cư sĩ Châu Gia Lân, chúng tôi nói đến chuyện giảng kinh. Tôi bảo ông ta: Hiện thời tôi chẳng phải là giảng kinh, tôi cũng không biết giảng kinh, khuôn mẫu quy củ giảng kinh tôi đều bỏ sạch. Hiện thời trên bục giảng là giảng gì vậy? Cầm kinh sách để đối

chiếu xem hành vi và tư tưởng của chính mình có tương ứng với Phật hay không; hễ tương ứng thì gìn giữ, chẳng tương ứng bèn sửa đổi ngay lập tức. Hằng ngày niệm kinh, hằng ngày giảng nơi đây, đều là tu hành. Vì thế, chẳng phải là giảng kinh, mà là đang tu hành. Ví như ở chỗ này, chúng ta đọc đến câu “*chánh niệm phân minh*”, chúng ta suy nghĩ: Chính mình có phải là chánh niệm phân minh hay không? Có phải là trong mười hai thời chỉ có một câu A Di Đà Phật hay chẳng? Trừ A Di Đà Phật ra, có tạp niệm nào hay chẳng? Tôi phải suy nghĩ chuyện này, nếu thật sự chẳng có tạp niệm, bản thân tôi biết ngay: Tôi thành tựu rất nhanh, tôi nắm chắc Tây Phương Tịnh Độ. Nếu còn có những tạp niệm tấp nham xen lẫn trong ấy, tôi biết chúng là chướng nạn, là chướng ngại, đó là “gặp nạn”. Vì vậy, tôi bỏ sạch hết thảy các pháp.

Nay chúng ta chỉ đọc một bộ kinh này. Kinh Hoa Nghiêm nhằm dấy lên lòng tin, pháp môn này là pháp khó tin, người khác nghĩ pháp này dành để dạy cho mấy bà cụ già! Đối với kinh Hoa Nghiêm, mọi người ca ngợi khôn cùng. Vì thế, tôi dùng Hoa Nghiêm để khởi lên lòng tin. Quý vị chẳng rất bội phục kinh Hoa Nghiêm hay sao? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng dạy quý vị niệm A Di Đà Phật, quý vị còn nói gì được nữa! Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng phải là giảng kinh, mà là mở kinh ra để đối chiếu với điều tâm mình suy nghĩ, việc thân mình làm có giống như đức Phật đã dạy trong kinh Hoa Nghiêm hay chẳng? Cầm lấy tấm gương ấy để sửa đổi cho đúng hành vi của chính mình. Giảng kinh phải đọc từng đoạn, giải thích văn tự, giải thích từng chữ, phải giải thích ý nghĩa. Đó là tuân theo quy củ, tôi đều không có [những bước ấy], vì thế, chẳng phải là giảng kinh!

Người thật sự tu hành thân tâm thanh tịnh, đại từ, đại bi, thân người ấy thật sự tỏa quang minh chiếu xa bốn mươi dặm. Thân này phóng quang, chúng ta là phàm phu mắt thịt chẳng thể thấy, nhưng yêu ma quỷ quái chẳng dám đến gần quý vị; bởi lẽ, quang minh ấy có thể nói là quang minh chánh đại, “*ma bất năng phạm*”, tà ma chẳng dám xâm phạm quý vị!

(Sớ) Dĩ A Di Đà Phật, cập thập phương Phật, thường hộ niệm cố.

(疏) 以阿彌陀佛，及十方佛，常護念故。

(Sớ: Do A Di Đà Phật và mười phương Phật thường hộ niệm).

Đây là một nhân tố bên ngoài. Bản thân quý vị nội tâm thanh tịnh, chánh niệm phân minh, tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy, cảm được A Di Đà Phật hộ niệm và mười phương chư Phật hộ niệm quý vị, mà làm sao dám dính đến quý vị, dính chẳng được!

(Sớ) Tùng kim phát tâm, trực chí đạo tràng, tự thử tự chung, cát vô bất lợi.

(疏) 從今發心，直至道場，自始自終，吉無不利。

(Sớ: Từ lúc phát tâm trong hiện thời mãi cho đến khi ngôi đạo tràng, từ đầu đến cuối là tốt lành, chẳng có điều gì bất lợi).

Đại cát đại lợi, chuyện gì cũng đều chẳng cần phải lo âu, chuyện gì cũng chẳng cần phải bận lòng. Dầu là nơi hiểm nạn, quý vị đến đó cũng được bình an, gặp điều dữ hóa lành. Quý vị chẳng đến thì nơi ấy có thể gặp phải tai nạn. Quý vị là người có đại phước đức, đến đó, chư Phật, Bồ Tát phải bảo vệ quý vị, yêu ma quỷ quái tránh xa, nơi ấy bèn cát tường. Chúng ta muốn cầu cát tường thì niệm Phật là cát tường nhất.

(Sớ) Lương diêu chánh niệm phân minh, túng ma lai giả, dị thức dị khiển, phi tử đam tĩnh trước không, trung vô chủ tế, phùng ma bất giác, toại chí nhập tâm giả dã.

(疏) 良繇正念分明，縱魔來者，易識易遣，非比耽靜著空，中無主宰，逢魔不覺，遂至入心者也。

(Sớ: Ấy là vì chánh niệm phân minh, dầu ma có đến cũng dễ biết, dễ xua đuổi ma. Chẳng giống như kẻ đắm đuối trong sự an tĩnh, chấp trước Không, trong tâm chẳng có chủ tế, gặp ma mà chẳng hay biết đến nỗi ma nhập tâm).

Đoạn này nói rất hay! Chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ trong lòng. Đây là nói quả báo của người tu pháp môn Niệm Phật và người tu các pháp môn khác chẳng giống nhau. Nói thật thà, xét theo lý luận để nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn bình đẳng, nhưng xét theo sự tu học của lũ chúng sanh chúng ta ngày nay, thì trừ niệm Phật là chánh niệm phân minh ra, những pháp môn khác đều chẳng phải là chánh niệm phân minh! Nghiên cứu Giáo sẽ tăng trưởng Sở Tri Chương. Đó là nói rất dễ nghe; chứ nói khó nghe thì là tăng trưởng tà kiến. Học Thiền, học Mật,

hễ gặp phải cảnh giới thì chính mình chẳng thể làm chủ tể. Chữ “đam tĩnh” (đắm đuối nơi tịch tĩnh) chỉ kẻ học Thiền, chữ “trước Không” (chấp vào Không) chỉ người tu học Tam Luận¹⁹ hay Bát Nhã, quả thật họ gặp phải những cảnh giới, bèn chẳng thể làm chủ tể, bất tri bất giác lọt vào ma cảnh. Chỉ có người chánh niệm phân minh, dấu ma thật sự hiện đến, người ấy nhận biết. Nhận biết nó, sẽ rất dễ dàng đuổi nó đi, chẳng gặp nạn, chẳng bị ma lừa gạt. Đó là người niệm Phật công phu đặc lực, người ấy có thể thấu hiểu sâu xa ý nghĩa này.

(Sớ) Trạch đồ bảo kính giả, dĩ thử nhị dụ, minh phi dẫn Phật lực, tức thị tự kỷ niệm lực dã.

(疏) 澤圖寶鏡者，以此二喻，明非但佛力，即是自己念力也。

(Sớ: “Hình con Bạch Trạch, gương báu”: Dùng hai tỷ dụ này để chỉ rõ: Chẳng phải chỉ có Phật lực, mà còn có niệm lực của chính mình).

“Niệm lực” là chính mình, Phật lực là bên ngoài. Pháp môn này gọi là pháp môn Nhị Lực, chính mình có niệm lực, bên ngoài có Phật lực gia trì. Không chỉ là thần lực của A Di Đà Phật gia trì, mà còn được sức mạnh của mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều cùng gia trì. Đích xác là rất ít người biết chỗ tốt lành của pháp môn Niệm Phật. Người ta coi thường kinh Di Đà, ngày nay tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, nói thật ra, trong thời đại này là thời đại yêu ma quỷ quái hoành hành, nếu chẳng thâm nhập Sớ Sao, nghiên cứu cặn kẽ Sớ Sao, quả thật sẽ chẳng biết chỗ hay trong kinh Di Đà. Điều thật sự khó có là Liên Trì đại sư đã

¹⁹ Tam Luận là ba bộ luận, tức Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā), Thập Nhị Môn Luận (Dvādashanikāya-Shāstra) và Bách Luận (Śataśāstra). Trung Luận và Thập Nhị Môn Luận do Long Thọ Bồ Tát biên soạn, còn Bách Luận do ngài Thánh Thiên (Āryadeva) biên soạn. Ba bộ luận này thuộc học phái Bát Nhã Trung Quán của Đại Thừa. Những vị tổ sư tiêu biểu góp phần hình thành tông phái này tại Trung Hoa là Cưu Ma La Thập, Tăng Triệu, Tăng Lãng, Pháp Lãng, Đại Minh, Cát Tạng; nhưng người có công hoàn chỉnh luận thuyết của tông này là ngài Cát Tạng. Luận điểm chủ yếu của tông này là: “Các pháp tánh Không, đó là Trung Đạo Thật Tướng”. Sau này, Huệ Quán (Ekan) đã từ Nhật sang Trung Hoa cầu pháp với ngài Cát Tạng vào năm 625 (trong thời đại cai trị của nữ hoàng Thôi Cổ - Suiko) và truyền bá Tam Luận Tông (Sanron Shu) tại Nhật Bản. Ngài Ấn Thuận được coi là học giả lừng danh nhất của tông Tam Luận trong thế kỷ 20.

giới thiệu tỉ mỉ thâm nhập như thế, khiến cho chúng ta thật sự nhận thức pháp môn này. Lại còn có kinh Hoa Nghiêm, có thể nói là kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối nhằm giới thiệu pháp môn Niệm Phật. Đọc kinh Hoa Nghiêm xong, sẽ chết sạch so đo, khăng khít nơi pháp môn Niệm Phật, chẳng còn ngờ vực nữa, biết chính mình quyết định vãng sanh trong một đời này! Hai bộ kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Đối với người chân chánh học Phật, hai bộ kinh này là đủ rồi, chẳng cần phải học nhiều nữa!

Thế nhưng kinh Hoa Nghiêm quá lớn, rất khó đọc. Có một lần, cư sĩ Trịnh Thạch Nham và tôi có bàn đến vấn đề này, ông ta nói làm cách nào để đơn giản hóa bộ kinh ấy, giới thiệu một cách đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ rệt cho các đồng tu sơ học. Tôi bảo ông ta: “Tôi đã từng suy nghĩ chuyện này hết nửa năm. Làm thế nào để đơn giản hóa những bộ kinh lớn, quả thật là chuyện tất yếu. Bộ *Toản Yếu*²⁰ đã đơn giản hóa hai tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao và Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận, nhưng vẫn chưa đủ, chẳng qua là mới đơn giản hóa một nửa mà thôi. Chúng ta hy vọng có thể đơn giản hóa đến một phần mười, tốt nhất là một phần trăm. Khi ở Mỹ quốc, tôi đã suy xét vấn đề này: Sau khi trở về Đài Loan sẽ giảng kinh này theo cách nào để có thể giảng viên mãn kinh này rất mau chóng. Thế nhưng bộ kinh này từ đầu đã giảng từng chữ từng câu như thế thì hiện thời cũng chỉ đành tiếp tục giảng từng câu từng chữ như thế. Phương pháp được chọn lựa là những chỗ nào có quan hệ thụ dụng mật thiết với chúng ta thì chúng tôi sẽ giảng cặn kẽ, những chỗ nào chúng ta chưa thể dùng được thì đọc lướt qua. Đó gọi là “giảng nhanh”, làm như vậy tốc độ sẽ tăng nhanh hơn!

Trong tương lai, giảng lần thứ hai, tôi sẽ không theo cách giảng này mà giảng gì? Tôi giảng trích yếu sớ luận của kinh Hoa Nghiêm. Chẳng hạn như trong một phẩm kinh, tôi chỉ chọn lấy mười câu hay tám câu, tức những câu quan trọng nhất, tôi chỉ giảng những câu đó là được rồi, những câu kinh văn khác tôi đều lược qua. Chú giải, Sớ Sao, Hợp Luận cũng đều giảng như thế, mỗi thứ chọn lấy vài điều, biên tập như thế thành một bài giảng nghĩa. Một bộ kinh Hoa Nghiêm có thể giảng hai mươi lần, ba mươi lần là giảng viên mãn. Giảng như vậy sẽ được hết sức hoan nghênh, chẳng giống như hiện thời tôi đã giảng bộ kinh Hoa Nghiêm đến hơn hai ngàn giờ mà mới giảng được một nửa, quả thật là

²⁰ Đây chính là bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Luận Toản Yếu do pháp sư Đạo Bái biên soạn vào đời Thanh.

dài quá! Thầy Lý giảng ở Đài Trung hai mươi năm, bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 55 (1966) đến năm nay thầy vừa vãng sanh mới giảng được một phần ba. Vì thế, nhất định phải đơn giản hóa thì mới có thể khế hợp căn cơ của con người trong thời đại hiện tại. Dưới đây là lời giải thích hai tỷ dụ ấy.

(Sớ) Hữu thần thú danh Bạch Trạch²¹, năng nhân ngôn.

(疏) 有神獸名白澤，能人言。

(Sớ: Có con thú thần kỳ tên là Bạch Trạch có thể nói tiếng người).

Bạch Trạch là tên của một con thú thần diệu, nó có thể nói tiếng người.

(Sớ) Biện vạn vật chi tình, chư tà vọng ảnh nhi ty. Cổ viết: “Gia hữ Bạch Trạch chi đồ, tất vô như thị yêu quái”.

²¹ Bạch Trạch là con thú thần thoại được chép trong bộ Vân Cáp Thất Thiêm (do đạo sĩ Trương Quân Phòng biên soạn vào đời Bắc Tống). Trong bộ sách này, Trương Quân Phòng đã trích dẫn sách Hiên Viên Bản Kỷ như sau: “Hoàng Đế tuần du, tới Đông Hải, lên núi Hằng, từ bờ biển chợt có con thú Bạch Trạch xuất hiện. Nó có thể nói thông suốt tình trạng của muôn vật, do vậy, Hoàng Đế hỏi nó chuyện quỷ thần, từ những vật do tinh khí [của trời đất] tích tụ biến hóa ra, cho tới những loài thần hồn thơ thần (du hồn) gồm một ngàn năm trăm hai mươi thú, Bạch Trạch đều nói cặn kẽ. Hoàng Đế bèn cho vẽ hình con Bạch Trạch để truyền dạy dân chúng, và ghi chép những điều đó thành Bạch Trạch Đồ”. Hiên Viên Bản Kỷ do Vương Quán soạn vào đời Đường, thường được coi là lưu giữ nguyên văn trong quyển thứ một trăm của bộ Vân Cáp Thất Thiêm (雲笈七籤). Thông thường, người ta vẽ Bạch Trạch giống như một con bò trắng, mặt như mặt người có râu quai nón, có ba mắt, sáu sừng (hai sừng trên đầu, hai cặp còn lại ở trên lưng), hai bên hông mỗi bên có ba mắt xếp thành hình tam giác, đuôi xù, vẽ cách điệu như hình đám mây vờn. Do đạo sĩ gọi tráp đựng sách là “vân cáp” (tráp mây) và chia sách vở trong Đạo giáo thành bảy loại (tam động, tứ phụ) nên bộ sách này mới có tên là Vân Cáp Thất Thiêm (bảy cái thể trong tráp mây) tuy bộ sách này gồm 122 quyển. Tam Động là Động Chân, Động Huyền, Động Thần, Tứ Phụ (thường bị đọc sai thành Tứ Phủ) gồm Thái Huyền, Thái Bình, Thái Thanh và Chánh Nhất. Chữ Động trong Tam Động không có nghĩa là hang động mà có nghĩa là “rỗng thông”. Tam Động tương ứng với ba hệ thống kinh chánh yếu của Đạo Giáo: Động Chân là những sách vở chú giải hoặc phát xuất từ Thượng Thanh Kinh, Động Huyền là những sách thuộc hệ thống Linh Bảo Kinh, Động Thần là sách vở thuộc hệ thống Tam Hoàng Văn.

(疏)辨萬物之情，諸邪望影而避。故曰家有白澤之圖，必無如是妖怪。

(Sớ: Nó có thể biến định rành rẽ tình huống của muôn vật, các thứ tà vạy vừa thấy bóng nó từ xa liền tránh né, nên nói: “Trong nhà có hình Bạch Trạch, ắt chẳng có các loài yêu quái như thế”).

Đây là một truyền thuyết vào thời cổ ở Trung Quốc.

(Sớ) Hựu sơn tinh dã mị, năng biến hình chủng chủng, cuồng hoặc u nhân, nhi bất năng biến kính trung chi hình.

(疏)又山精野魅，能變形種種，誑惑於人，而不能變鏡中之形。

(Sớ: Lại như loài tinh mị trong núi non đồng vắng có thể biến ra các thứ hình dạng dối gạt, mê hoặc con người, nhưng chúng chẳng thể biến đổi hình bóng của chúng trong gương).

Yêu ma quỷ quái có thể biến hiện thành hình dạng con người, nhưng chẳng thể thay đổi bóng của nó trong gương. Nếu đem gương báu soi nó, nó không có cách gì biến hóa được, nó phải hiện nguyên hình. Đối với chuyện này, trong thời cổ có truyền thuyết như sau: Xưa kia có một người tên Vương Độ, nhà ông ta có một tấm gương báu gia truyền, có thể soi nguyên hình yêu ma quỷ quái. Gần nhà ông ta có một cái cây, yêu tinh nơi cây ấy tác quái. Do vậy, ông ta đem kính treo lên cây, kết quả, cái cây ấy bị sét đánh, có một con rắn to chết cứng dưới gốc cây. Có lần, ông ta đem tấm gương ấy soi vào một bé gái, đưa bé gái ấy van nài ông ta hãy cất gương đi, xin cho ăn no một bữa, uống rượu đã đòi một bữa. Uống say xong, nó nằm chết trên giường, hiện nguyên hình là một con hồ ly. Đó là chuyện “bảo kính độn yêu” (yêu tinh trốn tránh gương báu). “Sơn tinh dã mị” có thể biến thành hình người để lừa gạt con người, nhưng chẳng thể hiện hình trước gương báu.

(Sớ) Dụ niệm Phật giả, chánh niệm hiện tiền, trí chiếu tinh lãng, nhất thiết thiên ma tâm ma bất đắc tiện cố.

(疏) 喻念佛者，正念現前，智照精朗，一切天魔心

魔不得便故。

(Sớ: Ví như người niệm Phật, chánh niệm hiện tiền, trí chiếu tinh tường, rạng rỡ, hết thấy thiên ma và tâm ma chẳng có cơ hội giở trò).

Đủ thấy chánh niệm phân minh rất quan trọng. Quý vị phải nhớ kỹ “chánh niệm” là ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ, chẳng thiếu một điều nào, đó gọi là “chánh niệm”. Chánh niệm kiến lập từ chỗ nào? Kiến lập từ Phật hiệu. Trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng dứt, người ấy nhất định đầy đủ ba điều kiện. Nếu người ấy chẳng nguyện vãng sanh, chẳng tin tưởng pháp môn này, làm sao người ấy chịu niệm Phật? Làm sao chịu niệm Phật chẳng gián đoạn? Ngẫu nhiên niệm một tiếng Nam-mô A Di Đà Phật, chẳng thấy có tín, có nguyện, nhưng suốt ngày từ sáng đến tối niệm chẳng gián đoạn, nhất định đầy đủ tín nguyện, ba điều kiện thấy đều đầy đủ. Đó là ý nghĩa chính xác của “chánh niệm phân minh”. Đây cũng là điều chúng ta hy vọng làm được. Không chỉ hy vọng làm được, mà nhất định phải làm được, vì sao? Nếu quý vị làm được, sẽ liễu sanh tử, thành Phật trong một đời, thành Phật ngay trong thân này, điều này rất quan trọng! Nếu quý vị chẳng làm được, dầu đời này tu hành tốt đẹp đến đâu đi nữa, đời sau chỉ được hưởng phước báo nhân thiên, hưởng hết phước này sẽ “hưởng” mê hoặc, “hưởng” hồ đồ, lại còn chẳng thể sót sáng tu hành!

Cố nhiên Phật pháp dạy quý vị phải hành nhiều thiện sự, nhưng quý vị phải biết: Hảo sự chẳng bằng vô sự! Chuyện tốt nhất là thật thà niệm Phật, chẳng có gì tốt hơn! Làm chuyện tốt hãy tùy duyên mà làm, đừng phan duyên, phan duyên là gì? Bói chuyện ra để làm thì là phan duyên. Sự việc đưa đến, chúng ta chẳng thoái thác mà tận tâm tận lực làm cho tốt, đó gọi là “tùy duyên mà làm”, đừng bói chuyện ra để làm. Bói chuyện ra làm sẽ là “hiếu sự” (ham chuyện) sẽ chẳng phải là “hảo sự”²². Phan duyên thì làm sao tâm quý vị thanh tịnh cho được? Ấn Quang đại sư suốt đời chẳng lập đạo tràng, chẳng truyền giới, chẳng thọ nhận đệ tử xuất gia, suốt đời Ngài chẳng có chuyện gì! Vì thế, Ngài niệm Phật hiệu rất tốt đẹp, niệm thành công.

²² Chữ 好 có hai cách đọc: Một là “hảo” có nghĩa là tốt đẹp. Hai là Hiếu (hay háo) là ham chuộng, ưa thích. Như vậy nếu bói chuyện ra để làm thì sẽ “hiếu sự” (ưa bói ra chuyện để làm), không phải là “hảo sự” (chuyện tốt đẹp).

Thư viện này của chúng ta chẳng phải do phan duyên mà có, đây là do các đồng tu hoàn toàn tự động tự phát mua chỗ này rồi đến kiếm tôi. Tuy chúng ta có cái đạo tràng nhỏ chừng này, mãi cho đến bây giờ chúng ta chẳng phan duyên, chúng ta làm rất tròn bổn phận. Vì thế, ở nơi đây chúng ta tâm an lý đắc, một câu Phật hiệu cũng niệm rất tốt đẹp, nguyên nhân là ở chỗ này. Nếu thường xuyên phan duyên, thường muốn đề cao mở rộng Phật giáo như thế nào thì chẳng những không thể giúp đỡ chúng sanh mà chính mình cũng bị hủy hoại. Chuyện hoằng pháp lợi sanh có cần phải làm hay không? Phải làm! Chúng ta tận tâm tận lực thì công đức viên mãn, niệm niệm công đức viên mãn, tự tại lắm! Hướng ra ngoài phan duyên thì công đức ấy vĩnh viễn chẳng viên mãn. Từ trong nội tâm của chính mình, tận hết tâm lòng ta, tận hết sức ta, công đức của ta sẽ viên mãn. Nay tôi có một đồng thì làm chuyện công đức chừng một đồng, công đức của tôi viên mãn, tôi chẳng cần kiếm người khác, chẳng cần phải cầu cạnh người khác. Nếu tôi đi kiếm người khác, cầu cạnh người ta thì có thể làm nhiều hơn một chút, nhưng chẳng viên mãn vì tâm chẳng thanh tịnh. Do vậy, học Phật đâu là lợi khắp chúng sanh, nhất định phải nghĩ đến thân tâm của chính mình thanh tịnh viên mãn. Điều này rất quan trọng!

Chánh niệm phân minh cũng là pháp môn tốt nhất để xa lìa yêu ma quỷ quái, kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ như sau:

(Diễn) *Chủ nhân nhược mê, khách đắc kỳ tiện.*

(演) 主人若迷，客得其便。

(Diễn: *Nếu chủ nhân mê, khách thừa dịp lợi dụng).*

“*Chủ nhân*” là chính mình, bản thân chúng ta đã mê rồi, người bên ngoài sẽ dùng phương cách mầu mè gạt gẫm chúng ta. Bản thân chúng ta chẳng mê, bất cứ yêu ma quỷ quái nào cũng chẳng làm gì chúng ta được, chúng nó chẳng có một tí biện pháp nào hết! Vì thế, đừng sợ ma mà hãy sợ chính mình tà tâm, sợ ý niệm của chính mình bất chánh. Đó là điều đáng sợ nhất! Kinh Lăng Nghiêm còn có mấy câu như sau:

(Diễn) *Đương xử Thiền Na, giác ngộ vô hoặc.*

(演) 當處禪那覺悟無惑。

(Diễn: *Hãy nên trụ trong Thiền Na, giác ngộ, không mê hoặc).*

Tổng cương lãnh tu hành trong Phật môn là Tam Quy Y. Tam Quy Y, khóa sáng khóa tối hằng ngày quý vị đều niệm, khi niệm phải nhắc nhở chính mình: Tự quy y Phật chẳng phải là ai khác quy y, mà là tự mình quy y! Quy y tự tánh Phật, Phật là giác. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ giảng Tam Quy Y cho người khác, sợ chúng ta mê hoặc, nên Ngài chẳng dùng [danh xưng] Phật, Pháp, Tăng mà nói “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”, chúng ta vừa nghe liền hiểu ngay. Hiện thời nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*” khiến chúng ta mê hoặc, hồ đồ, rốt cuộc Phật là gì? Pháp là gì? Tăng là gì? Máy ai hiểu rõ ràng? Lục Tổ trực tiếp nói ra ý nghĩa này: “*Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh*”, Ngài bảo chúng ta quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, hết thấy ma sự đều chẳng thể nhiễu loạn. Đây là nhân duyên thứ bảy: Hộ trì chương nạn, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 65

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản trang tám mươi tám:

(Huyền Nghĩa) Bát, đích chỉ tức hữu niệm tâm đắc nhập vô niệm giả.

(玄義) 八、 的指即有念心得入無念者。

(Huyền Nghĩa: Tám là chỉ bày đích xác: Dùng ngay cái tâm hữu niệm để nhập vô niệm).

Đây là nói về nhân duyên thứ tám vì sao [đức Phật] giảng bộ kinh này. Cảnh giới cao nhất trong Phật pháp là vô niệm. Kinh Phật thường gọi “vô niệm” là “chánh niệm”. Vô niệm là không có niệm gì? Không có tà niệm! Không có tà niệm bèn gọi là “chánh niệm”. Tà và chánh khác nhau ở chỗ nào? Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này! Lục Tổ nói rất hay: “*Bốn lai vô nhất vật*” (vốn chẳng có một vật); vốn chẳng có một vật nào chính là vô niệm. Đủ thấy chỉ cần dấy lên một niệm, một niệm ấy sẽ là vô minh. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lâu Na hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Vô minh do đâu mà có? Vì sao có vô minh?” Đây là một câu hỏi lớn. Đức Phật chỉ nói bốn chữ đã giải thích rõ ràng vấn đề này. Đức Phật nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (trên tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, đó là cái gốc của vô minh). [“*Tri kiến lập tri*” là] cội gốc của vô minh. Vô minh là từ trên tri kiến lại lập ra một cái biết nữa, kinh Pháp Hoa gọi “tri kiến” là “*Phật chi tri kiến*”. Mỗi người chúng ta đều là Phật, trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật đã nói rất rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Đã vốn sẵn thành Phật thì có tri kiến của người nào chẳng phải là Phật tri Phật kiến? Từ trong tri kiến lại lập ra một cái tri kiến nữa, đó chính là vô minh. Vô minh do nhân tố này mà có!

Ý nghĩa này chẳng dễ gì thấu hiểu, chúng tôi nêu một thí dụ. Tôi lắc tay một cái, quý vị đều thấy rất rõ ràng, đó là tri kiến của Phật. Nếu quý vị phân biệt: Cái thẻ kẹp sách trong tay pháp sư bị lay động, đó là “*tri kiến lập tri*”, đây là gốc vô minh. Đủ thấy khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nếm rõ ràng, thứ gì cũng đều rõ ràng, trong ấy không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, khi ấy chính là Phật tri Phật kiến, chẳng khác gì tri kiến của Như Lai. Phạm phu luôn cậy mình thông minh, khăng khăng thêm vào những danh tướng ấy khá nhiều danh

từ. Lão Tử đã hiểu “*danh khả danh, phi thường danh*”, danh từ ấy là giả. Con người hiện tại coi giả danh là thật, quên khuấy chân tướng sự thật; đó là vô minh. Hễ có vô minh, sẽ sanh ra vô lượng vô biên phiền não.

Chỗ khác nhau giữa Phật và chúng sanh là Phật không có vô minh, phàm phu có vô minh. Chúng ta trừ khử vô minh bằng cách nào? Vô minh không còn, chúng ta sẽ thành Phật. Vô minh hoàn toàn chẳng còn thì là Phật. Phá được mấy phần, còn chưa thể phá hết sạch thì gọi là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này. Chúng ta đẩy lên vô minh, chẳng phải là bây giờ mới đẩy lên, chẳng phải là đời này mới đẩy lên, mà là đã nhiều đời nhiều kiếp bị vô minh che lấp chân tánh. Vì thế, sanh tử, tử sanh, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo chẳng thể thoát lia. Nay nói đến vô minh đâm ra dễ hiểu hơn đối với chúng ta; nói tới vô niệm, nói tới bốn tánh, hóa ra chúng ta chẳng hiểu! Học Phật nhằm khôi phục bốn tánh, tức là khôi phục vô niệm. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có một pháp môn nào ra ngoài lệ này, hoàn toàn là tu điều này!

Nay chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, niệm Phật là cái tâm hữu niệm. Chúng ta có cái tâm niệm Phật, dùng phương pháp này, dùng cái tâm hữu niệm để chứng nhập chân tánh vô niệm. Vô niệm là Chân Như bốn tánh. Nhân duyên thứ tám nhằm thảo luận chuyện này. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết niệm Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Thiên Tông tham Thiền có thể minh tâm kiến tánh, Mật Tông trì chú có thể “tức thân thành Phật”; vô niệm là minh tâm kiến tánh, vô niệm là tức thân thành Phật. Nay chúng ta chẳng cần phải tham cứu, cũng chẳng cần trì chú, mà minh tâm kiến tánh, tức thân thành Phật, dùng phương pháp gì vậy? Dùng phương pháp hữu niệm tâm. Chúng ta lại xem lời khai thị tiếp theo của đại sư.

(Huyền Nghĩa) Tâm bốn vô niệm.

(玄義) 心本無念。

(Huyền Nghĩa: Tâm vốn vô niệm).

Tâm này là chân tâm, chân tâm vốn “*vô niệm*”, Lục Tổ bảo là “*vốn chẳng có một vật*”. Chỉ cần quý vị hữu niệm đều gọi là vọng niệm. Vì sao đều gọi là vọng niệm? Vì trong chân tâm không có niệm, cho nên hữu niệm đều là vọng! Lại thưa cùng quý vị, hữu niệm là có phiền não, hữu niệm là có chướng ngại. Trong kinh Hoa Nghiêm nói tới Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì sao đối với Ngài hết thấy

đều không có chướng ngại? Vì Ngài vô niệm, vô niệm thì chân tánh hoàn toàn hiển lộ; bởi lẽ, trong chân tâm vốn chẳng có vọng niệm.

Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói rất rõ ràng: “*Bổn Giác vốn có, Bất Giác vốn không*”. Bổn Giác là vô niệm, vô niệm mới giác. Hữu niệm là Bất Giác, Bất Giác là vô minh. Trên thực tế, hai câu nói ấy của Mã Minh Bồ Tát hoàn toàn có cùng một ý nghĩa với câu “*tri kiến lập tri*” của kinh Lăng Nghiêm; đó là hai cách diễn tả [khác nhau] của cùng một chuyện. Nói như vậy thì chúng ta khởi tâm động niệm để niệm A Di Đà Phật có phải cũng là vọng niệm hay chẳng? Trong Chân Như bản tánh tuyệt đối không có một vị A Di Đà Phật! Nếu có A Di Đà Phật, lời của Lục Tổ đại sư đã nói sẽ chẳng thông! [Tổ nói] “*vốn chẳng có một vật*”, ai nói không có vật gì? Có A Di Đà Phật mà! Vì vậy, phải hiểu: Trong Chân Như bản tánh, A Di Đà Phật cũng chẳng có!

(Huyền Nghĩa) Niệm khởi tức quai.

(玄義) 念起即乖。

(Huyền Nghĩa: Niệm dấy lên bèn trật).

“*Quai*” (乖) là trái nghịch, trái nghịch chân tánh, cũng có nghĩa là trong chân tánh của quý vị dấy lên vô minh, chỉ cần hữu niệm thì vô minh bèn dấy lên.

(Huyền Nghĩa) Nhi chúng sanh vô thủy dĩ lai, vọng tưởng quán tập, vị dị tốt khiến.

(玄義) 而眾生無始以來，妄想慣習，未易卒遣。

(Huyền Nghĩa: Nhưng chúng sanh từ vô thủy đến nay đã quen thói vọng tưởng, chưa dễ gì trừ sạch).

Từ vô thủy kiếp đến nay quý vị mê muội, khởi vọng niệm, đời đời kiếp kiếp chẳng có cách nào khôi phục. Vọng niệm biến thành thói quen, quý vị muốn chẳng khởi vọng niệm cũng không được. Suốt ngày từ sáng đến tối vọng niệm chưa hề gián đoạn, ngay cả ngủ nghỉ cũng chẳng thật thà, vẫn còn nằm mộng. Nằm mộng là dấy vọng niệm; chẳng dấy vọng niệm sẽ không nằm mộng. Vì thế, vọng niệm rất khó thể trừ. “*Khiển*” (遣) là gạt bỏ.

(Huyền Nghĩa) Kim giáo niệm Phật.

(玄義) 今教念佛。

(Huyền Nghĩa: Nay dạy [hành nhân] niệm Phật).

“Giáo” là dạy bảo. Dạy bảo quý vị phương pháp niệm Phật, phương pháp ấy chính là gì vậy?

(Huyền Nghĩa) Thị nãi dĩ độc công độc.

(玄義) 是乃以毒攻毒。

(Huyền Nghĩa: Là dùng độc trị độc).

Dùng phương pháp như thế đó.

(Huyền Nghĩa) Dụng binh chỉ binh.

(玄義) 用兵止兵。

(Huyền Nghĩa: Dùng quân dẹp quân).

Đây là tỷ dụ, vọng niệm tổn hại Pháp Thân và huệ mạng của chúng ta, đó là chất độc. Bản thân chúng ta phải hiểu: Suốt ngày từ sáng đến tối có vọng tưởng nhiều ngàn ấy, tồn tại vọng niệm nhiều ngàn ấy. Chính mình biết đó là bệnh, bệnh rất nặng! Niệm Phật là dùng một niệm để ngăn dứt hết thấy vọng niệm, đó gọi là “*dùng độc trị độc*”. Một câu A Di Đà Phật này cũng là chất độc, cũng là vọng niệm mà! Nếu suốt ngày từ sáng đến tối chỉ khởi lên một vọng niệm thôi, khá lắm! Chẳng đến nỗi dậy lên rất nhiều vọng niệm; vì thế, trừ được tất cả các vọng niệm, chỉ giữ lại một vọng niệm này. Dùng một niệm để dứt hết thấy vọng niệm; lý luận của niệm Phật là như vậy. Nếu chẳng dùng phương pháp này, quý vị hãy nghĩ xem còn có phương pháp tốt đẹp nào khác để đoạn trừ vọng niệm hay chăng? Phương pháp thì có, thường gọi là “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, có thể có tới tám vạn bốn ngàn thứ, có vô lượng vô biên thứ, nhưng trong vô lượng vô biên phương pháp ấy, nói tới phương pháp hiệu quả nhất, dễ dàng đoạn vọng niệm nhất, không chi hơn niệm Phật!

Niệm Phật thì quý vị phải biết niệm, chưa thể dứt vọng niệm tức là quý vị chưa biết niệm. Người biết niệm thì Phật hiệu có thể ngăn dứt vọng niệm. Chỉ cần quý vị có thể ngăn dứt vọng niệm, công phu sẽ đắc

lực, nắm chắc vãng sanh. Nếu Phật hiệu chẳng thể ngăn dứt vọng niệm, dầu mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cổ nhân bảo “*rách toạc cuống họng cũng uống công*”, quý vị vẫn sanh tử luân hồi trong lục đạo! Chúng ta thật sự tu pháp môn Niệm Phật, thật sự muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không biết điều này! Như thế nào mới là biết niệm? Bất luận ý niệm nào, thiện niệm cũng vậy, mà vọng niệm cũng thế, ý niệm vừa dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, dùng Phật hiệu để thay thế. Nói cách khác, chẳng dấy niệm thì thôi; hễ dấy niệm bèn A Di Đà Phật, đó là biết niệm! Chẳng biết niệm thì khóa tụng sáng tối niệm mấy câu A Di Đà Phật, trừ những lúc ấy ra, toàn là khởi vọng tưởng, tạo thị phi, nhân ngã, vậy là không được rồi! Đó gọi là “*công phu chẳng đắc lực*”. Khi niệm Phật khởi vọng tưởng, lúc nghe kinh cũng khởi vọng tưởng, tu hành như thế thì tu suốt đời cũng chẳng có cách nào thoát khỏi lục đạo luân hồi, đó là sự thật!

Mỗi vị đồng tu trong đạo tràng này, quý vị học Phật tuyệt đối chẳng phải là mới bắt đầu từ hôm nay trở đi, tuyệt đối chẳng phải là bắt đầu từ một đời này. Nếu đời này quý vị mới nghe Phật pháp, sẽ chẳng thể ngồi ở đây một tiếng rưỡi được! Quý vị có thể nghe kinh Di Đà ở nơi đây, đúng như kinh Kim Cang đã nói: Trong đời quá khứ, quý vị tuyệt đối chẳng phải đã gieo thiện căn nơi ba, bốn, năm đức Phật, mà là trong đời quá khứ, quý vị thân cận Phật, Bồ Tát, nghe pháp tu hành đã nhiều đời nhiều kiếp. Do vậy, quý vị mới có nhân duyên gặp được bộ kinh này. Quý vị ngồi nghe ở đây, nghe rồi trong tâm sanh hoan hỷ, chẳng phải là chuyện dễ. Đã là đời đời kiếp kiếp đều nghe pháp, nghe kinh, tu hành, vì sao chẳng thành tựu? Vì công phu của quý vị chưa có cách gì đè nén phiền não. Nếu trong đời quá khứ, công phu niệm Phật của quý vị thật sự đè nén phiền não, quý vị đã sớm về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, chẳng còn đến nơi này nữa! Trong đời quá khứ, chúng ta đã coi thường, dụng công chẳng đúng pháp, một câu Phật hiệu chẳng niệm cẩn thận. Nay lại gặp gỡ, đã gặp thì phải giác ngộ, nhất định phải niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu này!

Cái tâm hữu niệm là một câu A Di Đà Phật, nhớ Phật, niệm Phật, tâm ta tưởng Phật, miệng ta niệm Phật. “*Vô niệm*” là không có hết thấy tạp niệm, không có hết thấy vọng niệm, như vậy thì mới thành công. Mức độ thấp nhất là quý vị có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, là công phu thành phiền, không có tạp niệm. Phật hiệu quả thật có thể đè nén và khuất phục vọng tưởng và tạp niệm, đương nhiên công phu càng giỏi hơn nữa là khi chẳng còn vọng niệm, đoạn rồi! Chẳng còn vọng

tưởng, đoạn hết rồi thì gọi là nhất tâm bất loạn. Nhà Thiên gọi nhất tâm bất loạn là Thiên Định, Mật Tông gọi là “tương ứng”; vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh vào cõi Phàm Thánh Đông Cư, mà thuộc địa vị cao hơn, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Những điều này đều do bản thân chúng ta dụng công trong lúc bình thường.

Nhất định phải hiểu lý luận, phải hiểu phương pháp. Vận dụng phương pháp này trong cuộc sống thường nhật của chúng ta để cuộc sống thường nhật của chúng ta sẽ là Sự Sự vô ngại giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, tức là bảo quý vị trong cuộc sống đừng quên một câu A Di Đà Phật. Có người hỏi: “Tôi niệm A Di Đà Phật trong phòng vệ sinh có được hay chẳng? Có thể niệm trong buồng tắm hay không? Có thể niệm trong khi ngủ nghỉ hay chẳng?” Có người nói chớ nên niệm ở những chỗ ấy, chớ nên niệm thì chẳng phải là gián đoạn ư? Chẳng phải là có trở ngại ư? Quý vị phải hiểu: Phật hiệu quyết định chớ gián đoạn, hễ gián đoạn sẽ khởi vọng tưởng. Ở những nơi như vậy, chúng ta thường nói tới cái tâm cung kính. Tâm cung kính là chúng ta niệm trong tâm, miệng đừng niệm ra tiếng, hãy niệm thầm. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao có nói: Trong tình huống hết sức đặc biệt phải niệm lớn tiếng, khi có người bệnh khổ, nhất là phụ nữ trong khi sanh nở, phải niệm lớn tiếng, niệm to giọng. Ngài nói: Niệm lớn tiếng, niệm to giọng, chẳng những sanh nở không đau đớn, mà còn sanh rất nhanh, mẹ và con đều bình an. Nói như vậy rất hợp lý, Phật pháp rất hợp tình người. Có những kẻ chẳng hiểu, bảo ở nơi này chẳng được, nơi nọ cũng không nên, hễ chẳng nên sẽ khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng bèn tạo tội nghiệp. Phật đại từ đại bi, lẽ nào khiến quý vị tạo nhiều tội nghiệp? Chẳng có lẽ ấy! Vì thế, phải biết: Một câu Phật hiệu này có thể giữ càng lâu càng hay, một ngày hai mươi bốn giờ đồng hồ đừng để nó gián đoạn. Khi ngủ say, quên phút thì không có cách gì; hễ tỉnh giấc, ngay lập tức tiếp tục niệm.

(Huyền Nghĩa) Bệnh dữ khẩu bình, tắc xả bệnh thể cánh vô tự thân, tức khẩu đạo nguyên ngô xích tử.

(玄義) 病愈寇平，則捨病體更無自身，即寇盜原吾赤子。

(Huyền Nghĩa: “Bệnh lành, giặc yên”: Bỏ cái thân bệnh sẽ trọn chẳng có tự thân, giặc cướp vốn là con thơ của ta).

“*Bệnh dữ, khâu bình*” tỷ dụ vọng tưởng chẳng còn nữa. Quý vị sử dụng phương pháp này thuần thực, tự nhiên vọng niệm chẳng còn nữa. Khi vọng tưởng chẳng còn nữa, quý vị mới hoảng nhiên đại ngộ, vọng vốn là chân! Có sao vọng là chân? Vọng tưởng vẫn do chân tánh khởi dụng, [tức là] chân tánh phát sanh tác dụng, nhưng là chân tánh khởi tác dụng khi mê. Chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, nếu chúng ta hỏi các Ngài, các Ngài có khởi niệm hay chẳng? Nếu các Ngài chẳng khởi niệm, làm sao có thể nói ra đạo lý nhiều dường ấy? Nói ra phương pháp nhiều dường ấy? Các Ngài có khởi niệm hay chẳng? Thưa quý vị, các Ngài chẳng khởi niệm. Chẳng khởi niệm thì vì sao có thể nói pháp nhiều ngàn ấy? Quý vị hãy tự mình suy nghĩ: Khi quý vị từ sáng đến tối nói chuyện, trong tâm có phải suy nghĩ trước, ta nên nói câu này như thế nào, phải soạn nháp trước, có hay không? Có ai khi nói, vừa mở miệng thì phải chuẩn bị soạn nháp sẵn: Câu đầu tiên ta nói như thế nào? Chữ thứ hai dùng như thế nào? Có hay không?

Trong cuộc sống thường nhật, khi nói năng, chúng ta đều chẳng cần phải soạn nháp. Đức Phật nói năng chẳng khởi niệm. Chẳng khởi niệm thì làm sao Ngài nói ra? Nói thật ra, đức Phật chẳng có pháp nào để có thể nói. Chẳng những là không có pháp nhất định để nói, mà quả thật đức Phật chẳng có pháp nào để nói. Ngài nói như thế nào? Thấy chúng sanh mê, Ngài bèn nói giác. Giác nhằm đối trị mê, mê là bệnh, giác là thuốc. Quý vị tham, đức Phật bèn nói vô tham. Quý vị nóng giận, đức Phật nói pháp không nóng giận. Hết thầy các pháp do đức Phật đã nói đều nhằm hoàn toàn đối lập, tương phản với tập khí phiền não vô minh của chúng sanh, đưa ra những cách nhằm đối trị tập khí phiền não vô minh của quý vị mà thôi! Bản thân đức Phật chuyện gì cũng chẳng có; do vậy, đức Phật thuyết pháp là vì chúng sanh mà thuyết. Rời khỏi chúng sanh, tâm Phật thanh tịnh, một câu pháp cũng chẳng có. Nếu chúng sanh đã lành bệnh, đức Phật cũng chẳng có một câu pháp nào! Vì thế, trong tâm đức Phật không có pháp, chẳng lập một pháp nào!

Đức Phật cũng chưa từng nói một câu pháp; trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất rõ ràng chuyện này. Giống như một thầy lang, trong tâm thầy lang không có toa thuốc. Nếu trong tâm ông ta có toa thuốc [cố định], nhất định sẽ hại chết cả đồng người! Vì sao? Trong tâm ông ta có toa thuốc, bắt luận người khác bị bệnh gì, [ông ta cứ khăng khăng]: “Ông phải uống loại thuốc này mới được”. Nếu quý vị rất may mắn, bệnh của quý vị khớp với toa thuốc ấy, [uống vô không sao]. Nếu quý vị uống vô bị chết thì nói cách khác là quý vị chẳng mắc bệnh khớp với toa

thuốc! Ông ta chẳng chịu trách nhiệm! Trong tâm thầy lang không có toa thuốc, khi chẩn đoán sẽ xét xem quý vị bị bệnh gì, cắt cho quý vị những loại thuốc nào, châm chước phân lượng, mỗi người khác nhau!

Đức Phật thuyết pháp nhằm trị bệnh cho chúng ta. Vì thế, thuở đức Phật tại thế, chỉ cần có người đến gặp Phật, hướng về đức Phật nói ra nỗi đau khổ, sự phiền não, mê hoặc của chính mình, đức Phật ngay lập tức khai thị, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, khai ngộ, chứng quả. Quý vị thấy trong kinh thường có chuyện như vậy. Nay chúng ta rất bất hạnh, đức Phật chẳng trụ thế, chúng ta muốn học Phật hết sức khó khăn, giống như thân chúng ta đang bệnh mà chẳng có thầy thuốc. Tuy thầy thuốc chẳng hiện diện, trước kia, Ngài đã kê cả đồng toa thuốc cho người khác, tức là kinh điển Tam Tạng gồm mười hai thể loại. Nay chúng ta lấy toa thuốc để trị bệnh của chính mình, quý vị nghĩ xem toa thuốc nào đúng với chứng bệnh của chúng ta? Do vậy, chiếu theo kinh điển nào để tu hành cũng đều chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì những toa thuốc ấy chẳng phải kê cho chúng ta, thuở ấy, đức Phật kê toa cho người khác. Nay chúng ta mắc bệnh khác hẳn họ, mức độ nặng nhẹ cũng chẳng như nhau. Trong quá khứ người ta uống một tiền²³ thuốc là khỏi bệnh rồi, hiện thời ta uống tới một cân vẫn chưa lành bệnh. Vì sao? Quá nặng! Nếu hiểu đạo lý này thì chính quý vị mới chẳng mê tín!

Nhưng đức Phật cũng hết sức từ bi, biết trong tương lai khi Ngài chẳng trụ thế, có thời kỳ Tượng Pháp, lại còn có thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh hết sức đáng thương, tập khí phiền não hết sức nặng nề, nên đặc biệt lưu lại một toa thuốc cho người đời sau, dành cho người trong thời Mạt Pháp, toa thuốc ấy chính là kinh A Di Đà, là pháp môn Niệm Phật. Rất đáng tiếc, những chúng sanh học Phật trong thời kỳ Mạt Pháp cứ khăng khăng coi thường, chẳng tôn trọng pháp môn này, chẳng chịu sử dụng, chớ trách đức Phật chẳng từ bi, hãy trách chính mình ngu si chẳng chịu nghe lời. Đức Phật đã thọ ký phổ biến cho hết thầy đại chúng trong đời vị lai: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu*”, chiếu theo giới luật tu hành, có thể chứng quả A La Hán. “*Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu*”, chiếu theo giới luật tu hành chẳng thể chứng quả A La Hán. “*Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”, tức là niệm Phật

²³ Tiền ở đây là đơn vị đo trọng lượng. Một Tiền là mười Phân. Một Cân bằng mười Lạng, một Lạng gồm mười Tiền. Ở Hoa Lục, một Tiền là 5 gram, nên một Cân tại Hoa Lục là 500 gram, trong khi đó, tại Hương Cảng và Đài Loan, một Tiền chỉ bằng 3,78 gram. Các hiệu thuốc Đông Y phần nhiều sử dụng đơn vị Tiền theo kiểu Hương Cảng.

cầu sanh Tịnh Độ. Nói cách khác, Thiên cũng chẳng thể thành tựu. Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tham Thiên có thể đắc Thiên Định, nhưng chưa thể kiến tánh. Đắc Thiên Định, trong tương lai, công phu cao nhất cũng chẳng qua là sanh vào Tứ Thiên Thiên mà thôi, chẳng thể vượt thoát tam giới, chẳng thể liễu sanh thoát tử! Chúng ta suy nghĩ kỹ càng những lời ấy sẽ thấy hoàn toàn chính xác, chẳng sai tí nào!

Niệm Phật thành tựu, niệm Phật có phải là minh tâm kiến tánh hay không? Chưa phải! Chưa phải thì làm sao có thể coi là thành tựu? Người ấy vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng ở trong thế giới Sa Bà nữa, đã thoát ra rồi, giống như nay chúng ta nói “đã di dân” vậy. Thân phận gì? Vẫn là thân phận trời người, trọn chẳng phải là chúng A La Hán, cũng chẳng phải là chúng Bích Chi Phật, cũng chẳng phải là Bồ Tát, mà là thân phận con người! Thân phận trời người, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là người. Trong kinh nói rất rõ ràng: Thế giới Tây Phương không có ba ác đạo, đương nhiên chỉ có hai nẻo trời người. Vì thế, chúng ta vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn là người. Nếu cao hơn một bậc so với người thì là trời, mang thân phận trời hay người từ thế giới Sa Bà di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện là như vậy đó. Phương pháp này quả thật quá xảo diệu! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được!

Tuần sau, chúng ta tổ chức đại chuyên giảng tòa ở nơi đây, trong vòng bảy ngày chúng tôi sẽ giới thiệu kinh Di Đà với các đồng học. Phải thảo luận cặn kẽ chuyện to lớn này, nếu quý vị thật sự hiểu rõ thì đối với pháp môn này, sẽ chết sạch lòng mong ngóng, khăng khăng tu học, chắc chắn quý vị sẽ thành công trong một đời này. Phải hiểu rõ lý luận và phương pháp thì tín tâm của quý vị mới đầy đủ. Quý vị chẳng hoài nghi, công phu đừng nên gián đoạn, quyết định thành tựu. Trong tương lai, nếu có phước báo, chúng tôi tạo dựng đạo tràng tu hành này giống như một giảng đường nhằm tiếp dẫn, kiến lập tín tâm cho quý vị, khuyên quý vị phát nguyện. Thật sự tu hành thì phải là Niệm Phật Đường. Bước vào Niệm Phật Đường, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, giống như lần này chúng tôi giảng về Tinh Tấn Phật Thất. Trong Tinh Tấn Phật Thất chỉ có một câu danh hiệu, “A Di Đà Phật”.

Trong mười hai thời là một câu Phật hiệu. Trừ một câu Phật hiệu ra, thứ gì cũng chẳng có, chẳng có tạp niệm! Niệm một câu “*A Di Đà Phật thân kim sắc*” vẫn là vọng niệm, có thêm một vọng niệm. Vì thế,

Tịnh Tấn Phật Thất, “*ting*” là thuần chứ không tạp, ngay cả Nam-mô cũng chẳng cần. Nam-mô là có xen tạp trong ấy, đây là một câu A Di Đà Phật. Kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, danh hiệu là bốn chữ. Trong mười hai thời [chấp trì danh hiệu] chẳng gián đoạn. Xưa kia, khi Ấn Quang đại sư ở chùa Báo Quốc núi Linh Nham, Niệm Phật Đường của Ngài là như vậy, trong mười hai thời, tức là một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Ban đêm thì làm như thế nào? Ban đêm mọi người luân phiên niệm, trong Niệm Phật Đường nhất định có người niệm Phật. Bốn người một ban luân phiên niệm, ngày đêm chẳng gián đoạn, suốt cả năm chẳng gián đoạn, cũng chẳng nghỉ phép, đó gọi là đạo tràng tu hành.

Đạo tràng ấy chẳng giảng kinh, giảng kinh là xen tạp. Đạo tràng ấy chẳng thể giảng kinh, cũng chẳng thể giảng khai thị. Giảng khai thị cũng là xen tạp, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Nếu có đạo tràng như thế, chẳng biết sẽ giúp cho bao nhiêu người thành Phật, công đức vô lượng vô biên. Hiện thời vì sao không có đạo tràng như vậy xuất hiện, quý vị có biết vì sao hay chẳng? Nếu có một đạo tràng như thế, chẳng ai đến cả! Đương nhiên đạo tràng ấy chẳng thể xuất hiện, không có ai đến mà! Quý vị đến ở trong đó ba ngày sẽ mệt mỏi khôn kham, nơi này không được rồi, nơi này suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, tôi chịu không nổi! Quý vị chẳng đến đó. Người tu hành như vậy, thưa quý vị, chẳng phải là đạo tràng pháp hội thông thường, chẳng phải là đạo tràng cần rất nhiều tín đồ tìm đến, không có!

Quý vị thấy Sơ Tổ Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư đời Tấn, Ngài là người kiến lập liên xã đầu tiên tại Trung Quốc, tức Đông Lâm Liên Xã. Mọi người ở cùng một chỗ niệm Phật cộng tu, bao nhiêu người? Một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều vãng sanh. Đạo tràng nhỏ nhoi, mười mấy người, bảy tám người, có cùng chí hướng cộng tu đều vãng sanh. Chúng ta đọc Tây Phương Xác Chỉ, thấy những người được Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát một phen khai thị chỉ có tất cả mười hai người, mười hai người ai nấy đều vãng sanh. Đạo tràng tu hành chân chánh nhất định chẳng phan duyên, nếu chẳng phải là người chí đồng đạo hợp, chớ nên cho họ gia nhập, vì sao? Họ đến gây rối, nhiễu loạn mọi người, đến phá hoại đạo tràng. Vì thế, nhất định chẳng chấp thuận họ.

Nay chúng ta muốn cầu được pháp duyên thù thắng như Viễn Công đại sư chẳng dễ dàng. Tìm hơn một trăm người chẳng dễ! Có thể tìm được mười mấy, hai mươi người đã tuyệt lắm rồi! Mười mấy, hai

mười người thật sự phát nguyện, lấy cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ làm mục đích, có được mấy vị hộ pháp, chẳng phải lo gì về lương thực, chi dụng. Thưa quý vị, trong đạo tràng giống như vậy, niệm Phật ba năm là xong rồi, quyết định vãng sanh, đầy đủ điều kiện vãng sanh Tịnh Độ. Đại sự này là chuyện thù thắng nhất trong Phật môn, phải đợi các đồng tu chúng ta phát tâm cùng nhau nỗ lực. Nhân duyên ấy chẳng phải là nhân duyên thông thường, mà là nhân duyên thù thắng khôn sánh. Chỉ cần chúng ta có nguyện ấy, tôi tin tưởng đạo tràng ấy sớm muôn gì cũng sẽ xuất hiện.

Câu cuối cùng mang ý nghĩa “chân - vọng bất nhị, tánh - tướng nhất như”. Chúng ta đọc lời chú giải.

(Sớ) Khởi Tín Luận vân: “Tâm thể ly niệm”.

(疏) 起信論云：心體離念。

(Sớ: Khởi Tín Luận viết: “Tâm thể ly niệm”).

“Tâm” là nói đến chân tánh. “Thể” là bản thể. Chân tâm là bản thể của hết thầy vạn pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thầy đều do tâm tạo). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Bản thể của tâm đích xác là chẳng có niệm.

(Sớ) Nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản nhiễu kỳ tâm?

(疏) 而起念念佛，豈不反擾其心。

(Sớ: Nhưng dấy lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là ngược ngạo nhiễu loạn cái tâm ư?)

Đây là một đoạn vấn đáp giả định. Nay chúng ta khởi tâm động niệm muốn niệm A Di Đà Phật, nhưng tâm thể chẳng có niệm; thật ra, đối với câu nói này, chúng ta phải suy nghĩ, câu trả lời ở ngay chỗ này. Nếu tâm chúng ta không có niệm, chúng ta cần gì phải niệm A Di Đà Phật? Niệm A Di Đà Phật có phải là tăng thêm vọng niệm hay chẳng? Hiện thời, vì trong tâm chúng ta vọng niệm không ngừng, nên mới phải niệm A Di Đà Phật. Nếu thật sự vô niệm thì niệm Phật hiệu để làm gì? Do vậy, phải hiểu đạo lý này! “*Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Đây là nói về tu

nhân, trong tương lai khi chúng quả sẽ là “*sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh*”. Chúng ta hãy tìm cơ hội để nghiên cứu thảo luận kỹ lưỡng bộ sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng hoài nghi Tây Phương thế giới, thật sự hiểu rõ, thấu triệt, biết vãng sanh là chuyện như thế nào, hiểu rõ ràng, rành rẽ. Lần này tôi mang từ Hương Cảng về một cuốn chú giải tác phẩm Sanh Vô Sanh Luận, chú giải hết sức hay do cư sĩ Quý Thánh Nhất viết vào đầu thời Dân Quốc. Đây là một vị đại đức rất lỗi lạc vào đầu thời Dân Quốc. Tác phẩm của ông ta nội dung rất sâu, nhưng ngôn từ dễ hiểu, đơn giản hơn cổ nhân, viết rất cặn kẽ. Khi có cơ duyên, chúng ta có thể cùng nhau nghiên cứu, thảo luận.

(Sớ) Phật Tạng Kinh vân.

(疏) 佛藏經云。

(Sớ: Kinh Phật Tạng dạy...)

Phật Tạng Kinh²⁴ là tên một bộ kinh, trong Đại Tạng Kinh có một bộ kinh như vậy.

(Sớ) “Vô giác vô quán, danh vi niệm Phật, vô tưởng vô ngữ, thị danh niệm Phật”, nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản bội u Phật?

(疏) 無覺無觀，名為念佛。無想無語，是名念佛。

而起念念佛，豈不反背於佛？

(Sớ: “Vô giác vô quán thì gọi là niệm Phật; không suy tưởng, không nói năng, đó gọi là niệm Phật”. Vậy thì khởi lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là trái nghịch Phật u?)

Dựa theo kinh, tức Phật Tạng Kinh, để làm căn cứ lý luận thì theo ý nghĩa này, chúng ta chớ nên khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là chánh niệm. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là

²⁴ Phật Tạng Kinh còn có tên là Phụng Nhập Long Hoa Kinh, hoặc Tuyển Trạch Chư Pháp Kinh, do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoàng Thỉ thứ bảy (405), gồm ba quyển, mười phẩm. Kinh này chủ yếu nói về luật nghi của Bồ Tát, nhưng khác với bộ luật khác ở chỗ đặc biệt nhấn mạnh: Nếu hành giả không thông đạt Thật Tướng của các pháp là vô sanh vô diệt v.v... dấu có thọ trì hai trăm năm mươi giới cũng giống như phá giới, hành giả phải xa lìa các món hý luận, phân biệt, thì mới được gọi là trì giới.

niệm Phật chân chánh. Vì sao trong kinh này (kinh A Di Đà), đức Phật lại dạy chúng ta khởi tâm động niệm niệm Phật? Chúng ta xem lời thuyết minh dưới đây sẽ biết.

(Sớ) Kim vị diệt chư giác quán, Thật Tướng Niệm Phật, Lý tắc thành nhiên.

(疏) 今謂滅諸覺觀，實相念佛，理則誠然。

(Sớ: Nay nói diệt các giác quán là Thật Tướng Niệm Phật, về Lý thì đúng là như vậy).

Đây là câu trả lời cho hai câu hỏi phía trên. Chiếu theo [những điều đã hỏi trong] phần trước để nói, xét theo lý luận chẳng sai một tí nào! Cảnh giới được nói trong phần trên là cảnh giới cao nhất trong pháp môn Niệm Phật. Chúng ta thường nói niệm Phật gồm có bốn loại lớn, còn như chúng ta nay đang đề xướng Trì Danh Niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn, đó là Trì Danh Niệm Phật, là pháp được đề xướng phổ biến trong Tịnh Độ. Ngoài pháp này ra, còn có Quán Tượng Niệm Phật. Người có phước báo kha khá mới tu Quán Tượng Niệm Phật được! Vì sao? Quý vị rất rảnh rỗi, chẳng phải đi làm, suốt ngày từ sáng đến tối có người hầu hạ. Trong Phật Đường của chính mình bốn phía đều treo hình A Di Đà Phật, bất luận quý vị đi tới đâu, mắt đều thấy tượng Phật, khiến cho tượng Phật bầu bạn với quý vị, khiến cho ấn tượng về Phật in đậm trong A Lại Da Thức, đó gọi là Quán Tượng Niệm Phật. Nếu quý vị rời khỏi Phật Đường, chẳng thấy tượng Phật nữa, sẽ quên phứt. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chẳng thể rời khỏi Phật Đường, chẳng thể rời khỏi hình tượng Phật thì phải là người rất rảnh rỗi, phải rất có phước báo thì mới được, chẳng giống như Trì Danh Niệm Phật, vừa làm việc vừa có thể niệm Phật, chẳng bị trở ngại gì!

Phương pháp niệm Phật thứ ba còn rắc rối hơn loại này, đó là Quán Tượng Niệm Phật. Tuy có thể chẳng cần phải đối trước tượng Phật, nhưng quý vị phải quán thành tựu những phương pháp đã dạy trong Thập Lục Quán Kinh; nếu quán chẳng thành sẽ vô ích. Chẳng hạn như phép Quán thứ nhất là “*lạc nhật huyền cổ*” (mặt trời lặn giống như cái trống treo). Quý vị thấy mặt trời lặn xuống sau núi, lặn về phía Tây, khi mặt trời lặn xuống sau núi, đỏ rực, như thế nào mới là quán thành? Sau khi quý vị đã quán thành tựu, bất luận ở chỗ nào, khi mở mắt, mặt

trời luôn ở trước mặt, khi nhắm mắt, mặt trời vẫn hiện diện, đó mới gọi là “quán thành”. Quý vị mở mắt mà trước mặt chẳng có mặt trời, tức là chưa quán thành. Cách này còn khó hơn quán tượng! Phép Quán thứ hai là “*đại hải kết băng*” (biển cả đóng băng), thấy băng trong suốt, tưởng là lưu ly. Sau khi quán thành, nếu quý vị ở trong giảng đường này, hiện thời chúng ta thấy nền lót bằng đá mài²⁵, quý vị thấy đất này là đất lưu ly, phỉ thúy. Nếu quý vị thấy nền bằng đá mài giống như chúng tôi tức là quý vị chưa quán thành công phép Quán ấy, chẳng dễ đâu, rất khó! Vì thế, đối với Thập Lục Quán Kinh, chúng ta có thể nghiên cứu lý luận, chứ thật ra, những phương pháp trong ấy chúng ta chẳng thể làm được, tuyệt đối chẳng phải là kẻ tầm thường mà có thể thực hiện thành công!

Cách thứ tư là Thật Tướng Niệm Phật, là phương pháp được nói đến ở đây: Vô niệm mà niệm chính là Thật Tướng Niệm Phật. Lìa hết thấy các tướng thì gọi là Thật Tướng, “*trực tâm chánh niệm Chân Như*” chính là cảnh giới này. Khởi Tín Luận và Phật Tạng Kinh nói tới cảnh giới này, là [cảnh giới] Thật Tướng Niệm Phật cao nhất trong pháp môn Niệm Phật. Do vậy, xét theo lý luận thì chẳng sai, “*Lý tắc thành nhiên*” (về Lý, đúng là như vậy), nhưng hiện thời chúng ta chưa làm được, chúng ta chưa đạt cảnh giới cao như thế được!

(Sớ) *Đản dĩ tâm tuy ly niệm, nhi vô minh nhiễm tâm, niệm niệm tương tục.*

(疏) 但以心雖離念，而無明染心，念念相續。

(Sớ: *Nhưng vì tâm tuy lìa niệm, tâm lại bị như bởi vô minh, niệm niệm nói tiếp.*)

Đây là nói về cảnh giới của chúng ta trong hiện tại, tức cảnh giới phàm phu. Nói theo Lý thì [*“tâm thể ly niệm”*] không sai, về Sự thì chẳng được! Chúng ta bị vô minh ô nhiễm, ô nhiễm chính là tham, sân, si, mạn, là vô lượng vô biên phiền não. Chúng ta chưa thể đoạn tập khí phiền não, niệm niệm tiếp nối, vọng tưởng này tiếp nối vọng tưởng kia,

²⁵ Nguyên văn “*ma thạch*” (đá mài, Terrazzo). Đây là một loại vật liệu xây cất, được chế bằng cách trộn các mảnh vụn cẩm thạch, thạch anh (quartz), đá hoa cương (granite), thủy tinh, hoặc các vụn đá thích hợp, kể cả những chất dẻo tổng hợp (polimer) với xi-măng, rồi đổ khuôn, chủ yếu để làm sàn nhà hoặc ốp vách tường. Khi chất liệu đã cứng, người ta bèn mài bóng.

ngày đêm chẳng gián đoạn, phiền quá! Tiếp theo đó, Ngài nêu ra một tỷ dụ.

(Sớ) Như thất niên chi bệnh.

(疏) 如七年之病。

(Sớ: Như bệnh đã bảy năm).

Bệnh đã quá lâu, thân thể suy nhược, không dậy nổi.

(Sớ) Cửu loạn chi dân.

(疏) 久亂之民。

(Sớ: Dân trong thời loạn lạc đã lâu).

Thời cuộc chẳng ổn định, đã trải qua thời chiến tranh loạn lạc quá lâu.

(Sớ) Cố viết “quán tập”.

(疏) 故曰慣習。

(Sớ: Nên nói là “đã quen thói”).

Vì thế, nay chúng ta khởi tâm động niệm suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, đã biến thành thói quen, biến thành tự nhiên, muốn đoạn cũng chẳng đoạn được!

(Sớ) Tư dục miễn cưỡng át nại, lập sử không tịch, nhi chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động.

(疏) 茲欲勉強遏捺，立使空寂，而止動歸止，止更彌動。

(Sớ: Nay muốn dồn ép đè nén cho tâm không tịch ngay lập tức, dứt động để trở về lặng lẽ thì càng dứt lại càng động).

Nói rõ phạm phu vọng niệm dấy lên, chìm xuống, chúng ta muốn ép cho nó khuất phục, sẽ chèn ép không được, càng chèn ép [vọng niệm] càng nhiều! Khi quý vị chẳng mong thanh tịnh, dường như vọng niệm

còn ít, quý vị vừa nghĩ đến thanh tịnh thì vọng niệm đặc biệt nhiều! Nếu quý vị không tin, có thể thử xem. Nay quý vị ngồi ở đây nghe kinh, cảm thấy dường như chẳng có vọng niệm gì. Nếu bảo quý vị tịnh tọa, bảo quý vị ngồi xếp bằng ở đó, niệm Phật được mười phút, chẳng biết có bao nhiêu vọng niệm dấy lên! Bèn niệm Phật mong chèn ép nó, càng ép, càng nhiều! Thật ra, vọng niệm nhiều ngàn ấy do đâu mà có? Thừa với quý vị, nó vốn sẵn có. Lúc bình thường, quý vị không chú ý, chẳng nhận biết nó có nhiều dường ấy! Nay trong lúc tâm vừa mong tịch tĩnh, chợt phát hiện vọng niệm vốn nhiều ngàn ấy, tuyệt đối chẳng phải do ta muốn tĩnh lặng nên mới có vọng niệm. Xong rồi! Tĩnh tọa không được! Hễ tĩnh tọa vọng niệm luôn dấy lên; chẳng tĩnh tọa thì không có! Quý vị phải biết: Khi chẳng tĩnh tọa, vọng niệm vẫn thường như thế, nhưng quý vị không nhận biết. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết tĩnh tọa là tốt, vì sao? Khi tĩnh tọa, phát hiện [tâm có quá nhiều vọng niệm], đã phát hiện thì càng phải nên tĩnh tọa! Chỉ cần quý vị có thể tĩnh tọa niệm Phật cho khéo, những vọng niệm ấy sẽ dần dần giảm ít, công phu đắc lực! Nếu quý vị sợ hãi “hễ ta ngồi sẽ có vọng niệm; thôi! Ta chẳng ngồi nữa” thì những vọng niệm ấy vĩnh viễn chẳng đoạn. Vì thế, chớ nên sợ nó!

(Sớ) Túng thô niệm tạm tức, tế niệm do tồn, tiện vị tương ứng, thác lậu phi tiêu.

(疏) 縱粗念暫息，細念猶存，便謂相應，錯謬非小。

(Sớ: Dẫu thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn, liền nói là “đã tương ứng”, đấy là lầm lẫn chẳng nhỏ).

Chúng ta phải đặc biệt chú ý mấy câu này. Vì sao? Hiện thời có nhiều người tâm ý thô tháo, đạt được một chút cảnh giới nhỏ nhặt liền ngỡ mình ghê gớm lắm, dường như chính mình đã thành tựu rồi, làm mất rồi! Nhất là trong xã hội hiện thời, con người thường mang tâm lý mưu mẹo, chộp giật, phần nhiều mang lòng cầu may, hy vọng chẳng cần phải tốn công sức gì, chẳng phải khổ sở tu tập chi hết mà vẫn có thể tu hành chứng quả, luôn có cái tâm tham cầu tiện nghi. Quý vị hãy nghĩ xem: Tu hành chứng quả há có thể tham cầu tiện nghi ư? Mang cái tâm ấy tức là không thật thà, chẳng phải là hảo tâm, làm sao có thể thành Phật cho được? Làm sao có thể thành chánh quả? Chúng ta phải giác ngộ điều này! Học Phật nhất định phải dùng cái tâm chân thành, đừng lừa gạt

chính mình, đừng dôi gạt kẻ khác, phải chân, phải thành, quyết định chớ nên có tâm lý cầu may!

Ở ngoại quốc, tôi thấy có nhiều kẻ học Thiên, học Mật luôn coi rẻ hết thầy, khinh thường người khác. Nghiêm nhiên còn có Thượng Sư xoa đầu thọ ký cho họ, nói họ đã minh tâm kiến tánh, đã đại triệt đại ngộ rồi. Tôi sang bên đó giảng kinh, những người ấy cũng đến nghe, nghe xong, cũng có người hiu hiu tự đắc tiến lên hỏi tôi, gần như là mong tôi ấn chứng cho họ có phải là bậc đại triệt đại ngộ hay không. Họ hỏi tôi, tôi bèn bảo họ: “Các ông chưa ngộ!” Bọn họ rất tức giận: “Tôi đã được thọ ký, tôi đã đại triệt đại ngộ, cứ sao thầy nói tôi chưa ngộ?” Quý vị hãy nghĩ xem, bọn họ đã ngộ hay chưa? Nếu họ đã ngộ, cứ sao còn nổi giận đùng đùng? Hề nổi nóng, đương nhiên chưa khai ngộ! Đó là sự thật, ngay lập tức bọn họ lộ nguyên hình. Tôi bảo họ: “Nếu các ông thật sự đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng đến hỏi tôi câu này. Các ông hỏi tôi câu ấy, tôi trả lời: Tôi còn chưa khai ngộ, làm sao các ông có thể khai ngộ? Người khai ngộ tâm bình khí hòa, lẽ đâu nổi quạu? Lẽ đâu trừng mắt? Do các ông bực bội, trừng mắt, chúng tỏ các ông hoàn toàn chưa khai ngộ. Nói cách khác, kẻ thọ ký đã lừa gạt các ông. Đó là bỡn cợt, giống như lũ con nít trong nhà trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten), hẳn ta đội cho các ông cái mũ Tiến Sĩ, hôm nay các ông đạt được học vị Tiến Sĩ, giả trá! Xã hội chẳng công nhận!”

Khi chúng ta niệm Phật đạt đến mức khinh an, thân tâm sung sướng, phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, có đúng là thành tựu hay chẳng? Chưa phải! “*Thô niệm tạm dứt, tế niệm do tồn*” (thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn), vẫn còn tế niệm, vẫn chưa đoạn! Nhưng nói thật ra, hai câu này chẳng phải là nói với chúng ta, về phía chúng ta thì ngay cả tạm dứt thô niệm cũng chưa dứt được! Lời này để nói với bậc A La Hán, nói với người tham Thiên đã đắc Cửu Thứ Đệ Định, chẳng phải để nói với những kẻ tầm thường; người tầm thường không có tư cách ấy. Người tầm thường nếu chứng Tứ Thiên Bát Định bèn có thể tạm thời chế ngự thô niệm, chẳng phải là dứt. Dứt là đã đoạn hết. [Chế ngự thô niệm giống như] đá đè cỏ mà thôi! Bỏ đá đi, cỏ lại mọc dài ra. Đó là nói về Tứ Thiên Bát Định, còn ở đây là nói về A La Hán, cũng là như trong kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nội thủ u nhân, do vi Pháp Trần phân biệt ảnh sự*” (giữ lấy sự u nhân trong nội tâm, vẫn là chuyện thuộc về bóng dáng của

Pháp Trần)²⁶. Thích Ca Mâu Ni Phật đã phê bình bậc Tiểu Thừa A La Hán như vậy. Đủ thấy bậc Tiểu Thừa đắc A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, đã có năng lực vượt thoát tam giới, chẳng còn luân hồi trong lục đạo nữa, họ thuộc về cảnh giới nào? Chính là cảnh giới này! Tế niệm vẫn còn. Tuy tế niệm vẫn còn, nhưng chính họ không biết. Nếu họ biết thì sẽ đoạn được!

Do vậy, điều thứ nhất là người tu hành chúng ta phải tự biết mình, phải nhận thức chính mình, vì sao? Biết chính mình có bệnh thì tự mình mới biết tìm thầy thuốc chữa trị. Cái thân mình có bệnh nhưng chính mình chẳng biết còn tự khoe là rất khỏe mạnh, chẳng tìm thầy thuốc, chẳng đi khám bệnh, không có tâm cảnh giác. Vì thế, trước hết phải nhận biết căn bệnh của chính mình, nhận thức tình trạng bệnh tật của chính mình, quý vị mới biết dùng phương pháp nào để đối trị và tự cứu chính mình như thế nào. A La Hán đạt đến cảnh giới này, chẳng biết mình vẫn còn có những Hoặc (phiền não) vi tế; do vậy, họ chẳng có tâm tiến lên, đạt đến chỗ này bèn ngưng dứt, tự cho là công đức đã viên mãn. Đó là chứng Thiên Chân Niết Bàn, người ấy ngỡ là đã chứng Đại Niết Bàn, chẳng còn cầu tiến bộ nữa. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đặc biệt nói ra cảnh giới của họ: Cảnh giới của quý vị chưa phải là cảnh giới rốt ráo, công phu của quý vị chỉ thành tựu một nửa, hãy còn một nửa khác mà quý vị hoàn toàn chẳng liễu giải. Nếu quý vị nghĩ là tương ứng thì làm mất rồi, làm lẫn rất lớn, chẳng nhỏ đâu!

Nay chúng ta là người tu hành, có thể nói căn bệnh lớn nhất là chẳng nhận biết chính mình, cả thân đầy bệnh mà tự mình chẳng biết, cả

²⁶ Để dễ hiểu ý của câu này, xin mạn phép trích một đoạn trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch Sớ của pháp sư Giao Quang như sau: “*Túng diệt nhất thiết kiến văn giác tri, nội thủ u nhàm, do vi pháp trần phân biệt ảnh sự (Dầu diệt hết thấy thấy, nghe, hay biết, giữ lấy sự u nhàn bên trong, vẫn là chuyện thuộc về bóng dáng phân biệt Pháp Trần). ‘Kiến văn giác tri’ là nói về năm thức trước và ý thức. Dùng bốn chữ này (kiến văn giác tri) để bao gồm cả sáu thức ấy, gộp ngữ và ném thành một chữ Giác. ‘Diệt’ là dứt trừ sự nhận biết các ngoại duyên của các thức, khiến cho chúng bất động. ‘U nhàn’ là cảnh vắng lặng trong nội tâm [khi đã dứt sự phân biệt ngoại duyên]. Cảnh này chính là cảnh bị giữ lấy bởi phàm phu, ngoại đạo, Quyền Giáo, Tiểu Thừa trong khi nhập Định, mà cũng là cái họ chấp lấy, coi đó là Pháp Tánh cần phải chứng. ‘Pháp trần’ là tên gọi của cảnh này. ‘Phân biệt’ là cái tâm giữ lấy cảnh này. Chữ ‘ảnh sự’ chỉ tâm và cảnh ấy, chứ không phải là bóng dáng do ánh sáng chiếu rọi vật, trọn chẳng có thật. Phàm phu, ngoại đạo, Quyền Giáo, Tiểu Thừa chấp sự u nhàn là Pháp Tánh sâu xa, chẳng biết nó vẫn là Pháp Trần được duyên bởi vọng thức”.*

thân đầy lỗi mà chẳng tự thừa nhận. Vì thế, cổ đức thường nói: “*Thánh nhân cả thân đầy bệnh, nên gọi là thánh nhân; hiền nhân mắc bệnh đôi chút, phàm phu về căn bản là chẳng có bệnh gì!*” Vì sao về căn bản chẳng có bệnh gì? Chẳng biết! Chẳng hiểu chính mình có bệnh. Hiền nhân phát hiện chính mình bị bệnh một phần, thánh nhân hoàn toàn biết rõ căn bệnh, biết lỗi liền sửa. Chẳng biết lỗi thì sửa cái gì đây? Nếu quý vị bảo người khác: “Ông có lỗi làm này nọ”, người ấy chẳng thừa nhận, quý vị biết kẻ đó là người bình thường, chẳng phải là thánh nhân, chẳng phải là Bồ Tát. Nếu người ấy là thánh nhân, hay là Bồ Tát, sẽ biết cả thân đầy bệnh! Con người quý ở chỗ biết lỗi, biết lỗi có thể sửa đổi. Kẻ chẳng biết chính mình có bệnh, không được rồi, hết thuốc chữa! Phật chẳng có cách nào cứu kẻ ấy. Kẻ tự biết lỗi của chính mình thì Phật có thể cứu hẳn được!

(Sớ) Ký cư phàm địa.

(疏) 既居凡地。

(Sớ: Đã thuộc địa vị phàm phu).

Ở đây nói đến chúng ta trong hiện thời, chúng ta hiện đang là phàm phu.

(Sớ) Vị năng tuyệt lự vong duyên.

(疏) 未能絕慮忘緣。

(Sớ: Chưa thể dứt lo nghĩ, quên duyên).

“*Lự*” (慮) là ý niệm. Trong tâm chúng ta, một niệm này khởi lên, niệm kia diệt mất. “*Duyên*” (緣) là cảnh giới bên ngoài, là hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Bên ngoài có ngoại duyên đến quấy nhiễu quý vị, bên trong tâm động chẳng ngừng, vọng niệm sanh diệt không ngớt. Đó là căn bệnh của chúng ta do Phật, Bồ Tát đã chỉ ra.

(Sớ) Hà bất tức duyên lự nhi tác tu tấn.

(疏) 何不即緣慮而作修進。

(Sớ: Sao chẳng dùng ngay duyên lự để tấn tu?)

Dạy chúng ta một phương pháp đối trị: Dùng duyên lự để tấn tu. Quý vị thấy “lự” ấy chẳng phải là vọng niệm toi bời hay sao? Nay chúng ta niệm A Di Đà Phật thì “lự” ấy chỉ là một lự, tức là A Di Đà Phật. Duyên thì trong đạo tràng này của chúng ta, đồng tham đạo hữu ở cùng một chỗ đó là duyên lự. Chúng ta dùng duyên lự này sẽ có thể tấn tu, đây là biện pháp “theo đường trở về nhà”.

(Sớ) Cố dĩ niệm hoàn công u niệm.

(疏) 故以念還攻於念。

(Sớ: Vì thế, lấy niệm để trị ngược các vọng niệm).

“Dĩ niệm” là dùng một niệm A Di Đà Phật để “công u niệm” tức là dùng niệm này để tấn công hết thảy vọng niệm, dùng một niệm này để dẹp sạch tất cả vọng niệm. Trì danh niệm Phật được kiến lập trên căn cứ lý luận như thế đó.

(Sớ) Niệm nhất Phật danh, hoán bỉ bách thiên vạn ức chi tạp niệm dã.

(疏) 念一佛名，換彼百千萬億之雜念也。

(Sớ: Niệm một danh hiệu Phật để thay thế trăm ngàn vạn ức tạp niệm).

Câu này là nói toạc ra cho chúng ta [nhận biết] vì sao chúng ta phải niệm Phật? Vẫn có những kẻ tự cậy thông minh, coi thường pháp môn Niệm Phật, nói pháp môn Niệm Phật này cứ niệm Phật có ích gì đâu? Nếu quý vị cung kính A Di Đà Phật, mà hằng ngày kêu rêu Ngài, Ngài chẳng phiền lòng ư! Quý vị yêu mến Ngài cách nào đi nữa, Ngài cũng chán ngán! Ví như đứa con gọi bố, suốt ngày từ sáng đến tối nó cứ không ngớt: “Bố ơi! Bố ơi!” Bố nó có chán ghét nó hay chẳng? Kẻ ấy nói: “Quý vị cứ nhất định phải niệm Phật, Phật cũng chán ghét quý vị”. Chúng ta thoát nghe [lời biện luận ấy] cũng cảm thấy rất có lý, cho nên chẳng niệm. Thật ra, kẻ ấy chẳng biết: **Niệm Phật nhằm đoạn vọng niệm của chính mình.** Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta không niệm Phật, có vọng niệm hay không? Có! Có vọng niệm là không được rồi! Vọng niệm là căn bản của sanh tử trong lục đạo, chúng ta dùng câu Phật

hiệu này giống như dùng thuốc nhằm chấm dứt vọng niệm, khác với người thường gọi cha. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Thường có những kẻ học Phật tự nghĩ mình cao minh, nhưng trên thực tế chẳng hề liễu giải, chính họ cũng suốt ngày từ sáng đến tối đầy vọng tưởng, mà chẳng có cách nào chế ngự, ngăn dứt! Nay chúng ta có được phương pháp này, những kẻ ấy còn hủy báng, còn phê bình, tức là mắc vô lượng vô biên tội nghiệp! Vì thế, người thật sự niệm Phật, người ta nói gì cũng đều chẳng cần nghe, vì sao? Hễ quý vị nghe, chẳng phải là tăng trưởng vọng niệm hay chẳng? Vấn đề gì cũng chẳng cần phải đi khắp nơi hỏi người khác. Hỏi người khác, nếu thật sự gặp được bậc cao minh, vị ấy có thể giải đáp vấn đề; lỡ gặp phải kẻ dở dở ương ương, đâm ra họ càng khiến cho quý vị gặp rối ren thêm! Quý vị chẳng hỏi thì còn đỡ, càng hỏi càng rối beng, hỏi đến cuối cùng ngay cả Phật cũng chẳng còn tin nữa!

(Sớ) Nhi vọng tòng chân khởi, ba trục thủy sanh, tức niệm tức không, cư nhiên bản thể.

(疏) 而妄從真起，波逐水生，即念即空，居然本體。

(Sớ: Nhưng vọng từ chân khởi, sóng từ nước sanh, niệm chính là không, không chính là niệm, bản thể rành rành).

“*Vọng tòng chân khởi*”: Vọng ở đây là nói niệm Phật. Niệm Phật cũng là vọng niệm. Tuy niệm Phật là vọng niệm, nhưng vọng niệm ấy nếu lìa khỏi chân tánh thì còn có vọng niệm ấy hay chẳng? Vì thế, vọng niệm sanh khởi từ chân tánh, giống như sóng, sóng do nước sanh ra. Lìa khỏi nước, đâu còn sóng mòi! Coi nước là chân, coi sóng là vọng, hoàn toàn là nói theo Lý. “*Tức niệm tức không, cư nhiên bản thể*”: Chữ “*tức niệm tức không*” có hai ý nghĩa, chính là nói “*chân - vọng bất nhị*”.

1) Ý nghĩa thứ nhất là “*niệm cực nhi không*”, tức là quý vị niệm đến mức công phu thuần thực, vọng niệm chẳng còn nữa. Vọng niệm chẳng còn, câu Phật hiệu này cũng chẳng còn, kinh gọi cảnh giới này là nhất tâm bất loạn. Đó chính là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Vì thế, phương pháp Niệm Phật này có thể niệm đến mức đắc Định giống như Thiên Tông, niệm đến mức đắc Định là Sự nhất tâm bất loạn, thành tựu Niệm Phật tam-muội. Cao hơn nữa là có thể phá vô minh, có thể chứng Pháp Thân, có thể thấy bản tánh, kinh gọi đó là Lý nhất tâm bất loạn. Dùng phương pháp này để niệm đến mức “*niệm cực nhi không*”.

2) Ý nghĩa thứ hai là quán sát từ bản thể, “*niệm thể bản không*” (bản thể của niệm vốn là Không). Trong chân tánh vốn chẳng có một vật

nào; nếu quý vị có thể hiểu rõ đạo lý này, sẽ suốt ngày niệm Phật mà suốt ngày vô niệm. Sự niệm Phật ấy chẳng chấp tướng. Tuy chẳng chấp tướng, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Phương pháp niệm như vậy cao minh, lại còn thụ dụng lớn nhất, tương ứng với Bát Nhã, tam luân thể không, “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Phật hiệu có đoạn hay chẳng? Quyết định chẳng đoạn! Trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng dứt. Bởi lẽ, người ấy hiểu niệm và vô niệm chẳng có chướng ngại, trên mặt Lý thì vô niệm, trên mặt Sự là có niệm. Lý chẳng trở ngại Sự, Sự chẳng trở ngại Lý, Lý Sự vô ngại. Cách niệm này rất cao minh, thụ dụng vô cùng, rất dễ đạt đến thân tâm thanh tịnh, đặc nhất tâm bất loạn; lại còn có thể vận dụng lý luận và sự thụ dụng ấy vào cuộc sống thường ngày. Chúng ta từ sáng đến tối ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật, đều có thể là niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Kinh Hoa Nghiêm bảo đó là “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Cuộc sống hiện tại đã thuộc vào cảnh giới giải thoát, đặc đại tự tại, đó là nói ở mức độ cao. Vì thế, pháp môn này tuyệt đối chẳng đơn giản!

Cũng chính vì như vậy, người niệm Phật chúng ta chẳng thể không thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận A Di Đà Kinh Sớ Sao và Yêu Giải, vì sao? Nếu quý vị không thâm nhập, nghiên cứu, thảo luận, sẽ chẳng hiểu nhiều đạo lý vi diệu trong ấy, chẳng biết thật sự thụ dụng. Nếu quý vị chẳng hiểu lý luận, phương pháp, cảnh giới này, niệm một câu A Di Đà Phật lâu ngày sẽ niệm uể oải, sẽ niệm đến mức chán ngán, niệm đến cuối cùng chẳng thích niệm nữa: “Ta niệm đã bao nhiêu năm, chỗ tốt đẹp gì cũng chẳng có! Cảm ứng gì cũng chẳng có”. Xong luôn! Kẻ ấy chẳng niệm nữa. Nguyên nhân là do không hiểu lý luận, không hiểu phương pháp, chẳng biết cảnh giới, cổ nhân bảo là “tu mù, luyện đui”. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, niệm Phật hiệu câu nào cũng đều sanh tâm hoan hỷ, câu nào cũng phấn chấn tinh thần, khi mệt nhọc, niệm mấy tiếng A Di Đà Phật, tinh thần lại khá hơn. Niệm mấy câu A Di Đà Phật mà chẳng thể phấn chấn tinh thần, tức là quý vị niệm chẳng đúng pháp!

Năm ngoái, tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), gặp một người từ Trung Quốc Đại Lục sang Mỹ, nói đã học võ thuật tại chùa Thiếu Lâm, công phu khá cao. Ông ta nghe tôi giảng kinh, nói với các đồng tu ở phía dưới: “Vị pháp sư này công phu cao, công phu thuộc mức độ cao”. Người ta nói: “Nhìn từ chỗ nào?” “Nhìn vào tinh thần, nhìn vào khí sắc, là một cao thủ cao lắm”. Người khác đến hỏi tôi: “Bạch pháp sư, thầy có luyện võ công hay chẳng?” Tôi đáp: “Không có!” “Ông ta nói công phu của thầy thuộc mức độ cao!” Đến cuối cùng, ông ta đến nói

chuyện với tôi, nói đến lúc hỏi [tại sao thầy không luyện võ mà công phu] cao như vậy? [Tôi trả lời] tôi niệm A Di Đà Phật. Ông ta phải tu bao nhiêu năm mới có thể đạt đến cảnh giới như thế, tôi chỉ niệm A Di Đà Phật mà cũng chẳng thua kém ông ta, quả thật là như thế. Vì thế, một câu A Di Đà Phật là chất dinh dưỡng tốt nhất. Thật sự biết niệm, trường sanh bất lão! So với bất cứ đồ bổ nào trong hiện thời đều hữu hiệu hơn, linh hơn bất cứ linh dược tiên đan nào! Quý vị chẳng biết niệm, có cách nào hay chẳng? Biết niệm, sẽ có thể đạt được thụ dụng như vậy. Vì thế, nhất định phải nghiêm túc nghiên cứu, thảo luận bộ kinh này.

(Sớ) Phi u niệm ngoại biệt đắc Bồ Đề, cố vân: “Vạn pháp hư ngụy, duy thị nhất tâm, liễu ngộ tự tâm, xúc mục Bồ Đề hỹ”.

(疏) 非於念外別得菩提。故云萬法虛偽，唯是一心，了悟自心，觸目菩提矣。

(Sớ: Chẳng phải là đắc Bồ Đề ở ngoài niệm, cho nên nói: “Muôn pháp hư dối, chỉ là nhất tâm. Liễu ngộ tự tâm thì những gì chạm vào mắt đều là Bồ Đề”).

Đây là thật sự nhập cảnh giới, thật sự chỗ nào cũng là đạo, pháp nào cũng đều thật. Bài thơ du ngoạn Lô Sơn của Tô Đông Pha có câu: “Khê thanh tận thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân” (Tiếng suối là tương lưỡi rộng dài, sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh). Đây là nói vận dụng phương pháp Niệm Phật hòng chứng đắc Pháp Thân.

(Sớ) Dụ như bệnh thể sưu thời.

(疏) 喻如病體瘳時。

(Sớ: Ví như khi cái thân bệnh tật đã lành).

Bệnh ấy đã khỏi.

(Sớ) Tiện danh kiện thể.

(疏) 便名健體。

(Sớ: Bèn gọi là thân thể khỏe mạnh).

Người đã khôi phục sức khỏe.

(Sớ) Loạn dân định hậu, tức thị lương dân.

(疏) 亂民定後，即是良民。

(Sớ: Dân làm loạn sau khi đã dẹp yên bèn là dân lành).

Cái thân bị bệnh và cái thân đã lành mạnh là cùng một thân, chẳng phải là hai thân thể. Vọng niệm và chánh niệm cũng là một tâm, chẳng phải hai tâm.

(Sớ) Khử niệm nhi cầu tâm, thị y tất diệt thân nhi liệu bệnh, tướng tất đồ quốc nhi an dân dã, khởi lý dã tai?

(疏) 去念而求心，是醫必滅身而療病，將必屠國而安民也，豈理也哉。

(Sớ: Trừ khử niệm để cầu tâm là như thầy thuốc ắt phải diệt cái thân để chữa bệnh, như ông tướng phải tàn sát cả nước để an dân, há có lẽ ấy chăng?)

Đây là chứng minh, nếu dùng sai cái tâm, dùng sai phương pháp, lầm lẫn quá đỗi! Nếu quý vị nói: Nếu tôi trị bệnh, muốn chữa cho lành

bệnh, làm thế nào mới trị lành bệnh được? Hủy diệt thân thể này, bệnh sẽ chẳng còn nữa! Quý vị hãy nghĩ xem: Phương pháp ấy có tốt đẹp hay chẳng? Làm thế nào để bình định dân làm loạn và ổn định cõi đời loạn lạc? Giết sạch hết mọi người! Đó là cách suy nghĩ sai lầm, cách làm sai quấy. Vì thế, Phật, Bồ Tát, bậc quân tử có lòng nhân, thấy kẻ ác bèn khởi tâm niệm gì? Làm thế nào để cảm hóa hắn, khiến hắn trở thành một người tốt, quyết chẳng thấy kẻ ác bèn không màng tới, đuổi hắn đi, hoặc giết chết hắn, đó chẳng phải là biện pháp đúng. Phật pháp nói tam thế nhân quả báo ứng, đời này quý vị giết kẻ khác, đời sau kẻ ấy giết quý vị, oán cừ càng kết càng sâu, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng xong! Vì thế, nhất định phải dùng [biện pháp] cảm hóa, quyết định chẳng thể dùng bạo lực. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này.

Tập 66

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang chín mươi:

(Huyền Nghĩa) Cửu, xảo thị nhân u vãng sanh thật ngộ Vô Sanh giả.

(玄義) 九、巧示因於往生實悟無生者。

(Huyền Nghĩa: Chín là khéo léo chỉ dạy: Do vãng sanh mà thật sự ngộ Vô Sanh).

Đây là nhân duyên thứ chín trong các nhân duyên. “Xảo” (巧) là vô cùng hay khéo, cũng có nghĩa là chỉ dạy rất hay khéo: Chính vì vãng sanh thì mới có thể thật sự ngộ nhập Vô Sanh. Có thể nói là nhân duyên này khiến cho người ta cảm thấy rất hào hứng. Mọi người học Phật đều đặt mục tiêu là cầu đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Trong bài Kệ Hội Hương chúng ta niệm hằng ngày, có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. “*Ngộ Vô Sanh*” là một thành tựu thật sự trong quá trình tu học của Bồ Tát. Vô Sanh cũng là “sống đời đời” (vĩnh sanh) như các tôn giáo khác thường mong tưởng. Nói thật ra, các tôn giáo khác nói đến sự sống đời đời đều chẳng phải là thật, Thiên Đường trọn chẳng phải là sống đời đời, hiểu lầm rồi! Thật sự sống đời đời là trong Đại Thừa Phật pháp. A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa đều chưa đạt đến địa vị này. Do vậy, “ngộ Vô Sanh” là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, là một thứ thành

tự mang tánh chất quyết định, là sự thành tựu chân thật.

(Huyền Nghĩa) Thất Địa cần danh hiện tướng, Bát Địa nãi đắc Vô Sanh.

(玄義) 七地僅名現相, 八地乃得無生。

(Huyền Nghĩa: Thất Địa chỉ gọi là “hiện tướng”. Bát Địa mới đắc Vô Sanh).

Quý vị nghĩ xem: Vô Sanh Pháp Nhẫn là địa vị như thế nào? Địa vị Thất Địa Bồ Tát khá cao, được coi là đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn có ba phẩm: Thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm. Thất Địa Bồ Tát chứng đắc hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa là thượng phẩm. Đến Đệ Thập Địa là Pháp Vân Địa, chẳng gọi là Vô Sanh Nhẫn mà gọi là Tịch Diệt Nhẫn, nhập cảnh giới của Phật, thanh tịnh tịch diệt. Thập Địa Bồ Tát là hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Như Lai quả địa là thượng phẩm Tịch Diệt Nhẫn. Đạt đến Pháp Vân Địa thì có thể nói cảnh giới chẳng khác gì Phật.

“*Thất Địa cần danh hiện tướng*” (Thất Địa chỉ gọi là hiện tướng): Đây là tỷ dụ, trước hết, thấy phương Đông có sắc trắng, đây là mặt trời sắp mọc, nhưng vẫn chưa mọc. Thất Địa Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn có tình trạng giống như vậy, chưa thật sự đạt được, nhưng hết sức gần gũi. Đã thấy phương Đông tỏa sắc trắng, nhưng mặt trời chưa mọc, trong chốc lát sẽ mọc, dùng chuyện này để sánh ví cảnh giới của Thất Địa. Tuy Thất Địa Bồ Tát tu Vô Tướng Quán đã thành tựu, đã lìa khỏi phân biệt, chấp trước, nhưng những gì do thức hiện vẫn chưa trừ hết, chưa thể đại tự tại, chỉ gọi là “*hiện tướng*” mà thôi!

“*Bát Địa nãi đắc Vô Sanh*” (Bát Địa mới đắc Vô Sanh), Bát Địa Bồ Tát còn gọi là Bất Động Địa. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm địa vẫn thanh tịnh, quyết chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, tự mình thật sự làm chủ tề trong hết thảy cảnh giới nên gọi là Bất Động Địa. Khi ấy, Ngài đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, giống như sớm mai mặt trời đã mọc. Tánh bình đẳng hiện tiền, nếu chúng ta dùng lý luận của Duy Thức để nói cho dễ hiểu hơn thì: Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, thật sự chuyển được. Vì thế, thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Do chỗ này, chúng ta cũng có được một khái niệm rất rõ ràng, Thất Địa Bồ Tát chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức, thành Diệu Quán Sát Trí, thức

thứ bảy, tức Mạt Na Thức, cũng chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng chưa thể chuyển hoàn toàn, đến Bát Địa mới là chuyển hoàn toàn. Quý vị phải hiểu: Hai thứ Trí này đã chuyển được thì thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Kính Trí, năm thức trước (Nhân Thức, Nhĩ Thức v.v...) chuyển thành Thành Sở Tác Trí, đồng thời chuyển! Chuyển Thức thành Trí là “*lục, thất nhân địa chuyển, ngũ bát quả thượng chuyển*” (thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển trong khi tu nhân, năm thức trước và thức thứ tám sẽ chuyển khi chứng quả). Hễ thức thứ sáu và thức bảy đã chuyển thì năm thức trước và thức thứ tám cũng đồng thời chuyển theo. Nói cách khác, đạt đến Bát Địa Bồ Tát mới thật sự chuyển tám thức thành bốn trí, đây mới thật sự là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

Trong bài kệ Hồi Hướng có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, tức là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, đến khi ấy mới triệt đề liễu giải hết thấy các pháp bất sanh bất diệt, quý vị bèn thấy đó chính là tướng chân thật của hết thấy các pháp, hết thấy các pháp không có sanh diệt. Nay chúng ta thấy hết thấy các pháp có sanh, có diệt, thấy động vật có sanh, già, bệnh, chết, thấy thực vật có sanh, trụ, dị, diệt (mọc lên, tăng trưởng, biến đổi, diệt mất), khoáng vật và quả địa cầu này có thành, trụ, hoại, không. Đây đều là tướng sanh diệt! Đức Phật dạy chúng ta: Tướng sanh diệt ấy là huyền tướng, chẳng phải là chân tướng. Chúng ta thấy huyền tướng, chẳng thấy tướng chân thật của vạn pháp trong vũ trụ. Tướng chân thật của vạn pháp trong vũ trụ là bất sanh bất diệt. Lời nói này quá huyền diệu, nói thật ra, đây chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, cũng chẳng phải là điều chúng ta có thể lãnh hội bằng kiến thức thông thường! Đây là cảnh giới Hiện Lượng của Phật và các vị đại Bồ Tát, phải là từ Bát Địa Bồ Tát trở lên, những vị ấy đích thân thấy hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt.

Phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc? Có nhiều pháp môn, tông phái đều có rất nhiều lý luận và phương pháp tu hành. Người niệm Phật chúng ta có thể chứng đắc hay không, đó là chuyện chúng ta rất quan tâm. Nếu niệm Phật chẳng thể chứng đắc thì còn phải tu pháp môn khác. Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Người niệm Phật có thể chứng đắc. Không chỉ có thể chứng đắc, mà còn chứng đắc dễ dàng hơn các pháp môn khác, vì sao? Hễ quý vị vãng sanh liền chứng đắc. “*Nhân u vãng sanh thật ngộ Vô Sanh*” (Do vãng sanh bèn thật sự ngộ Vô Sanh), ngộ Vô Sanh chính là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

(Huyền Nghĩa) Nhi cực lực diệt sanh dĩ cầu Vô Sanh, di cầu di viễn.

(玄義) 而亟欲滅生以求無生，彌求彌遠。

(Huyền Nghĩa): Nhưng muốn cực lực diệt sanh để cầu Vô Sanh thì càng cầu càng xa).

Có những người nôn nóng muốn chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, họ chứng bằng cách nào? Đoạn trừ sanh, sanh đoạn trừ thì dường như là Vô Sanh; thật ra đã phạm sai lầm! Nhưng cách suy nghĩ, quan niệm ấy, nói thật ra, kể từ khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đã có kẻ nghĩ theo cách ấy rồi, giống như Lão Tử đã nói: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân”, [nghĩa là] ta có mối lo âu lớn là vì ta có thân. Nếu không có thân sẽ tốt hơn nhiều lắm, không có thân sẽ tự tại lắm! Không có thân thì tối thiểu là quý vị chẳng cần phải bươn chải vì cơm áo. Thân cần phải ăn cơm, thân cần phải mặc áo, thân cần phải sống trong nhà. Quý vị không có thân thì những phiền não, ưu lự đều chẳng có; làm thế nào để bỏ được cái thân này? Trước kia, đã có chẳng ít người có cách suy nghĩ giống như vậy!

Trong tam giới, Vô Sắc Giới thiên không cần thân, vô sắc mà! Họ suy nghĩ như vậy. Trong Sắc Giới, [chư thiên thuộc] mười tám tầng trời trong Tứ Thiên có thân, nhưng chư thiên trong Tứ Không Thiên không có thân, đây là cảnh giới tối cao của phàm phu. Quý vị phải hiểu: Phàm phu cao cấp chẳng cần thân thể, họ được tự tại! Nhưng đây chẳng phải là biện pháp [giải quyết rốt ráo], tuy chẳng cần thân, thân thức vẫn tồn tại (người Hoa gọi “thần thức” là “linh hồn”). Trong Thiên Định rất sâu như thế, quả thật vọng niệm chẳng sanh, vì họ có công năng định lực. Công năng định lực hoàn toàn không chế phiền não, thời gian duy trì công năng định lực của họ rất dài, tám vạn đại kiếp! Đây cũng là thọ mạng của chư thiên trong Tứ Không Thiên, nhưng khi tám vạn đại kiếp đã hết, họ bị thoái chuyển công lực, sau khi thoái chuyển vẫn phải luân hồi trong lục đạo, đủ thấy đây chẳng phải là rốt ráo! Cách cầu như thế là “*di cầu di viễn*”, [tức là] càng cầu càng xa, chẳng phải là thật, giả trá!

(Huyền Nghĩa) Kim dĩ cầu sanh Tịnh Độ, nãi ngộ Vô Sanh, nhập Hữu đắc Không, tức phàm thành thánh, khả vị thông huyền bí quyết, hoán cốt thân đan.

(玄義) 今以求生淨土，乃悟無生，入有得空，即凡成聖，可謂通玄秘訣，換骨神丹。

(Huyền Nghĩa: Nay do cầu sanh Tịnh Độ bèn ngộ Vô Sanh, nhập Hữu mà đắc Không, từ phàm trở thành thánh, có thể nói là bí quyết để thông đạt lẽ u huyền, là thuốc thần để thay xương).

Quý vị tu Tịnh Độ thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, “cầu sanh Tịnh Độ” là từ Hữu môn mà tiến nhập. Kinh dạy rất rõ ràng, “hữu thể giới danh viết Cực Lạc, hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp” (có thể giới tên là Cực Lạc, có Phật hiệu A Di Đà, nay còn đang thuyết pháp). Đây là từ Hữu môn mà tiến nhập. Từ Hữu môn tiến vào chỗ ấy nghe pháp tu hành, chắc chắn có thể ngộ Vô Sanh. Vì thế, nói là “đắc Không”. Đắc Không là đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. “Nhập Hữu” là phàm phu, “đắc Không” là chứng thánh quả. Vì thế, “tức phàm thành thánh”. Hai câu cuối cùng là lời tán thán; quả thật có thể nói là “thông huyền bí quyết”, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “huyền” là Vô Sanh. Chúng ta cũng mong chứng đắc Vô Sanh, thông đạt Vô Sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm Phật là bí quyết chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. “Hoán cốt thần đan”, thoát thai hoán cốt²⁷, chữ “thần đan” tỷ dụ niệm Phật. Niệm Phật sanh về Tịnh Độ; thoát thai hoán cốt là giống như siêu phàm nhập thánh, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là phàm phu, sau khi sang nơi đó bèn thành

²⁷ “Thoát thai hoán cốt” vốn là một thuật ngữ Đạo Giáo. Họ tin rằng nếu uống kim đan (thần đan) sẽ đổi thai phàm thành thai thánh, đổi xương phàm thành xương tiên, nên mới gọi là “thoát thai, hoán cốt”, tức là sẽ trở thành Địa Tiên, trường sanh bất lão, có thể bay lên không, tùy ý tự tại. Kim đan là những loại thuốc nung luyện bằng phương cách bí truyền gồm các kim loại quý (hoặc những chất được tin tưởng là mẹ của các kim loại như chì, thủy ngân) và một số dược vật kỳ quái khác. Kim đan phải chọn ngày giờ, phương vị để nung luyện (tương tự như Giả Kim Thuật của châu Âu). Tư tưởng luyện kim đan bắt nguồn từ Cát Hồng đời Tấn như ông ta đã trình bày trong sách Bão Phác Tử, và được các đạo sĩ đời sau hăm hở luyện theo. Nhiều vua chúa Trung Hoa đã mê muội muốn trường sanh bất tử, chẳng hạn các vua Hiến Tông, Mục Tông, Vũ Tông, Tuyên Tông nhà Đường, Gia Tĩnh nhà Minh đã chết tươi hay điên cuồng, vật vã mấy ngày rồi chết sau khi uống kim đan vì trong ấy có những chất kịch độc như thủy ngân, chì! Ở đây, Liên Trì đại sư chỉ mượn từ ngữ này để ca ngợi phép Niệm Phật giúp cho phàm phu có thể từ phàm nhập thánh, vượt thoát tam giới nhanh chóng mà thôi!

thánh nhân. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, lẽ nào chẳng thành thánh nhân?

(Sớ) *Cẩn danh hiện tướng giả.*

(疏) 僅名現相者。

(Sớ: Chỉ gọi là “hiện tướng”).

Đây là cảnh giới của bậc Bồ Tát trụ nơi Thất Địa.

(Sớ) *Hoa Nghiêm địa địa giai viết Vô Sanh, nhi chánh đắc nãi quy Bát Địa.*

(疏) 華嚴地地皆曰無生，而正得乃歸八地。

(Sớ: [Các địa vị Bồ Tát trong Thập Địa của] kinh Hoa Nghiêm, địa nào cũng đều gọi là Vô Sanh, nhưng thật sự đắc Vô Sanh phải là Bát Địa).

Mỗi một Địa từ Sơ Địa trở đi đều có thể nói là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, nhưng thật sự chứng đắc là Đệ Bát Địa. Sơ Địa Bồ Tát giống như phương Đông ứng sắc trắng, mãi cho đến Thất Địa đương nhiên độ sáng ngày càng rõ hơn, nhưng mặt trời chưa mọc, đến Bát Địa mặt trời mới lộ dạng. Đây là tỷ dụ Đẳng Địa Bồ Tát (chứng nhập từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên) đã thấy phương Đông ứng sắc trắng, trời sắp sáng, Thất Địa và Bát Địa hết sức gần gũi.

(Sớ) *Kỳ Thất Địa vân: “Tịnh vô lượng thân khẩu ý, đắc Vô Sanh Pháp Nhân quang minh”.*

(疏) 其七地云：淨無量身口意，得無生法忍光明。

(Sớ: [Kinh Hoa Nghiêm] giảng về Thất Địa như sau: “Thanh tịnh vô lượng thân, miệng, ý, có được ánh sáng của Vô Sanh Pháp Nhân”).

Kinh dạy như vậy. “Tịnh vô lượng thân khẩu ý” là Thất Địa Bồ Tát dùng tâm tâm (“tâm tâm” trong ba thứ Bồ Đề tâm), có thể nói tâm tâm ấy là cái tâm thanh tịnh rất sâu, thành tựu thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp. Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh tịnh, đó gọi là “tịnh vô lượng thân khẩu ý”. Đạt đến cảnh giới này, có thể nói là tất cả hết thảy các ác nghiệp, bất thiện nghiệp đạo thảy đều đã tách lìa, đều

không còn nữa. Phạm là hết thấy những nghiệp bất thiện như đức Phật đã nói trong kinh điển, hàng Thất Địa Bồ Tát chắc chắn chẳng có. Phạm là hết thấy những thiện nghiệp như trong kinh điển đã dạy, hàng Thất Địa Bồ Tát nhất định trọn đủ. Do vậy nói là “*thanh tịnh vô lượng thân khẩu ý*”. Nói cách khác, Bồ Tát tu hành đến trình độ và cảnh giới này, sẽ thuần thiện, không làm lỗi; đừng nói là tội nghiệp, ngay cả sai lầm cũng chẳng có. Đây là bậc Thất Địa Bồ Tát. “*Đắc Vô Sanh Pháp Nhãn quang minh*”: Vị ấy đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn quang minh. Lời Sớ dưới đây là do Thanh Lương đại sư chú giải, tức là lời Sớ của kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Sớ vị: Vô Sanh Pháp Nhãn, Bát Địa sở đắc.

(疏) 疏謂：無生法忍，八地所得。

(Sớ: Hoa Nghiêm Kinh Sớ viết: “Vô Sanh Pháp Nhãn là sở đắc của Bát Địa”).

Thanh Lương đại sư giải thích: Bát Địa mới thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

(Sớ) Kim tư Thất Địa, u bỉ Pháp Nhãn minh tướng hiện tiền, vị vi chân đắc.

(疏) 今茲七地，於彼法忍明相現前，未為真得。

(Sớ: Nay đối với bậc Thất Địa, tướng sáng của môn Pháp Nhãn ấy đã hiện tiền, chưa phải là thật sự đắc).

“*Minh tướng hiện tiền*”, trên bầu trời hết sức sáng sủa, nhưng mặt trời chưa mọc! Cảnh giới của Thất Địa là như vậy.

(Sớ) Như Quán Kinh Sớ.

(疏) 如觀經疏。

(Sớ: Như Quán Kinh Sớ có nói).

Đây là bản chú sớ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh do Trí Giả đại sư viết.

(Sớ) Dĩ Vô Sanh tức thuộc Sơ Trụ.

(疏) 以無生即屬初住。

(Sớ: Vô Sanh thuộc vào Sơ Trụ).

Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có thể nói là đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, nhưng sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn ấy chính là như Thất Địa Bồ Tát thấy tướng quang minh trong phần trên.

(Sớ) Ý lược đồng thử.

(疏) 意略同此。

(Sớ: Đại khái giống với ý nghĩa được nói ở đây).

Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai; tông Thiên Thai nói Sơ Trụ Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, còn Thanh Lương đại sư của tông Hoa Nghiêm nói từ Sơ Địa trở lên chỉ đắc tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn hiện tiền. [Tông Thiên Thai nói Sơ Trụ Bồ Tát đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn] theo ý nghĩa này, [tức là] vị ấy chưa thật sự đắc. Lời giảng của Trí Giả đại sư và thuyết của Thanh Lương đại sư có ý nghĩa giống nhau, đều là nói họ (tức hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa) đã thấy được tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn, trọn chẳng thật sự đạt được, chỉ có thể coi là đạt được; chứ nói nghiêm ngặt thì Đệ Bát Địa mới thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

(Sớ) Nãi chí Bát Địa, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thử danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhãn dã. Cổ tri Vô Sanh, thánh thử nan chi, huống phàm bối hồ!

(疏) 乃至八地，離一切心意識分別，始名真得無生法忍也。故知無生，聖且難之，況凡輩乎。

(Sớ: Cho đến Bát Địa, là hết thấy tâm ý thức phân biệt, mới gọi là thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Cho nên biết: Đối với bậc thánh, Vô Sanh còn khó, huống là lũ phàm phu ư?)

Do đây có thể biết: Chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn chẳng dễ dàng! Đối với thánh nhân mà nói thì vẫn còn khá khó khăn, huống gì phàm phu? “Thánh nhân” được nói đến ở đây là hàng Thất Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, địa vị này cao trỗi lắm, rất cao! Sơ Trụ Bồ Tát trong

Viên Giáo đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, ba mươi địa vị ấy đã phá ba mươi phẩm trong bốn mươi một phẩm vô minh, vẫn còn sót lại mười một phẩm vô minh. Khi ấy, mới thấy tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhân, lại phá bảy phẩm vô minh, đạt đến Đệ Bát Địa, mới thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Do vậy, “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*” đọc lên nghe rất đơn giản, nhưng thật sự đạt đến cảnh giới ấy chẳng hề đơn giản! Quý vị biết: Quý vị tu các pháp môn khác muốn đạt đến Bát Địa Bồ Tát thì phải đến kiếp nào? Nói thật ra là quá xa xôi, quá mờ mịt! Ở đây, đại sư nói những lời này nhằm khích lệ chúng ta, chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật này sẽ dễ dàng đạt được, sẽ nắm chắc, lại còn làm được ngay trong một đời. Tu những pháp môn khác muốn đạt đến cảnh giới này chẳng phải là chuyện dễ dàng, đúng là khó khăn!

Đoạn văn kể tiếp hay vô cùng, giảng rõ cảnh giới. Chúng ta đọc xong, trong tâm thật sự chẳng hoài nghi. “*Bát Địa Bồ Tát ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt*”, hoàn toàn chuyển Thức thành Trí, bỏ Thức dùng Căn. Trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đề xướng “*bỏ Thức dùng Căn*”, chữ “*Thức*” chỉ thức thứ sáu, thức thứ bảy, và thức thứ tám, “*bỏ Thức, dùng Căn*” tức là dùng tánh của Căn. Ngài đề xướng biện pháp này, dạy chúng ta hãy dùng Nhãn Căn để thấy, dùng Nhãn Thức để thấy, chẳng dùng thức thứ sáu là Ý Thức để thấy, mà dùng gì để thấy? Dùng tánh Thấy để thấy. Đối với Nhĩ Thức, dùng dùng Nhĩ Thức để nghe, mà dùng tánh Nghe để nghe. Nếu quý vị có thể dùng theo cách như vậy, quý vị sẽ chẳng khác gì Thất Địa và Bát Địa Bồ Tát. Phương pháp này được bậc Địa Thượng Bồ Tát sử dụng, chẳng đơn giản! Lời Giao Quang đại sư xét theo lý luận không sai, nhưng trên thực tế, có mấy ai làm được? [Giảng giải] kinh Lăng Nghiêm xưa nay có hai phái:

1) Cổ phái là tuân theo tư tưởng của Thiên Thai đại sư, tức là tuân theo Trí Giả đại sư dùng Thức, vẫn nghiêm nhiên dùng thức thứ sáu tức Ý Thức và thức thứ bảy để tu hành, tu Tam Chỉ Tam Quán.

2) Tân phái chủ trương “*xả Thức, dùng Căn*”, đương nhiên là hay, giống như Lục Tổ, nhưng bậc Thượng Thượng Thừa mới có thể làm được. Từ Đại Thừa trở xuống đều làm chẳng được! Vì thế, những người học kinh Lăng Nghiêm, có rất nhiều người thích bản chú giải kinh Lăng Nghiêm thời cổ vì nó hợp lý.

Chúng ta hãy bàn luận thế nào là “*tâm ý thức*”. Theo định nghĩa trong Duy Thức, Thức là phân biệt, “*liễu biệt*” (hiểu rõ, phân biệt rạch

ròi) được gọi là Thức, đặc biệt chỉ thức thứ sáu, tức Ý Thức, nay chúng ta cũng gọi nó là “tâm”. Ý thức, tức thức thứ sáu, khéo phân biệt, đầy vọng tưởng, nghĩ đến quá khứ, hiện tại, vị lai, đều là do thức thứ sáu (ý thức). Thức thứ bảy là chấp trước, “trù lượng danh ý” (tính toán, so lường danh và ý) chính là thức thứ bảy. Thức thứ bảy rất cố chấp, thức thứ sáu rất thường suy tưởng, khởi vọng tưởng rất nhiều, nhưng không chấp trước. Thức thứ bảy chấp trước thật lợi hại, chấp trước điều gì? Chấp trước Ngã. Thức thứ sáu không chấp trước Ngã, thức thứ bảy chấp trước Ngã. Ngã Chấp và Pháp Chấp đều do thức thứ bảy. Chương ngại lớn nhất đối với tu hành chúng quả là chấp trước; vì thế, thức thứ bảy gọi là Nhiễm Ô Ý. Thức thứ sáu phân biệt, suy nghĩ, chẳng tạo thành ô nhiễm; nhưng thức thứ bảy tạo thành ô nhiễm. Nói “ô nhiễm” tức là cái tâm tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi là thức thứ bảy, trong thức thứ sáu không có điều này. Thức thứ bảy là tự tư tự lợi, cho nên biến thành ô nhiễm, ô nhiễm Chân Như bốn tánh. Vì thế, nó được gọi là Nhiễm Ô Ý, là thứ chẳng thanh tịnh. Hễ chuyển được thức thứ bảy, tâm sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Chuyển không được thức thứ bảy, tâm quý vị chẳng bình đẳng, chẳng thanh tịnh. Đủ thấy người tu hành phải chuyển thức thứ bảy, mấu chốt trọng yếu nhất trong công phu tu hành là làm thế nào để chuyển biến thức thứ bảy.

Thức thứ tám giống như một cái kho, tất cả chủng tử thiện hay ác đều chứa trong đó. Vì thế, thức thứ tám gọi là Tạng Thức, Tạng (藏) là kho lẫm. Chúng ta thấy sắc nghe tiếng đều lưu lại ấn tượng, ấn tượng đương nhiên phải có chỗ để cất giữ. Nếu chẳng có chỗ để cất giữ, sẽ chẳng có ấn tượng. Trong Duy Thức, ấn tượng được gọi là “chủng tử” (bīja, hạt giống). Chủng tử ấy được cất giữ trong A Lại Da Thức, tức thức thứ tám. Ngày hôm qua tôi gặp anh, hôm nay gặp mặt, tôi vẫn nhận biết anh. Vì sao nhận biết? Vừa gặp mặt thì A Lại Da Thức giống như máy computer, đem dữ kiện [trong database] ra đối chiếu, đúng rồi, cái người tôi gặp hôm qua giống hệt anh, như vậy là cùng một người. Tốc độ [đối chiếu ấn tượng] rất nhanh, cho nên vừa thấy liền nhận biết. Vì sao? Giữ lại ấn tượng của ngày hôm qua, tập tin (file) ngày hôm qua đã nhập vào máy, hôm nay vừa gặp mặt lập tức hiện hành, ngay lập tức đối chiếu, không sai! Toàn bộ tập tin về anh đều có. Do vậy, A Lại Da Thức là một cái kho lớn, tốc độ [xuất nhập dữ liệu] hết sức nhanh, ấn tượng thiện hay ác đều giữ trong đó, ấn tượng đời đời kiếp kiếp cũng đều giữ trong đó.

“*Ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt*” (lià hết thầy tâm ý thức phân biệt) là nói lià khỏi thức thứ sáu, lià khỏi thức thứ sáu là gì? Là Diệu Quán Sát. Diệu Quán Sát Trí vốn có, thức thứ sáu tức Ý Thức vốn không, do mê nên mới có. Ngộ rồi sẽ chẳng còn nữa. Hễ ngộ, thức thứ sáu tức Ý Thức chuyển biến thành Diệu Quán Sát Trí (Pratyaveksanā-jñāna). Nói thật ra, chuyện này chỉ là thay đổi danh tự, chẳng có thay đổi gì hết! Hễ mê thì gọi là thức thứ sáu hay Ý Thức, lúc ngộ bèn gọi là Diệu Quán Sát Trí. Cùng một sự việc, chẳng phải là hai! Thức thứ bảy cũng giống như thế, hễ mê bèn gọi là Mạt Na Thức, hay thức thứ bảy; ngộ rồi thì gọi là Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna). A Lại Da Thức cũng giống như thế, mê thì gọi là A Lại Da, ngộ rồi bèn gọi là Chân Như bản tánh hay Đại Viên Kính Trí (Ādarsa-jñāna), mê hay ngộ mà thôi! Nơi Phật và Bồ Tát, không gọi những thứ đó là tám thức mà gọi là Tứ Trí Bồ Đề. Bồ Đề là giác, Tứ Trí đều giác. Nơi phàm phu chẳng gọi là Tứ Trí Bồ Đề mà gọi là Bát Thức. Bát Thức là danh xưng khi mê hoặc, điên đảo, Tứ Trí là danh xưng sau khi đại triệt đại ngộ, chuyện là như vậy đó.

Lià hết thầy tâm ý thức phân biệt, khi ấy, thức thứ sáu, thức bảy, thức tám tuy có thô hay tế khác nhau, mỗi thức đều có các thức phân biệt, đạt đến Bát Địa Bồ Tát thì mới hết sạch. Vì thế, khi ấy, Đại Viên Kính Trí của Bát Địa Bồ Tát hiện tiền, chuyển [thức thành trí] nơi quả địa. Trước khi đạt đến Thất Địa, người ấy có Diệu Quán Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng Đại Viên Kính Trí vẫn chưa có, tuy đã chuyển, nhưng công phu chưa đến mức. Ất phải đến khi công phu đã đạt mức, chứng quả, thức thứ tám mới thật sự chuyển thành Đại Viên Kính Trí, thật sự ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Trong chú giải của kinh Di Đà, toàn là giảng về Duy Thức học và đạo lý Duy Thức. Hơn nữa, tinh hoa của Pháp Tướng Duy Thức Tông là dạy quý vị hãy chuyển Thức thành Trí.

Cách tu của Pháp Tướng Duy Thức Tông có “ngũ chủng Duy Thức Quán”²⁸ rất rắc rối; nay pháp môn Tịnh Độ cũng tu điều này, cũng là chuyển Thức thành Trí, nhưng phương pháp đơn giản và mầu nhiệm

²⁸ Theo Nhiếp Đại Thừa Luận và Thành Duy Thức Luận, Ngũ Chủng Duy Thức Quán là:

1. Khiển hư tồn thật quán (phép quán nhằm bỏ hư vọng, giữ lấy chân thật).
2. Xả lạm lưu thuần quán (phép quán nhằm bỏ những gì tràn lan, giữ lấy pháp thuần khiết).
3. Nhiếp mạt quy bản quán (phép quán nhằm gom ngọn về gốc).
4. Ẩn liệt hiển thắng quán (phép quán nhằm giấu điều kém, phô bày điều thù thắng).
5. Khiển tướng chứng tánh quán (phép quán nhằm bỏ tướng, chứng tánh).

hơn! Quý vị thấy một câu Di Đà tuyệt diệu hơn rất nhiều! Cũng có thể tu đạt đến cảnh giới ấy, không chỉ cũng có thể [đạt cùng một cảnh giới], mà so với Duy Thức, [trì danh trong Tịnh Tông] còn nhanh chóng hơn tu năm thứ Duy Thức Quán. Người ta tu năm thứ Duy Thức Quán, nói thật ra, chưa chắc đã tu thành trong một đời. Năm [phương pháp Quán theo] thứ tự ấy thật sự chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự tu hành pháp môn Niệm Phật này đúng lý, đúng pháp, chắc chắn sẽ thành công trong một đời này, thật sự có thể chứng đắc. Do vậy, pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, được hết thảy chư Phật tán thán, rất có lý vậy! Bát Địa Bồ Tát mới tính là thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chẳng những ngay cả phiền não chẳng còn, mà tập khí cũng đều dẹp trừ. Cảnh giới này “*thánh tha nan chi*” (đôi với bậc thánh còn khó), Sơ Địa là thánh nhân (Tam Hiền, Thập Thánh), thánh nhân còn khó thông đạt, “*huống phạm bói hồ*” (huống gì lữ phạm phu), hàng phạm phu chẳng dễ gì đạt đến cảnh giới này!

(Sớ) Di viễn giả, yếm sanh vi hoạn, cực lực diệt sanh dĩ quy u vô, nhi diệt phi chân diệt, chỉ ích cù lao, chung thành luân chuyển, như ngư hoại xa, cổ hữu minh dụ.

(疏) 彌遠者，厭生為患，亟欲滅生以歸於無，而滅非真滅，祇益劬勞，終成輪轉，如牛壞車，古有明喻。

(Sớ: “Càng xa”: Chán ngán sanh mạng là nỗi lo sầu, cực lực muốn diệt sanh mạng để trở về Không, nhưng diệt chẳng phải là thật sự diệt, chỉ càng thêm nhọc nhằn, rốt cuộc trở thành luân chuyển, như bò phá xe, cổ nhân đã có tỷ dụ rành rành).

Chẳng biết tu thì càng cầu càng xa, mong được kết quả, đâm ra càng thêm rối beng, đây là vì tu hành chẳng đúng pháp! Có một hạng người cảm thấy cái thân này là mối lo sầu lớn nhất, liền nghĩ không cần tới nó nữa! Chư thiên trên Tứ Không Thiên nghĩ như vậy, có rất nhiều vị A La Hán đã thành tựu cũng nghĩ như vậy, nên gọi là “*hôi thân diệt trí*” (thân như tro bụi, trí tịch diệt), chẳng cần đến thân nữa, “*dĩ quy u vô*” (để trở về với Không), làm như vậy có phải thật sự là trở về với Không hay chẳng? Không hề!

“*Nhi diệt phi chân diệt*” (nhưng diệt chẳng phải là thật sự diệt): Người ấy chẳng thật sự diệt; trong Phật pháp nói sự diệt của người ấy là

Đoạn Diệt. Phật pháp nói đến “diệt” thì phải là Tịch Diệt, Tịch Diệt chẳng phải là Đoạn Diệt. Cảnh giới Tịch Diệt là Sự Sự vô ngại, còn Đoạn Diệt là chuyện gì cũng có chướng ngại; bởi lẽ, người ấy cảm thấy cái thân này có chướng ngại cho nên mới diệt trừ nó. Nếu thân không có chướng ngại, quý vị cần gì phải diệt nó? Đủ thấy đúng là công phu chưa đến mức! Người ấy thấy điều gì cũng đều có chướng ngại, [luôn cảm thấy] cần phải đoạn trừ chướng ngại, chẳng biết trong Phật pháp Đại Thừa chân chánh thì thứ gì cũng đều chẳng có chướng ngại. Đối với ý nghĩa này, quý vị đã nghe suốt mấy hôm trong khóa giảng, nói chung cũng phải hiểu được mấy phần. Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, hiển thị thứ gì cũng đều chẳng chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thành tựu trí huệ viên mãn của chính mình. Thiện Tài đồng tử chẳng cần diệt trừ thân thể, chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy, [làm chuyện ấy] vô ích!

Diệt là mục tiêu tu học tối cao trong Phật pháp, Diệt là diệt phiền não, diệt vô minh, diệt sanh tử, diệt những thứ đó, chứ không phải là diệt thân! Quý vị quán sát cận kề cái thân này: Trong thân chẳng có phiền não, cũng chẳng có sanh tử, cũng chẳng có vô minh. Nếu quý vị không tin, hãy tìm trong thân thể, hiện thời khoa học phát triển, quý vị phân tích, mỗi một tế bào trong thân thể của chúng ta có thể tách thành nguyên tử, điện tử; quý vị hãy quan sát, trong nguyên tử, điện tử nào có phiền não, có vô minh? Quý vị có thể tìm thấy hay chẳng? Tìm chẳng ra! Trong lap tử cơ bản nhỏ nhất đã không có vô minh, mà cũng chẳng có sanh tử, chẳng có phiền não! Cái thân này bất quá do vật chất cơ bản tích tụ mà thành, quả thật chẳng có! Đã chẳng có thì không bị chướng ngại!

Ví như thuở Đạt Ma Tổ Sư của Thiên Tông đến Trung Quốc, tìm chẳng được đồ đệ nào, không ai học theo Ngài, bèn trụ tại chùa Thiếu Lâm chín năm, ngồi nhìn vách chín năm. Sau này, gặp được Huệ Khả, Huệ Khả hướng về Ngài thỉnh giáo. Thỉnh giáo điều gì? Tâm Huệ Khả chẳng an, cho nên đến tìm Đạt Ma Tổ Sư, cầu Đạt Ma Tổ Sư an tâm cho. Chuyện cầu pháp ấy chẳng dễ dàng, chặt tay cầu pháp. Là vì Ngài gặp mặt Đạt Ma Tổ Sư, Đạt Ma Tổ Sư chẳng đoái hoài. Đến cuối cùng, không còn cách nào, bèn chặt một cánh tay, cầm cánh tay cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma Tổ Sư thấy Ngài làm như vậy, đúng là kiên thành, hỏi: “Ông cần gì phải làm thế? Rốt cuộc ông đến kiếm tôi để làm gì?” Ngài mới thưa: “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tổ Sư xòe tay: “Ông đem cái tâm lại đây, ta sẽ an nó cho ông”. Ngài nghĩ cả nửa ngày rồi nói: “Con tìm tâm chẳng thể được! Con tìm tâm

không ra”. Tâm rốt cuộc ở nơi đâu? Trong não chẳng có tâm, quả tim cũng chẳng phải là tâm, tim thể nào cũng chẳng được, giống như tôn giả A Nan, tim bên trong chẳng được, tim bên ngoài chẳng được, ở chính giữa tim chẳng được, đến nơi đâu cũng chẳng tìm được, Ngài mới thưa với Tổ Sư: “*Ngã mịch tâm liễu bất khả đắc*” (Con tìm tâm trọn chẳng thể được!) Tìm tâm không ra! Đạt Ma Tổ Sư nói: “*Ngã dữ như an tâm cảnh!*” [tức là] ta đã làm cho cái tâm ông được an rồi đó! Ngài bèn hoảng nhiên đại ngộ. “Ông nói tâm ông không an, nhưng về căn bản tìm chẳng được cái tâm, ông còn muốn an nó để làm gì?” Ngài bèn lập tức đạt được thanh tịnh.

Quý vị nói quý vị có phiền não, phiền não nhiều khôn xiết, nếu tôi duỗi tay: “Quý vị đưa phiền não cho tôi, sẽ chẳng còn phiền não nữa”. Quý vị tìm xem, phiền não ở chỗ nào? Tìm không ra! Về căn bản là không có! Đây là tự sanh phiền não, về căn bản, quý vị chẳng có phiền não. Quý vị không tin cứ đi tìm, phiền não ở trong đâu, hay ở trên tay, ở dưới chân? Tìm không được! Nếu quý vị hoảng nhiên đại ngộ, phiền não vốn là vọng tưởng của ta, chẳng có vọng tưởng sẽ chẳng có phiền não, phiền não lập tức bị tiêu trừ. Sự thật xác thực là như vậy!

Bởi thế, Phật pháp cầu Tịch Diệt, chẳng cầu Đoạn Diệt. Nhất định phải hiểu rõ ràng điều này! Đoạn Diệt chẳng phải là Chân Diệt, Tịch Diệt là Chân Diệt. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Sanh diệt ký diệt, Tịch Diệt hiện tiền*” (Sự sanh diệt đã diệt mất thì Tịch Diệt hiện tiền), đó là cảnh giới của Như Lai, là Tịch Diệt Nhẫn, còn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn một bậc; đây là cảnh giới của Thập Địa Bồ Tát trở lên. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thập Địa, Đẳng Giác, Như Lai quả địa là Tịch Diệt Nhẫn. Do Đoạn Diệt chẳng phải là Chân Diệt, nên nếu tu Đoạn Diệt thì Phật pháp thường bảo đó là khổ hạnh vô ích, rất khổ, chẳng có ích gì! Đây chẳng phải là thật sự tu hành chánh pháp đúng như pháp, mà là khổ hạnh vô ích. “*Chỉ ích cù lao*” (chỉ càng thêm nhọc nhằn), tăng thêm phiền toái, tăng thêm mệt nhọc, tu kiểu này chẳng có ích gì cả!

“*Chung thành luân chuyển, như ngưu hoại xa, cổ hữu minh dụ*” (Rốt cuộc biến thành luân chuyển, như bò phá xe, cổ nhân đã có tỷ dụ rành rành). Đây là nêu tỷ dụ để nói. “*Chung thành luân chuyển*” (rốt cuộc biến thành luân chuyển): Chẳng hạn như ta thường nói tu Vô Tướng Định là dùng cách tu Đoạn Diệt để đoạn trừ hết thấy vọng tưởng, tu thành quả báo là Vô Tướng Thiên trong Đệ Tứ Thiên, thọ mạng năm trăm kiếp, thời gian ấy khá dài, nhưng năm trăm kiếp cũng phải qua đi,

công phu định lực mất đi; sau khi mất đi, người ấy vẫn phải đọa lạc. Vì thế, rốt cục biến thành luân chuyển, người ấy vẫn phải luân hồi! Khổ hạnh tu Vô Tướng Định thành tựu, chẳng dễ dàng! Sự khổ hạnh ấy chẳng thể đạt đến kết quả rốt ráo, vô giá trị! “*Như ngưu hoại xa*” (như bò phá xe), đây là tỷ dụ, bò kéo xe rất mệt mỏi, rất khổ sở, lòng nó nghĩ như thế nào? Ta phá tan cái xe này, sẽ chẳng phải kéo nữa! Đó là cách suy nghĩ rất ngốc nghếch. Quý vị đều biết, bò phá tan cái xe thì chủ nhân lại đóng cái xe mới, lại chế cái xe to hơn, bò vẫn phải kéo! [Phá xe] chẳng phải là biện pháp [thoát khổ].

“*Cổ hữu minh dụ*” (cổ nhân có tỷ dụ rành rành): Tỷ dụ rất rõ rệt, tỷ dụ ấy chính là con người chán ngán cái thân khổ sở, nghĩ muốn nhanh chóng diệt trừ cái thân này, chẳng biết sau khi diệt thân, lại phải thọ thân. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết: Trong thế gian này, có rất nhiều kẻ cảm thấy cuộc đời đau khổ quá, sống không được bèn tự sát. Tự sát là ta chẳng cần đến cái thân này nữa, cứ ngỡ chết rồi thì chuyện gì cũng xong xuôi! Đâu có chuyện tiện nghi như vậy? Chết rồi chưa đầy bốn mươi chín ngày lại đầu thai, lại tái sanh, khổ sở đáng phải chịu như thế nào thì vẫn khổ sở như thế ấy, không có cách nào thoát ly. Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự lý này, nhất định đừng đi tìm cái chết! Có chết cũng không xong, phiền phức lớn lắm!

Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, nói thật ra là đừng chết thì quý vị sẽ thành công, hễ chết bèn bị luân hồi. Vì sao nói là chẳng chết? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong lúc còn sống, không phải là chết rồi mới đi. Trong trạng thái hết sức bình thường, hết sức tinh táo, quý vị thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, theo Ngài ra đi. Đây đâu phải là chết, ra đi trong khi còn sống đây chứ! Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Nói chết rồi mới có thể vãng sanh thì trong Mật Tông có cách cứu độ Trung Âm, họ nói rất hay, có thể độ thân Trung Âm của người đã chết về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong Mật Tông có cách nói như thế. Thưa quý vị, kiểu nói này có rất nhiều vấn đề! Có thể độ thân Trung Âm của người đã chết về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì khi còn sống chúng ta chẳng cần tu hành, tu hành để làm gì? Chết rồi, thỉnh mấy vị lạt-ma đến siêu độ vãng sanh Tây Phương! Quý vị tra duyệt khắp các kinh điển Tịnh Độ xem có đạo lý ấy hay chẳng? Chẳng thể nào!

Quý vị xem Lương Hoàng sám, phi tử của Lương Vũ Đế chết rồi, thỉnh ngài Bảo Chí Công đến siêu độ, ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát là hậu bổ Phật của A Di Đà

Phật bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài cũng chẳng thể độ phi tử của Lương Vũ Đế về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ có thể độ cho bà ta sanh lên trời Đạo Lợi. Nhìn từ trường hợp này, chúng ta thật sự hiểu rõ: Cái gọi là siêu độ Trung Âm, đích xác là có thể siêu độ, nhưng chỉ có thể siêu độ lên Đạo Lợi Thiên! Nếu nói là siêu độ cao hơn cõi trời Đạo Lợi, siêu độ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn chẳng có lẽ ấy! Nếu quý vị nghe lời họ nói, sẽ bị mắc lừa thật to! Xét về lý, nói chẳng suông, chẳng tìm thấy căn cứ [của việc siêu độ Trung Âm Thân về Tịnh Độ] trong kinh điển, không có cách nói ấy!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong mấy hôm nay chúng ta cũng bàn không ít những nguyên tắc trọng yếu. Thứ nhất là quý vị phải phát Bồ Đề tâm, Trung Âm Thân có thể phát Bồ Đề tâm hay không? Điều thứ hai, quý vị phải đầy đủ ba món tư lương, Trung Âm Thân có thể đầy đủ hay chẳng? Nhiều vấn đề quá! Quá u là nhiều! Trung Âm so với khi chúng ta mang thân người còn mê hoặc nhiều hơn; khi quý vị còn sống, đầu óc tỉnh táo mà còn chưa thể phát Bồ Đề tâm, chưa thể đầy đủ ba món tư lương, thì khi mê hoặc, điên đảo quý vị có thể làm được hay chẳng? Trung Âm Thân còn tệ hơn mộng cảnh, còn mê hoặc hơn nữa; nếu chẳng mê hoặc thì cứ sao người ấy lại đi vào tam ác đạo? Vì thế, vào trong ba ác đạo là hồ đồ đi vào. Người mê hoặc điên đảo làm sao có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cho được? Làm sao A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy được? Chắc chắn là chẳng thể nào! Nếu là có thể, chắc chắn là trong thuở ấy, ngài Bảo Chí Công đã độ phi tử của Lương Vũ Đế về Tây Phương Cực Lạc thế giới! Nếu là như vậy thì chúng ta mới tin tưởng vẫn có thể siêu độ Trung Âm Thân vãng sanh Tây Phương, chúng ta sẽ tin tưởng.

Từ xưa đến nay, phàm là siêu độ người sau khi đã chết, kinh Địa Tạng cũng nói như thế, chỉ có thể siêu độ lên Đạo Lợi Thiên là cao nhất, vì sao? Đó là phước báo. Kinh Địa Tạng dạy: Người nhà quyến thuộc tu phước cho vong nhân thì người đã khuất chỉ có thể hưởng một phần bảy [phước ấy], người tu phước tự được sáu phần bảy. Trong kinh [Địa Tạng], đã có kinh văn nói rõ ràng, rành rành như thế. Vì thế, quý vị phải biết, phải hiểu, phải thật sự giác ngộ! Ngàn vạn phần đừng nhẹ dạ tin theo những lời đồn đại của kẻ khác, chớ nên dễ dãi tin tưởng. Nghe người ta nói kiêu đó, trong lòng chúng ta quyết định chẳng bị lay động!

Nay pháp môn này của chúng ta có căn cứ lý luận chắc chắn, vững vàng, thế mà hiện thời còn có người nói như thế nào? Hủy báng Tịnh Độ hết sức dữ dội, nói kinh Di Đà là giả, nói A Di Đà Phật là thần Thái

Dương, quý vị nói xem còn có cách gì hay không? Rất nhiều năm trước đây, khi tôi dạy học tại Phật Quang Sơn. Ở Phật Quang Sơn có học sinh trong buổi học đã nêu ra câu hỏi, anh ta nói: Có một vị pháp sư cũng đang dạy bọn họ tại đó nói Tây Phương Tịnh Độ là giả, là một cõi nước lý tưởng của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là thật! Còn nói: “A Di Đà Phật là hóa thân của thần mặt trời”. Anh ta hỏi tôi, tôi trả lời: “Rất đáng tiếc, trình độ của tôi quá nông cạn, tuy có coi sơ qua Đại Tạng Kinh một lần, chưa coi kỹ, không biết điều đó xuất phát từ bộ kinh hay bộ luận nào! Các anh nên biết: Tốt nhất là hãy hỏi vị thầy nói câu đó!” Bịa đặt, đồn thổi, hết cách nói!

Sau đây, tôi quay về Đài Bắc, đặc biệt ấn hành lưu thông bộ Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư nhằm tạo bằng chứng danh thép cho kinh Di Đà trong pháp môn Tịnh Độ, chứng minh pháp môn này là thật. Ngài Khuy Cơ là học trò của Huyền Trang đại sư, Huyền Trang sang Ấn Độ ở lại đó suốt mười bảy năm. Dịch thân ngài Huyền Trang cũng dịch kinh Di Đà sang tiếng Hán, bản dịch của Ngài hiện còn lưu trong Đại Tạng Kinh, không được lưu hành riêng. Ngài Khuy Cơ là truyền nhân của Huyền Trang đại sư, là đại đệ tử của ngài Huyền Trang, là người truyền pháp, lại còn là tổ sư khai sơn của Pháp Tướng Duy Thức Tông, Ngài chú giải kinh Di Đà, dùng bản nào? Dùng bản của Cưu Ma La Thập đại sư, dụng ý quá sâu! Con người chúng ta hiện thời luôn dùng tình cảm; từ chỗ này, quý vị có thể thấy đại sư đã ban cho chúng ta một lời giáo huấn rất lớn, “*y pháp, bất y nhân*”.

Nếu nói như chúng ta hiện thời thì Khuy Cơ đại sư là học trò của ngài Huyền Trang, bản dịch của ngài Huyền Trang đã được dịch xong, người khác chẳng lưu thông thì lẽ ra kẻ làm học trò phải dốc hết tánh mạng lưu thông. Viết chú giải kinh Di Đà, lẽ ra phải dùng bản dịch của thầy, có sao lại chọn bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư? Đây chẳng phải là không thông hiểu phép xử sự đúng lẽ tình người hay sao? Nếu là như hiện thời thì chắc chắn sẽ là như thế. Hiện thời thì thầy ta là bậc nhất, người khác đều không bằng! Thế nhưng Khuy Cơ đại sư vẫn y như cũ dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, nói cách khác, hai thầy trò Ngài đều công nhận bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư (hiện thời chúng ta tụng bản dịch này) chắc chắn chẳng sai lệch ý nghĩa so với Phạn bản. Nếu có sai lầm, Huyền Trang đại sư nhất định nói ra vì Ngài đã đọc bản tiếng Phạn. Đây là nhằm chứng minh cho chúng ta, tạo bằng chứng danh thép: Bản dịch kinh này [của ngài La Thập] dịch khá lắm. Khuy Cơ đại sư soạn chú giải, chọn lấy bản của La Thập đại sư để chú giải,

trợn chẳng phải là nghịch thầy, phản đạo! Huyền Trang đại sư thấy ngài Khuy Cơ làm như vậy, chẳng dùng bản dịch của thầy để chú phải, mà lại dùng bản dịch của người xưa, Ngài cũng chẳng nghĩ học trò phản thầy. Đủ thấy cô nhân đối với Phật pháp quả thật đã theo đúng Tứ Y Pháp, “*y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ*”.

Bản dịch của La Thập đại sư đã dịch hay như thế, đã được lưu thông, người ta có thể bỏ mình vì người, đương nhiên bản dịch của chính mình cũng chẳng kém bản dịch của Cựu Ma La Thập đại sư, nhưng bản dịch của ngài La Thập đã được lưu thông phổ biến, có thể thâm bản dịch của chính mình lại, hoàng dương bản của cô đức, tâm lượng ấy rất phi phạm, thật sự đã thể hiện “*đại công vô tư*”, vì Phật pháp, vì chúng sanh, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình. Vì thế, cuốn Thông Tán Sớ là một chứng cứ đánh thép cho kinh luận Tịnh Độ và pháp môn tu hành Tịnh Độ. Kinh Di Đà chắc chắn là chân thật, chẳng giả, vì đã được Huyền Trang và Khuy Cơ chứng minh. Do điều này, bất luận là ai, nếu nói kinh này là giả thì gã đó là ma, đều là bịa đặt, rêu rao, đều muốn diệt pháp, chúng ta nhất quyết chớ bị những gã đó lường gạt. Chúng ta quả thật có chứng cứ đánh thép, chứng minh kinh này là chân thật, chẳng hư vọng.

(Sớ) Kim chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, sanh bỉ quốc dĩ, hoa khai kiến Phật, thức tự bản tâm, bản tự bất sanh, sanh diệt hà ngại? Sở vị: Xí nhiên cầu sanh, nhi bất quai vô Vô Sanh chi lý, chung nhật sanh nhi vị thường sanh giả, nãi sở dĩ vi chân Vô Sanh dã.

(疏) 今專念佛，發願往生，生彼國已，華開見佛，識自本心，本自不生，生亦何礙。所謂熾然求生，而不乖於無生之理，終日生而未嘗生者，乃所以為真無生也。

(Sớ: Nay chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, sanh về cõi ấy xong, hoa nở thấy Phật, nhận biết bản tâm vốn tự bất sanh, có sanh cũng chẳng ngại gì? Đó gọi là nào nức cầu sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh, suốt ngày sanh mà chưa hề sanh. Đây mới chính là Vô Sanh thật sự vậy).

Đây là nói với chúng ta là những người tu học pháp môn này; nay chúng ta chuyên niệm Phật hiệu, hoàn toàn nhờ vào bốn chữ ấy để vượt

thoát lục đạo luân hồi trong tam giới, hoàn toàn dựa vào bốn chữ ấy để chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đáng quý là “*phát nguyện vãng sanh*”, đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói “*phát nguyện vãng sanh là phát Vô Thượng Bồ Đề Tâm*”. Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*hoa khai kiến Phật*”, đây là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Hễ sanh về Tây Phương, hoa sen liền nở, thấy Phật. Từ Trung Phẩm trở xuống, thời gian [hoa sen nở] dài hay ngắn khác nhau. Nếu quý vị hỏi: “Sanh về đó, phải mất bao lâu hoa sen mới nở, thấy Phật?” Mỗi cá nhân có tình hình khác nhau, mấu chốt là do chính mình siêng năng hay lười nhác. Nếu quý vị tinh tấn chẳng lười, hoa nở thấy Phật rất nhanh chóng; nếu quý vị giải đãi, biếng nhác, thời gian sẽ kéo dài. Vì thế, thời gian sớm hay trễ phải hỏi chính mình, chẳng cần hỏi ai khác!

Đến khi hoa nở thấy Phật bèn ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Nói thông thường thì khi nào hoa nở thấy Phật? Sơ Địa là hoa nở thấy Phật, khi ấy, tuy đã ngộ Vô Sanh, nhưng chỉ là tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn mà thôi, vẫn phải tu đến Đệ Bát Địa mới thật sự chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Thế nhưng Sơ Địa Bồ Tát đã thấu lộ tin tức Vô Sanh Pháp Nhãn rồi, đã biết tin tức rồi! Vì thế, nói “*thức tự bốn tâm, bốn tự bất sanh*” (tự biết bốn tâm vốn tự bất sanh). Đã vốn tự bất sanh, lẽ nào có diệt? Hết thấy các pháp đều bất sanh, bất diệt, đây là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đến khi ấy, “*sanh diệc hà ngại*” (có sanh cũng chẳng trở ngại gì), Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đây là cảnh giới Nhất Chân pháp giới của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là Nhất Chân pháp giới trong thế giới Hoa Tạng, tức là [nhờ vào] một câu A Di Đà Phật, hễ vãng sanh liền có thể đạt được [Nhất Chân pháp giới], công đức chẳng thể nghĩ bàn!

“*Sở vị xí nhiên cầu sanh, nhi bất quai u Vô Sanh chi lý*” (Đó gọi là nao nức cầu sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh). Hăm hở cầu vãng sanh là tình hình của chúng ta trong hiện thời. Trong hiện tại, chúng ta có tâm trạng hết sức nóng bỏng muốn được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là “*xí nhiên cầu sanh*”. [Mong cầu ấy] có trái nghịch lý Vô Sanh Pháp Nhãn hay không? Chẳng trái nghịch tí ti nào! Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, đại sư vì sao phải nói với chúng ta như vậy? Vì sợ các tông, các giáo khác dụ dỗ, mê hoặc quý vị: “Ở bên đó, quý vị chẳng thể ngộ Vô Sanh, sanh về đó là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư”. Sợ quý vị nghe

những lời lẽ ấy sẽ dao động, chẳng niệm Phật nữa, mà đi học các pháp môn khác, thật sự lỗ làng đại sự của chính mình. Sau khi hiểu rõ đạo lý này, đối với học thuyết của các tông phái khác, quý vị nghe xong chắc chắn chẳng dao động, quyết định niệm một câu Di Đà đến tột cùng, chắc chắn quý vị sẽ thành công. Đó là “*câu sanh bất quai u Vô Sanh chi lý*” (câu vãng sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh). Trong Chúng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia đã viết: “*Thùy vô niệm, thùy vô sanh, nhược thật vô sanh vô bất sanh. Hoán thủ cơ quan mịch nhân vấn, câu Phật thi công tảo vãn thành*” (Ai vô niệm? Ai vô sanh? Thật sự vô sanh, vô bất sanh, thay đổi cơ quan hỏi người gõ, câu Phật thi công sớm muộn thành). Đó là nói đến đạo lý này, là phương pháp trong Thiên Tông. Chúng ta dùng phương pháp niệm một câu A Di Đà Phật chắc chắn sẽ chứng đắc. Dùng phương

pháp của nhà Thiên đề đạt đến quả thật khá khó khăn! Dùng phương pháp Niệm Phật ai nấy đều có thể thành tựu.

“*Chung nhật sanh nhi vị thường sanh giả, nãi sở dĩ vi chân Vô Sanh dã*” (suốt ngày sanh mà chưa hề sanh chính là chân Vô Sanh vậy). “*Chung nhật sanh*” là chúng ta niệm niệm đều mong cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, trọn chẳng biết cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chính là thật sự chứng đắc Vô Sanh. Nói như vậy quá viên mãn, quá thấu triệt. Bộ sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận chuyên môn thảo luận vấn đề này, “*sanh*” là chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, “*vô sanh*” là chúng ta đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Bộ luận này được đưa vào tác phẩm Tịnh Độ Thập Yếu, chuyên môn thảo luận lý luận vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, là một tác phẩm vô cùng hay. Nay đã hết thời gian rồi, tôi giảng đến chỗ này.

Tập 67

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang chín mươi ba:

(Huyền Nghĩa) Thập, phục minh kính lộ tu hành kính trung chi kính giả, thử hữu nhị nghĩa: Nhất giả, dư môn học đạo, vạn lý điều dao. Niệm Phật vãng sanh, cổ xưng kính lộ, nhi niệm Phật nhất pháp phục hữu đa môn. Kim thử Trì Danh thị vi kính lộ chi trung, kính nhi hữu kính. Hạc xung, bằng cử, ký sậu, long phi, bất tật, bất hành, nhi tốc nhi chí, kính trung kính hỹ.

(玄義) 十、復明徑路修行徑中之徑者，此有二義：一者，餘門學道，萬理迢遙，念佛往生，古稱徑路。而念佛一法，復有多門，今此持名，是為徑路之中，徑而又徑，鶴沖鵬舉，驥驟龍飛，不疾不行，而速而至，徑中徑矣

。

(Huyền Nghĩa: Mười là lại nói rõ [pháp môn này là] đường tắt nhất trong các đường tắt tu hành, ở đây có hai nghĩa. Một là học đạo trong các môn khác [như đi đường] xa xôi vạn dặm. Niệm Phật vãng sanh được cổ nhân gọi là “đường tắt”, nhưng trong pháp Niệm Phật lại

có nhiều môn. Nay môn Trì Danh là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các con đường tắt. Hạc tung mình, đại bàng cắt cánh, ngựa Kỳ phi, rồng bay, không nhanh mà lẹ, không đi mà tới, là đường tắt nhất trong các con đường tắt vậy).

Đây là đoạn thứ mười trong phần nhân duyên. Đoạn này đã nói rất rõ ràng: Mục đích tu hành không gì chẳng nhằm mong liễu sanh tử, thoát tam giới. Pháp môn tuy rất nhiều, nhưng thật sự có thể đạt đến mục tiêu ấy, chắc chắn chẳng phải là chuyện dễ! Mỗi một đồng tu chúng ta phải hiểu rõ điều này. Bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, hoặc bất cứ một tông phái, pháp môn nào, đều phải dồn sức đoạn phiền não; đừng nói “phiền não chẳng đoạn vẫn có thể vượt thoát luân hồi lục đạo”, nói như vậy chắc chắn chẳng hợp lý! Tập khí phiền não từ vô thi kiếp đến nay có thể nói là quá sâu, quá nặng, kinh điển nói “*đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Đạo trong tam giới*” là địa vị Kiến Đạo trong Tiểu Thừa. Sau khi kiến đạo rồi mới có thể nói đến chuyện tu đạo. Chưa thấy đạo thì thử hỏi quý vị tu theo cách nào đây? Quý vị muốn tu đạo, trước hết phải kiến đạo. Kẻ tầm thường chẳng thể làm nổi chuyện này. Nếu chưa thấy đạo mà tu, bất luận quý vị tu theo cách nào, nhiều nhất là hưởng phước báo trời người mà thôi! Đó chẳng phải là pháp rốt ráo. Trong Phật pháp, địa vị Kiến Đạo trong Đại Thừa là minh tâm kiến tánh. Không chỉ phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não, mà còn phải phá một phần vô minh, đó là địa vị Kiến Đạo trong Đại Thừa. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát có năm mươi một tầng cấp, tầng cấp thấp nhất là Sơ Tín. Phẩm số phiền não do Sơ Tín đoạn được bằng với Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Thân phận hiện thời của chúng ta là gì? Chưa nhập lưu²⁹, khởi cần bàn tới địa vị Sơ Tín. Cổ đức thường bảo: “*Nếu không có pháp môn Niệm Phật vãng sanh này, mười phương chư Phật chẳng có cách nào phổ độ chúng sanh*”. Nói cách khác, chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng thể nào thoát khỏi tam giới!

Tịnh Độ Tông đương nhiên cũng phải kiến đạo, chẳng kiến đạo thì làm sao tu đạo được? Nhưng tiêu chuẩn [kiến đạo] của Tịnh Độ Tông khác với những tiêu chuẩn thường được nói trong Giáo Hạ, tiêu chuẩn của Tịnh Tông là đối với pháp môn [Niệm Phật] này phải thật sự tin tưởng, phát nguyện thiết tha, chẳng đoạn một phẩm phiền não nào cũng

²⁹ “Nhập lưu” tức là bước vào dòng thánh, để được gọi là “nhập lưu” thì tối thiểu phải chứng Sơ Quả của Tiểu Thừa.

chẳng sao. Nếu quý vị tin tưởng thiết tha, thật sự tin tưởng, thật sự chịu phát nguyện, thì đó là địa vị Kiến Đạo trong pháp môn này. Chắc là quý vị nghe xong, trong tâm cảm thấy rất dễ chịu: “Nói chung, ta đã kiến đạo rồi”. Có thể nói như vậy, nhưng sau khi kiến đạo, vẫn phải tu đạo. Nếu quý vị không tu đạo, vẫn chưa thể vãng sanh, lại bỏ uổng đời này, vẫn chẳng tránh khỏi nỗi khổ sanh tử luân hồi.

Cách tu như thế nào? Ở đây, [đại sư] bảo chúng ta, đây là “*kính lộ tu hành kính trung chi kính*” (con đường tắt hơn con đường tắt nhất trong những cách tu hành theo đường tắt), đây là đề mục của khoa này. Trong vô lượng pháp môn trong giáo pháp suốt một đời đức Phật, Đại Thừa là đường tắt. So sánh giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa, Đại Thừa nhanh chóng, Tiểu Thừa chậm chạp. Kinh Tiểu Thừa nói: Sau khi chúng đắc quả Tu Đà Hoàn (Sơ Quả Kiến Đạo vị), phải bảy lần qua lại trong cõi trời hay trong nhân gian mới có thể chứng đắc A La Hán, chẳng thể chứng trong một đời. Trong Đại Thừa, muốn chúng địa vị A La Hán, hoặc cao hơn nữa là địa vị minh tâm kiến tánh, sẽ có thể hoàn thành trong một đời. So sánh giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Đại Thừa là đường tắt. “*Kính*” (徑) là con đường nhỏ, tức là lối tắt. Trong các con đường tắt, lại có con đường tắt hơn, còn có con đường tắt nào vậy? Thiền. Trong các pháp Đại Thừa, so sánh Thiền với các pháp môn khác thì Thiền lại là con đường tắt, “*kính trung chi kính*” (đường tắt nhất trong các con đường tắt). So với Thiền, có một pháp môn còn nhanh chóng hơn, còn ôn hòa hơn, còn gần hơn nữa, đó là Niệm Phật! “*Kính lộ tu hành*” (đường tắt trong nẻo tu hành) là Đại Thừa, “*kính trung chi kính*”, chữ Kính thứ nhất chỉ Thiền, chữ Kính cuối từ ngữ này chỉ Tịnh Độ. Do đây có thể biết, niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là con đường tu đạo gần nhất.

Tiếp đó, đại sư giải thích ý nghĩa này. Có hai ý nghĩa. Thứ nhất là nói “*dur môn học đạo*” (học đạo trong các pháp môn khác), những pháp môn, tông phái khác gần như là “*vạn lý điều đao*” (xa xôi vạn dặm), phải đoạn Hoặc từ từ, chứng Chân từ từ, liễu sanh tử dần dần, con đường ấy khá lâu xa. Tuy Thiền là một con đường gần hơn, nhưng Thiền chỉ thích hợp thượng căn, kẻ căn tánh trung hạ chẳng có phần. Quý vị nhất định phải hiểu điều này: Nhận biết chính mình, biết căn tánh của chính mình. Nếu Thiền chẳng thể thành tựu, vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ! Vì thế, trải bao đời, người tham Thiền rất nhiều, người thật sự kiến tánh chẳng được mấy! Lấy ngay Lục Tổ của Thiền Tông để nói, trong lịch sử Thiền Tông, trong hội của Ngài có nhiều người thành tựu nhất,

cũng chẳng qua là bốn mươi ba người mà thôi! Ngài ở Tào Khê ba mươi bảy năm, mấy vạn người theo học Phật với Ngài, nhưng thành tựu chẳng hơn bốn mươi ba người! Đủ thấy môn này rất khó, thật sự là khó! Ngày nay tham Thiền, dấu đặc Thiền Định, chẳng thể liễu sanh tử, quả báo cũng chỉ thuộc Tứ Thiên Thiên mà thôi! Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền đều thuộc Sắc Giới Thiên. Nếu ngay cả Thiền Định cũng chưa đạt được, quả báo của quý vị vẫn chẳng ra khỏi Dục Giới; đây là một vấn đề khá nghiêm trọng. Chúng ta thật sự muốn thành tựu, trừ niệm Phật ra, chẳng có phương pháp thứ hai nào!

“*Niệm Phật vãng sanh, cổ xưng kính lộ*” (cổ nhân gọi niệm Phật vãng sanh là đường tắt), con đường gần nhất! “*Nhi niệm Phật nhất pháp, phục hữu đa môn*” (nhưng pháp Niệm Phật lại có nhiều môn), phân chia đại lược thì gồm bốn loại lớn là Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật. Tiểu Bản Di Đà Kinh đề xướng Trì Danh Niệm Phật. “*Kim thử trì danh, thị vi kính lộ chi trung, kính nhi hựu kính*” (nay pháp trì danh này là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các con đường tắt), không có con đường nào gần bằng con đường này!

Có đồng tu hỏi: Niệm câu Phật hiệu này theo cách nào? Bốn chữ này dịch âm từ tiếng Phạn, niệm A Di Đà Phật, nhưng chúng ta cũng nghe không ít người niệm Ô Mi Đà Phật³⁰, cách nào chính xác? Thưa quý vị, đều chính xác! Chẳng cần phải nghi hoặc, quý vị dùng phương pháp nào đã quen thì chiếu theo thói quen đó mà niệm, nhất là niệm bốn chữ. Tại Trung Quốc, tiếng nói địa phương Nam, Bắc khác nhau, chỉ cần thành tâm thành ý niệm, sẽ có cảm ứng, thành kính sẽ linh. Dấu âm niệm chính xác, nhưng ý không thành kính, sẽ chẳng có cảm ứng! Cổ nhân nói: “*Rách toạc cổ họng cũng uống công!*” Nếu thành tâm thành ý thì niệm A Di Đà Phật cũng được, mà Ô Mi Đà Phật cũng được luôn. Người ấy còn hỏi trong giới luật có quy định “đệ tử Phật chẳng lạy quý thần”, ông ta hỏi có được phép lạy bài vị tổ tiên hay không? Phải lạy chứ! Phật chẳng dạy quý vị không hiếu thuận cha mẹ. Quý vị hãy mở Bồ Tát Giới Bản ra, Bồ Tát Giới được kiến lập trên cơ sở hiếu thuận. Chẳng lạy quý thần là vì quý thần chẳng có liên can gì đến bản thân chúng ta, quý vị chẳng cần lạy họ. Nếu quý vị lạy họ, sẽ là siểm mị, bợ đỡ, còn đối với

³⁰ Đây là cách phát âm chữ A theo giọng một số địa phương tại miền Nam Trung Hoa; có vùng đọc thành Ngò Mi Thò Huột.

cha mẹ, tổ tiên, phải nên lễ bái, phải nên cúng giỗ. Nếu cha mẹ còn sống, nhất định phải hiếu thuận.

Các đồng tu tu tập đã lâu đều biết: Điều thứ nhất trong tu hành là phải dốc sức hiếu thảo với cha mẹ. Địa Tạng Bồ Tát tượng trưng cho lòng đại hiếu, tu hành phải bắt đầu từ chỗ này. Chẳng hiếu thuận cha mẹ, làm sao có thể thành Phật, làm Tổ được? Hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy; đó chính là cung kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Từ bi với hết thảy chúng sanh, đây là cung kính cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn. Dùng tâm từ bi vô điều kiện để giúp đỡ hết thảy chúng sanh chính là thật sự lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, thật sự cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Người niệm Phật cũng kiến lập trên cơ sở này. Huống chi, vô cùng vô tận ý nghĩa được bao hàm trong một câu Phật hiệu này, hiểu được càng nhiều, đương nhiên càng tốt đẹp, nhưng chẳng hiểu cũng không sao cả. Chẳng hiểu thì chỉ cần lòng tin chân thành, phát nguyện thiết tha, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng quên một câu Phật hiệu này, cũng đều có thể thành công.

Còn cách niệm Phật như thế nào ư? Đây là một vấn đề rất quan trọng. Người niệm Phật nhất định phải có công khóa sáng tối nhất định, công khóa sáng tối nhất định không thể thiếu khuyết. Hằng ngày đều phải làm đúng như thế. Khóa lễ sáng tối phải tùy theo hoàn cảnh của chính mình mà định. Nếu chính mình công việc bận túi bụi, hãy ước định ít hơn một chút; lập ra nhiều, lúc quý vị bận bịu sẽ bỏ sót công khóa, điều này không hay lắm, vì công phu của quý vị bị gián đoạn. Vì thế, người quá bận bịu có thể dùng cách Thập Niệm, sáng sớm thức dậy, súc miệng, rửa mặt xong xuôi, liền lạy Phật. Trong nhà có thờ tượng Phật, bèn đối trước tượng Phật niệm mười niệm. Mười niệm là chấp tay niệm hết một hơi thì gọi là một niệm, không câu nệ Phật hiệu nhiều hay ít, niệm mười hơi. Đó là nói về người rất bận rộn.. Nếu người rất rảnh rang, có thể chiếu theo phương pháp ghi trong Tây Phương Công Cứ: Buổi sáng dùng [thời gian cháy hết] một cây hương, tức là một tiếng rưỡi. Người già hay người nghỉ hưu có thể dùng phương pháp này: Niệm một biến A Di Đà Kinh, ba biến chú Vãng Sanh, niệm một ngàn câu Phật hiệu, lạy Phật một trăm lạy. Cách này hết sức hay, khóa chiếu cũng làm như thế. Trừ khóa tụng sáng tối ra thì gọi là “*tán khóa*” tức là không có số lượng nhất định, niệm càng nhiều càng hay.

Bí quyết niệm Phật là chế phục phiền não; chúng ta chưa đoạn phiền não được, chưa có năng lực ấy, nhưng nhất định phải chế phục

phiền não. Ý niệm phiền não vừa khởi lên, ngay lập tức phải nhận biết, thay thế nó bằng Phật hiệu. Ví như thuận cảnh, cảnh giới xứng tâm vừa ý hiện tiền, sanh lòng hoan hỷ, tâm hoan hỷ chính là phiền não, chẳng bình thường, đúng mực, hãy lập tức thay nó bằng A Di Đà Phật, giần ép sự hoan hỷ ấy, chẳng để cho tâm hoan hỷ tiếp tục tăng trưởng. Đó là công phu, Phật hiệu đặc lực. Nghịch cảnh hiện tiền, đó là cảnh giới chẳng như ý, dấy lên tâm sân khuê, trong tâm chẳng vui sướng, đó là phiền não. Ý niệm ấy vừa khởi lên, lập tức thay nó bằng A Di Đà Phật, chẳng để cho ý niệm sân khuê tiếp tục tăng trưởng, chèn ép nó. Niệm Phật như vậy mới đặc lực. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, tâm thường giữ được sự bình tĩnh, đó là bí quyết niệm Phật. Nếu quý vị không hiểu đạo lý, dầu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm vẫn là “mừng, giận, buồn, vui” luôn luôn hiện hành thì Phật hiệu chẳng có tác dụng gì hết; dầu niệm nhiều, vẫn chẳng thể chế phục phiền não. Chẳng chế phục phiền não, sẽ chẳng thể vãng sanh!

Quý vị phải hiểu: Vãng sanh là đại sự, những chuyện khác trong thế gian là lông gà, vỏ tỏi, chẳng đáng nhắc tới. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, trong đời này gặp được pháp môn này, nếu chẳng sốt sắng, chẳng thể nắm vững, bỏ uổng đời này. Phí uổng đời này thì trong tương lai chẳng biết phải đợi đến kiếp nào mới lại gặp gỡ cơ duyên này? Thật đúng như trong bài kệ Khai Kinh đã nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”. Nay chúng ta đã gặp, cơ duyên này đáng quý lắm! Ý niệm gì cũng đều phải buông xuống. Quý vị có thể nắm chắc một câu Phật hiệu này, quý vị sẽ có năng lực cứu độ người nhà, quyến thuộc thân yêu nhất. Quý vị cũng có năng lực hóa độ oán gia, trái chủ. Nếu quý vị không nắm vững cơ duyên này, sẽ vĩnh viễn oan oan tương báo trong lục đạo chẳng bao giờ xong! Càng nghĩ đến chuyện này, càng thấy đáng sợ. Có sao chẳng dành thời gian quý báu để khéo niệm Phật? Niệm cho hết sạch tất cả vọng niệm của chính mình. Đây là chân chánh niệm Phật. Trong hết thảy các pháp môn tu hành, quả thật không có một pháp môn nào thuận tiện như thế này! Pháp môn này chẳng hề trở ngại công việc và nếp sống của chúng ta, đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể niệm. Lúc rảnh có thể niệm, mà lúc làm việc cũng có thể niệm. Chẳng giống với các pháp môn khác, quý vị tu những pháp môn khác phải buông mọi chuyện khác xuống, còn pháp môn này chẳng bỏ bê công việc mà vẫn có thể niệm. Vì thế, nó thật sự là pháp môn thuận tiện nhất!

Tiếp theo đó, tổ sư dùng tỷ dụ để hình dung “*hạc xung, bằng cử*” (chim hạc tung mình, đại bàng sải cánh). Hai loại chim này đều có thể

bay rất cao, rất xa. Thông thường, chúng ta thấy chim ưng bay rất cao, nhưng so ra, hạc bay còn cao hơn chim ưng, chim đại bàng bay còn cao hơn nữa. “*Ký sậu, long phi*” (ngựa Ký phi, rồng bay): Ký (驥) là ngựa giỏi, long mã. Ngựa bình thường một ngày chỉ chạy được đường xa hơn một trăm dặm là cùng, nhưng ngựa hay một ngày có thể chạy mấy trăm dặm đường. “*Bất tật bất hành, nhi tốc nhi chí*”: Quý vị thấy nó chạy không nhanh, hoàn toàn bình thường, nhưng tốc độ nhanh hơn những loài ngựa khác rất nhiều. Dùng hình ảnh này để tỷ dụ pháp môn Niệm Phật, giống như hạc tung mình, đại bàng sải cánh, như ngựa Ký phi, như rồng bay; vì thế, pháp này được gọi là “*kính trung kính hỷ*” (đường tắt nhất trong những con đường tắt).

(Sớ) Nhị nghĩa giả, nhất thị giáo lượng u đa chủng tịnh nghiệp.

(疏) 二義者，一是較量於多種淨業。

(Sớ: “Hai nghĩa”: Một là so sánh nhiều thứ tịnh nghiệp).

“*Đa chủng tịnh nghiệp*”: Hoàn toàn là tu học pháp môn Tịnh Độ, chẳng hạn như phương pháp tu hành được giảng trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là mười sáu phép Quán, nên kinh ấy được gọi là Thập Lục Quán Kinh, tu Quán mà! Cổ Âm Vương Kinh dạy chúng ta trì chú, còn bộ kinh này (kinh A Di Đà) dạy chúng ta trì danh. Trì danh thì danh hiệu chỉ gồm bốn chữ A Di Đà Phật, ai mà chẳng niệm được? Ai nấy đều có thể niệm, dễ hơn niệm chú rất nhiều, dễ hơn tu Quán rất nhiều.

(Sớ) Nhị thị giản biệt u bản bộ đại bản.

(疏) 二是揀別於本部大本。

(Sớ: Hai là nhằm phân biệt kinh này và Đại Bản).

“*Đại Bản*” là Vô Lượng Thọ Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh giảng giải y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức tường tận, lại còn giảng rất nhiều phương pháp tu Tịnh Độ; còn kinh này chuyên giảng chấp trì danh hiệu, đem so với kinh Vô Lượng Thọ, phương pháp này đơn giản, dễ dàng hơn. Bởi lẽ, tu hành phải tìm phương pháp nào đơn giản nhất, dễ dàng nhất thì chúng ta mới có thể thành tựu nhanh chóng. Tìm những pháp môn rắc rối, khó khăn, há chẳng phải là tự mình làm khó chính mình ư?

(Sớ) Cổ vân “kính lộ chi kính lộ” dã, kính lộ giả, lộ tiểu nhi tiệp, danh kính.

(疏) 故云徑路之徑路也。徑路者，路小而捷名徑。

(Sớ: Cho nên nói “đường tắt nhất trong các đường tắt”: Kính lộ là con đường nhỏ mà tới nơi nhanh nhất thì gọi là Kính).

“Kính lộ” là đường nhỏ, đường gần. Đi theo đường tắt, quý vị sẽ tới trước.

(Sớ) Tiểu dụ niệm Phật vi lực chi giản dị.

(疏) 小喻念佛為力之簡易。

(Sớ: Chữ “tiểu” nhằm sánh ví niệm Phật hết sức đơn giản, dễ dàng).

Dựa theo điều này để nói [là “tiểu”], chứ không phải nói pháp môn này nhỏ nhoi, mà là nói chúng ta dùng sức ít, chẳng quá tốn phí công sức, đơn giản, dễ dàng!

(Sớ) Tiệp dụ niệm Phật thành công chi tấn tốc.

(疏) 捷喻念佛成功之迅速。

(Sớ: Chữ “tiệp” nhằm sánh ví niệm Phật thành công nhanh chóng).

So với bất cứ pháp môn nào, cũng đều nhanh chóng hơn. Pháp môn này là pháp môn thành Phật trong một đời, vấn đề là quý vị có tin hay không, có phước phận ấy hay chẳng? Thật sự tin tưởng thì quý vị có phước, phước báo ấy là phước báo khôn sánh, đừng nghĩ phước báo này chẳng có gì phi phạm! Thừa quý vị, trong nhân gian, hàng đế vương thuở xưa phước báo to lớn nhưng vẫn chẳng thể sánh bằng quý vị. Không chỉ phước báo của quốc vương chẳng thể sánh bằng quý vị, mà thiên vương cũng chẳng sánh bằng. Đại Phạm Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên đều chẳng sánh bằng quý vị, vì sao? Phước báo của họ đâu lớn, vẫn phải hứng chịu sanh tử luân hồi, còn quý vị từ nay trở đi vĩnh viễn lìa khỏi luân hồi, phước báo to hơn họ quá nhiều! Không chỉ phạm phu trong lục đạo không ai có thể sánh bằng, mà Tứ Quả La Hán, Bích Chi

Phật, Quyền Giáo Bồ Tát cũng đều chẳng thể sánh bằng quý vị. Họ tu chứng phải tốn bao nhiêu thời gian, tốn phí bao nhiêu công phu, vẫn chưa thể đạt đến viên mãn! Thành một vị Tạng Giáo Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thành Viên Giáo Phật phải mất vô lượng kiếp. Ngày hôm nay quý vị lựa chọn pháp môn này, tin tưởng pháp môn này, đúng là chẳng phí sức thối tro, viên mãn Bồ Đề trong một đời. Phước báo lớn dường ấy đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Ai có phước báo lớn dường ấy? Người tin tưởng [pháp môn Tịnh Độ] sẽ có, người phát nguyện sẽ có, người niệm Phật sẽ có, trong kinh điển và ngữ lục của cổ đức, chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đều nói như vậy. Lời này chẳng giả đâu!

(Sớ) Thiện Đạo đại sư kệ vân: “Duy hữu kính lộ tu hành, dẫn niệm A Di Đà Phật”, thị dã.

(疏) 善導大師偈云： 唯有徑路修行， 但念阿彌陀佛， 是也。

(Sớ: Thiện Đạo đại sư có bài kệ: “Chỉ có nẻo tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật” chính là nói về điều này).

Thiện Đạo đại sư là người đời Đường, theo truyền thuyết, Ngài là hóa thân của A Di Đà Phật tái lai. Ngày Mười Bảy tháng Mười Một là khánh đản của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chưa hề xuất sanh trong thế giới của chúng ta, sinh nhật của Ngài do đâu mà có? Thừa quý vị, đây là sinh nhật của Thiện Đạo đại sư. Ở Đài Bắc có chùa Thiện Đạo; quý vị chỉ cần thấy [tên chùa] là Thiện Đạo Tự, nhất định nơi đó tu pháp môn Niệm Phật. Người Nhật Bản sùng bái Thiện Đạo đại sư nhất; vì thế, chùa Thiện Đạo do người Nhật Bản xây dựng. Vào đời Đường, người xuất gia của Nhật Bản sang Trung Quốc du học hết sức đông đảo, pháp môn Niệm Phật do đây được truyền sang Nhật Bản. Trong truyện ký có chép: Thiện Đạo đại sư niệm Phật một tiếng, từ miệng chiếu ra một tia sáng, trong ánh sáng ấy có hóa Phật, mỗi tiếng Phật hiệu đều như vậy, quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Ngài dạy chúng ta “*chỉ có đường tắt tu hành*”, câu này quan trọng. Tu hành phải tìm đường tắt, đường tắt sẽ nhanh chóng hơn! Đừng tự chuốc phiền, chớ nên đi lòng vòng.

Đời Đường là đời thái bình thịnh trị, mà người tu hành còn phải tìm đường tắt, còn nay chúng ta đang sống trong thời đại nào? Chính mình phải nhận biết rõ ràng, thế giới này có khả năng bị hủy diệt bất cứ

lúc nào, nay chúng ta đang sống trong thời đại như vậy, lỡ chiến tranh nguyên tử bùng nổ, người trên thế giới phải chết quá nửa. Do công nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, ắt sẽ bùng nổ. Nếu chẳng thể nắm chắc [pháp môn Tịnh Độ], còn làm sao được nữa? Quả thật, chẳng có thời gian để làm chuyện gì khác, nhất định phải tìm một con đường tắt. Theo tôi thấy, chiến tranh nguyên tử sẽ hồ đồ xảy ra, chẳng thể nói vì sao nổ ra! Chiến tranh hiện thời, đôi bên đều biết là sẽ cùng nhau chết sạch, không phải là cuộc chiến có bên thắng, bên bại, mà là đôi bên cùng chết sạch, mọi người phải chết hết! Loại chiến tranh như vậy, làm sao có thể khởi lên? Có hai khả năng: Một là computer bị trục trặc. Hiện thời họ dùng computer để kiểm soát phi đạn (hỏa tiễn mang đầu đạn hạch nhân). Nếu computer bị trục trặc, sẽ nảy sanh biến cố, phi đạn từ bên này bắn ra. Bên kia nói bên này công kích, bên nhanh chóng trả đũa, chẳng phải là chiến tranh nổ ra hay sao? Nổ ra mà chẳng biết vì sao? Chẳng biết do nguyên nhân nào mà bùng nổ! Một khả năng khác nữa là do bệnh thần kinh, những nhóm binh lính nhỏ canh giữ phi đạn mắc bệnh thần kinh, nhấn bừa nút điều khiển, chiến tranh bùng nổ ra. Điều này rất có thể xảy ra! Thiên Đạo đại sư dạy chúng ta tu hành phải tìm con đường tắt, tìm một con đường đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, con đường ấy là “*chỉ niệm A Di Đà Phật*”, thật sự thẳng thừng, thỏa đáng chỉ cho chúng ta phương pháp này trong Tiểu Bản Di Đà Kinh.

(Sớ) Cổ vân: “Dư môn học đạo, danh thụ xuất tam giới, niệm Phật vãng sanh, danh hoành xuất tam giới”.

(疏) 故云：餘門學道，名豎出三界；念佛往生，名橫出三界。

(Sớ: Cho nên nói: “Học đạo trong các môn khác gọi là thoát tam giới theo chiều dọc, niệm Phật là vượt tam giới theo chiều ngang”).

“*Thụ xuất tam giới*”: Theo đường lối thông thường, phải đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn sạch Tư Hoặc mới có thể thoát khỏi tam giới. Kiến Hoặc đoạn hết [nhưng chưa đoạn sạch Tư Hoặc] thì phải qua lại trong Dục Giới nhiều lần, đó gọi là “*thụ xuất*”. Lấy Tiểu Thừa A La Hán làm thí dụ thì đạt đến Tam Quả, tức là Tam Quả thánh nhân Tư Đà Hàm, đã đoạn sạch chín phẩm Tư Hoặc trong tam giới, chẳng sanh vào Dục Giới nữa, Ngài trụ ở nơi đâu? Ngài trụ trong Tứ Thiên Thiên của

Sắc Giới, [có năm tầng trời³¹ trong ấy] gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên, tu hành ở nơi đó. Đoạn sạch bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc còn lại, mới có thể vượt thoát Vô Sắc Giới, vượt khỏi tam giới. Đó gọi là “*thụ xuất*”. Tiểu Thừa là như thế, các pháp môn khác trong Đại Thừa cũng như thế. Kỹ xảo đoạn phiền não của Đại Thừa cao minh hơn Tiểu Thừa, phương pháp xảo diệu mà!

Pháp môn Niệm Phật được gọi là “*hoành xuất tam giới*”, là do nói đến công phu Đoạn Chứng, ngay cả Tiểu Thừa Sơ Quả cũng chưa đạt đến, một phẩm Hoặc (phiền não) cũng chưa đoạn, có sao có thể vãng sanh? Đây là nhờ vào Phật lực gia trì. Vì thế, pháp môn này được gọi là “*pháp môn Nhị Lực*”. Khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, ra đi như vậy đó! Từ trong loài người bèn vượt thoát, chẳng cần phải trải qua Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, chẳng cần phải qua những nơi đó, mà vượt ngang ra, nên gọi là “*hoành siêu*”. Tự mình chuẩn bị đầy đủ sức lực là Tín - Nguyện - Hạnh, trọn đủ ba điều kiện ấy. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rõ ràng, trong Sớ Sao [Liên Trì đại sư] càng nói tường tận hơn: Chính mình ắt phải trọn đủ ba điều kiện này thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật.

Thật sự tin tưởng [pháp môn này] thì những pháp môn khác đều buông xuống hết. Nếu còn chưa thể buông xuống là do tín tâm chưa thanh tịnh, chưa kiên cố, thời gian cảm ứng đạo giao cùng Phật phải dài hơn. Vì sao có nhiều người niệm Phật trong một thời gian rất ngắn bèn cảm ứng đạo giao? Chẳng có nguyên nhân nào khác! Chắc cũng có kẻ nói “người ấy có thiện căn”, chẳng lẽ quý vị không có thiện căn? Người ta có thiện căn, quý vị cũng có thiện căn, nhưng quý vị chẳng dùng thiện căn của chính mình, còn có cách nào nữa đây? Thiện căn là gì? Tín là thiện căn, chỉ tin một môn này, niệm kinh bèn chỉ niệm một kinh này. Trừ kinh này ra, những kinh khác chúng ta đều chẳng niệm. Chết sạch lòng so đo, khăng khăng nương theo bộ kinh này, sẽ cảm ứng đặc biệt nhanh chóng. Vì sao? Toàn bộ tâm lực của quý vị tập trung vào một điểm này. Nếu dính đến những kinh luận khác, tâm quý vị bị phân tán, sức lực yếu mỏng. Tâm quý ở chỗ chuyên nhất, chớ nên phân tán. Có như vậy thì mới có thể tu đến nhất tâm bất loạn.

³¹ Năm tầng trời ấy đều thuộc về Tứ Thiên Thiên gồm Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên. Năm tầng trời này là chỗ ở của bậc thánh nhân nên còn gọi là Ngũ Tịnh Cư Thiên. Do chẳng đọa trong ác đạo nên gọi là Ngũ Bất Hoàn Thiên.

Ngay cả hết thủy kinh mà ta còn chẳng cần thì hết thủy các pháp thế gian có cần đến nữa hay không? Đương nhiên chẳng cần! Trong mười hai thời, ôm chặt [một câu] A Di Đà Phật. Tôi nghĩ: Trong tâm động niệm suy tưởng, bèn tưởng A Di Đà Phật; hễ niệm, bèn niệm A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng chẳng tưởng tới hay niệm tới, chắc chắn quý vị vãng sanh! Nếu có thể làm như vậy, chẳng đầy ba năm, quý vị tuyệt đối có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu thành công pháp môn này. Nếu vừa niệm Phật vừa khởi vọng tưởng, tuy niệm kinh A Di Đà vẫn nghĩ học các kinh luận khác, vẫn mong học các pháp môn khác, cả đời này quý vị có thể vãng sanh hay không, đích xác là một dấu hỏi! Nói “*thiện căn rất sâu*” chính là chẳng có gì khác, mà là chuyện như thế đó. Đó gọi là “*hoành xuất tam giới*”. Tiếp đó, đại sư lại nêu tỷ dụ.

(Sớ) Như trùng tại trúc, thụ tắc lịch tiết nan thông, hoành tắc nhất thời thấu thoát, dư môn chi tỷ niệm Phật, tắc niệm Phật vi tốc hỹ.

(疏) 如蟲在竹，豎則歷節難通，橫則一時透脫。餘門之比念佛，則念佛為速矣。

(Sớ: Như con sâu trong ống tre, [muốn thoát ra] theo chiều dọc phải vượt qua từng đốt khó thể thông suốt, theo chiều ngang thì một lúc là lọt ra ngay. Nhưng môn khác đem so sánh với Niệm Phật thì Niệm Phật là nhanh chóng vậy).

Ống tre rất dài, có nhiều lóng. Nếu có một con sâu từ lóng tre dưới cùng vượt mãi lên trên để thoát ra, nó phải đục [màng ngăn giữa] mỗi lóng, phải mất thời gian rất dài, phải tốn nhiều công sức, mới có thể thoát ra được. “*Hoành xuất*” là con sâu ấy thông minh, cắn thủng thành ống bèn chui ra được, chẳng cần phải rắc rối đến thế. Điều này tỷ dụ tu hành pháp Niệm Phật so với các pháp môn khác dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn.

(Sớ) Niệm Phật phục hữu đa môn giả, như hậu văn trung sở khai Thật Tướng Niệm Phật tứ chủng.

(疏) 念佛復有多門者，如後文中所開實相念佛四種。

(Sớ: Niệm Phật lại có nhiều môn, như trong phần kinh văn ở phía sau nói có bốn cách niệm Phật như Thật Tướng Niệm Phật v.v...)

Nói đến niệm Phật thì chủng loại niệm Phật rất nhiều. Ngay cả trì danh cũng có rất nhiều cách niệm. Ví như tại Đài Loan, hiện thời thịnh hành Ngũ Hội Niệm Phật. Có cách niệm Phật bảy âm, niệm năm âm, niệm bốn âm, rất nhiều cách niệm, xoang điệu (tunes) đều khác nhau. Nếu quý vị hỏi: Loại nào chính xác? Rất khó nói, căn tánh của mỗi người khác nhau. Quý vị hiểu rõ nguyên tắc là được. Xoang điệu nào chúng ta nghe [cảm thấy] rất thoải mái, nghe khiến cho tâm ta có thể tĩnh lặng thì xoang điệu ấy thích hợp với quý vị. Theo như tôi cảm nhận, Ngũ Hội Niệm Phật tiếp dẫn người sơ học rất tốt, giống như ca hát vậy, nhưng muốn dùng cách niệm này để định tâm sẽ khó lắm! Bình thời hãy nghe nhiều, tự mình niệm nhiều, loại xoang điệu nào mà tự mình niệm cảm thấy rất thoải mái, niệm lên cảm thấy tâm chính mình rất định, rất thanh tịnh, quý vị hãy dùng phương pháp ấy. Vì thế, chuyện này cũng chẳng có phương pháp nhất định!

(Sớ) Nãi chí vạn hạnh hồi hướng đẳng.

(疏) 乃至萬行回向等。

(Sớ: Cho đến muôn hạnh hồi hướng v.v...)

Tu học hết thầy thiện pháp đều có thể hồi hướng Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao ta làm những chuyện ấy? Vì cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta trong mỗi niệm, bất luận làm chuyện gì, khởi tâm động niệm, làm gì cũng đều vì cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Cho đến mặc áo, ăn cơm, vì sao ta phải ăn cơm? Vì cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Nếu ta không ăn cơm, thân thể chẳng có hơi sức gì! Ăn no rồi, thân thể có sức mạnh, có sức mạnh để làm gì? Có sức mạnh để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bất luận làm chuyện gì cũng đều phải hồi hướng công đức về Tây Phương; đãi người, tiếp vật cũng như thế. Trừ phi chúng ta chẳng tiếp xúc ai khác, hễ có thể tiếp xúc, đều phải khuyên người ta niệm Phật. Họ tin tưởng thì rất tốt, chẳng tin cũng không sao. Chẳng tin tưởng thì cũng đã nghe tới A Di Đà Phật rồi! “*Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (một phen lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo), ta đã đem A Di Đà Phật giới thiệu cho người ấy. Vì sao phải làm như thế? Vì cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Thường dụng tâm như thế hòng tiếp cận Tây Phương Tịnh Độ.

(Sớ) Thật Tướng chi Phật, tuy vân bản cụ, nhi chúng sanh chương trọng, giải ngộ giả hy.

(疏) 實相之佛，雖云本具，而眾生障重，解悟者希。

(Sớ: Đức Phật trong Thật Tướng tuy nói là “sẵn có”, nhưng chúng sanh chương nặng, kẻ giải ngộ hiếm hoi).

Thật Tướng là Chân Như bản tánh của chính mình. Có rất nhiều đồng tu hỏi: “Chúng ta phải như thế nào thì có thể thực hành Thật Tướng Niệm Phật? Nói thật ra, trong hiện tại, chắc chắn quý vị không thể làm được. Vì sao? Vì cái tâm của quý vị trong hiện thời là tâm tạp loạn, làm sao có thể tương ứng với Thật Tướng? Niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn thì chính là Thật Tướng. Vì thế, công phu sau khi đã đắc Lý nhất tâm đều gọi là Thật Tướng Niệm Phật. Đến địa vị nào mới chứng Lý nhất tâm? Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Từ đây trở đi có bốn mươi một tầng cấp, kinh Hoa Nghiêm gọi [những tầng cấp ấy] là bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, các Ngài niệm A Di Đà Phật là Thật Tướng Niệm Phật, đây chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Hiện thời chúng ta thật thà sử dụng phương pháp Trì Danh là được rồi, đừng ham cao, chuộng xa, phải đứng vững nơi thực tế. Như vậy thì mới có thể thụ dụng thật sự.

(Sớ) Hạ thử số môn: Quán Tượng, tác tượng khí, hoàn vô; nhân thành gián đoạn.

(疏) 下此數門：觀像，則像去還無，因成間斷。

(Sớ: Trong mấy môn [niệm Phật] kế tiếp, như Quán Tượng thì hễ rời khỏi tượng, sẽ lại không có gì; do vậy, trở thành gián đoạn).

Quán Tượng là nhìn vào tượng A Di Đà Phật. Đặt tượng Phật trước mặt, quý vị nhìn thấy Ngài. Nếu quý vị xoay đầu sẽ chẳng thấy, [ấn tượng về tượng] Phật bị gián đoạn. Như thế nào thì mới có thể suốt ngày từ sáng đến tối mắt nhìn tượng Phật chẳng gián đoạn? Phải có phước báo rất lớn. Nếu quý vị không làm chuyện gì, không phải đi làm, có người cúng dường cho quý vị, có người đến hầu hạ, trong gian nhà chính của quý vị bốn phía đều treo ảnh Phật, bất luận quý vị đi về phía nào cũng đều thấy A Di Đà Phật, cần phải có phước báo lớn như thế thì

mới được. Mỗi ngày quý vị đi làm, Quán Tượng Niệm Phật nhất định bị gián đoạn giữa chừng!

(Sớ) Quán Tượng tắc tâm thô cảnh tế, diệu quán nan thành.

(疏) 觀想，則心粗境細，妙觀難成。

(Sớ: Quán Tượng thì tâm thô tháp, cảnh vi tế, phép Quán mâu nhiệm khó thành tựu).

Thật đây, còn khó hơn Quán Tượng! Phép Quán thứ nhất trong Thập Lục Quán Kinh là quán mặt trời lặn giống như cái trống treo, quán vàng mặt trời vừa mới lặn xuống phía Tây. Sau khi quán thành công, mặt trời vĩnh viễn ở trước mặt quý vị, người khác không thấy được, nhưng quý vị thấy rõ ràng. Mở banh mắt thấy vàng mặt trời trước mặt, lúc nhắm mắt thái dương vẫn ở trước mặt, như vậy thì mới là “quán thành tựu”. Nếu quý vị mở banh mắt hay nhắm mắt đều không thấy thì quán chưa thành công. Chẳng dễ dàng! Phép Quán này thành tựu, lại tu phép Quán thứ hai. Phép Quán thứ hai là “biển cả đóng băng”, tức là quán mặt đất. [Hành nhân tu phép Quán này] thấy mặt đất là đất lưu ly. Sau khi quán thành công môn này, quý vị thấy đại địa là Phi Thúy, Lưu Ly là ngọc Phi Thúy (Jadeite), tức một loại ngọc có màu xanh lá cây, quý vị mới quán thành công. Nếu quý vị thấy vẫn là sàn nhà bằng đá mài, tức là chưa quán thành công phép Quán này, chẳng dễ dàng! So với Quán Tượng còn khó khăn hơn. Vì thế, nói “*tâm thô cảnh tế, diệu quán nan thành*”, chẳng sai tí nào!

(Sớ) Vạn hạnh tắc sở tác phân đa, trọng xứ thiên trụ.

(疏) 萬行，則所作繁多，重處偏墜。

(Sớ: Vạn hạnh thì việc làm đông nhiều, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào nơi đó).

“*Vạn hạnh*” chính là như Vô Lượng Thọ Kinh đề xướng: Phải tu Lục Độ vạn hạnh. Tu trọn vẹn Lục Độ vạn hạnh: Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã v.v... A! Hàng ngày làm những chuyện ấy, quên bẵng niệm Phật, tu phước mà! Tài Bồ Thí nhiều, đời sau sẽ đại phú quý. Pháp Bồ Thí nhiều, đời sau thông minh, trí huệ. Làm theo cách đó thì gọi là “*trọng xứ thiên trụ*”, “*trụ*” (墜) là đọa lạc. Kết

pháp duyên rất nhiều, đời sau làm quốc vương, đại thần, người ủng hộ quý vị đông lắm! Hiện thời là dân chủ, được người ta bỏ phiếu bầu nhiều! Quý vị có duyên với những chúng sanh ấy, nói chung, những thứ ấy đều là phiền phức! Pháp môn này dạy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối giữ chặt một câu Phật hiệu, thêm một chuyện chẳng bằng bớt đi một chuyện; bớt đi một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì, dễ tu hơn! Hết thấy các thiện pháp thế gian, xuất thế gian, Lục Độ vạn hạnh, chúng ta đều tùy duyên để tu, tuyệt đối đừng phan duyên, hãy tùy phần, tùy sức, hễ gặp cơ hội chúng ta bèn làm. Không có thì đừng đi tìm, tâm quý vị sẽ vĩnh viễn thanh tịnh. Nếu duyên quá nhiều, người tìm tới quá đông, quý vị phải có trí huệ, thỉnh người khác làm. Như vậy mới là tốt! Đừng chuyện gì cũng ôm vào mình, sẽ phiền phức to, sợ rằng cái tâm thanh tịnh của quý vị sẽ bị nhiễu loạn.

(Sớ) Duy thử trì danh nhất pháp, giản yếu trực tiệp.

(疏) 唯此持名一法，簡要直捷。

(Sớ: Chỉ có pháp Trì Danh này, đơn giản, trọng yếu, thẳng thừng, nhanh chóng).

Đơn giản, trọng yếu, thẳng chóng, ổn thỏa. Trong mười hai thời sử dụng công phu này, người niệm Phật có phước báo khôn sánh!

(Sớ) Đản năng kế niệm, tiện đắc vãng sanh.

(疏) 但能繼念，便得往生。

(Sớ: Chỉ cần niệm liên tục liền được vãng sanh).

Niệm Phật liên tiếp [chẳng gián đoạn], chắc chắn vãng sanh.

(Sớ) Cổ nhân vị: “Ký đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ”.

(疏) 古人謂既得見彌陀，何愁不開悟。

(Sớ: Cổ nhân nói: “Đã được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ).

Trong một đời, chúng ta quyết định chẳng khởi vọng tưởng: “Ta muốn khai ngộ thì phải học rộng, nghe nhiều, ta phải tu tập, tích lũy vô lượng vô biên công đức”. Chẳng khởi lên vọng tưởng ấy, mà học theo cách thật thà niệm Phật, cứ chất phác niệm Phật. Người thật thà chắc chắn thành công trong một đời này. Đã thấy A Di Đà Phật, đã vãng sanh

Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị còn sợ chẳng khai ngộ ư? Quý vị còn sợ chẳng thể học rộng, nghe nhiều ư? Hễ sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thảy đều đạt được. Không chỉ những điều quý vị nghĩ đến đều đạt được, mà những gì quý vị chưa nghĩ tới cũng đều đạt được. Công đức rất ráo viên mãn là ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nơi này tuy kinh điển rất nhiều, chẳng thể sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Huống hồ chúng ta mở kinh điển ra xem, rất nhiều chỗ đọc không hiểu. thỉnh một người đến giải thích cho chúng ta, ai chịu phát cái tâm ấy đến giảng cho quý vị? Có thỉnh cũng chẳng thỉnh được. Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới, vấn đề ấy liền được giải quyết!

Chư Phật, Bồ Tát ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đại từ đại bi, quý vị muốn nghe kinh nào, các Ngài liền giảng kinh ấy. Vì thế, chúng ta có gì phải lãng phí thời gian và tinh lực ở nơi này? Chẳng cần học! Tất cả đều để dành sang Tây Phương Cực Lạc thế giới hãy học. Hiện thời, khẩn yếu nhất là làm thế nào để sang Tây Phương Cực Lạc thế giới nhanh hơn một chút, hiện thời chúng ta cầu điều này. Liên Trì đại sư nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp tha nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ loại, nhường cho kẻ khác ngộ), ai muốn ngộ thì quý vị nhường cho người đó; “*bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành). Người nào thích hành thì người đó cứ hành. Lão nhân gia thật sự triệt để hiểu rõ, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương, biết học thêm những pháp môn khác đều là xen tạp, đều tổn công vô ích, chúng ta hãy nên dồn sức tu học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện thời, chỉ có một mục tiêu là làm thế nào để có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đại công sẽ cáo thành.

(Sớ) Tắc bất kỳ Thật Tướng nhi Thật Tướng khế yên!

(疏) 則不期實相而實相契焉。

(Sớ: Đây là chẳng mong cầu Thật Tướng, mà lại khế hợp Thật Tướng vậy).

Hiện thời chúng ta không mong chứng Thật Tướng; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thật Tướng bèn hiện tiền, Thường Tịch Quang Tịnh Độ mà! Chúng ta sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có sao sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư thì cũng có thể khế nhập Thật Tướng? Kinh dạy rất rõ ràng: Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong cõi

Phàm Thánh Đồng Cư cũng chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là thân phận gì vậy? Đẳng Giác Bồ Tát! Vị ấy chẳng khế hợp Thật Tướng thì ai sẽ khế hợp? Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới đúng là quá kỳ diệu, thật sự là pháp khó tin. Mỗi một vị Phật đều có bốn cõi: Cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Bốn cõi trong thế giới này (thế giới Sa Bà) đều ngăn cách, chẳng viên dung; bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới viên dung, không hề chướng ngại. Vì thế, sanh vào một là sanh trong hết thảy, cõi ấy màu nhiệm ở chỗ này!

(Sớ) Cố niệm Phật vi tu hành kính lộ, nhi trì danh hựu niệm Phật trung chi kính lộ dã.

(疏) 故念佛為修行徑路，而持名又念佛中之徑路也。

(Sớ: Vì thế, niệm Phật là đường tắt trong sự tu hành, nhưng trì danh lại là đường tắt nhất trong pháp môn Niệm Phật).

Trì danh niệm Phật là đường tắt nhất trong các con đường tắt. Nói cách khác, là đường lối tu hành thành Phật gần nhất. Trong vô lượng pháp môn, quý vị có thể tìm ra một con đường gần nhất đâu phải dễ dàng! Điều này đòi hỏi phải có trí huệ và phước báo cỡ nào, nhưng nay chúng ta bất ngờ vớ phải, gặp gỡ. Đã gặp gỡ, nếu quý vị có thể tin tưởng và thực hành thì sẽ thành Phật trong một đời này. Chư Phật hộ niệm, chư Phật tán thán. Đã gặp gỡ mà quý vị chẳng tin tưởng, chẳng chịu thực hành, chư Phật đều than thở: “Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Đời này hẳn đã được gặp mà chẳng tin tưởng, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đó là chuyện đáng tiếc không chi bằng!”

Pháp môn này thật sự là pháp khó tin! Chẳng riêng Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói là pháp khó tin, mà mười phương chư Phật khác miệng cùng lời đều nói pháp môn này là pháp khó tin. Quý vị có thể tin tưởng thì chính là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, thật sự là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chính mình nhất định phải trân quý. Vì sao tôi chẳng ngại phiền giảng giải Di Đà Kinh Sớ Sao? Nguyên nhân là vì mong mọi người sẽ do Sớ Sao mà sanh khởi tín tâm, thật sự phát nguyện. Hiện thời, tuy chúng ta chưa về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng đã là một phần tử trong Liên Trì Hải Hội, nhất định phải vãng sanh trong đời này, chẳng có mấy may nghi ngờ gì đối với chuyện vãng

sinh của chính mình. Đã tìm được con đường tắt này, đã tìm được con đường chánh đáng này. Chính mình đã tìm được, đương nhiên chúng ta phải tận tâm tận lực giới thiệu cho người khác.

(Sớ) Hạc xung dĩ quá phàm cầm.

(疏) 鶴沖已過凡禽。

(Sớ: Hạc bay cao hơn các loài chim tầm thường).

Những loài chim khác chẳng thể sánh bằng bạch hạc, nó bay rất cao!

(Sớ) Tranh như bằng cử.

(疏) 爭如鵬舉。

(Sớ: Nhưng vẫn chẳng bằng đại bàng sải cánh).

Chim đại bàng còn bay cao hơn bạch hạc. Dùng đại bàng để tỷ dụ trì danh niệm Phật.

(Sớ) Ký sậu tuy siêu quần mã, vị cập long phi.

(疏) 驥驟雖超群馬，未及龍飛。

(Sớ: Ngựa Ký phi tuy vượt trội các loài ngựa khác, vẫn chưa bằng rồng bay).

Ngựa có giỏi cách mấy đi nữa cũng chẳng sánh bằng rồng, rồng có thể bay lên, biến hóa. Đem rồng tỷ dụ pháp trì danh niệm Phật.

(Sớ) Giai thượng dụ niệm Phật, hạ dụ trì danh niệm Phật dã. Bất tạt bất hành giá, Dịch Hệ Từ viết: “Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thực năng dữ w thử. Duy thần dã, bất tạt nhi tốc, bất hành nhi chí”.

(疏) 皆上喻念佛，下喻持名念佛也。不疾不行者，

易繫詞曰：易無思也，無為也，寂然不動，感而遂通天下之故，非天下之至神，其孰能與於此。唯神也，不疾而速，不行而至。

(Sớ: Trong những thí dụ này, thí dụ trước (chim hạc, ngựa Kỳ) đều nhằm sánh ví pháp niệm Phật, thí dụ sau (đại bàng, rồng) nhằm sánh ví pháp trì danh niệm Phật. “Bất tật, bất hành” là như phân Hệ Từ trong kinh Dịch có đoạn viết: “Dịch là không suy nghĩ, không làm, lặng lẽ, bất động, mà hể cảm bèn thông thấu thiên hạ, chẳng phải là tốt bậc thần diệu trong thiên hạ thì còn điều nào khác có thể được như thế. Chỉ có mình nó là thần diệu, chẳng lẹ làng mà nhanh chóng, chẳng đi mà đến”).

Câu này trích từ kinh Dịch. Chúng sanh trong lục đạo đều có ý niệm, “*tu*” (思) là ý niệm. “*Hữu niệm*” là có vọng niệm. “*Dịch vô tu*” là chẳng có vọng tâm, chẳng có vọng niệm. “*Vô vi dã*”: “*Vô tu*” là vô vi, hể có tu thì là hữu vi. Hữu vi là pháp sanh diệt, ý niệm này sanh, ý niệm kia bèn diệt. Đó là pháp hữu vi. Trong Bách Pháp, chín mươi bốn pháp đầu là pháp hữu vi, pháp sanh diệt, sáu pháp sau cùng là pháp vô vi. Trong các pháp vô vi, Chân Như Vô Vi là vô vi thật sự, năm pháp kia là

tương tự vô vi. Chân Như Vô Vi: Chân Như là bốn tánh, là chân tâm của chúng ta. Kinh Dịch giảng về chân tâm, trong chân tâm không có ý niệm, trong chân tâm không có sanh diệt, do vậy nói: “*Vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động*”. Mấy câu này của kinh Dịch có ý nghĩa hoàn toàn giống như Lăng Nghiêm Đại Định được giảng trong Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Phần kinh văn giảng về Mười Phen Chỉ Rõ Cái Thấy (Thập Phiên Hiện Kiến) đã chỉ ra tánh Thấy bất sanh bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng như, chẳng sạch, như như bất động!

“*Cảm nhi toại thông*”: Bên ngoài có cảm, nó sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao! Điều này thuộc về bản năng (năng lực sẵn có), sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, hề tiếp xúc liền hiểu rõ, thông đạt, chẳng phải thông qua suy xét, đó là trí huệ thật sự. Mấy câu này nói theo pháp môn Niệm Phật của chúng ta thì là Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm là Định, Lý nhất tâm là trong Định khai Huệ. Sự nhất tâm là “*tịch nhiên bất động*”, Lý nhất tâm là “*cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố*” (hễ cảm bèn thông thấu thiên hạ), cảnh giới này càng cao hơn nữa! “*Phi thiên hạ chi chí thần*” (chẳng phải là thần minh tốt bậc trong thiên hạ), thần diệu đến tột cùng. “*Thần*” ở đây là “*linh minh*”, chẳng thể nghĩ bàn đến tột cùng. “*Thục năng dữ ư thử*” (thì còn điều nào khác có thể được như thế): Chữ “*thần*” này chỉ tâm tánh của chúng ta, mà cũng chỉ nhất tâm bất loạn.

“*Bất tạt nhi tốc*” (không nhanh mà lẹ) giống như chúng ta là người niệm Phật thành tựu tại nơi đây, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta bao xa? Mười vạn ức cõi Phật! Khoảng cách xa xôi dường ấy, chúng ta ở đây chẳng phải tốn sức mà đến nơi đó, vẫn chẳng phải cất bước mà đến nơi, mầu nhiệm thay! Đây là chẳng nhanh chóng mà lẹ làng, chẳng đi mà tới. Chẳng giở một bước chân mà đã sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cảnh giới này là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Kinh này vốn có tên gọi là Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, [cảnh giới này] hoàn toàn tương ứng với đề mục của kinh này. Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, mà cũng hết sức thú vị. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 68

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang chín mươi lăm:

(Sớ) Bất tạt bất hành giả, Dịch Hệ Từ viết: “*Dịch vô tư dã, vô vi*

dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thực năng dữ u thử”.

(疏) 不疾不行者，易繫詞曰：易無思也，無為也，寂然不動，感而遂通天下之故。非天下之至神，其孰能與於此。

(Sớ: “Chẳng nhanh, chẳng đi” là như phần Hệ Từ trong kinh Dịch đã viết: “Dịch là không suy nghĩ, không làm, lặng lẽ, bất động, hễ cảm bèn thông thấu thiên hạ, chẳng phải là thần diệu đến tột bậc trong thiên hạ thì còn điều gì khác có thể được như thế”).

Đại sư trích mấy câu từ kinh Dịch. Phạm phu đều là hữu niệm. “Tu” là hữu niệm, cũng có thể nói: Phạm là hữu tâm, sẽ nhất định là hữu tư. Cái tâm ấy gọi là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Trong hết thảy các kinh điển, đức Phật thường dạy chúng ta “chân tâm ly niệm”. Chân tâm không có niệm, vọng tâm mới có niệm. Vọng tâm là nói tới tám thức. Phải đến khi nào mới không có niệm? Nói nghiêm ngặt sẽ là Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa gọi là Bất Động Địa, chuyển tám thức thành bốn trí. Khi ấy sẽ thật sự ly niệm, không có vọng niệm. Do điều này, có thể biết: Từ Thất Địa trở xuống đều là hữu tư, hữu niệm. Vì thế, cảnh giới này vô cùng cao. Kinh Dịch nói “vô tư” và “vô vi”, đây là cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, đủ thấy Nho gia quả thật cũng chẳng đơn giản; còn như Lão Tử, Trang Tử, cổ nhân cho rằng họ thuộc cảnh giới từ Thất Địa trở lên. Tuy Phật giáo chưa truyền tới Trung Quốc, cảnh giới của họ quả thật đã đạt đến mức độ cao như vậy. Khổng Tử đương nhiên cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, Ngài là đại thánh nhân của Trung Quốc.

“*Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố*” (Vắng lặng chẳng động, hễ cảm bèn thông thấu thiên hạ): Chúng ta phải đặc biệt chú trọng câu này. Không chỉ nhất tâm bất loạn của pháp môn Tịnh Độ thuộc về cảnh giới giống như thế, mà minh tâm kiến tánh trong nhà Thiên, đại khai viên giải trong Giáo Hạ, công phu đều phải đạt đến tầng cấp này. Đây là bất luận trước thuận cảnh, nghịch cảnh, hay cảnh giới phi thuận phi nghịch (chẳng phải thuận cảnh, mà cũng chẳng phải nghịch cảnh), chúng ta đều phải có công phu đạt đến tiêu chuẩn này, tức là “*tịch nhiên bất động*”. Nếu nói theo kinh Thủ Lăng Nghiêm, câu này chính là nói về Lăng Nghiêm Đại Định. Định ấy là Tánh Định, tức là Đại Định vốn sẵn có trong tự tánh, chứ chẳng phải do tu rồi có được từ bên ngoài!

Câu tiếp theo chính là Đại Định khởi tác dụng. Kinh Bát Nhã nói: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. “*Vô tri*” là tịch nhiên bất động, tức là “*vô tư, vô vi*” như đã nói trong phần trên, tịch nhiên bất động, đây là Lăng Nghiêm Đại Định. “*Cảm nhi toại thông*” (hể cảm bèn thông) là khởi tác dụng, không gì chẳng biết, không gì chẳng làm. “*Vô vi*” là không gì chẳng làm; “*vô tư*” là không gì chẳng nghĩ. Phạm phu chúng ta tách chúng thành hai; chẳng hạn như [cho rằng] vô tư và hữu tư là hai chuyện, vô vi và hữu vi cũng là hai chuyện. Như vậy thì sẽ vĩnh viễn chẳng thể nhập cảnh giới của Phật, vĩnh viễn chẳng có biện pháp nào đạt đến nhất tâm bất loạn. Đức Phật và thánh nhân Trung Quốc dạy chúng ta: Vô vi và hữu vi là một, vô tư và hữu tư cũng là một. Nói như vậy thì càng nói càng huyền diệu, chúng ta rất khó lãnh hội. Thật ra, trong các buổi giảng chúng tôi cũng thường nhắc tới đạo lý này; tuy thường nhắc tới, chúng ta nghe đã nhàm tai, nghe quá nhiều lần rồi, gần như cũng biết có chuyện này, nhưng thật ra, rời khỏi giảng đường bèn quên tuốt, cho nên, nó chẳng khởi tác dụng, chẳng thể vận dụng đắc lực trong tu hành. Điều này chỉ trách chính mình tâm ý thô tháo, hời hợt, chẳng thể thật sự dốc sức vận dụng nó trong cuộc sống, trong khởi tâm động niệm.

Vô niệm là nói về chính mình. Hữu niệm là đối với người khác. Đối với người khác bèn vì người khác mà phân biệt hết thảy các pháp tướng, chứ trong tâm của chính mình, quả thật chẳng có phân biệt, chẳng có ý niệm. Vì thế, phân biệt là hữu niệm, hữu niệm sanh khởi từ vô niệm, lấy vô niệm làm gốc, lấy vô niệm làm Thể. Vì thế, “*niệm tức vô niệm, vô niệm tức niệm*”, thật sự là một, chẳng phải hai. Hiểu rõ đạo lý này, hữu vi và vô vi chẳng khó hiểu. Trong cảnh giới phạm phu, hể vì người khác phân biệt pháp tướng thì trong tâm mình thật sự dùng cái tâm phân biệt. Nói cách khác, chúng ta vì người khác phân biệt pháp tướng thì cái tâm được sử dụng ấy là tâm ý thức, tức là sử dụng thức thứ sáu, thức thứ bảy, dùng phân biệt, dùng chấp trước, nên gọi là phạm phu, chẳng có cách nào thấu hiểu “*nhất hiệp tướng*”, “*pháp môn Bát Nhị*” như trong Phật pháp đã nói và “*nhất tâm bất loạn*” được nói trong kinh này. Những điều ấy đều thuộc về cảnh giới này.

Câu tiếp theo là tán thán: “*Phi thiên hạ chi chí thân, kỳ thực năng dữ u thử*” (chẳng phải là thân diệu tột bậc trong thiên hạ thì còn điều nào khác có thể được như thế). “*Thần*” cũng có nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn, dựa theo kiến thức thông thường, chúng ta sẽ chẳng thể tưởng tượng được. Chúng ta chẳng thể suy nghĩ hay diễn nói cảnh giới này được!

(Sớ) Duy thân dã, bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí.

(疏) 唯神也，不疾而速，不行而至。

(Sớ): “Chỉ có mình nó là thần diệu”: Chẳng nhanh mà lẹ, chẳng đi mà đến).

Áp dụng điều này để tán thán pháp môn Tịnh Độ, đúng là mâu nhiệm đến tột bậc. Hai câu này cũng giống như U Khê đại sư đã viết trong cuốn Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật vô khứ*” (Sanh thì quyết định sanh, mà đi thì thật sự chẳng đi). Nghe mấy câu trước, chúng ta rất hớn hờ, nghe xong câu này, chúng ta bèn ỉu xiu! Chẳng đi thì không phải là chẳng sanh ư? Đâu có biết [sanh và chẳng sanh] là cùng một chuyện. Phàm phu chúng ta chấp trước có sanh và có bất sanh, nghĩ đó là hai chuyện, đi và chẳng đi cũng là hai chuyện, chẳng biết trong Nhất Chân pháp giới, trong nhất tâm bất loạn, sanh và vô sanh là một, đi và không đi cũng là một. Chỉ cần quý vị đạt đến nhất tâm bất loạn, sẽ là “*bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí*” (chẳng nhanh mà lẹ, chẳng đi mà đến). Tuy Tây Phương Cực Lạc thế giới cách xa thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật như thế, người vãng sanh đến bên đó mất bao nhiêu thời gian? Cổ nhân nói “trong khoảng khảy ngón tay bèn đến nơi”. Thời gian khảy ngón tay chưa đến một giây, trong một giây có thể khảy ngón tay mấy lần, quý vị nghĩ xem: Nhanh ngần ấy! Chính người ấy có cảm giác tốc độ của chính mình rất nhanh hay chẳng? Không có cảm giác! Trong khi không cảm giác mà đã đến nơi rồi! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, đúng là thần diệu tột bậc trong khắp thiên hạ!

(Sớ) Ý vị tật nhi hậu tốc, hành nhi hậu chí giả, vật chi thường dã.

(疏) 意謂疾而後速，行而後至者，物之常也。

(Sớ): Ý nói “nhanh mà kém lẹ, đi mà tới sau” là lẽ thường của muôn vật).

Trong nhận thức thông thường của hết thầy phàm phu, tốc độ rất nhanh, có đi mà vẫn tới sau, đây là đạo lý nhất định, là khái niệm của lũ phàm phu chúng ta. Tiếp đó, [kinh Dịch] giảng về quẻ, tức [giảng giải ý nghĩa của] một quẻ trong sáu mươi tư quẻ.

(Sớ) Thi quái chi thể, tịch vô tư vi, nhi hữu cảm tức thông, thị bất tập nhi tốc, bất hành nhi chí, diệu vạn vật nhi vị chi thần dã. Dẫn thử dĩ minh chư môn Niệm Phật, tuy đồng viết vãng sanh, nhi vi lực sảo nan, vi thời sảo cứu, thị tu hành tu tập, nãi chí nãi tốc dã.

(疏) 蓍卦之體，寂無思為，而有感即通，是不疾而速，不行而至，妙萬物而謂之神也。引此以明諸門念佛，雖同日往生，而為力稍難，為時稍久，是須行須疾，乃至乃速也。

(Sớ: Xét về Thể của việc xủ quẻ bằng cỏ Thi là lặng lẽ, không suy nghĩ, hành động, nhưng hễ có cảm bèn thông, đấy là chẳng nhanh mà lạ, chẳng đi mà đến, mau nhiệm hơn vạn vật nên gọi là “thần”. Dẫn điều này để chỉ rõ các môn Niệm Phật tuy đều nói là [do hành trì các môn ấy bèn được] vãng sanh, nhưng công sức tu tập khá khó khăn, thời gian tu tập khá lâu dài, còn tu tập theo cách tu hành này sẽ nhanh chóng đạt đến).

Đoạn này nêu ra dụng ý vì sao đại sư nêu lên thí dụ này. “Thi” là [bói bằng cỏ Thi để có được] một trong sáu mươi tư quẻ³². Thể của nó là “tịch vô tư vi”, tức là không suy nghĩ, không hành động, còn tác dụng thì sao? Chính là “hữu cảm tức thông” (hễ có cảm liền thông), “thông” là thông đạt, “cảm” là cảm ứng, giống như trong Phật pháp: Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Cảm ứng trong vòng một niệm, niệm phải thanh tịnh. Vì thế, Phật pháp nói “trang nghiêm đạo tràng”, thanh tịnh, nghiêm túc là “trang nghiêm”. Nếu chúng ta muốn thật sự trang nghiêm

³² Cỏ Thi (Yarrow), còn gọi là Âu Thi, Thiên Diệp Thi, Cừ Thi, Du Đình Thi, Cừ Xi Thảo, Vũ Y Thảo, hoặc Tây Dương Thi Thảo, là một loại cỏ thuộc họ Cúc (Asteraceae), mọc ở rất nhiều nơi như Nội Mông Cổ, Iran, Âu Châu, Nga, Phi Châu và vùng Đông Bắc Trung Hoa. Cỏ Thi thường mọc ở những vùng đất ẩm ướt, nhưng khí hậu khô hanh. Cỏ này có củ ngầm, bò lan rất mạnh, thân thẳng, có thể mọc cao đến cả thước, thân cỏ có vằn nhỏ, phủ bằng lông tơ màu trắng, lá cỏ có gai, gồm nhiều phiến mọc quanh một thân chính, trông giống như những chiếc lông chim, dài từ năm đến hai mươi centimeter, mép lá có hình răng cưa. Để bói, người Hoa lấy năm mươi nhánh cỏ Thi, rút riêng ra một nhánh, rồi tiếp tục chia nhỏ bốn mươi chín nhánh còn lại theo những quy tắc khá phức tạp, để hình thành sáu con số dựa trên số lượng nhánh cỏ trong mỗi nhóm. Dựa trên sáu con số ấy, họ sẽ ghép thành một quẻ (thường gọi là “xủ quẻ”).

cõi Phật, phải thường giữ cho tâm và hạnh của chính mình thanh tịnh, đây mới là trang nghiêm cõi nước của chư Phật, là cung kính. Tâm cung kính là thanh tịnh, tâm cung kính là vô phân biệt; lễ kính chư Phật phải đặc biệt thấu hiểu điều này. Nếu không, tâm chẳng thanh tịnh, vẫn suy nghĩ loạn xạ, vẫn là “họ Trương giỏi, họ Lý dở”, náo nhiệt, ồn ào, đầu suốt ngày từ sáng đến tối đập đầu lễ sát đất, mỗi ngày đập đầu lễ mười vạn lạy, nút tóc cả đầu cũng uống công, mà cũng chẳng cung kính! Vì thế, cung kính thì phải nghiêm túc trang nghiêm, pháp thế gian và xuất thế gian đều nói rõ đạo lý này!

Khi tâm địa của chúng ta thật sự thanh tịnh, sẽ khởi cảm ứng, cảm ứng chư Phật, Bồ Tát, cảm ứng quý thần trong lục đạo, đó là “*bất tật nhi tốc*” (chẳng nhanh mà lạ). Hễ tâm thanh tịnh, đã định rồi, sẽ lập tức cảm ứng đạo giao. A Di Đà Phật cách xa chúng ta dường ấy, tâm chúng ta vừa thanh tịnh sẽ ngay lập tức có cảm ứng. Vì thế, trước khi niệm Phật, vì sao phải đọc một biến kinh Di Đà? Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã giảng rất hay: Niệm một biến kinh Di Đà để định tâm, tâm chúng ta tán loạn, lúc nghĩ Đông, khi tưởng Tây, niệm một biến kinh, tâm sẽ định lại, vọng niệm chẳng còn. Sau đó, niệm Phật, từng câu Phật hiệu đều có thể cảm ứng đạo giao với Phật. Tâm chẳng thanh tịnh, dầu niệm Phật hiệu cho nhiều, vẫn chẳng khởi cảm ứng! Nhất định phải dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật thì mới có cảm ứng. Nếu tâm quý vị rất thanh tịnh, có thể chẳng cần niệm kinh. Có nhiều vị tổ sư đại đức mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, cũng chẳng niệm kinh, mà cũng chẳng niệm chú, thứ gì cũng chẳng cần!

Vừa rồi có một đồng tu đến hỏi: Ông ta muốn niệm chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, nói những chú ấy tiêu nghiệp chướng rất nhanh. Quý vị hãy thử xem nhé! Hãy xem khi quý vị niệm những chú ấy, có thể tiêu nghiệp chướng hay chẳng? Trong Trúc Song Tùy Bút, Liên Trì đại sư đã viết rất rõ ràng: Đã từng có người hướng về Ngài thỉnh giáo pháp môn Niệm Phật, hỏi rằng: “*Sư dạy người khác niệm Phật ra sao?*” Sư đáp: “*Tôi dạy người ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, niệm sáu chữ*”. Người khác bèn hỏi Sư: “*Bản thân lão nhân gia niệm như thế nào?*” “*A Di Đà Phật*”, bốn chữ! Dạy người khác niệm sáu chữ, còn chính mình niệm bốn chữ, người ta hỏi Sư: “*Vì sao?*” Trong ấy có đạo lý, Sư giảng: “*Bản thân tôi quyết tâm muốn sanh về Tịnh Độ trong một đời này. Kinh dạy chúng ta tu hành chấp trì danh hiệu, danh hiệu chỉ có bốn chữ, tôi y giáo phụng hành*”. Hai chữ Nam-mô có nghĩa là “*quy y*” hay “*cung kính*”, là lời khách sáo; vì thế, chẳng cần phải dùng phương cách khách

sáo, chẳng dùng đến lời nói khách sáo. Dạy người khác, vì sao phải dạy niệm sáu chữ? Người khác chưa chắc đã hạ quyết tâm trong một đời này phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, phải thêm vào lời khách sáo để kết duyên với A Di Đà Phật mà thôi! Người ấy chưa chắc đã phát tâm.

Chúng ta hãy thấu hiểu sâu xa câu nói này, thật sự nói đến “công phu đặc lực, tiêu nghiệp chướng, tiêu tai miễn nạn” thì càng đơn giản, càng đặc lực; càng phiền phức, càng khó đặc lực! Quý vị hãy xem nhé: Chú Lăng Nghiêm chẳng đặc lực bằng chú Đại Bi vì chú Đại Bi đơn giản hơn. Chú Đại Bi, nói thật ra, chẳng đặc lực bằng chú Vãng Sanh, vì chú Vãng Sanh ngắn hơn chú Đại Bi. Chú Vãng Sanh lại chẳng bằng chú Lục Tự Đại Minh “Om, mani padme hum”. Nói thật ra, chú Lục Tự Đại Minh chẳng bằng A Di Đà Phật. Nếu quý vị hiểu, là người thật sự đọc thông suốt Tam Tạng mười hai bộ loại, không một ai chẳng niệm Phật! Thật sự tiêu nghiệp chướng, có sức mạnh lớn nhất, mạnh mẽ nhất, không gì hơn một câu niệm Phật. Nếu dùng cái tâm thanh tịnh để niệm câu Phật hiệu này thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Dùng cái tâm vọng niệm, dùng cái tâm phân biệt để niệm sẽ không được, chẳng có hiệu quả! Vì thế, trước khi niệm Phật, phải tụng một biến kinh Di Đà để định tâm, hoặc là niệm ba biến chú Vãng Sanh rồi mới niệm Phật hiệu. Phật hiệu ấy câu nào cũng đều là “*hữu cảm tức thông, bất tạt nhi tốc, bất hành nhi chí*” (hễ có cảm liền thông, chẳng nhanh mà chóng, chẳng đi mà đến).

“*Diệu vạn vật nhi vị chi thần dã*” (màu nhiệm hơn muôn vật, nên gọi là Thần): Diệu là “chẳng phải Có, chẳng phải Không”. Dùng chữ này để hình dung ý nghĩa “*thần kỳ chẳng thể nghĩ bàn*”. Trích dẫn những lời này không gì chẳng nhằm nói rõ: Phương pháp Niệm Phật rất nhiều, tuy mục đích đều là cầu vãng sanh, nhưng trong ấy có dễ và khó. “*Vi lực sảo nan*” (Sức lực để thực hiện khá khó khăn), tức là chẳng dễ dàng cho lắm, vẫn phải tu, phải nỗ lực tu hành mới hòng đạt được. “*Vi thời sảo cứu*” (thời gian thực hiện hơi lâu), nói cách khác, thời gian khá dài, chẳng thể đạt được rất nhanh chóng. Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, ngay cả trong Trì Danh Niệm Phật cũng có rất nhiều phương pháp niệm Phật. Phật hiệu có rất nhiều cách niệm, phải chọn lựa như thế nào? Tiêu chuẩn do chính mình ấn định, vì căn tánh của mỗi cá nhân khác nhau, tập khí phiền não dày hay mỏng khác nhau; dùng tiêu chuẩn nào để chọn lựa? Cách niệm Phật hiệu nào khiến cho tâm của chính mình thanh tịnh, có thể chế phục tập khí phiền não của chính mình, có lợi nhất đối với mình, chúng ta chọn lựa cách ấy. Niệm lâu ngày sẽ vun bồi thành

thói quen, có thể giữ vững, sốt sắng dụng công. Nếu xoang điều niệm Phật khiến mình nghe cảm thấy rất phiền não, tâm chẳng định được, thì chúng ta chẳng cần phải học cách ấy, nhưng cũng chớ nên hủy báng, vì sao? Có người ưa thích [cách ấy], họ dùng phương thức ấy có thể đối trị phiền não của chính họ, nhưng phương pháp chẳng thích hợp cho ta dùng. Vì thế, phương pháp nào cũng đều hay, mỗi người tự mình lựa chọn. Chúng ta nên dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để suy xét, như vậy thì sẽ tốt đẹp.

(Sớ) Kim tắc bất kê tuế nguyệt, bất giả tác vi, thất nhật nhất tâm, tức sanh bỉ quốc, hà kỳ thần diệu nhất chí thị dã.

(疏) 今則不稽歲月，不假作為，七日一心，即生彼國，何其神妙一至是也。

(Sớ: Nay chẳng kể đến năm tháng, chẳng cần phải thực hiện [những Phật hạnh nào khác], bảy ngày nhất tâm, bèn sanh về cõi ấy, có pháp nào khác thần diệu đến mức như vậy hay chẳng?)

Đây là nói về chấp trì danh hiệu, là pháp được đề xướng và chủ trương bởi Tiểu Bản Di Đà Kinh, tức là bốn chữ sau đây: “*Tín nguyện trì danh*”. Bốn chữ danh hiệu này sanh khởi từ tín tâm thanh tịnh và kiên định, phát sanh từ đại nguyện viên mãn, từ ý nguyện sanh về Tịnh Độ. Do vậy, Phật hiệu câu nào cũng trọn đủ ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh. Chẳng những trọn đủ Tín - Nguyện - Hạnh, mà còn trọn đủ Giới - Định - Huệ, mỗi tiếng đều là Giới - Định - Huệ, mỗi tiếng đều là Văn - Tư - Tu. Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

“*Bất kê tuế nguyệt*” (chẳng tính kê năm tháng), nhanh chóng đến cùng cực. “*Bất giả tác vi*” (chẳng cần phải thực hiện [những Phật hạnh nào khác]), quá đơn giản, quá dễ dàng! Chẳng đi mà đến, làm sao biết? Kinh đã dạy chúng ta: “*Nhược nhất nhật đáo nhược thất nhật*” (hoặc một ngày, cho đến bảy ngày). Đó là nói bậc thượng căn một ngày liền thành công; kẻ hạ căn nghiệp chướng sâu nặng, bảy ngày cũng có thể thành công! Còn có pháp môn nào khác nhanh bằng? Bảy ngày có thể vãng sanh, thấy Phật, quý vị hãy nghĩ xem: Có nghiệp chướng nào chẳng tiêu? Kinh dạy chúng ta: Chúng sanh trong địa ngục A Tỳ là kẻ tội chướng nặng nhất mà bảy ngày cũng có thể vãng sanh. Vì thế, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, tìm chẳng ra một

pháp môn nào khác giống như vậy, tìm ở đâu ra! Mười phương chư Phật chẳng dùng pháp môn này, sẽ chẳng có cách nào độ chúng sanh. Chúng sanh trọn khắp pháp giới chẳng dùng phương pháp này, sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo trong một đời. Pháp môn này quả thật hết sức đơn giản, dễ dàng, nhưng thật sự khó tin. Nói chung, chúng sanh ưa kỳ chuộng quái. [Nếu pháp nào] rất khó tu, rất khó học, nói chung [họ sẽ nghĩ] pháp môn ấy phi phạm. Thấy pháp môn này quá dễ dàng, họ thường ngỡ là vô giá trị, đâu biết dễ dàng thì mới có thể thành tựu đại đạo! Quá phức tạp, quá rắc rối, thường dễ đi lạc đường, dễ vướng phải ma chướng. Bản thân chúng ta chớ nên không cảnh giác điều này!

(Sớ) Cổ Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sao vân.

(疏) 故普賢行願品鈔云。

(Sớ: Vì thế, sách Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sao viết...)

Đây là cuốn Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sớ Sao, lời Sớ do Thanh Lương đại sư viết, Sao là chú giải lời Sớ, do Tông Mật đại sư viết. Tông Mật là học trò của Thanh Lương, là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm. Thanh Lương quốc sư là tổ sư đời thứ tư.

(Sớ) Đại Tạng trung số bách dư bản, hoặc kinh, hoặc luận, thuyết tu bỉ nhân, nhiên giai cần tích, nãi đắc vãng sanh.

(疏) 大藏中數百餘本，或經或論，說修彼因，然皆勤積，乃得往生。

(Sớ: Trong Đại Tạng Kinh có hơn mấy trăm cuốn kinh hoặc luận nói đến chuyện tu cái nhân ấy, nhưng đều phải siêng năng dài lâu thì mới được vãng sanh).

Đây là lời của ngài Thanh Lương và Tông Mật. Trong Đại Tạng Kinh, có đến hơn một trăm bộ kinh sách giảng về phương pháp vãng sanh Tịnh Độ, có kinh, có luận, có Hiền Giáo, có Mật Tông, giảng về pháp tu Tây Phương Tịnh Độ, nhưng đều chẳng dễ dàng, đều phải tốn thời gian, đều khó tu hơn mới hòng vãng sanh. Nói cách khác, chúng ta sử dụng những phương pháp ấy, có thể vãng sanh trong một đời này hay không vẫn là một ẩn số! Chẳng thể dám chắc sẽ vãng sanh! Nếu tu hành

chiều theo bộ kinh này, quý vị chắc chắn sẽ năm chắc vãng sanh ngay trong một đời này!

(Sớ) Kim dẫn xưng danh, tiện đăng Bất Thoái, khởi phi kính nhi phục kính giả tai?

(疏) 今但稱名，便登不退，豈非徑而復徑者哉。

(Sớ: Nay chỉ xưng danh liền lên địa vị Bất Thoái, há chẳng phải là đường đã tắt lại còn tắt hơn nữa đó ư?)

Đây là con đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các đường tắt, là con đường gần nhất để thành Phật đạo, chẳng có con đường nào gần hơn được nữa, chẳng có gì nhanh chóng bằng! Trong một đời này, chúng ta được gặp pháp môn này thì phải nên trân quý, ngàn vạn phần đừng bỏ lỡ. Hễ bỏ lỡ, thật sự quá đáng tiếc! Trong tương lai, sợ là phải trăm kiếp ngàn đời mới có cơ duyên được gặp lần nữa. Cơ duyên này rất khó gặp gỡ, bài kệ Khai Kinh có câu: “Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”. Trong đời này, chúng ta được gặp gỡ, rất nên vui mừng [trân quý] sự may mắn này!

(Huyền Nghĩa) Nhị giả, Vô Lượng Thọ Kinh, quảng trần y chánh, bị tải tu trì. Kim thử kinh giả, sùng giản, khử phiền, cử ước, cai bác, cánh vô tha thuyết, đơn chỉ trì danh, dẫn đắc nhất tâm, tiện sanh bỉ quốc, khả vị dữ giản, dữ ước, dữ diệu, dữ huyền, kính trung kính hỹ.

(玄義)二者，無量壽經，廣陳依正，備載修持。今此經者，崇簡去繁，舉約該博，更無他說，單指持名，但得一心，便生彼國，可謂愈簡愈約，愈妙愈玄，徑中徑矣。

(Huyền Nghĩa: Hai là kinh Vô Lượng Thọ trần thuật chi tiết y báo và chánh báo, chép cặn kẽ cách thức tu trì. Nay kinh này chuộng đơn giản, bỏ rườm rà, nêu bày những điều giản ước, nhưng bao hàm nghĩa lý rộng rãi, chẳng nói tới những điều khác, chỉ dạy [diệu hạnh] trì danh, chỉ cần đắc nhất tâm, liền sanh vào cõi ấy, có thể nói càng đơn giản, càng sơ lược, càng diệu, càng huyền nhiệm, là đường tắt nhất trong các con đường tắt vậy).

Vô Lượng Thọ Kinh được gọi là Đại Bản trong ba kinh Tịnh Độ, có kích thước khá lớn, đương nhiên giảng khá tường tận. “*Quảng trần y chánh*”: “*trần*” (陳) là trần thuật, “*y*” (依) là y báo, “*chánh*” (正) là chánh báo. Kinh giảng tình huống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức cặn kẽ. Chẳng hạn, kinh này nói “*thất bảo trì, bát công đức thủy*”, chỉ nói là ao bảy báu, nước trọn đủ tám công đức, nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ nói ao đó to cỡ nào, nói nước ấy có bao nhiêu điều tốt đẹp, nói rất tỉ mỉ. Kinh này nói đến học trò của A Di Đà Phật, chỉ nói đệ tử Thanh Văn vô lượng vô biên, giới thiệu rất đơn giản, mơ hồ; kinh Vô Lượng Thọ nói rất cặn kẽ tình hình của đệ tử ở bên đó, có người giảng kinh, có người nghe kinh, có người tọa Thiền, có người kinh hành, viết rất nhiều, rất cặn kẽ về cuộc sống thường ngày của các vị thượng thiện nhân.

Nói đến tu hành, bản kinh này rất đơn giản, chỉ nói “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*”; trong kinh Vô Lượng Thọ giảng rất nhiều, giảng phải “*xả gia ly tục*”. “*Xả gia*” chẳng phải là bảo quý vị xuống tóc xuất gia. Nếu quý vị đọc kinh vẫn thấy từ ngữ này, [bèn tự nhủ] ta hãy cạo đầu xuất gia làm hòa thượng, quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi! Chữ “*gia*” này chỉ phiền não, là gông cùm. Quý vị phải lia bỏ gông cùm, phiền não là nhà, tam giới lục đạo là nhà, quý vị phải lia bỏ những thứ ấy. Chữ “*tục*” chỉ tập khí phiền não, phải bỏ những thứ ấy xuống, thoát trần, thoát tục, phải bỏ thất tình ngũ dục, khôi phục sự thanh tịnh nơi thân tâm của chính mình. Kinh nói “*xả gia ly tục*” phải hiểu theo ý nghĩa ấy. Thời Đông Tấn, Viễn công đại sư kiến lập liên xã đầu tiên của Trung Quốc, một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật, trong số ấy, chỉ có vài vị xuất gia, bảy đến tám phần mười là cư sĩ tại gia, bọn họ ai nấy đều thành tựu. Vì thế, phải hiểu rõ, “*xả gia ly tục*” là xả sanh tử gia, phiền não gia, tam giới gia, phải xả những cái nhà ấy. Nói đến “*thoát tục*”, chúng tôi nói đơn giản, rõ ràng hơn một chút thì nhất tâm là thoát tục, nhị tâm là “*tại tục*” (ở trong cõi tục); tam tâm nhị ý, phân biệt, chấp trước chính là Tục. Khi nào có thể đạt đến nhất tâm bất loạn, tâm bình đẳng hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, đây chính là “*thoát tục*”.

Trong Đại Bản nói đến tu phước, tu ba thứ phước. Tu phước phải nói đến cúng dường, nói rất nhiều thứ, chẳng đơn giản; kinh này nói hết sức đơn giản. “*Kim thử kinh giả, sùng giản, khử phiền*” (nay kinh này chuộng đơn giản, bỏ rườm rà), “*giản*” và “*phiền*” là xét theo kinh văn để nói, [kinh Di Đà] đơn giản hơn kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều. “*Cử ước, cai bác*” (nêu những điều đại lược, bao gồm mọi ý nghĩa rộng lớn)

là nói theo phương diện hành môn. “Ước” (約) là giản ước, tức là trì danh, nhất tâm bất loạn, “bác” (博: rộng) là những pháp môn được nói trong kinh Vô Lượng Thọ đều được hoàn toàn bao gồm trong ấy. Ngẫu Ích đại sư đã giảng giải rất thấu triệt Sự Lý này, Ngài đã khai thị về phép Niệm Phật như sau: “*Nhất cú Phật hiệu, viên nhiếp ngũ tông, cai la bát giáo*” (một câu Phật hiệu nhiếp trọn năm tông, gồm khắp tám giáo). Một câu A Di Đà Phật bao gồm trọn khắp toàn bộ Phật giáo, chẳng sót một pháp nào! Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, một câu A Di Đà Phật thấy đều gồm trọn, quý vị mới hiểu một câu Phật hiệu này chẳng thể nghĩ bàn! Ít ai thật sự hiểu rõ, thật sự ít ỏi. Sau khi đã hiểu rõ, không ai chẳng nghiêm túc niệm Phật.

“*Cánh vô tha thuyết, đơn chỉ trì danh, đản đặc nhất tâm, tiện sanh bỉ quốc*” (chẳng nói tới những điều khác, chỉ dạy [diệu hạnh] trì danh, chỉ cần đặc nhất tâm liền sanh vào cõi ấy): Đây chính là “*cử ước, cai bác*” (nêu lên chỗ giản ước mà bao gồm những ý nghĩa rộng rãi). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những quý vị đắc hết thấy các pháp, mà còn có thể nói là đều thành tựu viên mãn [các pháp ấy]. “*Khả vị dĩ giản, dĩ ước*” (có thể nói là càng đơn giản, càng sơ lược), giản ước đến mức chẳng thể nào giản ước hơn nữa, giản ước nhất, cốt yếu nhất. “*Dĩ diệu, dĩ huyền*” (càng diệu, càng huyền), trong hết thấy các pháp, không có pháp nào diệu hơn, trong hết thấy huyền môn, không có pháp nào huyền hơn, đây mới chính là đường tắt nhất trong các đường tắt.

(Sớ) Vô Lượng Thọ Kinh, tường kiến bộ loại dịch thích nhị môn.

(疏) 無量壽經，詳見部類譯釋二門。

(Sớ: Đối với kinh Vô Lượng Thọ, xem chi tiết trong hai môn “đồng bộ, đồng loại” và “phiên dịch, chú giải”).

Điều này chúng ta còn chưa đọc tới, còn thuộc phần sau, trong phần sau sẽ giới thiệu, giải thích cặn kẽ.

(Sớ) Dĩ đối kim kinh.

(疏) 以對今經。

(Sớ: Do so với bản kinh này).

Dem kinh ấy so sánh với bản kinh chúng ta đang đọc ở đây.

(Sớ) Thế xưng Đại Bản, cái bộ đồng, nhi quảng lược dị dã.

(疏) 世稱大本，蓋部同而廣略異也。

(Sớ: Cõi đời gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bản, bởi lẽ, kinh này và kinh ấy thuộc cùng một bộ, chỉ khác nhau ở chỗ nói chi tiết hay đại lược).

Cùng thuộc về một bộ (cùng giảng về một hạnh môn trong một pháp môn), tánh chất của hai kinh hoàn toàn tương đồng, chỉ là kinh kia nói cặn kẽ, kinh này nói đơn giản.

(Sớ) Bỉ vị nhạo quảng giả thuyết, thử vị nhạo lược giả thuyết.

(疏) 彼為樂廣者說，此為樂略者說。

(Sớ: Kinh kia vì kẻ thích chi tiết mà nói, kinh này vì người thích ước lược mà nói).

Căn tánh của mỗi người khác nhau, có người thích chi tiết, có người thích đơn giản. Quý vị muốn chi tiết thì có kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, sợ phiền phức thì có kinh đơn giản là Tiểu Bản Di Đà Kinh, tùy quý vị tự chọn lựa. Nói thật ra, đức Phật đúng là từ bi đến cùng cực, giống như thầy thuốc trị bệnh, cho thuốc đúng với căn bệnh, chẳng có phương cách nhất định. Quý vị thích gì, bèn ban cho quý vị thứ đó, đức Phật thuận theo căn cơ của chúng sanh có thể tiếp nhận như thế nào mà thuyết pháp như thế ấy.

(Sớ) Nhiên từ giản nhi lý ích minh.

(疏) 然辭簡而理益明。

(Sớ: Thế nhưng, [kinh Tiểu Bản Di Đà] tuy văn từ đơn giản mà lý càng sáng tỏ).

Điều này hết sức khó có. Văn từ ít, đơn giản, dễ hiểu, những đạo lý trong ấy hết sức rõ ràng, minh bạch.

(Sớ) Sự ước nhi công bội thắng.

(疏) 事約而功倍勝。

(Sớ: Về mặt Sự thì đơn giản, mà hiệu quả thù thắng bội phần).

Sự thì giản ước, nhưng công đức chẳng thể nghĩ bàn! Đây là nói về phương diện tu hành, niệm một câu A Di Đà Phật, xét về mặt công sức phải bỏ ra để thực hiện thì vừa nhẹ nhàng lại vừa dễ làm, nhưng thù hoạch là chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái.

(Sớ) Như Đại Bản quảng đàm chư phước.

(疏) 如大本廣談諸福。

(Sớ: Như kinh Đại Bản nói rộng về các thứ phước).

Đại Bản Vô Lượng Thọ Kinh chia tỉ mỉ thành ba bậc, chín phẩm, giảng rất nhiều!

(Sớ) Nhi thử kinh vị dẫn trì danh hiệu, tức vi đa phước, đa thiện.

(疏) 而此經謂但持名號，即為多福多善。

(Sớ: Nhưng kinh này nói: Chỉ trì danh hiệu thì chính là lắm phước, nhiều thiện).

So với Đại Bản, kinh Di Đà đơn giản hơn rất nhiều. Kinh nói “*bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể do một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh vào cõi ấy). Nói cách khác, muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, lại còn phải có nhiều nhân duyên. Chúng ta nhất định chớ nên coi thường những điều này. “*Thiện căn*” là tín và giải. Chúng ta gặp được kinh này, gặp A Di Đà Phật, ta tin tưởng, ta có thể lý giải, đó là thiện căn. Chẳng lý giải, mà vẫn tin tưởng, quyết định chẳng hoài nghi, đó vẫn là thiện căn sâu dày. Vì thế, chỉ cần tin là được! “*Phước đức*” là nguyện vãng sanh, nguyện sanh về Tây Phương Tịnh Độ, người ấy có đại phước đức. Những nơi khác ta đừng mong đến, ta muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đại phước đức. “*Nhân duyên*”: Quý vị có cơ hội gặp Phật pháp, gặp kinh điển này, có cơ hội nghe pháp sư đại đức giảng kinh Di Đà, đó là quý vị hữu duyên, nhiều nhân duyên.

Cái “*nhiều nhân duyên*” này cũng chẳng thể có nhiều được! Quý vị hãy nghe ngóng xem, đừng nói là Đài Loan, trên cả thế giới có mấy đạo tràng giảng Di Đà Kinh Sớ Sao? Tôi thưa cùng quý vị, là chính chúng ta, trừ chúng ta, tôi chưa từng nghe nói có nơi nào ở Đài Loan giảng Di Đà Kinh Sớ Sao. Đài Loan không có, những nơi khác trên cả thế giới càng không có. Quý vị mới biết nhân duyên này chẳng dễ dàng! Giảng kinh Hoa Nghiêm, có Đài Trung Liên Xã và Đài Bắc Hoa Nghiêm Liên Xã. Giảng Di Đà Kinh Sớ Sao chỉ có một nơi này, không có chi nhánh nào khác! Quý vị có thể đến nơi đây nghe giảng bộ kinh này, nhân duyên ấy quả thật chẳng dễ dàng! Quý vị có thể gặp gỡ là nhiều nhân duyên. Quý vị có thể thỉnh một cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao về nhà, thường xuyên đọc, thường xuyên niệm, có câu hỏi, có chỗ nào không hiểu, quý vị có thể đến nghe, chắc chắn sẽ giúp quý vị kiến lập tín tâm, khích phát đại nguyện, sẽ thành Phật trong một đời này. Vì thế, nhất định phải trân quý nhân duyên này, đó là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên.

(Sớ) Đại Bản do phân tam bối.

(疏) 大本猶分三輩。

(Sớ: Kinh Đại Bản còn chia [hành giả vãng sanh] thành ba bậc).

Kinh Vô Lượng Thọ chia thành ba bậc, chín phẩm, nói rộng những sự tương; kinh Di Đà chỉ nói “*đản sanh bỉ quốc*” (chỉ sanh về cõi ấy), đơn giản dường ấy!

(Sớ) Nhi thử kinh vị đản sanh bỉ quốc, câu đặc Bất Thoái Bồ Đề, thị tắc bất độc vị chủng chủng Niệm Phật môn trung chi yếu.

(疏) 而此經謂但生彼國，俱得不退菩提，是則不獨為種種念佛門中之要。

(Sớ: Nhưng kinh này nói “chỉ cần sanh về cõi ấy, đều đặc Bất Thoái Bồ Đề”, như vậy chẳng phải chỉ có nó là môn trọng yếu trong các môn Niệm Phật ư?)

“*Yếu*” (要) là trọng yếu.

(Sớ) *Hưu w bốn bộ trung chuyển cánh vi yếu, khả vị diệu trung chi diệu, huyền trung chi huyền, kính nhi phục kính giả hỹ.*

(疏) 又於本部中轉更為要，可謂妙中之妙，玄中之玄，徑而復徑者矣。

(Sớ: Lại nữa, trong các kinh đồng bộ, kinh Di Đà càng trọng yếu hơn nữa. Có thể nói là diệu nhất trong các điều diệu, huyền nhất trong các điều huyền, càng là đường tắt nhất trong các đường tắt).

Đây là một con đường lớn tắt nhất trong các con đường lớn để viên thành Phật đạo. Trong hiện tại, thế gian này quả thật chẳng khác gì kinh Lăng Nghiêm đã nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”, chánh pháp khó gặp, chẳng dễ gì gặp gỡ! Gặp chánh pháp, tín tâm thanh tịnh, thật sự có thể buông xuống hết thảy vạn duyên thế gian và xuất thế gian, chuyên niệm Di Đà, phước báo của người ấy vô lượng vô biên, đây là sự thật, chư Phật, Bồ Tát cũng tán thán bất tận. Vì thế, hãy nên buông xuống, phải xả. Chẳng những buông xuống thế duyên (duyên cõi đời), mà những thứ tạp nhạp trong Phật pháp đều phải buông xuống. Những vị đại đức xưa kia có vị suốt đời giảng kinh Di Đà mấy trăm lượt. Trừ kinh này ra, kinh gì khác các Ngài cũng đều chẳng niệm. Trừ kinh này ra, kinh gì cũng chẳng giảng.

(Huyền Nghĩa) *Như thượng biệt trung thập nghĩa.*

(玄義) 如上別中十義。

(Huyền Nghĩa: Như mười nghĩa đã nói trong phần Biệt Nhân Duyên trên đây).

Đây tức là mười điều trong phần Biệt Nhân Duyên thuộc đoạn Giáo Khởi Nhân Duyên của bộ kinh này.

(Huyền Nghĩa) *Phục dĩ tiền cửu vi thông, hậu nhất vi biệt.*

(玄義) 復以前九為通，後一為別。

(Huyền Nghĩa: Lại lấy chín điều đầu làm thông, một điều cuối làm biệt).

Mười nghĩa trong phần trước đều là biệt nghĩa, trong Biệt Nghĩa lại có thông và biệt: Chín môn trước là thông, một môn cuối cùng là biệt. Thông và biệt nên giảng như thế nào? Đối với Thông và Biệt Nhân Duyên được nói trong phần trên, Thông là nhân duyên chung cho hết thảy các giáo pháp, là nhân duyên chung của [toàn bộ] giáo pháp trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật. Biệt là nhân duyên của pháp môn Tịnh Độ. Chín thứ trước [trong phần Biệt Nhân Duyên] là nhân duyên chung của bốn loại niệm Phật: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật và Trì Danh Niệm Phật, chín nhân duyên này đều [có thể nói là nhân duyên của bốn loại Niệm Phật] rất hợp lý. Điều nhân duyên cuối cùng chuyên nói về Trì Danh Niệm Phật, chẳng thông với Thật Tướng, Quán Tướng và Quán Tượng. Vì thế, nói “*đường tắt nhất trong các đường tắt*” là vì ý nghĩa này.

(Huyền Nghĩa) Kiên tiền tổng nghĩa, vi thử kinh giáo khởi chi sở nhân cố.

(玄義) 兼前總義，為此經教起之所因故。

(Huyền Nghĩa: Hợp với tổng nghĩa (ý nghĩa chung) trong phần trước trở thành nhân duyên khiến cho giáo pháp này được phát khởi).

Nói cho chúng ta biết trọn vẹn nhân duyên khiến cho đức Phật giảng kinh này.

(Sớ) Thông giả, thông minh Tịnh Độ chư kinh, giai đồng thử nhân cố.

(疏) 通者，通明淨土諸經，皆同此因故。

(Sớ: “Thông” là nêu rõ toàn bộ các kinh Tịnh Độ đều có cùng nhân duyên này).

Ba kinh một luận của Tịnh Độ đều “*thông*”, tức là chín nhân duyên đầu đem áp dụng vào Vô Lượng Thọ Kinh hay Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đều thích hợp, đều chẳng có vấn đề gì! Nhưng điều cuối cùng là điều thứ mười thì không được, áp dụng nhân duyên này vào hai bộ kinh trên sẽ nói chẳng xuôi, chỉ chuyên áp dụng cho bộ Tiểu Bản Di Đà Kinh này.

(Sớ) Biệt giả, biệt minh thử kinh chuyên trọng trì danh, dĩ trì danh vi nhân cố.

(疏) 別者, 別明此經專重持名, 以持名為因故。

(Sớ: Biệt là riêng nêu kinh này chuyên chú trọng trì danh, vì lấy trì danh làm nhân).

Thông hay Biệt là do ý nghĩa này!

(Sớ) Tổng giả, tức tiền tổng minh nhất thiết chư kinh, giai nhất đại sự dĩ vi nhân cố.

(疏) 總者, 即前總明一切諸經, 皆一大事以為因故。

(Sớ: Tổng chính là như trong phần trước đã nói tổng quát: Hết thấy các kinh đều lấy một đại sự làm nhân).

Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này? Vì sao Ngài giảng giải cho chúng ta hết thấy Phật pháp? Đây là tông nhân duyên. Kinh Pháp Hoa nói: Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời. Đại sự ấy chính là đại sự liễu sanh tử, là đại sự viên thành Phật đạo; đó là đại sự thật sự của chúng ta.

(Sớ) Ngôn Phật thuyết thử kinh, vị giáo chúng sanh niệm Phật, vị giáo chúng sanh trì danh niệm Phật, vị giáo chúng sanh trì danh niệm Phật nhi nhập Phật tri kiến, dĩ liễu thử nhất tâm đại sự nhi dĩ.

(疏) 言佛說此經, 為教眾生念佛, 為教眾生持名念佛, 為教眾生持名念佛而入佛知見, 以了此一心大事而已

•

(Sớ: Nêu ra: Đức Phật nói kinh này là vì dạy chúng sanh niệm Phật, vì dạy chúng sanh trì danh niệm Phật, vì dạy chúng sanh dùng trì danh niệm Phật để nhập tri kiến của Phật, nhằm liễu giải đại sự nhất tâm này mà thôi!)

Ba câu này đặc biệt quan trọng. Qua ba câu này, chúng ta thấy được bi tâm triệt để của Thích Ca Mâu Ni Phật, lòng yêu thương, che chở chúng sanh của Ngài đúng là không còn gì có thể hơn được! Chúng ta hãy nên nhớ kỹ: Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật là như thế, chúng

ta thấy trong phần sau của kinh này, sáu phương chư Phật ca ngợi, bèn hoảng nhiên đại ngộ: Mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai và Thích Ca Mâu Ni Phật có cùng một tâm, cùng một nguyện vọng, “*vì dạy chúng sanh niệm Phật*”. Nói cách khác, chẳng dạy chúng sanh tu các pháp môn khác, mà dạy quý vị tu pháp môn Niệm Phật. Nếu quý vị thật sự nghe theo, sẽ là đệ tử bậc nhất của chư Phật. Câu này vẫn là nói chung cho cả bốn loại niệm Phật, bốn loại niệm Phật đều được bao gồm trong ấy. “*Vì dạy chúng sanh trì danh niệm Phật*” là chuyên nói về bộ kinh này. Nói cách khác, chẳng dạy quý vị Quán Tượng, Quán Tướng, hay Thật Tướng Niệm Phật, chẳng dạy quý vị những môn ấy, mà dạy quý vị trì danh, tín nguyện trì danh, suốt ngày từ sáng đến tối niệm bốn chữ này: A Di Đà Phật!

Bí quyết niệm Phật là có thể chế phục phiền não, khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, trong tâm đương nhiên sẽ khởi tâm động niệm, thuận với ý nghĩ của chính mình bèn dấy lòng hoan hỷ, khởi tâm tham ái; chẳng hợp ý mình bèn sanh tâm sân khuê, bèn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm đều gọi là phiền não. Không chỉ sân khuê là phiền não, tham ái cũng là phiền não. Nói chung, tâm thanh tịnh mà chỉ cần có một ý niệm sanh khởi bèn gọi là phiền não. Phiền não cũng là nghiệp chướng, nó chướng ngại quý vị, chướng ngại nhất tâm bất loạn, chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh. Đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Đổi những ý niệm ấy thành A Di Đà Phật. Niệm vừa mới dấy lên, cô nhân nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chàm*”. Ý niệm dấy lên chẳng sợ, sợ là sợ quý vị chẳng giác ngộ nhanh chóng. Giác ngộ là gì? A Di Đà Phật là giác ngộ. Ý niệm mới khởi lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật. Quý vị cũng chẳng quan tâm ý niệm vừa mới khởi lên ấy là thiện niệm hay ác niệm; nhất loạt chẳng đoái hoài, chỉ cần ý niệm dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật. Đổi cho nhanh, càng nhanh càng hay, chớ để cho ý niệm ấy tiếp tục tăng trưởng, đó là bí quyết niệm Phật.

Quý vị có thể niệm Phật như thế, dụng công như thế, dụng công suốt một tháng sẽ tự nhận thấy quý vị khác hẳn, tâm thanh tịnh, phiền não bớt đi. Dụng công ba tháng, sẽ cảm thấy mình đang đi vào khuôn khổ rất trọn vẹn, công phu đặc lực. Có công phu ấy hai, ba năm, dấu chưa thể đặc nhất tâm, nhất định đạt được công phu thành phiến! Công phu thành phiến là tương tự nhất tâm, chưa thật sự là nhất tâm. Thật sự nhất tâm là phiền não dẹp tận gốc, không còn nữa! Khi ấy (tức là lúc đã đạt công phu thành phiến), tuy cội rễ phiền não vẫn còn, chưa dẹp trừ,

nhưng chắc chắn phiền não chẳng khởi tác dụng, chẳng khởi hiện hành, có công phu như thế, chắc chắn vãng sanh. Đối với ba phẩm Thượng của công phu thành phiền, sanh tử tự tại, thích về Tây Phương Cực Lạc thế giới lúc nào, bèn đi lúc ấy, thích ở lại mấy năm cũng chẳng trở ngại gì, quý vị đắc đại tự tại. Sanh tử tự tại chẳng phải là công phu rất cao, loại công phu này chúng ta ai nấy đều có thể hành được. Trung phẩm vãng sanh liền biết trước lúc mất, nói chung là biết trước từ một tháng đến ba tháng. Hạ phẩm là nói chung khi lâm chung thấy Phật mới biết, đều là chắc chắn vãng sanh. Vì thế, niệm Phật nhất định phải chế phục phiền não; chưa thể chế phục phiền não, sẽ chẳng gọi là công phu, niệm dẫu nhiều vẫn vô ích. Vì thế, kinh dạy chúng ta trì danh niệm Phật.

Lại xem câu cuối cùng, “*vì dạy chúng sanh trì danh niệm Phật để nhập tri kiến của Phật*”. Chẳng phải là dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là xong, chẳng mang ý nghĩa đó! “*Nhập Phật tri kiến*” là thành Phật, dạy quý vị niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ để sang bên đó thành Phật, đây mới là viên mãn rốt ráo, viên mãn như Hoa Nghiêm, viên mãn như Pháp Hoa, chẳng hai, chẳng khác. Câu này có thể nói là toàn bộ Phật pháp đều được bao gồm trong ấy. Trong ba câu này, câu thứ nhất bao gồm bốn loại Niệm Phật, câu thứ hai chuyên nói về Trì Danh Niệm Phật, câu thứ ba bao gồm hết thầy Phật pháp. Trì danh vãng sanh Tịnh Độ thì mới thật sự viên mãn rốt ráo.

“*Dĩ liễu thử nhất tâm đại sự nhi dĩ*” (nhằm liễu giải đại sự nhất tâm này mà thôi): “*Liễu*” là hiểu rõ, mà cũng là chứng ngộ. Thiên gia nói đại triệt đại ngộ, ở đây dùng chữ “*liễu*”; Giáo Hạ nói “*đại khai viên giải*”, đều là chữ “*liễu*” này. “*Nhất tâm đại sự*”: Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh dùng ba chữ Đại Phương Quảng để hình dung Thể - Tướng - Dụng. Đại là bản thể của nhất tâm. Phương là tướng của nhất tâm. Quảng là đức dụng của nhất tâm. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nhất tâm của chính chúng ta biến hiện. Hết thầy các pháp, nói chung, chẳng ra ngoài nhất tâm. Không riêng gì Phật pháp, mà các pháp thế gian thầy đều bao gồm trong ấy.

(Sớ) Hợp chi vì thử kinh giáo khởi chi sở nhân dã.

(疏) 合之為此經教起之所因也。

(Sớ: Hợp những điều này lại thì chính là nhân duyên phát khởi giáo pháp này vậy).

“*Hợp*” là quy nạp toàn bộ lại, Thích Ca Mâu Ni Phật phát khởi pháp hội Di Đà, giảng cho chúng ta nhân duyên thật sự của pháp môn này. Từ đoạn Giáo Khởi Sớ Nhân này, nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, thấu hiểu, đương nhiên quý vị sẽ thấu hiểu bi tâm triệt để của đức Thế Tôn, chúng ta mới thật sự sanh khởi cái tâm cảm ơn đội đức, mong phát tâm sốt sắng tu học pháp môn này, trong một đời này phải quyết định thành tựu thì mới chẳng cô phụ Bồn Sư Thích Ca, chẳng cô phụ mười phương chư Phật. Chúng ta lại xem đoạn lớn thứ hai. Đoạn lớn thứ hai là...

Nhị, Tạng Giáo đẳng nhiếp.

二、教藏等攝。

(Hai, kinh này thuộc về Tạng nào và Giáo nào).

Đoạn này lại được chia thành ba đoạn nhỏ.

Sơ, Tạng nhiếp. Nhị, Giáo nhiếp. Tam, Phần nhiếp.

初、藏攝。二、教攝。三、分攝。

(Một là thuộc về Tạng nào, hai là thuộc về Giáo nào, ba là thuộc về Phần nào).

“*Tạng*” là Tam Tạng, nói rõ bộ kinh này thuộc loại nào trong Đại Tạng Kinh.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri Phật thuyết thử kinh, hữu như thị nhân.

(玄義) 已知佛說此經，有如是因。

(Huyền Nghĩa: Đã biết Phật nói kinh này do có các nhân như thế).

Trong phần trên đã nói, do có nhiều nhân duyên như thế nên đức Phật mới nói bộ kinh này.

(Huyền Nghĩa) Vị tri thử kinh Tạng Giáo Phần trung, các hà nhiếp thuộc?

(玄義) 未知此經藏教分中，各何攝屬。

(Huyền Nghĩa: Chưa biết trong Tạng, Giáo và Phần, kinh này thuộc về đâu?)

Ở đây có ba sự kiện: Một là Tạng, hai là Giáo, ba là Phần. Tạng có ý nghĩa “*hàm nhiếp*” (chứa đựng, thu tóm), đây là nói tới chuyện hàm nhiếp những nghĩa lý đáng nên biết. Kinh Phật được gọi là Đại Tạng Kinh, còn gọi là Tam Tạng Kinh Điển. Tạng là giống như một cái kho, hết thảy các pháp, hết thảy đạo lý đều chứa đựng, tàng trữ trong đây, đợi chúng ta khám phá. Giáo là giáo học, giáo học có ý nghĩa khai thị. Tạng là cái kho chứa, trong ấy chứa không ít món. Giáo là mở cửa. Cửa đã mở rồi, quý vị mới biết những thứ được cất giữ trong ấy. Không có Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học, tuy bảo tạng trong tự tánh của chúng ta có vô lượng trí huệ, vô lượng công đức pháp tài, nhưng đều mê mắt, chẳng biết gì cả, đó là chuyện rất đáng tiếc. Nhất định phải đợi Phật giúp chúng ta mở toang kho báu trong tự tánh, đó gọi là “*khai thị ngộ nhập*”. Đức Phật khai thị rồi chúng ta mới có thể ngộ nhập, nhập chánh tri chánh kiến của Phật, đó là “*nhập Phật tri kiến*”.

“*Phần*” là nói tới phân chia theo loại, giống như trong kho chứa đầy ắp đồ, quý vị phải phân loại. Lấy kho sách của chúng ta để nói, chúng ta đặt thứ gì trong đó cũng phải phân loại, chỗ này xếp kinh sách Phật, chỗ kia xếp giới luật, chỗ kia xếp tác phẩm của bá gia chư tử, xếp các tài liệu về khoa học kỹ thuật hiện đại, phân môn, chia loại để xếp đặt. “*Phần*” mang ý nghĩa sau đây: Chia môn phân loại, khiến cho nó có đầu mối, trật tự, chỉnh tề, chẳng rời loạn, có ý nghĩa như thế.

Đối với ba thứ này, kinh này thuộc về loại nào? Đây là nêu ra câu hỏi, “*các hà nhiếp thuộc*” (đối với mỗi thứ, thuộc về đâu). Mỗi một đoạn kế tiếp đều nhằm giải thích cho chúng ta. Đoạn đầu tiên giải thích chữ Tạng, Tạng bao gồm những gì.

(Huyền Nghĩa) Ngôn Tạng hữu nhị.

(玄義) 言藏有二。

(Huyền Nghĩa: Nói đến Tạng thì có hai loại).

Tạng có hai loại: Một loại là Tam Tạng, loại kia là Nhị Tạng. Tam Tạng là gì? Nhị Tạng là gì? Dưới đây sẽ giải thích.

(Huyền Nghĩa) Thả sơ Tam Tạng giả.

(玄義) 且初三藏者。

(Huyền Nghĩa: Trước hết, Tam Tạng là).

Trước hết, giảng về Tam Tạng.

(Huyền Nghĩa) Nhất, Tu Đa La Tạng.

(玄義) 一、脩多羅藏。

(Huyền Nghĩa: Một là Tu Đa La Tạng).

Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “kinh điển”, tức là Kinh Tạng. Bộ phận này hoàn toàn là kinh Phật.

(Huyền Nghĩa) Nhị, Tỳ Nại Da Tạng.

(玄義) 二、毗奈耶藏。

(Huyền Nghĩa: Hai là Tỳ Nại Da Tạng).

Tỳ Nại Da (Vinaya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “giới luật”. Bộ phận này hoàn toàn giảng về giới luật, phân lượng cũng hết sức nhiều, có đến mấy ngàn quyển.

(Huyền Nghĩa) Tam, A Tỳ Đạt Ma Tạng.

(玄義) 三、阿毗達磨藏。

(Huyền Nghĩa: Ba là A Tỳ Đạt Ma Tạng).

A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) dịch thành “luận”, nghĩa gốc của từ

ngữ này là Đới Trị Pháp. Du Già Sư Địa Luận, Đại Trí Độ Luận, Trung Quán Luận, những bộ luận ấy đều thuộc vào Luận Tạng.

(Huyền Nghĩa) Kim thử kinh giả, thị Tu Đa La nhiếp.

(玄義) 今此經者，是脩多羅攝。

(Huyền Nghĩa: Nay kinh này thuộc vào Tu Đa La).

Trong Tam Tạng, kinh Di Đà thuộc vào Kinh Tạng, chẳng phải là giới luật, mà cũng chẳng phải là luận điển.

(Huyền Nghĩa) Chư kinh diệc hữu hỗ tương nhiếp giả, kim phi bỉ cố.

(玄義) 諸經亦有互相攝者，今非彼故。

(Huyền Nghĩa: Trong các kinh, cũng có những kinh thuộc về các tạng khác nhau, nay kinh này chẳng giống các kinh ấy).

Có những bộ kinh bên trong có giới luật, có luận; trong rất nhiều bộ kinh lớn thường thấy tình hình này. Ví như kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phạm Hạnh là giới luật. Trong kinh Lăng Nghiêm, ba thứ tánh chất Kinh, Luật, Luận đều có. Chương Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối (bốn loại giáo huấn thanh tịnh sáng suốt) là giới luật, trong ấy có rất nhiều phần vấn đáp, thảo luận, đích xác là thuộc về Luận Tạng. Nếu [Kinh, Luật, Luận] đều có thì phân loại bản kinh ấy như thế nào? Tùy thuộc phần nào chiếm tỷ lệ lớn nhất. Chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm, phần giảng kinh chiếm đến bảy phần mười, giới luật chiếm một phần hai mươi, phần giảng luận chiếm ba hoặc bốn phần mười, phần kinh nhiều nhất, chiếm tới bảy phần mười, nên phán định Lăng Nghiêm thuộc về Kinh Tạng. Kinh Di Đà thuần túy là Kinh Tạng, trong ấy chẳng bàn đến giới luật, mà cũng chẳng phải là nghị luận, từ đầu đến cuối chỉ một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 69

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang chín mươi chín:

(Sớ) Phạm ngữ Tu Đa La, thử vân Khế Kinh, danh vi Kinh Tạng, giải kiến hậu thích đề trung.

(疏) 梵語脩多羅，此云契經，名為經藏，解見後釋題中。

(Sớ: Tiếng Phạm ngữ Tu Đa La, cõi này dịch là Khế Kinh, có tên là Kinh Tạng, [ý nghĩa chữ Kinh] xem trong phần giải thích tựa đề kinh ở phần sau).

“Phạm ngữ” (tiếng Phạm)³³ là một loại ngôn ngữ của Cổ Ấn Độ. Người Cổ Ấn Độ tự xưng họ là hậu duệ của Đại Phạm Thiên (Mahā-Brahmā); do họ hết sức tôn kính Phạm thiên, nên ngôn ngữ của họ được gọi là “Phạm ngữ”. Tu Đa La (Sūtra) là dịch âm, “*thử vân Khế Kinh*”, “*thử vân*” là phiên dịch, chữ “*thử*” (此) chỉ Trung Quốc. [Tu Đa La] phiên dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh, có nghĩa là “*thượng khế chư Phật chi sở chứng*”, tức là nhất định tương ứng với Lý được chứng bởi chư Phật Như Lai. Dưới thì có thể khế hợp với căn cơ của chúng sanh. Nói theo cách bây giờ là “*thích hợp với trình độ của chúng sanh*”, có như vậy thì mới có lợi ích. Nếu chỉ khế Lý mà chẳng khế Cơ, tuy Lý chẳng sai, chúng ta học xong chẳng đạt được lợi ích thực tế. Nếu thích hợp trình độ, nhưng lại chẳng hợp Lý, sẽ chẳng khác gì rất nhiều loại sách vở trong thế gian! Vì thế, Kinh được dịch thành Khế Kinh, ý nghĩa này hết sức viên mãn!

(Sớ) Tỳ Nại Da, thử vân Điều Phục, tức Luật Tạng.

³³ Phạm ngữ (đúng ra phải đọc là Phạm ngữ, nghĩa là ngôn ngữ của Phạm Thiên, nhưng ta quen đọc thành Phạn ngữ) là dịch nghĩa chữ Samskṛtam (toàn hảo) hoặc nói đầy đủ là Samskṛtā Vāk (ngôn ngữ toàn hảo, thường được viết dưới dạng Latin hóa là Sankrit) thuộc hệ ngôn ngữ Indo-Aryan, đến nay vẫn được dùng như ngôn ngữ chính thức của tiểu bang Uttarakhand của Ấn Độ. Danh xưng Samskṛtam đã được dùng trong các kinh điển Veda. Tiếng Sankrit được dùng trong kinh Phật là loại cổ điển Phạn ngữ (nhằm phân biệt với Phệ Đà Phạn ngữ - Vedic Sankrit). So với Phệ Đà Phạn ngữ, tiếng Phạn trong kinh Phật bóng bẩy hơn, quy luật hành văn phức tạp hơn. Khác với quan niệm thông thường cho tiếng Phạn là tử ngữ, nó vẫn được sử dụng trong các trường đại học và nhất là trong các cơ sở tôn giáo. Đôi khi Sankrit còn được gọi là Bắc Phạn để phân biệt với Nam Phạn (Pali).

(疏) 毗奈耶，此云調伏，即律藏。

(Sớ: Tỳ Nại Da cõi này dịch là Điều Phục, tức Luật Tạng).

Tỳ Nại Da là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Điều Phục, đây cũng là Giới Luật. Giới Luật còn gọi là Điều Phục. Đây chính là Luật Tạng, phần này thuộc Luật Tạng trong Tam Tạng. “Điều” (調) có nghĩa là điều luyện (調練: rèn luyện, uốn nắn khiến một vật trở thành hài hòa), điều lý (調理: uốn nắn cho hợp lý), tức điều hòa, chỉnh lý. Tư tưởng, kiến giải, hành vi của chúng ta nếu có chỗ nào chẳng thích hợp hoặc sai lầm, chúng ta phải điều chỉnh. Giới Luật có ý nghĩa này. “Phục” (伏) là hàng phục phiền não. Trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu lên hai câu hỏi lớn; câu hỏi thứ nhất là “*làm thế nào để hàng phục cái tâm*”. Trong tâm chúng ta phiền não quá nhiều, vọng niệm quá nhiều, dùng phương pháp nào để hàng phục phiền não và vọng niệm? Đây là một câu hỏi lớn trong kinh Kim Cang. Câu hỏi thứ hai là “*nên trụ như thế nào?*” [nghĩa là] cái tâm của chúng ta nên an trụ ở chỗ nào? Một bộ kinh Kim Cang từ đầu đến cuối nhằm giải đáp hai câu hỏi này. Tác dụng của Giới Luật là hàng phục phiền não; do vậy, trì giới mới có thể đắc Định. Kinh Kim Cang gọi “*đắc Định*” là “*ung vân hà trụ?*” (nên trụ như thế nào), tâm chúng ta nên trụ nơi đâu? Tâm nên an trụ trong cảnh giới Thiền Định. Nói theo pháp môn Niệm Phật, hãy nên trụ trong nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là Thiền Định, thuộc về Luật Tạng.

(Sớ) A Tỳ Đạt Ma, thử vân Đối Pháp, tức Luận Tạng.

(疏) 阿毗達磨，此云對法，即論藏。

(Sớ: A Tỳ Đạt Ma, cõi này dịch là Đối Pháp, tức Luận Tạng).

Đây là Kinh - Luật - Luận Tam Tạng. A Tỳ Đạt Ma dịch sang nghĩa tiếng Hán là Đối Pháp. Pháp có hai loại:

- Thứ nhất, theo danh từ Phật học là Thắng Nghĩa Pháp, Thắng là thù thắng, Nghĩa là nghĩa lý, [Thắng Nghĩa] là nghĩa lý thù thắng nhất. Trong kinh Phật thường nói tới Đại Bồ Đề, Đại Niết Bàn, Thường Trụ Chân Tâm, những pháp giống như vậy thì gọi là Thắng Nghĩa Pháp.

- Loại thứ hai là Pháp Tướng Pháp, những pháp thuộc loại Pháp Tướng vô cùng rộng lớn. Hết thầy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, hết thầy các pháp môn được truyền lại, đều có Thể, Tướng, tướng trạng (Tướng). Chúng được gọi là Pháp Tướng Pháp.

Chữ Đối cũng có hai ý nghĩa:

- Một ý nghĩa là Đối Hướng; nói theo cách hiện thời, đây chính là nguyện vọng của chúng ta. Chúng ta phát nguyện muốn chứng Đại Niết Bàn, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ thì phải noi theo phương hướng, mục tiêu ấy. Cho nên nó có ý nghĩa phương hướng, mục tiêu.

- Ý nghĩa thứ hai là Đối Quán. Đây chính là dụng công, công phu. Đối với sự dụng công trong nhà Phật thì có thể dùng một chữ Quán làm danh từ chung. Trong nhà Thiền nói “quán chiếu, chiếu trụ, chiếu kiến”, công phu mỗi tầng một cao hơn. Tuy Tịnh Tông không nhắc tới những danh tướng ấy, danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa và cảnh giới hoàn toàn tương đồng. Pháp môn Niệm Phật nói “công phu thành phiên”, đây chính là quán chiếu trong nhà Thiền. Sự nhất tâm bất loạn là chiếu trụ, chiếu trụ là đắc Thiền Định. Chiếu kiến có cùng cảnh giới với Lý nhất tâm. Người niệm Phật niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn hoàn toàn có cùng một cảnh giới với “minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ” của nhà Thiền.

Nói chung, Đối Pháp đòi hỏi chúng ta phải dùng cái tâm thanh tịnh, dùng trí huệ chân thật để đối ứng hết thầy các pháp tướng, tâm như vậy mới tương ứng với pháp. Đây là ý nghĩa của Luận Tạng. Dùng chữ này (tức Đối Pháp) để giải thích Luận Tạng. Chúng ta thấy quá nửa Luận Tạng là [biên bản] thảo luận giữa Phật và Bồ Tát, hoặc thảo luận giữa các Bồ Tát. Quả thật [Luận Tạng] rất có ích trong việc giúp chúng ta mở mang trí huệ. Trong Tam Học Giới - Định - Huệ, Luận Tạng thiên trọng Huệ Học.

(Sớ) Thượng nhị câu hữu đa nghĩa.

(疏) 上二俱有多義。

(Sớ: Hai loại trước đều có nhiều nghĩa).

“*Câu hữu đa nghĩa*”: Đây là nói về Kinh và Luật. Trong ba thứ, giải thích hai thứ trước là Kinh và Luật rất phiền phức. Đối với Khế Kinh, kinh Hoa Nghiêm có tới mười danh từ để giải thích. Đối với Luật

Tạng, ngoài Tỳ Nại Da, còn dùng chữ Phạn là Thi La (Śīla) hoặc Ba La Đề Mộc Xoa (Prātimoksha), những danh từ này đều nói về Giới Luật; nhưng danh xưng khác nhau, đương nhiên ý nghĩa cũng khác biệt đôi chút, đại đồng tiểu dị.

(Sớ) Phi cấp bất dẫn.

(疏) 非急不引。

(Sớ: Nếu chẳng cần kịp sẽ chẳng nêu ra).

“Phi cấp” là không quan trọng. Nếu [những ý nghĩa nào] không bắt buộc phải liễu giải thì ở chỗ này đại sư sẽ chẳng nói nhiều.

(Sớ) Tu Đa La nhiếp giả.

(疏) 脩多羅攝者。

(Sớ: [Kinh này] thuộc về Tu Đa La).

Bộ kinh này thuộc Tu Đa La Tạng trong Tam Tạng, thuộc về Khế Kinh.

(Sớ) Thử kinh tại Kinh - Luật - Luận Tam Tạng Trung, thuộc Kinh Tạng cổ. Hồ nhiếp giả, như Hoa Nghiêm tặc Kinh nhiếp nhiếp kiêm Luật, Luận, dĩ Thập Tạng đẳng phẩm hiển giới luật, Văn Minh đẳng phẩm hiển luận nghị cổ.

(疏) 此經在經律論三藏中，屬經藏故。互攝者，如華嚴則經攝而兼律論，以十藏等品顯戒律，問明等品顯論議故。

(Sớ: Trong Tam Tạng Kinh - Luật - Luận, kinh này thuộc về Kinh Tạng. “Nhiếp lẫn nhau”: Như kinh Hoa Nghiêm thuộc về Kinh mà còn kèm theo Luật và Luận, vì những phẩm như Thập Tạng giảng giới luật, những phẩm như [Bồ Tát] Văn Minh giảng về luận nghị).

Điều này nêu rõ thưở đức Phật giảng kinh quả thật khế lý, khế cơ. Đức Phật giảng kinh cũng chẳng có pháp nhất định, giống như kinh Kim Cang đã chép: “Phật vô hữu định pháp khả thuyết” (Đức Phật không có

pháp nào nhất định để nói, hoặc có thể hiểu là: Đức Phật không có cách nói nhất định nào). Chỉ thuận theo nhu cầu của người nghe, bèn thỏa mãn thính chúng, khiến cho họ phá mê khai ngộ thì mục đích giáo học đã đạt. Do vậy, mỗi lần đức Phật giảng kinh, trong khi giảng kinh cũng đồng thời giảng giới luật, và cũng giảng luận nghị. Chúng ta thường thấy tình hình này trong nhiều bộ kinh Đại Thừa. Ở đây, đại sư lấy kinh Hoa Nghiêm làm thí dụ. Kinh Hoa Nghiêm đương nhiên là kinh, trong ấy vừa có giới luật vừa có luận nghị. Nói cách khác, kinh ấy có đủ cả ba tạng.

Ba tạng đầy đủ, vì sao gọi là Kinh, chẳng gọi là Hoa Nghiêm Giới hay Hoa Nghiêm Luận, mà gọi là Hoa Nghiêm Kinh? Đó là vì bộ phận kinh chiếm đa số, giới luật và luận nghị chiếm phần ít, phân lượng không nhiều. Chẳng hạn như ở đây nói “*Thập Tạng đấng phẩm hiển giới luật*” (những phẩm như Thập Tạng giảng về giới luật), trong chương thứ hai của phẩm Thập Tạng giảng rộng về giới luật. Trừ phẩm này ra, phẩm Tịnh Hạnh cũng là giới luật, phẩm Phạm Hạnh cũng có thể coi là giới luật. Kinh Hoa Nghiêm có tất cả ba mươi chín phẩm, chỉ có hai phẩm kinh giảng về giới luật, trong phẩm Thập Tạng chỉ có một phần giảng về giới luật. Tuy là một phần, nhưng giảng rất cặn kẽ, điều này cho thấy kinh Hoa Nghiêm quả thật có chỗ giảng về giới luật, nhưng phân lượng, kinh vẫn chẳng nhiều.

Nói đến Luận Tạng thì kinh Hoa Nghiêm cũng có, như “*Vấn Minh đấng phẩm*” (các phẩm như Vấn Minh), mười vị Bồ Tát trong danh hiệu có chữ Thủ³⁴ cùng nhau hỏi đáp, biện luận với nhau. Đầu tiên là Văn Thù Bồ Tát “*dĩ nhất tâm chủng chủng sai biệt vấn*” (vì sao cùng là một tâm mà có các thứ sai biệt), Giác Thủ Bồ Tát liền trả lời, một hỏi một đáp giống như nghiên cứu, thảo luận hiện thời; cũng có tánh chất hơi

³⁴ Phẩm kinh này có tên đầy đủ là Bồ Tát Vấn Minh, tức phẩm thứ mười trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm. Mười vị Bồ Tát có chữ Thủ trong danh hiệu chính là: Giác Thủ Bồ Tát, Tài Thủ Bồ Tát, Bảo Thủ Bồ Tát, Công Đức Thủ Bồ Tát, Mục Thủ Bồ Tát, Tinh Tấn Thủ Bồ Tát, Pháp Thủ Bồ Tát, Trí Thủ Bồ Tát, Hiền Thủ Bồ Tát (thật ra, chỉ có chín vị mang chữ Thủ, do tính luôn Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nên nói là Thập Thủ Bồ Tát). Câu hỏi của Văn Thù Bồ Tát là: “*Này Phật tử! Tâm tánh là một, có sao thấy có các thứ sai biệt? Như là đi vào đường lành hay đường ác, các căn thiếu hay đủ, thọ sanh giống nhau hay khác nhau, đoan chánh, xấu xí, khổ, vui khác nhau, nghiệp chẳng biết tâm, tâm chẳng biết nghiệp, thọ chẳng biết báo, báo chẳng biết thọ, tâm chẳng biết thọ, thọ chẳng biết tâm, nhân chẳng biết duyên, duyên chẳng biết nhân, trí chẳng biết cảnh, cảnh chẳng biết trí*”. Câu này được Giác Thủ Bồ Tát trả lời. Tiếp đó, Văn Thù Bồ Tát nêu ra một loạt câu hỏi khác, mỗi câu đều được một vị Bồ Tát trong số chín vị Bồ Tát trên đây trả lời.

giống như một cuộc họp để thảo luận. Đó gọi là “lý luận càng biện định càng sáng tỏ”. Kinh Hoa Nghiêm có thể loại này, nhưng kinh văn cũng chẳng nhiều. Vì thế, bộ phận giảng về Khế Kinh chính là phần giảng về Định Học, chiếm phân lượng lớn nhất trong kinh Hoa Nghiêm, chiếm địa vị quan trọng nhất. Do đó, chúng ta vẫn gọi Hoa Nghiêm là Kinh, chứ không nói Hoa Nghiêm là Luật hay Luận.

(Sớ) Phạm Võng tặc Luật nhiếp nhi kiêm Kinh, dĩ Tâm Địa phẩm chi thượng, quảng đàm Bồ Tát giai vị cố. Dư khả lệ tri.

(疏) 梵網則律攝而兼經，以心地品之上，廣談菩薩階位故，餘可例知。

(Sớ: Kinh Phạm Võng thuộc về Luật, kèm thêm Kinh, bởi lẽ, phần trước của phẩm Tâm Địa giảng rộng rãi về các địa vị Bồ Tát. Những kinh khác cứ dựa theo [những điều vừa trình bày] sẽ biết).

Lại nêu trường hợp kinh Phạm Võng, đây cũng là một kinh rất quen thuộc đối với các đồng tu. Kinh Phạm Võng có tới hơn sáu mươi quyển, bản dịch tiếng Hán chỉ dịch hai quyển, những phần khác bị thất lạc, mà cũng chẳng tìm được nguyên văn. Hai quyển này chính là phẩm Bồ Tát Tâm Địa Giới của kinh Phạm Võng. Quyển thượng nói về địa vị Bồ Tát: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đăng Giác, Diệu Giác, quyển hạ giảng về giới luật của Bồ Tát. Hiện thời, những đồng tu xuất gia tại Đài Loan thọ Bồ Tát giới theo quyển hạ của kinh Phạm Võng. Quyển thượng giảng nên giữ cái tâm như thế nào, đây là tâm Bồ Tát, quyển hạ giảng về hạnh Bồ Tát. Quý vị hãy nghĩ xem: Nếu không có tâm Bồ Tát, ta sẽ thấy làm cách nào vẫn chẳng giống hạnh Bồ Tát. Do vậy, tâm Bồ Tát hết sức trọng yếu. Hễ có tâm Bồ Tát, hết thấy hành vi tự nhiên là Bồ Tát hạnh. Trong hai quyển kinh văn, đương nhiên giới luật rất quan trọng, nhưng phần “quảng đàm Bồ Tát giai vị” (rộng luận định về các địa vị Bồ Tát) thuộc vào phạm vi Kinh Tạng. Vì thế, “Phạm Võng tặc Luật nhiếp nhi kiêm Kinh” (Phạm Võng thuộc về Luật kèm theo Kinh). Nay chúng ta gọi [hai quyển ấy] là Phạm Võng Kinh Tâm Địa Giới Phẩm. Những trường hợp giống như vậy rất nhiều, chúng ta học Phật cần phải biết điều này.

(Sớ) Thử kinh bất kiêm giới luật, diệc vô luận nghị.

(疏) 此經不兼戒律，亦無論議。

(Sớ: Kinh này chẳng nói kèm thêm giới luật, mà cũng chẳng có luận nghị).

Bộ A Di Đà Kinh này thuần túy thuộc vào Kinh Tạng, thuộc vào Khế Kinh. Trong kinh văn không nói đến giới luật, mà cũng chẳng có luận nghị.

(Sớ) Tự thử chí chung.

(疏) 自始至終。

(Sớ: Từ đầu đến cuối).

Đều do một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói.

(Sớ) Chuyên thuyết niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cố vân kim phi bỉ dã.

(疏) 專說念佛求生淨土，故云今非彼也。

(Sớ: Chuyên nói niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nên nói: Nay kinh này chẳng giống các kinh khác).

Chẳng giống những kinh luận khác, trong những kinh luận khác còn có những phần mang ý nghĩa giới luật và luận nghị, kinh này không có. Kinh này thuần túy là Khế Kinh, trong Tam Tạng, nó thuộc vào Kinh Tạng.

(Huyền Nghĩa) Nhị Tạng giả, nhất, Bồ Tát Tạng; nhị, Thanh Văn Tạng.

(玄義) 二藏者，一、菩薩藏，二、聲聞藏。

(Huyền Nghĩa: Nhị Tạng là: Một là Bồ Tát Tạng, hai là Thanh Văn Tạng).

Bồ Tát Tạng là Đại Thừa, Thanh Văn Tạng là Tiểu Thừa. Đây là chỗ khác biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa. Trong hai thừa, bộ kinh này thuộc về Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Chúng ta cũng phải phân biệt điều này.

(Huyền Nghĩa) Kim thừa kinh giả, Bồ Tát Tạng nhiếp, diệc hữu hõ nhiếp, kim phi bỉ cố.

(玄義) 今此經者，菩薩藏攝，亦有互攝，今非彼故。

(Huyền Nghĩa: Nay kinh này thuộc về Bồ Tát Tạng. Cũng có kinh vừa thuộc vào Bồ Tát Tạng vừa thuộc vào Thanh Văn Tạng, nay kinh này chẳng giống những kinh ấy).

Qua lời chú giải, chúng ta sẽ có thể thấy [vì sao có nhận định này].

(Sớ) Bồ Tát, Thanh Văn, tường kiến hậu thích văn trung.

(疏) 菩薩聲聞，詳見後釋文中。

(Sớ: Đối với từ ngữ Bồ Tát và Thanh Văn, xem lời giảng chi tiết trong phần giải thích kinh văn ở phía sau).

Phía sau sẽ có lời giải thích chi tiết.

(Sớ) Tạng phân nhị giả, dĩ kinh hữu Đại Thừa, Tiểu Thừa, cố nhị tạng phân nhiếp. Nhược ước nhân hữu tam thừa, diệc hợp phân tam.

(疏) 藏分二者，以經有大乘小乘，故二藏分攝。若約人有三乘，亦合分三。

(Sớ: Tạng được chia thành hai là do kinh có Đại Thừa và Tiểu Thừa, nên chia thành hai tạng. Nếu ước theo [căn cơ] của con người có ba thừa, Kinh Tạng cũng nên chia thành ba tạng).

Nói theo phía [căn tánh của] con người thì có Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, [nên Kinh Tạng] cũng có thể chia thành ba. Chỉ nói Thanh Văn, [tức là] trong Thanh Văn Tạng bao gồm Duyên Giác Tạng.

(Sớ) Dĩ Duyên Giác nhân đa bất tạ giáo, nhiếp quy Thanh Văn, cố chỉ nhị tạng.

(疏) 以緣覺人多不藉教，攝歸聲聞，故止二藏。

(*Sớ*: Do bậc Duyên Giác đa số [giác ngộ] chẳng nhờ vào kinh giáo, bèn nhiếp Duyên Giác Tạng vào Thanh Văn Tạng, cho nên chỉ có hai tạng).

Thanh Văn bao gồm cả Duyên Giác; do vậy, chỉ có hai tạng là Bồ Tát Tạng và Thanh Văn Tạng. Duyên Giác có hai loại:

- Một loại là khi có Phật ra đời, theo Phật tu học, từ Thập Nhị Nhân Duyên mà khai ngộ, chúng ta gọi loại này là Duyên Giác.

- Loại thứ hai là khi Phật chưa xuất thế, tức là trong lúc thế gian này không có Phật, không có người dạy bảo, họ tự mình khai ngộ, loại này gọi là Độc Giác. Họ là người thông minh trí huệ tuyệt đỉnh trong hàng phàm phu. Trong kinh điển, đức Phật đã bảo: Người khai ngộ chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên, những người ấy đều là do công phu tu hành nhiều đời nhiều kiếp đã chín muồi.

Kinh dạy chúng ta về [tình hình của] hàng Tiểu Thừa sau khi chứng đắc Sơ Quả: Nhất định là trong lúc có Phật trụ thế, họ theo Phật học pháp, chứng đắc Sơ Quả, [tức là] đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới rồi mới chứng đắc Sơ Quả. Chứng đắc Sơ Quả rồi còn phải bảy lần sanh trong cõi trời hay trong nhân gian rồi mới có thể chứng Tứ Quả La Hán. Cõi người thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thọ mạng lâu dài; huống chi bảy lần sanh tử, thời gian ấy phải dùng những con số thiên văn để tính toán, quá ư là dài! Đến lần thọ sanh thứ bảy [trong thế gian], nếu trong thế giới này không có Phật thì làm cách nào? Có Phật thì người ấy nhất định có cơ duyên thân cận Phật, chứng quả A La Hán, không còn phải bàn cãi gì nữa! Không có Phật thì sao? Không có Phật thì người ấy vẫn có thể chứng quả. Không có Phật thì họ thành Độc Giác, quyết định chẳng tái sanh lần thứ tám. Sau khi chứng đắc Sơ Quả, cũng giống như là quý vị đã được bảo đảm, bảy lần qua lại trong cõi trời và cõi người, nhất định chứng quả. Đó là hàng Tiểu Thừa.

Trong cái nhìn của người Đại Thừa, sự tu hành chứng quả ấy rất vụng về, nên gọi là Bôn A La Hán (笨阿羅漢: A La Hán gốc nghịch), vì sao? Phải tốn thời gian dài như thế. Vì vậy, trong tu học Phật pháp, Đại Thừa là đường tắt, Đại Thừa dễ dàng hơn Tiểu Thừa, mà cũng nhanh chóng hơn Tiểu Thừa. Tiểu Thừa Phật pháp được truyền đến Trung Quốc vào thời Tùy - Đường, kinh điển khá hoàn chỉnh, gần ba ngàn bộ, nhưng rất ít người học. Tại Trung Quốc, Tiểu Thừa chỉ thịnh hành trong một thời kỳ rất ngắn, sau đấy, người Trung Quốc không học nữa, hoàn toàn tu học Đại Thừa; nhưng quý vị phải hiểu: Đại Thừa Phật pháp nhất

định phải kiến lập trên cơ sở Tiểu Thừa. Không có cơ sở Tiểu Thừa, muốn học Đại Thừa sẽ rất khó khăn. Ngày nay, người học Đại Thừa rất nhiều, người thành tựu chẳng có mấy, nguyên nhân ở chỗ nào? Thiếu cơ sở! Giống như cất nhà không xây móng. Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng! Vì sao trong quá khứ người Hoa không học Tiểu Thừa, mà có thể học Đại Thừa thành công? Họ có cơ sở Nho gia và Đạo gia. Quý vị phải nhớ: Đạo gia không phải là Đạo Giáo³⁵, Đạo Giáo vô ích! Nếu dùng cơ sở của Nho gia và Đạo gia thì nói thật ra, cơ sở còn được đặt vững vàng, kiên cố, ổn thỏa hơn Tiểu Thừa. Do vì xưa kia, người ta đọc sách của Khổng Tử, đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, dùng cơ sở ấy để trực tiếp học Đại Thừa, chẳng bị chướng ngại, mà ngược lại còn thành tựu dễ dàng. Hiện thời rắc rối lắm, kinh điển Tiểu Thừa không đọc, Tứ Thư Ngũ Kinh cũng vứt bỏ, trực tiếp muốn dốc sức nơi kinh điển Đại Thừa, đương nhiên bị nhiều chướng ngại, đổ công sức rất nhiều, tốn thời gian lâu dài, đâm ra chẳng đạt được hiệu quả. Vì thế, các đồng tu học Phật ngày nay phải đọc

³⁵ Đạo Gia (còn gọi là Hoàng Lão học phái) là một trong những học phái tư tưởng trong bá gia chư tử, chú trọng nghiên cứu chủ đề chính trong tư tưởng của Lão Tử và Trang Tử: Sự tự do của con người theo triết lý Vô Vi. Vô Vi không có nghĩa là không làm gì mà là thuận theo quy luật tự nhiên, không chấp trước, câu nệ hình thức. Thoạt đầu (thời Tiên Tần), Đạo Gia được gọi là Đạo Đức gia vì chuyên nghiên cứu Đạo Đức Kinh của Lão Tử. Theo Tư Mã Viêm (cha sử gia Tư Mã Thiên), tư tưởng Đạo Gia có thể tóm tắt như sau: Lấy Đạo làm gốc, tự nhiên vô vi. Đạo là nguồn gốc của vũ trụ, mà cũng là pháp tắc chỉ đạo sự vận hành của toàn vũ trụ. Tư tưởng này được kế thừa và triển khai thêm bởi Trang Tử, dẫn khởi đến hứng thú nghiên cứu của môn Huyền Học thời Ngụy - Tấn.

Trong khi đó, Đạo Giáo là một tôn giáo đa thần, gom góp hầu như tất cả các thần linh cổ đại của người Hán lẫn các dân tộc bị Hán hóa, và số lượng thần thánh được liên tục bổ sung qua những đàn cầu cơ (kể cả những thần thánh do các thanh đồng bịa ra). Họ vay mượn tư tưởng của Đạo Gia (nhưng do tư tưởng Đạo Gia quá huyền ảo, các Đạo Sĩ chỉ thường vay mượn những danh từ trong Đạo Gia, gán cho đủ thứ nội dung hỗn tạp do họ bịa đặt), pha trộn với những tín ngưỡng dân gian, kể cả học thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, Phong Thủy, Địa Lý, cùng những trò mê tín dị đoan, bùa chú, cầu cơ, lên đồng, trừ tà, tróc quái, luyện đan, phòng trung thuật v.v... Họ cũng vay mượn những quan niệm nhân quả của Phật giáo, cũng như những nghi thức sám hối, siêu độ của Phật giáo để tạo thành nghi thức riêng, thậm chí bịa chuyện Lão Tử đi về phương Tây, hóa thành Phật Thích Ca và ghi chép thành bản kinh Lão Tử Hóa Hồ, suy tôn Lão Tử thành Đạo Đức Chân Quân hoặc Thái Thượng Lão Quân. Đạo Giáo được coi là hậu thân của Ngũ Đẩu Mễ Đạo (về sau gọi là Thiên Sư Đạo) do Trương Đạo Lăng sáng lập vào năm 142 thời Tây Hán.

Tứ Thụ cho nhiều. Chúng ta vừa học Đại Thừa, vừa dùng Nho gia và Đạo gia để bù đắp, chắc chắn có lợi, có thể giúp nhau thành tựu.

(Sớ) Kim Bồ Tát Tạng nhiếp giả.

(疏) 今菩薩藏攝者。

(Sớ: Nay kinh này thuộc vào Bồ Tát Tạng [là vì]...)

Nói đến bộ kinh này.

(Sớ) Thử kinh diễn thuyết Đại Thừa, như y chánh trang nghiêm.

(疏) 此經演說大乘，如依正莊嚴。

(Sớ: Kinh này diễn nói Đại Thừa như y báo và chánh báo trang nghiêm).

“Y” là y báo, tức là nói đến hoàn cảnh sống của chúng ta. “Chánh báo” là nói đến bản thân chúng ta. Y báo và chánh báo trang nghiêm hình dung cuộc sống của chúng ta viên mãn. Ý nghĩa “viên mãn” ấy rất rộng, hoàn toàn chẳng phải là tốt đẹp rất viên mãn, mà xấu xa cũng rất viên mãn! Ví như quý vị gieo thiện nhân, đắc thiện quả viên mãn. Quý vị gieo ác nhân, hưởng ác quả cũng rất viên mãn! Ác quả viên mãn, thiện quả viên mãn, chẳng có gì không viên mãn, mỗi thứ đều viên mãn. Quả báo ấy nhất định giống như các nhân hạnh khác, tức là nhân và quả chẳng sai chạy chút nào, mười pháp giới đều là như thế. Vì thế, đều gọi là “trang nghiêm”.

(Sớ) Tín nguyện vãng sanh đẳng.

(疏) 信願往生等。

(Sớ: Tín nguyện vãng sanh v.v...)

Trong pháp môn này, quan trọng nhất là kiến lập tín tâm. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay: Kiến lập tín tâm thì đầu tiên là phải “tín tự”, tức là tin vào chính mình, kiến lập cái tâm tự tín. Chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, bảo quý vị hãy tin ngay, điều này quá khó! Tin là tin “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật và bản thân chúng ta chẳng hai, chẳng khác, là

vật do tâm tánh của chính mình biến hiện ra, chẳng phải là vật có từ bên ngoài tâm. “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm*”. Lý này quá sâu xa! Quý vị dùng lòng tin này để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ sẽ là Lý niệm, chứ không phải là Sự niệm. Trong khi giảng Yếu Giải, chúng tôi đã thưa cùng quý vị: Trì danh niệm Phật có Lý trì và Sự trì. Nếu là Lý trì, quả thật sẽ có thể đoạn hết thảy nghi hoặc, chướng ngại, người tầm thường chẳng thể làm được chuyện này, chúng ta rất khó thể làm được. Ý nghĩa này cũng chẳng qua nghe nói [cho biết] mà thôi, chẳng phải là cảnh giới của chính mình!

Chẳng phải là cảnh giới để chính mình có thể đạt được thì sao? Vẫn phải tin vào chính mình. Nói theo mặt Sự, tin chính mình trong đời này quyết định có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị có lòng tin ấy là được rồi! Chưa thông hiểu Lý, nhưng có lòng tin ấy vẫn có thể vãng sanh, vẫn có thể tu pháp môn này. Chắc cũng có các vị hỏi: Với lòng tin như thế mà tu tập pháp môn này thì có thể đạt đến Lý nhất tâm bất loạn hay chẳng? Thưa quý vị, có thể! Lý trì [sẽ đạt] công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn; còn nếu là Sự trì thì vẫn đạt công phu thành phiền, Sự nhất tâm, Lý nhất tâm. Có thể thấy: Trước mắt, không hiểu Lý chẳng sao cả! Hễ quý vị niệm đến mức nhất tâm bất loạn, sẽ tự nhiên thông suốt Lý ấy. Do Sự trì mà đạt đến Lý trì, đây là một con đường hết sức sáng sủa.

Thứ hai là Tín Tha (tin vào người khác), chữ Tha chỉ ai? Thứ nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Phải tin Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta pháp môn này, quyết định chẳng giả, quyết định chẳng dối gạt chúng ta, quý vị phải tin tưởng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Lần này tôi giảng ở Bình Đông³⁶ ba ngày, có một vị lão cư sĩ đặc biệt nêu ra câu hỏi: “Có rất nhiều người nói kinh Lăng Nghiêm là giả, kinh ấy có phải là giả hay chẳng?” Tôi bảo ông ta: “Kinh Lăng Nghiêm chắc chắn chẳng giả. Trong Pháp Diệt Tận Kinh³⁷, Thích Ca Mâu Ni Phật có

³⁶ Bình Đông là một huyện ở cực Nam đảo Đài Loan. Huyện lỵ đặt ở thành phố Bình Đông.

³⁷ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Pháp Diệt Tận Kinh, đã mất tên người dịch. Kinh này được đánh số 396 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Đức Phật giảng kinh này tại nước Câu Di Na Kiệt (Kushinagar). Phật cho biết sau khi Ngài diệt độ, sẽ có yêu ma quỷ quái mạo danh Phật pháp, giả làm đệ tử Phật để phá hoại Phật pháp. Tuy có các Bồ Tát, La Hán, Bích Chi Phật tận lực cứu vãn Phật pháp, nhưng vẫn không chế ngự nổi sức phá hoại của ma. Phật huyền ký hai kinh sẽ bị diệt

nói, trong tương lai Phật pháp đều bị diệt sạch, kinh Lăng Nghiêm bị diệt đầu tiên, kinh A Di Đà bị diệt cuối cùng. Tất cả kinh điển đều chẳng còn, nhưng kinh A Di Đà vẫn còn lưu lại một trăm năm. Khi kinh A Di Đà cũng không còn, vẫn còn sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật lưu lại một trăm năm. Quý vị hãy nghĩ đến tánh chất quan trọng của kinh này”. Tôi bảo ông ta: “Yêu ma quỷ quái nghĩ đủ mọi cách để hủy diệt kinh Lăng Nghiêm, nói kinh Lăng Nghiêm chẳng phải do đức Phật nói. Mọi người đừng tin tưởng bọn chúng. Nếu tin lời chúng nó, kinh Lăng Nghiêm sẽ bị diệt”.

Kinh Lăng Nghiêm bị diệt thì có lợi gì? Tà ma ngoại đạo có thể hoành hành không kiêng dè gì! Quý vị không có cách nào để biện định kẻ khác là Phật hay là ma. Nửa phần sau quyển bốn kinh Lăng Nghiêm là chương Tứ Chung Thanh Tịnh Minh Hối (bốn lời dạy răn sáng suốt, thanh tịnh), khi giảng kinh Lăng Nghiêm, tôi đặc biệt nêu ra: “Đây là kính chiếu yêu”. Quý vị đọc thuộc nửa quyển kinh văn ấy, những kẻ giả vờ học Phật quý vị vừa nhìn liền thấy ngay, bọn hẩn không có cách nào ẩn hình. Vì thế, chúng nó phải nghĩ đủ mọi phương pháp nhằm phá hoại kinh này, khiến quý vị chẳng tin tưởng [kinh Lăng Nghiêm]. Chương Thanh Tịnh Minh Hối có nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Trong thời kỳ Mạt Pháp, chẳng dễ gặp được chánh pháp; do thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp quý vị mới có thể nghe chánh pháp. Vì vậy, chúng ta phải tin Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dối gạt chúng ta.

Thứ hai, Tha chính là A Di Đà Phật. Trong kinh Vô Lượng Thọ có chép lịch sử và truyện ký của Ngài. Trong vô lượng kiếp trước, A Di Đà Phật cũng là phàm phu như chúng ta, gặp Thế Tụ Tại Vương Phật, khi đó địa vị của Ngài là quốc vương, Ngài bỏ ngôi vua, theo Phật xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, đời đời kiếp kiếp tu hành. Bốn mươi tám nguyện của Ngài đều được thực hiện, kiến lập Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc thế giới, tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới. Quý vị phải tin đây là chuyện thật, chắc chắn chẳng giả! Chỉ cần chúng ta tin tưởng sự thật này, niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, khi lâm chung, nhất định đức Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Những lời Ngài nói đáng tin cậy, tuyệt đối chẳng phải là dối gạt con người. Đây là bảo quý vị phải Tín Tha. Tín Tự, Tín Tha, Tín Sự, Tín Lý,

đầu tiên là Thủ Lăng Nghiêm và Ban Châu Tam Muội, màu áo ca-sa của sa-môn sẽ chuyển thành nhạt dần.

Tín Nhân, Tín Quả; đó là nói về Tín. Nguyên: Phải thật sự phát nguyện, nguyện sanh vào Tây Phương Tịnh Độ. Tín nguyện vãng sanh!

(Sớ) Giai tự lợi, lợi tha.

(疏) 皆自利利他。

(Sớ: Đều là tự lợi, lợi tha).

Nay chúng ta bắt đầu phát nguyện vì cứu độ hết thảy chúng sanh mà cầu sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình tu học thành tựu, trở về thế giới này độ chúng sanh. Do vậy, người niệm Phật vãng sanh là tích cực, chứ không tiêu cực. Có rất nhiều người nghĩ niệm Phật chỉ là cầu giải thoát cho riêng mình, giống như tiêu cực, chẳng đáng để học tập, họ đã thấy trật mắt rồi! Vì sao chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Vì cứu độ hết thảy chúng sanh. Chẳng đến thế giới Tây Phương, chẳng đoạn phiền não, trí huệ chẳng thể thành tựu viên mãn. Dầu chúng ta có lòng muốn giúp đỡ chúng sanh, nhưng thiếu năng lực. Vì vậy, đến Tây Phương để học lấy bản lãnh, ta đã có năng lực rồi sẽ quay trở lại. Đây là “tự lợi, lợi tha”.

(Sớ) Bồ Tát tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh chi đạo cố.

(疏) 菩薩淨佛國土，教化眾生之道故。

(Sớ: Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật; đây là đạo để giáo hóa chúng sanh).

Đây là chỉ thú của kinh này. Vì thế, kinh này thuộc về Đại Thừa, chẳng thuộc Tiểu Thừa.

(Sớ) Hồ nhiếp giả, như Hoa Nghiêm Bồ Tát Tạng nhiếp, diệt thông Thanh Văn, dĩ năng bao hàm vô lượng thừa cố.

(疏) 互攝者，如華嚴菩薩藏攝，亦通聲聞，以能包含無量乘故。

(Sớ: “Nhiếp lẫn nhau” là như kinh Hoa Nghiêm thuộc về Bồ Tát Tạng, mà cũng thuộc vào Thanh Văn Tạng, vì có thể bao hàm vô lượng thừa).

Kinh Hoa Nghiêm bao hàm tất cả hết thảy Phật pháp. Đương nhiên cũng bao hàm Duyên Giác Thừa, Thanh Văn Thừa, cho đến Nhân Thiên Thừa. Không chỉ Nhân Thiên Thừa, ngay cả ba ác đạo cũng chẳng lọt ra ngoài. Đây là giảng rõ ý nghĩa “*hỗ nhiếp*”.

(Sớ) Kim kinh Nhị Thừa chủng bất sanh, cố vân “phi bỉ”.

(疏) 今經二乘種不生，故云非彼。

(Sớ: Nay kinh này “chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh” cho nên nói là “không giống những kinh khác”).

“*Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh vào Tịnh Độ) là điều được nói trong Vãng Sanh Luận, [điều đó] chẳng có nghĩa là người Tiểu Thừa không thể vãng sanh! Người Tiểu Thừa nếu chẳng tin, chẳng phát nguyện, đương nhiên người ấy chẳng thể vãng sanh. Người Tiểu Thừa tin tưởng, phát nguyện, được gọi là “*hồi Tiểu hướng Đại*”, sẽ vãng sanh. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này: Nhằm phân định rõ người ấy khác với những kẻ Tiểu Thừa chấp trước, người ấy đã bỏ chấp trước, phá trừ chấp trước, hồi Tiểu hướng Đại, cầu sanh Tịnh Độ. Phẩm vị của người ấy khá cao vì đã đoạn Kiến Tư phiền não. Hễ người ấy vãng sanh, sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. “*Nhị thừa chủng bất sanh*” là những kẻ chẳng chịu hồi Tiểu hướng Đại, họ sẽ chẳng có phần nơi Tịnh Độ.

(Sớ) Hoặc vân: Hà đắc văn trung, bỉ Phật hữu Thanh Văn đệ tử?

(疏) 或問：何得文中，彼佛有聲聞弟子？

(Sớ: Có kẻ hỏi: Có sao trong kinh văn nói đức Phật ấy có đệ tử Thanh Văn).

Những đệ tử Thanh Văn ấy là người hồi Tiểu hướng Đại. Nếu chẳng hồi Tiểu hướng Đại, đương nhiên chẳng thể vãng sanh! Liên Trì đại sư giải đáp.

(Sớ) Đáp: Thử tạm hữu, chung vô, chí hạ thích văn trung đương biện.

(疏) 答：此暫有終無，至下釋文中當辯。

(Sớ: Đáp: Những người ấy là tạm thời có, rốt cuộc là không, đến phần giải thích kinh văn ở phía sau sẽ biện định điều này).

Trong phần sau sẽ giải thích tường tận. Vì sao nói là “tạm hữu, chung vô”? Người Tiểu Thừa một ngày nào đó phát tâm hồi Tiểu hướng Đại, tức là nói căn cơ của người ấy đã chín muồi, cho nên người ấy quyết định vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy Phật, nghe pháp, nghe những pháp nào? Vẫn là nghe pháp Tiểu Thừa. Vì sao nghe pháp Tiểu Thừa? Vì tập khí Tiểu Thừa rất sâu, đã quen tu nhiều đời nhiều kiếp rồi, tập khí rất khó đoạn. Vì thế, người ấy sang bên đó vẫn học kinh điển Tiểu Thừa. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật đúng là “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng” (thuận theo tâm chúng sanh, giảng pháp thích ứng với khả năng tiếp nhận của họ): Quý vị thích Tiểu Thừa bèn giảng Tiểu Thừa; thích Đại Thừa bèn giảng Đại Thừa, nhưng người ấy chắc chắn chẳng chấp vào giáo nghĩa Tiểu Thừa, vì sao? Vì nơi ấy thọ mạng vô lượng, Bồ Tát vô lượng, những điều người ấy được thấy nghe đều là pháp Đại Thừa, nhất định người ấy sẽ bị ảnh hưởng. Vì thế, ở nơi đó, tuy người ấy có tập khí Tiểu Thừa, nhưng thời gian còn tập khí ấy không dài, cho nên nói là “tạm thời có, rốt cuộc là không”.

(Sớ) Hựu vấn: Yếm khổ xu lạc, tự chuyên tự lợi, hà danh Bồ Tát?

(疏) 又問：厭苦趨樂，似專自利，何名菩薩？

(Sớ: Lại hỏi: Chán khổ, hướng đến sướng, dường như là chuyên tự lợi, sao gọi là Bồ Tát?)

Tịnh Tông thường nói “yếm ly Sa Bà, hân cầu Cực Lạc” (chán lìa Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc); quý vị chán ngán bên này, ưa thích bên kia, đã có chán ngán và hoan hỷ thì dường như là tự tư tự lợi! Tự tư tự lợi thì làm sao có thể gọi là Bồ Tát cho được?

(Sớ) Đáp: Cầu sanh Tịnh Độ, chánh vị kiến Phật văn pháp.

(疏) 答：求生淨土，正為見佛聞法。

(Sớ: Đáp: Cầu sanh về Tịnh Độ chính là vì thấy Phật, nghe pháp).

Đây là nói cho chúng ta biết mục đích của việc “cầu sanh Tịnh Độ”. Vì sao chúng ta cầu sanh Tịnh Độ? Vì muốn “*thấy Phật, nghe pháp*”. Chỉ có thấy Phật nghe pháp thì pháp ấy mới là thuần chân, chẳng vọng. Đức Phật chẳng còn tại thế, tuy những bậc đại đệ tử, A La Hán, Bồ Tát đã kết tập kinh điển, chép thành văn tự để lưu truyền hậu thế, nhưng nay chúng ta mở quyển kinh ra xem vẫn có thể hiểu sai ý nghĩa, đây là điều chẳng thể tránh khỏi. Đời sau, cũng có những vị tổ sư đại đức giảng sai kinh Phật, hưởng hồ những người xuất gia hiện thời, giảng sai kinh nghĩa, bẻ cong ý kinh, tôi cảm thấy chẳng thể trách họ được. Đó là hiện tượng bình thường! Do điều này, chúng ta tu học Phật pháp gặp chướng ngại trùng trùng, tìm đâu ra một vị thầy giỏi hay một vị thiện tri thức chân chánh chỉ điểm? Tìm không ra! Nếu quý vị muốn tìm một vị thầy thực sự giỏi giang, một vị thiện tri thức chân chánh, biện pháp duy nhất là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mười phương chư Phật, Đấng Giác Bồ Tát đều ở bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thời thời, khắc khắc, ở bất cứ nơi đâu cũng đều có thể gặp gỡ các Ngài, lời các Ngài nói chắc chắn là tốt lành. Vì thế, cầu sanh Tịnh Độ chính là để “*thấy Phật, nghe pháp*”.

(Sớ) Đắc Vô Sanh Nhân dĩ, hoàn lai thử thế, cứu khổ chúng sanh.

(疏) 得無生忍已, 還來此世, 救苦眾生。

(Sớ: Đã đắc Vô Sanh Pháp Nhân, bèn trở lại cõi đời này cứu khổ chúng sanh).

Khi nào quý vị thả chiếc bè Từ trở lại độ chúng sanh? Cũng có giai đoạn và tiêu chuẩn, tức là: Nếu quý vị chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, khi ấy, quý vị có thể quay lại. Nếu chính mình còn chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhân, nói cách khác, quý vị vẫn là phàm phu, quay lại vô ích! Quay lại thì vẫn sanh tử luân hồi, quay lại nhất định bị đọa lạc; cũng có nghĩa là nói: Học Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới phải học tốt nghiệp rồi mới được. Đã đắc Vô Sanh Pháp Nhân, thưa quý vị, là tốt nghiệp Tiểu Học bên Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tốt nghiệp Tiểu Học cũng được, cũng có thể trở về độ sanh. Vô Sanh Pháp Nhân rốt cuộc là địa vị nào vậy? Trong bài kệ Hội Hướng, chúng ta thường đọc “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Địa vị ấy chẳng quá cao, nói theo Viên

Giáo thì chỉ là Sơ Trụ Bồ Tát mà thôi. Tuy địa vị không cao, nhưng thân thông rộng lớn, bản lãnh chẳng nhỏ!

Qua kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy trong chương Hai Mười Lăm Pháp Viên Thông, hai mươi lăm vị Bồ Tát đều là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trong Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương thuộc quyển sáu kinh Lăng Nghiêm có nói ba mươi hai ứng thân. Kẻ nên dùng thân Phật để độ được, Quán Thế Âm Bồ Tát bèn thị hiện thân Phật để thuyết pháp. Quý vị nói: Ngài là Bồ Tát, làm sao có thể hiện thân Phật? Có thể chứ! Phật gồm có bốn loại, có Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo và Viên Giáo. Trong bốn loại Phật, Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo có thể thị hiện làm Tạng Giáo Phật hay Thông Giáo Phật, chứ Biệt Giáo Phật thì không được, bản thân Ngài chưa đạt trình độ ấy. Biệt Giáo Phật phải là địa vị Đệ Nhị Hạnh trong Thập Hạnh. Nói cách khác, phải từ Nhị Hạnh trở lên mới có thể hiện thân phật trong Biệt Giáo. Do vậy, Bồ Tát có thể thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, dùng thân phật ấy để giáo hóa chúng sanh. Đây là nói bậc đã đắc Vô Sanh Nhân, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Quý vị có thể trở lại thế giới Sa Bà, tìm người nhà và quyến thuộc của chính mình, bất luận họ đang luân hồi trong đường nào, quý vị đều biết, đều có thể tìm được họ. Họ có duyên với quý vị, họ nhất định đắc độ. Phật chẳng độ kẻ thiếu duyên, họ có duyên với quý vị. Có duyên bèn sẽ chịu nghe lời quý vị, chịu tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận lời quý vị khuyến cáo, nhất định có thể thành tựu. Do vậy, hạnh này đích xác là Bồ Tát hạnh!

(Sớ) Phi Thanh Văn đạo, như Thiên Thai Thập Nghi Luận trung thuyết.

(疏) 非聲聞道，如天台十疑論中說。

(Sớ: [Pháp môn Tịnh Độ] chẳng phải là Thanh Văn đạo, như trong Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai đã nói).

Thập Nghi Luận do Trí Giả đại sư sáng tác, chuyên môn giải thích Tịnh Độ. Cuốn sách này được đưa vào bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Phần Tạng Nhiếp (kinh Di Đà thuộc về Tạng nào) được giới thiệu đến đây.

Ngoài Tạng ra, còn có Giáo. Giáo là giáo học. Trong giáo học, cũng chia thành rất nhiều loại, kinh này thuộc về loại nào?

(Huyền Nghĩa) Giáo giả, y Hiền Thủ phán giáo phân ngũ, vị Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Kim thử kinh giả, Đốn giáo sở nhiếp, diệc phục kiêm thông tiền hậu nhị giáo.

(玄義) 教者，依賢首判教分五：謂小、始、終、頓、圓。今此經者，頓教所攝，亦復兼通前後二教。

(Huyền Nghĩa: Về giáo thì theo cách phán giáo của ngài Hiền Thủ, [giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật] được chia thành năm loại: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Nay kinh này thuộc về Đốn Giáo mà cũng thuộc vào hai giáo trước và sau đó (tức Chung Giáo và Viên Giáo).

“Tiền” là Chung Giáo, “hậu” là Viên Giáo. “Phán giáo”: Phán (判) là phán biệt (判別: phân chia), phán định. Quý vị phải hiểu: Phân khoa phán giáo là chuyện của người đời sau, chứ thuở Thích Ca Mâu Ni Phật không có. Người đời sau thấy đức Phật lưu lại kinh điển nhiều dường ấy, giáo nghĩa trong kinh điển có sâu, có cạn, người học Phật chúng ta phải nên theo trình tự từ cạn đến sâu, giống như tiêu chuẩn sắp xếp các môn học hiện thời vậy, môn nào nên xếp vào bậc Tiểu Học, môn nào nên xếp vào bậc Trung Học, hoặc xếp vào Đại Học, xếp vào chương trình nghiên cứu sinh. “Phán giáo” chính là sắp xếp các môn học. Thời Thích Ca Mâu Ni Phật không có, đệ tử đến hỏi, đức Phật bèn đáp theo lời hỏi, chẳng theo một khuôn khổ nào!

Nay sách giáo khoa được lưu lại nhiều ngàn ấy, chúng ta học tập nói chung phải có thứ tự. Vì thế, những cách phán giáo này do người đời sau đặt ra, sắp xếp môn học, chia thành năm loại lớn là Tiểu, Thi, Chung, Đốn và Viên, gọi là Ngũ Giáo. Phán giáo do người đời sau đặt ra, các vị đại đức đối với những pháp được thuyết trong bốn mươi chín năm của đức Phật mỗi người có một cách nhìn khác nhau, mỗi người có một cách phân chia, cũng chẳng hoàn toàn giống nhau. Do vậy, phán giáo để dành cho người đời sau tham khảo, đừng nên chấp trước quá đáng!

Tiểu Giáo là gì? Tiểu Giáo giống như Tiểu Học, ý của ngài Hiền Thủ là “đản thuyết Thiên Không” (chỉ nói đến cái Không lẹch lác), loại giáo nghĩa này thuộc về Tiểu Giáo. Nay kinh Di Đà thuộc về Đốn Giáo trong Ngũ Giáo. “Đốn” là đốn siêu (nhanh chóng vượt thoát), nhanh chóng nhất trong tất cả các pháp môn. Con người hiện thời thường nói ngồi máy bay trực thăng là nhanh nhất, đó là Đốn Giáo. Không chỉ là

Đôn, trong ấy còn có ý nghĩa Viên, Viên là viên mãn, mà cũng có ý nghĩa Chung Giáo. Trong Đại Thừa, Chung Giáo là cao nhất, Viên Giáo là viên mãn nhất. Dầu Hạ Phẩm Hạ Sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng viên chứng (chứng trọn vẹn) ba thứ Bất Thoái. Viên chứng ba thứ Bất Thoái mang ý nghĩa Viên Giáo và Chung Giáo. Vì thế, trong hết thảy các kinh Đại Thừa, kinh này quả thật có địa vị đặc thù, được hết sức đề cao.

(Sớ) Ngũ Giáo giả, nhất, Tiểu Thừa Giáo, sở thuyết duy thị Nhân Không, tưng thiêu thuyết Pháp Không, diệc bất minh hiển, dĩ y Lục Thức, Tam Độc, kiến lập nhiễm tịnh căn bản, vị tận pháp nguyên cố.

(疏) 五教者，一、小乘教，所說唯是人空，縱少說法空，亦不明顯，以依六識三毒，建立染淨根本，未盡法源故。

(Sớ: Ngũ Giáo: Một là Tiểu Thừa Giáo, chỉ nói về Nhân Không. Dầu có nói đôi chút về Pháp Không, nhưng cũng chưa rõ ràng, bởi pháp này dựa trên Lục Thức và Tam Độc để xây dựng [kiến giải về] căn bản nhiễm và tịnh, chưa trọn hết nguồn pháp).

Nhân Không là vô ngã. Trong Phật pháp thường nói: “*Nhân Ngã Không, Pháp Ngã Không, Nhị Không Chân Như*”. Phạm phu chấp trước Có, người Tiểu Thừa chấp trước Không. Người Tiểu Thừa đã phá Nhân Ngã, chấp trước Pháp Ngã, Bồ Tát chấp trước Trung Đạo; vì thế, đều chẳng viên! Trong kinh luận, đức Phật thường nói: “*Lưỡng biên bất lập*” (hai bên đều chẳng lập). Hai bên là Không và Hữu, đừng nên chấp vào hai bên, “*Trung Đạo bất tồn*”, [tức là] Trung Đạo cũng chẳng có. Nếu quý vị nói “hai bên chẳng có chính là Trung Đạo” thì Trung Đạo và hai bên đối lập, lại trở thành một bên! Do vậy, Bồ Tát có hai loại: Quyền Bồ Tát và Thật Bồ Tát. Chấp trước Trung Đạo là Quyền Giáo Bồ Tát, chưa thật sự là Bồ Tát. Bồ Tát thật sự chẳng lập một pháp nào, giống như Lục Tổ đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần?*” Ngay cả ý niệm Trung Đạo cũng chẳng có, như vậy mới thật sự là thanh tịnh. Nhân Không là trong Ngũ Uẩn không có Ngã, người Nhị Thừa có thể giác ngộ điều này, nhưng Ngũ Uẩn cũng là Không, họ không có cách

nào tiếp nhận! Họ ngỡ Ngũ Uẩn là có. Trong Ngũ Uẩn vô ngã, đó là sự thật, quả thật chẳng tìm được Ngã!

“*Túng nhiên thiếu thuyết Pháp Không*” (dẫu có nói đôi chút về Pháp Không), chẳng hạn như kinh nói: “*Vô thùy lão tử, vô thị lão tử*” (không có ai già chết nên không có gì là già chết). Câu trước nói về Nhân Không, câu sau nói về Pháp Không. Lại như kinh thường nói: “*Chư pháp vô hữu Ngã, diệc phục vô ngã sở, Nhân Pháp diệc nhiên*” (Các pháp không có Ngã, mà cũng chẳng có cái gì là của ta, Nhân và Pháp cũng giống như vậy), cũng là câu trước nói về Nhân Không, câu sau nói về Pháp Không; nhưng nói rất ít, hoàn toàn chẳng nêu bày rõ rệt, tường tận đạo lý Pháp Không, vì sao? Người Tiểu Thừa chẳng dễ dàng lãnh ngộ. Nói cách khác, họ chưa đủ trình độ! Nguyên nhân khiến trình độ không đủ là do họ chấp tướng quá lộ. Chẳng hạn như, Bồ Tát thị hiện thành Phật, nhất là thị hiện thành Tạng Giáo Phật, Tạng Giáo Phật có tám tướng thành đạo. Trong tám tướng thành đạo, đối với Tiểu Thừa có tướng “hàng ma”. Trong Đại Thừa không có hàng ma. Vì sao Đại Thừa không hàng ma? Ma là Phật, Phật là ma, Phật - ma không hai! Ma hiện trước mặt, tâm địa thanh tịnh, quang minh, sẽ chẳng bị nó dụ dỗ, mê hoặc, đó là Phật. Nếu Phật hiện đến, trong tâm vừa động, ta hoan hỷ: Thấy Phật rồi! Cái tâm của quý vị bị loạn ngay, Phật cũng là ma! Vì thế, trong Đại Thừa Phật pháp không có hàng ma, nhưng có trụ thai. Tiểu Thừa có nhập thai, xuất thai, chẳng có trụ thai. Trong tám tướng thành đạo của Đại Thừa Phật pháp có tướng trụ thai, đây là Bồ Tát ở trong thai khi mẹ đang hoài thai. Ngài ở trong bụng mẹ giảng kinh, thuyết pháp, cũng có vô lượng Bồ Tát vây kín xung quanh nghe kinh trong ấy. Tiểu Thừa không có chuyện này, dù thấy đích xác cảnh giới Đại Thừa và Tiểu Thừa không giống nhau!

Dẫu có nói đến Pháp Không cũng chẳng triệt để, cũng chẳng rõ ràng. Đã thế, lại còn lấy Lục Thức và Tam Độc (tham, sân, si) làm căn cứ để luận định nhiễm và tịnh, đây cũng là nói rất cạn! Bởi lẽ, người Tiểu Thừa chẳng tin có thức thứ tám, họ chẳng thể lãnh ngộ; họ tin có thức thứ sáu, thức thứ sáu so ra dễ tin tưởng hơn. Đức Phật bèn giảng cho họ thức thứ sáu. Tam Độc là nói về Năng Huân, tức [chủ thể có công năng] huân tập! Hằng ngày, tham, sân, si huân tập quý vị, thức thứ sáu được gọi là Sở Huân (cái bị huân tập). Tam Độc huân tập thức thứ sáu, lưu chuyển sanh tử, đây là nguyên nhân của sự luân hồi trong lục đạo. Cách nói này hết sức hợp lý, nếu chúng ta chẳng nâng Phật pháp lên cao hơn một tầng nữa, chẳng nói tới pháp xuất thế gian, chỉ nói về lục đạo

luân hồi thì lý luận này vô cùng tinh vi, xác thực. Vì sao quý vị có sanh tử luân hồi? Vì nguyên nhân như thế đó! Do vậy, điều này được gọi là căn bản của ô nhiễm. Quý vị phải ghi nhớ: Trong hết thảy cảnh giới, phải ngăn ngừa chính mình khởi tham, sân, si, nhất định chẳng để cho tham, sân, si ô nhiễm tự tâm. Người Tiểu Thừa nói “*tự tâm*” chính là nói về thức thứ sáu, họ coi Ý Thức, tức thức thứ sáu, là tự tâm. Ngược với họ, đức Phật dùng Giới - Định - Huệ để huân tập thức thứ sáu, Giới - Định - Huệ đối trị tham, sân, si. Dùng Giới Học để đối trị tâm tham, dùng Định Học để đối trị tâm sân khuể, dùng Huệ Học để đối trị ngu si. Giống như trị bệnh; tham, sân, si là bệnh, Giới - Định - Huệ là thuốc. Dùng Giới - Định - Huệ để huân tập thức thứ sáu. Đó gọi là căn bản thanh tịnh. Vì thế, họ dùng những điều này để kiến lập căn bản nhiễm và tịnh. Cố nhiên kiến lập như thế rất hay, có thể làm cho chúng sanh đoạn ác, tu thiện, lìa nhiễm, tu tịnh, nhưng chẳng triệt để, vì sao? Chưa nói đến tâm tánh!

“*Vị tận pháp nguyên*” (chưa trọn hết nguồn pháp). Sau thức thứ sáu còn có thức thứ bảy và thức thứ tám; cao nhất là nói đến Chân Như bản tánh. Những điều này [Tiểu Giáo] đều chưa nói đến! Giáo nghĩa giống như vậy được gọi là Tiểu Thừa Giáo. Tu học Tiểu Thừa Giáo khá khó khăn, vì sự tu học trong Tiểu Thừa hết sức coi trọng sự tướng. Giới luật cũng như thế. Giới luật Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, hết sức chấp trước nơi sự tướng. Chúng ta cũng thường gọi điều này là “*trạch thiện cố chấp*” (chọn lựa điều lành rồi chấp chặt vào đó), chẳng giống Đại Thừa. Sự tu học trong Đại Thừa rất sống động, ngày nay chúng ta gọi là “*cởi mở*”, họ luận tâm, chẳng luận sự. Vì thế, cảnh giới Đại Thừa cao hơn Tiểu Thừa. Nhiễm hay tịnh trong Đại Thừa dựa trên khởi tâm động niệm để nói; sự kết tội trong giới luật cũng giống như thế. Chẳng hạn như “*không sát sanh*” là điều đầu tiên trong Ngũ Giới. Nếu là Tiểu Thừa, tâm ta muốn giết người khác, nhưng hoàn toàn chẳng giết hẳn, ta

chẳng phạm giới. Đòi với Bồ Tát Giới của Đại Thừa thì không được! Quý vị khởi lên một ý niệm “ta muốn giết hấn” là đã phạm giới. Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự; Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, giống như pháp luật trong thế gian. Giới Tiểu Thừa nhiều, nhưng dễ trì, dễ tuân thủ; giới Đại Thừa tuy ít, rất khó trì, [bởi] kết tội nơi khởi tâm động niệm. Tiểu Thừa chẳng rột ráo, chưa trọn hết nguồn pháp.

Nói đến Đại Thừa, Đại Thừa có Thi Giáo, có Chung Giáo. Thi Giáo là bắt đầu, Chung Giáo là kết thúc. Chúng ta ví Tiểu Giáo như Tiểu Học, Thi Giáo và Chung Giáo như Trung Học, Thi Giáo là Sơ Trung (cấp Hai, Trung Học Đệ Nhất Cấp), Chung Giáo là Cao Trung (cấp Ba, Trung Học Đệ Nhị Cấp), một trước, một sau, đều thuộc về Đại Thừa. Thi Giáo và Chung Giáo đều là “*tiệm thứ*” (tiến dần dần theo thứ tự), thuộc về tiệm tu, giống như đi học: Lớp năm đầu, lớp năm thứ hai, lớp năm thứ ba, lớp năm thứ tư, tu học tiến dần lên. Đốn Giáo không có thứ tự, giống như bậc thiên tài đặc biệt thù thắng! Chưa tốt nghiệp Tiểu Học mà có thể học thẳng vào chương trình nghiên cứu sinh, chẳng cần học những lớp ở giữa, đốn siêu! Thành tựu hết sức nhanh chóng. Viên Giáo là đại viên mãn, là viên mãn rột ráo. Tại Trung Quốc quả thật có người thuộc loại căn tánh này, chẳng phải là không có. Nếu nói theo pháp môn này, sẽ càng rõ rệt nhất! Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 70

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm lẻ hai:

(Sớ) Ngũ Giáo giả, nhất, Tiểu Thừa Giáo, sở thuyết duy thị Nhân Không, tưng thiểu thuyết Pháp Không, diệc bất minh hiển, dĩ y Lục Thức, Tam Độc, kiến lập nhiễm tịnh căn bản, vị tận pháp nguyên cố.

(疏) 五教者，一、小乘教，所說唯是人空，縱少說法空，亦不明顯，以依六識三毒，建立染淨根本，未盡法源故。

(Sớ: Ngũ Giáo: Một là Tiểu Thừa Giáo, chỉ nói về Nhân Không. Dầu có nói đôi chút về Pháp Không, nhưng cũng chưa rõ ràng, bởi pháp

này dựa trên Lục Thức và Tam Độc để xây dựng [kiến giải về] căn bản nhiệm và tịnh, chưa trọn hết nguồn pháp).

Vượt thoát lục đạo sanh tử luân hồi, [Tiểu Giáo] lấy điều này làm chánh yếu. Muốn vượt thoát sanh tử luân hồi, đoạn Kiến Tư phiền não, chứng Nhân Không thì [tu tập Tiểu Giáo] sẽ có thể [thực hiện được], có thể đạt được mục đích này. A La Hán và Bích Chi Phật trong Tiểu Thừa đều thuộc vào cảnh giới này. Cao hơn một tầng là Đại Thừa Thỉ Giáo, Thỉ (始) là bắt đầu, từ Tiểu Thừa vừa mới bước vào Đại Thừa. Căn tánh của chúng sanh khác nhau; vì thế, sự tu học trong Phật pháp có thứ tự, mà cũng có khi chẳng tuân theo thứ tự. Giống như trong giới giáo dục hiện thời [tình trạng] cũng là như vậy: Tuân theo thứ tự là như Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, học theo trình tự như vậy, theo thứ tự học cao dần lên; nhưng cũng có bậc thiên tài, chẳng cần phải theo thứ tự ấy, thậm chí còn chưa tốt nghiệp Tiểu Học mà có thể học Đại Học, chẳng cần phải học Trung Học, đương nhiên rất ít người như vậy.

Trong Phật pháp, quả thật căn tánh của chúng sanh khác nhau, tuy từ Đại Thừa nhập đạo, vừa bắt đầu liền học Đại Thừa, ít nhiều gì thì cũng cần có một chút cơ sở Tiểu Thừa? Nếu hoàn toàn không có cơ sở Tiểu Thừa, [học ngay vào Đại Thừa mà thành tựu], thì thật sự phải là bậc thiên tài hoặc bậc tái lai, kẻ tầm thường sẽ chẳng thể làm được! Giống như Lục Tổ đại sư của Thiên Tông, đúng là thiên tài! Trước thời Lục Tổ, chúng ta chẳng thấy có ai có căn tánh như Lục Tổ, mà sau Lục Tổ mãi cho đến hiện tại đã hơn một ngàn ba trăm năm, cũng chẳng thấy một ai. Vì thế, chúng ta chẳng thể học theo căn tánh ấy. Trong Ngũ Giáo, Lục Tổ thuộc vào Đốn Giáo, Viên Giáo, Ngài nhập đạo từ ngay nơi ấy, chúng ta chẳng thể làm được!

Chúng ta tu học tuy là vừa vào cửa Phật bèn học pháp Đại Thừa, nhưng Đại Thừa của chúng ta hiện thời vẫn chưa phải là Thỉ Giáo, chúng ta từ Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo của Đại Thừa mà nhập môn. Do vậy, có nhiều đồng tu học Phật đổ hết tinh thần, siêng năng tu tập suốt đời, chẳng những chưa thể nhập môn, mà ngay cả tin tức cũng không có. Đó là sự thật. Học đến già, quý vị hỏi họ: “Trong Phật pháp, ông có tâm đắc gì hay chẳng?” Người ấy không nói được! Dầu học Thiên, vẫn chưa đắc Thiên Định; học Giáo, chưa đại khai viên giải. Niệm Phật chẳng đắc nhất tâm bất loạn. Dụng công cả đời, chẳng có thành tựu gì! Chúng ta thấy rất nhiều người gặp phải tình cảnh ấy, đây là vì họ không hiểu giáo nghĩa, chẳng biết căn tánh của chính mình. Nếu

chính mình chẳng phải là bậc thượng căn lợi trí, chúng ta cứ cầu học theo thứ tự, sẽ nhất định có thành tựu.

Phật pháp khác với pháp thế gian. Tu học pháp thế gian dùng một thời gian rất dài để tiến dần theo trình tự, cầu tiến bộ dần dần. Trong Phật pháp, tất cả các căn cơ được chia thành hai loại lớn: Một là hạng thiện căn sâu dày, hai là kẻ phước đức sâu dày. Đương nhiên hẳn có thiện căn, nhất định có phước đức. Thiện căn sâu dày, phước đức kém một chút, tình hình này rất nhiều. Có người phước đức sâu dày, nhưng thiện căn kém một chút. Hai loại người này đều có thể theo pháp Đại Thừa. Thiện căn là gì? Thiện căn là nói đến tín giải. Người ấy nghe xong liền tin tưởng, Tín là thiện căn. Vừa nghe liền lý giải, đó gọi là “*nhất văn thiên ngộ*” (nghe một, ngộ cả ngàn), “*cử nhất phản tam, văn nhất tri thập*” (nêu lên một góc, suy ra ba góc kia, nghe một biết mười). Đây là thiện căn sâu dày. Phước đức kém một chút là người ấy coi nhẹ mặt Hành, thật sự nói đến đoạn phiền não thì người ấy chưa đủ công phu. Tín giải thì có, nhưng mặt Hành còn kém mấy phần!

Người phước đức nhiều, thiện căn ít, có thể tin, nhưng giải thì kém, sẽ không có năng lực ấy. Giảng cho họ cách nào, họ cũng chẳng thể thấu hiểu, cũng chẳng hiểu rõ ràng, nhưng người ấy có phước báo, phước báo là gì? Chịu hành. Chẳng hạn như quý vị bảo người ấy tham Thiền, người ấy hằng ngày tịnh tọa; bảo người ấy niệm Phật, người ấy một câu A Di Đà Phật suốt ngày từ sáng đến tối chẳng rời miệng, người ấy có thể hành, phước báo to lớn. Hai loại người này đều có thành tựu. Vì thế, kinh Di Đà bảo: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh vào cõi ấy); đủ thấy chỉ cần có thiện căn, có phước đức, nhất định có thể thành tựu. Nếu hai loại này (thiện căn và phước đức) đều nhiều, quá tốt đẹp! Đây là bậc thượng căn lợi trí. Trong hai loại này, ai có loại này nhiều, loại kia ít, sẽ đều nhất định có thành tựu, chẳng thể nào không thành tựu. Sợ nhất là cả hai loại đều chẳng có, đối với Phật pháp nửa tin nửa ngờ, lại chẳng thể lý giải, đương nhiên càng chẳng chịu thực hành, loại người này chẳng thể thành tựu được!

(Sớ) Nhị, Đại Thừa Thỉ Giáo.

(疏) 二、大乘始教。

(Sớ: Hai là Đại Thừa Thỉ Giáo).

Thỉ Giáo là bắt đầu của Đại Thừa, trước là thông với Tiểu Thừa, [tức là trong giáo nghĩa của Thỉ Giáo] bao hàm những giáo nghĩa của Tiểu Thừa, sau là thông với Đại Thừa. Vì thế, theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, Thỉ Giáo được gọi là Thông Giáo, thông với giáo trước và giáo sau. Trong cách phán giáo của tông Hiền Thủ, giáo này được gọi là Thỉ Giáo, tức Đại Thừa Thỉ Giáo.

(Sớ) Điều đệ nhị thời, dẫn minh u Không. Đệ tam thời định thuyết Tam Thừa, bất hứa định tánh, Xiển Đề thành Phật, vị tận Đại Thừa chí cực chỉ thuyết, cố danh vi Thỉ. Hữu thành Phật, hữu bất thành Phật, phục danh Phần Giáo. Sở thuyết tắc quảng đàm pháp tướng, thiếu cập pháp tánh. Kỳ sở vân Tánh, diệc thị Tướng số, dĩ y sanh diệt bát thức, kiến lập sanh tử cập Niết Bàn nhân chư nghĩa loại cố.

(疏) 繇第二時，但明於空。第三時定說三乘，不許定性闡提成佛，未盡大乘至極之說，故名為始。有成佛有不成佛，復名分教。所說則廣談法相，少及法性。其所云性，亦是相數，以依生滅八識，建立生死及涅槃因諸義類故。

(Sớ: Ấy là vì thời thứ hai chỉ giảng về Không, thời thứ ba lập ra Tam Thừa, chẳng hứa khả hàng định tánh Thanh Văn và Xiển Đề có khả năng thành Phật, chưa nói tột cùng giáo nghĩa Đại Thừa, nên gọi là Thỉ. [Do trong giáo nghĩa của Thỉ Giáo], có kẻ thành Phật, có kẻ chẳng thành Phật, nên [Thỉ Giáo] lại gọi là Phần Giáo. Giáo này nói rộng về pháp tướng, giảng đôi chút về pháp tánh. Cái được gọi là “tánh” [trong Thỉ Giáo] cũng chỉ là một danh từ pháp tướng vì nó dựa trên tám thức sanh diệt để kiến lập các nghĩa lý như nhân duyên của sanh tử và Niết Bàn).

Giới thiệu đơn giản giáo nghĩa của Đại Thừa Thỉ Giáo. “Đệ nhị thời” nói Không, “dẫn minh u Không” (chỉ giảng về Không). Nói theo Pháp Tướng Tông, khi Thích Ca Mâu Ni xuất hiện lần đầu tiên tại Lộc Dã Uyển thuyết pháp cho năm vị tỳ-kheo, Ngài nói pháp Tứ Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nói các pháp đều dựa trên pháp tướng để nói, tướng là

Có, đó là “*đệ nhất thời*”. Trong thời thứ hai, dựa vào Biến Kế Sở Chấp, nói hết thấy các pháp đều Không. Nói theo cách bây giờ, Biến Kế Sở Chấp là khái niệm trừu tượng, chẳng chân thật, chỉ là một khái niệm trừu tượng mà thôi, chẳng có sự thật. Vì thế, nó là giả, chẳng thật. Đây là một phần Không nghĩa trong Bát Nhã. Đó là thời thứ hai, nói các pháp đều là Không.

Thời thứ ba, nói Biến Kế Tánh Không (tánh của Biến Kế Sở Chấp là Không). Trong Duy Thức, có ba loại tánh: Y Tha Khởi Tánh, Viên Thành Thật Tánh (tánh là tánh chất) [và Biến Kế Sở Chấp Tánh]. Y Tha Khởi: Tha (他) là bên ngoài; có nhiều điều kiện thì mới có thể hiện thành một hiện tượng, Phật môn gọi điều này là “*duyên khởi*”. Hết thấy các pháp đều do nhân duyên tụ hợp hiện thành hiện tượng ấy, nó có tự thể hay không? Không có! Đức Phật dạy: Con người do các thứ duyên như Tứ Đại và Ngũ Uẩn (Tứ Đại và Ngũ Uẩn là duyên) tụ tập mà hiện ra tướng. Nếu Tứ Đại và Ngũ Uẩn phân tán, tướng ấy chẳng còn nữa. Chúng ta hãy nghĩ xem: Con người có hay không? Con người không có, Tứ Đại và Ngũ Uẩn thì có. Nếu từ chỗ này, quý vị hoảng nhiên đại ngộ thì con người chúng ta sẽ không có sanh tử! Cái gọi là “sanh” chẳng qua là tướng được hiện bởi Tứ Đại và Ngũ Uẩn tụ hợp; cái gọi là “tử” chỉ là Tứ Đại phân tán mà thôi!

Tứ Đại tụ là nó, mà tán cũng là nó, nó chẳng có sanh diệt. Các khoa học gia hiện thời nói vật chất chẳng diệt, có cùng một đạo lý như Phật pháp đã nói. Vì thế, chẳng có sanh diệt. Do điều này, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Tướng là [các nhân duyên] tụ hội, khi tụ bèn hiện ra tướng. Khi [các nhân duyên ấy] tán, tướng bị diệt mất. Do vậy, tướng có, tướng không, những điều này là sự thật. Nếu nói sanh và diệt, đây chẳng phải là sự thật. Sự thật là [các nhân duyên] tụ hay tán mà thôi. Trong tụ và tán, chẳng tìm được ý nghĩa sanh diệt. Vì thế, nói “sanh tử” là giả, chẳng thật. Phật môn nói “*liễu sanh tử*”, liễu (了) là hiểu rõ; triệt để hiểu rõ sanh tử rốt ráo là chuyện như thế nào, hiểu rõ ràng! Thật sự hiểu rõ ràng thì đối với sanh, quý vị sẽ chẳng tham sống, mà cũng chẳng sợ chết. Biết sanh tử chẳng chân thật, chỉ do cách nhìn sai lầm, nhận biết lầm lẫn [mà chấp trước sanh tử]. Đối với chân tướng nhân sinh và vũ trụ, nầy sanh hiểu lầm, trong sự nhận biết lầm lẫn bèn có sanh tử. Đây là nói về Y Tha Khởi Tánh.

Viên Thành Thật Tánh: Viên Thành Thật là thành tựu viên mãn. Nói “*thành tựu viên mãn*” có nghĩa là chẳng có thứ gì trước mắt chẳng

chân thật, vì sao? Tánh là chân thật, cho nên những tướng ấy cũng chân thật. Cổ nhân nêu tỷ dụ: “*Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Dem vàng sánh với thật, đồ vật ví với giả. Ta có một khối vàng, hôm nay ta cao hứng đúc thành tượng Phật, tượng Phật bằng vàng! Ngày mai ta không thích tượng Phật nữa, đúc thành hình con mèo bé, con cún, tượng khác nhau, vàng có tồn tại hay không? Vẫn tồn tại! Hiện tượng tượng Phật thì vẫn là vàng, hiện tượng con cún, con mèo bé vẫn là vàng, chẳng biến đổi, thứ gì cũng đều chân thật. Vì thế, trong Phật môn nói minh tâm kiến tánh, “*minh*” (明) là trong tâm không mê, phá mê khai ngộ; ngộ (悟) là quang minh. Quý vị thấy hết thủy vạn sự vạn pháp không gì chẳng phải là Chân Như bản tánh. Minh tâm bèn kiến tánh, tánh ở chỗ nào? Chẳng có pháp nào không phải là tánh, hoàn toàn do tự tánh biến hiện. Giống như vàng và các món đồ là một, quý vị hoảng nhiên đại ngộ, có món đồ nào chẳng phải là vàng? Quý vị thấy các món đồ bằng vàng trong tiệm kim hoàn, thứ nào cũng đều là vàng, chẳng có thứ nào không phải. Sâm la vạn tượng, vũ trụ, nhân sinh đều là vật được biến hiện bởi tự tánh, chẳng có pháp nào không phải là tự tánh. Đó gọi là “*pháp nào cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn*”; cảnh giới ấy được gọi là Viên Thành Thật Tánh. Những điều này đều là nói về giáo nghĩa Đại Thừa.

“*Đệ tam thời định thuyết tam thừa*” (Thời thứ ba lập ra ba thừa), ba thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, “*bất hứa định tánh Xiển Đề thành Phật*” (chẳng hứa khả định tánh Thanh Văn và Xiển Đề có thể thành Phật): Giáo nghĩa này chẳng tán thành [ý kiến hàng định tánh Thanh Văn và Nhất Xiển Đề vẫn có khả năng thành Phật]. Xiển Đề (Icchantika) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*kẻ không có thiện căn*”, hay “*kẻ đoạn diệt thiện căn*”, hạng người này chẳng thể thành Phật. Thật ra, người chẳng có thiện căn có phải là do tự tánh biến hiện ra hay chẳng? Đương nhiên là có! Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, chẳng hề nói ngoài tâm còn có thể kiến lập một pháp, đấy là chuyện chẳng thể nào có được! Nhưng trong giai đoạn này, đức Phật chưa nói rõ ráo, vì sao? Căn tánh và trình độ của chúng sanh còn chưa đạt tới mức, nói ra sẽ khiến họ hoài nghi, chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng. Do vậy, trong giai đoạn này, giáo nghĩa chỉ nói đến đây bèn thôi. Tới hội Pháp Hoa “*khai Quyền hiển Thật*”, đức Phật nói lời thật, Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật! Đấy mới là rõ ráo viên mãn. Đại Thừa Thi Giáo chẳng nói đến vấn đề này, do vậy,

[sách Sớ Sao] phê phán [Thi Giáo] “*vị tận Đại Thừa chí cực chi thuyết*” (chưa nói đến giáo nghĩa Đại Thừa tột cùng). Đó gọi là Thi, tức là bắt đầu của Đại Thừa. Đồng thời, trong giai đoạn này, đức Phật nói có kẻ thành Phật, có kẻ chưa thể thành Phật, do nói những điều đó nên gọi là Phần Giáo. Phần Giáo là có phân biệt, [Thi Giáo] được gọi là Đại Thừa Phần Giáo.

“*Sở thuyết tắc quảng đàm pháp tướng*” (nói rộng về pháp tướng). Chẳng hạn như Bách Pháp Minh Môn nói tâm pháp gồm tám món, tức tám Tâm Vương (tám thức) và Tâm Sở Hữu Pháp. Nay chúng ta gọi năm mươi một Tâm Sở Pháp (Tâm Sở Hữu Pháp) là tác dụng tâm lý. Hai mươi bốn món Bất Tương Ứng Hành Pháp cũng thuộc vào tác dụng tâm lý, nhưng là tác dụng gián tiếp, chẳng phải là tác dụng trực tiếp. Nói theo ngôn ngữ hiện thời, những loại tác dụng gián tiếp này hoàn toàn là khái niệm trừu tượng, quyết định chẳng phải là chân thật. Tâm Sở Hữu Pháp là Y Tha Khởi, tức là nương vào Tâm Vương mà khởi. Hai mươi bốn món Bất Tương Ứng chẳng thể tìm ra chúng nương vào đâu mà khởi lên, thậm chí sở y (chỗ nương tựa) của chúng rất nhiều, nhưng chẳng thể nói quyết định là thuộc vào một loại pháp nào, chúng là những khái niệm sai lầm sanh ra từ rất nhiều pháp. Cho nên, về Sự thì có, mà về Lý thì không. Ví như thời gian, chúng ta nói mấy phút, mấy giây, dường như là có chuyện này, chúng tôi hẹn quý vị mấy giờ sẽ đến đây, nay chúng tôi giảng kinh là từ bảy giờ rưỡi đến chín giờ. Về mặt Sự thì có, nhưng trên Lý quả thật chẳng có! Quan niệm thời gian do quả đất xoay quanh chính nó một vòng mà có, chia thành hai mươi bốn giờ, một giờ chia thành sáu mươi phút, chia ra như vậy. Trên địa cầu, thời gian địa cầu tự xoay quanh nó một vòng dài ngắn khác nhau [tùy thuộc các vị trí khác nhau]. Nếu quý vị tới Nam Cực hay Bắc Cực, cứ coi địa cầu xoay quanh nó một ngày thì [ở nơi đó] sáu tháng là ban ngày, sáu tháng là ban đêm, chia ra hai mươi bốn giờ bằng cách nào? Không có cách nào chia được! Quý vị ngồi trong phi thuyền, bay lên không trung rời khỏi trái đất, quan niệm thời gian trên địa cầu không còn nữa! Do đây, có thể biết: Thời gian là một khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật.

Không gian cũng giống như thế! Chúng ta nói bốn phương, bốn phương bàng, trên, dưới, Đông, Tây, Nam, Bắc. Nay ta biết địa cầu tròn xoe, chúng ta đi sang phương Đông, đi theo phương Đông, khi trở về [chỗ cũ] sẽ là trở về từ phương Tây! Do vậy, phương vị cũng chẳng thật. Chúng ta ở Đài Bắc, Cơ Long ở phía Bắc của chúng ta, Tân Trúc nằm ở phương Nam. Nếu chúng ta sang Nhật Bản thì Cơ Long cũng thuộc

phương Nam, chẳng còn là phương Bắc của chúng ta nữa, rốt cuộc xác định phương vị như thế nào? Chẳng có! Chẳng hề có phương vị! Những điều này đều nhằm thuận tiện cho cuộc sống mà giả lập, trên thực tế chẳng có, đều là một loại khái niệm trừu tượng. Trên mặt Sự thì có, nhưng theo Lý thì không! Chúng ta phải giác ngộ. Giác ngộ rồi cũng chẳng hoại pháp thế gian, vì sao? Thuận tiện cho mọi người sử dụng, chúng ta ước chừng mấy giờ đến chỗ này, đến giờ mọi người đều đến. Tuy là những thứ giả, nhưng chúng có ích, quý vị chớ nên chấp trước. Nếu quý vị chấp trước “nhất định là có”, sẽ thành sai lầm. Trong Bách Pháp, những pháp giống như thời gian và không gian đều thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Sắc pháp là vật chất, chia thành năm căn và sáu trần, gồm mười một loại. Trong sáu căn có Ý Căn, đó là tâm pháp, không phải sắc pháp. Do vậy, Ý Căn được xếp vào tám Tâm Vương. Do đó, sắc pháp chỉ gồm mười một loại, tâm pháp có tám loại. Những điều này đều là “*quảng đàm pháp tướng*” (giảng rộng về pháp tướng), chúng tôi chỉ nêu ra một thí dụ để nói.

“*Thiếu cập pháp tánh*” (nói đôi chút về pháp tánh): Rất ít bàn đến pháp tánh. Dẫu nói đến pháp tánh, ý nghĩa vẫn bao hàm trong pháp tướng. Nói cách khác, từ pháp tướng mà nói kèm thêm một chút pháp tánh. Giống như Bách Pháp [là một thí dụ] vô cùng rõ rệt: Trong một trăm pháp, có chín mươi bốn pháp nói về pháp tướng, sáu pháp sau cùng đều là pháp vô vi, đều thuộc về pháp tánh. Nói đến pháp tánh chỉ chiếm sáu phần trăm, nói đến pháp tướng chiếm hết chín mươi bốn phần trăm. Rất hiển nhiên [Bách Pháp] thuộc Đại Thừa Thi Giáo. “*Kỳ sở vân tánh, diệt thị tướng số*” (Nói đến tánh thì cũng thuộc vào danh số của pháp tướng), vừa nói đến điều này! “*Dĩ y sanh diệt bát thức, kiến lập sanh tử cập Niết Bàn nhân chư nghĩa loại cổ*” (do dựa trên tám thức sanh diệt để kiến lập các nghĩa lý giống nhân duyên của sanh tử và Niết Bàn). Nói đến sanh tử và Niết Bàn đều là dựa trên tám thức sanh diệt để nói, cách nói này chẳng viên dung. Pháp Tướng Tông nói Chân Như là ngưng lặng, bất động, chẳng giống như Viên Giáo! Viên Giáo nói Chân Như hoạt bát sống động, bất biến nhưng tùy duyên, tùy duyên nhưng bất biến. Giáo nghĩa của Thi Giáo nói Chân Như là thanh tịnh, bất động, chẳng tùy duyên, đó là vì dựa trên tám thức sanh diệt. Theo cách nói của tông Thiên Thai, tám thức có bốn loại: Sanh Diệt Bát Thức, Vô Sanh Bát Thức, Vô Lượng Bát Thức và Vô Tác Bát Thức; có thể thấy là đối với một danh từ, có nhiều cách nói. Tiểu Giáo có cách nói của Tiểu Giáo, Thi Giáo có cách nói của Thi Giáo. Chung Giáo, Đốn Giáo, Viên Giáo,

mỗi giáo có cách nói riêng, ý nghĩa khác nhau, mức độ sai biệt sâu hay cạn rất lớn.

Do vậy, Thi Giáo giảng sanh tử và Niết Bàn: Từ vô thi đến nay, hết thấy các pháp do có lục đạo luân hồi, do có mười pháp giới, cho nên mới có chứng đắc Niết Bàn. Giới (界) là nhân, thật ra, nếu nói chân thật thì kinh Hoa Nghiêm giảng về Niết Bàn viên mãn nhất: Niết Bàn vốn sẵn có. Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*bất sanh, bất diệt*”. Bất sanh bất diệt vốn sẵn có, nay chúng ta tuy là phạm phu, nhưng Niết Bàn sẵn có của chúng ta chẳng hề mất đi. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Căn tánh của sáu căn là bất sanh, bất diệt, sáu thức có sanh diệt. Giáo nghĩa [Thi Giáo] được kiến lập trên cơ sở này. Do kiến lập trên tám thức sanh diệt nên mới có “*Có Niết Bàn để có thể chứng, có sanh tử để có thể liễu*”, đó là Đại Thừa Thi Giáo. Lên một tầng cao hơn, sẽ chẳng có sanh tử, mà cũng chẳng có Niết Bàn. “*Sanh tử Niết Bàn đẳng không hoa*” (sanh tử và Niết Bàn như hoa đốm trên hư không), đây là bình đẳng. Ở đây, nói về giáo nghĩa của Thi Giáo, giáo nghĩa của Chung Giáo cao hơn.

(Sớ) Tam, Đại Thừa Chung Giáo, diêu xuất Trung Đạo Diệu Hữu, định tánh Xiển Đề giai đương tác Phật, phương tận Đại Thừa chí cực chi thuyết, cố danh vi Chung. Xưng Thật Lý cố, phục danh Thật Giáo.

(疏) 三、大乘終教，繇出中道妙有，定性闡提，皆當作佛，方盡大乘至極之說，故名為終。稱實理故，復名實教。

(Sớ: Ba là Đại Thừa Chung Giáo, do xuất phát từ Diệu Hữu của Trung Đạo, định tánh Thanh Văn và Xiển Đề đều có thể thành Phật. Như vậy thì mới nói trọn hết giáo nghĩa tột cùng của Đại Thừa, cho nên gọi là Chung. Do xưng hợp Thật Lý, nên lại gọi là Thật Giáo).

Đây là giáo nghĩa tột hậu của Đại Thừa, mà cũng là cách nói tột cao. Ở đây vừa nói đến “*định tánh*”, chữ “*định tánh*” chỉ bậc A La Hán, “*Xiển Đề*” là kẻ chẳng có thiện căn. Những người này đều có thể thành Phật, giáo nghĩa mới viên mãn rốt ráo. Đức Phật thuyết pháp quả thật đã lao tâm khổ tứ đến tột cùng, bởi lẽ, tướng chân thật của hết thấy các

pháp vốn chẳng thể nói ra được, những gì có thể nói ra đều là chẳng thật. Nếu quý vị tìm kiếm chân tánh của quý vị từ những ngôn ngữ văn tự đã được nói ra ấy, muốn truy tìm chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chắc chắn sẽ chẳng tìm được! Vì sao? Quý vị mê nơi văn tự, ngôn ngữ, chẳng đạt được chân tướng. Nếu muốn đạt được chân tướng thì ngôn ngữ văn tự giống như những cột mốc chỉ đường, quý vị [dựa theo chúng] để tìm phương hướng, nhưng phải lìa bỏ ngôn ngữ, văn tự! Có như vậy thì mới có thể ngộ nhập Thật Tướng. Đây là phương pháp chánh đáng và là chỗ chân thật dụng tâm trong sự giáo học của Phật pháp.

Nếu câu tìm [chân nghĩa] từ ngôn ngữ văn tự thì cao nhất là chỉ dừng ở Đại Thừa Thủ Giáo mà thôi! Giáo nghĩa Chung Giáo phải ngộ nhập, phải tách lìa ngôn ngữ, văn tự, nhưng cũng chẳng thể không cần đến ngôn ngữ, văn tự! Giống như chúng ta đi đường, biên chỉ đường rất quan trọng, chẳng thể không cần đến; nhưng tám biển chỉ đường chẳng phải là nơi chốn. Chúng ta từ các huyện thị bên ngoài đến Đài Bắc, đến ranh giới Đài Bắc, thấy biển đề “thành phố Đài Bắc”, tự cho là chính mình đã đến Đài Bắc rồi, tám biển ấy có phải là Đài Bắc hay không? Chẳng phải! Nếu [hiểu tám biển ấy là Đài Bắc thì] đem tám biển ấy cắm tại nơi khác, Đài Bắc ở nơi đó rồi. Đâu phải vậy, nhưng nó có thể chỉ dẫn chúng ta đến được mục đích. Ngôn ngữ, văn tự của Phật và kinh điển cũng giống như vậy, quý vị phải hiểu tánh chất của chúng. Vì thế, kinh Kim Cang dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên xả, huống là phi pháp), “*pháp*” là Phật pháp, cũng chớ nên chấp trước Phật pháp thì mới có thể tìm được Chân Như bèn tánh.

“*Trung Đạo Diệu Hữu*”: Chân Không và Diệu Hữu là một, không hai, chớ nên coi chúng là hai chuyện. Tâm Kinh văn tự tuy ít, ý nghĩa hết sức sâu sắc, giảng đạo lý này hết sức thấu triệt. Chẳng hạn như kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Sắc là nói đến pháp tướng, Không là nói đến pháp tánh. Điều này cho thấy pháp tướng và pháp tánh là cùng một chuyện, chẳng phải hai chuyện. Nếu quý vị thấy tánh thì thấy ở chỗ nào? Thấy nơi tướng; lìa khỏi tướng, tánh ở đâu ra? Ví như vàng, vàng ví như tánh, những món đồ bằng vàng ví như tướng. Ta muốn vàng, quý vị cầm lấy tượng Phật, [nhưng do chấp tướng bèn nói]: “Ta không muốn tượng Phật, ta muốn vàng!” Quý vị đổi sang một viên ngói bằng vàng, [vẫn cứ khẳng khẳng]: “Ta không muốn ngói, ta muốn vàng!” Cầm lấy một đồng vòng vàng: “Ta không muốn vòng, ta muốn vàng!” Quý vị lấy vàng từ nơi đâu? Chắc chắn chẳng tìm được, bởi những tướng ấy vốn là vàng. Quý vị hiểu

rõ chuyện này, thứ gì ta cũng đều lấy được. Tượng Phật cũng được, ngói cũng được, vòng xuyên cũng được, thứ gì cũng đều được, vì sao? Thầy đều là vàng!

Đối với người kiến tánh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là pháp tánh, đều là tự tánh, nên gọi là minh tâm kiến tánh. Nếu ai đạt đến cảnh giới này, tâm họ sẽ tự nhiên bình đẳng trong hết thầy vạn pháp, vì sao? Toàn là tự tánh, một tánh, chẳng hai tánh. Chúng sanh và Phật bình đẳng, chính mình và chư Phật bình đẳng, bình đẳng với hết thầy chúng sanh. Tâm địa thanh tịnh, vì sao thanh tịnh? Trong hết thầy các pháp, người ấy không có lấy hay bỏ, biết chúng đều do tự tánh biến, chẳng có lấy hay bỏ, nên tâm thanh tịnh. Đối với hết thầy chúng sanh, sanh tâm đại từ đại bi, tâm đồng thể từ bi, biết hết thầy vạn pháp đều do tự tánh biến hiện, hết thầy vạn pháp do tự tánh kiến lập, lẽ nào người ấy chẳng từ bi? Do vậy, nói là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, hết thầy vạn pháp và chính mình có cùng một bản tánh. Vì vậy, tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có bất cứ điều kiện nào, đó là kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật. Chúng ta gọi người đã thấy tánh là Phật, đó là nghĩa chân thật trong Phật pháp.

“*Định tánh, Xiển Đề*”: [*“Định tánh”*] là định tánh Thanh Văn. Định tánh A La Hán cũng có thể hồi Tiểu hướng Đại, cũng có thể làm Phật, làm Tổ. Xiển Đề là kẻ không có thiện căn. Người không có thiện căn vì chưa gặp duyên; hễ gặp duyên, thiện căn cũng có thể hiển phát, cũng có thể thành Phật. Đây là giáo nghĩa tốt cùng trong Đại Thừa Phật pháp. “*Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh*”, “*hết thầy chúng sanh đều sẽ thành Phật*”. Huông chi trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thầy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, nói như vậy càng viên mãn, càng rốt ráo hơn. “*Cổ danh vi Chung*” (nên gọi là Chung Giáo), đây là giáo nghĩa chung cực của Đại Thừa, “*xưng Thật Lý cố*” (vì xưng hợp với Thật Lý), giảng giải chân thật, quả thật là Lý Thể.

(Sớ) Sớ thuyết tắc đa đàm pháp tánh, thiểu cập pháp tướng.

(疏) 所說則多談法性, 少及法相。

(Sớ: Những điều được nói [trong Chung Giáo] đa số luận về pháp tánh, và luận đôi chút về pháp tướng).

Đây là giáo nghĩa của Đại Thừa Chung Giáo: Đòi với pháp tánh nói rất nhiều, thảo luận nhiều, ít nói đến pháp tướng. Tướng là giả, tánh là thật.

(Sớ) Kỳ sở vân tướng, diệc hội quy tánh.

(疏) 其所云相，亦會歸性。

(Sớ: Nói đến tướng thì cũng quy vào tánh).

Dù có nói đến pháp tướng, chẳng hạn như nói ba đời, Ngũ Âm, thể gian, xuất thể gian, những thứ ấy đều là giả danh. Lại nói: “*Hữu tránh thuyết sanh tử, vô tránh tức Niết Bàn, sanh tử cập Niết Bàn, nhị câu bất khả đắc*” (Hễ có tranh chấp thì là sanh tử, không tranh chấp chính là Niết Bàn, sanh tử và Niết Bàn, hai thứ ấy đều chẳng thể được). Đó là giáo nghĩa trong giai đoạn này.

(Sớ) Dĩ y Như Lai Tạng bát thức, tùy duyên thành lập chư nghĩa loại cố.

(疏) 以依如來藏八識，隨緣成立諸義類故。

(Sớ: Do dựa trên tám thức và Như Lai Tạng, mà tùy duyên thành lập các nghĩa lý).

Như Lai Tạng (Tathāgatagarbha) là tự tánh thanh tịnh tâm, “*bát thức*” là bản thể của A Lại Da Thức. “*Y Như Lai Tạng bát thức*” là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: Kinh Lăng Nghiêm là Đại Thừa Chung Giáo, giảng về Như Lai Tạng tánh, giảng về thức thứ tám. Bản thể của thức thứ tám là Như Lai Tạng, tác dụng của Như Lai Tạng là tám thức. Thể và Dụng là một, không hai. Nói theo phương diện tác dụng là tám thức, nói theo phía bản thể là Như Lai Tạng. Do vậy, sanh diệt và chẳng sanh diệt hòa hợp. Thể là chẳng sanh diệt, tám thức là sanh diệt. Chuyên tám thức thành bốn trí, bốn trí chẳng sanh diệt. Sanh diệt và chẳng sanh diệt là một, không hai! Trong sanh diệt có chẳng sanh diệt. Trong chẳng sanh diệt, có sanh diệt, đây là trong Thể có tác dụng, trong tác dụng có Thể. Giống như chúng ta soi gương, bản thể của gương là chẳng sanh diệt, tướng (hình bóng) được chiếu trong gương có sanh diệt. Người Trung Quốc soi vào bèn hiện hình ảnh người Trung Quốc, người ngoại quốc soi gương bèn hiện bóng người ngoại quốc. Tướng được hiện có sanh, có

diệt, nó biến hóa. Gương là Thể, chẳng sanh diệt. Sanh diệt và chẳng sanh diệt là một, không hai!

Cái thể tánh có thể biến (năng biến) ra vạn pháp trong nhân sinh và vũ trụ là Như Lai Tạng, nó là thật. Cái được biến (sở biến) là huyễn tướng, tướng ấy Giả Hữu, còn gọi là Diệu Hữu. Chẳng thể nói là nó không có, nó có! Đã có, vì sao nói là Giả Hữu? Vì cái Hữu ấy thường xuyên biến hóa, chẳng vĩnh viễn bất biến. Vĩnh viễn bất biến sẽ là Chân Hữu. Như Lai Tạng tánh là Chân Hữu, vĩnh viễn bất biến. Hết thấy các tướng bị biến, những tướng ấy tạm thời có rồi không, thiên biến vạn hóa. Kinh dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Hư vọng, nhưng là có, chẳng phải là không có. Nó chẳng thể vĩnh viễn tồn tại; đó là sự thật. Phàm những gì có tướng đều biến hóa trong từng sát-na, chẳng thể ngưng nghỉ! Sau khi quý vị đã hiểu rõ chân tướng này, trong hết thấy cảnh giới Giả Hữu hay Diệu Hữu, quý vị đều có thể thụ dụng.

Ví như hiện thời chúng ta có cái thân này, thân tướng này là Giả Hữu. Chúng ta biết nó biến hóa trong từng sát-na, con người tuyệt đối chẳng phải là mỗi năm một suy lão, chẳng phải vậy, mà là già đi trong từng sát-na. Bất quá, chính quý vị chẳng nhận biết, đến khi quý vị bảy mươi, tám mươi mới [than vãn]: “*Ui chà! Sao mà ta già khòm thế này?*” Thật ra, chẳng phải là lúc đó mới già. Già đi từng giờ một, già đi từng phút một, già đi từng giây một, già đi trong từng sát-na! Nói xuyên suốt thì con người chẳng có ý nghĩa gì hết, từ lúc sanh ra, con người đã đi theo một mục tiêu, một phương hướng, một đường lối. Đi đâu vậy? Đi đến mộ phần, chẳng chịu ngừng phút nào, đó thật sự gọi là tinh tấn! Làm chuyện gì khác, người ta cũng ngưng lại không làm, chứ chuyện này vĩnh viễn chẳng ngưng! Nếu quý vị thật sự thấy xuyên suốt con người chẳng có ý nghĩa gì cả, đó là giác ngộ. Giác ngộ chân tướng sự thật, trong thế gian này, bất luận nghèo, giàu, sang, hèn, đều đi theo một con đường, sanh ra liền đi theo con đường tử vong này, mỗi ngày một gần hơn, mỗi phút một gần hơn, là chuyện như thế đó! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta phải liễu sanh tử, “*liễu*” là hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, phải thoát sanh tử, thoát sanh tử là tách lìa, cao lắm! Liễu thoát sanh tử là hai chuyện: Liễu là học vấn, Thoát là công phu. Thoát là tháo gỡ, là buông bỏ. Đó là công phu. Liễu là học vấn, hiểu rõ chân tướng sự thật. Liễu mà chẳng thoát thì không được, nhất định phải thoát. Phật pháp nhằm dạy chúng ta liễu thoát sanh tử, nhận thức chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Do vậy, biết chính mình tuy có sanh diệt, nhưng chính mình cũng có

cái chẳng sanh diệt. Chúng ta có thể thoát khỏi sanh diệt, tu cái bất sanh diệt, quý vị bèn thành công.

Cách tu như thế nào? Cái gọi là “*tu*” chính là ứng dụng. Phật, Bồ Tát chẳng khác gì chúng ta. Chúng ta từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, dùng cái tâm gì? Dùng tâm sanh diệt, ý niệm này khởi, ý niệm kia diệt, dùng cái tâm này! Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt, nên có sanh tử, có lục đạo luân hồi, cho nên có khổ! Phật, Bồ Tát cũng ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật y hệt, nhưng các Ngài chẳng dùng tâm sanh diệt, mà dùng tâm gì? Dùng cái tâm chẳng sanh diệt. Do vậy, các Ngài chẳng chết, có thể liễu thoát. Tâm chẳng sanh diệt và tâm sanh diệt hòa hợp làm một. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất cặn kẽ: “*Thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể*”, dùng cái tâm này, chúng ta thường gọi nó là “*chân tâm*”. Trong chân tâm không có niệm, chân tâm ly niệm! Có niệm là vọng tâm. Tám thức có niệm, còn Chân Như bồng tánh, Như Lai Tạng không có niệm.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta đãi người, tiếp vật phải dùng cái tâm nào? Dùng chân tâm. Trong hết thấy các pháp, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đây là chân tâm. Trong ấy chẳng có sanh diệt. Quý vị nói: Chẳng có sanh diệt, nhưng con mắt tôi vẫn có thể thấy, làm sao chẳng thể thấy? Lúc mở mắt nhìn một vật gì, khi thấy nó, quý vị chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, thử hỏi quý vị còn thấy hay là không? Thấy! Khi ấy, cái thấy của quý vị là Chân Kiến, tức là thấy bằng chân tâm, thấy bằng tánh Thấy. Đối với cảnh giới, vừa khởi lên phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm, đó là thấy bằng tám thức. Trong khi quý vị chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, hết thấy các cảnh giới chắc chắn bình đẳng. Vừa mới phân chia tốt, xấu; tốt, xấu là gì? Trong tám thức mới có! Trong vọng tâm mới có! Trong chân tâm chẳng có. Vì sao? Trong chân tâm chẳng có phân biệt, chấp trước. Hễ có phân biệt, chấp trước, sẽ biết [là tốt, xấu], chân tâm mất đi; [phàm phu] dùng vọng tâm, dùng cái tâm sanh diệt.

Vì thế, Phật, Bồ Tát thấy sắc, nghe tiếng chẳng sử dụng cùng một cái tâm như chúng ta. Chúng ta dùng Nhãn Thức để thấy, dùng Nhĩ Thức để nghe, dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, để nghe, toàn bộ lọt vào trong Ý Thức. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám giữ lại ấn tượng, khởi vọng tưởng. Phật, Bồ Tát chẳng dùng tâm ý thức, chẳng dùng thức thứ sáu nên chẳng phân biệt, chẳng dùng thức thứ bảy nên không chấp trước, chẳng dùng thức thứ tám nên không

lưu lại ấn tượng. Vì thế, tâm của các Ngài được gọi là tâm thanh tịnh, bản lãnh của các Ngài chính là ở chỗ này! Nói theo tướng thì chẳng khác gì, chúng ta ăn cơm, mặc áo, Phật, Bồ Tát cũng mặc áo, ăn cơm, chúng ta có thù tạc, Phật, Bồ Tát cũng có thù tạc, chẳng khác gì cuộc sống hiện thực của chúng ta.

Nếu quý vị xem lại phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện³⁸ trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị sẽ thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là Bồ Tát. Các Ngài biểu hiện các ngành, các nghề, nam, nữ, già, trẻ, có khác gì xã hội hiện thực của chúng ta hay chẳng? Hoàn toàn giống hệt, chẳng khác gì cả. Chỗ khác nhau là dụng tâm không giống nhau. Các Ngài đãi người, tiếp vật, thậm chí buôn bán chẳng dùng tâm ý thức, mà dùng Chân Như bốn tánh. Dùng tâm ý thức chẳng kiếm được nhiều tiền, dùng Chân Như bốn tánh sẽ kiếm tiền vô lượng vô biên. Vì sao? Phước báo xứng tánh hiện tiền, trí huệ, phước đức vốn sẵn có trong chân tánh hiện tiền. Tặng báu ấy vô lượng vô biên! Do vậy, dùng chân tâm thù thắng hơn dùng vọng tâm rất nhiều. Dùng vọng tâm chẳng thể liễu thoát sanh tử luân hồi; dùng chân tâm liền liễu thoát sanh tử luân hồi.

Pháp môn Niệm Phật nhằm dạy chúng ta phương pháp sử dụng chân tâm. Sử dụng theo cách nào? Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm, hễ vọng tâm vừa phát tác, ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật. Thưa quý vị, một câu A Di Đà Phật này nửa chân, nửa vọng. A Di Đà Phật chẳng phải là thuần chân, vì sao? Nếu thuần chân thì trong Chân Như bốn tánh không có A Di Đà Phật. Hễ có một câu A Di Đà Phật, vẫn chưa phải là thuần chân. Chẳng phải là thuần chân, vì sao cần đến nó? Dùng một niệm này để dứt hết thấy vọng niệm. Dùng phương pháp này! Nói theo lý luận, phương pháp này chẳng khác quán tâm hay tham thoại đầu của Thiền gia. Vì sao chúng ta chẳng dùng tới tham thoại đầu, chẳng dùng quán tâm? Ở đây lại có một đạo lý, có một sự thật: Dùng quán tâm hay tham thoại đầu phải hoàn toàn cậy vào chính mình, chính mình chưa thể kiến tánh! Nói cách khác, quý vị chẳng thoát khỏi luân hồi, vẫn luân hồi sanh tử, vẫn mê hoặc, điên đảo. Dùng phương pháp niệm A Di Đà Phật thì sao? Công phu của chúng ta chưa đạt đến mức ấy (chưa thể kiến tánh), nhưng khi lâm chung, A Di Đà Phật tiếp dẫn ta sang thế giới Tây

³⁸ Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói ở đây chính là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức là phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm.

Phương, tôi thiếu là ta có thể thoát khỏi luân hồi lục đạo trong thế giới Sa Bà. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có lục đạo, chỉ có hai đường trời và người, chẳng có A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, tốt hơn nơi đây nhiều lắm! Ở nơi đây, chúng ta luân hồi trong lục đạo, bên kia là luân chuyển trong hai đường! Huống chi lại có thể thường thân cận chư Phật, Bồ Tát, tu hành thuận tiện rất lớn. Niệm A Di Đà Phật dễ hơn, hay hơn tham thoại đầu ở chỗ này!

Kinh này thuộc về Đốn Giáo, trong ấy có kèm thêm Chung Giáo và Viên Giáo. Trong Ngũ Giáo, kinh Di Đà thuộc ba giáo Chung, Đốn và Viên.

(Sớ) Tứ, Đốn Giáo, tổng bất thuyết pháp tướng, duy thuyết chân tánh.

(疏) 四、頓教，總不說法相，唯說真性。

(Sớ: Bốn là Đốn Giáo, nói chung chẳng nói đến pháp tướng, chỉ nói về chân tánh).

“Đốn” là đốn siêu (nhanh chóng vượt thoát). Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát bảo chúng ta: Hết thấy các pháp chỉ do vọng niệm mà có sai khác. Là hết thấy vọng niệm, sẽ không có hết thấy pháp để được. Đây chính là ý nghĩa Đốn Giáo.

(Sớ) Nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật, vô tiệm thứ cố.

(疏) 一念不生，即名為佛，無漸次故。

(Sớ: Vì một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật, chẳng có thứ tự tiến tu dần dần).

Không có thứ tự! Có tâm là phàm phu, vô tâm là Phật. Nếu quý vị hiểu lầm ý nghĩa “vô tâm”: Từ nay trở đi, cái gì cũng chẳng suy nghĩ, cái gì cũng chẳng nghĩ tới, như vậy sẽ trở thành Vô Tướng Định! Vô Tướng Định có được hay không? Không được! Quả báo của Vô Tướng Định là Tứ Thiên Thiên, vẫn luân hồi trong lục đạo. Vô tâm là không có vọng tâm, chứ chẳng phải là không có chân tâm! Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế giáo hóa chúng ta, suốt bốn mươi chín năm hằng ngày giảng kinh, thuyết pháp, chúng ta hỏi Ngài có tâm hay chẳng? Nếu Ngài chẳng có tâm, vậy thì Phật pháp, những đạo lý, những phương pháp từ đâu mà nói

ra? Từ Chân Như bốn tánh lưu xuất, từ chân tâm tự nhiên lưu lộ, chẳng có vọng tâm. Vọng tâm là gì? Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Vô tâm là chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, không có những cái tâm ấy, hoàn toàn khác Vô Tướng Định. Thật sự có thể ở trong hết thấy vạn pháp mà chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, người ấy sẽ là Phật.

Tâm Phật bình đẳng, tâm phàm phu chẳng bình đẳng. Phàm phu có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; do vậy, tâm họ chẳng bình đẳng. Trong hết thấy vạn pháp, họ có [quan niệm] tốt, xấu, có ưa thích, có chán ghét, đó là tâm phàm phu. Phật không có phân biệt, chấp trước, cho nên trong hết thấy vạn pháp, tâm Phật bình đẳng. Đức Phật thấy người cung kính, tán thán Ngài, giống hệt như người hủy báng, lăng nhục Ngài, thậm chí đối với kẻ sát hại Ngài, Phật thấy hai người ấy quyết định bình đẳng. Chớ nên nói “kẻ này xử tốt với ta, kẻ kia chẳng tốt”. Khởi ý niệm ấy thì là phàm phu, chẳng phải là Phật. Tu hành: “Hành” là hành vi sai lầm, tư tưởng cũng là hành vi, tức hành vi tâm lý. Hành vi tâm lý sai lầm, sửa đổi nó thì gọi là “tu hành”. Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta thấy ưa thích cái này, chán ghét cái kia, chỉ cần có ý niệm ấy sanh khởi, phải lập tức giác ngộ: “Ta sai rồi! Đây là hành vi sai lầm, ta phải sửa đổi cho đúng”.

Sửa đổi cho đúng như thế nào? Trong hết thấy cảnh giới, ta đối xử bằng cái tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Làm không được ư? Thấy điều gì ưa thích, A Di Đà Phật! Thấy điều gì chán ghét, A Di Đà Phật! Mọi người đều là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bình đẳng. Chẳng khác gì nhau, đều là A Di Đà Phật. Như vậy thì mới tốt đẹp, dùng phương pháp ấy để tu. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, niệm A Di Đà Phật là phương pháp xảo diệu nhất. Đọc kinh văn trong phần sau, quý vị sẽ biết cách này mâu nhiệm không thể diễn tả được! Trong khi quý vị phân biệt, chấp trước, vọng tưởng dấy lên, đều dùng A Di Đà Phật để thay thế, đó là tu hành. Sửa đổi cho đúng những hành vi, tư tưởng sai lầm, lại có thể phát nguyện vãng sanh, công đức ấy vô lượng vô biên, đúng là thành Phật trong một đời. Vì thế, trong Đốn Giáo chắc chắn không có thứ tự.

Kinh Di Đà không chỉ là Đốn Giáo, mà còn là bậc nhất trong Đốn Giáo. Lời này do Khuy Cơ đại sư nói ra. Ngài Khuy Cơ là tổ sư đời thứ nhất của Pháp Tướng Duy Thức Tông Trung Quốc. Bản chú giải kinh Di Đà của Ngài có tên là A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, vừa mở đầu, trong phần phán giáo, Ngài phán định kinh A Di Đà là Đốn Giáo, lại còn là tột bậc trong Đốn Giáo, “*chí viên, chí đốn*”, vì sao? Từ một ngày đến bảy

ngày có thể thành tựu. Quý vị nghĩ xem: Có pháp môn nào có thể thành công trong bảy ngày? Chỉ có pháp môn này là bảy ngày thành công. Sự thành công ấy như sau: Tu học pháp môn này, trong bảy ngày có thể chứng đắc nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nói cách khác, dùng phương pháp này, bảy ngày có thể thành Phật; chẳng nói vãng sanh mà nói là “*bảy ngày thành Phật*”. Pháp môn này so với bất cứ pháp môn nào cũng đều nhanh hơn, nhưng có nhiều người chẳng hiểu, chẳng liễu giải.

Trong bảy ngày có thể thành Phật, lẽ nào trong bảy ngày chẳng thể vãng sanh ư? Vãng sanh dễ hơn thành Phật rất nhiều. Thành Phật nhất định phải là Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh chỉ cần công phu thành phiền là được rồi! Chỉ cần một câu Phật hiệu có thể đè nén phân biệt, chấp trước, vọng tưởng là được rồi. Có công phu như vậy, sẽ có thể vãng sanh; nhưng thành Phật thì chưa được, với công phu ấy chưa thể thành Phật! Thành Phật, nhất định phải là tiến hơn nữa, đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là đắc Định, gọi là Niệm Phật tam-muội. Lý nhất tâm bất loạn là từ trong Định mà khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, thật sự có thể cứu độ hết thảy chúng sanh, thật sự cứu chính mình, cứu chúng sanh. Nếu chúng ta đầy đủ nhiều thiện căn, lắm phước đức, hãy nên phát đại tâm, cả đời chuyên tu pháp môn này, chuyên môn hoằng dương pháp môn này, hy vọng phổ biến pháp môn này trên toàn thế giới, khiến cho ai nấy đều có cơ hội được nghe.

Trên thế giới có bao nhiêu người muốn tu, nhưng không có cơ hội, chẳng được tiếp xúc. Người ngoại quốc chẳng biết chữ Hán, không có ai giới thiệu pháp môn này với họ, họ chẳng biết. Nếu phá được rào cản ngôn ngữ, giới thiệu pháp môn Di Đà cho người ngoại quốc, tôi tin rằng người ngoại quốc sẽ ưa thích pháp môn này nhất, vì nó đơn giản, dễ dàng. Thiên và Mật hấp dẫn người ngoại quốc nhất vì người ngoại quốc thích những thứ kỳ lạ, thoát đầu họ kéo đến như ong vỡ tổ. Tu tập hai ba tháng, cảm thấy quý vị thật sự chẳng có gì cho họ học, họ lại ngã lòng. Nói thật ra, chẳng bằng đem pháp môn Niệm Phật dạy họ cặn kẽ. Họ bằng lòng học thì một bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao giảng chi tiết từ đầu đến cuối một lượt, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi sẽ mất hai năm để học xong. Sau khi đã giảng hai năm xong một lượt, lại giảng từ đầu một lần nữa. Nếu chúng ta mỗi ngày giảng kinh này hai tiếng, giảng một lượt mất một năm, giảng năm mươi lượt là năm mươi năm, họ quyết định thành tựu. Cảnh giới của kẻ nói và người nghe sẽ khác hẳn. Lần thứ nhất

là cảnh giới của lần thứ nhất, nghe lần thứ hai sẽ có cảnh giới của lần thứ hai. Người giảng nhận thấy mỗi biến mỗi khác, người nghe đối với mỗi biến đều có ngộ xứ, làm sao người ấy chẳng hoan hỷ? Đương nhiên là pháp hỷ sung mãn. Đây là Đốn Giáo. Thiên chẳng lạ như vậy, mà Mật cũng chẳng nhanh như vậy! Muốn thành tựu nhanh chóng, hãy thật thà niệm Phật, bảo đảm một bộ kinh Di Đà là đủ rồi!

(Sớ) Ngũ, Viên Giáo, thống cai tiền tứ, viên mãn cụ túc.

(疏) 五、圓教，統該前四，圓滿具足。

(Sớ: Năm là Viên Giáo, gồm trọn viên mãn, đầy đủ bốn giáo trước).

Loại thứ năm là Viên Giáo, Viên là viên mãn. Toàn bộ giáo nghĩa của bốn giáo trước đều được bao gồm trong giáo này, chẳng sót một điều gì! “*Thống cai tiền tứ*” (gồm trọn bốn giáo trước), bốn giáo trước là từ cạn đến sâu, nhưng các giáo ấy chẳng thể dung nhiếp lẫn nhau. Vì thế, chẳng viên mãn. Viên Giáo là viên mãn, dung hội, xuyên suốt bốn giáo trước, chúng đều được bao gồm trong giáo này, trong cạn có sâu, trong sâu có cạn, vô cùng huyền diệu. Vừa có thứ tự, lại vừa có viên dung; viên dung chẳng trở ngại thứ tự, thứ tự chẳng trở ngại viên dung. Đây chính là giáo nghĩa của Viên Giáo.

(Sớ) Sở thuyết duy thị vô tận pháp giới, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, để vôong trùng trùng, chủ bạn giao tham, vô tận vô tận cố.

(疏) 所說唯是無盡法界，性海圓融，緣起無礙，相即相入，帝網重重，主伴交參，無盡無盡故。

(Sớ: Những điều được nói [trong Viên Giáo] chỉ là pháp giới vô tận, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, các pháp chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau, lưới Thiên Đế trùng trùng, chủ và bạn xen lẫn vào nhau, vô tận, vô tận).

“*Sở thuyết duy thị vô tận pháp giới*”: Đây là giáo nghĩa của Hoa Nghiêm, đem hết thảy các pháp quy nạp vào Nhất Chân pháp giới. Pháp giới chỉ có một, pháp giới chỉ có chân thật, chẳng có hư vọng. Do vậy gọi là Nhất Chân. Một là chân, hai là hư vọng. Vì thế, Hoa Nghiêm nói

Nhất Chân. Kinh này nói đến nhất tâm bất loạn, cũng là nói đến nhất, nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân là sở nhập. Như thế nào thì mới có thể nhập Nhất Chân pháp giới? Nhất tâm có thể nhập, nhị tâm chắc chắn chẳng thể nhập. Nhìn từ chỗ này, quý vị mới thấy mối quan hệ giữa hai bộ kinh. Kinh Hoa Nghiêm giảng về Nhất Chân pháp giới, kinh Di Đà giảng nhất tâm bất loạn. Do vậy, chứng đắc nhất tâm bất loạn là chứng đắc thế giới Hoa Tạng, là nhập Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm và kinh Di Đà là một, không hai. Năng Sở chẳng hai, năng nhập và sở nhập không hai. Năng nhập là nhất tâm, sở nhập là Nhất Chân, quả thật là một, không hai. [Sách Diễn Nghĩa nhận định]: “*Vô tận pháp giới, thống duy Nhất Chân pháp giới, phân vị Sự Lý đẳng tứ pháp giới*” (vô tận pháp giới đều chỉ là Nhất Chân pháp giới, chia thành bốn pháp giới như Sự, Lý v.v...), Thanh Lương đại sư chia thành bốn loại: Sự pháp giới, hoàn toàn nói về sự tướng; Lý pháp giới, có Sự đương nhiên sẽ có Lý; Lý Sự vô ngại pháp giới và Sự Sự vô ngại pháp giới. Sự Sự vô ngại là đại tự tại. Nay chúng ta nơi nào cũng có chướng ngại, vì sao? Chưa thể viên dung, chẳng biết chân tướng sự thật; cho nên chỗ nào cũng đều có chướng ngại. Thật sự viên dung tự tại sẽ thật sự là Sự Sự vô ngại.

“*Tánh hải viên dung*”: Viên dung chẳng ngại duyên khởi, pháp tướng chính là pháp tánh, các pháp chính là nhau, hòa nhập lẫn nhau. Đó là cảnh giới Sự Sự vô ngại và Lý Sự vô ngại. “*Đế võng trùng trùng, chủ bạn giao tham*”: Đây là tỷ dụ. “*Đế võng*” là nói [tới cái lưới kết bằng châu báu] của Thiên Đế Thích. Người Hoa gọi Đế Thích là Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức là chúa tể cõi trời Đao Lợi. Đao Lợi thiên cung được trang sức bằng mảnh lưới, mỗi mắt lưới buộc một viên minh châu, viên minh châu nào cũng đều phóng quang, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau. Chúng ta không có phước báo lớn như trong cung trời Đao Lợi, nhưng do khoa học kỹ thuật hiện thời cũng rất khá: Ngàn vạn ngọn đèn ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau cũng hết sức trang nghiêm, có ý nghĩa mừng tượng [ý nghĩa lưới báu của Thiên Đế]. “*Vô tận vô tận*”: Đây kia chiếu lẫn nhau, cảnh giới ấy hiển thị chẳng cùng tận!

(Sớ) Dĩ thượng tường như Hoa Nghiêm Huyền Đàm trung.

(疏) 以上詳如華嚴玄談中。

(Sớ: Những điều trên đây được giảng cặn kẽ trong sách Hoa Nghiêm Huyền Đàm).

“*Tánh hải*” là nói đến Lý pháp giới, “*duyên khởi*” là nói đến Sự pháp giới. “*Viên dung vô ngại*” là nói đến Lý Sự vô ngại pháp giới, “*trương tức, trương nhập, đế võng trùng trùng*” là nói Sự Sự vô ngại pháp giới. Những điều này được thuyết minh chi tiết trong bộ sách Huyền Đàm³⁹, tức chú giải của kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Khủng phiến bất tự.

(疏) 恐煩不敘。

(Sớ: Sợ rườm rà nên chẳng trình bày).

Nếu nói đến ý nghĩa này của kinh Hoa Nghiêm sẽ phải tốn rất nhiều thời gian, ở đây không nói nhiều! Nếu quý vị muốn liễu giải nhiều hơn, có thể tham khảo kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Luận Toàn Yếu. Đây là sách tiết yếu (trích lược những ý tưởng quan trọng) của bộ Sớ Sao và Hợp Luận, là kinh sách nhập môn của tông Hoa Nghiêm.

(Sớ) Ngôn Đốn giáo nhiếp giả, như hậu nghĩa lý trung biện.

(疏) 言頓教攝者，如後義理中辯。

(Sớ: Nói [kinh Di Đà] thuộc về Đốn Giáo thì sẽ biện định trong phần nghĩa lý ở phía sau).

Kinh này thuộc về Đốn Giáo, trong phần nghĩa lý ở phía sau sẽ thảo luận chi tiết.

(Sớ) Diệc thông tiền hậu giả, thông tiền Chung Giáo, dĩ nhất thiết chúng sanh niệm Phật, định đương thành Phật, tức định tánh, Xiển Đề giai tác Phật cố. Thông hậu Viên Giáo giả, diệc nghĩa lý trung biện.

(疏) 亦通前後者，通前終教，以一切眾生念佛，定

³⁹ Tác phẩm này gọi đủ là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao Huyền Đàm do tổ Thanh Lương Trùng Quán biên soạn, gồm tám quyển. Thật ra, đây chỉ là tác phẩm trích yếu phần Huyền Nghĩa trong hai bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ và Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao. Do tác phẩm này quá cô đọng, uyên áo, về sau lại có hai tác phẩm chú giải bộ sách này là Hoa Nghiêm Huyền Đàm Quyết Trạch do ngài Tiên Diễn biên soạn và Huyền Đàm Hội Huyền Ký do ngài Phổ Thụy biên soạn.

當成佛，即定性闡提皆作佛故。通後圓教者，亦義理中辯

。

(Sớ: “Cũng thông với giáo trước và giáo sau”: Thông với Chung Giáo trong phần trước vì hết thấy chúng sanh niệm Phật, nhất định sẽ thành Phật, tức là hàng định tánh Thanh Văn và Xiển Đề sẽ đều thành Phật. Thông với Viên Giáo trong phần sau cũng sẽ được biện định trong phần bàn luận nghĩa lý).

Định tánh Thanh Văn và chúng sanh chẳng có thiện căn, chỉ cần họ nhất niệm hồi tâm sẽ có thể vãng sanh. Đây là giáo nghĩa của Đại Thừa Chung Giáo. Trong Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy ông Trương Thiện Hòa đúng là Nhất Xiển Đề, suốt đời chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp, sống bằng nghề giết trâu, hằng ngày sát sanh! Khi lâm chung, thấy rất nhiều người đầu trâu, tức là những kẻ thân người mà đầu trâu, đến đòi mạng. Đây là tướng địa ngục hiện tiền. Khi ấy, ông ta mới thật sự biết có nhân quả báo ứng, những kẻ đầu trâu ấy đều là những con trâu bị ông ta giết hại trong một đời đến đòi mạng. Khi ông ta hét lên xin cứu mạng, khéo sao có một vị xuất gia đi qua cửa nhà ông ta, hỏi: “Vì sao

ông kêu cứu mạng?” Ông ta thưa: “Nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng!” Vị xuất gia ấy thấp mấy nén hương bảo ông ta cầm, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ông ta dốc hết tánh mạng lớn tiếng niệm, niệm được mấy câu bèn bảo người nhà: Người đầu trâu chẳng còn nữa, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ông ta vãng sanh. Lâm chung mười niệm, niệm Phật vãng sanh. Nhất Xiển Đề là kẻ chẳng có thiện căn, khi lâm chung hồi tâm chuyển ý cũng có thể vãng sanh. Trước hết, nói bộ kinh này thành tựu con người ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, chẳng có pháp môn nào nhanh chóng bằng. Hôm nay chúng ta giảng đến chỗ này.

Tập 71

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm lẻ năm:

Tam, phần nhiếp.

三、分攝

(Ba, thuộc về phần nào trong mười hai thể loại kinh điển).

Đoạn thứ ba là Phần Nhiếp, phần trước đã nói về Tạng Nhiếp và Giáo Nhiếp.

(Huyền Nghĩa) Phần giả, thập nhị phần giáo, như Tu Đa La, Kỳ Dạ đẳng, kim thứ kinh giả, Tu Đa La, Ưu Đà Na, nhị phần nhiếp cố.

(玄義) 分者，十二分教，如脩多羅祇夜等。今此經者，脩多羅、優陀那，二分攝故。

(Huyền Nghĩa: “Phần” là mười hai phần giáo, như Trường Hàng, Trùng Tụng v.v... Nay kinh này thuộc về hai phần Trường Hàng và Vô Vấn Tự Thuyết).

Đức Phật nói hết thầy các kinh, có các thứ thể tài (genre) khác nhau. Cổ nhân gọi thể tài là Phần. Kinh Phật gồm có mười hai Phần, còn gọi là mười hai bộ (“bộ” là bộ phận), tức là mười hai loại thể tài khác nhau. Tu Đa La (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh, thật ra là Trường Hàng, nay ta gọi [Trường Hàng] là “tản văn” (văn

xuôi), theo phương thức tản văn. Kinh Di Đà từ đầu đến cuối được viết theo thể tài tản văn. Thể tài gồm mười hai loại, ở đây đại sư tinh lược, trong Phật Học Từ Điển và Tam Tạng Pháp Số⁴⁰ đều nói rất chi tiết.

(Sớ) Phần giả, phân tề.

(疏) 分者，分齊。

(Sớ: Phần là phân chia rạch ròi).

“Tề” (齊) là chỉnh tề, chia thành từng bộ phận, mỗi bộ phận tách biệt rõ ràng với những bộ phận khác.

(Sớ) Dĩ nhất đại thời giáo.

(疏) 以一代時教。

(Sớ: Dem giáo pháp trong suốt một đời đức Phật).

“Nhất đại thời giáo” là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian, giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Tạng, Giáo, Phần do người đời sau phân chia, phán định, thuở Phật tại thế không có. Vì sao người đời sau phải phân loại? Vì trong hết thầy các kinh, đức Phật hoàn toàn chẳng làm giống như cách sắp xếp tùy theo trình độ học sinh trong nhà trường, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh, chẳng giống như vậy. Thời đức Phật không có nhà trường, hết thầy các kinh được nói ra đều do có người đến thỉnh giáo. Những người đến hỏi có người trình độ rất sâu, có kẻ trình độ rất cạn, đức Phật khéo quan sát căn cơ, đối với người trình độ cạn bèn nói pháp cạn, đối với người trình độ sâu bèn nói pháp sâu, khiến cho người nghe ai nấy đều hoan hỷ. Do vậy, kinh Phật có độ sâu - cạn khác nhau rất lớn. Người đời sau nhằm dạy học thuận tiện đã phân loại kinh Phật, những kinh điển nào thích hợp với người căn cơ nông cạn, dành cho người trình độ nông cạn học, những kinh điển nào thích hợp cho người có trình độ bậc trung học tập, những kinh điển nào thích hợp với người có trình độ bậc cao học tập. Do vậy, chia Tam Tạng thành Ngũ Giáo; Tiểu, Thi, Chung, Đốn,

⁴⁰ Tam Tạng Pháp Số, gọi đủ là Đại Minh Tam Tạng Pháp Số do ngài Nhất Như biên soạn vào đời Minh. Bộ sách này gồm năm mươi quyển, giải thích những danh từ, thuật ngữ Phật học thường gặp trong Tam Tạng kinh điển, bắt đầu bằng từ ngữ “nhất tâm” và kết thúc bằng từ ngữ “bát vạn tứ thiên pháp môn”, gồm 1.555 mục.

Viên, lại phân chia nhỏ hơn thành Mười Hai Phần Giáo nhằm nghiên cứu kết cấu văn tự và hệ thống tư tưởng của kinh văn.

(Sớ) Biệt kỳ phân tễ, các hữu sở thuộc dã. Kỳ Dạ, thử vân Trùng Tụng, Ưu Đà Na, thử vân Vô Vấn Tự Thuyết.

(疏) 別其分齊，各有所屬也。祇夜，此云重頌。優陀那，此云無問自說。

(Sớ: Phân định sự khác biệt rạch ròi giữa các kinh, mỗi kinh đều thuộc về một thể tài nhất định. Kỳ Dạ được cõi này dịch là Trùng Tụng, Ưu Đà Na được cõi này dịch là Vô Vấn Tự Thuyết).

“Biệt” là khu biệt (區別: phân chia rạch ròi thành từng phần). Kỳ Dạ (Geya) là thi ca, kệ tụng, câu văn hết sức tề chỉnh, mỗi bài gồm bốn câu. Kệ có các hình thức bốn chữ, năm chữ, bảy chữ, có gieo vần, có thể phổ thành ca khúc để diễn xướng. “Kim thử kinh giả” (nay kinh này), kinh này là Tu Đa La, tức là thể tài tản văn, chẳng có kệ tụng, mà cũng chẳng có mật chú. Tản văn, kệ tụng, mật chú là ba thể tài lớn trong mười hai phần. Ưu Đà Na (Udāna) là Vô Vấn Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói). Bộ kinh này cũng thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết, chẳng có ai khái thỉnh. Chúng ta thấy nhiều kinh điển đều do có người khái thỉnh, chẳng hạn như kinh Kim Cang do tôn giả Tu Bồ Đề bước ra thỉnh pháp, hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật nêu câu hỏi, đức Phật bèn giải đáp. Kinh Di Đà chẳng có ai khái thỉnh, do đức Phật tự nói ra, Vô Vấn Tự Thuyết!

(Sớ) Thập Nhị Bộ, khủng phiến bất tự.

(疏) 十二部，恐煩不敘。

(Sớ: Mười hai bộ, sợ rườm rà nên không trình bày).

Giải thích từng điều một rất phiền phức nên tỉnh lược.

(Sớ) Ngôn nhị phân攝者，一、脩多羅攝，以是契經故；二、優陀那攝，以不待請問，自告身子故。

(疏) 言二分攝者，一、脩多羅攝，以是契經故；二、優陀那攝，以不待請問，自告身子故。

(**Sớ:** Nói “thuộc về hai phần”: Một là thuộc về Tu Đa La, do là Khế Kinh. Hai là thuộc về Ưu Đà Na do chẳng đợi thừa hỏi mà tự bảo ngài Xá Lợi Phất).

Thân Tử là ngài Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất (Śāriputra) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Thân Tử.

Tam, nghĩa lý thâm quảng.

三、義理深廣。

(Khoa mục lớn thứ ba [trong Thập Môn Khai Khải] là nghĩa lý sâu rộng).

Chúng ta sắp thảo luận những đạo lý trong kinh Di Đà. Đoạn lớn này có thể chia thành ba đoạn nhỏ.

Sơ, nhiếp đôn, nhị phân viên, tam bàng thông.

初攝頓，二分圓，三旁通。

(Một là kinh này thuộc vào Đôn giáo, hai là kinh này có đôi phần thuộc Viên Giáo, và ba là luận định những kinh điển khác có ý nghĩa tương thông).

Trong Ngũ Giáo, kinh Di Đà thuộc Đôn Giáo, “đôn” (頓) là đôn siêu (nhanh chóng vượt thoát). Không riêng gì Liên Trì đại sư có cách nhìn như vậy, mà Khuy Cơ đại sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông cũng nhận định giống như thế. Ngài nói kinh này, pháp môn này viên đôn đến cùng cực. Vì sao? Vì có thể thành công trong bảy ngày. Quý vị nghĩ xem: Pháp môn nào có thể thành Phật trong bảy ngày? Tìm không ra! Pháp môn này đúng là bảy ngày thành Phật, từ một ngày cho đến bảy ngày, kinh nói rất rõ ràng. Cũng có thể là chúng ta nghe rồi chẳng tin, thật sự là bảy ngày có thể thành tựu ư? Trong Cao Tăng Truyện hay Vãng Sanh Truyện, quả thật có người niệm Phật bảy ngày bèn vãng sanh.

Đời Tống, pháp sư Oánh Kha trong quá khứ chưa từng niệm Phật, mà cũng chẳng biết đến pháp môn này. Sau khi ông ta xuất gia, giới luật chẳng nghiêm, chẳng giữ Thanh Quy, tạo tội nghiệp rất nặng, nhưng ông ta có thiện căn. Nói “thiện căn” nghĩa là ông ta có thể tự giác, biết chính

mình tương lai nhất định đọa địa ngục, biết địa ngục khổ sở, địa ngục đáng sợ, do vậy, thỉnh giáo đồng học: “Có cách nào để tương lai chẳng đọa địa ngục hay không?” Các đồng học bảo ông ta: “Chỉ có một biện pháp, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo, quyết định chẳng đọa địa ngục”. Sau khi nghe xong, ông ta rất hoan hỷ, trở về liền phòng đóng cửa niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta chẳng ăn, chẳng uống, cũng chẳng ngủ nghỉ, niệm Phật suốt ba ngày như thế, cảm A Di Đà Phật hiện thân. A Di Đà Phật bảo ông ta: “Thọ mạng của ông hãy còn mười năm nữa, hãy khéo tu tập trong mười năm ấy, đến khi thọ mạng đã hết, ta lại đến tiếp dẫn”. Ông ta bạch A Di Đà Phật: “Con căn tánh kém hèn rất nặng, không thể chống đỡ những dụ dỗ, mê hoặc. Hễ vừa bị bên ngoài dẫn dụ, con lại tạo tội. Nếu con sống thêm mười năm nữa, chẳng biết sẽ lại tạo bao nhiêu tội, thôi đi! Con không cần mười năm thọ mạng, nay con muốn theo Phật”.

Ông ta thỉnh cầu A Di Đà Phật như vậy, A Di Đà Phật đứng là rất từ bi, bèn nói: “Được rồi! Ba ngày sau, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ông ta mở cửa phòng, bảo đại chúng: “Ba ngày sau A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi vãng sanh”. Trong chùa chẳng có ai tin, hạng người như vậy làm sao có thể vãng sanh? Nhưng ông ta nói lời ấy hình như chẳng giả dối; hơn nữa, thời gian rất ngắn, ba ngày thôi! Coi thử người nói thật hay giả? Đến ngày thứ ba, ông ta thỉnh cầu đại chúng trợ niệm tiễn ông ta vãng sanh. Ông ta tắm rửa, thay y phục sạch sẽ xong, niệm xong kinh Di Đà, lại niệm Phật hiệu, Phật hiệu vừa niệm mấy câu bèn bảo mọi người: “Phật đến rồi, tôi phải theo Ngài ra đi”, ba ngày vãng sanh!

Do vậy, chẳng có một pháp môn nào nhanh bằng pháp môn này. Con người hiện thời vì sao không thành công? Con người hiện thời ngoài miệng nói muốn vãng sanh, nhưng trong tâm chẳng muốn đi, vẫn lưu luyến thế giới này. Nếu chúng ta đã Phật Thất ở đây, phía trên treo một tấm biển: “Bảy ngày bảo đảm vãng sanh”, cũng chẳng có ai đến dự! Vừa trông thấy, họ bèn nói: “Thôi rồi! Bảy ngày phải chết, không đến đâu!” Con người hiện tại “miệng nói vậy, lòng chẳng nghĩ vậy”. Trước kia, lòng người ta thật sự muốn vãng sanh nên mới có thể thành công! Vì thế, trong lịch sử, quả thật có những trường hợp như vậy, có những chuyện như thế. Cổ đức phán định [kinh A Di Đà] là Đốn Giáo, đốn đến cùng cực, đốn siêu! Chúng ta nên hiểu điều này.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh nhiếp u Đốn Giáo, thiểu phần thuộc Viên.

(玄義) 已知此經攝於頓教，少分屬圓。

(Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này thuộc về Đốn Giáo, có chút phần Viên).

“Thiếu phần thuộc Viên”: Trong ấy có ý nghĩa Viên Giáo, chẳng phải là thuần Viên, chỉ có một phần thuộc Viên Giáo.

(Huyền Nghĩa) Vị trí sớ cụ nghĩa lý, đương phục vân hà?

(玄義) 未知所具義理，當復云何。

(Huyền Nghĩa: Chưa biết nghĩa lý trọn đủ lại là như thế nào?)

Nay lại phải hỏi hai danh từ Viên và Đốn, danh từ đương nhiên chứa đựng ý nghĩa, chúng ta còn chưa hiểu rõ ý nghĩa, đương nhiên phải thảo luận kỹ càng hơn. Sau khi hiểu rõ nghĩa lý, đối với pháp môn này chúng ta mới có thể thật sự sanh khởi tín tâm, lòng tin từ đâu mà phát sanh? Sanh từ lý luận. Hiểu rõ đạo lý, ta sẽ đương nhiên tin tưởng. Dù thấy thảo luận nghĩa lý và lòng tin của ta đối với pháp môn này có mối quan hệ rất lớn.

(Huyền Nghĩa) Tiên minh thử kinh nhiếp ư Đốn giả, cái vị trí danh tức sanh, tột siêu, tốc chứng, vô vu khúc cổ, chánh thuộc ư Đốn.

(玄義) 先明此經攝於頓者，蓋謂持名即生，疾超速證，無迂曲故，正屬於頓。

(Huyền Nghĩa: Trước hết, giảng rõ kinh này thuộc Đốn Giáo. Ấy là vì trì danh liền vãng sanh, vượt thoát, chứng ngộ nhanh chóng, chẳng quanh co, vòng vèo, đúng là thuộc về Đốn Giáo).

Xếp ý nghĩa Đốn lên đầu, quả thật rất có lý. Pháp môn này xác thực thuộc vào loại pháp môn đốn siêu, vãng sanh trong một đời này đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Pháp môn này đúng là pháp môn thành Phật trong khi còn sống. Các vị đại đức xưa nay bảo chúng ta: Thiên thuộc về Đốn Giáo, Mật nói “tức thân thành Phật”, đều chẳng bằng pháp môn Niệm Phật! Trong Thiên, dầu đắc Thiên Định, cũng chẳng qua là sanh lên Tứ Thiên Thiên mà thôi, chẳng thể ra khỏi tam giới. [Người tu] Thiên Tông Trung Quốc đến cuối cùng vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thiên Môn Nhật Tụng là nghi thức tụng niệm của nhà Thiên,

khóa tối tụng kinh A Di Đà, niệm Phật, đến khi bệnh nặng bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu người ấy không làm như vậy, dầu có Định lực rất sâu, chỉ có thể sanh trong cõi trời Tứ Thiên Thiên mà thôi, chẳng thể ra khỏi tam giới, chẳng rốt ráo. Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân này), chẳng qua là liễu sanh tử mà thôi, nhưng cảnh giới liễu sanh tử của họ thật sự chỉ bằng với Tiểu Thừa A La Hán, họ có thật sự liễu sanh tử hay chẳng? [Đừng tưởng lầm] hễ tu [Mật Tông] bèn có thể liễu sanh tử, không có lẽ ấy! Nếu tu thành công thì mới được, tu chẳng thành công sẽ vô ích. Phải đoạn được Kiến Tư phiền não, mới tính là tu thành công. Chưa đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới. Do điều này biết rằng: Mật thật sự chẳng dễ dàng!

Tịnh Độ thành tựu dễ dàng do “đời nghiệp vãng sanh”, chẳng cần phải đoạn Kiến Tư phiền não. Quý vị phải hiểu: Trong tất cả kinh Phật, chỉ có bộ kinh này nói chẳng cần đoạn Kiến Tư phiền não mà có thể vãng sanh. Trừ bộ kinh này ra, bất cứ pháp môn nào khác cũng đều không có cách nói này. Nói cách khác, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh; nhưng quý vị phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc hoàn toàn chẳng phải là thành Phật, vì quý vị chưa đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn là thân phàm trần, người. Nói theo các pháp môn khác thuộc Tông Môn, Giáo Hạ, chẳng thể coi là có thành tựu. Chúng tôi nêu tỷ dụ, giống như từ thế giới Sa Bà di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị của chúng ta hoàn toàn chẳng được nâng cao hơn, mà mang địa vị giống hệt như vậy di dân sang đó. Đón là đón ở chỗ này: Di dân sang đó. Viên ở chỗ nào? Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ cần quý vị sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu cho địa vị thấp đến đâu đi nữa, Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đến nơi đó bèn chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Do vậy, pháp môn này cũng thuộc vào Viên, đạo lý Viên nhìn từ chỗ này; chẳng nói là Thuần Viên vì Kiến Tư phiền não chưa đoạn. Nếu là Thuần Viên thì không chỉ Kiến Tư phiền não phải đoạn, mà Trần Sa phiền não cũng phải đoạn, vô minh phải phá một phẩm. Thuần Viên là Pháp Thân đại sĩ, thuộc vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

(Sớ) Chánh thuộc Đốn nghĩa giả, dĩ bác địa phàm phu, dục đặng thánh địa, kỳ sự thậm nan, kỳ đạo thậm viễn.

(疏) 正屬頓義者，以博地凡夫，欲登聖地，其事甚難，其道甚遠。

(Sớ: Kinh này hoàn toàn thuộc vào nghĩa lý Đốn giáo, bởi hạng phàm phu sát đất mà muốn đạt lên địa vị thánh thì chuyện ấy rất khó, đạo ấy rất xa vời).

Câu này ý nói sự khó khăn ấy quả thật là khó. Nay chúng ta một tí tí tập khí cũng chẳng dễ gì đoạn trừ, huống là mong chúng cảnh giới của bậc thánh nhân trong Phật pháp, ắt phải đoạn trừ những tập khí vi tế. Khó làm mà có thể làm được, khó nhẫn mà có thể nhẫn được, khó đoạn mà có thể đoạn được, đó chính là đoạn Hoặc chứng Chân. Đoạn Hoặc khó! Chứng Chân khó! “*Kỳ đạo thậm viễn*” (Đạo ấy rất xa vời): Từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật, có tất cả năm mươi lăm tầng cấp địa vị Bồ Tát trong Đại Thừa, đó là nói theo kinh Lăng Nghiêm; nay chúng ta thuộc tầng cấp nào? Giống như đi học, có năm mươi lăm lớp, nay chúng ta ở lớp nào? Thừa quý vị, chúng ta đứng ngoài cửa, vẫn chưa vào trong, nhập môn rồi mới có thể tính. Quý vị còn chưa học lớp Một, vẫn đứng ngoài cửa. Lớp Một là trình độ gì vậy? Chúng ta chỉ nói tới Viên Giáo, lớp Một chính là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới. Thử hỏi: Chúng ta đã đoạn được mấy phẩm trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc? Một phẩm cũng chưa đoạn! Chưa có tư cách học lớp Một! Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc mới là địa vị Sơ Tín, trên đó là Nhị Tín, Tam Tín cho đến Thập Tín, sau đây là Sơ Trụ cho đến Thập Trụ, Sơ Hạnh cho đến Thập Hạnh, Sơ Hồi Hướng cho đến Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Sơ Địa cho đến Thập Địa, lại đến Đẳng Giác Bồ Tát, Bồ Đề đạo đúng là xa xôi! Quý vị nhất định phải hiểu, nay chúng ta ngay cả lớp Một Tiểu Học mà còn chưa đủ tư cách, nếu học các pháp môn khác, làm sao có thể thành tựu? Chính mình phải nghiêm túc suy nghĩ bản thân mình thuộc căn tánh nào, quyết định chớ nên lừa mình, dối người. Tư cách học lớp Một còn chưa có, làm thế nào đây? Hành theo pháp môn này! Nay chúng ta là phàm phu sát đất, một phẩm Kiến Tư phiền não chưa đoạn, dùng pháp môn này để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Kim dẫn trì danh, tức đắc vãng sanh.

(疏) 今但持名，即得往生。

(Sớ: Nay chỉ trì danh liền được vãng sanh).

Nay chúng ta chỉ cần tin tưởng, chỉ cần thật sự chịu phát nguyện, thật sự muốn vãng sanh, suốt ngày từ sáng đến tối nghĩ tới A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, có thể làm như vậy, trong thời gian hai ba năm sẽ thành công. Nếu [công phu] tưởng Phật, niệm Phật của quý vị lúc gián đoạn, lúc liên tục, như có, như không, sợ rằng suốt đời này cũng chẳng thể thành công. Nếu quý vị coi đây là chuyện bậc nhất phải làm, chắc chắn sẽ có hy vọng [vãng sanh].

(Sớ) Ký vãng sanh hỹ, tức đắc Bất Thoái.

(疏) 既往生矣，即得不退。

(Sớ: Đã vãng sanh liền đắc Bất Thoái).

Dầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh, hễ về bên đó liền bất thoái chuyên. Nói thật ra, bất thoái chuyên chẳng đơn giản, vì sao? Bất thoái chuyên thì quý vị thuộc vào địa vị thánh nhân. Vì thế, pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, thật sự khó! Có ba loại Bất Thoái:

- Thứ nhất là Vị Bất Thoái, tức là địa vị chẳng bị lui sụt. Chúng ta thường nói Vị Bất Thoái chính là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. Ngài học lớp Một, chẳng bị lui xuống nữa. Đức Phật bảo chúng ta: Đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo; tuy vẫn chưa thoát khỏi tam giới, quyết định chẳng đọa ác đạo. Từ đây trở đi, vị Bồ Tát ấy chỉ có tiến lên, chẳng lui sụt, đã được bảo đảm. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới dầu là Hạ Hạ phẩm phàm phu cũng thuộc địa vị Bất Thoái. Nói cách khác, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có sự thoái đọa này (tức là địa vị không bị lui sụt).

- Thứ hai là Hạnh Bất Thoái, nói thông thường, Hạnh Bất Thoái là từ A La Hán trở lên, Tứ Quả La Hán, trong địa vị Bồ Tát thì là Đệ Thất Tín. Vị Bất Thoái là Sơ Tín, Hạnh Bất Thoái là Đệ Thất Tín, bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo.

- Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, minh tâm kiến tánh, trong Viên Giáo là từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên.

Người Hạ Phẩm Hạ Sanh là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, nói cách khác, trong một đời có thể bằng với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quả thật tuyệt diệu! So với A La Hán và Bích Chi Phật,

cao hơn quá nhiều! A La Hán, Bích Chi Phật chỉ bằng với Đệ Thất Tín Bồ Tát. “*Bằng*” là nói về mức độ đoạn phiền não giống nhau, chứ trí huệ khác nhau. Trí huệ của họ (A La Hán, Bích Chi Phật) kém xa trí huệ của Thất Tín Bồ Tát. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành tựu! Đây là ý nghĩa viên mãn; hiểu được chỗ tốt đẹp này, nhất định mong vãng sanh!

(Sớ) Khả vị đàn chỉ viên thành, nhất sanh thủ biện.

(疏) 可謂彈指圓成，一生取辦。

(Sớ: Có thể nói là thành tựu viên mãn trong khoảng khảy ngón tay; hoàn tất trong một đời).

“*Đàn chỉ*” ý nói nhanh chóng. Thành tựu trong khoảng khảy ngón tay, không chỉ thành tựu, mà còn thành tựu viên mãn. Cổ nhân nói: “*Đàn chỉ viên thành bát vạn môn*” (trong khoảng khảy ngón tay viên mãn tám vạn pháp môn), tám vạn bốn ngàn pháp môn được gồm thâu trong một câu A Di Đà Phật, chẳng sót pháp nào! “*Nhất sanh thủ biện tăng-kỳ quả*” (chỉ một đời mà tu đạt cái quả vốn phải tu trong nhiều A-tăng-kỳ kiếp). Kinh nói thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng ta không cần đến, một khi vãng sanh liền hoàn tất chuyện thuộc ba A-tăng-kỳ kiếp. Pháp sư Oánh Kha đời Tống, ba ngày đã làm xong, người khác phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp mới có thể hoàn tất. Trong thế gian này, [những trường hợp] tu tập thành công trong ba năm nhiều lắm! Niệm Phật ba năm, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh.

Trong bản chú giải kinh Di Đà của pháp sư Viên Anh, Sư có dẫn chứng chuyện ông Vương Đả Thiết ở Hành Châu, đây là chuyện thật! Tại Hành Dương, tỉnh Hồ Nam, có một người thợ rèn, một nhà bốn người: Ông ta có một vợ và hai đứa con thơ, ngày nào không làm, ngày ấy chẳng có cơm ăn, cuộc sống hết sức khổ sở. Hằng ngày phải làm lụng cực nhọc kiếm chút tiền sống qua ngày, ông ta tự biết mình rất khổ, tự mình thật sự giác ngộ. Có một hôm, có một vị xuất gia đi qua cửa, ông ta trông thấy rất hoan hỷ, mời vị xuất gia ngồi trong xưởng rèn, thỉnh giáo: “Con sống quá khổ cực, có cách gì cứu con hay không?” Lại còn ra điều kiện! Ông ta nói: “Con muốn học Phật, nhưng không có tiền để bố thí, cúng dường, mà công việc của con cũng chẳng thể đình đốn. Chẳng thể lãng phí thời gian, mà cũng chẳng thể buộc con phải tốn tiền. Thầy có cách nào cứu con hay chăng?”

Vị pháp sư ấy bảo ông ta: “Chỉ cần niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ là được. Niệm A Di Đà Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện ấy chẳng tốn tiền, cũng chẳng cần phải ra ngoài, tới chùa miếu, cũng chẳng tốn thời gian”. Ông ta nghe xong rất hoan hỷ, làm theo. Mỗi ngày rèn sắt, cứ đập búa xuống liền niệm A Di Đà Phật, giờ búa lên bèn A Di Đà Phật. Thụt ống bễ vào, A Di Đà Phật, kéo ống bễ ra, A Di Đà Phật. Suốt ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật. Vợ ông ta ở bên cạnh nói: “Ông rèn sắt đã quá khổ sở, quá mệt mỏi rồi, trong miệng vẫn niệm A Di Đà Phật có phải là càng mệt hơn hay sao?” Ông ta nói: “Trước kia, tôi mệt thật. Nay hề niệm A Di Đà Phật, tinh thần sung mãn gấp trăm lần, chẳng mệt mỏi gì hết!”

Niệm như vậy ba năm, có một hôm, ông ta bảo vợ: “Tôi sắp về nhà”. Bà vợ nói: “Đây chẳng phải là nhà của ông hay sao?” Ông ta nói: “Nhà tôi bên Tây Phương Cực Lạc thế giới!” Nói xong lại tiếp tục rèn sắt, rèn một lúc bèn đọc một bài kệ. Ông ta chưa từng đi học, chẳng biết chữ, lúc sắp ra đi để lại một bài kệ:

*Đinh đinh đang đang,
Cửu luyện thành cương,
Thái bình tương cận,
Ngã vãng Tây Phương.
(Bình bình, beng beng,
Luyện mãi thép bền,
Thái bình sắp đến,
Ta về Tây Phương).*

Ông ta đập búa xuống rồi đứng vãng sanh. Khi vãng sanh, mùi hương lạ ngập nhà, hàng xóm chung quanh đều ủa đến xem, đứng vãng sanh! Vì thế, cả một giải Hành Dương phong khí niệm Phật đặc biệt thịnh hành là do ông ta đã làm gương tại đó: Kẻ chẳng biết chữ, niệm Phật ba năm bèn vãng sanh, ra đi tự tại đường ấy, ba năm thành công! Đích xác là hoàn thành chuyện của ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một đời! Đương nhiên, pháp này thuộc về Đốn Giáo, hoàn thành trong một đời.

(Sớ) Như tương bảo vị, trực thọ phàm dung, bất lịch giai cấp, phi Tiệm giáo vu hồi khuất khúc chi tử, cố thuộc Đốn nghĩa.

(疏) 如將寶位，直授凡庸，不歷階級，非漸教迂迴

屈曲之比，故屬頓義。

(Sớ: Như đem ngôi báu trao ngay cho kẻ tầm thường, kém cỏi, chẳng trải qua từng tầng cấp. Tiệm Giáo quanh co, vòng vèo, chẳng thể nào sánh bằng, nên pháp này thuộc về nghĩa lý Đốn giáo).

“Bảo vị” (ngôi báu) giống như ngôi vị của quốc vương. Một kẻ bình dân bá tánh chẳng cần phải thăng từng cấp từ huyện thái gia (tri huyện), tri phủ, tuần phủ, mà ngay lập tức được trao cho vương vị, một bước lên trời, đó là ý nghĩa của Đốn. Vì thế, pháp môn Niệm Phật chẳng có cấp bậc, chẳng cần phải tu học dần dần, mà là đốn siêu, đốn chứng.

(Huyền Nghĩa) Hoặc nạn.

(玄義) 或難。

(Huyền Nghĩa: Nếu nạn hỏi).

Có người đến vấn nạn.

(Huyền Nghĩa) Đốn Giáo nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật. Ngũ pháp tam tự tánh giai Không, bát thức nhị vô ngã câu khiển.

(玄義) 頓教一念不生，即名為佛。五法三自性皆空，八識二無我俱遣。

(Huyền Nghĩa: Trong Đốn Giáo, một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật. Năm pháp, ba tự tánh đều là Không; tám thức, hai thứ vô ngã đều mất sạch).

Đây là nói theo Pháp Tướng Tông “ngũ pháp, tam tự tánh, bát thức, nhị vô ngã”, Đốn giáo bỏ sạch những thứ này. Trong tâm thật sự làm được “nhất niệm bất sanh”, Lục Tổ nói: “Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần”, đây là Đốn. Thiền Tông Nam Truyền của Lục Tổ là pháp môn Đốn Giáo.

(Huyền Nghĩa) Kim trì danh niệm Phật, thị vi hữu niệm, vân hà danh Đốn?

(玄義) 今持名念佛，是為有念，云何名頓。

(Huyền Nghĩa: Nay trì danh niệm Phật là hữu niệm, sao có thể gọi là Đốn?)

Câu hỏi này rất hay! Dùng giáo nghĩa Đốn Giáo để cật vấn người niệm Phật, người niệm Phật và giáo nghĩa Đốn Giáo chẳng phù hợp! Đốn Giáo là thành Phật, còn Đốn ở đây là vãng sanh. Tôi vừa mới nói đó, vãng sanh trọn chẳng phải là thành Phật, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới phước báo quá lớn, hễ vãng sanh sẽ giống như thành Phật. Giống như thành Phật, chứ hoàn toàn chẳng phải là thành Phật. Cho nên nó thuộc về Phần Viên, chẳng phải là Thuần Viên, đạo lý ở chỗ này.

(Huyền Nghĩa) Đáp: Dĩ nhất tâm bất loạn, chánh vị vô niệm.

(玄義) 答：以一心不亂，正謂無念。

(Huyền Nghĩa) Đáp: Do nhất tâm bất loạn chính là vô niệm).

Dùng giáo nghĩa của kinh này để trả lời. Giáo nghĩa và tông chỉ của kinh này yêu cầu chúng ta niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn.

(Huyền Nghĩa) Nhược hữu niệm giả, bất danh nhất tâm, đản đắc nhất tâm, hà pháp bất tịch?

(玄義) 若有念者，不名一心，但得一心，何法不寂。

(Huyền Nghĩa: Nếu hữu niệm sẽ chẳng gọi là nhất tâm, chỉ cần đạt được nhất tâm thì có pháp nào chẳng vắng lặng?)

Nhìn từ điểm này, kinh Di Đà quả thật thuộc Đốn Giáo; nhưng đối với Đốn Giáo, nếu quý vị đốn không được, thất bại sẽ chuốc phiền, giống như một bước lên trời, lên không được, rơi xuống sẽ tan thân nát xương, phiền phức to lắm! Ý nghĩa Đốn của pháp môn này và ý nghĩa Đốn của các pháp kia (tức các pháp môn thuộc Đốn Giáo) khác nhau; nếu niệm đến mức nhất tâm bất loạn sẽ giống như các pháp môn Đốn Giáo khác. Nếu chưa thể niệm đến nhất tâm bất loạn, thì niệm đến mức công phu thành phiền đời nghiệp vãng sanh vẫn thuộc vào Đốn Giáo. Do vậy, pháp môn này nhất định có thành tựu.

(Sớ) Ngũ pháp giả, vị: Nhất danh, nhị tướng, tam vọng tưởng, tứ chánh trí, ngũ như như.

(疏) 五法者，謂：一名，二相，三妄想，四正智，五如如。

(Sớ: Năm pháp là: Một là danh, hai là tướng, ba là vọng tưởng, bốn là Chánh Trí, năm là Như Như).

Kinh Lăng Già chia hết thấy các pháp thành năm loại lớn. Năm loại lớn ấy triển khai sẽ thành hết thấy vạn pháp, pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đều bao gồm trong ấy, nói chung, chẳng ra ngoài năm hạng mục này.

Thứ nhất là Danh, tức danh xưng. Phạm là vật thể hay hiện tượng đều có một tên gọi.

Loại thứ hai là Tướng, tức hiện tượng. Chỉ căn là vật thể, nhất định có hiện tượng.

Hai thứ đầu là vật chất; tất cả vật chất trong vũ trụ đều chẳng ngoài danh và tướng, bao gồm tất cả vật chất.

Loại thứ ba là vọng tưởng. Vọng tưởng là hiện tượng tâm lý. Phạm phủ suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Đông nghĩ Tây, nghĩ đến quá khứ, vị lai, hoàn toàn khởi vọng tưởng.

Hai thứ sau là cảnh giới thánh nhân. Ai mới có chánh trí? Từ A La Hán trở lên. Những vị từ A La Hán trở lên không có vọng tưởng, trí huệ hiện tiền. A La Hán được gọi là Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như Như là Chân Như bốn tánh, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Bản thể của bốn pháp đầu (danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí) là Như Như, [Như Như] còn gọi là Chân Như, Tự Tánh, hay Bản Tánh.

(Sớ) Tam tự tánh giả.

(疏) 三自性者。

(Sớ: Ba tự tánh là...)

“Tánh” là tánh chất. Nói theo tánh chất thì có thể chia thành ba loại.

(Sớ) Danh, tướng thị Vọng Kế Tánh, vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh, Chánh Trí, Như Như thị Viên Thành Tánh.

(疏) 名、相，是妄計性；妄想，是緣起性；正智、如如，是圓成性。

(Sớ: Danh và Tướng là Vọng Kế Tánh, vọng tướng là Duyên Khởi Tánh, Chánh Trí và Như Như là Viên Thành Tánh).

Loại thứ nhất là so lường hư vọng, chẳng chân thật. Nói cách khác, hoàn toàn sanh từ khái niệm trừu tượng, cho nên gọi là Biến Kế Sở Chấp Tánh (Parikalpita-svabhāva). Chẳng hạn Danh, danh là giả danh, thánh nhân Trung Quốc nói: “*Danh khả danh, phi thường danh*” (cái danh mà có thể gọi tên được thì chẳng phải là cái danh thường hằng), bởi lẽ, danh tự chẳng chân thật. Nếu quý vị thật sự giác ngộ danh tự là hư vọng, hư giả, sẽ thấy thấu suốt cửa ải này. Danh là do con người giả lập, chẳng thật! Giả sử hiện thời có kẻ chỉ ta, chửi bới: “Mày là đồ chó, chẳng phải là người”. Quý vị nghe xong bèn nổi đóa, tức là bị danh tướng vây hãm rồi! Nếu tổ tiên đặt cho hình dáng này của chúng ta cái tên gọi là Chó, thì hiện thời mọi người chúng ta nghe chữ Chó cũng vui vẻ. Thoạt đầu, tạo ra chữ cũng theo cách ấy. Giả bày ra, chẳng thật! Có sao quý vị lại coi nó là thật? Nhằm nói năng, trao đổi ý kiến cho thuận tiện, mà giả lập những danh tướng ấy; cho nên Danh là giả, chẳng thật!

Tướng là hiện tượng, thuộc về Vọng Kế Tánh (Biến Kế Sở Chấp Tánh), mà cũng thuộc Duyên Khởi Tánh. Duyên Khởi Tánh chính là Y Tha Khởi Tánh (Para-tantra-svabhāva), [nghĩa là] do các thứ điều kiện tập hợp mà sanh khởi hiện tượng ấy. Chẳng hạn như cái khăn lông, đó là Tướng. Có nhiều điều kiện thì mới sanh ra tướng ấy. Đó gọi là Y Tha Khởi Tánh, tức là Duyên Khởi Tánh. Vì sao cũng nói nó thuộc Biến Kế Tánh? Cùng là một cái khăn lông đặt ở chỗ này, rất nhiều người trong chúng ta trông thấy. Có người thấy nó, thờ ơ, chẳng quan tâm, chẳng để ý tới. Có người thấy nó rất dễ thương, động lòng. Có người thấy nó rất đáng ghét, bực mình vì chẳng thể vứt nó đi. Tâm lý ấy chính là Biến Kế Sở Chấp Tánh, chẳng thật! Hết thấy hiện tượng bày ra trước mắt chúng ta, trong tâm chúng ta dấy lên biến hóa, khởi tham, sân, si, mạn, đó là Biến Kế Sở Chấp Tánh. Lục Tổ đại sư nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, tức là chẳng có vật gì, trong chân tâm chẳng có vật gì. Hết thấy vạn pháp sanh thành, thuộc về Y Tha Khởi Tánh, là hiện tượng được sanh bởi các điều kiện, nhân duyên, quyết chẳng phải là ngẫu nhiên, quyết chẳng đơn thuần, trong ấy hết sức phức tạp. Trong nhà Phật có Pháp Tướng Duy

Thức Tông chuyên môn nghiên cứu những thứ này, nghiên cứu rất tỉ mỉ. Muốn hiểu rõ, quý vị hãy nghiên cứu Duy Thức Pháp Tướng, đây là một môn học vấn rất sâu, rất rắc rối, là khoa học và triết học thuần túy.

“*Vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh*”: Vọng tưởng chẳng ngẫu nhiên sanh ra, mà cũng do có rất nhiều nhân duyên mới sanh khởi vọng tưởng. Có những nhân tố quý vị có thể nhận biết, nhưng cũng có những nhân tố về căn bản chẳng thể nhận biết được! Nguyên nhân là gì? Con người chúng ta chẳng phải chỉ [tồn tại] trong một đời này, mà còn có quá khứ, quá khứ lại còn có quá khứ của nó. Đã có quá khứ, đương nhiên nhất định có vị lai, ba đời đều có chính mình; chuyện trong một đời này có khi ta nghĩ đến, tuy không biết chuyện đời trước, nhưng tập khí của đời trước đôi khi hiện hành. Ví như nằm mộng, có nhiều cảnh giới trong mộng chẳng phải là những thứ quý vị có thể tưởng tượng trong lúc bình thường, vì sao có thể mộng thấy? Có quan hệ với đời trước. Hiện thời, tại ngoại quốc, thuật thôi miên thịnh hành; cho nên người ngoại quốc thừa nhận con người có đời trước. Có nhiều người đời trước là động vật, từ trong súc sanh [sanh làm người], cũng có người làm người rồi trở lại làm người, cũng có người từ tinh cầu khác sanh vào nơi đây. Những cách nói này tương ứng với Phật pháp.

“*Chánh Trí, Như Như, thị Viên Thành Tánh*”, “*thành*” là thành tựu, “*viên*” là viên mãn, đây là chân thật, chắc chắn chẳng hư vọng. Viên Thành Thật Tánh (Parinispanna-svabhāva) đối lập với hai loại trước; hai loại trước, tức là Biến Kế Sở Chấp Tánh (Vọng Kế Tánh) và Y Tha Khởi Tánh (Duyên Khởi Tánh), chúng là hư vọng.

(Sớ) Bát thức giả, Lại Da, Mạt Na cập nhãn đẳng lục, hợp chi thành bát.

(疏) 八識者，賴耶、末那及眼等六，合之成八。

(Sớ: Tám thức là A Lại Da thức, Mạt Na thức và sáu thức như Nhãn Thức v.v... hợp thành tám thức).

Lại Da là A Lại Da Thức (Ālayavijñāna). Duy Thức Tông nói hiện tượng tâm lý gồm có tám thức, tác dụng tâm lý (Tâm Sở) gồm năm mươi một thức (năm mươi một Tâm Sở thuộc về tác dụng), hai mươi bốn món Bất Tương Ứng cũng thuộc về tác dụng của tâm. Thức thứ tám là A Lại Da Thức, còn gọi là Tạng Thức; hết thảy vạn pháp trong vũ trụ và nhân sinh đều do nó biến hiện ra. Vì thế, thức này gọi là Căn Bản Thức. Nói

theo các tôn giáo khác, A Lại Da Thức là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa, Hóa Công) thật sự, thứ gì cũng đều do nó tạo ra, đều do nó biến hiện ra. Nó biến hiện có quy tắc, có trật tự, chẳng rối loạn. Toàn thể vũ trụ, các tinh cầu vận hành trong hư không chẳng rối loạn. Thân thể của chúng ta là tiểu vũ trụ, tiểu vũ trụ giống hệt đại vũ trụ; đại vũ trụ chẳng thể nghĩ bàn, tiểu vũ trụ của chúng ta cũng chẳng thể nghĩ bàn. Trong tiểu vũ trụ, mỗi bộ vị vận hành cũng có thứ tự, chẳng rối loạn. Nếu chúng rối loạn, con người sẽ ngã bệnh, phải chết. Chúng chẳng rối loạn, rất có trật tự; vì thế, người bình thường cảm thấy rất kỳ quái: “Chắc là phải có một vị thần làm chúa tể ở trong ấy”. Thật ra, chẳng phải thần, mà là A Lại Da Thức làm chúa tể!

Mạt Na (Manasvijñāna) còn dịch là Truyền Tông (tiếp nhận rồi gọi đi), bên trong thì nó lấy thức thứ tám (A Lại Da) làm bản thể hay tự thể của nó, ngoài nương vào thức thứ sáu, tức Ý Thức, để khởi tác dụng. Bản thân nó chẳng có Thể, mà cũng chẳng có tác dụng, nó thật sự là Ý Tha Khởi. Thức thứ sáu phân biệt, Mạt Na Thức chấp trước, chấp trước vào một phần của Kiến Phần trong A Lại Da Thức. Kiến Phần rộng lớn vô biên, Mạt Na chấp trước một phần [của Kiến Phần], coi nó là Tự Ngã. Linh Hồn như người Trung Quốc thường nói chính là nó, tức là một phần trong Kiến Phần của A Lại Da Thức. Kinh sánh ví A Lại Da Thức như biển cả, một phần ấy giống như một cái bọt nước sanh trong biển cả, người ta chấp trước cái bọt nước ấy là chính mình. Đây là cách nhìn sai lầm. Nếu nhận biết toàn thể biển cả là chính mình thì gọi là thành Phật, là đại triệt đại ngộ. Nay người ấy không có cách nào phá vỡ bọt nước nhỏ nhoi, chẳng thể thấy Chân Ngã rộng lớn vô biên. Kẻ ấy có Ngã Chấp; Ngã Chấp hạn cuộc, nhỏ bé, chấp trước cái thân của chính mình là Ngã, đó là sai lầm, chẳng biết tận hư không trọn pháp giới là Ngã, đó là Chân Ngã.

Mãi cho đến thức thứ sáu, và năm thức trước, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, đó là tác dụng của năm căn. “Thấy, nghe, hay, biết” cảnh giới bên ngoài là tác dụng của năm thức trước. Chúng có thể cảm nhận cảnh giới bên ngoài, sức phân biệt yếu ớt. Có sức phân biệt mạnh nhất là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Trong cuộc sống thường ngày, có nhiều danh từ thuật ngữ xuất phát từ Phật pháp, đủ thấy Phật pháp có ảnh hưởng rất sâu đậm đối với đời sống của người Trung Quốc, phạm vi ảnh hưởng to lớn. Chúng ta thường nói “chú ý”: Chẳng hạn nhìn thì quý vị phải chú ý nhìn, nghe thì quý vị phải chú ý nghe. Hai chữ này (tức “chú ý”) xuất phát từ Phật pháp. Chú ý là gì? Ý

là Ý Thức. Khi mắt quý vị thấy, tức là Nhãn Thức thấy sắc pháp, vì sức phân biệt của quý vị yếu ớt nên phải dồn sức chú ý, tức là đưa thêm Ý Thức vào. Quý vị phân biệt kỹ càng, phân biệt kỹ càng là dồn sức chú ý. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, có tác dụng phân biệt quá rộng lớn, đối với bên trong nó có thể phan duyên A Lại Da Thức, đối với bên ngoài, nó có thể nương theo năm căn để phan duyên cảnh giới bên ngoài, có thể nói là “không gì chẳng duyên”; tác dụng hết sức rộng lớn.

(Sớ) Nhị vô ngã giả, nhân vô ngã, pháp vô ngã.

(疏) 二無我者，人無我，法無我。

(Sớ: Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã).

“*Nhị vô ngã*” là hai thứ vô ngã. Một loại là Nhân Vô Ngã, loại kia là Pháp Vô Ngã. Nhân Vô Ngã: Cái thấy của ta (ngã kiến, khả năng thấy) ở bên trong, thuộc về con người, vật được ta thấy (ngã sở kiến) là pháp bên ngoài. Nếu “*năng kiến*” là Không thì là Nhân Vô Ngã. Quý vị cũng quán thấy “*tương được thấy*” (sở kiến) là Không, sẽ là Pháp Vô Ngã. Như thế thì mới có thể khôi phục bản tánh của chính mình, mới có thể thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thiền gia nói “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), quý vị mới có thể thật sự thấy được diện mạo vốn có. Đương nhiên đây là một cảnh giới khá cao. Nếu đạt đến Nhân Vô Ngã, sẽ có thể thoát khỏi tam giới; đối với Tiểu Thừa là bậc đã chứng quả A La Hán; trong Đại Thừa Viên Giáo là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín. Các vị ấy đã tu đến Nhân Vô Ngã, vô ngã rồi! Tuy vô ngã, họ vẫn còn có Pháp. Nói điều này quá khó hiểu, chúng tôi nêu ra một tỷ dụ để nói.

Chúng ta tỷ dụ Ngã như cuốn sách này, ví Pháp như những trang giấy. Một bữa nào đó, người ấy giác ngộ, có sách hay không? Không có sách! Vì sao không có sách? Chỉ là từng trang giấy! Gộp chúng lại sẽ thành sách, trên thực tế chẳng có sách. Tách rời chúng ra, lập tức sách không còn nữa. Đủ thấy cuốn sách này, không chỉ Danh là giả, mà Tướng cũng là giả! Quý vị có hiểu hay không? Tướng cũng là giả, Tướng chẳng thật. Quý vị biết sách không có, mà cái tên “sách” cũng chẳng có; Thể của sách cũng chẳng có. Người ấy đã giác ngộ điều này, nhưng [vẫn thấy] giấy là có, chấp vào giấy, giấy là Pháp. Phá Nhân Ngã Chấp, nhưng Pháp Ngã Chấp vẫn chưa phá, vẫn còn có giấy! Nếu đem phân tích giấy, nhìn dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn, [sẽ thấy giấy]

toàn là nguyên tử, điện tử! Giấy cũng không có, Pháp cũng không có, đó là một tầng cao hơn, Pháp cũng chẳng chấp trước! Đây là minh tâm kiến tánh. Phá trừ Ngã Chấp, xuất tam giới, phá trừ Pháp Chấp, bèn minh tâm kiến tánh. Bất luận tông nào, pháp môn nào, bộ kinh điển nào, đều tuân theo nguyên lý và nguyên tắc này, chắc chắn chẳng thay đổi!

Do điều này, chúng ta tu hành, công phu của chính mình đạt đến trình độ nào chẳng cần phải hỏi ai khác, vì người khác có thể dối gạt quý vị. Ở Los Angeles, tôi đã gặp một số người tu hành đôi ba năm, tự nghĩ ta tu khá lắm, bèn thỉnh người khác ấn chứng. Kết quả là gã đó thọ ký cho họ: “Mấy người các ông đã khai ngộ rồi!” Bọn họ sung sướng khôn ngần, đều tự nghĩ mình đã khai ngộ. Tôi giảng kinh ở Los Angeles, những người “khai ngộ” ấy cũng đến nghe, nghe xong, đến hỏi tôi: “Chúng tôi đã khai ngộ hay chưa?” Tôi nói: “Quý vị chưa khai ngộ”. Họ nói: “Vì sao vị pháp sư đó nói tôi đã khai ngộ?” Tôi nói: “Tôi chưa khai ngộ. Quý vị đến hỏi tôi quý vị đã khai ngộ hay chưa, tôi chắc chắn chứng minh quý vị chưa khai ngộ, ông ta lừa người rồi! Cảnh giới do quý vị chứng đắc, hãy nên hỏi chính mình; chính mình mới thật sự hiểu. Nếu quý vị đã phá Ngã Chấp, chắc chắn thoát khỏi tam giới”. Kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, chẳng phải là Bồ Tát). Đây chẳng phải là Bồ Tát! Chẳng phải là vị Bồ Tát nào vậy? Chẳng phải là một vị Bồ Tát vượt thoát tam giới, vẫn chưa thoát khỏi tam giới! Trong tam giới, vị ấy là Bồ Tát gì? Danh tự Bồ Tát! Hữu danh vô thực. Nếu quý vị thọ Bồ Tát Giới, sẽ đều là Bồ Tát, hữu danh vô thực! Một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, nên gọi là danh tự Bồ Tát. Nếu thật sự tu hành, nhưng công phu chưa đến mức, thì gọi là Quán Hạnh Bồ Tát, quý vị là một Bồ Tát tu hành, nhưng chưa đạt mức. Dù có đi học, nhưng thi không đậu, cũng vô ích. Vì thế, cảnh giới phải tự hỏi chính mình [đừng mất công hỏi ai khác].

Nếu đối với người, đối với sự, đều xem nhẹ, chắc chắn sẽ có lợi cho chính mình, đừng nên sốt sắng [tham đắm] quá, đừng quá chấp trước. Sốt sắng, chấp trước, sẽ tăng trưởng Ngã Kiến. Phải tận lực nghĩ đến phương pháp phá trừ Ngã Kiến, để cho nó tăng trưởng hằng ngày thì còn làm gì được nữa! Ất phải nhứt bát [Ngã Kiến], tâm mới được thanh tịnh, tự tại. Nếu chưa thể, hãy nên sanh lòng hổ thẹn, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Chưa có năng lực phá trừ Ngã Kiến, chỉ có một con đường là niệm Phật thì mới có thể thành công. Trong hết thảy các kinh,

cũng chỉ có bộ kinh này thật sự có thể cứu người, có thể cứu mình, có thể cứu chúng sanh. Chiếu theo lý luận và phương pháp trong kinh Di Đà để niệm Phật, chúng ta chắc chắn thành tựu trong một đời này.

(Sớ) Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp trung, tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh.

(疏) 以上亦皆入五法中，詳見入楞伽諸經。

(Sớ: Những điều trên đây cũng thuộc trong năm pháp, xem chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già⁴¹).

“Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp trung”: Đều chẳng rời khỏi năm pháp. Đối với tám thức, tự thể của tám thức là vọng tưởng, “*danh tướng*” là do thức thứ sáu so lường. Khi chuyển Thức thành Trí, nó sẽ là Chánh Trí, Lý được chứng nhập [bởi Chánh Trí] là Như Như. Vô Ngã

⁴¹ Nhập Lăng Già Kinh (Lankāvatāra-sūtra) có tên gọi đầy đủ là Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh, là một bộ kinh Đại Thừa, chuyên giảng về Như Lai Tạng, chân thường duy tâm. Cùng với kinh Giải Thâm Mật, kinh Lăng Già được coi là kinh điển trọng yếu của Như Lai Tạng Học Phái. Danh xưng của kinh thường được giải thích như sau: Lăng Già có nghĩa là Hồng Bảo Thạch, là tên một ngọn núi báu. Có thuyết giải thích Lăng Già là tên một hòn đảo vốn là thủ đô của xứ Ravana, nơi cư trú của La Sát Vương. Toàn bộ danh xưng Lăng Già A Bát Đa La có nghĩa là đức Phật vào núi báu Lăng Già để giảng kinh này. Kinh Lăng Già có năm bản dịch:

1. Bản dịch thứ nhất của ngài Đàm Vô Sấm dịch tại xứ Cô Tạng nước Bắc Lương đã thất truyền từ đời Đường.
2. Bản dịch mang tên Lăng Già A Bát Đa La Bảo Kinh của ngài Cầu Na Bát Đà La dịch vào năm Nguyên Gia 20 (443) đời Lưu Tống, gồm bốn quyển. Theo truyền thuyết, tổ Đạt Ma đã truyền cho ngài Huệ Khả bản kinh này. Sách Truyền Đăng Lục cũng nói Ngũ Tổ Hoàng Nhãn đã vẽ bức Lăng Già Tu Định Đồ trên vách tường trong Thiền thất.
3. Bản dịch mang tên Nhập Lăng Già Kinh mười quyển do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào đời Bắc Ngụy.
4. Bản dịch mang tên Đại Thừa Nhập Lăng Già Kinh, bảy quyển, do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường.
5. Bản hội tập mang tên Lăng Già Hội Dịch do pháp sư Viên Kha biên soạn vào đời Minh. Bản này hội tập ba bản Tống dịch, Ngụy dịch và Đường dịch. Nguyên bản kinh này bằng tiếng Phạn được phát hiện vào năm 1923 tại Kathmandu của Nepal và được Nam Điều Văn Hùng (Nanjō Bunyū) người Nhật kiểm giáo, xuất bản. Đến năm 2005, Đàm Tích Vĩnh dựa theo bản này, tham khảo ba bản Hán dịch trước đó, dịch thành bản mới mang tựa đề Nhập Lăng Già Kinh Phạm Bản Tân Dịch. Ở đây, Tổ Liên Trì dùng chữ “*Lăng Già chư kinh*” trong lời Sớ nhằm nói đến các bốn bản dịch gốc và một bản hội tập vào đời Minh.

cũng chẳng ra ngoài năm pháp. Hai thứ chấp trước Nhân và Pháp cũng thuộc vào danh, tướng và vọng tưởng. Hai thứ vô ngã, tức Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã, đều nói đến Lý, tức là lý Như Như. Khi chứng đắc “nhị vô ngã” thì chính là trí huệ, nên gọi là Chánh Trí. Vì thế, các pháp này đều chẳng lìa khỏi năm pháp ấy. “*Tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh*” (xem chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già): Trong Nhập Lăng Già Kinh, trong kinh luận Duy Thức, đều nói [những giáo nghĩa này] rất nhiều.

(Sớ) *Tất Không tất khiển, sở vị Phật thân vô vi, bất đọa chư số.*

(疏) 悉空悉遣, 所謂佛身無為, 不墮諸數。

(Sớ: “Đều là Không, đều bỏ đi”, chính là nói: Thân Phật vô vi nên chẳng thuộc vào số).

“*Tất*” (悉) là thầy đều tách lìa, đều buông xuống, đây là nghĩa lý Đốn Giáo. Đều buông hết xuống, đó là “*bất đọa chư số*”: Số là số lượng, chỉ cần trong tâm ta có ngã (ta), còn có nhân (người khác), quý vị sẽ vướng mắc trong số. Nói đơn giản thì cái Số đó chính là vận mạng, quý vị sẽ có vận mạng. Do vậy có thể xem tướng, có thể đoán vận mạng, vì sao? Vì quý vị còn vướng mắc trong Số. Nếu công phu của quý vị đạt đến vô ngã, chẳng còn có số nữa, đoán mạng hay xem tướng cũng đoán chẳng ra, vì sao? Vượt thoát rồi, chẳng mắc vào số. Quý vị phải hiểu: Chỉ cần chúng ta còn khởi tâm động niệm bèn có tội, phước; trong quá khứ, chúng ta làm thiện nghiệp bèn có thiện báo, tạo ác nghiệp bèn có ác báo, chẳng tránh khỏi quả báo thiện hay ác. Đó là định luật, không có cách nào tránh né được. Nếu đạt đến vô ngã, sẽ không còn nữa. Quý vị hãy suy nghĩ, vô ngã thì ai chịu báo? Phước báo hiện tiền, ai hưởng phước? Ngã không có thì cái gì hưởng? Tội báo hiện tiền, ngã không có, ai chịu báo? Không có! Hễ có ngã bèn có lục đạo luân hồi, vô ngã thì lục đạo luân hồi chẳng thể được! Khi ấy, đừng nói là vượt thoát luân hồi, ngay cả luân hồi cũng chẳng có.

Do điều này, nếu quý vị hiểu rõ sự thật này, lục đạo do đâu mà có? Có ngã bèn có lục đạo, vô ngã chẳng có lục đạo! Có pháp bèn có tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Nếu không có pháp, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Đến khi ấy, sẽ là cảnh giới gì? Bất đắc dĩ, miễn cưỡng gọi bằng danh từ “Nhất Chân pháp giới”. Kinh Hoa Nghiêm nói Nhất Chân pháp giới là nói về chuyện này. Vì thế,

phải biết: Mười pháp giới do chính mình biến hiện, hiểu rõ đạo lý này rồi sẽ dễ tu!

Trong hết thấy các cảnh giới, phải bỏ Ngã! Ngã ấy bỏ bằng cách nào? Quá khó khăn! Người Tiểu Thừa sau khi đoạn Kiến Hoặc, phải sanh trong cõi trời hay cõi người bảy lượt, đoạn Tư Hoặc, đạt đến cảnh giới Nhân Không, chứng A La Hán. Nhân gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thời gian dài lâu, những con số ấy đều là con số thiên văn, chẳng có cách nào tính toán được! Muốn phá trừ Pháp Chấp, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đủ thấy chẳng phải là chuyện dễ dàng! Phương pháp của Đại Thừa xảo diệu hơn Tiểu Thừa rất nhiều. Người Tiểu Thừa đoạn bằng phương pháp cứng ngắt (không linh hoạt, uyển chuyển), đoạn cứng ngắt sẽ đoạn không được, dẫu có đạt đến vô ngã thì ai vô ngã? Ta vô ngã! Quý vị nghĩ xem: Còn có ngã hay là không? Vẫn còn! Phương pháp Đại Thừa hay khéo, dạy quý vị khởi tâm động niệm hãy luôn nghĩ vì chúng sanh, nghĩ đến người khác, chẳng nghĩ tới chính mình, lâu dần dưỡng thành thói quen, chẳng còn Ngã nữa. Người niệm Phật khởi tâm động niệm đều nghĩ đến A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Như vậy dần dần sẽ quên mất chính mình! Chẳng dùng phương pháp xảo diệu này, mà

mong đoạn trừ Ngã, sẽ chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ cần có Ngã, bất luận quý vị tu pháp môn gì cũng đều có luân hồi.

Tu Thiền đến mức vô ngã mới có thể thoát khỏi tam giới. Tu Mật đến vô ngã mới có thể thành Phật. Chỉ cần tồn tại ngã thì Thiền lẫn Mật đều chẳng thoát khỏi tam giới. Muốn vượt thoát tam giới, chỉ có con đường niệm Phật đời nghiệp vãng sanh là có thể đi thông suốt; trừ con đường này ra, không có con đường thứ hai! Đủ thấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ hết sức trọng yếu, nhất là trong thời đại hiện tại, thiên hạ đại loạn, mạng người vô thường, một hơi thở ra không hít vào được nữa, bèn phải luân hồi, hết sức đáng sợ! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 72

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm lẻ tám:

(Sớ) Nhị vô ngã giả, nhân vô ngã, pháp vô ngã. Dĩ thượng diệt giai nhập ngũ pháp trung, tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh.

(疏) 二無我者，人無我，法無我。以上亦皆入五法中，詳見入楞伽諸經。

(Sớ: Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Những điều trên đây cũng thuộc trong năm pháp, xem chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già).

Đây là nói tới Duy Thức, [nói tới] Duy Thức là nói tới lý luận trong Phật pháp, hết sức trọng yếu. Bất luận tông phái hay pháp môn nào, chúng ta thường nói “vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn”, đều chẳng trái nghịch những đạo lý này. Trong các tông phái, nếu chúng ta quy nạp lại, có thể nói là có ba tông phái, những tông phái [quy nạp] này mang tánh chất là khoa mục chung [cho mọi tông phái]. Thứ nhất là Luật Tông, bất cứ tông phái Hiển hay Mật nào cũng đều phải giữ giới luật, nương Giới sanh Định, do Định khai Huệ. Đây là khoa mục chung bắt buộc phải tu học trong Phật giáo. Thứ hai là Duy Thức, Duy Thức là nói về lý luận. Không chỉ kinh Di Đà chẳng thể trái nghịch đạo lý Duy Thức, mà Thiền Tông, Mật Tông cũng chẳng thể trái nghịch, nên Duy Thức cũng có thể nói là khoa mục chung. Thứ ba là Tịnh Độ Tông

niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là chỗ quy túc cuối cùng của tất cả các tông phái; vì thế, nó cũng là khoa mục chung. Những vị tổ sư đại đức của Thiên Tông từ xưa tới nay đến cuối cùng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tại Đài Loan, các đồng tu đều biết pháp sư Quảng Khâm tham Thiền, nhưng về già, Ngài chuyên môn niệm Phật, cũng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là tấm gương gần đây nhất mà chúng ta thấy. Vì thế, chẳng những phải tu ba tông này, mà chúng còn là khoa mục chung [cho mọi tông phái Phật giáo].

Hai thứ vô ngã thì trong phần trước đã nói đại ý. Ất cần phải đạt đến Nhân Vô Ngã mới có thể vượt thoát tam giới, chứng quả A La Hán, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, nhưng chưa thể kiến tánh. Nếu muốn minh tâm kiến tánh, phải tiến thêm một bước là phá Pháp Chấp, pháp cũng vô ngã. Hết thấy vạn pháp cũng vô ngã. Nên giải thích Ngã như thế nào? Ngã (Ātman) có nghĩa là chủ thể, hay tự tại. Trong kinh nêu ra bảy, tám định nghĩa của Ngã. Quả thật, hết thấy các pháp cũng là những pháp được sanh bởi nhân duyên, do nhiều điều kiện kết hợp lại. Pháp sanh bởi nhân duyên thì nói cách khác, nó không có chủ thể, chẳng thể nói cái nào là chủ. Sau khi đã biết Pháp Vô Ngã thì mới có thể minh tâm kiến tánh, mới có thể đạt được cái mà Thiên Tông gọi là “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*”.

Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng chẳng rời khỏi đạo lý này. Nếu làm được Nhân Vô Ngã thì mới chứng đắc “nhất tâm bất loạn” được nói trong kinh này. Nhất tâm có hai loại: Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Trong lúc này, chỉ chứng đắc Sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh Tịnh Độ phẩm vị cũng cao, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, đã phá trừ Pháp Vô Ngã, minh tâm kiến tánh rồi, sanh vào Tịnh Độ, địa vị càng cao hơn, người ấy sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm dùng danh xưng Pháp Thân đại sĩ để chỉ những người thuộc địa vị ấy. Nếu nhìn theo tiêu chuẩn này, trong đời này chúng ta muốn cầu sanh Tịnh Độ đạt đến tiêu chuẩn ấy quả thật chẳng dễ dàng, thật đấy! Chẳng đạt đến tiêu chuẩn này, chẳng có cách nào thành tựu; vì thế, cổ nhân nói chắc nịch: Tu bất cứ pháp môn nào [ngoài pháp môn Tịnh Độ] cũng đều chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là vì chỗ này, không có biện pháp nào phá Nhị Vô Ngã!

Nhưng niệm Phật mà chưa đạt đến mục đích ấy cũng chẳng sao! Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Chỉ cần có tín niệm kiên cố, mười niệm hay một niệm cũng đều có thể vãng sanh, điều kiện ấy mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được, nhưng sanh về Tây

Phương Tịnh Độ phẩm vị không cao, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tuy phẩm vị không cao, phải biết hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới quá tốt đẹp: Thế giới ấy không có ba ác đạo. Chẳng những không có ba ác đạo, mà Tu La đạo cũng chẳng có, chỉ có hai đường nhân thiên. Nói cách khác, hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo. Ngoài ra, một điều tốt đẹp nữa là bên ấy thọ mạng dài lâu, thọ mạng của người Hạ Phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư bằng với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật thọ vô lượng, nên người ấy cũng thọ vô lượng. Điều tốt đẹp lớn nhất của thọ mạng dài là tu hành nhất định thành công!

Thọ mạng của chúng ta trong thế giới này quá ngắn ngủi, thời gian có thể sử dụng hết sức hữu hạn. Dầu sống tới trăm tuổi, đêm ngủ hết tám tiếng đồng hồ. Nói cách khác, tối thiểu là một phần ba [cuộc đời]! Lại còn phải trừ đi hai mươi năm đầu chưa hiểu chuyện, sau tám mươi tuổi quá già, chẳng còn có sức để tu hành nữa. Lại còn phải trừ đi thời gian mặc áo, ăn cơm, giao tiếp, cả một đời quý vị dùng khoảng thời gian năm năm [để tu hành] là đã phi phạm rồi! Thời gian quả thật quá ngắn! Công phu vừa mới đắc lực, thọ mạng đã hết, không làm sao được, lại phải đợi đến đời sau! Vì thế, đời đời tu hành mà đến nay chúng ta vẫn y hệt như vậy!

Hiểu rõ sự thật này, quý vị mới biết: Chính mình nhất định đừng nên đợi đến đời sau, vì sao? Tình huống trong đời sau có thể còn kém hơn đời này! Phải hạ quyết tâm, đời này nhất định phải sanh về Tịnh Độ! Cũng có người nói: Tôi muốn thì muốn vậy, nhưng có thật sự làm được hay chẳng? Tôi nghĩ những người mang nỗi nghi vấn ấy rất nhiều. Nếu quý vị đọc kỹ ba kinh Tịnh Độ, nỗi hoài nghi ấy sẽ chẳng còn nữa! Đức Phật dạy chúng ta câu nào cũng chân thật, đức Phật chẳng vọng ngữ. Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Như Lai thị chân ngữ giả*” (đức Như Lai là bậc nói lời thật), chân là không giả, “*thật ngữ giả*”, “*thật*” là chẳng hư dối, chẳng hư ngụy; “*như ngữ giả*”, nói hoàn toàn phù hợp với sự thật, chẳng tăng, chẳng giảm, nói rất khít khao, đó là “*như ngữ*”, “*bất cuồng ngữ giả, bất dị ngữ giả*” (chẳng nói dối, chẳng nói những điều quái lạ). Những câu này đều nhằm khuyên chúng ta phải tin tưởng lời Phật dạy, đức Phật chẳng vọng ngữ. Do vậy, chúng ta thật sự tin tưởng lời răn dạy của đức Phật, y giáo phụng hành, trong một đời này, chắc chắn có thành tựu. Nói đến Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã, dầu làm không được mà vẫn có thể thành tựu thì chỉ có pháp môn Niệm Phật.

Trừ pháp môn Niệm Phật ra, những pháp môn nhất định phải đạt được Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã thì mới được coi là thành tựu.

(Sớ) Tất Không tất khiến, sở vi Phật thân vô vi, bất đạo chư số. Nhất niệm bất sanh tức danh vi Phật giả, Đốn Giáo chỉ chỉ dã.

(疏) 悉空悉遣，所謂佛身無為，不墮諸數。一念不生即名為佛者，頓教之旨也。

(Sớ: “Đều không, đều bỏ đi”, chính là nói: Thân Phật vô vi nên chẳng thuộc vào các pháp số. Một niệm chẳng sanh thì gọi là Phật, đây là tông chỉ của Đốn Giáo).

Đoạn này nói về “giáo nghĩa thâm quảng” (giáo nghĩa rộng sâu), giảng về Đốn Giáo. Tông chỉ của Đốn Giáo đích thực là như vậy: Lia hết thấy tướng chính là hết thấy pháp. Vì sao có thể coi Niệm Phật là Đốn Giáo? Chiếu theo tông chỉ của Đốn Giáo để nói, quả thật chẳng thể coi Niệm Phật là Đốn Giáo, vì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chưa đoạn Kiến Tư phiền não, hai thứ Vô Ngã đều vẫn còn. “Đốn” ở chỗ thành công trong một đời, chẳng đợi đến đời thứ hai.

(Sớ) Kim ngôn niệm Phật, tác sở xưng Phật hiệu thuộc Danh, sở đối Phật thân thuộc Tướng, ức niệm bỉ Phật thuộc vọng tưởng. Túng sử tịnh niệm tương kế, nhập Tam-ma-địa, diệc thuộc Chánh Trí, Như Như.

(疏) 今言念佛，則所稱佛號屬名，所對佛身屬相，憶念彼佛屬妄想，縱使淨念相繼，入三摩地，亦屬正智如如。

(Sớ: Nay nói niệm Phật thì danh hiệu Phật được xưng niệm là Danh, thân của đức Phật được xưng niệm là Tướng, nghĩ nhớ đức Phật ấy là vọng tưởng. Dầu cho tịnh niệm liên tục, nhập Chánh Định, vẫn thuộc vào Chánh Trí và Như Như).

Hoàn toàn thuộc vào năm pháp.

(Sớ) Nhi phục phân biệt thị Phật, thuộc thức tình.

(疏) 而復分別是佛，屬識情。

(Sớ: Lại còn phân biệt là Phật, thuộc về tình thức).

Quý vị có cái tâm phân biệt, đó là thức thứ sáu.

(Sớ) Năng niệm, sở niệm, thuộc nhân pháp.

(疏) 能念所念，屬人法。

(Sớ: Năng niệm và sở niệm thuộc về nhân và pháp).

Năng niệm (chủ thể niệm Phật) là người, sở niệm (danh hiệu được niệm, đức Phật được niệm) là pháp.

(Sớ) Thượng vị khiến hữu ngã, huống vô ngã diệt khiến da?

(疏) 尚未遣有我，況無我亦遣耶。

(Sớ: Hữu ngã còn chưa gạt bỏ được, huống là vô ngã cũng gạt bỏ w?)

Hữu ngã còn chưa trừ được, làm sao có thể nói là “đã đạt đến vô ngã”? Đốn Giáo là ngay cả vô ngã cũng chẳng cần đến. Đốn Giáo là “năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã” thấy đều bỏ sạch, quả thật chẳng nhiễm mây trần. Lục Tổ đại sư là Đốn Giáo, “vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần?” Tám thức, hai thứ vô ngã, Ngài đều chẳng có. Nhìn từ góc độ này, làm sao có thể nói Niệm Phật là Đốn Giáo cho được?

(Sớ) Bỉ giáo sở không, sở khiến, thử giai hữu chi.

(疏) 彼教所空所遣，此皆有之。

(Sớ: Những điều không có, bị gạt bỏ trong Đốn Giáo, pháp môn này đều có cả).

“Sở khiến” là bị bỏ đi. Người niệm Phật chúng ta thứ gì cũng là chẳng Không, cũng chẳng tách rời một thứ gì.

(Sớ) Dĩ kỳ hữu niệm, cố nan phi頓.

(疏) 以其有念，故難非頓。

(Sớ: Do [niệm Phật] là hữu niệm, nên bắt bẻ, bảo nó chẳng phải là Đốn).

Người ta đến vấn nạn, nói pháp môn của chúng ta chẳng phải là Đốn Giáo.

(Sớ) Chánh vị vô niệm giả, lương điều nhất tâm bất loạn, tắc bất dĩ hữu tâm niệm, bất dĩ vô tâm niệm, bất dĩ diệc hữu diệc vô tâm niệm, bất dĩ phi hữu phi vô tâm niệm. Ly thử tứ cú, cánh hữu hà niệm? Tuy danh niệm Phật, cái vô niệm chi niệm dã. Niệm nhi vô niệm, thị danh nhất tâm. Như thị chi tâm, tâm vô kỳ tâm, cưỡng danh viết “nhất”. Thượng vô nhất tướng, an cầu sở vị ngũ giả, tam giả, bát giả, nhị giả, nhiên tắc nhất tâm bất loạn, bất dị nhất niệm bất sanh, yên đắc phi Đốn?

(疏) 正謂無念者，良繇一心不亂，則不以有心念，不以無心念，不以亦有亦無心念，不以非有非無心念，離此四句，更有何念。雖名念佛，蓋無念之念也，念而無念，是名一心。如是之心，心無其心，強名曰一。尚無一相，安求所謂五者三者八者二者，然則一心不亂，不異一念不生，焉得非頓。

(Sớ: Nói pháp này đúng là vô niệm, là vì nhất tâm bất loạn chẳng phải là dùng hữu tâm để niệm, chẳng dùng vô tâm để niệm, chẳng dùng cái tâm vừa hữu niệm vừa vô niệm để niệm, chẳng dùng cái tâm chẳng có chẳng không để niệm. Là khỏi bốn câu ấy, còn có niệm gì nữa? Tuy gọi là “niệm Phật”, nhưng là niệm mà vô niệm. Niệm mà vô niệm thì gọi là nhất tâm. Cái tâm như thế là cái tâm chẳng có vọng tâm nên cưỡng gọi là Nhất. Nó còn chẳng có một tướng, há tìm được những cái gọi năm pháp, ba tánh, tám thức, hai vô ngã ư? Vậy thì “nhất tâm bất loạn” chẳng khác “nhất niệm bất sanh”, lẽ nào chẳng phải là Đốn?)

Cách nói này vô cùng cao! Đúng là Đốn Giáo! Trong đoạn trên, kẻ ấy (tức kẻ bắt bẻ niệm Phật chẳng phải là Đốn Giáo) thấy chúng ta cái gì cũng có, kẻ ấy đã thấy sai bét rồi! Thật ra, kẻ ấy hoàn toàn chẳng thấy sai, mà lời đáp của tổ sư cũng chẳng hề đáp trật. Lời đáp của tổ sư là gì?

Là Lý nhất tâm bất loạn, có sao chẳng là Đốn? Nay chúng ta ngay cả công phu thành phiền còn chưa làm được! Vì thế, phải hiểu vì sao tổ sư phán định pháp môn này là Đốn, lại phán định nó là Phần Viên, tức là có một phần là Viên.

Nói theo công phu niệm Phật, đương nhiên Lý nhất tâm bất loạn là mục tiêu tối cao, làm chưa được thì hạ xuống một cấp, chọn lấy cái kém hơn, tức là Sự nhất tâm. Nếu Sự nhất tâm vẫn chưa làm được, lại hạ xuống một bậc là công phu thành phiền. Như thế mới gọi là “*thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thu lợi căn lẫn độn căn*”. Đây là điểm đặc sắc của pháp môn này. Đức Phật thật sự khích lệ chúng ta thành tựu Lý nhất tâm bất loạn trong một đời này, có làm được hay chẳng? Nói thật ra, xét theo lý luận, ai nấy đều có thể làm được, nhưng luận theo mặt Sự, có những kẻ không chịu làm thì không có cách nào hết! Thế nào là không chịu làm? Kẻ ấy không chịu buông xuống, không chịu bỏ!

Chiều hôm nay, có mấy vị đồng tu sơ học đến đây gặp tôi, hỏi tôi về Phật pháp. Bọn họ thường nghĩ Phật pháp là triết học hết sức sâu xa, uyên áo. Tôi bảo họ: “Chẳng phải vậy! Phật pháp rất dễ tiến nhập, chẳng khó tí nào! Khó là khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ quý vị chẳng buông xuống! Điều thứ nhất là phải buông tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian xuống, quý vị có chịu làm hay không? Quý vị chịu làm, sẽ vào được cửa. Không chịu, dù đức Phật có thuyết pháp cho quý vị cũng phí công! Quý vị cũng chẳng có cách nào nhập môn! Vấn đề là do chính mình. Khác hẳn triết học! Đối với triết học, kẻ ngu si một chút, kẻ căn tánh chậm chạp sẽ thật sự chẳng thể hiểu triết học. Phật pháp không như vậy, người chưa từng đi học, người chẳng biết chữ như Lục Tổ đều có thể tiến nhập Phật pháp. Lục Tổ dựa vào điều gì? Dựa vào cái tâm thanh tịnh. Trong lòng Ngài chẳng vương mắc hết thảy các pháp, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, nên tiến nhập. Ngài không biết chữ, nghe người ta niệm kinh, người niệm kinh chẳng khai ngộ, nhưng Ngài nghe liền khai ngộ. Vì sao? Người niệm kinh chưa buông xuống, tuy người ấy biết niệm mà chẳng khai ngộ. Người nghe kinh buông xuống, tuy không biết niệm mà khai ngộ. Đạo lý là như vậy đó! Không chỉ pháp thế gian phải buông xuống, mà pháp xuất thế gian cũng phải buông xuống. Vì sao? Không buông pháp thế gian xuống được, trong tâm còn xen tạp cả đồng danh hiệu Phật, Bồ Tát và kinh điển nhiều đường ấy, đó đều là chướng ngại, quý vị vẫn chưa thể minh tâm kiến tánh. Cái tâm chẳng thanh tịnh, chẳng bị pháp thế gian ô nhiễm thì lại bị Phật pháp ô nhiễm! Đốn Giáo là chẳng nhiễm mảy trần”.

Ở đây, đại sư biện giải, lời giảng của Ngài rất hợp lý. Lý nhất tâm bất loạn quả thật chẳng nhiệm mảy trần, hoàn toàn phù hợp với giáo nghĩa của Đốn Giáo. Do vậy, pháp môn Niệm Phật thuần túy thuộc vào Đốn Giáo. Không riêng gì Liên Trì đại sư chỉ dạy như vậy, mà tổ sư Pháp Tướng Duy Thức Tông là Khuy Cơ đại sư cũng phán định kinh này là Đốn Giáo. Ngài còn nêu ra thí dụ, trong kinh này có nói: Hoặc một ngày cho đến bảy ngày, bảy ngày bèn thành công, đó là Đốn. Bảy ngày tu thành công điều gì vậy? Thành nhất tâm bất loạn. Tâm chẳng điên đảo. Tâm chẳng điên đảo thì tâm ấy quyết định chẳng còn mê hoặc nữa, thật sự là giác, chứ không mê. Bảy ngày có thể hoàn thành, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Điều này thuộc về Đốn Giáo. Chúng ta nói “thành Phật trong một đời”, đó là ý nghĩa Viên Giáo. Vì thế, kinh này Đốn cực, mà cũng là Viên cực.

Ở chỗ này, câu nào cũng nói về Lý, chúng ta hiểu rõ là tốt rồi, nhưng chưa thể học theo. Vì sao chưa thể học? Học chưa được! Ví như trong kinh có nói: “*Bất dĩ hữu tâm niệm, bất dĩ vô tâm niệm*” (chẳng dùng hữu tâm để niệm, chẳng dùng vô tâm để niệm), chúng ta dùng cái tâm gì để niệm? Hữu tâm niệm cũng chẳng được, mà vô tâm niệm cũng không xong. Vừa hữu vừa vô cũng chẳng được, chẳng phải hữu chẳng phải vô vẫn không được. Dùng cái tâm gì để niệm? Nay chúng ta thật thà dùng hữu tâm để niệm là được rồi! Cảnh giới chưa đạt đến trình độ ấy, bèn dùng hữu tâm để niệm. Cổ đức bảo chúng ta: “*Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn, bất khả chấp Không như giới tử*” (thà chấp có như núi Tu Di, đừng chấp Không chừng bằng hạt cải). “*Giới tử*” là hạt cải, rất nhỏ! Quyết định đừng nên chấp Không. Chấp Hữu thì chúng ta có thể đời nghiệp vãng sanh, có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư có ba bậc, chín phẩm. Trung thượng phẩm đều biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, đây là điều tốt đẹp lắm!

Đến khi công phu của chúng ta đạt tới trình độ ấy, lại tiến lên nữa, tiến lên cầu Sự nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là Định, chúng ta thường gọi Định ấy là Niệm Phật tam-muội. Kiến Tư phiền não chẳng còn dấy lên hiện hành nữa, đã đạt được Nhân Vô Ngã, đó là Niệm Phật tam-muội thành công. Đã đạt đến cảnh giới ấy, lại tiến lên Pháp Vô Ngã, chúng Pháp Vô Ngã thì mới là “*ly tứ cú, tuyệt bách phi*” như [đang nói] ở đây. “*Tứ cú*” (bốn câu) là Có, Không, Cũng Có Cũng Không, Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không, đây mới là thật sự nhập cảnh giới này. Đó là cảnh giới do đích thân Như Lai chứng đắc. Nói cách khác, quyết định chẳng phải là cảnh giới hiện tiền của chúng ta, đừng vọng tưởng cảnh

giới ấy, hãy thật thà niệm một câu Phật hiệu này, niệm đến mức trong mười hai thời Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó gọi là công phu thành phiến.

Câu cuối cùng là nói đại lược. “*Sở vị ngũ giả*” là nói đến ngũ pháp (Danh, Tướng, Vọng Tướng, Chánh Trí, Như Như), “*tam giả*” là ba tự tánh (Vọng Kế Tánh, Duyên Khởi Tánh, Viên Thành Tánh), “*bát giả*” là tám thức, “*nhị giả*” là Nhị Vô Ngã (Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã), đều nhằm tổng kết phần trước. Thật sự đạt đến nhất tâm bất loạn thì những thứ này đều chẳng còn nữa; cho nên nói “*bất dị nhất niệm bất sanh*” (chẳng khác gì một niệm chẳng sanh). Do đây có thể biết rằng: Tịnh Độ Tông nói nhất tâm bất loạn hoàn toàn có cùng một cảnh giới với “*nhất niệm bất sanh*” như Viên Giáo đã nói, cách nói khác nhau, cảnh giới hoàn toàn tương đồng. Vì thế, niệm Phật cũng là niệm đến mức nhất niệm bất sanh, giống như trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát [đã nói] “*niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, tám chữ này đã miêu tả “*ly tứ cú, tuyệt bách phi*”. Ngài có niệm Phật hay không? Niệm chứ! Ngài chẳng chấp trước vào cái Ngã đang niệm, cũng chẳng chấp trước có pháp để niệm, Năng và Sở hai đàng đều chẳng chấp trước, Năng và Sở cùng mất. Chẳng chấp Có, từng câu Phật hiệu liên tục, chẳng gián đoạn. Ngài chẳng chấp trước Không, đó gọi là “Không và Hữu hai bên đều chẳng chấp trước”. Công phu thật sự đạt đến mức thì mới có cảnh giới này. Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo:

Phân Viên.

(Huyền Nghĩa) Phần thuộc Viên Giáo giả.

分圓

(玄義) 分屬圓教者。

(Phân Viên.

Huyền Nghĩa: Có phần thuộc về Viên Giáo).

“*Phân*” là bộ phận.

(Huyền Nghĩa) Viên chi vi nghĩa, vi tứ pháp giới trung, tiền tam thông w chư giáo, hậu nhất độc thiện hồ Viên. Kim thử kinh giả, Viên toàn nhiếp thử.

(玄義) 圓之為義，為四法界中，前三通於諸教，後一獨擅乎圓。今此經者，圓全攝此。

(Huyền Nghĩa: Ý nghĩa của Viên là trong bốn pháp giới, ba pháp giới đầu các giáo đều có, riêng pháp giới cuối cùng chỉ riêng Viên Giáo là có. Nay Viên Giáo hoàn toàn thu nhiếp kinh này).

Viên Giáo hoàn toàn bao quát bộ kinh này.

(Huyền Nghĩa) Thử phân nhiếp Viên, đăc Viên thiếu phần, phần thuộc Viên cố.

(玄義) 此分攝圓，得圓少分，分屬圓故。

(Huyền Nghĩa: Kinh này thuộc về Viên Giáo một phần: Do được một ít phần Viên, nên thuộc về Viên Giáo một phần).

Xét theo kinh này để nói, nó có một phần là giáo nghĩa của Viên Giáo.

(Sớ) Tứ pháp giới giả.

(疏) 四法界者。

(Sớ: Bốn pháp giới là...)

Tứ pháp giới: Thanh Lương đại sư giải thích kinh Hoa Nghiêm, đã chia pháp giới thành bốn loại. Trên thực tế, [tứ pháp giới] là bốn góc độ quan sát, chứ chúng là một Thể. Một Thể được nhìn từ bốn góc độ thì mới thấy được tánh chân thật của nó.

(Sớ) Nhất, Sự pháp giới.

(疏) 一、事法界。

(Sớ: Một là Sự pháp giới).

Sự là nhìn theo sự tướng. Sự tướng là “duyên khởi vô biên”, nhỏ thì như chúng ta quan sát một người, quan sát chính mình, thân tâm của chúng ta, lớn thì thấy toàn thể vũ trụ đều là pháp sanh bởi nhân duyên, vô lượng vô biên nhân duyên. Đức Phật dạy chúng ta phải có trí huệ,

phải có tầm nhìn sâu rộng, chớ nên chỉ thấy trước mắt, chỉ thấy một phần; [nếu không] sẽ phát sanh rất nhiều chuyện hiểu lầm, phát sanh sự hiểu biết sai lạc. Tục ngữ nói: “*Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*” (một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định trước), ai định? Tuyệt đối chẳng phải là Phật, Bồ Tát định sẵn cho quý vị, cũng chẳng phải do vua Diêm La quyết định! Đức Phật bảo: “Nghệp lực quyết định”. Ngay cả trường hợp bị chết vì chiến tranh thì cũng chẳng phải là chết oan uổng!

Lúc tôi mới học Phật, lão cư sĩ Châu Kính Trụ giúp đỡ tôi rất nhiều. Khi ấy, vào khoảng năm Dân Quốc 38 (1949) hay 39 (1950), kinh sách ở Đài Loan chẳng dễ kiếm: Tiệm sách cũng không bán, mà cũng không có ai in. Sau khi đến Đài Loan, Châu lão cư sĩ đã làm chuyện công đức to lớn là xướng suất in kinh. Cụ tự mình quyên góp từ bạn bè, lập ra Đài Loan Ấn Kinh Xứ. Cụ là người đầu tiên in kinh Phật ở Đài Loan. Khi tôi học Phật, lão nhân gia đã bảy mươi tuổi, cụ cũng sống rất thọ, chín mươi sáu tuổi mới vãng sanh. Cụ kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện lạ lùng do đích thân cụ đã từng trải qua, chẳng phải là chuyện giả. Bản thân cụ là một người theo khoa học, học theo ngành Tài Chánh, từ trước đến nay chẳng hề tin chuyện quỷ thần, đương nhiên càng chẳng dễ gì tiếp nhận Phật pháp. Nhạc phụ của cụ là cụ Chương Thái Viêm⁴²,

⁴² Chương Thái Viêm (1868-1936), người xứ Dur Hàng, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, vốn có tên là Học Thừa, tự là Mai Thúc. Về sau đổi tên thành Bính Lâm, hiệu Thái Viêm. Cụ còn có các biệt hiệu Cao Lan Thất Chủ Nhân, Lưu Tử Tuấn Tư Thục Đệ Tử. Cụ là một nhà tư tưởng, sử gia, chuyên gia về Quốc Học đồng thời là một trong những nhà cách mạng tiên phong của Quốc Dân Đảng. Năm 23 tuổi, cụ chuyên nghiên cứu Quốc Học dưới sự giảng dạy của Du Việt, rất được giới học thuật kính nể do sự bác lãm của mình. Khi chiến tranh Trung Nhật lần thứ nhất xảy ra, cụ tham gia Cường Học Hội, viết nhiều bài cho Thời Vụ Báo của Lương Khải Siêu, chỉ trích những hủ bại của triều đình nhà Thanh. Bị truy nã, cụ phải trốn sang Đài Loan, rồi sang Nhật Bản, được Lương Khải Siêu tiến cử lên Tôn Văn. Cụ trở lại Thượng Hải làm cộng tác với tờ Á Đông Thời Báo, và xuất bản tác phẩm quan trọng nhất là Cầu Thư nhằm trình bày ý tưởng canh tân đất nước. Cụ bị nhà Thanh hạ ngục từ năm 1901 đến năm 1906 và đã nghiên cứu Phật học trong thời gian ở tù. Sau khi được thả, cụ đã tham gia Đồng Minh Hội và trở thành chủ bút tờ Dân Báo. Trong thời gian này, các học trò đặc ý của cụ là Hoàng Khả, Lỗ Tấn, Châu Tác Nhân (em trai Lỗ Tấn), Tiền Huyền Đông v.v... Chính cụ đã áp ủ danh xưng Trung Hoa Dân Quốc trước khi cách mạng Tân Hợi thành công. Trung Hoa Dân Quốc thành lập, Viên Thế Khải đã mời cụ làm cố vấn cao cấp. Khi cuộc tổng tuyển cử đầu tiên được tiến hành vào năm 1913, Tổng Giáo Nhân đặc cử, nhưng chưa nhậm chức đã bị ám sát chết. Cụ Chương kịch liệt phê phán Viên Thế Khải đã ám sát họ Tống. Do vậy, cụ

là một bậc đại sư về Quốc Học đầu thời Dân Quốc, là một người có danh vọng hết sức cao.

Khi cụ Chương Thái Viêm còn sống, từng làm Phán Quan cho Đông Nhạc Đại Đế⁴³, chức Phán Quan giống như Bí Thư Trưởng (Tổng Thư Ký) hiện thời, địa vị rất cao. Dưới Đông Nhạc Đại Đế là cụ. Mỗi đêm cụ phải đi làm, có hai tiểu quỷ khênh kiệu tới thỉnh cụ lên kiệu. Khi trời tối, lúc mọi người ngủ thì cụ phải đi làm. Khi cụ đi làm, giống như đã chết, nằm yên trên giường chẳng động đậy tức là cụ đã đi làm. Đến sáng sớm hôm sau, khi gà gáy, cụ tan sở, được đưa về. Cụ thấy rất nhiều chuyện trong cõi Âm, bạn bè thường hỏi cụ: “Tối hôm qua xử đoán vụ án nào, gặp những ai?”

Cụ thấy quỷ có thọ mạng dài hơn người, gặp những người đời Đường, đời Tống, đã từng đọc văn chương của họ, khi gặp mặt có cảm giác đặc biệt thân thiết. Xã hội trong quỷ đạo chẳng khác với nhân gian cho mấy, cũng có quỷ ngoại quốc. Cụ nói: Ở trong ấy, gần như ngôn ngữ thông suốt, chẳng bị chướng ngại, cũng phải làm lưng, cũng có đái ngộ. Trong những trước tác của Châu lão cư sĩ, cụ đã viết lại những chuyện ấy rất chi tiết. Là vì cụ Chương là người sống, đêm vào cõi Âm để làm việc, nên chẳng cần tới lương bổng, cũng giống như là trọn hết nghĩa vụ. Đông Nhạc Đại Đế cai quản năm tỉnh, sự sống chết luân hồi của người

Chương bị hãm giam giữ cho đến khi Viên Thế Khải chết vào năm 1916. Năm 1924, cụ Chương rời Quốc Dân Đảng, tuyên bố chỉ trung thành với Trung Hoa Dân Quốc, phê phán những biện pháp và đường lối độc tài của Tưởng Giới Thạch. Cụ lập ra hội nghiên cứu Quốc Học Giảng Tập Hội tại Tô Châu vào năm 1934, kiêm chủ bút tờ Chế Tín cho đến khi mất. Khi cụ mất, chính quyền Dân Quốc đã làm lễ quốc táng. Một trong những đóng góp quan trọng của cụ là chế ra hệ thống Chú Âm Phù Hiệu để ghi cách đọc chữ Hán rất thuận tiện.

⁴³ Đông Nhạc Đại Đế chính là thần núi Thái Sơn, còn có danh xưng là Đông Nhạc Đế Quân, hoặc Thái Sơn Phủ Quân. Vị này chủ quản ngũ nhạc và tất cả danh sơn của Trung Hoa. Theo Đạo Giáo, vị này quản nhiệm cả mười vị Diêm Vương (trong Đạo Giáo còn có một vị thần là Phong Đô Đế Quân cũng cai quản Thập Điện Diêm Vương), chủ trì họa phúc của nhân gian. Nguồn gốc của Đông Nhạc Đại Đế cũng có nhiều thuyết:

1. Cát Hồng đời Tấn cho rằng Đông Nhạc Đại Đế là vua Phục Hy.
 2. Có thuyết cho rằng Đông Nhạc Đại Đế là Kim Hồng Thị, hậu duệ của Bàn Cổ, tu đạo thành tiên tại Thái Sơn.
 3. Theo tiểu thuyết Phong Thần Diễn Nghĩa thì Đông Nhạc Đại Đế chính là đại tướng Hoàng Phi Hổ của Trụ Vương.
- Có một số tăng sĩ cho rằng Đông Nhạc Đại Đế là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát.

trong năm tỉnh do ông ta cai quản. Khi ấy, cụ Châu nghe bố vợ (cụ Chương) kể những chuyện ấy, chỉ nghĩ là ông cụ tùy tiện nói để nghe chơi, vẫn chẳng thể sanh lòng tin tưởng. Lúc trẻ, cụ đã thấy rất nhiều, từ đầu đến cuối chẳng sanh khởi lòng tin. Nói cách khác, chẳng phải là chuyện do chính mình đích thân trông thấy, chuyện ấy rất khó tin tưởng!

Cụ kể vào một ngày Xuân Tân Hợi (1911), tại quê cụ có một vị Cử Nhân. Vị Cử Nhân này là con trai độc nhất, gia cảnh cũng đủ sống. Sau khi thi đỗ, chẳng làm quan, mà ở nhà, tự mình cày cấy, phụng dưỡng cha mẹ. Người này rất hiếu thuận, kết hôn, sanh được một con. Trong khi ngủ trưa, chợt thấy có một người kêu cửa, ông ta liền nhồm dậy, trên thực tế chỉ là nằm mộng, đứng lên, mở cửa. Có một người cười một thót ngựa đến, cầm một tấm thiệp, hỏi ông ta: “Đại tướng quân của chúng tôi muốn mời vị này”. Ông ta xem thì thấy tên mình, không sai, liền nói: “Tôi suốt đời chưa từng giao du với người trong chốn quan trường. Đại tướng quân của các vị là ai tôi cũng chẳng quen biết, chắc là có người trùng tên trùng họ, mà cũng không chừng là trao nhầm danh thiệp rồi”. Người ấy cũng chẳng đếm xỉa lý lẽ, bảo: “Đã là trùng tên thì Ngài theo tôi đi một chuyến cho rồi”. Ép ông ta, bảo ông ta lên ngựa.

Sau khi ông ta lên ngựa, cảm thấy con ngựa này chẳng chạy trên mặt đất mà giống như bay lên trời, bên tai nghe gió thổi. Không lâu sau, ngựa dừng lại, thấy nhiều người giống như đang thương lượng một đại sự trọng yếu. Đại tướng quân còn chưa thăng trưởng, ông ta hỏi dò người khác: “Đại tướng quân là ai vậy?” Người ta bảo: “Nhạc Phi”. Ông ta sững sờ, nói: “Không xong rồi! Ta đã chết rồi sao? Nhạc Phi là người đời Tống, ông ta đến tìm mình, chẳng phải là ta đã chết rồi sao? Không được rồi, ta nhất định chẳng thể đi”. Ông ta tự nhủ: “Cha mẹ ta tuổi đã cao lắm rồi, con còn quá bé. Ta chưa thể nào xa họ được”.

Một lát sau, đại tướng quân bèn thăng trưởng, tìm ông ta để làm gì? Chuẩn bị đánh miền Bắc, vẫn là muốn đánh đuổi quân Thanh khỏi miền Bắc. Người Kim thuở ấy chính là người Mãn Thanh, Mãn Thanh là hậu duệ của người Kim⁴⁴. Bọn họ muốn đánh dẹp quân Kim, mời ông ta

⁴⁴ Nhà Mãn Thanh thuộc sắc tộc Nữ Chân (Jurchen), còn gọi là Nữ Trục, hoặc Nữ Trinh, sống chủ yếu ở vùng Mãn Châu, vốn là hậu duệ của một bộ tộc thuộc sắc dân Mạt Hạt (Malgal, cư dân chủ yếu của cổ vương quốc Bột Hải) phải lưu tán sau khi nhà Liêu diệt Bột Hải. Do họ thường sống tập trung quanh sông Amur vào thuở đầu nên sử thường gọi là Hắc Thủy Mạt Hạt (Hắc Thủy là dịch nghĩa của chữ Amur). Các bộ tộc Nữ Chân được thống nhất bởi Hoàn Nhan A Cốt Đả (Wanyan Aguda). A Cốt Đả xưng đế, lập ra vương triều Kim. Chữ Kim này chính là đặt theo tên của

làm công việc giống như Bí Thư. Ông ta là văn nhân, nên [Nhạc Phi] mời ông ta đến làm việc. Ông ta thấy Nhạc Phi đối với mình hết sức lễ độ, bèn thưa: “Trên còn có cha mẹ, vợ cũng rất trẻ, con còn bé quá. Tôi là con trai một trong nhà, chẳng có anh em, cảm thấy rất khó khăn”. Nhạc Phi bảo ông ta: “Chuyện này không sao đâu! Chúng tôi còn bốn tháng nữa mới khởi sự, tôi có thể đưa ông về. Ông hãy sắp xếp ổn thỏa mọi việc trong nhà, đến lúc đó lại phái người đến đón ông. Hãy ước định ngày tháng và giờ giấc kỹ càng”. Ông ta nghĩ: “Theo Nhạc Phi cũng cảm thấy rất vinh dự, cũng khá lắm!” Được rồi! Ông ta nhận lời. Nhạc Phi liền phái tiêu quỹ đưa ông ta trở về.

Sau khi trở về, ông ta tỉnh giấc. Tỉnh giấc liền thưa chuyện với cha mẹ, kể lễ chuyện ấy. Người nhà nói: “Ngươi nằm mộng như vậy, há phải là thật!” Ông ta bảo người nhà: “Đấy chẳng phải là mộng”. Ông ta nói: “Cảnh giới trong mộng chẳng thể rõ ràng như thế, hoàn toàn giống với cảnh giới trong lúc tỉnh táo. Chuyện này sợ chẳng phải là mộng, nhất định phải nghiêm túc chuẩn bị”. Thoáng chốc đã đến thời gian ước định, ông ta báo cho thân thích, bạn bè đến nhà tiễn hành. Ông ta tuổi trẻ, lại chẳng bệnh tật gì, [mọi người kéo tới] xem thử ông ta chết như thế nào? Châu lão cư sĩ cũng đến để xem chuyện quái lạ này. Ngày hôm ấy, trong nhà bày tiệc rượu, ăn uống xong, ông ta hướng về mọi người từ tạ. Tắm rửa, thay quần áo mới, vào nhà, lên giường nằm tại đó, bố ông ta cũng có mặt, đồng đảo thân thích cùng hiện diện. Chưa đầy một chốc, ông ta thưa với cha: “Người đón con đã đến rồi, đang ở ngoài cửa”. Bố ông ta liền quở mắng, tỏ ý không chấp nhận. Kết quả vẫn là ông ta tự mình nghĩ thông suốt, bèn khuyên cha: “Vẫn nên để cho con đi thì tốt hơn; nếu không, sẽ như người ta nói: ‘Rượu kính không uống lại uống rượu phạt’, con vẫn phải ra đi. Cha có chửi mắng cũng vô ích”. Ông bố uất quá, nói: “Được rồi! Mày đi đi”. Nói xong câu ấy, ông ta liền tắt thở. Vừa được đồng ý, liền đi ngay! Châu lão cư sĩ đích thân chứng kiến chuyện này. Cụ nói: Gần như là hai hay ba tháng sau, cách mạng Tân Hợi (1911) thành công, lật đổ nhà Mãn Thanh. Vì thế, cụ nói: “Thế gian còn chưa

dòng sông Anchuhu (sông Vàng) ở quê hương người Mạt Hạt. Lãnh thổ nhà Kim bao gồm toàn bộ miền Bắc Trung Hoa, nhưng rồi nhà Kim bị nhà Nguyên của Hốt Tất Liệt diệt quốc vào năm 1234. Vào năm 1586, tù trưởng Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi) của bộ tộc Kiến Châu Nữ Chân đã thống nhất các bộ tộc Nữ Chân, lập ra vương triều Hậu Kim. Con trai ông ta là Hoàng Thái Cực đã đổi tên dân tộc thành Mãn Châu vì tin người Nữ Chân là hậu duệ của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, và đổi quốc hiệu thành Đại Thanh.

loạn, quỷ thần đã loạn trước, bên phía quỷ thần đã đánh nhau. Quỷ thần thắng trận thì chúng ta mới thắng trận; nếu quỷ thần thất trận, chúng ta chẳng thể thắng trận”.

Cụ nói trước thời Kháng Chiến⁴⁵, trong biến cố Hai Mươi Tám tháng Giêng⁴⁶ tại Thượng Hải, trước chiến dịch ấy ba tháng, khi đó, Châu lão cư sĩ đang làm Tổng Kinh Lý (Tổng Giám Đốc) cho ngân hàng nhà họ X... tại Tô Châu, cụ có một người bạn làm sai nha trong côi Âm, địa vị không cao, giao chuyên công văn. Trong côi Âm, thành hoàng Tô Châu giống như chủ tịch tỉnh, là thành hoàng của Giang Tô, cai quản cả một tỉnh. Trong côi Âm, Thượng Hải được coi như một huyện, thuộc quyền cai quản của Thành Hoàng [Tô Châu]. Bên Thượng Hải giao sang một cuốn sổ sanh tử đã phê, ông ta lo việc giao chuyên. Ông ta mở ra xem trộm, xem xong rất ngỡ ngàng, vì tên họ đều là bốn chữ, năm chữ, chẳng giống tên họ của Trung Quốc. Hôm sau, cùng với mấy người bạn bè của Châu lão cư sĩ dùng cơm, ông ta kể: “Ngày hôm qua thành hoàng Thượng Hải giao cho cuốn sổ sanh tử đã phê, trong ấy ghi rất nhiều tên họ bốn chữ, năm chữ, rất lạ lùng!” Mọi người nghe xong đều không hiểu, người Trung Quốc họ kếp bốn chữ cũng có, nhưng ít lắm, tuyệt đối chẳng thể nói họ kếp lần này chết nhiều như thế, chẳng thể nào có

⁴⁵ Chữ Kháng Chiến ở đây chỉ giai đoạn Trung Hoa chống lại sự xâm lăng của quân phiệt Nhật từ năm 1937 đến năm 1945, khởi đầu bằng Lư Câu Kiều sự biến, tức sự kiện quân Nhật viện có một lính Nhật mất tích gần đồn lũy của thành Uyển Bình (phụ cận Bắc Kinh) để đòi xét thành. Quân Quốc Dân Đảng chống lại, hai bên đọ súng, và Nhật viện có ấy, tấn công chiếm Bắc Kinh và Thiên Tân.

⁴⁶ Sử Trung Hoa thường gọi sự kiện này là Nhất Nhị Bát Sự Biến, hoặc Tùng Hồ Chiến Tranh hoặc Thượng Hải Sự Biến. Sau khi tấn công thành công Mãn Châu, Nhật đã chiếm được Đông Tam Tỉnh của Trung Hoa và lập ra chính quyền bù nhìn Mãn Châu Quốc, với mục đích tiếp tục tiến chiếm Trung Hoa, quân phiệt Nhật thấy cần phải tạo ra một cớ để tấn công Trung Hoa. Vào ngày Mười Tám tháng Giêng năm 1932, họ sai năm tăng nhân người Nhật khiêu khích khiến cho các thanh niên Trung Hoa nổi giận, đánh đập họ ở ngoài xưởng máy Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ở Thượng Hải. Kết quả, hai người bị thương nặng, một người chết. Vài tiếng sau, xưởng máy Tam Hữu bị người Nhật đốt trụi với mục đích báo thù. Các hình thức kháng Nhật liền sôi nổi bùng ra. Chính quyền Nhật liền viện có bảo vệ kiều dân Nhật tại Trung Hoa để đem quân vào Thượng Hải. Giữa đêm ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng, Nhật ném bom Thượng Hải và ba ngàn quân Nhật chính thức tấn công nhiều nơi tại Thượng Hải. Chiến cuộc nổ ra, hai bên thương vong nặng nề, cho đến khi quân Quốc Dân Đảng vì thiếu lương thực phải rút khỏi Thượng Hải, phía Nhật dưới áp lực của liên quân Đồng Minh và chiến phí quá nặng cũng phải nhượng bộ; đôi bên ký kết hiệp ước đình chiến Tùng Hồ vào ngày Năm tháng Năm năm 1932.

chuyện ấy được! Suy đoán cách nào cũng không ra, bèn bỏ qua chuyện này. Ba tháng sau, cuộc chiến tại Thượng Hải bùng nổ, họ mới hoảng nhiên đại ngộ: Đây là tên họ của người Nhật Bản chết tại đó. Vì thế nói là người đáng phải chết thì tên họ trong sổ sanh tử đã giao cho Thành Hoàng từ ba tháng trước. Do vậy, Châu lão cư sĩ nói: “Trong thế gian này nói chết oan uổng là do nhân gian chúng ta thấy [như vậy], chứ trên thực tế không có. Thật sự là oan oan tương báo. Họ có cái nhân trong đời trước”. Nếu chúng ta lắng lòng quan sát chuyện này thì trong hiện tiền sẽ đều có thể thấy được. Thật sự muốn cứu người đời, cứu xã hội, trừ Phật pháp ra, không có cách thứ hai nào!

Nhân duyên quả báo là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Đức Phật bảo chúng ta: Quan hệ giữa người và người có bốn nhân duyên, báo ân, báo oán (báo cừu), đời nợ, trả nợ. Nếu mỗi quan hệ này rất sâu, sẽ biến thành người một nhà; quan hệ sơ sài, xa xôi một chút thì là thân thích, bè bạn. Chẳng có mối quan hệ này, cả đời cũng chẳng gặp. Nếu gặp gỡ thì cũng là người xa lạ, họ gật đầu chào quý vị, đều là do trong đời trước có nhân duyên, chắc chắn chẳng phải là ngẫu nhiên. Vì sao kẻ ấy thấy người khác hợp nhãn, nhưng cứ khăng khăng thấy quý vị ngứa mắt? Chắc chắn trong đời trước quý vị đã có khúc mắc với kẻ ấy, chỉ là sâu hay cạn mà thôi. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, tâm chúng ta sẽ bình. Đối đãi hết thấy mọi người bằng tấm lòng đại từ đại bi: Người có ân với ta, chí đồng đạo hợp, hy vọng họ có thể thành Phật trong một đời; người có oán với ta, hy vọng hóa giải oán kết, giúp họ học Phật. Vì thế, hiểu rõ Phật pháp sẽ là công đức vô lượng vô biên. Chẳng hiểu rõ, oan oan tương báo chẳng xong. Đó là khổ, khổ sở vô tận! Đúng là “*biển khổ vô biên, quay đầu là bờ*”. Vì thế, phải hiểu tứ pháp giới là duyên khởi vô tận, vô lượng nhân duyên, chắc chắn chẳng đơn thuần!

(Sớ) Nhị, Lý pháp giới.

(疏) 二、理法界。

(Sớ: Hai là Lý pháp giới).

Lý là nói tới bản thể, tức là nói tới bốn tánh. Nhìn từ Sự pháp giới, đó là hiện tượng sai biệt, Tướng vô cùng vô tận. Nhìn từ Lý pháp giới, hết thấy muôn hình tượng có cùng một bản thể như trong kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Nên quán tánh pháp giới, hết thấy do tâm tạo), đó là do tâm tánh của

chúng ta biến hiện. Nói “*duy tâm sở hiện*” là tâm có thể hiện tướng, “*duy thức sở biến*” là nói tới sự biến hóa nơi hình tướng, thiên biến vạn hóa do thức làm chủ. Chúng ta nằm mộng, trong mộng, ta cũng mộng thấy có núi, sông, đại địa, cũng mộng thấy người lành, kẻ ác. Thời gian nằm mộng khá ngắn ngủi, sau khi tỉnh giấc, chúng ta suy nghĩ cặn kẽ, mộng cảnh do đâu mà có? Hoàn toàn do chính mình biến hiện. Nếu bình thường chúng ta hỏi: “Tâm có hình dạng như thế nào?” Chúng ta không biết, tâm không có hình tướng! Trong khi chúng ta nằm mộng, chúng ta có thể nói: Những cảnh giới trong mộng chính là tướng trạng của tâm, tức là tướng trạng của cái tâm trong khi ấy. Tướng là hư vọng, là cái được biến; cái tâm có tác dụng biến hiện là thật. Chân - vọng chẳng hai, năng biến và sở biến là một, không hai. Vì thế, toàn thể chân tâm biến thành vọng cảnh, toàn thể vọng cảnh vốn là chân tâm. “*Toàn chân tức vọng, toàn vọng tức chân*”.

Nếu ở trong mộng, quý vị tự hỏi: Cái gì là chính mình? Chúng ta hãy suy nghĩ: Trong mộng có gì chẳng phải là chính mình? Trong mộng đương nhiên cũng có bản thân của chính mình, là chính mình. Người thân ái vẫn là chính mình, do chính mình biến ra! Kẻ oán gia đối đầu vẫn là chính mình y như cũ! Chẳng có gì không phải là chính mình. Ngay cả núi, sông, đại địa, hư không đều là chính mình. Trong mộng dễ tỉnh ngộ! Cuộc sống hiện thực của chúng ta trong hiện thời là một cảnh mộng lớn! Phải hiểu: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là do chân tâm của chúng ta hiện ra, cũng là duy thức sở biến. Chư Phật và các đại Bồ Tát chứng đắc cảnh giới này, thật sự hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, mới biết đó là chính mình, ngoài chính mình ra, chẳng có ai khác. Vì thế, đối với hết thảy các chúng sanh sẽ sanh khởi lòng đại từ vô duyên, đại bi đồng thể. “Từ” là từ ái, “duyên” là điều kiện, [vô duyên là] không có điều kiện, [Vô Duyên Từ là] yêu thương người khác vô điều kiện. Vì sao? Vì chúng ta có cùng một Thể.

Nói “*ngoài tâm vô pháp, ngoài pháp vô tâm*” thì mới nói tới “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Thế giới Cực Lạc cách ngoài mười vạn ức cõi Phật do đâu mà có? Vẫn do tâm tánh biến hiện. A Di Đà Phật cũng do tự tánh của chúng ta biến hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng rời ngoài tâm tánh của chúng ta, vẫn là vật được hiện trong tâm tánh. Vì thế, cổ đức mới nói: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi). Hai câu này nói trên hai phương diện khác nhau. “*Sanh thì nhất định sanh*” là nói theo Sự pháp giới. “*Đi thì thật sự chẳng đi*” là nói theo Lý pháp giới. Do vậy,

hai câu này chắc chắn chẳng mâu thuẫn. Trên Thể là như như bất động, chẳng có đến hay đi, trên Tướng thì có đến, đi; nhưng phải hiểu: Tướng và Thể là một, không hai. Quý vị tách thành hai chuyện để xem, tức là mê rồi, chẳng thấy chân tướng. Nếu quý vị biết hai thứ ấy là một, không hai, chân tướng sẽ rạng ngời!

(Sớ) Tam, Sự Lý vô ngại pháp giới.

(疏) 三、事理無礙法界。

(Sớ: Ba là Sự Lý vô ngại pháp giới).

Đây là nói viên dung vô ngại, Lý và Sự là viên dung, trong Lý và Sự chẳng có chướng ngại.

(Sớ) Tứ, Sự Sự vô ngại pháp giới.

(疏) 四、事事無礙法界。

(Sớ: Bốn là Sự Sự vô ngại pháp giới).

Đối với Tiểu, Thi, Chung, Đốn, ba thứ pháp giới trước, tức Sự pháp giới, Lý pháp giới, Sự Lý vô ngại pháp giới, [xét theo] lý luận đều có thể thông suốt⁴⁷, chỉ riêng Sự Sự vô ngại pháp giới là không có, chỉ Viên Giáo mới có Sự Sự vô ngại pháp giới, Thuận Viên, đó là đại triệt đại ngộ. Thật sự giác ngộ triệt để chân tướng của vũ trụ và nhân sinh sẽ là Sự Sự vô ngại. Hễ chưa nhập cảnh giới này, nói chung là sẽ có chướng ngại. Ví như nay chúng ta học Phật, tin đồ Phật giáo Trung Quốc ăn chay, nếu quý vị ăn thịt, ôi chao, không được rồi! Đó là phạm phải tội nghiệp lớn tày trời, đó là chướng ngại! Chướng ngại sanh từ đâu? Trong phần trên đã nói rồi đó: “*Năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã*”. Quý vị có những thứ ấy, cho nên có chướng ngại. Đạt đến Sự Sự vô ngại là cảnh giới Thuận Viên, chướng ngại gì cũng chẳng có!

Nhưng chưa đạt tới cảnh giới này, chớ nên học đòi! Nếu chưa đạt tới cảnh giới này mà học đòi [cách hành xử của những bậc đã đạt cảnh giới Sự Sự vô ngại], nhất định sẽ tạo tội nghiệp. Thuộc tầng cấp nào, chúng ta cũng phải tuân thủ quy củ của tầng cấp đó. Học Tiểu Học nhất định phải giữ quy củ của trường Tiểu Học, học Trung Học nhất định phải giữ quy củ của trường Trung Học. Vì sao? Chúng ta không có cách

⁴⁷ Ý nói: Bốn giáo trước xét theo lý luận đều có đủ cả ba pháp giới Sự vô ngại, Lý vô ngại, Sự Lý vô ngại.

nào vượt thoát, Viên Giáo là vượt thoát triệt để. Vì thế, đối với Sự Sự vô ngại pháp giới, trong hết thầy các kinh Phật, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm thuộc về Sự Sự vô ngại, nhất là phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử ở cuối kinh, đúng là pháp giới vô chướng ngại đại tự tại. Chúng ta hiểu lý luận này, hiểu chuyện này, nhưng trước mắt, chắc chắn chưa thể làm được. Cảnh giới của những vị ấy là cảnh giới sau khi đã đắc Lý nhất tâm bất loạn, là sự tu học sau khi đã minh tâm kiến tánh.

[Sách Diễn Nghĩa giảng] “*Sự Sự vị chủ bạn trùng trùng, tương tức, tương nhập*” (Sự Sự nghĩa là chủ và bạn trùng trùng, chính là lẫn nhau, nhập vào nhau): Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nêu ra những ví dụ về “lớn - nhỏ vô ngại”: Lớn như núi Tu Di, có thể bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải. Chúng ta làm không được, hạt cải quá bé! Ngài nói núi Tu Di chẳng rút nhỏ, hạt cải cũng chẳng phình to, lớn có thể vào trong nhỏ, nhỏ có thể vào trong lớn. Nay chúng ta biết: Nhỏ vào trong lớn không có vấn đề gì, nhưng lớn vào nhỏ sẽ có vấn đề ngay! Nêu lên thí dụ này, nhằm giảng rõ cảnh giới Sự Sự vô ngại. Đây chắc chắn chẳng phải là điều chúng ta có thể làm được trong hiện thời!

(Sớ) Duy Hoa Nghiêm nhất kinh hữu chi.

(疏) 唯華嚴一經有之。

(Sớ: Chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là có).

Sự Sự vô ngại pháp giới, chỉ kinh Hoa Nghiêm mới có. Nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm là một bộ kinh điển vô cùng hay, phải nên đọc. Cổ nhân có nói: “*Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý trong nhà Phật*”. Nói cách khác, chẳng biết sự tốt đẹp do học Phật. Chẳng đọc Hoa Nghiêm, nói thật ra, quý vị cũng chẳng hiểu rõ đường nẻo trong Phật pháp, cũng chẳng tìm được đường lối tu hành. Bản thân tôi học Phật, có tín tâm kiên cố đối với pháp môn Niệm Phật là nhờ kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm nói đến hai ngàn pháp môn, nhưng Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Trong tất cả các pháp môn, pháp môn Tịnh Độ được kinh Hoa Nghiêm xếp vào bậc nhất.

Năm mươi ba lần tham học là Thiện Tài đồng tử đã làm gương, nhằm bảo chúng ta phải nên tu pháp môn Niệm Phật như thế nào. Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật theo cách tu Sự Sự vô ngại. Năm mươi ba lần tham học, Ngài đến bất cứ đâu, đúng là chẳng có chướng

ngại gì. Ngài đến tham phỏng với người học Phật lẫn người không học Phật; thậm chí tham phỏng cả ngoại đạo, tham phỏng người lành, tham phỏng cả kẻ ác, nhất loạt đối đãi bình đẳng. Năm mươi ba lần tham học nói theo xã hội hiện thời là dùng năm mươi ba vị Bồ Tát đại diện cho những nhân vật thuộc các tầng lớp khác nhau trong xã hội, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, thầy đều tu pháp Đại Thừa chẳng trở ngại, không có chướng ngại. Bất luận quý vị có thân phận nào, bất luận quý vị làm nghề gì, quý vị học Phật đều có thể thành tựu trong một đời, lại còn chắc chắn chẳng mâu thuẫn với nghề nghiệp của quý vị, thật tuyệt diệu! Kẻ giết lợn, mổ trâu, hằng ngày có thể mổ lợn giết trâu mà cũng thành Phật y hệt. Nếu quý vị không hiểu, sẽ tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Khi đã hiểu, dù quý vị có làm nghề ấy vẫn có thể thành Phật. Quý vị làm nghề ấy là tu hành, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy nên là Thuần Viên, thật sự là Viên Giáo!

Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, Cam Lộ Hỏa Vương suốt ngày từ sáng đến tối giết người, Ngài thành Phật. Những người bị giết ai nấy đều được cứu⁴⁸. Ngài thật sự có bản lãnh ấy! Giết người để giúp cho người

⁴⁸ Cam Lộ Hỏa Vương là vị thiện tri thức thứ mười bảy trong số năm mươi ba vị thiện tri thức. Bát Thập Hoa Nghiêm dịch tên vị vua này là Vô Yếm Túc Vương. Để tránh hiểu lầm Phật giáo khuyến khích giết người, xin trích dẫn một đoạn do vua tự giải thích trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, quyển 14, như sau: “*Thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Như ông đã thấy quả báo [do ta được thụ hưởng] đáng yêu như thế, sắc tướng như thế, quyền thuộc như thế, vinh hoa, sung sướng như thế, giàu có như thế, tự tại như thế, có phải là do ác nghiệp cảm thành hay chăng? Nay thiện nam tử! Ta đắc Bồ Tát Như Huyền Giải Thoát. Nay thiện nam tử! Nay tất cả các chúng sanh trong cõi ta, hành nhiều nghiệp ác như hạng Chiên Đà La. Ta vì các chúng sanh ác chẳng chịu vâng theo sự giáo hóa tốt lành mà tạo các thứ phương tiện, vẫn chưa thể khiến họ bỏ ác nghiệp, quay về thiện đạo. Thiện nam tử! Ta vì điều phục các chúng sanh ấy, khiến cho họ thành thực, nên do lòng Đại Bi hướng dẫn, hóa hiện những kẻ ác, đối trước những kẻ ác ấy, cảnh cáo kẻ ác, và biến hóa ra những kẻ não hại, bức não, trách phạt [những kẻ ác đó], đủ thứ trừng phạt khổ sở, khiến cho những chúng sanh làm ác trong nước thấy chuyện ấy, sanh lòng hoảng sợ, đối với các món dục lạc, sẽ sanh lòng chán lìa, tâm sanh khiếp sợ, liền có thể vĩnh viễn đoạn hết thấy ác nghiệp, phát Bồ Đề tâm, đắc Bất Thoái Chuyển. Do vậy, thiện nam tử nên biết: Những chúng sanh tạo ác chịu đựng các nỗi khổ và những chúng sanh hung bạo [do ta ra lệnh] trừng phạt kẻ ác như ông đã thấy đều là huyền hóa. Nay thiện nam tử! Ta dùng các phương tiện như vậy nhằm làm cho chúng sanh thôi tạo mười nghiệp bất thiện, tu tập trọn mười thiện đạo, lợi lạc rốt ráo, an ổn rốt ráo, vĩnh viễn dứt các khổ, trụ trong Nhất Thiết Trí Địa của Như Lai. Nay thiện nam tử! Thân, ngữ, ý của ta chưa*

siêu sanh, cứu người mà! Ngài nói với Thiện Tài đồng tử Ngài dùng tâm đại từ bi, dùng phương pháp ấy để cứu nhân độ thế, đại từ, đại bi, quyết định chẳng có sân khê, tâm địa quyết định là thanh lương tự tại. Chúng ta đọc kinh thấy khi ấy Thiện Tài đồng tử thấy như vậy, có cảm giác rất sợ hãi, ngã lòng chẳng muốn đến gặp nhà vua nữa. Cuối cùng, thiên thần bảo cho Ngài biết chân tướng sự thật, nói rõ vua là một vị đại thiện tri thức, là đại Bồ Tát, phạm phu mắt thịt chúng ta chắc chắn chẳng thể nhìn ra! Vì thế, phải nên thâm nhập kinh Hoa Nghiêm, nghiên cứu cặn kẽ. Nay chúng ta mang thân phận gì, làm nghề gì, chẳng cần phải thay đổi thân phận, chẳng cần phải đổi nghề, vẫn có thể thành Bồ Tát đạo, vẫn có thể thành Phật, làm Tò. Vì thế, Phật pháp Sự Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, rốt ráo viên mãn ở trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

(Sớ) Danh vi Biệt Giáo Nhất Thừa, dĩ Sự Lý vô ngại, đồng Đốn, đồng Chung, Sự Sự vô ngại, bất đồng bỉ nhị, giản hồ đồng giáo Nhất Thừa, cố danh vi Biệt.

(疏) 名為別教一乘，以事理無礙，同頓同終；事事無礙，不同彼二，揀乎同教一乘，故名為別。

(Sớ: Gọi [kinh Hoa Nghiêm] là Biệt Giáo Nhất Thừa vì Sự Lý vô ngại giống với Đốn Giáo và Chung Giáo, còn Sự Sự vô ngại chẳng giống với hai giáo ấy, nhằm phân biệt khác với Nhất Thừa của Viên Giáo⁴⁹ nên gọi là Biệt).

Điều này dựa trên tánh chất của kinh Hoa Nghiêm để nói.

(Sớ) Phi Tạng Thông Biệt Viên chi Biệt dã.

(疏) 非藏通別圓之別也。

hề mong nào hại một chúng sanh nào. Lòng ta nghĩ thà đến hết đời vị lai, [chính mình] chịu khổ không gián đoạn, trọn chẳng phát khởi một niệm sân tâm, chưa từng khởi ý tưởng nào hại chúng sanh bé bỏng như con muỗi, con kiến, huống là tạo tác các ác nghiệp như thế. Thiện nam tử! Ta tự ức niệm, cho đến trong mộng, chưa từng có một niệm tâm sanh phóng dật, huống là lúc thức mà lại giết người ư?"

⁴⁹ Viên Giáo Nhất Thừa chỉ có hai bộ kinh là Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, nhưng trong Pháp Hoa không có Sự Sự vô ngại, chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm có nên mới gọi Hoa Nghiêm là Biệt Giáo Nhất Thừa nhằm phân định với Nhất Thừa nói chung.

(Sớ: [Nói Sự Sự vô ngại là Biệt Giáo chính là dựa theo ý nghĩa trên đây], chứ không phải là Biệt hiểu theo nghĩa “Tạng, Thông, Biệt, Viên”).

Biệt Giáo ở đây là nói theo ý nghĩa này, chứ Biệt ở đây vẫn thuộc vào Viên Giáo trong bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên.

(Sớ) Kim vị phần nhiếp hồ Viên giả.

(疏) 今謂分攝乎圓者。

(Sớ: Nay nói [kinh Di Đà] có phần thuộc Viên là...)

Nói đến bộ kinh A Di Đà này.

(Sớ) Dĩ Hoa Nghiêm toàn viên, kim đắc thiếu phần, lược thuyết hữu thập.

(疏) 以華嚴全圓，今得少分，略說有十。

(Sớ: Do Hoa Nghiêm là toàn viên, nay kinh này có được ít phần, nói đại lược thì gồm mười điều).

“Đắc thiếu phần”: Kinh này có một ít ý nghĩa thuộc Viên Giáo, hết sức gần với mười huyền môn được giảng trong kinh Hoa Nghiêm. Dưới đây là nói đại lược, nêu lên mười thí dụ mà thôi.

(Sớ) Nhất, Hoa Nghiêm khí giới trần mao, hình vô hình vật, giai tất diễn xuất diệu pháp ngôn âm.

(疏) 一、華嚴器界塵毛，形無形物，皆悉演出妙法言音。

(Sớ: Một là trong kinh Hoa Nghiêm, khí thể giới, vi trần, mây lông, những vật có hình tướng hoặc không có hình tướng, đều diễn ra âm thanh diệu pháp).

Điều này nói rõ trong kinh Hoa Nghiêm, vô tình thuyết pháp. Nay chúng ta gọi “khí” (器) là thể giới vật chất, tức là thực vật, khoáng vật, đó là “khí thể giới”. Trong kinh Hoa Nghiêm, thực vật lẫn khoáng vật đều thuyết pháp, đều biểu thị pháp. “Trần mao”: “Trần” là vi trần,

“mao” là sợi lông. “Hình vô hình”: Hữu hình hoặc vô hình. Những vật chất ấy đều có thể “diễn xuất diệu pháp”, tức là chúng đều có thể biểu diễn, đều có thể thuyết pháp.

(Sớ) Thử tắc thủy, điều, thụ lâm, hàm tuyên Căn, Lực, Giác, Đạo chư pháp môn cố.

(疏) 此則水鳥樹林，咸宣根力覺道諸法門故。

(Sớ: Trong kinh này, nước, chim, rừng cây đều tuyên nói các pháp môn như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh Đạo).

“Thử” là nói về kinh này, giống như kinh Hoa Nghiêm! Trong kinh Di Đà có nói: Tây Phương có nước tám công đức trong ao bảy báu. Những loài chim, cây cối, hàng cây cũng có thể thuyết pháp, giảng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo. Đây chỉ là nêu vài thí dụ, nhưng cũng bao gồm toàn bộ hết thảy các pháp, toàn bộ Phật pháp cũng đều được lục trần thuyết pháp.

(Sớ) Nhị, Hoa Nghiêm nhất vi trần trung, cụ túc thập phương pháp giới, vô tận trang nghiêm.

(疏) 二、華嚴一微塵中，具足十方法界，無盡莊嚴。

(Sớ: Hai, trong kinh Hoa Nghiêm, ở trong một vi trần có trọn đủ mười phương pháp giới, trang nghiêm vô tận).

“Vi trần” cực nhỏ, trong nhỏ có thể hiện lớn, có thể hiện y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười phương pháp giới, giống như hiện thời chúng ta xem TV: Từ màn hình TV, chúng ta có thể thấy được hoạt động của toàn thế giới, chúng ta dùng tỷ dụ này. Thế nhưng màn hình TV rất lớn, nếu không, sẽ chẳng thấy rõ được. Kinh [Hoa Nghiêm] nói: Trong một sợi lông, hay trong một vi trần, có thể hiện cảnh giới, mà lại còn thấy chân thật, chính xác hơn chúng ta xem TV, chi tiết hơn, khía cạnh nào cũng có thể thấy trọn vẹn. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Thử tắc như Đại Bản vân.

(疏) 此則如大本云。

(Sớ: Kinh này thì như Đại Bản có nói).

Trong kinh Di Đà không có, nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ có nói. Phân lượng của kinh Vô Lượng Thọ nhiều hơn, nói chi tiết hơn.

(Sớ) Ư bảo thụ trung, kiến thập phương Phật sát, do như kính tượng cổ.

(疏) 於寶樹中，見十方佛刹，猶如鏡像故。

(Sớ: Trong cây báu thấy cõi Phật trong mười phương như bóng hiện trong gương).

Kinh Đại Bản nói trong bảy hàng cây báu, hàng cây giống như màn hình TV: Khi quý vị dạo chơi giữa các hàng cây, có thể thấy chư Phật trong mười phương thuyết pháp trong ấy, nhìn thấy nhân duyên, quả báo của chúng sanh trong mười phương thế giới chẳng sót, có thể thấy quá khứ, hiện tại, vị lai, thấy đều có thể trông thấy. [Lời Sớ viết] “*diệc hàm vô lượng*” (cũng bao hàm vô lượng), [ngụ ý]: Ý nghĩa này giống với kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Tam, Hoa Nghiêm bất động tịch tràng, biến châu pháp giới, cố vân Thê Tướng như bốn vô sai biệt, vô đẳng vô lượng tất châu biến.

(疏) 三、華嚴不動寂場，遍周法界，故云體相如本無差別，無等無量悉周遍。

(Sớ: Ba là Hoa Nghiêm bất động tịch tràng, trọn khắp pháp giới, nên nói Thê và Tướng giống như Bốn chẳng sai biệt. Vô đẳng, vô lượng thấy đều trọn khắp).

“*Như bốn vô sai biệt*” chính là “*bất động tịch tràng*”: Tràng là tâm địa, “*tịch*” là thanh tịnh tịch diệt. Khi trong tâm ta chẳng sanh một niệm, khi ấy là “*bất động tịch tràng*”. Khi một niệm chẳng sanh, chân tâm hoàn toàn hiển lộ. Nay chúng ta nói: “Cái gì ta cũng chẳng nghĩ tới, tâm ta cũng sẽ định”. Đó có phải là cảnh giới này hay không? Chẳng phải! Vì sao chẳng phải? Khi thật sự thanh tịnh, tịch diệt, tâm địa là một khối quang minh. Dầu tâm chúng ta rất thanh tịnh, nhưng bất cứ chuyện gì bên ngoài cũng đều chẳng biết, thì nói cách khác, ta đang bị vô minh che lấp. Nhất tâm nhất định phá vô minh. Nếu nói chính mình đã đắc nhất tâm, mà vô minh vẫn chưa phá, đó chẳng phải là nhất tâm thật sự.

Do vậy, tu Thiền Định có một thứ gọi là Vô Tướng Định, Phật pháp gọi loại Định này là ngoại đạo, đê tử Phật chẳng tu! Tu Vô Tướng Định thành tựu, quả báo sẽ là Vô Tướng Thiên trong Tứ Thiên Thiên. Định ấy tu thành tựu thì cái gì cũng chẳng biết, chẳng tương ứng với ý nghĩa Thiền Định trong Phật pháp. Định trong Phật pháp là “*tịch tịch, tinh tinh*”, “*tịch tịch*” (寂寂) là Định, chẳng sanh một niệm; “*tinh tinh*” (惺惺) là hiểu rõ hết thấy, chẳng có gì không hiểu. Tâm giống như một tấm gương trong sạch, chẳng nhiễm mây trần. Gương có thể chiếu, soi cảnh giới bên ngoài rõ ràng, đó là “*bất động tịch tràng*”, là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là không gì chẳng biết, nhất tâm bất loạn là biết hiện tại, quá khứ, vị lai, đều biết hết cả, đó là nhất tâm chân chánh. Do vậy, đừng hiểu lầm cảnh giới! “*Vô đẳng vô lượng*” là nói thế giới. Vô đẳng thế giới, vô lượng thế giới đều là ý nghĩa trọn khắp pháp giới. Trong kinh này nói:

(Sớ) Thử tắc như Đại Bản vân: “A Di Đà Phật thường tại Tây Phương, nhi diệc biến thập phương cố”.

(疏) 此則如大本云：阿彌陀佛常在西方，而亦遍十方故。

(Sớ: Kinh này thì như Đại Bản nói: A Di Đà Phật thường ngự tại Tây Phương, mà cũng trọn khắp mười phương).

A Di Đà Phật quả thật từ trước đến nay chưa hề rời khỏi Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng trọn hư không, khắp pháp giới, không nơi đâu A Di Đà Phật chẳng hiện thân. Chỗ nào có cảm, A Di Đà Phật liền hiện thân nơi đó, Phật có ứng, cảm ứng đạo giao! A Di Đà Phật có đến hay không? Chẳng thể nói là Ngài không đến, mà cũng chẳng thể nói là Ngài có đến. Cổ nhân đã nêu một tỷ dụ về cảnh giới này: “*Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt*” (nước ngàn con sông in bóng ngàn mặt trăng). Trăng có đến trong sông hay chẳng? Không đến, nhưng trong nước thật sự có trăng. A Di Đà Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới bất động, mà mười phương thế giới đều có A Di Đà Phật. Chúng sanh có cảm, giống như ở nơi ấy có nước, chỗ có nước bèn có thể hiện bóng trăng, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới khi lâm chung, hóa thân của A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hóa thân Phật đến tiếp dẫn quý vị, chẳng thể nói hóa thân không phải là đức Phật thật sự. Nói thật ra, đạt đến cảnh giới ấy thì chẳng giả mà cũng chẳng thật, chân và giả đều không áp dụng được! Điều này có cùng ý nghĩa với “*bất động châu biến*”. Hôm nay thời gian đã hết rồi.

Tập 73

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm mười một:

(Sớ) Tứ, Hoa Nghiêm dụ dược vương thụ, nhược hữu kiến giả, nhĩ đắc thanh tịnh, nãi chí nhĩ, tử, lục căn, vô bất thanh tịnh. Chúng sanh kiến Phật, diệt phục như thị, dĩ kiến Viên Giác Phật, văn Phổ Môn pháp, thân lục nhĩ nhĩ. Thủ tác A Di Đà Phật đạo tràng, bảo thụ, kiến giả, văn giả, lục căn thanh tịnh cố.

(疏) 四、華嚴喻藥王樹，若有見者，眼得清淨，乃

至耳鼻六根，無不清淨。眾生見佛，亦復如是，以見圓覺佛，聞普門法，神力乃爾。此則阿彌陀佛道場寶樹，見者聞者，六根清淨故。

(Sớ: Bốn là trong kinh Hoa Nghiêm có tỷ dụ cây đước vương, nếu có ai thấy mắt sẽ thanh tịnh, cho đến sáu căn tai, mũi v.v... không căn nào chẳng thanh tịnh. Chúng sanh thấy Phật cũng giống như vậy, do thấy Viên Giác Phật, nghe pháp Phổ Môn, do thần lực nên như vậy. Trong kinh này, ai thấy đạo tràng, cây báu của A Di Đà Phật, sáu căn sẽ thanh tịnh).

Đoạn kinh này giảng rõ mối quan hệ giữa kinh này và kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là Thuần Viên, kinh này cũng có nghĩa thú⁵⁰ Viên Giác. Đại sư nêu đại lược mười điều, đây là điều thứ tư. Kinh Hoa Nghiêm có tỷ dụ như thế này: “*Đước vương thụ*”, người trông thấy cây ấy, nhãn căn bèn thanh tịnh. Không chỉ nhãn căn thanh tịnh, mà sáu căn đều thanh tịnh. Đây là tỷ dụ “*thấy Phật*”. Nói thật ra, thấy Phật là phước báo rất lớn, thiếu phước báo sẽ chẳng thể thấy Phật. Dầu thấy Phật, kẻ ấy cũng chẳng tin. Vì thế, học Phật thật sự chẳng phải là chuyện dễ. Bài kệ Khai Kinh của cổ nhân có câu: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”. Câu ấy là sự thật, quả thật chẳng dễ gì gặp được Phật pháp. Gặp Phật pháp, nhất định phải liễu giải chính xác nghĩa thú của Phật pháp thì mới thật sự đạt lợi ích. Nếu không, gặp Phật pháp mà hiểu lầm, coi Phật, Bồ Tát như những vị thần, thì có thể nói là gặp và chẳng gặp không khác gì nhau cho lắm! Trong xã hội hiện thời, tuyệt đại đa số là hiểu cong vạy, hiểu sai lạc Phật pháp, chúng ta phải chú ý điều này!

Hôm nay, có một đồng tu đến hỏi tôi: “Hộ pháp như thế nào?” Đây thật sự là một vấn đề rất lớn. Nay chúng ta học Phật, toàn tâm toàn lực dâng hiến Phật pháp, thừa sự, cúng dường, có phải là chúng ta đã hộ pháp hay chưa? Chẳng hề! Hộ pháp phải nói theo hai tầng ý nghĩa:

- Thứ nhất là phải hộ trì pháp của chính mình, điều này rất trọng yếu. Tu học theo Phật pháp là tu chính mình, chứ không phải tu vị Phật nào khác! Tổng cương lãnh tu hành là Giác - Chánh - Tịnh, quý vị phải hộ trì điều này, hộ trì cái tâm thanh tịnh, hộ trì giác tánh, hộ trì chánh tri

⁵⁰ Nghĩa thú: Ý nghĩa và chỉ thú (chỗ hướng đến, tông chỉ, mục đích hướng đến).

chánh kiến của chính mình. Đây là hộ pháp chân chánh, sẽ có thể đắc Định, đắc Huệ!

- Điều thứ hai, phải hộ trì pháp của chư Phật Như Lai, đó là đại phước báo. Vì sao? Lợi ích nhân thiên! Do vậy, bất luận khi nào, chúng ta cũng phải phấn chấn tinh thần. Một tín đồ Phật giáo mà suốt ngày từ sáng đến tối gục đầu ủ rũ, là gì? Tuy chính mình Phật tâm rất thanh tịnh, nhưng đã hủy diệt Phật pháp của hết thảy chúng sanh. Dù người ấy thanh tịnh tới đâu đi nữa, chẳng có phước báo! Trong kinh Phật có tỳ dụ “*La Hán thác không bát*” (La Hán đi khát thực ôm bát trống trơn). Bậc La Hán đã chứng quả, đã chứng Tứ Quả La Hán, đi ra ngoài khát thực, không được ai cúng dường, hằng ngày đói meo vì không tu phước. Phải hộ trì hình tượng của chư Phật, chúng ta phải đặc biệt chú ý điểm này. Hộ trì hình tượng Phật pháp là tu phước, nhiếp thọ hết thảy chúng sanh, tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, quảng bá Phật pháp, giới thiệu Phật pháp với hết thảy chúng sanh. Đó là hộ trì pháp của chư Phật, hộ trì pháp của chúng sanh, những điều này đều là chuyện thuộc về phước báo.

Hộ trì chính mình, hộ trì Định, hộ trì Huệ, phải hộ trì Giới - Định - Huệ của chính mình, phải hộ trì Văn - Tư - Tu của chính mình. Nếu nói theo tông cương lãnh thì phải hộ trì Giác - Chánh - Tịnh của chính mình, điều này vô cùng quan trọng. Chữ “*kiến Phật*” được nói tới trong kinh văn có ý nghĩa ấy.

Nói theo nghĩa thú rất sâu, “*thấy Phật*” là gì? Là kiến tánh! Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Quý vị đã kiến tánh, lẽ nào sáu căn chẳng thanh tịnh? Đương nhiên thanh tịnh, nhưng chẳng thể nói là thấy vị Phật bên ngoài. Thấy Phật bên ngoài là duyên phận. Vị Phật bên ngoài nhắc nhở Tự Tánh Giác, Tự Tánh Tịnh của chính mình, chúng ta nhất định phải giác ngộ và hiểu rõ điều này. Nếu quý vị thấy Phật bên ngoài mà vẫn cứ y như cũ, chẳng thể đánh thức chính mình thì thấy mà cũng như chẳng thấy! Nói theo Phật pháp, kẻ ấy nghiệp chướng quá nặng! Thấy hình tượng Phật mà chẳng thể khởi Tự Tánh Giác, thấy tượng Bồ Tát mà chẳng khởi Tự Tánh Tịnh, mở kinh điển ra coi mà chẳng khởi Tự Tánh Chánh. Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, công đức của Trụ Trì Tam Bảo là ở chỗ này: Thường thường cảnh tỉnh chính mình. Chúng ta thấy rồi, vẫn mê hoặc, điên đảo y như cũ, chẳng thể cảnh tỉnh chính mình, đó là “*thấy mà cũng như chẳng thấy*”, chẳng đạt được hiệu quả sáu căn thanh tịnh!

Tiếp theo đó, lời Sớ nói rất rõ ràng, “*chúng sanh kiến Phật, diệt phục như thị. Dĩ kiến Viên Giác Phật, văn Phổ Môn pháp*” (chúng sanh

thấy Phật cũng giống như thế, do thấy Viên Giác Phật, nghe pháp Phổ Môn). Tôi vừa mới nói đến ý nghĩa này. Viên Giác là giác ngộ viên mãn. Phổ (普) là phổ biến, Môn (門) là thông đạt. Nói cách khác, sự gì, vật gì cũng đều chẳng mê, thứ gì cũng chẳng tà, niệm nào cũng đều là Giác - Chánh - Tịnh, đó gọi là pháp Phổ Môn. “*Thần lực nãi nhĩ*” (do thần lực nên như vậy), đó là sức mạnh do Tam Bảo ban cho, sức mạnh thần kỳ chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, ý nghĩa thật sự của việc đệ tử Phật thờ hình tượng Phật, Bồ Tát là ở chỗ này, chứ không phải là coi các Ngài như một vị thần.

Cũng có người hỏi: “*Đã là như thế, vì sao chúng ta hằng ngày còn phải thắp hương, cung kính lễ bái?*” Đốt hương, thắp đèn, cung kính, lễ bái là tu hành, tu Tánh Đức của chính mình. Từ vô thi kiếp đến nay, chúng ta lười biếng, bê trễ, tập khí ngạo nghễ, ngã mạn quá sâu, làm thế nào mới có thể trừ bỏ những tập khí ấy? Phải đối trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, sốt sắng tu trì nơi mặt sự tướng, nhằm uốn nắn, sửa đổi căn bệnh tập khí của chính mình. Sáng tối nhất định phải thắp hương, đốt đèn, lễ bái, quý vị làm những chuyện đó, phải hiểu ý nghĩa thật sự. Chúng ta thắp một nén hương, hương thơm sẽ khiến cho tinh thần của chính mình tỉnh táo. Trong Phật môn, hương tượng trưng cho Tín, Tín Hương. Thắp một nén Tín Hương, tín tâm của chính mình chẳng lui sụt, biểu thị ý nghĩa ấy, tín tâm kiên cố, tín tâm thanh tịnh. Đèn tượng trưng quang minh, mức độ thấp nhất là chúng ta đãi người tiếp vật bằng tâm địa quang minh, đó là ý nghĩa của việc thắp đèn. Thắp đèn còn có một ý nghĩa quan trọng là “*bỏ mình vì người*”, thắp đèn dầu hay thắp nến đều biểu thị thiêu mình để soi sáng người khác, hy sinh chính mình để thành tựu người khác.

Lạy Phật, lễ Phật nhằm tu cái tâm cung kính, tu cung kính đối với hết thảy: Chúng ta đãi người, tiếp vật, phải cung kính giống như cung kính Phật. Dùng lòng thành kính để làm, để đãi người, tiếp vật, đó là lạy Phật! Nếu không, suốt ngày từ sáng đến tối luôn giống như thế này, nhưng rời khỏi Phật đường lại hành xử theo một kiểu khác, sự tu học trong Phật pháp đối với quý vị chẳng có mấy may dính dáng nào, có thể nói là “*chẳng thể áp dụng những điều đã học*”, chẳng thể vận dụng trong xã hội và cuộc sống. Những điều học được từ Phật đường phải áp dụng vào xã hội và cuộc sống. Có thể ứng dụng trong cuộc sống thì mới là tu hành thật sự, đó gọi là thật sự chứng nhập.

Kinh Hoa Nghiêm có ý nghĩa này, đây là ý nghĩa Viên Giác; kinh này cũng có. “*Thử tắc A Di Đà Phật đạo tràng, bảo thụ, kiến giả, văn*

giả, lục căn thanh tịnh” (Trong kinh này thì đạo tràng, cây báu của A Di Đà Phật, người thấy kẻ nghe sáu căn thanh tịnh). Kinh Vô Lượng Thọ có đoạn kinh văn nói như vậy, ý nghĩa này giống với nghĩa thú của kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, phán định kinh này có ý nghĩa Viên Giáo.

(Sớ) Ngũ, Hoa Nghiêm bát nạn siêu Thập Địa chi giai, thử tắc địa ngục, quỷ, súc, đản niệm Phật giả, tất vãng sanh cố.

(疏) 五、華嚴八難超十地之階，此則地獄鬼畜，但念佛者，悉往生故。

(Sớ: Năm là kinh Hoa Nghiêm nói từ tám nạn vượt lên địa vị Thập Địa, kinh này nói địa ngục, quỷ đạo, súc sanh chỉ do niệm Phật đều được vãng sanh).

Đoạn kinh văn này quả thật đã tạo cho chúng ta lòng tin không chi lớn bằng! Bát nạn là gì? “Nạn” là quý vị gặp khó khăn. Trong kinh Phật thường nói có tám thứ nạn, nạn gì vậy? Chính là quý vị không có cơ hội tiếp xúc Phật pháp. Không có cơ hội nghe Phật pháp, quý vị sẽ không có cơ hội giải thoát, chẳng có cơ duyên liễu sanh tử, xuất tam giới. Đây là thật sự gặp nạn.

Nạn thứ nhất trong tám nạn là địa ngục, đọa địa ngục thì trong địa ngục không có Phật pháp. Tuy Địa Tạng Bồ Tát thề “địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật”, đó là lời nguyện của Bồ Tát. Quý vị đọa địa ngục, mong Địa Tạng Bồ Tát đến cứu, cơ hội ấy hết sức mong manh. Chẳng phải là Bồ Tát thiếu từ bi! Bồ Tát đến độ quý vị, quý vị vẫn hủy báng, vẫn chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận! Đây là do nghiệp chướng của chính mình quá nặng. Thật ra, Phật, Bồ Tát không nơi nào chẳng phân thân, không chỗ nào chẳng hiện thân, đương nhiên địa ngục cũng chẳng phải là ngoại lệ. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, Phật, Bồ Tát hiện thân là cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền có ứng. Chúng sanh chẳng có một thiện niệm, chẳng có ý niệm cầu Phật, cầu Tam Bảo, làm sao Phật, Bồ Tát hiện thân? Chẳng thể nào có chuyện ấy được!

Kế đến là ngạ quỷ và súc sanh. Trong ngạ quỷ đạo, đương nhiên cũng có Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh. Độ chúng sanh trong ngạ quỷ đạo còn khó hơn độ nhân đạo nhiều lắm! Súc sanh đạo ngu si. Vì thế, tam ác đạo là “nạn”! Trong ba ác đạo, mong đắc độ rất khó! Chúng

sanh trong ác đạo cũng có kẻ đắc độ, đây là những người suốt đời siêng năng, nhọc nhằn tu hành, do lâm chung một niệm sai lầm mà mắc đọa; nhưng người ấy thiện căn sâu dày, Phật, Bồ Tát vào ác đạo giáo hóa, người ấy có thể tiếp nhận. Hãy nghĩ xem thiện căn của chúng ta là như thế nào? Chúng ta có sốt sắng tu học hay chẳng? Nếu chúng ta lười nhác, biếng trễ, mê hoặc, điên đảo, chính mình đọa trong tam đồ, Phật có đến trước mặt cũng chẳng thể độ quý vị được!

Hòa thượng Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc, những vị ấy xuất hiện tại chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù và Phổ Hiền tái lai, hòa thượng Phong Can là A Di Đà Phật, ba người họ ở trong chùa làm việc gì? A Di Đà Phật mỗi ngày giã gạo trong xưởng xay xát gạo, làm những việc nặng nề để cúng dường đại chúng. Hàn Sơn, Thập Đắc làm tạp vụ trong nhà bếp, nhóm lửa cúng dường đại chúng trong chùa. Sau chùa Quốc Thanh có một cái vườn phóng sanh, trong ấy có một bầy ngỗng. Hàn Sơn, Thập Đắc lúc rảnh rỗi thường đến giỡn với lũ ngỗng, gọi tên họ chúng. Những tên họ được gọi toàn là những pháp sư đã viên tịch tại chùa Quốc Thanh, hề gọi tên nào, con ngỗng ấy sẽ đáp lời chạy đến. Toàn là những người tu hành xuất gia tại chùa Quốc Thanh sau khi mất đều đọa trong đường súc sanh. Quý vị hãy nghĩ xem: Văn Thù, Phổ Hiền, A Di Đà Phật đều chẳng thể độ họ, chẳng dễ dàng!

Do vậy, phải cứu chính mình trong đời này. Chính mình phải cứu chính mình. Tự mình chẳng cứu chính mình, chẳng có cách nào hết! Người khác giúp quý vị, chỉ là Tăng Thượng Duyên mà thôi. Có bốn thứ duyên, [nhưng ngoài Tăng Thượng Duyên ra, ba thứ duyên còn lại là] Thân Nhân Duyên, Sở Duyên Duyên, và Vô Gián Duyên đều phải do chính mình có đủ; chư Phật, Bồ Tát, Thế Tôn, đồng tham đạo hữu, đều là Tăng Thượng Duyên của quý vị. Nếu chính quý vị chẳng trọn đủ ba điều kiện đầu, dù Tăng Thượng Duyên tốt đẹp như thế nào cũng bị uổng phí, vô dụng! Xưa kia, quy củ giáo học trong chùa chiền rất nghiêm ngặt, cách bồng hát⁵¹ nghiêm ngặt có thể đánh thức người ta! Thật sự đánh, thật sự có thể lay tỉnh quý vị. Nay thì ai dám đánh? Nếu quý vị vừa đánh hay chửi, ngay lập tức đâm đơn kiện liền! Do vậy, hiện thời không có ai đánh quý vị, mà cũng không có ai chửi quý vị, có thể thành

⁵¹ Bồng (棒) là dùng gậy đánh, hát (喝) là quát to. Đây là phương cách thường được dùng để chỉ điểm người đến tham học của ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền. Về sau, mọi phương pháp chỉ dạy, cảnh tỉnh đều gọi chung là “bồng hát”.

tự hay không hoàn toàn cậy vào chính mình. Chính mình đọa lạc, Phật, Bồ Tát ngó thấy cũng chẳng có cách nào, chỉ đành để quý vị đọa lạc. Vì thế, tam ác đạo là ba thứ trong bát nạn.

“*Manh, lung, ám, á*” (mù, điếc, ngọng, câm) cũng là một thứ nạn. “*Manh*” (盲) là mù mắt, người ấy chẳng xem kinh sách được, chẳng thấy tượng Phật. “*Lung*” (聾: điếc) thì thuyết pháp cho người ấy, kẻ ấy chẳng thể nghe. “*Á*” (啞: câm) thì trong tâm có nghi vấn chẳng hỏi được. Đối với việc học Phật, đều là gặp chướng ngại rất lớn.

Loại thứ năm là Thế Trí Biện Thông, rất có biện tài, có trí huệ thông minh thế gian, chẳng tin tưởng Phật pháp. Nói Phật pháp với kẻ ấy, hẳn cứ cãi ngang, nói toàn những lý luận cong queo. Loại người này chẳng dễ tiếp nhận, tự cho mình là đúng.

“*Phật tiền, Phật hậu*”: Sanh nhằm vào thời đại không có Phật pháp, chẳng có cơ hội nghe Phật pháp. Quý vị sanh trong thế gian, đức Phật chưa xuất hiện, trong thế gian không có Phật pháp. Hoặc lúc quý vị sanh ra, pháp vận của Phật đã hết. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm; sau một vạn hai ngàn năm, thế gian này không còn Phật pháp nữa, Phật pháp hoàn toàn tiêu diệt, ắt phải đợi đến Di Lạc Phật xuất hiện trong thế gian. Ngài Di Lạc hiện đang là Bồ Tát, đến khi nào mới hạ sanh làm Phật trong nhân gian? Trong Di Lạc Hạ Sanh Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật cho biết: Lấy niên đại của chúng ta để tính toán thì năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lạc Phật mới từ trời Đâu Suất giáng hạ, thế gian này lại có Phật pháp. Quý vị hãy nghĩ xem: Thời gian không có Phật pháp dài cỡ nào? Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có một vạn hai ngàn năm; hiện thời, đức Phật đã diệt độ ba ngàn năm, Phật pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Sau chín ngàn năm, sẽ không có Phật pháp; lại phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lạc Phật xuất hiện trong thế gian mới có Phật pháp. Vì thế, sanh trước hay sanh sau Phật, muốn học Phật mà chẳng có nhân duyên, chẳng có cơ hội. Chúng ta nay được làm thân người, sống trong thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, là may mắn lớn nhất trong những sự bất hạnh, lại còn sống trong một ngàn năm đầu tiên của thời kỳ Mạt Pháp. Nói cách khác, vẫn còn một chút duyên dính líu với chánh pháp. Nếu chẳng khéo nắm lấy cơ hội này, hễ mất thân người, lần sau lại được làm thân người, sợ nhầm đúng thời diệt pháp, muốn nghe Phật pháp, chẳng dễ gì có cơ hội! Trong bài kệ Khai Kinh có câu: “*Vô thượng thậm*

thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Những câu này đáng để chúng ta phải răn dè!

Trừ những điều này ra, còn có hai nơi cũng thuộc vào tám nạn. Một là Bắc Câu Lô Châu (Uttakuru)⁵², người ở nơi ấy phước báo quá lớn, chẳng tin tưởng Phật pháp. Như câu nói: “*Phú quý khó học đạo*”, cuộc sống của họ không phải lo âu gì, suốt ngày từ sáng đến tối sung sướng, cho rằng đã quá tốt đẹp rồi, coi thường chuyện học Phật. Trong chùa Phật, Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp, trên tám hoành phi [treo phía trên bàn thờ Ngài] ghi “*tam châu cảm ứng*”. Rõ ràng là có bốn đại bộ châu⁵³, cứ sao Ngài chỉ cảm ứng ba châu? Ba châu là trừ Bắc Câu Lô Châu ra. Bắc Câu Lô Châu không có Phật pháp, Ngài đến nơi đó vô ích, cho nên chỉ hộ pháp trong ba châu, tam châu cảm ứng! Sanh vào Bắc Câu Lô Châu là nơi không có Phật pháp. Còn có một nơi nữa là Vô Tướng Thiên (Asamjñasattva), còn gọi là Trường Thọ Thiên, thuộc Đệ Tứ Thiên Thiên trong Sắc Giới. Đức Phật giảng pháp cho họ, họ bèn nhập Định, cũng chẳng thấy, chẳng nghe, cũng chẳng có cách nào hết. Tám loại này gọi là “gặp nạn”, không có cơ duyên nghe pháp!

Những điều này hoàn toàn nói theo sự tướng. Nếu nói theo Lý, ý nghĩa này càng sâu hơn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: Tam đồ bát nạn, chỉ cần có thể quay đầu, cũng có thể vượt trọn vẹn lên Thập Địa, chẳng thể nghĩ bàn! Vượt lên địa vị Thập Địa, viên thành Phật đạo. Do vậy, kinh Hoa

⁵² Bắc Câu Lô Châu còn dịch là Uất Đan Việt, Uất Đát La, Úc Đa La Cưu Lưu, Ôt Đát La Cù Lô v.v... dịch nghĩa là Cao Thắng, Phước Địa. Theo kinh A Hàm, A Tỳ Đàm Luận, và Du Già Sư Địa Luận, châu Uất Đan Việt ở phương Bắc núi Tu Di. Châu này vuông vức, kích thước mỗi bề là mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng, con người thọ ngàn năm, không có các nỗi khổ, thường hưởng khoái lạc, cần dùng vật gì cứ lấy từ cây Như Ý, chẳng cần phải lo ăn uống, nhà cửa. Con cái đẻ ra không cần nuôi, ai đi qua thấy trẻ đói đưa ngón tay gần miệng đứa bé, liền có sữa chảy ra. Châu này thuộc quyền quản trị của Tỳ Sa Môn thiên vương (Vaiśravaṇa).

⁵³ Bốn đại châu là ngoại trừ Bắc Câu Lô Châu còn có:

1. Nam Diêm Phù Đề (Jambudvīpa): Nằm ở phía Nam núi Tu Di, có hình tam giác cụt, đáy nhỏ hướng xuống dưới, châu vi mười ngàn do tuần. Châu này được đặt tên theo cây Diêm Phù. Địa cầu của chúng ta thuộc về châu này. Tuổi thọ biến thiên từ mười năm đến tám vạn bốn ngàn năm theo chu kỳ tăng giảm của tiểu kiếp.
2. Đông Thắng Thần Châu (Pūrvavideha): Nằm ở phía Đông núi Tu Di, có hình bán nguyệt, thọ mạng con người trong châu này là hai trăm năm mươi năm.
3. Tây Ngưu Hóa Châu (Aparagodānīya): Nằm ở phía Tây núi Tu Di, châu có hình tròn. Con người trong cõi này thọ năm trăm tuổi, không sống trong nhà mà ngủ trên mặt đất.

Nghiêm không chỉ là Viên, mà còn là Đôn. Kinh này và kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng: Ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, “*đản niệm Phật giả, tất vãng sanh cố*” (chỉ cần niệm Phật, đều được vãng sanh), so ra còn nhanh chóng hơn kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, Hoa Nghiêm có gì, kinh này cũng có.

Nay chúng ta tuy chưa đọa địa ngục, nhưng nếu quý vị hết sức lảng lờ suy nghĩ, chẳng phải là hiện thời quý vị đã ghi danh trong địa ngục rồi hay sao? Thật đấy! Chẳng giả đâu! Đọc kỹ kinh văn, đối chiếu với tư tưởng và hành vi của chính mình, sẽ hiểu rõ chính mình đã tạo nghiệp nhân địa ngục. Tạo nghiệp nhân địa ngục là đã ghi danh trong sổ bộ, đến khi ấy phải có mặt. Lúc này, nếu giác ngộ thì vẫn còn kịp! Giống như pháp sư Oánh Kha đòi Tông, là người xuất gia, cảm thấy chính mình đã ghi danh trong sổ bộ địa ngục, chẳng có cách nào, cho nên nguội lạnh cõi lòng, một mực niệm Phật, niệm đến mức cảm A Di Đà Phật hiện ra. Sư bèn vãng sanh, vị này phi phạm! Thật sự quay đầu, thật sự giác ngộ. Chúng sanh trong ác đạo, làm các thứ ác nghiệp, chịu quay đầu niệm Phật, vẫn còn có thể cứu! Trong kinh Hoa Nghiêm có giáo nghĩa đối nghiệp vãng sanh, mà kinh Di Đà cũng có.

(Sớ) Lục, Hoa Nghiêm nhất tức nhất thiết, cố Như Lai năng ư nhất thân hiện bất khả thuyết Phật sát vi trần số đầu, nhất nhất đầu xuất nhĩ sở thiệt, nhất nhất thiết xuất nhĩ sở âm thanh, nãi chí văn tự, cú nghĩa, sung mãn pháp giới.

(疏) 六、華嚴一即一切，故如來能於一身現不可說佛刹微塵數頭，一一頭出爾所舌，一一舌出爾所音聲，乃至文字句義，充滿法界。

(Sớ: Sáu là trong kinh Hoa Nghiêm, một chính là hết thảy. Cho nên đức Như Lai có thể trong một thân hiện ra số đầu bằng số các vi trần trong một bất khả thuyết cõi Phật, mỗi mỗi đầu hiện ngàn ấy lưỡi, mỗi mỗi lưỡi phát ra ngàn ấy âm thanh, cho đến văn tự, cú nghĩa đầy khắp pháp giới).

Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, thân thông chẳng thể nghĩ bàn trong kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Thử tức như Đại Bản vân.

(疏) 此則如大本云。

(Sớ: Điều này như Đại Bản đã nói).

Chữ “*thử*” chỉ bộ kinh này, Tiểu Bản Di Đà Kinh không có, nhưng Vô Lượng Thọ Kinh (Đại Bản Di Đà Kinh) có.

(Sớ) Bỉ quốc vô lượng bảo hoa, nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang minh, nhất nhất quang minh, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật, phổ vị thập phương thuyết nhất thiết pháp cố.

(疏) 彼國無量寶華，一一華中，出三十六百千億光明，一一光明，出三十六百千億佛，普為十方說一切法故

•

(Sớ: Cõi ấy có vô lượng hoa báu, trong mỗi hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh, trong mỗi quang minh, hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, khắp vì mười phương nói hết tất cả pháp).

Giáo nghĩa này cũng giống với kinh Hoa Nghiêm. Đó là thần lực chẳng thể nghĩ bàn. Đến khi nào mới có thần thông rộng lớn như thế? Thừa quý vị, Tạng Giáo Phật còn có, hưởng chi Viên Giáo! Tỳ Lô Giá Na Phật là Viên Giáo Phật, A Di Đà Phật cũng là Viên Giáo Phật, có năng lực ấy! “*Nhất thân*” là bản thân, vô lượng vô biên thân là phân thân, là hóa thân. Nói thông thường, A La Hán có năng lực này, nhưng năng lực không to. Theo Cao Tăng Truyện ghi chép, có một vị pháp sư Ấn Độ sang Trung Quốc hoằng pháp, sau một thời gian ở tại đó, Sư muốn trở về nước. Có nhiều tín đồ muốn làm tiệc tiễn hành Sư, Sư đều nhận lời, thời gian cùng một ngày. Đến ngày hôm sau, Sư phải lên đường, khi mọi người cáo biệt Sư tại cái trường đình mười dặm đường⁵⁴, có người nói: “Ngày hôm qua pháp sư đến nhà tôi nhận cúng dường”,

⁵⁴ Nguyên văn “*thập lý trường đình*”: Thời Tần - Hán, cứ mỗi mười dặm đường, chánh quyền sở tại lập một cái đình để người đi đường nghỉ chân hoặc dành cho thân hữu tiễn biệt bạn bè. Đình là một cái nhà nhỏ không vách, chỉ có cột, bên trong thường có kê bàn ghế bằng đá. Theo cổ lễ, tiễn nhau phải theo chân mười dặm đường. Về sau, cứ năm dặm lập một cái đình, gọi đó là “đoản đình”, còn đình ở khoảng cách mười dặm gọi là “trường đình”.

người khác nói: “Hôm qua pháp sư đến nhà tôi nhận cúng dường”. Hỏi ra, cùng một ngày, Sư phân thân tới năm trăm thân, nhà nào cũng đều đến nhận cúng dường, mới biết vị pháp sư ấy có thần thông, phân thân! Cổ đại đức thị hiện như thế, thị hiện xong bèn ra đi, chẳng còn ở lại nơi ấy nữa. A La Hán có thể chia thành năm trăm thân, cùng một lúc đến năm trăm nhà nhận cúng dường, huống hồ Như Lai?

Đây là nói Như Lai phân thân để thuyết pháp, “*nhất thân hiện bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số đầu*” (một thân hiện số đầu bằng số vi trần trong một bất khả thuyết⁵⁵ cõi Phật), có đầu đương nhiên có thân, tức là hiện số thân bằng số vi trần trong bất khả thuyết cõi Phật. “*Nhất nhất đầu xuất nhĩ sở thiệt*” (mỗi một đầu hiện ngàn ấy lưỡi), mỗi đầu có một miệng, có một lưỡi, lưỡi bèn thuyết pháp. “*Nhất nhất thiệt xuất nhĩ sở âm thanh*” (mỗi một lưỡi phát ra ngàn ấy âm thanh), phía sau âm thanh bèn nói tới “*văn tự, cú nghĩa*”, đây là nội dung của âm thanh, tức là thuyết pháp. “*Sung mãn pháp giới*” (trần ngập pháp giới), chư Phật thuyết pháp quả thật tận hư không, khắp pháp giới, mà nay chúng ta tai điếc, nghe không được! Nếu tai quý vị rất thông sáng, mười phương chư Phật thuyết pháp, chúng ta ở đây đều nghe rất rõ ràng. Âm thanh ấy giống như âm thanh của radio, hiện thời radio bị trục trặc, chỉ có một hai băng tần là nghe rõ, những băng tần khác không nghe được. Nếu hoàn toàn khôi phục, đích xác là mười phương chư Phật thuyết pháp, muốn nghe vị Phật nào sẽ nghe vị Phật ấy, muốn nghe pháp môn gì, liền có thể nghe pháp môn ấy, chẳng cần phải đến chỗ Ngài. Ngồi ở đây mà có thể nghe chư Phật Như Lai giảng kinh, thuyết pháp. Đây là sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của Tỳ Lô Giá Na Phật được nói trong kinh Hoa Nghiêm.

Kinh này cũng có cảnh giới ấy, trong kinh Vô Lượng Thọ nói “*vô lượng bảo hoa*” trong thế giới Cực Lạc, đây là hoa sen trong ao bảy báu, hoa phóng quang minh, mỗi một đóa hoa tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Đây là con số Thiên Văn, ta không có cách nào tính toán được! Trong mỗi quang minh có hóa Phật, quang trung hóa Phật! Những vị hóa Phật ấy cũng đến mười phương thế giới vì trọn khắp hết thấy các

⁵⁵ Theo phẩm A Tăng Kỳ trong kinh Hoa Nghiêm, một bất khả thuyết là một trong các con số lớn, tính từ một lạc-xoa là một trăm ngàn, câu-chi là một trăm lạc-xoa, câu-chi lần câu-chi là một a-dữu-đa, a-dữu-đa lần a-dữu-đa là một na-do-tha v.v... Một bất khả thuyết là sau số 1 có: 4.652.297.985.247.205.555.163.324.710.981.206.016 con số 0.

chúng sanh mà thuyết pháp. Ý nghĩa này giống với kinh Hoa Nghiêm, đều nhằm nói rõ kinh này là Viên Giáo.

(Sớ) Thất, Hoa Nghiêm Xá Na, Thích Ca, song thù lưỡng tướng.

(疏) 七、華嚴舍那釋迦，雙垂兩相。

(Sớ: Bảy là trong kinh Hoa Nghiêm hiện hai tướng là Lô Xá Na Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật).

Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, Pháp Thân là Lý Thể, không có tướng. “*Song thù lưỡng tướng*”: Từ Chân Như bốn tánh hiện tướng, hiện ra hai tướng: Một là Lô Xá Na (Rocana), tức là Báo Thân Phật, Tự Thụ Dụng thân; hai là Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là Ứng Thân Phật. Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, trên thực tế, [Thích Ca Mâu Ni Phật] là Hóa Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Tướng Báo Thân Phật to lớn, bài Kệ Tán Phật có câu “*bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải*” (bạch hào mềm mại cuộn tròn to bằng năm quả núi Tu Di, mắt biếc trong vắt như bốn biển), hình dung tướng của Báo Thân Phật. Báo Thân Phật quá lớn, nếu vị Phật này ở ngay trước mặt thì chúng ta chẳng thấy được, vì sao? Còn lớn hơn quả địa cầu của chúng ta. Giống như loài người chúng ta quá to, loài trùng kiến chẳng thấy được, loài kiến thấy chúng ta như một quả núi, chúng nó chẳng biết có cái thân to như thế. Ứng Thân Phật hiện tướng chẳng khác con người cho mấy, tùy loại ứng thân, [tức là] chúng sanh thân tướng như thế nào, Phật bèn hiện thân tướng như thế ấy. Tướng ấy không nhất định, lớn, nhỏ chẳng nhất định, thọ mạng cũng không nhất định. Thọ mạng cũng chẳng khác với thọ mạng của chúng sanh cho lắm!

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian, [kinh sách] nói “*trượng lục chi thân*” là thân cao một trượng sáu thước. Khi ấy, một thước ngắn hơn hiện thời. Trong bộ Luật Học Tam Thập Tam Chung, Hoàng Nhất đại sư giảng về thước đời Châu thì một thước dài hơn sáu tấc hiện thời một chút. Một trượng sáu thước so ra cao hơn chúng ta hiện thời một chút. Thọ mạng của đức Phật là tám mươi tuổi; đúng lý, Ngài phải sống đến một trăm tuổi, vì Ngài xuất hiện trong thời thọ mạng của con người là một trăm năm, nhưng Ngài viên tịch trước, vì sao? Rất nhiều nguyên nhân! Nhân tố quan trọng nhất là ma yêu cầu Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn sớm, ma nói: “Ngài đã hoằng pháp lợi sanh nhiều

năm như thế, độ chúng sanh nhiều ngàn ấy, đủ rồi, Ngài nên ra đi”. Đức Phật rất từ bi, liền đáp ứng. Nguyên nhân thứ hai là đệ tử Phật vô ý, chẳng biết thỉnh Phật trụ thế. Nguyên nhân thứ ba là Phật lưu lại phước báo của hai mươi năm cho các đệ tử xuất gia mai sau. Kinh nói rất rõ ràng minh bạch, người xuất gia trong đời sau cơm, áo, ăn ở, tứ sự cúng dường⁵⁶, những phước báo ấy do Thích Ca Mâu Ni Phật ban cho chúng ta. Phước thừa của đức Phật ban cho các đệ tử trong đời Mạt, nhưng ngày nay đệ tử Phật chẳng thật thà, nghĩ đủ mọi phương cách kiếm chác tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng biết khéo an tâm tu đạo. Nói thật ra, chỉ cần an tâm tu đạo, nhất định chẳng chết đói. Đức Phật dâng hiến phước thừa hai mươi năm của Ngài cho chúng ta, chẳng thể nào chết đói được! Tuy kinh đã nói như thế, người đời sau đọc đến cũng gật đầu; gật đầu xong, chẳng tin, vẫn cầu có tín đồ đông đảo, vẫn nghĩ hết mọi cách để kiếm tiền, vậy là không có cách nào hết! Vì thế, vào cửa Phật mà chẳng tin Phật, chẳng thể y giáo phụng hành. Kinh này cũng có “*song thùi lưỡng tướng*”.

(Sớ) Thử tắc như Quán Kinh vân: A Di Đà Phật hiện lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần chi thân.

(疏)此則如觀經云，阿彌陀佛現六十萬億那由他恆河沙由旬之身。

(Sớ: Ở đây thì như trong Quán Kinh đã nói A Di Đà Phật hiện thân to đến sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần).

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có đoạn nói như vậy, đây là Báo Thân Phật. Báo Thân Phật quả thật quá to, số lượng này quá lớn so với địa cầu.

(Sớ) Nhi hựu kiến trượng lục chi thân, ư trì thủy thượng cố.

(疏)而又見丈六之身，於池水上故。

(Sớ: Lại còn thấy thân trượng sáu trên mặt nước ao).

⁵⁶ “Tứ sự cúng dường” là cung cấp bốn nhu cầu sinh hoạt thông thường cho Phật và Tăng đoàn, tức là cung cấp y phục, thức ăn, vật dụng để nằm và thuốc men.

Đây là tướng tiếp dẫn. Đức Phật dùng hóa thân đến mười phương thế giới tiếp dẫn hết thấy chúng sanh. Khi những chúng sanh trong mười phương thế giới vãng sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn họ, thân tiếp dẫn hoàn toàn là Hóa Thân của A Di Đà Phật. Quý vị thấy thân tướng ấy của Phật gần như bằng chúng ta, hoặc cao hơn chúng ta gấp bội; hiện thân ấy để tiếp dẫn quý vị, nhỏ hơn thân thật sự của Ngài quá nhiều. Vì vậy, [trong kinh này, A Di Đà Phật] cũng có phân thân.

(Sớ) Bát, Hoa Nghiêm dĩ Lô Xá Na Phật vi giáo chủ, thử tác như Thanh Lương vân: “A Di Đà Phật tức Bản Sư Lô Xá Na cố”.

(疏) 八、華嚴以盧舍那佛為教主，此則如清涼云：

阿彌陀佛即本師盧舍那故。

(Sớ: Tám, kinh Hoa Nghiêm lấy Lô Xá Na Phật làm giáo chủ, kinh này thì như ngài Thanh Lương đã nói: “A Di Đà Phật tức Bản Sư Lô Xá Na Phật”).

Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, theo cách nhìn của Thanh Lương đại sư, Lô Xá Na Phật trong hội Hoa Nghiêm chính là A Di Đà Phật, là một người, chẳng phải hai. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gọi là A Di Đà Phật, trong thế giới Hoa Tạng gọi là Lô Xá Na Phật, ý nghĩa này càng viên mãn. Giống như một người có hai chức vụ, có hai văn phòng, nhưng thật ra là một người. Tây Phương Cực Lạc thế giới thật sự giống như một trường Đại Học, đến nơi ấy để viên thành Phật đạo, thành tựu viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để hoàn thành học nghiệp; sau khi hoàn thành, đến mười phương thế giới hóa độ chúng sanh hữu duyên. Kinh luận dạy chúng ta: Lúc bình thường phải rộng kết pháp duyên với hết thấy chúng sanh. Pháp duyên nhiều, độ chúng sanh cũng nhiều; pháp duyên ít, độ chúng sanh cũng ít.

Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, pháp duyên sâu đậm. Pháp duyên của Di Lặc Bồ Tát chẳng bằng Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tương lai Di Lặc Bồ Tát xuất hiện trong thế gian chỉ có ba hội Long Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật có hơn ba trăm hội. Đây là tuy đều thành Phật, nhưng mỗi vị trong đời quá khứ kết pháp duyên với chúng sanh khác nhau. Di Lặc Bồ Tát tuy chỉ có ba hội, nhưng đệ tử được Ngài độ rất đông, nói về số lượng sẽ chẳng kém Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Sớ) Cửu, Hoa Nghiêm danh đại bất tư nghị, Tịnh Danh chư kinh danh tiểu bất tư nghị, thử tắc diệc danh Bất Khả Tư Nghị Công Đức cố.

(疏) 九、華嚴名大不思議，淨名諸經名小不思議；此則亦名不可思議功德故。

(Sớ: Chín là kinh Hoa Nghiêm được gọi là đại bất tư nghị, các kinh như kinh Tịnh Danh⁵⁷ gọi là tiểu bất tư nghị, kinh này còn có tên là Bất Khả Tư Nghị Công Đức).

Tựa đề của kinh này được La Thập đại sư dịch là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, trong tựa đề của kinh có chữ “*bất khả tư nghị*”. Hoa Nghiêm là đại bất tư nghị, quả thật là chẳng thể nghĩ bàn trong hết thảy các kinh. Phẩm Nhập Pháp Giới của Tứ Thập Hoa Nghiêm có tên gọi đầy đủ là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn là sở nhập, hạnh nguyện Phổ Hiền là năng nhập. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm gọi là kinh điển Đại Bất Khả Tư Nghị. Kinh Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cật, được gọi là Tiểu Bất Khả Tư Nghị Kinh, những cảnh giới được nói trong kinh ấy quả thật chẳng thể nghĩ bàn.

Chữ “*thử*” chỉ kinh này (kinh A Di Đà). Tựa đề của một bản kinh chính là cương lĩnh của trọn bản kinh. “*Xưng tán*”, ai xưng tán? Mười phương ba đời hết thảy chư Phật xưng tán, không có vị Phật nào chẳng xưng tán. Người xưng tán chẳng phải là người tầm thường, mà là mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Đối tượng được xưng tán là bộ kinh Di

⁵⁷ Tịnh Danh Kinh là tên gọi thông thường của kinh Duy Ma Cật (vì Duy Ma Cật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịnh Danh, hoặc Vô Cấu Xưng). Sở dĩ nói “*Tịnh Danh chư kinh*” vì kinh này có đến bảy bản dịch, nhưng đã thất lạc bốn bản, chỉ còn ba bản:

1. Phật Thuyết Duy Ma Cật Kinh do cư sĩ Chi Khiêm dịch vào thời Đông Ngô.
2. Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần.
3. Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường.

Bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập có ghi tên kinh Duy Ma Cật là Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Kinh. Tên gọi này do chính đức Phật nói, vì trong phẩm Chúc Lụy, đức Phật đã dạy ngài A Nan: “*Này A Nan! Kinh này tên là Duy Ma Cật Sở Thuyết, còn gọi là Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát Pháp Môn*”. Bản của ngài Chi Khiêm ghi gần giống như vậy, bản của ngài Huyền Trang ghi: “*Đức Thế Tôn bảo rằng: - Kinh như thế này có tên là Thuyết Vô Cấu Xưng Bất Khả Tư Nghị Tự Tại Thân Biến Giải Thoát Pháp Môn, hãy trì như thế*”.

Đà này. Đủ thấy bộ kinh này có giá trị cao lắm! Quý vị kiểm trong tất cả kinh điển do đức Phật đã nói, có bộ kinh nào được hết thầy chư Phật xưng tán hay chãng, ngay cả kinh Hoa Nghiêm cũng không có, nhưng kinh Di Đà được hết thầy chư Phật khen ngợi, khen ngợi điều gì? “*Bất khả tư nghị công đức*”! Bất khả tư nghị là không thể nói được, “*nghị*” là nghị luận, công đức mầu nhiệm, rộng lớn không có cách nào diễn tả, “*tư*” là tư duy, không có cách nào suy nghĩ được! “*Công*” là niệm A Di Đà Phật, “*đức*” là vãng sanh Tịnh Độ. Hễ vãng sanh liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tín nguyện trì danh là Công, vãng sanh chẳng thoái chuyển là Đức. “*Nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*”: Pháp môn Niệm Phật được hết thầy chư Phật hộ trì. Trong tâm của hết thầy chư Phật, niệm niệm chẳng quên pháp môn này; quý vị có thể tu học pháp môn này, nhất định được hết thầy chư Phật hộ niệm; bởi lẽ, chư Phật hộ niệm kinh này, hộ niệm pháp môn này, chúng ta đọc bộ kinh này, chiếu theo pháp môn này để tu học, đương nhiên cũng được hết thầy chư Phật hộ niệm. Quý vị đồng tu phải biết: Trong vô lượng vô biên pháp môn, pháp môn Niệm Phật là bậc nhất. Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Quý vị tin tưởng, sẽ có đại phước báo. Quý vị không tin, tu học các pháp môn khác, thích pháp môn nào bèn tu học pháp môn ấy. Quý vị học các pháp môn khác, đời này chưa chắc thành tựu, học pháp môn này, đời này quyết định thành tựu. Vì thế, pháp môn này thù thắng! Tương ứng với kinh Hoa Nghiêm ở chỗ giáo nghĩa “*bất tư nghị*” này.

(Sớ) Thập, Hoa Nghiêm vi giáo, tức phàm phu tâm, tiện thành chư Phật bất động trí.

(疏) 十、華嚴為教，即凡夫心，便成諸佛不動智。

(Sớ: Mười, giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm là từ ngay cái tâm phàm phu mà thành tựu trí bất động của chư Phật).

Đây là giáo nghĩa của Hoa Nghiêm: Thành Phật trong một đời! Hoa Nghiêm nói thành Phật trong một đời, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần nhằm nêu gương cho chúng ta thấy: Từ hạng phàm phu lè tè sát đất, chẳng cần đợi đến đời thứ hai bèn viên chứng Phật quả ngay trong một đời, những kinh điển khác chẳng có điều này. Đối với thuyết “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân này) của Mật Tông, Ấn Quang đại sư đã giảng rất rõ ràng. Kiến giải của các ngài Đệ Nhàn và Đàm Hư đối với chuyện này gần như là nhất trí [với quan điểm

của tổ Ấn Quang], [*“tức thân thành Phật”*] chỉ là liễu sanh tử mà thôi! Mật Tông nói “tức thân thành Phật” là liễu sanh tử trong một đời, liễu sanh tử rốt cuộc là địa vị nào? Tiêu Thừa A La Hán đã liễu sanh tử. Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên Giáo liễu sanh tử. Nói cách khác, “tức thân thành Phật” như Mật Tông đã nói chính là địa vị này, chẳng thể sánh bằng Hoa Nghiêm! Một đời thành Phật trong Hoa Nghiêm chính là Phật quả rốt ráo viên mãn trong Viên Giáo, từ địa vị phàm phu mà thành Phật. *“Tiện thành chư Phật bất động trí”* (bền thành tựu trí bất động của chư Phật). Bất động trí, nói đơn giản là thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn; trong bài kệ Hồi Hướng chúng ta thường đọc có câu: *“Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh”* (hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh). Khi ấy, đích thân thấy Thật Tướng của các pháp, thật sự thấy tướng chân thật của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Thấy được tướng ấy là thấy gì? Bất sanh, bất diệt, bình đẳng nhất tướng, đó gọi là Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng Pháp Môn Thể, cũng là cái mà nay chúng ta gọi là *“bản thể của vạn hữu trong vũ trụ”*, Thiên gia gọi nó là *“diện mạo sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra”*. Thấy được diện mạo sẵn có là thành Phật. Đó là giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, còn kinh này thì...

(Sớ) Thử tác bất việt xưng danh, Phật hiện tiền cố.

(疏) 此則不越稱名，佛現前故。

(Sớ: Kinh này thì chẳng vượt khỏi xưng danh mà Phật hiện tiền).

“Bất việt” là chẳng vượt qua, tu pháp môn này là một câu Phật hiệu. Quý vị phải biết: Rốt cuộc cách niệm Phật trong Niệm Phật Đường là như thế nào? Một Niệm Phật Đường thật sự sẽ chẳng niệm kinh, cũng chẳng niệm chú Vãng Sanh, chẳng dùng đến kệ tán Phật, mà là bốn chữ A Di Đà Phật, tức là một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn. Pháp khí trong ấy tối đa là một cái dẫn khánh, một cái mõ nhỏ. Người ta làm sao chịu đựng nổi? Luân lưu niệm! Quý vị niệm mệt bèn nghỉ ngơi, người nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm tiếp. Giống như Niệm Phật Đường của Ấn Quang đại sư xưa kia, niệm suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng gián đoạn. Buổi tối là bốn người một ban, luân phiên niệm. Bốn người trực ban thì phải gõ dẫn khánh, gõ mõ, hướng dẫn mọi người niệm. Đông người hơn thì tùy hỷ. Cách niệm là như vậy, một năm ba trăm sáu mươi ngày, mỗi ngày đều giống như thế, tuyệt đối chẳng gián đoạn. Đó gọi là Niệm Phật Đường; Niệm Phật Đường ấy được chư Phật hộ niệm.

Do vậy, trong Niệm Phật Đường không có tạp tâm chuyện gẫu, không nói năng, chỉ có âm thanh niệm Phật. Quý vị nhiều niệm cũng được, ngồi niệm cũng được, đứng niệm cũng được, lễ niệm cũng được, ai nấy chẳng trở ngại nhau. Có một khu vực nhất định, nơi này để lễ Phật, nơi kia để chỉ tịnh, ngồi niệm, phía ngoài để vừa đi kinh hành vừa niệm Phật, phân chia phạm vi. Quý vị thích nhiều niệm, ra phía ngoài. Thích ngồi niệm, đến chỗ này; thích lễ Phật, ra nơi kia. Đôi bên chẳng trở ngại nhau. Chỉ có một câu Phật hiệu, ngày đêm không gián đoạn, đó gọi là Niệm Phật Đường. Do vậy, muốn thật sự kiến lập Niệm Phật Đường như vậy, tôi cảm thấy tối thiểu phải có hai trăm người đồng tu thì mới có thể luân lưu [trực ban] được. Số người ít sẽ không thể làm được. Có được hai trăm người thì gần như là phải mấy ngày mới đến phiên trực một lần, thân tâm của chính mình không bị áp lực. Chẳng hạn như, mỗi tuần chỉ luân phiên niệm hai tiếng đồng hồ, đó là khi quý vị trực ban. Ngoài lúc ấy ra, quý vị sẽ thoải mái lắm, niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi, quay trở lại niệm. Tự do tự tại chẳng bị gò bó, thật sự khiến cho thân tâm thanh tịnh, có thể thành tựu người khác!

“*Bất viết xưng danh*” (chẳng vượt ra ngoài phép xưng danh) là tín nguyện trì danh. Câu Phật hiệu này niệm đến mức chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp (khi niệm Phật, quyết chẳng khởi vọng tưởng. Nếu khởi vọng tưởng tức là xen tạp), chẳng hoài nghi, chính mình có tín tâm kiên định, trong một đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành công! “*Phật hiện tiền cố*” (Phật hiện tiền), nhất định thấy Phật! Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát [đã dạy] “*ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”.

(Sớ) Thị tắc tề đẳng Tịnh Danh chư kinh.

(疏) 是則齊等淨名諸經。

(Sớ: Do vậy, giống như các kinh Tịnh Danh v.v...)

Kinh Tịnh Danh là Tiểu Bát Tư Nghị Kinh, kinh Di Đà cũng thuộc loại kinh điển bát tư nghị, cùng thuộc về Viên Giáo như kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Đồng vi Hoa Nghiêm lưu loại.

(疏) 同為華嚴流類。

(Sớ: Có cùng dòng, loại với kinh Hoa Nghiêm).

Cùng một dòng, một loại với kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giống như nguồn chánh, là nơi phát nguyên. Kinh này là chi lưu của kinh Hoa Nghiêm, thuộc cùng một loại với Hoa Nghiêm, cùng với kinh Hoa Nghiêm đều thuộc vào Viên Giáo.

(Sớ) Viên Giáo toàn nhiếp thử kinh, thử kinh phần nhiếp Viên Giáo.

(疏) 圓教全攝此經，此經分攝圓教。

(Sớ: Viên Giáo nhiếp trọn vẹn kinh này, kinh này một phần thuộc về Viên Giáo).

Viên Giáo là Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn bao quát bộ kinh này, nhưng kinh này phần nhiếp Viên Giáo. Trong bộ kinh này có một bộ phận quả thật thuộc về giáo nghĩa Viên Giáo.

(Sớ) Dĩ thiếu phần nghĩa, cố danh Phần Viên dã.

(疏) 以少分義，故名分圓也。

(Sớ: Do có chút phần [thuộc giáo nghĩa Viên Giáo], nên gọi là Phần Viên).

“Phân” là bộ phận, nó có một phần quả thật tương đồng với giáo nghĩa Hoa Nghiêm. Đủ thấy trong toàn bộ giáo nghĩa của Phật giáo, bộ kinh này có phạm vi hết sức rộng lớn, đã rộng lại sâu, quyết chẳng thể coi rẻ được! Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 74

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm mười ba.

Tam, bàng thông.

Sơ, Quán Kinh.

(Huyền Nghĩa) Tiên minh thông Quán Kinh giả, hữu ngôn thập lục Quán môn, danh vi Định Thiện, chấp trì danh hiệu, danh vi Tán Thiện, kim vị thông chi.

三、旁通

初、觀經

(玄義) 先明通觀經者，有言十六觀門，名為定善，執持名號，名為散善，今為通之。

(Ba là luận định ý nghĩa của những kinh có liên quan tới kinh này. Thứ nhất là Quán Kinh.

Huyền Nghĩa: Trước hết nói rõ kinh này có ý nghĩa thông với Quán Kinh. Có kẻ nói mười sáu môn Quán [trong Quán Kinh] là Định Thiện, còn chấp trì danh hiệu là Tán Thiện, nay bèn đã thông [chấp trước sai lầm ấy]).

Trong phần Bàng Thông có hai đoạn, đoạn thứ nhất nói về Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đoạn thứ hai lại nêu ra những kinh điển khác có ý nghĩa thông với bộ kinh này. Trong Tịnh Độ Tam Kinh, trừ kinh này ra, [hai kinh còn lại] là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đây là ba bộ kinh điển chủ yếu của pháp môn Tịnh Độ. Từng có người nói: Mười sáu phép Quán là Định Thiện, còn pháp trì danh niệm Phật được giảng trong kinh này là Tán Thiện. Rốt cuộc ai là Định? Ai là Tán? Ở đây cũng có một cách giải thích: Vì mười sáu phép Quán chủ yếu là tu Định, chẳng khác gì Thiên Tông tu Chỉ Quán, ắt phải do

tâm Định thì mới có thể quán thành tựu, tâm tán loạn chắc chắn chẳng thể quán thành tựu. Ví như phép Quán thứ nhất là quán “mặt trời lặn giống như cái trống treo”. Khi mặt trời lặn xuống ở phương Tây, mặt trời đỏ rực, quý vị bên trong thấy. Bất luận là ban ngày hay ban đêm, bất luận lúc nào, vàng mặt trời đỏ rực luôn ở trước mặt. Mở to mắt, vàng thái dương ở trước mặt; nhắm mắt, vàng thái dương vẫn ở trước mặt thì phép Quán thứ nhất mới tu thành. Phép Quán thứ hai là quán “biên cả đóng băng”, tức là quán thế giới lưu ly. Sau khi quán thành công, quý vị thấy đại địa giống như ngọc Phi Thúy, phủ bằng Lưu Ly, quả thật chẳng dễ dàng! Vì thế, chúng ta có thể học lý luận của mười sáu phép Quán, nhưng phương pháp tu hành chắc chắn chẳng thể làm được. Tâm quá thô, không định được; do vậy, chẳng thể quán thành tựu. Nguyên lý trì danh niệm Phật cũng xuất phát từ Thập Lục Quán Kinh, tức là trong phép Quán cuối cùng [có nói]: Nếu đối với những phương pháp trước đó, quý vị đều không có cách nào tu được, hãy trì danh niệm Phật. Chấp trì danh hiệu, có thể nói là người sơ học đều tán tâm xung danh, tức là dùng cái tâm tán loạn để niệm Phật hiệu. Ý nghĩa Định và Tán được giảng như vậy.

(Huyền Nghĩa) U' trung hữu nhị, nhất tổng, nhị biệt.

(玄義) 於中有二, 一總, 二別。

(Huyền Nghĩa: Trong đoạn này có hai ý nghĩa, một là tổng, hai là biệt).

Trong đây có hai ý nghĩa: Một là nói chung, hai là nói riêng.

(Huyền Nghĩa) Tiên minh tổng giả, bỉ kinh diệu quán, tông hồ nhất tâm.

(玄義) 先明總者, 彼經妙觀, 宗乎一心。

(Huyền Nghĩa: Trước hết nói về ý nghĩa chung thì tông chỉ của những phép Quán màu nhiệm trong kinh ấy (kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật) là nhất tâm).

Chỉ điểm cho chúng ta thấy tông chỉ của Thập Lục Quán Kinh. Kinh này tu hành từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, cũng là theo tông chỉ ấy.

(Huyền Nghĩa) Thử kinh nhất tâm, chánh phù bỉ ý.

(玄義) 此經一心，正符彼意。

(Huyền Nghĩa: Nhất tâm trong kinh này thật phù hợp với ý ấy).

Nói theo phương diện nhất tâm, kinh này và Quán Kinh chẳng khác.

(Huyền Nghĩa) Nhất tâm tác quán, nhất tâm xưng danh, hà đắc đồng quy nhất tâm, dương bỉ ức thử, tường như Tịnh Giác Sớ trung thuyết.

(玄義) 一心作觀，一心稱名，何得同歸一心，揚彼抑此，詳如淨覺疏中說。

(Huyền Nghĩa: Nhất tâm tác quán, nhất tâm xưng danh, lẽ nào chẳng cùng trở về nhất tâm, đề cao điều kia, hạ thấp điều này được nói tường tận trong bộ Tịnh Giác Sớ).

Liên Trì đại sư giảng rõ: Hai bộ kinh này quả thật giống nhau, có cùng một tông chỉ, nhưng phương pháp tu hành khác nhau. Nếu nói theo mặt Sự, Quán Kinh chuyên môn dạy quán tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đối với cách tu này, cũng khó thể diễn tả sự vi diệu! [Hành giả] ắt phải thông đạt nghĩa lý Đại Thừa rất sâu thì phép Quán ấy mới là mầu nhiệm. Nếu không, chỉ là đơn độc quán tưởng những sự tướng, mầu nhiệm ở chỗ nào? Lý rất sâu tức là muốn nói đến nhất tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo). Quý vị quán hết thảy các pháp, chẳng phải chỉ là y báo và chánh báo của thế giới Tây Phương, mà vô lượng vô biên các cõi Phật trong tận hư không, trọn pháp giới đều là vật được biến hiện bởi tự tánh, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, tâm tánh trọn khắp, không pháp gì chẳng tạo. Cho nên nói: “*Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”. Đấy mới là diệu quán, vận dụng nhất tâm. Vận dụng nhất tâm thì phép Quán này sẽ mầu nhiệm.

Chúng ta cũng dùng cái tâm này để niệm Phật, làm sao Phật hiệu chẳng mầu nhiệm? Trong kinh Di Đà, trong các đức hiệu của năm vị Phật ở phương Đông, vị Phật cuối cùng là Diệu Âm Phật. Ngài tượng

trung cho sự diệu quán. Phép niệm Phật của chúng ta là diệu âm, đều diệu! Vì sao diệu? Diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ nhất tâm xưng niệm. Đó là diệu. Khi niệm Phật tuyệt đối chẳng có vọng tưởng, chẳng có nghi hoặc, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước thì Phật hiệu trong sự niệm Phật ấy chính là diệu âm. Chúng ta đọc lời chú giải, trước hết, đại sư giải thích chữ “*bàng thông*”.

(Sớ) *Bàng thông giả, bất Biệt, Đốn, Viên, đản thủ chư Đại Thừa kinh nghĩa lý tương thông.*

(疏) 旁通者, 不別頓圓, 但取諸大乘經義理相通。

(Sớ: “*Bàng thông*” là không phân biệt là Biệt, Đốn hay Viên, chỉ chọn lấy những kinh Đại Thừa có nghĩa lý tương thông [kinh Di Đà]).

Ở đây nói đến “*tương thông*” (có cùng giáo nghĩa hay có những điểm chung), chứ không luận Biệt Giáo, Viên Giáo, hay Đốn Giáo, tạm thời không bàn đến những thứ ấy, chỉ lấy những kinh Đại Thừa nào có nghĩa lý thông với kinh này.

(Sớ) *Dĩ Thập Lục Quán thị Tịnh Độ chuyên kinh, cố tiên cử dã.*

(疏) 以十六觀, 是淨土專經, 故先舉也。

(Sớ: Do kinh Thập Lục Quán là kinh chuyên nói về Tịnh Độ, nên nêu ra trước hết).

Nêu Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đầu tiên, đạo lý là ở chỗ này.

(Sớ) *Định tán giả, Cô Sơn phán thập lục Quán vi Định Thiện, thử kinh trì danh vi Tán Thiện.*

(疏) 定散者, 孤山判十六觀為定善, 此經持名為散善。

(Sớ: “*Định, tán*”: Ngài Cô Sơn phán định mười sáu phép Quán là Định Thiện, còn phép trì danh trong kinh này là Tán Thiện).

Cô Sơn là pháp sư Trí Viên đời Tống, trụ tại Cô Sơn, Tây Hồ, Hàng Châu, người đời sau dùng ngay tên đất để gọi Ngài, nhằm tỏ lòng cung kính. Thuở ấy, Ngài trụ trì đạo tràng này, vừa hoằng pháp lợi sanh,

vừa siêng năng viết chú sớ. Ngài viết mười bản chú giải⁵⁸, người thuở ấy có kẻ gọi Ngài là Thập Bản Sớ Chủ. Định Thiện và Tán Thiện là do Ngài nói.

(Sớ) Kim vị nhất tâm bất loạn, hữu Sự, hữu Lý.

(疏) 今謂一心不亂，有事有理。

(Sớ: Nay nói nhất tâm bất loạn có Sự và Lý).

Ở đây, Liên Trì đại sư dựa trên ý nghĩa của kinh này và Thập Lục Quán Kinh để thảo luận thâm nhập một phen.

(Sớ) Tức Sự nhất tâm, dĩ phi toàn tán, hà hướng Lý nhất.

⁵⁸ Pháp sư Trí Viên (976-1022) là một danh tăng thuộc Sơn Ngoại Phái của tông Thiên Thai, tự là Vô Ngoại, hiệu Trung Dung Tử, hoặc Tiềm Phu, quê ở huyện Tiền Đường, họ Từ. Sư xuất gia từ nhỏ, về sau thọ giới tại chùa Long Hưng ở Tiền Đường. Về sau, Sư sang chùa Phụng Tiên học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Nguyên Thanh. Sau đây, Sư ẩn cư tại Mã Nảo Pha thuộc Cô Sơn, Tây Hồ, Hàng Châu, giao du thân thiết với ngài Từ Vân Tuân Thúc. Do nghe ngài Nguyên Thanh nói tác phẩm Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa của Trí Giả đại sư bị người đời sau sửa đổi, nên mới có hai bản gọi là Lược Bản và Quảng Bản, Sư bèn viết tác phẩm Pháp Hoa Thập Diệu Bất Nhị Môn Thị Châu Chỉ, chủ trương Chân Tâm Quán. Sau đó, ngài Tứ Minh Tri Lễ viết bộ Thích Nạn Phù Tông Ký đả phá thuyết của ngài Nguyên Thanh và đề cao Quảng Bản. Nhằm bênh vực thầy và tự biện hộ cho mình, ngài Trí Viên bèn hợp tác với ngài Phạm Thiên Khánh Chiêu soạn bộ Biện Ngoa để công kích ngài Tri Lễ. Lại soạn bộ Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa Biểu Trung Ký nhằm bắt bẻ bộ Quảng Bản là văn tự thô lậu, nghĩa lý sơ sài, lý lẽ mâu thuẫn và tường thuật sự việc lầm lẫn. Tông Thiên Thai từ sự kiện này mà chia thành hai phái Sơn Gia và Sơn Ngoại. Đôi bên viết sách công kích nhau, kéo dài mười mấy năm, tạo thành trận bút chiến đằng dai giữa hai phái Sơn Ngoại và Sơn Gia trong tông Thiên Thai. Ngoài các bộ sách nhằm tranh luận về vấn đề Quảng Bản, Sư còn để lại các bộ sớ giải sau đây: Văn Thù Bát Nhã Kinh Sớ, Di Giáo Kinh Sớ, Bát Nhã Tâm Kinh Sớ, Thụy Ứng Kinh Sớ, Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú, Bất Tư Nghị Pháp Môn Kinh Sớ, Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ, Quán Phổ Hiền Hành Pháp Kinh Sớ, A Di Đà Kinh Sớ, Thủ Lăng Nghiêm Kinh Sớ (do có mười bộ sớ nên mới gọi là Thập Bản Sớ Chủ), Tỉnh Quán Âm Kinh Sớ Xiển Nghĩa Sao, Duy Ma Kinh Lược Sớ Thù Dụ Ký, Niết Bàn Huyền Nghĩa Phát Nguyên Cơ Yếu, Niết Bàn Kinh Sớ Tam Đức Chỉ Quy, Niết Bàn Kinh Trị Định Sớ Khoa, Kim Cang Phê Hiển Tánh Lục, Bát Nhã Tâm Kinh Di Mưu Sao. Mười bộ Sớ của Sư hiện thời chỉ còn bộ Bát Nhã Tâm Kinh Sớ, chín bộ kia đã bị thất truyền.

(疏) 即事一心，已非全散，何況理一。

(Sớ: Ngay cả Sự nhất tâm còn chưa phải hoàn toàn là Tán Thiện, huống hồ Lý nhất tâm).

“Lý nhất” là Lý nhất tâm. Cách nhìn của Liên Trì đại sư thâm nhập hơn cách nhìn của ngài Trí Viên. Pháp sư Trí Viên không chuyên tu Tịnh Độ, Liên Trì đại sư cả đời dốc sức nơi Tịnh Độ, nên cảnh giới và thể nghiệm khác nhau. Sự nhất tâm bất loạn đã đắc Định; trong sách Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất thấu triệt: Niệm Phật đến mức Sự nhất tâm bất loạn, Kiến Tư phiền não đã đoạn. Nếu đã đoạn Kiến Tư phiền não, nói thông thường theo Giáo Hạ, đó chính là cảnh giới của Đệ Cửu Định. Thiền Định thế gian là Tứ Thiền Bát Định, đạt đến Tứ Không Thiên. Đệ Cửu Định là pháp chứng đắc của A La Hán và Bích Chi Phật, vĩnh viễn đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát tam giới, chẳng còn luân hồi nữa. Đây là Định, chẳng phải Tán, huống chi Lý nhất tâm? Kiến Tư, Trần Sa phiền não đã đoạn, bốn mươi một phẩm vô minh tối thiểu cũng phá một phẩm; phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là Lý nhất tâm. Cảnh giới Lý nhất tâm là cảnh giới của Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cao hơn A La Hán và Bích Chi Phật quá nhiều, làm sao có thể nói là Tán Thiện? Điều này quả thật nói chẳng suông!

Pháp sư Trí Viên nhìn theo công phu mà hàng sơ học chúng ta dùng: Hiện thời chúng ta niệm Phật, quả thật là tán tâm niệm Phật, chứ không phải là nhất tâm niệm Phật. Chúng ta tán tâm niệm Phật cũng được thành công, có thể niệm đến mức công phu thành phiền sẽ đối nghiệp vãng sanh; nhưng đối với mười sáu phép Quán thì không được! Mười sáu phép Quán nhất định phải quán thành! Để quán thành, đích xác là phải nhất tâm tu Quán. Tán tâm tu Quán chắc chắn chẳng thể quán thành công. Nếu nhìn từ điểm này, pháp sư Trí Viên nói chẳng sai; nhưng nếu do chuyện này mà phán định Thập Lục Quán Kinh là Định Thiện, kinh Di Đà là Tán Thiện thì cách nói ấy chẳng viên mãn! Do vậy, cách nói của Liên Trì đại sư là dựa trên lý luận trong kinh điển và phân tích rất cặn kẽ.

(Sớ) Chánh phù bỉ ý giả, bỉ kinh Tam Quán, tức Không, tức Giả, tức Trung, siêu hồ thứ đệ, thị vi nhất tâm. Kim kinh chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tức năng trì, sở trì, liễu bất khả đắc, thị danh

Không Quán. Chánh đương Không thời, Năng Sở lịch nhiên, thị danh Giả Quán. Phi Giả, phi Không, thường Không, thường Giả, bất khả tư nghị, thị danh Trung Quán.

(疏)正符彼意者，彼經三觀，即空即假即中，超乎次第，是為一心。今經執持名號，一心不亂，則能持所持，了不可得，是名空觀；正當空時，能所歷然，是名假觀；非假非空，常空常假，不可思議，是名中觀。

(Sớ: “Thật phù hợp ý ấy”: Tam Quán trong kinh kia (Quán Kinh) tức là Không, Giả, Trung vượt khỏi thứ tự, chính là nhất tâm. Nay kinh này chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn thì năng trì (người trì danh, tâm trì danh) và sở trì (đối tượng được trì niệm, tức Phật hiệu) trọn chẳng thể được. Đó gọi là Không Quán. Ngay trong lúc Không, Năng và Sở rành rành, đó gọi là Giả Quán. Chẳng phải Giả, chẳng phải Không, mà thường Không, thường Giả, chẳng thể nghĩ bàn, bèn gọi là Trung Quán).

Nói thật ra, lý luận và phương pháp tu học của kinh Di Đà chẳng khác gì Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, chẳng có cao thấp. “*Bỉ kinh Tam Quán*” là nói đến Không, Giả, Trung, đây là giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Thiên Thai Trí Giả đại sư sáng lập Tam Chỉ Tam Quán, phương pháp tu hành này do Ngài ngộ được. Khi Ngài đọc kinh Pháp Hoa bèn nhập Định, trong Định thấy núi Linh Thứu ở Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni vẫn còn đang giảng kinh Pháp Hoa, Ngài ngồi ở đó nghe hết một buổi, sau khi trở về báo với người khác: “*Hội Pháp Hoa cho tới nay vẫn chưa tan*”. Từ đây trở đi, Ngài khai ngộ, ngộ được phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán.

Thuở ấy, có những cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc, Trí Giả đại sư đem tâm đắc của mình thảo luận với các vị ấy. Những vị pháp sư ngoại quốc đó hết sức bội phục Ngài, nói Ngài ngộ được phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán hết sức gần gũi với Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiên Na như trong kinh Lăng Nghiêm đã dạy. Trí Giả đại sư nghe nói Ấn Độ có kinh Lăng Nghiêm, rất mong mỗi bộ kinh ấy được truyền sang Trung Quốc, nhưng thuở ấy, sang Ấn Độ chẳng dễ dàng, giao thông chẳng thuận tiện như hiện thời. Ngài bèn dựng một cái đài ở núi Thiên Thai, gọi là Bái Kinh Đài, hướng về phương Tây, bởi lẽ, Ấn Độ ở phía

Tây của Trung Quốc. Mỗi ngày lễ bái tại đó, mục đích lễ bái là cầu cho bộ kinh ấy được truyền sang Trung Quốc. Ngài lễ suốt mười tám năm, mãi cho đến khi viên tịch, kinh Lăng Nghiêm vẫn chưa truyền sang Trung Quốc; nhưng quý vị hãy nghĩ xem: Tinh thần và nghị lực ấy đáng để người đời sau kính phục. Sau này, đến thời Đường Trung Tông, pháp sư Bát Lạt Mật Đế mới đem kinh Lăng Nghiêm sang Trung Quốc.

Trong Tam Chỉ Tam Quán, lại chia ra Nhất Tâm Tam Quán [và Thứ Đệ Tam Quán]. Nhất tâm cao lắm. Trong nhất tâm, Tam Chỉ Tam Quán đều viên mãn. Ở đây nói là “*tức Không, tức Giả, tức Trung, siêu hồ thứ đệ*”, có Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán. Nhất Tâm Tam Quán: Quán Tam Đế (Không, Giả, Trung) là một cảnh, một nhưng ba, ba mà một, đây mới là rốt ráo, đây cũng là “*xưng tánh nhi quán*” (quán xưng hợp với Lý tánh) như chúng ta thường nói, hoặc là “*xưng tánh nhi đàm*” (bàn luận đạo lý xưng hợp với Lý tánh) trong Giáo Hạ. Khi tu phép Quán này, một chính là ba, ba chính là một, “*Không tự thị pháp giới*” (Không chính là pháp giới). Một thứ Không, hết thấy đều Không, chẳng thể nói cái này là Không, cái kia là Có, chẳng thể có đạo lý ấy. Một thứ Không, hết thấy đều Không. Không được quán từ chỗ nào? Quán từ thể tánh; quán tự tánh của hết thấy các pháp là không tịch, trọn chẳng thể được. Đó cũng là quán từ bản thể.

Quán Giả: Giả cũng là toàn thể pháp giới. Giả là quán từ Tướng, hết thấy các tướng đều là pháp sanh bởi nhân duyên. Pháp sanh bởi duyên toàn là giả, chẳng có một thứ nào không giả. Vì thế, một thứ giả, hết thấy đều giả. Giả cũng là pháp giới, Giả và Không có phải là đối đãi hay chẳng? Chẳng phải! Giả và Không là một, chẳng hai. Như vậy thì mới nhập pháp giới. Nếu [thấy] Giả và Không chẳng phải là một, thấy là hai chuyện, quý vị chẳng thể nhập pháp giới. Không là nó, mà Giả cũng là nó. Giả là Có. Trong Tâm Kinh có nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Không là nói về bản thể của pháp giới. Giả là nói về hiện tượng trong pháp giới. Hiện tượng là hiện tượng của bản thể, bản thể là bản thể của hiện tượng, là một, không hai. Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này. Vì thế, Không trong Phật pháp chẳng dễ hiểu, Không chẳng phải là cái gì cũng chẳng có, mà Không là Có. Không và Có là một chuyện, Có là Không, Không là Có, Không và Có là một, Không và Có chẳng hai. Đây mới gọi là Nhất Tâm Tam Quán.

Lại còn có Trung. Trung là Dụng, tức tác dụng của Quán. Chẳng riêng mình Phật pháp nói Trung Đạo là tác dụng, mà Nho gia cũng nói

điều này. Trong Tứ Thư có một thiên sách là Trung Dung⁵⁹, Nho gia dạy chúng ta dùng Trung sẽ được tự tại, Phật pháp cũng như vậy. Trung cũng là pháp giới, Trung là khởi tác dụng. Hết thảy các pháp đều là Trung Đạo, chẳng Không, chẳng Giả, không gì chẳng Trung, quán như vậy thành tựu thì sẽ chứng đắc Nhất Tâm Tam Trí, ba thứ trí huệ ấy chính là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. Cách Quán này của tông Thiên Thai cũng có kinh luận để làm căn cứ: Trung Luận⁶⁰ nói “*nhân duyên sở sanh pháp, tức Không, tức Giả, tức Trung*” (pháp sanh bởi nhân duyên là Không, là Giả, là Trung). Ba thứ trí huệ được nói trong Phật pháp đều do nhất tâm mà chứng đắc. Loạn tâm chắc chắn chẳng thể khai trí huệ, chắc chắn chẳng thể khai ngộ, vì tâm quý vị chẳng chuyên nhất.

Phật pháp lấy cầu trí huệ làm mục đích. Bất luận pháp môn nào, không gì chẳng nhằm tu Định, không gì chẳng nhằm tu nhất tâm. Nếu nói pháp môn có cao hay thấp, cách nhìn ấy lệch lạc, hiểu lầm! Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: “*Pháp môn bình đẳng, không có cao, thấp*”. Cách nhìn này tuyệt đối chính xác, vì các pháp môn đều nhằm tu nhất tâm. Nhất Tâm Tam Quán là tu nhất tâm, Thứ Đệ Tam Quán vẫn là tu nhất tâm, chỉ là phương pháp khác nhau. Nhất Tâm Tam Quán cao minh, dành cho hàng lợi căn tu. Thứ Đệ Tam Quán [dành cho kẻ] ngu si hơn một chút, kẻ ngốc hơn một chút dùng phương pháp này. Thứ Đệ cũng thế mà Nhất Tâm cũng thế, đến cuối cùng đều có thể đắc

⁵⁹ Tuy thường nói Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung là Tứ Thư, nhưng Trung Dung và Đại Học chỉ là hai thiên sách trong sách Lễ Ký. Trung Dung là thiên thứ ba mươi mốt, còn Đại Học là thiên thứ hai mươi bốn. Thiên sách Đại Học nhấn mạnh tầm quan trọng của Thành (lòng thành), Trung Dung cũng nhấn mạnh Thành, nhưng điểm độc đáo của Trung Dung là nói đến ý nghĩa “chấp Trung” tức là câu “trung hòa”. Theo đó, con người phải sống hợp với Trung, dùng lòng chí thành để đạt đến Trung.

⁶⁰ Trung Luận (Mūlamadhyamakakārikā) còn gọi là Trung Quán Luận, Trung Luận Tụng, hoặc Trung Quán Căn Bản Luận do Long Thọ Bồ Tát trước tác, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán. Tác phẩm này được coi là kinh điển căn bản của học thuyết Trung Quán, nhấn mạnh tầm quan trọng của Trung Đạo cũng như các phương pháp thể nhập Trung Đạo. Do tầm quan trọng của bộ luận này, trong Hán Tạng có đến bảy bộ chú giải như sau: Vô Úy Luận (do ngài Long Thọ tự viết để chú thích Trung Luận), Trung Luận Thích (do ngài Thanh Mục viết), Thuận Trung Luận (do Vô Trước Bồ Tát viết), Đại Thừa Trung Quán Thích Luận (do ngài An Huệ viết), Căn Bản Trung Luận Chú (do ngài Phật Hộ soạn), Bát Nhã Đẳng Luận (do ngài Thanh Biện viết), và Tịnh Minh Cú Luận (do ngài Nguyệt Xứng viết).

Định, đều có thể chứng quả. Thứ Đệ Tam Quán không nhất định phải bắt đầu từ đâu, nói thông thường thì từ Giả nhập Không, cách này so ra thuận tiện hơn, Giả là giả tướng, nhập Không; sau đó, từ Không lại nhập Giả, quay trở lại. Đó gọi là “*song giá, song chiếu*” (ngăn trở cả hai, thấu suốt cả hai)⁶¹. Từ Biệt Giáo trở xuống đều dùng phương pháp này. Nếu dùng Nhất Tâm Tam Quán thì là Viên Giáo, là viên dung, chẳng có thứ tự. Kinh này tuy không phải là Thuần Viên, mà là Phần Viên, thuộc về Đốn Giáo, cho nên mới nói “*siêu hồ thứ đệ, thị vi nhất tâm*” (Vượt khỏi thứ tự, đây là nhất tâm).

Kinh này cũng như vậy. Phải thật sự thông đạt lý luận của kinh Di Đà. Phương pháp tu hành trong kinh Di Đà là “*tín nguyện trì danh*”, quý vị nhất định phải niệm Phật. Phương pháp niệm Phật rất nhiều, niệm bằng miệng, hay niệm bằng tâm, đương nhiên lấy tâm làm chủ. Nếu miệng niệm, tâm chẳng niệm, vô dụng! Đây là “*rách toạc cuồng hòng cũng uống công*”. Tâm niệm, miệng chẳng niệm, hữu ích! Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Ức Phật, niệm Phật*”, nhớ đến Phật, trong tâm ta tưởng Phật, tuy miệng ta không niệm, trong tâm ta tưởng là được! “*Hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật*”, những câu kinh văn này hết sức khẳng định, nhất định thấy Phật! Do vậy, ức niệm hết sức khẩn yếu, thời thời khắc khắc đừng quên Phật, phải thường nhìn tượng Phật. Hiện thời rất thuận tiện, trong nhà thờ một bức hình Phật lớn, tượng Phật nhỏ có thể mang theo mình, thường nhìn, giúp cho quý vị ức niệm, niệm niệm chẳng quên A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng quên Tây Phương Tam Thánh, phải dưỡng thành thói quen ấy.

“*Năng trì, sở trì, liễu bất khả đắc, thị danh Không Quán*” (năng trì và sở trì trọn chẳng thể được thì gọi là Không Quán). Vì sao? Tánh của Năng và Sở là Không. Năng Trì là chính chúng ta, Sở Trì là danh hiệu A Di Đà Phật, đây cũng là pháp sanh bởi nhân duyên. Trung Luận nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệc danh vi giả danh, diệc thị Trung Đạo nghĩa*” (Pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung Đạo). Những

⁶¹ Do quán các pháp là Giả, tức là nhìn từ Tướng để thể nhập Tánh, tức là phá chấp Hữu. Nhập Không là quán chiếu bốn tánh các pháp là Không, nhưng chẳng phải là trống không, rỗng tuếch. Chỉ vì bốn tánh không có vọng niệm, đối đãi, nên gọi là Không. Quán như vậy chính là phá chấp Không. Do vậy, bước thứ nhất này gọi là “*song giá*” (ngăn dứt cả hai kiến chấp Có và Không). Sau đó nhập Trung, thấy rõ bản chất của Không và Giả, Giả chính là Không, Không chính là Giả, nên gọi là “*song chiếu*”, tức là từ Tánh lại khởi ra tác dụng. Do vậy, mới nói là từ Không trở lại Giả.

câu này dạy chúng ta điều gì? Phá chấp trước. Tuy chấp trì danh hiệu, nhưng trong ấy có phá chấp trước, thật sự màu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Danh hiệu ấy có cần hay không? Cần! Suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn, đó gọi là chấp trì danh hiệu. Tuy chấp trì danh hiệu, nhưng đồng thời tam luân thể không, đó là phương pháp tu hành cao minh nhất.

“*Chánh đương Không thời, Năng Sở lịch nhiên, thị danh Giả Quán*” (Đang trong lúc Không, Năng và Sở rành rành, đó là Giả Quán). Đồng thời, tuy Năng và Sở trọn chẳng thể được, Phật hiệu của chúng ta chẳng hề gián đoạn, từng chữ phân minh, “*Năng Trì, Sở Trì, liễu bất khả đắc*” (Năng Trì và Sở Trì, trọn chẳng thể được), chẳng chấp Có. “*Năng Sở lịch nhiên*” (Năng và Sở rành rành), chẳng chấp Không. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp trước, điều này nói rõ Chân Không chẳng trở ngại Duyên Khởi, đó là tướng chân thật của pháp giới.

“*Phi Không, phi Giả, thường Không, thường Giả, bất khả tư nghị, thị danh Trung Quán*” (Chẳng phải Không, chẳng phải Giả, thường Không, thường Giả, chẳng thể nghĩ bàn, thì gọi là Trung Quán). Phi Giả phi Không, thường gọi là “*hỗ đoạt lưỡng vong*” (đoạt lẫn nhau, hai bên cùng mất), hai bên đều lia, đó gọi là “*song giá Trung Đạo*” (Trung Đạo ngăn dứt hai bên Không và Giả). Hai bên chẳng lập, chẳng chấp Không, mà cũng chẳng chấp Có, thường Không, thường Giả; đây là “*song chiếu Trung Đạo*”. Tuy hai bên đều chẳng chấp trước, mà hai bên có thể đồng thời tồn tại, “*giá, chiếu*” đồng thời, điều này chẳng thể nghĩ bàn, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật bảo ngài A Nan: “*Ông chẳng thể nghĩ bàn!*”, câu này nhằm nói về chính chúng ta. Mỗi người chúng ta đều chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao nói “chẳng thể nghĩ bàn?” Hoàn toàn tương ứng với lý luận trong kinh này. Quý vị phải hiểu: Tam Đế Tam Quán ở chỗ nào? Ở ngay trên thân chúng ta. Thân tâm của chúng ta về thể tánh thì trọn chẳng thể được, nhưng cái tướng ấy hiện thời cũng là Năng - Sở rành rành: Pháp tánh có thể sanh, cái được sanh chính là tướng trạng Tứ Đại và Ngũ Âm này. Trong ấy cũng là “*song giá, song chiếu*”, quả thật chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Lương dĩ đơn đề thánh hiệu, trực hạ nhất tâm, hữu hà thứ đệ, chánh Tam Quán viên tu chi nghĩa dã.

(疏) 良以單提聖號，直下一心，有何次第，正三觀

圓修之義也。

(Sớ: Ấy là vì chỉ giữ một thánh hiệu mà chứng nhập thẳng vào nhất tâm, đâu có thứ tự gì, đây chính là ý nghĩa chánh yếu của tu trọn vẹn Tam Quán).

Pháp môn Niệm Phật phải như thế nào mới là đặc lực? Đoạn này nhằm thuyết minh về chuyện này. Quý vị phải đặc biệt ghi nhớ câu này: “Đơn đề thánh hiệu, trực hạ nhất tâm”, tám chữ này [phải ghi nhớ]. Trừ một câu Phật hiệu ra, bất cứ vọng niệm gì cũng chẳng có, đó gọi là Đơn Đề! Niệm một tiếng Phật hiệu mà vẫn còn nghĩ đến chuyện gì khác, đây chẳng phải là Đơn Đề! Nếu có thể thật sự trong mười hai thời chỉ có một câu Phật hiệu, những ý niệm khác đều chẳng có, thưa quý vị, đó là “nhất tâm”. Đây chẳng phải là Thứ Đệ Nhất Tâm mà là “đương hạ nhất tâm” (đạt nhất tâm ngay khi ấy, không cần theo thứ tự tu tập dần dần nào), nhất tâm bất loạn bèn hiện tiền. Vẫn còn hoài nghi cái này, hoài nghi cái nọ, nghĩ cái này, tưởng cái nọ, chính là phá hoại nhất tâm của chính mình! Cách tu này chính là giáo nghĩa viên tu Tam Quán chánh yếu trong tông Thiên Thai, tức là Nhất Tâm Tam Quán của tông Thiên Thai. [Cách tu] Nhất Tâm Tam Quán của họ quả thật rất rắc rối, chúng ta dùng một câu Phật hiệu tu Nhất Tâm Tam Quán dễ dàng hơn rất nhiều.

Ngẫu Ích đại sư nói pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, nhanh chóng nhất. Trong vô lượng pháp môn, không có pháp nào lý tưởng bằng, không có pháp môn nào thù thắng bằng. Quý vị được nghe pháp môn này, phước báo rất lớn; người thiếu phước báo sẽ chẳng được nghe! Quý vị thật sự hiểu rõ pháp môn này, chiếu theo pháp môn này để tu học, sẽ thành Phật trong một đời này. Tu học những pháp môn khác, chẳng dễ gì mong được thành Phật trong một đời! Pháp môn này thành Phật trong một đời. Không chỉ thành Phật, mà còn thành một vị Phật trong Viên Giáo, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) *Thị tác bỉ kinh dĩ tâm quán vi Tông.*

(疏) 是則彼經以心觀為宗。

(Sớ: Kinh ấy lấy tâm quán làm tông).

Thập Lục Quán Kinh lấy nhất tâm quán tưởng làm tông chỉ.

(Sớ) Thử kinh dĩ tâm niệm vi Tông.

(疏) 此經以心念為宗。

(Sớ: Kinh này lấy tâm niệm làm tông).

Lấy nhất tâm niệm danh hiệu Phật làm tông chỉ.

(Sớ) Quán tức niệm dã, niệm tức quán dã, lưỡng kinh sở thuyết, ký đồng nhất tâm, hà độc thử kinh ức chi vi tán.

(疏) 觀即念也，念即觀也，兩經所說，既同一心，何獨此經抑之為散。

(Sớ: Quán chính là niệm, niệm chính là quán, hai kinh cùng nói về nhất tâm, có sao chỉ dè bủ một mình kinh này là Tán Thiện).

Ý nghĩa này hết sức rõ ràng. “Quán” là dốc hết tinh thần vào một cảnh giới, lại còn [nhận biết cảnh giới ấy] rõ ràng, rành rẽ, rành mạch, phân minh. “Niệm” là trong tâm nghĩ tới, Quán là tưởng, tâm tưởng đến; niệm và tưởng là một chuyện. Quán Kinh dùng cái tâm pháp giới để quán cảnh pháp giới, kinh này dùng cái tâm pháp giới để niệm pháp giới Phật, cùng là một chuyện! Trên thực tế, chẳng có sai biệt nào cả! Làm sao có thể nói kinh này là Tán Thiện cho được?

(Sớ) Cố thử pháp môn danh Niệm Phật tam-muội.

(疏) 故此法門名念佛三昧。

(Sớ: Vì thế, pháp môn này được gọi là Niệm Phật tam-muội).

Vì sao gọi là Niệm Phật tam-muội? Tam-muội là Chánh Định, dùng phương pháp Niệm Phật để thành tựu tam-muội. Vì thế, gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội nói nghiêm ngặt sẽ là Sự nhất tâm bất loạn. Công phu thành phiên là Tương Tự Niệm Phật tam-muội.

(Sớ) Diệc danh Nhất Hạnh tam-muội.

(疏) 亦名一行三昧。

(Sớ: Còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội).

Nhất Hạnh là chẳng có hai hạnh, Nhất Hạnh là chuyên niệm danh hiệu. Suốt ngày từ sáng đến tối những điều ta nghĩ tưởng đều là một câu A Di Đà Phật. Trừ một câu A Di Đà Phật ra, chuyện gì cũng không tưởng tới, chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới. Đó gọi là Nhất Hạnh tam-muội.

(Sớ) Diệt danh Chư Phật Hiện Tiền tam-muội.

(疏) 亦名諸佛現前三昧。

(Sớ: Còn gọi là Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).

“*Chư Phật Hiện Tiền tam-muội*”: Chư Phật là A Di Đà Phật. Như đã nói “*ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Niệm đến khi tâm thanh tịnh, cảm ứng Phật hiện ra trước mặt, quý vị trông thấy. Phật hiện ra trước mặt nhằm chứng minh cho quý vị, quý vị đã thấy A Di Đà Phật. Thế nhưng người niệm Phật chúng ta đọc đến đoạn Sớ Sao này, trong tâm dấy lên vọng tưởng: Ta hằng ngày niệm Phật, có sao A Di Đà Phật vẫn chẳng hiện ra cho ta thấy? Quý vị hãy suy nghĩ: A Di Đà Phật có hiện ra hay chẳng? Chắc chắn không hiện! Vì sao chẳng hiện? Trong Phật hiệu của quý vị có xen tạp vọng tưởng, chẳng chuyên! Một mặt niệm Phật, một mặt vẫn mong A Di Đà Phật hiện hình tượng cho quý vị thấy; niệm Phật như thế chẳng thể đắc nhất tâm. Đây chẳng phải là Nhất Hạnh, mà là Nhị Hạnh. Thật sự niệm đến nhất tâm, hình tượng Phật tự nhiên hiện trước mặt. Khi ấy, tuy quý vị thấy, nhưng thấy mà như chẳng thấy, quý vị chẳng hiểu kỳ, cũng chẳng sanh lòng hoan hỷ. Tuy thấy hình tượng Phật, tâm chính mình thanh tịnh, như như bất động, vẫn là một câu Phật hiệu niệm đến cùng; cảnh giới ấy sẽ là cảnh giới tốt đẹp.

Nếu Phật vừa hiện ra trước mặt, chính mình bèn hoan hỷ, hoan hỷ là phiền não, nhất tâm bị phá hoại. Nay vì sao Phật chẳng thể hiện ra trước mặt? Quý vị công phu chưa đến mức, hễ Phật hiện ra, công phu của quý vị liền bị phá hoại. Khi nào quý vị như như bất động, Phật bèn hiện ra. Giống như chúng ta đi học, thấy quý vị đã học khá rồi mới có thể khảo nghiệm. Thứ gì cũng chẳng biết, thầy sẽ chẳng khảo nghiệm được! Vì sao? Quý vị còn chưa đạt đến trình độ. Phật hiện ra trước mắt nhằm khảo nghiệm chúng ta, hiện thời công phu của chúng ta chưa đạt

trình độ. Trình độ chưa tới mà Phật cũng hiện ra, quý vị phải nhớ kỹ, đó chẳng phải là Phật, mà chắc chắn là ma đến nhiễu loạn. Vì thế, người niệm Phật tâm phải thanh tịnh, phải chuyên nghĩ đến Phật hiệu, niệm Phật hiệu, những thứ khác đều chẳng nghĩ đến, cũng đừng cầu nhất tâm: “Ta niệm lâu ngày như thế, có sao vẫn chưa đắc nhất tâm?” Như vậy là không được, nhất định chẳng đạt được! Vì trong cái tâm niệm Phật của quý vị đã có suy nghĩ lung tung, nghĩ đến nhất tâm cũng sẽ suy nghĩ lung tung. Mong Phật hiện ra trước mặt cũng là suy nghĩ lung tung, đừng nên như vậy!

(Sớ) Diệt danh Bát Nhã tam-muội.

(疏) 亦名般若三昧。

(Sớ: Cũng gọi là Bát Nhã tam-muội).

Nhất tâm bất loạn là đại trí huệ. Nên biết nhất tâm là Thê, trí huệ là Dụng. Nhất tâm khởi dụng là Bát Nhã. Bát Nhã và Thiền Định có thể làm Thê và Dụng lẫn cho nhau, Thiền Định là Thê, Bát Nhã là Dụng; mà Bát Nhã là Thê, Thiền Định cũng có thể là Dụng. Do vậy, Niệm Phật tam-muội cũng gọi là Bát Nhã tam-muội.

(Sớ) Diệt danh Phổ Đẳng tam-muội.

(疏) 亦名普等三昧。

(Sớ: Cũng gọi là Phổ Đẳng tam-muội).

“Phổ” là phổ biến. Quý vị chỉ cần nhất tâm niệm thành công, tám vạn bốn ngàn pháp môn, giáo lý trong Tam Tạng quý vị đều quán thông, giống như quý vị đã đọc hết toàn bộ Đại Tạng Kinh, toàn bộ tất cả pháp môn đều tu viên mãn; cho nên một pháp môn thành tựu thì hết thảy pháp môn đều thành tựu, đó gọi là Phổ Đẳng tam-muội. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, chét sạch lòng so đo, khăng khăng niệm danh hiệu Phật này, chẳng còn khởi tâm động niệm học cái này, học cái nọ, hình như môn này hay lắm, môn kia cũng tuyệt, chẳng tu rất đáng tiếc! Đúng vậy, rất đáng tiếc, quý vị tu suốt cả đời vẫn chẳng thành công! Quý vị chẳng hiểu đường lối này. Nếu quý vị hiểu biết đường lối này: Quý vị nắm chắc một điều, thì điều gì cũng sẽ đạt được, chẳng sót một điều nào! Quả thật là như thế. Nếu đọc thông suốt bộ Sớ Sao này, sẽ thông hiểu Đại Tạng

Kinh, đối với bất luận kinh điển nào, chắc chắn quý vị có năng lực đọc tụng, có năng lực thông đạt, đó là Phổ Đăng tam-muội. Chúng ta thấy nhiều danh từ như vậy, mới biết pháp môn Niệm Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Tam-muội chi ngôn Định dã.

(疏) 三昧之言定也。

(Sớ: Tam-muội là Định).

Tam-muội (Samādhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Định.

(Sớ) Ký thông đa chủng tam-muội, hà đắc vi tán?

(疏) 既通多種三昧，何得為散。

(Sớ: Đã bao gồm nhiều loại tam-muội, lẽ nào là Tán Thiện?)

Pháp môn Niệm Phật đã có tên gọi nhiều ngàn ấy, đều gọi là tam-muội; nếu quý vị nói Niệm Phật là Tán Thiện, lời ấy quả thật nói không xuôi được!

(Sớ) Đại yếu, quán tưởng nhược phi nhất tâm, quán diệt thành tán. Trì danh nhược đắc nhất tâm, trì tức thành định, bất tại quán tưởng, trì danh, nhi tại nhất tâm dĩ bất nhất tâm dã!

(疏) 大要觀想若非一心，觀亦成散。持名若得一心，持即成定，不在觀想持名，而在一心與不一心也。

(Sớ: Nói chung, nếu quán tưởng mà chẳng nhất tâm thì quán cũng trở thành Tán Thiện. Nếu trì danh đắc nhất tâm thì trì danh trở thành Định Thiện. Chẳng do quán tưởng hay trì danh, mà là do nhất tâm hay không).

Cách nói này của Liên Trì đại sư hết sức hợp lý, hết sức viên mãn. Tu Quán cũng thế, mà trì danh cũng thế, vấn đề là quý vị có sử dụng nhất tâm hay không? Tán tâm quán tưởng, quán tưởng cũng trở thành Tán Thiện. Nhất tâm quán tưởng, quán tưởng sẽ thành Định Thiện. Nói cách khác, tán tâm trì danh thì trì danh là Tán Thiện; nhất tâm trì danh,

lễ nào trì danh chẳng là Định Thiện? Cách nói này quả thật hợp tình, hợp lý!

(Sớ) Như Tịnh Giác sớ giả, Sớ vân: “Trí Giả đại sư u Quán Kinh, dĩ tam chủng Tịnh nghiệp thuộc Tán, thập lục diệu Quán thuộc Định”, vị văn dĩ trì danh vi Tán dã.

(疏) 如淨覺疏者，疏云：智者大師於觀經，以三種淨業屬散，十六妙觀屬定，未聞以持名為散也。

(Sớ: “Như Tịnh Giác sớ” là trong lời Sớ có viết: “Đối với Quán Kinh, Trí Giả đại sư coi ba thứ Tịnh nghiệp là Tán Thiện, mười sáu phép Quán mầu nhiệm là Định Thiện”. Chưa hề nghe nói Ngài phán định trì danh là Tán Thiện!)

Ở đây trích dẫn lời chú giải của cổ đức. Trí Giả đại sư là một vị tổ sư phi phạm của tông Thiên Thai. Ngài đã bỏ rất nhiều công sức nơi Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, viết chú giải, học trò của Ngài lại soạn chú giải cho bộ chú giải ấy, tức bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao. Bộ chú giải ấy có thể nói là một tác phẩm đầy thẩm quyền về lý luận của Tịnh Độ Tông, Liên Trì đại sư trích dẫn rất nhiều. Muốn hiểu rõ hơn lý luận của Tịnh Độ Tông thì bộ sách ấy rất đáng để nghiên cứu; nhưng nếu luận về phương pháp, nhất định phải tu trì danh niệm Phật!

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có nói phu nhân Vy Đề Hy gặp phải đứa con chẳng hiếu thuận, oán ghét mà phải gặp gỡ, oan gia đối đầu đưa đến, cảm thấy đời người vô cùng đau khổ, cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà cách tư duy và chánh thọ: “Con nên nghĩ như thế nào, nhìn như thế nào”. Đức Phật liền đem ba thứ tịnh nghiệp để trả lời. [Đối với câu hỏi] làm thế nào để đắc Chánh Thọ (Chánh Thọ là sự hưởng thụ chính đáng, cũng gọi là tâm thanh tịnh), đức Phật dùng mười sáu phép Quán để trả lời. Trong bản chú giải, [Trí Giả đại sư] lão nhân gia đã nói rất rõ ràng: Ba thứ Tịnh nghiệp tán tâm suy lường thì gọi là “tư duy”, đó là Tán Thiện. Mười sáu phép Quán thuộc về Chánh Thọ, là Định Thiện. Tán Thiện và Định Thiện được giảng như vậy.

Ba thứ Tịnh nghiệp là gì? Chính là ba phước trong Quán Kinh. Đối với người tu hành chúng ta mà nói, ba phước này rất quan trọng. Chúng ta chẳng dùng phương pháp trong mười sáu phép Quán, mà dùng trì danh niệm Phật, nhưng ba thứ Tịnh nghiệp này rất khẩn yếu, ắt phải

tu tập. Loại thứ nhất là “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp*”. Nhất định phải hiếu thuận với cha mẹ, phải tôn trọng sư trưởng, phải nuôi dưỡng tâm từ bi, từ tâm chẳng giết. Hiện thời, Phật giáo đồ Trung Quốc đều có thể ăn chay trường, điều này rất tốt, nhưng chẳng có mấy ai tu Thập Thiện nghiệp. Chúng ta phải tu Thập Thiện nghiệp. Thập Thiện nghiệp là: Thân chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm; miệng chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thêu dệt; ý chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tu thành tựu loại Tịnh nghiệp này, sẽ hưởng phước báo nhân thiên, chẳng đọa trong ba ác đạo.

Ba thứ Tịnh nghiệp là ba tầng cấp. Loại thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Cao hơn loại trước, đây là pháp Tiểu Thừa, vượt thoát thế gian. Thọ trì Tam Quy, “*thọ*” (受) là quý vị phải tiếp nhận, “*trì*” (持) là giữ gìn. Tam Quy là giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Phải trì giới, đó là cảnh giới của Thanh Văn và Duyên Giác. Loại Tịnh nghiệp thứ ba là Đại Thừa, “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”. Chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ, vì Tây Phương Tịnh Độ là Đại Thừa Phật pháp. Đại Thừa Phật pháp kiến lập trên cơ sở Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là chân thành; đãi người, tiếp vật phải dùng cái tâm chân thành, đây là Bồ Đề tâm, quyết định chẳng có hư vọng, chẳng thể có hư ngụy. Phải dùng cái tâm chân thành để đãi người, tiếp vật thì chúng ta mới có thể nhập môn Phật pháp.

Quý vị phải hiểu: Bao nhiêu người học Phật, thậm chí người xuất gia cho đến bảy mươi, tám mươi, chín mươi tuổi vẫn chưa thể tiến nhập Phật pháp, nguyên nhân là ở chỗ nào? Là do không có Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là chân tâm, thành tâm, đó là bản thể của Bồ Đề tâm. Chân thành khởi tác dụng, đối với chính mình là tâm thanh tịnh, tự thụ dụng, thanh lương, tự tại; đối với người khác là đại từ đại bi. Tâm chí thành khởi lên tác dụng ấy, điều này chẳng cần phải học, đó là Tánh Đức sẵn có trong Chân Như bốn tánh. Chính mình nhất định thanh tịnh, đối với người khác nhất định từ bi. Tâm địa của chính mình chẳng thanh tịnh, sẽ chẳng đối xử từ bi đối với người khác. Chính quý vị phải giác ngộ: Tâm Bồ Đề [của chính mình] chưa nảy sanh. Tâm Bồ Đề chưa nảy sanh thì là tâm gì vậy? Tâm phàm phu! Tâm phàm phu thì quý vị chẳng thể ra khỏi lục đạo; tâm Bồ Đề mới có thể vượt thoát lục đạo, mới có thể minh tâm kiến tánh, mới có thể vãng sanh Tây Phương.

Ba thứ tịnh nghiệp trong Quán Kinh này hết sức quan trọng. Phải tin sâu nhân quả, như thường nói “*chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân*”, người học Phật chẳng dám tạo nhân ác, tạo nhân ác thì về sau sẽ bị ác báo. Quả báo ác xảy đến đừng sợ, nghịch cảnh xảy đến bèn vâng chịu, đó là Báo, báo hết sẽ xong! Trong khi thọ báo, nhất định đừng tạo nhân ác. Phải đọc tụng Đại Thừa, kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều là kinh Đại Thừa. Chúng ta là người tu Tịnh Độ đọc những kinh điển ấy là đủ rồi, chẳng cần phải tự mình chúốc thêm phiền! Tịnh Độ tam kinh nhất luận, hoặc bộ Tịnh Độ Thập Yếu do Ngẫu Ích đại sư biên soạn, bộ Văn Sao của Ấn Quang đại sư đều nhằm giảng rõ ba kinh, nêu tỏ những tông chỉ và giáo nghĩa Tịnh Độ. Chúng ta có thể đọc tụng những tác phẩm ấy. Tuy Văn Sao của Ấn Quang đại sư không phải là kinh điển, nhưng những điều được nói trong ấy hoàn toàn là giáo nghĩa Đại Thừa. “*Khuyến tấn hành giả*”: Tự mình tu, còn phải khuyên người khác; đem những lý luận, phương pháp, công đức, lợi ích ấy nói cho người khác nghe.

Trí Giả đại sư chẳng hề nói trì danh niệm Phật là Tán Thiện, chỉ nói “*ba thứ Tịnh nghiệp là Tán Thiện, mười sáu phép Quán là Định Thiện*”, cách nói này rất có lý!

(Sớ) Cô Sơn phán thử kinh vi Tán Thiện, dư bất vĩ bỉ thuyết.

(疏) 孤山判此經為散善，予不韙彼說。

(Sớ: Ngài Cô Sơn phán định kinh này là Tán Thiện, tôi chẳng chấp nhận thuyết ấy).

Pháp sư Trí Viên nói kinh này là Tán Thiện; nói thật ra, chúng ta xem những lời nghị luận của Liên Trì đại sư trong phần trên, nghĩ ra Ngài thật sự có lý, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, chúng ta chẳng dám đồng ý với cách nói của ngài Cô Sơn.

(Sớ) Thả Phổ Môn Phẩm Sớ, thích nhất tâm xưng danh, hữu Sự, hữu Lý, tồn niệm Quán Âm, vô hữu gián đoạn, danh Sự nhất tâm. Nhược đạt thử tâm, tứ tánh bất sanh, dữ Không Huệ tương ứng, danh Lý nhất tâm. Phổ Môn vô “bất loạn” nhị tự, Trí Giả thượng tác Không Huệ thích chi, kim vân “nhất tâm bất loạn”, hà đắc biếm vi Tán Thiện?

(疏) 且普門品疏，釋一心稱名，有事有理，存念觀音，無有間斷，名事一心。若達此心，四性不生，與空慧相應，名理一心。普門無不亂二字，智者尚作空慧釋之，今云一心不亂，何得貶為散善。

(Sớ: Hơn nữa, trong phần sớ giải phẩm Phổ Môn, đã giải thích nhất tâm xưng danh có Sự và Lý. Nghĩ tới Quán Âm chẳng gián đoạn, gọi là Sự nhất tâm. Nếu đạt cái tâm này, bốn tánh chẳng sanh, tương ứng với Không Huệ thì gọi là Lý nhất tâm. Trong phẩm Phổ Môn không có hai chữ “bất loạn” mà ngài Trí Giả còn giải thích là Không Huệ, nay kinh này nói “nhất tâm bất loạn”, sao lại gièm chê là Tán Thiện?)

Ở đây, trích dẫn lời chú giải kinh Pháp Hoa của Trí Giả đại sư. Bộ Pháp Hoa Văn Cú của Trí Giả đại sư mãi cho đến nay vẫn là một bản chú giải có tầm quyền bậc nhất. Bản chú giải này hết sức sâu, học trò của Ngài lại chú giải bản chú giải ấy, đặt tên là Pháp Hoa Kinh Văn Cú Ký, tức là bút ký, là kinh điển làm căn cứ quan trọng nhất trong tông Thiên Thai, là một trong Thiên Thai Tam Đại Bộ⁶². Bản chú giải ấy tuy hay, nhưng sâu quá, hàng sơ học chúng ta không cách nào đọc được! Lần này, tôi từ Hương Cảng trở về, đem theo một bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú Ký Toàn Yếu⁶³ do thiền sư Đạo Bái đời Thanh biên soạn. Toàn Yếu là trích yếu từ sách Văn Cú Ký, rất thuận tiện đối với người mới học Văn Cú Ký. Trong bản chú giải kinh Pháp Hoa, Trí Giả đại sư đã một

⁶² Thiên Thai Tam Đại Bộ là ba bộ sách do chính ngài Thiên Thai Trí Khải (Trí Giả đại sư) biên soạn, gồm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú và Ma Ha Chi Quán. Ba bộ này là căn cứ lý luận cho toàn bộ giáo nghĩa của tông Thiên Thai. Ngoài ra, người học giáo nghĩa tông Thiên Thai còn phải nghiên cứu năm bộ sách nữa gọi là Thiên Thai Ngũ Tiểu Bộ tức Kim Quang Minh Kinh Huyền Nghĩa, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú, Quán Âm Huyền Nghĩa, Quán Âm Nghĩa Sớ và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ. Năm bộ này là bút ký của ngài Quán Đảnh ghi chép lời dạy của tổ Thiên Thai. Riêng Kim Quang Minh Huyền Nghĩa có hai bản Quảng Bôn và Lược Bôn, là đầu mối gây nên tranh cãi khiến tông Thiên Thai tách thành hai phái Sơn Gia (do Tứ Minh Trí Lễ cầm đầu) và phái Sơn Ngoại (do Từ Vân Tuân Thức và Cô Sơn Trí Viên lãnh đạo).

⁶³ Đúng ra phải đọc là Pháp Hoa Kinh Văn Cú Ký Soán Yếu, nhưng ta quen đọc chữ Soán (纂: cướp lấy, đoạt lấy) thành Toàn cho những tác phẩm thuộc thể loại trích yếu này. Soán Yếu có nghĩa là gạn lọc lấy, đoạt lấy những điều trọng yếu.

phen biện luận, phán đoán, bảo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát có Sự nhất tâm mà cũng có Lý nhất tâm, nhưng Ngài không nói đến nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm là quý vị niệm danh hiệu [Quán Thế Âm Bồ Tát] chẳng gián đoạn, giống như chúng ta niệm A Di Đà Phật. Trong mười hai thời, danh hiệu ấy chẳng gián đoạn, đó gọi là Sự nhất tâm.

“*Nhược đạt thủ tâm, tứ tánh bất sanh, dữ Không Huệ tương ứng, danh Lý nhất tâm*” (Nếu đạt tâm này, bốn tánh chẳng sanh, tương ứng với Không Huệ, gọi là Lý nhất tâm). “*Tứ tánh bất sanh*” là gì? Tứ tánh cũng phát xuất từ Trung Quán Luận, “*chư pháp bất tự sanh*” [nghĩa là] hết thấy các pháp chẳng thể tự sanh ra, “*diệc bất tùng tha sanh*” [nghĩa là] cũng chẳng do ai khác sanh ra, mà cái khác (tha) cũng chẳng thể tự sanh. “*Bất cộng, bất vô nhân*” nghĩa là cũng chẳng phải do tự và tha cùng sanh ra, mà cũng chẳng thể nói là không có nguyên nhân mà sanh. “*Thị cố thuyết vô sanh*” (cho nên nói vô sanh). Đây gọi là tứ tánh: Tự sanh, tha sanh, cộng sanh, vô nhân sanh. Nếu quý vị thông đạt bốn tánh chất này, quý vị sẽ hiểu hết thấy các pháp vốn chẳng sanh. Nếu thấu đạt cái tâm này, tứ tánh chẳng sanh, tương ứng với Không Huệ. Tương ứng với Không Huệ là tương ứng với trí huệ Đại Bát Nhã, đó là Lý nhất tâm. Tương ứng với Đại Bát Nhã thì trên thực tế là tương ứng với Chân Như pháp tánh.

Trong lời chú giải phẩm Phổ Môn, tuy không nói đến hai chữ “*bất loạn*”, chỉ nói đến nhất tâm. “*Trí Giả thượng tác Không Huệ thích chi*” (ngài Trí Giả còn giải thích [nhất tâm] là Không Huệ), Trí Giả đại sư giải thích như thế. “*Kim vân nhất tâm bất loạn*” [nghĩa là] bản kinh này chẳng những nói tới nhất tâm mà phía sau còn có “*bất loạn*”, nói tới nhất tâm bất loạn. “*Hà đắc biếm vi Tán Thiện*” (sao lại gièm chê là Tán Thiện): Pháp sư Trí Viên nói kinh này là Tán Thiện, nói thật ra, lời ấy nói chẳng thông! Trong đoạn này, Liên Trì đại sư biện định quả thật hết sức rõ ràng! Vì thế, chúng ta chớ nên hoài nghi.

(Sớ) Ngu án: Trí Giả nhập diệt, xướng Tam Bảo danh.

(疏) 愚按: 智者入滅, 唱三寶名。

(Sớ: Ngu tôi nhận định: Ngài Trí Giả nhập diệt, xướng danh hiệu Tam Bảo).

“Ngu” là Liên Trì đại sư tự xưng. Trí Giả đại sư viên tịch, khi lâm chung niệm danh hiệu Tam Bảo: A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Ngài niệm Phật vãng sanh.

(Sớ) Chương An lâm chung, diệc xưng Di Đà cập nhị Đại Sĩ.

(疏) 章安臨終，亦稱彌陀及二大士。

(Sớ: Ngài Chương An lâm chung, cũng xưng niệm danh hiệu Phật Di Đà và hai vị Đại Sĩ).

Ngài Chương An là học trò đặc ý nhất của Trí Giả đại sư. Về sau, quá nửa những trước tác của đại sư do vị này chỉnh lý. Pháp Hoa Văn Cú do Trí Giả đại sư biên soạn, Văn Cú Ký là bút ký của ngài Chương An, nhằm giải thích chú sớ của đại sư⁶⁴. Ngài Chương An lâm chung cũng niệm A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, và Đại Thế Chí Bồ Tát, cũng ra đi như vậy, đều là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Bĩ sư tư tự hành như tư.

(疏) 彼師資自行如斯。

⁶⁴ Thật ra, ngài Chương An chỉ chỉnh lý tác phẩm Pháp Hoa Văn Cú của tổ Trí Giả, phần Văn Cú do ngài Chương An biên tập, còn Văn Cú Ký chính là tác phẩm chú giải Văn Cú của ngài Kinh Khê Trạm Nhiên. Vì thế, trong các bản in Pháp Hoa Văn Cú Ký hiện thời thường ghi như sau: Tuy Thiên Thai Trí Giả đại sư thuyết, Tuy Chương An Quán Đảnh đại sư văn cú, Đường Kinh Khê Trạm Nhiên đại sư thuật ký (Thiên Thai Trí Giả đại sư đời Tuy giảng, Chương An Quán Đảnh đại sư đời Tuy ghi thành văn cú, Kinh Khê Trạm Nhiên đại sư đời Đường viết bút ký).

(Sớ: Thầy trò họ tự hành như thế).

“*Sư*” là Trí Giả đại sư, tức thầy, “*tu*” (資) là học sinh, đồ đệ, tức ngài Chương An. Thầy trò họ hai người đều tự mình tu hành như thế, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) **Tất bất tán phán xưng danh, ư thị ích tín.**

(疏) 必不散判稱名，於是益信。

(Sớ: Cho nên chẳng cần rườm lời biện định về chuyện phán định xưng danh là Tán Thiện).

Chắc chắn Trí Giả đại sư chẳng đến nỗi coi trì danh niệm Phật là Tán Thiện. Chúng ta thấy Trí Giả đại sư và Chương An đại sư suốt đời tu hành, suốt đời giảng kinh, thuyết pháp, chú sớ kinh điển, chúng ta càng tin tưởng trì danh niệm Phật nhất định chẳng phải là Tán Thiện. Những điều này đều khơi gợi tín tâm của chúng ta, khiến cho tín tâm của chúng ta kiên định. Người niệm Phật nhất định phải tự tin: Trong một đời này, ta nhất định vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải có tín tâm ấy, quyết định vãng sanh, một tí hoài nghi cũng chẳng có!

Trong phần trước đã nói với quý vị “*đọc tụng Đại Thừa*”, chúng ta đọc kinh Di Đà, đọc Sớ Sao, Yêu Giải, hoặc là xem kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là đủ rồi, những thứ khác đều chẳng cần phải đọc tới. Liên Trì đại sư nói rất hay: “*Tam Tạng mười hai bộ kinh dành cho kẻ khác ngộ*”. Tôi đọc tụng Đại Thừa, chuyên môn đọc tụng Tịnh Độ Tam Kinh. Khi đọc kinh cũng là niệm Phật, vì kinh điển niệm niệm đều nói về Tây Phương Tịnh Độ, đều nói về thế giới Cực Lạc. Niệm Phật cũng là niệm kinh, vì kinh khuyên quý vị niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật há chẳng phải là niệm kinh? Vì thế, niệm Phật và đọc kinh là một, không hai. Như thế thì mới có thể quyết định vãng sanh, quyết định niệm đến mức thanh lương, tự tại, niệm đến mức pháp hỷ sung mãn, được thụ dụng trong hiện tại. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 75

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm mười sáu:

(Huyền Nghĩa) Thứ mình biệt giả, hoặc vị thử kinh dẫn văn Phật danh, hoặc vị thử kinh Phật thị Liệt Ứng, hoặc vị thử kinh hoa cục xa luân, hoặc vị thử kinh Ngũ Nghịch bất sanh, hoặc vị thử kinh chỉ thuộc hạ phẩm, bất tri nhị kinh thật nhất nghĩa cố, bất tri thử kinh vu độc yếu cố.

(玄義) 次明別者，或謂此經但聞佛名，或謂此經佛是劣應，或謂此經華局車輪，或謂此經五逆不生，或謂此經止屬下品。不知二經實一義故，不知此經尤獨要故。

(Huyền Nghĩa: Tiếp đó là nói tới những ý nghĩa riêng biệt: Hoặc có kẻ nói kinh này chỉ nghe danh hiệu Phật, hoặc nói Phật trong kinh này là Liệt Ứng Thân, hoặc nói trong kinh này, hoa chỉ hạn cuộc to bằng bánh xe, hoặc nói đối với kinh này, kẻ Ngũ Nghịch chẳng thể vãng sanh, hoặc nói kinh này chỉ thuộc hạ phẩm; chẳng biết hai kinh thật sự có cùng một nghĩa, chẳng biết kinh này lại càng đặc biệt quan trọng).

Trong đoạn này, chúng ta tiếp tục nói về ý nghĩa Bàn Thông, trước hết là sau khi trình bày xong mối quan hệ giữa kinh này và Thập Lục Quán Kinh, lại thảo luận ở một mức độ sâu hơn nữa, đối với sự niệm Phật và học Phật của chúng ta có mối quan hệ rất trọng yếu. Các đồng tu cũng có thể thấu hiểu pháp môn này là một pháp môn vô cùng khó gặp gỡ. Trong bài kệ Khai Kinh có câu: “Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”; câu ấy đúng là sự thật ngàn muôn phần xác đáng, nhưng bao nhiêu người gặp được pháp môn này lại coi thường, bỏ qua, đúng là đáng tiếc! Sau khi gặp gỡ, chẳng những phải lý giải, mà còn phải lý giải sâu xa; sau đây, chúng ta mới có thể sanh khởi lòng tin. Tín tâm thanh tịnh sẽ được thụ dụng. Tín sâu, nguyện thiết tha, khởi hạnh, chúng ta chắc chắn chẳng bỏ uông một đời này.

Tu hành trong thời Mạt Pháp, trừ pháp môn này ra, mong thành tựu trong bất cứ một pháp môn nào đều chẳng dễ dàng! Vì sao? Nếu quý vị tự mình nghiêm túc phản tỉnh một phen, sẽ hiểu rõ. Thứ nhất, quý vị có thể phá Ngã Kiến hay không? Phá được Ngã Chấp hay không? Có thể đoạn tham, sân, si, mạn hay không? Trong kinh điển, đức Phật đã đòi ba lượt bảo chúng ta, trì giới, tu Định, cung kính, xưng tán, cúng dường, mà nếu chẳng thể lìa khỏi tham, sân, si, mạn, sẽ đều là chuyện thuộc về phía Ma Vương! Tu đến cuối cùng đều thành Ma. Chúng ta có tin nổi lời này hay chẳng? Suy nghĩ kỹ càng, quả thật có lý! Vì những gì quý vị tu là

phước báo nhân thiên, nói cách khác, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, hưởng đại phước báo trong lục đạo luân hồi, lại khởi tham, sân, si, mạn to lớn, đây chẳng phải là ma thì là gì vậy? A Tu La trong cõi trời và cõi người là do nghiệp nhân này mà tu thành. Có những người phiền não nhẹ nhàng, tuy tu phước báo ít, vẫn có thể vãng sanh. Thậm chí phước báo nhân thiên hoàn toàn chẳng tu, nhưng một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, người ấy có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mạnh hơn phước báo nhân thiên nhiều lắm! Trong kinh luận, truyện ký và bút ký của cổ đức, chúng ta thấy chuyện này rất nhiều. Mục đích chủ yếu của đoạn kinh văn này là muốn làm cho chúng ta thấu hiểu tầm trọng yếu đặc biệt của bộ kinh này.

Có kẻ nói bộ kinh này là “*đản văn Phật danh*” (chỉ nghe danh hiệu Phật) cho nên là Tán Thiện, chẳng phải Định Thiện. Hoặc có kẻ nói Phật được giảng trong kinh này là Liệt Ứng Thân, chẳng phải là Thắng Ứng Thân. Quý vị hãy đọc lời chú giải.

(Sớ) Đản danh giả, hoặc vị Quán Kinh giáo tướng bỉ Phật tướng hảo.

(疏) 但名者，或謂觀經教想彼佛相好。

(Sớ: “Chỉ nghe danh hiệu”: Là có kẻ nói Quán Kinh dạy tướng tướng hảo của đức Phật ấy).

Dem so kinh này với Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh thì Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói cặn kẽ; chẳng những quý vị được nghe danh hiệu Phật, mà kinh còn dạy quý vị quán tưởng như thế nào. Kinh này chẳng dạy quý vị quán tưởng, chỉ dạy niệm danh hiệu Ngài, danh hiệu là bốn chữ.

(Sớ) Thử kinh đản trì tứ tự không danh, tắc bất kiến Phật thân, cố danh Tán Thiện.

(疏) 此經但持四字空名，則不見佛身，故名散善。

(Sớ: Kinh này chỉ trì suông danh hiệu gồm bốn chữ, chẳng thấy thân Phật, nên gọi là Tán Thiện).

Nói thật ra, đây là tri kiến của hàng phàm phu, chắc chắn chẳng phải là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, vì sao? Phật và Bồ Tát đều chẳng có

thân tướng nhất định. Đối với người Hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát quen thuộc nhất. Có thư cục xuất bản Quán Thế Âm Bồ Tát Biến Tướng Đồ, trong sách ấy có hơn năm trăm bức hình Quán Âm Bồ Tát, có tướng nam, có tướng nữ, có các thân phận khác nhau, rốt cuộc, thân nào mới là Quán Thế Âm Bồ Tát? Phẩm Phổ Môn nói rất hay, nên dùng thân nào để đặc độ bèn hiện thân tướng ấy. Vì thế, Bồ Tát không có tướng nhất định. Các Bồ Tát đều chẳng có tướng nhất định, huống chi là Phật? Vì thế, đương nhiên Phật cũng chẳng có tướng nhất định. Làm sao quý vị có thể nói đây là Liệt Ứng Thân? Chúng ta nhất định phải biết điều này!

Chư Phật, Bồ Tát hiện tướng, kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh, phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Nói cách khác, mỗi cá nhân thấy tướng Phật, Bồ Tát khác nhau. Chẳng riêng gì Phật, Bồ Tát thị hiện cho hết thấy chúng sanh các thân tướng khác nhau, mà nếu quý vị quan sát kỹ càng, chính bản thân mỗi người chúng ta cũng thị hiện trong thế gian này [các tướng] khác nhau. Nếu giống nhau thì người trong thiên hạ trông thấy quý vị sẽ có cùng một cảm nhận. Vì sao có người ưa thích quý vị? Có người chán ghét quý vị? Chẳng phải là hai thứ tướng khác nhau rất hiển nhiên hay sao? Đó là thô phần, chứ tế phần thì chẳng phải chỉ có hai thứ, mà cũng là vô lượng vô biên thứ, chẳng khác chư Phật, Bồ Tát!

Quý vị hiểu rõ đạo lý này, nếu chúng ta muốn thấy Phật, Bồ Tát, muốn thấy tướng hảo, chúng ta phải dùng cái tâm tốt lành, vì sao? Tâm chúng sanh có cảm, tâm Phật, Bồ Tát sẽ ứng, cảm ứng đạo giao mà! Chúng ta đãi người, tiếp vật cũng giống như vậy, ngay cả Mạnh Phu Tử cũng nói: “*Kính nhân giả, nhân hằng kính chi*” (Kính trọng người khác thì người khác luôn kính trọng ta). Chúng ta mong người khác tôn kính chúng ta thì chúng ta phải đối đãi với người khác bằng cái tâm cung kính; chúng ta có cảm, bên ngoài sẽ có ứng. Chúng ta chẳng đối đãi người khác bằng lòng cung kính, dùng những tâm ganh tỵ, nóng giận để cảm, làm sao có ứng tốt đẹp cho được? Chẳng thể nào có lẽ ấy! Quý vị đọc đến đoạn kinh văn này, sẽ hiểu: Sự thật là cảm ứng đạo giao, là chuyện như thế đó. Chúng ta dùng cái tâm thanh tịnh để cảm, thấy Ứng Thân thù thắng của Phật. Sau khi đã đoạn phiền não, tâm địa thật sự bình đẳng, thấy Báo Thân Phật, chẳng phải là Ứng Thân! Phiền não chưa đoạn thì thấy Ứng Thân.

Chấp trước thì tuyệt đối là chính mình chịu thiệt thòi! Thánh nhân thế gian và xuất thế gian bảo chúng ta hãy “*trạch thiện cố chấp*” (chọn

lấy điều lành để chấp trước), đó là nói với những kẻ sơ học. Thiện là gì! Tâm địa thanh tịnh là thiện. Tâm địa bình đẳng là thiện, lia tham, sân, si, mạn là thiện. Chúng ta đối với Phật, Bồ Tát rất cung kính, cung kính cha mẹ, cung kính thầy, nhưng đối với những kẻ không quen biết ta chẳng cung kính, có được hay không? Không được! Chắc chắn là không được! Tu kiêu đó không phải là tu Phật pháp, mà là tu pháp thế gian. Pháp thế gian sẽ đạt được phước báo thế gian, chẳng thể vãng sanh, chẳng thể thấy Phật, ngay cả Liệt Ứng Thân của Phật cũng chẳng thấy được, nói chi Thắng Ứng Thân, chẳng có duyên với Phật mà! Chẳng phải là Phật chẳng có duyên với quý vị, mà là quý vị vô duyên với Phật. Quý vị vô duyên với Phật là như thế nào? Do quý vị có tham, sân, si, mạn, nghi, có Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng; hai thứ chướng ngại ấy ngăn trở cái duyên thấy Phật. Chuyện là như vậy đó. Phá hai thứ chướng, lia hết thấy chấp; như vậy thì mới có thể thấy Phật.

Vì thế, Phật, Bồ Tát không có thân nhất định. Kinh nói lên ý nghĩa như sau: Nếu cái tâm đã định, thân Phật sẽ tự hiện. Hiện thời chẳng thấy thân Phật, rõ ràng là khuyết thiếu định lực, cho nên gọi là Tán Thiện. Tán Thiện có nghĩa như vậy đó.

(Sớ) Nhiên kinh vân: “A Di Đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền”. Ký Phật hiện, tác ninh vô tướng hảo; hướng dữ chúng, tác chủ bạn tề chương. Cái bỉ dĩ tác quán kiến Phật, thử dĩ trì danh kiến Phật, vi nhân bất đồng, kiến Phật tác nhất.

(疏) 然經云：阿彌陀佛，與諸聖眾，現在其前，既佛現，則寧無相好，況與眾，則主伴齊彰。蓋彼以作觀見佛，此以持名見佛，為因不同，見佛則一。

(Sớ: Nhưng kinh chép: “A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt”. Phật đã hiện, lẽ nào không có tướng hảo? Hướng chi Phật hiện ra cùng với thánh chúng, tức là chủ và bạn cùng hiện rõ ràng. Ấy là vì kinh kia dùng quán tưởng để thấy Phật, kinh này dùng trì danh để thấy Phật, nhân khác nhau, nhưng thấy Phật giống hệt nhau).

Nói điều này vô cùng hay! Nói hết sức rõ ràng! Trong kinh Vô Lượng Thọ đã giảng rất rõ ràng; kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà cùng thuộc về một bộ, chúng ta gọi là Đại Bản và Tiểu Bản. Đại Bản văn tự nhiều, nói rất tường tận, khiến chúng ta càng hiểu rõ cảnh giới của Tây

Phương. Trong kinh Đại Bồn nói rất rõ ràng, người niệm Phật thật sự tin tưởng, thật sự phát nguyện vãng sanh, khi lâm chung A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị. Không chỉ mình A Di Đà Phật đến, mà Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Hải Hội Chúng Bồ Tát đều đến đón tiếp quý vị. Đã đến đón tiếp, lẽ nào chẳng thấy thân Phật? Khi vãng sanh, quý vị sẽ chính mắt thấy Phật, Bồ Tát, theo các Ngài ra đi.

Quý vị phải hiểu: Thời đại hiện tại thật sự là một thời kỳ bất thường, chẳng phải là thời đại bình thường. Những dự ngôn của Tây phương và Đông phương đều nói thế giới này sắp xảy ra tai nạn to lớn. Tôi đến mỗi địa phương trên thế giới, [thấy] quả thật đều có điềm báo trước, điềm báo trước rất xấu! Chúng ta học Phật, học những pháp môn khác, hay thì hay đấy, nhưng chuyện xảy đến sẽ đối phó không kịp! Lần này tôi sang Mỹ, ở tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn của Mỹ mười ngày. Trước khi đi, có những đồng tu đem tình hình bên ấy kể với tôi: Các đồng tu ấy thành lập một đoàn thể Phật giáo mới được một năm, trong ấy có người học Thiên, có kẻ học Mật, lại còn có rất nhiều người học theo ngoại đạo, những người ấy đều tụ tập lại, họ muốn tôi đến đó giảng kinh dùng đặc biệt nhấn mạnh Tịnh Độ, mà phải chú ý mọi phương diện, như vậy thì mới có thể khế hợp căn cơ. Tôi nghe rồi gật đầu, đến nơi đó, tôi chuyên môn giảng Tịnh Độ, chuyện gì cũng chẳng kiêng kỵ. Tôi nói thẳng với họ: “Quý vị thích nghe thì nghe, không nghe, tôi cũng rất tôn trọng quý vị. Quý vị thích học điều gì thì học điều đó, nhưng tôi thừa cùng quý vị một câu thật thà: ‘Quý vị học gì, cũng đều chẳng thể thành tựu’. Tôi nói thật đấy, trừ pháp môn Niệm Phật ra, học gì cũng đều chẳng thể thành công”. Vì thế, tôi đến Washington DC mười ngày, giảng đại ý kinh Vô Lượng Thọ cho họ, giới thiệu pháp môn Niệm Phật. Họ nghe giảng mười ngày xong, rất nhiều người học Thiên, học Mật, học pháp ngoại đạo nói với tôi: “Nay chúng tôi chết sạch lòng mong ngóng, kiên quyết niệm Phật”. Tôi nói: “Rất tốt! Vậy là tôi đến đây không uổng công. Niệm Phật là khẩn yếu, khẩn yếu hơn bất cứ gì khác!”

Quán Kinh dạy chúng ta dùng phương pháp quán tưởng để thấy Phật, bộ kinh này không cần phải rắc rối như thế, chỉ yêu cầu quý vị chết sạch lòng mong ngóng, khư khư niệm một câu Phật hiệu, bèn có thể thấy Phật, dễ dàng hơn phương pháp được nói trong Quán Kinh rất nhiều! Quán Kinh giảng lý luận rất thấu triệt, nhưng trên thực tế, kinh Di Đà có hiệu quả cao hơn Quán Kinh. Vì sao nói “cao hơn Quán Kinh?” Trước kia, khi tôi đến Đài Trung học Phật, thầy Lý bảo tôi:

- Quán Kinh dùng phương pháp quán tưởng để thấy Phật, nhưng anh có hiểu Bát Nhã hay không? Trong Bát Nhã đã giảng rất rõ ràng: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Anh quán tưởng Phật thành tựu chẳng dễ dàng gì, sau đây, [khi đã quán thành rồi] lại phải gạt bỏ hình tượng ấy khỏi A Lại Da Thức thì Chân Như bản tánh của anh mới thanh tịnh. Lục Tổ nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Tượng Phật là một vật, nếu anh chẳng thể quét sạch sành sanh vật ấy, tâm bèn chẳng thanh tịnh.

Thầy Lý hỏi chúng tôi:

- Đến khi ấy, một câu Phật hiệu gạt bỏ dễ dàng, hay là gạt bỏ hình tượng Phật dễ dàng?

Chúng tôi suy nghĩ, gạt bỏ Phật hiệu dễ dàng, vì sao? Tánh của danh tự là Không, gạt bỏ dễ dàng, còn gạt bỏ hình tượng quá khó. Vì thế, thầy nói: “*Kinh này có hiệu quả thù thắng hơn Thập Lục Quán Kinh*”. Từ xưa đến nay, các vị tổ sư đại đức đề xướng kinh này rất có lý! Thực hiện dễ dàng, thành công cao! Nhất là trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: “*Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”; lẽ đâu chẳng thấy Phật?

(Sớ) Liệt Ứng giả, hoặc vị Quán Kinh ngôn Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, thử kinh bất thuyết, nghi thị Liệt Ứng, cố danh Tán Thiện.

(疏)劣應者，或謂觀經言佛身高六十萬億那由他恆河沙由旬，此經不說，疑是劣應，故名散善。

***(Sớ: “Liệt Ứng”:* Có kẻ bảo Quán Kinh nói thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, kinh này chẳng nói, nên ngờ [thân Phật trong kinh này] là Liệt Ứng, vì thế gọi là Tán Thiện).**

Đây là dẫn kinh làm chứng cứ để nêu ra nghi vấn. Nghi vấn này cũng rất hay, hỏi rất hay. Vì sao? Học Phật, quý vị phải nhớ, có nghi thì nhất định phải hỏi. Nếu có nghi hoặc mà chẳng hỏi, chẳng hiểu rõ, sẽ có chướng ngại. Tín tâm, nguyện lực, hạnh lực của quý vị đều bị giảm bớt, đây chính là “*đoạn nghi, sanh tín*” rất quan trọng, nhất định phải hỏi! Những câu hỏi giống như câu hỏi vừa được nêu ra này, có thể nói là những nghi vấn thông dụng, dường như mỗi người mới học Phật đều

chẳng tránh khỏi, nhất là khi đọc những kinh điển khác, bèn sanh nghi vấn đối với Tịnh Độ.

Như trong lần trước, chúng tôi đã nhắc đến lời khai thị trong Phật Thất của lão pháp sư Đàm Hư, có một vị hiệu trưởng thấy Quán Kinh nói “*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật), “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, đọc những đoạn kinh văn ấy, ông ta bèn hoài nghi, nói: “Di Đà đã là tự tánh Di Đà, ta cần gì phải niệm nữa! Chúng ta hằng ngày niệm Ngài để làm gì? Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ, ta cũng không cần vãng sanh, lẽ gì ta cứ phải cầu sanh?” Ông ta đem những nghi vấn ấy hỏi lão pháp sư Đàm Hư, cụ Đàm rất tán thán: “Ông hỏi rất hay!” Giải thích những vấn đề ấy chẳng dễ dàng! Làm thế nào để đoạn nghi sanh tín cho ông ta? Chúng tôi nghe lời phúc đáp của lão pháp sư Đàm Hư trong băng thâu âm, rất tuyệt, cao minh lắm! Quý vị hãy nghe đoạn đối thoại ấy, đúng là có học vấn. Sư chẳng giải thích cho ông ta, mà hỏi ngược lại: “Tôi hỏi ông, chính ông hãy khéo suy nghĩ, tự tánh Di Đà và Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có giới tuyền hay không? Giới tuyền rốt cuộc ở nơi đâu? Giới tuyền giữa duy tâm Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ lại ở nơi đâu?” Hỏi ngược lại ông ta như thế, vị hiệu trưởng ấy cũng rất lỗi lạc, ông ta nghe câu nói ấy, suy nghĩ cả nửa ngày, nói: “Con nghĩ chẳng thể tìm giới tuyền trong ấy được, không có giới tuyền!” Lão pháp sư nói: “Đã không có giới tuyền thì vẫn là cùng một cái tâm niệm Phật”. Như vậy thì ông ta mới tiếp nhận, quả thật không có giới tuyền! Ông ta có thể thấu hiểu điều này, ông ta trí huệ cao độ, đó gọi là “*ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”. Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ là cầu chứng tự tánh Tịnh Độ, đến Tây Phương thấy A Di Đà Phật chính là thấy tự tánh Di Đà.

Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh*”, chúng ta chẳng dễ gì làm được điều này trong một đời, nhưng người niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ làm được. Kinh Vô Lượng Thọ tặng cho chúng ta phương pháp niệm Phật, phương pháp ấy là “ngày đêm chẳng gián đoạn”, niệm Phật như thế mới có hiệu quả. Đả Phật Thất, bảy ngày bảy đêm, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi thì mới niệm thành tựu! Thành tựu gì vậy? Thành tựu ở mức độ cao là nhất tâm bất loạn, thành tựu ở mức độ thấp là công phu thành phiền. Kinh đã nói rất rõ ràng, tu hành đúng pháp, chiếu theo lý luận và phương pháp trong kinh này để tu hành. Trong một đời này, nếu quý vị từng tu được một ngày, khi lâm chung A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Nếu trong một đời này, quý vị chẳng tu tập ngày nào, chẳng

có cách nào hết! Mỗi ngày là hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, niệm Phật, tưởng Phật, nhất quyết đừng nên nghĩ gì khác, khởi vọng tưởng là không được. Vì thế, trong Phật Thất có Hộ Thất Sư tốt lành đại từ đại bi giúp cho quý vị thành tựu, chăm sóc sự ăn ở của quý vị, khiến cho quý vị thân lẫn tâm đều buông xuống hết thảy, hãy khéo niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu.

Niệm Phật chỉ có bốn chữ. Nói nghiêm ngặt, trong Niệm Phật Đường chỉ có bốn chữ A Di Đà Phật, niệm suốt năm, mỗi ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, một năm ba trăm sáu mươi ngày, một câu Phật hiệu nhất định chẳng để gián đoạn. Trong ấy không có nghi thức gì cả, niệm một bộ kinh Di Đà, xướng bài kệ Tán Phật, đều gọi là thêm thắt, đều gọi là xen tạp. Như vậy thì mới thật sự có hiệu quả. Có người nào làm như vậy hay không? Thưa quý vị, thật sự có, nhưng rất ít, tôi đã từng thấy, đó là người niệm Phật thật sự! Niệm rất có hiệu quả, rất có thành tựu. Sự thành tựu ấy giống hệt như trong kinh đã nói, chân thật, chẳng dối! Vì thế, học Phật chẳng thể không nghiên cứu kinh luận, chẳng thể không liễu giải. Nếu không, hằng ngày vẫn là “tu mù, luyện đui”, chẳng thể hàng phục phiền não, tâm chẳng đạt được thanh tịnh, công phu chẳng đắc lực, đó gọi là nghiệp chướng. Tiếp theo đây là lời giải thích, hãy xem rốt cuộc có phải là Tán Thiện hay không!

(Sớ) Nhiên Đại Bản vân.

(疏) 然大本云。

(Sớ: Nhưng kinh Đại Bản nói).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ.

(Sớ) Nhĩ thời, A Di Đà Phật, phóng đại quang minh, phổ chiếu nhất thiết thế giới. A Nan kiến Phật, dung thể nguy nguy, như hoàng kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng, tác Quán Kinh sở thuyết do nhất thế giới, kim ngôn nhất thiết thế giới, tác cánh vi cao đại, hà tác ngôn Liệt?

(疏) 爾時阿彌陀佛，放大光明，普照一切世界，阿

難見佛，容體巍巍，如黃金山，高出一切諸世界上。則觀經所說，猶一世界，今言一切世界，則更為高大，何得言劣？

(Sớ: “Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật phóng đại quang minh, chiếu trọi khắp hết thấy các thế giới. A Nan thấy thân Phật vòi vọi như quả núi vàng, cao vượt trời hết thấy các thế giới”. Như vậy thì [thân Phật như trong] Quán Kinh nói chỉ như một thế giới, nay kinh này nói hết thấy các thế giới, càng cao rộng hơn, lẽ nào bảo là Liệt Ứng Thân?)

Kinh Vô Lượng Thọ do ngài A Nan khai thỉnh, Thích Ca Mâu Ni Phật có một hôm thị hiện tướng hảo đặc biệt, tinh thần rạng rỡ, oai nghi, khí độ thù thắng hơn lúc bình thường, ngài A Nan thấy vậy, bèn nói: “Hôm nay tướng đức Phật đẹp đẽ, rạng rỡ, trước nay con chưa từng được thấy, vì sao đẹp đẽ dường ấy? Có phải là lão nhân gia nghĩ đến quá khứ Phật? Hay là nghĩ đến chư Phật trong hiện tại hoặc vị lai?” Khai thỉnh, thưa hỏi Phật như vậy. Dụng ý khai thỉnh hết sức sâu xa, Ngài chẳng nói đến nguyên nhân nào khác, mà nói tới niệm Phật. Nói cách khác, ngầm chỉ sự thù thắng của pháp môn Niệm Phật. Quý vị niệm Phật, tâm là Phật, thân là Phật, dung mạo là Phật! Tục ngữ thường nói: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Người niệm Phật lẽ đâu chẳng có tướng tốt như Phật? Quý vị muốn có tướng hảo, hãy niệm Phật. Ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng niệm Phật; khi niệm Phật, tướng của Ngài đặc biệt tốt đẹp hơn bình thường. A Nan hỏi, đức Phật liền đáp. Ngài nói đúng là niệm Phật, niệm vị Phật nào? Ngài niệm A Di Đà Phật; vì thế, giảng cho A Nan kinh Vô Lượng Thọ nhằm giới thiệu A Di Đà Phật.

Kinh nói: Sau khi giới thiệu xong, Ngài lại hỏi A Nan có muốn thấy A Di Đà Phật hay không? A Nan thưa: “Đương nhiên con muốn thấy!” Đức Phật bèn dạy: “Ông nên chấp tay hướng về phương Tây, cung kính đánh lễ, xưng niệm A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật liền hiện thân, thân Phật cao vượt trời hết thấy các thế giới. Sau khi ngài A Nan đã thấy A Di Đà Phật, liền phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị biết: [Tổ sư] Thiên Tông đời thứ nhất là Ma Ha Ca Diếp, Thích Ca Mâu Ni Phật cầm cành hoa giơ lên, mỉm cười, truyền pháp cho Ma Ha Ca Diếp, Ca Diếp truyền cho A Nan. A Nan là tổ sư Thiên Tông đời thứ hai, phát nguyện vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ! Vì thế, kẻ học Thiên mà hủy báng Tịnh Độ là chẳng tôn kính tổ sư của chính hắn, ý vị ở đây rất sâu

đậm. Đây là người hỏi dẫn kinh, người đáp cũng viện dẫn kinh, nhất định chớ nên hiểu lầm chỗ này.

(Sớ) Hựu Đại Bản vân: A Di Đà Phật đạo tràng bảo thụ, thuần dĩ chúng bảo, tự nhiên hợp thành, tức phi mộc Bồ Đề thụ hạ chi thân, hà đắc ngôn Liệt?

(疏)又大本言：阿彌陀佛道場寶樹，純以眾寶，自然合成。則非木菩提樹下之身，何得言劣？

(Sớ: Lại nữa, kinh Đại Bản nói cây báu nơi đạo tràng của Phật thuần bằng các chất báu tự nhiên hợp thành, nên thân Phật [trong cõi Cực Lạc] chẳng phải là thân dưới cội cây Bồ Đề bằng gỗ, làm sao bảo là Liệt Ứng Thân cho được?)

Lời đáp này càng cao minh hơn nữa. Vì chúng ta nói đến Liệt Ứng Thân là nói về Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới này. Ngàn vạn phần đừng hiểu lầm trong tương lai chúng ta thấy A Di Đà Phật thì thân tướng của A Di Đà Phật chẳng khác thân Thích Ca Mâu Ni Phật cho mấy! Lầm rồi! Vì sao? A Di Đà Phật chẳng đến thế giới này, chúng ta thấy A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương. Thế giới Tây Phương khác thế giới của chúng ta, người bên ấy phước báo to lớn, cho nên thân tướng cao lớn, tướng hảo cũng thù thắng, chắc chắn chẳng giống con người chúng ta ở nơi đây. Nếu quý vị đọc kỹ bốn mươi tám nguyện sẽ hiểu rõ. Bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát ra trong khi tu nhân, mà cũng nhằm nói rõ tình hình quốc độ và nhân dân nơi thế giới ấy trong tương lai khi Ngài thành Phật. Chẳng thỏa nguyện ấy, Ngài sẽ chẳng thành Phật. Hiện thời, Ngài đã thành Phật; đủ thấy lý tưởng, nguyện vọng của Ngài thứ gì cũng đều viên mãn. Thế giới của Ngài rất đặc biệt, điều thứ nhất là trong thế giới ấy không có ba ác đạo. Thế giới Cực Lạc chỉ có hai đường trời và người, còn Tu La, ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh đều chẳng có! Điều thứ hai, lòng người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thanh tịnh, không có tham, sân, si, mạn, không có ác nhân, đương nhiên chẳng có ác quả; nhân và quả đều thù thắng!

Bên ấy cũng là tinh cầu, nhưng tinh cầu ấy to hơn tinh cầu của chúng ta quá nhiều, tinh cầu của chúng ta quá nhỏ, thế giới Cực Lạc lớn hơn thế giới của chúng ta quá nhiều. Hoàn cảnh là y báo, trong Phật pháp thường nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Chúng sanh có

phước, hoàn cảnh cũng chuyên biến theo. Trong thế giới Cực Lạc, phước báo của Phật và chúng sanh to lớn, nên hoàn cảnh chẳng có bụi đất. Mặt đất nơi chúng ta là đất cát, còn đất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là lưu ly, đó là ngọc Phi Thúy, tức một loại ngọc có màu xanh lá cây, trên đất lưu ly là đường sá lót bằng vàng. Kinh Kim Cang nói: “*Phật thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả*” (Phật là bậc nói lời chân chánh, nói thật, nói đúng như sự thật không thêm bớt). Cối ấy như thế nào, đức Phật bèn thuật lại đúng như thế đó. Cây cối bên ấy cũng cao lớn, cây chẳng phải bằng gỗ, mà do bảy báu hợp thành. Rễ cây, thân cây và cành cây đều bằng vô lượng báu. Nói “*bảy báu*” thì thông thường dùng số bảy làm con số đại diện cho sự viên mãn. Bảy là viên mãn; vì thế, [cối ấy] do vô lượng vô biên trân bảo hợp thành. Chẳng phải là “*mộc Bồ Đề thụ hạ*” (dưới cối Bồ Đề bằng gỗ), Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật dưới cối Bồ Đề, đó là cây bằng chất gỗ, chẳng phải là cây báu! Đây là chỗ khác biệt. Vì thế, quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật chắc chắn chẳng phải là Liệt Ứng Thân.

(Sớ) Hựu Quán Kinh vân: Bỉ Phật hoặc hiện tượng lục, bát xích, hoặc hiện đại thân, mãn hư không trung, tức tùy cơ sở kiến, đại tiểu vô định, cố cổ vị: “Tức Liệt, tức Thắng, sanh pháp bất nhị”. Nhi huống kim kinh bất xuất đại tiểu, hà đắc định chỉ vị Liệt?

(疏) 又觀經云：彼佛或現丈六八尺，或現大身，滿虛空中，則隨機所見，大小無定，故古謂即劣即勝，生法不二。而況今經，不出大小，何得定指為劣。

(Sớ: Lại nữa, Quán Kinh nói: Đức Phật ấy hoặc hiện thân cao một tượng sáu, tám thước, hoặc hiện thân to đầy khắp hư không, như vậy là tùy theo căn cơ mà thấy [thân Phật] lớn hay nhỏ không nhất định. Vì thế, cổ đức bảo: “Liệt Ứng Thân chính là Thắng Ứng Thân, Thắng Ứng Thân chính là Liệt Ứng Thân, sanh thân (Hóa Thân) và Pháp Thân chẳng hai”. Huống chi kinh này chẳng nói thân Phật là lớn hay nhỏ, lẽ nào quyết đoán kinh này nói Liệt Ứng Thân cho được?)

Trong Quán Kinh nói A Di Đà Phật hiện thân tượng sáu, hoặc hiện thân cao tám thước. Tám thước là chiều cao của người bình thường như chúng ta; thân tượng sáu nói chung là cao gấp đôi chúng ta. “*Hoặc hiện đại thân, mãn hư không trung*” (hoặc hiện thân to đầy khắp hư

không), thân tướng ấy rất lớn, thường nói là “trăm ngàn do-tuần”. Do đây có thể biết: Thân tướng của Phật lớn hay nhỏ không nhất định, mỗi người trông thấy khác nhau. Chẳng phải chỉ như thế, thế gian này của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Năm trước tôi giảng kinh bên Hương Cảng, gặp pháp sư Thánh Nhất. Pháp sư Thánh Nhất bảo tôi: Ngài từng tới triều bái Phổ Đà Sơn vào năm 1982. Đoàn của Ngài gồm ba người, đến Phạm Âm Động lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu Quán Thế Âm Bồ Tát hiện hình tượng cho họ thấy. Lễ bái hơn một tiếng đồng hồ, Bồ Tát hiện thân, ba người đều thấy, thời gian hiện thân rất lâu, gần đến nửa tiếng đồng hồ, nhưng ba người ấy kể lại những gì mình thấy khác hẳn nhau. Pháp sư Thánh Nhất thấy thân sắc vàng, tức là thân bằng vàng đội mũ Tỳ Lô⁶⁵, là tướng nam nhân, tay cầm cuốn sách đứng trên hoa sen. Vị cư sĩ kia thấy Ngài có hình tướng người xuất gia. Ba người họ thấy thân tướng của Bồ Tát khác nhau, quả thật là “*thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ*”, chẳng sai! Tâm quý vị thanh tịnh trang nghiêm, thấy tướng khác hẳn. Trong tương lai, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi một người thấy A Di Đà Phật, thấy Quán Thế Âm Bồ Tát khác nhau, đều không giống nhau. Hiện thời, khéo tu hành, tương lai sẽ thấy tướng Phật thù thắng trang nghiêm.

Cổ nhân nói: “*Tức Liệt, tức Thắng, sanh pháp bất nhị*”. Liệt là sanh thân (Ứng Hóa Thân), Thắng là Pháp Thân. Hai thân này chính là lẫn nhau, không hai. Nói cách khác, thân tướng của Phật từ Pháp Thân của Phật biến hóa ra. Hóa Thân và Pháp Thân là một, không hai. Là hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm bèn thanh tịnh. Học Phật, đặc biệt là tu Tịnh Độ, nhất là mong thành tựu trong một đời này, mọi người phải nhớ kỹ lời giáo huấn của Lục Tổ đại sư: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến tha nhân quá*” (nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác). Chúng ta học Phật nhằm mục đích gì? Tu tâm địa thanh tịnh.

⁶⁵ Đây là loại mũ có thêu thùa rất đẹp, chỉ dành cho vị pháp sư chủ pháp đội trong các pháp hội đặc biệt như Diệm Khẩu hoặc Thủy Lục, mô phỏng hình đóa sen nở, chính giữa có trụ giống như một cái tháp nhỏ, đó là nơi chân thân Tỳ Lô Giá Na Phật ngự nên gọi là mũ Tỳ Lô. Thông thường trong pháp hội của Trung Hoa, vị chủ pháp sau khi đã lên pháp tọa, lễ thỉnh, kết ấn, gia trì triệu thỉnh, rồi mới đội mũ lên, cung thỉnh Tam Bảo rồi mới khoác thêm hình Ngũ Phật lên mũ, chứ không đội ngay từ đầu như trong các pháp hội Trai Đàn Chấn Tế của người Việt. Sau khi hoàn tất nghi lễ thi thực, bèn tháo mũ ra, đặt lên án, trước khi bước xuống pháp tòa, hồi hướng, lễ Tam Quy, chứ không đội mũ về liêu phòng hay trai đường.

Trong thời đại hiện tại, cuộc sống khẩn trương, áp lực trăm trọng, công việc bận bịu, chúng ta dùng phương pháp và thái độ nào để học Phật? Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, đã nêu một tấm gương tốt cho chúng ta. Đãi người tiếp vật “ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động”, sẽ niệm một câu Phật hiệu tốt đẹp, niệm Phật hiệu đặc lực. Ngoài chấp tướng, trong động tâm, dầu niệm Phật hiệu tốt đẹp, mỗi ngày niệm đến mười vạn câu, cổ nhân bảo là “*phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấu*” (gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng thấm), quý vị vẫn chẳng thể vãng sanh! Vì sao? Niệm Phật hiệu nhiều, nhưng không có hiệu quả, chẳng đặc lực. Niệm Phật để cầu gì? Cầu nhất tâm bất loạn. Quý vị là nhị tâm, tam tâm, thất sắc, nghe tiếng, tâm luôn loạn thì làm thế nào được nữa? Niệm dầu nhiều cũng chẳng được!

Do vậy, phải nhớ: Quý vị tu nhất tâm bất loạn, ta tu cái tâm thanh tịnh. Nói chung phải ghi nhớ: Tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh. Tiếp xúc xã hội bên ngoài, người và sự việc từ bên ngoài ồ ạt kéo đến quấy nhiễu, đối với chúng ta mà nói thì [những điều ấy] đã ban cho chúng ta một ân huệ rất lớn, vì sao? Trong cảnh giới ấy, chúng ta thời thời khắc khắc khảo nghiệm xem công phu của chính mình đã đặc lực hay chưa. Ta thấy, nghe, trong tâm sanh phiền não, [tức là] công phu của ta chưa đặc lực. [Những người đến quấy nhiễu ta] là Bồ Tát, là thầy của ta, họ đến bảo ta: “Người chưa được! Công phu chưa đặc lực!” Quý vị đối diện người và việc chẳng chấp tướng, chẳng động tâm, rất thanh tịnh, họ bèn bảo quý vị: “Công phu của người đã đặc lực”. Đó gọi là “*lịch sự luyện tâm*” (trải qua sự việc để luyện tâm), rèn luyện cái tâm thanh tịnh và bình đẳng của chính mình trong quan hệ với con người và sự việc thì mới có thể viên thành Phật đạo. Lìa khỏi con người và sự việc, quý vị đến nơi đâu để tu? Chẳng có chỗ nào để tu cả! Do vậy, tu hành nhất định phải hiểu rõ đạo lý này! Nếu quý vị nói là tách rời những mối quan hệ bất như ý với con người, quý vị đâu có phước báo lớn như vậy? Ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng làm được! Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, bên ngoài có Đề Bà Đạt Đa, bên trong có Lục Quân tỳ-kheo⁶⁶, trong số các đồ đệ của Ngài có không ít kẻ chẳng vâng lời, khuấy

⁶⁶ Lục Quân Tỳ Kheo là sáu tỳ-kheo đệ tử Phật thường kéo bè kéo phái làm chuyện phi pháp, trái nghịch oai nghi nên gọi là Lục Quân (sáu người họp thành bầy), nhằm mục đích tạo duyên cho đức Phật chế giới. Các bộ luật cho biết tên họ là Nan Đà, Bạt Nan Đà, Ca Lưu Đà Di, Xiển Na, Mã Tú và Mãn Túc. Sách Tát Bà Sa Tỳ Ni Tỳ Bà Sa cho biết: “Trong số Lục Quân tỳ-kheo, hai người đặc Lậu Tận nhập Vô Dư

động sóng gió! Ngay cả lúc Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế, suốt đời hoằng pháp lợi sanh mà còn chẳng thể có được một ngày thanh tịnh! Quý vị mong có một ngày thanh tịnh thì phước báo phải nhiều đến đâu? Chúng ta chẳng thể không giác ngộ!

Quán Kinh nói Thăng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân, nói thấy tướng có lớn và nhỏ. Kinh Di Đà chẳng nói. Không nói thì quý vị chắc chắn chẳng thể tự mình nhận định A Di Đà Phật hiện tướng Liệt Ứng Thân, quý vị nghĩ trật lất mất rồi!

(Sớ) Hoa cục xa luân giả.

(疏) 華局車輪者。

(Sớ: Hoa chỉ hạn cuộc to bằng bánh xe).

“Cục” là hạn cuộc, kinh này nói hoa sen trong ao bảy báu to bằng bánh xe.

(Sớ) Hoặc vị Quán Kinh hoa đại thập nhị do-tuần, thử kinh xa luân, hoa cục ư tiểu, cố danh tán thiện.

(疏) 或謂觀經華大十二由旬，此經車輪，華局於小，故名散善。

(Sớ: Hoặc có kẻ nói: Theo Quán Kinh, hoa sen to mười hai do-tuần, kinh này nói hoa sen to bằng bánh xe, kích thước hạn cuộc nhỏ nhoi, nên nói kinh này là Tán Thiện).

Đây cũng là hiểu lầm, quả thật hoa sen trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới có lớn, có nhỏ.

Niết Bàn là Ca Lưu Đà Di và Xiển Na, hai người sanh lên cõi trời là Nan Đồ và Bạt Nan Đà. Hai người đọa làm rồng là Mã Tú và Mãn Túc.... Hai người thông hiểu tinh tú vận hành là Nan Đồ và Bạt Nan Đà, hai người tinh thông nghệ thuật bắn cung là Ca Lưu Đà Di và Xiển Na, hai người thông thạo âm nhạc và kịch nghệ là Mã Tú và Mãn Túc”. Tùy theo cách dịch nghĩa phiên âm mà danh hiệu các vị này có sai khác, chẳng hạn Tăng Kỳ Luật ghi tên họ là Nan Đà, Ca Lưu Đà Di, Tam Văn Đạt Đa, Ma Hê Sa Đạt Đa, Mã Sư, Mãn Túc; Tỳ Nại Da Luật ghi là Xiển Đà, Ô Ba Nan Đà, A Thuyết Tha, Bồ Nại Bà Tổ Ca, Xiển Đà, Ô Đà Di (theo cách phiên âm này thì hai vị có tên là Nanda và Chanda cùng được phiên thành Xiển Đà, có lẽ là lỗi chép sai khi sao lục).

(Sớ) Bất tri xa luân chi nghĩa, đại tiểu vô định, Đại Bản xa luân đại chí bách thiên do-tuần, hà chỉ thập nhị, tường như hậu văn trung biện.

(疏) 不知車輪之義，大小無定，大本車輪大至百千由旬，何止十二，詳如後文中辯。

(Sớ: Chẳng biết ý nghĩa của “bánh xe” là lớn hay nhỏ không nhất định. “Bánh xe” trong kinh Đại Bản to đến trăm ngàn do-tuần, đâu phải chỉ mười hai do-tuần. Điều này sẽ được biện định cặn kẽ trong phần kinh văn ở phía sau).

Đại Kinh cho biết hoa sen nhỏ là một do-tuần, lớn là trăm ngàn do-tuần. Chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen là chỗ để ta sanh vào, sống trong đó, chỗ ta tu hành đều ở trong hoa sen. Trong hoa sen có phải là chốn tịch mịch hay chẳng? Không! A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, hải hội chúng Bồ Tát, ở trong hoa sen quý vị đều thấy hết. Trong hoa sen thấy Ứng Thân của A Di Đà Phật và các thánh chúng, hoa chưa nở mà! Vì thế, trong hoa sen và ngoài hoa sen gần như chẳng khác gì nhau. Một do-tuần là tám mươi dặm. Ngay cả hoàng cung đời Thanh cũng chưa to đến tám mươi dặm, đây là cái hoa sen nhỏ nhất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Hạ Phẩm Hạ Sanh đó nghe! Thượng Phẩm Thượng Sanh là trăm ngàn do-tuần, thừa quý vị, lớn hơn địa cầu của chúng ta nhiều lắm. Địa cầu bỏ vào trong hoa sen ấy như một trái banh da, quý vị nghĩ xem hoa sen bao lớn?

Vì sao hoa sen có lớn nhỏ? Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Chúng sanh trong mười phương thế giới phát tâm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã phát tâm ấy, có nguyện ấy, trong ao bảy báu nơi Tây Phương thế giới liền trở một đóa sen, mọc lên búp sen nhỏ, hoa ấy có ghi tên họ của quý vị. Trong tương lai, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, sẽ cầm theo hoa sen ấy để tiếp dẫn. Quý vị niệm Phật rất siêng, hoa sen ấy sẽ càng tăng trưởng, hoa lớn hay nhỏ do công phu niệm Phật siêng hay lười. Người niệm Phật giỏi giang, hoa sen sẽ to lớn, ánh sáng và màu sắc đẹp đẽ. Vì thế, nhất định phải niệm Phật, phải niệm hằng ngày, niệm Phật chớ nên gián đoạn! Để làm gì? Vun bồi hoa sen trong ao bảy báu, quý vị vun trồng hoa sen. Người công phu tốt đẹp, tương lai ở trong thế giới Tây Phương, hoa sen có thể trụ trong không trung. Người công phu kém hơn, hoa sen cũng có thể trở thành công cụ

giao thông để bay đi, nhưng hễ ngừng lại, nhất định bị rơi xuống đất, chẳng thể thường ở trên hư không. Vì thế, hoa sen lớn hay nhỏ không nhất định, chẳng thể câu nệ hoa sen chỉ to bằng bánh xe!

(Sớ) Ngũ Nghịch bất sanh giả, hoặc vị Quán Kinh ngôn Ngũ Nghịch đắc sanh, Đại Bản “duy trừ Ngũ Nghịch”, tắc tế độ công hiệp, cổ danh Tán Thiện. Bất tri “duy trừ Ngũ Nghịch” hạ, hữu “phỉ báng chánh pháp” tứ tự. Ngũ Nghịch nhi kiêm báng pháp, nãi tại sở trừ. Tuy cụ Ngũ Nghịch, bất báng pháp giả, vị tất bất sanh dã.

(疏) 五逆不生者，或謂觀經言五逆得生，大本唯除五逆，則濟度功狹，故名散善。不知唯除五逆下，有誹謗正法四字，五逆而兼謗法，乃在所除，雖具五逆，不謗法者，未必不生也。

(Sớ: “Ngũ Nghịch chẳng được vãng sanh”: Có kẻ bảo Quán Kinh nói Ngũ Nghịch được vãng sanh, Đại Bản nói “chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch”, như vậy là công năng tế độ của [Đại Bản và Tiểu Bản Di Đà] hẹp hòi, nên gọi là Tán Thiện. Kẻ ấy chẳng biết dưới câu “chỉ trừ Ngũ Nghịch”, còn có bốn chữ “phỉ báng chánh pháp”. Kẻ đã phạm tội Ngũ Nghịch, lại còn hủy báng chánh pháp, bèn bị gạt ra; chứ kẻ tuy phạm đủ Ngũ Nghịch, nhưng chẳng hủy báng chánh pháp, chưa chắc đã không được vãng sanh).

Lời đáp này quá hay! Đích xác đã giải trừ một môi nghi hoặc to lớn cho chúng ta. Con người hiện thời rất dễ phạm tội Ngũ Nghịch, quả báo của tội Ngũ Nghịch là trong địa ngục. Ngũ Nghịch là năm tội gì vậy? Kinh Địa Tạng đã nói rất rõ ràng: Thứ nhất là giết cha, thứ hai là giết mẹ, thứ ba là giết A La Hán, thứ tư là làm thân Phật chảy máu, thứ năm là phá hòa hợp Tăng. Giết cha mẹ: Cha mẹ có ân đức lớn nhất đối với chúng ta, ân dưỡng dục! Bất hiếu đã là đại nghịch bất đạo; giết hại cha mẹ trời đất chẳng thể dung! Do tội nghiệp ấy, sẽ đọa địa ngục. A La Hán là mắt của trời người, là bậc thiện nhân tại một địa phương. Tại địa phương có bậc đại thiện nhân ấy, người khác nhất định được hưởng sự giáo hóa ngấm ngấm, Ngài có công đức dạy người khác đoạn ác tu thiện. Ngài cũng là một vị thầy tốt, có thể giáo hóa một vùng, là thiện tri thức

của mọi người trong một phương. Quý vị giết hại Ngài, khiến cho người nơi ấy thiếu phước, cho nên tội lỗi ấy rất to!

Làm thân Phật chảy máu: Phật là bậc đạo sư của tam giới, Phật là đấng đại phước báo, không ai có thể hại Phật, nhưng có thể làm cho Phật bị thương một chút, chảy máu đôi chút, làm như vậy thì có thể, chứ chẳng thể nào hại chết Phật được. Thần hộ pháp của Phật quá nhiều. Điều này có nghĩa là: Dùng ác tâm ác ý đối với Phật, tội rất nặng! Hiện thời, Phật chẳng trụ thế, chúng ta do ác tâm, ác ý hủy hoại tượng Phật, giống như làm thân Phật chảy máu. Vì thế, đối với điều này, đại khái là các đồng tu học Phật sẽ không phạm. Kẻ chẳng học Phật, nhất là những kẻ tin tưởng các tôn giáo khác bài xích Phật giáo sẽ có khả năng phạm tội này. Họ do cái tâm chán ghét mà phá hoại tượng Phật, thiêu hủy kinh điển của Phật giáo, có thể có những chuyện như vậy, đó là phạm tội Ngũ Nghịch. Các đồng tu học Phật dễ phạm nhất là phá hòa hợp Tăng. Phá hòa hợp Tăng là phá hoại Tăng đoàn, nói những điều đúng, sai, ưu điểm, khuyết điểm; tuy phạm những tội nghiệp như thế, những tội nghiệp ấy cũng rất nặng, nhưng chẳng phải là cực nặng. Vì sao chẳng phải là cực nặng? Vì trong hiện thời chẳng có Tăng đoàn thật sự hòa hợp. Tuy Tăng đoàn hữu danh vô thực, chúng ta cũng chớ nên phá hoại, vì đối với việc hoằng dương Phật giáo, ít nhiều gì họ cũng có công đức!

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” (chỉ trừ kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp [thì không thể vãng sanh]). Kẻ phi báng chánh pháp sẽ chẳng thể tiếp nhận [pháp môn Tịnh Độ], không có cách nào hết! Câu này có nghĩa là: Dầu cho quý vị tạo tội Ngũ Nghịch, mà vẫn có thể tin tưởng và tiếp nhận pháp môn này, tin tưởng Tây Phương có A Di Đà Phật, quý vị chịu niệm Phật, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây là quý vị chẳng phi báng chánh pháp. Đây là đặc biệt nói theo bộ kinh này. Nếu quý vị chẳng tin tưởng pháp môn này, tin theo các tông khác, hoặc pháp môn khác, trong một đời này, quý vị vẫn chẳng thể đắc độ, chẳng thể vãng sanh. Quý vị tin bất cứ một tông phái hay bất cứ một pháp môn nào khác đều không được, nhất định phải tin tưởng pháp môn này, phải tin Tây phương quả thật có thế giới Cực Lạc, trong thế giới Cực Lạc quả thật có một vị giáo chủ, tức là có một vị đạo sư hiệu là A Di Đà Phật. Quý vị thật sự tin tưởng, thật sự chịu sanh về đó, dầu tạo tội Ngũ Nghịch, vẫn có thể vãng sanh. Mang ý nghĩa này! Nếu đã tạo tội Ngũ Nghịch, lại còn chẳng tin tưởng pháp môn này, chẳng có cách nào hết! A Di Đà Phật chẳng giúp

đỡ được, ý nghĩa là như vậy đó! Đây là nói theo Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Kinh.

Dùng phương pháp nào? Quán Kinh nói quán tưởng, Hạ Phẩm Hạ Sanh chẳng quán tưởng mà niệm Phật. Trì danh niệm Phật được Quán Kinh nêu ra trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh; nay chúng ta dùng phương pháp trì danh này, có phải là trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là Hạ Phẩm Hạ Sanh u? Nếu quý vị nghĩ như vậy thì lại làm mất rồi! Quý vị phải biết: Phương pháp trì danh mà nhiệm đến tột cùng, thực hiện dễ, thành công cao! Một câu Phật hiệu có thể viên chứng Vô Thượng Bồ Đề, từ Sơ Phát Tâm mãi cho đến khi thành Phật, chẳng cần phải thay đổi, chẳng cần bất cứ gì giúp thêm, chẳng cần tới! Một câu Phật hiệu là được rồi! Trước tiên, chúng ta phải niệm Phật đến mức công phu thành phiền, tiến hơn bước nữa là Sự nhất tâm bất loạn, lại niệm đến Lý nhất tâm, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Niệm một câu Phật hiệu, chư Phật hộ niệm, thần hộ pháp bảo vệ, hết thầy quỷ thần chẳng dám đến gần bên thân quý vị. Đầu thời Dân Quốc, cư sĩ Đinh Phước Bảo có ghi lại một câu chuyện, đây là chuyện có thật. Có hai người là bạn bè thân thiết, cùng đi ra ngoài, có một người chết trên đường đi, một người trở về. Sau khi trở về bèn báo tin cho gia quyến của người kia biết, vợ ông ta ngờ vị bằng hữu ấy hại chết chồng mình. Mỗi nghi ấy từ đầu đến cuối không thể tháo gỡ được! Sau khi chồng bà ta chết đi, hồn ma rất thiêng, vẫn thường tìm đến người bạn trò chuyện, ông ta nói: “Người nhà tôi nghi ngờ ông, ông hãy dẫn vợ tôi đến đây, tôi sẽ giải thích trước mặt bà ấy hòng có thể tiêu trừ nỗi hoài nghi ấy”. Ông ta nghe xong câu ấy, bèn niệm một tiếng A Di Đà Phật. Ông niệm A Di Đà Phật một tiếng, hồn ma ấy kêu lên: “Ông đừng có niệm! Khi ông niệm, thân ông phóng quang, tôi bứt rứt chịu không thấu!” Ông ta nghe xong, niệm mấy tiếng nữa, hồn ma bèn bỏ chạy. Do vậy, ông ta hiểu: Ông ta cũng chẳng cần phải giải thích cho vợ ông kia nữa. Từ đây về sau, ông ta xuất gia, nhất tâm niệm A Di Đà Phật. Ông ta mới biết một câu A Di Đà Phật có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn như thế. Vị bằng hữu kia chẳng phải là ác quỷ, niệm mấy câu A Di Đà Phật mà ông ta chẳng dám léo hánh, chẳng dám đến gần, phải tránh đi, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn!

Phải hiểu rõ “*Ngũ Nghịch chẳng vãng sanh*” là do duyên cớ nào, tuyệt đối đừng nói những điều giảng trong kinh này chẳng bằng Quán Kinh, cách nghĩ như vậy là sai lầm. Liên Trì đại sư nói rất hay: Dẫu

phạm đủ Ngũ Nghịch, nhưng chẳng báng pháp, chưa chắc đã không vãng sanh!

(Sớ) *Lương diêu báng tức bất tín, bất tín bất sanh, cố sở vị: “Nghĩ tức hoa bất khai”, thị dã.*

(疏)良繇謗則不信，不信不生，故所謂疑則華不開是也。

(Sớ: Ấy là vì: Hễ phỉ báng tức là không tin, do không tin nên chẳng vãng sanh, cho nên nói “hễ nghi thì hoa sen chẳng nở”, chính là nói về điều này).

Vì thế, quyết định chớ nên hoài nghi! Bí quyết của pháp môn này là có tín tâm kiên định, có nguyện lực chân chánh. Tin thật, nguyện thiết, thái độ trì danh niệm Phật là chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, cách tu là như vậy. Trong một đời này, chúng ta quyết định được vãng sanh, không một ai chẳng được vãng sanh. Cổ đức nói: “*Vạn người tu, vạn người đến*”. Hôm nay thời gian đã hết rồi!

Tập 76

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm mười chín:

(Sớ) Hựu Quán Kinh Hạ Hạ Phẩm Ngũ Nghịch văn trung, vị kỳ nhân thập thanh xưng danh, tội đắc vãng sanh, tắc quán tưởng vị thành, duy tư thập niệm, Ngũ Nghịch chi sanh, chánh xưng danh đắc sanh nhĩ.

(疏)又觀經下下品五逆文中，謂其人十聲稱名，遂得往生，則觀想未成，唯資十念，五逆之生，正稱名得生耳

(Sớ: Lại nữa, trong kinh văn nói về Ngũ Nghịch trong phần Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh, có nói: “Người ấy xưng danh mười tiếng bèn được vãng sanh”, tức là quán tưởng chưa thành, chỉ nhờ vào mười niệm, Ngũ Nghịch vãng sanh chính là do xưng danh mà được vãng sanh vậy).

Đây là tháo gỡ [kiến chấp] do thấy kẻ tạo tội Ngũ Nghịch chẳng thể vãng sanh bèn hiểu lầm “trì danh niệm Phật là Tán Thiện, chẳng phải là Định Thiện”. Chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh đã ban cho người tu Tịnh Độ chúng ta một khái thị rất lớn, vì phương pháp được giảng trong Quán Kinh hoàn toàn là quán tưởng, nhìn từ chương kinh này, ta có thể thấy: Hoàn toàn chưa quán tưởng thành công, thậm chí có thể nói là kẻ ấy chẳng dùng đến công phu quán tưởng, mà dùng công phu nào? Dùng công phu niệm Phật! Hơn nữa, thời gian niệm Phật không lâu. Lâm chung mười niệm bèn có thể vãng sanh. Do vậy, Trì Danh Niệm Phật và pháp môn được giảng trong Quán Kinh chẳng khác nhau. Cũng có thể nói: Lý luận của pháp môn Trì Danh Niệm Phật dựa trên Quán Kinh, ta cũng có thể nói theo cách ấy. Vì thế, ba kinh thật sự là một, một mà ba, ba nhưng một.

Thế nhưng tội Ngũ Nghịch, khi lâm chung nhất định phải có nhân duyên thù thắng. Chuyện khẩn yếu đầu tiên là khi lâm chung phải sáng suốt! Nếu lúc lâm chung hôn mê, điên đảo, thậm chí chẳng nhận biết người nhà, quyến thuộc, đó là chuyện phiền phức! Dầu có duyên gặp Phật pháp, cũng chẳng thể thành tựu! Mấy ai khi lâm chung sáng suốt,

tỉnh táo? Hơn nữa, ai có thể bảo đảm chính mình lâm chung tỉnh táo, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo? Chuyện này nhất định chẳng thể cầu may. Do điều này, chúng ta phải sốt sắng tu phước báo. Hết thầy thiện căn, phước đức đã tu đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, như vậy thì mới có thể bảo đảm khi lâm chung sáng suốt. Quý vị phải biết: Đòi người rất ngắn! Trong thời gian vô cùng ngắn ngủi này, chúng ta hãy nên chịu đựng, dầu có phước, chớ nên hưởng hết! Phước báo hưởng ba phần là đủ rồi, phần còn lại bố thí cho hết thầy chúng sanh, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề; đây mới là phương pháp chính xác duy nhất để cầu sanh Tịnh Độ.

Tạo tội Ngũ Nghịch mà khi lâm chung vẫn có duyên gặp Phật, người ấy đời này tạo tội nghiệp nhiều, nhưng đời trước chắc chắn thiện căn sâu dày. Vì sao thiện căn sâu dày mà đời này lại mê hoặc, điên đảo tạo tội nghiệp? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giảng chuyện này rất rõ ràng: Bồ Tát chưa thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới còn bị mê khi cách âm, loại Bồ Tát nào vậy? Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Bỉ ư tiền thế trụ Bồ Tát đạo*” (Kẻ ấy trong đời trước đã trụ trong đạo Bồ Tát), là Bồ Tát thật sự, chẳng giả, “*vô số kiếp lai, cúng dường tứ bách ức Phật*” (từ vô số kiếp đến nay, đã cúng dường bốn trăm ức Phật). Cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn bị mê khi cách âm, còn bị thoái chuyển, quý vị mới hiểu tánh chất nghiêm trọng của vấn đề này. Đời này người ấy mê mất, đã tạo tội Ngũ Nghịch, [đó là chuyện] rất có thể xảy ra! Nhưng thiện căn của người ấy hết sức sâu dày, đáng tiếc suốt đời chẳng gặp thiện tri thức; vì thế, chấp mê chẳng ngộ, khi lâm chung gặp thiện tri thức. Gặp thiện tri thức rồi, được thiện tri thức chỉ điểm bèn giác ngộ. Sau khi giác ngộ bèn thật sự chịu niệm Phật, lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, tuy niệm Phật ít, chỉ niệm Phật hiệu mười tiếng cũng có thể vãng sanh. Ông Trương Thiện Hòa trong Vãng Sanh Truyện là một thí dụ rõ ràng nhất. Ông ta là người đời Đường, khi lâm chung mới gặp Phật pháp, mười niệm vãng sanh.

Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này, nhất quyết chớ nên giữ tâm lòng cầu may: “Lâm chung mười niệm vẫn có thể vãng sanh; hiện thời tạo tội nghiệp nhiều một chút cũng chẳng sao!” Nếu quý vị nghĩ như thế, làm lẫn quá đỗi! Quý vị đừng nghĩ chỉ riêng các đồng tu tại gia, mà nhiều pháp sư xuất gia cũng hồ đồ, mê muội khi lâm chung, đủ thấy đây chẳng phải là chuyện dễ dàng, lúc bình thường phải nỗ lực, phải tu phước, phải sốt sắng tu học, phải học theo những đại đức đã vãng sanh

xưa nay, biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, tự tại lắm! Đây mới là tấm gương chân chánh cho chúng ta!

(Sớ) Huống Đại Bản vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, diệc sanh ngã sát trung”, đọa địa ngục giả, phi Ngũ Nghịch nhân nhi hà?

(疏) 況大本云：地獄鬼畜生，亦生我刹中，墮地獄者，非五逆人而何。

(Sớ: Huống chi kinh Đại Bản nói: “Địa ngục, nga quỷ, súc sanh, cũng sanh trong cõi ta”. Kẻ đọa địa ngục chẳng phải là kẻ Ngũ Nghịch thì là gì vậy?)

Theo kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nguyện này. Trong đại kinh lại đặc biệt nói rõ ràng: Chúng sanh trong ác đạo cũng có kẻ niệm Phật vãng sanh. Trong lời khai thị cho Phật Thất, lão pháp sư Đàm Hư có nói: Trước kia, lúc pháp sư Đê Nhàn làm Phương Trượng chùa Đầu Đà, trong chùa nuôi một con gà trống, con gà trống ấy vãng sanh. Chính mắt pháp sư Đê Nhàn thấy chuyện này. [Thuở ấy] trong chùa không có đồng hồ, sáng sớm gà gáy báo sáng, mọi người thức dậy tụng khóa sáng. Mọi người sáng tối lên chánh điện, con gà trống ấy cũng theo lên chánh điện tham dự khóa tụng niệm Phật. Khi tăng chúng thọ trai, nó cũng đến. Mọi người vớt cơm, lá rau xuống đất, nó ăn sạch. Có một lần, khóa tụng đã xong, mọi người đều trở về liêu phòng, con gà trống vẫn đi loanh quanh trong chánh điện chẳng rời đi, thầy Hương Đăng xua nó đi, bảo: “Khóa tụng xong rồi, tôi phải đóng cửa”. Con gà trống ấy chạy vào Phật điện, ngهن cổ nhìn tượng Phật, kêu lên ba tiếng, đứng tại đó chết ngay. Con gà trống ấy biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Đọa lạc trong ác đạo, đương nhiên là chúng sanh tội nghiệp sâu nặng, nhưng linh tánh chẳng mê muội, gặp duyên niệm Phật vẫn có thể vãng sanh.

Cũng có người hỏi: “Đời trước đã tu tốt đẹp như thế, vì sao bị đọa trong ba ác đạo?” Vấn đề này chúng ta phải nên nghiên cứu cẩn kỹ. Đời sau phải đi vào nơi nào là do ý niệm cuối cùng lúc lâm chung quyết định. Quý vị suốt đời niệm Phật chuyên cần, nhưng ý niệm cuối cùng lúc lâm chung chẳng phải là niệm Phật, sẽ chẳng thể vãng sanh! Lúc lâm chung khởi một niệm tham tâm, bèn vào đường nga quỷ. Lâm chung khởi lên một niệm sân khuê tâm, đi vào đường địa ngục. Lâm chung mê hoặc, điên đảo, đi vào đường súc sanh. Đây là tam ác đạo! Một niệm

cuối cùng lúc lâm chung là A Di Đà Phật, chắc chắn vãng sanh Tây Phương. Mười niệm hay một niệm đều được vãng sanh, do một niệm lúc lâm chung quyết định!

Nhà Phật lại răn dạy chúng ta: Phải vô cùng thận trọng khi lâm chung, đó là đại sự, quan hệ đến hạnh phúc trong đời sau. Con người sau khi qua đời, trong vòng tám tiếng đồng hồ, chớ nên đụng chạm, vì sao? Sợ đụng chạm sẽ khiến người ấy khởi tâm sân khúê. Trước khi tắt hơi, tốt nhất là trợ niệm, một mực niệm mãi cho đến khi [người ấy] đã tắt hơi tám tiếng đồng hồ, đó là tối thiểu! Hiệu quả niệm Phật ấy vô cùng to lớn. Trợ niệm nhằm nhắc nhở người ấy, mong một niệm của người ấy lúc lâm chung là chánh niệm, là A Di Đà Phật. Trong vòng tám tiếng đồng hồ, tuy người ấy đã tắt hơi, thần thức chưa rời khỏi thân. Vì thế, trong tám tiếng đồng hồ, nếu người ấy giác ngộ hồi đầu, cũng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn còn có thể vãng sanh. Vì thế, trong vòng tám tiếng đồng hồ sau khi người ấy tắt hơi vô cùng quan trọng, nhất định chớ khiến cho người ấy sanh phiền não, đừng khiến người ấy khởi tham, sân, si. Sách Súc Chung Tân Lương có nói rõ: Tốt nhất là tách người nhà, thân quyến khỏi người chết, vì sao? Sợ người ấy trông thấy [người thân] sẽ khởi tâm tham: Bỏ người này chẳng được, kẻ nọ chưa thấy mặt [ta chưa thể trút hơi], phiền phức to lớn, chẳng sang Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Lúc bình thường phải thấy thấu suốt, buông xuống, sẽ có ích rất lớn đối với việc vãng sanh của chúng ta.

Trong ác đạo, nhất là trong địa ngục, đương nhiên là kẻ phạm tội Ngũ Nghịch; điều này chứng tỏ người phạm tội Ngũ Nghịch vẫn có thể vãng sanh.

(Sớ) Chỉ thuộc hạ phẩm giả.

(疏) 止屬下品者。

(Sớ: Chỉ thuộc hạ phẩm là).

“*Chỉ thuộc hạ phẩm, danh Tán Thiện giả*” (chỉ vãng sanh trong hạ phẩm nên gọi là Tán Thiện), có nghĩa là: Nếu người ấy là Chánh Định, nhất định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không bao lâu sau sẽ chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Người ấy chỉ là hạ phẩm [vãng sanh], chưa đắc Chánh Định, cho nên là Tán Thiện.

(Sớ) Hoặc vị Quán Kinh hạ chi tam phẩm.

(疏) 或謂觀經下之三品。

(Sớ: Hoặc có kẻ nói ba phẩm hạ trong Quán Kinh).

Ba phẩm hạ là hạ hạ phẩm, hạ trung phẩm, hạ thượng phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

(Sớ) Sơ ngôn trí giả giáo linh hợp chưởng xoa thủ, xưng Nam-mô A Di Đà Phật, tam ngôn thiện hữu giáo vân: “Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả, ưng xưng danh hiệu”, tắc trì danh vãng sanh, tự duy hạ phẩm.

(疏) 初言智者教令合掌叉手，稱南無阿彌陀佛。三言善友教云：汝若不能念彼佛者，應稱名號，則持名往生，似唯下品。

(Sớ: Trước hết, kinh nói người có trí dạy kẻ ấy chắp tay xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật, kinh nói điều thứ ba là bạn lành dạy rằng: “Nếu ông chẳng thể niệm đức Phật ấy [bằng cách quán tưởng], hãy nên đọc danh hiệu của Ngài”, như vậy thì trì danh vãng sanh dường như chỉ là hạ phẩm).

Nhìn theo Quán Kinh, nhìn từ bề ngoài, dường như là như thế này: Ba phẩm hạ của Quán Kinh dường như đều là trì danh. Nói chung, trì danh [bền vãng sanh] trong ba phẩm hạ. Nói thật ra, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng khá lắm! Kẻ ham cao chuộng xa sợ rằng chẳng thể vãng sanh, ngay cả hạ hạ phẩm vẫn không đủ tư cách, hỏng rồi! Có người nói: “Phương pháp [Trì Danh Niệm Phật] của quý vị là hạ hạ phẩm”, chúng ta chắp tay: “Đối với tôi, hạ hạ phẩm là đủ rồi, tôi rất hoan hỷ. Tôi chỉ cần có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thỏa mãn rồi. Ông có bản lãnh, ông cầu thượng thượng phẩm, tôi chúc mừng ông, còn tôi hạ hạ phẩm là đủ rồi!” Quý vị có thể chết sạch lòng so đo, kiên quyết như thế, chẳng nghi hoặc, chắc chắn thành tựu trong một đời này. Đại sư rất miệng buốt lòng giải thích cho chúng ta nhiều ngàn ấy, vì sợ những kẻ chẳng cam lòng vãng sanh trong hạ hạ phẩm sẽ chẳng niệm Phật, hành theo cách nào khác; đó mới gọi là lầm lẫn to lớn!

(Sớ) Bất trì trì hữu Sự Lý, Lý phục thiện thâm.

(疏) 不知持有事理，理復淺深。

(Sớ: Chẳng biết trì danh có Sự và Lý, Lý lại có sâu và cạn).

Đối với pháp trì danh này, kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*”, có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì. Trong sách Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, niệm đến mức đoạn được Kiến Tư phiền não, đều gọi là Sự nhất tâm. Do đây có thể biết: Sự Trì và Lý Trì là phương pháp khác nhau, chứ hiệu quả giống nhau. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, khi ấy sẽ gọi là Lý nhất tâm bất loạn.

Sự Trì là gì? Lý Trì là gì? Lý Trì là thật sự thông đạt Thật Tướng như Quán Kinh đã nói “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”. Niệm một câu Phật hiệu tương ứng với Bát Nhã Không Huệ, cách niệm ấy gọi là Lý Trì. Lý Trì có thể đắc Lý nhất tâm hay không? Chưa chắc! Tuyệt đối chẳng phải là Sự Trì sẽ đắc Sự nhất tâm bất loạn, Lý Trì sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, chớ nên hiểu lầm chỗ này! Nhất tâm bất loạn hoàn toàn phụ thuộc công phu trì danh sâu hay cạn. Nếu niệm câu Phật hiệu đến mức tương ứng với Không Huệ thì có khi người ấy vẫn chưa đắc nhất tâm! Nếu chính mình còn có thị phi, nhân ngã, vẫn còn có tham, sân, si, mạn, còn có phân biệt, chấp trước, thì chưa đắc nhất tâm! Không chỉ là chưa đắc nhất tâm, mà ngay cả công phu thành phiền cũng chưa đạt được. Nói cách khác, niệm Phật như thế không có cách nào vắng sanh được! Muốn thật sự vắng sanh, mức độ thấp nhất là phải niệm đến mức công phu thành phiền.

Thị phi, nhân ngã, phân biệt, chấp trước, tham, sân, si, mạn thật sự chẳng đoạn, tuy chưa đoạn mà câu Phật hiệu này khởi tác dụng, có thể đè nén phiền não, vọng tưởng vừa khởi lên ngay lập tức đổi nó thành Phật hiệu, trong mười hai thời chỉ có Phật hiệu, đó gọi là công phu thành phiền. Một mặt niệm Phật, một mặt vẫn khởi vọng tưởng thì không được, đó là điều đáng kiêng dè rất lớn. “*Rách toạc cổ họng cũng uống công*”. Khi quý vị lớn tiếng niệm Phật thì chỉ niệm trong họng, trong tâm khởi vọng tưởng, không được rồi! Nhất định phải niệm đến mức Phật hiệu có thể chế phục vọng tưởng; đó gọi là công phu thành phiền. Khi quý vị chẳng niệm Phật hiệu, vọng tưởng lại khởi lên; khi niệm Phật, Phật hiệu có thể chế ngự vọng tưởng, như thế mới là hữu dụng, công phu mới đắc lực. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, phải niệm đến mức như thế ấy, công phu mới đắc lực!

Trong lúc bình thường, chúng ta từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, thực hiện công phu niệm Phật nơi đâu? Thực hiện từ khởi tâm động niệm. Ý niệm vừa khởi lên, bất luận là thiện hay ác, bất luận là chánh hay tà, nhất loạt đổi nó thành A Di Đà Phật. Nói cách khác, chẳng khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm bèn là A Di Đà Phật. Người thật sự niệm Phật tâm suy nghĩ, ý nghĩ tưởng chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trừ A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, hết thấy đều chẳng nắm níu, hết thấy đều buông xuống. Quý vị có thể thật sự làm như vậy, tôi đa trong thời gian ba năm công phu sẽ thành thực, nắm chắc Tây Phương Tịnh Độ. Cũng có nghĩa là: Trong ba năm, chắc chắn có thể đạt tới công phu thành phẩm. Công phu thành phẩm cũng có ba bậc chín phẩm; ba phẩm thượng của công phu thành phẩm (thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm) biết trước lúc mất, sanh tử tự tại, nhưng chưa đạt đến nhất tâm bất loạn. Tôi thấy không ít người biết trước lúc mất, không bệnh tật mà vãng sanh, cảnh giới của những người ấy đều là công phu thành phẩm thượng phẩm, họ chưa đắc nhất tâm, nhưng có thể sanh tử tự tại; đấy là đại sự thật sự.

Kinh này thật sự khó có, vì đây là pháp môn duy nhất để mười phương chư Phật độ hết thấy chúng sanh thành Phật trong một đời, đơn giản, thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, lạ lùng, chúng ta chẳng dễ gì gặp được! Nhất là trong xã hội hiện đại, thiên hạ đại loạn, chúng ta tu pháp môn gì cũng đều có cảm giác chẳng kịp. Pháp môn này đòi hỏi quý vị phải thật sự dứt sạch so đo, khăng khăng tu học; nếu quý vị chẳng hiểu rõ pháp môn này, sẽ chẳng dễ gì tu tập! Thời gian của chúng ta có hạn, phải nghiên cứu kỹ càng pháp môn này. Tham khảo đối chiếu kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, sẽ dễ dàng hiểu rõ Tây Phương Tịnh Độ, thật sự có thể giúp cho quý vị đoạn nghi, sanh tín, chết sạch so đo, khăng khăng tu tập pháp môn này. Tôi nghĩ chẳng cần đến mấy năm, trong các đồng tu của chúng ta, nhất định sẽ có rất nhiều người thành tựu chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây, đại sư bảo trì danh có Sự và Lý, Lý có sâu và cạn, Sự cũng có sâu và cạn.

(Sớ) Kim hạ sanh giả.

(疏) 今下生者。

(Sớ: Nay kẻ vãng sanh trong hạ phẩm).

Đây là nói về kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh.

(Sớ) Cẩn thị Sự thiện.

(疏) 僅是事善。

(Sớ: Chỉ là thiện về mặt Sự).

Tức là nói về thập niệm vãng sanh.

(Sớ) Nhược thành Lý Quán, tắc dữ bỉ kinh Tam Quán Viên Tu, minh khế bất nhị, hà lục phẩm vị chi bất cao dã.

(疏) 若成理觀，則與彼經三觀圓修，冥契不二，何慮品位之不高也。

(Sớ: Nếu thành tựu Lý Quán, sẽ ngậm khế hợp với việc tu trọn vẹn ba phép Quán trong kinh kia, lo chi phẩm vị chẳng cao?)

Đây là giải đáp câu hỏi của những kẻ ấy: Quý vị nghĩ trì danh niệm Phật phẩm vị chẳng cao thì quý vị học Lý Trì. Lý Trì là hiểu rõ Lý, quả thật có thể giúp cho phẩm vị của quý vị cao hơn. Sự Trì mà thật sự thật thà niệm Phật, phẩm vị cũng cao như thế.

(Sớ) Huống hạ phẩm văn trung, nãi chỉ ác nhân, ngu nhân, phi vị thiện nhân, trí nhân trì danh, diệc cư hạ phẩm dã. Cố tri nhị kinh, kỳ nghĩa nhất dã.

(疏) 況下品文中，乃指惡人愚人，非謂善人智人持名，亦居下品也。故知二經，其義一也。

(Sớ: Huống chi trong phần kinh văn nói về hạ phẩm là nói về kẻ ác, kẻ ngu, chứ không nói người lành, người trí trì danh cũng thuộc vào hạ phẩm. Cho nên biết hai kinh có cùng một ý nghĩa).

Quán Kinh và kinh này có ý nghĩa giống nhau, Quán Kinh nói hạ phẩm hạ sanh là nói về kẻ Ngũ Nghịch hay kẻ tạo ác trì danh niệm Phật. Tuy chúng ta tạo ác, vẫn chưa đến mức Ngũ Nghịch, Thập Ác, chính mình thật sự hạ quyết tâm trì danh niệm Phật, tôi tin tưởng chắc chắn

chẳng thuộc trong ba phẩm Hạ. Đây là điều chúng ta chắc chắn có thể làm được.

(Sớ) Độc yếu giả, lược hữu tam ý.

(疏) 獨要者，略有三意。

(Sớ: “Trọng yếu đặc biệt nhất”: Nói đại lược thì có ba ý).

“Độc yếu” là trong ba kinh Tịnh Độ, bộ kinh này trọng yếu nhất. Cổ đại đức xếp kinh Di Đà vào khóa tụng sáng tối, ngay cả khóa tối của Thiên Tông cũng chẳng ra ngoài lệ này. Người niệm Phật, người quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ, chẳng những khóa tối niệm kinh Di Đà mà khóa sáng cũng niệm kinh Di Đà. Chú Lăng Nghiêm, thập tiểu chú, Tâm Kinh có thể chẳng cần thêm vào, cứ một biến kinh Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, tiếp theo đó là niệm Phật hiệu, đây chính là phương pháp được dạy bởi Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát trong Tây Phương Xác Chi, đơn giản, dễ hiểu, phải làm như thế!

(Sớ) Nhất giả, Quán Kinh sở minh Phật thân, tuy vân tức Báo, tức Pháp.

(疏) 一者，觀經所明佛身，雖云即報即法。

(Sớ: Một, Quán Kinh nói đến thân Phật, tuy nói “Báo Thân chính là Pháp Thân, Pháp Thân chính là Báo Thân”).

“Báo” là Báo Thân, “Pháp” là Pháp Thân, ba thân Phật là một Thể.

(Sớ) Nhi na-do, Hằng sa, bất vô số kể, sanh thân tôn đặc, do dĩ biện nghi.

(疏) 而那由恆沙，不無數計，生身尊特，猶待辯疑。

(Sớ: Nhưng [do trong Quán Kinh có những từ ngữ như] na-do-tha, Hằng hà sa, tức là [những thân ấy] không phải là chẳng có số lượng tính đếm, sự tôn quý đặc biệt của sanh thân (Hóa Thân) hãy đợi đến phần Biện Nghi (biện định sự nghi hoặc) [trong phần sau, sẽ lại bàn tiếp]).

Đây là những điều được nói trong Quán Kinh.

(Sớ) *Thử kinh dẫn viết quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, tức bất thuộc chư số, trực chỉ Pháp Thân, độc yếu nhất dã.*

(疏) 此經但曰光明無量，壽命無量，則不屬諸數，直指法身，獨要一也。

(Sớ: Kinh này chỉ nói quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng, tức là không thuộc vào những con số, mà trực tiếp nói đến Pháp Thân, đây là điểm trọng yếu độc đáo thứ nhất).

So sánh hai bộ kinh thì kinh Di Đà trọng yếu hơn Quán Kinh. Điều thứ nhất là thân Phật trọn chẳng thuộc vào số lượng. Nói cách khác, vượt ngoài số lượng! Nay chúng ta là phàm phu bèn vướng trong số lượng, cho nên quý vị có vận mạng, Phong Thủy để có thể tính đoán. Phật và các đại Bồ Tát đã vượt ngoài số lượng, chẳng thuộc trong số lượng. Quán Kinh nói “*na-do-tha, Hằng hà sa số*” thì [những thân ấy] vẫn thuộc trong số lượng; kinh Di Đà không có những con số ấy, chỉ nói “vô lượng quang, vô lượng thọ”. Nói “vô lượng” tức là không thuộc vào số lượng. Đó là điểm thứ nhất.

“*Sanh thân tôn đặc, do đãi biện nghi*”: Cái thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha [như Quán Kinh đã nói] chính là Sanh Thân, chỉ rõ thân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cao lớn. Bài Kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mực trừng thanh tứ đại hải*” cũng là [nói đến] thân to lớn. Những thân ấy thù thắng, to lớn, vượt xa Ứng Liệt Thân thị hiện trong uế độ. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên quả địa cầu này, thân Ngài cũng chỉ cao một thước sáu thước. Hiện thời chúng ta thấy người một thước sáu thước cao lớn lắm! Thật ra, tuy Phật là một người cao lớn, nhưng không cao hơn người bình thường nhiều lắm. Vì sao? Thước thời ấy không dài như thước hiện thời. Trong bộ Luật Học Tam Thập Tam Chứng, Hoằng Nhất đại sư đã nói về thước đời Châu: [Kinh điển nhà Phật dịch ra tiếng Hán, dùng đơn vị đo lường theo] thước đời Châu vì đức Phật giáng sanh nhằm thời Châu của Trung Quốc. Một thước trong phép đo của nhà Châu chỉ hơn sáu tấc hiện thời. Ở đây, nói rõ thân tướng của A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc to lớn, chẳng giống với thân tướng do Phật đã thị hiện trong thế giới này. Cổ đại đức đã lập ra một đoạn nghi vấn để chuyên

môn biện định vấn đề này, ở đây, chúng ta không thảo luận thâm nhập vấn đề ấy.

(Sớ) Nhị giả, thập lục diệu môn, tuy vân tức quán tức tâm.

(疏) 二者，十六妙門，雖云即觀即心。

(Sớ: Hai là mười sáu môn quán mẫu nhiệm, tuy nói “quán chính là tâm, tâm chính là quán”).

Năng quán (cái tâm quán) và sở quán (cảnh được quán) là một, không hai, như vậy thì mới có thể tiến nhập, nhưng vẫn là có thứ tự.

(Sớ) Nhi tiên nhật, thứ thủy, thứ địa, thứ thụ, thứ tòa, phương nhập Phật quán, tặc bất vô thứ đệ, do giác phồn trường.

(疏) 而先日，次水，次地，次樹，次座，方入佛觀，則不無次第，猶覺繁長。

(Sớ: Trước hết quán mặt trời, kế đó là quán nước, rồi quán đất, rồi quán cây, rồi quán tòa sen, rồi mới quán thân Phật, cho nên chẳng phải là không có thứ tự, vẫn còn cảm thấy rắc rối, tốn nhiều thời gian).

“Phồn” (繁) là rắc rối, quá phức tạp. “Trường” (長) là phải trải qua một thời gian khá dài thì mới có thể quán thấy Phật.

(Sớ) Thử kinh bất tu dư nghiệp, đơn sự trì danh.

(疏) 此經不修餘業，單事持名。

(Sớ: Kinh này chẳng tu các hạnh nghiệp khác, chỉ chú trọng trì danh).

So sánh về mặt tu hành thì kinh Di Đà thuận tiện hơn Quán Kinh. Hành nhân chẳng cần phải trải qua nhiều giai đoạn, mà thẳng thừng, thỏa đáng thấy Phật! Chỉ cần quý vị nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, khi lâm chung Phật liền đến tiếp dẫn quý vị. Chương Đại Thế Chí Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Hiện tiền là hiện tại, trước khi vãng sanh đã thấy. Trông thấy, quý vị chẳng hoan hỷ; chẳng trông thấy, quý vị cũng chẳng lo lắng. Dầu trông thấy thì thấy mà như chẳng thấy, quý vị

cũng đừng nên sanh lòng hoan hỷ. Sanh lòng hoan hỷ là trật rồi! Từ đầu đến cuối gìn giữ nhất tâm bất loạn, như vậy mới là tốt đẹp. Do vậy, trì danh niệm Phật chẳng có thứ lớp, còn phương pháp được giảng trong Quán Kinh có thứ lớp. Xét trên phương pháp đề nói, kinh này thuận tiện rất nhiều; vì thế, kinh này được gọi là “độc yếu” (độc đáo, trọng yếu), đặc biệt trọng yếu.

(Sớ) Tam giả, thượng tam phẩm sanh, nữ năng du lịch thập phương, thừa sự chư Phật, trung hạ nhị phẩm, giai vô thứ văn.

(疏) 三者，上三品生，乃能遊歷十方，承事諸佛，中下二品，皆無此文。

(Sớ: Ba là [theo Quán Kinh], vãng sanh trong ba phẩm thượng mới có thể dạo khắp mười phương, hầu hạ chư Phật, đối với hai phẩm trung và hạ, kinh vẫn không nói đến điều này).

Ba kinh Tịnh Độ có kinh nói chuyện này rất cặn kẽ, có kinh nói tinh lược. Quý vị muốn liễu giải Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải gộp ba kinh lại để xem thì mới có thể thật sự hiểu rõ chuyện này, trọn chớ nên vì kinh này có nói, kinh kia không nói [mà lầm tưởng] kinh này cao minh, kinh kia kém hơn một chút, tuyệt đối chẳng phải là như vậy! Quý vị gộp lại để xem, mới thấy được trọn vẹn. Đối với chuyện này, Quán Kinh nói có đôi chút thiếu sót, chỉ nói ba phẩm thượng, chẳng nói tới phẩm trung và phẩm hạ, tức là nói: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có năng lực “dạo khắp mười phương, thừa sự chư Phật”; nhưng kinh Tiểu Bản nói rất cặn kẽ.

(Sớ) Kim trì danh vãng sanh, tiện đắc cúng Phật chư phương, thực thời hoàn quốc, độc yếu tam dã.

(疏) 今持名往生，便得供佛諸方，食時還國，獨要三也。

(Sớ: Nay trì danh vãng sanh liền được cúng dường Phật các phương, đến giờ ăn trở về cõi mình, đó là điều đặc biệt trọng yếu thứ ba).

Đây là điều được nói trong kinh Di Đà, đầu là kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng có thần thông đạo lực này, mỗi ngày đều có thể cúng dường trọn khắp mười vạn ức Phật trong các phương khác. Vì thế, kinh này là kinh trọng yếu nhất trong ba kinh.

(Sớ) Văn thuyết nhất nghĩa, thượng khứng sanh nghi, cánh văn độc yếu, tất trí thâm hĩ, cố vân “nan tín chi pháp”, hựu vân “bất khả tư nghị công đức kinh” dã.

(疏) 聞說一義，尚恐生疑，更聞獨要，必致深駭，故云難信之法，又云不可思議功德經也。

(Sớ: Nghe nói một nghĩa, còn sợ sanh lòng nghi, huống chi nghe tới những điều độc yếu, ắt càng đến nỗi kinh hĩ sâu xa. Vì thế, nói là “pháp khó tin”, lại nói là “kinh có công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy”).

Đúng là khiến cho người nghe kinh hĩ; vì thế, hai vị đại sư Liên Trì và Ngẫu Ích đều nói kinh này là kinh chẳng thể nghĩ bàn! Trong tất cả các kinh điển, chẳng có cách nói như thế này, trong mười phương cõi nước, cũng chẳng có tình hình này. Chuyện thù thắng lạ lùng, đặc biệt như thế này chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có, vấn đề là quý vị có tin hay không! Nếu quý vị không tin, trong đời này, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Nếu quý vị tin tưởng tức là quý vị có phước phận, thành tựu trong một đời này, máu chốt là ở chỗ này!

Tôi nhớ lúc mới đến Đài Trung, thầy Lý đem pháp môn này khuyên tôi tu học. Cụ nói như thế nào? Cụ nói: “Phải tin tưởng! Từ xưa đến nay, bao nhiêu người thông minh trí huệ đều tu pháp môn này. Nếu bị lừa thì những người ấy đều bị lừa, chúng ta bị lừa một lần cũng không sao!” Cụ dùng phương pháp này để khuyên tôi, dù bị lừa, chúng ta cũng tình nguyện cam tâm mắc lừa. Giữ chắc chủ ý, hạ quyết tâm chuyên tu pháp môn này. Nếu từ xưa đến nay, những người đó đều chẳng uổng công, chắc chắn chúng ta cũng chẳng uổng công trong một đời này, khuyên chúng ta phải chuyên tu, tạm thời gác những pháp môn khác qua một bên. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” tới khi nào sẽ học? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi hãy học. Vì thế, nay tôi chẳng cần Đại Tạng Kinh nữa, tôi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới cần. Nếu cần bây giờ, tôi chẳng đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện

thời, chỉ cần giữ chắc kinh Di Đà là được rồi, dùng cái ván nhảy ấy để cầu sanh về thế giới Tây Phương.

Đến thế giới Tây Phương lại tu vô lượng vô biên pháp môn, thọ mạng lâu dài mà! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng giống như A Di Đà Phật, Phật thọ vô lượng, người Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thọ vô lượng. Tướng hảo, quang minh, hoàn cảnh sinh sống, thấy đều giống hệt. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều giống hệt nhau, thật sự bình đẳng! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, diện mạo giống hệt như Phật, quý vị nghe xong đừng hoảng sợ: Đều giống hệt như nhau thì Trương Tam hay Lý Tứ ta chẳng nhận biết! Khi ấy, quý vị tự nhiên có thần thông, tự nhiên chẳng làm người. Do vậy, diện mạo quyết định giống hệt nhau, đó mới là bình đẳng. Trong thế gian này, diện mạo mỗi người khác nhau, chẳng bình đẳng! Do vậy, pháp môn này là pháp khó tin. Tựa đề của kinh là Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, tựa đề kinh đã bảo rõ ràng với chúng ta: Công đức chẳng thể nghĩ bàn! Phần so sánh [kinh Di Đà] với Quán Kinh đến đây là xong!

Nhị, chư kinh.

二、諸經。

(Hai, các kinh khác).

Tiếp theo là nói đến các kinh; ngoài ba kinh Tịnh Độ ra, còn có không ít các kinh có ý nghĩa thông với kinh này, đại khái là hơn một trăm bộ trong Đại Tạng Kinh. Có hơn một trăm bộ kinh luận, trong ấy, đức Phật khuyên chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, ở đây chỉ nêu đại lược vài thứ. Xin xem kinh văn.

(Huyền Nghĩa) Phục minh thông chư kinh giả.

(玄義) 復明通諸經者。

(Huyền Nghĩa: Lại giảng rõ các kinh có ý nghĩa tương thông [với kinh này]).

“Phục” là lại nói, [tức là] lại nói về các kinh luận khác [có ý nghĩa] thông với kinh này.

(Huyền Nghĩa) Dĩ chư Đại Thừa kinh ý nghĩa tương thông, như Tịnh Danh, Pháp Hoa đặng, bàng thông như thị, nãi tri thử kinh, nghĩa lý sở cai, thâm thúy quảng viễn, bất ưng thị đồng thiểu cận, tự thủ khiên vu.

(玄義) 與諸大乘經意義相通，如淨名法華等，旁通如是，乃知此經，義理所該，深邃廣遠，不應視同淺近，自取愆尤。

(Huyền Nghĩa: Có ý nghĩa tương thông với các kinh Đại Thừa như Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v... Do ý nghĩa tương thông như thế, bèn biết kinh này nghĩa lý bao trùm, sâu sắc, xa rộng, đừng nghĩ kinh này giống như những kinh nông cạn để tự chuốc lấy tội khiên).

Ở đây nêu đại lược hai thứ.

(Sớ) Tịnh Danh Pháp Hoa đặng giả, thử nhất tâm trì danh đắc sanh bỉ quốc, tức “tùy kỳ tâm tịnh, tác Phật độ tịnh”, thị Tịnh Danh nghĩa.

(疏) 淨名法華等者，此一心持名得生彼國，即隨其心淨則佛土淨，是淨名義。

(Sớ: “Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v...”: Kinh này nói nhất tâm trì danh sẽ được sanh về cõi kia. Đây chính là ý nghĩa “hễ tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh” trong kinh Tịnh Danh).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma, đó cũng là kinh chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Duy Ma nói “tùy kỳ tâm tịnh, tác Phật độ tịnh” (hễ tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh); kinh Di Đà nói nhất tâm bất loạn chính là tâm tịnh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi Phật tịnh; [do vậy] ý nghĩa thông với kinh Tịnh Danh. Kinh Duy Ma có nói mấy câu đáng để chúng ta tham khảo, mà cũng ban cho chúng ta một khơi gợi, phát khởi rất lớn: Người tu Tịnh Độ phải đặc biệt chú ý tâm tịnh. Tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Tâm tịnh, ắt cõi Phật sẽ tịnh.

Tâm thanh tịnh là gì? Trong tâm có phiền não bèn chẳng thanh tịnh. “Phiền não” chỉ thất tình, ngũ dục, tham, sân, si, mạn, có thị phi, nhân ngã, có phân biệt, chấp trước là chẳng thanh tịnh! Tâm thanh tịnh

khó lắm! Tuy khó, chẳng thể không tu! Dẫu cho thời gian giữ được thanh tịnh không dài, nhưng hằng ngày quý vị phải đạt thanh tịnh trong một thời gian ngắn. Cái tâm niệm Phật là tâm thanh tịnh. Trong tâm quý vị chỉ có một câu A Di Đà Phật, đó là tâm thanh tịnh. Một câu Phật hiệu tương ứng với đại nguyện lực của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Quý vị phải nhớ: Tâm niệm Phật là tâm thanh tịnh. Khi niệm Phật khởi vọng tưởng, tâm chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật để tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Do vậy, người niệm Phật phải thấy thấu suốt và buông xuống thân tâm, thế giới, bớt một phần tham luyến, bớt một phần chấp trước, sẽ nắm vững vãng sanh thêm một phần. Điều này rất quan trọng.

(Sớ) Hựu thử nhất tâm trì danh, tức dĩ thâm tâm niệm Phật, nãi chí độc nhập tha gia, nhất tâm niệm Phật, khát thực vô lữ, nhất tâm niệm Phật, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo, thị Pháp Hoa nghĩa, đẳng giả.

(疏) 又此一心持名，即以深心念佛，乃至獨入他家，一心念佛，乞食無侶，一心念佛，一稱南無佛，皆已成佛道，是法華義。等者。

(Sớ: Lại nữa, nhất tâm xưng danh trong kinh này chính là dùng thâm tâm để niệm Phật, điều này giống như những nghĩa “cho đến một mình vào nhà người khác bèn nhất tâm niệm Phật, khi khát thực không có đồng bạn bèn nhất tâm niệm Phật, xưng Nam-mô Phật một tiếng đều đã thành Phật đạo” trong kinh Pháp Hoa).

“Thâm tâm” được sanh bởi Lý rất sâu, nó cũng do thiện căn sâu dày sanh ra nên gọi là “thâm tâm”. Kinh Thập Địa nói: “*Nhập thâm quang tâm*” (nhập cái tâm sâu rộng), kinh Niết Bàn nói: “*Căn thâm nan bạt*” (rễ sâu khó nhổ), đều nhằm hình dung thâm tâm. Thâm tâm là một trong các tâm Bồ Đề, thuộc về Tự Thụ Dụng tâm. Nhất tâm trì danh là thâm tâm niệm Phật, trì danh là niệm Phật, nhất tâm là thâm tâm. Đủ thấy rằng: Nếu quý vị nhị tâm, tam tâm, sẽ chẳng phải là thâm tâm!

Bồ Đề tâm lấy trực tâm làm Thể. Quán Kinh gọi trực tâm là chí thành tâm. Tâm này chí thành đến cùng cực. Chí thành là bản thể của Bồ Đề tâm. Có Thể, đương nhiên có tác dụng, tác dụng chia thành hai phương diện: Một là đối với chính mình, hai là đối với chúng sanh. Để

chính mình thụ dụng là nhất tâm, nhất tâm là thâm tâm. Do vậy, chúng ta niệm Phật phải là nhất tâm xưng danh. Nói “nhất tâm” một cách đơn giản thì là chẳng xen tạp, [nhất tâm niệm Phật là] niệm một câu A Di Đà Phật chẳng xen tạp. Đó là nhất tâm. Ta niệm một câu Phật hiệu này, ta nghĩ đến chuyện khác, xen tạp rồi! Đó chẳng phải là nhất tâm. Chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng hoài nghi, đó là nhất tâm xưng niệm, vô lượng vô biên công đức. Vì thế, nhất tâm trì danh là phát Bồ Đề tâm. Đối đãi người khác phải bằng tâm đại bi, tâm đại bi rốt ráo viên mãn là gì? Thưa quý vị, khuyên người khác niệm A Di Đà Phật là tâm đại bi rốt ráo viên mãn; vì quý vị khuyên người ta học pháp môn khác, chưa chắc người ta đã có thể thành tựu trong một đời này. Quý vị khuyên người ta niệm Phật, người ta trong một đời sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Pháp môn này chính là Phật pháp đề *“tức thân thành Phật”*, thành tựu ngay trong đời này. Vì thế, khuyên người khác niệm Phật chính là lòng đại bi thật sự, là bi tâm triệt để của chư Phật Như Lai.

Quý vị giảng kinh, giảng kinh này là tâm bi triệt để, chẳng giống như giảng những kinh khác cho người ta. Tuy kinh Hoa Nghiêm cũng là bi tâm triệt để, nhưng dài quá, ai có thời gian đến nghe lâu như vậy? Đến [nghe giảng] không xuê! Từ cổ đến nay, theo cách nhìn của tổ sư đại đức, kinh Vô Lượng Thọ là kinh Hoa Nghiêm cô đọng, là tiểu bản của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ. Hai bộ kinh này có tánh chất tương đồng, mục tiêu nhất trí, đều khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, lúc nào, chỗ nào Tổ cũng đều nhắc tới kinh Hoa Nghiêm, dùng kinh Hoa Nghiêm để chứng minh pháp môn này là quan trọng nhất trong hết thảy các pháp môn, độc yếu mà!

“Độc nhập tha gia, nhất tâm niệm Phật, khát thực vô lữ, nhất tâm niệm Phật, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo”, đó là những điều được nói trong kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa giảng diệu lý Thật Tướng, sánh ví đạo lý Thật Tướng vi diệu như hoa sen. Tựa đề kinh dùng Pháp và Dụ (thí dụ) để đặt tên, danh và thực cùng phô bày, nên gọi là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Trước kia, tôi đã giảng bộ kinh này, giảng đề kinh cũng tốn không ít thời gian. Giảng mười môn huyền diệu trong Bản và Tích cũng hết sức thú vị.

(Sớ) Lược cử dư kinh như Văn Thù sở vân Nhất Hạnh tam-muội, Đại Phẩm sở vân “nhược nhân tán tâm niệm Phật, nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận” thị Bát Nhã nghĩa.

(疏) 略舉餘經，如文殊所云：一行三昧。大品所云：若人散心念佛，乃至畢苦，其福不盡，是般若義。

(Sớ: Nêu đại lược các kinh khác thì như Nhất Hạnh tam-muội được nói trong kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật⁶⁷, kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói “nếu ai tán tâm niệm Phật thì cho đến khi hết khổ, phước ấy vẫn chưa hết”, đó là những nghĩa lý Bát Nhã).

Bát Nhã (Prajñā) dịch sang nghĩa tiếng Hán là trí huệ. Theo thứ tự giảng kinh của đức Thế Tôn, sau khi giảng Phương Đẳng bèn giảng Bát Nhã. Pháp môn Niệm Phật, tín nguyện trì danh là Nhất Hạnh tam-muội, cũng là Nhất Tướng tam-muội. Vì thế, giáo nghĩa hoàn toàn chẳng mâu thuẫn với kinh Bát Nhã. “Đại Phẩm” chính là kinh Đại Phẩm Bát Nhã⁶⁸. Nói “nhược nhân tán tâm niệm Phật” nhằm phân biệt chẳng phải nhất tâm, nói rõ người niệm Phật phước báo to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Muốn tu phước phải tu bằng cách nào? Niệm Phật là được! Người chịu niệm Phật có phước. Đây là nói về tán tâm niệm Phật. “Nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận” (cho đến khi hết khổ, phước ấy chẳng tận), “tất” (畢) có nghĩa là kết thúc, khổ là quả báo, quả báo đã hết rồi. Quả báo đã hết sạch thì là ai vậy? Tiểu Thừa nói đó là A La Hán, A La Hán là khổ nhân lần khổ quả đều xong, tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp là đã xong xuôi; còn trong

⁶⁷ Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh có hai bản dịch: Bản thứ nhất của ngài Mạn Đà La Tiên, bản thứ hai của ngài Tăng Già Sa La dịch. Kinh này tương ứng với hội thứ bảy trong bộ Đại Bát Nhã Kinh do ngài Huyền Trang dịch và bản Thánh Bát Nhã Ba La Mật Đa Thất Bách Tụng Đại Thừa Kinh trong Đại Tạng Kinh của Tây Tạng.

⁶⁸ Đại Phẩm Bát Nhã Kinh còn gọi là Nhị Vạn Ngũ Thiên Tụng Bát Nhã, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Ma Ha Bát Nhã Kinh hay Đại Phẩm Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Hoàng Thi thứ năm (403), gồm hai mươi bảy quyển. Những bản dịch tiếng Hán khác của kinh này là Quang Tán Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, Phóng Quang Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Vô La Xoa dịch vào đời Tây Tấn. Kinh này tương ứng với hội thứ hai trong bộ Đại Bát Nhã sáu trăm cuốn của ngài Huyền Trang. Kinh này được chú giải đặc biệt nhiều, nổi tiếng nhất là Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ, Đại Phẩm Kinh Nghĩa Sớ của ngài Cát Tạng, và Đại Phẩm Kinh Du Ý (không ghi tên tác giả).

Đại Thừa thì là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, đoạn hết Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não, Phần Đoạn sanh tử lần Biến Dịch sanh tử đều đoạn sạch, phước báo bất tận! Phước báo quá lớn! Đó là tán tâm niệm Phật, nhất tâm niệm Phật càng chẳng cần phải nói nữa. Nhất tâm niệm Phật thì người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Điều này chứng tỏ phước báo niệm Phật to lớn chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Như kinh tam thất nhật, khể thủ thập phương chư Phật danh tự, thị Viên Giác nghĩa.

(疏) 如經三七日，稽首十方諸佛名字，是圓覺義。

(Sớ: Như trải qua hai mươi một ngày đảnh lễ danh hiệu của mười phương chư Phật là nghĩa lý trong kinh Viên Giác).

Kinh Viên Giác là Tiểu Lăng Nghiêm, tánh chất rất gần với kinh Lăng Nghiêm. Viên có nghĩa là viên mãn, Giác là giác ngộ; đại triệt đại ngộ thì gọi là Viên Giác. Kinh Viên Giác có nói niệm Phật hai mươi một ngày, đây cũng là định kỳ hạn cầu chứng đắc. Kinh Di Đà chỉ nói bảy ngày, “*hoặc một ngày, cho đến bảy ngày*”, kinh Viên Giác nói hai mươi một ngày. Đây là đả thất, nhưng gộp ba thất lại. Đủ thấy kinh luận đề xướng niệm Phật quả thật rất nhiều.

(Sớ) Như ngũ bách trưởng giả tử, xưng thất Phật danh, tội đắc kiến kim sắc chi thân, thành A La Hán, thị Quán Phật Tam Muội nghĩa.

(疏) 如五百長者子，稱七佛名，遂得見金色之身，成阿羅漢，是觀佛三昧義。

(Sớ: Như năm trăm vị trưởng giả xưng niệm danh hiệu của bảy vị Phật liền được thân sắc vàng, thành A La Hán, đó là nghĩa lý trong kinh Quán Phật Tam Muội).

Đây là nói tới kinh Quán Phật Tam Muội⁶⁹, nói về pháp môn Niệm Phật, đặc biệt nhấn mạnh tu hành Chánh Định. Kinh có nói “*năm trăm vị*

⁶⁹ Kinh này có tên gọi đầy đủ Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh do ngài Trúc Tam Tạng Phật Đà Bạt Đà La dịch vào thời Đông Tấn, gồm mười quyển, sáu phẩm, nội dung nói đến những tướng hảo của đức Phật và cách quán tưởng. So với

*trưởng giả*⁷⁰ cũng tu pháp môn Niệm Phật. Niệm Phật bèn thấy Phật, thấy Phật thì sao? Chứng quả! Đều chứng quả A La Hán, quý vị mới hiểu công đức niệm Phật. Như thế nào mới chứng quả A La Hán? Đoạn hết Kiến Tư phiền não, họ dùng phương pháp Niệm Phật để đoạn hết Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não đã đoạn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà là sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đủ thấy xưng danh niệm Phật chẳng phải là Tán Thiện. Tán Thiện chẳng có công phu ấy, chẳng thể đạt thành tựu như vậy. Niệm Phật có thể chứng quả A La Hán, đủ thấy một câu Phật hiệu là Định Thiện, chẳng phải là Tán Thiện. Thật ra, Định Thiện hay Tán Thiện là do tâm mỗi người, chứ không do phương

cách quán tưởng của Quán Kinh, kinh này phức tạp hơn rất nhiều, xin trích một đoạn như sau: “*Phật bảo phụ vương: - Thế nào là quán tưởng quang minh giữa hai mày của Như Lai? Nay đức Như Lai vì các chúng sanh trong đời sau mà hiện chút tướng quang minh nơi bạch hào. Quang minh ấy chia làm tám vạn bốn ngàn nhánh, cũng có tám vạn bốn ngàn màu, chiếu trọn khắp mười phương vô lượng thế giới, mỗi màu hóa ra một quả núi bằng vàng. Mỗi núi vàng có vô lượng hang báu. Trong mỗi hang báu có một hóa Phật ngồi xếp bằng nhập Thiền Định sâu, có Thanh Văn, Bồ Tát trăm ngàn đại chúng làm quyến thuộc. Khi ấy, trong hang Phật đó có các hóa Phật, đều phóng tướng quang minh đại nhân nơi bạch hào, cũng chiếu mười phương vô lượng thế giới [khiến các thế giới ấy] đều như sắc vàng ròng. Trên đất sắc vàng có hoa sen vàng. Trên mỗi hoa sen vàng đều có hóa Phật, cũng có cùng hiệu là Thích Ca Văn (Thích Ca Mâu Ni). Giữa chặng mày của chư Phật cũng phóng quang minh này, chiếu trọn khắp mười phương thế giới, giống như trăm ngàn ức Tu Di Sơn Vương hợp lại một chỗ. Các Tu Di Sơn Vương hiện bóng chư Phật, thân Phật cao rõ, bằng với núi Tu Di. Nơi bạch hào của các vị hóa Phật ấy cũng phóng quang nhiều khắp chư Phật bảy vòng xong, đều nhập vào giữa hai mày của Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi quang minh ấy nhập vào [tướng bạch hào giữa hai mày], nơi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật đều có một hóa Phật, trong mỗi lỗ chân lông của mỗi vị hóa Phật ấy đều hóa ra tám vạn bốn ngàn hình tượng nhiệm màu, đều là những chuyện mà hết thấy chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới hiếm khi được thấy”.*

⁷⁰ Chữ “*trưởng giả tử*” thường được dịch là con ông trưởng giả, nhưng theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ Tử ở đây không phải là con mà là cách xưng hô bày tỏ sự kính trọng giống như chữ Tử trong Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử v.v... (xin xem chi tiết trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh Giảng Ký).

pháp. Tâm quý vị tán loạn niệm Phật thì là Tán Thiện, nhất tâm niệm Phật thì là Định Thiện.

(Sớ) Như Bồ Tát lục niệm, niệm Phật đệ nhất.

(疏) 如菩薩六念, 念佛第一。

(Sớ: Như trong sáu niệm của Bồ Tát, niệm Phật đứng đầu).

Toàn bộ Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa Phật đều nói tới Lục Niệm. Bồ Tát phải tu Lục Niệm; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là niệm Tam Bảo. Trong khóa tụng sáng tối, chúng ta có Tam Quy Y, tức là niệm Tam Bảo. Trừ Tam Bảo ra, còn phải niệm ba chuyện nữa! Niệm Thí là bố thí, niệm Giới là nghĩ tới giới luật, nhất định phải trì giới, niệm Thiên, chư thiên phước báo lớn nhất, chuẩn mực đạo đức của chư thiên rất cao. Vì thế, Bồ Tát phải niệm sáu chuyện này. Niệm Tam Bảo, chúng ta thường nói là niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh. Niệm Thí, Thí là buông xuống, thường phải nghĩ buông xuống. Niệm Giới: Do Giới mới có thể đắc Định, do Định mới có thể khai Huệ, đó là cội rễ to lớn của Tam Học. Niệm Thiên, phải nâng cao cảnh giới của chính mình. Vì thế, tâm phải đặt yên trong sáu cảnh giới. Có thể nói Lục Niệm đều là Tự mà cũng đều là Tha. Nói Tha thì Tam Bảo là Trụ Trì Tam Bảo, nói Tự thì là Tự Tánh Tam Bảo.

Ba điều cuối cùng, Bố Thí, Trì Giới là nhân hạnh (hạnh trong khi tu nhân) để chính mình tu Bồ Tát Hạnh, sanh lên trời là quả báo. Giới là đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Chư Thiên không chỉ có nghĩa là “*sanh thiên*” (tức các vị trời do quả báo mà mang thân chư thiên, nên gọi là sanh thiên. Tam giới có hai mươi tám tầng trời). Thiên trong kinh Phật có rất nhiều ý nghĩa, trừ hai mươi tám tầng trời ra, còn có Nghĩa Thiên và Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa Thiên là biệt hiệu của quả địa Như Lai. Đây là nói “*Bồ Tát lục niệm, niệm Phật đệ nhất*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 77

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi hai:

(Sớ) Hựu vân: Hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố, đắc đoạn phiền não, thị Niết Bàn nghĩa. Như Phật cáo phụ vương: “Nhữ kim đương niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường cần tinh tấn, đương đắc Phật đạo”.

(疏) 又云：繫念思惟因緣力故，得斷煩惱，是涅槃義。如佛告父王，汝今當念西方極樂世界阿彌陀佛，常勤精進，當得佛道。

(Sớ: Lại nói: Do sức nhân duyên hệ niệm tư duy bền đoạn được phiền não, đó là nghĩa lý trong kinh Niết Bàn. Như Phật bảo phụ vương: “Cha hãy nên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường siêng năng tinh tấn, sẽ đắc Phật đạo”).

Phần trên đã nói về Quán Phật Tam Muội và Bồ Tát Lục Niệm, trong sự tu hành học Phật, có thể nói những điều này đều là pháp môn chung; bất luận học theo tông nào, hay một pháp môn nào, cũng đều phải phát tâm tu học [các pháp môn chung này]. Nói đơn giản, “niệm” là giữ cho tâm định tại một chỗ, an trụ ở nơi ấy, đó là “niệm”. Trong tâm người học Phật chỉ có sáu chuyện này, đó là Bồ Tát Lục Niệm. Niệm Tam Bảo vô cùng quan trọng, chỉ cần là một người học Phật, trong khóa tụng sáng tối mỗi ngày của chúng ta đều có Tam Quy Y, đó là niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã khai thị hết sức rõ ràng. Kế đến là niệm Bồ Thí, niệm Trì Giới, niệm Thiên. Thiên là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tứ Vô Lượng Tâm, chữ Thiên bao gồm hết [những điều ấy]. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Người học Phật phải thường nghĩ đến sáu chuyện này, đó là pháp căn bản, là khoa mục chung trong Phật pháp.

“Hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố” (do sức nhân duyên tư duy, hệ niệm): Hiệu quả ấy to lớn, có thể đoạn phiền não. Chúng ta niệm Phật chính là dùng công phu này. Vì thế, một câu Phật hiệu phải niệm đến mức đắc lực, có thể đè nén phiền não. Có thể đè nén phiền não, công phu bền đắc lực! Đè nén lâu ngày, phiền não sẽ tự nhiên đoạn. Ngàn vạn phần đừng có ý niệm này: “Ta niệm đã lâu dường ấy, sao phiền não vẫn chẳng đoạn?” Hễ có ý niệm đoạn phiền não, sẽ chẳng thể đoạn phiền não! Vì sao? Vì ý niệm ấy chính là phiền não. Phiền não chẳng thể đoạn phiền não, ắt phải là chẳng có phiền não thì mới gọi là đoạn phiền não! Do vậy, chỉ nên thật thà niệm, nhất tâm là gì? Bất loạn là gì? Công phu

thành phiền là gì? Nhất loạt chẳng quan tâm tới, chẳng cần ghim những điều đó trong lòng, như vậy thì mới được! Giữ những thứ ấy trong lòng đều là chướng ngại, đều là xen tạp. Đoạn phiền nào là “Niết Bàn nghĩa”, Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Diệt Độ. Tứ Đế Khổ Tập Diệt Đạo, Diệt là Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là Diệt Phiền Não, Diệt Sanh Tử.

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý câu tiếp theo, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật nói với cha Ngài là Tịnh Phạn Vương (Suddhodana) [là người có] mối quan hệ mật thiết. Thích Ca Mâu Ni Phật có pháp môn tốt nhất, nhất định trước hết sẽ khuyên cha Ngài tu. Mẹ Ngài đã qua đời, Ngài vừa sanh ra, mẹ liền sanh lên trời, rời khỏi nhân gian. Trong thế gian này, người có ân đức dày nhất là cha Ngài. Đức Phật dạy cha Ngài pháp môn nào? Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Thích Ca Mâu Ni Phật do di mẫu (di) chăm bẵm, nuôi nấng nên người, cũng giống như vậy, Ngài khuyên di mẫu niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Quý vị hiểu ngay: Cầu sanh Tây Phương nhất định là thù thắng! Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên người nhà, quyến thuộc, Phổ Hiền Bồ Tát khuyên bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng là nói về pháp xuất thế gian, ở đây Thích Ca Mâu Ni Phật nói tới pháp thế gian. Trong các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, pháp môn này là pháp môn bậc nhất, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Phụ vương của Phật là Tịnh Phạn Vương, đức Phật khuyên cha: “Nay cha nên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật”. “*Thường cần tinh tấn*” (thường siêng năng, tinh tấn), “*thường*” (常) là chẳng gián đoạn. Tinh tấn nơi pháp nào? Một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn! Hễ rảnh bèn niệm, lão pháp sư Đàm Hư nói: “*Niệm một bèn nghỉ, tinh thần khôi phục bèn tiếp tục niệm*”. Phải coi chuyện này là đại sự duy nhất của chính mình trong một đời; như vậy thì sẽ đắc Phật đạo. Vãng sanh Tây Phương bèn đắc Phật đạo, [Phật đạo] tức là đạo thành Phật.

(Sớ) Hựu vân: Thập tâm hướng vãng, mạng chung tất sanh bỉ Phật quốc độ, thị Bảo Tích nghĩa.

(疏) 又云：十心向往，命終必生彼佛國土，是寶積義。

(Sớ: Lại nói: “Mười tâm hướng về, lúc mạng chung ắt sanh về cõi Phật ấy”, đó là nghĩa lý trong kinh Bảo Tích).

“Thập tâm hướng vãng” là gì? Sách Diễn Nghĩa có chú giải.

(Diễn) Nhất, u chúng sanh khởi đại từ vô tổn hại tâm.

(演) 一、於眾生起大慈無損害心。

(Diễn: Một, đối với chúng sanh khởi tâm đại từ chẳng tổn hại).

Chúng ta đối với bất cứ một chúng sanh nào, người ấy là kẻ thiện lương thì không cần phải nói, dầu kẻ ấy là chúng sanh hung ác, chúng ta vẫn đối xử với hắn bằng từ tâm, chớ nên có lòng tổn thương gây hại đối với chúng sanh. Đây là điều thứ nhất, tức là dùng Từ nhãn để nhìn hết thấy chúng sanh.

(Diễn) Nhị, u chúng sanh khởi đại bi vô bức não tâm.

(演) 二、於眾生起大悲無逼惱心。

(Diễn: Hai, đối với chúng sanh khởi tâm đại bi chẳng bức bách, não hại).

“Bi tâm” là tâm xót thương, người ta thường nói là lòng thông cảm, thương xót kẻ vô tri tạo nghiệp.

(Diễn) Tam, u Phật pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm.

(演) 三、於佛法不惜身命樂守護心。

(Diễn: Ba, đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, tâm vui vẻ gìn giữ, bảo vệ).

Phải có tâm hộ trì Phật pháp, dầu hy sinh tánh mạng cũng chẳng tiếc nuối. Phải thủ hộ chánh pháp của Như Lai, đừng nên áp dụng phương cách xử sự mang tính cách tình cảm vào Phật pháp. Trong Phật môn, nhân quả hết sức vi tế, quý vị chú tâm nghiên cứu giới luật sẽ hiểu. Tu phước trong Phật môn thì phước ấy lớn nhất, tạo tội nghiệp trong Phật môn cũng là nặng nhất. Chúng ta hãy nên hiểu những điều này, phải biết hộ pháp.

(Diễn) Tứ, u nhất thiết pháp phát sanh thắng nhĩ vô chấp trước tâm.

(演) 四、於一切法發生勝忍無執著心。

(Diễn: Bốn, đối với hết thảy các pháp, phát sanh nhẫn thù thắng, tâm chẳng chấp trước).

Phải có tâm nhẫn nại đối với hết thảy các pháp. Không có tâm nhẫn nại, quý vị sẽ học chẳng thành! Bất luận học một pháp môn nào, tâm nhẫn nại rất quan trọng! Trong thế gian có nói như thế này: “*Hữu hằng vi thành công chi bốn*” (Có tâm kiên quyết không thay đổi, đó là cái gốc để thành công). Một người thiếu “*hằng tâm*” (tâm quyết chí không thay đổi), thiếu lòng nhẫn nại, sẽ chẳng thể tu học Phật pháp thành tựu được! Tâm nhẫn nại quan trọng, nhưng còn có một thứ nữa rất quan trọng là tâm chẳng chấp trước. Tâm nhẫn nại cộng thêm không chấp trước thì [những gì người ấy tu học] sẽ là Phật pháp; trong tâm nhẫn nại có xen lẫn chấp trước thì thua quý vị, những gì quý vị tu học sẽ là pháp thế gian, quý vị có thể thành tựu Tứ Thiên Bát Định của thế gian, nhưng chẳng có cách nào ra khỏi tam giới! Quý vị phải hiểu rõ điều này: Tu Tứ Thiên Bát Định chẳng phải là công phu đơn giản, quả báo thuộc về Tứ Thiên Thiên, hay trong Tứ Không Thiên, thọ mạng và phước báo chúng ta đều chẳng thể tưởng tượng được. Thế nhưng, tuy chúng ta là phàm phu, nay chúng ta đang tu học, có tâm nhẫn nại, chẳng chấp trước, thì công phu và trí huệ của chúng ta vượt trội họ, vì sao? Vì quý vị có thể thoát khỏi tam giới, còn họ chẳng thể ra khỏi tam giới.

Nếu quý vị đọc nhiều kinh luận sẽ liễu giải, định lực của bậc Tu Đà Hoàn chẳng sâu. Thuở đức Phật tại thế, tôn giả A Nan là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, định lực của Ngài không sâu, nhưng Ngài có trí huệ. Những kẻ ở trong Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên tuyệt đối chẳng thể sánh bằng những người giống như ngài A Nan, vì sao? Ngài đã phá năm thứ Kiến Hoặc, nói “*phá*” có nghĩa là không chấp trước. Đối với Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến và Tà Kiến, Ngài đều buông xuống, chẳng chấp trước. Nói cách khác, chư thiên trong Tứ Thiên và Tứ Không Thiên vẫn chưa buông xuống. Vì thế, chư thiên cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng khi hết thọ mạng, thường đọa lạc trong địa ngục, đều đi vào ba ác đạo, trong kinh điển chúng ta thấy rất nhiều trường hợp như vậy. Tuy Tu Đà Hoàn chưa có năng lực thoát khỏi tam giới vì chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chắc chắn họ chẳng đọa trong ba ác đạo. Điều này chứng tỏ: Tâm nhẫn nại cộng thêm không chấp trước, học Phật như vậy thì mới có thể thành tựu. Thứ gì cũng chẳng chấp trước, nhưng

nêu chẳng chấp trước mà thiếu tâm nhẫn nại thì cũng chẳng thể thành công. Chẳng chấp trước, tốt lắm, nhưng đã chẳng chấp trước thì quý vị vẫn cần có cái tâm nhẫn nại để tu học. Vì thế, chúng ta phải nhất định chú ý điều này.

(Diễn) Ngũ, bất tham lợi dưỡng, kính trọng tịnh ý lạc tâm.

(演) 五、不貪利養敬重淨意樂心。

(Diễn: Năm, tâm chẳng tham lợi dưỡng, kính trọng, ý thanh tịnh, vui vẻ).

Nhất định chớ nên tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng; danh lợi hại chết con người! Lợi là phước, mà danh cũng là phước, danh lẫn lợi đều chớ nên tham đắm. Phước báo hiện tiền tức là có danh lợi đưa đến, quý vị cũng chẳng thể không cần, gạt bỏ nó cũng chẳng được! Chính mình phải giác ngộ, nhất định chớ nên tham đắm. Có phước báo cũng tốt, vì có phước báo bèn có thể lợi ích chúng sanh, có phước báo bèn nhường cho chúng sanh cùng hưởng thụ, đó là Bồ Tát. Phước báo ấy chỉ có chính mình hưởng, chẳng chịu chia sẻ cho người khác, hạng người ấy chẳng thể thành Phật! Không chỉ chẳng thể thành Phật, mà ngay cả A La Hán cũng chẳng thành! Vì có sao? Người ấy còn có [quan niệm] Ngã Sở Hữu (cái mà ta có), đương nhiên là có Ngã. Ngã và Ngã Sở Hữu đều là Ngã Chấp chưa phá, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Bậc A La Hán không có Ngã và Ngã Sở Hữu, còn kẻ ấy thì có. Vì thế, nhất định phải thấy thấu suốt, phải buông xuống. Công phu thấy thấu suốt và buông xuống được thực hiện từ chỗ nào? Phải bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng, phải nhường cho người khác, trong tu hành, chính mình phải giữ cho thân tâm thanh tịnh, như vậy mới là tốt đẹp!

(Diễn) Lục, cầu Phật Chứng Trí w nhất thiết thời vô vong thất tâm.

(演) 六、求佛種智於一切時無忘失心。

(Diễn: Sáu, là trong hết thấy mọi thời, tâm cầu Phật Chứng Trí chẳng quên mất).

Ý niệm cầu Nhất Thiết Chứng Trí của Phật trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy hoàn cảnh đều chẳng quên mất, đây cũng là niệm đại

Bồ Đề. Đó là đạo tâm, nhất tâm nhất ý cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Diễn) Thất, u chúng sanh tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.

(演) 七、於眾生尊重恭敬無下劣心。

(Diễn: Bảy, đối với chúng sanh, tâm tôn trọng, cung kính, chẳng coi rẻ).

Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*lễ kính chư Phật*”, đối với hết thảy chúng sanh đều phải giữ tâm cung kính, nhất quyết đừng khinh mạn. Quý vị phải biết: Sanh tâm khinh mạn đối với người khác là chính mình tạo nghiệp chướng. Bản thân chúng ta thường tạo nghiệp mà tự mình chẳng hay biết. Nếu tự mình biết, làm sao tạo tội nghiệp cho được? Người nghiệp chướng nặng nề, nói cách khác, kẻ ấy đã trở thành quen nết, chúng ta phải có sự cảnh giác cao độ đối với chuyện này. Niệm Phật tuy nói là đối nghiệp vãng sanh, nhưng tổ sư đại đức đã nói rất nhiều: Chỉ có mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới! Nghiệp cũ là gì? Nghiệp do quý vị đã tạo trong quá khứ, có thể mang theo nghiệp ấy đi được. Nghiệp mới là gì? Ta vẫn tiếp tục tạo nghiệp không ngừng, không được rồi! Vì thế, mọi người phải hiểu rõ: Chẳng phải là nói mỗi người niệm Phật đều có thể vãng sanh. Nói theo lý luận, “*vạn người tu, vạn người đến*”, ai niệm Phật cũng đều có thể vãng sanh, nhưng vì sao có người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Người ấy không ngừng tạo nghiệp, không có cách nào hết! Thật sự cảnh giác, trước kia, ta tạo nghiệp, từ nay trở đi, chẳng tạo nghiệp nữa! Ta y giáo tu hành, nhất định vãng sanh. Vì thế, trong tâm chính mình phải hiểu rõ, phải kiểm điểm, tâm có thanh tịnh hay không? Đối với duyên trong cõi đời, đã buông xuống hay chưa? Trong tâm suốt mười hai thời chỉ có một câu Phật hiệu hay chẳng? Đối với người khác có phải là một lòng từ bi hay không? Có tận tâm tận lực giúp đỡ người khác hay không? Nếu đúng như vậy thì quý vị có thể vỗ ngực, ta quyết định vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu!

Người tập khí nặng nề, phải đối trị, khắc phục tập khí. Chẳng hạn như ngạo nghễ, ngã mạn, dùng phương pháp nào để đối trị? Dùng lễ kính chư Phật! Ta tiếp đãi người và sự việc phải đặc biệt cung kính, vì cung kính sẽ đối trị ngạo nghễ, ngã mạn. Sân khuê trong tâm rất nặng thì phải tu tâm từ bi. Tâm từ bi đối trị sân khuê, bô thí đối trị keo kiệt, tham lam. Phải tìm cách để đối trị, chữa trị căn bệnh ấy. Có thể đối trị những

căn bệnh ấy, sẽ nắm chắc vãng sanh. Vì thế, chỉ mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới. Đương nhiên là sau khi chúng ta nghe Phật pháp, chắc chắn chưa thể sửa đổi thói xấu và tập khí của chính mình ngay lập tức, vì hễ sửa đổi được, sẽ ngay lập tức trở thành thánh nhân.

Phiền não tập khí quá sâu, quá nặng, chẳng thể sửa đổi trong một sớm, một chiều, nhưng nhất định phải thay đổi. Thay đổi là gì? Mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi tháng một nhẹ hơn, đó là hiện tượng tốt. Nếu hoàn toàn chẳng thay đổi, chắc chắn vãng sanh bị chướng ngại. Nếu càng học Phật, càng ngạo nghễ, ngã mạn, càng cảm thấy chính mình phi phạm, phiền phức lớn lắm, chẳng những không thể vãng sanh, mà sợ rằng trong đời này, còn chuốc phải ma chướng. Vì thế, đối với chúng sanh phải cung kính.

(Diễn) Bát, bất trước thế luận, u Bồ Đề phân, sanh quyết định tâm.

(演) 八、不著世論於菩提分生決定心。

(Diễn: Tám là chẳng đắm chấp những thứ nghị luận của thế gian, sanh tâm quyết định đối với Bồ Đề phân).

Đối với hết thảy các thứ văn hóa, nghệ thuật trong thế gian phải buông xuống, những thứ ấy là chuyện để sướng mắt khoái lòng trong thế gian, tăng trưởng cái tâm tham, tăng trưởng sự si luyến của con người. Vì thế, phải buông xuống, chớ nên chấp trước. Có thể xem, nhưng quyết định đừng chấp trước. Một bức danh họa, một tác phẩm nghệ thuật, một món đồ cổ mấy ngàn năm, trong nhà quý vị cất giữ những món đồ quý báu. Thôi rồi! Lòng quý vị vương mắc nơi đó, sẽ chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới được đâu! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn vương vấn đồ cổ, làm sao đi được? Vậy là không xong rồi! Vì thế, người học Phật đối với hết thảy các pháp trong thế gian chớ nên yêu mến, hễ có món gì yêu mến sẽ đều là chướng ngại. Do vậy, thờ tượng Phật, đừng nên thờ tượng cổ, vì sao? Quý vị dấy lên tâm tham luyến, do cái tâm thường vương mắc ấy sẽ quên tuốt Phật.

(Diễn) Cửu, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.

(演) 九、種諸善根無有雜染清淨之心。

(Diễn: Chín, gieo các thiện căn mà tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm).

Nhất định phải gieo thiện căn! Thiện căn là đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tâm phải thanh tịnh, chớ nên tạp nhiễm.

(Diễn) Thập, w chư Phật xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm.

(演) 十、於諸佛捨離諸相起隨念心。

(Diễn: Mười, đối với chư Phật bỏ lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm).

Nói đến mức rốt ráo nhất, đối với hết thảy Như Lai cũng chẳng chấp trước. Chúng ta niệm Phật, kính Phật, nhưng chẳng chấp trước Phật. Phật mà còn chẳng chấp trước, huống gì những thứ khác? Tâm quý vị mới thật sự thanh tịnh. Chấp trước là sanh cảm tình, cảm tình là cội nguồn của phiền não, là cội gốc sanh tử. Chẳng chấp trước sẽ sanh trí huệ. Đối với Phật mà còn như thế, huống là đối với Bồ Tát, đối với hết thảy chúng sanh? Điều này rất quan trọng.

Đoạn này chính là nghĩa lý trong kinh Bảo Tích, chữ “*Bảo Tích*” trong lời Sớ chỉ kinh Bảo Tích⁷¹. Kinh Bảo Tích bàn rộng diệu pháp, giống như nhiều thứ quý báu chôn cất lại [nên gọi là Bảo Tích]. Hai đoạn [trong kinh ấy], một là Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên cha niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đoạn kia là mười tâm hướng về, khi mạng chung nhất định vãng sanh Tịnh Độ. Đó là những ý nghĩa trong kinh Bảo Tích.

(Sớ) Chí như Hoa Nghiêm, viên nghĩa tương thông, dĩ kiến tiền văn. Niệm Phật chi nghĩa, bất khả thắng cử. Như thượng thả tự nhất kinh đại chỉ nhi ngôn. Phiếm luận kinh nghĩa, tắc Duy Ma trượng thất, dung bát vạn tứ thiên sư tử chi tòa. Kim thử Tịnh Độ, thập

⁷¹ Đại Bảo Tích Kinh (Mahā-ratnakūta-sūtra) gồm một trăm hai mươi quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch. Cổ đức giải thích: Do là các pháp Đại Thừa thâm diệu nên gọi là Bảo, do tụ tập vô lượng pháp môn nên gọi là Tích. Kinh được chia thành bốn mươi chín hội, trong ấy hai mươi ba hội (tám mươi quyển) do các vị dịch kinh thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường dịch được gọi chung là Cựu Dịch; hai mươi sáu hội còn lại do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch được gọi chung là Tân Dịch. Nội dung kinh rất rộng, bao gồm Bát Nhã (chẳng hạn hội Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã), Tịnh Độ (hội Vô Lượng Thọ Như Lai), Luật Tông (hội Ma Ha Ca Diếp, hội Tam Tụ Luật Nghi), Bồ Tát hạnh, Mật giáo v.v...

phương vãng sanh, do như vũ điểm, giai sanh thất bảo trì trung, tăng vô trách ải, tức Tịnh Danh nghĩa.

(疏)至如華嚴圓義相通，已見前文，念佛之義，不可勝舉，如上且就一經大旨而言。泛論經義，則維摩丈室，容八萬四千師子之座。今此淨土，十方往生，猶如雨點，皆生七寶池中，曾無窄隘，即淨名義。

(Sớ: Còn như [kinh Di Đà] có ý nghĩa thông với ý nghĩa viên mãn trong kinh Hoa Nghiêm, hãy xem phần trước. Nghĩa lý niệm Phật chẳng thể kể xiết. Những điều được nói trên đây chính là tông chỉ to lớn của kinh này. Nếu bàn chung về ý nghĩa của kinh này thì cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa [ba vạn hai ngàn] tòa sư tử [cao rộng] tám vạn bốn ngàn [do-tuần]. Nay mười phương vãng sanh Tịnh Độ giống như mưa rơi, đều sanh trong ao bảy báu chưa từng chật hẹp, đây chính là nghĩa lý trong kinh Tịnh Danh).

“Nhất kinh đại chỉ” (tông chỉ to lớn của một kinh) chính là niệm Phật vãng sanh. Nói về điều gì? Một bộ kinh to như kinh Hoa Nghiêm nhằm dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đọc cẩn thận kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối, quý vị mới hiểu thành Phật khó khăn, chẳng dễ dàng! Chúng ta suốt cả đời chẳng đạt đến cảnh giới ấy, đối với lý luận và phương pháp [dạy trong kinh Hoa Nghiêm], chúng ta đều chẳng thể làm được trong một đời; nhưng chiêu cuối cùng là dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở đây, đại sư nêu ra nhằm dạy chúng ta “thập tâm hướng vãng”, nhưng kinh Hoa Nghiêm dùng “mười đại nguyện vương”. Đó chính là pháp tu học của các vị Pháp Thân đại sĩ, các Ngài cũng niệm một câu A Di Đà Phật, tín nguyện trì danh; vì sao các Ngài có địa vị cao như thế? Vì các Ngài tu mười đại nguyện vương. Nếu chúng ta cũng tu mười đại nguyện vương, thừa quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị nhất định tăng cao. Do vậy, chính mình nhất định phải làm được điều này, phải tu học sao cho tư tưởng, quan niệm và hành vi của chính mình tuân theo mười đại cương lĩnh ấy.

“Lễ kính chư Phật” là tu cung kính. Kinh Vô Lượng Thọ nói “giai tuân Phổ Hiền chi đức” (đều tuân theo phẩm đức của Phổ Hiền Bồ Tát), phẩm đức của Phổ Hiền chính là mười đại nguyện vương dẫn về

Cực Lạc. Những vị Bồ Tát trong hội Vô Lượng Thọ đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát, đều tu mười đại nguyện vương. Do đây, có thể biết tánh chất trọng yếu của mười đại nguyện vương đối với niệm Phật. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, có những đồng tu cũng tự biết: Làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng? Hãy chiếu theo mười đại nguyện vương để sám trừ nghiệp chướng; nhất định phải sửa đổi tập khí, sửa đổi tâm lý, như vậy thì mới được! Tâm đã sửa đổi, hành vi sẽ tự nhiên đổi theo. Tâm chẳng đổi, chỉ sửa trên phương diện hành vi sẽ rất khó khăn; trong tâm đã sửa đổi, hành vi sẽ tự nhiên biến hóa. Ví như chúng ta nói tới cung kính, chúng ta cung kính một người nào đó, mà chẳng có lòng cung kính thật sự, dù lễ độ kiểu nào đi nữa vẫn là giả vờ, làm điệu làm bộ, chẳng phát xuất từ nội tâm. Nếu phát xuất từ nội tâm, dầu người ấy chưa từng đi học, chưa từng học qua lễ tiết, vẫn tự nhiên biểu hiện rất cung kính. Trong quá khứ, tôi đã thấy [những trường hợp giống như vậy] rất nhiều!

Năm Dân Quốc 38 (1949) tôi đến Đài Loan, năm 39 (1950) tôi theo lão Tổng Thống (Trưởng Giới Thạch), văn phòng của tôi ở sát vách văn phòng của ông ta, tôi thấy nhiều lắm. Sau này, tôi học Phật mới hoảng nhiên đại ngộ! Nếu mỗi người chúng ta đều có lòng cung kính giống như lòng cung kính đối với Tổng Thống thì lễ kính chư Phật sẽ viên mãn. Văn phòng của chúng tôi được thiết kế theo kiểu nội thất Nhật Bản, mỗi người bước vào phạm vi của văn phòng Tổng Thống đều bước nhẹ chân, đều chẳng dám gây tiếng động, chú ý, cẩn thận đi qua. Gặp mặt đều khẽ gật đầu, chẳng dám nói lớn tiếng, thái độ cung kính tự nhiên lộ ra. Ai dạy họ? Chẳng ai dạy cả! Như vậy là cái tâm tự nhiên ảnh hưởng đến hành vi. Từ biểu hiện bên ngoài có thể thấy được tấm lòng cung kính thật sự của một người. Chúng ta có cái tâm như thế sẽ học Phật thành công, có thể tu viên mãn điều nguyện “*lễ kính chư Phật*”. Ngày nay chúng ta quá thiếu sót điều này, cho nên chẳng niệm một câu Phật hiệu tốt đẹp. Có chướng ngại thì làm sao niệm cho tốt đẹp được?

“*Xung tán Như Lai*”: Cô nhân Trung Quốc dạy chúng ta “*ẩn ác, dương thiện*” (ẩn giấu điều ác, đề cao điều thiện), thấy mặt tốt của chúng sanh, chúng ta phải tán thán, cổ vũ, khích lệ; thấy mặt ác của họ, đừng nói, để họ tự phản tỉnh, tự mình sám hối. Đây là để nuôi dưỡng lòng trung hậu của chính mình. Vì thế, quở trách kẻ khác chẳng phải là chuyện đơn giản! Chẳng có mối quan hệ sâu dày, người ta thấy quý vị phạm lỗi, chẳng thể nói với quý vị được. Quý vị có lỗi làm, ai sẽ nói? Cha mẹ quý vị nói, thầy dạy nói, thầy có nghĩa vụ dạy bảo quý vị. Lại còn có những người bạn tốt nhất của quý vị, uốn nắn làm lỗi, khuyên lơn

điều lành. Không có những mối giao tình như thế, không có quan hệ mật thiết như vậy, quý vị có làm càn, làm quấy, người ta chẳng nói gì! Khi cụ Chương Thái Viêm còn sống, từng bị Viên Thế Khải nhốt trong ngục hơn một tháng. Vì sao cụ bị Viên Thế Khải nhốt? Cụ Chương Thái Viêm chẳng chửi mắng Viên Thế Khải. Viên Thế Khải mong được Chương Thái Viêm chửi hấn mấy câu, mà cụ chẳng chịu chửi, nên mới giam cụ lại. Quý vị phải biết: Họ cũng là bạn bè rất thân thiết, [cụ Chương] chẳng chửi hấn có nghĩa là “gã ấy kẻ như xong rồi”, chẳng đáng cho ta chửi nữa! Không có tư cách nghe chửi! Đáng chửi thì nói cách khác là người ấy vẫn còn cứu được! Không thêm chửi tức là kẻ ấy hết cách cứu rồi! Chửi để làm gì? Nếu còn coi trọng hấn thì còn nghĩ cách để giúp đỡ hấn.

Thầy đối với trò cũng giống như thế. Khi chúng tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, có học sinh khi thầy thấy mặt bèn rất dữ dằn, trong cách đối đãi, chưa hề tươi cười với người ấy, không chửi thì cũng đánh. Đó là thầy rất coi trọng người ấy. Còn đối với những học sinh khác, thầy gặp mặt rất khách sáo, đối đãi giống như khách, thấy người ấy phạm lỗi tuyệt đối chẳng nói một câu nào, đó là bỏ mặc, chẳng còn có cách nào dạy nữa! Chẳng phải là thầy thiếu từ bi, vì sao thầy bỏ mặc? Nói đến hấn, hấn liền đốp chát lại, không phục, muốn cãi lý với thầy, thôi đi, từ đây về sau không dạy nữa. Kẻ ấy chẳng biết phản tỉnh, chẳng biết kiểm điểm, tự cho là đúng. Trong các đồng học chúng tôi có không ít người như vậy, thầy buông bỏ; hằng ngày bị mắng mỏ, giáo huấn chính là thầy yêu thương đấy!

“*Cúng dường*” có ý nghĩa hết sức rộng, đặc biệt chú trọng pháp cúng dường, tức là đem Phật pháp giới thiệu với người khác, khuyến khích mọi người cùng tu. Sau đợt Phật Thất lần này, tôi có một ý tưởng dành cho Quán Trưởng suy xét, xem có thể thực hiện được hay không. Chúng ta có thể lập ra mấy ban niệm Phật nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phong khí niệm Phật. Khi lập ra ban niệm Phật, đạo tràng này của chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, chuyên giảng kinh điển Tịnh Độ, hy vọng mỗi vị đồng tu đều học thuộc nghi thức niệm Phật, mỗi người đều có thể đánh pháp khí, mỗi người đều có thể lãnh chúng, đạo tràng này nhất định hưng vượng. Người đông, chỗ chúng ta nhỏ, nên luân phiên niệm Phật. Trước hết, chúng ta lập ra mười ban, sau này khi đả Phật Thất, mỗi ban luân phiên chịu trách nhiệm tổ chức. Sau này, người đông hơn, có sức mạnh, đạo tràng chúng ta có thể mở rộng, có một giảng đường, một Niệm Phật Đường, chẳng cần phải mỗi ngày dọn bàn ghế, trong Niệm Phật Đường niệm Phật, trong giảng đường nghe kinh, thuận tiện lắm! Vì

thế, thứ gì cũng đều phải học, nhất là pháp khí trong nghi thức niệm Phật đơn giản, chẳng rắc rối.

Chiếu theo mười đại nguyện vương để tu học, đó là nguyên tắc tu hành trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta đãi người tiếp vật niệm niệm đừng quên mười nguyện này, mười nguyện này là cương lĩnh cho cuộc sống của chúng ta. Trong một đời này, đãi người, tiếp vật chiếu theo mười điều giáo huấn này để làm. Vì thế, ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm và ý nghĩa của kinh này tương thông. Trong tương lai, quý vị sẽ thấy [điều này] rõ ràng, minh bạch hơn qua kinh Vô Lượng Thọ. “*Niệm Phật chi nghĩa, bất khả thắng cử*” (nghĩa lý niệm Phật chẳng thể kể xiết), quá ư là nhiều, đúng là ngàn kinh vạn luận chỗ nào cũng chỉ dẫn, hướng về!

“*Phiếm luận kinh nghĩa, tắc Duy Ma trượng thất*” (bàn chung chung ý nghĩa của kinh thì cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma), đây là kinh Duy Ma. Trong kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu vị cư sĩ như ngài Hiền Hộ là Đẳng Giác Bồ Tát. Cư sĩ Duy Ma là Phật, thuở Phật tại thế, trong thế gian này có hai vị Phật, một vị là đức Phật xuất gia, một vị là Phật tại gia. Đôi bên hợp tác như thế để giáo hóa chúng sanh, địa vị bình đẳng. Tỳ-kheo xuất gia như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là bậc đại tỳ-kheo thọ Cụ Túc Giới, trông thấy ngài Duy Ma bèn đánh lễ ba lạy, nhiều theo chiều bên phải ba vòng.

Đầu thời Dân Quốc, Âu Dương Cán Hộ Vô lập Chi Na Nội Học Viện, đào tạo không ít nhân tài. Thái Hư đại sư là học sinh dự thính, Lương Khải Siêu là học sinh chính thức. Đầu thời Dân Quốc, có nhiều vị đại cư sĩ, đại đức trong giới Phật học đều tốt nghiệp từ trường ấy. Những bài giáo huấn của Nội Học Viện viết rất rõ ràng, trích dẫn kinh điển để làm căn cứ nói với mọi người. Trong Phật môn, “*thầy là lớn nhất*”, vì Phật pháp quả thật là nền giáo dục của đức Phật, mà trong giáo dục thì thầy là lớn nhất. Thầy không nhất định là người xuất gia hay tại gia, chỉ cần người ấy là thầy thì là lớn bậc nhất. Ngài Duy Ma là thầy, vì thế, người xuất gia thấy Ngài chẳng khác gì thấy Phật, quý vị phải tôn sư trọng đạo. Thuở đức Phật tại thế đã dùng trường hợp này hiển thị cho chúng ta thấy. Trải qua các đời cũng giống như thế. Huyền Trang đại sư cầu học tại Ấn Độ có hai vị thầy, một là người tại gia, vị kia là người xuất gia. Vị xuất gia là luận sư Giới Hiền (Śīlabhadra), trụ trì chùa Na Lan Đà (Nālandā), vị tại gia là cư sĩ Thắng Quân. Ngài Huyền Trang đối đãi, lễ kính với hai vị thầy chắc chắn chẳng khác nhau. Chẳng thể nói

quý vị là người xuất gia, người kia là cư sĩ tại gia, có thể khinh mạn đôi chút.

Cư sĩ thăng tòa giảng kinh, người xuất gia khi đến nghe phải lễ bái. Nếu không lễ bái, sẽ phạm lỗi, vì người ấy đã thăng tòa thay mặt Phật nói pháp. Thăng tòa là thuộc địa vị thầy. Khi quý vị chẳng thăng tòa, chúng ta ở cùng một chỗ, tôi là người xuất gia, quý vị là người tại gia, có khi quý vị lễ bái, tôi chẳng khách sáo, tôi cũng nhận lễ. Khi quý vị thăng tòa, tôi không dám; khi quý vị dạy học, tôi nhất định không dám. Khi quý vị trực tiếp chỉ dạy tôi, thì lúc bình thường tôi cũng không dám [nhận lễ]. Chẳng hạn như tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung, Ngài dạy tôi Phật pháp, tôi học với Ngài mười năm. Lúc bình thường tôi cũng chẳng dám tiếp nhận Ngài đánh lễ, chắc chắn chẳng dám! Ngài chẳng cho chúng tôi đánh lễ, lễ bái, đó là Ngài khách sáo! Đúng ra, hễ chúng tôi gặp mặt Ngài đều phải đánh lễ, đó mới là đúng! Ngài khách sáo, cho nên đó là chuyện khác; nhưng khi thăng tòa giảng kinh, nhất định phải lễ. Hiện thời, có những người quên mất chuyện này, cứ nghĩ người xuất gia, mặc một bộ quần áo rộng tay là đáng nên tiếp nhận hết thảy mọi người lễ bái, quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm!

Kinh nói: Trưởng giả Duy Ma từ chỗ Tu Di Đẳng Vương Phật mượn “*ba vạn hai ngàn tòa sư tử*”, vì Ngài thuyết pháp, có nhiều vị Bồ Tát từ mười phương đến nghe. Trong phòng Ngài chẳng có ghế ngồi, căn phòng bao lớn? “*Trượng thất*” là căn phòng hình vuông, mỗi bề một trượng. Ngài đến chỗ Tu Di Đẳng Vương Phật mượn ba vạn hai ngàn tòa sư tử. Mỗi một tòa sư tử đều cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, đặt trong cái thất vuông vức một trượng ấy, mà căn phòng chẳng bị chật chội. Đó là thần thông. Tòa sư tử chẳng bị rút nhỏ, căn phòng của Ngài chẳng phình to, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, thường nói là “*giới tử nạp Tu Di*” (núi Tu Di nhét vào hạt cải), là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

“*Kim thử Tịnh Độ, thập phương vãng sanh*” (Nay cõi Tịnh Độ này, mười phương vãng sanh), rốt cuộc Tây Phương Cực Lạc thế giới bao lớn? Người trong mười phương vô lượng vô biên thế giới nhiều đường ấy đều vãng sanh, Tây Phương Cực Lạc thế giới chứa được hay không? Nêu lên chuyện cái thất vuông vức một trượng của trưởng giả Duy Ma có thể chứa ba vạn hai ngàn tòa sư tử, thần lực của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, hàng phàm phu chúng ta chắc chắn chẳng thể tưởng tượng được, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Dung lượng của ao bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng vô biên, có cùng một ý nghĩa với

cái thất vuông vức một trượng của trưởng giả Duy Ma, “*tức Tịnh Danh nghĩa*” (chính là nghĩa lý trong kinh Tịnh Danh), chuyện là như vậy đó.

(Sớ) Như Lai Thân Lực Phẩm, Thích Ca dữ thập phương chư Phật, đồng xuất quảng trường thiết tướng, nữ chí Phạm Thiên, vị tán tán Pháp Hoa cổ. Kim thử lục phương tán tán diệc phục như thị, tức Pháp Hoa nghĩa.

(疏) 如來神力品，釋迦與十方諸佛，同出廣長舌相，乃至梵天，為讚歎法華故，今此六方讚歎亦復如是，即法華義。

(Sớ: Trong phẩm Như Lai Thân Lực, Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng hiện tướng lưỡi rộng dài thấu tận cõi trời Phạm Thiên để tán tán kinh Pháp Hoa. Nay trong kinh này, sáu phương tán tán cũng giống như thế, đây là nghĩa lý trong kinh Pháp Hoa).

Đây là dẫn phẩm Như Lai Thân Lực của kinh Pháp Hoa, [để chứng tỏ] kinh này và kinh Pháp Hoa ý nghĩa tương thông, tương thông ở chỗ nào? Mười phương chư Phật tán tán. Trong kinh Pháp Hoa, mười phương chư Phật tán tán; trong kinh này, mười phương chư Phật cũng tán tán. Từ kinh điển, chúng ta thấy hết sức rõ ràng.

(Sớ) Lược cử thiểu phân, thông chư Đại Thừa, dư bất phiền tự.

(疏) 略舉少分，通諸大乘，餘不繁敘。

(Sớ: Nêu đại lược ít phân [nhằm chứng tỏ kinh này có ý nghĩa] tương thông các kinh Đại Thừa, những điều khác chẳng mất công trình bày nữa).

Đây là lời tổng kết, nêu ra mấy điều như thế; đối với những điều khác, nếu mỗi điều đều nêu ra thì nhiều quá, kể chẳng hết! Phàm là kinh luận nói đến Tịnh Độ, cổ nhân đã biên soạn một mục lục, bộ kinh nào nói đến Tịnh Độ, khuyên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [danh sách các bộ kinh ấy] gần như gồm mấy trăm loại. Quý vị mới biết cổ nhân nói: “*Thiên kinh vạn luận xứ xứ chỉ quy*” (ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về) chẳng phải là nói tùy tiện, mới biết chỗ thù thắng của pháp môn này. Chỉ có một mục đích này, khuyên chúng ta hãy chết sạch

lòng so đo, khẳng khái niệm Phật, dùng thời gian ngắn nhất để đạt được thành tựu cao nhất.

(Sớ) Hựu Khởi Tín nhân duyên phân.

(疏) 又起信因緣分。

(Sớ: Lại nữa, trong phân nhân duyên của luận Khởi Tín).

Khởi Tín là Đại Thừa Khởi Tín Luận, gồm có năm phần, tức là năm chương. Nhân Duyên là chương thứ nhất.

(Sớ) Sớ minh Tín vị sơ tâm hữu tứ chủng cơ, dĩ lễ sám, diệt tội bị sơ cơ, dĩ tu tập Chỉ Quán bị trung cơ, dĩ cầu sanh Tịnh Độ bị thượng cơ.

(疏) 疏。明信位初心有四種機：以禮懺滅罪被初機，以修習止觀被中機，以求生淨土被上機。

(Sớ: Trong lời Sớ giảng rõ: Địa vị sơ tâm trong Thập Tín có bốn loại căn cơ, dùng lễ sám, diệt tội để gia bị sơ cơ, dùng tu tập Chỉ Quán để gia bị trung cơ, dùng cầu sanh Tịnh Độ để gia bị thượng cơ).

“Bị” (被) có nghĩa là gia bị. Khởi Tín Luận cũng đề xướng Tịnh Độ, khuyên chúng ta vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, mấy câu này cũng rất quan trọng. “Tín vị sơ tâm”: Tín vị là địa vị Thập Tín, [sơ tâm] là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Địa vị Sơ Tín có bốn loại căn cơ khác nhau, đây là nói thượng, trung, hạ. Trong Khởi Tín Luận, điều thứ năm là “*vi thị phương tiện, tiêu ác nghiệp chướng, thiện hộ kỳ tâm, viễn ly si mạn, xuất tà vọng cố*” (nhằm chỉ bày phương tiện để tiêu trừ nghiệp chướng ác, khéo giữ gìn cái tâm, xa lìa si mạn, thoát khỏi lưới tà). Đây là dạy cho chúng ta một phương pháp tu học thuận tiện, nhằm mục đích tiêu nghiệp chướng, giữ gìn đạo tâm, ắt phải xa lìa ngu si, kiêu mạn, tà kiến, điều này rất quan trọng! Nếu chúng ta chẳng thể lìa bỏ ngu si, kiêu mạn, tà kiến, sẽ chẳng có cách nào. Trong Phật môn nói loại chúng sanh này căn khí chưa chín muồi, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chỉ có thể nói là cùng tu tập giúp cho người ấy thành tựu một chút thiện căn mà thôi, người ấy chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chúng sanh căn cơ

chín muôi là gì? Theo tiêu chuẩn của Khởi Tín Luận, chúng sanh căn cơ chín muôi chắc chắn thành tựu trong một đời này.

Tà - chánh, chân - vọng, đúng - sai, lợi - hại chẳng phân biệt rõ ràng, đó là ngu si. Gì là tà, gì là chánh, quý vị phải biết rõ ràng. Ngu si là thiếu trí huệ. “*Kiêu mạn*” là kiêu ngạo và ngạo mạn, bệnh này ai cũng có, là tật bẩm sinh, chẳng cần phải học, tự nhiên mà có! Trong Lễ Ký, Khổng Phu Tử đã nói: “*Ngạo bất khả trường*” (đừng nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo). Hết thấy chúng sanh có ai chẳng kiêu ngạo? Ngay cả kẻ ăn mày, trông thấy người có tiền ngồi xe hơi vút qua, kẻ ấy vẫn hứ một tiếng: “Quý báu cái nổi gì! Chẳng qua là có mấy đồng tiền thôi tha mà thôi!” Kẻ ấy vẫn cảm thấy chính mình ghê gớm lắm! Vì thế, ngạo mạn là tật bẩm sinh, là đại phiền não. Dưới tham, sân, si là mạn; vì thế, nhất định phải đoạn. Phật pháp sở dĩ lấy “*lễ kính chư Phật*” làm điều đầu tiên nhằm đối trị kiêu mạn vì đây là một phiền não rất to. Nếu chẳng trừ khử được, sự tu hành của chúng ta nhất định bị chướng ngại. Quý vị có thể lìa khỏi ngu si, kiêu mạn, tà kiến thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, đạo tâm sẽ kiên cố. Đây là nguyên tắc tu học được dạy trong Khởi Tín Luận.

Điều thứ sáu là “*vị thị tu tập Chỉ Quán, đối trị phàm phu Nhị Thừa tâm quá cố*” (vì dạy tu tập Chỉ Quán, nhằm đối trị những lỗi lầm nơi tâm của phàm phu và Nhị Thừa), đây chính là chỉ dạy chúng ta tu hành Chỉ Quán. Nay chúng ta có cần dùng phương pháp này của luận Khởi Tín hay không? Chẳng cần thiết! Niệm Phật là tu Chỉ Quán. Cớ sao niệm Phật là Chỉ Quán? Khi niệm Phật, tất cả hết thấy vọng niệm đều “*chỉ trụ*”, “*chỉ*” (止) là ngưng dứt, ngưng dứt thì chính là tu Chỉ. Một câu A Di Đà Phật từng chữ rõ ràng, phân minh, đó là Quán. Vì thế, chúng ta chẳng cần chuốc lấy phiền phức. Quý vị học Pháp Hoa, chẳng dùng cách tu của Ma Ha Chỉ Quán: Tiểu Chỉ Quán lẫn Đại Chỉ Quán đều chẳng cần phải hành. Quý vị đọc luận Khởi Tín, cũng chẳng cần phải sử dụng Chỉ Quán, một câu A Di Đà Phật trọn đủ Chỉ và Quán; phương pháp dễ dàng hơn, lại đỡ tốn công, còn có sức mạnh. Hiệu quả và sức mạnh ấy chắc chắn chẳng kém Ma Ha Chỉ Quán, dùng phương pháp này để tu học.

Điều thứ bảy, “*vị thị chuyên niệm phương tiện*” (nhằm chỉ dạy phương tiện chuyên niệm). Niệm Phật nhằm nói với người thượng căn. Đối với kẻ hạ căn, có thể dạy họ sám hối để tiêu nghiệp chướng, giữ gìn đạo tâm, đó là “*lễ sám diệt tội*”. Căn cơ bậc trung thì tu Chỉ Quán, giúp họ tu Định. Đối với người căn cơ bậc thượng, liền dạy họ niệm Phật. Trong luận Khởi Tín, dạy người căn cơ bậc thượng niệm Phật; niệm Phật

là phương tiện chuyên niệm. “*Sanh ư Phật tiền, tất định bất thoái tín tâm*” (sinh ở trước Phật, tín tâm nhất định chẳng lui sụt), vì đây là lời nói ngàn vạn phần xác đáng. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất trong tất cả các pháp môn; trong lời tựa cho bộ kinh Vô Lượng Thọ, cư sĩ Mai Quang Hy đã nói như thế. Nếu chẳng phải là người thật sự đạt tâm đắc từ pháp môn Niệm Phật, kẻ ấy sẽ chẳng biết sự vi diệu của pháp môn này, chẳng phải là người thông đạt biển giáo, sẽ chẳng biết chỗ thù thắng của bộ kinh này. Quý vị thật sự thông đạt biển giáo, hết thầy kinh luận đều xem qua, quý vị có năng lực so sánh, sẽ thấy rộng rãi! Cổ nhân đã nói: “*Chẳng sợ không biết giá trị, chỉ sợ so đo giá trị*”. Quý vị lật Đại Tạng Kinh ra xem, so sánh tất cả, sau khi so sánh xong xuôi hết cả rồi, mới biết kinh này hay nhất! Vì thế, trong những khóa giảng trong quá khứ tôi thường nói: Nếu đem hết thầy các kinh bày ra trước mặt, chỉ được phép chọn một bộ, tôi nhất định chọn kinh A Di Đà, đủ rồi! Nếu còn có thể chọn thêm một bộ nữa, tôi chọn kinh Hoa Nghiêm. Như vậy là kinh Hoa Nghiêm thuộc hạng hai, kinh Di Đà là bậc nhất, hết sức khẩn yếu!

Những vị đại đức xưa nay, phàm những vị quay về Tịnh Độ đều là những người đã đi theo rất nhiều đường lối oan uổng. Trực tiếp đi theo Tịnh Độ, tôi vẫn chưa nghe nói có một ai, đều là đi đường vòng thật rộng, đến cuối cùng quay về Tịnh Độ, ngay cả Ấn Quang đại sư cũng vậy. Ngài Ấn Quang là tông sư Tịnh Độ Tông đương đại, Ngài cũng chẳng phải là vừa học Phật bèn chọn Tịnh Độ. Ngài cũng học rất nhiều thứ, đến cuối cùng trở về Tịnh Độ. Ngài sống tại Tàng Kinh Lâu của Phổ Đà Sơn ba mươi năm, quản thủ thư viện, xem kinh suốt ba mươi năm; vì thế, nội dung bộ Văn Sao của Ngài bác đại tinh thâm, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều có. Sách vở trong Tàng Kinh Lâu của nhà chùa hết sức hoàn bị, trừ kinh Phật ra, còn có sách vở thế gian. Tổ Ấn Quang trụ tại đó ba mươi năm, Ngài đọc thông suốt pháp thế gian lẫn xuất thế gian; vì thế, Ngài mới chết sạch lòng so đo, khẳng khái niệm Phật.

(Sớ) Sơ vị nghiệp chướng chúng sanh, trung vị phàm phu Nhị Thừa, tất tri Tịnh Độ thị Đại Thừa Bồ Tát sở tu hỷ.

(疏) 初謂業障眾生，中謂凡夫二乘，則知淨土是大乘菩薩所修矣。

(Sớ: Trước hết, nói đến chúng sanh nghiệp chướng, kế đó, nói đến phàm phu và Nhị Thừa, nên biết Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát vậy).

Mã Minh Bồ Tát viết Đại Thừa Khởi Tín Luận. Mã Minh Bồ Tát vốn là người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau đây, Long Thọ Bồ Tát cũng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Qua bộ luận, chúng ta đã thấy hết sức rõ ràng, “*sơ cơ*” là nói kẻ nghiệp chướng sâu nặng, phải khởi sự từ lễ sám diệt tội. Nếu vừa bắt đầu bèn bảo họ niệm Phật, tuy là gieo hạt giống nơi Tịnh Độ, nhưng kẻ ấy có chướng ngại, chẳng thể niệm Phật hiệu tốt đẹp được! Vì thế, nhất định phải lễ sám diệt tội, trước hết phải trừ chướng ngại nơi Bồ Tát đạo của chính mình, sau đó quý vị mới có thể đi thông suốt [trên con đường ấy].

Căn cơ bậc trung là phàm phu và Nhị Thừa, tuy nghiệp chướng nhẹ hơn một chút, nhưng họ phải tu Định để cái tâm định lại, sau đây mới có thể tu đạo. Tâm định rất quan trọng, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều cần “*định công*”. “*Định công*” thường được gọi thông tục là sự chuyên tâm, hay chuyên nhất. Nếu quý vị có thể chuyên nhất, bất luận chuyện gì cũng đều có thể thành tựu. Đáng sợ là tam tâm, nhị ý, sẽ rất khó khăn, nhất định phải chuyên dốc sức nơi một môn. Người căn cơ thượng đẳng sẽ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát.

(Sớ) Nghĩa lý sở cai, tổng kết thượng văn.

(疏) 義理所該，總結上文。

(Sớ: Nghĩa lý bao trùm trọn vẹn là lời tổng kết cho những đoạn kinh văn trong phần trước).

Đây là lời giải thích cho câu văn trong phần lời Tựa.

(Sớ) *Khiên vuu giả, khinh hủy thủ kinh, tức khinh hủy Đại Thừa, hoạch tội vô lượng cố.*

(疏) 愆尤者，輕毀此經，即輕毀大乘，獲罪無量故。

(Sớ: “Tội khiên”: Khinh rẻ, hủy báng kinh này chính là khinh rẻ, hủy báng Đại Thừa, chuốc tội vô lượng).

Đoạn lời tựa trong phần trên đã đặc biệt cảnh tỉnh, răn nhắc chúng ta, “*bất ưng thị đồng thiên cận, tự thủ khiên vuu*” (đừng nên coi kinh là nông cạn, tự chuốc lấy tội khiên), tự mình gây tạo tội lỗi. Vì thế, phải biết vị trí của bộ kinh này trong toàn bộ Phật pháp, hết thảy chư Phật dùng kinh này để giáo hóa chúng sanh, chúng ta phải hiểu tánh trọng yếu của nó. Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp gỡ pháp môn này, có may mắn lý giải pháp môn này, thật sự nhận biết pháp môn này; đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, hy vọng mọi người sẽ trân quý, chẳng đến nỗi bỏ lỡ một đời này. Tu hành càng nhanh càng tốt, chớ nên chần chừ, điều này rất quan trọng. Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đoạn này.

Tập 78

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi lăm.

Tứ, sở bị giai phẩm.

四、所被階品。

(Bốn, phẩm vị được hóa độ bởi kinh này).

“Giai” (階) là giai cấp, có ý nghĩa các tầng bậc sai khác, “phẩm” (品) là phẩm loại. Khi giới thiệu đại ý của cả bản kinh, phần này cũng là

một hạng mục trọng yếu. [Sở bị giai phẩm] có nghĩa là căn khí, đẳng cấp như thế nào mới có thể học kinh này, mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Vì thế, cần phải tìm hiểu. Sau khi hiểu rõ, chính mình mới biết căn tánh và trình độ hiện thời của chúng ta có thích hợp để tu học hay không? Trong phần này, chia thành hai đoạn, đoạn thứ nhất là Liễu Giản, đoạn thứ hai là Tổng Thâu. Đoạn thứ nhất (Liễu Giản) là chọn lọc, phân chia, phân biệt.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh, văn lược, nghĩa phong, ngôn cận, chỉ viễn, vị ủy bị hà căn khí, hữu hà giai đẳng? Tiên minh liễu giản, tiên tam phi khí, vị vô tín giả, vô nguyện giả, vô hạnh giả, phản thị giai khí.

(玄義)已知此經，文略義豐，言近旨遠，未委被何根器，有何階等？先明料簡，前三非器，謂無信者、無願者、無行者，反是皆器。

(Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này văn tự giản lược, ý nghĩa phong phú, lời lẽ gần gũi, ý chỉ sâu xa, chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào, có những địa vị, tầng cấp như thế nào? Trước hết, nói về sự chọn lọc căn khí. Đầu tiên là ba loại chẳng phải là căn khí, tức là kẻ không có lòng tin, kẻ chẳng nguyện, kẻ chẳng có hạnh. Nếu không phải là những hạng người ấy thì đều là căn khí [thích hợp với kinh này]).

Hai câu đầu nhằm nói: Qua những điều được nói trong phần trước, chúng ta đọc xong, biết kinh văn của bộ kinh này tuy giản lược, nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy vô cùng phong phú. Câu văn thoạt nhìn đơn giản, nhưng ý nghĩa hết sức sâu xa. Đại khái, đã thấu hiểu điều này, nhưng chẳng biết hạng người có căn khí nào, thuộc giai tầng nào, phẩm loại nào mới thích hợp tu học pháp môn này. Trước khi tu học pháp môn này, chúng ta cần phải biết những điều này.

Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Trước hết là phân loại, chọn lọc, phân chia, sắp xếp [căn tánh của hành nhân]. Trước hết, nói ba loại căn khí trong phần trên là “phi khí”, tức là những kẻ chẳng thích hợp tu học pháp môn này. Nói “căn khí” là vì kinh Phật thường dùng chữ “khí” để làm tỷ dụ. Thí dụ như “khí mãnh” (器皿: đồ đựng) ắt phải hoàn chỉnh thì mới có tác dụng, giống như chúng ta có chén trà. Chén trà này tốt đẹp thì

gọi là “*khí*”; nếu nó bị nứt, chẳng thể gọi là “*khí*”. Rót nước vào sẽ bị rò rỉ, chẳng thể dùng được!

Ba loại nào là phi khí? Đây là những kẻ chẳng thích hợp tu học pháp môn này, ở đây nói rất rõ ràng. Thứ nhất là “*vô tín giả*”, [tức là] kẻ ấy chẳng tin tưởng. Đối với chuyện niệm Phật đời nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới kẻ ấy chẳng tin tưởng, vậy thì tu học pháp môn này vô ích, chẳng đạt được điều tốt đẹp. Thứ hai là “*vô nguyện giả*”, thiếu nguyện, tuy tin tưởng, mà chẳng mong vãng sanh. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng hoài nghi, nhưng trọn chẳng hâm mộ, chẳng có ý nghĩ cầu sanh Tây Phương. Đối với kẻ này cũng chẳng có cách nào hết, sức mạnh của kinh này chẳng phát sanh tác dụng đối với hắn. Thứ ba là “*vô hạnh giả*”, tuy có tín nguyện, nhưng chẳng niệm Phật, chẳng chịu niệm Phật thì cũng chẳng có cách gì hết, cũng chẳng thể thành công! Trừ ba hạng người này ra, nói cách khác, ai nấy đều có phần, “*phản thị giai khí*” (ngược lại thì đều là căn khí thích hợp), đủ thấy pháp môn này rộng lớn! Đó gọi là “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thân*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thân lợi căn lẫn độn căn); chỉ cần quý vị tin tưởng, bằng lòng vãng sanh, quý vị chịu niệm Phật là được. Đây là căn khí của pháp môn này.

(Sớ) Tiên minh căn khí, hữu thị, hữu phi.

(疏) 先明根器，有是有非。

(Sớ: Trước hết nói về căn khí, có căn khí thích hợp, có căn khí chẳng thích hợp).

“*Thị*”: Người ấy là căn khí tu pháp môn Niệm Phật. “*Phi*”: Người ấy chẳng phải là căn khí của pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) Thứ biệt giai đẳng, hữu thắng, hữu liệt.

(疏) 次別階等，有勝有劣。

(Sớ: Kế đó là phân biệt phẩm cấp, có phẩm cấp thù thắng, có phẩm cấp hèn kém).

Sự sai biệt trong tầng cấp, phẩm vị rất lớn. Kinh sớ đều nói rất rõ ràng.

(Sớ) Dục linh xả phi tùng thị.

(疏) 欲令捨非從是。

(Sớ: Nhằm làm cho [người nghe] bỏ sai, theo đúng).

Pháp môn này ai nấy đều có phần, quý vị chẳng tin thì không có cách nào hết. Chỉ cần quý vị có đủ tín, nguyện, hạnh, sẽ có phần nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên nói là “*xả phi tùng thị*”.

(Sớ) Khí liệt thủ thắng.

(疏) 棄劣取勝。

(Sớ: Bỏ hèn kém, lấy thù thắng).

Đây là vấn đề trọng yếu nhất trong đoạn này.

(Sớ) Tín, vị tín sanh Phật bất nhị. Chúng sanh niệm Phật, định đắc vãng sanh, cứu cánh thành Phật cố.

(疏) 信，謂信生佛不二，眾生念佛，定得往生，究竟成佛故。

(Sớ: Tín nghĩa là tin chúng sanh và Phật chẳng hai. Chúng sanh niệm Phật nhất định được vãng sanh, rốt ráo thành Phật).

Đây là điều chúng ta trước hết phải tin tưởng. Từ kinh luận, quý vị có thể quan sát thấy, hoặc đọc từ ngữ lục của tổ sư, quý vị biết học Phật nhất định phải hỏi, học hỏi! Nhất định phải hỏi. Nếu quý vị chẳng chịu hỏi, có rất nhiều ý nghĩa nghe xong, chưa chắc quý vị đã thật sự hiểu được ý nghĩa đó, mà có thể là nghe sai lệch, hiểu cong queo, đây mới là oan uổng! Chúng ta chẳng hiểu cong queo, cũng phải hỏi xem có phải là ý nghĩa ấy hay không? Thuở đức Phật tại thế, trong mỗi hội [giảng kinh], nói chung, các đệ tử nêu lên nhiều câu hỏi. Lý giải hoàn toàn chẳng sai lầm cũng phải thỉnh giáo đức Phật, đức Phật bèn ân chứng ngay khi đó: “*Như thị, như thị*” (đúng như thế, đúng như vậy), ông lãnh hội chẳng sai. Nếu sai lầm, đức Phật lại uốn nắn vị ấy. Hiện thời, chúng ta học Phật sơ dĩ chẳng thành tựu là vì không hỏi. Nếu chính người ấy hiểu sai lệch, ra ngoài cũng sẽ nói sai. Đương nhiên chính người ấy chẳng biết mình sai; nếu biết là sai, sẽ chẳng sai nữa. Chính mình sai mà không biết, lại chẳng chịu hỏi han, vậy thì còn có cách nào nữa đây? Cho nên nói là

“không còn có cách nào cả!” Bởi vậy, ở Đài Loan, chúng tôi giảng kinh chỉ là giảng, giảng xong thì thôi, tại Đài Loan quen thói như thế, chứ ở ngoại quốc thì không được. Ở ngoại quốc, giảng một tiếng đồng hồ, tối thiểu phải dành nửa tiếng để mọi người nêu câu hỏi. Có khi thời gian thắc mắc còn dài hơn thời gian giảng. Họ chịu hỏi, hỏi hết sức nhiệt tình, khác hẳn phong cách của chúng ta ở nơi đây. Phong cách của chúng ta ở nơi đây giống như Khổng lão phu tử tán thán Nhan Hồi, Nhan Hồi nghe Khổng Tử giảng chưa hề nêu câu hỏi, nhưng Ngài thật sự hiểu.

Thứ nhất là phải tin Phật và chúng sanh là một, không hai; mê thì gọi là chúng sanh, giác bèn gọi là Phật. Mê là gì? Ngộ là gì? Phải hiểu rõ ràng! Mê hay ngộ chẳng phải ở bên ngoài, mê hay ngộ ở bên trong, ở trong tâm! Cái gì mê? Tâm mê! Cái gì ngộ? Tâm khai ngộ! Tâm chẳng mê, gọi là Phật. Tâm chẳng ngộ, gọi là chúng sanh. Phật là chúng sanh tâm địa giác ngộ, chúng sanh mê mất chư Phật trong tự tánh. Cô nhân nói: “*Chư Phật tâm nội chúng sanh, trần trần lưu chuyển*” (chúng sanh ở trong tâm chư Phật, lưu chuyển từng vi trần), luân hồi trong lục đạo, “*chúng sanh tâm trung chư Phật, niệm niệm chứng chân*” (chư Phật ở trong tâm chúng sanh chứng chân lý trong mỗi niệm). Vì thế, chúng sanh và Phật là một, không hai. Mê là mê cái tâm này, ngộ là ngộ cái tâm này. Lại nói thật cùng quý vị, tâm đâu có mê hay ngộ? Nếu tâm có mê và ngộ, cái tâm ấy chẳng thể gọi là chân tâm! Tâm quả thật chẳng có mê hay ngộ; vì thế, mê là hư vọng, chẳng chân thật. Tuy chẳng chân thật, nhưng quả thật có chuyện ấy, có chuyện như vậy.

Học Phật, không gì chẳng nhằm trừ khử mê tình mà thôi. Hễ học Phật, vừa bắt đầu bèn truyền trao Tam Quy Y, Tam Quy Y là truyền dạy tổng cương lĩnh tu học Phật pháp cho quý vị. Thứ nhất là “giác chứ không mê”, đó là Quy Y Phật. Phật là tự tâm giác, giác chứ không mê bèn gọi là Phật. Quy (皈) là trở về, quy là quay lại, từ đâu trở về? Từ mê quay trở lại, nương theo tự tánh giác thì gọi là Quy Y Phật. Từ tà, tức tà tri tà kiến, tức là từ tri thức, kiến giải, ý nghĩ sai lầm của quý vị mà quay lại, nương theo điều chính xác, nương theo chánh tri chánh kiến, đó là Quy Y Pháp. Quy y Tăng, Tăng có nghĩa là thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh, từ nhiễm ô mà quay trở lại, nương theo sự thanh tịnh trong tự tánh, bèn gọi là Quy Y Tăng. Ba điều này là tổng cương lĩnh tu học trong Phật pháp.

Phật pháp có thay đổi phương thức sống của chúng ta hay không? Thưa quý vị, chẳng thay đổi! Trong cách thức sống hiện tại của quý vị, Phật cần thay đổi điều gì? Thay đổi cái tâm của quý vị, đổi tâm mê thành

tâm giác, đổi tâm tà thành chánh, đổi tâm nhiễm thành tịnh. Nói cách khác, nếu tâm địa quý vị là giác - chánh - tịnh, cuộc sống hiện tại của quý vị là Phật pháp, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Phật dạy quý vị giác - chánh - tịnh. Do điều này, thuở Phật hiện diện tại Ấn Độ, Ngài trọn chẳng thay đổi điều gì đặc biệt đối với phương thức sống của người Ấn Độ, chỉ thêm giác - chánh - tịnh vào đó mà thôi! Phật pháp truyền sang Trung Quốc trọn chẳng thay đổi thói quen, ý thức và hình thái sinh hoạt của chúng ta, xử sự, đãi người, tiếp vật, học theo giác - chánh - tịnh là được rồi. Điều này càng được hiển thị rõ rệt qua năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba vị [thiện tri thức], trẻ, già, trai, gái, các ngành nghề, thật sự tiêu biểu cho kinh Đại Thừa, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Giác - chánh - tịnh mà thôi! Chúng ta ngày nay khác Phật là vì Phật giác, còn chúng ta bất giác, Phật chánh, chúng ta chẳng chánh, Phật thanh tịnh, chúng ta chẳng thanh tịnh. Trừ những điều này ra, chúng ta và Phật có khác nhau hay không? Chẳng khác gì hết!

Nói đến tín thì điều đầu tiên phải tin Tự và Tha bất nhị. Không chỉ Liên Trì đại sư nói như vậy, mà trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư cũng giảng sáu điều: Thứ nhất là Tín Tự, tin chúng sanh và Phật chẳng hai là tin vào chính mình. Thứ hai là tin tướng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói dối chúng ta, [những điều Phật nói] chẳng phải là giả, tin tướng bốn mươi tám điều nguyện của A Di Đà Phật là thật, đó là Tín Tha. Chúng ta tín nguyện niệm Phật tại nơi đây, trong tương lai khi lâm chung, A Di Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn. Đó là Tín Tha. Điều đầu tiên là tin vào chính mình, tin tướng chính mình chiếu theo pháp môn này để tu học, nhất định thành Phật trong một đời này, phải có tín niệm kiên cường như thế, đó gọi là “căn bản của lòng tin”, tin vào tự tâm.

Lòng tin trong Phật pháp khác với lòng tin của các tôn giáo thông thường. Điều phải tin thứ nhất trong các tôn giáo thông thường là tin vào thần, hết thầy đều phải dựa dẫm thần. Phật pháp không như vậy! Điều thứ nhất trong Phật pháp là tin vào chính mình, điều thứ hai mới là tin thần, [tức là tin] Phật, Bồ Tát có thể giúp đỡ chúng ta. Điều thứ nhất là phải tin vào chính mình; do vậy, quả thật Phật giáo chẳng giống với tôn giáo. Trừ kiến lập tín tâm căn bản ra, điều yếu khẩn là phải tin Tam Bảo: Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng. Trong kinh luận, đức Phật thường nói sáu niềm tin: Tam Bảo có Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo, nhất định phải từ Trụ Trì Tam Bảo mà khai phát Tự Tánh Tam Bảo; đó mới gọi là “tín Tam Bảo”, quyết định chẳng bị ngoại cảnh bên ngoài dao động, điều này rất trọng yếu.

Nói đến căn bản, tự tâm, Tịnh Độ thường nói “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, hai câu này có ý nghĩa thật sự rất sâu xa, nhưng là sự thật, kiến lập trên căn bản của lòng tin. Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật có quan hệ rất mật thiết với chúng ta. Nói cách khác, chẳng phải là người ngoài, về căn bản là người trong một nhà, quan hệ vô cùng thân mật, lẽ nào chẳng thể vãng sanh? Lẽ nào lúc lâm chung chẳng đến tiếp dẫn? Tín tâm cơ bản của chúng ta được kiến lập ở chỗ này. Vì thế, nói: “*Chúng sanh niệm Phật, định đắc vãng sanh*” (chúng sanh niệm Phật, nhất định được vãng sanh). Ngữ khí hết sức khẳng định! “*Cứu cánh thành Phật*” (rốt ráo thành Phật) là thành vị Phật viên mãn trong Viên Giáo, thành Viên Giáo Phật. Có bốn loại Phật là Tạng, Thông, Biệt, Viên; chỉ có Viên Giáo Phật mới là rốt ráo viên mãn.

(Sớ) Như kinh sở vân.

(疏) 如經所云。

(Sớ: Như kinh đã nói).

Tiếp theo là dẫn kinh Di Đà để nói.

(Sớ) Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, thị dã.

(疏) 汝等皆當信受我語，是也。

(Sớ: “Các ông đều nên tin lời ta nói” chính là ý này).

“Ngã” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Tin tưởng lời Phật, người ấy có phước.

(Sớ) Nguyện, vị tín phi đồ tín.

(疏) 願，謂信非徒信。

(Sớ: Nguyện có nghĩa là lòng tin chẳng phải là tin suông).

Chữ Tín chẳng phải là nói ta tin rồi thôi, như vậy là không được! Đã tin thì phải phát nguyện.

(Sớ) Như tử ức mẫu, chiêm y hướng mộ, tất dục vãng sanh cố.

(疏) 如子憶母，瞻依向慕，必欲往生故。

(Sớ: Như con nhớ mẹ, lòng luôn chiêm ngưỡng, nương tựa, hâm mộ, hướng về, ắt muốn được vãng sanh).

Đây là nguyện. “*Như tử ức mẫu*”, câu này phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm. Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông có câu: “*Thập phương chư Phật lân niệm chúng sanh*” (mười phương chư Phật nghĩ thương xót chúng sanh), cũng là vương vấn chúng sanh, hoài niệm chúng sanh. “*Như mẫu ức tử*”, giống như mẹ hiền nghĩ đến con; dùng điều này để sánh ví chư Phật nghĩ tới chúng sanh. Phật nghĩ tới chúng sanh, đáng tiếc là chúng sanh chẳng nghĩ tới Phật, không có cách nào hết! Kinh dạy: “*Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn*” (nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ đến con, thì mẹ và con trải qua nhiều đời chẳng hề xa cách). Đây là nói đến cảm ứng. Con nghĩ đến mẹ, giống như mẹ nhớ đến con, hai người bèn có cảm ứng. Đại Thế Chí Bồ Tát dùng lý luận này để thuyết minh mối quan hệ cảm ứng giữa chúng sanh và A Di Đà Phật. Hiện tại, Phật niệm chúng ta, chúng ta quên niệm Phật. Nếu chúng ta niệm Phật giống như Phật niệm chúng ta, quý vị nhất định vãng sanh trong một đời này. Vì thế, đọc đến kinh này, nghe pháp môn này, phải sanh cái tâm hâm mộ, hướng về, “*Chiêm y*”: “*Chiêm*” (瞻) là chiêm ngưỡng, *y* (依) là nương tựa, “*hướng mộ*”: Mộ (慕) là giống trẻ nhỏ yêu mến, ngưỡng mộ cha mẹ, nhất định cầu vãng sanh, nhất định cầu thấy Phật. Đó gọi là phát nguyện, đó là có nguyện.

Đối với thứ gì trong thế gian này cũng đều có thể buông xuống, đều có thể bỏ, chỉ mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lại thưa với quý vị, chẳng có thứ gì trong thế giới này quý vị có thể đạt được! Toàn là giả! Chúng sanh chẳng đạt được mà cứ tưởng đã đạt được, đó là mê, tâm mê mất rồi! Người giác ngộ hiểu: Chẳng có gì để có thể đạt được! Muốn thật sự đạt được, chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy thì thứ gì quý vị cũng đều có thể đạt được. Bởi vậy, trong thế gian này, người thân ái, những người ta chẳng muốn xa lìa, nói thật ra, chẳng muốn lìa xa, nhưng đến cuối cùng vẫn phải biệt ly, chẳng thể không biệt ly! Không có cách nào cả! Chỉ có một biện pháp là khuyên người ấy niệm A Di Đà Phật, khuyên người ấy cầu sanh Tịnh Độ, tương lai quý vị đến thế giới Cực Lạc, người ấy cũng đến, sẽ thường ở cùng một chỗ. Trừ biện pháp này ra, không có cách nào hết! Con người sau khi chết luân hồi trong lục đạo, biết ai sẽ đi vào đâu! Sau này dầu có gặp nhau, sợ rằng trăm ngàn vạn kiếp sau mới có thể gặp mặt một

lần, gặp mặt mà chưa chắc có kết quả tốt đẹp gì! Do vậy, chỉ có một biện pháp tốt đẹp là mọi người cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Như kinh sở vân.

(疏) 如經所云。

(Sớ: Như kinh đã nói).

Đây cũng là dẫn lời đức Phật đã nói trong kinh Di Đà.

(Sớ) Ứng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ, thị dã.

(疏) 應當發願，生彼國土，是也。

(Sớ: “Hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy”, chính là nói tới điều này).

Phần trên đã khuyên chúng ta hãy tin tưởng lời Ngài, ở đây, khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thật sự tin sâu, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây mới là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật. Kinh Vô Lượng Thọ nói đệ tử tốt nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật là học sinh biết nghe lời nhất, thật sự tin tưởng thầy, chẳng trái nghịch lời thầy răn dạy. Đó là đệ tử bậc nhất, là học sinh tốt nhất.

(Sớ) Hạnh, vị nguyện phi hư nguyện.

(疏) 行，謂願非虛願。

(Sớ: Hạnh có nghĩa là nguyện chẳng phải là nguyện hư giả).

“Hư” là chẳng thật. Nguyện là chân thật, chẳng phải là giả nguyện.

(Sớ) Thường hành tinh tấn, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn cố.

(疏) 常行精進，念念相續，無有間斷故。

(Sớ: Thường hành tinh tấn, niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn).

Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, thật sự tinh tấn niệm Phật. Nói “*trong mười hai thời chẳng gián đoạn*”, chúng ta nghe câu này xong, đừng chấp chết cứng vào lời nói, chết cứng nơi đó là lâm mất rồi! Quý vị nghe câu nói này, được rồi! Từ nay trở đi suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, chuyện gì cũng chẳng muốn làm! Có người như vậy hay không? Có đấy! Đó là người phước báo đặc biệt lớn. Người ấy chẳng cần làm việc, có người cúng dường, giống như những người bế quan niệm Phật, đó là người có phước báo lớn. Nay quý vị hằng ngày phải làm việc, hằng ngày phải bươn chải kiếm sống. A! Quý vị cũng liêu mạng niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, lại còn nghĩ phải làm việc. Rốt cuộc là Phật chẳng niệm ra gì, mà công việc cũng chẳng ra làm sao! Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không xong, trật lất rồi! Xưa nay những bậc tổ sư đại đức trong Tịnh Độ Tông, đối trước Phật phát nguyện, tín nguyện trì danh, trừ lúc ăn ngủ, công phu chẳng gián đoạn. Các đồng tu tại gia có rất nhiều công chuyện, trong khi quý vị làm việc phải buông niệm Phật xuống để chuyên tâm làm việc.

Đừng nên hiểu lầm “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm bất loạn là xử sự, đãi người, tiếp vật, bất luận làm chuyện gì, đều là nhất tâm, chuyên tâm. Chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, phải vận dụng trong xã hội, vận dụng vào cuộc sống thường ngày thì mới hữu ích. Quý vị vừa lái xe vừa nhất tâm bất loạn niệm Phật, xong luôn! Xảy ra tai nạn xe cộ! Nếu niệm Phật kiểu đó, pháp môn Niệm Phật này sẽ bị toàn thể xã hội phê bình, bị toàn thể xã hội gạt bỏ, vì sao? Chẳng hợp với tình cảm con người. Mọi người đều học Phật [theo kiểu đó] thì toàn thể xã hội tê liệt, còn làm gì được nữa? Quý vị học Phật, người trong nhà cũng chẳng cần ăn cơm. Vợ con quý vị hằng ngày đói meo, họ nhất định sẽ rêu rao bên ngoài: “Ngàn vạn phần đừng nên học Phật! Học Phật không được đâu, đều biến thành bệnh thần kinh hết!” Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Làm chuyện gì đều phải chuyên tâm làm, đó gọi là nhất tâm bất loạn. Ăn cơm bèn nhất tâm bất loạn ăn cơm, mặc áo bèn nhất tâm bất loạn mặc áo, tiếp đãi khách khứa bèn nhất tâm bất loạn tiếp đãi, pháp thế gian lẫn xuất thế gian điều gì cũng viên mãn, niệm Phật mới có công hiến đối với toàn thể xã hội, mọi người mới cảm thấy [niệm Phật] thật sự là cần thiết. Đừng nên hiểu lầm, nghe câu này mà hiểu lầm là không được đâu!

Lại thưa cùng quý vị, niệm Phật “*niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn*” thì trong mỗi niệm sẽ là niệm gì? Là giác niệm, chánh niệm, thanh tịnh niệm. Một câu A Di Đà Phật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô

Lượng Giác, A là vô, Di Đà là lượng, Phật là giác. Chúng ta thứ gì cũng đều giác chứ không mê, đó chính là A Di Đà Phật; chúng ta chẳng niệm câu Phật hiệu cũng là niệm Phật. Chúng ta giác chứ không mê, thứ gì cũng đều giác chứ không mê. Xử sự, đãi người, tiếp vật, ta đều chẳng mê, chẳng tà, chẳng nhiễm, một câu Phật hiệu cũng chẳng niệm mà người ấy được gọi là người thật sự niệm Phật. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật để nhắc nhở chính mình hãy giác - chánh - tịnh, nhắc nhở chính mình!

Quý vị nhất định phải hiểu rõ, quý vị có thể buông Phật hiệu xuống, lúc làm việc tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần thì làm việc vẫn là niệm Phật, [đừng nghĩ rằng]: “Ta đang làm việc, không niệm Phật!” Quý vị nhất tâm bất loạn thì nhất tâm bất loạn là niệm Phật. Vì thế, trong mười hai thời chẳng bị gián đoạn, mọi người phải hiểu đạo lý này, chớ nên hiểu lầm! Do vậy, hễ có nghi hoặc nhất định phải hỏi, quyết định phải học Phật, đừng học theo bàng môn ngoại đạo.

(Sớ) Như kinh sớ vân, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, thị dã.

(疏) 如經所云, 執持名號, 一心不亂, 是也。

(Sớ: Như kinh đã nói “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn” chính là nói về điều này).

Những điều chúng tôi vừa thưa cùng quý vị đều là đại ý của nhất tâm bất loạn. Người niệm Phật bất luận làm chuyện gì cũng đều chuyên tâm, đều là nhất tâm, chính mình có thể thành tựu, mà cũng có thể cảm động người khác. Có những kẻ rất chấp trước, chẳng hạn như trong khi họ đang tụng kinh, có ai đến đều chẳng đoái hoài, quyết định chẳng chào hỏi, quyết định chẳng tiếp đãi, thưa quý vị, những kẻ ấy là hạng Tiểu Thừa, giới luật Tiểu Thừa quả thật là như thế. Đại Thừa chẳng giống vậy, Bồ Tát đang tụng kinh, có khách đến, vị ấy lập tức xếp kinh lại để tiếp đãi khách, đợi đến khi khách đi khỏi lại tiếp tục niệm. Trong khóa tụng của đoàn thể thì không nói, vì phải chú ý giữ oai nghi cho đại chúng. Còn khi cá nhân tụng niệm sáng tối, hễ có chuyện gì đưa đến, người ấy cũng buông khóa tụng xuống, ra gặp khách.

Trong quá khứ, thầy Lý ở Đài Trung giống như vậy, chưa hề nói “chẳng tiếp khách, đợi khóa tụng xong sẽ gặp”, theo cách suy nghĩ thông thường của chúng ta thì đều nên làm như vậy. Lão nhân gia giải thích:

Bồ Tát đạo lợi ích chúng sanh là bậc nhất. Chuyện của chúng sanh được xếp vào mức ưu tiên bậc nhất, người ta từ xa xôi [tìm đến] nhất định có chuyện cần gặp quý vị. Nếu quý vị để họ đợi nửa ngày, người ta cũng có chuyện khác, đâu có nhiều thời gian để chờ đợi? Do vậy, hễ khách đến, lập tức phải gặp mặt. Đừng khiến người ta nói: “Kẻ học Phật phách lối quá”, khiến cho người ta có cảm nghĩ xấu. Nhất là kẻ chưa học Phật đến gặp quý vị, thấy quý vị làm bộ làm tịch như thế: “Gã này thật quá sức, thật là trịch thượng quá”. Kẻ ấy khởi lên cảm nghĩ xấu, hủy báng Phật pháp. Đang trong lúc tụng kinh, người ta đến, lập tức buông xuống để gặp mặt, người ta cảm giác đặc biệt thân thiết, cảm thấy: “Người này hết sức từ bi. Quý vị thấy đó, ông ta đang tụng kinh, tôi có chuyện phải kiếm ông ta, ông ta ngưng tụng kinh để tiếp đãi tôi”. Người ấy bị cảm động. Chuyện cảm động ấy là tích cực, người ấy đối với Phật giáo vĩnh viễn mang tấm lòng cảm ân, đó là “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Đây là độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh đối với Phật pháp có ấn tượng tốt, đừng gây ấn tượng xấu cho họ. Những điều này đều là nói về chuyên tâm, nhất tâm.

(Sớ) Thử chi tam sự, hiệu vi tư lương.

(疏) 此之三事，號為資糧。

(Sớ: Ba chuyện này được gọi là tư lương).

“*Tư*” là tư bản (資本), tức tiền vốn; “*lương*” (糧) là lương thực. “*Tư lương*” là những thứ trước kia ra khỏi cửa ắt phải mang theo. Hiện thời giao thông thuận tiện, chỉ mang tiền bên thân là được rồi. Trước kia, mang theo tiền chưa chắc đã mua được thức ăn, nên cần phải mang lương khô, mang nước theo. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tư lương là Tín - Nguyện - Hạnh, ba chuyện này đầy đủ sẽ hội đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc.

(Sớ) Tư lương bất sung, vãng khắc tiền tấn.

(疏) 資糧不充，罔克前進。

(Sớ: Tư lương chẳng đủ, chẳng thể tiến lên được!)

Tư lương chẳng đủ, không có cách nào tiến lên. Ba món tư lương đầy đủ, sẽ tinh tấn tiến bước trên con đường vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Hựu phục thử tam, như đỉnh tam túc, hoặc câu vô, hoặc cụ nhất khuyết nhị, hoặc cụ nhị khuyết nhất, giai bất khả dã.

(疏) 又復此三，如鼎三足，或俱無，或具一缺二，或具二缺一，皆不可也。

(Sớ: Lại nữa, ba điều này như ba chân của cái đỉnh, hoặc thiếu cả ba, hoặc có một thiếu hai, hoặc đủ hai thiếu một, đều chẳng thể được!)

Dùng cái “đỉnh” làm tỷ dụ. Đỉnh phải có ba chân mới đứng vững được, thiếu một cũng chẳng thể được, thiếu hai điều cũng không được, ba điều đều thiếu cũng chẳng được, điều này nhằm bảo chúng ta: Ba điều kiện này chẳng thể thiếu một điều nào!

(Sớ) Hựu dĩ dụ minh.

(疏) 又以喻明。

(Sớ: Lại dùng thí dụ để giảng rõ).

Dưới đây lại nêu tỷ dụ để nói rõ.

(Sớ) Thí chi ngũ cốc, kỳ vô tín giả, bất tín tức chủng thị cốc, tài bồi thử chủng, định đắc thành cốc giả dã.

(疏) 譬之五穀，其無信者，不信即種是穀，栽培此種，定得成穀者也。

(Sớ: Ví như ngũ cốc, kẻ không có lòng tin sẽ chẳng tin nếu gieo trồng, vun quén giống thóc lúa ấy, nhất định sẽ thu hoạch thóc lúa).

Dùng ngũ cốc⁷² để làm tỷ dụ, nay ta nói là thực vật. Trước tiên, quý vị phải tin tưởng những hạt giống này là đúng! Chúng ta nói đến

⁷² Ngũ cốc là năm loại hạt chính dùng làm lương thực tại Trung Hoa. Sau này, Ngũ Cốc là từ ngữ phiếm chỉ các loại lương thực. Ngũ Cốc gồm: đạo (gạo tẻ), thử (kê hạt

thóc gạo thì những hạt giống này là thóc gạo, quý vị phải tin tưởng. Sau khi gieo trồng, tương lai nó sẽ sanh ra thóc gạo, quý vị phải tin tưởng. Nếu quý vị chẳng tin, chẳng chịu gieo trồng, chẳng còn cách nào nữa, thóc gạo vĩnh viễn chẳng sanh ra!

(Sớ) Tín nhi vô nguyện giả, tuy tri giai chủng, vô tâm cầu cốc giả dã.

(疏) 信而無願者，雖知佳種，無心求穀者也。

(Sớ: Tín mà không có nguyện, [giống như] tuy biết là giống tốt, nhưng không có tâm cầu thóc gạo).

Tin tưởng, khá lắm! Hạt giống này quả thật có thể trồng để thu được gạo, nhưng người ấy không trồng. Không trồng thì cũng không được rồi! Cũng chẳng thể có thâm hoạch. Điều này tỷ dụ tín mà không có nguyện.

(Sớ) Nguyện nhi vô hạnh giả, tuy vọng đắc cốc, bất sự canh nậu giả dã.

(疏) 願而無行者，雖望得穀，不事耕耨者也。

(Sớ: Nguyện mà thiếu hạnh, tuy mong có gạo, nhưng chẳng chú trọng cày bừa).

Tuy người ấy tin tưởng, cũng chịu phát nguyện, nhưng không hành, giống như hạt giống tốt đẹp, người ấy tin hạt giống này có thể tăng trưởng, cũng gieo trồng. Gieo xong, chẳng đoái hoài tới! Gieo xong, chẳng hề làm cỏ, bón phân, tưới tắm, nó vẫn chẳng tăng trưởng được, hạt giống ấy sẽ chết khô. Quý vị có tín nguyện, chẳng hành, chắc chắn chẳng thể thành công.

(Sớ) Chuẩn thượng khả tri, thử tam giả, giai luy liệt, phá lậu chi khí, bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị, cố danh phi khí.

(疏) 準上可知，此三者，皆羸劣破漏之器，不堪承受甘露法味，故名非器。

lớn, proso millet), tặc (tiểu mễ, kê hạt nhỏ, foxtail millet), mạch (lúa mì, bao gồm các loại như hắc mạch, tiểu mạch, kiều mạch v.v...), thực (đại đậu, tức đậu nành).

(*Sớ*: Dựa theo những điều trên đây, biết rằng ba hạng người ấy (không tín, không nguyện, không hạnh) đều là những căn khí kém cỏi, hư nát, rò rỉ, chẳng kham tiếp nhận pháp vị cam lộ, nên gọi là “phi khí”).

Câu này có nghĩa là: Dùng tỷ dụ để thuyết minh ba điều kiện ấy, nếu thiếu mất một mà tu pháp môn này, sẽ chẳng thể thành công. Do vậy, gọi họ là “phi khí”. Vì sao? “Luy liệt, phá lậu chi khí” (căn khí kém cỏi, hư nát, rò rỉ), chẳng thể dùng được! Chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Bởi lẽ, vì là “phi khí”, nên tiếp theo đó, [lời Sớ] viết: “*Bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị*” (chẳng thể tiếp nhận cam lộ pháp vị). Cam lộ pháp vị là tỷ dụ, xuất phát từ kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh, đức Phật đã giảng ý nghĩa này rất sâu, được gọi là “thuần vô lậu” thì chính là “pháp khí chân chánh”. Chẳng hạn như cái chén trà này rất sạch sẽ, đựng cam lộ trong đó, đây là thượng vị. Nếu trong ấy có lẫn chút độc, toàn thể cam lộ đều biến thành nước độc. Nói cách khác, chẳng thể xen tạp mảy may chất độc nào! Điều này có nghĩa là: “Đoạn ác phải đoạn sạch sành sanh, tu thiện phải tu viên mãn”, tỷ dụ ý nghĩa này! Quyết định chẳng thể cho rằng lỗi làm nhỏ nhặt chẳng sao, không ăn nhằm gì! Lỗi làm vãn vĩnh không sao, tức là trong đồ đựng ấy chưa rửa sạch chất độc, vẫn còn thừa sót một chút. Một chút chất độc thừa sót nhất định sẽ biến [cam lộ] thành thứ gây tổn hại mất mạng!

Chúng ta hãy suy nghĩ: Trong cuộc sống thường ngày, phiền não, tập khí quá nặng, đoạn phiền não thì bắt đầu đoạn từ chỗ nào? Phiền não tập khí nào nặng nhất thì hãy khởi sự từ phiền não nặng nhất ấy. Trước hết, phải đoạn cái nặng nhất, rồi đoạn cái kém nặng hơn; giống như trị bệnh: Thầy thuốc trị bệnh, người ấy quá nhiều bệnh, trong số ấy, căn bệnh nào nguy hiểm đến tánh mạng thì phải trị căn bệnh ấy trước. Trước hết, phải giữ được cái mạng, rồi mới trị những bệnh ít nặng hơn. Trước hết, chữa trị căn bệnh nặng nhất, mà bệnh nặng nhất của mỗi người mỗi khác, mỗi chúng sanh căn tánh khác nhau, tham, sân, si, mạn, nghi, rất nhiều thứ khác nhau, chính mình biết rõ, người khác không biết! Thử Phật tại thế, đức Phật ngũ nhãn viên minh, chẳng những thấy một đời của quý vị, mà còn thấy quá khứ, đời quá khứ của quá khứ, những tư tưởng hành vi từ vô thủy kiếp đến nay của quý vị, Ngài đều biết rõ. Vì thế, đức Phật thuyết pháp là cắt thuốc theo đúng căn bệnh, hễ kê thuốc, quý vị bèn lành bệnh.

Nay là thời kỳ Mạt Pháp, những pháp sư đại đức thiếu bản lãnh ấy, chẳng có thần thông, chẳng thấy đời quá khứ của quý vị. Do vậy,

chính mình phải phản tỉnh, chính mình phải hiểu rõ ta có những bệnh nào, bệnh nào nặng nhất trong những căn bệnh ấy. Bệnh nào nặng nhất thì phải sửa đổi trước, phải suy nghĩ phương pháp thay đổi. Sửa lỗi gọi là sám hối, sám có nghĩa là phát lộ (phơi bày), Sám (懺) là tiếng Ấn Độ, tức Sám-ma (ksama). [Sám hối] chính là đem những chuyện ta đã làm sai quấy bày ra cho mọi người biết, chẳng ẩn giấu. Chẳng ẩn giấu tội lỗi của chính mình thì gọi là Sám. Hối (Āpatti-pratideshana) là sau đó không làm nữa. Có những đồng tu bảo tôi: Trong quá khứ, họ đã làm quá nhiều chuyện sai quấy, nay rất khó chịu, thường ăn năn. Họ coi đó là sám hối! Chẳng phải vậy! Đó gọi là “tội chồng thêm tội”, vì sao? Quý vị nghĩ đến một lần là phạm thêm một lần, quý vị sợ tội nghiệp do chính mình đã tạo chẳng đủ nhiều ư? Mỗi một lần nghĩ tới là ấn tượng trong A Lại Da Thức lại sâu hơn một nấc, lại tăng thêm một lần, làm sao được nữa! Đó chẳng phải là sám hối! Sám hối là tiêu trừ nghiệp chướng; quý vị hằng ngày tăng thêm nghiệp chướng, chỉ sợ sức mạnh của nó chưa đủ lớn, chỉ sợ nó chưa đầy, làm sao được nữa! Học Phật kiểu đó là học điên đảo vậy!

Phật pháp, quyết định chẳng áo não, bút rút vì quá khứ, chuyện quá khứ kể như xong, chẳng còn nghĩ đến nó nữa. Pháp môn sám hối là như thế này: Ta làm chuyện sai quấy, ta hướng về mọi người thưa rõ, từ nay trở đi chẳng còn làm chuyện sai quấy ấy nữa, đó gọi là sám hối thật sự, quyết định chẳng nghĩ đến nữa. Quý vị có ý nghĩ ấy, vì sao chẳng nghĩ đến A Di Đà Phật? Vì sao chẳng niệm A Di Đà Phật? Nghĩ đến những tội lỗi, đúng là hồng bét. Quý vị nghĩ đến A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hằng ngày nghĩ đến tội lỗi, nghĩ tới tội lỗi ấy thì lẽ nào chẳng đọa trong địa ngục? Đó là tu pháp môn địa ngục. Phải giác ngộ, phải thật sự giác ngộ. Vì thế, ngàn vạn phần đừng nên hiểu lầm ý nghĩa của những danh từ, thuật ngữ trong kinh Phật, phiền phức lắm!

Trong kinh nói, ắt phải gột rửa sạch sẽ những ô uế trong tâm địa của chính mình. Sám hối là phương pháp gột rửa, tức là gột rửa sạch sẽ tâm địa. Như vậy thì mới thành pháp khí, mới có thể nhận lãnh cam lộ pháp vị. Cam lộ pháp vị cũng có tỷ dụ, khi ấy, tâm địa đã thật sự thanh tịnh rồi, người ấy vừa nghe pháp, vừa tiếp xúc Phật pháp, sẽ khai ngộ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị tiếp xúc Phật pháp mà chẳng khai ngộ là do tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chẳng thể không khai ngộ. Do vậy, quý vị ngàn vạn phần đừng nên bút rút vì chuyện cũ, đừng nên nghĩ tới những tội nghiệp trước kia. Vì quý vị càng nghĩ đến, tâm quý vị chắc

chấn chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật nhằm mong cầu công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn; suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, làm sao thành phiền cho được? Công phu chẳng thể thành phiền, cũng chẳng đạt được nhất tâm.

(Sớ) Hựu phục thế nhân tuy hành chúng thiện, u bỉ Phật độ, vô tín hạnh nguyện, diệc danh phi khí.

(疏)又復世人雖行眾善，於彼佛土，無信行願，亦名非器。

(Sớ: Lại nữa, người đời tuy hành các điều thiện, nhưng không có tín hạnh nguyện đối với cõi Phật ấy thì cũng gọi là “phi khí”).

Đây là nói người lành trong thế gian tuy làm lành, cho đến nói người học Phật tuy thâm nhập kinh tạng, y giáo phụng hành, tu rất tốt đẹp, rất có công phu, nhưng chẳng tin tưởng Tịnh Độ, chẳng bằng lòng vãng sanh, hạng người ấy vẫn gọi là “phi khí”. Câu chuyện “tam sanh thạch” (hòn đá ba đời) các đồng tu học Phật đều nghe rồi. Thiền sư Viên Trạch là người đời Đường, vị này tu Thiền, công phu thật sự cao minh. Sư có một vị hộ pháp là cư sĩ Lý Nguyên; khi ấy, Lý Nguyên làm quan rất lớn, hộ trì Sư. Giao tình giữa thiền sư Viên Trạch và Lý Nguyên hết sức sâu dày. Có một hôm Lý Nguyên đề nghị triều bái núi Nga Mi, hai người chí đồng đạo hợp. A! Cùng đi triều bái núi Nga Mi, nhưng chọn lựa lộ trình, hai người ý kiến khác biệt, thiền sư muốn đi đường bộ, Lý Nguyên nói: “Chúng ta ngồi thuyền, thoải mái hơn nhiều, hãy đi theo đường thủy”. Đến cuối cùng, thiền sư Viên Trạch không thể thuyết phục cư sĩ Lý Nguyên, bèn cùng cư sĩ Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi. Thuyền bơi theo ven sông, thấy một phụ nữ mang thai giặt quần áo nơi đó. Thuyền đi ngang qua bà ấy, thiền sư Viên Trạch vừa trông thấy bèn ứa nước mắt. Cư sĩ Lý Nguyên nói: “Trên đường đi thấy phụ nữ mang thai giặt áo rất nhiều, thầy chẳng rơi lệ. Vì sao thấy người này, thầy lại khóc?” Ngài nói: “Tôi sợ dĩ không muốn đi theo đường này là vì sợ gặp bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm vì đợi tôi đầu thai. Nếu chẳng thấy thì còn có thể tránh né, nay đã gặp, trốn không được, nhất định phải đầu thai!”

Thật ra, Sư thật sự có thần thông, hôm rời khỏi chùa, đã viết sẵn di chúc. Trong chùa có những chuyện cần phải giao phó đều dặn dò rõ ràng. Sau đó, Lý Nguyên trở về chùa, mới biết Sư đã sớm biết trước. Sư

nói: “Tôi đến nơi đó đầu thai, ông hãy lo liệu hậu sự cho tôi. Sau đó, ông đến nhà họ trong thôn ấy để kiếm tôi. Chúng ta gặp mặt, tôi cười với ông một tiếng để làm chứng”. Đứa bé mới vừa sanh ba ngày, quý vị nghĩ xem: Vừa gõ cửa, nó trông thấy bạn cũ liền cười để làm chứng. Lại còn bảo ông Lý: “Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám trăng tròn, ước định gặp nhau tại một ngôi chùa ở Hàng Châu”. Quý vị nghĩ xem: So với Hoạt Phật chuyển thế hiện đời cao minh hơn nhiều lắm! [Hoạt Phật] chuyển thế, chẳng biết gì hết, hồ đồ, còn vị này hiểu rõ ràng, ước hẹn với bạn cũ cả mười hai năm sau: “Chúng ta lại gặp mặt ở nơi đó”. Đúng là chẳng đơn giản! Vì thế, chuyển thế là thật, chẳng giả, chẳng hiểm hoi, lạ lùng. Quý vị nghĩ xem: Có ai chẳng phải là chuyển thế hay chẳng? Không có một ai chẳng phải là chuyển thế, nhưng một đấng là chuyển thế mà hiểu biết rõ ràng, một đấng là chuyển thế nhưng không biết rõ ràng!

Thiền sư Viên Trạch có năng lực như thế, mà chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng tránh khỏi phải chịu khổ trong tam giới. Dầu công phu cao minh hơn, bất quá cũng sanh vào trời Tứ Thiên hưởng phước mà thôi! Muốn thoát tam giới liễu sanh tử, chẳng dễ dàng! Câu chuyện hòn đá ba đời là thật, trong Hộ Quốc Tức Tai Pháp Hội Pháp Ngữ, Ấn Quang đại sư cũng nhắc đến chuyện này, khích lệ chúng ta nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng cầu sanh Tịnh Độ, dầu tu giống như thiền sư Viên Trạch, vẫn phải luân hồi, đó là nhân duyên quả báo. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải thật sự giác ngộ, phải phát tâm.

Điều này cho thấy tu các tông khác, Hiền giáo cũng thế, mà Mật giáo cũng thế, chẳng tin Tây Phương Tịnh Độ, chẳng muốn vãng sanh, thầy đều là phi khí. Dưới đây nói người lành tu hành rất tốt đẹp, [nhưng không có Tín, Hạnh, Nguyện] sẽ đều chẳng được.

(Sớ) Tuy hữu chư quá, u bỉ Phật độ hữu Tín, Hạnh, Nguyện, diệc danh vi khí.

(疏) 雖有諸過，於彼佛土有信行願，亦名為器。

(Sớ) Tuy có các lỗi, nhưng có Tín, Hạnh, Nguyện đối với cõi Phật ấy, cũng gọi là khí.

Quý vị phải đặc biệt lưu ý điểm này, tạo tội nghiệp như thế nào? Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh nói quý vị tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch,

Thập Ác phải đọa địa ngục A Tỳ, đừng sợ, quý vị gặp gỡ pháp môn này, “tôi tin tưởng, tôi phát nguyện, tôi niệm Phật”, quý vị vẫn vãng sanh giống hệt như [người lành tu Tịnh Độ]. Do vậy, quý vị tạo tội lỗi nhỏ nhoi, còn sợ điều gì? Có gì phải suốt ngày từ sáng đến tối phải ray rứt trong lòng, chẳng chịu vứt bỏ? Hồng rồi! Tuy quý vị tạo tội nghiệp, chẳng tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chẳng giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, chúng ta chẳng làm những chuyện xấu ấy, chẳng có điều ác to lớn ngàn ấy! Hạng người đại ác ấy niệm Phật đều có thể vãng sanh, huống hồ là những tội nhỏ nhặt khác, thắm vào đâu? Vấn đề là quý vị phải thật sự tin tưởng!

Hữu tâm làm những chuyện ác, đó là tội. Vô tâm làm, đó là lỗi, tội lỗi! Tội nghiệp và lỗi lầm khác nhau. Chúng ta nay tuy niệm Phật, nhưng tội lỗi vẫn y như cũ không tránh khỏi, lớn nhỏ gì đều có. Đây là đạo lý gì vậy? Tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, công phu niệm Phật của chúng ta hiện thời chưa thể đè nén phiền não, nên mới có hiện tượng này. Nếu đè nén phiền não, tức là quý vị niệm đến mức công phu thành phiền, chẳng còn tạo tội lỗi nữa, đó là điều nhất định. Nói cách khác, chỉ cần vẫn có lỗi lầm nho nhỏ, chúng tỏ công phu của quý vị chưa thành phiền. Công phu thật sự thành phiền, sẽ chẳng có lỗi lầm, vì quý vị thật sự có thể chế ngự phiền não, tập khí, quý vị có năng lực ấy. Đạt đến mức Sự nhất tâm bất loạn là đoạn được tập khí phiền não, đoạn hết Kiến Tư phiền não. Đạt đến Lý nhất tâm bất loạn là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Nói đến chỗ này, tôi còn có một câu kính khuyên các vị đồng tu. Trong Ngũ Nghịch, Thập Ác, còn có một tội nặng sẽ đọa địa ngục A Tỳ,

đó là đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ là gì? Chính mình chưa chứng quả, bảo người khác tôi đã chứng quả, đó là tội đọa địa ngục A Tỳ. Ta tự mình chưa khai ngộ, bảo người khác: “Tôi đã khai ngộ”. Chưa chứng đạo, tự mình nói đã chứng đạo, tội lỗi ấy vô cùng nặng nề, chẳng phải là vọng ngữ tầm thường, mà là đại vọng ngữ. Do vậy, ngàn muôn phần phải cẩn thận. Có những loại vọng ngữ là Tăng Thượng Mạn, chẳng phải do kẻ ấy cố ý, mà vì không biết, ngu si! Trong quá khứ tôi đã gặp một đồng tu, tu hành niệm Phật khá lắm, ông ta đến nói với tôi là ông ta đã chứng quả A La Hán. Ông ta chưa chứng đắc, tôi nói cách nào ông ta cũng không tin. Tôi nói: “Thật sự chứng quả A La Hán, sáu thứ thần thông đều trọn đủ”. Khi ấy, chúng tôi đang ở trong nhà ông ta, nhà có xây tường, tôi hỏi ông ta: “Bên ngoài xe chạy qua, có người, ông có thấy rõ ràng hay không?” Ông ta nói: “Tôi không thấy”. Tôi nói: “Trong tâm tôi nay đang nghĩ đến chuyện gì, ông có biết hay không?” “Không biết!” Tôi nói: “Ông chẳng có Thiên Nhân Thông, chẳng có Tha Tâm Thông, ông chưa chứng quả A La Hán”. Ông ta mới chịu phục. Tuy chẳng cố ý khởi vọng ngữ, ông ta vô ý, tự mình nghĩ như vậy, làm rồi! Làm lẫn quá đổi!

Do vậy, chúng ta thường xuyên kiểm điểm chính mình, trong tâm của chính mình còn có thị phi, nhân ngã, có tham, sân, si, mạn, chắc chắn là phạm phũ. Thứ gì cũng chưa đạt được, mà huệ cũng chưa khai. Chưa có Định, lấy đâu ra Huệ? Chưa có Định mà có Huệ thì là cuồng huệ, hại chết người! Trí huệ thật sự từ tâm thanh tịnh sanh ra. Trong tâm chưa đạt được thanh tịnh, trí huệ do đâu mà sanh? Nhất định phải hiểu điều này. Ngàn vạn phần đừng nên tạo tội lỗi!

(Sớ) Phản thị giai khí, như hạ sở minh.

(疏) 反是皆器, 如下所明。

(Sớ: Trái lại, đều là căn khí, sẽ được giảng rõ như dưới đây).

“Phản thị” là trái nghịch với những điều đã nói ở trên. Nói cách khác, kẻ ấy có tín, có nguyện, có hạnh, đây là pháp khí trong pháp môn Tịnh Độ, có thể nhận lãnh pháp môn này, trong đời này chắc chắn có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay chúng tôi giảng tới đoạn này.

Tập 79

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi bảy:

(Huyền Nghĩa) U thị khí trung, bồi chi, phẩm chi, thành tam, thành cửu, cửu chi hựu cửu, tam chi hựu tam, hựu tế phân chi, phục ung vô lượng, như nhị bộ trung thuyết.

(玄義) 於是器中，輩之品之，成三成九，九之又九，三之又三，又細分之，復應無量，如二部中說。

(Huyền Nghĩa: Trong những người đứng là căn khí, lại chia ra thành ba bậc và chín phẩm, từ mỗi phẩm trong chín phẩm lại chia thành chín phẩm nhỏ hơn, từ mỗi bậc trong ba bậc lại chia thành ba bậc nhỏ hơn. Nếu phân chia tỉ mỉ hơn, sẽ là vô lượng như trong hai bộ kinh đã nói).

Đoạn này nói về phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Thứ minh giai đẳng dã.

(疏) 次明階等也。

(Sớ: Kế đến là nói phẩm vị).

“Thứ” (次) là nói đến đoạn thứ hai, “minh giai đẳng”: Thuyết minh phẩm vị sai biệt trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Bồi giả, Đại Bản tam bồi, phẩm giả, Quán Kinh cửu phẩm, cố viết “tam, cửu”. Tam bồi chi trung, phục tam bồi chi, tắc thành cửu bồi. Cửu phẩm chi trung, phục cửu phẩm chi, tắc thành bát thập nhất phẩm.

(疏) 輩者，大本三輩，品者，觀經九品，故曰三九。三輩之中，復三輩之，則成九輩。九品之中，復九品之，則成八十一品。

(Sớ: “Bồi” là ba bậc trong kinh Đại Bản, “phẩm” là chín phẩm trong Quán Kinh, nên nói là “ba bậc, chín phẩm”. Trong ba bậc, [mỗi bậc] lại chia thành ba bậc nữa nên thành chín bậc. Trong chín phẩm,

[mỗi phẩm] lại chia thành chín phẩm nữa, nên thành tám mươi một phẩm).

Trong “tam bối” lại chia thành tam bối nữa, tam bối là thượng, trung, hạ, trong bậc thượng có thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trong bậc hạ lại có hạ thượng, hạ trung, và hạ hạ. Trong ba bậc, lại chia mỗi bậc thành ba; do vậy, thành chín bậc. Mỗi một phẩm trong chín phẩm lại chia thành chín phẩm nữa nên thành tám mươi một phẩm.

(Sớ) Bối chi vô cùng, phẩm chi bất dĩ, tác thành bách thiên vạn ức bối phẩm, cố viết “phục ưng vô lượng”.

(疏) 輩之無窮，品之不已，則成百千萬億輩品，故曰復應無量。

(Sớ: Bậc thì vô cùng, phẩm chẳng thể xiết, nên thành trăm ngàn vạn ức bậc, phẩm; vì thế, nói “nên lại là vô lượng”).

Đoạn này nói ra chân tướng. Bình thường, quý vị đọc kinh văn, dường như phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đơn giản, chỉ có ba bậc, chín phẩm, trên thực tế, chẳng phải vậy! Giống như học hành trong thế gian, trường học lại phân ra bao nhiêu là lớp; dầu trong cùng một lớp, khi thi cử lại có bậc nhất, bậc nhì, bậc ba, một mực sắp xếp thấp dần như thế. Những điều này đều có ý nghĩa phẩm vị. Do công phu của mỗi người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi khác, nên phẩm vị cũng nhiều, đó là chuyện hết sức hợp lý.

(Sớ) Sở dĩ nhiên giả, quân danh niệm Phật, đồng nhất vãng sanh, nhi tu hữu Sự Lý, công hữu cần nọ, tùy nhân cảm quả, địa vị tự biệt.

(疏) 所以然者，均名念佛，同一往生，而修有事理，功有勤惰，隨因感果，地位自別。

(Sớ: Nguyên do là tuy cùng gọi là niệm Phật, cùng là vãng sanh, nhưng tu tập có Sự và Lý, công phu có siêng năng hay biếng nhác, nhân nào cảm lấy quả nấy, nên địa vị tự sai khác).

Nêu ra lý do vì sao có nhiều phẩm vị dường ấy! Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới công phu tu hành khác nhau, có Sự, có Lý. Nói thật ra, Lý và Sự đều tốt đẹp như nhau, nay chúng ta nhìn bằng con mắt thông thường, đương nhiên hiểu Lý tốt đẹp hơn chẳng hiểu Lý nhiều, tốt đẹp ở chỗ nào? Nói thật ra là một câu: “*Chết sạch lòng so đo, khăng khăng niệm A Di Đà Phật*”. Quý vị đã hiểu rõ Lý thì mới chết sạch lòng so đo, mong ngóng, khiêm hư sát đất. Nếu chẳng hiểu rõ Lý mà cũng có thể chết sạch lòng so đo, khăng khăng hành trì, quả báo đích thực sẽ chẳng khác người hiểu Lý cho lắm. Bất luận hiểu Lý hay không, đều phải niệm đến mức Kiến Tư phiền não đoạn sạch mới có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn, quý vị phải ghi nhớ điểm này. Niệm Phật đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là vừa mới chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Tây Phương đều là Lý nhất tâm. Chúng ta dùng kinh Hoa Nghiêm để phân định, phán đoán, thì từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, cho đến Đẳng Giác tại Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Lý nhất tâm bất loạn. Do điều này có thể biết: Công phu Lý nhất tâm sâu hay cạn, [phẩm vị] sẽ sai khác rất nhiều. Lý nhất tâm là như thế thì Sự nhất tâm và công phu thành phiền chẳng ra ngoài lệ ấy, cũng đều có cùng một tình hình. Vì thế, công phu phải siêng năng, dững mãnh, phải nỗ lực, phải dùng thời gian quý báu để niệm Phật, như vậy thì khi cảm được quả báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự nhiên địa vị sẽ khác nhau!

(Sớ) Cổ Niết Bàn thuyết thập nhị nhân duyên, tằng vô nhị pháp, nhi hạ trí quán giả, đắc Thanh Văn Bồ Đề, trung trí quán giả, đắc Duyên Giác Bồ Đề, thượng trí quán giả, đắc Bồ Tát Bồ Đề. Thượng thượng trí quán giả, đắc Phật Bồ Đề.

(疏) 故涅槃說十二因緣，曾無二法。而下智觀者，得聲聞菩提。中智觀者，得緣覺菩提。上智觀者，得菩薩菩提。上上智觀者，得佛菩提。

(Sớ: Vì thế, kinh Niết Bàn nói mười hai nhân duyên chưa hề là hai pháp, nhưng kẻ hạ trí quán sát [mười hai nhân duyên ấy] đắc Thanh Văn Bồ Đề, kẻ trung trí quán bèn đắc Duyên Giác Bồ Đề, bậc thượng trí quán bèn đắc Bồ Tát Bồ Đề, bậc thượng thượng trí quán bèn đắc Phật Bồ Đề).

Cùng là một chuyện, tùy theo trí huệ của mỗi người sâu hay cạn mà chia thành nhiều phẩm bậc. “*Hạ trí*” vẫn còn có trí huệ, chẳng thể nói là không có trí huệ, [trí huệ] lớn hơn chúng ta nhiều lắm, chúng ta ngay cả hạ trí cũng chẳng có! Bậc hạ trí quán thẳng vào bản thể, kinh Phật thường nói “*vạn pháp vô thường, vạn pháp đều không*”. Người ấy quán mười hai nhân duyên, từ mười hai nhân duyên đạt được khả thị. Cách quán như vậy thành tựu Thanh Văn là cùng, là Tiểu Thừa A La Hán mà thôi. [Lời Sớ giảng] “*hạ trí thị đản giải Thiên Không, nhi căn sảo độn giả*” (hạ trí là kẻ chỉ hiểu lệch lạc lý Không, căn cơ hơi độn), tức là người căn tánh hơi độn, cho nên chỉ thấy Sanh Diệt Thập Nhị Nhân Duyên. Theo [cách phán định] Tứ Giáo của tông Thiên Thai, Sanh Diệt Thập Nhị Nhân Duyên là nông cạn nhất. “*Trung trí*”: Trí huệ cao hơn A La Hán, “*diệc đản giải thiên Không, nhi căn đại lợi giả*” (cũng chỉ hiểu lệch lạc lẽ Không, nhưng căn tánh nhạy bén hơn nhiều), căn tánh nhạy bén, thông minh hơn bậc A La Hán. Đối với thập nhị nhân duyên, họ quán thấy Bất Sanh Diệt Nhân Duyên, đối với pháp nhân duyên rất sâu, người này thấu hiểu, lý giải cao hơn A La Hán rất nhiều. Người như thế trở thành Bích Chi Phật, tức Duyên Giác, “*Duyên Giác Bồ Đề*”, Bồ Đề có nghĩa là giác ngộ.

Chữ “*thượng trí*” chỉ Bồ Tát, chỉ có Bồ Tát mới thật sự hiểu rõ Trung Đạo, mới thật sự thông hiểu Trung Đạo. Ngài quán mười hai nhân duyên, cách nhìn cao hơn hai loại trước nhiều lắm, Ngài thấy mười hai nhân duyên là nhân duyên sanh diệt chẳng thể nghĩ bàn, tâm lượng rộng lớn; do vậy, cũng thành hạnh môn rộng lớn, lục độ, vạn hạnh. Đó là “*đắc Bồ Tát Bồ Đề*”, thành tựu trí huệ của Bồ Tát. Chữ “*thượng thượng trí*” chỉ Phật, nơi quả địa Như Lai, không chỉ lý giải thấu triệt Trung Đạo, mà còn thật sự đạt được sự thanh tịnh nơi nhân duyên chẳng sanh diệt không thể nghĩ bàn, thanh tịnh là Phật pháp. Do hết thấy Phật pháp đều thành tựu, nên “*đắc Phật Bồ Đề*”. Do điều này biết rằng: Cùng là một pháp Thập Nhị Nhân Duyên, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử, cùng là pháp Thập Nhị Nhân Duyên, mà mỗi người trông thấy, thấu hiểu, ứng dụng đều khác nhau. Đây là nêu ra một tỷ dụ để nói [mà thôi].

(Sớ) Thị tắc chư thiên cộng khí, thực hữu tinh thô.

(疏) 是則諸天共器，食有精粗。

(Sớ: Cho nên chư thiên cùng chung một đồ đựng, mà thức ăn có tinh hay thô).

Mấy câu này xuất phát từ kinh Tịnh Danh, tức là kinh Duy Ma Cật. Kinh Duy Ma Cật nói: Chư thiên cùng nhau dùng cơm; trên cõi trời, hết thảy đều là biến hóa thành tựu, phước báo lớn hơn nhân gian chúng ta nhiều lắm. Chư thiên muốn ăn gì, món ấy bèn biến hiện ra. Ăn no xong, nồi, thau, bát, đĩa cũng đều biến mất, giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới do phước báo to lớn! Thế nhưng người sanh lên cõi trời, mỗi người khi tu nhân thực hiện công phu khác nhau, cho nên sau khi sanh lên trời, phước báo vẫn không giống nhau: Cơm từ cùng một nồi, người phước báo lớn ăn thấy cơm ấy rất thơm, rất tinh tế, kẻ phước báo nhỏ thấy cơm thô thấp, đấy cũng là do công phu của chính mình biến hiện ra. Nói những chuyện này để làm gì? Không gì chẳng nhằm khuyên chúng ta phải nỗ lực, phải dụng công tu hành nhiều hơn. Không chỉ quyết định vãng sanh thế giới Cực Lạc, mà còn đến thế giới Cực Lạc, phẩm vị phải tăng cao, đó mới là điều Phật, Bồ Tát mong mỗi chúng ta.

Phải biết trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ có một pháp này là thật. Trong lúc bình thường, quý vị hãy lặng lẽ suy tưởng: Thế gian này là giả, thứ gì cũng đều là giả, chẳng có thứ gì là của chính mình, kể cả thân thể này. Quý vị mỗi đêm đi ngủ, khi ngủ say, quên mất cái thân này, người ta khiêng cái thân của quý vị đi, quý vị cũng không biết! Ngay cả cái thân cũng không phải là chính mình, huống gì vật ngoài thân! Nhất định phải giác ngộ, trong kinh đức Phật thường nói: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân). Vì thế, khởi tâm, động niệm, tạo tác, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, phải thật sự làm được “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”.

Trong kinh, đức Phật đã nói tiêu chuẩn thiện - ác gồm rất nhiều thứ, những tiêu chuẩn ấy đều là so sánh nhằm chỉ bày rõ ràng; chúng tôi cũng nêu ra một trường hợp để nói: Chư thiên thiện hơn con người chúng ta, chư thiên tu Thập Thiện, tu từ - bi - hỷ - xả tứ vô lượng tâm, cao minh hơn nhân gian chúng ta tu Ngũ Giới khá nhiều; nhưng chư thiên so với A La Hán, thậm chí so với Tu Đà Hoàn, họ vẫn chẳng thiện bằng. Vì sao? Hưởng hết phước trời, vẫn đọa trong tam đồ. Tu Đà Hoàn chẳng đọa tam đồ, nhìn theo khía cạnh này, Tu Đà Hoàn thiện, chư thiên bất thiện! Tu Đà Hoàn chẳng bằng A La Hán, A La Hán chẳng bằng Bích Chi Phật. Thiện, ác có nhiều đẳng cấp. Kinh luận nêu ra một tiêu

chuẩn tối thiểu, chúng ta phải ghi nhớ: Phạm là chuyện lợi ích chúng sanh thì là thiện, có lợi cho người khác. Đối với điều lợi này, cần phải nói rõ thêm: Đó là lợi ích trong một đời này. Đời này được hưởng sự tốt đẹp, đời sau vẫn được hưởng sự tốt đẹp thì mới là lợi ích chân chánh. Hiện thời được lợi, đời sau chịu khổ báo, đó là bất thiện. Thiện chân chánh thì hiện tại được lợi ích, trong đời sau vẫn được lợi ích. Hễ tự tư tự lợi thì là ác. Vì sao nói tự tư tự lợi là ác? Tục ngữ Trung Quốc có câu: “*Nhân bất vị kỳ, thiên tru địa diệt*” (người không vì chính mình, trời tru, đất diệt), có ai chẳng vì chính mình? Vì sao Phật pháp nói “vì chính mình là ác”? Quý vị phải hiểu: Vì hết thấy chúng sanh thật sự là vì chính mình. Đạo lý này rất sâu, quý vị phải tham cứu tỉ mỉ.

Quý vị có thể vì hết thấy chúng sanh, hết thấy chúng sanh sẽ tự nhiên vì quý vị, tự tại lắm! Hết thấy chúng sanh đều vì quý vị, quý vị hưởng phước báo bất tận. Quý vị chẳng gặp lúc khó khăn; nhà Phật chúng ta bảo là: “Pháp duyên thù thắng”. Pháp duyên của quý vị tốt đẹp! Đến bất cứ nơi đâu cũng đều có người tiếp đãi, đều có người chăm sóc. Làm sao tu được như vậy? Quý vị khởi tâm động niệm đều vì người khác, quý vị mới đạt được quả báo ấy. Niệm niệm chỉ vì chính mình, chẳng nghĩ đến người khác, sẽ chẳng đạt được quả báo thù thắng ấy! Chúng ta phải có khái niệm về tiêu chuẩn thiện ác, hãy nghĩ thay người khác cho nhiều, hãy làm giùm người khác cho nhiều, người ấy nhất định có phước. Có thể quên mất bản thân, phước ấy càng lớn, vì sao? Phá Ngã Chấp! Phá Ngã Chấp thì niệm Phật bèn là Sự nhất tâm bất loạn. Tiến hơn bước nữa là Pháp Chấp cũng phá, quý vị đắc Lý nhất tâm bất loạn, trong hàng Bồ Tát, địa vị ấy được gọi là Pháp Thân đại sĩ. Do vậy, nhất định phải nỗ lực đoạn ác tu thiện.

(Sớ) Tam thú đồng hà, độ phân thâm thiển, yên khả vu dã.

(疏) 三獸同河，渡分深淺，焉可誣也。

(Sớ: Ba con thú cùng vượt sông, thân hình chìm trong nước sâu hay cạn, há có thể dối gạt ư?)

Tỷ dụ này xuất phát từ Thiên Tông Tập của Vĩnh Gia đại sư. “*Tam thú*” là voi to, ngựa, và thỏ, ba con thú vượt sông. Thể tích của chúng khác nhau. Con thỏ bơi trên mặt nước, con ngựa qua sông, thân thể nó nặng hơn, nên nước ngập đến nửa mình, chìm trong nước sâu hơn. Voi lớn thân thể càng nặng, nó đi từng bước trên đáy sông để vượt

qua. Đây là nói sâu hay cạn khác nhau, tỷ dụ ba hạng người căn tánh khác nhau, đạt được quả vị sâu hay cạn khác nhau!

(Sớ) Thẳng kỳ tự phụ lợi căn, văn thuyết niệm Phật nhược tương mỗi yên, ninh tri bối phẩm thiên uyên, tồn hồ kỳ nhân nhi dĩ. Chung bất niệm Phật, độn trí như dã, hiếu kỳ phụ thẳng chi sĩ, hạnh bình khí nhi tư chi.

(疏) 儻其自負利根，聞說念佛若將浼焉，寧知輩品天淵，存乎其人而已。終不念佛，鈍置汝也，好奇負勝之士，幸平氣而思之。

(Sớ: Nếu kẻ nào tự phụ là lợi căn, nghe nói đến niệm Phật bèn cảm thấy như là phải quy lụy, đâu biết phẩm bậc [trong cõi Cực Lạc] khác nhau một trời một vực, tùy thuộc mỗi người mà thôi! Trọn chẳng niệm Phật thì ông được xếp vào hàng ngu độn; mong bậc ham chuộng quá lạ, cao siêu, hãy bình tĩnh suy nghĩ).

Mấy câu này nhằm khuyên lơn, khích lệ chúng ta, hãy hiểu tình hình thật sự bên thế giới Tây Phương, khích phát chúng ta phải tinh tấn chẳng lười nhác, nỗ lực tu trì. Đây là nói giả thiết, nếu quý vị tự cho mình là hạng căn tánh rất bén nhạy, “văn thuyết niệm Phật nhược tương mỗi yên” (nghe nói đến niệm Phật bèn cảm thấy như là quy lụy), chữ “mỗi” (浼) có nghĩa cầu cạnh người khác, quy lụy người khác. Vì kẻ lợi căn nghe nói đến pháp môn này, chẳng muốn tu học, vì sao? Bản thân ta tu hành dựa vào chính mình để thành công có gì còn phải quy lụy A Di Đà Phật? Pháp môn này gọi là pháp môn Nhị Lực, [phải hiểu rõ] vì lẽ gì ta phải trông cậy A Di Đà Phật? Do vậy, ở chỗ này, chúng ta nhất định phải tự hiểu: Phẩm loại trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quá nhiều, hoàn toàn phụ thuộc chính mình tranh thủ như thế nào?

Nếu quý vị tu học các pháp môn khác, chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật, cũng chẳng phát nguyện; ở đây, Liên Trì đại sư nói: Người ấy thật sự là độn căn, chẳng phải là kẻ thông minh. Trong lời chú đại lược cho Vô Lượng Thọ Kinh, thầy Lý có viết: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng ngu, ắt cuồng!*” Đọc đến đoạn kinh văn ấy rồi mới có cảm xúc sâu xa, vì kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra sự thật: Trong kinh có nói tới những vị Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát

đạo, trong đời quá khứ từng cúng dường bốn trăm ức Phật, rốt cuộc vẫn bị mê khi cách âm, vẫn bị thoái chuyển. Vì thế, thầy Lý nói: “*Chẳng cầu đời nghiệp vãng sanh, chẳng ngu, ắt cuồng!*” Ở đây cũng có cùng ý nghĩa ấy, khuyên khích, cổ vũ chúng ta phải phản tỉnh cẩn thận, những pháp môn khác có thật sự tu được hay chẳng?

Tham Thiên có thể đắc Thiên Định, ngồi xếp bằng, ngồi mười ngày, nửa tháng không đứng dậy, chẳng cần ăn cơm, cũng không cần uống nước, làm được như vậy; nhưng thừa cùng quý vị: Chẳng ra khỏi tam giới, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng đoạn phiền não! Nếu công phu Thiên Định sâu hơn một chút, biết hiện tại, quá khứ, vị lai, chẳng làm nhân quả, nhưng vẫn có nhân quả báo ứng, chắc chắn chẳng sánh bằng Hạ Phẩm Hạ Sanh đời nghiệp vãng sanh. Vì sao chúng ta chẳng chọn lấy Tây Phương Tịnh Độ? Chọn lấy Tây Phương Tịnh Độ mới thật sự là viên mãn rốt ráo.

Điều kiện để giữ lấy Tịnh Độ là ba món tư lương: Thứ nhất là tin sâu chẳng nghi, thứ hai là chịu phát đại nguyện thiết tha, trong một đời này, ta chỉ có một nguyện vọng: “Gặp A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Chúng ta hễ nghĩ bèn nghĩ đến A Di Đà Phật, nếu niệm bèn niệm A Di Đà Phật, những thứ khác thấy đều buông xuống, như vậy thì mới được. Nếu nghĩ đến chuyện khác, tức là xen tạp. Dẫu suốt ngày từ sáng đến tối thọ trì danh hiệu, trong ấy vẫn có xen tạp, vì sao? Quý vị nghĩ đến chuyện khác! Vì thế, phải ghi nhớ: Ngàn vạn phần đừng tơ tưởng! Nếu quý vị nghĩ đến người nhà quyến thuộc hiện thời, thì người nhà quyến thuộc nói chung phải chia lìa, phải già biệt, chẳng có cách nào viên mãn, chẳng có cách nào thường tụ họp, đó là chuyện chẳng thể được! Chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ thường tụ họp. Vì thế, bản thân quý vị niệm Phật, người trong nhà chẳng chịu niệm Phật, quý vị hãy nêu gương cho họ thấy, họ sẽ niệm!

Trong cuốn Niệm Phật Luận, lão pháp sư Đàm Hư có kể chuyện cư sĩ Trịnh Tích Tân, ông ta học Phật rất kiên thành, buông bỏ hết sự nghiệp, chẳng cần tới nữa, hằng ngày niệm Phật. Ông ta biết giảng kinh, đến các nơi giảng kinh, thuyết pháp cho người khác, em trai ông ta hết sức bất mãn. Sau này, khi ông ta vãng sanh, người em trai thấy ông ta lúc vãng sanh chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất. Ông ta vãng sanh nhằm lúc giảng kinh; ông ta giảng kinh xong, đại chúng giải tán, còn lại mười mấy người, ông ta nói với các đạo hữu, nhờ họ thuê cho ông ta một căn nhà. Kết quả là những đạo hữu đó cảm thấy rất lạ lùng: “Ông nói ông sắp ra đi, thuê nhà để làm gì?” Ông ta đáp: “Tôi chẳng đến nơi nào

khác, tôi sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chết ở nhà người khác chẳng tiện, ông hãy thuê nhà giùm tôi”. Các đồng tu nghe chuyện này, bảo: “Chúng tôi chẳng kiêng kỵ, đến nhà tôi tốt hơn”. Mỗi người đều hoan nghênh ông ta: “Chúng tôi chẳng kiêng kỵ, ông thật sự có bản lãnh ấy”. Đây chẳng phải là người đơn giản! Ông ta lại chẳng bị bệnh. Được rồi! Trịnh Tích Tân liền nhận lời, ở nhà một người bạn. Khi lâm chung, các bạn bè trợ niệm cho ông ta, còn bảo ông ta: “Cổ nhân vãng sanh đều nói mấy câu kệ để làm kỷ niệm, ông cũng nên đọc cho chúng tôi một bài kệ”. Trịnh cư sĩ nói: “Không cần, thấy tôi như thế này là được rồi”. Mọi người niệm Phật cho ông ta mười lăm phút, ông ta qua đời. Em trai ông ta thấy như vậy mới giác ngộ, cho nên cũng dốc hết tánh mạng niệm Phật, ba năm sau cũng biết trước thời khắc vãng sanh. Đó là độ người nhà!

Vì thế, chính mình thật sự có thành tựu, nhất định sẽ hóa độ một phương. Đối với những chỗ giống như vậy, chúng ta phải nghiêm túc suy nghĩ nhiều phen, học Phật, bất cứ một pháp môn nào chẳng bằng niệm Phật. Niệm Phật mà cái tâm của quý vị chưa thật ổn thì phải nghiên cứu kinh điển cho nhiều. Nghiên cứu những kinh điển nào? Kinh điển quá nhiều, ở nơi đây chúng tôi in một cuốn sách lớn, tức là đem ba thứ chú giải kinh A Di Đà in gộp chung, sách ấy đáng để nghiên cứu. Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hạ Liên Cư hết sức hay. Kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch khác nhau; thật sự nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ thì vẫn phải tham khảo các bản dịch gốc.

(Huyền Nghĩa) Tổng thu giả.

(玄義) 總收者。

(Huyền Nghĩa: Nói tóm lại).

Đây là lời tổng kết, tổng kết của cả chương này.

(Huyền Nghĩa) Dẫn trì Phật danh, tất sanh bỉ quốc.

(玄義) 但持佛名，必生彼國。

(Huyền Nghĩa: Chỉ trì danh hiệu Phật, tất sanh về cõi kia).

Ngữ khí hết sức khẳng định, nhất định sanh về thế giới Tây Phương.

(Huyền Nghĩa) Tắc hoặc cao, hoặc hạ, hoặc thánh, hoặc phàm.

(玄義) 則或高或下, 或聖或凡。

(Huyền Nghĩa: Dù cao hay thấp, dù thánh hay phàm).

Do vì phẩm vị khác nhau, cho nên có cao - thấp, có thánh - phàm. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là phàm, từ cõi Phương Tiện Hữu Dư trở lên là thánh, tức là thánh nhân. Nếu [xét theo] cõi Phương Tiện Hữu Dư trong thế gian này, họ bằng với A La Hán, tức bậc thánh trong Tiểu Thừa, nhưng trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, họ là bậc Bồ Tát kiến tánh. Đó gọi là Tam Hiền Thập Thánh.

(Huyền Nghĩa) Nãi chí hoặc tín, hoặc nghi, hoặc tán, hoặc hủy, tri hữu bỉ Phật, tiện thành thiện căn, đa kiếp, đa sanh, câu môn giải thoát.

(玄義) 乃至或信或疑, 或讚或毀, 知有彼佛, 便成善根, 多劫多生, 俱蒙解脫。

(Huyền Nghĩa: Cho đến dù tin hay ngờ, hoặc tán thán, hoặc hủy báng, do biết có vị Phật ấy, liền trở thành thiện căn nhiều kiếp nhiều đời, đều được giải thoát).

Mấy câu này quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Cao hạ giả, dĩ thượng phẩm tức đặng bỉ ngạn, hạ phẩm do thăng thiên cung, tắc phẩm vị tuy thù, giai đắc bất thoái cố.

(疏) 高下者, 以上品即登彼岸, 下品猶勝天宮, 則品位雖殊, 皆得不退故。

(Sớ: “Cao, thấp”: Do thượng phẩm liền lên bờ kia, hạ phẩm vẫn hơn cung trời, tức là phẩm vị tuy khác biệt, nhưng đều đắc bất thoái).

Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thượng Phẩm Thượng Sanh bèn “tức đặng bỉ ngạn” (liền vượt lên bờ kia), “bỉ ngạn” là thành Phật. Hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Trong bài kệ tán Phật [chúng ta] thường niệm, có câu: “Hoa

khai kiến Phật ngộ Vô Sanh”. Đây chính là Thượng Phẩm Thượng Sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. “*Hạ phẩm*” là nói tới hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, là địa vị thấp nhất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hưởng phước báo vượt trời thiên cung. Chữ “*thiên cung*” chỉ Dục Giới, Sắc Giới, thậm chí bao gồm cả Vô Sắc Giới. Vì sao? Dục Giới thiên có ngũ suy⁷³, vẫn phải đọa lạc. Trời Tam Thiên có hỏa tai, thủy tai, phong tai. Cổ nhân nói: “*Túng nhiên tu đạo Phi Phi Tướng*” (dầu tu lên đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ), đó là Vô Sắc Giới, là tầng cao nhất trong hai mươi tám tầng trời, đã đến cõi trời Phi Phi Tướng, “*bất như Tây Phương quy khứ lai*” (chẳng bằng trở về Tây Phương), chẳng sánh bằng Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không có tướng ngũ suy, không bị lui sụt, không có thiên tai, hai mươi tám tầng trời làm sao có thể sánh bằng? Đó là “*hạ phẩm do thắng thiên quốc*” (hạ phẩm vãng sanh vẫn còn hơn cõi trời).

“*Tác phẩm vị tuy thù, giai đắc bất thoái cố*” (tức là phẩm vị tuy sai khác, nhưng đều đắc bất thoái): Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong mười phương thế giới không có chuyện này, chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là có, họ bất thoái chuyển. Không chỉ bất thoái chuyển, mà trong kinh còn nói rất rõ ràng: Viên chúng ba món Bất Thoái, hãy đặc biệt chú ý chữ Viên! Thông thường, trong thế giới của chúng ta, hoặc là nói theo các cõi Phật trong mười phương, đều giống nhau, nhất định phải đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong ba cõi mới chứng Vị Bất Thoái, đó là địa vị chẳng lui sụt, tức là vĩnh viễn không lui xuống ba ác đạo, quý vị ở trong hai đường nhân thiên, đó là Vị Bất Thoái. Sau khi đã đoạn Kiến Tư phiền não, chứng quả A La Hán, hồi Tiểu, hướng Đại, khi ấy mới chứng đắc Hạnh Bất Thoái, chẳng dễ dàng! “*Hạnh*” là tu hành, quyết định chẳng lui sụt xuống Nhị Thừa, tức là chẳng lùi xuống Tiểu Thừa. Môn

⁷³ Ngũ suy là năm dấu hiệu báo trước một vị trời sắp hết thọ mạng, chia thành hai loại: Đại ngũ suy và tiểu ngũ suy.

Đại ngũ suy là: 1) Y phục tự nhiên biến thành bản thủ, nặng nề. 2) Hoa cài trên đầu bị héo. 3) Dưới nách toát mồ hôi. 4) Thân thể bản thủ, rít nhóp. 5) Chẳng ưa thích tòa ngồi của chính mình.

Tiểu ngũ suy là: 1) Tiếng nhạc không tự nhiên trỗi lên nữa. 2) Ánh sáng nơi thân mờ yếu. 3) Nước tắm dính vào mình. 4) Tham đắm cảnh chung quanh không bỏ được. 5) Cảm thấy thân trống rỗng, mắt nháy lia lịa.

Bất Thoái thứ ba cần phải phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, mới đạt đến Niệm Bất Thoái. Đó là nói về ba thứ Bất Thoái.

Nói thật ra, ai đắc ba thứ Bất Thoái? Bạc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, Ngài đắc cả ba thứ Bất Thoái này. Người Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có ba thứ Bất Thoái. Không chỉ có ba thứ Bất Thoái, mà còn viên chứng ba thứ Bất Thoái. Chử Viên này phải giải thích ra sao? Tôi vừa mới nói đó thôi! Sơ Trụ Bồ Tát tuy chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái là ai? Bạc Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo, như Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát mới viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì thế, hễ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thứ hưởng thụ và cảnh giới chẳng khác các vị Đẳng Giác Bồ Tát cho mấy, chuyện tốt đẹp như vậy tìm ở đâu ra? Tra duyệt khắp hết thầy kinh điển, chẳng thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói như vậy [trong các kinh khác]. Nhìn vào các thế giới chư Phật trong mười phương, cũng chẳng có chuyện này. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới được gọi là “pháp khó tin”, thật sự khiến người ta khó tin!

Quý vị phải nghiêm túc nghiên cứu những chú sớ kinh luận, mục đích chẳng ngoài khiến cho chúng ta chết sạch lòng mong ngóng, kiên định nơi pháp môn này. Công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Niệm Phật có thể khử tà, đã có rất nhiều tấm gương [chứng tỏ niệm Phật] có thể xua đuổi yêu ma, quỷ quái, cho nên một câu Phật hiệu là được rồi!

(Sớ) Thánh phàm giả, dĩ cụ phược phàm phu, dẫn đắc vãng sanh, tức dữ chư đại Bồ Tát câu hội nhất xứ, tức chung đương thành thánh cố, thử chuyên cử kỳ thuận giả.

(疏) 聖凡者，以具縛凡夫，但得往生，即與諸大菩薩俱會一處，則終當成聖故，此專舉其順者。

(Sớ: Thánh phàm: Do hàng phàm phu đây đây triển phược, chỉ cần được vãng sanh liền ở cùng một chỗ với các vị đại Bồ Tát, nên rốt cuộc sẽ thành thánh. Đây là chuyên nói về những kẻ thuận theo pháp môn này).

Thế giới Tây Phương đặc biệt, hễ vãng sanh sẽ được A Di Đà Phật và Quán Âm, Thế Chí đến tiếp đón. Sau khi đã được đón về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hằng ngày ở chung với Phật, Bồ Tát. Chắc quý

vị cũng hoài nghi: Phật, Bồ Tát sao lại có nhiều thời gian như vậy để bầu bạn với tôi? Đúng là các Ngài chẳng rời quý vị, thật ra, hóa thân bầu bạn với quý vị, các Ngài có vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn hóa thân. Tuy ở trong búp sen, sen còn chưa nở, chư Phật Bồ Tát và hải hội đại chúng đều hóa thân trong ấy, quý vị hằng ngày ở cùng chỗ với Phật, Bồ Tát. Đó là cùng với các vị thượng thiện nhân ở một chỗ, các vị thượng thiện ấy chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Tam Hiền Thập Thánh là Thiện, thiện nhất trong các vị thiện nhân, thượng thiện là Đẳng Giác Bồ Tát. Quý vị ở cùng một chỗ với các Ngài. Do đây có thể biết, sớm muộn gì quý vị cũng sẽ thành Phật. Đây là chuyên nói về “thuận”, thuận là những người đầy đủ Tín - Hạnh - Nguyện, tất nhiên là như thế. Tiếp theo đây, luận về những kẻ bất thuận.

(Sớ) Hạ ngôn tín nghi tán hủy.

(疏) 下言信疑讚毀。

(Sớ: Tiếp đó, nói về kẻ tin hay ngờ, tán thán hay hủy báng).

Hoặc là tin tưởng, hoặc hoài nghi, hoặc là khen ngợi, hoặc là hủy báng, đều chẳng sao cả!

(Sớ) Tác kiêm vi thuận, vô bất hoạch ích dã.

(疏) 則兼違順，無不獲益也。

(Sớ: Tức là kẻ chống trái lẫn kẻ thuận theo, chẳng ai không đạt được lợi ích).

Không ai chẳng đạt được lợi ích! Trước kia, các sách Liễu Phàm Tứ Huân và Cảm Ứng Thiên đặc biệt nhấn mạnh: Đừng nên tùy tiện vứt bỏ giấy có chữ, càng chẳng nên tùy tiện vứt bỏ hình tượng Phật. Trong thời đại quá khứ, lời này tuyệt đối chính xác, vì sao? Tượng Phật, kinh sách chẳng dễ dàng có được. Trước kia, kinh sách được in bằng bản khắc gỗ, phải đục chạm từng chữ một; khi in thì dùng mực bằng chất muội gỗ tùng để bôi lên [khuôn gỗ], đem từng trang giấy miết lên khuôn in, rất tốn công. Một người thợ in mỗi ngày in được mười cuốn sách là giỏi lắm rồi. Nếu in xong xuôi mười cuốn sách, đóng bìa đàng hoàng, sợ rằng phải tốn thời gian đôi ba ngày, sách chẳng dễ gì có được! Một loại khác là sách chép tay, khi không có sách thì chép tay. Vì thế, kinh sách hết

sức quý báu. Chúng ta nhất định chẳng nên tổn hoại, tự mình đọc xong còn phải đưa cho người khác đọc, công đức sẽ to lớn.

Thời đại hiện tại khác hẳn. Kỹ thuật ấn loát phát triển, chúng ta hề in là mấy ngàn cuốn, mấy vạn cuốn, in mấy ngày là xong. Do vậy, quan niệm học Phật của con người hiện tại cũng khác thuở xưa. Trong quá khứ, tượng Phật vẽ trên giấy, để lâu ngày cũ đi, còn được tu bổ lại, còn muốn để thờ. Hiện thời, hề hình tượng Phật cũ kỹ, chẳng có ai muốn. Làm như thế nào? Đương nhiên phải thiêu đi, làm như vậy không mắc tội. Kinh sách cũng giống như vậy. Sách đã cũ rách cũng nên thiêu hủy, nhưng hiện thời có trường hợp phải nên chú ý, đó là những cuốn sách đóng gáy bằng chỉ, năm tháng đã lâu bị hư hỏng, chúng ta có thể bồi lại giống như bồi tranh vẽ, bồi thêm một lớp nữa dưới mỗi trang, tối thiểu có thể bảo tồn năm trăm năm, chúng ta gọi loại này là “thiện bản thư”. Nhất định phải trân quý thiện bản thư, chớ nên tùy tiện khuyên điếm, vẽ, vạch; đối với loại sách in bằng máy, chúng ta có thể vẽ, vạch, ghi chú, chứ nguyên bản nhất định phải bảo tồn, chớ nên tổn hoại.

Trong quá khứ, tôi từng đề nghị in hình Phật trên báo. Tôi đến mỗi nơi trên nước Mỹ đều khuyên các đồng tu nên làm theo cách ấy, phát hành báo chí, tạp chí với số lượng lớn nhất, in hình Phật trong đó khiến cho người mỗi ngày đọc báo đều có cơ duyên thấy Phật. Bên cạnh hình Phật cũng phải ghi danh hiệu Phật: “Nam-mô A Di Đà Phật”, khiến họ mỗi ngày niệm một tiếng, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Bất luận người ấy có tin hay không, chủng tử của Tây Phương Tịnh Độ đã gieo trong A Lại Da Thức của người ấy. Có người nói: “Người ta quăng những tờ báo vào đồng rác”, đừng bận tâm tới điều đó, đừng sợ. “Nhu vậy là tạo tội nghiệp”, tạo tội nghiệp cũng không sao! Nếu chúng sanh đều có thể độ, ta tạo tội nghiệp ấy phải đọa địa ngục, ta cam tâm tình nguyện, phải có tinh thần như thế! Quý vị phải biết: Độ bao nhiêu chúng sanh mà! Vì thế, phải có tấm lòng “xả mình vì người khác”, đừng nên lúc nào cũng chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình, khiến Phật pháp chẳng thể hoàng dương, chẳng thể tiến triển. Tiếp theo đây, đại sư nêu lên một câu vấn đáp nhằm giải thích vấn đề này.

(Sớ) Vấn: Tín tán ưng nhi, vân hà nghi hủy diệt viết thiện căn?

(疏) 問: 信讚應爾, 云何疑毀亦曰善根。

(Sớ) Hỏi: Tin tưởng, khen ngợi, lẽ đương nhiên là như vậy. Có sao ngờ vực, hủy báng mà cũng nói là thiện căn?

Kẻ tin tưởng, tán thán đương nhiên là thiện căn, chúng ta chẳng hoài nghi điều này. Kẻ chẳng tin, hủy báng, có sao gọi là thiện căn cho được?

(Sớ) Đáp: Thường Bất Khinh thọ ký chư nhân.

(疏) 答：常不輕授記諸人。

(Sớ: Đáp: Ngài Thường Bất Khinh thọ ký cho mọi người).

Đây là Thường Bất Khinh Bồ Tát (Sadāparibhūta Bodhisattva). Trong hội Lăng Nghiêm, ta cũng thấy Ngài, mà trong hội Pháp Hoa, chúng ta cũng thấy Ngài. Thường Bất Khinh Bồ Tát thọ ký cho người khác.

(Sớ) Giai đương tác Phật.

(疏) 皆當作佛。

(Sớ: Sẽ đều thành Phật).

Hết thầy chúng sanh, mỗi chúng sanh đều sẽ thành Phật.

(Sớ) Nhân nghi bất tín, nãi chí đả mạ.

(疏) 人疑不信，乃至打罵。

(Sớ: Người ta nghi ngờ chẳng tin, thậm chí đánh, chửi).

Người khác nghe nói lời ấy chẳng tin tưởng, đánh đập, chửi bới Thường Bất Khinh Bồ Tát. A! Bồ Tát nói lời chân thật với quý vị, chẳng những quý vị không tin tưởng, mà còn muốn đánh Ngài, lại còn toan chửi bới Ngài. Tội lỗi ấy nặng lắm!

(Sớ) Nhân đọa địa ngục, tòng địa ngục xuất, chung đắc thành đạo.

(疏) 因墮地獄，從地獄出，終得成道。

(Sớ: Do vậy, đọa địa ngục, từ địa ngục thoát ra, rốt cuộc thành đạo).

Sau khi chịu hết tội báo do đánh chửi Bồ Tát ấy, hạt giống do nghe câu Phật pháp ấy thật sự là thiện căn, vĩnh viễn chẳng tiêu mất, nó là hạt giống Kim Cang trong bát thức tâm điền. Nhờ vào hạt giống Kim Cang ấy, sau khi đã hết nghiệp báo, gặp được duyên, bèn thật sự thành tựu, người ấy có duyên với Phật. Do vậy, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Tuy người khác chửi mắng, hủy báng, chúng ta cũng chẳng bận lòng, không cần phải để ý. Chúng ta biết người ấy trong tương lai nhất định sẽ thành Phật vì hạt giống Phật của người ấy đã được gieo rồi!

(Sớ) Khởi phi mạ đả tòng nghi nhi sanh, nghi tòng tri sanh, tri tòng văn sanh, văn tri hữu Phật, nhiên hậu sanh nghi.

(疏) 豈非罵打從疑而生，疑從知生，知從聞生，聞知有佛，然後生疑。

(Sớ: Há chẳng phải là chửi đánh do nghi sanh ra, nghi do biết sanh ra, biết do nghe sanh ra. Nghe biết có Phật rồi mới sanh lòng nghi).

Tuy là sanh lòng nghi, nhưng người ấy đã nghe tới Phật.

(Sớ) Tăng vị văn chi, nghi tòng hà phát? Nhân văn tri cố, Phật chi nhất tự, dĩ uẩn thức điền, đầu chủng thổ trung.

(疏) 曾未聞之，疑從何發。因聞知故，佛之一字，已蘊識田，投種土中。

(Sớ: Nếu chưa từng nghe, lòng nghi do đâu mà phát sanh? Do nghe biết, nên một chữ Phật đã chứa trong ruộng thức, như gieo hạt giống xuống đất).

Công đức lợi ích là ở chỗ này. Vì thế, người hiểu lý chẳng sợ kẻ khác không tin, chẳng sợ người khác hủy báng, chẳng sợ người khác lăng nhục, quý vị hãy nên tận tâm tận lực giới thiệu Phật pháp với hết thảy chúng sanh. Bất luận kẻ ấy tin hay không, chúng ta nhất định phải làm như thế này: Chỉ cần trong A Lại Da Thức của người ấy có hạt giống này, sau nhiều đời nhiều kiếp, người ấy nhất định gặp duyên. Sau khi gặp duyên, nhất định thành tựu. Khi người ấy thành tựu, nhất định sẽ cảm kích quý vị. Đến khi thành tựu, sẽ đắc Túc Mạng Thông, người ấy

sẽ thấy: “Trong bao nhiêu kiếp trước, người đó đã giới thiệu Phật pháp cho ta”, người ấy hết sức cảm tạ quý vị, vì sao? Quý vị đã độ người ấy. Nếu quý vị không ban cho người ấy hạt giống đó, làm sao người ấy có thể thành Phật? Do vậy, đừng sợ, chẳng cần kiêng dè gì cả, chẳng cần phải chấp trước gì cả!

(Sớ) Vũ lộ hốt tư, chung hữu sanh nhật.

(疏) 雨露忽滋，終有生日。

(Sớ: Mưa, sương chợt tưới tắm, rốt cuộc sẽ có ngày sanh trưởng).

Hai câu này tỷ dụ trong tương lai gặp duyên, là vì người ấy có hạt giống, hề gặp được duyên, nhất định sanh trưởng, nhất định thành tựu.

(Sớ) Bĩ hủy Phật giả, nghĩa diệt như thị.

(疏) 彼毀佛者，義亦如是。

(Sớ: Ý nghĩa những kẻ hủy báng Phật [mà vẫn được gọi là thiện căn] cũng như thế đó).

Hủy báng Phật cũng có đạo lý như vậy đó! Người hủy báng Phật, tương lai sẽ đều thành Phật. Bất quá là phải chịu tội một thời gian, có một khoảng thời gian bị đọa lạc, nhưng khi tội báo đã xong, nhất định gặp duyên, sẽ thành thực.

(Sớ) Cố viết dẫn tri hữu Phật, giai thành thiện căn, tất cánh giải thoát, bất văn, bất tri, tắc bất thành chủng.

(疏) 故曰但知有佛，皆成善根，畢竟解脫，不聞不知，則不成種。

(Sớ: Cho nên nói chỉ cần biết có Phật thì đều thành thiện căn, rốt ráo giải thoát. Chẳng biết, chẳng nghe, sẽ chẳng thành hạt giống).

Mấy câu này hết sức quan trọng, nhất là đối với pháp môn Tịnh Độ trong Phật pháp. Là vì quý vị nghe hết thấy các pháp môn khác chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chẳng những không thể thành tựu trong một đời này, mà nói thật ra, đời đời kiếp kiếp đều chẳng thể thành tựu. Nếu muốn thành tựu, vẫn là phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Các đồng tu nghe tôi nói kiêu này, chắc cũng bảo tôi nói quá bạo miệng. Thật ra, tôi có căn cứ để nói như thế, chẳng phải là nói tùy tiện. Căn cứ gì vậy? Dựa theo Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Trong hội Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Chúng ta nghe lời này phải giác ngộ! Không gì chẳng phải là dùng vãng sanh thế giới Cực Lạc hồng thành tựu rất ráo. Nếu các thế giới phương khác cũng rất ráo thành tựu, hàng Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giác cần gì phải vãng sanh thế giới Tây Phương? Không cần thiết! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ý nghĩa gì cả! Chính vì hàng Đẳng Giác Bồ Tát của Viên Giác mà còn phải phát nguyện vãng sanh, chúng ta mới biết thế giới Tây Phương mới là quả báo rất ráo chân thật viên mãn.

Đã biết sự thật này, vì sao nay chẳng tu? Hiện thời chịu tu, đây là như trong kinh đã nói: Thiện căn, phước đức, nhân duyên, ba điều kiện trọn đủ. Không chỉ trọn đủ, mà thật sự là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên. Thật sự hiểu rõ, thật sự tiếp nhận, từ nay trở đi, chúng ta không chỉ tùy duyên đối với pháp thế gian, tùy duyên là buông xuống. Buông xuống chẳng phải là chuyện gì cũng không hỏi tới. Quý vị phải hiểu rõ điều này. Buông xuống là gì? Chẳng còn phan duyên nữa, đó là buông xuống. Từ nay trở đi, tùy duyên sống qua ngày, dùng toàn bộ thời gian để niệm Phật, phải hoàn tất đại sự bậc nhất của chúng ta trong một đời này.

Tất cả những kinh luận trong pháp xuất thế gian cũng phải buông xuống, chẳng cần phải nghiên cứu, phí tinh thần chẳng cần thiết! Coi nhiều thêm mấy bộ kinh chẳng bằng niệm nhiều mấy câu Phật, vì sao? Quý vị xem kinh nhiều chẳng thể tăng cao phẩm vị, niệm Phật nhiều mới có thể tăng cao phẩm vị. Xem kinh nhiều, tư tưởng tán loạn, quý vị sẽ nghĩ kinh này nói như thế này, kinh kia nói như thế nọ, vì sao nói khác nhau? Đâm ra quý vị hoài nghi, thậm chí chẳng tin tưởng, thoái chuyển;

do vậy, chẳng bằng không xem. Người niệm Phật chỉ đọc ba kinh một luận, hoặc là xem Tịnh Độ Thập Yếu, Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, đủ rồi, chẳng cần phải xem gì khác. Tu học như thế, trong một đời này, chúng ta nhất định có thành tựu. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 80

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi chín:

Ngũ, năng thuyên Thể Tánh.

五、能詮體性

(Năm, trình bày Thể Tánh của kinh này).

Đây là môn thứ năm trong mười môn, mà cũng là đoạn lớn thứ năm, thuyết minh Thể Tánh của bộ kinh này. Thể (體) là bản thể của kinh, Tánh (性) là nói đến tánh chất của nó. Phần Huyền Nghĩa trong đoạn này cũng hết sức trọng yếu. Nếu hiểu rõ Thể Tánh của kinh này, chúng ta mới tin tưởng. Dùng danh từ, thuật ngữ hiện thời để nói, [luận định] Thể Tánh chính là [nói rõ] đức Phật đã dựa trên đạo lý nào để giảng bộ kinh này, cũng như [bàn định] Ngài đã dựa trên căn cứ lý luận nào. Quý vị nói với chúng tôi nhiều như thế, quả thật có căn cứ lý luận, đương nhiên chúng tôi sẽ tin tưởng. Thể Tánh là nói về đạo lý và lý luận dùng làm căn cứ cho bộ kinh này. Vì thế, điều này khá quan trọng, đủ để khơi gợi, dấy lên tín tâm cho chúng ta, chẳng đến nỗi hoài nghi pháp môn này. Phần giải thích [Thể Tánh] được chia thành bốn đoạn: Một là Tùy Tướng (luận về sự phụ thuộc giữa văn tự và nghĩa lý), hai là Duy Thức, ba là Quy Tánh, bốn là Vô Ngại. Đoạn văn này có mức độ khá sâu vì dính dáng đến căn cứ lý luận. Do vậy, đây là đoạn khó hiểu nhất trong phần Huyền Nghĩa.

Sơ, Tùy Tướng.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh bị cơ phổ biến, vị tri năng thuyên, hà vi Thể Tánh.

初、隨相

(玄義) 已知此經被機普遍，未知能詮，何為體性。

(Thứ nhất, Tùy Tướng.

Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này thích hợp trọn khắp các căn cơ, nhưng chưa biết kinh này dùng Thể Tánh nào để nói).

Trước tiên, nêu vấn đề bằng phương thức vấn đáp, nêu ra vấn đề này đầu tiên. Đoạn trước nói về đối tượng thích ứng, được tiếp dẫn bởi kinh này, chúng ta biết người căn tánh thượng, trung, hạ, kinh đã giảng hết sức hay: Chỉ cần có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, sẽ đều là đối tượng được tiếp dẫn bởi pháp môn này. Nói cách khác, quý vị chẳng tin, chẳng chịu phát nguyện, chẳng chịu niệm Phật, sẽ không có cách nào hết, chẳng phải là đối tượng tiếp dẫn của pháp môn này. Nói điều này với chúng ta hết sức rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu. Trong các đối tượng được tiếp dẫn, bậc thượng thượng căn như Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đều là đối tượng được tiếp dẫn. Kẻ hạ hạ căn, thậm chí không biết chữ, chưa từng đi học, chẳng hiểu biết gì, nghe pháp môn này rồi bèn chết sạch lòng mong ngóng, khẳng khái niệm Phật cũng có thể thành công. Thậm chí, còn có súc sanh niệm Phật vãng sanh. Trong lịch sử Trung Quốc, qua các đời đã ghi chép chẳng ít [những chuyện như vậy]; tôi tin là những chuyện không được ai ghi chép còn nhiều hơn nữa. Vì thế, pháp môn này quả thật rộng lớn, phổ biến, “*bị cơ phổ biến*” (thích hợp trọn khắp căn cơ), “*bị*” (被) có nghĩa là gia bị, hết sức phổ biến.

Tiến thêm bước nữa, chúng ta muốn hiểu, “*vi tri năng thuyên*” (chưa biết kinh này thuật nói), “*thuyên*” (詮) là nói, thuật, những văn tự, ngôn ngữ được nói trong kinh này “*hà vi Thể Tánh*” (Thể Tánh như thế nào), Thể là Lý, tức là đạo lý của bản kinh, căn cứ đạo lý của bộ kinh này là gì? Thể và Tánh đều nói về Lý, dưới đây là câu trả lời.

(Huyền Nghĩa) *Y cổ triển chuyển thập môn thôi bốn, ước chi thành tứ.*

(玄義) 依古展轉十門推本，約之成四。

(Huyền Nghĩa: Nếu theo lối cổ thì lần lượt dùng mười môn để suy xét đến tận gốc, nếu nói tóm tắt thì gồm bốn điều).

“Uớc” (約) là quy nạp, quy nạp thành bốn môn. Trong Thê, nói đến Tỳ Tướng, Duy Thức, Quy Tánh và Vô Ngại, quy nạp thành bốn môn ấy. Ở đây, trước hết phải giải thích “*thập môn thôi bốn*” là gì? Cổ đức giảng về giáo thể, tức là [biện định] những bộ kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm là từ chỗ nào mà nói ra? Căn cứ trên đạo lý nào để nói? [Những đạo lý ấy được gọi chung là giáo thể]. Cổ đại đức gom những đạo lý ấy thành mười điều, từ mười điều ấy truy ngược lên dần dần để tìm được điều căn bản. Điều thứ nhất là “*âm thanh, ngữ ngôn*”. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài dùng âm thanh làm Phật sự. Do vậy, âm thanh là giáo thể. Sau khi đức Phật diệt độ, các đệ tử đem những lời thầy đã giảng trong quá khứ ghi chép lại, viết thành văn tự. Điều thứ hai là “*danh cú văn thân*”: [Danh (名) là] danh từ, thuật ngữ. Một ý nghĩa hoàn chỉnh thì gọi là một Cú (句: Câu). Văn (文) là văn tự. [Cú và Văn] đều gọi là Thân (身)⁷⁴. Điều thứ ba là “*thông thủ tứ pháp*” (gom chung bốn pháp Danh, Cú, Văn, Thân để nói lên Thê). Điều thứ tư là “*chư pháp hiển nghĩa*” (dùng các pháp ấy để hiển thị nghĩa lý); đây là nói về Lý. Văn tự là “*năng thuyên*” (chủ thể đóng vai trò diễn nói), nó có thể trình bày, giảng nói. Trong [những điều được diễn nói] ấy, nhất định có nội dung, cổ nhân nói “*văn dĩ tải đạo*” (dùng văn để chở đạo), trong ấy có lý luận, có đạo lý. Chúng ta hãy từ ngôn ngữ, văn tự mà ngộ đạo lý, chớ nên chết cứng trong ngôn ngữ, văn tự. Ngôn ngữ, văn tự là công cụ, có mục đích nhằm khiến cho chúng ta ngộ được cái Lý trong ấy; có như vậy thì mới thật sự thụ dụng.

Thứ năm là “*nhiếp cảnh duy tâm*” (quy kết cảnh chỉ do tâm biến hiện), “*cảnh*” là cảnh giới; âm thanh, ngôn ngữ, văn tự đều thuộc vào cảnh giới. Những cảnh giới ấy từ chỗ nào biến hiện ra? Duy tâm sở hiện. Nói cách khác, dần dần có thể phát hiện được bản thể của nó, bản thể là chân tâm, bản tánh. Những kinh do đức Phật nói do từ chân tâm, bản tánh lưu lộ. “Dần dần” là như kinh Hoa Nghiêm đã nói [từ bốn pháp Danh, Cú, Văn, Thân, truy ngược lại để thâm nhập nghĩa lý], thâm nhập đến mức Lý Sự vô ngại, rồi Sự Sự vô ngại, khi đạt đến viên mãn rốt ráo, tâm tánh hoàn toàn khôi phục sự sáng sạch, tức là lúc quang minh tịnh khiết, chẳng nhiễm mảy trần, hết thấy Sự - Lý trong tận hư không trọn pháp giới đều thấy, giống như Tâm Kinh đã nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn*

⁷⁴ Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chữ Thân có nghĩa là “tụ tập”. Do Văn là từ Cú hợp thành, Cú do Danh hợp thành, nên Cú và Văn được gọi chung là Thân.

giai không”. Ngũ Uẩn là gì? Hết thấy Sự Lý thể gian và xuất thể gian chẳng ra ngoài Ngũ Uẩn, nhỏ thì như cái thân của chúng ta là thân Ngũ Uẩn, lớn thì toàn thể thế giới là thể giới Ngũ Uẩn. Hữu tình thể gian là như thế, mà Trí Chánh Giác thể gian cũng chẳng phải là ngoại lệ! Thế giới Sa Bà của chúng ta do Ngũ Uẩn hợp thành, Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn do Ngũ Uẩn hợp thành. Ngũ Uẩn nơi chúng ta là nhiễm, Ngũ Uẩn ở bên kia là tịnh. Thật ra, Ngũ Uẩn đâu có nhiễm hay tịnh? Tịnh hay nhiễm do lòng người, quý vị phải hiểu rõ: Tâm mê là nhiễm, tâm thanh tịnh là tịnh.

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói rất minh bạch: Chúng sanh và Phật khác biệt ở chỗ nào? Chúng sanh có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; Phật chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chuyện là như vậy đó! Phẩm [Như Lai] Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Phật và chúng sanh không khác nhau, chỉ sai biệt đôi chút như vậy. Chỉ cần hết thấy chúng sanh buông phân biệt, vọng tưởng, chấp trước xuống thì quý vị gọi là Phật, gọi là “thành Phật”. Nói thật ra, thành Phật đơn giản như vậy đó. Quý vị đã hiểu rõ Lý, nhưng không buông phân biệt, chấp trước xuống được, biết làm cách nào nữa đây? Chịu buông xuống là được! Không chịu buông xuống, Phật cũng chẳng cứu được quý vị, cũng chẳng giúp đỡ được. Vì thế, tu hành là tu gì? Chính là trừ bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tu điều này. Cổ đức nói: “*Chỉ cầu trừ vọng*”, quý vị trừ hết hư vọng là được rồi, chẳng cần phải cầu Chân. Vì sao chẳng thể cầu Chân? Cầu Chân là một thứ vọng niệm, giống như trong lần trước tôi đã với quý vị: Quý vị chỉ cần niệm Phật, chẳng cần cầu nhất tâm bất loạn; vì quý vị cầu nhất tâm bất loạn thì ý niệm ấy cũng là vọng niệm, là chướng ngại đối với nhất tâm bất loạn. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Chỉ cần thẳng thừng niệm bốn chữ, niệm đến khi công phu thành thực, tự nhiên sẽ là nhất tâm bất loạn. Niệm Phật suốt ngày [mà cứ bần khoản] “sao ta vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn?” Niệm như vậy suốt cả đời vẫn chẳng thể đắc nhất tâm bất loạn, trong mỗi niệm đều có chướng ngại, trong mỗi niệm đều có vọng tưởng, làm sao thành tựu cho được?

Thập môn⁷⁵ được quy nạp thành bốn môn. Trong bốn môn, môn thứ nhất là Tỳ Tỳ Tướng. Chữ Tỳ Tỳ có hai nghĩa:

⁷⁵ Trong phần này, không rõ vì sao hòa thượng Tịnh Không chỉ nói năm môn đầu, không giảng năm môn còn lại. Theo A Di Đà Kinh Sớ Sao Sự Nghĩa, mười môn ấy chính là: 1) Âm thanh ngữ ngôn 2) Danh cú văn thân 3) Thông thủ tứ pháp 4) Chư pháp hiển nghĩa 5) Nhiếp cảnh duy tâm 6) Hội duyên nhập Không (gom các duyên

- Thứ nhất là “*văn tùy u nghĩa, nghĩa tùy u văn*”, [tức là] trong văn có ý nghĩa, trong ý nghĩa cũng có văn chương; bởi lẽ, ý nghĩa có trình tự, có tầng lớp, từng điều rạch ròi, chẳng lộn xộn, đó là văn chương. Đây là nói về Giáo Thể.

- Ý nghĩa thứ hai là khi chưa đến mức “*hội quy nhất tâm*” (gom hết về nhất tâm) thì chúng ta sẽ tìm tòi, dựa trên văn tự nhằm hiểu rõ chỗ quy kết của những lý luận ấy.

Đó là ý nghĩa Tùy Tướng. Bốn đoạn này, càng đọc về sau càng sâu, mỗi phần sau đều sâu hơn phần trước.

(Huyền Nghĩa) Tiên minh Tùy Tướng, u trung phục nhị, nhất vị thanh danh cú văn, nhị vị sở thuyên nghĩa, dĩ văn dĩ nghĩa giai thuộc tướng cố.

(玄義) 先明隨相，於中復二，一謂聲名句文，二謂所詮義，以文與義皆屬相故。

(Huyền Nghĩa: Trước hết, nói về Tùy Tướng. Trong đây lại có hai điều: Một là thanh, danh, cú, văn; hai là nghĩa lý được diễn nói bởi [thanh, danh, cú, văn], bởi lẽ, văn và nghĩa đều thuộc về tướng).

Cũng có đồng học chúng ta đọc xong sẽ có nghi vấn. Văn tự là tướng, chẳng thành vấn đề! Cớ sao nghĩa lý cũng nói là tướng? Phía dưới sẽ có giải thích. Vì nếu đem nghĩa so với Lý để nói thì nghĩa vẫn là “*năng thuyên*” (chủ thể tuyên nói), cho nên nó vẫn thuộc vào tướng. Sâu hơn một tầng nữa là giáo lý, giáo lý phải do chính mình lắng lòng lãnh hội, thường nói là “*ý nằm ngoài lời*”, sâu là sâu tại chỗ này; nhưng đối với bản kinh này, bất luận quý vị thấu hiểu nghĩa lý sâu hay cạn, đều được lợi ích. Thậm chí hoàn toàn chẳng hiểu nghĩa lý, ta tin tưởng, ta muốn về Tây Phương, ta niệm một câu A Di Đà Phật cũng có thể vãng sanh. Pháp môn này thù thắng chẳng thể nghĩ bàn ở chỗ này, chẳng giống các pháp môn khác: Nhất định phải ngộ nhập sâu xa mới được thụ dụng. Pháp môn này hay là hay ở chỗ này, chẳng ngộ nhập vẫn được thụ dụng!

về Không) 7) Lý Sự vô ngại 8) Thông nhiếp sở thuyên (đúc kết những điều đã nói) 9) Sự sự vô ngại 10) Hải ấn bính hiện (Chân như hải ấn hiển hiện rạng ngời).

(Sớ) Thập môn triển chuyển, tường kiến Hoa Nghiêm Huyền Đàm, Khuê Phong phục u trung ước nhi thúc chi, toại vi tứ môn.

(疏) 十門展轉，詳見華嚴玄談，圭峰復於中約而束之，遂為四門。

(Sớ: “Mười môn lần lượt” xem chi tiết trong bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm, ngài Khuê Phong lại rút gọn [mười môn ấy] thành bốn môn).

Bộ Hoa Nghiêm Kinh Huyền Đàm⁷⁶ gồm chín quyển do Thanh Lương đại sư viết vào đời Đường, là bản chú giải kinh Hoa Nghiêm có uy tín nhất, được gọi là Đại Sớ. Ngài Khuê Phong là thiền sư Tông Mật, là học trò ngài Thanh Lương. Ngài Thanh Lương là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm, ngài Tông Mật là đời thứ năm, là Ngũ Tổ của tông Hoa Nghiêm. Tác phẩm trứ danh nhất của Ngài được lưu truyền hậu thế là bộ Viên Giác Kinh Sớ Sao. Ngài dốc sức rất lớn nơi kinh Viên Giác, viết mấy bản chú giải. Viên Giác Kinh Sớ Sao, Viên Giác Kinh Lược Sớ đều do Ngài viết. Từ truyện ký, chúng ta thấy vị pháp sư này cũng rất bất phàm. Ngài thấy kinh điển nhiều quá, một người trong một đời mà đọc hết thấy các kinh có thể nói là chuyện không thể được! Làm thế nào để chọn lấy một hai thứ trong hết thấy các kinh để chuyên dốc công phu? Thấy kinh điển nhiều dường ấy đều thích hết, vậy thì rốt cuộc nên chọn thứ nào mới nên? Lão nhân gia dùng phương pháp [sau đây]: Trước hết, lễ Phật cầu cảm ứng, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Lạy Phật xong bèn tiện tay rút lấy một quyển trong Đại Tạng Kinh, quyển ấy do Phật, Bồ Tát gia trì, rút được cuốn Viên Giác Kinh. Được rồi! Ngài bèn chết sạch mong ngóng, khăng khít dốc sức nơi kinh Viên Giác, Ngài bèn thành tựu. Thuận tay rút ra một quyển là do lễ Phật kiên thành, cung kính cầu Tam Bảo gia trì hòng biết chính mình có duyên với bộ kinh nào, dùng phương thức ấy. Từ xưa đến nay, mãi cho đến hiện tại, chú giải kinh Viên Giác không có ai hơn được Tông Mật đại sư. Ngài chú giải kinh Viên Giác chẳng dùng thập môn khai khái mà đem mười môn quy nạp thành bốn

⁷⁶ Hoa Nghiêm Huyền Đàm có tên đầy đủ là Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao Huyền Đàm, còn gọi là Thanh Lương Huyền Đàm. Nội dung bao gồm phần cương yếu và những phần luận định liên quan đến Huyền Nghĩa của kinh Hoa Nghiêm trích từ các tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Sớ và Hoa Nghiêm Kinh Tùy Sớ Diễn Nghĩa Sao. Tác phẩm này lại còn được chú giải bởi các bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm Quyết Trạch (do Tông Diễn soạn) và Huyền Đàm Hội Huyền Ký (do Phổ Thụ soạn).

môn, “*ước nhi thức chi, toại vi tứ môn*” (rút gọn lại bèn thành bốn môn). Nay Liên Trì đại sư chọn dùng phương thức của Khuê Phong Tông Mật đại sư, dùng bốn môn để thuyết minh [thể tánh của kinh Di Đà].

(Sớ) Sơ, “*thanh, danh, cú, văn*” giả, cứ Đại Tiểu Thừa giáo, hoặc dĩ thanh vi giáo thể.

(疏) 初、聲名句文者，據大小乘教，或以聲為教體。

(Sớ): Thứ nhất, “*thanh, danh, cú, văn*”: Theo Đại Tiểu Thừa giáo, hoặc lấy âm thanh làm giáo thể.

Đức Phật tại thế, dùng âm thanh để thuyết pháp; thưở ấy không có kinh sách, đức Phật giảng, mọi người nghe.

(Sớ) Hoặc dĩ Danh, Cú, Văn, Thân nhi vi giáo thể.

(疏) 或以名句文身而為教體。

(Sớ): Hoặc dùng danh, cú, văn, thân để làm giáo thể.

Sau khi đức Phật diệt độ, do tôn giả A Nan là bậc đa văn đệ nhất, có trí nhớ tốt nhất, sức ghi nhớ của ngài A Nan giống như máy thu âm hiện thời, nghe qua một lần chẳng quên một chữ nào, có thể nhắc lại, Ngài có năng lực ấy. Ngài A Nan nhắc lại, các đồng học chứng minh, lại còn ghi chép, trở thành cội nguồn của kinh điển cho đời sau. Đối với sự truyền thừa của Phật giáo, ngài A Nan có công hiến rất lớn. Có thể nói: Nếu không có Ngài, dù đức Phật nói kinh nhiều dường ấy, chúng ta vẫn chẳng có cơ hội được nghe.

(Sớ) Kim y Thanh Lương đại sư, thông thu tứ giả, dĩ thanh vi giáo chủ.

(疏) 今依清涼大師，通收四者，以聲為教主。

(Sớ): Nay dựa theo Thanh Lương đại sư, gộp chung cả bốn thứ này lại, lấy âm thanh làm Giáo Thể chủ yếu).

Đây là ý nghĩa mà ngài Thanh Lương đã dùng để chú giải kinh Hoa Nghiêm: Ngài quy nạp lại, lấy âm thanh làm Giáo Thể. Ngài Thanh Lương cũng có căn cứ [để luận định như vậy], chứ không phải là nói bừa, như trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát khi chọn lựa pháp Viên Thông đã nói: “*Thử phương chân Giáo Thể, thanh tịnh tại âm*”

văn” (Chân Giáo Thê phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Chúng sanh trong thế giới Sa Bà, Nhĩ Căn nhạy bén nhất; quý vị bảo họ nhìn, chẳng dễ gì khai ngộ, nói cho họ nghe, họ rất dễ khai ngộ. Đây là dùng âm thanh làm Giáo Thê.

(Sớ) Danh giả thứ đệ hàng liệt, thuyên pháp tự tánh.

(疏) 名者次第行列，詮法自性。

(Sớ: Danh là liệt kê theo thứ tự nhằm diễn tả tự tánh của pháp).

“Thuyên” (詮) là “thuyên thuật” (詮述: giảng nói, trình bày). Trong những danh từ ấy có chứa đựng tự tánh của hết thảy các pháp. Chẳng hạn như đối với danh từ Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta quả thật nghĩ đến một vị Phật. Chữ Vô có nghĩa là “chẳng có tự tánh”, hết thảy đều không có! “Vô Lượng”: Gộp hai chữ Vô và Lượng lại sẽ biến thành vô hạn, chẳng có hạn lượng. “Thọ” là thọ mạng. [Vô Lượng Thọ là] thọ mạng chẳng có hạn lượng, ý nghĩa rất rõ ràng. Chúng ta có thể nghĩ đến vị Phật ở bên ấy, chẳng cần nói đến điều gì khác, chỉ nói là Ngài có thọ mạng chẳng có hạn lượng, chẳng có giới hạn. Phật có nghĩa là Giác, vị Phật ấy đã có thọ mạng dài lâu lại vừa là bậc đại trí đại giác, Phật là đại trí đại giác. Từ danh từ này, chúng ta có thể thấu hiểu một sự thật: Có một vị Phật đại trí đại giác, thọ mạng cực dài. “Danh” có thể chứa đựng tự thể của pháp này, “pháp” là nói hết thảy vạn pháp. Chúng ta nêu ra [danh hiệu của] một vị Phật để nói, thì [danh hiệu ấy] chứa đựng tự thể của Ngài.

Thông thường, những kẻ tầm thường như chúng ta danh chẳng phù hợp thật! Chúng ta đặt tên, chọn những danh xưng đẹp đẽ, nhưng sự thật và danh xưng chẳng phù hợp. Chư Phật, Bồ Tát danh phù hợp thật, các Ngài chọn danh hiệu nào thì trên thực tế, đúng là như vậy. Chúng ta học Phật, khi quý vị quy y, vị pháp sư truyền thọ Tam Quy đặt pháp danh cho quý vị, pháp danh có nghĩa là gì? Hy vọng trong một đời này, quý vị sẽ danh phù hợp thật, đừng nên để danh và thật mâu thuẫn. Cổ nhân Trung Quốc đặt danh xưng rất chú ý, đa số là mong sao danh và thật phù hợp. Con người hiện tại chẳng đáng tin, chẳng chín chắn như người đời trước. Từ kinh điển, chúng ta thấy tại Ấn Độ vào thời cổ, rất nhiều danh xưng của một cá nhân quả thật là “danh phù hợp thật”. Chẳng hạn như tôn giả Câu Hy La (Kausthila), Câu Hy La nghĩa là gì?

Đại Tất Cái, dịch sang nghĩa tiếng Hán là đầu gối của Ngài đặc biệt to, tiếng Hán gọi là Đại Tất Cái. Ngài danh và thật tương hợp, tương xứng.

(Sớ) Cú giả thứ đệ an bố, thuyên pháp sai biệt.

(疏) 句者次第安布，詮法差別。

(Sớ: Cú là sắp đặt theo thứ tự để giảng về sự sai biệt của các pháp).

Chúng tôi vẫn dùng Vô Lượng Thọ Phật để làm tỷ dụ. Cú là một câu hoàn chỉnh, Vô Lượng Thọ Phật là một câu hoàn chỉnh, ý nghĩa rất hoàn bị, có thể bao hàm ý nghĩa của đại pháp. Nếu chúng ta chỉ nói Lượng Thọ Phật thì ý nghĩa chưa toàn vẹn. Do vậy, mỗi chữ trong bốn chữ này chẳng thể thiếu một chữ nào. Hễ thiếu một chữ, ý nghĩa sẽ không trọn vẹn, chẳng hoàn chỉnh. Mỗi một chữ trong Cú đều sai khác, gộp lại mới thành một ý nghĩa hoàn chỉnh. “Cú giả, thứ đệ an bố, thuyên pháp sai biệt” (Cú là sắp đặt theo thứ tự để giảng về sự sai biệt của các pháp). Những chữ ấy chẳng thể xáo trộn, chẳng thể thiếu khuyết thì mới hiển thị hoàn toàn ý nghĩa [của câu ấy].

(Sớ) Văn giả thứ đệ liên hợp, thượng nhị sở y. Thử Danh, Cú, Văn tam giả, khuất khúc vi Thanh thượng thuyên biểu. Duy Thanh, tắc bất năng thuyên nghĩa. Duy Danh, Cú, Văn, tắc vô tự thể. Kiêm thử tứ sự, thị vi giáo thể, dĩ Giả, Thật, Thể, Dụng kiêm tư dã.

(疏) 文者次第聯合，上二所依。此名句文三者，屈曲為聲上詮表，唯聲，則不能詮義。唯名句文，則無自體。兼此四事，是謂教體，以假實體用兼資也。

(Sớ: Văn là liên kết theo thứ tự, phụ thuộc vào hai loại trước (Danh và Cú). Ba món Danh, Cú, Văn phải nương vào Thanh (âm thanh) để nói ra. Chỉ có Thanh, sẽ chẳng thể diễn tả nghĩa lý. Chỉ có Danh, Cú, Văn, ắt chúng sẽ không có tự thể. Kiêm cả bốn điều này để thành giáo thể, trọn dùng Giả, Thật, Thể, Dụng để giúp lẫn nhau vậy).

Đoạn này hơi khó hiểu. “Văn” là từ hai câu gộp lại trở lên thì mới là văn chương. Trong sách Luận Ngữ, có khi hai câu là một chương, có khi ba câu là một chương, mỗi chương trình bày một chuyện hoàn chỉnh.

Trước đời Hán, văn tự vô cùng thuần phác, nhất định chẳng rườm rà; về sau, văn tự có phong cách tu từ, càng ngày càng cố sức bóng bẩy, khác rất xa với tánh chất chất phác, thành thật của cổ văn. “Văn” có nghĩa là văn sức (trau chuốt lời lẽ cho bóng bẩy), ắt phải dùng lối nói hoa mỹ, nay ta gọi là “tu từ” (Rhetoric)⁷⁷, kết hợp [những biện pháp tu từ lại] như vậy thì mới phô diễn được sự mỹ hóa (beautify) văn chương: Văn tự đẹp đẽ, đọc lên âm thanh du dương. Lối văn Biền Thể⁷⁸ được người ta ưa thích nhất. Trong văn học, nói đến những loại đẹp đẽ nhất như thơ, từ, ca, phú, những lời văn trong tuồng hát đều hết sức bóng bẩy, đều càng được trau chuốt. Kinh Phật sau khi được kết tập lần đầu, cũng tìm những người giỏi văn chương nhuần sắc, tu chỉnh. Từ Phạn văn dịch sang tiếng Hán, sau khi đã dịch xong toàn bộ kinh văn, nhất định phải mời mấy tay văn học gia nổi tiếng đến nhuận văn. “Nhuận văn” là gọt giũa, trau chuốt, nhưng chẳng thể biến đổi ý nghĩa, mà gắng hết sức chỉnh sửa từ

⁷⁷ Tu từ là biện pháp tăng cường hiệu quả thuyết phục của ngôn ngữ, ngoài mục đích thẩm mỹ, còn tăng cường sức hấp dẫn, tạo ấn tượng trong tâm trí người nghe, cũng như khiến cho những ý tưởng được diễn tả trở nên rõ ràng, mạch lạc. Những biện pháp tu từ thường dùng nhất trong chữ Hán là ngụ ngôn, phú (diễn tả trực tiếp), tỷ (so sánh), hứng (gợi ý liên tưởng), khoa sức (thậm xưng, nói ngoa), phúng thích (bỡn cợt), đảo ngữ... cũng như sử dụng điển tích, thành ngữ v.v... Tác phẩm đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống về Tu Từ Học là Văn Tâm Điều Long của Lưu Hiệp.

⁷⁸ Văn Biền Thể còn gọi là Tứ Lục, Biền Lệ, Biền Văn, Biền Phú v.v... Theo sách Thuyết Văn Giải Tự, Biền (駢) có nghĩa là hai con ngựa cưỡi đi song song. Biền Văn đã có từ thời Tiên Tần, hưng thịnh nhất dưới thời Ngụy - Tấn, về sau trở thành thể văn bắt buộc phải dùng trong trường thi vào đời Minh và Thanh. Toàn thể bài văn phải theo kết cấu đối ngẫu, tức là trừ một ít câu, cứ mỗi đoạn đều có thể chia thành hai vế đối, số chữ, vần điệu đều phải giống nhau, mỗi chữ chính yếu phải “ăn vần” với nhau rất phức tạp. Mỗi câu dùng bốn chữ, hay sáu chữ là chính, đôi khi có thể dùng năm hay bảy chữ, có khi dùng đến tám, chín, mười chữ, nhưng rất ít khi dùng đến kiểu này. Lời văn phải hết sức đẹp đẽ, bóng bẩy, sử dụng điển tích cầu kỳ, bí hiểm, âm thanh du dương nhằm phô diễn sự học rộng, nhưng nhiều khi nội dung rỗng tuếch! Xin trích một đoạn trong bài Thu Nhật Đăng Hồng Phủ Đăng Vương Các Tiễn Biệt Tự (Lời giải bày nhân một ngày Thu lên gác Đăng Vương của Hồng Phủ tiễn biệt nhau): “*Lạo thủy tận nhi hàn đàm thanh, yên quang ngưng nhi mộ sơn tử. Tằng đài từng thủy, thượng xuất trùng tiêu, phi các tường đan, hạ lâm vô địa. Hạc đỉnh phù chữ, cùng đảo dự chi oanh hồi, quế điện lan cung, tức cương loan chi thể thể*” (tạm dịch: Nước lụt đã hết, đàm lạnh xanh thắm. Chiều tà, khói quyện ánh sáng, núi tím biếc. Đài cao chập chùng chót vót, vút tận trời xanh, gác son chành vênh, nhìn không thấy đất. Le, hạc xúm xít bên sông, sóng vờn quanh đảo, cung lan, điện quế, đường thể núi quanh co).

ngữ, câu văn, văn tự sao cho đẹp đẽ; có công tác này. Những chuyện này đều thuộc về ý nghĩa đang nói ở đây!

“*Kiên thử tứ sự, thị vị giáo thể*” (kiêm cả bốn chuyện này để làm giáo thể): Kinh thể và bản thể của kinh Phật là văn tự. Chúng ta chẳng thể tách khỏi kinh sách, kinh sách là căn cứ giáo học của Phật giáo. “*Giả, Thật, Thể, Dụng kiêm tư*” là nói tới điều gì vậy? Trong ấy có Giả, có Thật, có Thể, có Dụng, những điều này hỗ trợ lẫn nhau. Danh, Cú, Văn đều là giả, vì sao là giả? Chúng là bất tương ứng hành pháp. Quý vị học Duy Thức, học Bách Pháp sẽ hiểu: Cái gọi là “*bất tương ứng hành pháp*” nói theo danh từ bây giờ là những gì thuộc về trừu tượng, không có thực thể. Vì thế, chúng được gọi là “*bất tương ứng*”, chẳng tương ứng với ai? Chẳng tương ứng với Tâm, chẳng tương ứng với Tâm Sở, chẳng tương ứng với Sắc. Tâm pháp là Bát Thức Tâm Vương, đó là thật, vì hết thảy vạn pháp đều do nó biến, tâm là Năng Biến. So sánh giữa Năng Biến và Sở Biến thì Năng Biến là chân, Sở Biến là giả. Tâm Sở pháp là tác dụng của Tâm Vương, phụ thuộc Tâm Vương, gồm có tất cả năm mươi một món. Đối lập với Tâm Sở pháp là Sắc pháp. Sắc pháp là Y Tha Khởi Tánh, cũng coi như là có, quả thật có chuyện ấy, chẳng thể nói chúng không có. Ngôn ngữ, văn tự là bất tương ứng hành pháp, đã chẳng phải là Tâm pháp hay Tâm Sở pháp, mà cũng chẳng phải là Sắc pháp. Nói theo ba tánh của Duy Thức, tánh chất của chúng (bất tương ứng hành pháp) được gọi là Biến Kế Sở Chấp Tánh; đây chính là một thứ vọng tưởng hay quan niệm chấp trước trong tâm chúng ta, cho rằng có những thứ này, chứ trên thực tế chẳng có! Vì thế, văn tự bất quá là một thứ phù hiệu mà thôi, là một thứ hết sức trừu tượng, là giả, chẳng thật!

Âm thanh quả thật tồn tại, âm thanh thuộc về Sắc pháp. Sắc pháp có mười một thứ, gồm Ngũ Căn và Lục Trần, Ngũ Căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; Lục Trần là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Âm thanh là một thứ trong Lục Trần, thuộc về Sắc pháp. Sắc pháp là Y Tha Khởi Tánh, thật sự có. Biến Kế Sở Chấp Tánh chẳng thật sự có, mà là giả có. Thử Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, âm thanh là Thể, về sau ghi chép thành văn tự, đó là Dụng. Có Thể, có Dụng, có Giả, có Thật! Cái Thật ấy chẳng phải là chân thật tuyệt đối; do so sánh với Danh Cú Văn Biến Kế Sở Chấp Tánh nên quả thật có chuyện ấy. Tuy có chuyện ấy, nhưng cũng chẳng thể coi là chân thật tuyệt đối được.

(Sớ) Nhị, sở thuyên nghĩa giả, thử Thanh, Danh, Cú, Văn, nhược vô sở thuyên chi nghĩa, tắc đồng hồ thiên vận, thù vô ý hướng.

(疏) 二、所詮義者，此聲名句文，若無所詮之義，則同乎篇韻，殊無意況。

(Sớ: Hai là những nghĩa lý được diễn bày [bởi thanh danh cú văn]: Những thứ Thanh, Danh, Cú, Văn ấy nếu không diễn tả những nghĩa lý thì chúng sẽ giống như các sách tự điển, gieo vần⁷⁹, trọn chẳng có ý nghĩa gì!)

Trong văn tự, nếu thật sự không có ý nghĩa, sẽ giống như từng chữ một trong tự điển, mỗi chữ chẳng liên kết với nhau thì chẳng có ý nghĩa gì hết, giống như các loại sách vận thư (sách dạy gieo vần như Quảng Vận) hay thi vận (sách liệt kê những chữ có cùng vần trong thơ ca) xưa kia, chẳng có ý nghĩa gì hết, trở thành có tánh chất giống như vậy. Vì thế, trong văn nhất định phải có nghĩa thì mới có giá trị. Nghĩa lý càng sâu càng có giá trị. Trong báo chí có văn tự, trong tạp chí cũng có văn chương, nhưng ý nghĩa quá nông cạn, đọc một lần chẳng muốn xem lần thứ hai. So với những thứ văn học có giá trị, có mức độ sâu thì ý vị sâu hơn, đọc xong vẫn muốn đọc nữa. Thế nhưng tác phẩm văn học dù hay đến đâu, đọc hai chục hay ba chục lần cũng chẳng muốn đọc nữa. Chúng

⁷⁹ “Thiên vận” là tên gọi gộp chung hai bộ sách Ngọc Thiên và Quảng Vận. Sách Ngọc Thiên là một loại tự điển cổ xưa do Cố Dĩ Vương biên soạn dưới đời Lương vào thời Nam Bắc Triều, phỏng theo cách biên soạn của bộ Thuyết Văn Giải Tự, nhưng cải tiến, hợp lý hơn, gồm ba mươi quyển, 16.917 chữ, chia thành 542 bộ thủ. Với mỗi chữ có ghi âm đọc theo cách Phiên Thiết (tức dùng hai chữ đã biết ghép lại nhằm giải thích âm đọc. Chẳng hạn, chữ 詮 được chú âm cách đọc là Thả Duyên thiết, nên phải đọc là Thuyên). Sơ Tổ Chân Ngôn Tông của Nhật Bản là ngài Không Hải vào năm 806 đã mang tác phẩm này về Nhật, và dựa theo đó để biên soạn bộ Tenrei Basho Meigi (Triện Lệ Vận Tượng Danh Nghĩa), tức là bộ tự điển đầu tiên của Nhật. Quảng Vận có tên gọi đầy đủ là Đại Tổng Trùng Tu Quảng Vận, do nhóm Trần Bành Niên biên soạn trong niên hiệu Tường Phù đời Tống Chân Tông, là một bộ sách được biên tập từ các vận thư (sách dạy cách gieo vần trong khi làm thơ phú, chữ nào vần với chữ nào) trước đó như Thiết Vận, Đường Vận v.v... Nội dung sách rất rắc rối, chia các chữ Hán thường dùng thời đó (26.194 chữ) thành bốn loại dựa theo dấu giọng (bình, thượng, khứ, nhập) rồi với mỗi giọng lại chia thành các vần, thành hai trăm lẻ sáu hệ thống vần chính. Do vậy, từ ngữ “thiên vận” thường được dùng để chỉ các loại từ điển và sách dạy gieo vần nói chung.

ta đọc Thập Tam Kinh⁸⁰ là sách của Nho gia, đọc Lão Tử, Trang Tử, những sách đó ý vị nông nàn, sâu đậm, đúng là đọc trăm lần chẳng chán! Nếu xem kinh Phật, đích xác là từ Sơ Phát Tâm cho đến Đăng Giác Bồ Tát, đọc qua vô lượng kiếp vẫn đọc không chán, vì sao vậy? Vì kinh từ Chân Như bổn tánh lưu lộ, bổn tánh chẳng có cùng tận. Vì thế, pháp vị được bao hàm trong ngôn ngữ văn tự cũng chẳng cùng tận, có nghĩa vị rất nông đậm.

(Sớ) Nhược đồ nghĩa vô văn, diệu lý bằng hà nhi đắc hiển thị.

(疏) 若徒義無文，妙理憑何而得顯示。

(Sớ: Nếu chỉ có nghĩa lý suông, chẳng có văn tự, diệu lý nhờ vào đâu để hiển thị).

Tuy có nghĩa vị, nhưng nếu không có văn tự dẫn dắt, chúng ta sẽ không có cách nào thông đạt [nghĩa lý ấy]. Nghĩa vị ấy do đâu mà có? Thưa quý vị, tuyệt đối chẳng phải là có sẵn trong văn tự. Nếu trong văn tự có pháp vị, lẽ ra mỗi người đọc văn tự đều có thể cảm nhận, chẳng phải vậy! Pháp vị ấy do đâu mà có? Do quý vị nhờ vào văn tự để dẫn khởi tâm tánh của chính mình phát xuất; do vậy, ý vị chẳng có cùng tận. Đó gọi là “pháp hỷ sung mãn”, chúng ta thường nói là “ngộ xứ”. Sự ngộ ấy có chấm dứt hay không? Không có! Chẳng có chấm dứt! Quý vị đọc kinh, hằng ngày có ngộ xứ. Cũng có người nói: “Tôi hằng ngày niệm kinh mà chẳng có ngộ xứ, vì sao chẳng có ngộ xứ?” Quý vị niệm kinh không đúng cách; vừa niệm kinh, vừa khởi vọng tưởng, chẳng có ngộ xứ! Khi niệm kinh, tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng thể có ngộ xứ! Khi niệm kinh, thái độ chẳng cung kính, chẳng có ngộ xứ! Vì thế, nếu dùng

⁸⁰ Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển chủ yếu của Nho gia mà các sĩ tử Trung Hoa kể từ đời Tống bắt buộc phải học nếu muốn đỗ đạt, gồm kinh Thi, kinh Thư, Lễ Ký, Châu Dịch, Tả Truyện (Tả Thị Xuân Thu là bộ biên niên sử nhằm chú giải kinh Xuân Thu do Tả Khâu Minh biên soạn), Công Dương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Công Dương Cao người nước Tề biên soạn), Cốc Lương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Cốc Lương Tử biên soạn), Châu Lễ (trương truyền do Châu Công biên soạn, viết về cách tổ chức quan chế đời Châu), Nghi Lễ (ghi chép các thứ nghi lễ đời Châu), Luận Ngữ (ghi chép lời dạy của Khổng Tử), Hiếu Kinh (ghi chép lời Khổng Tử dạy Tăng Sâm về đạo hiếu), Nhĩ Nhã (bộ từ điển đầu tiên của Trung Hoa, không rõ tác giả) và Mạnh Tử (sách ghi lại tư tưởng, quan điểm của Mạnh Tử, thường được tin là do chính Mạnh Tử biên soạn, và do các học trò của ông như Vạn Chương, Công Tôn Sửu v.v... chỉnh lý).

cái tâm thành kính, thanh tịnh để niệm kinh, chẳng thể nói là không có ngộ xứ; chỉ có thể nói là ngộ xứ sâu hay cạn khác nhau, nhất định có ngộ xứ! Niệm một lượt sẽ có ngộ xứ một lượt, niệm hai lượt sẽ có ngộ xứ hai lượt. Ngộ xứ ấy chẳng có giới hạn. Vì thế, đọc kinh từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật vẫn chẳng chán là do đạo lý này! Niệm ra hết vô lượng trí huệ và đức năng trong Chân Như bốn tánh của chính mình, màu nhiệm ở chỗ này, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, đức Phật khuyên chúng ta: Kinh Phật chẳng thể không đọc. Ba món phước trong Quán Kinh đến cuối cùng là “*đọc tụng Đại Thừa*”. Vì thế, đọc kinh hết sức trọng yếu.

(Sớ) Lương dĩ văn tùy u nghĩa, nghĩa tùy u văn.

(疏) 良以文隨於義，義隨於文。

(Sớ: Bời lẽ, văn nương theo nghĩa, nghĩa nương theo văn).

Văn có thể khơi gợi, phát khởi tâm trí của chúng ta, khiến cho tâm trí của chúng ta sẽ thuận theo văn tự ấy mà lưu lộ ra. Đó là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Văn nghĩa tương tư, nãi thành giáo thể.

(疏) 文義相資，乃成教體。

(Sớ: Văn và nghĩa nương giúp nhau, bèn thành giáo thể).

Giáo thể, nói theo cách hiện thời, những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật nói được chép thành sách, tuy sách vở là giả, nhưng chúng có tác dụng. Tác dụng gì vậy? Có thể dẫn phát tự tánh của chúng ta. Tự tánh của chúng ta là Thể. Cái Thể của chúng ta và Thể của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng khác, là một Thể, chẳng có hai Thể! Đọc kinh có thể minh tâm kiến tánh, phải đọc như vậy thì mới được! Chết cứng nơi văn tự là hỏng rồi. Vì thế, quyết định đừng để văn tự xoay chuyển, phải dùng văn tự để dẫn dắt, phát khởi chân tánh của chính mình, đọc như vậy thì mới được!

Quý vị nghe thấy điều này dường như rất huyền, rất diệu. Đương nhiên quý vị cũng khát khao, ta nên làm sao thì mới đạt được? Quý vị hãy nhớ những gì tôi vừa mới nói, đừng quên: Dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm. Khi niệm, chẳng cần phải phân biệt những ý nghĩa trong ấy, ý nghĩa sẽ tự nhiên hiển hiện. Đó là ngộ xứ. Quý vị suy nghĩ điều này có nghĩa là gì, đại khái có ý nghĩa nào? Lầm

rồi! Quý vị hoàn toàn rớt trong ý thức. Bài kệ Khai Kinh nói rất hay: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, thế mà quý vị đã hoàn toàn hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Như Lai. Quý vị hằng ngày niệm kinh, niệm đến cuối cùng bèn hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai! Còn có cách nào nữa đây? Không có cách nào cả! Vì thế, quý vị nhất định phải biết niệm.

Trong quá khứ, tôi cũng đã từng bảo quý vị: Niệm kinh là hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ cùng một lúc. Vì thế, niệm kinh là tu hành: Tu Giới, tu Định, tu Huệ. Giới luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Giới Tiểu Thừa là “*đừng làm các điều ác*”, Bồ Tát Giới là “*vâng làm các điều lành*”. Khi chúng ta niệm kinh, tâm địa chân thành, cung kính, thanh tịnh, tâm quý vị đương nhiên cũng chẳng có điều ác, bèn làm được “*không làm các điều ác*”. Kinh là ngôn ngữ lưu lộ từ Chân Như bản tánh của Thích Ca Mâu Ni Phật, lành nhất trong những sự lành, chẳng có gì tốt lành hơn được! Đọc kinh là “*vâng làm các điều thiện*”. Do vậy, giới luật Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều viên mãn, thấy đều trọn đủ. Khi niệm kinh bèn nhất tâm niệm, nhất tâm là Định, chuyên tâm, niệm kinh nhất định chẳng suy nghĩ loạn xạ. Ta niệm một câu, suy nghĩ trong ấy có ý nghĩa gì, thì gọi là “suy nghĩ loạn xạ”, chẳng có Định! Ta niệm kinh là tu Định, chẳng khởi một niệm trong ấy. Chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là tu Định. Niệm kinh vẫn từng chữ phân minh, từng câu rõ ràng, chẳng đọc sai, chẳng đọc lộn xộn, đó là tu Huệ. Quý vị niệm như vậy mới hòng khai ngộ. Vì thế, công đức niệm kinh rất lớn, đạo lý là ở chỗ này!

Vừa niệm vừa suy nghĩ ý nghĩa, đó là khởi vọng tưởng. Những gì quý vị suy nghĩ chẳng phải là ý nghĩa được nói trong kinh, những ý nghĩa trong kinh phải là lưu lộ, từ nội tâm của quý vị tuôn ra, chẳng cần phải nghĩ, hề nghĩ là trật mất rồi! Đây là chỗ tuyệt đối khác nhau giữa kinh Phật và những thứ văn chương, sách vở thế gian. Tất cả sách vở trong thế gian đều từ cái tâm phân biệt, chấp trước, ý thức lưu lộ, quý vị đọc có thể suy ra những ý nghĩa; còn những gì đức Phật nói chính là từ cái tâm vô phân biệt lưu lộ. Quý vị dùng cái tâm phân biệt để suy nghĩ, sẽ tuyệt đối chẳng hiểu được ý nghĩa; ắt phải bỏ sạch phân biệt, chấp trước, vọng tưởng! Niệm kinh như thế mới hòng đạt được ý nghĩa chân thật của Như Lai, quý vị niệm kinh mới thật sự đạt được thụ dụng.

(Sớ) Cố kim thử kinh.

(疏) 故今此經。

(Sớ: Nên nay kinh này).

Nói đến bản kinh [Di Đà] này.

(Sớ) Tụng “như thị ngã văn”, chí “tác lễ nhi thoái”.

(疏) 從如是我聞，至作禮而退。

(Sớ: Từ “tôi nghe như thế” cho đến “làm lễ, lui ra”).

Đây là nói toàn bộ kinh A Di Đà.

(Sớ) Thị Thanh, Danh, Cú, Văn Thê.

(疏) 是聲名句文體。

(Sớ: Là Thê của Thanh, Danh, Cú, Văn).

Văn tự trong kinh văn thật sự là Thê của Thanh, Danh, Cú, Văn.

(Sớ) Nhi kỳ trung sở thuyết y chánh nhị báo, tín nguyện vãng sanh đẳng, thị sở thuyên nghĩa dã.

(疏) 而其中所說依正二報，信願往生等，是所詮義也。

(Sớ: Nhưng những điều như y báo và chánh báo, tín nguyện vãng sanh v.v... nói trong ấy chính là những nghĩa được kinh nói tới).

Trong văn tự có những ý nghĩa.

(Sớ) Dĩ thị nhị giả, giao tương tùy cố, nhi vi giáo thê.

(疏) 以是二者，交相隨故，而為教體。

(Sớ: Dùng hai điều này (văn và nghĩa) tùy thuộc lẫn nhau để làm giáo thê).

Trong văn có nghĩa, trong nghĩa có văn. Đây là nói từ “tùy tương” (nghĩa tùy thuộc vào tương văn tự, tương văn tự tùy thuộc nghĩa) để nêu ra đại ý của giáo thê.

(Huyền Nghĩa) Hựu nhược cứ pháp sở hiển nghĩa, tác vô phi Phật sự, như hương phạn, quang minh đẳng, đương tri pháp pháp giai vi giáo thể.

(玄義) 又若據法所顯義，則無非佛事，如香飯光明等，當知法法皆為教體。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, nếu dựa theo những nghĩa đã được hiển thị bởi pháp thì không gì chẳng phải là Phật sự, như cơm thơm, quang minh v.v... Hãy nên biết pháp nào cũng đều là giáo thể).

“Pháp” là hết thảy các pháp. Nói thật ra, hết thảy các pháp đều có thể “hiển nghĩa”. Quý vị đọc bộ kinh sách này thì bộ kinh sách này là một pháp, nó có thể hiển lộ nghĩa lý. Trừ kinh sách ra, hết thảy các pháp đều có thể hiển lộ nghĩa lý. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy thế giới Hoa Tạng; từ kinh này, ta thấy lục trần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuyết pháp. Lục trần thuyết pháp, tức là pháp nào cũng đều có thể hiển lộ nghĩa lý. Đây là thật, chẳng giả! Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã giảng ý nghĩa này rất thấu triệt, đây chính là như chúng tôi thường nói “*biểu pháp*”. Biểu (表) là tỏ lộ, pháp (法) là ý nghĩa trong ấy. Chẳng hạn như chúng ta thấy nến thì nến là một pháp; người giác ngộ, người chẳng mê thấy nến có thể dẫn phát công đức từ trong bốn tánh của chính mình. Nến thấp lên là quang minh, tâm địa của chúng ta phải quang minh, phải chiếu hết thảy chúng sanh, phá mê khai ngộ cho hết thảy chúng sanh. Ngộ là tướng sáng, mê là tướng tối. Nến thấp lên, cháy dần dần, cháy không còn gì nữa, đó là “*xả kỷ vị nhân*” (hy sinh mình vì người khác), hy sinh chính mình, ta vì người khác. Đó là Tánh Đức. Trước tượng Phật phải cúng đèn, xưa kia là đèn dầu hay nến nhằm tượng trưng cho những ý nghĩa ấy. Thắp hương thì hương biểu thị lòng tin, tượng trưng cho Giới - Định, trong bài Hương Tán có câu “*Giới Định chân hương*”. Thấy hương, ngửi mùi hương phải nghĩ: Ta phải tin. Tin vào những lời răn dạy của đức Phật, tin Phật là bậc chân thật, Phật chẳng gạt người, hãy nên tu Giới, tu Định. Đèn tượng trưng tu Huệ. Đốt hương, thắp đèn biểu thị căn bản của sự tu học trong Phật pháp: Tam Học Giới - Định - Huệ. Một bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng Giới - Định - Huệ. Quý vị thấy một nến hương, một cây nến hoàn toàn biểu thị [căn bản tu học trong Phật pháp]. Đại Tạng Kinh nhiều ngàn ấy cũng nhằm

nói những điều này. Một cây hương, một ngọn nến cũng [diễn tả những ý nghĩa] nhiều đường ấy, chẳng tăng, chẳng giảm, nhưng có mấy ai giác ngộ?

Vì thế, người giác ngộ hằng ngày thấy Phật, thấy vô lượng vô biên Phật; chư Phật, Bồ Tát mỗi ngày từ sáng đến tối vây quanh chính mình, phàm phu chẳng biết, đáng thương thay! Người giác ngộ cảm kích khôn ngần. Phật ở nơi đâu? Tất cả hết thấy chúng sanh, hết thấy nhân vật, không ai chẳng phải là Phật, không ai chẳng phải là thiện tri thức. Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm là một tấm gương cho chúng ta, năm mươi ba vị thiện tri thức là những ai? Chính là nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trong xã hội hiện thời. Trong ấy có kẻ xấu, đúng thế! Trong năm mươi ba người cũng có người xấu, trong ấy có người học Phật, mà cũng có kẻ học theo ngoại đạo, quả thật đã tượng trưng cho xã hội hiện thời. Trong mắt Thiện Tài, những người ấy đều là thiện tri thức, thấy đều là Phật, Bồ Tát. Tôi thấy chỗ tốt lành của quý vị, tôi học theo quý vị, dẫn phát thiện hạnh của chính mình. Thấy chỗ ác của quý vị, tôi hiểu rõ, phản tỉnh xem tôi có điều ác ấy hay chẳng. Do vậy, thiện nhân lẫn ác nhân đều là thầy của chính mình. Không có thiện nhân, sẽ chẳng thể khơi gợi, dấy lên thiện tâm của chính mình; không có kẻ ác, sẽ chẳng thể sửa đổi lỗi lầm của chính mình. Vì thế, người lành, kẻ ác, chuyện tốt, việc xấu đều thành tựu vô thượng Bồ Đề của chính mình. Đoạn này có ý nghĩa như vậy đó!

Do vậy, nói: Chẳng có pháp nào không phải là giáo thể! “*Pháp*” là nói đến pháp tướng. Đối với hết thấy các pháp thể gian và xuất thể gian, nếu quý vị hiểu ý nghĩa được hiển thị bởi chúng thì “*vô phi Phật sự*” (không gì chẳng phải là Phật sự), có thứ nào chẳng phải là Phật sự? Chúng ta thấy những kẻ chấp trước khôn ngần, hãy suy nghĩ coi chính mình có chấp trước như vậy hay là không? Những người ấy là thầy của ta! Vì nếu chúng ta không gặp họ, sẽ chẳng phản tỉnh. Hễ có, bèn lập tức thay đổi; không có, ta bèn gắng sức, từ nay về sau ngàn vạn phần chớ nên có chấp trước ấy! Tu hành như vậy mới có thể thành tựu!

“*Hương phạn, quang minh*” (cơm thơm, quang minh): Khi ăn cơm, mỗi cá nhân hằng ngày phải ăn cơm. Cơm tượng trưng điều gì? Nếu quý vị nghĩ thông suốt ý nghĩa biểu thị pháp của sự ăn cơm, quý vị sẽ đại triệt đại ngộ, thật sự có thể buông xuống. Trong ấy, biểu thị ý nghĩa gì? Thân thể của chúng ta là cái thân mang bệnh. Thân thể quý vị rất khỏe mạnh, nhưng ba ngày không ăn cơm sẽ đói rã ruột, chẳng có khí lực gì hết. Mạnh khỏe ở chỗ nào? Cơm là thuốc. Quý vị thấy đó: Sau

mấy tiếng đồng hồ lại phải dùng thuốc một lần, chẳng uống thuốc ấy, thân thể sẽ chẳng thể chống chọi được! Thân thể quý vị khỏe mạnh, cường tráng ở chỗ nào? Giả trất, chẳng thật! Mê hoặc, điên đảo! Nhưng cách mấy tiếng đồng hồ, quý vị lại phải uống thuốc ấy để duy trì thân mạng. Trừ thân mạng ra, quý vị phải nghĩ: Quý vị còn có huệ mạng. Trừ cái thân xác thịt ra, còn có Pháp Thân. Làm thế nào để duy trì Pháp Thân huệ mạng của chúng ta? Lẽ nào ăn cơm chẳng phải là Phật sự? Lẽ nào chẳng phải là tu hành? Chẳng có chuyện nào không phải là Phật sự! Chẳng có một pháp nào chẳng thông với vô thượng đạo!

Vô thượng đạo là Chân Như bồng tánh, đạo lý gì vậy? Vì hết thấy các pháp đều từ Chân Như bồng tánh biến hiện. Kinh Đại Thừa đã dạy: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo), không có pháp nào chẳng thông với tánh Thấy. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Nhất thiết pháp nhân tâm thành Thế*” (hết thấy các pháp do tâm mà thành Thế), “*ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”, quý vị học Phật thường nghe những câu này. Vì thế, chẳng có pháp nào không thể giác ngộ, chẳng có pháp nào không thể nhập đạo.

Người căn tánh nhạy bén, thấy hoa bay, lá rụng trong thiên nhiên đều có thể ngộ “*vạn pháp vô thường*”, có thể buông xuống hết thấy thân tâm thế giới, tâm được thanh tịnh. Kẻ nghiệp chướng nặng nề, đừng nói là chẳng thấy được dấu tích gợi ý nơi các pháp, mà nghe kinh cũng chẳng hiểu, cũng chẳng thể giác ngộ, nghiệp chướng quá nặng!

(Sớ) Pháp năng hiển nghĩa.

(疏) 法能顯義。

(Sớ: Pháp có thể hiển lộ nghĩa lý).

Chúng tôi vừa nói một chút về ý nghĩa này.

(Sớ) Tắc pháp pháp tự chương.

(疏) 則法法自彰。

(Sớ: Nên mỗi pháp pháp tự phơi bày).

“*Chương*” là rõ ràng, hiển lộ, chẳng ẩn giấu một tí nào!

(Sớ) Bất sĩ văn tự.

(疏) 不俟文字。

(Sớ: Chẳng đợi văn tự).

Cần gì phải giải nói, cần gì dùng đến văn tự? Đúng là chẳng cần dùng đến!

(Sớ) Như Hoa Nghiêm vân đài, bảo võng, mao không quang minh, giai năng thuyết pháp.

(疏) 如華嚴雲臺寶網，毛孔光明，皆能說法。

(Sớ: Như trong kinh Hoa Nghiêm, đài mây, lưới báu, lỗ chân lông tỏa quang minh đều có thể thuyết pháp).

Quý vị hãy nên liễu giải, những thứ ấy nói pháp gì vậy? Tôi vừa mới nêu lên một thí dụ trước mắt: Cây nên thuyết pháp gì? Hương thuyết pháp gì? Bục giảng thuyết pháp gì? Tượng Phật thuyết pháp gì? Đều phải hiểu. Quý vị thấy đều hiểu rõ, danh xưng chung của chúng là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm sống động, chẳng phải là một bản kinh [chết cứng], chẳng phải là bộ kinh tám mươi quyển! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là thế giới hiện tiền, nếu quý vị hiểu, sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm.

(Sớ) Tịnh Danh vân: Hữu Phật thế giới, dĩ hương phạn nhi tác Phật sự.

(疏) 淨名云：有佛世界，以香飯而作佛事。

(Sớ: Kinh Tịnh Danh nói: “Có thế giới Phật dùng cơm thơm⁸¹ để làm Phật sự).

⁸¹ Theo phẩm Hương Tích Phật trong kinh Duy Ma Cật, ngài Xá Lợi Phất tự nghĩ: “Đã sắp đến giờ thọ trai, các vị Bồ Tát này sẽ ăn bằng gì?” Khi ấy, cư sĩ Duy Ma Cật bèn bảo: “Đức Phật nói tám món giải thoát, nhân giả nên phụng hành, há lẽ chẳng lia ăn uống để nghe pháp ư? Nếu ngài muốn ăn, hãy đợi giây lát, tôi sẽ cho ngài món ăn chưa từng có”. Thế rồi ngài Duy Ma Cật chẳng rời khỏi tòa, trước mặt đại chúng, hóa ra một vị Bồ Tát tướng hảo quang minh, oai đức thù thắng lần át chúng hội, bảo vị Bồ Tát ấy hãy đến cõi Chúng Hương ở phương trên cách xa Sa Bà bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật. Trong cõi ấy, Phật hiệu là Hương Tích Như Lai. Hóa Bồ Tát cầu Phật ban cho cơm thơm đem về thế giới Sa Bà để làm Phật sự. Hương Tích Như Lai bèn đem những cái bát thơm ngát đựng cơm thơm trao cho hóa Bồ Tát. Chín trăm vạn Bồ Tát cõi ấy cũng theo hóa Bồ Tát đến thế giới Sa Bà. Khi

Người trong thế giới ấy thiệt cần nhảy bén! Người trong thế gian này của chúng ta vừa nghe kinh liền khai ngộ! Người trong thế giới ấy nhĩ cần chẳng nhảy bén, Phật nói cách nào họ cũng không hiểu, Phật làm mấy món ăn, họ vừa ăn liền khai ngộ. Họ khai ngộ từ ngũ vị, căn tánh khác nhau! Chúng ta đến thế giới ấy, Phật quyết định chẳng mời chúng ta ăn cơm, vì sao? Càng ăn càng mê, chẳng thể khai ngộ. Do vậy, đọc đến đoạn kinh Duy Ma này, đừng nghĩ sang thế giới ấy vì thế giới ấy hằng ngày có món ngon. Thế giới ấy khá lắm, quý vị muốn sang bên đó, căn tánh chẳng thích hợp, quý vị sang bên đó cũng chẳng ăn gì được!

(Sớ) Hữu Phật thế giới, dĩ quang minh nhi tác Phật sự.

(疏) 有佛世界，以光明而作佛事。

(Sớ: Có thế giới Phật dùng quang minh để làm Phật sự).

Đây là Phật phóng quang, quý vị thấy quang minh ấy bèn khai ngộ. Quý vị hiểu ý nghĩa tượng trưng bởi quang minh ấy, màu sắc của quang minh cũng nhiều đến vô lượng. Trong thế gian hiện thời của chúng ta cũng có, nhưng ít hơn. Ở ngã tư đặt đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng, chúng ta đều hiểu, chẳng cần phải nói. Người lái xe trông thấy đèn đỏ liền biết ngừng lại. Đó là “làm Phật sự”, quý vị bèn giác ngộ. Do vậy, có thế giới, đức Phật chẳng nói câu nào, mà phóng quang, đại chúng trông thấy bèn khai ngộ, phiền não cũng đoạn, Phật đạo cũng thành.

(Sớ) Nãi chí nhất sắc, nhất hương, nhất cử, nhất động.

(疏) 乃至一色一香，一舉一動。

(Sớ: Cho đến một sắc, một hương, nhất cử, nhất động).

đó, ngài Duy Ma hóa ra chín trăm vạn tòa sư tử, nghiêm tịnh tốt đẹp cho các vị Bồ Tát ấy ngồi. Hương thơm từ cơm ấy xông khắp thành Tỳ Da Ly và tam thiên đại thiên thế giới. Ngài Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phất và chúng Thanh Văn: “Các vị nhân giả có thể ăn cơm cam lộ vị, do lòng đại từ un đức của Như Lai, đừng đem lòng suy nghĩ có hạn lượng, sẽ không thể tiêu hóa cơm này”. Hóa Bồ Tát nói: “Đừng dùng tiểu trí, tiểu đức của Thanh Văn để suy lường vô lượng phước huệ của Như Lai. Bốn biển cạn sạch, cơm này vẫn không hết. Dầu cho hết thấy mọi người bốc cơm vào thành nắm to bằng núi Tu Di [để ăn], ăn suốt một kiếp, cơm vẫn chẳng hết”.

Cử động có thể biểu thị pháp ư? Có thể biểu thị pháp! Trong thế gian hiện tại của chúng ta cũng có, thủ ngữ (sign language, ngôn ngữ giao tiếp bằng cách dùng tay ra dấu). Trước kia, người ngoại quốc đều xướng phổ biến [thủ ngữ], vì sao? Không thông hiểu ngôn ngữ, dùng “thủ ngữ” để trao đổi ý kiến bèn hiểu nhau. Học ngôn ngữ rất phiền phức, học thủ ngữ dễ dàng hơn. Học xong, đi khắp thế giới đều có thể sử dụng được, động tác mà! Vì thế, chúng ta thấy thủ ấn của Phật, Bồ Tát, đó chính là động tác, các động tác ấy cũng biểu thị những ý nghĩa rất sâu!

(Sớ) Kim thử kinh giả, thủy, điều, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, tắc tùy cử nhất pháp, giai thành giáo thể.

(疏) 今此經者，水鳥樹林，咸宣妙法，則隨舉一法，皆成教體。

(Sớ: Nay kinh này: Nước, chim, rừng cây đều tuyên diệu pháp. Lấy bất cứ pháp nào đều thành giáo thể).

Do điều này có thể biết: Giáo thể rộng lớn chẳng có ngăn mé. Vì sao? Nói xuyên suốt thì Tánh - Tướng bất nhị, Tánh - Tướng như một. Lìa Tướng, nào còn có Tánh? Muốn thấy Tánh thì phải thấy từ Tướng. Cổ đức có tỷ dụ: “Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng”. Rời khỏi đồ vật chẳng tìm ra vàng, rời khỏi vàng chẳng có đồ vật. Hai thứ này nương tựa vào nhau mà tồn tại. Mối quan hệ giữa Tánh và Tướng là như vậy đó. Nói đến Phật pháp thì mối quan hệ giữa Văn và Nghĩa cũng như thế đó. Từ chỗ này có thể thấu hiểu những nghĩa thú được nói trong phần Tùy Tướng, chúng ta mới hiểu rõ Thể Tánh của kinh. Sau khi hiểu rõ, chẳng riêng bộ kinh này, mà hết thấy các pháp do đức Phật đã nói

chúng ta đều tin tưởng, đều chẳng hoài nghi. Đức Phật nói ngoài mười vạn ức cõi Phật lại có thể giới, chúng ta cũng tin tưởng, vì sao? Do tâm mà thành Thể. Tự tánh của chúng ta là vạn đức, vạn năng, thể giới Tây Phương là cái được biến (Sở Biến), là vật được biến hiện bởi tâm thức của chính mình. Công năng này vô lượng vô biên, lẽ nào chẳng thể biến hiện? Sau khi hiểu rõ Lý, quý vị sẽ khẳng định chân tướng sự thật, chẳng hoài nghi nữa.

Đoạn văn này chủ yếu nhằm tăng trưởng tín tâm cho chúng ta. Trong bốn đoạn, hôm nay chúng tôi giảng xong một đoạn, phần sau còn ba đoạn nữa, đều nhằm thâm nhập, thảo luận Giáo Thể. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 81

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm ba mươi một:

Nhi, Duy Thức.

二、唯識。

(Hai, Duy Thức).

Đây là đoạn thứ hai, chúng ta thảo luận về Giáo Thể.

(Huyền Nghĩa) Duy thức giả, thứ văn, thứ nghĩa, giai thức sở biến, nhi hữu bốn ảnh tứ cú.

(玄義) 唯識者，此文此義，皆識所變，而有本影四句。

(Huyền Nghĩa: “Duy Thức”: Văn và nghĩa này đều do thức biến, nhưng có bốn câu “bốn, ảnh”).

“Duy Thức” là gì? Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Trong tám tông phái của Phật giáo Đại Thừa, có một tông phái gọi là Duy Thức Tông (Yogācāra Vijñānavāda), còn gọi là Pháp Tướng Tông. Trong toàn bộ Phật pháp, Duy Thức chiếm địa vị rất trọng yếu. Mọi người đều biết: Phật pháp nói đến giới luật. Vì thế, đối với giới luật, bất luận học Tiểu Thừa, hay học Đại Thừa, bất luận là tông nào, phái nào,

chẳng thể nói là không cần trì giới, chẳng có đạo lý ấy! Hiền Tông hay Mật Tông đều phải trì giới nghiêm ngặt. Giới luật là khoa mục chung của Phật giáo, là khoa mục phải tu. Những khoa mục chung bắt buộc phải tu, ngoài Giới Luật ra, còn có Duy Thức và Tịnh Độ. Ba thứ này là khoa mục chung của người học Phật. Duy Thức là nói đến lý luận; tức là nói đến lý luận trong Phật pháp, vũ trụ và nhân sinh do đâu mà có? Vì sao chúng ta biến thành phàm phu? Sau khi bị biến thành phàm phu, phải dựa theo lý luận nào thì mới có thể tu thành Phật? Những lý luận này đều ở trong Duy Thức. Tịnh Độ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, là chỗ quy túc chung của Phật giáo. Nói cách khác, bất luận tông nào, phái nào, dù Hiền hay Mật, không gì chẳng lấy Tây Phương Tịnh Độ làm chỗ quy túc cuối cùng. Vì thế, ba thứ này là khoa mục chung bắt buộc phải tu trong Phật giáo.

Do điều này, bất luận kinh luận nào, nói đến Giáo Thể thì phải nói đến Duy Thức. Duy Thức đương nhiên là một môn học vấn rất sâu, con người hiện đại gọi môn này là Triết Học Duy Thức. Nói cách khác, nếu học Phật mà chẳng hiểu Duy Thức, sẽ không có cách nào hiểu được đạo lý trong Phật giáo, chẳng thể thâm nhập, tìm hiểu lý luận, sẽ trở thành chướng ngại nghiêm trọng trong tu học. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, nếu quý vị cảm thấy Duy Thức hết sức rắc rối, rất khó học, quý vị chẳng học môn này cũng được, cứ thật thà niệm Phật là được rồi, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ học cũng chẳng muộn. Trước hết, giữ lấy Tây Phương; sau đây học rộng nghe nhiều, trong Phật pháp chỉ có một con đường này! Vì thế, nói pháp môn này “*vạn người tu, vạn người về*”. Quý vị không đi theo, chẳng có cách nào hết! “*Vạn người tu, vạn người về*”, nhưng quý vị nhất định phải chịu đi thì mới được. Chẳng chịu đi sẽ chẳng được!

Ít nhiều gì thì chúng ta cũng phải hiểu đôi chút kiến thức cơ bản thông thường về Duy Thức. Cơ bản nhất là Bách Pháp Minh Môn, đấy là Duy Thức nhập môn, cũng có thể nói là khái luận nhập môn của Duy Thức Tông. Chúng ta có kiến thức thông thường ấy là đủ rồi, là được rồi. Duy (唯) là chỉ có, chúng ta thường nói Thức là phân biệt, liễu biệt; đặc biệt chú trọng chữ Liễu Biệt. Liễu (了) là hiểu rõ, Biệt (別) là phân biệt. Phân biệt rõ ràng rành rẽ thì gọi là Thức (識).

Theo như Phật pháp nói, thế giới này chỉ có Thức, trừ Thức ra, thứ gì cũng chẳng có, ý nghĩa này rất sâu, người bình thường chúng ta chẳng thể lý giải! Chúng ta thường nói “sâm la vạn tượng trong vũ trụ”, vì sao

nói chúng đều không có? Phật pháp thường nói “*vạn pháp đều không*”, “*vạn pháp vô thường*”. Chúng ta lãnh hội đôi chút ý nghĩa vạn pháp vô thường, vì sao? Thấy con người có sanh, lão, bệnh, tử, thấy vũ trụ có thành, trụ, hoại, không, giống như vô thường, nên có thể lãnh hội đôi chút ý nghĩa vô thường; nhưng “*vạn pháp đều không*” chẳng dễ gì lãnh hội được! Nếu thông đạt Duy Thức, người ấy sẽ hiểu rất rõ đạo lý này. Vì hết thấy vạn pháp đều từ “*liễu biệt*” biến hiện. Nói cách khác, Thức là năng biến, vạn pháp là sở biến. Vạn pháp do đâu mà có? Đều do Thức biến hiện.

Rốt cuộc Thức là gì? Thức là tác dụng của Chân Như bản tánh; Thể của nó là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh khởi tác dụng thì gọi là Thức. Bất luận là giác hay mê, thông thường chúng ta hay nói: Tác dụng của chân tánh khi giác ngộ thì gọi là Tứ Trí, khi mê thì gọi là tám thức. Thật ra, bốn trí và tám thức là một, không hai, là cùng một chuyện, chẳng phải hai chuyện, chỉ có mê hay ngộ khác nhau mà thôi. Trong Đản Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói: “*Đản chuyển kỳ danh, nhi bất chuyển kỳ Thể*”, [nghĩa là] bản thể không thay đổi, chỉ là đổi danh xưng mà thôi! Nếu quý vị khai ngộ, ngộ nhập thì gọi là Tứ Trí; nếu mê hoặc bèn gọi là tám thức, chỉ thay đổi tên gọi mà thôi. Thể, Tướng, Dụng (tác dụng) hoàn toàn như nhau, trọn chẳng có tơ hào thay đổi! Ví như có một người ở chung với chúng ta, khi người ấy đại triệt đại ngộ thì chúng ta bảo người ấy sử dụng tứ trí, chúng ta là những kẻ chẳng ngộ bèn dùng tám thức.

Duy Thức chuyên dùng tám thức để nói. Nói cách khác, chuyên nói về địa vị trong khi đang mê, nhằm mục đích khiến cho quý vị phá mê khai ngộ. Bách Pháp Minh Môn vừa khởi đầu bèn nêu ra tông chỉ. Tông chỉ của Bách Pháp Minh Môn là gì? Sách ghi: “*Nhất thiết pháp vô ngã*” (hết thấy pháp vô ngã). Nếu thật sự triệt để giác ngộ “hết thấy pháp vô ngã”, người ấy bèn nhập Đại Thừa. Vì thế, Bách Pháp Minh Môn là Duy Thức Tông nhập môn, Duy Thức là pháp Đại Thừa. Đại Thừa nhập môn là địa vị Kiến Đạo; sau khi kiến đạo mới có tư cách tu đạo. Địa vị Kiến Đạo là địa vị gì vậy? Là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, đây là địa vị Kiến Đạo. Từ Nhị Trụ đến Đẳng Giác đều gọi là địa vị Tu Đạo, có bốn mươi địa vị. Diệu Giác là quả địa, gọi là địa vị Chứng Đạo, đã chứng đạo rồi. Có thể thấy là trong Phật pháp Đại Thừa, tiêu chuẩn Kiến Đạo khá cao, chẳng giống Tiểu Thừa. Trong Tiểu Thừa, Tu Đà Hoàn là địa vị Kiến Đạo, Nhị Quả, Tam Quả là địa vị Tu Đạo, Tứ Quả La Hán là địa vị Chứng Đạo. Điều kiện của Sơ Quả là phải đoạn sạch tám mươi tám

phẩm Kiến Hoặc trong tam giới thì mới là địa vị Kiến Đạo, đó là quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Chúng ta nhất định phải biết điều này. Giải thích những danh tướng và thuật ngữ này khá rắc rối. Đầu thời Dân Quốc, cư sĩ Quý Thánh Nhất có biên soạn bộ Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ thích hợp cho người mới học Phật pháp nghiên cứu, [sách ấy] giải thích những danh từ thuật ngữ Phật giáo cơ bản đặc biệt tỉ mỉ.

Kinh luận Duy Thức gồm có sáu bộ kinh và mười một bộ luận⁸². Duy Thức Tông căn cứ trên “*lục kinh thập nhất luận*”, lấy chúng làm khóa trình chủ tu. Trong sáu kinh, quan trọng nhất là Giải Thâm Mật Kinh và Lăng Già Kinh. Kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu kinh, mà cũng là kinh điển bắt buộc phải đọc trong Duy Thức Tông. Kinh Hoa Nghiêm đã dạy chúng ta: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (nên quán tánh pháp giới, hết thảy do tâm tạo), đây là chỗ y cứ quan trọng nhất trong Duy Thức luận. Pháp giới, không phải chỉ là thế gian này, mà là tận hư không trọn pháp giới, mười pháp giới thường nói trong kinh Phật được bao gồm trọn khắp trong ấy, toàn là do tự tâm của chúng ta hiện, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Trừ tâm thức ra, quả thật chẳng có một pháp nào.

Trong kinh nói: “*Duy thức giả, thử văn, thử nghĩa, giai thức sở biến*” (“Duy thức”: Kinh văn và nghĩa lý này đều do thức biến). “*Văn*” là kinh văn trong một quyển [kinh hay luận], hết thảy lý luận, phương pháp, cảnh giới được giảng trong ấy, không có gì chẳng do thức biến hiện. Thật ra, đạo lý này chẳng dễ hiểu cho lắm. Vì thế, trong kinh, đức Phật thường dùng “mộng huyền” để làm tỷ dụ. Mọi người chúng ta đều nằm mộng, thời gian nằm mộng ngắn ngủi, tạm bợ, khi tỉnh giấc bèn giác ngộ: Chúng ta mới vừa nằm mộng. Lại suy nghĩ cặn kẽ rõ ràng cảnh giới trong mộng, quý vị nhớ rất rõ ràng. Mộng do đâu mà có? Mộng do tâm thức của chính mình biến hiện ra. Nếu khi vừa tỉnh mộng, ngay khi ấy, đối với đạo lý Duy Thức, nếu có chút kiến thức thông thường về Duy Thức, quý vị sẽ nghĩ ra. Nếu bình thường mà hỏi: Tâm có hình dạng như

⁸² Lục kinh là Hoa Nghiêm, Giải Thâm Mật, Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, Lăng Già và Đại Thừa Mật Nghiêm. Mười một luận là Du Già Sư Địa Luận, Hiền Dương Thánh Giáo Luận, Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận, Tập Lượng Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, Thập Địa Kinh Luận, Quán Sở Duyên Duyên Luận, A Tỳ Đạt Ma Tập Luận, Nhị Thập Duy Thức Luận, Biện Trung Biên Luận, Phân Biệt Du Già Luận. Tuy không được kể trong danh sách này, nhưng một bộ luận được nghiên cứu chủ yếu của tông Duy Thức là Thành Duy Thức Luận.

thế nào? Thức có hình dạng như thế nào? Quý vị sẽ chẳng nói được! Trong kinh này nói: “*Vô tướng, vô bất tướng*”. Vô tướng vì tâm và thức đều không có tướng; nhưng khi quý vị nằm mộng, quý vị bèn hiểu ngay: Khi ấy, chẳng phải là vô tướng, mà là hiện tướng. Nếu quý vị hỏi: Cái tâm có hình dạng ra sao ư? Toàn bộ cảnh trong mộng là hình dáng của tâm. Toàn bộ cái tâm biến thành cảnh mộng. Toàn bộ giấc mộng là cái tâm của quý vị. Toàn bộ cái tâm là cảnh trong mộng. Lúc ở trong mộng cảnh, cái tâm của quý vị thuộc trong mộng cảnh, tâm và mộng là một, chẳng phải hai!

Trong mộng, quý vị chợt giác ngộ. Đã giác ngộ, đối với toàn bộ mộng cảnh, quý vị sẽ bình đẳng. Trong mộng đương nhiên có chính mình, mà cũng có người khác, có núi, sông, đại địa, quý vị biết tất cả đều do ta biến hiện. Tất cả cảnh giới đều là ta, đều là chính mình, tánh bình đẳng sẽ sanh khởi. Tự và tha bất nhị, vạn pháp giống như một, thừa quý vị, đó gọi là Pháp Thân. Do có đồng học hỏi: “Rốt cuộc Pháp Thân là gì?” Đây chính là Pháp Thân. Hiện thời chúng ta có [Pháp Thân] hay không? Hiện thời có, nhưng quý vị chẳng thừa nhận. Núi, sông, đại địa, hư không trước mắt đều do tâm thức của bản thân chúng ta biến hiện, nhưng chúng ta chẳng thừa nhận, tức là chẳng thừa nhận Pháp Thân của chính mình. Chẳng phải là không có, bày ra ngay trước mắt mà!

Chư Phật Như Lai thừa nhận, thừa nhận điều gì vậy? Giống như nằm mộng, toàn bộ vũ trụ, toàn bộ địa cầu, hết thảy chúng sanh đều là vật được biến hiện bởi tâm thức của chính mình. Trừ tâm thức ra, vật gì cũng chẳng có. Quý vị thật sự thừa nhận, thật sự khẳng định, sẽ chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Người chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, chắc chắn chẳng có phiền não, vì sao? Không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, chắc chắn không có những tướng ấy. Mê thì có, mới có ta, người, mới có giới hạn, mới có phân biệt. Ngộ thì chẳng có. Ngộ rồi thì hữu tình và vô tình có cùng một Thể với chính mình, một Thể, chẳng hai Thể. Đã thật sự giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải là chính mình. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Đó là người giác ngộ thật sự. Còn có ngã, còn có nhân, còn có thị phi, còn có tham, sân, si, mạn, đó là mê chưa ngộ; hễ đã ngộ, sẽ chắc chắn chẳng có! Vì thế, tâm ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng.

Chúng ta có thể tự mình phản tỉnh, chính mình rốt cuộc là ngộ hay chưa? Tâm đã ngộ chẳng sanh một niệm, hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thảy cảnh giới. Đó là ngộ. Còn có phân biệt, còn có chấp trước, còn có vọng tưởng thì chính mình phải biết: Ta quyết định là mê, chưa ngộ! Chính

mình nhất định phải nhận biết chính mình. Biết chính mình đang mê sẽ được cứu! Chính mình đang mê mà chẳng biết là đang mê, vẫn tưởng mình đã khai ngộ, chẳng cứu được! Giống như một người thân mang bệnh, kẻ ấy biết chính mình có bệnh sẽ được cứu, vì sao? Kẻ ấy sẽ tìm thầy thuốc. Cái thân của chính mình đầy bệnh, cứ ngỡ rất khỏe mạnh, “ta chẳng có bệnh gì”, về căn bản, kẻ ấy chẳng kiếm bác sĩ, tức là như đã chết rồi, không cứu được!

Biết chính mình mê hoặc, điên đảo, thừa quý vị, đó gọi là Thi Giác, kẻ ấy đã giác ngộ. Kẻ ấy giác ngộ điều gì? Biết chính mình mê hoặc, điên đảo, đó là giác ngộ. Thi Giác như trong kinh Phật nói là “bắt đầu giác ngộ”. Hết thấy chúng sanh trong thế gian chẳng biết, quý vị đem Phật pháp giới thiệu cho họ, họ chẳng tiếp nhận. Vì sao? Họ cho rằng họ chẳng có bệnh gì, họ ngỡ họ chẳng mê. Vì thế, Pháp Thân ở ngay trước mặt, Báo Thân cũng ở ngay trước mặt, mà chúng ta chẳng thể chứng đắc. Sau khi phá mê khai ngộ bèn chứng đắc. Phá mê khai ngộ phải có công phu, công phu gì vậy? Phải đoạn phiền não, phải phá Sở Tri Chương, phải đoạn vô minh, đó là công phu. Nói cách khác, phải tu Giới, Định, Huệ. Chẳng tu Giới, Định, Huệ, chắc chắn chẳng thể chứng đắc!

Nghe kinh cho nhiều có thể hiểu được đạo lý này, đó gọi là gì vậy? Giải ngộ. Giải ngộ chưa dùng được. Ví như tôi nói những cảnh giới này, tôi có thể nói ra, đó là giải ngộ. Tôi nói được, nhưng chẳng làm được! Ví như tôi có thể giảng về Pháp Thân thanh tịnh rõ ràng, rành mạch, Báo Thân viên mãn cũng giảng rõ ràng, rành mạch, nhưng tôi chẳng thể chứng đắc. Tôi thấy hết thấy mọi người và sự việc trong thế gian này vẫn có phân biệt, vẫn là có chấp trước, vẫn có bất bình, nên chưa thể chứng đắc. Đủ thấy chứng đắc phải có công phu thật sự, nhưng giải ngộ có ích lợi gì? Tin tưởng, chẳng hoài nghi. Vì thế, giải ngộ có thể giúp chúng ta một chuyện là đoạn nghi sanh tín. Sau khi đã có lòng tin, sẽ nỗ lực dốc công nơi Giới - Định - Huệ.

Phương pháp, phương tiện tu Giới - Định - Huệ có thể nói là vô lượng vô biên, quá nhiều. Có cách rắc rối, phức tạp, có cách đơn giản. Đối với cách rắc rối, phức tạp, ta suy nghĩ sẽ thấy ta không có cách nào tu được, nghi thức, quy củ quá phiền toái! Ta bèn chọn lấy cách đơn giản, phương pháp đơn giản nhất là niệm A Di Đà Phật. Một câu A Di Đà Phật niệm tốt đẹp, thừa quý vị, Giới - Định - Huệ sẽ trọn đủ. Khi ta niệm A Di Đà Phật, trong tâm ta chẳng khởi vọng tưởng, chẳng nghĩ đến chuyện xấu, tức là “chẳng làm các điều ác”. A Di Đà Phật là vạn đức

hồng danh, là điều lành nhất trong các điều lành, các pháp thế gian lần xuất thế gian không có gì lành hơn, ta trì A Di Đà Phật là “vâng làm các điều lành”. Vì thế, người niệm A Di Đà Phật giới luật đầy đủ. Giới Tiểu Thừa là “chẳng làm các điều ác”, giới Bồ Tát là “vâng làm các điều lành”. Vì thế, ta niệm một câu A Di Đà Phật, giới luật Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa đều đầy đủ. Ta chuyên tâm niệm một câu A Di Đà Phật là tu Định, câu A Di Đà Phật bốn chữ rõ ràng, rành mạch, phân minh. Đó là tu Huệ. Vì thế, một câu A Di Đà Phật là vận dụng Tam Học bình đẳng, Tam Học Giới - Định - Huệ được hoàn thành cùng một lượt, công đức lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Những pháp môn khác tu Giới, tu Định rất phiền phức, còn chúng ta một câu A Di Đà Phật bèn đầy đủ toàn bộ. Niệm niệm A Di Đà Phật, niệm niệm đầy đủ Giới - Định - Huệ, còn có phương pháp nào thù thắng hơn? Đáng tiếc là người ta chẳng tin; chẳng tin là vì chưa thông suốt lý. Vì thế, giải ngộ có lợi, thật sự lý giải thấu triệt sẽ tin tưởng, tin sâu chẳng ngờ. Do vậy, trong vô lượng pháp môn, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, ta chọn chắc chắn pháp A Di Đà Phật này, ta tin tưởng, quyết định chẳng hoài nghi. Ta biết một câu Phật hiệu không chỉ là Tam Học đầy đủ, Tam Tư Lương đầy đủ, tức là Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ, mà lục độ, vạn hạnh, vô lượng pháp môn, chẳng có pháp nào không đầy đủ. Nếu quý vị thật sự thông đạt đạo lý Duy Thức, quý vị sẽ tin tưởng.

Nói đến Biến thì Thức có thể biến, chúng ta lấy màn hình TV để làm tỷ dụ. Màn hình có thể hiện hình tượng. Tượng được hiện bởi tâm, bởi Chân Như bốn tánh. Chân Như bốn tánh có thể hiện tượng, nhưng [những tướng ấy] chẳng biến, nên gọi là Nhất Chân pháp giới. Vì sao Nhất Chân pháp giới biến thành mười pháp giới? Do Thức. Thức là “liễu biệt” (hiểu rõ, phân biệt). Phân biệt chẳng tốt, thưa quý vị, hiểu rõ cũng không tốt, vì sao? Hiểu rõ chính là căn bản của vô minh. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Vô minh phát khởi như thế nào? Khi nào nó sẽ dấy lên? Do nguyên nhân nào mà dấy lên?” Đức Phật dạy Ngài tám chữ, giải thích vấn đề này rõ ràng, minh bạch: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (trên tri kiến, lại lập ra một cái biết nữa, đó là gốc của vô minh), căn bản của vô minh khởi lên như vậy đó!

Chân Như bốn tánh có giác, có minh, bốn giác, bốn minh; từ trong giác minh ấy, quý vị lại lập thêm một cái minh nữa, nên gọi là vô minh. Bốn giác bốn minh mỗi cá nhân chúng ta đều có, nên đức Phật nói: “*Hết thủy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Quý vị thật sự là Phật, đức Phật

nói chẳng sai. Mắt chúng ta có thể thấy, đó là bản giác bản minh; tai có thể nghe chính là bản giác bản minh. Tác dụng của sáu căn là bản giác bản minh, là Phật tri, Phật kiến. Vì sao quý vị biến thành vô minh? Trên bản minh, quý vị lại thêm vào một cái “minh” nữa, đó là vô minh. Bởi lẽ, bản minh của quý vị vốn không có [vật gì khác], quý vị bướng bỉnh muốn thêm vào, đó gọi là vô minh, quý vị biến bản tánh thành Thức.

Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thấy rõ ràng, nghe rành rẽ, chúng ta chẳng khởi tâm phân biệt. Đó là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, khi ấy là Phật tri, Phật kiến. Mắt là Phật nhãn, tai là Phật nhĩ, hễ khởi niệm: Đây là nến, kia là đèn điện, đó là vô minh! Khởi lên vô minh rồi! Trong bản minh của quý vị chẳng có những phân biệt, chấp trước ấy; quý vị thêm vào đó những chấp trước, những danh tướng ấy, đó là vô minh. [Khởi lên phân biệt] ta đang niệm Phật, ta đang nghe kinh, đó đều là vô minh. Trong bản giác bản minh không có Phật, cũng chẳng có chúng sanh. Đó là Phật, kia là Bồ Tát, đây là A La Hán, kia là Tu Đà Hoàn, quý vị có hồng bút hay là không?

Đức Phật nói hết thảy các pháp là do quý vị mê nên Ngài mới nói. Nếu quý vị ngộ, đức Phật chẳng nói một câu nào, vì sao? “*Mở miệng liền trật, động niệm liền sai*”. Động niệm là vô minh, vừa mở miệng đã sai bét rồi! Thuyết pháp là nói với kẻ mê, đối với người ngộ thì còn có gì để nói nữa? Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối đều tạo vô minh, tăng trưởng vô minh, quý vị phải giác ngộ! Luôn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, luôn làm những chuyện ấy. Thanh Lương đại sư nói rất hay: “*Hữu giải vô hành, tăng trưởng tà kiến. Hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh*” (Có giải nhưng chẳng hành, tăng trưởng tà kiến. Có hành mà chẳng giải, tăng trưởng vô minh). Chúng ta thấy những người học Phật trong thời đại hiện tại, há chẳng đúng như Thanh Lương đại sư đã nói: Có một hạng người hằng ngày nghiên cứu kinh giáo, tăng trưởng tà kiến. Hạng kia thì thứ gì cũng chẳng cần, tôi tham Thiền, hoặc tôi niệm Phật, tăng trưởng vô minh. Tuy hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tịnh tọa, nhưng hỏi gì cũng chẳng biết, tăng trưởng vô minh! Loại kia thì hằng ngày phân biệt, hằng ngày dấy vọng tưởng, tăng trưởng tà kiến. Đó đều chẳng phải là học Phật.

Học Phật, phải học theo cách nào? Phải giải hành hợp nhất. Nếu giải và hành biến thành một chuyện thì gọi là Chứng. Kinh Hoa Nghiêm nói “*nhập pháp giới*”, nhập như thế nào? Giải và hành biến thành một, bèn nhập! Giải và hành chia làm hai thứ sẽ chẳng nhập. Giải là giải,

hành là hành, chưa nhập! Giải cũng chẳng nhập được, mà hành cũng chẳng nhập được! Nếu kết hợp với những thứ đã nói trong phần trên, ba món tín - giải - hành hợp thành một thì gọi là “nhập”. Tín - giải - hành là ba cá thể, là ba món độc lập, chẳng nhập! Tín cũng chẳng nhập, giải cũng chẳng nhập, hành cũng chẳng nhập. Nhất định phải hợp ba món tín - giải - hành thành một, sẽ gọi là “*nhập pháp giới*”. Nhập chẳng có chi khác, nhập là chứng, không có biệt thể, mà là ba thứ hợp thành một.

Cách hợp như thế nào? Chẳng hạn như đức Phật giảng đạo lý to lớn dường ấy, chúng ta hiểu rõ, hiểu rõ thì phải làm sao? Hiểu rõ rồi bèn buông xuống hết. Trong cuộc sống thường ngày, trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, pháp sư Giao Quang đã đề xướng “*dùng Căn bỏ Thức*”: Mắt ta thấy hết thấy sắc, dùng gì để thấy? Dùng tánh Thấy để thấy. Thấy bằng tánh Thấy như thế nào? Tánh Thấy là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, giống như nay chúng ta mở to mắt, cái thấy thứ nhất là thấy bằng tánh Thấy, quý vị giữ gìn cái thấy đầu tiên ấy, đừng rớt vào cái thứ hai. Rớt vào cái thứ hai thì cái thứ hai là Thức, cái thứ hai đã phân biệt, rớt vào trong phân biệt. Quý vị phải hiểu: Chẳng rớt trong phân biệt thì hết thấy sắc tướng bình đẳng, chẳng có tốt, xấu, nhất định là bình đẳng. Hễ có tốt, xấu, cái này dễ coi, cái kia khó nhìn, hồng lét! Rớt vào trong thức rồi! Thức mới có phân biệt, mới có tốt, xấu, trong Tánh không có!

Bởi lẽ, Tánh giống như một tấm gương, gương cái gì cũng chiếu, nó không phân biệt, không chấp trước, chiếu rất rõ ràng, rành rẽ, minh bạch. Mắt chúng ta giống như tấm gương. Tai nghe âm thanh bên ngoài, nghe rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, đừng nên [phân biệt] điều này êm tai, điều kia khó nghe, êm tai thì nghe thêm, chẳng êm tai bèn nhanh chóng tránh xa, đó là rớt trong ý thức, đó là biến Tánh thành thức. Nói cách khác, quý vị từ địa vị Phật rớt xuống địa vị phàm phu. Vì thế, kinh nói “*vốn đã thành Phật*” chẳng sai! Ngay trong ý niệm thứ nhất chúng ta là Phật, có gì chẳng phải là Phật? Đáng tiếc là chúng ta không giữ được ý niệm thứ nhất, nhưng chư Phật và các vị đại Bồ Tát có năng lực giữ được niệm thứ nhất, từ đầu đến cuối là niệm thứ nhất. Vì thế, gọi là Nhất Chân.

Đạo lý quan trọng nhất trong kinh này là dạy chúng ta hãy giữ gìn niệm thứ nhất: Nhất tâm bất loạn. Nhất tâm là niệm thứ nhất, chẳng có nhị tâm. Hễ quý vị có phân biệt thì là nhị tâm. Khi chẳng có phân biệt, chắc chắn là nhất tâm. Nhất tâm là Phật, nhị tâm là phàm phu. Vì sao từ Phật mà biến thành phàm phu là như thế đó! Sau khi hiểu rõ, quý vị phải

hiểu cách tu hành như thế nào. Bởi lẽ, tu hành là chuyện trong cuộc sống thường ngày: Xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta dùng nhất tâm. Quý vị có thể dùng nhất tâm thì Tín và Giải đều biến thành một. Mục đích của Giải là không gì chẳng nhằm khiến cho quý vị giác ngộ nhất tâm, Hành là bảo quý vị hãy dùng nhất tâm. Hiện thời, ta thật sự dùng nhất tâm để đãi người, tiếp vật, Giải và Hành bèn hợp thành một!

Kẻ khác phân biệt, chấp trước đối với ta, kẻ ấy là phàm phu, hẳn dùng tam tâm nhị ý. Tam tâm nhị ý là thức, cho nên nói “tam tâm” là tâm, ý, thức. Mạt Na gọi là Ý, thức thứ sáu, tức Ý Thức, là Thức. Sáu thức trước đều gọi là Thức. [Ý Thức, Mạt Na, và sáu thức trước] gọi là tám thức. “Tam tâm” chính là tám thức. Nhị Ý là Mạt Na và thức thứ sáu. Mạt Na là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức. Hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới xử sự, đãi người, tiếp vật đều dùng tam tâm nhị ý. Phật và các đại Bồ Tát dùng chân tâm, dùng căn tánh của sáu căn. Giao Quang đại sư nói “*bỏ Thức dùng Căn*”, các Ngài chẳng dùng tam tâm nhị ý. Đây là chỗ khác biệt giữa chư Phật, Bồ Tát và phàm phu cùng chúng sanh trong chín pháp giới. Trọn chẳng phải là họ có điều gì khác, chỉ là dụng tâm khác nhau. Trừ dụng tâm khác nhau ra, chẳng có gì khác biệt, đều giống hệt nhau, chỉ là dụng tâm khác nhau. Đạo lý này có mức độ khá sâu, trong các buổi giảng tôi cũng thường nhắc đến. Mỗi lần nghe, nói chung, quý vị lãnh hội sâu hơn thì tốt lắm. Tuy chưa làm được, nhưng thường nghe cũng có lợi, giúp chúng ta chuyển Thức thành Trí. Nói “chuyển Thức thành Trí” là bỏ tam tâm nhị ý, dùng nhất tâm bất loạn, sử dụng nhất tâm.

Nhưng đã nói đến Sở Biến thì [sách Diễn Nghĩa nói] Biến có hai thứ:

- “*Nhất giả, nhân duyên biến, hữu thật Thể Dụng*” (Một là nhân duyên biến, có Thể và Dụng thật sự). Nhân duyên biến có Thể và Dụng, tức là có Thể và Dụng thật sự. Năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức v.v...) và thức thứ tám là nhân duyên biến.

- “*Nhị giả, phân biệt biến, đản khả vi cảnh, thị lục thất nhị thức*” (Hai là phân biệt biến, chỉ có thể làm cảnh, đó là hai thức thứ sáu và thức bảy). Năng lực phân biệt, chấp trước của năm thức trước và A Lại Da Thức vô cùng yếu ớt. Năng lực phân biệt, chấp trước, vọng tưởng mạnh mẽ nhất là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Khi chuyển Thức thành Trí, trước hết, phải chuyển từ thức thứ sáu và thức thứ bảy. Hễ thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyển, năm thức trước và thức thứ tám sẽ chuyển theo. Thức thứ sáu và bảy chuyển nơi nhân, năm thức trước và thức thứ

tám chuyển nơi quả. Do điều này, chúng ta phải hiểu rõ: Tu hành phải chú ý điều gì? Chú ý thức thứ sáu và thứ bảy. Nói cách khác, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước. Trong hết thấy cảnh giới, lắm phân biệt, lắm chấp trước là tăng trưởng tà kiến; ít phân biệt, ít chấp trước là tăng trưởng trí huệ.

[Sách Diễn Nghĩa giảng]: “*Thanh thị nhân duyên biến, Danh, Cú, Văn cập sở thuyên nghĩa thị phân biệt biến*” (Thanh là nhân duyên biến, Danh, Cú, Văn và nghĩa được diễn nói [bởi Thanh, Danh, Cú, Văn] là phân biệt biến). Người thông minh tạo ra những phù hiệu ấy, phù hiệu này gọi là gì, tượng trưng cho ý nghĩa nào, dạy mọi người có cùng phân biệt, chấp trước ấy, những phù hiệu ấy biến thành văn tự. Do vậy, văn tự có nguồn gốc từ phân biệt, chấp trước, chẳng giống như âm thanh, âm thanh do duyên mà biến thành. Đó là nói về Giáo Thể, nói theo Lý thì nó có những đạo lý ấy.

“*Nhi hữu bốn ảnh tứ cú*” (nhưng có bốn câu như bốn, ảnh), “*bốn*” là bản chất, “*ảnh*” là hình bóng, cũng có thể nói [bốn ảnh] là cội rễ và cành nhánh. Giống như chúng ta đứng dưới ánh đèn, chúng ta là bốn, còn cái bóng là thứ kèm theo, nói theo tỷ dụ này. Bốn là thật, thật sự có; Ảnh là hình bóng. Nói theo cách hiện thời sẽ là trong tâm quý vị có ấn tượng, ấn tượng ấy chẳng chân thật. Ví như chúng ta thấy một người, người ấy là bản thể (Bốn); người ấy đã rời khỏi, nhưng chúng ta thường nghĩ đến người ấy, nghĩ tới hình dáng của người ấy thì hình dáng ấy là hình bóng (Ảnh), chẳng thật. Lại nêu một tỷ dụ khác, giống như tấm gương soi bên ngoài: Hình tượng của vật bên ngoài là Bốn, bóng soi trong gương là ảnh tượng; chúng chẳng phải là Bốn. Thức của chúng ta giống như bản thể của tấm gương, giống hệt như Thể của tấm gương.

(Sớ) Tứ cú giả.

(疏) 四句者。

(Sớ: Bốn câu là).

Giải thích câu “*bốn ảnh tứ cú*”.

(Sớ) Nhất, duy Bốn vô Ảnh.

(疏) 一、唯本無影。

(Sớ: Một là chỉ có Bốn, không có Ảnh).

Chỉ có Bồn, không có Ảnh. Nói thật ra, đây là sai lầm, coi Ảnh là Bồn, chứ không phải là chẳng có Ảnh. Coi Ảnh cũng là Bồn là một sai lầm rất to!

(Sớ) Tức Tiểu Thừa Giáo.

(疏) 即小乘教。

(Sớ: Chính là Tiểu Thừa Giáo).

[Quan niệm] “chỉ có Bồn, không có Ảnh” là Tiểu Thừa Giáo.

(Sớ) Bất tri giáo pháp giai duy thức hiện, vị Như Lai thật hữu thuyết pháp cố.

(疏) 不知教法皆唯識現，謂如來實有說法故。

(Sớ: [Vi người Tiểu Thừa] chẳng biết giáo pháp đều chỉ do thức hiện, họ cho rằng đức Như Lai thật sự có thuyết pháp).

Hiện thời, có nhiều người coi điều này là chân thật, nhất là trong giới học thuật hiện thời, hễ muốn khảo chứng đều tìm đến Phật Giáo Nguyên Thủy, vì sao? Họ cho rằng đức Phật có pháp để có thể nói. Thật vậy! Đấy chẳng phải là hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Tuy họ là những nhân vật có uy tín trong giới học thuật hiện thời, thậm chí những người có uy tín khoa học trên thế giới vẫn không thể, vẫn chẳng hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, vẫn là như Thanh Lương đại sư đã nói “*tăng trưởng tà kiến*” mà thôi! Chúng ta nói với họ, họ nói chúng ta không thông hiểu, nói chúng ta chẳng đọc kinh điển Phật Giáo Nguyên Thủy, mà [nếu có đọc] cũng không đọc nhiều bằng họ, cũng chẳng học nhiều như họ, không thông hiểu! Chúng ta chẳng đáng cho họ ngó tới! Suốt ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước; trong Duy Thức gọi [kiến giải này] là “*duy Bồn vô Ảnh*”, [tức là] coi Ảnh cũng là Bồn, Bồn và Ảnh chẳng phân. Chẳng hiểu Như Lai vẫn chưa sao, quan trọng hơn là gì? Chẳng biết chính mình, vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Đức Phật nói ra hết thấy các pháp, nhằm dạy chúng ta nhận biết chính mình, nhằm dạy chúng ta hiển lộ chân tánh của chính mình, mong chúng ta nhận thức Như Lai của chính mình, chứ không phải là nhận thức Phật, đó là nghĩa chân thật của Phật. Nay chúng ta hiểu làm phương hướng và mục tiêu này, một mục truy cầu Như Lai của Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ lo khảo cứu, suy xét kinh điển của Ngài, chẳng biết quay lại tìm

kiềm Như Lai trong tâm tánh của chính mình, hiển lộ hết thủy kinh điển trong tâm tánh của chính mình, làm lẫn phương hướng! Vì thế, trong hết thủy các đại kinh, đại luận, đức Phật đã khai thị minh bạch: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải*” (Phật pháp không có người nói thì tuy là kẻ trí cũng chẳng thể hiểu). Người thông minh trí huệ bậc nhất trong thế gian cũng chẳng có cách nào lý giải Phật pháp, đạo lý ở chỗ này: Đã làm lẫn phương hướng rồi! Há chẳng nghe kinh thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”. Phải tìm pháp ở trong tâm. Từ trong pháp phải biết trở về tự tâm, tìm pháp ngay trong tâm, đức Phật dạy chúng ta như thế. Vì thế gọi là Vô Thượng Chánh Giác.

Người thế gian không có phương pháp nào để thấu hiểu, vì sao không có cách nào thấu hiểu? Nói đơn giản một câu là: Tâm họ chẳng thanh tịnh. Trong tâm họ gây tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, trong tâm họ có thị phi, nhân ngã; cho nên không có cách nào thấu hiểu đến mức này, chẳng thể quay đầu. Nếu tiếng tăm, lợi dưỡng, thị phi, nhân ngã đều có thể bỏ sạch, khôi phục tự tánh thanh tịnh tâm, họ sẽ thấu hiểu, vừa mở kinh điển ra, ngay lập tức hiểu rõ đức Phật nói những ý nghĩa nào, chúng ta nên thọ trì như thế nào, phải tiếp nhận ra sao? Bậc thánh nhân Tiểu Thừa, người Tiểu Thừa chấp tướng, tuy phá Ngã Chấp, chưa phá Pháp Chấp, so với phàm phu chúng ta rốt cuộc vẫn cao hơn một tầng: Họ có thể thành tựu Cửu Thứ Đệ Định, nhưng chưa thể khai trí huệ. Nói cách khác, chưa thể kiến tánh. Vì sao chưa thể kiến tánh? Góc bệnh ở chỗ coi Ảnh là Bản, đó là Pháp Chấp, cho rằng Như Lai thật sự có pháp để nói. Người Tiểu Thừa chẳng thể lãnh hội hư không pháp giới chỉ do Thức biến, chẳng biết tam giới duy tâm. Vì thế, họ chấp trước “ngoài tâm có cảnh”, giống những kẻ ngu si coi bóng dáng là chân thật, chẳng biết đó là bóng dáng.

(Sớ) Nhị, diệc Bản, diệc Ảnh, tức Thi Giáo.

(疏) 二、亦本亦影，即始教。

(Sớ: Hai, Bản và Ảnh cùng có, đây là Thi Giáo).

Vừa là Ảnh vừa là Bản, cao minh hơn loại trước. Bản và Ảnh đều phân định rõ ràng. Đây là giáo nghĩa trong Thi Giáo, tức là bắt đầu của Đại Thừa.

(Sớ) Dĩ Phật tự tuyên thuyết, nhược văn, nhược nghĩa, giai tùng Diệu Quán Sát Trí tịnh thức sở hiện, danh Bản Chất giáo.

(疏) 以佛自宣說，若文若義，皆從妙觀察智淨識所現，名本質教。

(Sớ: Do đức Phật tự tuyên nói, dù văn hay nghĩa đều từ tịnh thức của Diệu Quán Sát Trí hiện ra, gọi là Bản Chất giáo).

Đích xác là trí huệ khá cao, họ hiểu, họ biết những kinh điển do đức Phật đã giảng do đâu mà ra: Cũng là từ sự phân biệt, chấp trước của Phật mà hiển lộ. Tôi nói phân biệt, chấp trước cho mọi người dễ hiểu hơn một chút, nhưng phân biệt, chấp trước là cảnh giới phàm phu, Phật có hay không? Phật cũng có! Diệu Quán Sát Trí là gì? Tịnh thức là gì? Vì Phật giác chứ không mê, sự phân biệt chấp trước do giác chứ không mê được gọi là Diệu Quán Sát Trí, hay tịnh thức. Nói cách khác, Diệu Quán Sát Trí của chúng ta là mê. Do mê nên gọi là phân biệt, tịnh thức của chúng ta bị mê. Mê thì gọi là A Lại Da Thức, cũng là thay đổi danh tự, trọn chẳng thay đổi sự tướng. Chúng ta mê chứ không giác, Phật là giác chứ không mê.

Tôi lại nói đơn giản hơn một chút, Phật suốt ngày từ sáng đến tối nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là giác chứ không mê. Giác là gì? Nhất tâm bất loạn là giác. Chúng ta tam tâm nhị ý, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, đó là mê. Tưởng Phật, tưởng Bồ Tát đều là mê; thường nghĩ đến những cảnh giới trong kinh điển, thừa quý vị, vẫn là mê! Mê nhiều ngàn ấy chẳng bằng mê một chuyện, niệm A Di Đà Phật tốt hơn. Quý vị phải hiểu rõ lý này rất sâu! Nếu tôi mê đạo lý nhiều dường ấy trong hết thầy các kinh, vì sao tôi chẳng chọn một mình A Di Đà Phật, mê bốn chữ này tốt hơn nhiều. Quý vị mê càng nhiều, sẽ chẳng dễ khai ngộ! Mê một thứ dễ khai ngộ! Vì một thứ sẽ dễ thoát hơn, giác ngộ được! Quá nhiều, chẳng thể thoát khỏi chúng. Đạo lý này rất sâu, quý vị phải chú tâm thấu hiểu. Đến khi quý vị đã biết dụng tâm, cũng sẽ biết cách nghiên cứu kinh hay đọc kinh.

Vì sao tôi cần phải nghiên cứu các kinh? Có hai mục đích: Một là vì chính mình, giúp chúng ta kiến lập tín tâm, phá nghi, sanh tín, nên tôi phải đọc hết thầy các kinh. Ngoài ra, một mục đích nữa là tiếp dẫn chúng sanh. Muốn đạt thành hai mục đích này, thầy đều phải điều hợp Giải và Hành thành một. Nói cách khác, xử sự, đãi người, tiếp vật chỉ dùng nhất

tâm, một lòng chân thành, ta dùng tấm lòng ấy. Người khác đối xử với ta bằng tấm lòng hư vọng là chuyện của họ, họ chẳng mong thành tựu, ta mong thành tựu, ta đãi người bằng lòng chân thành. Ta tu điều gì trong cảnh giới? Tu bất loạn. Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, ta đều phải giữ bình tĩnh, chẳng loạn. Quý vị bất loạn, sẽ có Định, có Huệ. Hễ loạn thì Định lẫn Huệ đều không có. Tu là tu điều này. Khi ta sắp bị loạn, phải mau niệm A Di Đà Phật; một câu A Di Đà Phật thấu hồi cái tâm loạn, lại thấu thành một khối. Do vậy, trong tất cả các pháp môn, quý vị thấy trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền thay Thiện Tài đồng tử chọn pháp Niệm Phật này; đây là pháp môn thù thắng, thuận tiện nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, đáng tin cậy nhất, quý vị phải biết tu. Người thật sự biết tu sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, thật sự đạt được đại tự tại.

Hết thấy các kinh Phật lưu lộ từ sự phân biệt, chấp trước của giác ngộ: Sau khi giác ngộ, thuận theo sự phân biệt của chúng sanh mà phân biệt, thuận theo sự chấp trước của chúng sanh mà chấp trước; chính mình chắc chắn không có phân biệt, chấp trước. Đó gọi là Diệu Quán Sát Trí, là Tịnh Thức. Chẳng phải là Phật thật sự có phân biệt, chấp trước, Phật chẳng có [những thứ phân biệt, chấp trước này]. Vì thế, đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong kinh Kim Cang có nói: Ai bảo Phật thuyết pháp chính là báng Phật. Ngài chẳng thừa nhận, một câu pháp nào Phật cũng chẳng nói! Xét theo đạo lý, quả thật chẳng có một câu pháp nào. Những điều Phật đã nói là thuận theo quý vị mà nói. Quý vị nói như vậy, tôi cũng nói như vậy, chẳng phải là tôi nói. Về căn bản, tôi chẳng nói một câu pháp nào. Quý vị nói cái này là sách, được rồi, tôi cũng bảo nó là sách. “Sách” là phân biệt, chấp trước, tôi không có! Quý vị nói đây là sách, tôi nói theo quý vị nó là sách, quý vị chấp trước đây là sách, được rồi! Tôi cũng chấp trước theo quý vị. Tâm tôi quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Chẳng có phân biệt, chấp trước là giác, là tịnh. Phàm phu chúng ta thừa nhận đây là sách, thật sự chấp trước nó là sách, thật sự phân biệt nó là sách. Họ quả thật có phân biệt chấp trước ấy; chấp trước ấy là ô nhiễm, chấp trước ấy là mê. Thừa cùng quý vị, chỗ khác nhau giữa Phật và phàm phu là chỗ này, đơn giản như thế đó! Nếu thấu triệt tầng [nghĩa lý] này, sẽ thấu triệt toàn bộ Tam Tạng mười hai bộ loại. Nhìn từ phía Phật mà nói, những điều đức Phật giảng là Bản Chất giáo, là giác chứ không mê, chẳng nói mà nói, nói mà không nói, đó là Phật.

(Sớ) Văn giả.

(疏) 聞者。

(Sớ: Nghe là...)

Chúng ta nghe là thức thứ sáu, thức thứ bảy và thức thứ tám khởi tác dụng. Năm thức trước cũng đều khởi tác dụng, nhãn thức nhìn, nhĩ thức nghe, thức thứ sáu tức Ý Thức phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu lại ấn tượng, thấy đều khởi tác dụng.

(Sớ) Văn giả thức thượng sở biến văn nghĩa, danh Ảnh Tượng giáo.

(疏) 聞者識上所變文義, 名影像教。

(Sớ: Nghe là [lãnh hội] văn và nghĩa do thức biến, nên gọi là Ảnh Tượng giáo).

Bổn Chất Giáo của Phật khiến cho chúng ta nhận được hình dáng (lưu lại ấn tượng), chúng ta như tấm gương chiếu soi. Đó là Phật gia trì, giúp đỡ chúng ta.

(Sớ) Chư Phật chúng sanh hỗ vi tăng thượng cố.

(疏) 諸佛眾生互為增上故。

(Sớ: Chư Phật và chúng sanh tăng thượng lẫn nhau).

Phật gia trì chúng ta, Phật dạy chúng ta giác ngộ. Chúng ta nghe xong, giác ngộ, hiểu rõ đạo lý này. Chúng sanh giúp Phật ở chỗ nào? Quý vị phải hiểu: Không có chúng sanh mê hoặc, điên đảo, Phật chẳng khởi lên những thứ ấy, Ngài cũng chẳng khởi lên Bổn Chất giáo. Vì thấy chúng sanh mê, nên từ sự mê ấy khiến cho Phật giác ngộ, Phật giác ngộ trước. Không có chúng sanh mê hoặc, điên đảo, Phật đến nơi đâu để giác ngộ? Phật cũng chẳng thành Phật được! Thầy trò hợp đạo, học trò giúp đỡ thầy, thầy dạy bảo học trò. Không có những chúng sanh ấy, Phật cũng chẳng nói một câu nào! Chính vì chúng sanh điên đảo, nên Phật mới có kinh để nói, mới giảng nhiều ngàn ấy.

Trong Duy Thức nói đến Tâm Vương, Tâm Sở. Nói thật ra, Tâm Vương vẫn là thanh tịnh, Tâm Sở mới chẳng thanh tịnh. Ví như Ý Thức là thức thứ sáu, tuy thức thứ sáu phân biệt, mắt chúng ta thấy những sắc

tướng phân biệt từng thứ một. Tuy phân biệt mà vẫn chẳng khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm mới ô nhiễm. Khởi tâm gì vậy? Động niệm nào vậy? Hợp với ý nghĩ của mình bèn khởi tâm tham; chẳng hợp ý mình bèn khởi tâm sân khuê. Tham, sân, si, mạn đều là Tâm Sở pháp, trong Tâm Vương không có, [tham, sân, si, mạn] phụ thuộc Tâm Sở. Có một tỷ dụ: Giống như thủ trưởng trong một cơ quan, thủ trưởng rất tốt, hết sức công bình, chánh trực, hết sức yêu dân, những thuộc hạ phía dưới tham tàn, sái pháp, có cách nào đây? Lũ tay chân làm chuyện xấu, thủ trưởng vẫn chẳng biết. Năm mươi một Tâm Sở đều là tay sai của Tâm Vương, chúng làm chuyện xấu. Nếu chỉ mình Tâm Vương, không nhắc đến Tâm Sở, thì Tâm Vương thanh tịnh. Có thể nói tám thức đều là tịnh thức, tám thức đều là pháp vô lậu. Đáng tiếc là chúng bị lũ thuộc hạ làm bậy, năm mươi một Tâm Sở làm chuyện xấu.

Trong năm mươi một Tâm Sở, có mười một Tâm Sở là lành, có hai mươi sáu Tâm Sở là ác (Căn Bản Phiền Não gồm sáu món, Tùy Phiền Não là hai mươi món), bốn món Bất Định, năm món Biến Hành, năm món Biệt Cảnh⁸³, tổng cộng là năm mươi một Tâm Sở. Năm mươi một món này là “cán bộ” (personnel) của Tâm Vương. Tất cả hết thảy bị ô nhiễm, biến vô lậu thành hữu lậu, biến tịnh thức thành ô nhiễm thức, đều là chuyện do Tâm Sở gây ra. Vì sao chúng tôi thường nói đến thức thứ sáu và thức thứ bảy? Vì Tâm Sở tương ứng với thức thứ sáu nhiều nhất, năm mươi một Tâm Sở toàn bộ đều có [mối liên quan với thức thứ sáu], và ba mươi bốn món Tâm Sở tương ứng với thức thứ bảy. Những Tâm Sở tương ứng với năm thức trước và thức thứ tám rất ít. Thức thứ tám chỉ có năm Tâm Sở (năm Biến Hành), những món khác đều chẳng tương ứng. Do vậy, ô nhiễm nghiêm trọng nhất, sức lực mạnh nhất chính là thức thứ sáu và thức bảy. Diệu Quán Sát Trí là chuyển ý thức, tức thức thứ sáu, thành Diệu Quán Sát, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng

⁸³ Theo Thành Duy Thức Luận, gọi là Biến Hành (Sarvatraga) vì nó hội đủ bốn điều kiện: 1) Bao gồm hết thảy tánh (thiện, ác, không thiện không ác). 2) Hết thảy nơi. 3) Hết thảy thời (từ vô thủy đến nay). 4) Cùng chung với hết thảy (sanh cùng hết thảy các Tâm Sở). Biến Hành gồm Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Bất Định (Aniyata) là Hối, Thùy Miên, Tầm, Tư. Gọi là Bất Định vì nó không trọn đủ bốn điều kiện trên đây, mà cũng tùy theo hoàn cảnh mà định là thiện hay ác. Biệt Cảnh (Vibhāvanā) là đối lập với Biến Hành. Chữ Biệt Cảnh chỉ những cảnh giới đặc thù khiến cho tác dụng tâm lý (Tâm Sở) phát sanh. Biệt Cảnh gồm Dục, Thắng Giải, Niệm, Định, và Huệ.

Tánh. Quý vị phải hiểu: Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, tâm bèn bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm.

Tôi vừa mới đặc biệt nhấn mạnh: Xử sự, đãi người, tiếp vật, học Phật là học cách dụng tâm. Phật tâm là tâm bình đẳng, có thể dùng cái tâm bình đẳng để đãi người, tiếp vật, người ấy là Phật, người ấy sử dụng Phật tâm. Bồ Tát dùng tâm Lục Độ, Bồ Tát niệm niệm Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Bát Nhã, dùng cái tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật. Bích Chi Phật dùng tâm Duyên Giác, dùng tâm mười hai nhân duyên. Thanh Văn là A La Hán dùng tâm Tứ Đế. Chư thiên

dùng tâm Thập Thiện. Con người dùng tâm Ngũ Giới. Quỷ dùng tâm tham. Súc sanh là tâm ngu si. Địa ngục là tâm sân khuê. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: Người trong mười pháp giới vì sao biến thành mười pháp giới? Họ xử sự, đãi người, tiếp vật, dùng cái tâm khác nhau. Vì thế, dùng tâm bình đẳng là tối thượng. Trong hết thấy các pháp chẳng chấp trước, tâm bèn bình đẳng. Trong hết thấy các pháp, chẳng phân biệt, đó là Diệu Quán Sát. Nếu chuyển biến hai thức này thì năm thức trước biến thành Thành Sở Tác Trí, A Lại Da Thức biến thành Đại Viên Kính Trí, tự nhiên chuyển biến, chẳng cần phải dụng công, chỉ dụng công nơi thức thứ sáu và thứ bảy. Như vậy thì vì sao chúng ta phải phân biệt, chấp trước kiên cường như thế? Đó là lỗi làm to lớn của chúng ta. Cương lĩnh tu hành Phật pháp là “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”. Nói chung là quên tuốt những điều này!

Trong thế gian hiện thời, yêu ma, quỷ quái thứ gì cũng đều xuất hiện. Mọi người phải biết, phải giác ngộ. Những yêu ma, quỷ quái ấy cũng xâm nhập Phật pháp, lừa gạt chúng sanh. Trong nước, ngoài nước đều hết sức phổ biến. Tôi ở ngoại quốc thấy nhiều lắm, chúng tự xưng là vị Phật gì đó tái lai, Bồ Tát nào đấy tái lai, tín đồ đông khôn xiết! Chánh pháp chẳng có ai đến nghe, trong ma pháp có trên ngàn vạn tín đồ! Đó là điềm dự báo chúng sanh bất hạnh, thế giới đại loạn. Còn một điểm nữa, đừng nên giúp đỡ yêu ma, quỷ quái, [nếu giúp đỡ chúng], quý vị sẽ tự gánh lấy trách nhiệm nhân quả. Vì sao yêu ma quỷ quái có thể lực lớn như vậy? Người giúp đỡ chúng đông quá. Bọn họ là bọn đầu sỏ gây tội; quý vị giúp đỡ chúng, tức là tòng phạm. Nhất định phải giác ngộ, hãy thật thà niệm Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 82

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm ba mươi ba:

(Sớ) Tam, duy ảnh vô bản, tức Chung Giáo. Dĩ ly chúng sanh tâm, cánh vô hữu Phật, duy đại bi đại trí vi tăng thượng duyên, linh bỉ căn thực chúng sanh, tâm trung hiện Phật thuyết pháp. Thị cố Phật giáo toàn thị chúng sanh tâm trung ảnh tượng.

(疏) 三、唯影無本，即終教。以離眾生心，更無有

佛，唯大悲大智為增上緣，令彼根熟眾生，心中現佛說法，是故佛教全是眾生心中影像。

(Sớ: Ba là chỉ có Ảnh không có Bản, chính là Chung Giáo. Bởi lẽ, lìa tâm chúng sanh, sẽ trọn chẳng có Phật. Chỉ có đại bi đại trí làm tăng thượng duyên, khiến cho trong tâm những chúng sanh căn cơ chín muồi hiện ra đức Phật thuyết pháp. Vì thế, Phật giáo hoàn toàn là bóng dáng trong tâm của chúng sanh).

Đây là câu thứ ba trong bốn câu nói về Bản và Ảnh. Hai đoạn trước là “*duy Bản vô Ảnh*” (chỉ có Bản, không có Ảnh) và “*diệc Bản diệc Ảnh*” (vừa có Bản vừa có Ảnh), [giáo nghĩa] trong đó có mức độ khá sâu. Trong phần trước đã giảng về Tiểu Thừa Giáo và Đại Thừa Thi Giáo, tức là mới bắt đầu bước vào Đại Thừa. Đoạn này lại cao hơn đoạn trước một tầng nữa, nói đến Đại Thừa Chung Giáo. Nói “*Chung*” (終) có nghĩa đây là sự giáo học cao nhất trong pháp Đại Thừa, càng ngày càng chân thật, chỉ có Ảnh không có Bản. Vì sao nói “chỉ có Ảnh, không có Bản”? Tiếp đó là lời giải thích: “*Ly chúng sanh tâm, cánh vô hữu Phật*” (lìa tâm chúng sanh, sẽ trọn chẳng có Phật). Do đây, có thể biết: Phật do đâu mà có? Phật từ tâm chúng sanh biến hiện ra. Trong Tịnh Độ thường nói: “*Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Lìa khỏi tự tánh, đâu có A Di Đà Phật! Phật Di Đà do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện ra. Bản là gì? Bản là tự tánh. Tây Phương quả thật có thế giới Cực Lạc, quả thật có A Di Đà Phật. Thế giới và Phật đều là vật do chân tánh của chính mình biến hiện. Đây chính là “*duy thức*” như các nhà Duy Thức thường nói; trong vạn pháp chỉ có thức, thức có thể biến, vạn pháp là cái được biến (sở biến).

“*Duy đại bi đại trí vi tăng thượng duyên*” (chỉ có đại bi đại trí làm tăng thượng duyên): “*Tăng thượng*” có nghĩa là giúp đỡ. Đại bi và đại trí đều là những thứ vốn có sẵn trong tự tánh của chúng ta. Vì thế, đức Phật thuyết pháp cho chúng ta, chúng sanh thuyết pháp cho chúng ta. Trong kinh Đại Thừa cũng thường nói: “*Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng*”, cảm ứng đạo giao. Chúng ta có cảm, Phật bèn có ứng, Phật có hữu tâm ứng hay chẳng? Không! Nếu Phật hữu tâm ứng, thì là “có Bản” rồi; đây chính là giáo nghĩa thuộc phần trước. “*Có Bản mà cũng có Ảnh*” là nói đến sự dạy học khởi đầu trong Đại Thừa Thi Giáo. Nói sâu hơn một tầng thì không có [Bản]. Phật chắc chắn chẳng có tâm, Phật

chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Thường có một tỷ dụ: Giống như chúng ta gõ khánh, quý vị vừa gõ liền vang ra tiếng. Gõ là cảm, tiếng vang là ứng. Vì thế, “*đại khẩu tắc đại minh, tiểu khẩu tắc tiểu minh*” (gõ mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu bé). Khi chúng ta gõ khánh, cái khánh ấy có động niệm: “Hắn gõ mình, mình có nên ngân lên hay không?” Chẳng thể nào, nó không có tâm, không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Chư Phật, Bồ Tát ứng với [sự cảm của] chúng sanh giống như thế, tự nhiên mà ứng. Do đây có thể biết: Chúng ta và chư Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao hoàn toàn do tự mình chủ động; đây là nói lời chân thật với quý vị!

Hiện thời, yêu ma, quỷ quái trong thế gian rất nhiều, đúng là “*pháp nhược, ma cường*” (pháp yếu, ma mạnh). Quý vị thấy rất nhiều kẻ bị ma dựa, không chỉ ở trong nước mà ở ngoài quốc cũng như thế, tình hình này hết sức phổ biến. Người ngoại quốc cũng bị ma dựa, vì sao ma xuất hiện? Do đạo lý như thế này: Tâm chúng sanh chỉ nghĩ đến ma, cho nên niệm ma, ma bèn tới, cũng là cảm ứng đạo giao! Quý vị nghĩ đến Phật, Phật bèn tới; nghĩ tới Bồ Tát, Bồ Tát bèn đến; nghĩ tới ma, ma bèn tới. Chuyện là như vậy đó! Sao lại nghĩ đến ma? Hiện thời, người ta thích chuyện kỳ quái, nhất là ham chuộng thần thông. Ai có thể biến hóa thần thông? Ma! Ma có thể biến hiện thần thông. Hễ quý vị nghĩ đến thần thông, ma bèn tới. Vì thế, kẻ ham kỳ chuộng lạ đông đảo, kẻ ưa thích quái dị đông đúc, người thật sự am hiểu chánh pháp chẳng nhiều. Vì thế, quý vị thấy các đạo tràng trên toàn thế giới, đạo tràng nào giảng kinh theo quy củ, thính chúng chẳng đông; nếu đặc biệt giờ trò màu mè thì người ta xúm đen xúm đỏ! Đều là ham thích kỳ quái, bị ma dựa!

Thưa quý vị, niệm Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Nếu quý vị niệm Phật chẳng hiểu phương pháp, chẳng thông lý luận, niệm Phật cũng có thể bị ma dựa! Chẳng qua, nếu so sánh, niệm Phật ít bị ma dựa, nhưng quý vị dụng công chẳng đúng pháp có thể bị ma dựa! Vì thế, phải thông đạt lý luận, phải hiểu rõ phương pháp và cảnh giới thì trong quá trình tu hành chúng ta mới giảm bớt những thứ ma sự, điều này rất khẩn yếu. Ở đây, tôi đặc biệt phải nói rõ với các đồng tu niệm Phật, điều quý nhất là như cổ đức đã nói: “Thật thà niệm Phật”. Khi chúng ta niệm Phật, tâm rất thanh tịnh, kiên thành, điều gì cũng chẳng cầu. Nếu quý vị cầu thấy Phật, mong thấy tướng lành, đây chính là ý niệm dẫn đến ma dựa. Thậm chí “ta cầu nhất tâm bất loạn” cũng là một ý niệm dẫn đến ma dựa. Nhất tâm bất loạn có phải cầu hay không? Phải! Nhất định có nguyện ấy, nhưng chớ nên có cái tâm ấy, [nghĩa là đừng bận khoăn]: Ta niệm Phật niệm suốt ngày, có sao vẫn chưa đắc nhất tâm bất loạn? [Nghĩ

như vậy thì] trong sự niệm Phật của ta đã hỗn tạp, xen tạp rồi, xen tạp [ý niệm mong cầu] nhất tâm bất loạn, làm sao đạt nhất tâm cho được? Chẳng thể nào!

Vì thế, niệm Phật quý ở chỗ thật thà niệm, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Chẳng gián đoạn thì phải rất tự nhiên mới gọi là “chẳng gián đoạn”; chẳng phải là miễn cưỡng. Hễ miễn cưỡng, quý vị sẽ chẳng đạt được, phải rất tự nhiên! Tức là trong khi làm việc, dốc toàn bộ tinh thần vào công việc, ta làm tốt công việc. Sau khi buông công tác xuống, Phật hiệu liền khởi lên, như thế là “chẳng gián đoạn”. Nếu không, quý vị chẳng niệm Phật tốt đẹp, mà công việc cũng chẳng làm tốt, hai đằng đều hỏng bét. Vì thế, nếu quý vị biết dụng tâm, chuyện gì cũng đều viên mãn, chuyện gì cũng được thực hiện tốt đẹp. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Dù có nói đả Phật Thất, chúng ta khéo dụng công niệm Phật suốt ngày, phải hiểu điều đó chẳng phải là ngẫu nhiên, không phải ai cũng đều có thể làm được. Vì thế, kinh dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên*” (Chẳng thể do một ít thiện căn, phước đức, nhân duyên), đó là phước báo! Có thể khéo niệm Phật suốt một ngày thì cũng là do sẵn có phước báo được niệm Phật trong suốt ngày hôm đó. Không có phước báo ấy, chẳng thể miễn cưỡng; pháp thể gian lẫn xuất thể gian đều chẳng thể miễn cưỡng!

Đoạn văn này đã bảo rõ với chúng ta: Không có chúng sanh, thử hỏi Phật thuyết pháp như thế nào? Phật thuyết pháp cho ai? Phật thuyết pháp cho chúng sanh. Vì thế, tách khỏi chúng sanh, Phật chẳng có pháp nào để thuyết, mà cũng chẳng thành Phật. Vì sao gọi Ngài là Phật? Là vì có chúng sanh. So với chúng sanh mà thấy rõ có một vị Phật, tức là một đấng mê, một đấng ngộ. Không có mê, làm sao thấy rõ ngộ? Vì thế, đây là kiến lập tương đối. Có Phật bèn có chúng sanh, có chúng sanh bèn có Phật. Không có chúng sanh, chẳng có Phật; mà không có Phật, cũng chẳng có chúng sanh. Vì thế, chúng sanh là tăng thượng duyên của Phật. Nếu không có Phật thuyết pháp cho chúng sanh, chúng sanh cũng chẳng thể tự mình biến ra Phật pháp để chính mình tu học. Phật làm tăng thượng duyên cho chúng sanh, chúng sanh cũng làm tăng thượng duyên cho Phật, làm tăng thượng duyên lẫn nhau, nên mới nói: “*Phật giáo toàn thị chúng sanh tâm trung ảnh tượng*” (Phật giáo hoàn toàn là bóng dáng trong tâm chúng sanh).

(Sớ) Tứ, phi Bản phi Ảnh, tức Đốn Giáo.

(疏) 四、非本非影，即頓教。

(Sớ: Bốn, “chẳng phải Bản, chẳng phải Ảnh” là Đốn Giáo).

Đây là giáo nghĩa của Đốn Giáo.

(Sớ) Phi duy tâm ngoại vô Phật, chúng sanh tâm trung ảnh tượng diệt Không, dĩ tánh bản tuyệt ngôn, tức bất giáo chi giáo. Sở vị “tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô văn”, thuyết thính giai vô, duy thức nhi dĩ. Thị dĩ thức vi giáo thể dã.

(疏) 非唯心外無佛，眾生心中影像亦空，以性本絕言，即不教之教，所謂尊者無說，我乃無聞，說聽皆無，唯識而已，是以識為教體也。

(Sớ: Không chỉ là ngoài tâm không có Phật, mà bóng dáng trong tâm chúng sanh cũng là Không, vì tánh vốn dứt bật ngôn ngữ, tức là không dạy mà dạy như [trong kinh Bát Nhã, Đệ Thích đã thừa cùng tôn giả Tu Bồ Đề]: “Tôn giả chẳng nói, tôi bèn chẳng nghe”. Nói và nghe đều không, chỉ có Thức mà thôi! Do vậy, lấy Thức làm giáo thể).

Đây là ý nghĩa rất ráo nhất được nói trong Duy Thức. Nói theo Đốn Giáo, chẳng những “ngoài tâm không có Phật” mà tất cả những “ảnh tượng” (bóng dáng) trong tâm chúng sanh cũng chẳng phải là chân thật. Đây chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, đạo lý này rất sâu. Câu nói “phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng” này không chỉ áp dụng vào y báo và chánh báo trang nghiêm, sâm la vạn tượng trong thế gian này, mà các cõi nước thanh tịnh của chư Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ; nhưng quý vị nhất định phải nhớ: Tuyệt đối chẳng phải là phủ định tất cả hoàn cảnh hiện thực đang hiện hữu, chẳng có ý nghĩa ấy! Về Tướng thì có, về Thể thì không! Gọi là “ảnh tượng” vì giống như chúng ta coi phim ảnh, chẳng thể nói trên màn bạc không có hình tượng, nhưng những hình tượng ấy là Không, chẳng thể được. Chúng ta hiểu rõ tình hình này. Vì thế, “ảnh tượng” (hình ảnh, bóng dáng của các pháp in trong tâm thức của chúng sanh) cũng là Không. Núi, sông, đại địa, sâm la vạn tượng đều là những “ảnh tượng” do tự tánh của chúng ta biến hiện, giống như những hình ảnh xuất hiện trên màn bạc trong điện ảnh. Chúng có hay là không? Có!

Có thể đạt được hay không? Chẳng thể đạt được! Không chỉ vật chất, hình tướng trong thế gian quý vị chẳng đạt được, quả thật chẳng thể đạt được, thật đấy, chẳng giả tí nào, quả thật chẳng thể đạt được, mà tất cả những cảm thọ trong tâm quý vị cũng chẳng thể đạt được, cũng là giả. Thật sự hiểu thấu triệt thì quý vị mới biết tất cả các pháp trong thế gian này đều thật sự là Không, vạn pháp đều là Không.

Nay chúng ta nói chúng ta có tiền của, quý vị có được tiền bạc ở chỗ nào? Có phải là quý vị đem tiền bạc nhét vào thân hay chẳng? Nhét chẳng được, nói chung là ở ngoài thân, nó là vật ngoài thân. Lại nói đến thân thì thân cũng chẳng đạt được! Các tế bào trong thân thể của chúng ta sanh diệt trong từng sát-na, tế bào cũ chết đi, tế bào mới sanh ra, cái mới thay cho cái cũ. Mỗi chu kỳ bảy năm, các tế bào cũ trên thân thể hoàn toàn chẳng còn nữa, hoàn toàn đổi thành tế bào mới, chẳng thể tìm được tế bào thân thể nào thuộc bảy năm trước, hoàn toàn chẳng còn nữa! Nói như thế thì thân cũng chẳng đạt được, huống gì vật ngoài thân? Đó là nói cảnh giới vật chất là Không, chẳng thật sự tồn tại. Nói “mê” tức là coi thân thể của chính mình là thật, những vật ngoài thân cũng coi là thật, lo được, lo mất, cho nên khổ sở! Thật ra, nỗi khổ ấy chẳng đáng, vì chẳng có được hay mất! Nếu thật sự có được hay mất, nỗi khổ ấy mới có giá trị. Sự cảm thọ trong tâm càng hư vọng, cảm thọ trong tâm là gì vậy? Khởi vọng tưởng. Nghĩ đến quá khứ, nghĩ đến vị lai, nghĩ đến người nhà, quyến thuộc, toàn là vọng tưởng, cũng chẳng chân thật!

“*Dĩ tánh bốn tuyệt ngôn, tức bất giáo chi giáo*” (Do tánh vốn dứt bật nói năng, tức là chẳng dạy mà dạy). Phật xuất hiện vì thuận theo tâm chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ). Trong bốn tánh cái gì cũng chẳng có, nó là không tịch. Tuy là không tịch, nhưng có thể hiện tướng; do vậy, nó lại có ý nghĩa “*bất không*”. Chúng ta nói đến Như Lai Tạng: Không Như Lai Tạng, Bất Không Như Lai Tạng; Bất Không là Có. Không Như Lai Tạng là nói về Chân, Bất Không Như Lai Tạng là nói nó có thể hiện tướng. Tuy hiện tướng, tướng ấy chẳng thật. Giống như chúng ta nằm mộng, cái có thể hiện ra giấc mộng là tâm, mọi người đều biết: Tâm có thể tạo ra giấc mộng, tâm là Không, chẳng có tướng, nhưng khi nằm mộng, nó có thể hiện ra tướng. Khi hiện tướng, chúng ta ví von nó là Bất Không Như Lai Tạng. Tuy hiện tướng, tướng ấy chẳng thể được; nhưng trong khi nằm mộng, quý vị chẳng biết, mê rồi. Quý vị vẫn cho là thật sự có cái để đạt được, đến khi tỉnh giấc mới hoảng nhiên đại ngộ, vốn là chẳng thể được! Chúng ta

sống trong thế gian này mấy chục mùa nóng lạnh, chẳng qua là năm mộng dài hơn một chút mà thôi. Nằm ngủ trên giường, giấc mộng ngắn ngủi, còn nay [thì cuộc sống trên thế gian là] giấc mộng dài hơn một chút mà thôi, đều trọn chẳng thể được! Vì thế, đức Phật bảo chúng ta: “*Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp theo thân*”. Tạo nghiệp mà! Hiểu rõ đạo lý này, có gì cứ phải tạo nghiệp?

Như vậy, tu hành là tu gì? Học Phật chẳng khó! Học Phật dễ hơn học bất cứ thứ gì khác, chẳng khó! Quý vị nhất định phải nắm chắc cương lĩnh. Học Phật là học chẳng mê, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, ta chẳng mê, giác chứ không mê. Giác là gì? Ta hiểu hết thấy vạn pháp đều chẳng thể được. Đó là giác. Hiểu là “chẳng thể được”, quý vị bèn tùy duyên, bèn tự tại. Vì sao? Ý niệm được - mất không còn! Quý vị hãy suy nghĩ cẩn kỹ: Vô lượng vô biên phiền não đều từ được - mất mà có! Lo được, lo mất, chẳng có lúc nào không nghĩ đủ mọi phương pháp để mong đạt được. Đã đạt được rồi lại sợ mất đi, khổ lắm! Phiền não đều từ đây mà ra. Nếu một cá nhân không có tâm được - mất, người ấy thật sự tự tại. Vì sao người ấy không có tâm được - mất? Thấy thấu suốt rồi, thấy chân tướng rõ ràng; trong hết thấy pháp, quả thật chẳng có được hay mất. Có người hỏi: “Nếu tôi hằng ngày chẳng dốc hết tánh mạng truy cầu, làm sao tôi sống được?” Quý vị chẳng cầu vẫn sống được. Truy cầu sẽ sống, mà không truy cầu vẫn sống. Quý vị không tin, chẳng cầu, thử xem có phải là vẫn sống mỗi ngày y hệt như vậy hay không? Đó là định luật nhân quả. Trong mạng quý vị đã có, “*mạng trung hữu thời chung tu hữu*” (lúc trong mạng đã có, rốt cuộc sẽ phải có), “*mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu*” (lúc trong mạng chẳng có, đừng cưỡng cầu). Cầu chẳng được! Sách Liễu Phàm Tứ Huấn nói thật thấu triệt, rõ ràng dường ấy! Do vậy, người học Phật trước hết phải nghiêm túc đọc Liễu Phàm Tứ Huấn một lượt, sau đấy mới làm người thật sự tâm bình khí hòa, thật sự có thể tùy duyên, chứ không phan duyên; như vậy thì mới có thể đạt được đôi chút tự tại. Vì thế, tu hành là tu chẳng mê.

Tam Quy Y nhằm trao cho chúng ta ba cương lĩnh lớn: “*Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”, tức là tu Giác - Chánh - Tịnh, tu những điều này, đó là ba đại cương lĩnh. Trong xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta dụng công tu hành ở chỗ này. Phật tách rời chúng sanh, sẽ chẳng thể thành Phật. Chúng ta muốn học Phật, tách rời chúng sanh, sẽ học chẳng thành, đến đâu để học? Phật do ứng với chúng sanh mà có, chúng ta tu hành cũng nên vì chúng sanh mà tu. Không có

chúng sanh, chúng ta đến đâu để tu? Không có chỗ nào để tu cả! Hữu tình chúng sanh chia làm hai loại lớn: Thiện nhân và ác nhân. Hết thấy cảnh giới cũng chia thành hai loại lớn: Thuận cảnh và nghịch cảnh, tức là hoàn cảnh tốt và hoàn cảnh xấu. Tu điều gì trong hai loại này? Tu cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi của chính mình, đó gọi là Bồ Đề tâm. Vì thế, Bồ Đề tâm cũng chẳng thể tách rời chúng sanh, chẳng thể tách rời xã hội! Tách rời chúng sanh và xã hội, Bồ Đề tâm sanh từ chỗ nào? Chẳng sanh ra được! Vì thế, hàng Tiểu Thừa không có Bồ Đề tâm. Quý vị thấy hết thấy các kinh đều nói người Tiểu Thừa không có Bồ Đề tâm, vì sao? Vì hàng Tiểu Thừa thoát ly nhân quần, xã hội, họ tìm một nơi không có dấu chân người để yên vui cho riêng mình. Do vậy, họ thiếu Bồ Đề tâm. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát mới có Bồ Đề tâm. Chúng ta tu điều gì? Quý vị phải biết: Tu điều này! Đây là nói về các pháp môn theo đường lối thông thường; chỉ cần là Phật pháp, bất luận pháp môn nào đều phải tu thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trong hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Người niệm Phật còn có một điều đặc biệt nữa, đây là Tín - Nguyện - Hạnh. Ta tu Tín - Nguyện - Hạnh cũng chẳng thể tách rời nhân quần, chẳng thể tách khỏi xã hội. Càng tuyệt diệu hơn là người ấy dùng một câu A Di Đà Phật để tu Giác - Chánh - Tịnh, để tu Bồ Đề tâm, để tu Tín - Nguyện - Hạnh, mẫu nhiệm chẳng thể diễn nói được! Quý vị chỉ cần nắm được cương lĩnh, sẽ biết cách tu ra sao. Như vậy thì mới có thể thật sự thành công.

“*Bất giáo chi giáo*” là cách dạy học ở mức độ cao nhất. Những người như Văn Thù Bồ Tát lễ thỉnh cư sĩ Duy Ma thăng tòa thuyết pháp. Cư sĩ Duy Ma thăng tòa, thăng tòa xong, bèn như thế nào? Một câu cũng chẳng nói! Văn Thù Bồ Tát liền gõ kiền chùy, bảo mọi người: “*Đúng là pháp môn Bất Nhị*”. Thỉnh cư sĩ Duy Ma giảng pháp môn Bất Nhị là như thế nào? Cư sĩ Duy Ma thăng tòa chẳng nói câu nào, đó là pháp môn Bất Nhị chân chánh. Có thể nói sẽ là hai, mở miệng bèn thành hai, ba! Pháp môn Bất Nhị chẳng nói một câu nào! Văn Thù Bồ Tát lập tức hiểu rõ, đó là “*bất giáo chi giáo*”, là cách giáo học ở mức độ cao nhất. Nhưng cách giáo học ở mức cao nhất đòi hỏi căn tánh của học sinh là tối cao mới hòng thụ dụng, phải như Văn Thù Bồ Tát mới nghe hiểu. Nếu cư sĩ Duy Ma nói với chúng ta như vậy, chúng ta bỏ chạy: “Chúng tôi thỉnh ông thuyết pháp; ông thăng tòa chẳng nói câu nào, ai trong chúng tôi dám đến nghe ông [giảng nữa]!” Đủ thấy: Nếu cư sĩ Duy Ma gặp chúng ta, Ngài nhất định giảng nói cặn kẽ, chi tiết. Nếu không, chúng ta đều bỏ chạy. Gặp Văn Thù Bồ Tát là người như thế đó, Ngài có thể chẳng cần

nói câu nào. Do vậy, thuyết pháp phải phù hợp căn cơ, phải đúng với căn cơ. Trong kinh Kim Cang, chúng ta cũng thấy chuyện như vậy: Kinh Kim Cang vừa mở đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật đến khất thực tại đại thành Xá Vệ, trở về, ăn cơm xong, rửa chân, trải tòa ngồi, cũng chẳng nói một câu nào. Tôn giả Tu Bồ Đề (Subhūti) lãnh hội, Ngài vừa thấy động tác của Thích Ca Mâu Ni Phật liền khai ngộ. Do vậy, tán thán: “*Hy hữu Thế Tôn!*” Đây cũng là gì vậy? “*Bát giáo chi giáo*”. Vì thế, kinh dạy: “*Pháp tánh bốn không tịch, vô thủ, diệc vô kiến, tánh Không tức thị Phật, bất khả đắc tư lượng*” (Pháp tánh vốn không tịch, không lấy, cũng chẳng thấy. Tánh Không chính là Phật, chẳng thể nghĩ lường được). Chẳng thể nghĩ lường, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Sở vị tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô văn*” (Đó là nói: “Tôn giả chẳng nói, tôi bèn chẳng nghe”). Đây là một câu chuyện về tôn giả Tu Bồ Đề. Tôn giả Tu Bồ Đề có một hôm ngồi tịnh tọa trên tảng đá; khi ấy, nhằm lúc Đế Thích thiên vương (người Trung Quốc gọi vị này là Ngọc Hoàng Đại Đế) đi qua, thấy tôn giả bèn hết sức hoan hỷ, rất cung kính rải hoa cúng dường. Khi rải hoa, cúng dường, tôn giả Tu Bồ Đề trông thấy bèn hỏi: “Người rải hoa là ai?” Đế Thích đáp: “Tôi là Đế Thích thiên vương (Đạo Lợi thiên chúa)”. Tôn giả Tu Bồ Đề bèn hỏi ông ta: “Tôi ngồi ở nơi đây, vì sao phải rải hoa cúng dường?” Đế Thích thiên vương thưa: “Tôn giả khéo nói Bát Nhã”. Tu Bồ Đề nói: “Ta ngồi đây nửa ngày, một câu cũng chưa nói”. Trời Đế Thích đáp: “Tôn giả không nói, con bèn không nghe”. Đó là thật sự nói Bát Nhã. Đây cũng là “*bát giáo chi giáo*”. Do điều này biết Đế Thích thiên vương cũng chẳng phải là kẻ tầm thường, ông ta có thể thấu hiểu nghĩa thú của pháp môn Bát Nhã, đó là Phật pháp cao nhất trong Phật pháp mà Đạo Lợi thiên chúa cảm nhận được. Vì thế, ông ta tán thán tôn giả thật sự nói Bát Nhã.

Những điều này đều là “*thuyết thính giai vô, duy Thức nhi dĩ*” (nói và nghe đều không, chỉ là Thức mà thôi). Chẳng nói, chẳng nghe là thật sự nói, thật sự nghe. “*Thị dĩ Thức vi giáo thể*” (do vậy, dùng Thức làm giáo thể), nói đến Phật pháp tối cao, hoàn toàn là do quý vị thể hội, hiểu tâm rồi giác ngộ, thuần túy do Duy Thức khởi tác dụng.

(Sớ) Kim thử kinh giả.

(疏) 今此經者。

(Sớ: Nay kinh này).

“Kinh này” là A Di Đà Kinh.

(Sớ) Thả wóc Chung Đốn nhị giáo.

(疏) 且約終頓二教。

(Sớ: Lại thuộc vào Chung Giáo và Đốn Giáo).

Phần trên đã nói tới Tứ Giáo, kinh này thuộc về giáo nào? Thuộc vào hai loại sau. Nói cách khác, thuộc vào mức độ cao, chẳng phải là tầm thường, mà thuộc vào Chung Giáo, tức Đại Thừa Chung Giáo, và thuộc vào Đại Thừa Đốn Giáo. Ở đây, Liên Trì đại sư nói giáo này là Đốn Giáo; trong bộ Thông Tán Sớ, Khuy Cơ đại sư cũng nói giáo này là Đốn Giáo. Đủ thấy giáo nghĩa Chung Đốn [trong kinh này] đã được các vị đại đức từ xưa đến nay công nhận. Nếu thật sự đúng lý, đúng pháp tu học pháp môn này, sẽ có thể thành công trong bảy ngày; nhưng quý vị phải nhớ: “Đúng lý, đúng pháp”, tôi nói rất rõ ràng, rất minh bạch lời này! Nếu quý vị không hiểu rõ, cứ liều mạng thực hiện, niệm suốt bảy ngày, cũng có thể là niệm Phật bảy ngày xong, niệm suốt bảy ngày bảy đêm, chẳng thể vãng sanh, mà ở luôn trong bệnh viện thần kinh. Phiền phức lớn lắm, tẩu hỏa nhập ma rồi! Vì sao biến thành nông nổi ấy? Kể ấy chẳng đúng pháp, nóng vội quá mức!

Người ta niệm Phật là tâm bình khí hòa mà niệm, chẳng có hét thảy dục niệm mà niệm, niệm như thế thì mới hòng thành công. Quý vị có dục vọng, có ý niệm, quý vị niệm như thế, rất dễ bị ma dựa! Do quý vị có hy vọng trong ấy, ma bèn ban cho quý vị một niềm hy vọng. Nói cách khác, quý vị đã đưa chuôi cho người ta nắm, “tôi hy vọng gì cũng không có”, ma đối với quý vị chẳng có cách nào cả! Ví dụ như: “Người muốn có tiền”. [Ma bèn tự nhủ]: “Ta có rất nhiều tiền bèn dụ dỗ, mê hoặc hắn, hắn sẽ mắc lừa. Người muốn có danh, ta ban cho người danh nghĩa rồi sẽ không chế người”. Quý vị chẳng có mong mỏi gì, hắn sẽ chẳng có một tí biện pháp nào để thao túng quý vị, chẳng biết làm sao! Do vậy, người niệm Phật tâm phải thanh tịnh, thật sự niệm Phật chẳng cầu vãng sanh, chẳng cầu nhất tâm bất loạn, chẳng cầu công phu thành phẩm, thứ gì cũng chẳng cầu, ta cứ một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng. Niệm mấy ngày, tự nhiên đắc nhất tâm, tự nhiên thấy Phật vãng sanh. Đó là tự nhiên, nước chảy mãi thành suối. Quý vị phải hiểu đạo lý này!

Vì thế, người niệm Phật điều gì cũng đừng nên cầu, hễ cầu bèn có vọng niệm. Nếu còn có cái tâm mong cầu hiểu thắng, càng dễ bị ma dựa. Đó là đã kết duyên với ma. Cái tâm hiểu thắng [mong tưởng] bữa nay ta thành công, ta phải hơn người khác, không được rồi! Tây Phương Cực Lạc thế giới đâu có kẻ hiểu thắng, vàn muôn phần chớ có cái tâm ấy. Vì thế, trong khi đã Phật Thất mà có lòng hiểu thắng, quý vị lay một ngàn lay, tôi lay một ngàn hai trăm lay, tôi giỏi hơn quý vị, quý vị không bằng tôi, tâm hạnh ấy là tâm hạnh gì? Quý vị mỗi ngày niệm Phật một vạn tiếng, tôi niệm hai vạn tiếng, ganh đua! Phải giành vị trí thứ nhất, ý niệm ấy sai bét! Vì thế, ý niệm ấy chỉ chuốc lấy ma dựa, chẳng thể đạt kết quả tốt. Do vậy, niệm Phật nhất định phải tâm bình khí hòa, chuyện gì cũng đều chẳng cầu!

Niệm một câu Phật hiệu đương nhiên là vì nhất tâm bất loạn, là vì vắng sanh Tịnh Độ. Vì thế, chẳng cần phải khởi tâm động niệm, chỉ cần niệm tốt đẹp một câu Phật hiệu, như thường nói: Không gián đoạn, chẳng xen tạp, không hoài nghi. Bảy ngày niệm chưa thành công, thì lại thêm bảy ngày nữa. Thời gian dài lâu chẳng sao hết! Đó là gì? Nghiệp chướng nặng nề. Chúng ta thấy nhiều người, đại đa số là niệm ba năm thành công, chúng ta nghĩ mình cũng nghiệp chướng sâu nặng, chắc là cũng phải ba năm. Chẳng đòi hỏi ba ngày hay bảy ngày thành tựu. Điều đó rất nguy hiểm, đâu phải là trò đùa!

(Sớ) Tác chúng sanh tâm nhạo xuất ly, tự tâm trung, kiến Phật vị thuyết Cực Lạc y chánh, tín nguyện vắng sanh.

(疏)則眾生心樂出離，自於心中見佛為說極樂依正，信願往生。

(Sớ: Tức là chúng sanh trong tâm ưa thích xuất ly, trong tự tâm thấy Phật vì mình mà nói y báo và chánh báo cõi Cực Lạc, tín nguyện vắng sanh).

Đây là nói về bộ kinh này. “*Chúng sanh tâm nhạo*”, “*nhạo*” (樂) là ưa thích. Trong tâm ưa thích xuất ly biển khổ sanh tử, đương nhiên là đối với người đã giác ngộ, chứ vẫn có rất nhiều người mê trong thế gian này, vẫn chẳng mong tách khỏi, chẳng mong thoát lìa, đó là mê. Người giác ngộ muốn ly khai thế gian này, nhất là trong thế gian hiện thời, đúng là thiên hạ đại loạn. Chẳng kiếm được một chỗ nào yên ổn trong

thế giới này. Thiên hạ đại loạn, chẳng đáng để lưu luyện. Người thật sự giác ngộ, ai chẳng mong xuất ly? Quý vị chỉ cần khởi lên cái tâm ấy, động ý niệm ấy, Phật sẽ có cảm ứng. Do vậy, nói “*tự u tâm trung kiến Phật*” (tự thấy Phật trong tâm) thuyết pháp, giảng về y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, tín nguyện vãng sanh. Phật giảng cho chúng ta. Bởi thế, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này là vì thưở ấy, những chúng sanh có tâm cầu xuất ly rất khẩn thiết, cảm động Phật xuất hiện, ứng hóa trong thế gian này, chính là vì chúng sanh có cảm, Phật bèn ứng.

Lại thưa với quý vị, người Trung Quốc thấy thấu suốt thế gian này đông đảo, người cầu xuất ly đông đảo. Vì thế, có rất nhiều vị Phật và Bồ Tát ứng hóa tại Trung Quốc, từ lịch sử chúng ta có thể thấy được điều này. Phật pháp tại Tây Tạng tuy rất hưng thịnh, vẫn chẳng bằng Trung Quốc, vì sao? Người Tây Tạng không mong xuất ly, họ muốn chuyển thế. Tâm lượng người Trung Quốc rất lớn, mười phương chư Phật, Bồ Tát đều ứng hóa hoằng pháp lợi sanh, chẳng cần chuyển thế. Nói thật ra, sức ô nhiễm của ngũ dục, lục trần trong thế gian này rất to, cho nên có khi chuyển thế đời sau chẳng bằng đời trước! Do thật sự mong xuất ly, nên tại Trung Quốc, pháp môn Tịnh Độ thịnh hành nhất. Kể từ đời Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư kiến lập liên xã đầu tiên, phong khí niệm Phật tại Trung Quốc vô cùng phổ biến, chiếu theo pháp môn này để xuất ly sanh tử, xuất ly luân hồi, chẳng biết có bao nhiêu người! Thiên rất khó xuất ly. Lão pháp sư Đàm Hư nói: “Thiền thật sự có thành tựu là đắc Thiền Định; trong tương lai người ấy cũng chẳng qua là sanh lên trời Tứ Thiên mà thôi, tùy thuộc công phu của người ấy sâu hay cạn, [mà sanh vào] Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, hay Tứ Thiên, vẫn là ở trong tam giới, chẳng thể vượt thoát! Thật sự vượt thoát, chỉ có con đường niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ!”

(Sớ) Nhi thật vô thuyết, vô thính, cố Thức vi giáo thể.

(疏) 而實無說無聽，故識為教體。

(Sớ: Nhưng thật ra không có kẻ nói, chẳng có người nghe, nên Thức là giáo thể).

Đoạn này cũng là nói “*duy Ảnh vô Bản*”, nói “*thật vô thuyết vô thính*”, câu này là ảnh “*phi Ảnh, phi Bản*”, đủ thấy giáo nghĩa quả thật chẳng tách rời hai câu này. Văn nghĩa của kinh này là “*duy thức sở*

biến”; vì thế, trong lời kết luận mới nói “*Thức vi giáo thể*” (Thức là giáo thể), toàn là duy thức sở biến (chỉ do thức biến). Chỉ do thức của ai biến? Chỉ do thức của chính quý vị biến. Vì thế, đoạn này có ý nghĩa hết sức trọng yếu, quý vị có duyên, đó là quý vị có đại phước báo. Vì chỉ do thức của chính mình biến, lẽ nào bản thân ta chẳng có phần nơi Tây Phương Tịnh Độ? Nếu quý vị nói chỉ do thức của A Di Đà Phật biến ra, chúng ta chẳng có phần, tín tâm vẫn thật sự khó sanh khởi. Nay bảo rõ ràng cùng quý vị: Tây Phương Tịnh Độ A Di Đà Phật chỉ do thức của chính mình biến. Do điều này có thể biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới và chính mình có mối quan hệ mật thiết như thế nào. Nói cách khác, Tây Phương Cực Lạc thế giới vốn là nhà của chính mình, đúng là quê hương của chính mình. Nay ta quay về nhà, còn có khó khăn gì nữa ư? Còn có chướng ngại gì nữa ư? Không có! A Di Đà Phật là người thân thiết nhất của mình, do chính mình biến hiện, chỉ do thức biến, lẽ nào ta chẳng thấy Ngài? Quả thật đã tăng trưởng tín tâm cho chúng ta, chúng ta cũng hiểu rõ đạo lý và căn cứ lý luận của bộ kinh này. Đây là nói đến kinh thể (bản thể của bộ kinh), duy thức là giáo thể.

Tam, quy Tánh.

三、歸性

(Ba, gom về tánh).

Đoạn thứ ba giảng về “*quy Tánh*”; phần trên là những điều được nói theo Tướng Tông, đoạn này luận theo Tánh Tông.

(Huyền Nghĩa) Quy Tánh giả, tiền dĩ sở biến chi vạn cảnh, nhiếp quy năng biến chi bát thức.

(玄義) 歸性者，前以所變之萬境，攝歸能變之八識。

(Huyền Nghĩa: Quy Tánh là trong phần trước, đã đem muôn cảnh được biến gom về tám thức là chủ thể có khả năng biến hóa).

Mấy câu này nhằm giải thích đoạn trên.

(Huyền Nghĩa) Kim dĩ sở hiện chi bát thức, phục nhiếp quy năng hiện chi nhất tâm, tức Tánh vi giáo thể.

(玄義) 今以所現之八識，復攝歸能現之一心，則性

為教體。

(*Huyền Nghĩa*: Trong phần này, lại nhiếp tám thức đã được hiện ấy về nhất tâm là cái có thể hiện thì Tánh là giáo thể).

Ý nghĩa này lại càng sâu hơn phần trước, hết sức chân thật so với ý nghĩa trong phần trước, càng nói càng thân mật hơn! Thức do Tánh biến ra, Tánh là Thể, Thức là Dụng. Nay nói đến bản thể của cái Thức có thể biến (Năng Biến Thức), tức là nói đến Quy Tánh (trở về Tánh). Tánh là Chân Như bốn tánh. Đối với Chân Như bốn tánh, kinh luận thường nói: Một niệm vô minh khiến tự tánh bị mê. Tự tánh đã bị mê thì tác dụng do nó khởi lên sẽ được gọi là “tám thức”. Vì thế, tám thức và tự tánh là một, không hai. Khi mê thì gọi là tám thức, khi ngộ thì gọi là tự tánh, thay đổi danh xưng mà thôi! Trên thực tế là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện, mà là mê hay ngộ khác nhau. “Thức vi giáo thể” (Thức là giáo thể), đây là nói trên vị trí mê. “Tánh vi giáo thể” (Tánh là giáo thể), đây là nói trên vị trí ngộ, nói theo giác ngộ. Vì thế, giác ngộ đương nhiên chân thật hơn mê. Hiện thời, giống như chúng ta truy tìm đầu mối, tìm đến tận căn cội, từ tám thức truy ngược lại từng bước, mới phát hiện nó vốn là Chân Như bốn tánh, đó gọi là “phản vọng quy chân” (bỏ vọng, quay về chân).

Tám thức là cái tâm sanh diệt. Kinh thường nói: Bất sanh bất diệt và sanh diệt hòa hợp, chẳng một, chẳng khác. Đó gọi là A Lại Da Thức. Trong quá khứ, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm đã tốn rất nhiều thời gian để nói rõ chân tướng sự thật này: Bất sanh bất diệt là Tánh, là chân tánh. Quý vị giác ngộ thì bất sanh bất diệt, nếu mê thì có sanh diệt. Đang ở trong mê nên mới sanh ra tướng sanh diệt. Quý vị giác ngộ rồi sẽ là bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt là thật, sanh diệt là giả, sanh diệt là huyền tướng, chẳng chân thật. Chân thật là bất sanh bất diệt. A Lại Da Thức là chân vọng hòa hợp; nói cách khác, nó nửa chân, nửa vọng, trọn chẳng phải là cái tâm một nửa mê, một nửa ngộ, chẳng phải vậy. Tuy nó đang mê, nhưng trong ấy có chân tánh chẳng mê, mang ý nghĩa này. Vì sao quý vị có thể khai ngộ? Vì trong A Lại Da Thức thật sự có chân tánh chẳng mê. Quý vị tương ứng với tánh sẽ chẳng mê, tương ứng với thức bèn mê, đạo lý là như vậy đó! Nay chúng ta nói là lý trí và cảm tình. Quý vị tương ứng với Lý Trí bèn chẳng mê, tương ứng với cảm tình bèn mê, chuyện là như vậy đó! Lý trí là bất sanh bất diệt, cảm tình là sanh diệt, A Lại Da Thức có tình hình như thế đấy.

Do vậy, A Lại Da Thức có hai ý nghĩa giác và bất giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói rất cặn kẽ. Nay chúng tôi cần phải nói tới ý nghĩa bất giác trong hai nghĩa giác và bất giác ấy. Do vì bất giác, bất giác gọi là vô minh “*vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô*”, biến thành tám thức. Từ tám thức lại phát triển thành thế giới hiện tại của chúng ta, Phật pháp nói như vậy. Cách nói này của Phật pháp rất gần gũi kinh Dịch của Trung Quốc. Kinh Dịch giảng về căn nguyên của vũ trụ và nhân sinh, dùng Bát Quái để giảng: “*Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái sanh vạn vật*”. “Sanh” chính là biến, tức biến hiện ra. Kinh Dịch là học thuật cổ xưa của Trung Quốc, khi ấy Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, tổ tiên người Hoa đã hiểu được quá trình phát triển của vũ trụ và nhân sinh. Phật pháp giảng “*vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô*”. Vũ trụ và nhân sinh phát triển như thế, cũng nói đến Biến, biến hiện ra, nó có tầng lớp, có trình tự, rạch ròi, chẳng rối rắm. Vì thế, các tinh cầu trong vũ trụ vận hành đều có quy củ, chẳng rối loạn vì chúng được biến hiện có trình tự. Trong thế gian, có những kẻ chẳng hiểu đạo lý này, cho rằng vũ trụ có trật tự như thế, nhất định phải có thần làm chủ tế; thật ra, không phải vậy! Nó phát triển có trật tự, có trình tự, chẳng loạn. Kinh Dịch nói rất gần với những điều đã giảng trong Phật pháp.

Tiếp theo đây là một điều quan trọng, nói đến chủ đề trong khoa này là “*phục nhiếp quy năng hiện chi nhất tâm*” (lại gom về nhất tâm có thể hiện). Nhất tâm là chân tâm, bản tánh của chúng ta. Pháp môn Niệm Phật này trực tiếp khôi phục chân tâm, bản tánh của chúng ta, Thiên gia thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Do đây có thể biết: Quý vị niệm Phật đến nhất tâm sẽ thành Phật, đây là Phật thật, chẳng giả. Trong nhất tâm có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Niệm đến thành Phật là Lý nhất tâm, tông Thiên Thai gọi đó là Phần Chứng Tứ Phật, vị Phật ấy là thật, chẳng giả, hoàn toàn có cùng một cảnh giới với “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” của nhà Thiên. Do Lý nhất tâm bất loạn là kiến tánh, phá một phẩm vô minh, thấy một phần bản tánh, đó là Phật thật sự. Nếu là Sự nhất tâm thì tông Thiên Thai gọi là Tương Tự Tứ Phật, chẳng thật, mà thuộc địa vị tương tự, chẳng phải là địa vị chân thật. Tông Thiên Thai gọi công phu thành phỉến là Quán Hạnh Tứ Phật. Do vậy, dùng phương pháp này niệm đến nhất tâm bất loạn sẽ thành Phật, chẳng cần phải dùng phương pháp khác, đơn giản và dễ dàng hơn bất cứ pháp nào mà cũng ổn thỏa, thích đáng hơn bất cứ

pháp môn nào! Vì thế, người thật sự niệm Phật dạy người khác chẳng cần phải đi đường vòng, mà dạy người ta niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi, đem chỗ hay đẹp của niệm Phật dạy cho người ta, có thể giảng bao nhiêu bèn giảng bấy nhiêu. Nói chung, khuyên người khác niệm Phật. Trong tất cả các pháp môn của Phật pháp, đây là pháp rốt ráo nhất, pháp chân thật, là phương pháp quyết định có thể trồng cây trong một đời, nhất định thành tựu. Chúng ta phải đem pháp môn này giới thiệu với người khác, đừng đi đường vòng, đừng lãng phí thời gian. Nếu người ấy tin tưởng, hướng dẫn người ấy niệm Phật là tốt rồi.

Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta: Tâm có thể nhiếp hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian; kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (nên quán tánh pháp giới, hết thấy do tâm tạo). Tâm ấy chính là nhất tâm đang nói đến ở đây, vì thế, nói: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Cái có thể hiện vạn pháp và y báo, chánh báo trang nghiêm trong vũ trụ chính là chân tâm, bản tánh của chúng ta. Cảnh giới được hiện, tức y báo và chánh báo trang nghiêm, biến thành mười pháp giới, đó là do Thức biến. Nếu chỉ có Tánh mà không có Thức, quý vị sẽ chẳng mê. Nói cách khác, không có mười pháp giới! Mười pháp giới do Thức biến. Ta chỉ có Tánh, Tánh có thể hiện, hiện ra pháp giới, pháp giới ấy là pháp giới nào vậy? Kinh Hoa Nghiêm gọi nó là Nhất Chân pháp giới. Cái tâm có thể hiện là thật, pháp giới được hiện cũng là thật, Nhất Chân pháp giới, chẳng có mười pháp giới. Vì vậy, đức Phật nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba). Hai hay ba là do đức Phật nói phương tiện, còn ở đây là nói thật! Làm thế nào để chứng đắc Nhất Chân pháp giới? Nhất tâm! Nhất tâm có thể nhập, Nhất Chân là sở nhập. Năng và Sở bất nhị, Tánh Tướng hết như một, đây chính là Phật pháp giới thật sự. Vì thế, Thể của chân tâm là “*vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*” như Lục Tổ đại sư đã nói, hai câu này hình dung chân tâm.

Kinh luận nói trong nhất tâm cũng có hai môn là Chân Như và sanh diệt. Hai môn này là nói theo Thể và Dụng. Bản thể của nhất tâm bất sanh bất diệt, đó là Chân Như môn. Thể có thể hiện tướng, tướng được hiện bởi nó sẽ có sanh diệt. Tướng sanh diệt trong từng sát-na, đó là Thật Tướng, là chân tướng. Nói sát-na thì vẫn chưa khít khao với sự thật cho lắm! Trong kinh, đức Phật đã dạy: Một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, tức là một phần sáu mươi của khảy ngón tay là một sát-na. Trong một sát-na, có chín trăm lần sanh diệt. Vì thế, tướng là huyền

tướng. Có là Diệu Hữu, Không là Chân Không. “Nhất tâm” là nói tới bản tánh, là Chân Không; nó có thể hiện tướng, nên gọi là Diệu Hữu. Thời gian hiện những tướng ấy hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, tướng mà chúng ta thấy chính là một tướng “*trương tục*” (tiếp nối, liên tục). Tướng trước diệt mất, tướng sau lại sanh, nhưng tướng trước và tướng sau rất giống nhau, quý vị chẳng thể nhận ra chúng là hai tướng!

Giống như chúng ta xem phim, ống kính của máy chiếu phim đóng mở. Đóng là sanh diệt, đóng lại bèn diệt, mở ra là sanh. Đây là sanh diệt. Trong một giây, đóng mở hai mươi bốn lần, nói cách khác là hai mươi bốn lần sanh diệt. Chúng ta thấy [hình ảnh trên] màn bạc dường như là thật. Hiện thời, trong thực tế, tướng trước mắt chúng ta nếu dùng tỷ dụ trong nhà Phật để nói thì một khảy ngón tay, trong một giây có thể khảy ngón tay bốn lần, bốn nhân với sáu mươi [sát-na] rồi nhân với chín trăm [lần sanh diệt] thì trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Một giây sanh diệt hai mươi bốn lần mà chúng ta đã bị gạt, ngỡ phim ảnh là thật, nay một giây có đến hai mươi một vạn sáu ngàn lần [sanh diệt], làm sao chúng ta nhận biết được? Không nhận ra.

Vì thế, chúng ta thấy hết thấy vạn tướng, nhưng thật sự chẳng thấy chân tướng. Nếu quý vị thấy chân tướng, vọng niệm gì cũng chẳng còn. Chân tướng vốn là như thế! Đây là như Tâm Kinh đã dạy: “*Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc chính là Không, Không chính là Sắc*”. Vọng niệm gì cũng chẳng có, vì sao? Quý vị thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh Kim Cang gọi chân tướng ấy là “*Thật Tướng của các pháp*”. Vì thế, kinh Kim Cang giải thích hai chữ Như Lai rất hay, tuyệt diệu: “*Như Lai giả, chư pháp như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Nghĩa Như của các pháp phải giảng như thế nào? Tâm Kinh nói “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc; Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Bốn câu này là lời chú giải hay nhất của “*nghĩa Như của các pháp*”, chú giải hết sức viên mãn!

Quý vị thật sự hiểu cảnh giới này thì gọi là đại triệt đại ngộ, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều có thể buông xuống, tâm địa thật sự thanh tịnh. Vì sao? Triệt để hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có một pháp nào để được. Không có một pháp nào để được, quý vị còn có điều gì trong thế gian này để cầu nữa? Không có! Chẳng cầu! Quý vị cũng chẳng có dục vọng thì thứ gì cũng đều chẳng có! Đây là vị Phật rốt ráo viên mãn, là đại triệt đại ngộ thật sự. Đây là nói tới cái tâm Năng Hiện, “*tức Tánh vi giáo thể*” (thì Tánh là giáo thể), càng chân thật viên mãn hơn phần trước.

(Sớ) Nhất tâm giả, tức Chân Như tự thể dã.

(疏) 一心者，即真如自體也。

(Sớ: Nhất tâm là tự thể của Chân Như).

Câu này nói hết sức minh bạch, hết sức rõ ràng!

(Sớ) Tùng thử Chân Như, lưu xuất giáo pháp, cố hội Tướng quy Tánh.

(疏) 從此真如，流出教法，故會相歸性。

(Sớ: Giáo pháp lưu xuất từ Chân Như này, nên gom Tướng về Tánh).

Câu này có nghĩa là từ Chân Như sanh khởi Căn Bản Trí, cái gọi là Căn Bản Trí chính là Vô Phân Biệt Trí. Quý vị phải hiểu, đây là bản năng (năng lực sẵn có) của Chân Như bản tánh, Căn Bản Trí ở nơi đâu? Ngay trong hiện tại. Chúng ta mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, đó là bản tánh, là Căn Bản Trí. Đây là lúc với ý niệm thứ nhất, chúng ta thấy, mở banh mắt thấy rất rõ ràng, trong ý niệm thứ nhất, chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài, còn chưa khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, thấy rất rõ ràng, đó là Căn Bản Trí. Nhưng tới niệm thứ hai lại mê, niệm thứ hai khởi lên phân biệt, Căn Bản Trí chẳng còn nữa. Niệm thứ hai có phân biệt, chấp trước; vì thế, niệm thứ hai biến thành Thức. Niệm thứ nhất là Tánh, là thấy Sắc bằng tánh Thấy, nghe tiếng bằng tánh Nghe. Niệm thứ hai rớt vào tám thức, tánh Thấy biến thành Nhãn Thức, tánh Nghe biến thành Nhĩ Thức, lại phân biệt mất rồi! Đây là thêm thức thứ sáu vào, rồi bèn chấp trước, thức thứ bảy cũng được thêm vào! Thế là phiền phức rồi, hồng hét rồi!

Phật, Bồ Tát và chúng ta có gì khác nhau? Thưa quý vị, chỗ khác nhau là chỗ này! Các Ngài có thể vĩnh viễn giữ được niệm thứ nhất, chẳng rớt vào niệm thứ hai, cao minh ở chỗ này, cho nên, các Ngài minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, Phật, Bồ Tát thấy sắc, nghe tiếng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng ghi lại ấn tượng, bản lãnh của các Ngài ở chỗ này. Chúng ta học theo, làm được thì gọi là Phật, Bồ Tát, chẳng gọi là phàm phu. Chúng sanh mê hoặc, điên đảo, Phật, Bồ Tát giúp chúng ta phá mê khai ngộ, nói các thứ pháp, đó gọi là “từ Căn Bản

Trí lưu xuất Hậu Đắc Trí”. Không có Căn Bản Trí, làm sao có Hậu Đắc Trí? Chúng ta tuy có Căn Bản Trí, nhưng ý niệm thứ hai liền mê, biến thành gì? Từ Căn Bản Trí khởi tác dụng, biến thành Thế Trí Biện Thông, biến thành thứ này! Chư Phật, Bồ Tát có thể khiến cho Căn Bản Trí khởi tác dụng, biến thành Hậu Đắc Trí, từ Hậu Đắc Trí lưu lộ tâm đại bi, từ tâm đại bi lưu lộ hết thảy ngôn giáo, tất cả hết thảy kinh điển. Nay chúng ta truy tìm đến tận nguồn cội, cho nên nói nó từ Chân Như lưu xuất; đó chính là câu nói ở đây: “*Tùng Chân Như lưu xuất giáo pháp*” (từ Chân Như lưu xuất giáo pháp). Các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm là do từ đâu mà nói ra? Từ trong Căn Bản Trí lưu xuất Hậu Đắc Trí, từ tâm đại từ bi lưu xuất. Vì thế, kinh điển nhà Phật khác với sách vở và học thuyết thế gian. Những sách vở và học thuyết thế gian đều từ phân biệt, tưởng tượng lưu xuất, chẳng lưu lộ từ chân tánh.

Chính vì điều này, chúng ta đọc kinh Phật phải dùng gì? Phải

dùng cái tâm vô phân biệt để đọc thì mới tương ứng, mới có thể khai trí huệ, mới có thể lãnh hội ý nghĩa trong kinh Phật. Nếu chúng ta dùng sự phân biệt, chấp trước thì nói cách khác, ta đã dùng cách nghĩ, cách nhìn, cách đọc sách vở thế gian để đọc kinh Phật. Thưa quý vị, chắc chắn chẳng thể đọc thông suốt được. Vì sao? Quý vị đã biến Phật pháp thành pháp thế gian, đã biến Căn Bản Trí của Phật thành Thế Trí Biện Thông của thế gian, cũng có nghĩa là Phật pháp đã bị tám thức của quý vị biến đổi tánh chất. Biến như thế nào? Biến đổi trong tâm của chính quý vị, chứ không phải là biến đổi ở bên ngoài, [mà là trong] tự tâm, đây chính là nói “*vạn pháp duy thức*”, chẳng sai một tí nào! Thức tâm của quý vị đã biến pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật thành pháp thế gian, biến thành thông minh, tài trí thế gian, làm sao quý vị thụ dụng nơi Phật pháp cho được? Đây chính là nguyên nhân khiến cho quý vị chẳng đạt được. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 83

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm ba mươi sáu:

(Sớ) Tắc sở vị Trùng Tụng như, Thọ Ký như, thập nhị phân giáo, nhất thiết giai như. Dĩ thượng triển chuyển thôi tầm chân thật chỉ lý, cực chí u thử. Thí chi vật bất ly mộng, mộng bất ly nhân. Viên Giác Sớ vân: “Sanh pháp bản vô, nhất thiết duy thức. Thức như huyễn mộng, dẫn thị nhất tâm”, tắc dĩ tự tâm vi giáo thể dã.

(疏) 則所謂重頌如，授記如，十二分教，一切皆如。以上展轉推尋真實之理，極至於此，譬之物不離夢，夢不離人。圓覺疏云：生法本無，一切唯識，識如幻夢，但是一心。則以自心為教體也。

(Sớ: Chính là nói Trùng Tụng là Như, Thọ Ký là Như, mười hai phân giáo, hết thảy đều Như. Lần lượt truy tìm lý chân thật như trên, đạt đến chỗ cùng cực ở nơi đây. Ví như vật chẳng là mộng, mộng chẳng là người. Viên Giác Sớ viết: “Chúng sanh và pháp vốn không, hết thảy chỉ là Thức, Thức như huyễn mộng, chỉ là nhất tâm”. Tức là lấy tự tâm làm giáo thể).

Đây là nói tới khoa thứ ba trong phần Giáo Thễ, tức là “*hội quy tự tánh*” (gom về tự tánh). Lý này hết sức sâu, rất khó lãnh hội. Khó lãnh hội là vì chúng sanh có phân biệt, chấp trước, nên chẳng dễ gì lãnh hội. Nếu phân biệt, vọng tưởng của chúng ta tạm thời gián đoạn, trong thời gian tạm thời ngưng dứt rất ngắn ấy, cảnh giới này sẽ hiện tiền, giống như ánh chớp. Tuy cảnh giới ấy hiện tiền trong một thời gian ngắn ngủi, đã khiến cho quý vị có tín tâm rất lớn. Vì sao? Quý vị tin tưởng “*vạn pháp đều Như*” như trong kinh Phật đã dạy, quý vị thấu hiểu ý nghĩa Như này. Nếu có thể thường giữ cho cảnh giới ấy chẳng bị mất đi, đây chính là nhập cảnh giới của Phật; nhưng phàm phu tập khí, nghiệp chướng sâu nặng, rất khó giữ được cảnh giới này. Do đây có thể biết: Tu học Phật pháp chú trọng nhất tâm bất loạn. Chỉ cần nhất tâm sẽ liền có thụ dụng, là sự thụ dụng chẳng thể nghĩ bàn, nhất là những điều được nói trong đoạn này đều là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ.

Đoạn này tiếp tục giải thích “*hội quy tự tánh*”. “*Tướng*” là hết thảy các tướng được hiện, phạm vi bao quát [của Tướng] vô cùng lớn; người, sự, vật đều bao gồm trong ấy. Trong Phật pháp thường nói là “y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới”, toàn bộ vũ trụ và nhân sinh như người thế gian chúng ta thường nói đều được bao gồm trong ấy. Ngay cả hết thảy các kinh pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói cũng chẳng phải ngoại lệ, cũng thuộc trong ấy. Ở đây, nói đại lược: “*Sở vị Trùng Tụng như, Thọ Ký như*” (nói Trùng Tụng là Như, Thọ Ký là Như); đây là hai loại trong mười hai phần giáo, nêu ra hai loại để làm đại diện. Nói cách khác, Trùng Tụng là Chân Như, Thọ Ký cũng là Chân Như, Trường Hàng cũng là Chân Như, Cô Khởi cũng là Chân Như, không có một pháp nào chẳng phải là Chân Như. Vì thế, quý vị mở quyển kinh Phật ra, chữ đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. Phật pháp thật sự là một chữ Như, không có pháp nào chẳng Như. Nói cách khác, tất cả ngôn thuyết, tất cả kinh luận đều nhằm chú giải chữ Như, đều là cước chú của chữ Như mà thôi.

Chữ Như này là Chân Như, hết thảy các pháp, không có một pháp nào chẳng là Chân Như. Cổ nhân có tỷ dụ như sau: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”. Dùng vàng ròng làm ra mấy ngàn thứ, mấy vạn thứ lộng lẫy, có thứ nào chẳng phải là vàng? Thứ nào cũng đều là vàng, điều này dễ hiểu. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do Chân Như bản tánh biến hiện ra, có pháp nào chẳng phải là Chân Như? Pháp nào cũng đều là Chân Như. Nếu quý vị thấy

cảnh giới này, nhà Thiên gọi là minh tâm kiến tánh, Tịnh Độ Tông gọi là Lý nhất tâm bất loạn, Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân đại sĩ, chẳng qua là như thế mà thôi! Vì thế, “*thập nhị phần giáo, nhất thiết giai như*” (mười hai phần giáo, hết thấy đều là Như), có nghĩa là “*hết thấy các giáo pháp sai biệt*”, vì sao có sai biệt? Sai biệt “*tùng duyên vô tánh*” ([sai biệt] là do duyên, không có tánh). Tuy trên mặt sự tướng thì có sai biệt, nhưng bất cứ pháp nào cũng đều là vô tự tánh, tự tánh là tự thể của nó, nó không có tự thể, nó từ duyên sanh ra. Tánh “vô tự tánh” là Chân Như bản tánh, cho nên chẳng có một pháp nào chẳng do Chân Như bản tánh biến hiện ra. Nói cách khác, nó là Chân Như.

Kinh luận cũng thường nói “*hư tướng bốn tận, chân tánh bốn hiện*” (tướng hư vọng vốn hết, chân tánh vốn hiện), hai câu này nói hết sức hay. “*Bốn*” nghĩa là “vốn sẵn như thế”, “*hư*” là hư vọng; tướng hư vọng vốn sẵn hư vọng, như kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, vốn sẵn là như thế. Chân Như bản tánh hiện tiền, chỉ cần quý vị thấy thấu suốt tướng hư vọng, Chân Như bản tánh sẽ hiện tiền, chuyện là như vậy đó. Tánh và Tướng chẳng hai. Nay chúng ta chẳng thấy chân tánh, mê nơi tướng, vấn đề là do mê. Vì thế, phá mê sẽ khai ngộ, mâu chốt ở chỗ này!

Ở đây, đại sư bảo chúng ta: “*Dĩ thượng triển chuyển thôi tâm chân thật chi lý*” (lần lượt truy tìm lý chân thật như trên), đối với từng sự, từng vật nào, pháp thể gian hay pháp xuất thể gian, không ngừng truy cứu, truy cứu đến cùng cực, chân lý bản hiện tiền, tức là Chân Như bản tánh hiện tiền. Tiếp đó, Ngài lại dùng một tỷ dụ để nói: “*Thí chi vật bất ly mộng*” (Ví như vật chẳng lìa mộng), lấy mộng làm tỷ dụ. Trong khi chúng ta nằm mộng, trong mộng có người, có vật, nhưng những người và vật ấy đều ở trong mộng, chẳng rời khỏi mộng. “*Mộng bất ly nhân*” (Mộng chẳng rời người), có người thì mới có thể nằm mộng, không có người, lấy ai nằm mộng? “*Người*” là gì vậy? Tâm người, [tức là] tâm quý vị hiện mộng cảnh. Trong mộng cảnh có hết thấy các vật; hết thấy những vật ấy có phải là tâm người hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường dùng điều này để làm tỷ dụ vì nó dễ hiểu. Bởi lẽ, “*toàn mộng chính là tâm, toàn tâm chính là mộng*”. Mộng là tướng; phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Cảnh giới trong mộng là hư vọng, nhưng cái tâm nằm mộng là thật, là Chân Như; nhưng quý vị phải hiểu: Mộng cảnh chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa mộng, lìa mộng chẳng có tâm, lìa tâm chẳng có mộng. Do vậy, tánh của tướng hư vọng ấy là Chân

Như bốn tánh, thấy Tánh thì phải thấy từ tướng hư vọng. Chỉ cần quý vị chẳng chấp tướng, sẽ thấy tánh chân thật.

Tiếp đó, lão nhân gia dẫn một câu trong kinh Viên Giác: “*Sanh pháp bốn vô, nhất thiết duy thức*” (chúng sanh và các pháp vốn Không, hết thảy chỉ là thức). Đặc biệt là bên tông Duy Thức, họ chú trọng lý luận, cho nên nói “*vạn pháp duy thức*”; trừ thức ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Thức do đâu mà có? Thức do Chân Như bốn tánh biến hiện. Vì thế, nói: “*Thức như huyền mộng, đản thị nhất tâm*” (Thức như huyền mộng, chỉ là nhất tâm), đó là một bước dò tìm sâu hơn nữa trong Duy Thức, thật sự tìm đến cội nguồn. Cội nguồn đích xác là Chân Như bốn tánh.

“*Tắc dĩ tự tâm vi giáo thể*” (chính là lấy tự tâm làm giáo thể). Đây là nói rõ hết thảy các kinh do đức Phật đã giảng, tư tưởng, ngôn ngữ, văn tự của Ngài đều từ Chân Như bốn tánh lưu lộ, nói nhiều như thế, nhưng ý nghĩa thật sự là một câu. Đây là nói về hết thảy các kinh, hết thảy các pháp.

(Sớ) Kim thử kinh giả.

(疏) 今此經者。

(Sớ: Nay kinh này).

“*Kim*” là nói hiện tại, nay chúng ta đang đọc bộ kinh này.

(Sớ) Y chánh tín nguyện đẳng pháp.

(疏) 依正信願等法。

(Sớ: Các pháp như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v...)

Kinh nói đến y báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tức hoàn cảnh sống của họ; chánh báo là A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát, và trời người trong thế giới Cực Lạc là chánh báo. Tín - Nguyện - Hạnh là những điều kiện Phật dạy chúng ta phải hội đủ để vãng sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Nhược văn, nhược nghĩa.

(疏) 若文若義。

(Sớ: Dù văn hay nghĩa).

“Văn” chỉ văn tự, “nghĩa” chỉ nghĩa lý được bao hàm trong văn tự.

(Sớ) Cứu cực giai quy nhất tâm Chân Như.

(疏) 究極皆歸一心真如。

(Sớ: Xét đến tột cùng đều quy vào nhất tâm Chân Như).

Toàn là “*nhất tâm Chân Như*” hiển hiện, mà cũng là nói: Lìa khỏi nhất tâm Chân Như, chẳng có y báo và chánh báo, cũng chẳng có các pháp như Tín, Nguyện, Hạnh v.v..., cũng chẳng có văn, mà cũng chẳng có nghĩa. Không có một pháp nào chẳng do nhất tâm Chân Như biến hiện ra.

(Sớ) Cổ cổ đức vân: “Chư Đại Thừa kinh, giai dĩ nhất Thật Tướng ấn, vi kinh giáo thể”.

(疏) 故古德云：諸大乘經，皆以一實相印，為經教

體。

(Sớ: Vì thế, cổ đức nói: “Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng ấn để làm giáo thể”).

Câu này là nói tổng quát. “*Giáo thể*”: Giáo là giáo học của Như Lai. Sách giáo khoa (kinh điển) và cách dạy học của Ngài được kiến lập dựa trên lý luận nào? Chữ Thể có ý nghĩa này. “*Ấn*” (印) là ấn tín, giống như ấn tín của quan viên. Ấn là biểu tượng đại diện cho người ấy, đóng ấn trên văn kiện, [chứng thực] văn kiện ấy do chính ông phát ra. Phật pháp cũng như thế, hết thảy các kinh nếu có pháp ấn của Phật ấn chứng thì kinh ấy là kinh Phật chân chánh. Pháp ấn của Phật có hai loại: Tiểu Thừa là Tam Pháp Ấn, Đại Thừa là “*nhất Thật Tướng ấn*”. Nói cách khác, hết thảy các kinh Đại Thừa, không kinh nào chẳng nói về Thật Tướng. Chỉ cần nói đến Thật Tướng, kinh ấy nhất định là kinh Đại Thừa. Kinh này của chúng ta có nói về Thật Tướng hay chẳng? Có thể dùng điều này để biện định một bộ kinh là chân hay giả. Tam Pháp Ấn của Tiểu Thừa là “vô thường, vô ngã, Niết Bàn”. Kinh giảng nhiều đến đâu đi nữa, chẳng rời khỏi ba cương lĩnh này. Nếu tách khỏi ba cương lĩnh này, nếu bộ kinh ấy chẳng nói đến ba chuyện này, nó chẳng phải là kinh Phật. Hết thảy các kinh Tiểu Thừa đều có thể dùng ba Pháp Ấn này để

ấn định, kinh chẳng nói tới vô thường sẽ nói vô ngã, hoặc nói Niết Bàn. Các kinh Đại Thừa nói chung chẳng ngoài Thật Tướng.

(Sớ) Thử kinh nhất tâm bất loạn, tức thị Thật Tướng, tức thị Chân Như.

(疏) 此經一心不亂，即是實相，即是真如。

(Sớ: Trong kinh này, “nhất tâm bất loạn” chính là Thật Tướng, chính là Chân Như).

Có thể thấy bộ kinh này hết sức khế hợp Đại Thừa pháp ấn. Điều quan trọng nhất trong bộ kinh này là nói về nhất tâm bất loạn, nhất tâm là Chân Như, Thật Tướng.

(Sớ) Tắc hợp tiền nhị chủng, hội quy nhất tâm, nhi vi giáo thể.

(疏) 則合前二種，會歸一心，而為教體。

(Sớ: Nên hợp hai loại trước, gom về nhất tâm, lấy đó làm giáo thể).

Do đây có thể biết bộ kinh này của chúng ta cũng lấy “nhất tâm” làm giáo thể. Đây là nói ở mức độ khá sâu, chúng ta đối với bộ kinh này mới thật sự sanh khởi lòng tin kiên định: Pháp môn này là pháp khó tin, quả thật khó tin. Chúng ta tốn hơi sức nhiều ngàn ấy, tốn thời gian nhiều ngàn ấy để tìm tòi tỉ mỉ, không gì chẳng nhằm kiến lập lòng tin mà thôi! Có Tín, có Nguyện, nhất định vãng sanh. Ngẫu Ích đại sư bảo chúng ta: “Phẩm vị cao hạ tại u trì danh chi thâm thiên, năng bất năng vãng sanh quyết định tại tín nguyện” (Phẩm vị cao hay thấp là do trì danh sâu hay cạn. Được vãng sanh hay không là do tín nguyện quyết định). Tín nguyện chẳng dễ gì kiến lập!

Tứ, vô ngại.

(Huyền Nghĩa) Vô ngại giả, tâm, cảnh, Lý, Sự, bốn tự giao triệt. Cảnh cập Sự giả, thị danh Tùy Tướng. Tâm giả vi thức, Lý giả quy tánh, cụ giao triệt cố.

四、無礙。

(玄義)無礙者，心境理事，本自交徹，境及事者，是名隨相，心者為識，理者歸性，具交徹故。

(Bốn, vô ngại).

Huyền Nghĩa: Vô ngại là tâm, cảnh, Lý, Sự, vốn tự thấu triệt lẫn nhau. Cảnh và Sự gọi là Tùy Tướng. Tâm là Thức, Lý quy về Tánh, thấu triệt lẫn nhau trọn vẹn).

“Vô ngại”: Trong phần trên đã nói tới Tùy Tướng, Duy Thức và Quy Tánh, chúng là một mà ba, tuy ba mà một, viên dung vô ngại. Hễ chấp trước điều gì sẽ biến thành chuyện gì cũng bị trở ngại; hết thấy đều chẳng chấp trước sẽ không có chướng ngại. Từng tầng [ý nghĩa] đã được nói trong phần trên từ cạn đến sâu: Tùy Tướng cạn, Duy Thức sâu hơn một bậc, Quy Tánh lại sâu hơn một bậc nữa. Đó là thứ tự, chẳng thể viên dung. Chẳng thể viên dung, sẽ chẳng thể khế nhập; nói thông tục là quý vị chẳng thể chúng đắc! Nói thì quý vị cũng biết nói, nhưng chính mình chẳng thể thụ dụng, chẳng thể nhập cảnh giới ấy, đó chẳng thể là viên dung. Môn này chẳng thể thiếu, nên đem những điều đã nói trong các phần trước từ cạn đến sâu gộp lại toàn bộ viên dung thì sẽ viên dung vô ngại.

“Tâm cảnh”: Tâm là Duy Thức và Quy Tánh đã nói trong phần trước, còn Cảnh là Tùy Tướng. Lý là Quy Tánh, Sự là Tùy Tướng. “*Bốn tự giao triệt*” (vốn tự thấu triệt lẫn nhau), nói cách khác, trong tâm có cảnh, trong cảnh có tâm, tâm và cảnh chẳng hai. Chúng tôi nêu lên một thí dụ để nói. Ví như giảng đường của chúng ta to chùng này, chẳng thể coi là rất lớn, chúng ta đều thấy mỗi góc rất rõ ràng; chúng ta có thể thấy là do tâm, [vậy thì thử hỏi] tâm chúng ta có đến góc ấy hay không? Nếu chẳng đến góc ấy, làm sao chúng ta có thể thấy góc ấy? Phải đến! Do vậy, trong cảnh có tâm, trong tâm có cảnh, vốn thấu triệt lẫn nhau. Tánh Thấy của chúng ta chẳng đến nơi ấy, làm sao có thể thấy? Tánh Nghe của chúng ta chẳng đến nơi ấy, làm sao có thể nghe? Phật đã dạy chúng ta: Thấy, nghe, hay, biết, căn tánh của sáu căn vốn tận hư không, trọn khắp pháp giới. Chúng ta vốn có năng lực to dường ấy, hiện thời đã đánh mất năng lực này. Vì sao đánh mất? Mê mất rồi! Chẳng phải là thật sự mất. Vì thế, hiện thời chẳng phải là căn tánh của sáu căn chúng ta không khởi tác dụng, mà là phạm vi khởi tác dụng của chúng nhỏ bé, chẳng thể tự tại thụ dụng tận hư không trọn pháp giới. Hết thấy sự giáo học của đức Phật không gì chẳng nhằm dạy chúng ta khôi phục tự tánh, mà cũng

là khôi phục tác dụng bản năng của sáu căn, chỉ như thế mà thôi! Đây là mục tiêu giáo học của Phật pháp.

Do vì “ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm”, “ngoài Sự không Lý, ngoài Lý không Sự”, bất cứ chuyện nào cũng đều có đạo lý, bất cứ một lý luận nào cũng đều có sự tương, quả thật là thấu triệt lẫn nhau, thấu triệt viên dung. Tiếp theo đó, [sách Sớ Sao] thuyết minh đạo lý này, chỉ bày từng điều một. Cảnh, Sự là Tùy Tướng, Tâm là Duy Thức, Lý là Quy Tánh, hoàn toàn thấu triệt lẫn nhau. Kinh Hoa Nghiêm đặc biệt hiển thị cảnh giới này, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, hiển thị cảnh giới chân chánh này. Chúng ta đọc tiếp phần chú giải.

(Sớ) Giao triệt giả, dĩ nhất tâm nguyên hữu Chân Như, sanh diệt nhị môn, Chân Như tức thị sanh diệt, cố Lý bất ngại Sự, cảnh, tâm; sanh diệt tức thị Chân Như, cố Sự, cảnh, tâm bất ngại Lý.

(疏)交徹者，以一心原有真如生滅二門。真如即是生滅，故理不礙事境心；生滅即是真如，故事境心不礙理。

(Sớ: “Thấu triệt lẫn nhau”: Do nhất tâm vốn có hai môn là Chân Như và sanh diệt. Chân Như chính là sanh diệt, nên Lý chẳng trở ngại Sự, cảnh, tâm. Sanh diệt chính là Chân Như, nên Sự, cảnh, tâm chẳng trở ngại Lý).

Đoạn này phát xuất từ Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát. Nói thật ra, con người chỉ có hai loại là mê và ngộ. Mê thì pháp giới này là sanh diệt môn. Mê rồi, quý vị thấy bất luận pháp nào cũng đều có sanh và diệt. Con người có sanh, già, bệnh, chết; thực vật có sanh, trụ, dị, diệt; khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Đó đều là pháp sanh diệt. Pháp sanh diệt là gì? Mê mất cảnh giới này. Vì khi mê, tâm quý vị là tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt thấy cảnh giới bên ngoài đều là pháp sanh diệt, chuyện là như vậy đó. Do đây, đức Phật dạy chúng ta: “*Vô minh bất giác sanh tam tế*”. Vô minh là mê; sau khi đã mê bèn có ba món tế tướng xuất hiện; ba tế tướng là vô minh nghiệp tướng, chuyển tướng, và cảnh giới tướng. Những tướng này đều được nói trong Duy Thức, chúng được gọi là “*tam tế tướng*”. Những người tầm thường chúng ta không có cách nào thấy được những tướng này trong A Lại Da Thức; A La Hán và những vị Bồ Tát tầm thường chẳng thấy được. Theo kinh Phật, Bát Địa Bồ Tát mới thấy ba tế tướng. Do thấy được tế tướng, nên chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí. Nếu quý vị chẳng thấy chúng, chuyển

bằng cách nào? Hễ thấy được, bèn có thể chuyển được, đó là phá mê khai ngộ. Thấy mà còn chưa thấy được, đang mê làm sao mà chẳng biết mình mê, làm sao quý vị có thể phá mê cho được? Do vậy, đây là một công phu rất sâu.

Tam tế làm duyên tăng trưởng lục thô. Cảnh giới lục thô biến thành thế giới và vạn tượng sâm la trong vũ trụ, Phật pháp nói [lục thô] biến thành mười pháp giới. Đó gọi là Lưu Chuyển Môn. Nếu vừa giác ngộ, bèn từ Lục Thô quay trở về Tam Tế, từ Tam Tế trở về Nhất Chân pháp giới. Đó là “hoàn nguyên” (trở về nguồn); khi hoàn nguyên thì gọi là Hoàn Diệt môn.

Khi mê, vọng sanh, chân diệt. Nói thật ra, đối với chuyện “vọng sanh” thì chẳng khó hiểu gì! Nếu quý vị ngồi tại nơi đây một lát, hướng vào trong tâm để quán chiếu, quý vị sẽ nhận thấy chính mình có rất nhiều vọng tưởng, [cố gắng] ngăn dứt cũng chẳng ngăn dứt được. Đó là vọng sanh. Khi mê, vọng bèn sanh, sanh ra vọng tưởng, suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, cho nên chẳng thấy chân, chỉ thấy vọng tưởng, vọng niệm toại bời. Đó là mê. Khi ngộ, hiện tượng ấy đảo ngược lại, chân sanh, vọng diệt, cảnh giới ấy rất vi tế. Có người vọng tưởng gì cũng chẳng có, chẳng có vọng tưởng thì như thế nào? Gật gù ngủ gật. Đây có phải là giác ngộ hay chăng? Chẳng phải! Thưa quý vị, đó gọi là vô minh. Phàm phu phiền phức, chẳng đọa trong vọng tưởng thì cũng rớt trong vô minh; đó đều là bất giác, đều là sanh diệt.

Người thật sự giác ngộ chẳng có vọng tưởng, mà tinh táo, sáng suốt, tinh thần sung mãn, chẳng ngủ gật. Lại thưa cùng quý vị, người ấy chẳng cần ngủ nghê. Kinh nói “tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ” là Ngũ Cái (năm món che đậy chân tánh), tức là năm thứ phiền não, trong bốn tánh không có [những phiền não này]. Người thật sự giác ngộ chẳng cần ăn cơm, chẳng cần ngủ nghê, thân thể khỏe mạnh, tinh thần sung mãn, đó là người thật sự giác ngộ. Chúng ta nay vẫn còn phải ăn cơm, còn phải ngủ, tức là chưa giác ngộ. A La Hán bảy ngày ăn một bữa, đủ rồi! Bích Chi Phật nửa tháng ăn một bữa. Người công phu càng cao ăn càng ít. Mỗi ngày ăn nhiều bữa, mỗi bữa ăn thật nhiều, không được rồi, thiếu công phu! Thế nhưng quý vị phải nhớ, quý vị nghe những lời này bèn gắng hết sức ăn ít để tỏ ra mình có công phu. Chưa được nửa tháng hay một tháng, thân thể ngã bệnh, hồng huyết, làm lẫn quá đỗi! Không có công phu, thể lực cần phải tiêu hao [năng lượng] nhiều ngàn ấy, quý vị cần phải bổ sung nhiều chừng đó. Giống như hiện thời lái xe vậy, có xe ít tốn xăng, có xe hao xăng. Xe hao xăng mà quý vị đổ xăng không đủ, nó không

chạy được. Người có công phu giống như xe đỡ tôn xăng, giác ngộ rồi; kẻ mê hoặc, điên đảo giống như xe hao xăng, nếu quý vị không đỡ thêm xăng là không được, chuyện này chớ nên miễn cưỡng! Hai ngày trước, tôi đọc bản chú giải Tứ Thập Nhị Chương Kinh của cư sĩ Quý Thánh Nhất, ông đã nói về chuyện này rất nhiều, đúng là hợp tình, hợp lý! Trong đời hiện tại này, nhiều người tu hành chúng ta phạm phải những khuyết điểm nào, ông ta đều chỉ điểm ra. Bản chú giải ấy rất hay, hãy nên học cặn kẽ.

Nói chung, có mê, có ngộ thì chúng ta gọi nó là Sanh Diệt môn. Loại thứ hai là Chân Như môn, Chân Như môn là nói theo Thể. Sanh Diệt môn là nói theo Tướng, nói theo sự tướng. Chân Như môn là nói từ bản thể của hết thảy muôn pháp. Khi mê chẳng thấy vọng sanh, chân diệt; khi giác ngộ cũng chẳng thấy vọng diệt, chân sanh. Nói cách khác, Thể vốn bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh. Vì thế, tự thể của hết thảy vạn pháp là Chân Như. Chúng ta nói tới Chân Như là quán sát từ bản thể của hết thảy vạn pháp.

“*Nhất tâm nguyên hữu nhị môn*” (Nhất tâm vốn có hai môn). Khởi Tín Luận viết: “*Y nhất tâm pháp, hữu nhị chủng môn, nhất giả tâm Chân Như môn, nhị giả tâm sanh diệt môn*” (Nương theo pháp nhất tâm, có hai môn: Một là tâm Chân Như môn, hai là tâm sanh diệt môn). Hai môn này bao quát tất cả hết thảy các pháp: Pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều bao gồm trong ấy. Pháp sanh diệt bao gồm tất cả hiện tượng, tức là tâm, cảnh, Sự, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chân Như môn bao gồm bản thể của hết thảy các pháp. Quý vị phải nhớ: Lý và Sự thấu triệt lẫn nhau, tức là trong Lý có Sự, trong Sự có Lý. Do vậy, cảnh giới thật sự là viên dung vô ngại, hoàn toàn được hiển thị trong kinh Hoa Nghiêm.

“*Chân Như tức thị Sanh Diệt, cố Lý bất ngại Sự, cảnh, tâm*” (Chân Như chính là Sanh Diệt, nên Lý chẳng trở ngại Sự, cảnh, tâm). Đây đều là những đạo lý trong Khởi Tín Luận. “*Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên*” (Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, năm đường tùy duyên), ngũ đạo chính là lục đạo, [tức là] chẳng nói đến A Tu La đạo. Vì sao chẳng nói đến A Tu La? A Tu La thuộc đường nào thì gộp vào đường đó. Tại thiên đạo thì gộp vào thiên đạo, tại nhân đạo thì gộp vào nhân đạo. Súc sanh, ngạ quỷ đều có A Tu La, chỉ trong địa ngục là không có A Tu La. A Tu La như chúng ta thường nói trong lục đạo là chỉ về A Tu La trong thiên đạo, nói ngũ đạo là đem A Tu La gộp hết vào trong thiên đạo. Nói cách khác, chúng ta thường nói là “lục đạo luân

hồi”. Ai luân hồi? Chân Như luân hồi! Chân Như luân hồi ư? Chân Như chẳng luân hồi, bất sanh, bất diệt, nhưng kẻ mê là lũ phàm phu chúng ta thấy dường như có luân hồi; thật ra Chân Như há có luân hồi? Chân Như chẳng những không luân hồi, mà còn bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhớ, chẳng sạch. Những lời này vẫn còn rất khó hiểu, chúng tôi nêu tỷ dụ để nói: Hiện thời khoa học phát triển, dùng nó để giải thích Phật pháp, chúng ta sẽ cảm thấy chẳng khó hiểu. Chẳng hạn như màn bạc chiếu phim [trong rạp hát] rất lớn, màn bạc tỷ dụ Chân Như, hình ảnh [chiếu lên màn bạc] là Sự, Cảnh, Tâm. Màn bạc có động hay không? Màn bạc bất động. Chúng ta thấy người này từ bên này đi qua bên kia, người ấy xuất hiện tại chỗ này trên màn bạc, cái màn bạc ấy có di động theo người ấy hay không? Chẳng có! Màn bạc chẳng động. Quý vị nhìn vào màn bạc, đúng là bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng nhiễm trước, Tướng có, Thể không. Cái Không ấy chẳng phải trống rỗng, không có gì, không vẫn là có. Vì thế, phải hiểu Tánh này [giống như] cái màn bạc to lớn trong hiện thời, tận hư không, trọn pháp giới là một tấm màn bạc lớn, chúng ta đều là những hình ảnh trên màn bạc ấy, trên mặt Sự thì có đến đi, trên mặt Sự bèn có sanh diệt, nhưng về Thể bèn không có, trên mặt Sự thì có nhiễm hay tịnh, nhưng trong Thể không có nhiễm hay tịnh, chẳng có đến đi. Nếu quý vị khéo suy nghĩ đạo lý này, quý vị sẽ có thể thông đạt nghĩa lý rất sâu trong kinh Phật.

Luân hồi trong lục đạo thì cái gì luân hồi? Sự, cảnh, tâm luân hồi. Lý là Chân Như bản tánh, Chân Như bản tánh chẳng luân hồi; nhưng chúng ta là kẻ bất giác, thấy Chân Như bản tánh dường như cũng luân hồi, dường như vậy, thật ra chẳng phải! Khi mê, thấy toàn bộ Chân Như là sanh diệt. Trong Phật pháp cũng có một câu nói rất nổi tiếng là “*bất biến, tùy duyên*”. Lý Thể bất biến, nhưng nó có thể tùy duyên trong lục đạo. Giác ngộ rồi thì tuy ở trong lục đạo, vẫn tự tại, chẳng nhiễm, du hí thần thông mà! Tới nơi đâu cũng được, người ấy chẳng nhiễm. Nhiễm là gì? Hưởng thụ sướng khổ là ô nhiễm; người ấy ở trên thiên đường chẳng có Lạc Thọ, chẳng nhiễm niềm vui ấy. Đọa trong địa ngục, kẻ ấy chẳng nhiễm khổ, tâm thanh tịnh. Nói cách khác, các thứ cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, tâm người ấy thanh tịnh, bình đẳng, tự tại; đó là Phật, Bồ Tát, là người thật sự giác ngộ. Vì thế, Lý chẳng trở ngại Sự, tâm, cảnh.

Luân hồi trong lục đạo thì lục đạo là duyên khởi, thiện nghiệp bèn thọ báo trong ba thiện đạo, ác nghiệp bèn thọ khổ trong ba ác đạo.

Nghiệp lực thiện, ác dẫn dắt quý vị luân hồi trong lục đạo. Quý vị phải vào trong đường nào là do thiện nghiệp và ác nghiệp làm chủ tể. Quý vị phải hiểu: Chẳng phải là Phật, Bồ Tát làm chủ tể, cũng chẳng phải là vua Diêm La làm chủ tể, càng chẳng liên quan gì tới Thượng Đế hay quỷ thần! Ai làm chủ tể cho quý vị? Chính mình làm chủ tể của chính mình! Vì thế, người học Phật phải học giác ngộ. Người ấy biết vận mạng do chính mình nắm trong tay, chẳng liên can đến một ai khác. Hàng quỷ thần, vua Diêm La có hay không? Có! Giống như trong một nước có hình cảnh (cảnh sát hình sự), quý vị chẳng phạm pháp, họ chẳng dám động đến quý vị. Nếu họ bắt quý vị, họ sẽ phạm tội! Quý vị phạm tội, họ mới đến bắt. Vua Diêm La, tiêu quỷ thần cũng giống như thế. Quý vị tạo lắm nỗi ác nghiệp, đến khi ấy, quỷ thần tới kiếm, phiền quá! Quý vị làm lành, chẳng làm ác, quỷ thần thấy quý vị cung kính còn chẳng kịp, họ chẳng dám chạm mặt, chẳng dám kiếm chuyện với quý vị. Đủ thấy chính mình làm chủ tể, chứ không do ai khác làm chủ tể, phải hiểu rõ và tin tưởng đạo lý này.

Tuy là lục đạo tùy duyên, nhưng duyên khởi vô tánh, chẳng có tự tánh, giống như hình ảnh xuất hiện trên màn hình máy TV, hình ảnh có hay không? Có, nhưng nó không có tự tánh. Tự tánh là tự thể, [những hình ảnh xuất hiện trên màn hình TV] không có tự thể. Tự thể của nó là gì? Tự thể là màn hình, màn hình chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi. Chúng bắt quá là những luồng sáng di động trên màn hình mà thôi, màn hình có di động hay không? Chẳng động! Màn hình là bất biến tùy duyên, hình ảnh là tùy duyên bất biến. Trong ấy cũng thấu triệt lẫn nhau. Trong hình ảnh có màn hình, trong màn hình có hình ảnh. Hình ảnh chẳng lìa màn hình, màn hình chẳng lìa hình ảnh, là một, chẳng phải hai. Quý vị hãy lãnh hội ý nghĩa này. Quý vị thật sự tham thấu đạo lý này, sẽ tin sâu chẳng nghi hết thấy các pháp do đức Phật đã nói. Vì sao? Hiểu rõ Lý rồi! Vì toàn bộ Sự, cảnh, tâm sanh diệt là Chân Như, tùy duyên bất biến. Đạo lý này xuyên suốt tất cả các kinh Đại Thừa, có thể nói hết thấy các kinh Đại Thừa đều là cảnh giới này.

(Sớ) Kim thử kinh giả.

(疏) 今此經者。

(Sớ: Nay kinh này).

Chúng ta lại coi kinh A Di Đà.

(Sớ) Tâm tức thị độ, tác nhất niệm vô vi, nhi bất phương trì, lâu, điều, thụ chiêu bố, sâm liệt.

(疏) 心即是土，則一念無為，而不妨池樓鳥樹昭布森列。

(Sớ) Tâm chính là cõi nước nên nhất niệm vô vi chẳng trở ngại ao, lâu, chim, cây cối xếp đặt rạng ngời, dày đặc).

Câu này là nói “dĩ Lý thành Sự môn, Lý tùy Sự biến, nhất đa duyên khởi chi vô biên dã” (là môn dùng Lý để thành Sự, Lý biến theo Sự, một và nhiều duyên khởi vô biên), vô lượng vô biên. Chúng ta thường nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi: Cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Cõi nước do đâu mà có? Do tâm biến hiện ra. Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Vì thế, “Lý tùy Sự biến”. “Nhất niệm vô vi” là Lý, nhất niệm vô vi là nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, đó là Lý. Từ đây khởi tác dụng, biến hiện ra hiện tượng. Vì thế, chẳng trở ngại. “Trì” là ao bảy báu. “Lâu” là cung, điện, lâu, gác. “Điều” là như kinh nói: Bạch hạc, khổng tước, Ca-lăng-tần-già, các loài chim quý quá nhiều, nói chẳng hết. “Thụ” là hàng cây. “Chiêu bố sâm liệt”: Chiêu (昭) là sáng rõ, Bố (布) là giăng bày, trong cõi nước ấy, xếp đặt chỉnh tề, hết sức trang nghiêm đẹp mắt, chẳng trở ngại, Lý chẳng trở ngại Sự.

Thưa quý vị, nói thật ra, nếu thật sự đọc thông suốt kinh Phật, [sẽ thấy] thế giới này rất đẹp đẽ vì quý vị chẳng có phiền não. Bất luận cảnh giới nào, không cảnh giới nào chẳng là Như, chẳng có pháp nào không Như, không gì chẳng phải là Tánh. Đúng như cổ nhân đã nói: “Đầu đầu thị đạo, tả hữu phùng nguyên” (Pháp nào cũng là đạo, đâu đâu cũng gặp nguồn), pháp hỷ sung mãn! Cảnh giới là tu hành, tu thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trong cảnh giới, pháp hỷ sung mãn! Tu hành trong cảnh giới, tu hành sống động. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy năm mươi ba vị Bồ Tát tu hành, suốt ngày từ sáng đến tối tới các nơi vui chơi, vui chơi mà họ thành Phật, chẳng phải tu khổ sở giống như Tiểu Thừa! Tiểu Thừa chẳng hiểu Lý, chuyện gì cũng đều có chướng ngại; cho nên họ tu rất khổ, mà thành tựu rất hữu hạn. Đại Thừa giống như tâm địa cõi mở, thật sự đạt đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; chỗ sáu căn tiếp xúc sáu trần, không gì chẳng là Như, không gì chẳng là

tánh, minh tâm kiến tánh, vạn pháp đều Như. Vì thế, họ đạt được Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, viên mãn Giới - Định - Huệ trong cảnh giới, viên mãn Giác - Chánh - Tịnh, viên mãn Tín - Nguyện - Hạnh, Hạnh là lục độ vạn hạnh, thật sự phi phạm!

(Sớ) Chúng sanh tín nhạo, tùy nguyện vãng sanh.

(疏) 眾生信樂，隨願往生。

(Sớ: Chúng sanh tin wa, nguyện được vãng sanh).

Đây là nói chúng sanh trong mười phương thế giới, đã có lòng tin, điểm này rất quan trọng! Quý vị chẳng tin, sẽ không có cách nào cả! Quý vị phải tin, tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới như trong kinh điển đã dạy. Lòng tin ấy quả thật là khó. Vì thế, rất nhiều tổ sư đại đức các đời khuyên lơn, khích lệ chúng ta phải thâm nhập Đại Kinh. Đại Kinh là kinh Vô Lượng Thọ, vì sao? Đại Kinh giảng tường tận hơn kinh này. Nay chúng ta thấy bản chú giải này, quả thật còn tường tận hơn Đại Kinh. Hiện thời, chúng tôi đề xuất nghiên cứu, thảo luận kinh Vô Lượng Thọ, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta kiến lập lòng tin. Kinh Vô Lượng Thọ được truyền sang Trung Quốc sớm nhất, cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất, có duyên phận đặc biệt sâu với Trung Quốc. Những bản dịch trong thời kỳ đầu rất nhiều, hiện thời trong Đại Tạng có tất cả năm bản dịch. Vì để khích lệ, cổ vũ các đồng tu thâm nhập nghiên cứu, chúng tôi đem nguyên văn năm bản dịch in chung thành một cuốn; nhưng thưa quý vị, cuốn sách ấy chẳng phải là sách phổ cập. Vì sao? Dành cho những người thật sự thâm nhập nghiên cứu. Chẳng mong thâm nhập nghiên cứu thì hiện thời chúng ta dùng một bản, thầy Lý có chú giải, [dùng bản ấy] là được rồi.

Lòng tin quan trọng lắm! Đã tin rồi, chữ tiếp theo đó lại càng quan trọng hơn, “nhạo” (樂) là gì vậy? Ưa thích! Quý vị đã tin tưởng, nhưng chẳng ưa thích, không được rồi! Chẳng thể thành tựu! Giống như tôi cổ vũ, khích lệ các đồng tu phát tâm giảng kinh vậy. Quý vị tin giảng kinh có công đức rất lớn, phước huệ song tu, nhưng quý vị chẳng thích ra giảng kinh, không có cách nào hết! Nếu quý vị ưa thích thì mới được, ưa thích sẽ như thế nào? Hễ ưa thích, sẽ tinh tấn, chẳng lui sụt, sẽ đạt được pháp hỷ trong ấy, sẽ coi chuyện này giống như chúng ta mặc áo, ăn cơm, chẳng thể có một ngày không ăn, chẳng thể có hôm nào không giảng kinh; ngày nào không giảng kinh giống như hôm đó không ăn vậy! Nếu

quý vị đặc pháp hỷ nơi ấy, tôi thưa cùng quý vị, ba năm có thành tựu, sẽ có thành tựu! “*Nhạo*” hết sức quan trọng, chữ Nhạo (樂) phải đọc giọng Khứ Thanh, [theo âm Quan Thoại là] Yào, Nhạo là ưa thích, hoan hỷ. Trong thiên Học Ký, Nho gia đã nói: “*Thất niên tiểu thành, cửu niên đại thành*” (bảy năm thành tựu nhỏ, chín năm thành tựu lớn). Học Phật cũng giống như thế, giảng kinh cũng thế, xướng niệm cũng thế, hằng ngày xướng, một ngày không xướng không được, phải như vậy thì mới nên, quý vị xướng niệm suốt ba năm, thành công! Cổ nhân nói: “*Quyền bất ly thủ, khúc bất ly khẩu*” (Tay chẳng rời nắm đấm, miệng chẳng rời khúc hát). Ca hát thì hằng ngày phải hát xướng, [võ nghệ thì] hằng ngày phải luyện tập!

Pháp sư trong nhà Phật, một là [chuyên về] Phạm Bái, hướng dẫn đại chúng cộng tu; hai là [chuyên về] giảng kinh, khơi gợi, phát khởi lòng chánh tín, khuyên người khác phát nguyện. Vì thế, giảng kinh chú trọng nơi tín nguyện, Phạm Bái chú trọng nơi tu hành, Tín - Nguyện - Hạnh ba tư lương chẳng thể thiếu khuyết. Nho gia lấy lễ nhạc làm phương tiện dạy học, Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ. Giới trong Phật pháp giống như lễ của Nho gia, Phạm Bái trong Phật pháp giống như âm nhạc. Vì thế, hai chuyện này đều cần phải nghiêm túc nghiên cứu, nghiêm túc tập luyện. Quý vị chịu nghiêm túc [nghiên cứu, tập luyện] thì không riêng gì quý vị có phước, mà mọi người chúng ta đều có phước, vì sao? Chánh pháp tồn tại lâu dài!

Trong thế gian hiện thời, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng!*” Vì sao có hiện tượng này? Người hoằng dương chánh pháp quá ít. Chúng ta khuyên người khác đi hoằng dương, chẳng bằng khuyên chính mình. Khuyên người khác rất khó, hãy khuyên chính mình! Hoằng dương chánh pháp, thưa quý vị, chỉ cần một điều kiện. Nếu quý vị hội đủ điều kiện ấy, quý vị sẽ có tư cách. Điều kiện gì vậy? Chẳng cần tiếng tăm, lợi dưỡng là được. Nay chúng ta vì sao khuyên người khác, người khác chẳng chịu làm? Người khác không buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống được. Đó là chướng ngại lớn nhất trong hoằng pháp. Chúng ta có thể bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, sẽ hội đủ, trọn đủ điều kiện ấy. Quý vị nói: “Tôi hơi đàn một chút”. Đàn cũng không sao, sẽ có thần lực Tam Bảo gia trì chẳng thể nghĩ bàn! Tham cầu tiếng tăm lợi dưỡng, tuy oai thần của Tam Bảo chẳng thể nghĩ bàn, vẫn không thể gia trì được! Chính quý vị có chướng ngại, chướng ngại ấy rất lớn. Vì thế, chỉ cần chính mình chịu hy sinh, sẽ có thể mang lại vô tận phước báo rộng lớn cho chúng

sanh, sự hy sinh ấy rất đáng giá! “*Chúng sanh tín nhạo*” hết sức trọng yếu, tín nguyện vãng sanh.

(Sớ) *Độ tức thị tâm, tức thất bảo trang nghiêm, nhi bất phương toàn thể không tịch, bất lập nhất trần, thật vô chúng sanh sanh bỉ quốc giả, tức tâm, cảnh, Lý, Sự, hõ tương dung nhiếp, nhi vi giáo thể dã.*

(疏) 土即是心，則七寶莊嚴，而不妨全體空寂，不立一塵。實無眾生彼國者，則心境理事，互相融攝，而為教體也。

(Sớ: *Cõi nước chính là tâm, nên bảy báu trang nghiêm chẳng trở ngại toàn thể không tịch, chẳng lập mây trần. Thật sự chẳng có chúng sanh sanh về cõi ấy, cho nên tâm, cảnh, Lý, Sự, dung nhiếp lẫn nhau để làm giáo thể.*

Câu này nói hết sức viên mãn. Mấy câu này “*toàn Sự quy Lý*” (toàn thể Sự quy vào Lý), tất cả Sự, tâm, cảnh thủy đều quy vào Chân Như bốn tánh. Sự quy vào Lý sẽ viên dung, ngàn vạn sai biệt nói chung đều chẳng chướng ngại. Đây chính là Sự Sự vô ngại như Thanh Lương đại sư đã nói về kinh Hoa Nghiêm. “*Thất bảo trang nghiêm, nhi bất phương toàn thể không tịch*” (Bảy báu trang nghiêm chẳng trở ngại toàn thể không tịch), giống như chúng ta xem phim: Vô biên sắc tướng lần lượt hiện trước mặt chúng ta, thật ra, trọn chẳng thể được, bản thể của chúng chính là Không. Bản thể của thế gian hiện tiền cũng là Không, trọn chẳng thể được! Rất nhiều người chưa giác ngộ, cho rằng những hình tượng hư giả hiện tiền là thật, họ mê nơi những tướng ấy, ngộ những tướng ấy là chân thật, đây là lầm lỗi lớn nhất.

Nếu quý vị giác ngộ chẳng mê, đời người sẽ vui sướng khôn ngần, chỉ có sướng, chẳng có khổ. Quý vị mê nơi ấy thì chỉ có khổ, chẳng sung sướng. Đó là sự thật ngàn vạn phần đích xác. Vì thế, khổ, sướng ở chỗ nào? Khổ hay sướng là do mê hay ngộ! Nơi sự tướng chẳng có khổ, mà cũng chẳng có sướng, tìm khổ chẳng được. Khổ hay sướng do tự tâm mê hay ngộ. Hễ mê bèn khổ, hễ ngộ bèn sướng. Ngộ bèn hiểu “*toàn thể không tịch, bất lập nhất trần*” (toàn thể không tịch, chẳng lập mây trần), Lục Tổ bảo: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Vì thế, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ “*sanh tức quyết định sanh, khí tức thật*

bất khứ” (sinh thì quyết định sinh, đi thì thật sự chẳng đi). Lý này rất sâu, cổ đức đã nêu tỏ đạo lý này trong bộ Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận. Cư sĩ Quý Thánh Nhất là một vị cư sĩ lỗi lạc thời đầu Dân Quốc đã chú giải bộ Sanh Vô Sanh Luận rất cặn kẽ, chú giải rất hay. Khi có cơ hội, tôi sẽ giảng bộ sách này một lượt là tốt nhất, đối với sự vãng sanh Tịnh Độ của chúng ta rốt cuộc là đi về bên ấy như thế nào, rốt cuộc có thể vãng sanh hay không sẽ có quyết đoán khẳng định.

“*Thật vô chúng sanh sanh bỉ quốc giả*” (thật ra, chẳng có chúng sanh sanh về cõi ấy), nói thật ra, sinh thì quyết định sinh, “*thật vô chúng sanh sanh bỉ quốc giả*” là nói theo Lý, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là nói theo sự tướng. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ câu nói này, đừng nghe nói “*thật vô chúng sanh sanh bỉ quốc giả*”, [bèn nghĩ] chẳng có hy vọng gì nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới hết, lầm lẫn quá rồi! Lời này được nói dựa trên góc độ nào? Nói theo Lý, Lý là vạn

pháp đều Như, vạn pháp đều không; Sự là vạn pháp đều có, vạn pháp đều là! Quý vị phải hiểu đạo lý này.

Như thế thì “*tắc tâm, cảnh, Lý, Sự, hổ tương dung nhiếp*” (tâm, cảnh, Lý, Sự, dung nhiếp lẫn nhau), đây mới là Sự Sự vô ngại thật sự. Liên Trì đại sư phán định kinh này là Phần Viên, còn kinh Hoa Nghiêm là Toàn Viên, [nhận định ấy] có lý lắm! Bởi lẽ, kinh này cũng giảng Lý Sự vô ngại, tuy chưa giảng đến Sự Sự vô ngại, mà đã giảng Lý Sự vô ngại. Giảng đến Sự Sự vô ngại thì sẽ hoàn toàn giống hết kinh Hoa Nghiêm, đây thật sự là tự tại vô ngại viên dung. Chúng ta đã nói đến Lý Sự vô ngại, hết sức gần với Sự Sự vô ngại. Vì thế, kinh này đạt được sự viên dung về mặt giáo nghĩa như kinh Hoa Nghiêm, đó là giáo thể. Giáo thể nói đến đây mới được coi là viên mãn thật sự.

Trong chương này, như đã thưa cùng quý vị trong phần trước, chủ yếu là [khiến cho người đọc] khởi lòng tin, hiểu được căn cứ lý luận của kinh này. Đức Phật chẳng tùy tiện nói kinh Di Đà này. Nếu hiểu rõ lý luận, sẽ tự nhiên thông suốt nơi mặt Sự, có thể tin tưởng Sự. Có Lý, đương nhiên phải có Sự. Hễ có Sự, bèn có Lý, Lý - Sự chẳng hai, Lý - Sự viên dung. Vì thế, lão nhân gia chia một đoạn giáo thể thành bốn tầng, quả thật đã giảng vô cùng hay, giảng rất viên mãn.

Đoạn thứ sáu tiếp theo đây là giảng về “*tông thú chỉ quy*”. Tông (宗) là tông chỉ, tông chỉ là phương pháp tu hành. Thú (趣) là phương hướng. Phần tiếp theo đây nhằm thảo luận tổng cương lãnh tu hành, đại phương hướng tu hành. Vì thế, đoạn này cũng hết sức quan trọng. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 84

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm ba mươi tám:

Lục, tông thú chỉ quy.

六、宗趣旨歸

(Sáu, tông thú chỉ quy).

Đoạn lớn này chia làm ba đoạn vừa.

Sơ, tổng trần; nhị, dị giải; tam, chánh ý.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh năng thuyên chi Thê, như thị cai la. Vị thâm sớ Tông, đương tại hà giả. Phù ngữ chi sớ thượng viết Tông, Tông chi sớ quy viết Thú, nhi hữu thông, biệt.

初、總陳。二、異解。三、正意。

(玄義)已知此經能詮之體，如是該羅。未審所宗，當在何者。夫語之所尚曰宗，宗之所歸曰趣。而有通別。

(Thứ nhất là nói chung, hai là giải thích những chỗ khác biệt, ba là trình bày ý chánh.

Huyền Nghĩa: Đã biết cái Thê để nói kinh này bao trùm như thế; chưa biết rõ điều được kinh này đề cao là ở chỗ nào. Điều được văn tự đề cao [trong một bộ kinh] gọi là Tông, chỗ Tông sẽ dẫn đến gọi là Thú, [Tông và Thú đều] có thông và biệt).

Vừa mở đầu, đại sư đã chỉ ra: Đã biết kinh thể của bộ kinh này, [kinh thể] tức là căn cứ lý luận. Thê là nói đến căn cứ lý luận, trong phần trên đã nói Tùy Tướng, Duy Thức, Quy Tánh, Vô Ngại, vì chúng ta phân tích từng tầng một. Chúng ta hiểu kinh thể của kinh này lấy trí huệ và đức năng sẵn có trong Chân Như bốn tánh làm căn cứ. Do vậy, không gì chẳng bao trùm, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều bao quát trọn hết. Hiểu rõ căn cứ lý luận, nên chúng ta có thể tin tưởng. “*Vị thâm sớ Tông*” (chưa hiểu rõ Tông), “*thâm*” là thâm sát (審察: suy xét cặn kẽ), chưa hiểu Tông Chỉ của bộ kinh này rốt ráo là như thế nào? Tông Chỉ là nói tới tu hành, mà cũng là cương lĩnh tu học; vì thế, nó hết sức quan trọng. Căn cứ lý luận nhằm khởi tín tâm, khiến cho chúng ta chẳng hoài nghi, kiến lập tín tâm. Tông Chỉ là phương hướng chỉ đạo chúng ta tu hành; do vậy, đoạn này cũng hết sức trọng yếu. Hai câu tiếp theo đó nhằm giải thích từ ngữ Tông Thú. “*Ngữ chi sớ thượng viết Tông*” (điều được văn tự đề cao thì là Tông), “*thượng*” là sùng thượng (崇尚: đề cao), “*ngữ*” (語) là ngôn ngữ; điều được văn tự trong bộ kinh này đề cao thì gọi là Tông. “*Tông chi sớ quy viết Thú*” (điều được Tông dẫn đến thì gọi là Thú), “*Thú*” có nghĩa là “*quy thú*” (歸趣: hướng về, dẫn về), đây cũng là mục tiêu cuối cùng của Tông Chỉ, điều đó gọi là Thú. Trong Phật pháp, [nói đến Tông Thú] bèn có Thông và Biệt. Thông là chung cho hết thấy các pháp môn, chung cho hết thấy các kinh luận. Biệt là nói riêng

về [Tông và Thù] của bộ kinh này. Đối với Thông và Biệt, chúng ta đều phải nên biết.

(Huyền Nghĩa) Thông luận Phật giáo, nhân duyên vi Tông.

(玄義) 通論佛教，因緣為宗。

(Huyền Nghĩa: Luận định chung về Phật giáo thì nhân duyên là Tông).

Đây là nói chung, Phật pháp chẳng lìa khỏi nhân duyên. Trong phần trước, tôi cũng đã từng thưa với quý vị, trong kinh điển có nói: “*Chư pháp tùng duyên sanh, chư pháp tùng duyên diệt*” (các pháp do duyên sanh, các pháp do duyên diệt). Không riêng gì đức Phật thuyết pháp chẳng tách rời nguyên tắc này, mà hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng ra ngoài định luật này, tức là “*duyên sanh, duyên diệt*”. Thuở đức Phật tại thế, Ngài thường nói câu này, chúng ta cũng thường thấy câu này trong kinh điển. Kinh Pháp Hoa thuộc giai đoạn thuyết pháp cuối cùng của đức Phật, nói cách khác, căn tánh của chúng sanh đều đã chín muồi, khai Quyền, hiển Thật, hoàn toàn nói pháp chân thật. Trong pháp chân thật, lão nhân gia vẫn chẳng tách rời nguyên tắc này. Ngài đã từng nói: “*Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên, xuất hiện ư thế*” (Do một đại sự nhân duyên mà Phật xuất hiện trong cõi đời), vẫn chẳng rời khỏi nhân duyên. Đây là lời luận định chung: Đức Phật xuất hiện trong thế gian, thuyết pháp cho chúng ta đều lấy “*nhân duyên làm Tông*”.

(Huyền Nghĩa) Biệt tắc y cổ thập môn, tự ngã pháp câu hữu, chí viên dung cụ đức, hậu hậu, tiền tiền, thứ đệ thâm thiển. Thị cố chư kinh, các hữu tông thú.

(玄義) 別則依古十門，自我法俱有，至圓融具德，

後後前前，次第深淺，是故諸經，各有宗趣。

(Huyền Nghĩa: Về Biệt thì tuân theo mười môn của cổ nhân, từ “ngã và pháp đều có” cho đến “viên dung đầy đủ các đức”, mỗi môn sau so với môn trước, theo thứ tự, môn sau sâu hơn môn trước. Vì thế, các kinh, mỗi kinh đều có Tông Thù riêng biệt).

Trong tông nhân duyên lại sanh ra sai biệt, nhưng sai biệt chẳng rời khỏi Tông, Tông chẳng rời khỏi Biệt: Biệt là Biệt do so với Tông, Tông là Tông của Biệt. Nếu suy xét tỉ mỉ sâu xa hơn, lại có thể chia thành mười môn. Mười môn là điều thường được giáo lý nói đến, nhưng ở đây chẳng liệt kê trọn vẹn, chỉ nêu một trường hợp để nói, từ “*ngã pháp câu hữu*”, đây là giáo nghĩa Tiểu Thừa cho đến “*viên dung cụ đức*” là giáo nghĩa viên mãn của Đại Thừa. Trong mười môn, nêu ra môn thứ nhất và môn cuối cùng, tinh lược những môn trong khoảng giữa. Mười thứ nhân duyên sai biệt này được giảng rất tường tận trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, càng về sau càng sâu hơn. Môn sau sâu hơn môn trước, chiếu theo thứ tự từ cạn đến sâu để nói. Hết thấy các kinh luận Đại Tiểu Thừa đều có mức độ sâu hay cạn sai khác; vì thế, mỗi bộ kinh đều có Tông Thú duy nhất, đặc biệt.

(Sớ) Thượng giả sùng dã.

(疏) 尚者崇也。

(Sớ: Thượng là tôn sùng).

Tông là điều được đề cao bởi ngôn ngữ, Thượng có nghĩa là tôn sùng.

(Sớ) Thánh nhân lập giáo, nhất bộ ngữ ngôn, hà sở sùng thượng. Sở sùng thượng giả, danh chi viết Tông.

(疏) 聖人立教，一部語言，何所崇尚。所崇尚者，名之曰宗。

(Sớ: Thánh nhân lập giáo, cả một khối ngôn ngữ nhằm đề cao điều gì thì điều được đề cao ấy sẽ gọi là Tông).

Đây là định nghĩa nhằm giải thích Tông Thú. Chữ “*thánh nhân*” chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật, “*lập*” là kiến lập, “*giáo*” là giáo học. Ngài kiến lập loại giáo học này; trong thuở ấy hoàn toàn là ngôn giáo, hằng ngày [các đệ tử] nghe lão nhân gia giảng giải, thuyết minh. Đến cuối cùng, kết tập thành kinh điển, ghi chép lại thành sách, tức là kinh điển trong hiện tại. Những kinh điển ấy “*hà sở sùng thượng*”, tức là rốt cuộc, kinh điển tôn sùng điều gì vậy? Điều đó gọi là Tông.

(Sớ) Quy giả, chí dã. Lập thử vi Tông, vị cầu hà sự? Cứu sở quy chí, danh chi viết Thú.

(疏) 歸者至也，立此為宗，為求何事。究所歸至，名之曰趣。

(Sớ: Quy là đạt đến. Lập ra cái Tông ấy nhằm cầu chuyện gì? Rốt cuộc sẽ đạt đến, quay về điều gì, thì điều ấy gọi là Thú).

“Quy” nói thật ra là hướng đến. Nói đến chỗ rốt ráo, tông chỉ rốt cục nhằm hướng đến điều gì? Vì điều gì? Điều đó chính là Thú. Đây là định nghĩa nhằm giải thích đơn giản hai chữ Tông và Thú. Trong tông Thiên Thai, dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa để giải thích kinh, phương pháp đơn giản hơn. Trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, khoa mục này được gọi là Minh Tông, nói cạn hơn một chút! Tông là tông chỉ, tức là phương hướng tu hành, là cương yếu chỉ đạo sự tu hành của chúng ta. Tông Hoa Nghiêm dùng “*thập môn khai hải*” phức tạp hơn, đương nhiên giảng chi tiết hơn Ngũ Trùng Huyền Nghĩa; đây là ưu điểm. Khuyết điểm là quá rườm rà, quá phức tạp. [Cách giải thích Tông Thú của tông] Thiên Thai đơn giản, dễ hiểu, đó là chỗ hay của họ.

(Sớ) Nhân duyên giả, giản dị vô nhân, tà nhân.

(疏) 因緣者，揀異無因邪因。

(Sớ: “Nhân duyên”: Nhằm phân biệt khác với không có nhân và tà nhân).

Đây là lý do vì sao đức Phật đặc biệt nhấn mạnh Nhân Duyên. Nói thật ra, nhân duyên sanh pháp (pháp sanh bởi nhân duyên), đó là sự thật, là chân tướng sự thật. Đức Phật thuyết pháp, chúng ta phải hiểu động cơ (motivation) và mục đích thuyết pháp của Ngài. Động cơ là vì chúng sanh đối với vũ trụ và nhân sinh có nhiều cách nghĩ, cách nhìn sai quấy, những cách nghĩ cách nhìn sai quấy ấy là tà tri tà kiến, cho nên họ chuốc lấy nhiều thứ khổ nạn. Đức Phật thấy vậy, chẳng đành lòng; vì thế, Ngài đại từ đại bi hiện thân thuyết pháp cho chúng sanh, nhằm mục đích phá trừ tà tri tà kiến, giúp chúng ta kiến lập chánh tri chánh kiến. Đây là mục đích thuyết pháp của đức Phật.

Thuở đức Phật xuất hiện, xứ có mức độ văn hóa cao nhất trên cả thế giới là Ấn Độ, vượt trội Trung Quốc. Đức Phật xuất hiện nhằm nhà

Châu của Trung Quốc, cũng là nhằm thời đại Xuân Thu, sớm hơn Không Tử một chút. Khi ấy, căn bản văn hóa Trung Quốc đã khá vững vàng, nhưng văn hóa Trung Quốc là văn hóa Nhân Thừa, vẫn chưa phải là Thiên Thừa. Nho gia và Đạo gia nói đến cõi người rất nhiều, nói đến cõi trời rất ít; nhưng tại Ấn Độ thuở ấy đúng là phi phàm, những nhà triết học và tư tưởng gia Ấn Độ đã có năng lực đến được Tứ Thiên Thiên, Tứ Không Thiên. Đây là một nơi có trình độ văn hóa cao nhất trên cả thế giới; vì thế, đức Phật chẳng xuất hiện tại Trung Quốc mà xuất hiện tại Ấn Độ, rất có lý! Đối với Ấn Độ mà giảng lược đạo sẽ thuận lợi, chứ người Trung Quốc chưa thể tiếp nhận, bản thân người Trung Quốc chưa đạt tới trình độ ấy, ngay cả Không lão phu tử cũng nói: “*Kính trọng quý thân, nhưng lánh xa*”. Không phu tử rất ít bàn về vấn đề này!

Những học giả Ấn Độ có cách nhìn sai lầm. Chẳng hạn như lục sư ngoại đạo⁸⁴ giảng về vũ trụ và nhân sinh, nói thật ra, bọn họ đã đạt tới cảnh giới Tứ Không Thiên nên kiến lập hai mươi lăm Đế, Đế thứ nhất gọi là Minh Đế (冥諦). Tư tưởng Minh Đế tại Trung Quốc cũng có, nhưng không nói tường tận, rõ ràng như vậy. Thiên thứ nhất trong sách *Ấu Học Quỳnh Lâm*⁸⁵ của Trung Quốc có câu “*hỗn độn sơ khai, càn*

⁸⁴ Lục sư ngoại đạo là sáu người sáng lập sáu trường phái triết học và tôn giáo chủ yếu thời ấy, gồm:

1) A Kỳ Đa Xí Xá Khâm Bà La (Ajita Kesakambalin) chủ trương Duy Vật Luận, tức là thế giới và con người do Tứ Đại hợp thành, chủ trương con người chết đi là hết, không thiện, không ác.

2) Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên (còn phiên là Bạt Câu Đà Ca Chiên Diên, Pakudha Kaccāyana) chủ trương mọi hiện tượng do bảy yếu tố là đất, nước, gió, lửa, khổ, lạc, và mạng hợp thành. Thậm chí giết người không có tội vì chỉ là lưỡi guom cắt đứt sự tổ hợp của bảy yếu tố.

3) Phú Lan Na Ca Diếp (Pūrana Kassapa) chủ trương số toẹt mọi quy chuẩn đạo đức trong xã hội đương thời, theo thuyết đoạn diệt.

4) Mạt Già Lê Câu Xá Lê Tử (Makkhali Gosāla) chủ trương trần truồng, chủ trương quyết định luận. Chúng sanh khổ hay vui chẳng do nhân duyên, mà tự nhiên nó là như thế! Con người không có cách nào thay đổi số phận.

5) San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử (Sañjaya Belatthiputta) chủ trương hoài nghi luận, đề xướng con người khi nào chịu hết khổ sẽ sướng, giống như bánh xe hết lên cao sẽ xuống thấp.

6) Ni Càn Đà Nhã Đề Tử (Nigantha Nātaputta), chủ trương tương đối luận, ông này trở thành thi tổ đạo Jain (Kỳ Na Giáo) sau này. Tu sĩ phái này cũng thích lỏa thể, họ tin rằng trần truồng là giải thoát mọi vương mắc, chấp trước!

⁸⁵ *Ấu Học Quỳnh Lâm* là sách vỡ lòng cho trẻ học. Tác phẩm này vốn có tên là *Ấu Học Tu Tri* do Ngô Đăng Cát (tự Doãn Thăng) biên soạn vào cuối đời Minh, sau đó

khôn thi định” (lúc hỗn độn sơ khai, trời đất vừa định). Hỗn độn chính là Minh Đế như lục sư ngoại đạo Ấn Độ đã nói, đó là cảnh giới ấy, nhưng không có ai trong chúng ta giảng rõ ràng như thế, mà chỉ nói hàm hồ, mông lung. Khi đạt đến cảnh giới ấy, họ cho rằng hết thảy các pháp là “*tự nhiên sanh*”, tức tự nhiên phát sanh, đó là quan niệm sai lầm! Vì thế, đức Phật nói Nhân Duyên nhằm uốn nắn cách nhìn sai lạc của họ. Nói thật ra, quan điểm của họ cũng chẳng phải là nói tùy tiện, mà do trong cảnh giới ấy, thấy hết thảy vạn pháp dường như từ Không mà Có, tự nhiên sanh ra, chẳng có nhân, chẳng có nguyên nhân, từ Minh Đế sanh ra. Đó là “*vô nhân*”, sai lầm!

Loại thứ hai là “*tà nhân*”. Tà nhân chính là họ cho rằng [vạn pháp] đều do Tự Tại Thiên⁸⁶ sanh ra, người Ấn Độ hiện nay vẫn nói tô tiên của họ là Đại Phạm Thiên. Đức Phật dạy chúng ta: Người trên địa cầu này do đâu mà có? Từ Quang Âm Thiên (Abhassara-deva) sanh đến. Nói theo cách hiện thời, ngoài vũ trụ chẳng biết có bao nhiêu người từ các tinh cầu di dân đến địa cầu của chúng ta, sanh con đẻ cái ở nơi đây. Cách nói này, tức là nói [mọi thứ đều do] Đại Phạm Thiên sanh ra, chính là hiểu lầm cái nhân, nên gọi là “*tà nhân*”. “*Giản dị vô nhân, tà nhân*”

được Trâu Thánh Mạch tu chỉnh, viết lời chú giải, đổi tên thành Âu Học Có Sự Quỳnh Lâm, đến thời Dân Quốc, được Phí Hữu Dung, Diệp Phó Tôn và Thái Đông Phiên tu chỉnh lần nữa, gọi gọn là Âu Học Quỳnh Lâm. Sách được viết theo loại Biên Văn, đăng đối rất hoàn chỉnh, chữ dùng chọn lọc, dễ đọc, dễ nhớ, bao gồm rất nhiều kiến thức cơ bản (theo quan niệm thời ấy), xin trích một đoạn đầu: “*Hỗn độn sơ khai, còn khôn thi định. Khí chi khinh thanh, thượng phù giải vi thiên, khí chi trọng trước hạ ngưng giả vi địa. Nhật, nguyệt, ngũ tinh, vị chi thất chánh, thiên địa dữ nhân, vị chi tam tài. Nhật vi chúng dương chi tông, nguyệt nữ thái âm chi tượng. Hồng danh đế đông, nữ thiên địa chi âm khí, nguyệt lý thiên thủ, thị hạo phách chi tinh hoa*” (Hỗn độn sơ khai, trời đất vừa định. Khí trong nhẹ nổi lên là trời, khí nặng đục chìm xuống là đất. Mặt trời, mặt trăng, năm ngôi sao, gọi là Thất Chánh. Trời, đất và con người gọi là Tam Tài. Mặt trời đứng đầu các loại thuộc dương, mặt trăng là hình tượng của thái âm. Móng trời còn gọi là cầu vòng, chính là khí âm thấp trong trời đất [kết thành], con cóc trong mặt trăng chính là tinh hoa của hồn phách mênh mông [trong vũ trụ]).

⁸⁶ Tự Tại Thiên (Maheśvara) chính là một danh xưng khác của thần Shiva, một trong ba ngôi của Bà La Môn. Kinh Phật thường phiên âm vị này là Ma Hê Thủ La Thiên. Vị thần này thường được coi là thần hủy diệt, được tôn sùng nhất trong ba ngôi (Phạm Thiên, Tỳ Nữu và Thấp Bà). Vị thần này thường được tạc có ba mắt, bốn tay, lần lượt cầm chĩa ba, tù và, bình nước, và trống, thân bôi tro xanh xám, rắn hổ mang quấn quanh cổ, cuỡi trâu trắng. Ấn Độ Giáo thường thờ vị này dưới hình tượng Linga đặt trên Yoni.

(nhằm phân biệt khác với không có nhân và tà nhân), phân định các cách nói của họ là sai lầm!

(Sớ) Nhất đại thời giáo, bất xuất nhân duyên.

(疏) 一代時教，不出因緣。

(Sớ: Giáo pháp suốt một đời đức Phật chẳng ra ngoài nhân duyên).

“*Nhất đại*” là cuộc đời do Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, Ngài sống đến tám mươi tuổi, năm ba mươi tuổi thị hiện chứng đạo, đi hoằng pháp lợi sanh, đến năm tám mươi tuổi nhập Niết Bàn, toàn bộ [thời gian hoằng pháp] là bốn mươi chín năm. Suốt bốn mươi chín năm, đức Phật bôn ba các nơi giáo hóa chúng sanh, dấu chân in khắp năm xứ Ấn Độ⁸⁷, tức là toàn bộ vùng Ấn Độ. Về phía Nam, Phật từng đến tận đảo Tích Lan (Sri Lanka), phương Bắc đến núi Hỷ Mã Lạp Nhã, đây là khu vực giáo hóa trong thời đức Phật, khá rộng lớn. Nói chung, [những giáo pháp do đức Phật đã nói] “*chẳng ngoài nhân duyên*”.

(Sớ) Như sở vị “nhân duyên cố sanh diệt, nhân duyên cố tức Không, nhân duyên cố tức Giả, nhân duyên cố tức Trung”.

(疏) 如所謂因緣故生滅，因緣故即空，因緣故即假，因緣故即中。

(Sớ: Như [trong kinh điển, đức Phật đã] nói: “Do nhân duyên nên sanh diệt, do nhân duyên nên chính là Không, do nhân duyên nên chính là Giả, do nhân duyên nên chính là Trung”).

Mấy câu này hoàn toàn là nói theo cương lĩnh, bao gồm Thiên Thai lẫn Hiền Thủ; nói đến Giáo, chúng ta có thể lấy hai tông phái này làm đại diện. “*Nhân duyên cố sanh diệt*” là gì? Tướng sanh diệt chẳng thật, là giả. Nhân duyên tụ hội bèn sanh, nhân duyên tán bèn diệt. Quý vị

⁸⁷ Gọi là năm xứ Ấn Độ, tức là dựa theo cách nói của thời Cổ. Sách Vãng Thế Thư (Puranas) đã chia khu vực Ấn Độ hiện thời thành năm vùng, gọi chung bằng danh xưng Ngũ Ấn Độ, Ngũ Thiên Trúc, Ngũ Ấn, Ngũ Thiên, tức là Pracya, Uttarapatha, Aparanta, Dakshinapatha, và Majjhimdesa.

hãy nghiên ngẫm kỹ càng, chúng tôi dùng thí dụ để nói: Chẳng hạn như, đây là cuốn sách, sách sanh ra như thế nào? Do nhiều trang giấy đóng lại bèn gọi là sách; sách được sanh ra. Nếu nay chúng ta đem photocopy cuốn sách, toàn bộ đều tháo tung ra, tách ra thành từng trang một, sách bèn diệt, sách chẳng còn nữa, chỉ còn từng trang giấy một. Giấy nhiều ngàn ấy gom lại, sách bèn sanh ra; tách rời ra, sách bèn diệt. Quý vị nghĩ xem trong ấy có sanh diệt hay không? Nói thật ra, chẳng có sanh diệt, chẳng qua là duyên tụ hay duyên tán mà thôi!

Người thế gian chấp trước tướng hư vọng này, cho là có sanh có diệt, thật ra là bất sanh bất diệt. Tướng sanh diệt như vừa nói đó, chẳng chân thật! Một pháp là như thế, mà pháp nào cũng đều giống như vậy, chẳng có một pháp nào có thể vượt khỏi định luật này. Chẳng hạn như cái nhà này, nhà do cốt sắt và xi-măng, rất nhiều vật liệu xây dựng lắp ghép thành, nhà bèn sanh ra. Cả đóng vật liệu xây dựng chất tại nơi đó thì chẳng có nhà, nhà bị diệt rồi! Thật ra, những vật liệu ấy lắp ghép hay chất đóng ở nơi kia đều nhiều như nhau, chẳng tăng, chẳng giảm. Cho đến thân thể của chúng ta cũng giống như thế. Đức Phật gọi thân thể này của chúng ta là Tứ Đại và Ngũ Uẩn. Tứ Đại và Ngũ Uẩn là những vật xây dựng nên cái thân này. Hễ chúng tụ hội, thân này bèn hiện tướng; chúng phân tán, thân này chẳng còn nữa, diệt mất!

Vì thế, hai chữ “*sanh diệt*” thật ra là chuyện như thế nào? Chúng ta nói “*sanh tử*” thì sanh tử là gì? Sanh là duyên tụ, tử là duyên tán; chỉ có tụ hay tán, đó là thực tại. Nói sanh tử hay nói sanh diệt đều là giả, là vọng tướng (tướng hư vọng), chẳng phải là chân tướng. Chân tướng duyên tụ hay duyên tán. Hiểu rõ triệt để tầng [ý nghĩa] này, trong nhà Phật gọi là “*liễu sanh tử*”, tức là đã thấu triệt sanh tử rồi! Thấu triệt điều gì? Hiểu rõ, triệt để hiểu rõ! Sau khi đã hiểu rõ, mới biết điều gì? Vốn chẳng có sanh tử, sanh tử do đâu mà có! Thật sự liễu giải thấu triệt, sanh chẳng có gì đáng sợ, mà tử cũng chẳng có gì đáng sợ, cũng chẳng có gì đáng buồn, hoàn toàn là hiện tượng đúng mực, bình thường! Đấy chính là “*sanh tử tự tại*” như trong nhà Phật thường nói. Vì quý vị hiểu rõ, quý vị bèn tự tại. Liễu sanh tử là nói theo kiểu này: Do thật sự hiểu rõ, bèn thật sự tự tại. Dầu xả thân hay thọ thân trong lục đạo, người ấy cũng rất tự tại. Ta sắp phải đi đầu thai, đầu thai giống như gì? Thay một bộ quần áo, mặc một bộ quần áo mới. Ta xả thân, ta muốn ra đi, thay y phục là được rồi, y phục bản phải đem giặt, thay bộ mới. Xả thân và thọ thân trong lục đạo giống như chúng ta thay quần áo, rất tự tại, hết thấy ưu lự

thầy đều chẳng có. Đó là nói “*nhân duyên có sanh diệt*” (do nhân duyên, nên có sanh diệt).

“*Nhân duyên có tức Không*”: Tam Chi Tam Quán được kiến lập theo một bài kệ trong Trung Quán Luận. Trong thuở ấy, thiền sư Huệ Tư phát hiện điều này rồi được Trí Giả đại sư hoàn thiện, thật sự kiến lập tông Thiên Thai, hoàn toàn sử dụng ý nghĩa này, tức là Tam Quán Tam Đế. Tam Quán là Không, Giả, Trung. Trung Quán Luận nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệt danh vi giả danh, diệt danh Trung Đạo nghĩa*” (Pháp do nhân duyên sanh, ta nói chính là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi nghĩa Trung Đạo). Ba câu này là nguồn gốc lý luận của tông Thiên Thai.

Do pháp được sanh bởi nhân duyên, nó chẳng có tự tánh, bản thể của nó chính là Không, nó chẳng có tự thể! Có tự thể, sẽ là thật sự có, chẳng có tự thể thì là Không. Chúng ta dùng ngay cuốn sách này để nói thì bản thể của cuốn sách này là Không, vì sao? Nếu quý vị nhìn thì thấy về căn bản, nó chẳng phải là sách, mà là một trăm mấy chục trang giấy, chẳng thấy sách, nó là Không. Nếu quan sát kỹ càng, giấy là gì? Rất nhiều sợi “*tiêm duy*” (cellulose) gộp thành, nếu dùng kính hiển vi để nhìn, chúng đều do các nguyên tử và điện tử [hợp thành], giấy cũng chẳng có! Quý vị bèn hiểu những vật này không có tự tánh; vì thế, đức Phật bảo “*bản thể chính là Không*”. Phạm là pháp được sanh bởi nhân duyên, đều có tánh chất này, đều là rỗng không, chẳng có tự tánh. Đó là nói chúng không có tự tánh, chẳng có tự thể. Nói “*Không*” là nói theo Tánh, hoặc nói theo Thể. Thể là Không, Phật pháp thường nói: “*Vạn pháp đều Không*”.

Quý vị liễu giải Thể Tướng [của vạn pháp] là Không thì có lợi gì? Chẳng chấp trước! Đoạn trừ tâm tham, đoạn trừ cái tâm được - mất, vì sao? Không mà! Quý vị đạt được gì? Đạt được cả đồng rỗng không, mà mất đi thì cũng là rỗng không! Chẳng có vọng tưởng được - mất, rất tự tại! Con người chẳng biết có bao nhiêu phiền não đều do [ý niệm] được - mất sanh ra, chẳng biết được lẫn mất hoàn toàn là vọng tưởng, chẳng chân thật. Nếu quý vị thật sự có cái để đạt được, đức Phật sẽ bội phục quý vị. Quả thật là “*không có gì để đạt được*” (vô sở đắc), thứ gì cũng đều chẳng đạt được! Đêm ngủ, ngay cả thân thể này cũng chẳng biết là ai, quý vị đạt được cái gì? Quý vị hãy nghĩ xem: Quý vị đã ngủ thì quý vị có đạt được cái gì trong thế giới này hay chẳng? Chẳng đạt được thứ gì, bản thể là Không; ngay cả thân thể của chính mình còn chẳng đạt được, phải biết điều này. Thân chẳng phải là chính mình!

Vì thế, các triết học gia Tây phương nghiên cứu, rốt cuộc Ngã là gì? Họ biết thân chẳng phải là Ngã, vì thế, mới hiểu “*ta suy tưởng, nên ta tồn tại*”. Ta có thể suy nghĩ thì cái “có thể suy nghĩ” đại khái là Ngã! Vẫn sai! Cái có thể suy nghĩ là gì? Thọ, Tướng, Hành, Thức, trong Phật pháp bảo những thứ ấy vẫn chưa phải là Ngã, vẫn là hư vọng. Quý vị khởi vọng tưởng nơi Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức, vọng tưởng vẫn chẳng phải là quý vị, vẫn “bản thể chính là Không”. Triết học Tây phương gặp phải nỗi khó khăn này, tìm chẳng ra bản thể của vũ trụ. Trong Phật pháp, bản thể của vũ trụ được gọi là Chân Như pháp tánh. Hiểu Tam Chi Tam Quán, thật sự giúp chúng ta giải quyết khó khăn rất lớn, chẳng khởi tâm tham đối với hết thấy các pháp, chẳng khởi tâm phân biệt, chấp trước đối với hết thấy các pháp thì mới có thể đạt được thanh tịnh, tự tại, biết hết thấy các pháp đều là không tịch.

“*Nhân duyên có tức Giả*” (do nhân duyên nên là Giả). Giả là gì? Nói theo Tướng! Pháp sanh bởi nhân duyên thì pháp ấy có hay là không? Có! Thân thể của chúng ta có hay không? Có! Thân thể là gì? Giả tướng. Thể là Không, Tướng là Giả. Vì có giả tướng, nên quý vị có thể tận tình hưởng thụ, đó đạt được Lạc. Hưởng thụ, nhưng biết Tướng là Giả; tuy hưởng thụ nhưng chẳng chấp trước, người ấy chẳng khổ. Phạm phu chấp trước nơi hưởng thụ, do chấp trước bèn có khổ, sanh ra phiền não, sanh ra mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn. Phật, Bồ Tát tận tình hưởng thụ, chẳng nầy sanh thất tình ngũ dục. Vì sao các Ngài chẳng sanh phiền não? Vì các Ngài biết Tướng giả, Thể không, biết chân tướng sự thật. Do vậy, trong Phật pháp gọi sự hưởng thụ của các Ngài là Chánh Thọ, tức là sự hưởng thụ đúng mực, bình thường. Sự hưởng thụ của chúng ta chẳng đúng mực, chẳng bình thường. Chẳng đúng mực, chẳng bình thường, sẽ sanh phiền não, sanh tham, sân, si, sanh thất tình ngũ dục, sanh ra những thứ ấy. Phật, Bồ Tát hưởng thụ giống hệt, nhưng chẳng sanh phiền não, chẳng khởi thất tình, ngũ dục, cao minh ở chỗ này! Tông chỉ giáo học của Phật pháp là “phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”. Nói “mê” tức là chẳng hiểu chân tướng sự thật này, chẳng biết Tướng là Giả, Thể là Không; vì thế, kẻ ấy sanh phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đối với hết thấy vạn pháp.

“*Nhân duyên có tức Trung*” (do nhân duyên nên Trung), Trung là nghĩa Trung Đạo. Trung là gì? Tánh và Tướng chẳng hai là Trung, Thể và Dụng giống hệt như nhau. Thể là Không, cái Không ấy là Chân Không, chẳng phải ngoan không (cái Không trợ trợ, chẳng có gì, rỗng tuếch), Tướng là giả, Tướng là có, gọi là Diệu Hữu. Nói “*diệu hữu phi*

hữu, chân không bất không” (điều hữu chẳng phải là có, chân không chẳng không), đó là nghĩa Trung Đạo. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều dạy chúng ta phải dùng Trung. Thể, Tướng, Dụng, Thể là Không, Tướng là Giả, phải dùng Trung. Đạo Trung Dung chẳng lệch lạc, chẳng dựa dẫm, chẳng thiên về Không mà cũng chẳng thiên về Giả. Dùng Tâm Kinh để nói thì chẳng thiên về Không mà cũng chẳng thiên về Có, đối với hai bên đều chẳng thiên lệch, chẳng chấp trước Không, mà cũng chẳng chấp trước Có, hai bên đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo.

“*Dùng Trung*”, đức Phật dạy chúng ta như thế, Không lão phu tử của Nho gia cũng dạy chúng ta dùng Trung. Trong Tứ Thư, sự giáo học của sách Trung Dung là dạy chúng ta dùng Trung. Sở dĩ Khổng Tử trở thành bậc đại thánh, là vì Ngài biết tùy thời giữ lấy Trung Đạo⁸⁸, đó là bậc phi phạm, bất luận trong thời đại nào, bất luận hình thái xã hội khác nhau như thế nào, Ngài đều dùng Trung Đạo, chẳng thiên vị, chẳng lệch lạc; vì thế, Ngài chẳng lạc hậu. Lệch vào một bên sẽ nảy sanh khuyết điểm; vì thế, người học Phật phải biết dùng Trung. Nói theo kinh này, Trung chính là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm là Trung, lệch về một bên sẽ chẳng phải là nhất tâm.

Bốn câu này đem phối hợp với Ngũ Giáo để nói, bởi lẽ, trong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dùng phương thức chú giải kinh Hoa Nghiêm [để chú giải kinh Di Đà]. Hoa Nghiêm là Ngũ Giáo, Ngũ Giáo tức là Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Tiểu là Tiểu Thừa, Thi là Đại Thừa Thi Giáo, tức khởi đầu của Đại Thừa, Chung là Đại Thừa Chung Giáo. Trừ những giáo này ra, còn có Đốn Giáo, lại còn có Viên Giáo. Bài kệ trong Trung Quán Luận [được nhắc tới] trong phần trên không chỉ là căn cứ lý luận để thành lập tông Thiên Thai, đem bài kệ ấy áp dụng vào tông Hoa Nghiêm để nói cũng thông suốt. “*Nhân duyên cố sanh diệt*” (Do nhân duyên nên sanh diệt), đó là giáo nghĩa Tiểu Thừa, “*tức Giả, tức Không*” là giáo nghĩa Thi Giáo, “*nhân duyên cố tức Trung*” là giáo nghĩa của Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo.

⁸⁸ Nguyên văn “*thời trung giả dã*”. Chữ “*thời trung*” xuất phát từ sách Trung Dung. Không Tử nói: “*Quân tử chi Trung Dung dã, quân tử nhi thời trung, tiểu nhân chi phản Trung Dung dã, tiểu nhân nhi vô kỳ đản dã*”, câu này được giải thích theo sách Trung Dung Tinh Hoa Tuyền Túy có nghĩa là: Người quân tử có thể hợp với đạo lý Trung Dung là do có thể bất cứ lúc nào cũng tuân thủ Trung Đạo, chẳng thái quá hay bất cập. Kẻ tiểu nhân sở dĩ trái nghịch Trung Đạo là vì không hiểu rõ lý này, chẳng có chuyện gì phải kiêng dè mà không dám làm.

Đại Thừa Chung Giáo song chiếu hai bên và Trung Đạo, tức là hai bên Thế và Dụng đều hiểu rõ, đều có cả, chẳng lệch [về một bên nào]. Đốn Giáo là hai bên Có và Không đều tách lìa, đều bỏ hết, cao minh hơn Chung Giáo. Quý vị cả hai bên đều có, vẫn chưa bỏ sạch, Đốn Giáo là hai bên đều không có; hai bên đều thoát bỏ, đó là Đốn Giáo, đốn siêu! Nói thật ra, hai bên đều có thì chúng ta thường nói là “nhập thế”, thấy đều bỏ sạch thì là “xuất thế”, chẳng cần nữa, vượt thoát rồi! Nho gia Trung Quốc là Đại Thừa Chung Giáo, Đạo gia của Lão Trang là Đốn Giáo, hết thấy đều bỏ hết!

Viên Giáo viên mãn nhất, “*giá, chiếu*”⁸⁹ đồng thời, ở ngay trong thế gian mà xuất thế gian, điều hòa Đốn Giáo và Chung Giáo, hợp thành một Thế, đó là viên mãn rốt ráo nhất. Kinh Hoa Nghiêm dùng phương pháp này, năm mươi ba lần tham vấn ở cuối kinh, năm mươi ba vị thiện tri thức, đó là Viên Giáo, viên dung vô ngại! Vì thế, đạt đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, chẳng có chướng ngại, đấy mới thật sự là viên mãn. Nay chúng ta xử sự, động tâm đều có chướng ngại, chẳng thể viên! Vì sao chẳng thể viên? Chẳng hiểu rõ Lý, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Nếu hiểu rõ lý luận, hiểu rõ chân tướng sự thật, có gì chẳng viên? Viên mới là hạnh phúc viên mãn rốt ráo.

Vì thế, Viên cũng thường được gọi là “*bất tư nghị, bất khả tư nghị*”. Phạm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức Tứ Thập Hoa Nghiêm có đề mục là Nhập Bất Tư Nghị Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới hạnh phúc viên mãn rốt ráo. Nói theo cách hiện thời như vậy thì mọi người sẽ hiểu rất rõ, có kẻ nào chẳng mong cầu [điều ấy]? Có phải là ai nấy đều có thể truy cầu điều này ư? Chuyện này tùy thuộc từng cá nhân. Nếu người trong thế gian này chẳng thể truy cầu, Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt đối chẳng giảng bộ kinh này. Giảng bộ kinh này mà chúng ta làm không được, há chẳng phải là như cho người khác thêm thường đó ư? Làm sao Thích Ca Mâu Ni Phật làm chuyện ấy được? Làm chuyện ấy sẽ có lỗi với người trong cõi này. Phạm là những gì có thể nói ra được, đều là những chuyện người trong thế gian này đều có thể làm được, đó mới là đại từ đại bi. Vì thế, nhất định phải hiểu Lý.

Nếu đem phối hợp với Tứ Giáo của tông Thiên Thai để nói thì sanh diệt là Tạng Giáo, “*tức Không*” là Thông Giáo, “*tức Giả*” là Biệt

⁸⁹ Giá: Vượt khỏi hai bên, thoát ngoài đối đãi.

Chiếu: Thấy có hai bên, nhưng không vướng mắc vào một bên nào.

Giáo, “*tức Trung*” là Viên Giáo, đây chính là Tạng, Thông, Biệt, Viên như tông Thiên Thai đã nói. Đủ thấy rằng: Lý luận này thật sự viên mãn. Bất luận Hiền Thủ hay Thiên Thai đều chẳng thể rời khỏi nguyên tắc và nguyên lý này.

(Sớ) Phật giáo sở tông, nhân duyên nhiếp tận, cố vân Thông dã.

(疏) 佛教所宗，因緣攝盡，故云通也。

(Sớ: Những điều được Phật giáo đề cao đều gồm trọn trong nhân duyên, cho nên nói [nhân duyên] là Tông chung [của Phật giáo]).

Nhân duyên bao gồm trọn hết.

(Sớ) Thập môn giả, đệ nhất, ngã pháp câu hữu tông, nội chấp hữu Ngã, ngoại chấp hữu Pháp, danh vi phụ Phật pháp ngoại đạo.

(疏) 十門者，第一、我法俱有宗，內執有我，外執有法，名為附佛法外道。

(Sớ: “Mười môn”: Thứ nhất là tông “Ngã và Pháp đều có”, trong chấp có Ngã, ngoài chấp có Pháp, gọi là ngoại đạo dựa hơi Phật pháp).

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, Phật pháp nói “*ngoại đạo*” không chỉ là những tôn giáo ngoài Phật pháp, mà còn bao gồm cả chính Phật giáo! Ngoại đạo là gì? Ngoài tâm cầu pháp thì gọi là ngoại đạo. Nay chúng ta học Phật, chẳng hướng về tự tánh để cầu, mà hướng ra ngoài để cầu, tức là ngoại đạo! Nay chúng ta lạy Phật, chúng ta lạy A Di Đà Phật, cầu A Di Đà Phật bảo vệ, gia ân cho chúng ta, [tức là coi] A Di Đà Phật là vật ở ngoài tâm chúng ta, chúng ta là ngoại đạo, là thứ ngoại đạo ăn bám Phật giáo, kèm thêm Phật pháp. Trong loại ngoại đạo này có kèm thêm Phật và Phật pháp. Chúng ta lạy Phật phải theo cách nào? Phải trở về tự tánh. Chúng ta lạy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là vô lượng giác trong tự tánh của chúng ta, phải biết trở về tự tánh. Từ hình tượng Phật ở bên ngoài khơi gợi, phát khởi tự tánh giác của chúng ta, đó là đúng, là chính xác, là nội học. Nội và ngoại chẳng hai, đó là tương ứng. Vì thế, chúng ta lạy Quán Âm Bồ Tát nhằm khơi mở lòng đại từ đại bi trong tự tánh của chúng ta, thấy Quán Âm Bồ Tát, nghe danh hiệu Quán Âm Bồ Tát, lòng từ bi trong tự tánh bèn tỏ lộ, đó là Quán Âm. Lục Tổ Đàn Kinh có đoạn: “*Từ bi tức Quán Âm, bình đẳng, chánh trực tức Di Đà*”, chúng

ta phải ghi nhớ! Vì thế, đừng học Phật đến nỗi trở thành ngoại đạo dựa hơi Phật pháp, làm mất rồi!

Tất cả hết thảy những thứ lập bày trong Phật pháp đều là công cụ để dạy học, đều nhằm khơi gợi, phát khởi tự tánh, thật bất phàm! Phật sự trong nhà Phật: Giảng kinh, thuyết pháp là Phật sự, chúng ta vẫn phải thấp nền, chằng thấp đèn điện, vì sao? Nền biểu thị ý nghĩa có thể chiếu sáng. Ngọn nến biểu thị thiêu đốt chính mình để soi sáng cho người khác, bỏ mình vì người. Chúng ta thấy điều này, phải học theo ngọn nến. Kinh Hoa Nghiêm nói “*thiện tri thức chân đèn, thiện tri thức nền, thiện tri thức lư hương*”, không thứ gì chẳng phải là thiện tri thức! Thiện tri thức ghé dài, phải học điều gì từ ghé dài? Nhẫn nhục. Mọi người đều ngồi trên nó, nó chịu đựng. Trong giáo học Phật pháp, sâm la vạn tượng, hết thảy vạn pháp, không thứ gì chẳng dùng đến, vật dụng để giảng dạy và cách dạy học vô lượng vô biên, đúng là đẹp đẽ khôn xiết! Người học Phật chúng ta phải hiểu, hiểu thì sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần lẽ nào chẳng minh tâm kiến tánh? Quý vị chẳng hiểu đạo lý này thì căn phòng này đã sáng như vậy, còn phải đốt hai ngọn nến để làm gì? Thậm chí còn nói là lãng phí! Nó có ý nghĩa giáo dục ở trong ấy, đó là giáo học!

Loại thứ nhất [trong mười môn] là bên trong chấp trước có Ngã, bên ngoài chấp trước có Pháp. Quý vị vừa thấy điều này liền hiểu ngay, Phật pháp từ đầu đến cuối chỉ có một mục tiêu: Phá chấp trước mà thôi! Chẳng chấp trước bèn là Phật, là Bồ Tát, chấp trước bèn là phàm phu. Phàm phu và Phật khác nhau ở chỗ này! Phá Ngã Chấp, quý vị được gọi là A La Hán, chẳng gọi là phàm phu. Phá Pháp Chấp, quý vị được gọi là Bồ Tát, chẳng gọi là A La Hán. Phá chấp trước mà thôi! Mười tông, nói thật ra là do đối với mức độ phá hai thứ chấp trước này sâu hay cạn khác nhau mà kiến lập.

(Sớ) Đệ nhị, Pháp hữu, Ngã vô tông, tặc dị ngoại đạo.

(疏) 第二、法有我無宗，則異外道。

(Sớ: Thứ hai là tông “Pháp có, Ngã Không”, khác với ngoại đạo).

Đây là chỗ chẳng giống với ngoại đạo. “*Pháp hữu, Ngã vô*” là Tiểu Thừa. Tiểu Thừa biết trong hết thảy các pháp chẳng có Ngã, nhưng [vẫn chấp trước] có Pháp. Ngã là gì? Tướng tụ hợp của Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn ly tán, Ngã bèn diệt; đó là nhân duyên sanh diệt, nhân duyên tụ tán.

Họ biết không có Ngã, trong Tứ Đại và Ngũ Uẩn không có Ngã, nhưng chấp trước Tứ Đại và Ngũ Uẩn là thật. Ví như chúng ta nói “không có sách, nhưng có giấy”, [chấp trước] giấy có thật, vì có nhiều trang giấy như thế đóng thành sách, tách ra thì gọi là giấy. Giấy có, sách không có. “Giấy là có”, họ chấp trước điều này! Sự chấp trước này gọi là Pháp Chấp, họ có Pháp Chấp. Vì thế, Tiểu Thừa chẳng thể kiến tánh, nhưng cao minh hơn phàm phu rất nhiều. Phàm phu trong lục đạo đều chấp trước “Ngã lẫn Pháp đều có”, có Ngã, có Pháp, chẳng biết Ngã lẫn Pháp đều là do nhân duyên tụ hay tán, thật sự chẳng có! Thế là Không, Tướng là Giả. Họ chẳng biết chân tướng sự thật này, chẳng thể dùng Trung, mà dùng thiên, dùng tà, lầm lẫn quá lớn!

(Sớ) Diêu thị tùng tiền chí hậu, diêu thiển nhập thâm, nãi chí đệ thập, viên dung cụ đức.

(疏) 繇是從前至後，繇淺入深，乃至第十圓融具德。

(Sớ: Do vậy từ trước đến sau, từ cạn mà lãnh hội sâu dần, cho đến môn thứ mười là “các đức trọn đủ viên dung”).

Ở đây đã nhắc đến [mười tông], chúng tôi cũng nói sơ lược nhằm giới thiệu danh từ.

Môn thứ ba là “*pháp vô khứ lai tông*”, tức là biết hết thấy các pháp chẳng đến, chẳng đi, cao minh hơn Nhị Thừa. Pháp có hay không? Đương nhiên Pháp vẫn là có, nhưng nó chẳng đến, chẳng đi. Hiện thời các nhà khoa học dần dần thấu hiểu đạo lý này: Năng lượng và vật chất có thể chuyển biến thành lẫn nhau, vật chất có thể biến thành năng lượng, năng lượng cô đặc sẽ trở thành vật chất. Vật chất và năng lượng là một, chẳng hai, đây ấp trong vũ trụ, quả thật chẳng đến, chẳng đi.

Môn thứ tư là “*hiện thông giả thật tông*”⁹⁰. “Pháp có, Ngã không”, “pháp không đến đi”, “hiện thông giả thật”, ba tông này đều có hai pháp Hữu và Không, “*nhân duyên sanh diệt, ngã thuyết tức thị Không*” (nhân duyên sanh diệt, ta nói chính là Không), đều bao gồm ý nghĩa này.

⁹⁰ Tông này căn cứ trên cách phán định của tông Hoa Nghiêm đối với Thuyết Giả Bộ (một bộ phái Tiểu Thừa tại Ấn Độ), theo đó, không chỉ quá khứ và vị lai đều không có thật thể, mà các pháp hữu vi trong hiện tại cũng có pháp là giả, có pháp là thật. Do pháp hiện tại bao gồm cả giả lẫn thật nên mới gọi Hiện Thông Giả Thật Tông.

Môn thứ năm là “*tục vọng chân thật tông*”. Tục là pháp thế gian, pháp thế gian là hư vọng. Chân là đối với Tục mà nói, tức là pháp xuất thế gian, nó thật sự tồn tại, có điều này để kiến lập tông chỉ.

Môn thứ sáu là “*chư pháp dẫn danh tông*” (các pháp chỉ có cái tên). Chỉ có cái tên, chứ không có thực thể. Hai tông này (tông thứ năm và thứ sáu) đều thiên trọng Không.

Môn thứ bảy “*tam tánh không hữu tông*”, đây chính là chỗ kiến lập của tông Duy Thức Pháp Tướng. Tam tánh là Y Tha Khởi Tánh, Biến Kế Sở Chấp Tánh và Viên Thành Thật Tánh. [Những giáo nghĩa thuộc tông này] nói về ba tánh và ba vô tánh.

Môn thứ tám là “*chân không tuyệt tướng tông*”, đây cũng là thiên trọng nơi Không, từ nghĩa Không mà kiến lập.

Môn thứ chín là “*không hữu vô ngại tông*”, kiến lập trên pháp tánh.

Môn thứ mười là “*viên dung cụ đức tông*”, kiến lập trên viên dung vô ngại.

(Sớ) *Tường cụ Hoa Nghiêm Huyền Đàm.*

(疏) 詳具華嚴玄談。

(Sớ: [Những môn này] được giảng chi tiết trong Hoa Nghiêm Huyền Đàm).

Nếu quý vị muốn nghiên cứu cặn kẽ mười tông, trong Tam Tạng Pháp Sớ và Phật Học Từ Điển đều có [giải thích chi tiết]. Giải thích cặn kẽ nhất là Hoa Nghiêm Kinh Huyền Đàm, tức là bộ phận Huyền Nghĩa của Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao.

(Sớ) *Nhược ước chi vi ngũ.*

(疏) 若約之為五。

(Sớ: Nếu nói gọn thì có năm môn).

“Ước” là quy nạp, đem mười tông trên đây quy nạp lại, chẳng ngoài năm loại.

(Sớ) *Bất xuất Hữu, Không, Pháp Tướng, Pháp Tánh, Viên Dung.*

(疏) 不出有、空、法相、法性、圓融。

(Sớ: Chẳng ngoài Có, Không, Pháp Tướng, Pháp Tính, Viên Dung).

Năm điều này bao quát toàn bộ mười tông.

(Sớ) Kim thử kinh giả, tông hồ Pháp Tính, dĩ Tịnh Độ y chánh tín nguyện đẳng, giai quy nhất tâm, nhất tâm bất loạn, tức Pháp Tính cố.

(疏) 今此經者，宗乎法性，以淨土依正信願等，皆歸一心，一心不亂，即法性故。

(Sớ: Nay kinh này đề cao Pháp Tính, bởi lẽ, y báo, chánh báo trong cõi Tịnh Độ, tín nguyện v.v... đều quy vào nhất tâm, mà nhất tâm bất loạn chính là Pháp Tính).

Ý nghĩa này được nói rất khéo, rất viên mãn. Trong sự luận định về biệt nghĩa (ý nghĩa riêng biệt) nơi Tông, [từ chỗ nhìn vào] bộ kinh này thuộc về tầng cấp nào, quý vị cũng thấy được độ sâu của pháp môn này. Pháp môn này thuộc về Pháp Tính chỉ kém viên dung, viên dung là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Hoa Nghiêm nói Sự Sự vô ngại, kinh này nói Lý Sự vô ngại. Nếu [kinh này cũng] nói Sự Sự vô ngại thì kinh này sẽ là thuần viên như kinh Hoa Nghiêm. Nói như vậy, bộ kinh này còn kém kinh Hoa Nghiêm một bậc. Đã kém kinh Hoa Nghiêm một bậc, có sao lại là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm chỗ quy túc, không sai! Nói thật ra, Tây Phương Cực Lạc thế giới xét theo Hoa Nghiêm là thật, chẳng giả; vì sao tổ sư phán giáo chẳng phán định pháp môn này là viên mãn nhất, mà lại phán định là giáo nghĩa viên mãn kém hơn Hoa Nghiêm? Đây là nói theo căn tánh của chúng ta. Nay đối với chúng ta, nếu nói Sự Sự vô ngại thì [chúng ta] chẳng thể vãng sanh, còn nay chúng ta học Lý Sự vô ngại thì ai nấy đều vãng sanh, đạo lý là như vậy đó. Thế nhưng trong hội Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là thuần viên, là Sự Sự vô ngại, vì sao? [Cảnh giới của] Pháp Thân đại sĩ mà! Pháp Thân đại sĩ đọc kinh Di Đà thì kinh Di Đà là thuần viên. Nay chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất đọc kinh Di Đà, thấy kinh Di Đà

là phần viên thì đã khá lắm rồi, rất khó có rồi! Vì thế, pháp này do [thuận theo căn tánh của] con người mà kiến lập, phải hiểu ý nghĩa này!

“*Tịnh Độ y báo, chánh báo*” là nói đến thế giới Tây Phương, “*Tín - Nguyện - Hạnh*” là chúng sanh vãng sanh, đều quy vào nhất tâm. Y báo và chánh báo do nhất tâm hiện, Tín - Nguyện - Hạnh do nhất tâm biến. Vì thế, nhất tâm bất loạn là Pháp Tánh. Pháp Tánh là Phật Tánh, cho nên đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh*”. Phật Tánh là nhất tâm, hết thấy chúng sanh đều có nhất tâm. Nay quý vị chẳng giữ được nhất tâm, cái tâm bị loạn, vậy là chẳng có cách nào hết. Đó là chuyện của quý vị, người nào cũng chẳng giúp quý vị được, quý vị phải biết điều này!

Do điều này, trong hết thấy các pháp môn, bản thân tôi trong mấy chục năm đã thể nghiệm sự nhiệm mầu của Tịnh Độ. Nhiệm mầu ở chỗ nào? Bất luận chúng ta ở trong hoàn cảnh nào, đãi người, tiếp vật, chúng ta tu nhất tâm chẳng bị chướng ngại. Trong thuận cảnh, mọi người ưa thích ta, ta tu nhất tâm, không bị chướng ngại. Trong nghịch cảnh, người này hận ta, kẻ kia chán ghét ta, người này chửi ta, kẻ nọ muốn đánh ta, ta vẫn tu nhất tâm bất loạn, vẫn chẳng bị trở ngại, tu trong tâm địa của chính mình, chẳng bị ngoại cảnh ảnh hưởng; nhưng tu các pháp môn khác sẽ bị ảnh hưởng. Chẳng hạn như mới học tham Thiền, quý vị nhất định phải có chỗ rất yên tĩnh để tịnh tọa. Người niệm Phật giữa chỗ nào nhiệt vẫn một mực niệm A Di Đà Phật, miệng chẳng niệm, tâm ta niệm, chẳng trở ngại! Đi, đứng, nằm, ngồi chẳng rời niệm này, cách này rất tuyệt! Vì thế, dụng công trong pháp môn này chẳng bị chướng ngại. Đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể niệm, nằm trên giường cũng có thể niệm, thuận tiện lắm! Những pháp môn khác có rất nhiều chỗ chẳng thuận tiện như phương pháp này!

Có thể nói phương pháp này là một phương pháp tu hành chẳng bị ngoại cảnh quấy nhiễu mấy may, là phương pháp dễ thành tựu nhất, giống như trong kinh Hoa Nghiêm đã thị hiện “*trải qua sự để luyện tâm*”. Sự là gì vậy? Cảnh giới! Trong hết thấy cảnh giới, rèn luyện điều gì? Rèn luyện cái tâm thanh tịnh của chính mình. Đối với cảnh giới bên ngoài, khi ấy hãy xét mình có tâm tham hay không? Có tâm sân hay không? Có tâm ngu si hay không? Có thể thấy được! Đối diện hết thấy người và việc đều hiểu rõ ràng, hiểu Không, Giả, Trung, đó là chẳng ngu si. Trong thuận cảnh chẳng khởi tâm tham, trong nghịch cảnh chẳng khởi tâm sân, đó là nhất tâm bất loạn, đó là công phu chân chánh. Vì thế, quý vị tu hành mà tách rời hoàn cảnh bên ngoài thì đến nơi đâu để tu?

Không có chỗ nào để tu cả! Tu hành chẳng thể lìa khỏi xã hội, chẳng thể lìa khỏi mối quan hệ giữa con người với nhau, chẳng thể tách rời được! Vì lẽ nào? Công phu thật sự phải rèn luyện từ ngay nơi này! Giống như đao muốn bén nhọn, chẳng thể rời khỏi đá mài. Rời khỏi hòn đá mài, đao làm sao sắc bén cho được? Nói thông tục là: “*Chẳng thể chịu đựng sự khảo nghiệm của thời đại và quan hệ giữa con người với nhau thì khảo nghiệm ở chỗ nào?*” Luyện nhất tâm bất loạn, luyện cái tâm thanh tịnh, công phu của quý vị mới có thể thành tựu. Cái tâm thanh tịnh là Chân Như Phật Tánh của chính mình, phải hiển lộ Chân Như Phật Tánh của chính mình trong hoàn cảnh. Nhất tâm bất loạn là Chân Như của chính mình, là Phật Tánh của chính mình. Hiểu rõ đạo lý này, nếu trong hoàn cảnh, tâm vừa loạn thì tham, sân, si, mạn dấy lên, dấy lên phân biệt, chấp trước, hãy ngay lập tức cảnh giác “Phật Tánh của chúng ta lại mê rồi!” Làm như thế nào để thường xuyên giữ gìn giác chứ không mê, đây là tu hành thật sự, là công phu chân chánh. Đoạn này là nói chung. Đoạn thứ hai là dị giải (giải thích về những cách phán định Tông Thù khác biệt).

(Huyền Nghĩa) Kim minh thử kinh, cổ hữu đa giải.

(玄義) 今明此經，古有多解。

(Huyền Nghĩa: Nay nêu rõ, đối với kinh này từ xưa đã có nhiều người giải thích).

Từ xưa đến nay, người giảng kinh Di Đà rất nhiều, giải thích rất nhiều.

(Huyền Nghĩa) Hữu vị tín nguyện vi Tông.

(玄義) 有謂信願為宗。

(Huyền Nghĩa: Có người nói kinh này lấy tín nguyện làm Tông).

Có người chủ trương như vậy.

(Huyền Nghĩa) Hữu vị siêu quá tam giới nhị chủng thanh tịnh vi Tông, linh chư chúng sanh đắc Bất Thoái Chuyển vi Thú.

(玄義) 有謂超過三界二種清淨為宗，令諸眾生得不退轉為趣。

(*Huyền Nghĩa*: Có người bảo “hai thứ thanh tịnh vượt trội tam giới là Tông, khiến cho các chúng sanh đắc Bất Thoái Chuyển là Thú”).

Đương nhiên cách nói này cũng không sai, cũng có lý!

(*Sớ*) *Tín nguyện vi Tông giả, chư giải đa đồng.*

(疏) 信願為宗者，諸解多同。

(*Sớ*: *Phân đông các nhà chú giải chấp nhận tín nguyện là Tông*).

Rất nhiều người giảng kinh Di Đà chủ trương như vậy, đủ thấy đây chẳng phải là kiến giải của một cá nhân, mà là kiến giải của nhiều người.

(*Sớ*) *Dĩ kinh trung lữ ngôn: “Nhuộc hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ” cố.*

(疏) 以經中屢言：若有信者，應當發願，生彼國土故。

(*Sớ*: *Do trong kinh nhiều lượt nói: “Nếu là người có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy”*).

Họ có kinh văn đề làm chứng cứ, chẳng phải là nói tùy tiện, xác thực là như thế. Trong phần sau, chúng ta sẽ lại bàn về vấn đề này. Cách nói của Liên Trì đại sư chính là nhằm mở rộng vấn đề này tinh vi hơn, nhưng cũng chẳng rời khỏi nguyên tắc này.

(*Sớ*) *Nhị chủng thanh tịnh giả.*

(疏) 二種清淨者。

(*Sớ*: *Hai thứ thanh tịnh là...*)

“Hai thứ thanh tịnh” là nói về điều gì vậy? Chính là y báo và chánh báo.

(*Sớ*) *Luận ngôn Cực Lạc thế giới, y chánh nhị báo, thanh tịnh trang nghiêm, phi tam giới sở cập, cố dĩ vi Tông.*

(疏) 論言極樂世界，依正二報，清淨莊嚴，非三界所及，故以為宗。

(Sớ: Vãng Sanh Luận nói y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm, ba cõi chẳng thể bằng, nên lấy hai thứ ấy làm Tông).

Chữ “*luận*” chỉ Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát soạn. Vãng Sanh Luận cũng khuyên người ta niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương, vì bản thân Thiên Thân Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tây Phương. Ngài nói y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, trang nghiêm, thế giới Sa Bà chẳng thể sánh bằng, không có cách nào so sánh được! Có những người dựa theo cách nói của Vãng Sanh Luận, coi đó là tông chỉ [của kinh Di Đà].

(Sớ) Nhi yếu kỳ sở quy, vị linh chúng sanh, sanh bỉ thanh tịnh Cực Lạc quốc độ, sanh bỉ quốc dĩ, tức bất thoái chuyển, dĩ thử vi Thú.

(疏) 而要其所歸，為令眾生，生彼清淨極樂國土，生彼國已，即不退轉，以此為趣。

(Sớ: Nhưng xét đến mục đích thì là làm cho chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc thanh tịnh, đã sanh về cõi ấy liền được bất thoái chuyển, lấy điều này làm Thú).

Lấy điều này làm chỗ quy hướng, cách nói này cũng hết sức có lý. Bởi lẽ, nếu Bồ Tát chẳng tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định bị thoái chuyển, chuyện này phiền phức lắm! Trong mười phương thế giới, Bồ Tát tu hành thì phải tu đến khi nào mới chẳng bị thoái chuyển? Phải tu đến Bất Động Địa, Bất Động Địa gọi là Bất Động Địa, chẳng còn thoái chuyển nữa. Từ Thất Địa trở về trước, thừa quý vị, đều bị mê

khi cách âm, đều thoái chuyển. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Có vô lượng Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, trụ Bồ Tát đạo. Nói “*trụ Bồ Tát đạo*” là trong tâm thường nghĩ đến Lục Độ, tức Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Bát Nhã, dùng cái tâm này, dùng sáu cái tâm này để tự hành, hóa độ người khác. Đó gọi là “*trụ Bồ Tát đạo*”. Cúng dường bốn trăm ức Phật, quý vị nghĩ xem phước báo của họ lớn chừng nào! Chẳng qua người Ấn Độ nói Ưc thì chẳng phải là một vạn vạn là một Ưc, mà là mười vạn là một Ưc, [dẫu Ưc của họ nhỏ như vậy] cũng đã bắt phàm rồi! Cúng dường bốn trăm ức Phật, vẫn bị cách âm, vẫn bị thoái chuyển!

Điều này khuyến khích, cổ vũ chúng ta nhất định phải phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh cũng chẳng bị thoái chuyển, đều viên chứng ba thứ Bất Thoái. Bởi lẽ, y báo và chánh báo bên ấy thanh tịnh trang nghiêm, “*tam giới chẳng thể sánh bằng*”. Tam giới nói theo nghĩa hẹp là thế giới Sa Bà của chúng ta, theo nghĩa rộng là thế giới của chư Phật trong mười phương! Các thế giới của chư Phật trong mười phương đều là tam giới, đều chẳng sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu sánh bằng thì vì sao mười phương chư Phật đều khuyên mọi người hãy vãng sanh [Cực Lạc]? Đạo lý này rất hiển nhiên! Các cõi nước Phật trong mười phương đều chẳng thanh tịnh trang nghiêm bằng thế giới Tây Phương! Vì thế, các vị đồng tu phải chân thật tu học pháp môn này, mong trong một đời này, chúng ta sẽ đạt mục đích. Vì sao phải giảng kinh giáo? Giảng kinh giáo nhằm mục đích nào? Nhằm kiên định lòng tin, trừ nghi hoặc cho quý vị, cổ vũ, khích lệ quý vị phát nguyện, mục đích giảng kinh là ở chỗ này! Nếu quý vị đầy đủ tín nguyện, nói cách khác, điều quan trọng nhất sau tín nguyện là niệm Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 85

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bốn mươi mốt.

Trong phần Dị Giải, những quan điểm được nêu ra trong các bản chú sớ của cổ đức đương nhiên đều rất có lý, đều chẳng mâu thuẫn với chánh kinh.

Hôm nay, đoạn văn chúng ta sắp thảo luận chính là lời quyết đoán của Liên Trì đại sư: Tông Thủ thật sự rốt ráo ở chỗ nào.

(Huyền Nghĩa) Thử kinh tông hồ Pháp Tánh, ư Pháp Tánh trung, phục phân tổng biệt, tổng nhi hợp chi, vị thị y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú.

(玄義) 此經宗乎法性，於法性中，復分總別，總而合之，謂是依正清淨，信願往生，以為宗趣。

(Huyền Nghĩa: Kinh này đề cao Pháp Tánh. Trong Pháp Tánh, lại chia thành Tổng và Biệt. Trong phần Tổng [Tông Thú], nói gộp lại [những ý kiến của chư cổ đức] thì lấy “y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh” làm Tông Thú).

Ý nghĩa này quả thật đã khái quát rất viên mãn những ý kiến về Tông Thú do cổ đức đề ra. Trước tiên nói “tông hồ Pháp Tánh” (đề cao Pháp Tánh), vì trong Ngũ Giáo, pháp môn Niệm Phật thuộc về Đại Thừa Chung Giáo, cũng là giai đoạn cuối cùng của Đại Thừa, đồng thời còn thuộc về Đốn Giáo, là pháp môn đốn siêu. Nó cũng có chút phân ý nghĩa Viên Giáo, Lý Sự vô ngại, thông với kinh Hoa Nghiêm. Đại Thừa Chung Giáo nói về Pháp Tánh, tuy cũng nói về Pháp Tướng, nhưng những Pháp Tướng được nói tới cuối cùng đều quy vào Pháp Tánh. Kinh này cũng mang ý nghĩa ấy, vì trong kinh này dạy “viên chứng ba thứ Bất Thoái”, hãy đặc biệt chú ý tới chữ Viên vì trong hết thảy các pháp môn không có chữ này! Ba thứ Bất Thoái Chuyện chính là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, trong thế gian chúng ta rất khó đạt được, quả thật chẳng dễ dàng! Vị Bất Thoái chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo; nói cách khác, bảo đảm chẳng lui sụt, đạt được bảo đảm. Điều này không chỉ cần phải có Thiên Định, mà còn cần trí huệ quán chiếu, vì sao? Trong Kiến Tư phiền não, nhất định phải đoạn tất cả tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới.

Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, dẫu công phu định lực tốt đẹp tới đâu đi nữa, có thể sanh vào trời Tứ Thiên, hay có thể sanh vào cõi trời Tứ Không, vẫn là lục đạo phàm phu! Sanh lên trời Tứ Thiên, khi thọ mạng trong cõi trời Tứ Thiên đã hết, vẫn phải đọa lạc! Tứ Không Thiên cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, vẫn phải đọa lạc, luân hồi! Phàm là địa vị càng cao, đọa lạc càng nặng. Khi thọ mạng của chư thiên Tứ Thiên, Tứ Không đã hết, nếu chẳng đọa địa ngục, sẽ đọa trong súc sanh đạo; hơn nữa, quá nửa là đọa địa ngục, đúng như câu nói: “Trèo cao, ngã đau”. Tiêu Thừa Sơ Quả công phu định lực chẳng bằng Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên, nhưng họ có trí huệ, có huệ giải, có thể đoạn phiền

não. Các đồng tu thật sự học Phật nhất định phải chú ý: Phiền não chẳng đoạn, chẳng thể liễu sanh tử! Nếu quý vị chẳng bị phiền não quấy nhiễu, đời này có thể thành Phật; quý vị bị phiền não nhiễu loạn, e rằng đời sau chẳng dễ gì sanh trong hai đường trời người. Vấn đề này hết sức nghiêm trọng, ai cũng chẳng giúp được!

Đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là địa vị Kiến Đạo trong Tiểu Thừa. Vị ấy đã thấy đạo, thấy đạo rồi sẽ tu đạo, đó mới là Vị Bất Thoái, chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo. Vị ấy tu hành chứng quả cũng có kỳ hạn, bảy lần sanh trong cõi trời hay cõi người sẽ đoạn Tư Hoặc; Tư Hoặc đoạn rồi bèn chứng quả A La Hán. Sau khi đã chứng A La Hán, hồi Tiểu hướng Đại, mới có thể đạt đến Hạnh Bất Thoái. Hạnh Bất Thoái chẳng còn lui sụt xuống Nhị Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác); nói cách khác, vị ấy quyết định là Đại Thừa Bồ Tát, chẳng bị lùi xuống địa vị Tiểu Thừa. Niệm Bất Thoái là mong thành Phật, niệm niệm đều tinh tấn hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giác, hay Sơ Địa trong Biệt Giác. Đó gọi là “*niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã*”, biển Tát Bà Nhã (Sarvajña) chính là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển nữa. Tuy vị ấy đã chứng ba thứ Bất Thoái Chuyển, nhưng chưa viên, “*viên*” là viên mãn! Viên mãn ba thứ Bất Thoái chính là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát đã viên chứng ba thứ Bất Thoái.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chẳng vãng sanh thì thôi, hề vãng sanh, dầu chỉ là hạ hạ phẩm vãng sanh, đều viên chứng ba thứ Bất Thoái. Quý vị hãy suy nghĩ: Tiệm nghi như thế tìm ở đâu ra! Ai nấy đều mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có vãng sanh hay chẳng? Nói thật ra, được vãng sanh hay không, chớ hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình! Nếu người khác tán thán quý vị: “Quý vị nhất định [vãng sanh] chẳng có vấn đề gì!” Kẻ ấy hoàn toàn chẳng bảo đảm! Đến khi ấy, quý vị có thể vãng sanh hay không vẫn phải dựa vào chính mình. So với chuyện tu học các pháp môn khác, điều này vẫn tốt hơn nhiều lắm, vẫn dễ đạt hơn nhiều. Thế nhưng quý vị vẫn phải tự trừ bỏ chướng ngại, tự buông vọng tưởng xuống! Chướng ngại chẳng thể trừ bỏ, vọng tưởng chẳng thể buông xuống được, thì một câu Phật hiệu chưa niệm đắc lực. Đối với công phu như vậy, trong lúc bình thường, chúng ta phải kiểm nghiệm, kiểm thảo xem câu Phật hiệu của chính mình có niệm đắc lực hay chưa. Đắc lực là gì? Khi ta niệm câu Phật hiệu này, quả thật có niệm trừ được phiền não, vọng tưởng của mình. Khi chẳng niệm Phật,

phiền não, vọng tưởng lại dấy lên. Khi niệm Phật, quả thật có thể bỏ được phiền não, vọng tưởng; công phu như thế gọi là “đắc lực”. Nếu niệm tới niệm lui mà vọng tưởng phiền não vẫn dấy lên như cũ thì niệm Phật hiệu chẳng đắc lực! Chính mình phải tự hiểu tình huống này, làm cách nào để giúp cho chính mình có công phu đắc lực mới nắm chắc vãng sanh.

Cô đức cũng nói: “*Người niệm Phật phải thường dán một chữ Chết trên trán*”. Chúng ta phải hiểu dụng ý thật sự của câu nói này. Thứ nhất là nâng cao sự cảnh giác của chính mình; thứ hai là dạy chúng ta hãy buông xuống muôn duyên. Đó gọi là “*sanh ra chẳng mang theo gì đến, chết chẳng mang theo gì đi*”, “*muôn thứ đem chẳng được, chỉ có nghiệp theo thân*”, quý vị chẳng thể mang theo gì cả! Khuyến khích chúng ta hãy buông xuống! Thân tâm, thế giới, hết thấy đều buông xuống, công phu dễ đắc lực. Có ý niệm cảnh giác này, quý vị sẽ tinh tấn chẳng lười, chẳng dám khinh dễ, bỏ lỡ tháng ngày quý báu, dùng thời gian quý báu này để dấy vọng tưởng, vì sao chẳng dùng thời gian ấy để niệm Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Hoàn toàn chẳng giống nhau!

Quý vị thành Phật thì mới thật sự có thể yêu thương, che chở người nhà. Nếu quý vị chẳng thành Phật, vô dụng! Sau khi đã thành Phật, bất luận người nhà quyên thuộc ở trong nẻo nào, quý vị đều nhận biết, đều có thể tìm được họ, đều có thể giúp đỡ họ. Nếu quý vị chẳng thành Phật, chính mình một mực hồ đồ, người nhà quyên thuộc có đầu thai vào nhà quý vị, quý vị cũng chẳng nhận biết, thật đấy! Có cha mẹ thân yêu nhất, con cái sau khi đã chết, bèn đầu thai làm chó, làm gà trong nhà mình, quý vị cũng chẳng biết, một mực giết chúng để ăn. Trong kinh Phật, chúng ta đã thấy [nói tới] điều này, do không biết mà!

“*Nhất niệm bất sanh*” là Phật, “*nhất tâm bất loạn*” chắc chắn thấy Phật; vì thế, nói là “*tông hồ Pháp Tánh*” (đề cao Pháp Tánh). Trong Pháp Tánh, lại chia thành Tông và Biệt. Ý nghĩa Tông là “*y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh*”. Đó là nghĩa chung, chúng ta hãy xem lời chú giải.

(Sớ) Thủ tiền nhị thuyết kiêm hợp ngôn chi, tông vi Tông Thú, dĩ tiền thuyết bất cai y chánh, hậu thuyết vị tường tín nguyện, cố tu kiêm hợp, thí đắc vô di.

(疏)取前二說兼合言之，總為宗趣，以前說不該依正，後說未詳信願，故須兼合，始得無遺。

(Sớ: Lấy hai thuyết trên đây cùng gộp lại để nói, tổng hợp thành Tông Thú. Bởi lẽ, thuyết trước chẳng bao gồm y báo và chánh báo, thuyết sau chẳng nói rõ tín nguyện, nên phải hợp lại thì mới chẳng thiếu sót gì).

Liên Trì đại sư nhận định cách nhìn của cổ đức. Trong phần trước, dựa theo lời cổ đức, có bản chú giải lấy tín nguyện làm Tông, có những bản chú giải lấy y báo và chánh báo thanh tịnh làm Tông, ý nghĩa đều chẳng viên mãn, đều lệch vào một bên. Liên Trì đại sư nói: Ý chỉ chính xác phải gồm cả hai điều này. Vì thế, hợp thuyết “y báo và chánh báo thanh tịnh” và “tín nguyện vãng sanh” của cổ đức làm Tông Chỉ sẽ chẳng bị thiếu khuyết ý nghĩa.

(Sớ) Lương điều y chánh tín nguyện, kiêm bị giao tư, nhi đắc vãng sanh, giai bất xuất tự tâm cố.

(疏)良繇依正信願，兼備交資而得往生，皆不出自心故。

(Sớ: Ấy là vì y báo, chánh báo, tín nguyện đều trọn đủ, phụ trợ lẫn nhau, bèn được vãng sanh, đều chẳng ra ngoài tự tâm).

Có tín, có nguyện, nếu không có y báo và chánh báo trang nghiêm nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín và nguyện của chúng ta đều phí uổng; vì thế, nhất định phải nương vào “y báo và chánh báo thanh tịnh” để giúp đỡ “tín nguyện” của chúng ta. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp như thế thì mới khởi tín tâm, mới phát nguyện vãng sanh. Xem chuyện này trong kinh Vô Lượng Thọ, quý vị xem bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, vừa đọc bốn mươi tám nguyện bèn chẳng thể không [phát nguyện] vãng sanh! Thấy có thế giới tốt đẹp dường ấy, hoàn cảnh tốt đẹp dường ấy, làm sao có thể không sanh về? Không nghe nói tới, chưa thấy, tín nguyện chẳng sanh khởi; chứ nghe rồi, thấy rồi, nhất định sẽ mong sanh về. “Tư” là tư trợ (資助: giúp đỡ), giúp đỡ quý vị, giúp quý vị sanh tín tâm, giúp quý vị phát nguyện, nầy sanh nguyện vọng cầu vãng sanh. Có y báo và chánh báo thanh tịnh của Tây Phương,

mà nếu chẳng có tín nguyện, cõi nước thanh tịnh ấy có liên quan gì với chúng ta đâu nhỉ? Chẳng có liên quan gì! Do vậy, nhất định phải có tín, có nguyện, như thế thì mới có thể giúp chúng ta đích thân chứng được hai thứ quả báo nơi y báo và chánh báo bên Tây Phương. Đủ thấy “y báo, chánh báo thanh tịnh” và “tín nguyện vãng sanh” là một, không hai!

“*Giai bất xuất tự tâm giả*” (đều chẳng ra ngoài tự tâm), chắc có kẻ hoài nghi, đã là “y báo, chánh báo, tín nguyện vãng sanh là Tông Thú”, cần gì phải nói “Pháp Tánh là Tông”? Do vậy, ở đây Liên Trì đại sư phải giảng giải rõ ràng. Cổ đức có vị nói kinh Hoa Nghiêm lấy “vô ngại thậm thâm pháp giới làm Tông”, cũng có người nói “lấy duyên khởi làm Tông, pháp giới duyên khởi chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau”, cũng có người nói “lấy nhân quả làm Tông”. Đủ thấy đại đức đối với Tông Thú có cách nhìn không nhất định, mỗi người có cách nhìn riêng, đều nói có lý, tùy thuộc người ấy nhìn từ góc độ nào. Có rất nhiều cách nói, chúng ta đều có thể dùng làm tham khảo.

Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, đã răn dạy đệ tử đời sau, hãy nương theo Tứ Y Pháp! Tuân thủ Tứ Y Pháp sẽ giống hệt, chẳng khác gì đức Phật tại thế. Điều thứ nhất trong Tứ Y Pháp là “y pháp, chẳng y nhân”. Pháp là kinh điển, chúng ta phải nương tựa vào đó. “Nhân” là gì? Chú giải do con người viết lời giải thích; vì thế, từ xưa đến nay nhiều bản chú giải của cổ đức chỉ để cho chúng ta tham khảo. Chúng ta nương vào kinh, như thế thì mới chẳng có thiên kiến, chẳng đi sai đường. Bất luận cổ nhân nói như thế nào, chúng ta nghe thử, nếu hợp lý thì chọn lấy một phần, tôi quyết định chẳng hoàn toàn đi theo Ngài. Chính mình làm như vậy thì mới có thể khai ngộ, mới có kiến giải của chính mình. Nếu không, bị người khác xỏ mũi lôi đi, không được rồi! Thế nhưng có không ít đồng tu mắc phải bệnh này, hễ nghe, học điều gì đầu tiên sẽ coi điều ấy là chánh yếu, chịu ảnh hưởng của vị tổ sư đại đức tiếp xúc lần đầu, chấp trước kiến giải của vị ấy là đúng, bài xích những ý kiến bất đồng của người khác. Đó là làm lỗi, là “y nhân, chẳng y pháp”. Tuy tổ sư đại đức rất cao minh, họ chưa thành Phật, kiến giải của họ chưa phải là viên mãn rốt ráo, họ chỉ có thể thấy được một phần. Vì thế, chúng ta chỉ có thể dùng [kiến giải của họ] làm [tài liệu] tham khảo, chớ nên hoàn toàn vâng theo họ.

Kinh Hoa Nghiêm nói về hành vi của Bồ Tát vô cùng rõ ràng, lại còn nói đến tu hành chứng quả. Thanh Lương đại sư chia toàn bộ bản kinh thành bốn đoạn lớn là Tín, Giải, Hành, Chứng, thứ tự vô cùng tinh nghiêm, cuối cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn

về Cực Lạc. Có người nói kinh Hoa Nghiêm “lấy Hải Ấn tam-muội lý thật làm Tông”, có người bảo “lấy nhân quả và lý thật hợp làm Tông”, nhân quả là hạnh vị, lý thật là pháp giới. Đây là cách nhìn của cổ đức đối với kinh Hoa Nghiêm, rất tương tự cách nhìn của cổ đức đối với kinh này [như đã nói] trong phần trên. Hiền Thủ đại sư đã dung hợp rất nhiều cách nhìn của các đại đức từ xưa thành một; nay Liên Trì đại sư có cách nhìn này, chẳng phải là do Ngài sáng tạo, phát hiện, Ngài cũng có căn cứ: Ngài cũng tuân theo lời khai thị của Hiền Thủ đại sư.

(Sớ) Kỳ tổng vi Tông Thú giả, như Hoa Nghiêm lệ.

(疏) 其總為宗趣者，如華嚴例。

(Sớ: Tổng Tông Thú của kinh này phỏng theo [cách phán định Tông Thú] của kinh Hoa Nghiêm).

Giống như chúng tôi vừa mới nói với quý vị [những điều này].

(Sớ) Bĩ kinh diệc kiêm chúng thuyết, tổng nhân quả duyên khởi Lý Thật pháp giới dĩ vi Tông Thú cố.

(疏) 彼經亦兼眾說，總因果緣起理實法界以為宗趣故

•

(Sớ: Kinh ấy cũng bao gồm các thuyết, gộp chung nhân quả, duyên khởi, Lý Thật, pháp giới làm Tông Thú).

Cách nói này rất có lý, Ngài cũng có căn cứ.

(Sớ) Nhược dục phân chi.

(疏) 若欲分之。

(Sớ: Nếu muốn tách ra).

Phân chia, vạch giới hạn rõ hơn một chút.

(Sớ) Thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú, nghĩa diệc tự minh.

(疏) 上句為宗，下句為趣，義亦自明。

(Sớ: Câu trên là Tông, câu dưới là Thú, ý nghĩa cũng tự sáng tỏ).

“*Thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú*” (câu trên là Tông, câu dưới là Thú), lấy kinh Hoa Nghiêm làm thí dụ, [Tông của] kinh Hoa Nghiêm là “*nhân quả, duyên khởi*”, đây là câu trên, là tông chỉ của kinh, “*Lý Thật, pháp giới*” là Thú. Tuân theo thể lệ [phán định Tông Thú] của kinh Hoa Nghiêm, đối với kinh Di Đà, “*y báo, chánh báo thanh tịnh*” là Tông, “*tín nguyện vãng sanh*” là Thú.

(Sớ) Nhược dục gia chi, bỉ kinh gia bất tư nghị, kim kinh diệc nhĩ.

(疏) 若欲加之，彼經加不思議，今經亦爾。

(Sớ: Nếu muốn thêm nữa thì kinh kia (kinh Hoa Nghiêm) còn thêm vào “chẳng nghĩ bàn”, kinh này (kinh Di Đà) cũng thế).

Kinh Di Đà cũng là chẳng nghĩ bàn, cũng là kinh chẳng thể nghĩ bàn. Thêm vào theo cách nào? Lấy kinh này làm mẫu thì “*y báo và chánh báo thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn*” là Tông, “*tín nguyện vãng sanh chẳng thể nghĩ bàn*” là Thú. Tín nguyện vãng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt diệu!

Nhị, biệt minh.

(Huyền Nghĩa) Hựu biệt minh chi, tắc thành ngũ đối: Nhất giáo nghĩa, nhị Sự Lý, tam cảnh hạnh, tứ hạnh tịch, ngũ tịch dụng, dĩ vi Tông Thú.

二、別明

(玄義) 又別明之，則成五對：一教義，二事理，三境行，四行寂，五寂用，以為宗趣。

(Hai là nói riêng về Tông Thú của kinh này.

Huyền Nghĩa: Lại nói Tông Thú riêng của kinh này sẽ gồm năm cặp: Một là giáo nghĩa, hai là Sự Lý, ba là cảnh hạnh, bốn là hạnh tịch, năm là tịch dụng. Dùng [năm cặp ý nghĩa này] làm Tông Thú).

Trong đoạn này, Liên Trì đại sư giải thích Tông Thú cặn kẽ, mà cũng là đặc biệt đề cao công dụng của bộ kinh này, mục đích không gì chẳng nhằm mong chúng ta sẽ phát khởi tín nguyện chân chánh. Cách

nói này quả thật cũng là bất đắc dĩ, vì thông thường, người thế gian xem nhẹ kinh này. Tuy người niệm tụng kinh Di Đà rất nhiều, trong giới Phật giáo chẳng coi trọng kinh này cho lắm. Phân lượng kinh này ngắn hơn những bộ kinh lớn như kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm quá nhiều. Thật ra, kinh Di Đà trọng yếu hơn tất cả các kinh, nhưng mọi người chẳng biết giá trị. Vì thế, Liên Trì đại sư bất đắc dĩ phải tốn ngàn ấy tinh thân để phân tích cặn kẽ cho chúng ta!

[Sách Diễn Nghĩa nhận định]: “*Thế nhân đa nghi thử kinh văn nghĩa thô thiển*” (người đời phần nhiều ngờ kinh này là thô thiển), coi rẻ kinh này, coi thường kinh này, “*giáo nghĩa nhất đối tức dĩ phá trừ giá cá kiến giải*” (cặp ý nghĩa “giáo nghĩa” đủ để phá trừ kiến giải này), chuyển biến cách nhìn của chúng ta đối với kinh này. “*Ngu giả đa chấp Sự nhi mê Lý, Sự Lý nhất đối năng phá trừ tha*” (Kẻ ngu phần nhiều chấp Sự mê Lý, cặp ý nghĩa Sự Lý có thể phá trừ kiến chấp ấy). “*Cuồng vọng đích nhân đa chấp Lý nhi phé Sự, cảnh hạnh nhất đối tức dĩ phá chi*” (kẻ cuồng vọng phần nhiều chấp Lý phé Sự, cặp “cảnh hạnh” đủ để phá trừ). Có thể có kẻ ngờ pháp môn Niệm Phật là pháp hữu vi, chẳng phải là pháp vô vi. Pháp hữu vi nông cạn, không cao minh như pháp vô vi, chẳng bằng Thiền. “*Hạnh tịch nhất đối tức dĩ phá chi*” (một cặp hạnh tịch đủ để phá [kiến chấp này]). Cũng có người nghĩ “Niệm Phật là Tiểu Thừa giáo, [người tu Tịnh Độ] chỉ mong giải thoát cho riêng mình, chẳng phải là giáo pháp Đại Thừa viên mãn nhất, “*tịch dụng nhất đối tức dĩ phá chi*” (một cặp tịch dụng đủ để phá trừ). Đại sư dùng năm cặp [ý nghĩa] này để thuyết minh.

- Thứ nhất là “*giáo nghĩa*”: Giáo là ngôn giáo, Nghĩa là nghĩa lý. Người có trí huệ có thể từ một chữ hay một câu trong kinh văn mà hiểu vô lượng nghĩa, nhưng người ngu chỉ biết niệm tụng, chẳng hiểu ý nghĩa. Vì thế, chẳng thể không nêu tỏ [những ý nghĩa được bao hàm trong] cặp “giáo nghĩa”. Rốt cuộc, người trí ít ỏi, kẻ ngu đông đảo nên tất yếu phải thảo luận [“giáo nghĩa”].

- Thứ hai là Lý Sự, Sự là nói tới “*y, chánh, tín, nguyện*”, tức y báo, chánh báo, khởi lòng tin, phát nguyện, những điều này đều là Sự. Lý là tự tánh, là Pháp Tánh. Mỗi một điều trong Sự như “*y, chánh, tín, nguyện*” đều quy về, hòa nhập vào tự tánh, tức là: Lý và Sự là một, Sự là Sự của Lý, Lý là Lý của Sự, Lý và Sự chẳng hai. Đương nhiên đối với những kẻ chấp Sự mê Lý, họ chẳng hiểu chỉ thú chân thật của kinh này.

- Thứ ba là “*cảnh hạnh*”. Cảnh là cảnh pháp giới, mà cũng là A Di Đà Phật. Hạnh là tâm pháp giới, tức là nhất tâm chấp trì. A Di Đà

Phật đã là cảnh pháp giới, nay chúng ta niệm một câu [Phật hiệu], dùng nhất tâm để xưng danh, há chẳng phải là dùng tâm pháp giới để nhập cảnh pháp giới ư? Có khác gì kinh Hoa Nghiêm hay chẳng? Chẳng khác gì! Do vậy, niệm một câu Phật hiệu, phải đặc biệt ghi nhớ, Phật, Tổ đều dạy chúng ta giống hệt: Nhất tâm xưng danh, nhất tâm đầy nhé! Nhất tâm là gì? Chẳng có ý niệm thứ hai thì là nhất tâm. Do vậy, khi niệm Phật, đừng nghĩ “ta cầu nhất tâm”, vì “cầu nhất tâm bất loạn” là vọng niệm, là nhị tâm. Niệm A Di Đà Phật, trong tâm lại nghĩ đến nhất tâm bất loạn, vẫn mong thấy Phật, thấy tướng tốt lành, vận dụng cả đồng cái tâm vào niệm Phật, không được rồi, đó chẳng phải là nhất tâm niệm. Nhất tâm là thật thà, tức là khi chúng ta niệm Phật, ý niệm gì cũng chẳng nghĩ đến, cũng chẳng nghĩ đến nhất tâm, cũng đừng nghĩ tới vãng sanh, cũng đừng mong thấy Phật, chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, thật thà niệm một câu Phật hiệu. Đó gọi là “*nhất tâm xưng niệm*”, điều này rất quan trọng!

Vì thế, có kẻ hoài nghi: Chẳng phải là trong kinh dạy chúng ta phải cầu nhất tâm bất loạn đó sao? Dạy chúng ta phải cầu sanh thế giới Cực Lạc đó sao? Vì sao lại chẳng nghĩ đến? Không sai, kinh dạy như thế, [nhưng quý vị phải hiểu]: Dạy quý vị phải có nguyện ấy, nhưng đừng nên có cái tâm ấy. Quý vị có cái tâm ấy, tâm quý vị sẽ biến thành khá nhiều tâm! Quý vị phải có cái nguyện ấy! Đã có cái nguyện ấy, quý vị biết vì sao chúng ta niệm câu A Di Đà Phật? Ta niệm câu A Di Đà Phật để cầu nhất tâm. Trong tâm chúng ta mong cầu nhất tâm, thì sẽ chẳng đạt được nhất tâm. Nay đức Phật dạy chúng ta một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật có thể đắc nhất tâm, ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là để cầu nhất tâm bất loạn đó sao? Niệm A Di Đà Phật, trong tâm lại nghĩ đến nhất tâm bất loạn, tức là quý vị chẳng nhất tâm xưng danh, chẳng thật thà, vừa niệm A Di Đà Phật vừa khởi vọng tưởng!

Kinh dạy chúng ta: Niệm A Di Đà Phật có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cách nguyện như thế nào? Niệm A Di Đà Phật chính là phát nguyện. Quý vị chẳng niệm Phật sẽ chẳng thể vãng sanh; niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Đủ thấy niệm một câu A Di Đà Phật, Tín - Nguyện - Hạnh đều trọn đủ. Quý vị chẳng biết ý vị này, cho rằng trong một câu Phật hiệu chẳng có gì hết, Tín cũng không có, Nguyện cũng chẳng có, nhất tâm bất loạn cũng chẳng có, thứ gì cũng đều không có. Quý vị niệm như vậy, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, quả thật là không có, vì sao? Vì trong tâm quý vị chẳng biết A Di Đà Phật có những gì. Niệm như vậy rất

oan uổng! Cổ nhân nói: “*Rách toạc cuồng hợng cũng uổng công*”. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ, bất cứ thứ gì cũng đều bao gồm trong một câu A Di Đà Phật; niệm một câu A Di Đà Phật có vô lượng vô biên công đức.

Nhất tâm xưng danh gọi là Nhất Hạnh tam-muội, cũng gọi là Nhất Tướng tam-muội. Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh đều biết: Muốn mình tâm kiến tánh thành Phật, làm Tổ, nhất định phải tu hai thứ tam-muội này. Trong Tịnh Độ, hai thứ tam-muội ấy là một câu A Di Đà Phật; chỉ cần quý vị nhất tâm xưng niệm thì hai thứ tam-muội ấy đều đầy đủ.

- Thứ tư là “*hạnh tịch*”. Hạnh là Nhất Hạnh tam-muội, là nhất tâm xưng niệm. Tịch là Tịch trong Tịch Quang. Nói cách khác, nhất tâm xưng niệm có thể chứng quả báo Thường Tịch Quang. Kinh Hoa Nghiêm gọi quả báo Thường Tịch Quang là Nhất Chân pháp giới, hay “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*” (bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới). Quý vị dùng phương pháp khác để tu sẽ rất phiền phức, rất khó tu thành công; nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, dùng phương pháp này dễ dàng, có thể hoàn thành trong một đời. Mấu chốt là nhất tâm xưng niệm, khi niệm Phật đừng nên khởi vọng tưởng!

- Thứ năm là “*tịch dụng*”, Tịch là bản thể Thường Tịch, Dụng là hằng sa diệu dụng. Hai chữ Tịch Dụng hoàn toàn nói về cảnh giới nơi quả địa Như Lai. Đây là nói đến viên mãn rốt ráo nhất, là Phật quả trong Viên Giác. Phật đích thân chứng bản thể Thường Tịch, Chân Như bốn tánh. “Thường” là vĩnh viễn chẳng biến đổi, “Tịch” là thanh tịnh tịch diệt, vĩnh viễn là tương tịch diệt thanh tịnh. Khi khởi tác dụng, sẽ là vô lượng vô biên, rộng độ chúng sanh. Đây mới là ý chỉ màu nhiệm của Đại Thừa. Xin hãy xem chú giải:

(Sớ) Nhất, Giáo Nghĩa nhất đối giả, dĩ giáo vi Tông, linh đạt nghĩa vi Thủ. Ngôn sùng thượng thứ niệm Phật vãng sanh chi giáo.

**(疏) 一、教義一對者，以教為宗，令達義為趣，言
崇尚此念佛往生之教。**

(Sớ: Cặp thứ nhất là “giáo nghĩa”: Dùng Giáo làm Tông, khiến cho thông đạt nghĩa lý là Thủ, đề cao giáo pháp niệm Phật vãng sanh này).

“Sùng” (崇) là đề cao, chúng ta đặc biệt đề cao bộ kinh này. Bộ kinh này là sách giáo khoa của Thích Ca Mâu Ni Phật ban cho chúng ta.

Nay trong nhiều bộ sách giáo khoa, chúng ta đặc biệt đề cao bộ này là do ý nghĩa nào? Ý tưởng chánh yếu của bộ sách giáo khoa này là dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; nhưng nếu chúng ta hỏi: Vì sao Phật muốn dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ?

(Sớ) Kỳ ý vân hà? Chánh dụng hiểu hội kinh trung sở thuyết A Di Đà Phật chánh báo, y báo thanh tịnh trang nghiêm.

**(疏)其意云何? 正欲曉會經中所說阿彌陀佛正報依報
清淨莊嚴。**

(Sớ: Có ý nghĩa như thế nào? Chính là vì muốn [cho người nghe] biết chánh báo và y báo thanh tịnh trang nghiêm của A Di Đà Phật như trong kinh đã nói).

Vì sao dạy quý vị niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ? Nhằm nói với quý vị, chánh báo (thân thể) trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh trang nghiêm. Cái thân mà chúng ta có trong thế gian này chẳng kiên cố, sanh, lão, bệnh, tử, thọ mạng ngắn ngủi. Hễ ăn uống không cẩn thận một tí, ngay lập tức thân thể ngã bệnh; trúng phong hàn một chút bèn cảm mạo, thân thể hết sức yếu ớt! Thân thể bèn Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là cái thân Kim Cang bất hoại mà lòng chúng ta thường hâm mộ, vĩnh viễn chẳng sanh bệnh. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng mở tiệm thuốc, chẳng có thầy thuốc, thọ mạng vô cùng dài, vô lượng thọ mà! Đức Phật vô lượng thọ, phàm ai sanh về nơi đó đều là vô lượng thọ, thọ mạng dài. Ở nơi này, chúng ta nếu thọ mạng dài, sống lâu bèn già nua, già nua bèn kém sáng suốt, chịu nổi khổ tuổi già! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trường thọ nhưng chẳng già. Quý vị nghĩ xem, quý vị có muốn về đó hay không? Đừng nói gì khác, chỉ nghe nói điều tốt đẹp này, bèn vội vàng sanh sang đó. Các thế giới của chư Phật trong mười phương đều chẳng có tình hình này, cho nên mới nói: “*Các cõi Phật mười phương, A Di Đà đệ nhất*”. Đây là nói đến y báo, chánh báo, y báo là hoàn cảnh. Hoàn cảnh nơi ấy quá tốt đẹp.

Theo dự ngôn của Đông phương và Tây phương từ năm nay trở đi, thế giới mỗi năm một hỗn loạn dữ dội hơn; do vậy, hoàn cảnh của chúng ta không tốt! Hoàn cảnh nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy, vì sao chẳng sanh về? Giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đều có thể [thoát nạn] kịp lúc, thời gian ba năm hay năm năm là

đủ rồi. Sau khi chúng ta tu thành công pháp môn này, thích đi khi nào bèn đi khi ấy, đến ngày địa cầu bị hủy diệt cũng không sao cả, ta đi rồi! Quý vị tự tại lắm, chẳng gặp nạn. Quý vị chẳng có bản lãnh ấy, sẽ bị gặp nạn, chịu sự uy hiếp ấy.

Nay tôi nói thật thà: Học Phật mà tu các pháp môn khác, sẽ [trở tay] chẳng kịp. Chẳng phải là các pháp môn khác không hay, [chỉ vì] các pháp môn khác chẳng nhanh chóng như vậy. Giáo pháp này là Đại Thừa Chung Giáo, Đại Thừa Đốn Giáo. Đốn là nhanh chóng, nhanh hơn Thiên! Thiên kém xa Tịnh, vì Thiên mà chưa minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng thể vượt thoát tam giới; dẫu sanh lên trời Tứ Thiên vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi. Người ấy có thể tránh khỏi tai nạn trên địa cầu, nhưng chưa ra khỏi lục đạo luân hồi, cho nên vẫn kém xa [hành nhân] nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là nói về những đạo lý được bao hàm trong giáo nghĩa, [tức là đạo lý] vì sao chúng ta phải niệm Phật cầu vãng sanh.

(Sớ) Tín chi nguyện chi.

(疏) 信之願之。

(Sớ: Tín rồi nguyện).

Chúng ta hiểu rõ giáo nghĩa này sẽ tin tưởng. Chúng ta tin tưởng chuyện niệm Phật vãng sanh, cũng muốn ra đi, bèn phát ra cái nguyện ấy.

(Sớ) Tắc sanh bỉ quốc.

(疏) 則生彼國。

(Sớ: Sẽ sanh về cõi ấy).

Đây là kết quả, nhất định có thể sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật.

(Sớ) Giáo trung hữu như thị nghĩa, thị kỳ Thú dã.

(疏) 教中有如是義，是其趣也。

(Sớ: Trong Giáo có nghĩa như vậy, đấy chính là Thú của nó).

“Giáo” là Tông, ý nghĩa [của Giáo] là hướng về (Thú).

(Sớ) Bất đồ vi ngữ ngôn văn tự nhi dĩ.

(疏) 不徒為語言文字而已。

(Sớ: Chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự mà thôi).

Chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự. Cổ đức nói: “Suốt ngày chuyển kinh, chẳng biết là suốt ngày bị kinh chuyển”. Trong Lục Tổ Đàn Kinh cũng có ý nghĩa này. Thiền sư Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến, đến gặp Lục Tổ [với thái độ] rất ngạo mạn. Lục Tổ vừa thấy thái độ của ông ta liền biết ngay, Ngài nói: “Trong bụng ông nhất định có thứ gì đó khiến ông cảm thấy mình rất phi thường, nên rất ngạo mạn”. Pháp Đạt thưa là chính mình đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày niệm một biến, ba ngàn bộ mất mười năm! Kinh niệm nhuyễn như, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, chỉ biết niệm kinh, chẳng hiểu ý nghĩa. Suốt ngày chẳng chuyển Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyển. Chuyển như thế nào? Do niệm nhiều kinh như thế, cảm thấy chính mình có công đức rất lớn, người khác chẳng sánh bằng, ngạo nghễ, ngã mạn. Kẻ khác chẳng niệm kinh ấy, đối với người khác rất khiêm hư, cho rằng ta cái gì cũng không có, khách sáo đối với người khác, điều gì ta cũng thua người khác. Niệm kinh nhiều ngàn ấy, cảm thấy chính mình ghê gớm lắm, bị kinh chuyển rồi, làm mất rồi! Vì thế, Lục Tổ khai thị cho Sư, cảnh tỉnh Sư, dạy Sư phải liễu giải nghĩa thú và nghĩa lý trong kinh; đây mới là “chuyển kinh”. Vì thế, đọc kinh nhất định phải hiểu Lý; nếu chẳng hiểu Lý, sẽ bị kinh xoay chuyển. Bị kinh xoay chuyển chính là như Thanh Lương đại sư đã nói: “Tăng trưởng tà kiến”. Quý vị chẳng hiểu nghĩa chân thật trong kinh. Quý vị niệm càng nhiều, tà kiến càng lắm, tăng trưởng tri kiến, tăng trưởng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Nếu thật sự thông đạt nghĩa lý trong kinh, càng đọc kinh này, tâm địa càng thanh lương, phiền não càng ít, phân biệt, chấp trước càng ít. Quý vị chuyển được kinh đây!

Vì thế, nhiều người trẻ tuổi hiện thời chẳng biết phương pháp nghiên cứu kinh Phật, họ đọc càng nhiều thì càng giống như thiền sư Pháp Đạt: Con mắt dần dần trợn ngược lên đỉnh đầu, coi thường kẻ khác, ngỡ mình học rộng, nghe nhiều, làm lẫn quá đỗi! Ngay cả học vấn thế gian cũng có chỗ kỳ hủ này! Pháp thế gian cũng thường nói: “*Khi học vấn sâu, ý khí bình*”. Người càng có học vấn, càng khiêm hư. Người càng có học vấn, có đạo đức, càng cảm thấy chẳng bằng ai, càng chẳng

dám khinh mạn người khác. Đây là thật sự có học vấn, có đạo đức, quyết chẳng phải là nói ta đọc càng nhiều sách, càng có học vấn, càng coi thường người khác! Càng có học vấn, càng tự kiêu, tự đại, chẳng có lẽ ấy!

“*Bất đồ vi ngữ ngôn, văn tự nhi dĩ*” (chẳng phải chỉ có ngữ ngôn, văn tự mà thôi). Ý nghĩa này hết sức sâu. Cổ đức đã từng nói: “*Tụng kinh thiên quyển, bất như giải kinh nhất kệ*” (Tụng một ngàn quyển kinh, chẳng bằng hiểu một bài kệ trong kinh). Một kệ là bốn câu. Quý vị đọc một ngàn cuốn kinh, chẳng bằng hiểu ý nghĩa của bốn câu kệ; vì quý vị hiểu ý nghĩa bốn câu kệ, sẽ dùng cả đời chẳng hết! Niệm một ngàn bộ kinh, nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, khác nào niệm uổng công!

(Sớ) Nhị, Sự Lý nhất đối giả, dĩ Sự vi Tông, linh hiển Lý vi Thú.

(疏) 二、事理一對者，以事為宗，令顯理為趣。

(Sớ: Cặp thứ hai là Sự Lý, lấy Sự làm Tông, khiến cho Lý hiển lộ là Thú).

Năm cặp này đều có ý nghĩa liên quan, tầng sau sâu hơn tầng trước. Cặp “*giáo nghĩa*” trong tầng trước cạn nhất, càng về sau [mỗi cặp ý nghĩa] càng sâu hơn.

(Sớ) Thừa thượng nhất kinh ngôn giáo.

(疏) 承上一經言教。

(Sớ: Tiếp nối ngôn giáo của một kinh như [đã nói] trong phần trước).

Tiếp theo những điều đã nói ở trên.

(Sớ) Câu ước sở thuyên chi nghĩa, nhi nghĩa trung phục hữu Sự Lý.

(疏) 俱約所詮之義，而義中復有事理。

(Sớ: Điều dựa theo những nghĩa lý được giảng [trong kinh mà lập ra cặp ý nghĩa thứ hai này], nhưng trong nghĩa lý lại có Sự và Lý).

Sự và Lý do đâu mà có? Phần nghĩa lý trong giáo nghĩa lại có Sự và Lý; lấy Sự làm Tông, lấy Lý làm Thú.

(Sớ) Ngôn sùng thượng thử y chánh tín nguyện đấng sự, kỳ ý vân hà? Chánh dụng hiển phát Sự trung sở cụ chí Lý, thị kỳ Thú dã.

(疏)言崇尚此依正信願等事，其意云何，正欲顯發事中所具至理，是其趣也。

(Sớ: Đề cao những chuyện như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v... là vì ý gì? Chính là muốn nêu rõ trong Sự có trọn đủ Lý tốt cùng, lấy đó làm Thú [của bộ kinh này]).

“Chí Lý” có hai ý nghĩa:

- Một là “tùy văn nhập quán”, đây cũng chính là như cổ nhân đã dạy chúng ta, nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*” (dung hợp, quy về tự tánh), có ý nghĩa ấy! Quý vị nghe kinh giảng các Sự, bèn có thể quy hết các Sự ấy về tự tánh, đó là Lý, Lý chính là tự tánh của quý vị. Tu hành phải “*chuyển Thức thành Trí*”, hai câu này (tức “*tiêu quy tự tánh*” và “*chuyển Thức thành Trí*”) chính là tông cương lãnh tu hành trong Phật môn chúng ta. Nghe kinh phải tiêu quy tự tánh, mà đọc kinh cũng phải tiêu quy tự tánh, phải quy về chính mình. Có thể quy về chính mình, quý vị mới hiểu kinh giáo liên quan hết sức mật thiết với chính mình. Tuy chuyện ấy do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra, nhưng đây chính là nói về những ý nghĩ trong tâm chúng ta. Những điều này có phải là ý nghĩ của Phật hay không? Chẳng phải! Chúng là những ý nghĩ trong tâm của chính chúng ta bị đức Phật nói ra, đó là “*quy về tự tánh*”. Chính mình chẳng nói ra, người khác nói ra những ý nghĩ trong tâm của chính mình, hãy quy về tự tánh!

- Thứ hai là “y Sự tu tạo” (nương theo Sự để tu tập, tạo tác): Chiếu theo Sự, Sự chính là “y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín nguyện vãng sanh”, chúng ta chiếu theo những chuyện ấy để nghiêm túc tu học, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sáng tỏ Lý tự tánh duy tâm, đích thân chứng “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật sẽ chứng đắc cảnh giới ấy. Đây chính là nghĩa thú quan trọng trong cặp Sự Lý.

(Sớ) Bất đồ vi sự duyên chi tích nhi dĩ.

(疏)不徒為事緣之跡而已。

(Sớ: Chẳng phải chỉ là dấu vết nơi sự duyên mà thôi).

“*Đồ vi sự duyên chi tích*” (chỉ là dấu vết nơi sự duyên), ở đây có hai tình huống:

- Một là đọc sách chấp chết cứng, đọc đến mức ngây ngốc. Tuy hằng ngày đọc sách, chẳng hiểu đạo lý trong ấy. Kẻ ấy hằng ngày đọc, có thể nói suốt ngày dùi mài nơi từng trang giấy cũ, chết cứng trong từng hàng chữ. Loại người như vậy rất đáng tiếc.

- Tình huống thứ hai là hằng ngày niệm Phật, cầm xâu chuỗi “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, nhưng chẳng biết vì sao phải niệm Phật! Chẳng thể quy Phật hiệu về tự tánh. Vì thế, tôi thường nói: Chúng ta niệm một câu Phật hiệu sáu chữ “nam-mô A Di Đà Phật”, hoặc niệm bốn chữ A Di Đà Phật, bốn chữ hay sáu chữ đều là cùng một câu. Từng câu từng chữ đều bao hàm Tín - Nguyện - Hạnh, đều bao hàm y báo, chánh báo, thanh tịnh trang nghiêm, đều bao hàm Giác - Chánh - Tịnh, và cũng bao gồm Giới - Định - Huệ, lục độ, vạn hạnh, không có gì chẳng bao hàm!

Từng câu, từng chữ trong Phật hiệu là sống động, hoạt bát! Quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, suốt ngày từ sáng đến tối lần chuỗi, cổ nhân bảo “*rách toạc cuống họng vẫn uống công*”. Thậm chí còn có những kẻ hiểu lầm, trong quá khứ tôi đã nghe đồng tu kể: Có những kẻ niệm Phật để làm gì? Họ nói niệm Phật một tiếng là được một đồng, mai sau chết đi vào trong cõi Âm, tôi niệm Phật càng nhiều càng nhiều tiền! Người còn chưa chết đã chuẩn bị làm quỷ, tích trữ tiền bạc trong cõi Âm để tương lai làm một con quỷ giàu có, chẳng thành quỷ đói, làm lẫn quá đỗi!

Do đây có thể biết: Niệm Phật chẳng thể không hiểu lý! Cũng có những kẻ hoài nghi, cũng có người nghe rồi coi rẻ. Sách vở từ xưa cũng đã ghi chép có kẻ chưa từng nghe kinh, chẳng hiểu đạo lý, vì sao niệm Phật cũng được vãng sanh? Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện đều có chuyện như vậy, thậm chí trong thời gần đây cũng có. Kẻ rất ngu si, chẳng biết chữ, chưa từng học hành, chuyện gì cũng chẳng hiểu, niệm một câu A Di Đà Phật bèn được vãng sanh. Quý vị phải hiểu, tuy người ấy cái gì cũng không biết, nhưng người ấy có tín nguyện. Quý vị hỏi: Niệm Phật để làm gì? [Người ấy đáp]: Tôi muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ấy biết! Tuy người ấy chẳng biết nhiều, biết một chút là đủ rồi! Người ấy có thể niệm Phật vãng sanh do người ấy đã nhất tâm xưng niệm. Chúng ta thường nói là “thật thà niệm Phật”, người ấy niệm Phật chẳng khởi vọng tưởng, niệm lâu ngày, người ấy bèn thành công.

Vì thế, đối với người niệm Phật, quan trọng nhất là phải buông xuống. Nói “buông xuống” chính là thật sự không có vọng tưởng, hết thảy đều tùy duyên, quyết định chẳng phan duyên, phan duyên là chưa buông xuống được! Phan duyên là gì? Trong tâm nhất định phải làm như thế này như thế nọ, đấy là phan duyên! Tùy duyên là tùy thuận hoàn cảnh, cảnh nghịch xảy đến bèn vâng chịu. Vì sao? Tâm tùy duyên bèn thanh tịnh, bình đẳng; tâm phan duyên chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Điều này có mối quan hệ mang tánh chất quyết định đối với chuyện niệm Phật vãng sanh của chúng ta. Vì thế, thứ gì cũng đều phải buông xuống, điều gì trong cuộc sống trước mắt cũng đều là tốt đẹp, trong cảnh giới thật sự tu cái tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, từ bi. Ba tâm này nhất định giúp chúng ta vãng sanh. Chánh trợ song tu, chánh tu là một câu A Di Đà Phật, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi; trợ tu là dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trong hết thảy hoàn cảnh nhân sự. Người như vậy không ai chẳng vãng sanh; đã thế, vãng sanh nhất định có tướng lành, biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, lúc mất chẳng ngã bệnh, nói “đi” bèn “đi”. Cận đại, có người đứng mất hoặc ngồi qua đời.

Hôm qua tôi đi xem phim, mấy chục năm tôi chưa hề xem phim. Có thể chảm phim Lục Tổ Truyền được sáu mươi điểm, miễn cưỡng coi như cũng đạt! [Cuộc đời] Lục Tổ có rất nhiều chỗ quan trọng, rất khiến người ta cảm động, rất dễ khơi gợi người khác, nhưng phim chưa thể hiện được, rất đáng tiếc. Lục Tổ ra đi rất tự tại. Triệu tập đại chúng, bảo mọi người, khi nào ta sẽ ra đi, các ông có điều gì hãy hỏi mau! Trước khi Ngài tịch một năm đã hé lộ tin ấy. Quý vị đọc Đản Kinh thấy Ngài biết trước lúc mất, phái hai người về quê hương Ngài, dựng tháp tại chùa Quốc Ân. Tuy trước khi mất một năm, Ngài chẳng nói rõ, nhưng chuyện này cũng giống như ngầm báo. Trước khi mất một tháng, Ngài mới tuyên bố rõ ràng Ngài sắp ra đi. Chuẩn bị tất cả hậu sự cả năm trước, chẳng ngã bệnh. Khi Ngài ra đi bèn khai thị, nói xong, bảo mọi người: “Ta đi đây”. Ngồi viên tịch, chẳng sanh bệnh. Cận đại, pháp sư Đàm Hư cũng không khác lắm! Quý vị đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục thấy Đàm Hư đại sư viên tịch tại Hương Cảng, cũng triệu tập các môn đệ của Ngài, dặn dò xong, rất an tường ngồi yên qua đời.

Quý vị nói chúng tôi là người xuất gia, kể tại gia sợ làm không được. Tôi lại thưa cùng quý vị: Ở San Francisco có một vị lão cư sĩ là bà Cam, bà ta có một người thân thích, cũng là một bà cụ suốt đời niệm A Di Đà Phật, thân thể rất mạnh khỏe. Khi cụ mất, cũng ngồi qua đời, ra đi

trong đêm, người nhà còn đang ngủ, cụ ngồi trên giường, chẳng ngủ. Cụ xếp bằng tịnh tọa trên giường. Đến sáng hôm sau, không thấy cụ mở cửa phòng, người nhà cảm thấy rất lạ lùng: Sao hôm nay bà cụ trễ quá mà chưa dậy? Bà cụ vốn lo việc nhà, nấu cơm, chăm sóc cháu bé là chuyện của cụ. Rất lâu vẫn chưa thấy cụ dậy, gõ cửa phòng, gõ cửa chẳng thấy cụ ừ hử, bèn mở cửa phòng. Mở cửa ra, thấy bà cụ ngồi trên giường, gọi cụ, cụ chẳng trả lời. Xem kỹ, cụ đã mất rồi. Không chỉ đã mất, mà còn biết trước lúc mất, áo tang của mọi người lớn nhỏ trong nhà, chẳng biết cụ đã may sẵn từ lúc nào, từng bộ xếp ngay trước mặt cụ!

Bà cụ ấy rất thú vị, đã sớm biết trước, đã sớm chuẩn bị chu đáo, cụ ra đi! Cụ chẳng nói với người nhà, hễ nói, sẽ đi không được. Đại khái là người trong nhà vừa khóc vừa làm ồn, cụ bị nhiễu loạn, không có cách nào ra đi được! Quý vị thấy cụ ra đi thông dong ngân ấy, tự tại đường ấy. Đến khi người nhà phát hiện, cụ đã đến thế giới Cực Lạc rồi! Đó là một vị nữ cư sĩ tại gia, hằng ngày làm việc nhà, hằng ngày bận bịu chăm lo cuộc sống của mọi người, mà cụ tự tại ngân ấy, cụ chuẩn bị nhiều việc đường ấy. Quý vị bèn hiểu: Tối thiểu là [cụ biết trước lúc mất] một tháng trước đó. Nếu không, đồ tang nhiều như vậy, chẳng thể nào may xong trong một hai hôm được! Nhất định là cụ may mà người nhà vẫn không biết, không có ai trông thấy, chắc chắn cụ phải may trong đêm khi mọi

người đã ngủ nên không ai biết! Tôi thiếu là trước đó một tháng. Đây là hàng tại gia cư sĩ. Vì thế, biết trước lúc mất, ra đi tự tại, chẳng phải chỉ lợi ích cho hàng xuất gia, mà hàng tại gia cũng làm được! Quý vị thấy bà cụ cao minh lắm, thật sự cao minh! Đây là người hiện thời, chẳng phải cổ nhân. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này!

Tập 86

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bốn mươi bốn:

(Sớ) Tam, Cảnh Hạnh nhất đôi giả, dĩ cảnh vi Tông, linh khởi hạnh vi Thú. Cảnh tức thị sở quán chi Lý, đối năng quán chi Trí, cố danh vi Cảnh. Ngôn sùng thượng thử Lý, kỳ ý vân hà? Ký tri Di Đà tự tánh, Tịnh Độ duy tâm, chánh dục tức thử dĩ vi chân cảnh, nhi khởi quán hạnh, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, thị kỳ Thú dã, bất đồ vi hiểu đạt thử Lý nhi dĩ.

(疏) 三、境行一對者，以境為宗，令起行為趣。境即是所觀之理，對能觀之智，故名為境。言崇尚此理，其意云何？既知彌陀自性，淨土唯心。正欲即此以為真境，而起觀行，執持名號，一心不亂，是其趣也，不徒為曉達此理而已。

(Sớ: Cặp thứ ba là “cảnh - hạnh”. Lấy cảnh làm Tông, khiến cho khởi hạnh là Thú. Cảnh chính là cái Lý được quán đối ứng với cái Trí dùng để quán, nên gọi [Lý được quán] là Cảnh. Đề cao Lý này là vì ý gì? Nhằm biết Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ duy tâm, nhằm muốn lấy ngay điều này làm cảnh thật để dấy lên quán hạnh, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Đây là Thú, chứ không phải chỉ thông hiểu Lý mà thôi!)

Đây là cặp thứ ba trong năm cặp Tông Thú của kinh này. Chữ “Cảnh” nếu chiếu theo lời giải thích trong phần sau thì chính là lấy danh hiệu Di Đà làm cảnh giới. Bốn chữ danh hiệu có bản thể là pháp giới. Nhất định phải hiểu ý nghĩa của danh hiệu bốn chữ này! A Di Đà Phật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác, A dịch là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Bốn chữ này cũng là tự tâm của chúng ta, tông

Thiên Thai nói “*một niệm trong tự tâm trọn đủ ba ngàn tánh tướng*”, nói thật ra, chúng ta thường nói y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, không gì chẳng giác; do vậy, gọi là Vô Lượng Giác. Vì thế, trong cặp Cảnh Hạnh, “*lấy Cảnh làm Tông*”, lấy “*khởi Hạnh làm Thủ*”.

“*Sở quán chi Lý*” và “*năng quán chi Trí*” cũng chính là đức Phật được ta niệm và cái tâm niệm Phật của ta. Cái tâm niệm Phật là Quán Trí, đức Phật được niệm là cảnh giới. Phật pháp và học thuật thế gian khác nhau ở chỗ này, tức là Năng và Sở chẳng hai, Cảnh và Hạnh như một, màu nhiệm ở chỗ này. “*Năng quán chi Trí*” là cái tâm linh minh chẳng mê muội của ta. Linh giác là chẳng bị gián đoạn, nhưng nay sự linh giác của ta bị chướng ngại, chẳng thể tỏ lộ tác dụng. Quy nạp những thứ chướng ngại ấy lại thì một là Phiền Não Chướng, hai là Sở Trí Chướng. Đây là hai thứ chướng ngại. Kinh cũng nói đến Tam Chướng, Tam Chướng là Hoặc Chướng, Nghiệp Chướng, và Báo Chướng, nhưng Nhị Chướng bao gồm Tam Chướng. Do vậy, tâm linh minh giác liễu của chúng ta chẳng thể tỏ lộ. Nay đức Phật dạy chúng ta phương pháp này, tức là dùng phương pháp Niệm Phật để khôi phục bốn tánh, nhưng chúng ta chớ nên không liễu giải chân tướng sự thật này: Ngoài tâm không cảnh, ngoài cảnh không tâm; tâm và cảnh là một, chẳng hai. Phải hiểu rõ đạo lý này.

“*Ngôn sùng thượng thủ Lý, kỳ ý vân hà*” (đề cao Lý này là vì ý gì), vì sao phải đề cao cặp Cảnh - Hạnh này? Nhằm nói cho chúng ta biết đại ý: Di Đà là tự tánh Di Đà, Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ. Vì thế, Cảnh và Trí chẳng hai, ý nghĩa là như vậy đó.

“*Chánh dụng tức thủ dĩ vi chân cảnh, nhi khởi quán hạnh*” (Chính là vì muốn lấy điều này làm cảnh thật để khởi quán hạnh), câu này có nghĩa là: Chúng ta phải nên hiểu rõ những chữ ấy chính là “*tự tánh duy tâm*” và “*sở quán chi Lý*”, những chữ nào vậy? Bốn chữ A Di Đà Phật! Lìa khỏi tâm tánh của chính mình, sẽ chẳng có danh hiệu; lìa khỏi danh hiệu cũng chẳng có tâm tánh. Câu này nên nói như thế nào? Chúng tôi vẫn dùng tỷ dụ để nói: Ví như khi chúng ta nằm mộng, cảnh trong mộng do tâm chúng ta biến hiện. Lìa khỏi tâm chẳng có mộng cảnh; lìa khỏi mộng cảnh chẳng có tâm! Khi nằm mộng, cái tâm này biến thành mộng cảnh. Vì thế tâm và mộng cảnh là một, chẳng hai. Chúng ta dùng tỷ dụ này để lãnh hội [ý nghĩa Cảnh và Hạnh]. Nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật giống như cảnh giới trong mộng, A Di Đà Phật là cảnh giới do cái tâm niệm Phật của chúng ta biến hiện. Cái tâm niệm Phật là Trí,

danh hiệu được niệm là Cảnh. Từ ý nghĩa này, hãy quan sát những đạo lý được giảng trong kinh này, quý vị sẽ lý giải chẳng khó cho lắm!

Vì thế, phải lấy điều này “*làm cảnh thật để khởi quán hạnh*”. Quán hạnh là “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, lấy điều này làm Thú*”. Mấu chốt tu hành Tịnh Độ nằm trong hai câu này. Một bộ kinh Di Đà cũng là đề nói hai câu này. Vì thế, thật sự muốn thành tựu Tịnh nghiệp thì niệm Phật vô cùng quan trọng. Bình thường, ta nghiên cứu những kinh luận đều là để khi chúng ta niệm Phật trong Niệm Phật Đường sẽ chẳng khởi vọng tưởng, chẳng chấp trước, thật sự đạt được “*chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi*”, khiến cho chúng ta có thể thành tựu trong một thời gian ngắn. Đối với chuyện này, tôi luôn mong dành thời gian để nói rõ cặn kẽ cùng quý vị: Khi niệm Phật, chúng ta phải nên dùng tâm tư thái độ như thế nào thì mới có thể đạt được hiệu quả thật sự. Đối với chuyện này, nếu dùng sai cái tâm, sẽ rất khó đạt được hiệu quả. Tuy đã hiểu rõ Lý, vẫn phải biết nên dùng tâm thái nào để niệm.

Câu tiếp theo là “*bất đồ vị hiệu đạt thử Lý nhi dĩ*” (chẳng phải vì để thấu hiểu Lý này mà thôi), nếu đã hiểu rõ đạo lý này, nhưng chẳng chịu tu hành, chẳng chịu niệm thì cũng uổng phí, vẫn chẳng thể thành tựu.

(Sớ) Tứ, Hạnh Tịch nhất đôi giả.

(疏) 四、行寂一對者。

(Sớ: Cặp thứ tư là Hạnh Tịch).

Trong năm cặp này, mỗi tầng một sâu hơn, cảnh giới càng thù thắng hơn. Hạnh [trong Hạnh Tịch] chính là Cảnh Hạnh đã nói trong phần trên.

(Sớ) Dĩ Hạnh vi Tông, linh chí Tịch vi Thú.

(疏) 以行為宗，令至寂為趣。

(Sớ: Lấy Hạnh làm Tông, khiến đạt đến Tịch làm Thú).

Tịch là gì? Nói thật ra, đây chính là nhất tâm.

(Sớ) Ngôn sùng thượng thử niệm Phật quán hạnh, kỳ ý vân hà? Lương diêu tâm tuy bốn tịch, đa sanh tập nhiễm, xúc cảnh sanh tâm. Nhược bất tu quán hạnh, túng linh cường ức vọng tâm, chung phi Định Huệ bình đẳng.

(疏)言崇尚此念佛觀行，其意云何？良繇心雖本寂，多生習染，觸境生心。若不修觀行，縱令強抑妄心，終非定慧平等。

(Sớ: Đề cao quán hạnh niệm Phật này là vì ý gì? Ấy là vì tâm tuy vốn tịch, nhưng do đắm nhiễm tập khí nhiều đời, hệ tiếp xúc cảnh bèn sanh tâm. Nếu chẳng tu quán hạnh, dầu gượng khắc phục vọng tâm, rốt cuộc vẫn chẳng phải là Định và Huệ bình đẳng).

Trong quá trình tu hành gần như [ai cũng] đều đã gặp qua [tình trạng này, tức là tập khí đắm nhiễm nhiều đời khiến cho tâm loạn], không chỉ là Tông Môn, Giáo Hạ, ngay cả niệm Phật cũng chẳng tránh khỏi. Vì thế, chúng ta phải biết Quán Hạnh vô cùng quan trọng. Nói theo sự tu tập trong pháp môn Tịnh Độ, Quán Hạnh là tín nguyện trì danh. Đây chính là Quán Hạnh [trong pháp môn Tịnh Độ], phải sốt sắng niệm Phật. Trong phần trước đã nói rõ mục đích niệm Phật là “cầu đắc nhất tâm bất loạn”; ở đây, [lời Sớ] giảng “*lương diêu tâm tuy bốn tịch*” (ấy là vì tuy tâm vốn tịch), cái tâm của chúng ta vốn là nhất tâm, vốn chẳng loạn [cho nên niệm Phật để khôi phục nhất tâm].

Hiện thời tâm chẳng tịch, hiện thời tâm loạn vì lẽ nào? Tiếp đó, [lời Sớ] nêu ra nguyên nhân: “*Đa sanh tập nhiễm, xúc cảnh sanh tâm*” (Do đắm nhiễm tập khí nhiều đời, hệ tiếp xúc cảnh bèn sanh tâm). Tám chữ này nói rõ ràng. “*Đa sanh*”: Chẳng phải là một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp. “*Tập*” (習) là tập khí, “*nhiễm*” (染) là nhiễm trước (chấp trước ô nhiễm). Đắm nhiễm tập khí nhiều đời, nhiều kiếp. Nhiễm là ô nhiễm, Trước là chấp trước. Vì thế, hệ sáu căn tiếp xúc sáu trần, tập khí bèn khởi tác dụng, lập tức bị cảnh giới bên ngoài ô nhiễm, lại dấy lên phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Do vậy, cái tâm tịch tĩnh vốn có của chúng ta bị mất diện mục và tác dụng. Vì thế, đức Phật mới bảo chúng ta: Nếu chẳng tu Quán, “*bất tu Quán Hạnh*” (chẳng tu Quán Hạnh) sẽ chẳng thể khôi phục, nhất định phải tu Quán Hạnh, tức là tín nguyện trì danh, chúng ta đi theo con đường này.

Mọi người phải thật sự hiểu rõ, phải giác ngộ lớn lao, phải thật sự giác ngộ, tập khí đáng sợ lắm! Thế nhưng các đồng tu học Phật hiện thời, có ai chẳng đang dốc hết tánh mạng hòng tăng trưởng tập nhiễm? Không chỉ chẳng thể giảm bớt tập nhiễm, mà hằng ngày còn mong cho nó tăng thêm! Đó là khuyết điểm to lớn. Tăng thêm như thế nào? Chẳng hạn như đặc biệt nói về các đồng tu mới học Phật, kinh gì cũng muốn xem, pháp môn gì cũng muốn học, muốn học rộng nghe nhiều; đó là tăng trưởng “tập nhiễm”! Nếu lấy học vấn thế gian để nói, người ấy nghiên cứu Phật học, làm theo cách ấy không sai, làm đúng rồi! Nếu [xét theo phương diện] học Phật, người ấy đã đi sai đường, học Phật chẳng phải là học theo kiểu đó! Học Phật là gì? Mong đạt được nhất tâm bất loạn, mong minh tâm kiến tánh, mục đích ở chỗ này, chứ không phải là học rộng nghe nhiều. Trong phần Huyền Nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói học rộng nghe nhiều là “*tăng trưởng tà kiến*”, chẳng học mà cũng chẳng nghe là “*tăng trưởng vô minh*”. Hãy làm như thế nào? Thưa quý vị, học một thứ, chuyên tinh, chẳng cầu học rộng. Hiện thời học Phật chẳng có mấy người thành tựu, nguyên nhân là do đâu? Chẳng đúng cách, dùng sai phương pháp!

Quan niệm tu học Phật pháp và pháp thế gian khác nhau. Hồ Thích⁹¹ đề xướng “*học hỏi phải giống như Kim Tự Tháp*”, trước hết phải học rộng, dần dần chuyên tinh. Đó là [cách học trong] thế gian. Phương pháp cầu học trong Phật pháp là Kim Tự Tháp lật ngược, trước chuyên sau rộng, cách học như vậy. Thoạt đầu là thâm nhập một môn, vì sao? Tâm quý vị mới có thể thanh tịnh. Khi học nhiều, người học nhất định khởi phân biệt, tâm chẳng đạt được thanh tịnh. Từ xưa đến nay, những tổ sư đại đức Trung Quốc, quý vị đọc Cao Tăng Truyện hay Cư Sĩ Truyện, sẽ biết: Tất cả những người có thành tựu đều là suốt đời học một thứ, thâm nhập một môn, sau khi đã tiến nhập mới có thể cầu học rộng.

⁹¹ Hồ Thích (1891-1962) là một nhà tư tưởng thời cận đại của Trung Hoa. Ông ta quê ở huyện Tích Khê, tỉnh An Huy, tên thật là Hồ Tự Môn, tự Hy Cường, về sau đổi tên thành Hồ Thích, lấy bút hiệu là Thích Chi. Ông ta từng học ngành canh nông tại đại học Cornell ở Hoa Kỳ rồi học Triết tại đại học Columbia, chủ trương cách mạng văn hóa, đề xướng phong trào thay đổi văn hóa, bài xích Khổng Mạnh và các trào lưu tư tưởng cũ, là một người lãnh đạo tích cực trong phong trào Ngũ Tứ Vận Động. Trong nhiệt tình cải cách Trung Hoa, ông ta đã đề xướng cấm tuyệt sử dụng Văn Ngôn trong nhà trường cũng như hô hào “*đả đảo Khổng gia điểm*” (đả đảo tiệm buôn của nhà họ Khổng).

Kinh Hoa Nghiêm là một thí dụ rất hay. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần. Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều. Lúc Ngài mới học, có làm như vậy hay không? Không! Vừa mới bắt đầu học bèn theo một vị thầy là Văn Thù Bồ Tát. Ở chỗ Văn Thù Bồ Tát, Ngài chuyên dốc sức, chuyên tu, tu một thứ! Tu thành công một thứ, nhà Thiên gọi chuyện này là “khai ngộ”, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, người niệm Phật gọi là “nhất tâm bất loạn”, phải tu đạt đến cảnh giới này. Cảnh giới ấy chính là tốt nghiệp, đã hoàn thành một giai đoạn. Từ đây trở đi bèn học rộng nghe nhiều. Tu học trong Phật pháp giống như một cái cây, trước hết đã có thân chính rồi sau đó mới dần dần có cành lá, hoa quả, giống như vậy, chứ chẳng giống Kim Tụ Tháp.

Nhưng hiện thời nhiều đồng tu học Phật chúng ta làm ngược ngạo, dùng phương cách Kim Tụ Tháp: Vừa bắt đầu liền học rộng nghe nhiều, đến khắp nơi nghe ngóng, đến khắp nơi nhìn ngó, khiến cho đầu óc rối loạn lung tung, chẳng nắm được đầu mối. Hỏi người ấy thì chuyện gì cũng biết, khá lắm, là một nhà Phật học cỡ bự! Có đoạn được phiên nào hay chẳng? Chẳng hề! Thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn chẳng thể đoạn tí nào! Chẳng thể đắc Định, chẳng thể khai Huệ. Kẻ học nhiều như thế gọi là Thế Trí Biện Thông, là cái học ký vẩn⁹², đọc cho nhiều, nghe cho lắm, nhớ cả đống, chứ chẳng phải từ tâm tánh của chính mình lưu lộ! Hy vọng các đồng tu phải chú ý điều này!

Trong nhiều năm, qua các buổi giảng, tôi thường đề nghị các đồng tu hãy học theo một thầy, quý vị sẽ có thành tích. Nay ta chẳng tìm được thầy, đúng là chẳng tìm được thầy! Nếu quý vị gặp một vị thầy, nói chung, thầy cũng chẳng khác quý vị cho mấy, luôn là một vị thầy học rộng nghe nhiều, cũng là một vị thầy có học thức ký vẩn! Cái học thức ký vẩn thì ngay cả Nho gia cũng chẳng cần đến! Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có câu: “*Ký học chi vẩn, bất túc dĩ vi nhân sư dã*” (Cái học do hỏi han, ghi nhớ, chẳng đáng để làm thầy người khác được). Chúng ta tìm không được thầy thì làm sao đây? Tìm cổ nhân. Nay chúng ta muốn học kinh Di Đà mà chẳng tìm được thầy thì tìm Liên Trì đại sư.

⁹² Học ký vẩn, tức là học thuộc, ghi nhớ lầu lầu, nhuỷ nhừ, hễ ai hỏi đến sẽ nói thao thao, nhưng thật ra chẳng nắm được cốt lõi, chẳng hiểu ý nghĩa chân thật. Những ý nghĩa người ấy nói ra chỉ là do hỏi han hay tìm đọc, tham khảo từ sách vở hay dựa dẫm vào kiến thức của người đi trước, chứ không do tự tánh lưu lộ, nên hoàn toàn chỉ nắm được cái vỏ rỗng của văn tự!

Bản chú giải này là của Liên Trì đại sư, chúng ta nương theo bản chú giải này của Liên Trì đại sư là được rồi!

Chắc quý vị cũng nói: Chúng tôi đọc bản chú giải này của Liên Trì đại sư không hiểu! Nói thật ra, đây chẳng phải là chuyện khó. Nay tôi báo cáo với quý vị những điều tâm đắc của tôi khi đọc bản chú giải này, tôi chẳng giảng giải. Quý vị đọc bản chú giải này cũng giống như vậy, chỉ cần thành tâm thành ý đọc từ đầu đến cuối, đừng nóng ruột, chuyện này có gấp gáp cũng chẳng được! Câu tiếp theo là nói “*Cưỡng ước vọng tâm*” (gượng chế ngự vọng tâm), đó là gấp rút! Chuyện này gấp gáp chẳng được, cổ đức thường nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy ý nghĩa). Quý vị đọc Sớ Sao từ đầu đến cuối một ngàn lần, sẽ khai ngộ. Vì sao khai ngộ? Nếu quý vị chẳng nóng ruột, cứ thông thả đọc. Đọc một ngàn biến sẽ đắc Định. Quý vị đã nhất tâm bất loạn bèn thành công, bất tri bất giác thành tựu nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là đại triệt đại ngộ, có đạo lý như vậy!

Vì thế, thiện tri thức chân chánh muốn tìm một học trò, học trò hướng về vị ấy xin dạy dỗ; trước hết, vị ấy nhất định sẽ hỏi: “Ông đã học Phật bao lâu? Đã đọc những kinh điển nào? Đã nghe những ai chỉ dạy?” Nếu quý vị nói: “Tôi đọc khá nhiều kinh luận, tôi nghe rất nhiều pháp sư đại đức giảng kinh”. Vị ấy bèn rất khách sáo: “Khá lắm! Rất hiếm có! Ông chẳng phải xoàng!” Chắp tay tán thán quý vị vài câu, ông hãy đi đi! Chẳng thể dạy ông được! Vì sao chẳng thể dạy? Quý vị phải biết: Tập khí của chúng sanh là “*tiên nhập vi chủ*” (cái gì được tiếp xúc trước, sẽ trở thành chánh yếu), đầu óc quý vị đã chứa đầy áp Phật pháp, thầy giảng điều gì, quý vị sẽ tranh luận, chẳng phục, còn dạy gì nữa đây? Chẳng có cách nào dạy được! Bởi lẽ, quý vị vừa mới học Phật đã đi sai đường.

Nếu quý vị gặp một vị thiện tri thức, người ta hỏi quý vị: “Ông đã niệm kinh nào?” “Tôi mới học, vẫn là mới tiếp xúc”. “Có nghe ai giảng kinh hay chưa?” “Chưa nghe ai giảng kinh”. Người ấy sẽ coi quý vị như bảo bối, quyết định chẳng vứt bỏ, [dù chỉ có] một người thì người ấy cũng dạy quý vị, vì sao? Một trang giấy trắng, sạch tinh tươm, chưa từng bị ô nhiễm, người này dễ dạy, chẳng có thành kiến, dạy hấn ta điều gì cũng đều có thể tiếp nhận hoàn toàn. Vì thế, một vị thiện tri thức gặp được người như vậy, cả đời sẽ coi người ấy như bảo bối, có thể truyền pháp cho người ấy, đâu có đơn giản! Hiện thời, nói thật thà thì thiện tri thức cũng chẳng dễ gì gặp được. Có gặp, vị ấy cũng chẳng thể dạy quý vị. Vì vậy, bắt đầu dĩ chỉ có cách kiếm cổ nhân, người hiện thời tìm

không được thì kiếm cỗ nhân. Học kinh Di Đà, tìm Liên Trì đại sư, tìm Ngẫu Ích đại sư; học kinh Hoa Nghiêm tìm Thanh Lương đại sư, Lý Trường Giả, họ là người đời Đường, chỉ có thể làm như vậy. Chúng ta thật sự muốn học đạo, muốn thành tựu, đó là con đường đúng đắn duy nhất, là con đường to lớn sáng sủa!

Khi nào mới có thể đi tham học, đến các nơi nghe kinh, đến các nơi nhìn ngó? Phải thật sự đạt được tâm đắc nơi một môn, chẳng hạn như khai ngộ, có ngộ xứ. Quý vị đọc bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này mười năm; sau mười năm, quý vị lại đi nghe các vị thầy giảng kinh, thuyết pháp, xem những bản chú sớ khác nhau, quý vị sẽ khác hẳn, thật sự có tư cách tham học, vì sao? Tôi đã dụng công nơi bộ kinh này mười năm, đến khi ấy quý vị đã mở mang huệ nhãn, pháp nhãn cũng đã mở; bất luận đến nơi đâu xem xét, thăm dò, chắc chắn đạt được lợi ích, chẳng bị tổn hại. Nếu chẳng có cơ sở mười năm nơi một bộ kinh, nói thật ra, chẳng có tư cách tham học!

Vì sao hiện thời Phật Học Viện chẳng thể đào tạo nhân tài? Trong quá khứ, tôi cũng dạy tại Phật Học Viện mấy năm, nay tôi chẳng đến đó. Vì sao chẳng đến? Tôi đã hiểu rõ, đó là đại hội đua tài giảng diễn. Học trò là thánh chúng, giờ này, vị pháp sư X... đến giảng một tiếng đồng hồ; giờ sau, thay thầy Y... lại giảng một môn khác nữa. Học sinh có thể tiếp thu hay chẳng? Hoàn toàn chẳng thể hấp thu! Vừa mới giảng xong, ngay lập tức, thay thầy khác, thay bài học, quên sạch, quên bém mọi điều trong giờ học trước! Cái còn sót lại là “thầy X... giảng như thế nào? Thầy này giảng ra sao?” Phê bình họ Trương giỏi, họ Lý dở ở nơi đó. Chúng ta cần gì phải tham gia đại hội tranh tài giảng diễn ấy? Chẳng ganh đua với người ta, cho nên tôi cũng chẳng đến. Mất thời gian, tổn tinh lực, chẳng đạt được hiệu quả! Chẳng bằng chính mình ở nhà xem kinh, niệm Phật, thật sự có thụ dụng. Đây là tôi công hiến kinh nghiệm tham học của chính mình cho quý vị đồng tu tham khảo.

“*Nhược bất tu quán hạnh, túng linh cường ức vọng tâm*” (nếu chẳng tu quán hạnh, dầu gắng gượng chèn ép vọng tâm), “*ức*” (抑) là đè nén, đây là tu tập quá gấp rút, rất phiền phức, sẽ thu được hiệu quả trái ngược. Chẳng hạn như người tham Thiền, miễn cưỡng không chế vọng tâm của chính mình, dầu cho người ấy tu Thiền thì vẫn là có Định chứ không có Huệ. Thiền ấy như thế nào? Si Thiền. Dầu hết thấy vọng tưởng đều buông xuống, đều chẳng nghĩ tới, đến cuối cùng, tu thành Vô Tướng Định, biến thành ngoại đạo. Dầu tu thành công, tương lai sanh làm ngoại đạo thiên trong Tứ Thiên Thiên, tức là Vô Tướng Thiên, học Phật mà trở

thành ngoại đạo! Học Giáo, nếu dụng tâm quá độ, tâm hiếu cường, hiếu thắng tha thiết, chúng tôi thấy rất nhiều người thổ huyết, thần kinh còn bị rối loạn. Trong quá khứ, chúng tôi cũng có một đồng học dụng công quá độ, nghiên cứu kinh chẳng ngủ nghỉ, làm như thế mười tháng sau chẳng thể xem kinh! Ông ta bảo tôi: “Chỉ cần nhìn vào kinh, liền thấy một vàng đen kịt, chẳng thấy một chữ nào”. Biến thành tình trạng như thế là vì dụng công chẳng thích đáng! Tham Thiền cũng giống như thế, mà niệm Phật cũng như vậy, quyết định chẳng thể dụng công quá gấp rút. Muốn thành tựu nhanh chóng, chắc chắn đi vào ngõ rẽ! Chớ nên quá lơ lửng, mà cũng đừng quá gấp rút. Vì thế, Phật pháp dạy quý vị phải noi theo Trung Đạo thì mới có thể thành công. Niệm Phật đã mệt, bèn nghỉ ngơi, đừng nghĩ “chẳng thể nghỉ ngơi được, ta lại bị gián đoạn”, thể lực sẽ không chịu được, quý vị đâu phải là căn tánh ấy! Thể lực tốt đẹp, mỗi ngày chỉ cần ngủ hai tiếng đồng hồ thì quá tốt, quý vị có thể niệm bảy ngày bảy đêm không ngủ nghỉ, vẫn được! Thân thể không ổn, chắc chắn chớ nên miễn cưỡng! Hết mệt bèn nghỉ ngơi, tinh thần khôi phục sẽ niệm tiếp, như vậy mới là tốt, như vậy mới là “chẳng gián đoạn”. Vì thế, mọi người phải hiểu ý nghĩa này, đừng nên miễn cưỡng đè nén bản thân, “*chung phi Định - Huệ bình đẳng*” (rốt cuộc chẳng phải là Định - Huệ bình đẳng). Định - Huệ bình đẳng mới là Thiên thật sự.

(Sớ) Kim y chánh quán, chấp trì danh hiệu, chí u nhất tâm, tắc phục hoàn không tịch chi Thể, thị kỳ Thú dã.

(疏) 今依正觀，執持名號，至於一心，則復還空寂之體，是其趣也。

(Sớ: Nay nương theo chánh quán, chấp trì danh hiệu, đến mức nhất tâm bèn khôi phục cái Thể không tịch, đó là Thú).

“Chánh quán”: Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì, Sự Trì và Lý Trì đều gọi là Chánh Quán. “Chí u nhất tâm” (đạt đến nhất tâm) là nhất tâm bất loạn. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, bất luận Sự Trì hay Lý Trì, có thể trì đến mức đoạn Kiến Tư phiền não thì đều gọi là Sự nhất tâm bất loạn. Sự Trì hay Lý Trì đều như nhau. Niệm đến mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đều gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Sự Trì chú trọng nơi sự tướng, chúng ta thường nói “thật thà niệm Phật”, những người này thường thành tựu nhiều hơn người thông đạt kinh giáo, lại còn cao minh hơn, vì sao? Người thông đạt kinh giáo suốt

ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, nghĩ kinh này là đạo lý gì, kinh kia là đạo lý gì, đều gọi là “suy nghĩ lung tung”.

Lục Tô nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, tâm thanh tịnh khăn yếu lắm! Do vậy, sư Ấn Tông hỏi Lục Tô: “Ngũ Tô có thường giảng Thiên Định giải thoát hay không?” Ngài lập tức ngăn lại, nói: “*Thiên Định và giải thoát là hai pháp, Phật pháp là pháp không hai, hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Ngăn chặn ngay! Nói cách khác, do Ấn Tông là pháp sư giảng kinh, đầu óc đầy ắp danh từ Pháp Tướng, cho nên chẳng thể kiến tánh. Tuy Sư có thể giảng kinh, nhưng chẳng thể minh tâm kiến tánh, Lục Tô một đao cắt ròi, đoạn dứt tất cả tri kiến của Sư, mong Sư có thể minh tâm kiến tánh.

Thông đạt giáo nghĩa, thông đạt lý luận, niệm A Di Đà Phật, đó gọi là Lý Trì. Sự Trì là hoàn toàn không hiểu, như đồ đệ của pháp sư Đê Nhân, chẳng biết chữ, chưa từng học hành, chưa hề nghe kinh, xuất gia cũng chưa thọ giới. Pháp sư Đê Nhân bảo ông ta niệm một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, dạy ông ta một câu như thế. Người này rất tuyệt vời, thật sự nghe lời, thật sự tiếp nhận, chịu làm, người này hoàn toàn là Sự Trì. Sở dĩ, lão pháp sư dạy ông ta [làm như thế] là do ông ta đã lớn tuổi mới xuất gia, ngoài bốn mươi mới xuất gia: “Ông niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Một mực niệm như thế, nhất định có lợi ích”. Chính ông ta cũng không biết có lợi ích gì, nhưng niệm suốt ba năm, bèn biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Sự trì đấy! Khi ông ta vãng sanh, pháp sư Đê Nhân lo liệu hậu sự cho ông ta, tán thán: “*Đại pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, phương trượng các ngôi chùa nổi tiếng trong thế gian hiện thời, không ai có thể sánh bằng ông! Thật sự chẳng sánh bằng!*” Ông ta điều gì cũng chưa nghe đến, chuyện gì cũng chẳng biết, trong đầu ông ta chẳng có những thứ lộn xộn. Thầy dạy ông ta một câu A Di Đà Phật, từ đây trở đi, trong đầu chỉ có A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, điều gì cũng không biết, do như vậy nên mới có thể thành công.

Nay chúng ta đã bị lừa, đã chắt chứa không ít thứ [trong lòng]. Nếu đã hiểu rõ, thấu triệt Lý, thấu triệt rồi thì sao? Có thể buông xuống. Nếu chẳng thấu triệt Lý, không buông xuống được, vẫn nghĩ ngợi, như vậy là sẽ bị thiệt thòi nhiều lắm! Nói thật ra, các đồng tu chúng ta đang hiện diện nơi đây, có ai chẳng phải là đời đời kiếp kiếp đều tu hành? Có ai chẳng cúng dường vô lượng chư Phật? Giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Cúng dường bốn trăm ức Phật*”, nhưng quý vị mê khi cách âm, vẫn bị thoái chuyển, là vì lẽ nào? Đời đời kiếp kiếp đều học, nhưng

chẳng học thấu suốt, mà vẫn không đành lòng buông xuống, tạo thành đại chướng ngại cho chính mình.

Tôi thường khuyến khích các đồng tu, kinh giáo học một môn, thâm nhập một môn, trong tương lai sẽ thành một người có uy tín trong Phật học. Chẳng hạn như trong thời cận đại, lão pháp sư Viên Anh xuất gia, suốt đời chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Trong lời tựa bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, Sư cho biết: Từ năm hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi, Sư bắt đầu dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, đến lúc ngoài bảy mươi tuổi mới viết xong bộ Giảng Nghĩa. Sư suốt đời dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm, gần như chẳng có ngày nào không đọc Lăng Nghiêm. Thông đạt một bộ kinh, các kinh khác đều thông!

Trong giới cư sĩ tại gia, cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời dụng công nơi kinh Kim Cang trọn bốn mươi năm. Bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của ông là bộ chú giải kinh Kim Cang có uy tín nhất, dụng công quá sâu! Cư sĩ Châu Chỉ Am cũng dốc sức suốt bốn mươi năm nơi Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, viết ra cuốn Tâm Kinh Thuyên Chú, là bản chú giải Tâm Kinh có giá trị nhất. Chúng ta phải học theo điều này, chỉ cần dốc sức nơi một môn, nhất định sẽ có thành tựu, chẳng có thầy cũng chẳng sao!

Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục, pháp sư Đàm Hư có chép truyện cư sĩ Lưu Văn Hóa đọc kinh Lăng Nghiêm, không ai chỉ dạy, cư sĩ đọc suốt tám năm. Ông ta niệm kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm bèn có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Ông ta biết Đông Y đôi chút, mở tiệm thuốc Bắc. Có một buổi trưa, ông ta ở trong tiệm thuốc Bắc, không có ai mua bán, liền gục đầu lên quày ngủ gà ngủ gật. Chính ông ta cảm giác hình như mình ngủ mà chẳng phải ngủ, trọn chẳng phải là đã ngủ say, thấy hai người bước vào. Hai người ấy đã chết, là oan gia đối đầu của ông ta, trong quá khứ đã từng có tranh chấp nợ nần, cùng lôi nhau ra tòa. Lưu Văn Hóa thắng kiện, hai người này thua kiện. Sau khi thua, hai người này bèn treo cổ tự tử.

Đối với chuyện này, ông ta từ trước đến giờ cảm thấy khó chịu lắm, vì lẽ nào mà do một chút tiền đến nỗi ép hai người mất mạng? Tự mình thường áy náy. Nay thấy hai người bọn họ đi đến, ông ta hoảng sợ, biết hai người này đã chết: “Hai con quỷ này đến đây, sợ là đến báo thù!” Rốt cuộc, ông ta thấy hai người này dường như không có ác ý, họ đi tới trước mặt ông ta quỳ xuống. Ông ta bèn hỏi: “Các ông quỳ trước mặt tôi để làm gì?” Bọn họ nói: “Cầu siêu độ”. Ông ta bèn vững tâm, chẳng phải là họ đến báo thù, mà là cầu siêu độ. Ông ta bảo: “Được!

Cách siêu độ ra sao?” Họ thưa: “Chỉ cần ông nhận lời là được!” “Không sao! Tôi bằng lòng!” Ông nhìn thấy hai con quỷ ấy trèo lên đầu gối ông ta, trèo đến vai bèn thăng thiên.

Sau khi hai con quỷ ấy được siêu độ, kẻ đó, ông ta lại thấy một nữ nhân dẫn một đứa bé. Cô ta là người vợ đã mất của ông ta, đứa con cũng theo mẹ tới trước mặt ông ta, cũng muốn cầu siêu độ. Ông ta bèn đáp ứng giống như vậy: “Được rồi, ta bằng lòng, ta siêu độ các người”. Cũng là thấy bà vợ dắt đứa bé trèo lên đầu gối ông ta, lên đến vai bèn thăng thiên. Nghi thức gì cũng chẳng có, cũng chẳng cần tụng kinh, cũng chẳng cần bái sám. Do sức mạnh nào vậy? Do công đức của tám năm đóng cửa đọc kinh Lăng Nghiêm. Do vậy, là người thật sự có đạo hạnh, ông ta gật đầu, [người đã mất] bèn được siêu độ.

Không ai giảng giải, không có thầy, chớ sợ! Chỉ cần quý vị cầm cuốn kinh sách này, mỗi ngày đọc một lần, đọc suốt mười năm hay tám năm sẽ hữu hiệu, sẽ thành công. Nói cách khác, quý vị có tâm nhẫn nại hay không? Tâm nhẫn nại là phước báo, quý vị có phước báo ấy hay không? Đó là quý vị có thiện căn, nhân duyên, nay kinh điển chẳng thiếu khuyết chính là nhân duyên trọn đủ, quý vị cũng hiểu rõ đạo lý này. Nói cách khác, quý vị có phước phận hay không? Phước phận chính là tâm nhẫn nại. Trong thực tế, thân cận thầy cũng giống như vậy! Chẳng thân cận một vị thầy mười năm, cũng chẳng thể thành tựu. Tại Đài Trung, tôi thân cận thầy Lý suốt mười năm. Năm Dân Quốc 47 (1958), tôi thân cận thầy, đến năm Dân Quốc 56 (1967) rời thầy, tròn mười năm, không kiên trì sẽ không được. Khuyết điểm lớn nhất của con người hiện thời là mong nhanh chóng, mong mau thành, mong muốn có ngay danh lẫn lợi, đâu có chuyện như vậy được! Nhất định không thể như thế được! Thưa quý vị, nếu danh lợi thật sự đưa tới thì nó tới cũng nhanh mà đi cũng chóng. Đây là đạo lý tất nhiên! Mong nhanh chóng sẽ chẳng đạt được mà!

(Sớ) Bất đồ vi hữu tác vọng kế nhi dĩ.

(疏) 不徒為有作妄計而已。

(Sớ: Chẳng phải là hữu vi, hư vọng biến kế sở chấp mà thôi)

“Hữu tác” là hữu vi, “hữu tác” là đối với “vô tác” mà nói. “Vọng kế” hay “hư vọng biến kế” chính là nói tương phản với Viên Thành Thật trong Duy Thức. Câu này có nghĩa là: “Nhược bất quy

không tịch, tắc thị hữu vi, hữu tác chi tu” (Nếu chẳng quy về không tịch, sẽ là tu hữu vi, hữu tác). Do tu hữu vi, hữu tác, chắc chắn không đạt được nhất tâm, chắc chắn chẳng thể kiến tánh. Nói cách khác, quý vị tu như thế nào đi nữa, công phu cũng chỉ đạt được phân nửa mà thôi, chẳng thể viên mãn. Do vậy, nhất định phải quy về không tịch, tức là thanh tịnh tịch diệt. Thiền lấy thanh tịnh tịch diệt làm chỗ quy túc, Tịnh Độ cũng lấy thanh tịnh tịch diệt làm chỗ quy túc, nhất tâm bất loạn mà! Nếu trong tâm có một niệm, sẽ thành hai, chẳng phải là một. Giáo Hạ cũng như vậy, Giáo Hạ phải từ ngôn thuyết trở về vô ngôn thuyết, thì mới có thể đại triệt đại ngộ nơi Giáo Hạ, mới có thể đại khai viên giải. Từ có ngôn thuyết trở về vô ngôn thuyết, “*thuyết tức vô thuyết, vô thuyết tức thuyết*” (nói là chẳng nói, chẳng nói là nói), đều phải lấy không tịch làm chỗ quy thú. Do vậy, quyết định chẳng phải là “*hữu vi, vọng kế*”.

(Sớ) Ngũ, Tịch Dụng nhất đối giả.

(疏) 五、寂用一對者。

(Sớ: Cặp thứ năm là Tịch Dụng).

“*Tịch*” chính là tịch diệt trong đoạn trên. Nói cách khác, khi ấy đã đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, công phu đã thành tựu. Sau khi thành tựu, đương nhiên có dụng xứ, tức là khởi tác dụng. Vì thế, Tịch là Thể, khởi dụng là tác dụng to lớn của nó.

(Sớ) Dĩ Tịch vi Tông, linh phát dụng vi Thú. Ngôn sùng thượng thử Tịch, kỳ ý vân hà? Lương diêu vọng tưởng chấp trước, vô điều giải thoát, vọng tận, tâm nhất, tắc “tịnh cực, quang thông”. Dụ như trần tận, kính minh, vô tượng bất hiện.

(疏)以寂為宗，令發用為趣。言崇尚此寂。其意云何

? 良繇妄想執著，無繇解脫，妄盡心一，則淨極光通。喻如塵盡鏡明，無像不現。

(Sớ: Lấy Tịch làm Tông, khiến cho khởi tác dụng là Thú. Đề cao Tịch là vì ý gì? Ấy là vì vọng tưởng chấp trước, không do đâu mà giải thoát được. Hết vọng hết, tâm bèn nhất, đấy chính là “tịnh đến cùng cực bèn sáng suốt”. Ví như hết bụi, gương bèn sáng, không hình ảnh nào chẳng hiện).

Đoạn này có cùng ý nghĩa với điều đức Phật đã giảng trong kinh Lăng Nghiêm. Tâm chúng ta vốn tịch tĩnh, vốn chẳng có một vật, nay trong tâm chẳng tịch tĩnh, vì sao chẳng tịch tĩnh? Trong phẩm Như Lai Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói [rõ nguyên nhân]. Phẩm Như Lai Xuất Hiện do đức Phật tự nói sau khi Ngài vừa mới thành Phật, là cảnh giới của chính Ngài khi ấy. Khi chính Ngài đã thành Phật, tức là thị hiện thành Phật, thấy hết thấy chúng sanh trong đại địa đồng thời thành Phật, bèn rất cảm khái, nói một câu: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, hoàn toàn giống như Phật, chẳng có mấy may sai biệt nào! Đáng tiếc là chúng sanh do có “*vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”, chẳng thể chứng đắc và hưởng thụ cảnh giới ấy. Căn bệnh là do vọng tưởng, chấp trước; vì thế, ở đây nói “*lương điều vọng tưởng, chấp trước, vô điều giải thoát*” (ấy là do vọng tưởng, chấp trước, không thể do đâu mà giải thoát được), giải thoát là tự tại. Kinh Hoa Nghiêm nói Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; chẳng thể đạt tới cảnh giới của Phật, Bồ Tát là vì vọng tưởng, chấp trước.

“*Vọng tận*” là vọng tưởng, chấp trước thấy đều bỏ sạch. Hết thấy đều bỏ sạch, chẳng còn nữa, tâm bèn nhất, đây là nhất tâm bất loạn. Do vậy, có thể biết: Chỉ cần quý vị còn có một vọng tưởng, còn có một chấp trước, quý vị sẽ chẳng đắc nhất tâm. Bởi vậy, trong khi niệm Phật, tôi luôn khuyến khích, cổ vũ các đồng tu niệm Phật đừng nên cầu nhất tâm, niệm Phật đừng nên cầu vãng sanh, niệm Phật đừng nên cầu tướng lành, vì sao? Do quý vị có cầu là có vọng tưởng, chấp trước. Quý vị niệm Phật mà có vọng tưởng, chấp trước này, làm sao đắc nhất tâm? Chẳng thể được! Quý vị niệm gì cũng đều không có. Niệm một câu Phật này thuần thực, tự nhiên Phật hiện tiền, tự nhiên đắc nhất tâm, quyết định vãng sanh, những điều mong mỏi thấy đều đạt được; nhưng nếu quý vị khởi niệm trong khi niệm Phật, sẽ chẳng đạt được, vì sao? Trong sự niệm Phật của quý vị có xen tạp, tức là xen tạp vọng tưởng, chấp trước, cho nên quý vị chẳng thể thành công. Nhất định phải hiểu điều này!

Có người hỏi: “Tôi niệm Phật chẳng cầu nhất tâm, chẳng cầu vãng sanh, chẳng cầu thấy Phật, chẳng cầu gì cả thì tôi niệm Phật hiệu này để làm gì?” Kẻ ấy chẳng biết: Trong từng câu, từng chữ của Phật hiệu đã bao hàm “cầu nhất tâm, cầu vãng sanh, cầu thấy Phật”, đều được bao gồm trong ấy. Nếu lại khởi lên những ý niệm này thì hồng ròi, hồng bét! Chỉ cần một mực niệm bốn chữ này, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, chẳng

có pháp nào ở trong ấy, sở nguyện sở cầu của quý vị sẽ đều bao gồm trong ấy. Quý vị không nghĩ đến, nhưng chúng vẫn được bao gồm trong ấy, đúng là mâu nhiệm không thể diễn tả được! Cái tâm bèn nhất. Đây là chuyện trọng yếu nhất trong việc học Phật.

Chúng ta học Phật nhằm mục đích cầu “cái tâm chuyên nhất”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, Hiền Giáo, Mật Giáo, đều có cùng một mục tiêu: Cầu nhất tâm. Quý vị phải nhớ: Phương pháp nào giúp cho cái tâm ta được chuyên nhất thì phương pháp ấy hữu hiệu đối với ta. Phương pháp nào khiến cho trong tâm ta khởi lên phân biệt, chấp trước, chúng ta phải bỏ phương pháp ấy. Chính mình nhất định phải hiểu rõ điều này, nhất định phải giác ngộ, khiến cho chúng ta tiến bộ rất nhanh, thật sự có tiến bộ trên Phật đạo.

“*Tức tịnh cực quang thông*”: Câu này xuất phát từ ở câu “*tịnh cực quang thông đạt*” trong kinh Lăng Nghiêm. “*Tịnh*” là Định, là nhất tâm bất loạn. Khi công phu nhất tâm bất loạn đã thành thực, tự nhiên phóng quang minh. Quang minh ấy là trí huệ. Trí huệ hiện tiền, vô lượng vô biên trí huệ. Trí huệ này chẳng phải do học được, cho nên gọi là Tự Nhiên Trí, hay Vô Sư Trí, điều gì cũng đều thông đạt. Mọi người đều biết Huệ Năng đại sư chưa từng đi học, không biết chữ, ở Hoàng Mai nghe Ngũ Tổ thuyết pháp vào canh ba lúc nửa đêm, nghe giảng đôi chút, chỉ một lần ấy! Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, giảng được một phần ba, giảng đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm), Ngài bèn hoát nhiên đại ngộ, chẳng cần phải giảng tiếp, Ngài đã thông đạt hết thảy rồi! Không chỉ là thông đạt kinh Kim Cang, mà tất cả toàn bộ kinh điển Phật giáo đều thông đạt

Vì sao có thể thông đạt toàn bộ? Tâm tịnh. “*Tịnh cực quang thông*”. Ngũ Tổ giúp Ngài một chút; lúc bình thường tâm Lục Tổ đã thanh tịnh. Nếu tâm Ngài không thanh tịnh, sẽ chẳng thể nói: “*Bồ Đề bốn vô thụ, minh kính diệp phi đài, bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (Bồ Đề chẳng phải cây, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Tâm bất tịnh, sẽ chẳng đạt được cảnh giới này, sẽ chẳng thể nói lời này! Tâm Ngài đã tịnh, nên Ngũ Tổ vừa khai thị, tạo một chút Tăng Thượng Duyên, do một chút ấy, Ngài bèn thông suốt, quang minh của Ngài bèn lộ ra. Vì thế, trên đường lánh nạn, còn chưa đến chỗ bọn thợ săn, tại thôn Tào Hầu gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng thường niệm kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh này phân lượng cũng rất lớn, có bốn mươi quyển. Tuy niệm kinh này, có rất nhiều ý nghĩa bà ta chẳng hiểu, gặp Lục Tổ bèn thỉnh giáo

Ngài, vì Ngài trụ tại thôn Tào Hầu tới tám tháng. Có thời gian dài như thế, Ngài bèn giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe kinh Niết Bàn một lượt từ đầu đến cuối. Chuyện này có ghi trong Đàn Kinh. Đây là lần đầu tiên Ngài giảng kinh, lúc ấy, Ngài hai mươi bốn tuổi. Trước lúc đến ẩn mình trong đoàn thợ săn, Ngài có một đoạn nhân duyên như thế. Người đuổi bắt Ngài nhằm đoạt lại y bát là Huệ Minh chính là người đắc độ thứ nhất, người đắc độ thứ hai là tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng.

Quý vị phải hiểu: Trí huệ thật sự do nhất tâm bất loạn mà có, chúng ta cầu điều khẩn yếu này. Hiện thời, có rất nhiều người đã phạm sai lầm: Ta phải đọc thật nhiều kinh, đọc thật nhiều luận, ta phải nghiên cứu những thứ ấy. Sai lầm rồi! Đó là [học tập] để trở thành một chuyên gia Phật học. Làm một nhà Phật học thì được, chứ chẳng ăn nhập gì đến Tam Học Giới - Định - Huệ của chính mình! Chúng ta lãng phí nhiều thời gian và tinh lực quý báu nơi đây, cái được không bù nổi cái mất. Cái được quá hữu hạn, cái mất không có cách gì bù đắp được! Thành tựu trong Phật pháp là đắc nhất tâm, do nhất tâm mà khai trí huệ, đây là thành tựu trong Phật pháp, “*tịnh cực quang thông*” [có nghĩa là như vậy].

[Liên Trì đại sư dùng] tỷ dụ “*trần tận, kính minh*” (hết bụi, gương sáng). Thời cổ, gương soi mặt làm bằng đồng. Gương đồng phải mài, càng mài càng sáng, mỗi ngày đều phải mài. Chẳng mài sẽ đóng bụi, đóng bụi sẽ chẳng soi được! Gương soi vốn có thể chiếu, tỷ dụ trí huệ quang minh vốn sẵn đủ, chẳng cần phải cầu từ bên ngoài, cầu chẳng được đâu! Đòi hỏi điều gì? Đòi hỏi gương phải sạch, tâm địa phải thanh tịnh. Tâm đã nhất, trí huệ sẽ tự nhiên xuất hiện. Tâm chẳng nhất, muốn cầu trí huệ thì đến nơi đâu để cầu? Giống như gương dơ bẩn, đóng cả đóng bụi bặm, làm sao có thể soi tỏ được? Chẳng trừ bỏ bụi bặm, mà muốn gương tỏa quang minh, sẽ là chuyện không thể thực hiện được! Trước hết, phải cầu nhất tâm, không cầu trí huệ. Từ trong nhất tâm, tự nhiên sanh ra trí huệ, điều này rất khẩn yếu. Bụi hết, gương tự nhiên tỏa quang minh, “*vô tượng bất hiện*” (không hình tượng nào chẳng hiện), sẽ soi rõ rết cảnh giới bên ngoài. Nói cách khác, tất cả các pháp thế gian và pháp xuất thế gian đều thông đạt, hiểu rõ, chẳng còn có chướng ngại. Tỷ dụ này có ý nghĩa như vậy!

(Sớ) Sở vị ký sanh bốn quốc, đắc Vô Sanh Nhân dĩ, hoàn nhập sanh tử, dĩ vô số phương tiện, đại tác Phật sự, độ thoát chúng sanh, diệu dụng hằng sa, thị kỳ Thú dã.

(疏) 所謂既生本國，得無生忍已，還入生死，以無數方便，大作佛事，度脫眾生，妙用恆沙，是其趣也。

(Sớ: Đó gọi là: Đã sanh về nước ấy, đắc Vô Sanh Nhân, trở vào sanh tử, dùng vô số phương tiện để làm Phật sự to lớn, độ thoát chúng sanh, diệu dụng nhiều như cát sông Hằng. Đây là Thú [của kinh này]).

Phôi hợp với kinh này để nói, kinh này lấy vãng sanh làm tác dụng. Chúng ta tu học pháp môn này nhằm mục đích cầu vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời, nhất tâm bèn đạt được. Nay chúng ta niệm Phật, mong niệm đến mức nhất tâm, chẳng dễ đâu! Thật khó lắm! Vì thế, nay chúng ta vãng sanh chỉ cầu gì? Đói nghiệp vãng sanh. Trong một lá thư viết cho bạn, Ngẫu Ích đại sư từng đề lộ cảnh giới của chính mình. Ngài nói Ngài suốt đời học Phật, nhưng cũng chẳng dám bàn tới thành tựu gì, hạ hạ phẩm vãng sanh chính là kết cục chắc chắn của chính Ngài. Nói cách khác, Ngài quyết định tin tưởng chính mình có thể vãng sanh. Phẩm vị nào? Hạ hạ phẩm mà thôi. Ngài có cầu thượng phẩm hay không? Ngài không cầu, Ngài chẳng có ý niệm ấy, chỉ cầu vãng sanh, hạ hạ phẩm cũng được, chính mình cũng rất thỏa ý rồi! Chúng ta nghĩ xem: Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào? Quyết chẳng tham cầu phẩm vị cao. Chúng ta nên bắt chước các tổ sư đại đức, thật thà niệm Phật, cầu đói nghiệp vãng sanh.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị bèn chứng Vô Sanh Pháp Nhân, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng đắc điều này. Vì sao biết? Trong kinh thường nói: Viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nếu chẳng chứng Vô Sanh Nhân, làm sao có ba thứ Bất Thoái cho được? Đã nói đến ba thứ Bất Thoái, nhất định đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Vô Sanh Pháp Nhân, thừa quý vị, không chỉ là Sự nhất tâm, trên thực tế, nó là Lý nhất tâm bất loạn. Sau khi chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, quý vị bèn thành tựu. “Đắc Vô Sanh Pháp Nhân dĩ” là quý vị đã đạt được, thật sự đạt được. Sau khi đạt được, bèn độ chúng sanh, “hoàn nhập sanh tử” (trở vào sanh tử), [sanh tử] là lục đạo luân hồi, quý vị bèn trở lại lục đạo luân hồi. Lúc ấy, trở vào lục đạo luân hồi chẳng phải là đầu thai, chẳng phải là đến thọ báo, mà là “thừa nguyện tái lai”, tự tại lắm! Quý vị tự do ra vào lục đạo, không như chúng ta hiện thời muốn thoát khỏi lục đạo chẳng được, chẳng có cách nào! Khi ấy, người đó ra vào tự do, chẳng có chướng ngại.

Người ấy vào trong lục đạo để làm gì? Vào lục đạo độ chúng sanh. Đối với kẻ có duyên với chính mình, thấy kẻ căn cơ đã chín muồi, căn cơ chín muồi còn phải hữu duyên, hữu duyên cũng phải là căn cơ chín muồi, người ấy bèn đến [chỗ kẻ hữu duyên, căn cơ chín muồi ấy]. Nói “*căn cơ chín muồi*” là người ấy có thể tin tưởng. Quý vị dạy người ấy làm như vậy, người ấy sẽ chết sạch so đo, khẳng khái tu tập, quyết định thành công trong đời này. Loại người ấy được gọi là “*căn cơ chín muồi*”. Nói cách khác, người căn cơ chín muồi nhất định vượt thoát luân hồi trong đời này, nhất định vãng sanh. Đối với kẻ chưa chín muồi, bèn gieo thiện căn, cũng giúp đỡ người ấy, khiến cho người ấy có thể nghe kinh nhiều, niệm Phật nhiều, nhưng người ấy chưa thể vãng sanh trong đời này. Đây là tăng trưởng thiện căn cho kẻ ấy, [tuy] kẻ ấy chưa thể vãng sanh trong đời này. Sở dĩ kẻ ấy chẳng thể vãng sanh là do chính kẻ ấy chẳng nghiêm túc niệm Phật, tam tâm, nhị ý, đã niệm Phật mà vẫn mong học môn khác, như vậy là không được rồi!

Ngày hôm nay, tôi bảo Ngô Đạo, phước báo của tôi chẳng lớn bằng thầy ấy, chính thầy ấy phải hiểu, phải giác ngộ điều này. Tôi chẳng thể an tâm niệm Phật mấy ngày, tôi chẳng có thời gian. Nếu không giảng kinh, bèn có người tới tìm tôi khiến tôi bị chia trí, họ đã đến, chẳng thể không gặp. Vì thế, tôi thiếu phước báo. Tôi bảo họ: “Tôi ra ngoại quốc giảng kinh ba tháng, các ông hãy khéo niệm Phật suốt ba tháng. Đây là có phước báo”. Tôi nói: “Ngày nào tôi có phước báo, tôi sẽ mở Niệm Phật Đường niệm Phật, cũng chẳng giảng kinh. Người giảng kinh chẳng có phước, người niệm Phật có phước”. Thật đấy, chẳng giả đâu! Người giảng kinh là bỏ mình vì người, chính mình niệm chẳng thành, khuyên người khác niệm Phật. Điều đáng để an ủi là mỗi lần đến chỗ nào vẫn thật sự có mấy người chịu nghe lời, tôi thiếu là có một hai người biết nghe lời, có thể thật thà niệm Phật, chúng tôi bèn cảm thấy hết sức an ủi, chẳng uổng công bọn ba!

Sau khi thành tựu, thả chiếc bè Từ, trở lại độ chúng sanh, “*dĩ vô số phương tiện, đại tác Phật sự*” (dùng vô số phương tiện, làm Phật sự lớn lao). Thừa quý vị, Phật sự ở đây không phải là niệm kinh siêu độ vong hồn, chẳng phải vậy! Giảng kinh, thuyết pháp là Phật sự, đại chúng nhóm lại niệm Phật hoặc tham Thiền cộng tu thì gọi là Phật sự. “*Vô số phương tiện*” chính là dùng các thứ pháp môn, đương nhiên tùy theo căn tánh của chúng sanh: Thích Thiền bèn dạy họ tham Thiền; ưa Giáo bèn dạy họ nghiên cứu kinh điển; ưa thích niệm Phật bèn dạy họ niệm Phật;

chuộng trì chú bèn dạy họ trì chú. Nói chung, những điều này có mỗi nhân duyên liên quan với kiếp trước hoặc nhiều đời nhiều kiếp.

Chẳng hạn như trong đời quá khứ, quý vị là người niệm Phật, nay vừa nghe nói niệm Phật bèn vui thích; người ta dạy quý vị trì chú, dạy quý vị tham Thiền, quý vị chẳng có hứng thú, vì sao? Do quý vị có tập khí, nhiều đời nhiều kiếp đã huân tập pháp môn này. Nếu trong đời quá khứ toàn là tham Thiền, tọa hương trong Thiền Đường, nay bảo quý vị niệm Phật, quý vị cũng chẳng ham thích, chẳng cảm thấy hứng thú. Do vậy, từ nhiều pháp môn, bản thân chúng ta sẽ thể nghiệm, biết chúng ta đã tu pháp môn nào trong đời quá khứ. Nhiều pháp môn bày ra trước mặt, quý vị vừa tiếp xúc, sẽ có pháp môn đặc biệt ưa chuộng, sẽ có pháp môn đặc biệt ham thích, chứng tỏ quý vị trong đời quá khứ có tập khí rất sâu đối với pháp môn ấy, trong đời này lại tiếp tục tu, sẽ dễ thành tựu. Nếu tu một pháp môn mà chính mình chẳng có hứng thú, sẽ rất khó [thành tựu]!

Mục đích là “*độ thoát chúng sanh*”, hai chữ “*độ thoát*” là tỷ dụ, “*độ*” là vượt sông. “*Độ*” (度) được dùng giống như “*độ*” (渡: vượt sông), từ biển khổ sanh tử này, vượt sang bờ Niết Bàn bên kia. Nếu nói theo kinh này, sẽ là từ thế giới Sa Bà này vượt sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thoát*” là thoát ly sanh tử luân hồi, mang ý nghĩa này. “*Diệu dụng Hằng sa*”: Tác dụng vô lượng vô biên, nhiều như cát sông Hằng. Do vậy, có thể biết sanh sang Tây Phương Tịnh Độ để làm gì? Nhằm khôi phục trí huệ bản năng của chính mình. Khôi phục trí huệ bản năng của chính mình, giúp đỡ vô lượng vô biên chúng sanh. Chúng ta trở vào lục đạo luân hồi để làm chuyện này.

(Sớ) Bất đồ vi tràm không trệ tịch nhi dĩ.

(疏) 不徒為沈空滯寂而已。

(Sớ: Chẳng phải chỉ là vướng mắc trong không tịch mà thôi).

“*Tràm không trệ tịch*” là nói điều gì? Người Tiểu Thừa! Người Tiểu Thừa sau khi chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn, sẽ không ra khỏi đó, nên được gọi là kẻ chỉ biết giải thoát cho riêng mình (tự liễu hán). Sau khi chính họ đã đạt đến sự an lạc, chẳng quan tâm đến người khác, chẳng độ chúng sanh, giống như đã vùi kín trong không tịch, chẳng thể phát đại dụng lợi ích chúng sanh. Những lời này đều nói về sở chứng của bậc Thanh Văn và Duyên Giác là Thiên Chân Niết Bàn, [loại Niết Bàn này]

còn gọi là Hữu Dur Niết Bàn, khác với [Niết Bàn của] Bồ Tát. Bồ Tát niệm niệm mong giúp đỡ chúng sanh, niệm niệm mong độ thoát chúng sanh, quyết chẳng lấy tự độ làm mục tiêu cuối cùng.

Do vậy, người Tiểu Thừa chẳng mong vãng sanh, vì nguyện hạnh chẳng tương đồng, chẳng tương ứng với Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do lẽ này, người Tiểu Thừa tuy chứng đắc A La Hán, hoặc chứng đắc Bích Chi Phật, vẫn chẳng thể vãng sanh; trừ phi họ thay đổi cách nghĩ, hồi Tiểu hướng Đại, muốn phát tâm độ chúng sanh thì được. Họ cầu vãng sanh như vậy, nhất định có thể đạt tới. Nếu chẳng hồi Tiểu hướng Đại, chắc chắn chẳng thể vãng sanh. Vì thế, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới cao minh hơn A La Hán, Bích Chi Phật rất nhiều. A La Hán và Bích Chi Phật chẳng sánh bằng! Thế nhưng tu thành A La Hán hay Bích Chi Phật chẳng dễ dàng! Cầu đới nghiệp vãng sanh chẳng phải là chuyện khó, ai nấy đều có thể làm được. Do vậy, nhất định phải khéo niệm Phật.

Chúng tôi giảng kinh nhiều năm như thế, có được một khoảng thời gian để niệm Phật, công đức ấy vô lượng vô biên, vô cùng thù thắng.

Nói thật ra, bản thân tôi vô cùng hâm mộ [những người niệm Phật]. Các đồng tu hẳn có thời gian thì tốt nhất là nên ở lại nơi đây. Ở nơi đây, quý vị có thể ngày đêm [niệm Phật] chẳng gián đoạn. Phương pháp niệm Phật là niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ ngơi khỏe khoắn xong, bèn tới Niệm Phật Đường để tiếp tục niệm, Phật hiệu sẽ chẳng bị gián đoạn. Ngủ tới nửa đêm, tỉnh giấc bèn dậy niệm Phật. Niệm mệt bèn đi ngủ tiếp, hết thấy hình thức chẳng câu nệ. Làm như thế, trong tâm quý vị chẳng bị áp lực, hết sức thoải mái. Khi nào bước vào Phật Đường bèn niệm, niệm mệt bèn tự bước ra, cũng không cần phải chào hỏi bất cứ người nào, như vậy là tốt lắm, ngày đêm chẳng gián đoạn. Nói thật ra, một Niệm Phật Đường thật sự sẽ tuân theo phương thức này.

(Sớ) Như thị thập môn, triển chuyển sanh khởi, dĩ vi Tông Thú.

(疏) 如是十門，展轉生起，以為宗趣。

(Sớ: Mười môn như thế lần lượt sanh khởi, dùng những môn này làm Tông Thú).

Trong mười môn nói trên đây, luận về phương diện Tông Thú của kinh này, phần trước là Tông, phần sau là Thú. Tông và Thú liên kết với nhau. Từ đoạn văn này, chúng ta thấy rõ rệt, minh bạch. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 87

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm bốn mươi sáu, đoạn lớn thứ bảy của phần Huyền Nghĩa.

Thất, bộ loại sai biệt

七、部類差別

(Bảy, bộ loại sai khác).

Trong đoạn này lại chia thành ba tiểu đoạn:

Sơ minh bộ. Nhị minh loại. Tam phi bộ phi loại.

初明部。二明類。三非部非類。

(Thứ nhất là nói về bộ, thứ hai là giảng về loại, thứ ba là [nói về những kinh] chẳng thuộc về bộ hay loại).

Trước hết, chúng ta coi tiêu đoạn thứ nhất.

Sơ, minh bộ.

(Huyền Nghĩa) *Dĩ tri thử kinh, Tông Thú xung thâm, vị thâm dương bộ đẳng loại, vi hữu kỹ chủng. Sơ tiên minh bộ giả, bộ hữu nhị chủng: Nhất vi Đại Bản, nhị vi thử kinh.*

初明部。

(玄義) 已知此經，宗趣沖深，未審當部等類，為有幾種。初先明部者，部有二種：一謂大本，二謂此經。

(Trước hết, nói về bộ.

Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này có Tông và Thú sâu xa, chưa rõ nếu xét theo bộ loại thì sẽ có mấy loại. Trước hết, nói về bộ, bộ có hai loại: Một là Đại Bản, hai là kinh này).

Khi nghiên cứu kinh Di Đà, cũng chẳng thể thiếu khuyết đoạn này. Trong một đời giáo học của đức Phật, nói tới pháp môn này, trừ bộ kinh này ra, những kinh hoàn toàn tương đồng với pháp môn này sẽ được gọi là “đồng bộ”. Những kinh điển nào hoàn toàn tương đồng? [Ngoài ra, còn có những kinh] chẳng hoàn toàn tương đồng, nhưng là cùng một loại, [tức là] đều cùng nói tới chuyện vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Đồng bộ thì đều dùng phương pháp trì danh. Dùng phương pháp bất đồng là như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh dùng quán tưởng. Còn có [các kinh khác] dùng trì chú, hay dùng phương pháp khác, nhưng đều là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, những kinh ấy gọi là “đồng loại”. Còn có những kinh chẳng phải là đồng loại mà cũng chẳng phải là đồng bộ, [tức là] giảng kèm thêm [Tịnh Độ], những kinh điển ấy càng nhiều. Giảng kèm thêm, khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái có hơn một trăm loại. Do vậy, biết rằng: Trong bốn mươi chín năm giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật coi trọng pháp môn này, cho nên không ngừng tuyên dương. Chúng ta xem lời chú giải:

(Sớ) Bộ giả, dĩ thị tổng quy nhất bộ, nhị hữu tường lược.

(疏) 部者，以是總歸一部，而有詳略。

(Sớ: “Bộ” là cùng gom chung vào một bộ, nhưng giảng giải chi tiết hay đại lược [khác nhau]).

Cùng thuộc một bộ kinh, nhưng có kinh giảng tỉ mỉ hơn một chút, có kinh giảng đơn giản hơn một chút.

(Sớ) **Tường vi Đại Bản.**

(疏) 詳為大本。

(Sớ: Giảng tường tận là Đại Bản).

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, giảng tỉ mỉ.

(Sớ) **Lược vi thử kinh.**

(疏) 略為此經。

(Sớ: Giảng đại lược là kinh này).

“Thử kinh” là kinh A Di Đà, tức Tiểu Bản, văn tự ít, giảng tinh lược một chút.

(Sớ) **Đại Bản hữu lục.**

(疏) 大本有六。

(Sớ: Đại Bản có sáu loại).

Tổng cộng có sáu thứ (sáu bản dịch khác nhau).

(Sớ) **Nhất danh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Hậu Hán Chi Lôu Ca Sấm dịch.**

(疏) 一名無量清淨平等覺經，後漢支婁迦識譯。

(Sớ: Bản thứ nhất tên là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh do ngài Chi Lôu Ca Sấm (Lokasema)⁹³ dịch vào thời Hậu Hán).

⁹³ Ngài Chi Lôu Ca Sấm (147-?), người xứ Đại Nhục Chi, đến Trung Hoa vào thời Hán Hoàn Đế. Tính đến niên hiệu Trung Bình đời Hán Linh Đế, Ngài đã dịch các bộ Đạo Hành Bát Nhã Kinh, Ban Châu Tam Muội Kinh, A Xà Thế Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, một phần kinh Bảo Tích. Ngài chính là người đầu tiên truyền học thuyết Bát Nhã vào Trung Quốc. Bộ Ban Châu Tam Muội Kinh được coi như là bộ kinh đầu tiên giới

Các bản dịch thời cổ gồm mười hai loại, hiện thời chỉ còn giữ được năm loại.

(Sớ) Nhị danh Vô Lượng Thọ Kinh, Tào Ngụy Khang Tăng Khải dịch. Tam danh A Di Đà Kinh, dữ kim kinh đồng danh, Ngô Chi Khiêm dịch.

(疏)二名無量壽經，曹魏康僧鎧譯。三名阿彌陀經，與今經同名，吳支謙譯。

(Sớ: Bản thứ hai có tên là Vô Lượng Thọ Kinh, do ngài Khang Tăng Khải dịch vào thời Tào Ngụy. Bản dịch thứ ba tên là A Di Đà Kinh, có cùng tên với kinh này, do ngài Chi Khiêm⁹⁴ dịch vào đời Ngô).

Ngô là Đông Ngô, Tào Ngụy đều là thời đại Tam Quốc.

(Sớ) Tứ danh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, Tống Pháp Hiền dịch.

(疏)四名無量壽莊嚴經，宋法賢譯。

(Sớ: Bản thứ tư tên là Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, do ngài Pháp Hiền⁹⁵ dịch vào đời Tống).

thiệu tư tưởng Tịnh Độ Tông Trung Quốc. Các nhà nghiên cứu cho rằng Sơ Tổ Huệ Viễn đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của hai bộ Ban Châu Tam Muội và Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh khi đề xướng liên xã.

⁹⁴ Khang Tăng Khải (Samghavarman), không rõ năm sinh và năm mất, chữ Khang không phải là họ mà do Ngài đến từ xứ Khang Cư (Sogdiana) vùng Trung Á. Ngài đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy, ở chùa Bạch Mã. Ngài dịch các bộ Úc Già Trưởng Giả Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tứ Phần Tập Yết Ma. Trong Tục Tạng có Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên Kinh cũng đề tên dịch giả là ngài Khang Tăng Khải, nhưng do văn phong khác biệt, nên các học giả không dám đoán quyết bản ấy có phải do Ngài dịch hay không.

Ngài Chi Khiêm là người xứ Đại Nhục Chi, có tên tự là Cung Minh (không rõ năm sinh và năm mất), theo gia đình di cư đến Trung Hoa, sống ở Hà Nam, thông thạo ngôn ngữ sáu quốc gia, theo học với ngài Chi Lượng (đệ tử của ngài Chi Lô Ca Sâm). Do ty nạn, chạy vào Đông Ngô, được Ngô vương Tôn Quyền coi trọng, phong làm quan Bác Sĩ, dạy Thái Tử Tôn Lượng. Ngài chuyên tâm dịch kinh Phật suốt mười ba năm, dịch Duy Ma Cát Kinh, Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, Đại Minh Độ Kinh v.v... Khi Thái Tử lên ngôi, ngài lánh vào núi Cùg Ải ẩn cư, xin xuất gia với pháp sư Trúc Pháp Lan.

Đây là nhà Triệu Tống⁹⁶, sau nhà Đường là nhà Tống, Triệu Khuông Dận làm hoàng đế của triều đại này.

(Sớ) Ngũ xuất Bảo Tích đệ thập bát kinh, danh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chí dịch.

(疏)五出寶積第十八經，名無量壽如來會，元魏菩提流志譯。

(Sớ: Bản thứ năm trích từ quyển mười tám của kinh Bảo Tích, có tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào thời Nguyên Ngụy).

Quyển thứ mười tám của kinh Đại Bảo Tích là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, có ý nghĩa hoàn toàn giống với kinh Vô Lượng Thọ. Vương triều Nguyên Ngụy⁹⁷ thuộc thời đại Nam Bắc triều, do Thác Bạt Khuê thành lập. Đây là năm loại bản dịch trực tiếp từ Phạn văn, là bản dịch từ nguyên văn.

⁹⁵ Pháp Hiền (?-1001) là một vị Tăng xuất thân từ tự viện Na Lạn Đà, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973), hợp sức ngài Pháp Tấn chùa Khai Nguyên ở phủ Hà Trung dịch Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tát, được vua ban áo bào màu tía. Nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn, ngài dịch bộ Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Kinh, được vua ban hiệu Truyền Giáo đại sư. Sư lại dịch kinh Cát Tường Tri Thế. Khi Sư mất, vua ban thụy hiệu Huyền Giác đại sư, tổng số kinh do Ngài dịch lên đến một trăm hai mươi bộ.

⁹⁶ Gọi là Triệu Tống (960-1279) để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập, cũng như tiểu quốc cũng mang tên Tống do tướng cướp Phụ Công Thạch chiếm cứ thời Tùy Mạt. Phụ Công Thạch thuở hàn vi thường đi trộm cắp cùng với Đỗ Phục Uy. Khi Đỗ Phục Uy nhân lúc nhà Tùy suy yếu, chiếm cứ vùng Hoài Nam, đã phong cho Phụ Công Thạch làm Trưởng Sử. Năm 623, Phụ Công Thạch làm phản, chiếm cứ vùng Đơn Dương, tự xưng là Tống Đế đặt niên hiệu là Thiên Minh. Về sau, Phụ Công Thạch bị Lý Tĩnh, Lý Hiếu Cung, Lý Thế Dân cùng vây đánh, bị bắt trên đường bôn tẩu sang Cối Kê rồi bị Đường Cao Tổ (Lý Uyên) hạ lệnh giết chết.

⁹⁷ Nguyên Ngụy tức là nhà Bắc Ngụy (386-557). Thác Bạt Khuê (Khuê) là một quý tộc họ Thác Bạt (Tuoba) thuộc sắc dân Tiên Ty (Tiên Ty là một sắc dân Mông Cổ, hậu duệ của tộc Donghu). Đến đời vua thứ bảy là Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn) trong nỗ lực Hán hóa dân tộc Tiên Ty, đã đổi họ Thác Bạt thành họ Nguyên, nên sử thường gọi nhà Bắc Ngụy là Nguyên Ngụy để phân biệt với những nhà Ngụy khác.

(Sớ) Lục danh Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh, Tống Long Thư cư sĩ Vương Nhật Hưu giả.

(疏) 六名佛說大阿彌陀經，宋龍舒居士王日休者。

(Sớ: Bản thứ sáu mang tên Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh, do cư sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu đời Tống).

Thứ sáu là bản hội tập do cư sĩ Vương Long Thư (Vương Nhật Hưu) đời Tống hội tập. Long Thư là địa danh, hiện nay là Thư Thành thuộc tỉnh An Huy. [Vương Nhật Hưu được] gọi là Long Thư là do người đời sau tôn xưng ông ta. Vị cư sĩ này cả đời học Phật, hoàn cảnh gia đình khá giả, sau khi đậu Tiến Sĩ, không ra làm quan, có công danh, nhưng không làm quan. Gia cảnh khá giả, sống thoải mái, chuyên tu Tịnh Độ. Ông ta đã dùng mấy bản dịch thời cổ, nhưng chỉ đọc bốn bản dịch, chưa đọc kinh Bảo Tích, hội tập bốn thứ bản dịch, biên soạn thành một bản mới, nay chúng ta gọi là Đại A Di Đà Kinh, [bản ấy] do cư sĩ Long Thư biên soạn. Bản biên tập này vẫn chưa hoàn toàn lý tưởng, người đời sau phê bình ông ta cũng rất nhiều. Có người nói khi ông biên tập kinh này, đại khái thuộc độ tuổi trung niên, cũng tức là nói ông ta biên tập khi công phu tu hành của chính mình vẫn chưa thành tựu. Cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn thật sự lỗi lạc, đó là tác phẩm [do ông Vương] viết vào lúc tuổi già. Chính ông ta đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, không ngã bệnh. Có thể thấy ông ta vãng sanh phẩm vị chắc chắn chẳng thấp. Đây là một vị tại gia cư sĩ, suốt đời niệm A Di Đà Phật.

(Sớ) Tổng thủ tiền chi tứ dịch, tham nhi hội chi. Duy trừ Bảo Tích, bĩ sở vị cập.

(疏) 總取前之四譯，參而會之。唯除寶積，彼所未及。

(Sớ: Đã gộp chung bốn bản dịch đầu tiên để tham khảo, hội tập. Chỉ trừ bản dịch trong kinh Bảo Tích là chưa dùng đến).

Tham khảo rồi hội tập. Ông ta chỉ dùng bốn bản dịch gốc để soạn thành bản hội tập.

(Sớ) Nhiên thượng ngũ dịch, hồ hữu dị đồng. Hán Ngô nhị dịch, tứ thập bát nguyện, chỉ tồn kỳ bán, vi nhị thập tứ, kỳ dư văn trung, đại đồng tiểu dị.

(疏) 然上五譯，互有異同。漢吳二譯，四十八願，止存其半，為二十四，其餘文中，大同小異。

(Sớ: Nhưng trong năm bản dịch ấy, có những chỗ giống nhau và khác biệt. Trong hai bản dịch thuộc đời Hán và Ngô, bốn mươi tám nguyện chỉ còn một nửa, tức là hai mươi bốn nguyện. Những phần kinh văn khác, chỉ khác biệt đôi chút).

Bản Hán dịch là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, bản Ngô dịch là A Di Đà Kinh. Đối với bốn mươi tám nguyện, bản Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và bản A Di Đà Kinh do ngài Chi Khiêm dịch đều là hai mươi bốn nguyện. Các bản dịch của Khang Tăng Khải và Pháp Hiền đều là bốn mươi tám nguyện. Đối với bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, quý vị mở xem phần kinh văn hai mươi bốn nguyện [sẽ thấy] vốn là bốn mươi tám nguyện. Trong một nguyện, [nhiều khi] cụ đã gộp hai hay ba nguyện lại. Trên thực tế, hai mươi bốn nguyện và bốn mươi tám nguyện nội dung hoàn toàn tương đồng, chỉ là những điều mục được gộp vào hay tách ra khác nhau mà thôi. Do vậy, bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư hay hơn bản do Vương Long Thư biên soạn, hay hơn cả mấy bản dịch gốc, đúng là đã biên tập những chỗ tinh hoa trong các bản dịch cổ, biên tập vô cùng khéo. Nay chúng ta đang dùng bản này.

(Sớ) Vương thị sở hội, giản chi ngũ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại.

(疏) 王氏所會，較之五譯，簡易明顯，流通今世，利益甚大。

(Sớ: Bản hội tập của họ Vương, so với năm bản dịch gốc, đơn giản, dễ đọc, rõ ràng, được lưu thông trong hiện thời, có lợi ích rất lớn).

Đây là cái nhìn của Liên Trì đại sư trong đời Minh, có thể thấy thuở ấy, bản Đại A Di Đà Kinh do cư sĩ Long Thư biên tập rất được người khác hoan nghênh.

(Sớ) *Đản kỳ bất diêu Phạn bốn, duy chước Hoa văn, vị thuận dịch pháp.*

(疏) 但其不繇梵本，唯酌華文，未順譯法。

(Sớ): *Nhưng bản ấy chẳng phát xuất từ [chánh kinh bằng] tiếng Phạn, chỉ châm chước từ những bản tiếng Hán, chưa theo đúng cách dịch thuật).*

Ông ta không phiên dịch từ nguyên bản tiếng Phạn, mà chỉ dùng bốn bản dịch tiếng Hán để biên tập thành một bản mới mà thôi!

(Sớ) *Nhược dĩ Phạn bản trùng phiên nhi thành lục dịch, tức vô nghị hỹ.*

(疏) 若以梵本重翻而成六譯，即無議矣。

(Sớ): *Nếu dùng bản tiếng Phạn để dịch lại thành bản dịch thứ sáu, sẽ chẳng có ai dị nghị).*

Mọi người sẽ chẳng tranh cãi với ông ta.

(Sớ) *Cố bỉ bất ngôn dịch, nhi ngôn giáo chánh dã.*

(疏) 故彼不言譯而言校正也。

(Sớ): *Vì thế, ông ta không nói là dịch, mà nói là giáo chánh).*

Cư sĩ Vương Long Thư rất khiêm hư, không nói là phiên dịch, mà nói là “giáo chánh”, tức là gộp mấy phiên bản lại để chỉnh lý.

(Sớ) *Hựu kỳ trung khứ thủ cựu văn, diệc hữu vị tận.*

(疏) 又其中去取舊文，亦有未盡。

(Sớ): *Hơn nữa, trong bản hội tập, việc chọn lựa để bỏ đi, hay giữ lại những câu kinh văn từ các bản dịch cổ cũng chưa trọn vẹn).*

Đây là những chỗ phê bình đối với [bản hội tập của] ông ta; nói cách khác, ông ta đã bỏ sót những chỗ trọng yếu, đáng tiếc quá!

(Sớ) *Như tam bối vãng sanh.*

(疏) 如三輩往生。

(Sớ: Như trong phần ba bậc vãng sanh).

Đây là một đoạn kinh văn rất trọng yếu, giảng về ba bậc vãng sanh.

(Sớ) Ngụy dịch.

(疏) 魏譯。

(Sớ: Bản dịch đời Ngụy).

Tức là bản của ngài Khang Tăng Khải.

(Sớ) Giai viết phát Bồ Đề tâm.

(疏) 皆曰發菩提心。

(Sớ: [Đối với cả ba bậc] đều nói là “phát Bồ Đề tâm”).

Đối với vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát Bồ Đề tâm rất trọng yếu.

(Sớ) Nhi Vương thị duy trung bối phát Bồ Đề tâm, hạ viết bất phát, thượng cánh bất ngôn, tặc cao hạ thất thứ.

(疏) 而王氏唯中輩發菩提心，下曰不發，上竟不言，

則高下失次。

(Sớ: Nhưng ông Vương chỉ nói bậc Trung phát Bồ Đề tâm, bậc Hạ chẳng phát, còn bậc Thượng hoàn toàn chẳng nhắc tới. Đây chính là đã đánh mất thứ tự cao thấp).

Đây là chỗ thiếu hoàn mỹ của ông ta. Trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, các bậc đều phải phát Bồ Đề tâm, vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là Đại Thừa Phật pháp; chẳng phát Bồ Đề tâm sẽ không tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ. Vì thế, phát Bồ Đề tâm rất trọng yếu. [Trong bản hội tập của ông Vương], thượng phẩm không nhắc tới, văn tự bị thiếu sót, trung phẩm thì có, trong phần hạ phẩm, ông ta bảo “chẳng phát”. Đây là chỗ bị người khác phê bình, bảo là “cao hạ thất thứ” (đánh mất thứ tự cao thấp). Nếu coi “chẳng phát Bồ Đề tâm” là cao, mà do hạ phẩm chẳng phát, [vậy thì lẽ ra hạ phẩm] phải cao hơn trung phẩm, đây là thứ tự điên đảo. Nếu coi phát Bồ Đề tâm là cao, mà

[trong phần kinh văn] thượng phẩm lại mơ hồ chẳng nói. Đây cũng là chỗ khiến cho người ta nghi hoặc.

(Sớ) Thả văn trung đa thiện căn, toàn tại phát Bồ Đề tâm, nhi tam bối bất đồng, đồng nhất phát tâm, chánh vãng sanh yếu chỉ, nãi phản lược chỉ, cố vân vị tận.

(疏)且文中多善根，全在發菩提心，而三輩不同，同一發心，正往生要旨，乃反略之，故云未盡。

(Sớ: Hơn nữa, “nhiều thiện căn” [như đã được nói] trong kinh văn hoàn toàn do phát Bồ Đề tâm, tuy ba bậc khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chỗ phát tâm, đây chính là tông chỉ trọng yếu trong vãng sanh, mà ông ta lại ngược ngạo gạt bỏ, cho nên nói là “chưa trọn vẹn”).

Điều này có nghĩa là như cổ nhân đã nói: “Tuy hay khéo lắm, nhưng chưa trọn vẹn!” Chưa thể đạt đến tận thiện tận mỹ, nên bản này có khuyết điểm, sai sót. Đây là một ví dụ rất rõ rệt. Ở đây nêu rõ: Cả ba bậc đều cùng phát tâm. Đây là điều kiện vãng sanh trọng yếu nhất, nhất định phải “phát Bồ Đề tâm”. Ông ta tỉnh lược đi, đó là chuyện rất đáng tiếc!

(Sớ) Nhiên kim Sớ Sao sở dẫn, nghĩa tắc kiêm thu ngũ dịch, ngữ tắc đa tợ Vương văn.

(疏)然今疏鈔所引，義則兼收五譯，語則多就王文。

(Sớ: Nhưng nay những phần kinh Vô Lượng Thọ được trích dẫn trong bản Sớ Sao này, ý nghĩa bao gồm cả năm bản dịch gốc, nhưng kinh văn phần nhiều trích theo bản của ông Vương).

Trong bản Sớ Sao do Liên Trì đại sư biên soạn có những phần trích dẫn, Ngài giải thích: Những ý nghĩa ấy chủ yếu dựa theo năm thứ bản dịch gốc của kinh Đại Bản, nhưng kinh văn trích dẫn, đa phần chọn lựa từ bản của ông Vương Long Thư. Ông Vương Long Thư giỏi văn chương, văn chương khéo léo [nên Tổ dùng bản ấy để trích dẫn kinh văn], nhưng [luận định] nghĩa lý thì luôn tuân thủ năm bản dịch gốc từ thời cổ. Vì thế, cái hay của Sớ Sao là ở chỗ này! Có thể nói: Đọc bộ Sớ Sao là đọc toàn bộ tất cả kinh luận của Tịnh Độ Tông, vì toàn bộ đều được trích dẫn. Không chỉ trích dẫn năm bản dịch ấy, mà Quán Kinh, Cổ

Âm Vương Kinh, Bi Hoa Kinh thấy đều trích dẫn. [Ngay cả những kinh] không phải đồng bộ, mà cũng chẳng phải đồng loại như kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, thấy đều được trích dẫn. Do vậy, Sớ Sao quả thật minh mông, to lớn, tinh tường, sâu xa. Đây là lời tán thán của Ngẫu Ích đại sư. Nói cách khác, học Phật không chỉ là học Tịnh Độ Tông, quý vị đọc Sớ Sao mà thật sự đọc thông suốt thì tất cả các tông phái khác cũng đều thông suốt, vì [kinh điển của các tông phái khác] Ngài đã đều trích dẫn rồi! Đối với chúng ta hiện thời mà nói, bộ sách này càng đúng là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Dĩ Vương bản thế sở thông hành, nhân tập kiến cố.

(疏) 以王本世所通行，人習見故。

(Sớ: Do bản của ông Vương phổ biến trong cõi đời, người ta đã quen thấy).

Chọn văn tự của Vương Long Thư có cái lợi là mọi người [cảm thấy] quen thuộc.

(Sớ) Dư ngũ gián thủ.

(疏) 餘五間取。

(Sớ: Đôi khi chọn từ năm bản dịch gốc).

Đôi khi cũng phải chọn từ năm bản dịch cổ.

(Sớ) Nhi khái dĩ Đại Bản tiêu chi, cố thượng lục chủng皆名大本 danh Đại Bản.

(疏) 而槩以大本標之，故上六種皆名大本。

(Sớ: Nhưng đều gọi chung là Đại Bản, bởi cả sáu bản trên đây đều được gọi là Đại Bản).

Trong Sớ Sao, hẳn nhắc đến Đại Bản, [thì danh xưng Đại Bản] bao gồm sáu thứ này. Sáu thứ này đều được gọi là Đại Bản; nhưng rốt cuộc chọn lấy bản nào thì nhất định phải là bản mà chính quý vị cảm thấy thân thuộc nhất. Khi không quen, quý vị sẽ tìm không được, sẽ chẳng biết là bản nào!

(Sớ) Kim thử kinh giả, danh vi Tiểu Bản.

(疏) 今此經者，名為小本。

(Sớ: Nay kinh này được gọi là Tiểu Bản).

Kinh A Di Đà do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch được gọi là Tiểu Bản.

(Sớ) Văn hữu phần giản, nghĩa vô thắng liệt.

(疏) 文有繁簡，義無勝劣。

(Sớ: Kinh văn chi tiết hay đơn giản, nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém).

Hai câu này rất trọng yếu. “*Văn hữu phần giản*”: Văn tự có dài hay ngắn, kinh Vô Lượng Thọ văn tự nhiều, kinh văn dài. Kinh văn của kinh Di Đà ngắn, nhưng “*nghĩa vô thắng liệt*” (ý nghĩa chẳng hơn kém), nội dung như nhau, ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Do vậy, hai bộ kinh này thuộc loại đồng bộ, giống nhau, một kinh giảng tỉ mỉ, kinh kia giảng tinh lược một chút.

Nhị, minh loại

二、明類。

(Thứ hai là nói về loại).

Đoạn thứ hai giảng về “*loại*”. Loại là chẳng cùng bộ.

(Huyền nghĩa) Nhị, minh loại giả, tự hữu tam chủng: Nhất Quán Kinh, nhị Cổ Âm Vương Kinh, tam Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh.

(玄義) 二、明類者，自有三種：一觀經，二鼓音王經，三後出阿彌陀偈經。

(Huyền Nghĩa: Hai, nói về loại thì có ba thứ: Một là Quán Kinh, hai là Cổ Âm Vương Kinh, ba là Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh).

Đây là ba bản khác nhau.

(Sớ) Loại giả, bất đồng kỳ bộ, nhi đồng kỳ loại. Như tòng côn đê, tuy bất đồng phụ, nhi đồng kỳ tổ, diệc danh tử kiên, tương vi đẳng di, cố viết đồng loại.

(疏) 類者，不同其部，而同其類。如從昆弟，雖不同父，而同其祖，亦名比肩，相為等夷，故曰同類。

(Sớ): “Loại” là chẳng cùng bộ, mà cùng loại. Như anh em họ, tuy chẳng cùng một cha, nhưng có cùng một tổ, cũng gọi là “ngang vai vế”, cùng là ngang hàng, nên gọi là “đồng loại”.

“Đồng bộ” giống như cùng một người, hoàn toàn tương đồng. “Đồng loại”: Tuy không phải là cùng một người, nhưng giống như anh em họ, tuy không có cùng một cha, nhưng có cùng một ông nội. Quan hệ “đồng loại” cũng hết sức mật thiết.

(Sớ) Quán Kinh giả, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

(疏) 觀經者，觀無量壽佛經。

(Sớ): Quán Kinh là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh).

Tuy mục tiêu cũng là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng phương pháp tu hành khác nhau, kinh này dùng phương pháp quán tưởng.

(Sớ) Cụ đàm thập lục diệu môn.

(疏) 具談十六妙門。

(Sớ): Giảng trọn vẹn mười sáu phép Quán mầu nhiệm).

Có mười sáu phép Quán.

(Sớ) Nhất Tâm Tam Quán, tương bản Sớ Sao.

(疏) 一心三觀，詳本疏鈔。

(Sớ): Nhất Tâm Tam Quán được giảng chi tiết trong cuốn Sớ Sao của kinh ấy).

Chữ “*bốn Sớ Sao*” chỉ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ Sao. Nói theo lý luận Tịnh Độ, bộ kinh ấy cũng rất trọng yếu.

(Sớ) Cổ Âm Vương Kinh giả, Phật tại Chiêm Ba đại thành, Già Già linh trì, dữ tỳ-kheo bách nhân thuyết. Trung vân: “Nhược hữu tứ chúng, thọ trì A Di Đà Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, tiếp dẫn vãng sanh” đẳng.

(疏) 鼓音王經者，佛在瞻波大城，伽伽靈池，與比丘百人說。中云：若有四眾，受持阿彌陀佛名號，臨命終時，佛與聖眾，接引往生等。

(Sớ: Cổ Âm Vương Kinh⁹⁸: Đức Phật ngự tại đại thành Chiêm Ba (Campaka), nơi ao thiêng Già Già, giảng cho một trăm vị tỳ-kheo. Trong ấy có đoạn nói: “Nếu có tứ chúng thọ trì danh hiệu của A Di Đà Phật, khi lâm chung, Phật và thánh chúng sẽ tiếp dẫn vãng sanh” v.v...)

Cách nói này hoàn toàn chẳng khác gì Đại Bản và kinh này. Vì thế, nó và kinh này cũng là đồng loại, đều nhằm khuyên con người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Hậu Xuất Kệ Kinh giả, thử chung duy kệ, thị già đà bộ.

(疏) 後出偈經者，始終唯偈，是伽陀部。

(Sớ: Hậu Xuất Kệ Kinh là từ đầu đến cuối đều là kệ, thuộc loại Già-đà).

Kệ Kinh từ đầu đến cuối là kệ tụng. “Già-đà” (Gāthā) là Cô Khởi Tụng, nhằm phân biệt không phải là Trùng Tụng (Geya).

(Sớ) Trung vân: “Phát nguyện dụ chư Phật, thệ nhị thập tứ chương”.

(疏) 中云：發願喻諸佛，誓二十四章。

(Sớ: Trong ấy có đoạn: “Phát nguyện vượt chư Phật, lời thệ hăm bốn chương”).

⁹⁸ Kinh này có tên gọi đầy đủ là A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni Kinh, một quyển, đã mất tên người dịch, được đánh số 370 trong tập 12 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.

Có cùng số chữ với Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh.

(Sớ) Nguyên chỉ tồn bán, dữ Hán Ngô nhị dịch đồng, nhi tứ thập bát nguyện, tự cổ cập kim, truyền dương dĩ cứu, nhi thập tứ giả, hoặc Phạn bản khuyết lược, vị khả tri dã.

(疏) 願止存半，與漢吳二譯同，而四十八願，自古及今，傳揚已久，二十四者，或梵本缺略，未可知也。

(Sớ: Nguyên chỉ còn một nửa, giống với hai bản dịch đời Hán và đời Ngô, nhưng bốn mươi tám nguyện từ xưa đến nay được lưu truyền, hồng dương đã lâu. Hai mươi bốn nguyện có thể là do bản tiếng Phạn bị thiếu sót không chừng!)

Đối với chuyện này, Liên Trì đại sư chẳng khảo chứng cặn kẽ.

(Sớ) Hoặc vấn: Cổ Âm diệc thuyết trì danh, vân hà bất dữ kim kinh đồng bộ?

(疏) 或問，鼓音亦說持名，云何不與今經同部。

(Sớ: Có kẻ hỏi: Kinh Cổ Âm Thanh Vương cũng nói đến trì danh, có sao chẳng phải là đồng bộ với kinh này?)

Câu hỏi này hay lắm! Trích dẫn từ Cổ Âm Vương Kinh trong đoạn kinh văn này, quả thật là dạy chúng ta trì danh niệm Phật, đáng lẽ phải là cùng bộ, vì lẽ gì phân định là đồng loại, chẳng phải là đồng bộ?

(Sớ) Đáp: Dĩ hữu chú cố. Bỉ kinh tuy thuyết trì danh, trọng trì chú cố.

(疏) 答：以有咒故。彼經雖說持名，重持咒故。

(Sớ: Đáp: Do có thần chú. Kinh ấy tuy nói đến trì danh, nhưng coi trọng trì chú).

Trong kinh ấy có chú, đặc biệt nhấn mạnh trì chú. Có lẽ cũng có đồng tu hoài nghi, vì sao cùng khuyên cầu sanh Tịnh Độ, mà đức Phật nói nhiều phương pháp ngàn ấy? Ở đây, phải hiểu: Đức Phật thuyết pháp ứng cơ, giống người Trung Quốc tuyệt đại đa số thích trì danh, thích niệm danh hiệu Phật; nhưng ở những nơi khác như Tây Tạng, Ni Bạc

Nhĩ (Nepal), Tây Khang⁹⁹, còn có người ngoại quốc, có rất nhiều người thích trì chú. Thích trì chú bèn dạy quý vị trì chú; ưa trì danh bèn dạy quý vị trì danh; chuộng quán tưởng bèn dạy quý vị quán tưởng. Đức Phật ứng cơ thuyết pháp, chúng ta phải hiểu điều này! Phương pháp khác nhau, nhưng nhất định đạt tới mục đích tương đồng. Nhưng trong tất cả các phương pháp, nếu quý vị so sánh đôi chút thì trì danh thuận tiện và dễ dàng nhất, vẫn là đơn giản và dễ dàng hơn trì chú. Xét về hiệu quả, thưa quý vị, càng đơn giản càng đắc lực.

Theo Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì đại sư, có người hỏi Ngài: “Ngài dạy người khác niệm Phật như thế nào?” Ngài đáp: “Dạy người khác niệm Phật sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Người ta bèn hỏi Ngài: “Chính lão nhân gia thì niệm theo cách nào?” “Niệm bốn chữ A Di Đà Phật”. Khác nhau! Người ta hỏi: “Vì sao Ngài dạy người khác niệm sáu chữ, chính mình niệm bốn chữ?” Ngài nói: “Bản thân tôi trong một đời này tâm nguyện quyết định muốn cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, chấp trì danh hiệu bốn chữ, đơn giản mà! Dạy người khác, chưa chắc họ đã có tâm nguyện ấy, chưa chắc phát nguyện vãng sanh trong một đời này. Vì thế, thêm vào Nam-mô sẽ tốt hơn một chút”. Nam-mô có nghĩa là cung kính hay quy y. “Nam-mô A Di Đà Phật” dịch nghĩa sang tiếng Hán là “quy y A Di Đà Phật” hay “cung kính A Di Đà Phật”, thêm vào lời lẽ khách sáo! Nếu chính Ngài đã quyết định muốn cầu sanh Tịnh Độ trong một đời này, những chữ khách sáo đều khỏi nhắc tới, bỏ sạch, quyết định vãng sanh mà! Nếu chính mình tâm sanh tử chẳng thiết tha, thêm Nam-mô sẽ tốt hơn. Nếu trong một đời này, thật sự mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, hãy học theo Liên Trì đại sư, càng đơn giản càng đắc lực. Do lúc lâm chung, một niệm cuối cùng càng đơn giản càng tốt, quá dài, quá rườm rà, e rằng cho đến lúc ấy sẽ chẳng đắc lực, phiền lắm!

Do đây biết rằng: Phương pháp trì danh này, tại Trung Quốc hơn một nghìn năm qua, lịch đại tổ sư cực lực đề xướng là rất có lý. Các Ngài không đề xướng trì chú, không đề xướng quán tưởng, chuyên môn đề xướng trì danh, trong ấy có đạo lý rất sâu. Nương theo pháp môn này tu hành, người thành tựu, người vãng sanh trong các đời vô số như trong Vãng Sanh Truyện đã ghi chép, đó chỉ là chép một, bỏ sót cả vạn,

⁹⁹ Tây Khang là một tên một tỉnh được đặt ra khi chính quyền Dân Quốc còn nắm quyền cai trị Hoa Lục, bao gồm phần lớn vùng Kham của Tây Tạng. Khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, chính quyền Mao Trạch Đông đã tách một phần Tây Khang nhập vào Tây Tạng Tự Trị Khu và phần còn lại ghép vào tỉnh Tứ Xuyên.

[những trường hợp vãng sanh] không được ghi chép rất nhiều, được ghi chép rất ít.

Tam, phi bộ phi loại.

(Huyền Nghĩa) Tam, minh phi bộ loại giả, đới thuyết Tịnh Độ.

三、非部非類。

(玄義) 三、明非部類者，帶說淨土。

(Ba là chẳng phải bộ mà cũng chẳng phải loại.

Huyền Nghĩa: Ba, nói về chẳng phải bộ mà chẳng phải loại là nói kèm thêm về Tịnh Độ).

Đây là giảng kèm thêm!

(Huyền Nghĩa) Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cập Khởi Tín đấng.

(玄義) 如華嚴法華，及起信等。

(Huyền Nghĩa: Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, và Khởi Tín v.v...)

Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Khởi Tín Luận v.v... những kinh luận như vậy rất nhiều, gần như có một, hai trăm loại!

(Huyền Nghĩa): Hựu phi bộ loại, nhi trung thuyết chuyên trì danh hiệu, như Văn Thù Bát Nhã.

(玄義) 又非部類，而中說專持名號，如文殊般若。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, trong các thứ chẳng phải bộ loại, có loại chuyên nói đến trì danh hiệu như kinh Văn Thù Bát Nhã).

Trong kinh Văn Thù Bát Nhã cũng có [nói tới phương pháp trì danh]. Đây là nói về “phi bộ phi loại”.

(Sớ) Đới thuyết giả, chư đồng bộ đồng loại chi ngoại, phục hữu chư kinh, tuy bất chuyên đàm Tịnh Độ, kỳ trung đới cập khuyến tán vãng sanh dã.

(疏)帶說者，諸同部同類之外，復有諸經，雖不專談淨土，其中帶及勸讚往生也。

(Sớ: “Nói kèm”: Ngoài các kinh đồng bộ, đồng loại, còn có các kinh tuy chẳng chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng trong ấy có kèm thêm khuyên lơn, ca ngợi vãng sanh).

Đây là một loại.

(Sớ) Hoa Nghiêm, như Hạnh Nguyên Phẩm, ký minh thập đại nguyện vương, nhi mật ngôn dĩ thử thập nguyện đạo quy Cực Lạc thị dã.

(疏)華嚴，如行願品，既明十大願王，而末言以此十願導歸極樂是也。

(Sớ: Hoa Nghiêm thì như trong phẩm Hạnh Nguyên giảng về mười đại nguyện vương, cuối cùng nói: Dùng mười nguyện này dẫn về Cực Lạc. Đó là [nói kèm]).

Đây là nói tới kinh Hoa Nghiêm. Nói tới kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, ý nghĩa này rất sâu, vì cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, bộ kinh được giảng đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng giảng kinh Pháp Hoa, nói tới kinh giảng lần đầu, và nói tới kinh giảng cuối cùng, hết thầy các kinh đều được bao quát vào giữa. Các kinh luận đã được nói trong khoảng ấy, đã nói kèm về Tịnh Độ rất nhiều; cho nên Ngài đặc biệt nêu ra hai kinh này, một mở đầu, một kết thúc. Nhất là pháp môn Niệm Phật được đề xướng đầu tiên do hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm. Kinh văn của kinh Hoa Nghiêm đã ghi chép rành mạch, hai vị Bồ Tát này đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Học trò của ngài Văn Thù là Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, đến cuối cùng tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho Thiện Tài mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Không chỉ Thiện Tài đồng tử vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, trong mỗi một địa vị chẳng biết có bao nhiêu Bồ Tát, đều cùng Văn Thù, Phổ Hiền vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, đối với kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy xuyên suốt thì nó là kinh gì vậy? Là kinh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói nhiều ngàn ấy, đến cuối cùng bèn sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là khái thị tối cao vô thượng mà kẻ nghiên cứu Hoa Nghiêm chẳng thể không biết. Bất luận quý vị học tông nào, phái nào, học kinh gì hay luận gì, đến cuối cùng không gì chẳng quy về Tịnh Độ. Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi cá nhân học pháp môn khác nhau. Nói theo cách hiện thời, có Hiền, có Mật, các tông, các phái, cuối cùng toàn bộ đều là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải nên hiểu điều này!

Còn có một điểm phải đặc biệt chú ý, các tông, các phái, Hiền hay Mật, đều cùng tu mười đại nguyện vương, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ quy túc chung. Mười đại nguyện vương là cương lĩnh tu hành chung của vô lượng vô biên pháp môn, có cùng một ý nghĩa với Tam Quy Y. Tam Quy Y là quy y “Giác, Chánh, Tịnh”, cho nên nó là tổng cương lĩnh tu hành trong Phật môn, mười đại nguyện vương cũng là tổng cương lĩnh tu hành. Nếu chúng ta coi Tam Quy Y như Cương, mười đại nguyện vương là Mục, nương theo thập nguyện để tu “Giác, Chánh, Tịnh”. Đây là tổng cương mục tu học của Phật pháp, chúng ta chớ nên không biết!

Mười đại nguyện vương, thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”: Bên trong phải chân thành, bên ngoài phải cung kính. Không chỉ học Phật phải tu từ chỗ này, mà đạo làm người trong pháp thế gian cũng thực hiện từ chỗ này. Chưa làm được điều này, những thứ khác chẳng cần phải bàn tới nữa! Giống như xây nhà, nó là nền móng. Nếu nền móng không có, quý vị dựng nhà sao được? Rất trọng yếu! Rất nhiều người niệm Phật, quá ư là nhiều, vãng sanh được mấy? Vì lẽ gì niệm Phật suốt đời vẫn chẳng thể vãng sanh? Chư vị phải nhớ: Người ấy thiếu cơ sở! Trong phần trên đã nói “*lễ kính chư Phật*” là phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là cái tâm chân thành. Người ấy thiếu Bồ Đề tâm! Trong tâm siểm khúc, cong queo, cái tâm bất hảo, đó chẳng phải là tâm học Phật, chẳng phải là tâm thành đạo, đương nhiên cũng không phải là tâm vãng sanh. Vì mỗi cá nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm địa thanh tịnh, chánh trực; tâm quý vị khác với lòng người của đại chúng trong thế giới Cực Lạc, cho nên dù quý vị mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, cổ đại đức bảo “*rách toạc cổ họng cũng uống công*”, chẳng thể vãng sanh. Chúng ta nhất định phải chú ý điều này!

Chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật phải chân thành, phải cung kính, Nho gia cũng nói tới điều này [bằng thuật ngữ] “*thành ý chánh tâm*”, cũng nói thực hiện từ chỗ này! Vừa mở sách Lễ Ký ra, [ta thấy câu đầu tiên là] “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: Không gì chẳng kính), có dụng ý hoàn toàn giống như nguyên thứ nhất trong mười đại nguyên vương. Chẳng đặt vững nền tảng lễ kính, làm người còn làm chưa tốt đẹp, quý vị còn thành Phật được ư? Đó là chuyện không thể nào xảy ra được! Do vậy, nhất định phải đặt vững nền móng này!

(Sớ) Pháp Hoa, như vân tụng tư kinh giả.

(疏) 法華，如云誦斯經者。

(Sớ: Như kinh Pháp Hoa nói: “Người tụng kinh này”).

Đây là nói tới người niệm kinh Pháp Hoa.

(Sớ) Mạng chung đương sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới thị dã.

(疏) 命終當生阿彌陀佛極樂世界是也。

(Sớ: Mạng chung sẽ sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, đây là [nói kèm về Tịnh Độ]).

Trong kinh Pháp Hoa, rành rành là có những đoạn kinh văn nói rõ: “Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”, nhưng đoạn kinh văn này khi phiên dịch đã bị bỏ sót, hình như là bài thứ năm hay bài thứ sáu trong phần kệ tụng. Nguyên văn tiếng Phạn của kinh Pháp Hoa nay vẫn còn, đầu thời Dân Quốc, nữ cư sĩ Lã Bích Thành¹⁰⁰ học Phật vô cùng kiên thành, bà ta là giáo sư đại học, rất giỏi tiếng Anh, tiếng Phạn cũng thông thạo, đã nhận thấy đoạn văn này trong nguyên bản kinh Pháp Hoa bằng tiếng Phạn đã bị bỏ sót, bèn dịch ra.

¹⁰⁰ Lã Bích Thành (1833-1943), người huyện Tinh Đức, tỉnh An Huy, là một nhà giáo dục thời cận đại, nhiệt tình hoạt động bảo vệ nữ quyền, đề xướng giáo dục nữ giới. Năm 1903, bà được mời làm biên tập viên cho tờ Đại Công Báo, trở thành nữ biên tập đầu tiên của Trung Hoa. Năm 1904, bà làm Giám Đốc trường công lập Bắc Dương cho nữ giới. Bà từng làm Bí Thư cho Viên Thế Khải năm 1912, nhưng từ chức năm 1915, sang học tại đại học Columbia của Mỹ. Bà văn tài mẫn tiệp, còn để lại bộ Hiểu Châu Từ. Phần lớn các sáng tác của bà nhằm hoằng dương Phật pháp.

(Sớ) Khởi Tín, như tiền giáo khởi trung sở minh thị dã.

(疏) 起信, 如前教起中所明是也。

(Sớ: Luận Khởi Tín thì như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên ở phần trước đã nói rõ).

Khởi Tín là Khởi Tín Luận, người đọc tụng rất nhiều. Bản thân Mã Minh Bồ Tát (Ásvaghośa) cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, cho nên Ngài viết Khởi Tín Luận cũng nhằm đề xướng, khuyến người khác cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Đẳng giả.

(疏) 等者。

(Sớ: Những kinh luận giống như vậy).

Những kinh luận như vậy quá nhiều!

(Sớ) Như Quán Phật Tam Muội.

(疏) 如觀佛三昧。

(Sớ: Như Quán Phật Tam Muội Kinh).

Quán Phật Tam Muội Kinh.

(Sớ) Thập Trụ Đoạn Kết chư kinh.

(疏) 十住斷結諸經。

(Sớ: Các kinh như Thập Trụ Đoạn Kết).

Chẳng thể kể xiết! Nếu mỗi thứ đều viết ra hết, sẽ có rất nhiều, đề mục các kinh luận này có hơn một trăm loại.

(Sớ) Đới thuyết Tịnh Độ, tầng điệp phi nhất, tường như hậu thích văn trung tạp dẫn.

(疏) 帶說淨土, 層疊非一, 詳如後釋文中雜引。

(Sớ: Nói kèm về Tịnh Độ thì tầng lớp chẳng phải là một loại, sẽ được trích dẫn tường tận trong phần giải thích kinh văn ở phần sau).

Trong Sớ Sao đã dẫn rất nhiều kinh luận giảng về pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) Văn Thù Bát Nhã, tường hậu chấp trì danh hiệu văn trung.

(疏) 文殊般若, 詳後執持名號文中。

(Sớ: Đối với kinh Văn Thù Bát Nhã, sẽ được giảng giải tường tận trong phần nói về chấp trì danh hiệu ở phía sau).

Trong đoạn văn giải thích về “chấp trì danh hiệu” của Sớ Sao đã trích dẫn kinh Văn Thù Bát Nhã. Đây là Phật khuyến chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đặc biệt là pháp môn trì danh.

Bát, dịch thích tụng trì.

八、譯釋誦持。

(Tám là phiên dịch, giải thích, trì tụng).

Đoạn này nói về sự cảm ứng. “*Dịch*” là khi phiên dịch, “*thích*” là khi chú giải hay giảng kinh, “*tụng*” là đọc thuộc lòng, “*trì*” là nương theo kinh điển này để tu hành. Nói “*tín nguyện trì danh*” là y theo phương pháp này để tu hành.

Sơ minh dịch, nhị minh thích, tam minh tụng, tứ minh trì, ngũ kết khuyến.

初明譯。二明釋。三明誦。四明持。五結勸。

(Trước hết là nói về dịch, thứ hai là nói về giải thích, thứ ba nói về tụng, thứ tư nói về trì, thứ năm là kết lại lời khuyến).

Chia thành năm đoạn.

Sơ, minh dịch

(Huyền Nghĩa) Dĩ trì thử kinh, vi bộ, vi loại, tường, lược, đồng, biệt. Vị ủy dịch tự hà thời?

初、明譯。

(玄義) 已知此經, 為部為類, 詳略同別。未委譯自何時。

(Thứ nhất, nói về dịch.

Huyền Nghĩa: *Đã biết kinh bộ loại của kinh này có tương tợ hay đại lược, giống nhau hay sai khác, nhưng chưa rõ kinh này được dịch từ khi nào?)*

“Ủy” là ủy khuất (委屈)¹⁰¹. Kinh này rốt cuộc được phiên dịch lúc nào? Do nhân duyên gì truyền đến Trung Quốc? Vẫn chưa biết chuyện này, vẫn còn ủy khuất, xin hãy giảng giải rõ ràng, [đoạn văn trên đây] mang ý nghĩa này!

(Huyền Nghĩa) Phàm hữu kỷ dịch.

(玄義) 凡有幾譯。

(Huyền Nghĩa: Có mấy bản dịch).

Như Đại Bản có tất cả mười hai bản dịch, nhưng nay trong Đại Tạng Kinh chỉ còn năm bản dịch, những bản dịch khác đều bị thất lạc. Tại Trung Quốc, kể từ đời Tống, Đại Tạng Kinh mới bắt đầu được biên tập, thu thập tất cả kinh điển đã phiên dịch và chú sớ của cổ đức, biên soạn thành một bộ tùng thư (collection). Do trước đây, kinh điển lưu giữ phân tán tại chùa chiền hay trong dân gian, nên rất nhiều thứ bị lạc mất.

(Huyền Nghĩa) Dĩ chí chú thích xiển dương, đọc, tụng, thọ, trì, hữu hà linh nghiệm?

(玄義) 以至註釋闡揚，讀誦受持，有何靈驗。

(Huyền Nghĩa: Cho đến chú thích, xiển dương, đọc, tụng, thọ, trì, có những điều linh nghiệm nào?)

Các đồng tu học Phật cũng phải biết những điều này nhằm giúp cho chúng ta sanh khởi và tăng trưởng lòng tin.

(Huyền Nghĩa) Sơ minh dịch giả hữu nhị.

(玄義) 初明譯者有二。

(Huyền Nghĩa: Trước hết, nói rõ có hai bản dịch).

¹⁰¹ “Ủy khuất” có nghĩa gốc là bị đối xử hay bị chỉ trích không công bằng, trong tâm khó chịu, âm ức. Ở đây, chữ “ủy khuất” được dùng với ý nghĩa âm ức, bản khoản vì chưa hiểu rõ.

Bộ kinh này có hai bản dịch.

(Huyền Nghĩa) Nhất danh Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức kim kinh.

(玄義) 一名佛說阿彌陀經，即今經。

(Huyền Nghĩa: Một bản tên là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức kinh này).

Hiện thời, chúng ta đang dùng bản này, kinh có tựa đề là Phật Thuyết A Di Đà Kinh.

(Huyền Nghĩa) Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch.

(玄義) 姚秦三藏法師鳩摩羅什譯。

(Huyền Nghĩa: Do Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần).

Do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch.

(Sớ) Diêu Tần giả.

(疏) 姚秦者。

(Sớ: Diêu Tần).

Tần là danh xưng của triều đại. Vì sao phải thêm vào phía trước chữ Diêu? Trong lịch sử Trung Quốc, có bốn vương quốc dùng “Tần” làm quốc hiệu¹⁰², nên phải thêm dòng họ của quốc vương vào trước [quốc hiệu], ta mới biết triều đại Tần nào!

¹⁰² Thật ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều nhà Tần, ở đây, Hòa Thượng Tịnh Không chỉ kể bốn nhà Tần có ảnh hưởng lớn đến lịch sử Trung Hoa:

1. Doanh Tần (221-207 trước Công Nguyên) do Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính) sáng lập, diệt vong dưới đời Tần Tam Thế (Doanh Tử Anh).
2. Tiền Tần (350-394), còn gọi là Phù Tần, do Tần Huệ Vũ Đế (Phù Hồng) sáng lập, diệt vong dưới đời Phù Sùng (chưa kịp lập đế hiệu).
3. Hậu Tần (384-417), còn gọi là Diêu Tần, do Tần Vũ Chiêu Hoàng Đế (Diêu Tránh) sáng lập, diệt vong trong đời Diêu Hoảng (chưa kịp xưng đế hiệu).
4. Tây Tần (385-431), do Tần Tuyên Liệt Vương (Khất Phục Quốc Nhân) sáng lập, diệt vong dưới đời Khất Phục Mộ Mạt.

(Sớ) Châu hữu Doanh Tần.

(疏) 周有嬴秦。

(Sớ: Đòi Châu có nhà Doanh Tần).

Tần¹⁰³ là một tiểu quốc đòi Châu, cũng là thời đại Xuân Thu Chiến Quốc. Sau này, Tần cường thịnh, mở rộng lãnh thổ, Tần Thủy Hoàng thôn tính lục quốc¹⁰⁴, thống nhất Trung Quốc. Do Tần Thủy Hoàng họ Doanh, nên trong lịch sử gọi là Doanh Tần.

(Sớ) Nam Bắc Triều hữu Phù Tần, Diêu Tần.

(疏) 南北朝有苻秦、姚秦。

(Sớ: Thời Nam Bắc Triều có Phù Tần và Diêu Tần).

Thời Nam Bắc Triều, Phù Kiên ở Quan Trung, [địa phương này] nay thuộc một giải Cam Túc, Thiểm Tây và Hà Nam, thành lập một vương triều xưng là Tần, đây cũng là Phù Tần. Trong cuộc chiến tại Phi

Do vùng Quan Trung, Cam Túc, Thiểm Tây thuộc lãnh thổ nước Tần thời Chiến Quốc nên những lãnh chúa quân phiệt khi xưng vương tại vùng này thường xưng là Tần. Chẳng hạn, thời Bắc Ngụy, Mạc Chiết Niệm Sanh giết quan thứ sử Tân Châu (nay thuộc Cam Túc), chiếm cứ Tân Châu, xưng vương, lập quốc, cũng lấy quốc hiệu là Tần.

¹⁰³ Nước Tần thời Chiến Quốc thuộc địa bàn tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc. Theo truyền thuyết, tổ tiên vua Tần là Phi Tử. Phi Tử vốn là hậu duệ của Nữ Tu (cháu nội vua Chuyên Húc), đến đời cháu của Nữ Tu là Bá Ích giúp vua Đại Vũ trị thủy và lại giúp vua Thuấn chăm sóc, huấn luyện thú nên được ban họ là Doanh. Phi Tử giỏi nuôi ngựa, được Châu Hiếu Vương giao chăm sóc ngựa chiến, có công, nên Châu Hiếu Vương cắt Tân Ấp (nay là huyện Thanh Thủy tỉnh Cam Túc) phong cho, coi đất phong ấy là nước phụ dung (địa vị kém hơn nước chư hầu) của nhà Châu. Năm 770 trước Công Nguyên, Tần Tương Công phò tá Châu Bình Vương thiên đô, nên Châu Bình Vương phong cho Tần Tương Công tước Bá, nước Tần chính thức trở thành nước chư hầu, mở rộng địa bàn khắp cả tỉnh Thiểm Tây và Cam Túc.

¹⁰⁴ Lục quốc là sáu nước chư hầu lớn thời ấy: Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Tề, và Yên. Ngoài sáu nước lớn ấy ra (nếu không kể Tần), thời Xuân Thu còn có các nước Tống, Vệ, Đông Châu, Trung Sơn, Lỗ, Đằng, Trâu, Phí v.v... nhưng thế lực các nước ấy rất yếu (có nước bị diệt vong trước khi Tần Thủy Hoàng diệt Lục Quốc, chẳng hạn Lỗ bị Sở diệt quốc vào năm 256 trước Công Nguyên, Trung Sơn bị nước Triệu diệt vào năm 296 trước Công Nguyên), nên khi Tần diệt Lục Quốc thì các nước ấy mất chỗ dựa, cũng diệt vong theo.

Thủy¹⁰⁵, tướng Tạ An và Tạ Huyền của nhà Tấn đã đánh bại Phù Kiên. Diêu Trành là một tướng quân dưới trướng Phù Kiên được vua sai ở lại trấn thủ hậu phương, thấy quốc vương thua trận, liền dẫn binh đảo chánh, chiếm giữ Quan Trung, tự xưng vương, nhưng không thay đổi quốc hiệu, trong lịch sử gọi triều đại này là Diêu Tần.

(Sớ) Kim ngôn Diêu giả, giản phi dư Tần dã.

(疏) 今言姚者，揀非餘秦也。

(Sớ: Nay nói là Diêu Tần nhằm phân biệt chẳng phải các nhà Tần khác).

Chúng ta vừa nhìn liền biết đây là triều đại nào? Đây là thời đại Diêu Tần, lại còn là đời vua thứ hai của nhà Diêu Tần. Diêu Trành đã chết, con ông ta là Diêu Hưng kế vị. [Kinh này dịch] dưới thời Diêu Hưng.

(Sớ) Tam Tạng giả, thông kinh, luật, luận, kiêm thiện Hoa Phạn cổ.

(疏) 三藏者，通經律論，兼善華梵故。

(Sớ: Tam Tạng là thông hiểu kinh, luật, luận, lại còn thông thạo tiếng Hán lẫn tiếng Phạn).

Người như thế gọi là “*Tam Tạng pháp sư*” (Tripitakācārya), vị pháp sư này vô cùng nổi tiếng, Ngài nói tiếng Hán rất khá, đương nhiên

¹⁰⁵ Đây là một trận đánh khá lớn tại Phì Thủy (nay thuộc vùng Đông Nam huyện Thọ, tỉnh An Huy) vào năm Thái Nguyên thứ ba (383) nhà Đông Tấn do nhà Tiền Tần khởi xướng, quân Đông Tấn chỉ có tám vạn nhưng đã đánh tan tác mười vạn quân của Phù Kiên. Nguyên nhân là do Phù Kiên sau khi đã giết Tần Lệ Vương (Phù Sanh) đoạt ngôi, xưng là Tiền Tần Thiên Vương, lại được một mưu sĩ là Vương Mãnh giúp sức, quân lực mạnh mẽ, chỉ trong một thời gian ngắn đã diệt Tiền Yên, chiếm đất Lương (Hán Trung), Ích Châu, diệt nước Đại của dòng họ Thác Bạt, diệt Tiền Lương, đánh chiếm nhiều nơi thuộc Tây Vực. Do vậy, với tham vọng mãnh liệt, Phù Kiên bỏ qua lời khuyên của Vương Mãnh, toan làm chủ Trung Nguyên, đã phát binh đánh Tấn vào năm 378. Trải qua nhiều cuộc chiến, phe Tấn luôn thắng. Trong cuộc chiến Phì Thủy, Phù Kiên đã dốc mười vạn quân mong đè bẹp quân Tấn, nhưng thất bại thảm hại.

là hết sức thông đạt Phạn văn; cho nên dịch kinh vô cùng thích hợp khẩu vị của người Hoa.

(Sớ) Pháp sư giả, Phật pháp sở thuộc, diễn dương hồi chúng, vì biểu phạm cố.

(疏) 法師者，佛法所屬，演揚誨眾，為表範故。

(Sớ: Pháp sư là người diễn giải, hoằng dương Phật pháp, dạy bảo đại chúng, nêu gương mẫu).

“Biểu” (表) là sư biểu (師表: Bậc thầy gương mẫu), “phạm” là mô phạm (模範: khuôn phép). Ngài thông đạt Phật pháp, có thể giảng giải, hướng dẫn chúng ta tu hành, nêu gương, làm khuôn phép cho chúng ta, nên chúng ta tôn xưng Ngài là “*pháp sư*”. Vì thế, danh xưng “*pháp sư*” này chẳng dễ đảm đương cho lắm! Nếu quý vị làm không được, người ta gọi quý vị là pháp sư, nói thật ra, đó là chửi người đấy! Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Nếu bản thân chúng ta làm không được, người khác tôn kính gọi ta là pháp sư, hay hòa thượng, hãy nên sanh tâm hổ thẹn; nói thật ra là chẳng gánh vác nổi! Vì thế, các đồng tu xuất gia nhất định phải nỗ lực, phải thật sự phát phần, danh phù hợp thực, sẽ chẳng mắc tội lỗi! Nếu không, người ta gọi quý vị một tiếng, sẽ thành một tội nặng; gọi hai tiếng sẽ là hai tội nặng! Trong một đời này, ta chẳng làm tội nghiệp gì, đến sau này, khi vua Diêm La tổng quý vị vào địa ngục, quý vị vẫn kêu oan uổng! Thật ra, cũng chẳng oan uổng tí nào! Mỗi một tiếng là tăng thêm tội này trên thân; thật đấy, chẳng giả tí nào! Giống như người thế gian, ta phát tâm làm thầy đi dạy học, kết quả là suốt đời cũng chẳng dạy một đứa học trò nào, chẳng lên lớp bữa nào, người ta vừa thấy mặt bèn nói: “Thầy ơi! Thầy ơi!” Người ấy có tội lỗi hay chẳng? Có tội! Thật đấy, chẳng giả đâu!

(Sớ) Cưu Ma La Thập giả.

(疏) 鳩摩羅什者。

(Sớ: Cưu Ma La Thập).

Đây là tên họ của một người.

(Sớ) Phạn ngữ cụ vân Cưu Ma La Kỳ Bà Thập.

(疏) 梵語具云鳩摩羅耆婆什。

(Sớ: Tiếng Phạn nói đầy đủ là Cưu Ma La Kỳ Bà Thập).

Đây là dịch âm tiếng Phạn [Kumārajīva], người Hoa chuộng đơn giản, giảm bớt những chữ có âm nhẹ, nên gọi là Cưu Ma La Thập. Có khi còn tinh lược hơn nữa, gọi Ngài là La Thập.

(Sớ) Thượng ngũ tự, thử vân Đồng Thọ.

(疏) 上五字，此云童壽。

(Sớ: Năm chữ trên đây được coi này dịch là Đồng Thọ).

“Đồng” (童) là đồng tử (童子), tuổi rất nhỏ, đứa bé con. “Thọ” (壽) là cụ già. Tuy giống như đứa con nít, còn thuộc tuổi trẻ con, mà trí huệ và hàm dưỡng, cử chỉ của Ngài đều giống như một người trưởng thành. Vì thế, mọi người gọi Ngài bằng danh xưng này. Quả thật, Ngài rất lỗi lạc, đây là bậc tái lai, là Bồ Tát tái lai.

(Sớ) Thập giả, thâm thiện thử phương văn tự chi thập.

(疏) 什者，深善此方文字之什。

(Sớ: “Thập”: Mười phần thông hiểu sâu xa văn tự phương này).

Đối với ngữ văn Trung Hoa rất thông đạt.

(Sớ) Hoa Phạn hợp cử, xưng La Thập dã.

(疏) 華梵合舉，稱羅什也。

(Sớ: Gộp chung cả tiếng Hán lẫn tiếng Phạn nên gọi là La Thập).

Thật ra, tên thật sự của Ngài là Cưu Ma La Kỳ Bà, Thập (什)¹⁰⁶ là danh hiệu do người Hoa tặng cho Ngài. Ngài hết sức thông đạt ngữ văn tiếng Hán.

¹⁰⁶ Thập (什) là chữ kép của Thập (十) dùng trong văn kiện, nhất là các bằng khoán, để tránh bị sửa đổi hay đọc lầm lẫn. Thập có còn nghĩa là những thứ lật vạt. Một quyển sách cũng gọi là Thập. Do vậy, chữ Thập ở đây có nghĩa xưng tụng Ngài điều gì cũng biết, chẳng sót một điều nhỏ nhặt nào.

(Sớ) Dịch giả, dịch dã, dịch Phạn thành Hoa dã.

(疏) 譯者，易也，易梵成華也。

(Sớ: Dịch là thay đổi, tức là chuyển từ tiếng Phạn sang tiếng Hán).

Đó là phiên dịch, đem Phạn văn chuyển thành tiếng Hán.

(Sớ) Châu Lễ, chưởng tứ phương chi ngữ, các hữu kỳ quan, Bắc phương viết Dịch, kim kinh tự Tây lai, nhi ngôn Dịch giả, Hán chi Bắc quan, kiêm thiện Tây ngữ, Ma Đằng thí chí, toại xưng vi Dịch, kim nhưng chi dã.

(疏) 周禮，掌四方之語，各有其官，北方曰譯，今經自西來，而言譯者，漢之北官，兼善西語，摩騰始至，遂稱為譯，今仍之也。

(Sớ: Theo Châu Lễ, chưởng quản ngôn ngữ bốn phương, mỗi phương đều có một chức quan. Viên quan trông nom việc giao tiếp bằng ngôn ngữ ở phương Bắc được gọi là Dịch. Nay kinh này từ phương Tây truyền sang mà gọi là Dịch vì chức quan ở phương Bắc vào đời Hán cũng thông thạo các ngôn ngữ ở phương Tây. Ngài Ma Đằng đến [Trung Hoa] đầu tiên [được vị quan ở phương Bắc tiếp đãi], nên nay vẫn gọi là Dịch).

Châu Lễ là tên một bộ sách. Lễ Kinh của Trung Quốc gồm có ba bộ: Châu Lễ, Nghi Lễ và Lễ Ký. Đây là ba bộ trong mười ba kinh (thập tam kinh) [của Nho gia]. Trong Châu Lễ, hiến pháp, chánh trị, điền chương, văn vật, chế độ đời Châu, đều được ghi chép trong ấy. Châu Lễ là trước tác của Châu Công, ý tưởng ấy (tức ý tưởng xây dựng một xã hội ổn định, bình trị) được thiết lập tận thiện tận mỹ. Tôi chưa đọc bộ sách này, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã bảo tôi rất nhiều lần, sách này hay lắm! Ngài nói: “Rất nhiều bản hiến pháp của các quốc gia xưa nay, trong ngoài nước đều thua Châu Lễ. Nếu các đời vua cuối của nhà Châu tuân thủ làm theo giáo huấn trong bộ sách ấy, nhà Châu sẽ chẳng vong quốc”. Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại tồn tại lâu nhất là nhà Châu, tám trăm năm, người đời sau không tuân thủ bộ hiến pháp này, nên mới

vong quốc. Phương tiên sinh hết sức tán thán bộ sách này, tôi chỉ đọc mấy thiên trong sách Lễ Ký.

Theo chế độ ấy, vị quan trông nom sự phiên dịch [ngôn ngữ] ở bốn phương có danh xưng khác nhau. Phương Bắc gọi là Dịch (譯), phương Đông gọi là Ký (寄), phương Nam gọi là Tượng (象), phương Tây gọi là Dịch Đê (狄鞮), danh xưng bất đồng, đều có ý nghĩa, nhưng công tác đều là phiên dịch. Kinh Phật đến từ phương Tây. Vào thời Hán, con đường Tơ Lụa¹⁰⁷ là tuyến đường chính để từ Trung Quốc sang Tây Vực, Phật giáo cũng theo đường này truyền đến Trung Quốc, theo tuyến đường Nam Bắc từ rặng Thiên Sơn ở Tân Cương, Cam Túc đến Trường An; khi đó, kinh đô của quốc gia ở Trường An, rất gần phương Bắc. Khởi đầu từ thời hai vị Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dịch Tứ Thập Nhị Chương Kinh, vị quan trông nom phiên dịch của phương Bắc đến giúp sức. Vị quan cai quản công tác phiên dịch ở phương Bắc rất thông thạo Phạn văn, nên mời ông ta đến giúp sức, cho nên dùng chữ Dịch này. Về sau, một mục dùng chữ Dịch, chẳng thay đổi nữa, đã biến thành thói quen rồi!

Tứ Thập Nhị Chương Kinh là bộ kinh Phật được phiên dịch đầu tiên tại Trung Quốc. Bộ kinh này có nội dung vô cùng phong phú, có thể nói là Phật học khái luận của kinh Phật. Cuốn Tứ Thập Nhị Chương Kinh Tân Sớ của cư sĩ Quý Thánh Nhất đã chú giải rất tỉ mỉ, trong tất cả các bản chú giải xưa nay, tôi cảm thấy bản của ông ta hay nhất. Chỗ hay nhất trong bộ kinh này là gì? Con người hiện đại chúng ta học Phật chẳng thể thành tựu là vì thân mình đầy bệnh (khuyết điểm) mà chẳng

¹⁰⁷ Con đường Tơ Lụa là một tuyến đường giao thông, buôn bán nối liền châu Á và châu Âu thời cổ. Nếu kể cả đường biển sẽ bao gồm Hồng Hải, Đông Phi, Ấn Độ, Đông Nam Á, Bắc Phi và Somalia. Con đường này dài hơn bốn ngàn dặm (6.500km) được hình thành từ thời Hán nhờ sự khám phá và sứ vụ của Trương Khiên. Gọi là con đường Tơ Lụa vì Trung Hoa là nước đầu tiên sản xuất tơ lụa, gấm vóc được khối Hội Giáo và các vương quốc châu Âu ưa chuộng. Con đường này khởi đầu từ thành phố Nam Dương (tỉnh Hà Nam) cho đến Ngọc Môn Quan, Dương Quan, thông sang Thông Lĩnh (Pamir) tới tận Trung Á, Tây Á, kết thúc tại vùng Địa Trung Hải của Âu Châu. Con đường này suy vi khi đế quốc Mông Cổ tan rã, khiến cho tình hình an ninh không đảm bảo, thổ phỉ cướp bóc khiến các thương gia không dám chuyên hàng nữa, cũng như do hàng hải phát triển khiến con đường chuyên vận trên bộ mất dần vai trò. Không chỉ tơ lụa, mà các hàng hóa như gai, xạ hương, hương liệu, gia vị, châu báu, đồ thủy tinh, đồ gốm, đồ sứ, trà, rượu, ngay cả nô lệ cũng được chuyên vận theo con đường này.

biết. “Ta không phạm khuyết điểm gì! Ta hết sức tốt đẹp!” Thấy khuyết điểm của kẻ khác, chẳng biết chính mình sai quấy! Sau khi quý vị đọc kinh này, mới phát hiện chính mình có bao nhiêu là lầm lỗi, sửa đổi những khuyết điểm ấy, công phu niệm Phật của quý vị mới đắc lực. Bộ kinh này là một liều lương dược chữa bệnh cho chúng ta! Học Phật phải học từ đâu? Phải học từ bộ kinh này! Nhưng bộ kinh này lời lẽ đơn giản, ý nghĩa bao quát, văn tự rất đơn giản, rất ít, nghĩa lý quá phong phú, không được chú giải cặn kẽ, quý vị sẽ chẳng thấy được! Trong quá khứ, chúng ta vẫn chưa tìm được bản chú giải lý tưởng. Bản chú giải của pháp sư Quán Đảnh quá sâu, không thích hợp cho kẻ mới học. Do vậy, tại Hương Cảng, tôi thấy bản này của cư sĩ Quý Thánh Nhất, vô cùng hoan hỷ!

Các đồng tu học giảng kinh phải bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ kinh này. Kinh này chia thành ba bộ phận, bộ phận thứ nhất là giải thích khoa đề, tức là mỗi chương trong bốn mươi hai chương có một đề mục, [giải thích khoa đề] là giải thích đề mục [của từng chương], sau đó là giải thích danh từ thuật ngữ, điển cố, cuối cùng là giảng nghĩa, hợp lại đề giảng. Có từng tầng lớp rõ rệt! Đây là quy củ giảng kinh truyền thống, hoàn toàn dựa theo quy củ đề giảng, có thứ tự, chẳng lộn xộn. Vì thế, các đồng tu giảng kinh phải dốc sức nơi bộ kinh này. Quý vị có thể học theo quy củ và phương pháp này, về sau, quý vị sẽ có chỗ để dốc sức nơi hết thấy các kinh. Do vậy, đây là bộ sách tham khảo vô cùng hay. Pháp sư Bản Tông chú giải kinh Di Đà và Tâm Kinh cũng dùng quy củ này, viết theo đúng quy củ. Đó là khuôn mẫu giảng kinh tốt đẹp, nhất định phải dựa theo phương thức này để giảng.

Vì thế, quý vị giảng kinh chớ nên học theo cách tôi giảng trong hiện thời. Học theo cách tôi giảng trong hiện nay sẽ gặp trắc trở. [Muốn] học giảng kinh với tôi thì [phải học] trong mười mấy năm trước đây, nghe tôi giảng kinh sẽ được lợi ích, được thụ dụng, vì sao? Khi tôi bắt đầu đến giảng kinh tại Đài Bắc, đại khái là mười lăm, mười sáu năm, tuân theo phương pháp giảng ấy, rất giữ quy củ. Từ năm Dân Quốc 60 (1971) bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm, dần dần vượt ngoài đường lối, không tuân thủ quy củ nữa. Những người mới học nghe không nhận ra, nhưng các vị có kinh nghiệm nghe giảng biết ngay. Tôi giảng kinh tại Hương Cảng, có rất nhiều pháp sư nghe, còn có những pháp sư hết sức thích nghe tôi giảng kinh. Pháp sư Sướng Hoài bảo đại chúng: Tôi không phải là giảng kinh trên tòa, mà là nói gì? Trình bày báo cáo tâm đắc của chính mình. Tôi mở bản kinh ra, tôi nói những điều chính mình hiểu và

lãnh hội. Quý vị bắt đầu học giảng kinh, có câu nói: “*Bất học quy củ, bất thành phương viên*” (Chẳng học theo quy củ¹⁰⁸, chẳng thành vuông tròn). Đạt đến cảnh giới của tôi, phải nâng cao hơn một tầng nữa, trên giảng đài, tôi đã tuân theo quy củ mười mấy năm!

Từ năm Dân Quốc 56 (1967), tôi lên Đài Bắc giảng kinh, tôi vừa xuất gia bèn bắt đầu giảng kinh, tôi xuất gia năm Dân Quốc 48 (1959), tháng Giêng năm Dân Quốc 49 (1960) bèn bắt đầu giảng kinh, tuân theo quy củ, đến năm sáu mươi tuổi mới dần dần thoát ra, giảng báo cáo tâm đắc của chính mình. Do vậy, những đồng học nghe kinh thuở đầu, giống như các vị đang giảng kinh ở các nơi như Hùng Uyển, Từ Huệ Linh, vào thuở ấy, có lúc họ gặp tôi, vẫn nói: “May là thuở ấy, đến nghe [thầy giảng] bèn được lợi ích, học được thứ này thứ nọ. Bây giờ đến nghe kinh, chẳng học được gì!” Nay tôi giảng đúng là “*thiên mã hành không*”¹⁰⁹, không có ngăn mé. Khi cao hứng, thì có mấy câu, ba bốn câu kinh văn mà giảng suốt hai giờ không xong, cũng có khi cả đoạn văn dài, loáng một cái đã xong, quý vị học được điều gì? Học không được! Nhưng đối với người tu hành, lời giảng ấy hữu ích, đối với những vị học giảng kinh thì hồng bát, nhưng đối với những vị niệm Phật tu hành, chắc chắn hữu ích. Vì thế, chắc chắn không thể học theo cách tôi giảng trên giảng đài, hiện thời tốt nhất là tuân theo phương pháp này trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh để học giảng kinh.

Đoạn kế tiếp nhằm giới thiệu đơn giản về Cựu Ma La Thập đại sư; đây là trích lục từ truyện ký của Ngài, nhằm khiến cho chúng ta hiểu biết đại lược về đại sư. Theo truyện ký, vị đại sư này là vị thầy dịch kinh của quá khứ thất Phật. Vì thế, những thứ do Ngài phiên dịch hết sức hay! Đến Trung Quốc, Ngài chịu không ít vùi dập, chịu đựng chẳng ít khổ nạn, chính mình bị thiệt thòi to lớn, nhưng Ngài có công hiến rất lớn đối với Phật pháp Trung Quốc. Ngài bị Lữ Quang giam cầm gần ba mươi năm, không cách nào xoay sở, Ngài học văn tự Trung Quốc vào lúc ấy. Sau khi Lữ Quang chết, cháu là Lữ Long kế vị, đầu hàng Diêu Hưng; Cựu Ma La Thập đại sư mới được Diêu Hưng nghênh thỉnh về Trường

¹⁰⁸ Quy (規) vốn là dụng cụ để vẽ hình tròn, Củ (矩) là dụng cụ để vẽ hình vuông, nên “quy củ” được hiểu theo nghĩa rộng là phép tắc, quy định.

¹⁰⁹ Đây là một thành ngữ, dùng hình ảnh ngựa cỡi trời có thể sai cánh bay lượn tùy ý trên hư không, chẳng thể đoán trước được. Thành ngữ này thường dùng để hình dung khí thế của thơ văn hay thư pháp tung hoành ngang dọc, ào ạt, hùng vĩ, không thể đoán trước được kết cục, diễn biến.

An, tiên hành công tác dịch kinh bảy năm rồi viên tịch. Bảy năm ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Trung Quốc, đặt vững cơ sở cho Phật giáo Trung Quốc.

Do điều này biết rằng: Hoằng pháp lợi sanh không do thời gian dài hay ngắn, mà thật sự do công lực dày hay mỏng. Như Ấn Quang đại sư, đối với Phật pháp cận đại, không chỉ là nói theo phía Tịnh Độ, mà đối với toàn bộ Phật pháp, Ngài có ảnh hưởng to lớn dường ấy. Ấn Quang đại sư hoằng pháp bao nhiêu năm? Mười năm. Bảy mươi tuổi mới ra hoằng pháp, trước năm bảy mươi tuổi không ai biết, tới bảy mươi tuổi mới bị người ta phát hiện. Khi đó nhằm thời đầu Dân Quốc, có những vị lão cư sĩ rất có học vấn lúc đến Phổ Đà Sơn du ngoạn, đã vô tình phát hiện, trò chuyện với Ngài, cảm thấy vị này kiến giải lỗi lạc. Sau đấy, trao đổi thư từ với Ngài, những bức thư trả lời của Ngài được đăng tải công khai trên báo hay tạp chí, mọi người mới biết có pháp sư Ấn Quang. Lão nhân gia viên tịch năm tám mươi tuổi, [hoằng pháp chỉ] mười năm. Đây là như cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Hậu tích bạc phát*” (chất chứa sâu dày, phát hiện mỏng manh), vì Ngài đã tích chứa quá dày, tuy thời gian phát ra chẳng dài, nhưng công lực đã đủ mức, nên mới có sức ảnh hưởng sâu dày như vậy. La Thập đại sư là người như vậy. Chúng ta phải ghi nhớ chuyện này.

Đối với người hiện thời, tôi được coi là kẻ đã từng trải qua [kinh nghiệm này], chính mình bị thua thiệt rất nhiều, bị lừa gạt rất nhiều; đó là vì lúc tôi ra giảng kinh, tuổi còn trẻ quá, chẳng thể học theo cổ nhân, tích chứa chẳng dày. Cho nên sức lực phát ra cũng chẳng đủ, phải tích chứa cho dày, mới đủ sức! Tôi thấy người hiện thời vẫn chẳng được như tôi. Tôi còn có thể theo thầy học Phật mười ba năm, bọn họ hiện thời học được ba tháng đã muốn đi ra ngoài biểu diễn, vẫn chẳng bằng tôi. Có thể suy ra: Sức lực do quý vị phát ra sẽ chẳng bằng tôi. Chúng ta đọc những tác phẩm của cổ nhân phải ghi nhớ giáo huấn, phải có lòng nhẫn nại, phải có chí thường hằng, phải có nghị lực, có như vậy thì mới có thể thật sự thành tựu.

Học theo lời dạy của một người, điều này trọng yếu lắm! Không nên ra ngoài, hôm nay nghe vị này, ngày mai nghe vị khác, nghe nhiều quá, tư tưởng hỗn loạn, phức tạp. Do vậy, tuy người ta tôn kính Ấn Quang đại sư, có mấy ai thường nhắc đến tên Ngài? Không nhắc tới! Vì sao chẳng nhắc tới? Có chỗ kiêng kỵ. Ấn Quang đại sư phản đối kẻ học Phật thường tới chùa, phản đối người học Phật thân cận pháp sư, cực lực phản đối! Quý vị tới chùa thường xuyên quá, tinh thần phân tán, chẳng

thê tập trung, chẳng thê học Phật pháp tốt đẹp lắm, nhiều nhất là tu được một chút “si phước” mà thôi! Quý vị tiếp cận vị pháp sư này, vị pháp sư này bèn giảng điều này, [thân cận] vị pháp sư nọ, [vị ấy bèn] giảng điều kia, đầu óc quý vị chứa đựng đủ thứ lộn xộn, niệm Phật sẽ chẳng đắc nhất tâm bất loạn.

Do vậy, mọi người hễ nhắc tới pháp sư Ấn Quang, bèn rất cung kính, nhưng chẳng nhắc tới một câu nào của Ngài! Vì sao? Đối với pháp sư Ấn Quang, thí dụ như quý vị quy y với Ngài, đến đó gặp Ngài, Ngài sẽ dùng dùng quở mắng quý vị một trận: “Người đến đây làm chi?” “Con đến thăm sư phụ”. “Người đã thấy mặt sư phụ rồi, có gì hay ho đâu? Không trở về nhà lo thật thà niệm Phật, gặp sư phụ để làm gì chớ?” Chửi cho một trận toi bời, đó là một vị thiện tri thức chân chánh. Pháp sư hiện thời thì: “Các ông thường phải đến gặp ta”, thái độ khác hẳn pháp sư Ấn Quang! Cho nên mọi người kính nhi viễn chi Ngài! Nhưng nếu chúng ta suy ngẫm, sẽ thấy: Thật sự muốn thành tựu thì lời lão nhân gia dạy đúng quá. Ngài chủ trương một đạo tràng, một thầy, học theo lời

dạy của một vị thầy, quý vị mới có thể đắc nhất tâm bất loạn, sẽ chẳng bỏ lỡ một đời này! Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 88

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm năm mươi một:

(Sớ) Án bốn truyện, Sư, Trung Thiên Trúc quốc nhân, phụ danh Cưu Ma La Diễm, gia thế tướng quốc, khí vinh xuất du, Quy Tư vương dĩ muội thê chi, sanh Sư. Sư sanh nhi thần linh, thất tuế tùy mẫu nhập tự, kiến thiết bát, thí thủ gia đảnh, nga niệm thử bát thậm trọng, ngã hà năng cử? Tức bất thăng trọng. Toại ngộ vạn pháp duy tâm, bác học cường ký, nhân năng mạc cập.

(疏)按本傳，師，中天竺國人，父名鳩摩羅琰，家世相國，棄榮出遊，龜茲王以妹妻之，生師，師生而神靈，七歲隨母入寺，見鐵鉢，試取加頂，俄念此鉢甚重，我何能舉？即不勝重。遂悟萬法唯心，博學強記，人能莫及。

(Sớ: Theo truyện ký của Ngài, Sư là người xứ Trung Thiên Trúc, cha tên là Cưu Ma La Diễm (Kumārāyana), vốn thuộc dòng dõi Tướng Quốc, bỏ vinh hoa, đi du hóa khắp nơi. Vua xứ Quy Tư (Kucha) gả em gái cho, sanh ra Sư. Sư sanh ra thông minh, bảy tuổi theo mẹ vào chùa, thấy bát sắt, thử đội lên đầu, chợt nghĩ bát này rất nặng, ta làm sao có thể giở lên được? Liền [cảm thấy] bát nặng khôn xiết, bèn ngộ “vạn pháp duy tâm”, học rộng, nhớ dai, không ai bằng được).

Giới thiệu người phiên dịch bộ kinh này là Cưu Ma La Thập đại sư. Vị đại sư này là Bồ Tát tái lai, trong đời quá khứ từng là vị sư dịch kinh của bảy đức Phật, từng phiên dịch kinh điển của bảy đức Phật. Vì thế, Ngài dịch hay như thế, do có mối quan hệ nhân duyên với đời trước.

“*Bốn truyện*”: Đây là trích lục từ truyện ký của Ngài. Truyện ký bản gốc rất dài, trong Đại Tạng Kinh và Cao Tăng Truyện đều có truyện ký của Ngài. Chữ “*Sư*” [trong lời Sớ] chỉ La Thập đại sư. “*Trung Thiên Trúc quốc nhân*”: Đây là nói về quê hương của Ngài. Thiên Trúc là Ấn Độ, khi ấy Ấn Độ được chia thành năm khu vực: Đông, Nam, Tây, Bắc,

và Trung, Ngài là người Trung Ấn Độ. Cha Ngài là Cưu Ma La Diễm (Kumārāyana), là Tướng Quốc, tức Tể Tướng, giống như Hành Chánh Viện Trưởng (Thủ Tướng)¹¹⁰ trong chế độ hiện thời, địa vị khá cao. Tuy sanh trong gia đình quý tộc, ông từ bỏ phú quý đi xuất gia, [lời Sớ chép là] “*khí vinh xuất du*”, tức là sang du lịch nước khác. Sau đấy đến Quy Tư (Kuche, Cưu Ty), chữ này đọc [theo âm Quan Thoại] là Qiu Cí¹¹¹ thuộc Thiên Sơn nam lộ của vùng Tân Cương, Trung Quốc; khi ấy, [Cưu Ty] là một quốc gia rất nổi danh tại Tây Vực¹¹². Quốc vương Cưu Ty coi trọng Cưu Ma La Diễm, bèn gả em gái cho Ngài. Định cư ở nơi đây, sau đó, sanh ra một trai là Cưu Ma La Thập. Đây là tường thuật gia thế của Ngài.

“*Sanh nhi thần linh*”: Ngài sanh ra cũng rất không tầm thường, đứa bé này vô cùng thông minh, có trí huệ. “*Thất tuế tùy mẫu nhập tự*” (bảy tuổi theo mẹ vào chùa), thấy bát sắt trong chùa, đội lên đầu chơi, bỗng nhiên nghĩ: Bát này nặng như thế, ta bé như thế, làm sao đội lên đầu được? Ý niệm này vừa nảy sanh, liền cảm thấy cái bát ấy quá nặng, nhắc lên không nổi! Ngay lúc ấy, Ngài liền ngộ “*vạn pháp duy tâm*”. Trong tâm không có phân biệt chấp trước, sẽ chẳng có nặng hay nhẹ; có phân biệt, chấp trước, hết thấy hiện tượng sẽ sanh ra. Đúng là cảnh

¹¹⁰ Hành Chánh Viện Trưởng là danh xưng để gọi Thủ Tướng của Đài Loan, tại Hoa Lục thì gọi là Tổng Lý Quốc Vụ Viện.

¹¹¹ Từ cách đọc này trong tiếng Hán, chữ Quy Tư phải đọc đúng âm là Cưu Ty. Xứ này nằm phía Bắc sa mạc Taklamakan trong vùng trũng Tarim, phía Nam sông Muzat. Dân Cưu Ty nói tiếng Toracharian (thuộc hệ ngôn ngữ Ấn Âu), có văn tự riêng. Người Trung Hoa đã biết đến xứ này từ thời Hán. Thời Đường, xứ này rất nổi tiếng về âm nhạc và ca vũ, cung đình triều Đường rất chuộng nhạc Cưu Ty, thể loại Nhã Nhạc của Trung Hoa chịu ảnh hưởng lớn từ nhạc Cưu Ty. Đàn Tỳ Bà cũng do người Trung Hoa vay mượn của dân Cưu Ty và cải tiến. Hiện thời, Cưu Ty chính là thành phố Kuqa (Khố Xa) thuộc địa khu Aksu của Tân Cương Duy Ngô Nhĩ Tự Trị Khu, Trung Quốc.

¹¹² Tây Vực là danh xưng để gọi chung toàn bộ những vùng đất nằm ở Thiên Sơn nam lộ (tức là tuyến đường Tơ Lụa đi từ Ngọc Môn Quan về phương Tây). Từ Ngọc Môn Quan đi về phương Tây có ba tuyến đường: Bắc, Nam, và Trung. Thoạt đầu vào thời Tùy Đường, Tây Vực bao gồm: Phía Bắc đến Phát Lâm (đế quốc Byzantine), phía Đông đến Ba Tư, phía Nam đến giáp ranh Bà La Môn (Ấn Độ). Thời Nguyên, cả khu vực Âu Châu cũng được gộp vào Tây Vực. Hiểu theo nghĩa hẹp, Tây Vực chỉ bao gồm các quốc gia Trung Á nằm dọc theo con đường Tơ Lụa. Sử Trung Hoa thường ghi các quốc danh nổi tiếng tại Tây Vực như Thiện Thiện (Lâu Lan), Nhữc Khương, Ô Tra, Tây Da, Tử Hợp, Quyên Độc, Tiểu Uyên, Tinh Tuyệt, Thả Mạt, Vu Điền, Nhung Lô, Ba Sơn, Sớ Lặc, Kiệt Thạch, Ngụy Tu v.v...

chuyên theo tâm! Vào thời Hán, tại Trung Quốc, Lý Quảng là một vị đại tướng rất giỏi. Có một lần trong khi hành quân, ông ta thấy một khối đá lớn trong đám cây cỏ, khối đá ấy nhìn xa giống như một con cọp, liền bắn một phát tên. Khi bắn, mũi tên cắm sâu vào tảng đá, Lý Quảng vừa nhìn thấy khối đá, liền cảm thấy chính mình ghê gớm lắm: “Các người xem đó, ta rất mạnh! Bắn một phát lút sâu vào đá”. Bắn phát nữa, chẳng thể xuyên vào đá! Đây cũng là vạn pháp duy tâm! Khi ông ta bắn tên, chẳng nghĩ đó là tảng đá mà tưởng là con cọp, cho nên mũi tên có thể bắn xuyên qua. Niệm thứ hai, biết nó là tảng đá, nên mũi tên chẳng bắn xuyên thấu được. Vạn pháp duy tâm, tâm chuyên vạn pháp. “*Bác học cường ký*”: Đại sư có trí nhớ rất tốt, những sách đã đọc chẳng quên, “*nhân năng mạc cập*”: So ra, người bình thường chẳng bằng Ngài.

(Sớ) Dĩ xung niên cao đức, cố vân Đồng Thọ.

(疏) 以冲年高德，故云童壽。

(Sớ: Do [tuổi còn trẻ] mà đức hạnh cao trời như người đã lão thành, nên gọi là Đồng Thọ).

Ngài mười hai, mười ba tuổi đã giảng kinh; khi ấy, những vị cao tăng đại đức cùng Ngài biện luận đều chẳng thể thắng Ngài. Tuổi rất trẻ, nhưng học vấn lẫn đức hạnh giống như người trưởng thành, nên mọi người gọi Ngài bằng danh xưng Cưu Ma La, có nghĩa là Đồng Thọ (đứa trẻ già dặn).

(Sớ) Ký thông Tam Tạng, đông du Cưu Ty, vương thiết kim sư tử tòa xử chi.

(疏) 既通三藏，東遊龜茲，王設金獅子座處之。

(Sớ: Đã thông suốt Tam Tạng, đi sang phương Đông, [trở về] xứ Cưu Ty, quốc vương bày tòa sư tử bằng vàng thỉnh Ngài ngồi).

Sau khi mẹ Ngài xuất gia, bèn dẫn Ngài sang Ấn Độ. Bà mẹ đã chứng Tam Quả, chính Ngài cũng đại triệt đại ngộ. Từ Ấn Độ du học, trở về Cưu Ty, khi ấy, La Thập đại sư hai mươi mấy tuổi. Quốc vương Cưu Ty vô cùng tôn trọng Ngài, cúng dường Ngài bảo tọa sư tử bằng vàng, thỉnh Ngài ở lại nơi ấy giảng kinh, thuyết pháp, coi Ngài như quốc bảo. Thời cổ, Trung Quốc và ngoại quốc giống nhau, coi nhân tài là quốc bảo. Đế vương, đại thần chẳng ai không tôn trọng hiền nhân, lễ

hiền hạ sĩ (lễ kính, khiêm tốn đối với bậc hiền nhân, trí thức), xin họ dạy bảo cách cai trị nước nhà. Nói theo cách bây giờ là “*tu chánh*” (資政: giúp đỡ cai trị), làm cố vấn cho quốc vương. Đây là nói rõ địa vị của Ngài tại Cưu Ty.

(Sớ) Phù Kiên cứ Tần, tương sự Tây thảo, thích Thái Sử tâu dị tinh hiện w Tây Vực phân dã, đương hữu đại đức trí nhân, nhập phụ Trung Quốc.

(疏) 苻堅據秦，將事西討，適太史奏異星現於西域分野，當有大德智人，入輔中國。

(Sớ: Phù Kiên chiếm cứ đất Tần, sắp sửa [đem quân] chinh phạt phía Tây, nhằm lúc ấy, quan Thái Sử tâu có ngôi sao lạ mọc trên phần bầu trời¹¹³ ở phía Tây Vực, ắt sẽ có bậc đại đức trí huệ, vào giúp Trung Quốc).

“*Phù Kiên cứ Tần*”: Vào thời Nam Bắc Triều, Phù Kiên chiếm cứ vùng Quan Trung¹¹⁴, thành lập một quốc gia gọi là Tần. “*Tây thảo*”: “*Thảo*” (討) là “*thảo phạt*” (討伐). Ông ta rất có dã tâm, vẫn luôn không ngừng mong mở rộng lãnh thổ quốc gia, xâm phạm những thành thị lân cận. Thời cổ coi trọng bói toán, chiêm tinh, nó có ảnh hưởng rất lớn đến quốc gia đại sự. “*Thái Sử*” là chức quan trông coi việc quan sát hiện tượng thiên văn, ông ta thấy một ngôi sao rất lớn xuất hiện tại phương Tây. Đây là hiện tượng bất thường, bèn tâu lên Tần vương: Phía Tây xuất hiện một ngôi sao lớn. Căn cứ trên sự bói toán, phương Tây có bậc đại đức đại trí huệ đến Trung Quốc, giúp đỡ Trung Quốc.

¹¹³ “Phân dã” là cách phân chia bầu trời thành mười hai cung (Tinh Kỳ, Huyền Hiêu, Phản Tý, Giáng Lũ, Đại Lương, Thật Trầm, Thuần Thủ, Thuần Hòa, Thuần Vỹ, Thọ Tinh, Đại Hòa, Tích Mộc) của thiên văn cổ Trung Hoa, khá giống như cách chia mười hai cung Hoàng Đạo hiện thời, nhưng trong “phân dã” thì mặt đất cũng chia thành mười hai cung tương ứng với bầu trời. Do vậy, để chiêm nghiệm vận mạng một nước, quan Thái Sử thường quan sát tinh tú ứng với phân dã của nước ấy.

¹¹⁴ Quan Trung là vùng bình nguyên sông Vị, thuộc miền Trung tỉnh Thiểm Tây hiện thời, thuộc vùng thượng lưu sông Hoàng. Vùng này nông nghiệp trù phú, dân cư đông đảo, thường gọi là Bát Bách Lý Tần Xuyên (vùng Tần Xuyên tám trăm dặm). Do chung quanh vùng này có bốn ải là Tán Quan (ở phía Tây), Hàm Cốc Quan (phía Đông), Vũ Quan (phía Nam) và Tiêu Quan (phía Bắc) nên gọi là Quan Trung. Kinh đô Hàm Dương của nước Tần thời Tần Thủy Hoàng cũng thuộc Quan Trung.

(Sớ) Kiên vân: “Trẫm văn Cưu Ty hữu La Thập giả, đắc phi thử da?”

(疏) 堅云：朕聞龜茲有羅什者，得非此耶？

(Sớ: Phù Kiên nói: “Trẫm nghe nói xứ Cưu Ty có ngài La Thập, có phải là người ấy đó chăng?”)

Phù Kiên nói: “Ta nghe nói nước Cưu Ty có một vị tên là Cưu Ma La Thập, có đúng người ấy hay chăng”. Vì sự bói toán này, khi ấy, nhà vua bèn sai người sang Tây Vực nghênh thỉnh ngài Cưu Ma La Thập, thỉnh bậc cao nhân thật sự có trí huệ, có đức hạnh đến phụ trợ quốc gia này; nhưng quốc vương [Cưu Ty] không chịu để cho Ngài đi.

(Sớ) Khiển tướng Lữ Quang.

(疏) 遣將呂光。

(Sớ: Phù Kiên sai tướng Lữ Quang).

Năm Kiến Nguyên mười ba (377) thời Phù Kiên, phái đại tướng Lữ Quang dẫn bảy vạn đại quân Tây chinh.

(Sớ) Lâm phát, vị viết.

(疏) 臨發，謂曰。

(Sớ: Lúc sắp xuất hành, vua nói).

Lúc sắp dẫn quân đi, vua dặn riêng Lữ Quang.

(Sớ) Trẫm phi tham địa dụng binh.

(疏) 朕非貪地用兵。

(Sớ: Ta chẳng phải do tham chiếm đất mà dụng binh).

Xuất binh lần này không phải là tham cầu đất đai của người ta, mà cũng chẳng phải là tham cầu vàng, bạc, đồ quý giá.

(Sớ) Văn La Thập thâm giải pháp tướng, vi hậu học tông.

(疏) 聞羅什深解法相，為後學宗。

(Sớ: Ta nghe nói La Thập hiểu pháp tướng sâu xa, là bậc tông sư cho hàng hậu học).

Ta nghe nói La Thập đại sư hết sức thông đạt Đại Thừa Phật pháp, quả thật có sự ngộ nhập rất sâu, là tông sư cho hàng hậu học. “Tông” là tông sư, là tổ sư trong Phật môn, Nho gia gọi vị ấy là “tông sư”.

(Sớ) Nhược khắc Cưu Ty, tức nghị trì dịch tống Thập.

(疏) 若克龜茲，即宜馳驛送什。

(Sớ: Nếu phá tan Cưu Ty, hãy mau đưa ngài La Thập trở về).

Phá được Cưu Ty, thắng trận, hãy lập tức dùng khoái mã (ngựa chạy rất nhanh), chạy tiếp sức từng trạm chẳng ngừng, ngay lập tức đưa pháp sư La Thập về. Bỏ ra bảy vạn đại quân chẳng tiếc nuôi, lao sư động chúng¹¹⁵ để thỉnh một người. Phù Kiên tôn trọng hiền nhân, đúng là chẳng cần phải tranh cãi nữa! Lữ Quang dẫn đại quân tới nước Cưu Ty. Tuy Cưu Ty là một nước lớn ở Tây Vực, cũng bất quá là một thành mà thôi, không có cách nào chống lại binh Tần. Quân Tần vây kín đô thành nước Cưu Ty, nói rõ nguyên nhân vì sao kéo đến: Do muốn thỉnh người ấy. Vua Cưu Ty rất không vừa lòng, muốn chống lại. La Thập bảo vua Cưu Ty: “Bình lực của chúng ta không bằng người ta, nhất định sẽ thua trận, chẳng biết bao nhiêu người bị tử thương”, khuyên vua Cưu Ty hòa đàm, không nên chiến tranh, Ngài tự theo họ đi. Vua Cưu Ty nghe lời Ngài khuyên. Trong tình hình ấy, Lữ Quang dẫn Cưu Ma La Thập đại sư trở về Trung Quốc, thỉnh đến như thế đó!

(Sớ) Cập phá Cưu Ty, tải Thập dĩ quy.

(疏) 及破龜茲，載什以歸。

(Sớ: Đến khi phá được Cưu Ty, chở ngài La Thập về).

Thắng trận, dùng xe chở La Thập đại sư về.

(Sớ) Trung đạo, văn Kiên dĩ vi Diêu Trành sở hại, toại chỉ bất phản, Thập sư nhân bất chí Tần.

¹¹⁵ Chữ Sư ở đây chỉ quân đội.

(疏)中道聞堅已為姚萇所害，遂止不返，什師因不至秦。

(Sớ: Giữa đường, nghe Phù Kiên đã bị Diêu Trành hại, bèn dừng lại, không trở về [kinh đô Trường An] nữa, do vậy, ngài La Thập chưa đến đất Tần).

Lữ Quang về tới Lương Châu, nay thuộc tỉnh Cam Túc, được tin quốc gia có biến cố. Tần vương đánh nhau với Đông Tấn tại Phì Thủy, thua trận. Nói thật ra, ông ta bại trận lần này vì quá kiêu ngạo, đó gọi là “kiêu binh tất bại”. Khi ấy, Phù Kiên dẫn mấy chục vạn quân, phô trương là một trăm vạn, quân đội Đông Tấn tập hợp hết cả lại, tổng cộng chưa đầy mười vạn người. Đây là “dĩ quả địch chúng” (lấy ít chống đông). Phù Kiên hết sức kiêu ngạo, nghĩ mình ắt chiến thắng, Đông Tấn đâu có lực lượng nào để chống lại ông ta? Không ngờ chính mình bại trận! Sau khi bại trận, quay về, đại tướng dưới quyền là Diêu Trành đảo chánh, giết ông ta để tự mình làm quốc vương. Diêu Trành và Lữ Quang cùng là đại tướng của Phù Kiên, nay Diêu Trành làm quốc vương, Lữ Quang chẳng phục; vì thế, chiếm cứ Lương Châu, lập ra nước Lương tại đó, xưng là Lương Vương. Khi ấy, lực lượng của ông ta khá hùng hậu, Diêu Trành cũng chẳng có cách nào khác. Do vậy, La Thập đại sư không có cách nào đến nước Tần, ở Lương Châu gần ba mươi năm. Lữ Quang biết ngài La Thập là một người lỗi lạc, nhưng chính mình không thể dùng Ngài, lại không dám tha Ngài, vì Ngài là người có trí huệ, sợ Ngài phù tá người khác. Do vậy, giam kín Ngài tại Lương Châu. Mẹ ngài La Thập từng bảo Ngài: “Người và Trung Quốc hữu duyên, nhưng phải chịu tai nạn rất lớn, sẽ gặp cảnh giam cầm”. La Thập thưa cùng mẹ: “Chỉ cần có thể lợi ích chúng sanh, khổ nạn dầu lớn đến mấy cũng đều ung chịu”.

(Sớ) Hậu Trành diệc văn Sư danh, yếu thỉnh, nhi Quang bất doãn.

(疏)後萇亦聞師名，要請，而光不允。

(Sớ: Sau này, Diêu Trành cũng nghe danh Sư, muốn thỉnh, nhưng Quang không chấp nhận).

Diêu Trành hướng về Lữ Quang yêu cầu, mong có thể thỉnh La Thập đại sư tới Trường An, Lữ Quang không đáp ứng.

(Sớ) Trành vong, tử Hưng phục thỉnh, diệc bất đoãn.

(疏) 衰亡，子興復請，亦不允。

(Sớ: Diêu Trành mất, con là Diêu Hưng lại thỉnh, Lữ Quang vẫn không chấp nhận).

Sau khi Diêu Trành chết, con trai là Diêu Hưng kế vị, lại hướng về nước Lương thỉnh cầu hãy để Cựu Ma La Thập đại sư tới Trường An, nhưng vẫn không được đáp ứng.

(Sớ) Nhân khiển binh phạt Quang, Quang diệt hàng Tần, phương đắc nghênh Sư nhập quan, phụng vi quốc sư.

(疏) 因遣兵伐光，光姪降秦，方得迎師入關，奉為國

師。

(Sớ: Do vậy, phái quân chinh phạt Quang. Cháu của Quang bèn đầu hàng nước Tần, mới đón được Sư về Quan Trung, tôn làm quốc sư).

Khi ấy, Lữ Quang đã chết, cháu trai của Lữ Quang đầu hàng, Diêu Hưng mới có thể nghênh thỉnh La Thập đại sư tới Trường An. Diêu Hưng đối xử với Ngài theo lễ tiết quốc sư, vô cùng tôn kính. Lại còn đem biệt thự của hoàng đế trong vườn Tiêu Dao cúng dường La Thập đại sư, thỉnh Ngài tiến hành công tác dịch kinh. Ngài ở Trường An bảy năm rồi viên tịch. Do vậy, La Thập đại sư tới Trung Quốc hoằng pháp trên thực tế chỉ có bảy năm. Thuở ấy, dịch trường dịch kinh của La Thập đại sư gần như tới tám trăm người, quy mô to lớn, là dịch trường bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc. Sau này, dịch trường của Huyền Trang đại sư đại khái là sáu trăm người. Vì Ngài trụ tại Lương Châu một thời gian dài, học tiếng Hán đến nơi đến chốn, những kinh điển do Ngài dịch gần như là văn chương do người Hoa viết. Vì thế, tài nghệ về tiếng Hán của tất cả các pháp sư dịch kinh khác đều chẳng bằng ngài La Thập. Đối với Phật giáo Trung Quốc, Ngài có ảnh hưởng sâu xa, có công hiển không ai lớn bằng!

(Sớ) Sư duyệt cựu kinh, nghĩa đa phi tích, bất dĩ Phạn bản tương ứng.

(疏) 師閱舊經，義多紕僻，不與梵本相應。

(Sớ: Ngài duyệt những kinh điển đã dịch từ trước, thấy nghĩa lý sai lạc, trúc trắc, chẳng tương ứng với nguyên gốc tiếng Phạn).

La Thập đại sư thấy kinh điển được phiên dịch tại Trung Quốc trước đó, nghĩa lý có rất nhiều thiếu sót, có rất nhiều chỗ chẳng viên mãn.

(Sớ) Nãi tập sa-môn Triệu, Duệ đẳng bát bách dư nhân, tân dịch kinh luận tam bách cửu thập dư quyển, tịnh sớng thần nguyên, phát huy u trí.

(疏) 乃集沙門肇叡等八百餘人，新譯經論三百九十餘卷，並暢神源，發揮幽致。

(Sớ: Bèn nhóm họp các sa-môn như Tăng Triệu, Tăng Duệ v.v... hơn tám trăm người, dịch lại các bản mới đến hơn ba trăm chín mươi quyển, khiến cho những nguồn cội thần kỳ, màu nhiệm trở thành thông suốt, nêu tỏ lý thâm sâu tột cùng).

Thuở ấy là lúc nhân tài trong Phật môn cực thịnh, các đời sau không có cách nào hơn được. Những vị như Tăng Triệu, Tăng Duệ đều là những nhân vật lỗi lạc. Lúc ấy, Tăng Triệu đại sư hai mươi mấy tuổi, Ngài thọ mạng rất ngắn, ba mươi mấy tuổi đã qua đời, nhưng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, lưu lại các trước tác như Duy Ma Kinh Chú Giải, Triệu Luận mãi cho đến nay đều vẫn là những tác phẩm đầy uy tín trong Tánh Tông. Tăng Duệ cũng là một trong tứ đại đệ tử của ngài La Thập. Dịch trường của đại sư có hơn tám trăm người, có thể nói là đã tập hợp tinh anh cả nước để tiến hành công tác phiên dịch. Tổng cộng dịch được hơn ba trăm chín mươi quyển kinh luận, mỗi một bộ đều dịch hết sức hay. Người Trung Quốc thường niệm kinh Di Đà, kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, [những kinh ấy] đều do Ngài phiên dịch. “*Phát huy u trí*”: “U” (幽) là Lý thâm qua sự phiên dịch của Ngài đều được hiển lộ rất rõ rệt.

(Sớ) Sư vị chung thiếu nhật, tập chúng vị viết: “Nguyện sở tuyên dịch, truyền chi hậu thế, hàm cộng lưu thông, kim u chúng tiền,

phát thành thật thệ, nhược sở truyền vô mâu, đương sử phân thân chi hậu, thiết bất tiêu lạn.

(疏) 師未終少日，集眾謂曰：願所宣譯，傳之後世，咸共流通，今於眾前，發誠實誓，若所傳無謬，當使焚身之後，舌不焦爛。

(Sớ: Trước khi Sư tịch mấy ngày, nhóm đại chúng, bảo: “Nguyên những kinh điển do tôi tuyên dịch, truyền đến đời sau đều được lưu thông. Nay đối trước đại chúng, phát thệ thành thật, nếu những bản dịch được truyền lại không sai lầm, sẽ khiến cho sau khi hỏa thiêu, lưỡi chẳng cháy tiêu”).

Thuở ấy, La Thập đại sư tới Trung Quốc, Diêu Hưng biết đại sư là người thông minh tuyệt đỉnh, nếu Ngài sanh mấy đứa con, nhất định chúng nó sẽ thông minh tuyệt đỉnh. Ngài là người xuất gia, quốc vương ban cho Ngài mười mỹ nữ, ép Ngài nhất định phải nhận lấy. Truyền ký có chép chuyện ngài La Thập nuốt kim. Ngài dạy học trò trì giới, học trò thấy Ngài như vậy, có kẻ chẳng phục lắm. La Thập đại sư chẳng có cách nào, bắt đấng dĩ hiển lộ một chút thần thông, lấy kim khâu bỏ đầy một chén, ăn hết chén kim ấy trước mặt mọi người, nhằm bảo học trò: “Các ông có năng lực giống như ta thì mới có thể bắt chước ta, chưa có năng lực ấy thì hãy ngoan ngoãn trì giới”.

“*Vị chung thiếu nhật*”: Trước lúc Ngài viên tịch vài bữa, Ngài triệu tập đại chúng, hướng về mọi người tuyên bố, nói rõ những kinh điển do Ngài phiên dịch chẳng có sai lầm, mong muốn những kinh điển ấy có thể lưu thông trong đời sau. “*Kim ư chúng tiền*”: Đối trước đại chúng phát thệ, nếu kinh điển do Ngài phiên dịch chẳng sai lầm, có thể phù hợp ý Phật, sau khi Ngài đã chết, đem hỏa táng, lưỡi chẳng nát, dùng chuyện này để chứng minh.

(Sớ) *Dĩ Hoàng Thử thập nhất niên bát nguyệt, nhị thập nhật, tuất¹¹⁶ ư Trường An.*

(疏) 以弘始十一年八月二十日卒於長安。

¹¹⁶ Tuất (卒): Thời cổ, quan đại phu chết được gọi là Tuất, nên cổ văn thường dùng chữ Tuất để nói về cái chết của những người đáng tôn trọng.

(Sớ: Ngày Hai Mươi tháng Tám năm Hoàng Thi thứ mười một (409), Ngài mất tại Trường An).

Lão nhân gia viên tịch ngày Hai Mươi tháng Tám Âm lịch.

(Sớ) Xà-duy tân diệt hình tận.

(疏) 闍維薪滅形盡。

(Sớ: Khi trà tỳ, [tới lúc] củi cháy hết, thân hình đều cháy tan).

Xà-duy (Jhāpeti) là hỏa táng. Sau khi hỏa táng, “tân diệt”: Tân (薪) là củi để thiêu; củi thiêu cháy sạch rồi, “hình tận”: Cả cái thân đều cháy tan, cháy hết sạch.

(Sớ) Thiệt căn nghiêm nhiên.

(疏) 舌根儼然。

(Sớ: Lưỡi vẫn còn nguyên).

Quả nhiên chẳng sai! Đúng như Ngài đã tự nói, lưỡi Ngài chẳng nát! Toàn thân cháy tan thành tro, lưỡi chẳng tan, dùng chuyện này để chứng tỏ kinh điển do Ngài đã dịch phù hợp ý Phật.

(Sớ) Kim thử kinh giả, dịch w Thập sư, nhi thiệt căn bất hoại, dữ chư Phật xuất quảng trường thiệt tán thán thử kinh, hợp nhi quán chi, Phật ngữ bất hư, w thị ích tín.

(疏) 今此經者，譯於什師，而舌根不壞，與諸佛出廣長舌讚歎此經，合而觀之，佛語不虛，於是益信。

(Sớ: Nay kinh này do ngài La Thập dịch, mà lưỡi Ngài chẳng nát, cùng với chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán thán kinh này. Hợp cả hai điều này lại để xem xét, lời Phật chẳng dối; do vậy, càng thêm tin tưởng).

La Thập đại sư phát thệ nguyện giữ cái lưỡi lại để chứng minh. Trong kinh này, mười phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài ca ngợi kinh này, khuyên chúng ta tu học. Chúng ta hợp những điều này lại để xem xét, lòng tin mới có thể tăng trưởng.

(Huyền Nghĩa) Nhị, danh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh.

(玄義) 二、名稱讚淨土佛攝受經。

(Huyền Nghĩa: Bản thứ hai tên là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh).

Kinh này có hai bản dịch, bản trước do La Thập đại sư phiên dịch, nay chúng ta đang dùng bản này. Về sau, Huyền Trang đại sư từ Ấn Độ trở về, mang theo nguyên bản kinh Di Đà bằng tiếng Phạn, cũng dịch sang tiếng Hán, nhưng tựa đề kinh khác nhau, Huyền Trang đại sư ghi tên kinh là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh.

(Huyền Nghĩa) Đường Tam Tạng pháp sư Huyền Trang dịch, nhị kinh liên tỷ, tiểu dị đại đồng, thời sở tông thượng, giai hoàng Tần bản.

(玄義)唐三藏法師玄奘譯，二經聯比，小異大同，時所宗尚，皆弘秦本。

(Huyền Nghĩa: Do Tam Tạng pháp sư Huyền Trang dịch vào đời Đường. So sánh giữa hai kinh, sai biệt đôi chút, những điểm chánh yếu đều giống nhau, nhưng các thời đều wa chuộng, hoàng dương bản dịch đời Tần).

“Liên” (聯) là liên tục, ngài La Thập dịch trước, ngài Huyền Trang dịch sau. “Tỷ” (比) là so sánh. Lấy hai bản này để so sánh, ý nghĩa giống như nhau, nhưng văn tự khác nhau, cho nên là đại đồng tiểu dị; nhưng từ xưa tới nay bản được lưu thông luôn là bản dịch của La Thập đại sư. Tuy Huyền Trang đại sư có phiên dịch, nhưng từ xưa tới nay không có ai niệm bản dịch của Ngài. Huyền Trang đại sư phát tâm tới Ấn Độ vì hoài nghi kinh điển được phiên dịch qua các đời chẳng đáng tin cậy lắm, cho nên tự mình đến Ấn Độ để án chứng đôi chút, coi thử bản dịch bằng tiếng Hán và nguyên văn kinh điển có bị sai khác rất lớn hay chẳng, có bị dịch sai hay không. Do động cơ (motivation) này, Ngài qua Ấn Độ, ở lại Ấn Độ học tập mười bảy năm.

Thuở ấy, du hành bằng ngựa, tức là cỡi ngựa, giao thông chẳng thuận tiện như hiện tại, kinh điển từ Ấn Độ chuyển về Trung Quốc cũng

vô cùng gian khổ. Kinh chép trên lá Bối. Lá cây Bối Đa La (Pattra) dày như lá chuối, nhưng chất liệu bền bỉ hơn lá chuối rất nhiều. Quý vị hãy nghĩ xem: Lá cây cồng kênh, một mảnh lá cây như vậy được cắt thành từng miếng, mỗi miếng chép bốn dòng, một thớt ngựa đại khái chỉ chở được một bộ kinh mà thôi! Kinh sách, tượng Phật từ Ấn Độ mang về Trung Quốc, gặp bao nhiêu khổ nạn chẳng thể nào tưởng tượng, đúng là nguy hiểm tánh mạng, chín phần chết, một phần sống.

Sau khi trở về, Huyền Trang đại sư đã công nhận bản dịch kinh Di Đà của Cưu Ma La Thập đại sư không có vấn đề gì. Nếu có vấn đề, Ngài đã sớm tuyên bố nên dùng bản dịch của Ngài. Bản dịch của Ngài chỉ để cho chúng ta tham khảo, vẫn chủ trương mọi người hãy niệm bản dịch của La Thập đại sư y như cũ; do vậy, chúng ta đối với bộ kinh này, càng tăng trưởng lòng tin vô cùng. Truyền nhân của Huyền Trang đại sư là Khuy Cơ, Khuy Cơ đại sư là khai sơn tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Bộ Di Đà Kinh Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư đã dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập. Khuy Cơ đại sư chú giải kinh Di Đà chẳng chọn bản dịch của thầy, mà chọn bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, dụng ý ấy đặc biệt sâu xa. Hai vị đại sư này làm chứng cho chúng ta biết: Bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư chắc chắn là khá lắm, hai Ngài đều tán thán, đều giúp lưu thông, còn tranh cãi gì nữa hay chẳng? Hơn nữa, Khuy Cơ đại sư chú giải kinh Di Đà, tán thán pháp môn này, tán thán đến mức không còn gì hơn được nữa: Chí viên chí đốn, từ một ngày đến bảy ngày thành tựu. Nếu câu nói này thốt ra từ miệng một vị Tổ Sư bên Tịnh Độ Tông sẽ là chuyện rất bình thường, nhưng do khai sơn tổ sư của Duy Thức Pháp Tướng Tông thốt ra, chuyện này chẳng đơn giản! Do vậy, công hiến của hai vị đại sư đối với pháp môn Tịnh Độ quả thật quá to lớn. Chúng ta nên hiểu điều này!

(Sớ) Huyền Trang pháp sư giả, Đường Lạc Châu Câu Thị nhân, tánh Trần thị.

(疏) 玄奘法師者，唐洛州緱氏人，姓陳氏。

(Sớ: Pháp sư Huyền Trang pháp sư là người huyện Câu Thị, xứ Lạc Châu, sống vào đời Đường, họ Trần).

“Đường” là đời Đường, Lạc Châu nay là Lạc Dương, Ngài là người huyện Câu Thi. “*Tánh Trần thị*” (họ Trần) đây là họ ngoài đời¹¹⁷ của Ngài.

(Sớ) Thiếu ly hoạn nạn, tùy huynh Trưởng Kiện pháp sư xuất gia w Tịnh Trụ Tự.

(疏) 少罹患難，隨兄長隲法師出家於淨住寺。

(Sớ: Thuở nhỏ gặp hoạn nạn, theo anh là pháp sư Trưởng Kiện xuất gia tại chùa Tịnh Trụ).

Lúc còn trẻ, gia cảnh khó khăn, anh Ngài xuất gia, Ngài cũng xuất gia làm tiểu sa-di.

(Sớ) Niên thập nhất, tụng Duy Ma, Pháp Hoa, trác nhiên tự lập, bất ngẫu thời lưu.

(疏) 年十一，誦維摩法華，卓然自立，不偶時流。

(Sớ: Năm mười một tuổi, do tụng Duy Ma và Pháp Hoa, nổi bật hơn người, chẳng chơi đùa cùng đồng bạn).

Mười một tuổi, nếu nói theo chúng ta hiện thời thì gần như là một đứa bé con chẳng hiểu biết nhiều nhận gì! Khi ấy, gia cảnh kham khổ, có lẽ là một đứa trẻ cha mẹ đã khuất, không nơi nương tựa, thường được đưa đến chùa miếu làm tiểu sa-di. Theo quy chế nhà Phật, bảy tuổi mới có thể là sa-di. Nhìn vào những tiểu sa-di ở chung với nhau, đương nhiên trẻ nhỏ không thể nào chẳng chơi đùa. Ngài mười một tuổi, tuổi chẳng khác mọi người cho mấy, nhưng Ngài quở trách các bạn trẻ khác: “Đã xuất gia thì phải nên nghiêm túc tu học Phật pháp, chẳng thể vẫn giống như lũ trẻ giỡn hót, đùa nghịch, bỏ phí thời gian quý báu của chính mình”. Ngài có thể nói những câu này, những người lớn nghe được, biết

¹¹⁷ Ngài Huyền Trang tên thật là Trần Huy, hậu duệ của công thần Trần Thập (104-187) thời Đông Hán. Ngài thuộc gia đình vọng tộc, ông cố là Trần Khâm làm quan Thái Thú vùng Thượng Đảng thời Đông Ngụy, ông nội là Trần Khang làm quan Quốc Tử Bác Sĩ nhà Bắc Tề, cha là Trần Huệ làm huyện lệnh Giang Lăng đời Tùy. Khi Ngài sanh ra, cha đã từ quan, cõi đời loạn lạc, gia cảnh suy sút. Ngài có ba người anh, người anh thứ hai là Trần Tố, đã xuất gia trước đó tại chùa Tịnh Trụ ở Lạc Dương. Vị này có tài giảng kinh nên người đương thời thường gọi là pháp sư Trưởng Kiện.

đưa bé này chẳng tâm thường, nên cũng khá coi trọng Ngài. “Trác nhiên tự lập” là nói đến chuyện này. “Bất ngẫu thời lưu” là chẳng chơi đùa cùng với mọi người.

(Sớ) Niên nhị thập nhất, giảng Tâm Luận, bất khuy văn tướng, dưng chú bất cùng, thời hiệu “thần nhân”.

(疏) 年二十一，講心論，不窺文相，涌注不窮，時號神人。

(Sớ: Năm hai mươi một tuổi, giảng Tâm Luận, chẳng nhìn vào văn tự, mà tuyên giảng ào ạt chẳng ngớt, khi ấy, gọi Ngài là “thần nhân”).

Ngài từ năm mười một tuổi đã chuyên tâm nhất chí, chẳng ham vui đùa, chuyên tâm tu học Phật pháp, tới năm hai mươi một tuổi đã có thành tựu khá khá. Ngài giảng kinh có thể không cần nương theo chú giải, lên bục giảng, ý nghĩa tự nhiên nảy sanh “dưng chú bất cùng” (tuôn ra ào ạt chẳng ngớt), đối với nghĩa lý áo diệu trong kinh, từ cái tâm thanh tịnh giống như nước suối tuôn trào ra ngoài. Đây là trí huệ, mà cũng là cảm ứng; do vậy, Ngài được gọi là “thần nhân”, thật sự là bậc hữu đức hữu học. La Thập đại sư thuở ấy là như vậy, mà ngài Huyền Trang cũng chẳng phải là ngoại lệ.

(Sớ) Trinh Quán tam niên, vãng Tây Vực thủ kinh, bị kinh hiểm nạn, lịch bách ngũ thập quốc, toại chí Xá Vệ.

(疏) 貞觀三年，往西域取經，備經險難，歷百五十國，遂至舍衛。

(Sớ: Năm Trinh Quán thứ ba (629), sang Tây Vực thỉnh kinh, trải đủ mọi nỗi hiểm nạn, đi khắp một trăm năm mươi nước, dần dần đến Xá Vệ).

Trinh Quán (626-649) là niên hiệu của Đường Thái Tông. Vào thời ấy, ra khỏi nước phải được hoàng đế phê chuẩn. Hoàng đế chẳng phê chuẩn, Ngài lén lút ra đi. Trên đường đi, đúng là ném trọn hết nỗi

khổ, đến Đôn Hoàng¹¹⁸, đồng bạn đều ngã lòng, quay về, chịu khổ không thấu mà! Ngài một mình, chẳng sợ gian nan, nguy hiểm, lần lượt đi qua hơn một trăm năm mươi quốc gia, những nước này đều là tiểu quốc. Đi như vậy đến thành Xá Vệ của Ấn Độ. Chùa Na Lạn Đà (Nālandā)¹¹⁹ là nơi Huyền Trang đại sư ở lại để học tập, cũng thuộc thành Xá Vệ.

(Sớ) Thủ kinh lục bách dư bộ, Trinh Quán thập cửu niên hoàn kinh.

(疏) 取經六百餘部，貞觀十九年還京。

(Sớ: Thỉnh được hơn sáu trăm bộ kinh, năm Trinh Quán mười chín, trở lại kinh thành).

Ngài ra đi năm Trinh Quán thứ ba (629), năm Trinh Quán mười chín (645) quay về. Từ đầu đến cuối là mười bảy năm. Khi trở về, Đường Thái Tông nghênh tiếp tại trường đình, gặp mặt Ngài bèn hỏi: “Sao Ngài lại lén lút ra đi?” Đây là Ngài hết sức thành công tại ngoại quốc, vô cùng quang vinh trở về. Lúc đó, người Ấn Độ tôn xưng Ngài là

¹¹⁸ Đôn Hoàng nay thuộc thành phố Tửu Tuyền, tỉnh Cam Túc. Thời Xuân Thu, do nơi này có một loại dưa ngon nổi tiếng, nên gọi là Qua Châu. Do ở trong vùng sa mạc, nên đôi khi còn gọi là Sa Châu. Tới thời Chiến Quốc, Đôn Hoàng thuộc địa bàn của Đại Nhục Chi. Nơi này từng bị quân Hung Nô chiếm lãnh một thời gian dài, đến khi nhà Hán lấy lại bèn đổi chữ viết từ 燉煌 (đồi núi lửa) thành Đôn Hoàng (敦煌), ngụ ý cầu chúc thịnh vượng dài lâu. Thời ngài Huyền Trang, Đôn Hoàng bị dân Thổ Phồn (Tây Tạng) chiếm đóng, mãi đến đời Đường Tuyên Tông mới chiếm lại Đôn Hoàng.

¹¹⁹ Na Lạn Đà (那爛陀) là một tu viện nổi tiếng được xây dựng bởi vua Śākṛāditya (Thước Ca La A Diệt Đa) của vương triều Ma Kiệt Đề. Na Lạn Đà thường được dịch nghĩa là Thí Vô Yếm (bồ thí không chán), một danh hiệu của long vương hồ Amrā gần tu viện. Thuở cực thịnh, Na Lạn Đà có đến mười ngàn vị tăng tu học và hai ngàn giáo sư, là một đại học Phật giáo lớn nhất thời ấy. Riêng thư viện của Na Lạn Đà chiếm hết ba tòa nhà lớn, mỗi tòa nhà gồm chín tầng. Hiện nay, di chỉ Na Lạn Đà thuộc tiểu bang Bihar của Ấn Độ, cách thành phố Patna năm mươi lăm dặm về phía Đông Nam. Năm 1193, Khtiyar Uddin Muhammad Bin Bakhtiyar Khilji, tướng quân của vua Qutb-ud-din Aibak, Sultan xứ Delhi (người sáng lập vương triều Ghulam), đã tấn công tu viện Na Lạn Đà, thiêu sống hoặc chặt đầu hàng ngàn vị tăng, đốt cháy kinh sách, đập nát các kiến trúc. Theo sử gia Minhaj-ib-Siraj của Ba Tư, thư viện cháy đến vài tháng mới tắt. Tu viện trưởng Shakya Shribhadra (Thích Thắng Hiền) chạy thoát sang Tây Tạng, truyền thừa giáo nghĩa Căn Bản Nhất Thiết Hữu Bộ (Mūlasarvāstivāda). Tu viện Na Lạn Đà diệt vong.

Đại Thừa Thiên. Tại Ấn Độ, trong Đại Thừa Phật pháp, không có một ai có thể trội hơn Huyền Trang đại sư. Khi ấy, Ấn Độ có mười tám quốc vương hợp sức tổ chức cử hành một đại hội biện luận. giống như là đấu võ đài vậy, thỉnh Huyền Trang đại sư chủ trì, bất cứ ai trong xứ Ngũ Ấn Độ đều có thể tùy tiện biện luận với Ngài, nhưng không có một ai tranh biện thắng nổi Ngài. Lúc trở về khác hẳn, mỗi lần đến một nước nào, quốc vương, đại thần đích thân nghênh tiếp và đưa tiễn, cho nên Ngài mang nhiều kinh sách như vậy quay về chẳng khó khăn, dọc đường có người hộ tống, có người cung cấp ngựa và lương khô, đúng là “áo gấm vinh quy”. Sau khi Ngài trở lại Trung Quốc, Đường Thái Tông đích thân ra ngoài thành hoan nghênh Ngài.

(Sớ) U Ngọc Hoa Đài phiên dịch kinh luận, tổng nhất thiên tam bách tam thập quyển.

(疏) 於玉華臺翻譯經論，總一千三百三十卷。

(Sớ: Phiên dịch kinh luận ở Ngọc Hoa Đài, tổng cộng một ngàn ba trăm ba mươi quyển).

Trong lịch sử dịch kinh Trung Quốc, Huyền Trang đại sư phiên dịch kinh điển nhiều nhất, phong phú nhất. Ngài mang về hơn sáu trăm bộ kinh sách, mỗi một bộ nhỏ thì chỉ có một quyển, lớn thì có tới cả ngàn quyển. Nguyên văn Trí Độ Luận là một ngàn quyển, Huyền Trang đại sư phiên dịch, đã rút gọn thành một trăm quyển. Chỉ có Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển là phiên dịch giữ đúng nguyên văn. Kinh Kim Cang là một quyển trong bộ kinh Đại Bát Nhã này, quyển này cũng là tinh hoa của toàn bộ kinh Bát Nhã. Huyền Trang đại sư phiên dịch kinh luận tổng cộng một ngàn ba trăm ba mươi quyển, dịch nhiều nhất!

Những kinh do Huyền Trang đại sư dịch là trực dịch. Theo ngữ pháp trong tiếng Ấn Độ có rất nhiều câu viết theo lối đảo ngược, người Trung Quốc đọc bản dịch của Ngài [cảm thấy] không quen thuộc lắm! La Thập đại sư là ý dịch, tức là Ngài vốn đã hiểu rõ ý nghĩa của bản gốc kinh điển, hoàn toàn dùng ngữ pháp và cách nói của người Hoa để phiên dịch, cho nên chúng ta thấy kinh do Ngài dịch giống như văn chương của người Hoa, nên họ đọc rất hoan hỷ, chẳng gặp khó khăn. Bản dịch của La Thập đại sư đặc biệt được người Trung Quốc hoan nghênh là do đạo lý này!

(Sớ) Ký ngọa tật.

(疏) 既臥疾。

(Sớ: Đã nằm bệnh).

Huyền Trang đại sư viên tịch năm sáu mươi mấy tuổi. Tại Trung Quốc, gần như là những pháp sư đại đức nghiên cứu Duy Thức Pháp Tướng thọ mạng cũng chẳng dài, những vị có thể thọ hơn bảy mươi tuổi rất ít. Chúng tôi nghĩ có lẽ là do các Ngài suy nghĩ quá độ! Duy Thức Pháp Tướng rất tốn công suy nghĩ, quả thật là có chút hợp lý. Hiện thời, cũng có không ít người rất có hứng thú đối với tông này, nhưng muốn thật sự thành tựu, chắc chắn là vất kiệt cân não, vì phải làm công tác phân tích, phân tích vô cùng vi tế. Không giống như Tánh Tông hay Niệm Phật, chẳng cần phải bận tâm gì hết, cầu nhất tâm bất loạn, tâm thanh tịnh là được rồi! Khi Huyền Trang đại sư viên tịch, Ngài ngã bệnh. Có học trò hỏi Ngài: “Công phu tu hành của lão nhân gia tốt đẹp dường ấy, cả đời phiên dịch kinh điển nhiều ngàn ấy, có công đức to dường ấy, có sao lúc ra đi vẫn ngã bệnh?” Ngài bảo: “Do tội chướng từ vô thủy kiếp tới nay, tội nặng, báo nhẹ, do đau bệnh lần này, tất cả nghiệp chướng sẽ đều tiêu trừ”.

(Sớ) Kiến đại bạch liên hoa cập Phật tướng.

(疏) 見大白蓮華及佛相。

(Sớ: Thấy hoa sen trắng to và hình tướng Phật).

Đây là một tướng lành hết sức tốt đẹp.

(Sớ) Hữu hiệp lũy túc nhi thế, lưỡng nguyệt, sắc mạo như sanh.

(疏) 右脅累足而逝，兩月，色貌如生。

(Sớ: Xếp chân nằm trên hông phải qua đời, đã mất hai tháng mà sắc tướng, diện mạo vẫn như còn sống).

Vì Ngài là người được Đường Thái Tông tôn kính nhất, nên sau khi Ngài đã tịch, vua đã lưu xác Ngài hai tháng rồi mới nhập liệm, diện mạo như còn sống, có thể thấy tướng tốt lành này.

(Sớ) Tiên thị Tây hành chi nhật, phủ Linh Nghiêm Tự tùng nhi tác thệ ngôn: “Ngô Tây khứ, như Tây trưởng, ngô Đông quy, như Đông hướng”.

(疏) 先是西行之日，撫靈嚴寺松而作誓言：吾西去，汝西長，吾東歸，汝東向。

(Sớ) Trước ngày Ngài sang Tây Trúc, đã vỗ vào cây tùng ở chùa Linh Nghiêm thề rằng: “Ta sang phương Tây, người hãy mọc dài về phương Tây. Ta trở về phương Đông, người hãy hướng về phương Đông”.

Khi Ngài sang Ấn Độ, xuất phát từ Linh Nghiêm Tự. Ở cổng chùa Linh Nghiêm có một gốc tùng, Ngài bèn vỗ vào thân cây tùng, bảo nó: “Ta sang phương Tây thỉnh kinh, người hãy mọc dài về phương Tây. Năm nào ta trở về, người hãy đổi lại, mọc dài sang phương Đông”. Đúng là như vậy, cây này rất linh.

(Sớ) Sư khứ, tùng Tây trưởng chí ư số trượng.

(疏) 師去，松西長至於數丈。

(Sớ) Sư đi rồi, cây tùng mọc dài về phía Tây đến mấy trượng).

Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ, cây ấy mọc dài về phía Tây, mọc đặc biệt tươi tốt, mọc đến vài trượng.

(Sớ) Nhất nhật hốt Đông hồi.

(疏) 一日忽東迴。

(Sớ) Một hôm, cây chợt mọc trở về phương Đông).

Có một ngày, những pháp sư trong chùa thấy cây ấy xoay trở lại, mọc dài về phương Đông. Mọi người nhớ mười bảy năm trước lúc Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ, đi rồi tin tức mịt mù, chẳng biết Ngài còn sống hay đã chết? Sau mười bảy năm, thấy cây ấy mọc dài về phương Đông, quay trở lại, mọi người trong lòng hoan hỷ, Huyền Trang đại sư sắp quay về!

(Sớ) Môn đệ tử hỷ viết: “Sư quy hỷ”. Dĩ nhi quả nhiên, thời hiệu Ma Đảnh Tùng vân.

(疏) 門弟子喜曰：師歸矣。已而果然，時號摩頂松云。

(Sớ: Các đệ tử vui mừng nói: “Thầy về rồi đây!” Quả nhiên là như thế, khi ấy, người ta gọi cây tùng ấy là Cây Tùng Được Xoa Đầu).

Cây tùng ấy sau này được gọi là Ma Đánh Tùng. Ngay cả cây cỏ đều có linh tánh, con người quyết định chớ nên cô phụ linh tánh của chính mình.

(Sớ) An Sư thệ ngôn tự yếu, bất sảng như thị, chân ngữ, thật ngữ.

(疏) 按師誓言自要，不爽如是，真語實語。

(Sớ: Xét thấy lời Sư thệ chẳng sai sẩy như thế, [đó là] chân ngữ, thật ngữ).

Điều này cũng có thể là chứng minh: Lời Ngài là lời chân thật. La Thập đại sư dùng cái lưỡi để làm chứng, Huyền Trang đại sư dùng cây tùng ấy cũng có thể làm chứng. Nếu chẳng phải là lời chân thành, chẳng thể cảm động cây cỏ. Chỉ có chân thành mới có thể cảm động.

(Sớ) Diệc Thập sư thiết căn bất hoại, chư Phật thiết tướng quảng trường ý dã.

(疏) 亦什師舌根不壞，諸佛舌相廣長意也。

(Sớ: Cũng có cùng một ý nghĩa với chuyện cái lưỡi của ngài La Thập chẳng hư nát và tướng lưỡi dài rộng của chư Phật vậy).

Điều này nói chung giống với ý nghĩa đã được nói trong phần trước.

(Sớ) Sở dịch thử kinh, yên khả bất tín?

(疏) 所譯此經，焉可不信？

(Sớ: Đối với kinh này do các Ngài dịch, há có thể chẳng tin?)

Đây là nói đến sự phiên dịch kinh Di Đà, chúng ta có thể nào chẳng tin?

(Sớ) Liên tỷ giả, tiên hậu trùng dịch dã.

(疏) 聯比者，先後重譯也。

(Sớ: “Ghép lại để so sánh” là [so sánh giữa] hai lần dịch trước và sau).

Ghép liền hai bản dịch, so sánh giữa hai bản dịch để đối chiếu, ý nghĩa như nhau, văn tự không giống nhau, trong ấy cũng có rộng lược sai khác, chẳng hạn như “*Lục phương Phật*”, La Thập đại sư dịch thành sáu phương, Huyền Trang đại sư dịch thành mười phương.

(Sớ) Tiểu dị đại đồng giả, Phạn âm sảo biệt, cập ngữ hữu phồn giản, như Hằng hà, Căng Già.

(疏) 小異大同者，梵音稍別，及語有繁簡，如恆河殞

伽。

(Sớ: Sai biệt đôi chút, phần lớn giống nhau: Âm tiếng Phạn hơi khác nhau, và từ ngữ có rườm rà hay đơn giản khác biệt, ví dụ như Hằng hà và Căng Già).

La Thập đại sư dịch là “*Hằng hà sa số*”, dùng chữ “*Hằng hà*”; Huyền Trang đại sư dịch thành Căng Già, sông Căng Già (Ganges) là Hằng hà, từ âm tiếng Phạn dịch ra.

(Sớ) Lục phương thập phương chi loại.

(疏) 六方十方之類。

(Sớ: Sáu phương và mười phương v.v...)

“*Lục phương Phật*”: La Thập đại sư dịch thành sáu phương, tức Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới; Huyền Trang đại sư dịch là mười phương. Bản dịch của La Thập đại sư đã tính lược bốn phương Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam. Tuy văn tinh lược, nhưng ý nghĩa viên mãn.

(Sớ) Nhi đại ý nhất vô tương quai dã.

(疏) 而大意一無相乖也。

(Sớ: Nhưng đại ý là một, chẳng trái nghịch nhau).

Đại ý hoàn toàn tương đồng.

(Sớ) *Giai hoằng giả, Pháp Hoa tam dịch, Tàn bản thịnh hành. Thử kinh nhị dịch, diệc phục như thị.*

(疏)皆弘者，法華三譯，秦本盛行。此經二譯，亦復如是。

(Sớ: “Đều hoằng dương”: Pháp Hoa có ba bản dịch, bản dịch đời Tàn thịnh hành. Kinh này có hai bản dịch, cũng giống như thế).

Kinh Pháp Hoa tại Trung Quốc có ba bản dịch, nhưng hết thấy mọi người thích tụng bản dịch của La Thập đại sư, những bản khác như Chánh Pháp Hoa, Thiêm Phẩm Pháp Hoa Kinh¹²⁰ rất ít người niệm, rất ít lưu thông. Kinh Di Đà cũng giống như thế, có hai bản dịch, nhưng bản dịch của La Thập đại sư được hoan nghênh nhất.

Hiện thời, chúng tôi nói Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, được phiên dịch vào thời ngài An Thế Cao, chỉ trễ hơn [bản dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương] của Ma Đăng và Trúc Pháp Lan. Đó là vào đời Hán. Hơn nữa, tại Trung Quốc có mười hai bản dịch, được phiên dịch nhiều nhất. Do điều này có thể biết: Từ xưa tới nay, pháp môn Tịnh Độ được coi trọng và phổ biến, các vị cô đại đức đều đề xướng cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta chớ nên không biết điều này! Nhưng hơn nữa các bản dịch đã bị thất lạc, được thu thập trong Đại Tạng Kinh chỉ năm bản dịch, chỉ còn những bản ấy. Nay chúng ta nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ, phải lấy năm bản dịch ấy làm căn cứ. Bản được chúng tôi dùng để giảng hiện thời là bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư. Cụ đã đem năm bản dịch, biên tập lần nữa thành một bản mới. Nhưng mỗi câu kinh văn, mỗi chữ trong ấy đều xuất phát từ năm bản dịch gốc, tự mình chẳng thêm vào một chữ nào, không hề sửa một chữ nào. Đây là biên tập trung thực, lại còn là biên tập khá hay! Chúng ta đọc bản này, giảng bản này, năm bản dịch gốc có thể dùng để

¹²⁰ Chánh Pháp Hoa Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, chỉ có hai mươi bảy phẩm, hơi khác với bản dịch của ngài La Thập ở chỗ phẩm Chúc Lụy được xếp vào cuối cùng, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát được xếp thành phẩm hai mươi sáu với danh xưng Lạc Phổ Hiền. Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh do Ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy, gồm hai mươi bảy phẩm, và phẩm Chúc Lụy cũng được xếp vào cuối cùng.

tham khảo. Những chuyện này không gì chẳng nhằm kiến lập lòng tin cho chúng ta, kích phát đại nguyện cầu sanh Tịnh Độ, khiến cho chúng ta trong một đời này thành tựu viên mãn Bồ Đề. Đây là bản hoài khiến

đức Thế Tôn xuất hiện giáo hóa chúng sanh trên thế gian này, mà cũng là kỳ vọng duy nhất của lịch đại tổ sư đại đức đối với chúng ta, mong muốn chúng ta hãy chọn lựa pháp môn này, sẽ thành tựu ngay trong đời này. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

Tập 89

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm năm mươi ba:

Nhị, minh thích.

二、明釋

(Hai, nói về chuyện giải thích kinh).

Đoạn này nhằm giới thiệu sự chú giải, “*thích*” (釋) là giải thích.

(Huyền Nghĩa) Thứ minh thích thử kinh giả, luận tắc hữu Thiên Thân Bồ Tát Vô Lượng Thọ Kinh Luận, giải tắc hữu Từ Ân Thông Tán, Hải Đông Sớ, Cô Sơn Sớ, nãi chí Đại Hựu Lược Giải đẳng.

(玄義)次明釋此經者，論則有天親菩薩無量壽經論，解則有慈恩通贊、海東疏、孤山疏，乃至大佑略解等。

(Huyền Nghĩa: Tiếp theo là nói đến chuyện giải thích kinh này, về luận thì có Vô Lượng Thọ Kinh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, về giải thì có Thông Tán của ngài Từ Ân, Hải Đông Sớ, Cô Sơn Sớ, cho đến cuốn Lược Giải của ngài Đại Hựu v.v...)

Những tác phẩm được giới thiệu ở đây đều là các bản chú giải cổ; vì Liên Trì đại sư là người đời Minh, những bản chú giải Ngài được thấy đương nhiên đều là của những vị trước thời Ngài.

(Sớ) Thiên Thân Bồ Tát giả, thường nhập Nhật Quang Định, thăng Đâu Suất thiên cung nội viện, thân cận Từ Thị, tạo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá. Ưu Bà Đề Xá giả, thử vân “phân biệt nghĩa”.

(疏)天親菩薩者，常入日光定，昇兜率天宮內院，親觀慈氏，造無量壽經優婆提舍。優婆提舍者，此云分別義

•

(Sớ: Thiên Thân Bồ Tát thường nhập Nhật Quang Định, lên nội viện của cung trời Đâu Suất, thân cận ngài Từ Thị, soạn Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá. Ưu Bà Đề Xá được cõ này dịch là “phân biệt nghĩa”).

Ưu Bà Đề Xá (Upadeśa) được người Hoa dịch là “Luận”. Thiên Thân Bồ Tát (Vasubandhu) không chú giải kinh Di Đà, mà là chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh này cùng một bộ, có thể nói là một bộ kinh, không phải là hai bộ kinh; kinh Vô Lượng Thọ văn tự nhiều, giảng cặn kẽ hơn một chút. Kinh Di Đà văn tự ít, nói giản lược hơn một tí. Hai bản kinh này chỉ có chi tiết hay giản lược khác biệt, những điều khác hoàn toàn như nhau. Thiên Thân Bồ Tát có chú giải, gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Luận, trong Đại Tạng Kinh có bản này. Chử Giải (解) chỉ chú giải kinh Di Đà. Chú giải kinh Di Đà bản cổ nhất đương nhiên cũng có, nhưng chẳng truyền lại. Vẫn còn được lưu truyền cho tới hiện thời, chúng ta thấy bản cổ nhất là Thông Tán Sớ của pháp sư Khuy Cơ đời Đường.

Trong Phật môn, Thiên Thân Bồ Tát cũng là một vị rất lỗi lạc, Ngài là em trai Vô Trước Bồ Tát (Asanga). Lúc vị Bồ Tát này tại thế, thường lên thiên cung Đâu Suất. Thiên Thân còn gọi là Thế Thân, thân cận Di Lạc Bồ Tát, Từ Thị là Di Lạc Bồ Tát, Ngài có năng lực ấy. Tại Trung Quốc cận đại, chỉ có mình lão hòa thượng Hư Vân thân cận Di Lạc Bồ Tát. Từ Niên Phổ của Ngài, chúng ta thấy: Ngài từng đến cung trời Đâu Suất một lần trong Định; nhưng đương nhiên lão hòa thượng Hư Vân trình độ kém hơn Thiên Thân Bồ Tát. Thiên Thân Bồ Tát tới lui [Đâu Suất nội viện] tùy ý, thường xuyên đến. Tuy Ngài thường xuyên thân cận Di Lạc Bồ Tát, cũng chẳng cầu sanh Di Lạc nội viện, mà vẫn cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; vì thế, Ngài viết chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện đều có truyện ký của Thiên Thân Bồ Tát.

(Sớ) Từ Ân pháp sư giả, húy Khuy Cơ, tánh Uất Trì thị, Kính Đức do tử dã.

(疏) 慈恩法師者，諱窺基，姓尉遲氏，敬德猶子也。

(Sớ: Pháp sư Từ Ân húy là Khuy Cơ, họ Uất Trì, là cháu của Uất Trì Kính Đức).

Từ Ân là tên chùa, tức là Từ Ân Tự; vào thời Đường, Từ Ân Tự ở Trường An. Người đời sau cung kính gọi Ngài là “*Từ Ân pháp sư*”. Pháp danh của Ngài là Khuy Cơ. “*Húy*” (諱) cũng là kính xưng, là cấm kỵ, không dám gọi tên trực tiếp. Vì thế, sau này mới dùng chữ “*thượng*” và “*hạ*”, tức là [đối với pháp danh của ngài Khuy Cơ sẽ nói là] thượng “*Khuy*” hạ “*Cơ*”. Ở ngoài đời, “*tánh Uất Trì thị*”, tức là Ngài có họ kép là Uất Trì. Uất Trì Kính Đức¹²¹ là đại tướng của Đường Thái Tông, Khai

¹²¹ Uất Trì Kính Đức tên thật là Uất Trì Cung (585-658), Kính Đức là tên tự, người xứ Thiện Dương, Sóc Châu (nay thuộc Sóc Thành, Sóc Châu, tỉnh Sơn Tây). Ông này xuất thân là thợ rèn, về sau đăng lính, do vũ dũng được phong tới chức Triêu Tán Đại Phu. Kính Đức theo Lưu Vũ Châu chống lại nhà Tùy, lập nhiều chiến tích. Sau đây, bị tướng của Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) bắt được, dụ hàng, ông ta theo Lý Thế Dân trở thành một đại tướng khai quốc công thần, được ghi tên trong gác Lăng Yên. Cùng với Tần Quỳnh, ông ta được dân Trung Hoa coi là “môn thần” (thần giữ cửa), các đền miếu Trung Hoa thường vẽ hình hai ông này để trấn yểm quỷ mị không cho vào cửa. Do lúc trẻ ông ta từng làm thợ rèn, nên còn được coi là thần bảo hộ nghề rèn ở Trung Hoa. Dòng họ Uất Trì vốn xuất phát từ sắc dân thiểu số Tiên Ty thời Bắc Ngụy. Người thuộc bộ lạc Uất Trì của Tiên Ty đều lấy Uất Trì làm họ. Uất Trì cũng là họ của hoàng tộc xứ Vu Điền.

Ngài Khuy Cơ (632-682), tên tự là Hồng Đạo, là con trai của Uất Trì Tông (giữ chức Tả Kim Ngô Tướng Quân, đô đốc Tùng Châu, tước Khai Quốc Công). Khi ngài Huyền Trang bắt đầu dịch kinh, Sư được phái phục vụ và bảo vệ dịch trường. Ngài Huyền Trang thấy chàng thanh niên này mặt mũi thanh tú, khí độ hào hùng, liền muốn hóa độ thành đệ tử, nên thương lượng với cha ngài Khuy Cơ. Do Khuy Cơ vốn là quý tộc, nên phải tốn qua nhiều thủ tục mới có thể xuất gia nên mãi cho đến năm Trinh Quán 22 (648) mới chính thức xuất gia. Năm Vĩnh Huy thứ năm (654), Sư vâng chiếu học văn tự của năm xứ Ấn Độ, hai năm sau, chính thức tham dự vào hàng ngũ tăng sĩ dịch kinh, đảm nhiệm vai trò Bút Thọ, theo hầu ngài Huyền Trang trải khắp các dịch trường tại Từ Ân, Tây Minh, Ngọc Hoa v.v... Ngài từng tạo tượng Văn Thù Bồ Tát bằng ngọc thạch tại Ngũ Đài Sơn, và đích thân chép kinh Bát Nhã. Những tác phẩm chủ yếu của Ngài là Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh U Tán, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán, Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh Sớ, Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Sớ, Biện Trung Biên Luận Thuật Ký, Tạp Tập Luận Thuật Ký, Duy Thức Nhị Thập Luận Thuật Ký, Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giải, Du Già

Quốc Uất Trì Công thời Đường Thái Tông chính là ông ta (Uất Trì Kính Đức). “*Do tử*” (giống như con) là cháu trai. Sư là cháu trai của Uất Trì Kính Đức, không phải là con ruột, mà là con trai của anh em ông Kính Đức. Vị này cũng là vô cùng thông minh. Theo truyện ký cho biết, khi Huyền Trang đại sư sang Ấn Độ, trên đường gặp một lão hòa thượng, đại khái đã hơn một trăm tuổi đang nhập Định, lão hòa thượng này do đọc kinh mà chứng quả. Sau khi Huyền Trang đại sư gặp vị này, cảm thấy hai người rất có duyên phận, bảo Sư hãy mau sang Trung Quốc đầu thai, Ngài nói: “Ta sang phương Tây thỉnh kinh, trong tương lai, sau khi trở về, sẽ đến độ ông”. Đây là Sơ Địa Bồ Tát, Sư bèn đến đầu thai, đầu thai vào nhà Uất Trì Kính Đức làm vương tôn công tử.

(Sớ) Trang sư độ chi xuất gia.

(疏) 奘師度之出家。

(Sớ: Được ngài Huyền Trang độ xuất gia).

Sau khi Huyền Trang đại sư trở về, đã tìm độ cho Sư xuất gia.

(Sớ) Học thông Đại Tiểu.

(疏) 學通大小。

(Sớ: Học thông suốt Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa).

Đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian, Ngài đều thông đạt, người vô cùng thông minh.

(Sớ) Tạo sớ kế khả bách quyển.

(疏) 造疏計可百卷。

(Sớ: Soạn sớ giải tính ra cả trăm quyển).

“*Sớ*” (疏) là chú giải. Trong phương diện Duy Thức, Ngài viết chú giải nhiều nhất, chẳng hạn như Thành Duy Thức Luận Thuật Ký. Vì

Sư Địa Luận Lược Toàn, Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương, Thành Duy Thức Luận Khu Yêu, Đối Pháp Luận Sớ, Kim Cang Kinh Luận Hội Thích, Di Lạc Hạ Sanh Kinh Sớ.

thê, Ngài là khai sơn tổ sư của Duy Thức Pháp Tướng Tông Trung Quốc, là tổ sư đời thứ nhất.

(Sớ) Thích Di Lạc Hạ Sanh Kinh, bút phong đắc xá-lợi nhị thất lap.

(疏) 釋彌勒下生經，筆鋒得舍利二七粒。

(Sớ: Khi ngài chú giải Di Lạc Hạ Sanh Kinh, trên đầu ngọn bút thu được hai mươi bảy¹²² hạt xá-lợi).

Khi Ngài chú giải Di Lạc Hạ Sanh Kinh, trên đầu ngọn bút lông có lưu lại hai mươi bảy viên xá-lợi, đây là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Phục thị Tây Phương yếu nghĩa.

(疏) 復示西方要義。

(Sớ: Ngài lại chỉ bày ý nghĩa trọng yếu của Tây Phương).

Đối với Di Đà Tịnh Độ, Ngài hết sức tán thán.

(Sớ) Hữu Di Đà Kinh Thông Tán nhất quyển.

(疏) 有彌陀經通贊一卷。

(Sớ: Có Di Đà Kinh Thông Tán Sớ một quyển).

Bản chú giải kinh Di Đà của Khuy Cơ đại sư có tên là Thông Tán Sớ.

(Sớ) Hải Đông pháp sư giả, húy Nguyên Hiếu.

(疏) 海東法師者，諱元曉。

(Sớ: Pháp sư Hải Đông, húy là Nguyên Hiếu).

Pháp sư Nguyên Hiếu (Wonhyo) là người Đại Hàn; khi ấy, Sư lưu học tại Trung Quốc cũng rất có thành tựu. Ngài cũng chú giải kinh Di Đà.

¹²² Thông thường “*nhị thất*” là mười bốn (2x7), Hòa Thượng Tịnh Không giảng là “hai mươi bảy” nên chúng tôi dịch theo lời giảng của Ngài.

(Sớ) Kỳ sớ thử kinh, đại suất y luận vi chủ.

(疏) 其疏此經，大率依論為主。

(Sớ: Sư sớ giải kinh này, nói chung lấy Vãng Sanh Luận làm chủ).

Ngài chú giải kinh Di Đà, chủ yếu dựa theo Vô Lượng Thọ Kinh Luận (Vãng Sanh Luận) của Thiên Thân Bồ Tát.

(Sớ) Cô Sơn Viên pháp sư giả.

(疏) 孤山圓法師者。

(Sớ: Pháp sư Cô Sơn Viên).

Cô Sơn là địa danh, Viên pháp sư có pháp hiệu là Trí Viên. Đây là pháp sư Trí Viên.

(Sớ) Thập sớ lưu thông, thử sớ cư nhất.

(疏) 十疏流通，此疏居一。

(Sớ: Có mười bản sớ lưu thông, sớ giải kinh này đứng đầu).

Đối với việc nghiên cứu kinh giáo, cô đại đức quá nửa đều là “chuyên công” (chuyên dốc sức nghiên cứu một bộ kinh hay luận), chuyên công mới có thể thành tựu. Lan man quá nhiều, tâm lực cũng bị phân tán. Thời gian, lẫn tinh lực đều chẳng đạt được. Như pháp sư Trí Viên cũng rất lỗi lạc, trong hết thấy các kinh luận, Sư chọn ra mười bộ, suốt đời chuyên dồn công nơi mười thứ này. Trong mười thứ ấy, có kinh Di Đà. Mười thứ là: Văn Thù Bát Nhã Kinh, Di Giáo Kinh, Tâm Kinh, Thụy Ứng Kinh, Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Bát Tư Nghị Pháp Môn Kinh, Vô Lượng Nghĩa Kinh, Phổ Hiền Quán Kinh, A Di Đà Kinh, và Lăng Nghiêm Kinh. Vị pháp sư này suốt đời chọn lựa mười thứ này, tinh lực cả đời dồn vào mười bộ kinh trên đây, viết chú giải cho cả mười kinh, người đời sau xưng tụng Ngài là Thập Sớ Pháp Sư.

(Sớ) Nghĩa Uyên, Tịnh Giác, Việt Khê đẳng lịch đại chư sư chủng chủng giải thích suất đa tán một.

(疏) 義淵、淨覺、越溪等歷代諸師種種解釋率多散沒

•

(Sớ: Trải qua các đời, các tác phẩm giải thích của những vị sư như Nghĩa Uyên, Tịnh Giác, Việt Khê v.v... phần nhiều bị thất lạc).

Đây là Ngài nghe nói, cổ nhân còn có mấy vị pháp sư ấy chú giải kinh Di Đà, nhưng Liên Trì đại sư chẳng được thấy!

(Sớ) Chí Nguyên, Đại Hựu sư giả, nãi hữu Lược Giải.

(疏) 至元大佑師者，乃有略解。

(Sớ: Trong niên hiệu Chí Nguyên, sư Đại Hựu bèn có bộ Lược Giải).

Đời Nguyên, [trong niên hiệu Chí Nguyên 1335-1340], có pháp sư Đại Hựu soạn bộ A Di Đà Kinh Lược Giải, hiện được đưa vào Vạn Tục Tạng.

(Sớ) Kim duy Hải Đông, Việt Khê, Đại Hựu sở giải căn tồn nhi dĩ, thế viễn nhân vong, kinh tàn giáo thiểu, tội linh như thị quảng đại thâm viễn pháp môn, bất đắc nhân nhân hiểu liễu, ninh bất bi phù?

(疏) 今唯海東越溪大佑所解僅存而已，世遠人亡，經殘教弛，遂令如是廣大深遠法門，不得人人曉了，寧不悲夫。

(Sớ: Nay chỉ còn các bản chú giải của Hải Đông, Việt Khê và Đại Hựu còn tồn tại trên cõi đời mà thôi, đời đã xa, người đã khuất, kinh tàn, giáo suy vi, khiến cho pháp môn rộng lớn sâu xa như thế này mà không phải ai nấy cũng đều thấu hiểu, há chẳng đáng buồn ư?)

Đoạn này cũng là Liên Trì đại sư tự thuật đạo lý vì sao Ngài phải chú giải kinh Di Đà, viết bản Sớ Sao này. Quả thật kinh này quá trọng yếu, nhưng chẳng mấy ai biết đến. Đúng là hiện thời người niệm Phật rất nhiều, nhưng người thật sự hiểu đạo lý niệm Phật chẳng nhiều, kẻ hiểu phương pháp, bí quyết niệm Phật chẳng mấy; đây đều là do sức tuyên truyền chẳng đủ. Trong quá khứ, biện pháp tuyên truyền duy nhất là lưu thông chú sớ. Đại sư phát đại tâm, soạn một bản chú giải cho kinh này hết sức cặn kẽ. Sau khi chúng ta đọc bộ chú giải này, có thể nói là chẳng

cần phải đọc những bản chú giải cổ cũng chẳng sao! Vì lẽ gì? Ngài chú giải quá tường tận, đã bao quát trọn hết toàn bộ.

Nay chúng tôi đem bộ Thông Tán Sớ in ghép vào sau bộ sớ này, mục đích trọng yếu nhất là giúp cho mọi người sanh khởi lòng tin. Huyền Trang đại sư và Khuy Cơ đại sư đã chứng minh cho chúng ta thấy bộ kinh này đã được phiên dịch chẳng sai, chú giải chẳng sai, y theo phương pháp này tu hành chắc chắn chẳng sai lầm. Dụng ý của chúng tôi là như vậy. Vì hiện thời, nói thật ra, là thời kỳ Mạt Pháp, pháp yếu, ma mạnh, thậm chí có nhiều kẻ xuất gia trong thời Mạt Pháp cũng đúng như trong kinh Phật thường nói: “*Do như sư tử trùng, hoàn thực sư tử nhục*” (giống như loài trùng trong thân sư tử, lại ăn thịt sư tử), có phải là người xuất gia chân chánh hay không? Chẳng phải! Mà là con cháu của Ma Vương Ba Tuần, trong thời kỳ Mạt Pháp thấy đều xuất gia, cũng xuống tóc, thọ giới, khoác áo ca-sa, bọn họ là con cháu ma, chẳng phải là người xuất gia chân chánh. Đây là thủ đoạn diệt Phật duy nhất của ma, trong kinh điển cũng thường ghi chép.

Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ma Vương nói hấn muốn diệt Phật pháp. Đức Phật cười, Ngài nói: “Pháp của ta không ai có thể diệt được”. Ma vương bèn đáp: “Trong thời kỳ Mạt Pháp, con cháu của ta thấy đều xuất gia thọ giới, mặc áo ca-sa để diệt pháp của Ngài”. Đức Phật nghe rồi mắt ứa lệ, hết cách! Diệt pháp như thế nào? Đầu tiên sẽ nói kinh Di Đà là giả, nói A Di Đà Phật là thân mặt trời, thốt lời bịa đặt ấy, làm sao được nữa? May mắn là Huyền Trang đại sư và Khuy Cơ đại sư đã tạo chứng cứ cho chúng ta. Nếu hiện thời không có Thông Tán Sớ bày ra trước mặt, chúng ta sẽ chẳng có cách nào biện bác với họ được! Có cuốn sách này bày ra trước mặt, chúng ta bèn tin tưởng những lời lẽ ấy là bịa đặt đồn thổi, trọn chẳng phải là sự thật, [mà là] ác ý phá hoại pháp môn này.

(Huyền Nghĩa) Nhược phù viễn thừa Phật chỉ, hoàng xiển bí tông, vi luận, vi văn, vi tập, vi lục, vi truyện, vi kệ, vi phú, vi thi, giao tán hỗ dương, kỳ lệ bất ức, mạc bất đình ninh khản cáo, cảm khái bi ca, phổ khuyến mê lưu, đồng quy giác lộ, nhất tăng quá mục, khả phát minh tâm.

(玄義)若夫遠承佛旨，弘闡祕宗，為論為文，為集為錄，為傳為偈，為賦為詩，交讚互揚，其麗不億。莫不叮

嚀懇告，感慨悲歌，普勸迷流，同歸覺路，一曾過目，可弗銘心。

(Huyền Nghĩa: Như những tác phẩm kinh vâng ý chỉ của Phật, hoằng truyền, xiển dương tông chỉ kín nhiệm, viết luận, soạn văn, soạn tập, soạn sách, soạn truyện, viết kệ, viết phú, làm thơ, cùng nhau tán dương, chẳng thể kể xiết! Không gì chẳng đau đầu khẩn thiết bảo ban, cảm khái bi ca, khuyên khắp những kẻ đang mê muội hãy trở về đường giác, hãy chạm qua mắt, há chẳng ghi khắc trong lòng ư?)

Đoạn trên là nói về sự chú giải, còn đoạn này nói về sự tán thán pháp môn này từ xưa tới nay. Như Ấn Quang Đại Sư Văn Sao trong thời cận đại hoàn toàn là ca ngợi Tịnh Độ. “*Nhuộc phù*” là ngữ trợ từ (tiếng đệm). “*Viễn thừa Phật chỉ*”: Đức Phật diệt độ đến nay đã cách chúng ta ba ngàn năm, thời đại đã xa xôi, chúng ta có thể vâng nhận ý chỉ của Phật tức là [thấu hiểu] ý Phật. Ý Phật nhằm dạy chúng ta hãy hoằng dương và tu học pháp môn này. “*Hoằng xiển bí tông*”: Chữ “*bí tông*” chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Từ xưa tới nay, từ chúng đệ tử khen ngợi pháp môn này, “*vi luận, vi văn*”, [tức là trong những tác phẩm tán dương Tịnh Độ] có luận, có văn. Cuốn Niệm Phật Luận của pháp sư Đàm Hư thuộc loại văn tự này. Trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, có sáu, bảy bài luận và mấy trăm bài văn ca ngợi Tây Phương Tịnh Độ. “*Vi tập, vi lục, vi truyện, vi kệ*”: Có Tịnh Độ Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện; có kệ tụng, có phú, có thơ như pháp sư Bạch Vân viết bài Tịnh Độ Từ vô cùng hay, lần trước chúng tôi đã in ra ba ngàn trang, đó là chữ viết của Triệu Mạnh Phủ vào cuối đời Tống, khá có giá trị nghệ thuật, lời từ cũng hay, mà chữ cũng đẹp!

“*Giao tán hỗ dương*”: Tán thán lẫn nhau, tuyên dương pháp môn này. “*Kỳ lệ bất ức*” (chẳng thể kể xiết): “*Ức*” [là một trăm ngàn, “*kỳ lệ bất ức*” có nghĩa là dùng con số lớn như Ức cũng chẳng thể tính đếm được] có nghĩa là “*vô tận*”. “*Mạc bất đình ninh khẩn cáo*”: Khẩn thiết răn dạy người thời ấy, mà cũng là răn dạy kẻ học Phật trong đời sau, khuyên mọi người hãy sốt sắng tu học pháp môn này. “*Cảm khái bi ca, phổ khuyên mê lưu, đồng quy giác lộ*” (Lời ca bi thương cảm khái, khuyên khắp những kẻ mê muội hãy cùng về đường giác): Một câu A Di Đà Phật là giác lộ thật sự, giác lộ là con đường chánh giác. Tuy các pháp môn khác đều do đức Phật nói, đều hay, nhưng điều đáng tiếc là chẳng

khê cơ. Chúng ta nương theo pháp môn khác, vẫn mê, bất giác, vì sao mê? Mê nơi pháp môn. Học Hiền Thủ bèn mê nơi kinh Hoa Nghiêm, học Thiên Thai bèn mê nơi kinh Pháp Hoa, học Duy Thức bèn mê nơi Thành Duy Thức Luận, không gì chẳng mê! Thưa quý vị, chỉ có một câu A Di Đà Phật chẳng mê. Dù quý vị mê nơi một câu A Di Đà Phật, vẫn có thể vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chắc chắn chẳng mê! Do vậy, có sự khác biệt này! Trong các pháp môn khác, hễ mê sẽ vô ích, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới; còn pháp môn Niệm Phật tuy mê, vẫn có thể đới nghiệp vãng sanh, hay ở chỗ này! Do vậy, đây thật sự là con đường chánh giác, nói thật thà thì chỉ có một đường này. Hai câu sau cùng là đại sư đặc biệt căn dặn. “*Nhất tằng quá mục*” (hễ lướt qua mắt): Quý vị từng gặp gỡ pháp môn này, từng trông thấy, đọc qua văn tự này, nghe người khác khuyến cáo, hãy nên khắc cốt minh tâm, chớ nên quên lãng!

(Sớ) Thượng văn chuyên chỉ chú thích thử kinh.

(疏) 上文專指註釋此經。

(Sớ: Những câu trong phần trên chuyên nói về việc chú thích kinh này).

Đoạn trước nói về chú giải, nói tới những chú giải từ xưa của bộ kinh này.

(Sớ) Kim vị kỳ dư tán vịnh Tịnh Độ.

(疏) 今謂其餘讚詠淨土。

(Sớ: Còn phần này nói đến những tác phẩm khác ca ngợi, ngâm vịnh Tịnh Độ).

Những tác phẩm tán thán, ca vịnh Tịnh Độ khác.

(Sớ) Sở hữu ngôn từ bất khả thắng kỷ.

(疏) 所有言辭不可勝紀。

(Sớ: Tất cả ngôn từ chẳng thể nào ghi chép trọn hết được).

Chẳng có cách nào liệt kê trọn hết, quá nhiều!

(Sớ) Vi luận, như Thập Nghi, Bảo Vương đẳng.

(疏) 為論, 如十疑寶王等。

(Sớ: Soạn luận thì như Thập Nghi Luận, Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận v.v...)

Thập Nghi Luận do Thiên Thai Trí Giả đại sư viết vào đời Tùy. Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận do pháp sư Phi Tích viết vào đời Đường, hoàn toàn là tán dương Tịnh Độ. Ngẫu Ích đại sư đưa cả hai bản này vào sách Tịnh Độ Thập Yếu. Nói về luận bèn nêu ra hai tác phẩm để làm ví dụ.

(Sớ) Vi văn, như Long Thư, Vô Tận đấng

(疏) 為文, 如龍舒無盡等。

(Sớ: Soạn văn thì như Long Thư, Vô Tận v.v...)

“*Long Thư*”: Cư sĩ Vương Nhật Hưu soạn Long Thư Tịnh Độ Văn, bộ này lưu hành rất rộng tại Đài Loan. Trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu được lưu thông hiện thời, người đời sau đã bổ sung không ít tác phẩm, như Triệt Ngộ Thiên Sư Ngũ Lục, Long Thư Tịnh Độ Văn cũng được chép vào đấy. Các đồng tu chuyên tu Tịnh Độ trong quá khứ đã từng có người thỉnh lão pháp sư Ấn Quang biên tập một bộ Tịnh Độ Tùng Thư, lão hòa thượng bảo: “Không cần thiết! Có một bộ Tịnh Độ Thập Yếu là đủ rồi!” Tại Đài Loan cũng có không ít đồng tu phát tâm biên soạn một bộ Tịnh Độ Tùng Thư¹²³, đâm ra quá nhiều, quá tạp. Thật sự tu hành thì đúng là Thập Yếu cũng đủ rồi. “*Vô Tận*” là cư sĩ Trương Vô Tận, tức là Trương Thương Anh, là một vị Tể Tướng đời Tống. Ông này cũng soạn Tịnh Độ Văn.

(Sớ) Vi tập, như Quyết Nghi, Chỉ Quy đấng.

(疏) 為集, 如決疑指歸等。

¹²³ Tịnh Độ Tùng Thư đúng như tên gọi là một bộ tổng tập bao gồm toàn bộ tất cả những tác phẩm viết về Tịnh Độ từ trước đến nay, do các vị Đạo An, Mao Dịch Viên, Trần Tử Bình v.v... biên soạn vào năm 1972, thâu thập ba trăm tác phẩm, chia thành kinh luận, chú sớ, tinh yếu, trước thuật, toàn tập (trích lược những phần trọng yếu), thi kệ, hành nghi (nghi thức), sử truyện. Trong mỗi loại, các tác phẩm được sắp xếp theo triều đại và niên đại.

(Sớ: Viết thành Tịnh Độ Tập thì như Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, Tịnh Độ Chỉ Quy Tập v.v...)

Vương Cổ viết Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập. Tại Ngô Quận có một vị xuất gia là pháp sư Đại Hựu viết Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, Thượng Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán đã in bộ Tịnh Độ Thập Tam Chúng bao gồm hết thầy các tác phẩm ấy.

(Sớ) Vi lục, như Tịnh Độ Tự Tín đấng.

(疏) 為錄, 如淨土自信等。

(Sớ: Soạn lục là như Tịnh Độ Tự Tín v.v...)

Vô Công cư sĩ Vương Điền đã viết Tịnh Độ Tự Tín Lục.

(Sớ) Vi truyện, như Tịnh Độ Lược Truyện đấng.

(疏) 為傳, 如淨土略傳等。

(Sớ: Viết truyện là như Tịnh Độ Lược Truyện v.v...)

Đây là truyện ký. Từ Vân Sám Chủ viết Tịnh Độ Lược Truyện. Nêu ra mấy ví dụ, thật ra, trong mỗi triều đại, các vị đại đức xuất gia lần tại gia đã chú sớ rất nhiều. Bộ Tịnh Độ Tùng Thư đã sưu tập những bản chú sớ khá hoàn chỉnh.

(Sớ) Vi kệ, như Kinh Lộ Tu Hành đấng. Vi phú, như Thần Thê An Dưỡng đấng. Vi thi, như Chư Gia Hoài Tịnh Độ đấng.

(疏) 為偈, 如徑路修行等。為賦, 如神棲安養等。為詩, 如諸家懷淨土等。

(Sớ: Viết kệ như Kinh Lộ Tu Hành v.v... Viết phú như bài phú Thần Thê An Dưỡng v.v... Làm thơ như tập Chư Gia Hoài Tịnh Độ v.v...)

Quá nhiều, nên chỉ nói đại lược. Kệ tụng thì như bài Tịnh Độ Kệ do Thiện Đạo đại sư viết hết sức nổi tiếng! Ngài nhắc nhở người đời: “Tiệm tiệm kê bì hạc phát” (dần dần da gà, tóc hạc), con người sẽ dần dần suy lão, da dễ nhăn nheo, đầu tóc bạc phơ. Khi ấy, hãy nghĩ sẽ chẳng còn mấy chốc nữa đâu! “Khán khán hành bộ lung chung” (nhìn xem

chân bước run run). Lưng gù, eo hông chẳng còn sức nữa, bước đi phải chống gậy! Dáng vẻ già cả, lập cập! “*Duy hữu kính lộ tu hành*” (chỉ có đường tắt tu hành), “*kính lộ*” là con đường gần nhất. Lúc ấy, quý vị phải giác ngộ, muốn tu hành phải tìm một con đường gần gũi. Đường gần là gì vậy? Chớ nên lãng phí rất nhiều thời gian. Vì sao? Thời gian của chính mình chẳng đủ dùng, [vô thường] xảy đến [đối phó] chẳng kịp, đâu có thời gian dài như vậy? Phải tìm một con đường gần, phải tìm con đường đáng tin nhất, phải tìm con đường đơn giản nhất, ổn thỏa nhất. Đó chính là “*đản niệm A Di Đà Phật*” (chỉ niệm A Di Đà Phật), chỉ niệm! “*Đản*” là chỉ niệm A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, đều buông xuống hết! Thiên Đạo đại sư dạy chúng ta như vậy. Ngài là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông.

Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư viết Thần Thê An Dưỡng Phú (bài phú gửi lòng nơi Cực Lạc). Còn như Chư Gia Hoài Tịnh Độ Thi (thơ tưởng nhớ tới Tịnh Độ của các tác giả) thì như trong Tịnh Độ Thập Yêu có cuốn Tây Trai Tịnh Độ Thi do thiên sư Sở Thạch sáng tác. Thiên sư Trung Phong cũng viết Hoài Tịnh Độ Thi (thơ mong tưởng Tịnh Độ) hết sức hay. Những tác phẩm ấy đều nhằm khích lệ, khuyên lơn người đời sau hãy nhất tâm tu Tịnh Độ.

(Sớ) Cáo nhi viết khẩn, chân thành chi ngữ.

(疏) 告而曰懇，真誠之語。

(Sớ: Báo ban mà nói là “khẩn thiết”, [ngụ ý] lời lẽ chân thành).

Chân tâm thành khẩn báo ban chúng ta.

(Sớ) Kỳ kỳ tín thọ nhi phụng hành dã.

(疏) 冀其信受而奉行也。

(Sớ: Mong mọi họ tin nhận rồi vâng làm theo).

“*Kỳ*” (冀) là mong muốn, chân thành báo ban chúng ta, hy vọng chúng ta sẽ tin tưởng, tiếp nhận, y theo phương pháp này mà tu hành.

(Sớ) Ca nhi viết bi, thê sở chi từ, hoặc năng cảm phát nhi hưng khởi dã.

(疏) 歌而曰悲，淒楚之辭，或能感發而興起也。

(Sớ: Lời ca được gọi là bi thương, [ngụ ý] lời lẽ thê lương, may ra sẽ cảm động, khơi gọi lòng người, khiến họ hăng hái tu tập).

Cảm khái bi ca, “bi” (悲) là mong muốn có thể làm cho chúng ta xúc động, giác ngộ, cảnh tỉnh thế sự vô thường, tháng ngày còn lại chẳng nhiều nhõ! Khiến cho bản thân hăng hái đẩy lên ý niệm niệm Phật.

(Sớ) *Lệ, số dã. Bất ức giả, ức bất túc dĩ tận chi, ngôn đa dã.*

(疏) 麗，數也。不億者，億不足以盡之，言多也。

(Sớ: Lệ là tính đếm. “Bất ức”: Ngay cả con số Ưc cũng chẳng đếm trọn hết, ý nói nhiều lắm)

“Ưc” là một con số lớn, một vạn vạn là một Ưc. Con số này không có cách nào tính trọn hết. Cực lực hình dung số lượng thật nhiều.

(Sớ) *Thử giai Tịnh Độ thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ, bất yếm phiền trùng.*

(疏) 此皆淨土聖賢千言萬語，不厭繁重。

(Sớ: Những tác phẩm ấy đều là ngàn vạn lời lẽ của các bậc thánh hiền Tịnh Độ, chẳng ngại rườm rà lặp đi lặp lại).

Tịnh Độ Tùng Thư có tới ba mươi cuốn, quý vị mới hiểu được các tổ sư đại đức trong các đời đã buốt lòng rất miệng khuyên bảo chúng ta.

(Sớ) *Trực dục sanh tử hải trung, tận khiết chúng sanh u bỉ ngạn nhi hậu dĩ.*

(疏) 直欲生死海中，盡挈眾生於彼岸而後已。

(Sớ: Chỉ vì muốn đưa hết chúng sanh trong biển sanh tử lên bờ kia mới thôi).

Trong lòng các Ngài ôm ấp nguyện vọng này, trực tiếp ở trong biển sanh tử nâng dắt chúng sanh, cho nên nêu lên cương lĩnh này nhằm cứu độ chúng sanh lên bờ kia. Ở đây, chữ “bờ kia” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới, đưa chúng ta đến chỗ A Di Đà Phật, đưa qua Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là bi tâm của các vị tổ sư đại đức trong quá khứ.

(Sớ) Ngã đẳng ưng đương hàm ân báo đức.

(疏) 我等應當銜恩報德。

(Sớ: Chúng ta hãy nên nhớ ơn, báo đức).

Chúng ta gặp gỡ, trông thấy, nghe nói, hãy nên hàm ân báo đức. “Hàm” (銜) là ôm giữ.

(Sớ) Lũ cốt minh tâm.

(疏) 縷骨銘心。

(Sớ: Ghi xương, tạc dạ).

Phải nhớ kỹ đại ân đại đức này, đừng nên quên lãng. Không những chính mình phải tín nguyện phụng hành, mà còn phải:

(Sớ) Triển chuyển lưu thông, đệ tương khuyến đạo.

(疏) 展轉流通，遞相勸導。

(Sớ: Xoay vắn lưu thông, lần lượt khuyên dạy lẫn nhau).

Hôm trước tôi có nhận được một “lá thư may mắn”, mỗi cá nhân nhận được thư này nếu sao thành mười tám bức gởi cho thân thích bằng hữu, quý vị sẽ hết sức may mắn. Nếu không chép ra, trong tương lai sẽ mắc nạn. Theo tôi thấy, lá thư may mắn thật sự [chính là pháp môn Tịnh Độ]. Tôi khuyên quý vị, mỗi người hãy đem thi từ Tịnh Độ sao ra hai mươi bản tặng thân thích bằng hữu, khuyên khắp hết thầy mọi người niệm A Di Đà Phật. Đây là vận may thật sự của chúng ta, chứ còn những thứ khác chưa chắc đã may mắn. Biện pháp này rất tốt đẹp, xoay vắn lưu thông, lần lượt khuyên dạy lẫn nhau.

(Sớ) Như kỳ trí nhi bất lãm, lãm nhi bất tín.

(疏) 如其置而不覽，覽而不信。

(Sớ: Nếu để đó không xem tới, hoặc xem mà chẳng tin).

“Trí” (置) là bỏ tại nơi đó, bỏ xó chẳng xem tới, hoặc có xem, nhưng chẳng tin.

(Sớ) Bất viết ngu môn chi huấn, tắc viết ký ngu chi đàm, độc thả nại chi hà tai.

(疏) 不曰愚蒙之訓，則曰寄寓之談，獨且奈之何哉。

(Sớ: Nếu chẳng chê là lời dạy của kẻ ngu muội, tôi tằm, thì cũng phán là chuyện ngụ ngôn, [đối với những kẻ ấy] chỉ đành chẳng biết làm sao được nữa?)

Đây là lời lão nhân gia cảm thán! Chính kẻ ấy chẳng tin, lại còn phê bình, bảo chúng ta ngu si, quở chúng ta mê tín, đấy là kẻ ấy sai lầm. Kinh nói kẻ ấy “ít thiện căn, ít phước đức”, nên chẳng thể tiếp nhận. Mặc dù kẻ ấy, ít thiện căn và phước đức, chẳng thể tiếp nhận, nhưng chúng ta chớ nên không tạo cơ hội cho kẻ ấy, mà vẫn cứ tạo cơ hội cho họ. Kẻ ấy tin tưởng thì rất tốt, sẽ đắc độ trong một đời này. Kẻ ấy không tin, cũng đã gieo một chủng tử, tức là đã gieo một chủng tử vào A Lại Da Thức. Do vậy, lưu thông phổ biến, khuyên người khác tu Tịnh Độ, chuyện này quả thật vô cùng quan trọng!

Tam, minh tụng.

三、明誦

(Ba, nói về sự cảm ứng do tụng đọc).

“Tụng” (誦) là đọc tụng. Đoạn thứ ba nói về sự cảm ứng do đọc tụng.

(Huyền Nghĩa) Thứ minh tụng thử kinh giả, như thiết căn bất hoại.

(玄義) 次明誦此經者，如舌根不壞。

(Huyền Nghĩa: Tiếp đó, nói người tụng kinh này lưỡi chẳng hư hoại).

Đây là nói về sự cảm ứng do niệm kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ.

(Huyền Nghĩa) Thiên nhạc Tây nghêh.

(玄義) 天樂西迎。

(Huyền Nghĩa: Nhạc trời đón về Tây).

Đây là nói về tướng lành khi vãng sanh.

(Huyền Nghĩa) Phương giải oán nhi vãng sanh.

(玄義) 方解冤而往生。

(Huyền Nghĩa: Giải trừ hờn oán rồi vãng sanh).

Trong phần sau [của lời Sớ] có [kể rõ] câu chuyện này.

(Huyền Nghĩa) Vị chung quyển nhi tọa thoát.

(玄義) 未終卷而坐脫。

(Huyền Nghĩa: Tụng kinh chưa hết một quyển đã ngồi qua đời).

Tụng chưa xong một quyển, người ấy đã ngồi ngay nơi đó, vãng sanh.

(Huyền Nghĩa) Quy như nhập Định.

(玄義) 歸如入定。

(Huyền Nghĩa: Trở về [Cực Lạc] như nhập Định)

Lúc vãng sanh chẳng ngã bệnh, giống như tịnh tọa, nhập Định, ra đi như vậy đó!

(Huyền Nghĩa) Chung đở bạch liên.

(玄義) 終睹白蓮。

(Huyền Nghĩa: Khi mất, thấy hoa sen trắng).

Lúc lâm chung thấy hoa sen màu trắng.

(Huyền Nghĩa) Ngân đài nhi dịch kim đài, thô nhạc nhi lai tế nhạc.

(玄義) 銀臺而易金臺，粗樂而來細樂。

(Huyền Nghĩa: Đài bạc đổi thành đài vàng, nhạc thô thay rồi đến nhạc vi diệu).

Những chuyện này đều được chú giải, xin hãy đọc lời chú giải:

(Sớ) Thiệt căn bất hoại giả, Trí Luận vân: “Hữu tỳ-kheo tụng Di Đà kinh”.

(疏) 舌根不壞者, 智論云: 有比丘誦彌陀經。

(Sớ: “Lưỡi chẳng hoại”: Trí Độ Luận chép: Có tỳ-kheo tụng kinh Di Đà).

Đây là chuyện được nói trong Trí Độ Luận. Tỳ-kheo là người xuất gia, niệm kinh Di Đà.

(Sớ) Mạng dục chung thời, ngữ đệ tử ngôn.

(疏) 命欲終時, 語弟子言。

(Sớ: Lúc sắp lâm chung, bảo đệ tử).

Lúc lâm chung, Sư bảo đồ đệ, học trò.

(Sớ) A Di Đà Phật dữ chư đại chúng, câu lai nghêh ngã.

(疏) 阿彌陀佛與諸大眾, 俱來迎我。

(Sớ: A Di Đà Phật và đại chúng đều đến đón ta).

Lúc sắp ra đi, tinh táo, sáng suốt, chính Sư thấy A Di Đà Phật, thấy thanh tịnh hải hội đại chúng đứng như kinh đã dạy, đều đến đón tiếp Sư.

(Sớ) Hậu tòng hỏa táng, thiệt căn bất hôi, sắc tướng tự nhược.

(疏) 後從火化, 舌根不灰, 色相自若。

(Sớ: Sau đấy, đem hỏa táng, lưỡi chẳng cháy thành tro, sắc tướng vẫn giống hệt như cũ).

Người xuất gia sau khi vãng sanh quá nửa là hỏa táng. Sau khi hỏa táng, lưỡi Ngài chẳng hoại, giống như Cựu Ma La Thập đại sư trong phần trước. Có thể thấy Ngài nói lời thật, chứ chẳng lừa người! Không chỉ lưỡi chẳng hoại, mà màu lưỡi chẳng thay đổi, khắp thân cháy thành tro, không chỉ lưu lại cái lưỡi, mà màu sắc của lưỡi còn chẳng biến đổi. Đây là tạo chứng có cho người khác.

(Sớ) Thiên nhạc Tây nghênh giả.

(疏) 天樂西迎者。

(Sớ: Nhạc trời đón về Tây).

Đây cũng là một câu chuyện.

(Sớ) Tống Đường Thế Lương.

(疏) 宋唐世良。

(Sớ: Đòi Tống, Đường Thế Lương).

Đường Thế Lương là một vị tại gia cư sĩ vào đời Tống.

(Sớ) Tụng Di Đà kinh thập vạn quá.

(疏) 誦彌陀經十萬過。

(Sớ: Tụng kinh Di Đà tới mười vạn biến).

Tụng mười vạn lần.

(Sớ) Nhất nhật, vị gia nhân viết: “Phật lai nghênh ngã”.

(疏) 一日謂家人曰：佛來迎我。

(Sớ: Một hôm, bảo người nhà: “Phật đến đón ta”).

Vị này cũng là biết trước lúc mất, chẳng bị ngã bệnh. Có một hôm, bảo người nhà: “A Di Đà Phật đến đón ta”.

(Sớ) Ngôn dĩ, tác lễ, tọa thệ.

(疏) 言已，作禮坐逝。

(Sớ: Nói xong, làm lễ, ngồi qua đời).

Sau khi dặn dò người nhà, ông ta lễ Phật. Lúc lạy xong bèn tịnh tọa, ra đi, [tức là] ngồi mất!

(Sớ) Kỳ dạ, hữu Lợi hành nhân, tại Đạo Vị sơn thượng, mộng Tây Phương dị quang, phan hoa tân phân, âm nhạc diệu lượng, không trung thanh vân: “Đường Thế Lương dĩ sanh Tịnh Độ”

**(疏)其夜有利行人，在道味山上，夢西方異光，旛華
續紛，音樂嘹唳，空中聲云：唐世良已生淨土。**

(Sớ: Đêm ấy, có người tu hành tên Lợi ở trên núi Đạo Vị, mộng thấy phương Tây có ánh sáng lạ, tràng phan và hoa pháp phối, âm nhạc vang rền, trong hư không có tiếng nói: “Đường Thế Lương đã sanh về Tịnh Độ”).

Tướng lành chẳng phải tại quê hương ông ta, mà ở một nơi rất xa, tức là núi Đạo Vị. Buổi tối ngày ông Đường vãng sanh, Lợi hành nhân, ông này cũng là một người tu hành, khi tu hành trên núi, đêm ấy mộng thấy phương Tây có dị quang. “*Dị quang*” là [ánh sáng] khác thường; lại còn thấy phan. Đây là một loại tràng phan trong nhà Phật, giống như cờ xí. Trên trời có hoa, “*tân phân*” là rất nhiều phan, tràng, hoa trời từ không trung nướm nượp rơi xuống. “*Âm nhạc liêu lượng*” (âm nhạc vang rền): Nhạc trời. Lại còn nghe trong hư không có âm thanh, có người nói: “Đường Thế Lương vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ”. Đó là “*thiên nhạc Tây nghêh*”. Thời cô có một câu chuyện như vậy đó. Những chuyện như vậy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép nhiều lắm.

(Sớ) Giải oán vãng sanh giả.

(疏) 解冤往生者。

(Sớ: Giải oán kết, vãng sanh).

Đây là một trường hợp tiêu tai.

(Sớ) Tống Thượng Ngu.

(疏) 宋上虞。

(Sớ: Vào đời Tống, tại Thượng Ngu¹²⁴).

Đây là một địa phương.

¹²⁴ Thành phố Thượng Ngu nằm ở Đông Bắc tỉnh Chiết Giang, thuộc hạ lưu sông Tào Nga. Huyện Thượng Ngu đã được thành lập từ thời Tần Thủy Hoàng. Theo truyền thuyết, đây là đất phong của con cháu vua Ngu Thuấn, cho nên mới gọi là Thượng Ngu.

(Sớ) Dân Phùng Mân.

(疏) 民馮珉。

*(Sớ: Có một người dân tên là Phùng Mân).
Đây là tên của vị ấy, cũng là tại gia cư sĩ.*

(Sớ) Thiếu sự du liệp.

(疏) 少事遊獵。

(Sớ: Thuở trẻ thích săn bắn).

Lúc tuổi trẻ, ưa săn bắn. Săn bắn sẽ kết oán cừu nhiều lắm!

(Sớ) Kiến cự xà, trì sáo tương vãng thích chi.

(疏) 見巨蛇，持稍將往刺之。

(Sớ: Thấy một con rắn to, liền vác mâu đến đâm nó).

“Sáo” (稍) là trường mâu, ông ta đâm con rắn ấy.

(Sớ) Thời xà tại nham hạ.

(疏) 時蛇在巖下。

(Sớ: Lúc ấy, rắn ở dưới vách núi).

Rắn ở dưới vách núi.

(Sớ) Dục phệ hoàng độc.

(疏) 欲噬黃犢。

(Sớ: Toan cắn con bê vàng).

“Độc” (犢) là con bò con. Rắn này rất lớn, toan nuốt con bê.

(Sớ) Mân thôi nham thạch áp chi, chí tử.

(疏) 珉推巖石壓之，至死。

(Sớ: Phùng Mân đẩy đá từ vách núi xuống, đè chết rắn).

Ông ta ở phía trên, dùng đá to quăng xuống, đè rắn chết bẹp. Rắn to như vậy thường gọi là “*rắn đã thành tinh*”.

(Sớ) Xà lữ vi túy.

(疏) 蛇屢為祟。

(Sớ: Rắn nhiều lần hiện hồn quấy phá).

Rắn sau khi bị đè chết, thường thường quấy phá, kiếm chuyện, đó là oan gia trái chủ.

(Sớ) Mân tu sám niệm Phật kinh niên, xà bất năng hại.

(疏) 珉修懺念佛經年，蛇不能害。

(Sớ: Ông Mân tu sám, niệm Phật nhiều năm, rắn chẳng thể hại được).

“*Tu sám*” là sám hối, niệm Phật; do có công đức này, rắn không có cách nào báo thù được.

(Sớ) Nhất nhật thỉnh đồng xã tịnh lữ, tụng Di Đà kinh, hiệp chưởng nhi hóa.

(疏) 一日請同社淨侶，誦彌陀經，合掌而化。

(Sớ: Một hôm, mời các bạn thanh tịnh cùng liên xã, tụng kinh Di Đà, chấp tay qua đời).

“*Đồng xã*”: Nhất định là ông ta đã tham gia liên xã. Từ xưa tới nay, liên xã hết sức phổ biến. Từ thời Huệ Viễn đại sư thành lập liên xã đầu tiên, về sau, tại mỗi nơi ở Trung Quốc, hễ lập hội Niệm Phật đều gọi là “*liên xã*”. Thỉnh các đồng tu trong liên xã đến trợ niệm giúp ông ta, tụng kinh Di Đà, ông ta chấp tay vãng sanh. Đây là nói về chuyện “*giải oán vãng sanh*”. Nếu ông ta chẳng thường niệm Phật, không cầu vãng sanh, oán gia trái chủ sẽ không tha cho ông ta! Nếu ông ta không ra khỏi lục đạo luân hồi, dù trong một đời này tu tập tốt đẹp đến mấy đi nữa, đời sau oán gia vẫn đến kiếm! Các quý vị đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, thấy Ngộ Đạt quốc sư là cao tăng mười đời; oán gia theo Ngài suốt mười đời, nhưng chưa báo thù được. Tới đời thứ mười, tôn giả Ca Nặc Ca điều giải, hóa giải. Nếu không, oán ấy vẫn chưa hết! Do vậy, quý vị phải ghi

nhớ, đừng kết oán cừu với người khác, đừng kết oán cừu với quỷ thần, mà cũng đừng kết oán cừu với súc sanh, nhất là những súc sanh lớn. Quý vị kết oán cừu với chúng sẽ phiền phức lắm! Vì sao? Càng to, linh tánh càng cao, ý niệm báo thù càng mạnh. Kết mỗi oán cừu rất đáng ngán. Quả thật là đời đời kiếp kiếp chẳng dễ gì giải trừ!

Tục ngữ nói rất hay: “*Oan gia nghi giải, bất nghi kết*”, [nghĩa là] phải biết giải khai oan gia, đừng nên kết. Hễ kết thì sau này, đời đời kiếp kiếp bị phiền phức. Chỉ có thật sự vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ thì mới tính là tất cả oan gia của quý vị đều được giải trừ. Nếu quý vị chưa thể vãng sanh Tịnh Độ, chắc chắn chẳng thể trốn tránh được! Chẳng cần biết quý vị tu pháp môn gì, hễ tu chưa thành công, oan gia trái chủ đều gọi là “*ma chướng*”, họ đều đến chướng ngại quý vị. Từ vô thủy kiếp tới nay, chẳng biết đã kết oán cừu với bao nhiêu người, kết mỗi thù oán với bao nhiêu quỷ thần và súc sanh. Nay chúng ta cầu thuận buồm xuôi gió trên con đường Bồ Đề sẽ chẳng dễ dàng, đâu có chuyện [dễ dàng như vậy] được! Chỉ có biện pháp duy nhất là học theo Phùng cư sĩ, hằng ngày thật sự niệm Phật, sám hối. Để sám hối, chúng ta niệm bài kệ Sám Hối là đủ rồi. Nương theo kệ Sám Hối, trong tâm thật sự sám hối, như thế là tốt đẹp. Lại nữa, một câu A Di Đà Phật này quả thật tiêu trừ nghiệp chướng, tăng phước huệ. Không chỉ có đại công đức vãng sanh, mà hiện thời, quý vị niệm một tiếng A Di Đà Phật sẽ tiêu tội chướng, tăng phước huệ, quý vị niệm niệm A Di Đà Phật là niệm niệm tiêu nghiệp chướng, niệm niệm tăng phước huệ. Không có pháp môn nào có hiệu quả thù thắng hơn pháp này!

(Sớ) Vị chung tọa thoát giả.

(疏) 未終坐脫者。

(Sớ: Nói chưa từng xong đã ngồi qua đời).

Đây là người thuộc đời Tấn.

(Sớ) Tấn Trí Tiên pháp sư, hiệu Chân Giáo, trụ Bạch Liên Tự, thập tam niên Tây hướng thập niệm, thập nhị thời bất tạm phế.

(疏) 晉智仙法師，號真教，住白蓮寺，十三年西向十念，十二時不暫廢。

(Sớ: Đòi Tân, pháp sư Trí Tiên, hiệu là Chân Giáo, trụ tại chùa Bạch Liên, suốt mười ba năm hướng về phương Tây, tu thập niệm, trong suốt mười hai thời chẳng tạm bỏ).

Sư rốt cuộc niệm Phật không nhiều lắm, nhưng người ta công phu tuyệt vời! Sư sử dụng cách Thập Niệm. Ngài niệm suốt mười ba năm chẳng gián đoạn, niệm Phật bằng cách hướng về phương Tây thập niệm. Sư tu thập niệm trong mười hai thời, mỗi thời niệm một lần. Thập niệm thì thời gian [niệm Phật] chẳng lâu, đại khái là năm phút đã niệm xong! Nhưng mười hai thời chẳng đơn giản, mười hai thời bao gồm cả buổi tối. “Thời thần” (時辰) trong thuở ấy dùng “Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi v.v...” để tính toán; một thời thần thuở ấy bằng hai giờ hiện thời. Cứ mỗi hai tiếng đồng hồ, Sư lại niệm một lần, đây là tu pháp Thập Niệm. Mỗi hai tiếng đồng hồ niệm một lần, suốt mười ba năm chẳng gián đoạn, công phu ở chỗ này! Khó nhất là buổi tối, buổi tối cứ cách hai giờ, Sư lại trở dậy niệm một lần, chuyện này chẳng dễ dàng.

(Sớ) Nhất tịch vi tật.

(疏) 一夕微疾。

(Sớ: Một tối, hiện chút bệnh nhẹ).

Hôm Sư vãng sanh, bị mắc chút bệnh vặt.

(Sớ) Mạng quán đường hành nhân tụng Di Đà kinh.

(疏) 命觀堂行人誦彌陀經。

(Sớ: Bảo những người đang làm việc trong trai đường hãy tụng kinh Di Đà).

“Quán đường hành nhân”: Quán đường là Ngũ Quán Đường¹²⁵, tức trai đường. Sư bảo những người đang làm việc ở đó niệm kinh Di Đà.

¹²⁵ Nhà ăn (trai đường) được gọi là Ngũ Quán Đường vì khi thọ trai, phải quán tưởng năm điều:

1. Kế công đa thiếu, lượng bỏ lại xư: Xét công nhiều ít, nghĩ do đâu mà có. Cơm cháo một ngày ba thời đều chẳng dễ có. Phải nghĩ đến các thức ăn do bao người vất vả

(Sớ) Vị chung quyển.

(疏) 未終卷。

(Sớ: Tụng chưa hết quyển kinh).

Kinh Di Đà chưa tụng xong.

(Sớ) An nhiên tọa thoát.

(疏) 安然坐脫。

(Sớ: Đã ngồi lặng lẽ qua đời).

Sư ngồi ở nơi đó, người ta niệm kinh, Sư cũng niệm theo, lắng nghe, một quyển kinh chưa niệm xong, Sư đã vãng sanh. Đây là nêu gương Thập Niệm.

(Sớ) Quy như nhập Định giả, Tống Thích Xử Khiêm.

(疏) 歸如入定者，宋釋處謙。

(Sớ: Về [Cực Lạc] như nhập Định là ngài Thích Xử Khiêm đời Tống).

Đây là một vị xuất gia, pháp sư Xử Khiêm.

(Sớ) Tinh tu Tịnh Độ.

gieo trồng, chăm bón, gặt hái, phơi sấy, xay giã, nấu nướng, chế biến, toàn bộ đều do đàn na tín thí cúng dường.

2. Thôn dĩ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng: Tự xét đức hạnh của chính mình có xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường ấy hay chưa, phát khởi tâm trân trọng, dụng công tu hành.

3. Phòng tâm nan quá, thực đẳng vi tông: Đề phòng cái tâm mắc phải tham, sân, si, chớ tham đồ ăn ngon. Thấy món ngon chẳng khởi tâm tham, luôn quán chiếu, thấy hết thủy đều do các duyên hòa hợp, đều là hư huyễn.

4. Chánh sự lương được, vị liệu hình khô: Thức ăn là món thuốc tốt lành để chữa căn bệnh thân thể khô gầy.

5. Vị thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực: Ăn uống nhằm duy trì sắc thân này để tu tập đạo nghiệp thành công, chớ không phải để cung phụng, chiều chuộng cái thân, thỏa mãn lòng tham.

(疏) 精修淨土。

(Sớ: Tu ròng Tịnh Độ).

“*Tinh tu*” là chuyên tu, chẳng xen tạp các pháp môn khác. Chúng ta tu pháp môn Tịnh Độ mà còn muốn tu thêm pháp khác, vẫn muốn nghiên cứu pháp khác, đây là chẳng tinh! “*Tinh*” là trừ pháp môn này ra, trừ kinh điển Tịnh Độ ra, tất thấy đều chẳng xen lạp, đó là “*tinh*”. Kinh điển chủ yếu trong Tịnh Độ là tam kinh nhất luận, nương theo những kinh luận này để tu hành.

(Sớ) Nhất tịch, tụng Di Đà kinh tất.

(疏) 一夕，誦彌陀經畢。

(Sớ: Một tối, Sư tụng kinh Di Đà xong).

Buổi tối hôm vắng sanh, tụng kinh xong.

(Sớ) Xưng tán Tịnh Độ.

(疏) 稱讚淨土。

(Sớ: Khen ngợi Tịnh Độ).

Nay chúng ta gọi “*xưng tán Tịnh Độ*” là Tán Phật Kê .

(Sớ) Cáo chúng viết: “Ngô dĩ vô sanh nhi sanh Tịnh Độ”. Như nhập Thiên Định, yếm nhiên nhi hóa.

(疏) 告眾曰：吾以無生而生淨土。如入禪定，奄然而化。

(Sớ: Bảo đại chúng: “Ta do vô sanh mà sanh Tịnh Độ”, như nhập Thiên Định, đột nhiên qua đời).

Giã biệt đại chúng. Nói xong, đặc biệt nói Ngài “do vô sanh mà sanh”; đây là Tịnh Độ sanh vô sanh. Cổ đức dạy chúng ta: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thật sự chẳng đi). Thiên Thai đại sư có Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, bộ sách này hiện nay cũng thuộc trong Tịnh Độ Thập Yếu. Hết sức trọng

yêu, có thể giải trừ khá nhiều nghi vấn về Tịnh Độ. Cư sĩ Quý Thánh Nhất đã chú giải Sanh Vô Sanh Luận hết sức tỉ mỉ.

(Sớ) Chung đồ bạch liên giả, Tống Gia Hòa quận, Chung ẫu.

(疏) 終睹白蓮者，宋嘉禾郡鍾嫗。

(Sớ: Lâm chung thấy hoa sen trắng: Đời Tống, bà lão họ Chung ở quận Gia Hòa).

Bà cụ này họ Chung.

(Sớ) Nhật tụng Di Đà kinh thập biến, niệm Phật bất chuyết.

(疏) 日誦彌陀經十遍，念佛不輟。

(Sớ: Hằng ngày tụng kinh Di Đà mười biến, niệm Phật chẳng bỏ sót).

Quý vị thấy bà cụ tu hành, mỗi ngày niệm kinh Di Đà mười biến, Phật hiệu chẳng gián đoạn.

(Sớ) Nhất nhật ngữ kỳ tử viết.

(疏) 一日語其子曰。

(Sớ: Một hôm bảo con).

Hôm vắng sanh bảo con.

(Sớ) Kiến bạch liên hoa vô số, chúng thánh nghêh ngã.

(疏) 見白蓮華無數，眾聖迎我。

(Sớ: Mẹ thấy hoa sen trắng vô số, các vị thánh đến đón mẹ).

Thấy hoa sen, thấy Phật và đại chúng đến đón tiếp, bà cụ bèn vắng sanh.

(Sớ) Toại đoan tọa tủng thân hóa khứ.

(疏) 遂端坐聳身化去。

(Sớ: Bèn ngồi ngay ngắn, thân khẽ động, đã tịch rồi).

Khê động vai đã đi rồi, tự tại ngàn ấy! Chẳng sanh bệnh; đây là một bà cụ tại gia. Truyện ký của những vị này được chép tường tận trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

(Sớ) Ngân đài kim đài giả.

(疏) 銀臺金臺者。

(Sớ: Đài bạc, đài vàng).

Câu chuyện này được lưu truyền rất phổ biến, rất nhiều người biết.

(Sớ) Hoài Ngọc thiền sư, Thai Châu nhân, bố y nhất thực, thường tọa, bất ngọa. Tinh tấn niệm Phật, tụng Di Đà kinh tam thập vạn biến.

(疏) 懷玉禪師，台州人，布衣一食，常坐不臥。精進念佛，誦彌陀經三十萬遍。

(Sớ: Thiền sư Hoài Ngọc, người xứ Thai Châu, mặc áo vải, ngày ăn một bữa, thường ngồi, chẳng nằm, tinh tấn niệm Phật, tụng kinh Di Đà ba mươi vạn biến).

Niệm Phật hiệu chẳng cần phải nói nữa! Kinh Di Đà tụng ba mươi vạn biến. Vị này suốt đời mặc “bố y”, [tức là] y phục bằng vải thô, ăn đúng Ngọ một bữa, “thường tọa bất ngọa”: Đây là tu không ngả lưng xuống đôn (giường Tăng), khi ngủ chẳng nằm xuống, lúc mệt bèn tịnh tọa. Tinh tấn niệm Phật, thật sự tinh tấn. Trong Niệm Phật Đường, nói thật ra, nếu thật sự dụng công niệm Phật, hiệu quả sẽ hết sức rõ ràng. Có một phòng nghỉ, mọi người mệt mỗi bèn tới đó nghỉ ngơi một chốc. Khi nghỉ, chẳng cần cởi áo, mặc cả áo mà ngủ. Ngủ một lát, tinh thần khôi phục, bèn ngay lập tức niệm tiếp, phải như vậy thì mới được. Chúng ta chưa phải là đả Tinh Tấn Phật Thất, đả Tinh Tấn Phật Thất rất nghiêm ngặt. Đây là hễ mệt mỗi tự mình đi nghỉ, nghỉ khoẻ xong bèn ngay lập tức quay lại niệm Phật. Có thể buông xuống hết thầy, nhất tâm niệm Phật, hiệu quả vô cùng rõ rệt!

(Sớ) Nhất nhật kiến Tây Phương thánh chúng, đa nhược Hằng sa.

(疏) 一日見西方聖眾，多若恆沙。

(Sớ: Một hôm, thấy Tây Phương thánh chúng nhiều như cát sông Hằng).

Nhiều như số cát trong sông Hằng, Ngài thấy thanh tịnh hải chúng theo A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều đến đón tiếp.

(Sớ) Nhất kinh ngân đài, tùng song nhi nhập.

(疏) 一擎銀臺，從窗而入。

(Sớ: Một vị bưng đài bạc, theo cửa sổ mà vào).

Cầm hoa sen, trên hoa có đài, kim đài hay ngân đài là phẩm vị cao hay thấp khác nhau. Người đến đón tiếp Ngài cầm hoa sen, trên hoa có đài bằng bạc, theo cửa sổ tiến vào.

(Sớ) Ngọc viết.

(疏) 玉曰。

(Sớ: Hoài Ngọc nói).

Thiền sư Hoài Ngọc bèn nói.

(Sớ) Ngô nhất sanh tinh tấn, thệ thủ kim đài, vi hà đắc thử? Ngân đài toại ẩn.

(疏) 吾一生精進，誓取金臺，為何得此？銀臺遂隱。

(Sớ: Ta cả đời tinh tấn, thề lấy được đài vàng, vì sao được đài này? Đài bạc liền ẩn).

Ta suốt đời tinh tấn, trong tâm mong đài vàng, nào ngờ nay là đài bạc, trong tâm đương nhiên rất khổ sở, rất hổ thẹn. Ý niệm này vừa dậy lên, chẳng thấy đài bạc nữa, nó bèn ẩn mất!

(Sớ) Ngọc cảm kích.

(疏) 玉感激。

(Sớ: Hoài Ngọc cảm kích).

Chẳng thấy đài bạc nữa, tiêu mất rồi! Trong tâm Ngài cũng rất cảm động. Như thế nào đây? Lại tinh tấn và nỗ lực.

(Sớ) Bội phục tinh tấn.

(疏) 倍復精進。

(Sớ: Tinh tấn gấp bội).

Nỗ lực gấp bội.

(Sớ) Tam thất nhật hậu.

(疏) 三七日後。

(Sớ: Hai mươi một ngày sau).

Hai mươi một ngày sau.

(Sớ) Kiến Phật mãn không trung.

(疏) 見佛滿空中。

(Sớ: Thấy Phật đầy ắp trên hư không).

Phật lại đến tiếp đón Sư.

(Sớ) Nãi vị đệ tử viết: “Kim đài lai nghêh”.

(疏) 乃謂弟子曰: 金臺來迎。

(Sớ: Sư bèn bảo đệ tử: “Đài vàng đến đón”).

Quả nhiên chẳng phụ lòng mong mỏi, đài vàng tới đón.

(Sớ) Ngô sanh Tịnh Độ hỷ. Thuyết kệ, hàm tiếu nhi thệ.

(疏) 吾生淨土矣。說偈含笑而逝。

(Sớ: Ta sanh về Tịnh Độ! Nói kệ, mỉm cười, qua đời).

Ngài hoan hỷ, nguyện vọng đã đạt, đúng là kim đài đến đón tiếp Ngài!

(Sớ) Quận thủ Đoàn công dị chi.

(疏) 郡守段公異之。

(Sớ: Viên quan họ Đoàn đứng đầu quận ấy lấy làm lạ).

“*Quận thủ*” là trưởng quan vùng ấy. Khi đó, quận tương đương với tỉnh hiện thời, nhưng nhỏ hơn tỉnh một chút. Quận Thủ là quan Thái Thú, là quan lớn trong vùng, trông thấy tướng lãnh này cũng hết sức cảm động.

(Sớ) Tác thi tán mỹ.

(疏) 作詩讚美。

(Sớ: Làm thơ ca ngợi).

Có thơ tặng cho Ngài để ca ngợi.

(Sớ) Hữu “*chi đê chỉ vị quải kim đài*” chi cú vân.

(疏) 有枝低只為掛金臺之句云。

(Sớ: Trong ấy có câu “*đài vàng treo trĩu nặng cành cây*”).

Thơ rằng: “*Ngã sư nhất niệm đặng Sơ Địa*” (thầy ta một niệm lên Sơ Địa), đài vàng là Lý nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn là thượng phẩm thượng sanh. Ngài suốt đời dụng công, thường ngồi chẳng nằm, nhất là trong ba thất tức hai mươi một ngày cuối cùng càng thêm tinh tấn gấp bội, đặc Lý nhất tâm bất loạn. Vì thế, tán thán Ngài “*nhất niệm đặng Sơ Địa*”. “*Phật quốc sinh ca lưỡng độ lai*” (Cõi Phật đàn ca hai lượt tới), A Di Đà Phật trở nhạc trời đến tiếp dẫn Ngài hai lần, “*duy hữu môn tiền cổ hòe thụ*” (trước song, riêng một cội hòe già). Trước chùa có một cây hòe, cành hòe rủ thấp. “*Chi đê chỉ vị quải kim đài*” (đài vàng đeo trĩu cả cành cây). Đài vàng quá nặng, cho nên cành hòe bị đè xuống rất thấp. Dùng bài thơ này để tán thán Ngài.

(Sớ) *Thô nhạc, tế nhạc giả, Nguyên Tử Hoa thiên sư.*

(疏) 粗樂細樂者，元子華禪師。

(Sớ: “*Nhạc thô thấp, nhạc vi diệu*”: Thiên sư Tử Hoa vào đời Nguyên).

Đây là một vị xuất gia vào thời Nguyên.

(Sớ) Đại Lịch cửu niên, ư Nhuận Châu Quán Âm Tự, tụng Di Đà kinh lục nguyệt.

(疏) 大歷九年，於潤州觀音寺，誦彌陀經六月。

(Sớ: Vào năm Đại Lịch thứ chín (774), tụng kinh Di Đà sáu tháng tại chùa Quán Âm ở Nhuận Châu).

Mỗi ngày niệm kinh Di Đà suốt nửa năm.

(Sớ) Hốt đắc tật.

(疏) 忽得疾。

(Sớ: Chợt mắc bệnh).

Bỗng nhiên Ngài nhiễm bệnh.

(Sớ) Dạ văn hương khí nhạc âm.

(疏) 夜間香氣樂音。

(Sớ: Đêm ngủ thấy mùi hương, nghe tiếng nhạc).

Trong khi bị bệnh, Ngài ngủ thấy mùi hương, nghe tiếng thiên nhạc.

(Sớ) Không trung cáo viết: “Thô nhạc dĩ quá, tế nhạc tục lai, quân đương vãng sanh”.

(疏) 空中告曰：粗樂已過，細樂續來，君當往生。

(Sớ: Trong hư không có tiếng bảo: “Nhạc thô vụng đã hết, nhạc tinh tế sẽ tiếp tục trôi, ông sẽ vãng sanh”).

Nhạc trời cũng là hai lượt, càng về sau càng tinh tế hơn, càng dễ nghe hơn.

(Sớ) Lương cứu niệm Phật nhi hóa.

(疏) 良久念佛而化。

(Sớ: Hồi lâu sau, Sư niệm Phật qua đời).

Ngài niệm Phật vãng sanh.

(Sớ) Dị hương liên nhật bất tán.

(疏) 異香連日不散。

(Sớ: Mùi hương lạ đọng lại cả ngày chẳng tan).

Những điều này là tướng lành vãng sanh. Đại sư đã nêu lên rất nhiều ví dụ, đều nhằm giúp chúng ta sanh khởi lòng tin. Mỗi ví dụ đều là chuyện chân thật. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 90

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm năm mươi bảy:

(Huyền Nghĩa) Hựu nhược thư tả tắc hóa bị thương sanh¹²⁶, giảng diễn tắc tường phù bạch hạc.

(玄義) 又若書寫則化被蒼生，講演則祥符白鶴。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, như biên chép giáo hóa trọn khắp phàm dân, giảng diễn ắt hiện điềm lành hạc trắng).

Từ xưa tới nay, thọ trì kinh Di Đà có khá nhiều sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn này nói về chuyện chép kinh. Trước đây, kinh sách lưu thông phải dựa vào biên chép. Kỹ thuật ấn loát cho đến sau đời Tống - Nguyên mới dần dần phát triển. Kinh điển in theo lối phương sách, tức là in theo lối khâu gáy đóng thành sách như chúng ta thấy hiện thời,

¹²⁶ Chữ “*thương sanh*” theo nghĩa gốc là nơi cây cỏ sanh trưởng tươi tốt, như trong kinh Thư, thiên Ích Tắc có câu: “*Đế quang thiên chi hạ, chí u hải ngưng thương sanh*”, Không Tử giảng câu này phải hiểu là “*quang thiên chi hạ, chí u hải ngưng, thương thương nhiên sanh thảo mộc, ngôn sở cập quang viễn*” (chỗ có ánh sáng mặt trời, cho đến góc biển, cây cối mọc xanh tươi, ý nói: Sự phổ cập rất xa rộng). Về sau, chữ “*thương sanh*” thường được dùng để chỉ dân chúng.

đóng sách như vậy để trở thành một cuốn. Mãi đến cuối đời Minh, mới chọn lựa cách đóng kinh Phật thành sách theo lối như vậy. Vào đời Minh, [cách đóng sách ấy do] Hàn Sơn đại sư đề xướng, gọi là “*phương sách bản*”. Trước kia, thời Đường [kinh Phật được] gọi là “*quyển tử*”, giống như những bức vẽ được cuộn lại. Sau đây là “*triếp điệp bản*”¹²⁷. Từ triếp bản lại diễn biến thành sách đóng thành tập gọi là phương sách bản.

Thời ấy, thuật ấn loát chưa phát triển, bản in khắc trên gỗ, trước hết, phải chép lại. Chép hoàn chỉnh rồi mới đem bản ấy khắc lên ván gỗ, khắc từng chữ một. Khi in cũng rất bất tiện. Cứ một bức ván gỗ là một trang kinh sách. Thuở đó chưa có mực in, dùng muội gỗ tùng để in; tức là dùng hạt cây tùng đốt lấy bồ hóng. Quý vị thấy những bản sách cổ, in bằng muội gỗ tùng, tay sờ vào sẽ bị đen thui, đối với bản in bằng mực ta sẽ không bị đen tay. In bằng muội gỗ tùng nên giá thành khá cao, chẳng thuận tiện như hiện tại. Người hiện tại tu phước nên [mọi việc] thuận tiện hơn cổ nhân rất nhiều! Cổ nhân muốn lưu thông kinh sách, phải thuê người sao chép, sao một bộ phải trả công chừng đó tiền! Có những người có học, đi thi không đỗ, làm cách nào đây? Thường đến chùa miếu chép kinh. Nhà chùa trả tiền công cho họ, sao một bộ kinh trả công bao nhiêu tiền, cho họ ăn, cho họ ở, để họ chuyên làm việc sao chép kinh điển. Lưu thông kinh điển thuở ấy phải dùng phương thức này. Những trường hợp được đại sư nêu lên trong lời chú giải đều là chuyện thật.

(Sớ) Thư tả giả, Đường Thiện Đạo đại sư, phàm đắc sán thí, dụng tả Di Đà kinh thập vạn quyển.

(疏)書寫者，唐善導大師，凡得襯施，用寫彌陀經十萬卷。

(Sớ: “Biên chép”: Đời Đường, Thiện Đạo đại sư hề được cúng dường bèn dùng để chép kinh Di Đà số đến mười vạn quyển).

¹²⁷ Quyển tử là in trên một tờ giấy dài, hai đầu gắn trục để cuộn lại. Vì thế, kinh Phật còn được gọi là “*xích trục hoàng quyển*” (trục đỏ, quyển vàng). Triếp điệp bản là in thành từng trang trên một tờ giấy dài, in xong sẽ xếp thành sách, gắn bìa hai đầu. Những cách in này nhằm mô phỏng lối chép kinh trên lá Bối. Còn “*phương sách*” là in giống như triếp điệp, nhưng chỉ có một mặt giấy, xếp mặt không có chữ đầu lưng vào nhau, dùng chỉ khâu gáy để đính vào bìa, giống như sách hiện thời.

“*Sán thí*” (襴施) là tín đồ cúng dường tiền bạc cho Ngài, Ngài dùng tiền này để cậy người khác chép kinh Di Đà. Chẳng dễ dàng! Kinh Di Đà được phổ biến, lưu thông là do Thiện Đạo đại sư đề xướng mà đặc lực. Đương nhiên, kinh này chẳng thể coi là quá dài, cứ một quyển là được một bộ, đây là một quyển kinh. Ngài nhờ người khác chép kinh Di Đà, số lượng rất đáng kể, mười vạn quyển! Với kỹ thuật ấn loát phát triển như trong hiện thời, người nào phát tâm in kinh Di Đà mười vạn quyển? Hiện thời làm chuyện này dễ hơn thời Thiện Đạo đại sư rất nhiều, mười vạn quyển kinh phải chép trong bao nhiêu năm? Ngày nay, chúng ta in mười vạn cuốn sách chỉ mất một tháng, giá tiền lại còn thấp hơn trước đây rất nhiều. Đây là lưu thông kinh quyển.

(Sớ) Khuyến nhân thọ trì, diệc hữu độc tụng chí thập vạn biến giả, ngũ thập vạn biến giả.

(疏) 勸人受持，亦有讀誦至十萬遍者，五十萬遍者。

(Sớ: Khuyến người khác thọ trì, cũng có người đọc tụng tới mười vạn biến, hay năm mươi vạn biến).

Đây là nói về người thọ trì, tụng niệm kinh này. Bởi lẽ, các đồng tu phải chú ý, niệm kinh thì không nên niệm quá nhiều, quá tạp! Nhất định phải hiểu rõ niệm kinh nhằm mục đích gì, chúng ta niệm kinh Di Đà nhằm mục đích gì? Nói thật ra là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là mục đích thật sự của chúng ta. Nếu chúng ta nhất tâm nhất ý muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm thêm những kinh điển khác chính là xen tạp! Pháp môn này đáng quý ở chỗ chuyên tu! Niệm bộ kinh này thuần thực, tâm cũng định rồi, chuyên nhất rồi, bèn có thể đắc nhất tâm bất loạn. Nếu như niệm đủ thứ kinh luận, chẳng dễ gì thành tựu nhất tâm bất loạn! Vì sao? Niệm kinh này, nghĩ đến kinh kia chưa niệm, niệm kinh đó xong, lại còn có những kinh khác ta chưa niệm! Trong tâm quý vị khởi vọng tưởng, tâm chẳng chuyên! Vì thế, thật sự đạt được lợi ích nơi tu hành, nhất định phải chuyên, niệm kinh phải chuyên, pháp môn tu hành cũng phải chuyên, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, những thứ khác đều chẳng cần tới nữa!

Một câu A Di Đà Phật này có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng: Một câu A Di Đà Phật “*viên nhiếp ngũ tông, cai la bát giáo*” (nhiếp trọn năm tông, bao trùm tám giáo). Một câu A Di Đà Phật gồm trọn hết thầy các kinh điển và hết thầy các pháp môn

do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một pháp nào! Không chỉ bao gồm những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, thậm chí những pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói, một câu A Di Đà Phật này cũng đều gồm trọn! Chúng ta chẳng niệm A Di Đà Phật thì niệm gì? Chẳng niệm kinh Di Đà thì niệm kinh gì đây?

Thiện Đạo đại sư rất lỗi lạc, Ngài là người đời Đường. Theo truyện ký ghi chép, Ngài chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì thế, Ngài là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông. Ngài niệm một tiếng Phật hiệu, từ trong miệng phóng ra một tia sáng, trong tia sáng ấy có một vị Hóa Phật, đó là tượng A Di Đà Phật. Mỗi câu đều như vậy. Điều này được truyện chép như sau: “*Khẩu phóng quang minh, quang trung hóa Phật*”. Theo truyền thuyết lịch sử, Thiện Đạo đại sư là hóa thân của A Di Đà Phật. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, hòa thượng Phong Can cũng là hóa thân của A Di Đà Phật.

(Sớ) Tăng tục quy ngưỡng, chí hữu cảm cực phần thân cúng dường, đắc Niệm Phật tam-muội giả, bất khả thắng kỷ.

(疏)僧俗歸仰，至有感極焚身供養，得念佛三昧者，不可勝紀。

(Sớ: Tăng, tục quy y ngưỡng mộ, đến nỗi có người cảm mộ cùng cực, đã đốt thân cúng dường. Người đắc Niệm Phật tam-muội chẳng thể ghi xiết).

Đây đều là nói công đức giáo hóa của Thiện Đạo đại sư. Hậu thế tôn Ngài làm tổ sư Tịnh Độ Tông. Cảm động tới cùng cực, “*đốt thân cúng dường*”, đốt ngón tay hay đốt cánh tay đều là đốt một bộ phận trên thân. Đắc Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội là Sự nhất tâm bất loạn. Người theo Thiện Đạo đại sư tu học, đắc nhất tâm bất loạn rất ư là nhiều!

(Sớ) Giảng diễn giả.

(疏) 講演者。

(Sớ: Giảng diễn).

Giảng giải bộ kinh này.

(Sớ) Tổng Trì Tam Lang.

(疏) 宋沈三郎。

*(Sớ: Ông Trì Tam Lang đời Tống).
Người đời Tống.*

(Sớ) Văn tuế hồi tâm niệm Phật.

(疏) 晚歲回心念佛。

(Sớ: Tuổi già, hồi tâm niệm Phật).

Đây là lúc tuổi già, tuổi tác đã cao lắm rồi. Đến lúc này mới học Phật, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, phát tâm niệm Phật.

(Sớ) Nhân bệnh, thỉnh tăng giảng Di Đà kinh, dịch y nhi chung.

(疏) 因病，請僧講彌陀經，易衣而終。

(Sớ: Do bị bệnh, thỉnh Tăng giảng kinh Di Đà, thay áo, qua đời).

Trong khi bị bệnh, thỉnh pháp sư giảng kinh Di Đà cho ông ta nghe. Trong lúc thay đổi y phục, ông ta bèn mạng chung.

(Sớ) Súc tất dục khởi, nhị tử cục ư danh giáo, dĩ dịch khám vi nan, duệ kỳ hĩnh trực chi. Tương nhập liệt, hốt cử thủ xuất y bị, cù nhiên nhi tọa, cử gia đại kinh. Nhị tử cấp tiền phù vệ, nãi dĩ trừu tiết trúy chi. Tử viết: “Trợ phụ tọa thoát nhĩ”. Cảnh tọa thệ. Trà-tỳ, hữu bạch hạc nhị thập cửu chích, phi minh vân biểu, cửu chi Tây khứ.

(疏) 縮膝欲起，二子局於名教，以易龕為難，曳其脛直之。將入斂，忽舉首出衣被，瞿然而坐，舉家大驚。

二子急前扶衛，乃以肘節捶之。子曰：助父坐脫耳。竟坐逝。荼毗，有白鶴二十九隻，飛鳴雲表，久之西去。

(Sớ: Co chân toan ngồi dậy, hai đứa con trai câu nệ danh giáo, cho là khó thể đổi hòm, bèn kéo chân cha cho thẳng ra. Lúc sắp nhập liệt, ông ta đột nhiên thò đầu ra khỏi vải liệt, đột ngột ngồi dậy, cả nhà kinh hãi. Hai đứa con trai vội tiến lên nâng đỡ, ông ta bèn dùng khuỷu

tay huých họ, con bèn nói: “Giúp cha ngồi qua đời mà”, ông ta bèn ngồi qua đời. Lúc hỏa thiêu, có hai mươi chín con hạc trắng bay lượn, hót ríu rít trong mây, hồi lâu, bay về phía Tây).

Truyện Trầm Tam Lang được chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện. Người này đã chết, trước khi ông mất, đã dặn con là ông ta muốn tọa khám, tức là tọa thoát, ngồi mà mất. “*Danh giáo*” là Nho gia. Theo quy chế đại liệm¹²⁸ của Nho gia, người sau khi đã chết nhất định phải nhập liệm trong quan tài. Vì vậy, con ông ta không nghe lời, tiến hành đại liệm cho ông ta theo cách thức của người bình thường. Kéo chân ông ta cho thẳng lại, dùng quan tài nhập liệm. Lúc ấy, bỗng nhiên ông ta ngồi dậy, đúng là chuyện khiến mọi người rất kinh hãi. Người trong nhà ông ta hiểu rõ, biết ông ta mong tọa thoát, không muốn nằm sòng sượt ra đi. Vì thế, con trai ông ta giúp ông ngồi xếp bằng, để ông ta tọa thoát. Trà-tỳ (Jhāpeta) là hỏa táng, khi hỏa táng có hai mươi chín con hạc trắng, giống như đến tiễn ông ta. Hỏa thiêu xong, những con hạc trắng ấy bay về phương Tây; có tướng lành ấy. “*Tường phù bạch hạc*” (hạc trắng hiện điềm lành) là do lễ thỉnh pháp sư tới giảng kinh Di Đà, ông ta vãng sanh trong khi đang nghe, nên có sự cảm ứng tốt lành này.

(Huyền Nghĩa) Hiện tiền cảm ứng, tức bảo địa dao quán, khắc thủ vãng sanh, tức Niết Bàn phi tử, như tư cảm ứng, lữ kiến cổ kim.

(玄義)現前感應，則寶地遙觀，剋取往生，則涅槃非比，如斯感應，屢見古今。

(Huyền Nghĩa: Cảm ứng trong hiện tiền thì đời trông đất báu, ước định kỳ hạn vãng sanh, kinh Niết Bàn chẳng thể sánh bằng. Những sự cảm ứng như vậy, xưa nay thấy rất nhiều).

¹²⁸ Đại liệm nhằm phân biệt với tiểu liệm. Tiểu liệm là dùng vải liệm bọc kín thi thể người chết. Đại liệm là đưa thi thể người chết đã tiểu liệm vào quan tài. Nghi lễ Nho gia quy định rất rắc rối, chẳng hạn khi tiểu liệm phải bọc vải liệm theo trình tự nào, buộc dây từ chỗ nào trở đi. Khi đại liệm cũng có quy định đặt theo hướng nào, chất liệu quan tài tùy theo độ tuổi của người chết mà khác biệt, sơn phết quan tài như thế nào. Chẳng hạn người chết từ năm mươi tuổi trở xuống, không được sơn quan tài sắc vàng, chỉ dùng màu đỏ v.v...

Đây là nói về sự cảm ứng trong hiện tiền, quả thật cũng hết sức nhiều! Ở đây, nêu đại lược vài người.

(Sớ) Bảo địa dao quán giả, Đường Đại Hành thiên sư.

(疏) 寶地遙觀者，唐大行禪師。

(Sớ: “Đôi trông đất báu”: Thiên sư Đại Hành đời Đường).

Thiên sư Đại Hành là người đời Đường.

(Sớ) Sơ tu Phổ Hiền sám.

(疏) 初修普賢懺。

(Sớ: Thoạt đầu tu Phổ Hiền Sám Pháp).

Trước đó, Ngài tu lễ Phổ Hiền Sám Pháp, tức là Phổ Hiền Bồ Tát Sám Nguyện Nghi, y theo phương pháp ấy để tu hành.

(Sớ) Hậu nhập Đại Tạng, tùy thủ thủ quyển, đắc Di Đà kinh.

(疏) 後入大藏，隨手取卷，得彌陀經。

(Sớ: Về sau, vào chỗ cất giữ Đại Tạng Kinh, tiện tay rút ra một quyển, bèn rút được kinh Di Đà).

Cổ nhân thường dùng phương pháp này. Kinh điển nhiều dường ấy, ta phải nên học kinh nào? Đối trước Phật hứa nguyện, con rút lấy một bộ từ Đại Tạng Kinh, sẽ học theo kinh ấy, dùng phương pháp này! Đôi khi là rút thăm, như Ngẫu Ích đại sư thường dùng biện pháp này. Đối với những kinh luận, pháp môn ưa thích, Ngài đều viết thành từng tờ, đặt trước bàn Phật, mỗi ngày lễ bái, cúng dường, lễ bái suốt bảy ngày rồi rút lấy một tờ, dùng phương pháp này. Thiên sư Đại Hành rút một quyển từ trong Đại Tạng Kinh, rút được kinh Di Đà.

(Sớ) Nhật dạ tụng vịnh.

(疏) 日夜誦詠。

(Sớ: Ngày đêm tụng niệm, tán thán).

“Tụng” là đọc tụng, “vịnh” là ca xướng (Phạm Bái). Xoang điệu đọc tụng của cổ nhân rất dễ nghe, mà xoang điệu Phạm Bái cũng hết sức êm tai.

(Sớ) Chí tam thất nhật.

(疏) 至三七日。

(Sớ: Tới hai mươi một ngày).

Sư ngày đêm niệm bộ kinh Di Đà này, niệm suốt hai mươi một ngày.

(Sớ) Đồ lưu ly địa thượng, Phật cập nhị đại sĩ hiện tiền.

(疏) 睹琉璃地上，佛及二大士現前。

(Sớ: Thấy trên đất lưu ly, đức Phật và hai vị đại sĩ hiện tiền).

Tướng ấy hiện tiền, thấy trong hiện tiền. Ngài thấy đại địa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là đất lưu ly. Nay chúng ta gọi ngọc lưu ly là Phỉ Thúy, là một loại ngọc có màu xanh lá cây. Đại địa là ngọc màu xanh lá cây. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều hiện hình cho Ngài thấy.

(Sớ) Hy Tông văn kỳ sự.

(疏) 僖宗聞其事。

(Sớ: Vua Hy Tông nghe chuyện này).

Hoàng đế Hy Tông nhà Đường nghe kể chuyện này.

(Sớ) Chiếu nhập nội đình, tứ hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(疏) 詔入內庭，賜號常精進菩薩。

(Sớ: Hạ chiếu vời vào cung, ban danh hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát).

Thiền sư Đại Hạnh vốn học Thiền, về sau, từ Thiền trở về Tịnh Độ, Ngài thật sự tinh tấn, chuyên niệm kinh Di Đà, ngày đêm không

ngừng niệm. Niệm hai mươi một ngày, được cảm ứng như thế. Vì vậy, hoàng đế Hy Tông ban tặng danh hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(Sớ) Hậu lưu ly địa phục kiến, tức nhật mạng chung, dị hương kinh tuần, nhục thân bất hoại.

(疏)後琉璃地復見，即日命終，異香經旬，肉身不壞

•

(Sớ: Sau đó lại thấy đất lưu ly, mạng chung ngay trong ngày hôm ấy, mùi hương lạ đọng lại cả mười ngày, nhục thân chẳng hư).

Vị pháp sư này lưu lại nhục thân, khi Ngài vãng sanh, tướng lành ấy lại hiện tiền. Khi tướng ấy hiện tiền, Ngài vãng sanh. “*Dị hương kinh tuần*”: “*Tuần*” (旬) là mười ngày, khi Ngài vãng sanh mùi hương suốt mười ngày chẳng tan.

(Sớ) Niết Bàn phi tỷ giả.

(疏)涅槃非比者。

(Sớ: Niết Bàn chẳng thể sánh bằng)

Kinh Niết Bàn chẳng sánh bằng kinh Di Đà.

(Sớ) Lương Đạo Trân pháp sư.

(疏)梁道珍法師。

(Sớ: Pháp sư Đạo Trân đời Lương).

Đời Lương thời Ngũ Đại, pháp sư Đạo Trân giảng kinh Niết Bàn.

(Sớ) Thiên Giám trung.

(疏)天監中。

(Sớ: Trong niên hiệu Thiên Giám).

Thiên Giám (502-519)¹²⁹ là niên hiệu.

¹²⁹ Thiên Giám là niên hiệu của Lương Vũ Đế (Tiêu Diễn).

(Sớ) Khế tích Lô Sơn.

(疏) 憩錫廬山。

(Sớ: Trụ tại Lô Sơn).

“*Khế tích*” (憩錫) là ở lại. Ngài du phương tham học tới Lô Sơn thuộc tỉnh Giang Tây, bèn trụ lại đó.

(Sớ) Mộ Viễn công tịnh nghiệp.

(疏) 慕遠公淨業。

(Sớ: Ngưỡng mộ Tịnh nghiệp của tổ Huệ Viễn).

Đối với Đông Lâm Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh Độ của Huệ Viễn đại sư, Ngài hết sức ngưỡng mộ.

(Sớ) Thiên tọa trung, hốt kiến hải thượng số bách nhân thừa bảo phảng tiền mai.

(疏) 禪坐中，忽見海上數百人乘寶舫前邁。

(Sớ: Trong khi ngồi Thiền, chợt thấy trên biển mấy trăm người ngồi trên thuyền báu tiến về trước).

Đây là cảnh giới trong Định, khi Ngài nhập Định, hiện ra cảnh biển cả, trên biển có mấy trăm người ngồi trên một chiếc thuyền lớn. “*Bảo phảng*”: Lúc ấy, chiếc thuyền đó hết sức quý báu, do bảy báu chế thành. Họ ngồi thuyền báu tiến lên phía trước.

(Sớ) Sư vấn: Hà chi?

(疏) 師問何之。

(Sớ: Sư hỏi: “Đi đâu thế?”)

Pháp sư Đạo Trân hỏi họ: “Các vị đi đâu vậy?”

(Sớ) Đáp viết: Vãng Cực Lạc quốc.

(疏) 答曰往極樂國。

(Sớ: Họ đáp: “Đến cõi Cực Lạc”).

Chúng tôi muốn lái thuyền này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.
Sau khi Sư nghe xong:

(Sớ) Nhân cầu phụ tải.

(疏) 因求附載。

(Sớ: Do vậy, bèn xin ngồi nhờ thuyền của họ).

Tôi có thể ngồi ké thuyền của quý vị cùng đi hay chẳng?

(Sớ) Báo vân.

(疏) 報云。

(Sớ: Họ đáp).

Bọn họ trả lời Ngài.

(Sớ) Pháp sư tuy thiện giảng Niết Bàn kinh.

(疏) 法師雖善講涅槃經。

(Sớ: Pháp sư tuy khéo giảng kinh Niết Bàn).

Ông giảng kinh Niết Bàn rất khá.

(Sớ) Diệc đại bất khả tư nghị.

(疏) 亦大不可思議。

(Sớ: Cũng là rất chẳng thể nghĩ bàn).

Công đức này chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Nhiên vị tụng Di Đà kinh, khởi đắc đồng vãng?

(疏) 然未誦彌陀經，豈得同往？

(Sớ: Nhưng chưa tụng kinh Di Đà, làm sao cùng đi được?)

Ông chưa hề niệm kinh Di Đà, làm sao có thể cùng đi được? Vị này đúng là suốt đời hoằng dương kinh Niết Bàn, giảng kinh Niết Bàn, nhưng chẳng thể vãng sanh Tây Phương. Ông chưa niệm kinh Đà là không được rồi, [chúng tôi] không muốn dẫn ông đi cùng.

(Sớ) Sư toại phế giảng, niệm Phật.

(疏) 師遂廢講念佛。

(Sớ: Sư bèn bỏ giảng, niệm Phật).

Sau khi thấy cảnh giới trong Định như vậy, vị pháp sư này chẳng giảng kinh nữa, mà chuyên niệm Phật.

(Sớ) tụng Di Đà kinh cập nhị vạn biến.

(疏) 誦彌陀經及二萬遍。

(Sớ: Tụng kinh Di Đà đến hai vạn biến).

Nếu trong Định chẳng gặp phải cảnh giới này, tâm ấy sẽ chẳng thể phát khởi. Gặp cảnh giới ấy, tâm ấy thật sự phát khởi!

(Sớ) Tương chung tứ thất nhật tiền.

(疏) 將終四七日前。

(Sớ: Hai mươi tám ngày trước khi mất).

Đây cũng là biết trước lúc mất, bốn thất trước hôm vãng sanh, tức là trước đó hai mươi tám ngày, đại khái là chừng một tháng, trước đó một tháng!

(Sớ) Dạ tứ cổ.

(疏) 夜四鼓。

(Sớ: Lúc canh tư ban đêm).

Vào lúc canh tư ban đêm.

(Sớ) Kiến Tây Phương ngân đài lai chí, không trung kiêu như bạch nhật. Thanh vân: “Pháp sư đương thừa thử đài vãng sanh”.

(疏) 見西方銀臺來至，空中皎如白日。聲云：法師當乘此臺往生。

(Sớ: Thấy từ Tây Phương có đài bạc đưa tới, trên trời sáng như ban ngày, có tiếng nói: “Pháp sư nên ngồi đài này mà vãng sanh”).

Có tướng lành này hiện tiền.

(Sớ) *Thời chúng hàm văn thiên nhạc dị hương.*

(疏) 時眾咸聞天樂異香。

(Sớ: Khi ấy, đại chúng đều nghe thấy nhạc trời và ngửi thấy mùi hương lạ).

Khi ấy, đại chúng nghe trên không trung trỗi nhạc trời, lại còn ngửi thấy mùi hương lạ.

(Sớ) *Sổ nhật hương do vị tán.*

(疏) 數日香猶未散。

(Sớ: Mùi hương ấy mấy ngày chẳng tan).

Mùi hương mấy ngày vẫn chưa tan.

(Sớ) *Kỳ dạ phong đánh tự tăng, dao kiến cốc khẩu hỏa炬數十，明燎徹夜，*

(疏) 其夜峰頂寺僧，遙見谷口火炬數十，明燎徹夜，
次日乃知師逝。

(Sớ: Đêm hôm ấy, vị Tăng sống trên đỉnh núi, nhìn thấy xa xa ở ngoài cửa hang núi có mấy chục ánh đuốc sáng ngời suốt đêm, hôm sau mới biết Sư đã tịch).

“Phong đánh tự”: Ngôi chùa này được xây tại nơi rất cao, cho nên có tầm nhìn rộng lớn, có thể thấy rất xa. Thấy tại cửa hang núi có nhiều ánh đuốc. Mãi cho đến lúc trời sáng, vẫn còn thấy ánh đuốc. Đến hôm sau mới biết tướng lành ấy là do pháp sư vãng sanh.

(Sớ) *Như thượng sở lục.*

(疏) 如上所錄。

(Sớ: Những điều được ghi chép như trên đây).

Những điều được ghi chép này.

(Sớ) Giai tu nhân chứng quả, thử cảm bỉ ứng.

(疏) 皆修因證果，此感彼應。

(Sớ: Đều do tu nhân chứng quả, ở đây cảm, nơi kia sẽ ứng).

Người tu hành có cảm, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật bèn có ứng.

(Sớ) Diệp kiến tầng xuất, tự cổ cập kim, vị cập mai cử.

(疏) 疊見層出，自古及今，未及枚舉。

(Sớ: [Những chuyện cảm ứng như thế này] thường được thấy nghe, từ xưa đến nay, chẳng thể nêu trọn).

Những chuyện cảm ứng này quả thật rất nhiều. Những chuyện được Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép là ghi một, sót cả vạn. Nhất là vào thời cổ, thông tin chẳng dễ dàng! Bao nhiêu tướng lành vãng sanh, nhưng người biên chép chưa nghe nói, chưa trông thấy, nên bỏ sót. Nói thật ra, tác giả [của những bộ sách ấy] sưu tập tài liệu rất hữu hạn, bỏ sót rất nhiều. Vì thế, tại Trung Quốc, chẳng biết pháp môn này đã độ bao nhiêu người vãng sanh thế giới Tây Phương.

Tứ, minh trì

四、明持。

(Bốn là nói [sự cảm ứng] do thọ trì).

“Trì” là thọ trì, [đoạn này nói về] sự cảm ứng do thọ trì.

(Huyền Nghĩa) Nhược trì danh giả, hoặc nhất niệm nhi phi nhất quang, hoặc nhất thanh nhi xuất nhất Phật, hoặc hưởng di lâm cốc, hoặc âm triệt cung vi, hoặc lục thời hệ niệm, nhi y chánh doanh không, hoặc thập tự tiêu tâm, nhi thánh hiền nhập hội, kịp hồ chiêu đại, tục hữu danh lưu.

(玄義)若持名者，或一念而飛一光，或一聲而出一佛，或響彌林谷，或音徹宮闈，或六時繫念，而依正盈空，或十字標心，而聖賢入會，洎乎昭代，續有名流。

(Huyền Nghĩa: Như trì danh thì hoặc là niệm một câu phóng ra một tia sáng, hoặc mỗi tiếng niệm hiện ra một vị Phật, hoặc vang vọng khắp rừng núi, hoặc âm thanh lọt vào tận trong cung, hoặc sáu thời hệ niệm, y báo và chánh báo đầy khắp hư không, hoặc dùng chữ Thập để biểu thị cái tâm, thánh hiền xin dự vào hội, mãi cho đến nay vẫn luôn lưu danh).

Trong đoạn này cũng trích chẳng ít chuyện.

(Sớ) Thử chánh minh chấp trì danh hiệu dã.

(疏) 此正明執持名號也。

(Sớ: Đây là nói trực tiếp đến chuyện chấp trì danh hiệu).

Đây là nói về sự cảm ứng thù thắng do niệm Phật.

(Sớ) Tịnh nghiệp chư hiền, đa bất phiên tải.

(疏) 淨業諸賢，多不繁載。

(Sớ: Các bậc hiền nhân trong Tịnh Nghiệp quá nhiều đến nỗi chẳng thể chép hết).

“Tải” (載) là ghi chép. Nhiều quá! Ghi chép chẳng trọn!

(Sớ) Cô cử chiêu chước thế nhân nhĩ mục giả nhất nhị, dĩ vi khích khuyến.

(疏) 姑舉昭灼世人耳目者一二，以為激勸。

(Sớ: Đành nêu ra một hai người được người đời nhận biết rõ rệt nhất nhằm khích lệ, khuyên lơn).

Nêu ra mấy vị nổi danh nhất, ai cũng biết trong các đời để khuyên lơn, khích lệ hàng hậu học.

(Sớ) Phi quang giả.

(疏) 飛光者。

(Sớ: Phóng ánh sáng).

Đây là mỗi niệm bèn tỏa quang minh, “phi quang” là trong miệng tỏa ra ánh sáng. Tôi vừa mới nhắc đến vị này với quý vị, đó là Thiện Đạo đại sư.

(Sớ) Đường Thiện Đạo đại sư, nhân vấn niệm Phật đắc sanh Tịnh Độ phủ?

(疏) 唐善導大師，人問念佛得生淨土否？

(Sớ: Có người hỏi Thiện Đạo đại sư đời Đường: “Niệm Phật có được sanh về Tịnh Độ hay chăng?”)

Có người hỏi lão nhân gia: “Niệm Phật có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không?”

(Sớ) Đáp viết: “Nhu như sở niệm, toại như sở nguyện”.

(疏) 答曰：如汝所念，遂汝所願。

(Sớ: Ngài đáp: “Đúng như lòng ông nghĩ tưởng, ông sẽ được toại nguyện”).

Thiện Đạo đại sư trả lời: Chỉ cần ông niệm, nhất định sẽ được mãn nguyện. Ông chịu niệm, sẽ nhất định vãng sanh.

(Sớ) U thị, Đạo nãi tự niệm A Di Đà Phật nhất thanh.

(疏) 於是導乃自念阿彌陀佛一聲。

(Sớ: Ngay khi ấy, ngài Thiện Đạo tự niệm A Di Đà Phật một tiếng).

Chính Ngài tự niệm, niệm Phật một tiếng bèn có một tia sáng.

(Sớ) Tắc hữu nhất quang từng kỳ khẩu xuất, thập thanh chỉ bách, quang diệc như chi.

(疏) 則有一光從其口出，十聲至百，光亦如之。

(Sớ: Bèn có một tia sáng từ miệng tỏa ra, niệm từ mười tiếng cho đến một trăm tiếng, ánh sáng đều [tỏa ra] như vậy).

Ngài niệm Phật, miệng phóng quang minh.

(Sớ) Quang minh mãn thất.

(疏) 光明滿室。

(Sớ: Quang minh ngập thất).

Ngài niệm nhiều lượt, trong phòng toàn là quang minh.

(Sớ) Đế văn kỳ sự.

(疏) 帝聞其事。

(Sớ: Vua nghe chuyện này).

Thờ ấy, hoàng đế nghe có tướng lạ như vậy, cũng triệu kiến Ngài.

(Sớ) Sắc sở cư vi Quang Minh Tự, hậu đăng liễu thụ đoan tọa nhi hóa.

(疏) 敕所居為光明寺，後登柳樹端坐而化。

(Sớ: Sắc phong nơi Ngài trụ là Quang Minh Tự. Về sau, Ngài trèo lên cây liễu ngồi ngay ngắn, viên tịch nơi đó).

Chỗ Ngài ở được hoàng đế tặng một bức hoành phi đề Quang Minh Tự. Niệm Phật miệng tỏa quang minh.

(Sớ) Xuất Phật giả, Thiếu Khang pháp sư.

(疏) 出佛者，少康法師。

(Sớ: “Niệm ra Phật”: Pháp sư Thiếu Khang).

Đây cũng là một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông.

(Sớ) Tại Ô Long sơn, kiến Tịnh Độ đạo tràng, khuyến nhân niệm Phật, chúng kiến Sư niệm Phật nhất thanh, khẩu xuất nhất Phật, chí u thập niệm, thập Phật thứ xuất, do nhược liên châu.

(疏) 在烏龍山，建淨土道場，勸人念佛，眾見師念佛一聲，口出一佛，至於十念，十佛次出，猶若連珠。

(Sớ: Ngài lập Tịnh Độ đạo tràng tại núi Ô Long, khuyên người khác niệm Phật. Đại chúng thấy Sư niệm Phật một tiếng, từ trong miệng bay ra một vị Phật, cho đến mười niệm là mười vị Phật lần lượt xuất hiện, giống như một chuỗi).

Ngài niệm Phật, từ trong miệng có tượng Phật xuất hiện. Niệm một tiếng là một vị Phật, niệm mười tiếng là mười vị Phật, niệm một trăm tiếng là một trăm vị Phật. Phật liên tiếp xuất hiện, có tướng lành như vậy.

(Sớ) Lâm chung chi nhật, khẩu phóng dị quang số đạo, yểm nhiên nhi thệ.

(疏) 臨終之日，口放異光數道，奄然而逝。

(Sớ: Ngày lâm chung, miệng tỏa ra mấy tia sáng lạ, đột nhiên qua đời).

Đây cũng là điềm lành chẳng thể nghĩ bàn do niệm Phật trong thưở ấy, đủ để cảm động lòng trời.

(Sớ) Hưởng di giả, Đường Đạo Xước thiên sư, bình cư vị chúng giảng Vô Lượng Thọ kinh, tương nhị bách biến.

(疏) 響彌者，唐道綽禪師，平居為眾講無量壽經，將二百遍。

(Sớ: “Tiếng vang trọn khắp”: Thiên sư Đạo Xước đời Đường, thường giảng kinh Vô Lượng Thọ cho đại chúng, số lần giảng đến hai trăm lượt).

Vị này cũng là tổ sư Tịnh Độ Tông, suốt đời chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng đến hai trăm lần.

(Sớ) Nhân các khắp châu, khẩu xưng Phật hiệu, hoặc thời tán tịch, thanh bá lâm cốc.

(疏) 人各掐珠，口稱佛號，或時散席，聲播林谷。

(Sớ: Mỗi người [đến nghe] lần chuỗi, miệng niệm Phật hiệu, hoặc lúc giải tán, tiếng vang vọng khắp rừng núi).

Đại chúng đến nghe kinh, lần xâu chuỗi niệm Phật. Chùa chiền đều được xây dựng trong núi sâu. Nếu nói theo hiện thời, đều là nơi có Phong Thủy tốt nhất, đều ở trong núi thẳm. Âm thanh niệm Phật vang vọng rừng núi (âm cốc). “Cốc” là sơn cốc (hang núi). Đây là sự cảm ứng. Nếu chẳng phải là cảm ứng, sẽ không thể có chuyện này! Nếu dùng Niệm Phật Đường để nói, âm thanh cộng tu của mọi người ở nơi đây, nếu bên ngoài sơn cốc hoặc rừng cây mà có thể nghe tiếng, nếu chẳng do cảm ứng, chắc chắn chẳng thể nào có được! Nhất là sau khi pháp hội giảng kinh đã giải tán, âm thanh vẫn vang vọng trong rừng núi.

Trên thực tế, mỗi vị đồng tu niệm Phật đều phải biết: Sau khi niệm Phật hiệu thuần thực, bất luận ở nơi đâu, hễ tâm tĩnh lặng, sẽ nghe Phật hiệu thoảng bên tai. Nếu có cảnh giới ấy, quý vị nên biết đó là bước đầu trong công phu niệm Phật, chứng tỏ công phu của quý vị vừa mới đắc lực, phải nên tiếp tục nỗ lực, từ công phu này, tiến hơn bước nữa mới là công phu thành phiền, sau đây là nhất tâm bất loạn. Nếu cảnh giới này hiện tiền, quả thật là trong chốn rừng núi, hễ tâm thanh tịnh, quý vị sẽ nghe tiếng niệm Phật.

(Sớ) Âm triệt giả, Đường Pháp Chiếu.

(疏) 音徹者，唐法照。

(Sớ: “Âm thanh thấu triệt”: Ngài Pháp Chiếu đời Đường).

Thiền sư Pháp Chiếu đề xướng Ngũ Hội Niệm Phật, là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông.

(Sớ) Ư Tinh Châu Ngũ Hội Niệm Phật.

(疏) 於并州五會念佛。

(Sớ: Ngũ Hội Niệm Phật ở Tinh Châu).

Ngài gặp Văn Thù Bồ Tát. Vị này tham Thiền, vốn trụ tại Hành Châu thuộc tỉnh Hồ Nam, nay là huyện Hành Sơn. Có một buổi sáng, ăn cháo buổi sáng (điểm tâm) trong Thiền đường, thở ấy, người xuất gia

đều dùng bát để ăn cháo buổi sáng. Trong bát hiện tượng, cũng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, giống như xem TV vậy. Trong bát hiện ra hình ảnh, chính là hiện cảnh Ngũ Đài Sơn rõ ràng. Sau khi trông thấy, Ngài bèn đem chuyện này hỏi một vị lão đồng tham. Trong quá khứ, vị ấy từng đến Ngũ Đài Sơn, nghe Ngài mô tả, vị ấy bèn bảo: “Đây là Ngũ Đài Sơn”, khuyên Sư hãy lên núi ấy lễ Phật.

Sau khi đến Ngũ Đài Sơn, quả nhiên cảnh giới giống hệt như cảnh đã hiện trong bát. Ngài nhớ rất rõ ràng, đường đi rất quen thuộc; do vậy, tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự, ngài Văn Thù đang giảng kinh ở đó, thỉnh chúng đông tới một vạn người. Sau khi nghe xong, Ngài tiến lên đánh lễ Văn Thù Bồ Tát rồi hỏi Văn Thù Bồ Tát, Ngài thưa: “Thời kỳ Mật Pháp chúng sanh căn tánh khá kém cỏi, phiền não nặng nề, tu pháp môn gì có thể có thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy: “Tu pháp môn Niệm Phật”. Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, tự niệm mấy câu cho Ngài nghe. Ngài bèn học lấy, đó là Ngũ Hội Niệm Phật.

Sau khi Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, bèn tự mình lập đạo tràng chuyên niệm Phật tại Tinh Châu. Thanh điệu niệm Phật ấy học từ chỗ Văn Thù Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn, hiện thời tại Đài Loan cũng có Ngũ Hội Niệm Phật, chẳng biết có phải điệu do Văn Thù Bồ Tát truyền hay không, chẳng biết! Có thể là thanh điệu do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy đã thất truyền! Hiện thời có những người thông minh, nghe nói có Ngũ Hội Niệm Phật, bèn tự mình biên soạn một bản nhạc phổ, dạy mọi người niệm. Ngũ Hội Niệm Phật của họ giống như ca hát, tiếp độ sơ cơ rất tốt, nhưng thật sự niệm Phật thì cách niệm ấy chẳng dễ gì đắc nhất tâm. Tôi nghĩ cách ấy nhất định khác biệt rất lớn so với cách do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy. Đây là đạo tràng niệm Phật do thiền sư Pháp Chiếu thành lập.

(Sớ) Cảm Đại Tông hoàng đế cung trung văn niệm Phật thanh.

(疏) 感代宗皇帝宮中聞念佛聲。

(Sớ: Cảm hoàng đế Đại Tông ở trong cung nghe tiếng niệm Phật).

Trong cung đình, hoàng đế nghe tiếng niệm Phật.

(Sớ) Khiển sứ dao tâm.

(疏) 遣使遙尋。

(Sớ: Sai người đi kiếm mãi tận xa).

Liên phái người đuổi theo thanh âm này, một mực đuổi tới Tinh Châu, đuổi tới chỗ thiền sư Pháp Chiếu.

(Sớ) Kiến sư khuyến hóa chi thịnh, toại chiếu nhập cung, cung nhân niệm Phật, diệc cập ngũ hội, hiệu Ngũ Hội pháp sư.

(疏) 見師勸化之盛，遂詔入宮，宮人念佛，亦及五會，號五會法師。

(Sớ: Thấy Sư khuyến hóa hết sức đông đảo, bèn hạ chiếu triệu Sư vào cung. Người trong cung niệm Phật cũng là năm hội, nên Sư được gọi là Ngũ Hội pháp sư).

Đây cũng là có duyên với hoàng đế Đại Tông, vua thỉnh pháp sư vào cung. Ở trong cung, Sư dạy mọi người niệm Phật. Đây là nói “âm triệt cung vi” (âm thanh niệm Phật lọt vào tận trong cung).

(Sớ) Lục thời giả, Tấn Huệ Viễn pháp sư, cư Lô Sơn, chế liên hoa lậu, lục thời niệm Phật, trừng tâm hệ tượng.

(疏) 六時者，晉慧遠法師，居廬山，製蓮華漏，六時念佛，澄心繫想。

(Sớ: “Sáu thời”: Pháp sư Huệ Viễn đời Tấn, sống ở Lô Sơn, chế đồng hồ hoa sen, sáu thời niệm Phật, lắng lòng hệ niệm Cực Lạc).

Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư, Ngài dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Hiện nay, Niệm Phật Đường này vẫn còn. Lúc tôi giảng kinh tại Hương Cảng, nghe họ nói: Hiện thời, tại Đông Lâm Niệm Phật Đường vẫn còn hơn một trăm người niệm Phật, vô cùng khó có! Ngài chế ra “liên hoa lậu” (đồng hồ nhỏ giọt hình hoa sen). Trước kia, không có đồng hồ, không biết thời gian, cho nên dùng bình đựng nước nhỏ giọt có khắc vạch để tính toán thời gian. Phía trên thùng đựng nước, Ngài chế ra hoa sen, thả trôi trên mặt nước, nước nhỏ từng giọt. Trên thùng khắc độ số, [nhờ đó] biết nước đã chảy bao nhiêu bèn biết thời gian là bao lâu. Thời cổ, dùng phương

thức này để tính thời gian. “*Lục thời*”: Ngày ba thời, đêm ba thời. “*Lục thời*” là ngày đêm chẳng gián đoạn. Niệm Phật Đường quả thật là như vậy. Hễ mệt mỗi thì làm như thế nào? Mệt mỗi có thể nghỉ ngơi. Do vậy, bên cạnh Niệm Phật Đường có một cái đơn lớn để nghỉ ngơi. Khi nghỉ ngơi, vẫn để nguyên áo mà ngủ, không cởi ra. Sau khi tỉnh lại, ngay lập tức nhanh chóng niệm tiếp. Hễ mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi bèn lập tức vào Niệm Phật Đường niệm Phật.

(Sớ) Hậu thập cửu niên.

(疏) 後十九年。

(Sớ: Mười chín năm sau).

Mười chín năm sau.

(Sớ) Thất nguyệt hồi tịch.

(疏) 七月晦夕。

(Sớ: Đêm không trăng tháng Bảy).

“*Hồi*” (晦) là ngày Ba Mười hay Mồng Một, lúc chẳng có ánh trăng, *Vọng* (望) là ngày Rằm, ngày trăng tròn gọi là *Vọng*. *Tịch* (夕) là buổi tối.

(Sớ) Ư Bát Nhã đài, phương tòng Định khởi.

(疏) 於般若臺，方從定起。

(Sớ: Sư ở đài Bát Nhã, vừa mới xuất Định).

Đây là lúc niệm Phật, ngồi ở nơi đó, cũng có thể nhập Định, lúc xuất Định.

(Sớ) Kiến A Di Đà Phật, thân biến hư không, viên quang chi trung, vô lượng hóa Phật cập Bồ Tát chúng, thủy lưu quang minh, diễn thuyết diệu pháp.

(疏) 見阿彌陀佛，身遍虛空，圓光之中，無量化佛及菩薩眾，水流光明，演說妙法。

(Sớ: Thấy A Di Đà Phật thân đầy chát hư không, trong viên quang có vô lượng hóa Phật và các vị Bồ Tát, quang minh tràn trề, diễn thuyết diệu pháp).

Cảnh giới này hoàn toàn giống như trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài đã trông thấy. Viễn công đại sư thấy cảnh giới Tây Phương, tổng cộng đã thấy ba lần, nhưng chẳng nói với bất cứ ai. Lúc vãng sanh mới tuyên bố cùng mọi người. Niệm Phật Đường của Ngài có tất cả một trăm hai mươi ba người, họ là những người chí đồng đạo hợp, cùng nhau kết xã niệm Phật, ai nấy đều vãng sanh. Các vị như Lưu Di Dân vãng sanh trước Ngài, khi Viễn công vãng sanh, những người đã vãng sanh trước đều theo A Di Đà Phật đến đón Sư. Đã thế, còn bảo Ngài: “Chúng tôi đều theo gót Ngài, cùng lão nhân gia niệm Phật, sao Ngài về trễ thế?” Trong truyện ký Tịnh Độ có ghi chép truyện này tại rất tỉ mỉ!

(Sớ) Phật ngôn: “Ngã dĩ bổn nguyện lực cố, lai an ủy nhữ. Nhữ thất nhật hựu, đương sanh ngã quốc”. Chí kỳ, đoan tọa nhi thế.

(疏) 佛言：我以本願力故，來安慰汝，汝七日後，當生我國。至期，端坐而逝。

(Sớ: Đức Phật dạy: “Ta do bổn nguyện lực nên đến an ủi ngươi. Bảy ngày sau, ông sẽ sanh về nước ta”. Đến kỳ hạn, Sư ngồi ngay ngắn qua đời).

Đây là được thấy lần thứ ba. Bảy ngày trước hôm vãng sanh, hiện tượng lành này.

(Sớ) Thập tự giả, Tống Trường Lô Tông Trách thiên sư, Thiên Lý đồng ngộ, Tông Thuyết kiêm thông.

(疏) 十字者，宋長蘆宗蹟禪師，禪理洞悟，宗說兼通。

(Sớ: “Chữ thập”: Thiên sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, ngộ rộng rang lẽ Thiên, Tông lẫn Thuyết đều thông đạt).

Vị pháp sư này cũng rất lỗi lạc. Có rất nhiều vị thông Giáo, chẳng thông Thiên, có vị thông Thiên nhưng không hiểu Giáo. Từ xưa tới nay, Thiên lẫn Giáo đều thông không nhiều lắm! Nói theo lối thông tục, đây là bậc đại thông gia thật sự. Chỉ có thông gia thật sự mới biết cái hay của niệm Phật, mới có thể khẳng khẳng một mực niệm Phật. Vì sao? Ngài thông đạt hết thảy nên hiểu được Giáo lẫn Thiên chẳng tốt như vãng sanh [trong Tịnh Độ]! Điều này là thật, chẳng giả tí nào! Nương theo Thiên hay Giáo để tu hành, nếu muốn chứng quả, dựa theo pháp Đại Thừa để nói sẽ là chuyện trong vô lượng kiếp, trong giáo pháp Tiểu Thừa là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong đó còn bị thoái chuyển, còn bị mê khi cách ám, chẳng thể bảo đảm quý vị thuận buồm xuôi gió. Chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là thuận buồm xuôi gió, thành tựu trong một đời! Vì thế, người thật sự Tông lẫn Giáo đều thông, không ai chẳng hồi tâm Tịnh Độ. Ngài cũng là một trong số đó.

(Sớ) Nhi viễn tôn Lô phụ chi quy.

(疏) 而遠尊盧阜之規。

(Sớ: Đã tôn kính khuôn mẫu Lô Sơn từ lâu).

“Lô phụ” là quy củ Niệm Phật Đường tại Lô Sơn của Huệ Viễn đại sư, chiếu theo phương pháp ấy.

(Sớ) Kiến liên hoa thắng hội.

(疏) 建蓮華勝會。

(Sớ: Lập hội sen thù thắng).

Ngài khởi xướng một hội, mời những người chí đồng đạo họp họp lại để mọi người cùng nhau tu hành.

(Sớ) Kỳ pháp nhật niệm A Di Đà Phật, hoặc thiên thanh, vạn thanh, các w nhật hạ dĩ thập tự ký chi.

(疏) 其法日念阿彌陀佛，或千聲萬聲，各於日下以十字記之。

(Sớ: Phương pháp là hằng ngày niệm A Di Đà Phật một ngàn tiếng hoặc một vạn tiếng, mỗi người dùng chữ Thập để ghi nhớ mỗi ngày).

Đây là ký số niệm Phật (niệm Phật ghi nhớ số câu đã niệm). Mọi người cùng nhau cộng tu, nhưng mỗi cá nhân niệm nhiều hay ít do chính họ tự ấn định. Quý vị tự nguyện mỗi ngày niệm một ngàn câu, liền niệm một ngàn câu. Quý vị tự nguyện niệm một vạn tiếng, hãy niệm một vạn tiếng. Do cá nhân tự ấn định, nhưng công khóa mỗi ngày chẳng thể thiếu. Họ dùng nhật lịch, ngày đầu tiên ta phát nguyện niệm một ngàn tiếng, công khóa ngày hôm ấy niệm xong, ta bèn vạch một chữ Thập dưới ngày đó. Đây là ghi sổ. Giống như Công Quá Cách sau này, mỗi ngày ghi chép công khóa của mình chẳng hề thiếu, quý vị phát tâm niệm một vạn tiếng thì mỗi ngày niệm một vạn tiếng. Cứ niệm đủ một vạn tiếng bèn vạch một chữ Thập, vẽ ký hiệu ấy. Hằng ngày niệm theo cách như vậy. Liên hoa thắng hội được tổ chức như vậy. Chúng tôi tin tưởng người tham gia tổ chức ấy nhất định rất nhiều, vì đến đây niệm một ngàn tiếng chẳng tốn bao nhiêu thời gian, sau khi niệm xong, trở về nhà vẫn có thể làm công chuyện của họ. Không giống liên xã của Viễn Công, phải ở lại nơi ấy, ở mãi nơi đó mà niệm cho tới khi vãng sanh. Tình hình khác nhau, không phải là người thật sự phát tâm, Ngài sẽ không thâm nhận.

Thuở ấy, văn học gia Tạ Linh Vận đời Tấn, rất thân thiết với Huệ Viễn đại sư. Tạ Linh Vận muốn tham gia liên xã, nhưng Huệ Viễn đại sư không thâm nhận. Đào Uyên Minh giao tình với Ngài cũng tốt đẹp, Ngài cũng rất hoan nghênh Đào Uyên Minh tham gia liên xã, nhưng Đào Uyên Minh không chịu tham gia. Vì lẽ gì chẳng cho Tạ Linh Vận tham gia? Tập khí văn nhân quá nặng, ông ta chuộng viết văn, làm thơ phú, làm những thứ ấy; còn niệm Phật là hạ quyết tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ, cho nên ai nấy đều thành tựu. Yêu cầu của liên hoa thắng hội này cũng rất nhẹ nhàng, nếu mỗi ngày phát tâm niệm mấy vạn câu Phật hiệu, sẽ rất có khả năng thành tựu. Mỗi ngày niệm một ngàn tiếng cũng kể như khá lắm, nếu suốt đời chẳng thiếu sót, cũng chắc chắn sẽ vãng sanh.

(Sớ) Nhất tịch, mộng nhất nam tử, ô cân, bạch y, phong mạo thanh mỹ, vị Trách viết: Dục nhập công Di Đà hội, khát thư nhất danh.

(疏) 一夕，夢一男子，烏巾白衣，風貌清美，謂蹟曰：欲入公彌陀會，乞書一名。

(Sớ: Một đêm, mộng thấy một người đàn ông, khăn đen, áo trắng, phong thái, diện mạo thanh cao, đẹp đẽ, bảo ngài Tông Trách: “Tôi muốn dự vào hội Di Đà của ông, xin hãy đề một tên”).

Có một tối, Ngài nằm mộng, trong mộng thấy một nam tử; “cân” (巾) là mũ đội, [“ô cân” là] mũ màu đen, mặc áo trắng. Người này phong thái, diện mạo thanh cao, đẹp đẽ, tới nói với pháp sư anh ta muốn tham dự hội Di Đà, tham gia liên hoa thắng hội của Ngài, xin ghi danh.

(Sớ) Trách vấn công hà danh? Viết: Phổ Huệ.

(疏) 蹟問公何名? 曰: 普慧。

(Sớ: Ngài Tông Trách hỏi: “Ông tên gì?” Đáp: “Phổ Huệ”).

Pháp sư bèn hỏi anh ta: “Ông tên gì đề tôi ghi tên”. Anh ta đáp: “Phổ Huệ”.

(Sớ) Hựu vân: “Gia huynh Phổ Hiền, diệc khát đăng danh”.

(疏) 又云: 家兄普賢, 亦乞登名。

(Sớ: Lại nói: “Anh tôi là Phổ Hiền cũng xin ghi danh”).

Anh ta ghi danh xong, lại nói: Anh ta còn có một người anh tên là Phổ Hiền, cũng ghi danh. Nói xong, không thấy đâu nữa!

(Sớ) Trách giác nhi ngữ chư tôn túc.

(疏) 蹟覺而語諸尊宿。

(Sớ: Ngài Tông Trách tỉnh giấc, kể với các tôn túc).

Hôm sau, pháp sư đem cảnh giới trong mộng kể với những bậc trưởng thượng đức cao, tuổi trọng.

(Sớ) Giai vân Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, hữu nhị Bồ Tát danh, nãi tri thánh hiền u tán, dĩ nhị đại sĩ thư u lục thủ.

(疏) 皆云華嚴離世間品, 有二菩薩名, 乃知聖賢幽贊, 以二大士書於錄首。

(Sớ: Họ đều nói trong phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy, bèn biết là thánh hiền ngậm tán dương, bèn đề tên hai vị đại sĩ ở đầu sớ [công cứ]).

Mọi người suy nghĩ, hai vị này là hai vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, tức Phổ Hiền Bồ Tát và Phổ Huệ Bồ Tát. Bồ Tát cũng tới tham gia hội này, cho nên ghi tên Phổ Hiền và Phổ Huệ vào vị trí thứ nhất và thứ hai. Đó là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Chiêu đại giả.

(疏) 昭代者。

(Sớ: Hiện thời...)

“Chiêu đại” là hiện thời. Phía trên là nói về quá khứ, nói trong lúc “hiện tại” tức là nói trong thuở ấy, tức là nói về thời đại của Liên Trì đại sư, những năm cuối dưới đời Minh.

(Sớ) Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong đẳng, giai cận thế cao tăng, độc tín tinh tu, thất hưu tiên cổ, tương tục bất tuyệt, sảo tường Vãng Sanh Tập trung. Cái thiên vạn trung, kỷ kỳ nhất nhị nhi dĩ.

(疏) 如西齋、空谷、天奇、毒峰等，皆近世高僧，篤信精修，匹休前古，相續不絕，稍詳往生集中。蓋千萬中，紀其一二而已。

(Sớ: Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong v.v... đều là những bậc cao tăng trong thời cận đại, lòng tin chuyên dốc, tu hành thuần nhất, tốt lành sánh ngang cổ nhân, nói tiếp chẳng dứt. Những chuyện được kể khá tường tận trong Vãng Sanh Tập chỉ là ghi chép một hai trường hợp trong ngàn vạn trường hợp mà thôi!)

Thiền sư Sở Thạch Kỳ có Tây Trai Tịnh Độ Thi, sách Tịnh Độ Thập Yếu có sưu tập sách này, toàn là thơ ca ngợi Tịnh Độ. Thiền sư Không Cốc Long có một tác phẩm chuyên khuyên tu Tịnh Độ mang tên Không Cốc Tập, trong Vạn Tục Tạng có sưu tập. Thiền sư Thiên Kỳ có Quỳnh Tuyệt Tập, thiền sư Độc Phong Thiện có Ngũ Lục để lại cho

người đời sau. Những vị này đều sống vào cuối đời Minh, đều là những vị rất có thành tựu trong Phật môn. Hơn nữa, những vị này trước đó tu Thiền, là những người sau khi đã thành tựu kha khá trong nhà Thiền, quay trở lại niệm Phật, đều là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Trong Vãng Sanh Truyện có truyện ký của họ. Những chuyện này quả thật nói mãi chẳng hết, quá nhiều! Ở đây chỉ có thể nêu lên vài vị để khuyên lơn, khích lệ mà thôi.

(Huyền Nghĩa) Chí ư cảm hộ.

(玄義) 至於感護。

(Huyền Nghĩa: Còn như cảm ứng, hộ trì).

“Cảm” là cảm ứng, “hộ” là hộ trì.

(Huyền Nghĩa) Tác túc oán đắc độ, ác quỷ bất xâm, linh ứng tác cổ mục trùng minh, phu tù thoát nạn.

(玄義) 則宿冤得度, 惡鬼不侵, 靈應則瞽目重明, 俘囚脫難。

(Huyền Nghĩa: Thì oán thù đời trước được độ thoát, ác quỷ chẳng xâm hại, linh ứng thì như mắt mù sáng lại, tù nhân thoát nạn).

Ở đây cũng nêu ra mấy câu chuyện.

(Sớ) Oán độ giả.

(疏) 冤度者。

(Sớ: Độ kẻ oán).

Oán quỷ lẫn quân bên thân, niệm Phật có thể độ họ. Hiện thời, tình hình này trong thế gian rất nhiều, nhưng người ta không tin, như vậy là chẳng có cách nào hết! Nếu thật sự tin tưởng, nhất tâm niệm Phật, những oán quỷ chắc chắn sẽ rời khỏi.

(Sớ) Đường Thiệu Bưu, Trấn Giang nhân.

(疏) 唐邵彪, 鎮江人。

(Sớ: Đời Đường, Thiệu Bưu là người xứ Trấn Giang).

Đây là chuyện của người đời Đường, xảy ra tại Trần Giang, tỉnh Giang Tô.

(Sớ) *Vi chư sanh thời.*

(疏) 為諸生時。

(Sớ): *Lúc còn là chư sanh).*

“Chư sanh” là Tú Tài, khi đậu Tú Tài.

(Sớ) *Mộng chí nhất công phủ.*

(疏) 夢至一公府。

(Sớ): *Mộng đến một công thự).*

Mộng đến một nha môn.

(Sớ) *Chủ giả vấn: “Nhữ tri sở dĩ bất đệ phủ?”*

(疏) 主者問汝知所以不第否。

(Sớ): *Viên trưởng quan hỏi: “Người có biết sao thi chẳng đậu hay chẳng?”)*

Ông ta là Tú Tài, khi Tú Tài đi thi tiếp mà đậu sẽ thành Cử Nhân. Hằng năm cứ rớt mãi, chẳng đậu! Mộng tới nha môn, có người hỏi ông ta: “Người có biết vì lẽ gì thi chẳng đậu hay chẳng?”

(Sớ) *Buru đối bất tri.*

(疏) 彪對不知。

(Sớ): *Thiệu Buru đáp: “Không biết!”)*

Ông ta thưa: “Tôi chẳng biết!” .

(Sớ) *Nhân sử nhân dẫn Buru tiền hành.*

(疏) 因使人引彪前行。

(Sớ): *Do vậy, sai người dẫn ông Buru tiến lên trước).*

Cho ông ta thấy nhân quả báo ứng.

(Sớ) Kiến đại hoạch trung.

(疏) 見大鑊中。

(Sớ: Thấy trong chiếc vạc lớn).

“Hoạch” là cái chảo lớn. Thấy trong chảo...

(Sớ) Hữu cáp lý tác nhân ngữ, hô Bru danh.

(疏) 有蛤蜊作人語，呼彪名。

(Sớ: Thấy sò nói tiếng người, gọi tên ông Bru).

Đại khái là ông ta thường ưa ăn đồ biển tươi, ăn quá nhiều! Những con sò ấy đều gọi tên ông ta, chẳng hề quên mất. Quý vị hãy suy nghĩ: Nếu ăn những món còn sống, nó sẽ biết tên quý vị là gì. Hiện tại, chúng nó không có cách nào phản kháng, không có sức báo cừ, đợi có dịp, nó sẽ chẳng tha quý vị. Chuyện này rất phiền! Nếu thấy những chuyện này nhiều hơn, quý vị sẽ chẳng dám ăn nữa!

(Sớ) Bru bố.

(疏) 彪怖。

(Sớ: Thiệu Bru sợ hãi).

Thấy trước đây mình đã ăn những thứ này, nay mỗi con sò đều nhớ, món nợ này phải trả, Thiệu Bru kinh hoảng!

(Sớ) Toại niệm A Di Đà Phật.

(疏) 遂念阿彌陀佛。

(Sớ: Bèn niệm A Di Đà Phật).

Do vậy bèn lớn tiếng niệm A Di Đà Phật.

(Sớ) Cáp lý biến hoàng tước phi khứ.

(疏) 蛤蜊變黃雀飛去。

(Sớ: Sò biến thành chim sẻ bay đi mất).

Vừa niệm A Di Đà Phật, những con sò ấy đều được siêu độ.

Chúng nó nghe Phật hiệu đều được siêu độ, biến thành chim sẽ bay đi. Chắc có người muốn hỏi: Những con sò ấy có đều vãng sanh hay chẳng? Chưa chắc, nhưng có thể từ súc sanh vượt thoát lên nhân đạo; nếu công lực lớn hơn, có thể siêu độ chúng tới thiên đạo.

(Sớ) *Buru hậu cập đệ, quan chí An Phủ Sứ.*

(疏) 彪後及第, 官至安撫使。

(Sớ: Về sau, Thiệu Buru thi đỗ, làm quan tới chức An Phủ Sứ¹³⁰).

Nhân duyên này cũng chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thiện căn trong đời quá khứ; nếu không, làm sao ông ta mộng thấy cảnh giới này mà niệm Phật? Đây là “*túc oán đắc độ*”.

(Sớ) *Quy khước giả.*

(疏) 鬼卻者。

(Sớ: Quỷ thoái lui).

Đây là giải thích chuyện ác quỷ chẳng xâm phạm.

(Sớ) *Phật thế.*

(疏) 佛世。

(Sớ: Thời đức Phật).

Đây là một câu chuyện trong kinh điển.

(Sớ) *Hữu nhất quốc lân w La Sát.*

¹³⁰ An Phủ Sứ, còn gọi là Kinh Lược Sứ, Tuyên Phủ Sứ, hay Tuyên Úy Sứ, được thiết lập từ đời Tùy, là mệnh quan do triều đình phái đi tuần sát các quan chức tại các địa phương. Về sau, chức vụ này thường là một võ quan cao cấp. Đến đời Tống, do chủ trương trung ương tập quyền, các chức vụ Tiết Độ Sứ, Quán Sát Sứ đều phế bỏ, chức Tri Châu trực thuộc triều đình. Do phạm vi quản trị của Tri Châu quá nhỏ, triều đình phải phái mệnh quan triều đình đi làm An Phủ Sứ coi sóc những khu vực lớn hơn. Đến đời Nam Tống, An Phủ Sứ được gọi là Kinh Lược An Phủ Sứ, có quyền hạn khá lớn. Đến đời Nguyên, chức An Phủ Sứ quản trị một Lộ, tức tương đương với Tỉnh Trưởng sau này.

(疏) 有一國鄰於羅刹。

(Sớ: Có một nước ở gần chỗ quỷ La Sát).

Ở gần xứ quỷ La Sát.

(Sớ) La Sát thực nhân vô độ.

(疏) 羅刹食人無度。

(Sớ: La Sát ăn thịt người không biết bao nhiêu).

La Sát ăn thịt người, lại còn ăn rất nhiều!

(Sớ) Vương ước: “Tự kim quốc trung, gia dĩ nhất nhân, thứ đệ tổng dữ, vật đắc uống sát!”

(疏) 王約：自今國中，家以一人，次第送與，勿得枉殺。

(Sớ: Vua bèn ước hẹn với quỷ: “Từ nay trở đi, mỗi nhà trong nước sẽ theo thứ tự cống nạp một người cho người, đừng giết chóc bừa bãi!”)

Quốc vương hết cách, đấu với hắn không lại, mong quỷ La Sát đừng giết người bừa bãi. Mỗi nhà dân trong nước này sẽ thay phiên mỗi ngày dâng một người cho La Sát ăn, chớ nên nhiều loạn khiến mọi người chẳng an ổn! La Sát cũng đồng ý.

(Sớ) Hữu phụng Phật gia, chỉ sanh nhất tử, thứ đệ sung hành, phụ mẫu ai hào, chúc linh chí tâm niệm Phật.

(疏) 有奉佛家，只生一子，次第充行，父母哀號，囑令至心念佛。

(Sớ: Có một nhà thờ Phật, chỉ sanh được một trai, theo thứ tự phải dâng nạp, cha mẹ đau đớn khóc lóc, dặn dò con hãy chí tâm niệm Phật).

Có một hôm luân phiên tới một nhà nọ chỉ có một con duy nhất, đưa bé ấy chẳng thể không đi. Cả nhà đều niệm Phật, cha mẹ dặn con hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Dĩ Phật oai lực, quỷ bất đắc cận.

(疏) 以佛威力，鬼不得近。

(Sớ: Do oai lực của Phật, quỷ chẳng tới gần được).

Vì đưa bé niệm Phật, niệm suốt đêm đến hừng đông, quỷ La Sát chẳng thể đến gần!

(Sớ) Minh thần vãng thị, kiến tử thượng tại.

(疏) 明晨往視，見子尚在。

(Sớ: Sáng hôm sau, cha mẹ ra xem, thấy con vẫn còn sống).

Hôm sau, [cha mẹ thấy] đưa bé vẫn còn sống, quỷ La Sát chẳng bắt được!

(Sớ) Tương chi nhi hoàn, tự thị La Sát chi hoạn toại tức.

(疏) 將之而還，自是羅刹之患遂息。

(Sớ: Dẫn con trở về, từ đấy, nạn La Sát bèn chấm dứt).

Từ đấy trở đi, quỷ La Sát chẳng còn tới nhiễu loạn ở nơi ấy nữa. La Sát là quỷ ăn thịt người, hễ niệm Phật, nó sẽ chẳng dám gây hại. Đây là một câu chuyện trong kinh Phật.

Trong bút ký của cư sĩ Đinh Phước Bảo có chép một chuyện vào đầu thời Dân Quốc. Có một người buôn bán, cùng kinh doanh chung với bạn bè. Khi lên thuyền, người bạn không cẩn thận, rớt xuống sông chết đuối. Sau khi trở về, vợ người bạn rất hoài nghi: “Gã này ham tiền hại mạng!” Ông ta chịu oan, không có cách nào biện bạch, cũng không có cách nào chứng minh. Quý ấy sau khi chết vẫn thường đến gặp ông ta, bạn bè thân thiết mà! Ông ta cũng chẳng sợ, còn bày rượu và thức ăn đãi quý. Ông thường tán chuyện với quý, bảo quý: “Người nhà ông thường nghi ngờ ta”. Quý nói không sao, sau này sẽ từ từ hòa giải với họ. Có một hôm, ông ta niệm Phật, quý bảo: “Ông đừng niệm”. Ông ta hỏi: “Vì sao?” Quý nói: “Khi ông niệm, tôi chẳng dám tới gần ông”. Ông ta nghe lời ấy, bèn lớn tiếng niệm, niệm nhiều hơn, quý chạy mất. Ông ta mới hiểu niệm Phật có lợi ích như thế; về sau, xuất gia, chuyên môn niệm Phật. Niệm Phật có sức mạnh lớn như thế đó! Quý chẳng dám tiếp cận. Do vậy, người niệm Phật điều gì cũng chẳng sợ, bất luận cảnh giới nào,

chỉ cần định cái tâm, vọng niệm gì cũng chẳng màng, nhất tâm niệm Phật, hết thầy yêu ma quỷ quái đều chẳng đến gần bên thân!

(Sớ) Mục minh giả.

(疏) 目明者。

(Sớ: Mắt sáng).

Đây cũng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Tống Sùng thị nữ, song cổ.

(疏) 宋崇氏女，雙瞽。

(Sớ: Đòi Tống, cô gái họ Sùng, hai mắt đều mù).

Hai con mắt đều mù.

(Sớ) Niệm Phật tam niên, tinh cần bất thể, song mục trùng minh như cổ.

(疏) 念佛三年，精勤不替，雙目重明如故。

(Sớ: Niệm Phật ba năm, chuyên tinh, siêng năng, chẳng thay đổi chí, hai mắt bèn sáng lại như cũ).

Mù là do nghiệp chướng, niệm Phật có thể tiêu nghiệp chướng, nhất là chí thành niệm Phật, thành tâm thành ý niệm suốt ba năm. Tinh chuyên, siêng năng, chẳng đổi chí, chẳng giải đãi! Nghiệp chướng tiêu trừ, hai mắt khôi phục. Hết thầy bệnh khổ, thành tâm thành ý niệm Phật, sẽ đều có cảm ứng. Vì thế, người thật sự niệm Phật có bệnh, không nên kiếm bác sĩ, mà hãy nhất tâm niệm Phật, nghiệp chướng tiêu trừ sẽ lành bệnh. Nếu nghiệp chướng chẳng tiêu, bèn niệm Phật vãng sanh.

Thế giới này có gì tốt lành để lưu luyến? Khăng khăng một mực, niệm Phật mới có cảm ứng. Niệm Phật chẳng có cảm ứng là do tham cầu thế gian này, vẫn chưa nỗ lực, ngoài miệng bảo ta niệm Phật muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tâm vương vấn thế gian này, không chịu đi. Tâm chẳng chân thành, niệm Phật cũng chẳng có cảm ứng, niệm Phật hiệu mà tai nạn cũng không tiêu, bệnh cũng chẳng lành. Cứ khăng khăng một mực niệm, sẽ có thể tiêu tai, có thể lành bệnh, có thể vãng sanh, tinh thuần, siêng năng thì sẽ có thể đạt được!

Do vậy, tin Phật không dễ dàng! Thông thường, người ta tin Phật, nhưng bán tín bán nghi, chẳng phải là khăng khăng một mực tin Phật.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Khăng khăng một mực tin tưởng sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!
Ngày hôm nay chúng ta giảng tới đây.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Quyển III hết

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”